

BỘ SÁCH ĐÚNG ĐẦU NHỊ THẬP TỬ SỬ

Với hơn 200 hình vẽ, cách trình bày sinh động, độc đáo, bố cục hợp lý, giúp bạn đọc hiểu trực quan hơn về lịch sử Trung Quốc.

SỬ KÝ Tư Mã Thiên

Dịch giả: Phạm Hồng

BỘ SỬ
có một không hai,
là một tập
LY TAO
không vãn



史記
司馬遷

SỬ KÝ TƯ MÃ THIÊN

Dịch giả:

Nhữ Thành (Phan Ngọc)

Nguồn:

Vnthuquan

Đánh máy:

Mickey, TSAH, Chieu Phu, Thanh Loan

Soạn eBook (04/05/10) : N.Q.S

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

MỤC LỤC:

LỜI GIỚI THIỆU

I. CON NGƯỜI

II. TÁC PHẨM

III. TƯ TƯỞNG

IV. NGHỆ THUẬT

[01] THÁI SỬ CÔNG tư đề tựa

[02] Thư trả lời NHÂM AN

[03] TÀN THỦY HOÀNG bản kỹ

[04] HANG VŨ bản kỹ

[05] CAO TÔ bản kỹ

[06] LŨ HẬU bản kỹ

[07] BÌNH CHUẨN THU

[08] KHÔNG TỬ thế gia

[09] VIỆT VƯƠNG CÂU TIỀN thế gia

[10] TRẦN THIỆP thế gia

[11] LƯU HẬU thế gia

[12] TRẦN THỪA TƯỚNG thế gia

[13] TÔN TỬ, NGÔ KHÔI liệt truyện

[14] Truyện LÃO TỬ

[15] Truyện TRẠNG TỬ

[16] THÂN BÁT HẠI, HÀN PHI liệt truyện

[17] TỬ MÃ NHƯNG THU liệt truyện

[18] NGŨ TỬ TỬ liệt truyện

[19] THƯƠNG QUÂN liệt truyện

[20] Truyện TÔ TÀN

[21] Truyện TRƯƠNG NGHI

[22] MANH TỬ, TUÂN KHANH liệt truyện

[23] BÌNH NGUYÊN QUÂN, NGU KHANH liệt truyện

[24] NGUY CÔNG TỬ liệt truyện

[25] PHẠM THU, THÁI TRẠCH liệt truyện

[26] NHẠC NGHI liệt truyện

[27] LIÊM PHA, LAN TƯƠNG NHƯ liệt truyện

[28] ĐIỀN ĐÀN liệt truyện

[29] KHUÁT NGUYỄN liệt truyện

[30] Truyện LÃ BÁT VI

[31] THÍCH KHÁCH liệt truyện

[32] LÝ TỬ liệt truyện

[33] TRƯƠNG NHỈ, TRẦN DƯ liệt truyện

[34] KINH BỐ liệt truyện

[35] HOÀI ÂM HẬU liệt truyện

[36] LỊCH SINH, LỤC GIẢ liệt truyện

[37] QUÝ BỐ, LOAN BỐ liệt truyện

[38] TRƯƠNG THÍCH CHI, PHÙNG ĐƯỜNG liệt truyện

[39] NGUY KỶ, VŨ AN HẬU liệt truyện

[40] LÝ TƯỚNG QUÂN liệt truyện

[41] NAM VIỆT ÚY ĐÀ liệt truyện

[42] CẤP ẨM liệt truyện

[43] DU HIỆP liệt truyện

[44] HOẠT KÊ liệt truyện

HÓA THỰC liệt truyện

LỜI GIỚI THIỆU

Đối với văn hoá thế giới, quyền sử ký của Tư Mã Thiên chiếm một địa vị đặc biệt. Nó là công trình sử học lớn nhất của Trung quốc và là một trong những quyền sử có tiếng nhất của thế giới. Nhưng còn một điều làm chúng ta ngạc nhiên hơn là công trình khoa học lớn lao ấy đồng thời lại là một trong những tác phẩm văn học ưu tú của nhân loại. Người Trung hoa xem nó là tác phẩm lớn nhất về văn xuôi trong nền văn học cổ Trung quốc, và xem nó là tác phẩm cổ điển ngang hàng với thơ của Đỗ Phủ.

Sử ký là cả một thế giới. Nó làm thoả mãn tất cả mọi người. Người nghiên cứu sử tìm thấy ở đây một kho tài liệu vô giá, chính xác, với giá trị tổng hợp rất cao. Nhà nghiên cứu tư tưởng tìm thấy qua Sử ký "một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất của thời cổ đại" [*Bách khoa toàn thư xô-viết, mục: Sử ký.*]. Người bình thường tìm thấy vô số những hình tượng điển hình, những câu chuyện hấp dẫn, những con người đầy sức sống mãnh liệt. Họ thấy quá khứ sống lại và không phải chỉ có thế. Người nghiên cứu văn học còn tìm thấy ở đây một tác phẩm văn học, mãi mãi tươi trẻ như sự sống, họ thấy ở đây một tâm hồn, một tâm sự đau xót đầy sức mạnh của thơ trữ tình, "một tập Ly tao không vãn" như lời đánh giá của Lỗ Tấn.

I. CON NGƯỜI

Tư Mã Thiên, tên tự là Tử Trường, sinh năm 145 trước Công nguyên, ở Long Môn hay là huyện Hàn Thành, tỉnh Thiểm Tây. Tổ tiên của ông từ đời Chu đã làm Thái sử. Đến đời cha của ông là Tư Mã Đàm làm thái sử lệnh của nhà Hán. Đàm là một người học rất rộng, rất thích học thuyết Lão Trang. Chức sử quan ngoài việc chép sử còn coi thiên văn, làm lịch, bói toán.

"Nghề viết văn, viết sử, xem sao, xem lịch thì cũng gần với bọn thầy bói, thầy cúng. Chúa thượng vẫn đùa bỡn nuôi như bọn con hát, còn thế tục vẫn coi thường". Tuy vậy, Tư Mã Đàm vẫn thấy cái nghề của mình cao quý, vì ông biết nó có tác dụng to lớn đối với sự thịnh suy, hưng vong của một nước. Trong các sử quan đời trước, cũng có những người dám hy sinh đời mình để viết sự thật, dù sự thật ấy làm vua chúa tức giận. Chẳng hạn khi Thôi Trữ giết vua Tề, thì quan thái sử nước Tề viết: "Thôi Trữ giết vua của mình là Trang Công". Quan thái sử bị giết, người em lên thay vẫn viết như vậy, nên bị giết luôn. Ngay lúc đó, người em thứ ba xin lên thay không thêm bớt một chữ. Thôi Trữ sợ không dám giết. Khổng Tử làm kinh Xuân Thu cũng là chép lại những sự thực lịch sử cốt để "chép thiên tử, ức chế chư hầu, phạt tội các đại phu, nêu rõ vương đạo".

Tư Mã Thiên sống thời thơ ấu ở Long Môn, cày ruộng, chăn cừu, làm bạn với những người nông dân bình thường, và học các sách sử cổ. Lên mười tuổi, ông đã học Tả Truyện, Quốc Ngữ, Thế bản và thuộc lòng hầu hết những bài văn nổi tiếng của thời trước.

Tư Mã Đàm hết sức chú ý đến việc giáo dục con. Năm Tư Mã Thiên hai mươi tuổi, ông bảo con lên đường đi du lịch để xem tận mắt những nơi sau này Tư Mã Thiên sẽ phải viết sử. Tư Mã Thiên trước tiên đi về nam đến Trường Giang, vượt sông Hoài, sông Tứ, thăm một mẹ Hàn Tín, đoạn lên núi Cối Kê xem nơi vua Hạ Vũ triệu tập chư hầu, vào hang Vũ Động tìm di tích vua Vũ. Ở Cối Kê ông đã nghe những chuyện kể về vua Việt, Câu Tiễn. Ông lên Cô Tô tìm di tích Ngũ Tử Tư, đi thuyền trên Thái Hồ sưu tầm truyền thuyết về Tây Thi, Phạm Lãi. Sau đó, ông đi ngược lên Trường Sa, đến bến Mịch La khóc Khuất Nguyên, đến sông Tương trèo lên núi Cửu Nghi nhìn dấu vết mộ vua Thuấn, và khảo sát những tục cũ từ thời Hoàng Đế. Ông lên miền Bắc vượt sông Vân, sông Tử đến nước Tề, nước Lỗ, bồi hồi nhìn lăng miếu của Khổng Tử, say sưa nghe nhân dân kể chuyện Trần Thiệp, đến đất Tiết thăm hỏi di tích của Mạnh Thường Quân, lên Bành Thành quê hương Lưu Bang, để tìm hiểu rõ thời niên thiếu của những con người đã dựng nên nhà Hán. Ông sang nước Sở thăm đất phong của Xuân Thân Quân, đến nước Ngụy hỏi chuyện Tín Lăng Quân rồi trở về Trường An. Sau chuyến đi ấy kéo dài ba năm, ông còn đi những chuyến khác cũng

để tìm tài liệu. Trong thời xưa, việc đi lại rất khó khăn, trên đường giặc cướp rất nhiều, những nhà du thuyết có bôn ba từ nước này sang nước khác thì cũng chỉ ở trong một địa bàn rất hẹp, chứ chưa có ai vì mục đích khoa học mà lại đi xa như vậy. Có thể nói từ miền Quảng Đông, Quảng Tây, còn từ Vân Nam, Tứ Xuyên cho đến Vạn Lý Trường Thành, ở đâu cũng có vết chân của ông. Ông là một trong những nhà du lịch lớn nhất của Trung Cổ.

Những cuộc du lịch đã cung cấp cho ông vô số tài liệu, truyền thuyết, giúp ông thấy được thái độ của nhân dân đối với những nhân vật, những biến cố lịch sử và cho ông rất nhiều chi tiết điển hình về đời sống từng người trong lúc còn hàn vi.

Chính những cuộc "đi chơi" như vậy đã làm cho Tư Mã Thiên thấy cái bao la hùng vĩ của đất nước, có được một ý thức sâu sắc về sự vĩ đại của tổ quốc, về tất cả mọi mặt để thành nhà sử gia vĩ đại của cả một dân tộc. Mã Tồn một văn sĩ đời sau nói, "Muốn học cái văn của Tư Mã Tử Trường thì trước tiên phải học cái chơi của Tử Trường". Câu nói đó không phải là quá đáng.

Sau lúc đi du lịch về, ông làm lang trung. Lang trung là chức quan nhỏ có trách nhiệm bảo vệ nhà vua khi đi ra ngoài. Trong thời gian ấy, ông biết Lý Lăng cùng làm lang trung như ông, và thường gặp Lý Quảng.

Năm 110 trước Công Nguyên, Vũ Đế chuẩn bị làm lễ phong thiên ở Thái Sơn, Tư Mã Đàm trên đường đi theo nhà vua, mắc bệnh nặng, cầm tay con khóc mà dặn rằng: -Tổ ta đời đời làm sử quan. Sau khi ta chết đi, thế nào con cũng nối nghiệp ta làm thái sử. Khi làm thái sử chớ quên những điều ta muốn bàn, muốn viết ... Hiện nay bốn biển một nhà, vua sáng tôi hiền, ta làm thái sử mà không chép được rất lấy làm xấu hổ. Con hãy nhớ lấy!

Ông khóc mà vâng lời.

Ba năm mãn tang, ông thay cha làm thái sử lệnh (-108) chuẩn bị viết bộ Sử ký, thực hiện cái hoài bão lớn nhất của người cha, đồng thời là điều mong ước duy nhất của mình. Từ -106, ông không giao tiếp với khách khứa, bỏ cả việc nhà, ngày đêm miệt mài biên chép. Như thế được bảy năm thì xảy ra cái vạ Lý Lăng.

Năm 99 trước Công Nguyên, Vũ Đế sai Lý Quảng Lợi cầm ba vạn quân đánh Hung Nô. Bấy giờ Lý Lăng, cháu của danh tướng Lý Quảng, cầm năm ngàn quân vào biên giới Hung Nô. Bị tám vạn quân Hung Nô bao vây. Lăng chỉ huy cuộc chiến đấu suốt mười ngày liền, giết hơn vạn quân địch. Nhưng cuối cùng vì cách xa biên giới, bị chặn mất đường về, quân sĩ chết hầu hết, mệt mỏi không còn sức chiến đấu, Lăng phải đầu hàng. Vũ Đế nổi giận muốn giết cả nhà Lăng, quần thần đều hòa theo ý nhà vua. Thiên biết Lăng từ hồi hai người còn làm lang trung, tuy không đi lại chơi bởi, nhưng mền

phục Lăng là người can đảm có phong thái của người quốc sĩ, nên tâu: -Lý Lăng mang năm nghìn quân thâm nhập vào nước địch, đánh nhau với quân địch mạnh, luôn mười ngày liền, giết và làm bị thương vô số. Vua tôi Thuyền Vu sợ hãi, đem tất cả kỵ binh toàn quốc bao vây. Lăng một mình hăng hái chiến đấu ở ngoài ngàn dặm, tên hết, đường về bị cắt, cứu binh không đến, người chết và bị thương chồng như núi, nhưng nghe Lý Lăng hô hào, binh lính đều phấn chấn vượt máu, chảy nước mắt giờ nắm tay không, xông vào mũi nhọn cùng Hung Nô quyết chiến. Thần cho rằng Lý Lăng có thể sánh với những danh tướng ngày xưa. Nay tuy thất bại, nhưng xem ông ta còn muốn có cơ hội báo đáp nước nhà.

Ông hy vọng lời nói của mình có thể giảm nhẹ tội Lý Lăng, không ngờ Vũ Đế càng giận, cho ông cố ý đề cao Lăng để chê Lý Quảng Lợi nhút nhát không lập nên công lao gì, mà Quảng Lợi lại là anh của Lý phu nhân rất được nhà vua yêu quý. Vũ Đế bèn sai bắt giam Tư Mã Thiên giao cho Đỗ Chu xét xử.

Nhân vật Đỗ Chu đã được Thiên nói đến trong Khốc lại truyện. Có người trách y, "Ông thay nhà vua coi pháp luật, tại sao không căn cứ vào pháp luật mà xét, trái lại chỉ lo chịu theo ý nhà vua"? Đỗ Chu đáp: "Luật lệnh ở đâu mà ra? Chẳng phải do nhà vua mà ra đó sao?" Gặp phải bọn quan lại như vậy, cố nhiên ông không có cách nào khỏi tội.

Bấy giờ có phép lấy tiền chuộc tội. Chỉ cần năm mươi vạn đồng tiền là chuộc được tội chết. Trong bức thư ông viết sau này cho Nhâm An, một người bạn cũ sắp bị chém, một người cùng chung cảnh ngộ (Xem thư trả lời Nhâm An). Ông đã kể lại nỗi cay đắng của mình. Nhà ông nghèo, ông mãi mê theo đuổi sự nghiệp của mình quên cả gia sản, nên không sao chuộc được tội. Bạn bè, thân thích, không ai nói hộ một lời, không ai giúp cho một đồng. Kết quả, con người ngang tàng, hai mươi ba tuổi đầu đi khắp Trung quốc, nhà học giả lớn nhất của thời đại, con người ôm cái hoài bão làm Chu Công, Khổng Tử, cuối cùng bị khép vào tội "coi thường nhà vua", và bị thiến!

Đã mấy lần uất ức quá, ông nghĩ đến việc tự vẫn. Nhưng ông thấy rằng nếu chết đi thì chẳng ai khen mình là tử tiết, mà thế tục sẽ bảo đó là vì xấu hổ mà tự sát. Và chẳng, sự nghiệp chưa tròn, Sử ký còn dở dang, lời dặn của cha còn đó. Ông gạt nước mắt, nói, "Người ta ai cũng có một lần chết, có cái chết nặng như Thái Sơn, có cái chết nhẹ như lông hồng", và cố gắng gượng sống.

Cái ấn tượng nhục nhã, cô độc theo dõi ông cho đến khi chết. Mỗi khi nghĩ đến cái nhục bị hình phạt, mồ hôi vẫn cứ đầm lưng ướt áo! Nhưng ông không vì thế mà chán nản. Trái lại, ông càng tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống. Ông thấy rõ hình phạt đó là một thử thách đối với những "người trác việc phi

thường". Ông càng thấy cần phải viết "cho hả điều căm giận". Và chính cái hình phạt nhục nhã ấy đã làm cho ông hiểu rõ cái mặt trái của xã hội phong kiến và dũng cảm đứng về phía nhân dân. Ông trở thành nhà sử gia vĩ đại của một nhân dân vĩ đại.

Quyển Sử ký trước kia là ý nghĩa của đời ông, bây giờ còn là nơi ông giải bày nỗi lòng uất ức. Càng cảm thấy nhục nhã, ông càng thấy thiết tha với công việc, đem cả tâm huyết gửi vào cái tác phẩm vĩ đại, hy vọng rằng dù mình tàn phế, bị ô nhục, nhưng quyển sách kia sẽ thay mình nói với cuộc đời.

Ở ngục ra, ông được làm trung thư lệnh. Đó là một chức quan to, ở gần vua, được ra vào cung cấm, xem tất cả các tài liệu mật. Tuy ở chức quan cao như vậy, nhưng ông chỉ cảm thấy xấu hổ vì đó là chức quan chỉ dành cho những hoạn quan.

Hiện nay người ta vẫn chưa biết ông mất vào năm nào. Người ta chỉ biết ông viết bức thư trả lời cho Nhâm An năm ông 53 tuổi (-93), và sau đó không có những tài liệu gì về ông. Theo Vương Quốc Duy trong Thái sử công hành niên khảo có lẽ ông mất năm 60 tuổi (-86) cùng một năm với Vũ Đế.

Quyển Sử ký như tác giả nó nói, không phải viết ra để mưu danh tiếng trước mắt. Sau khi ông chết, cũng không mấy ai biết đến nó. Quyển này được cất kỹ mãi đến thời cháu ngoại của ông là Dương Vận, thời Tuyên Đế mới được công bố.

Ngoài Sử ký, ông còn làm một công việc khác cũng rất quan trọng. Năm -104, ông cùng Công Tôn Khanh Hồ Toại sửa lại lịch cũ, chế định Hán lịch. Âm lịch còn dùng đến ngày nay là công trình của nhóm này, trong đó ông đóng vai trò chủ chốt.

II. TÁC PHẨM

- [1. Sử ký](#)
- [2. Biểu](#)
- [3. Thư](#)
- [4. Thế gia](#)
- [5. Liệt truyện](#)

1. Sử ký

Sử ký là một tác phẩm đồ sộ, tất cả 52 vạn chữ, 130 thiên, gồm năm phần: Bản kỷ, biểu, thư, thế gia, liệt truyện.

1. , , , , Bản kỷ - chép sự tích của các đế vương, gồm có: Ngũ đế (Hoàng đế, Chuyên Húc, Cốc, Nghiêu, Thuấn)
2. , , , , Hạ, Thương, Chu - mỗi thời đại một bản kỷ
3. , , , , Tần hai bản kỷ - một bản kỷ từ khi có nước Tần đến Tần Thủy Hoàng, một bản kỷ về Tần Thủy Hoàng.
4. , , , , Hạng Vũ
5. , , , , Các bản kỷ về nhà Hán: Cao Tổ, Lữ Hậu, Hiếu Văn, Hiếu Cảnh, Hiếu Vũ.

Tất cả có 12 bản kỷ, nhưng hiện nay thiếu mất bản kỷ Hiếu Cảnh, Hiếu Vũ. Vương Túc đời Ngụy nói, "Vũ Đế nghe nói ông ta viết Sử ký bèn lấy bản kỷ của Hiếu Cảnh và của mình xem, giận lắm vứt đi, cho nên phần này chỉ có mục đề thôi, không viết gì". Về sau Chủ Toại Lương lấy những phần này ở quyển Hán Thư của Ban Cố để điền vào cho đủ. Điều đó không phải không có lý vì Tư Mã Thiên có thái độ rất nghiêm khắc đối với các vua chúa, cũng không kiêng nể gì ông vua đang sống mà ông đã công kích mãnh liệt trong phần Phong thiện thư. Chính vì thế, Vương Doãn đời Hậu Hán gọi Sử ký là một quyển "báng thư" (một quyển sách phỉ báng). Mục đích của bản kỷ là chép lại sự việc của những người, những nước có tác dụng chi phối cả thiên hạ. Ngay ở đây, trong cách sắp đặt của ông cũng có những điều đời sau không dám nghĩ đến. Ông chép riêng lịch sử nước Tần, trước Tần Thủy Hoàng thành một bản kỷ, vì trong thời Chiến quốc, nước Tần là nước chi phối vận mệnh của tất cả các nước. Ông làm bản kỷ Lữ Hậu, mặc dầu Lữ Hậu chỉ là thái hậu chứ không trị vì trên danh nghĩa. Trái lại, ông không làm bản kỷ của Huệ Đế, mặc dù trên danh nghĩa, Huệ Đế vẫn là vua. Đó là vì, tuy Huệ Đế làm vua nhưng tất cả quyền hành đều nằm trong tay Lữ Hậu. Đặt một người đàn bà lên địa vị "kỷ cương" một nước, là điều không một sử gia nào đời sau dám làm. Táo bạo hơn, ông dành cho Hạng Vũ những trang đẹp nhất, mặc dù Hạng Vũ chưa làm đế, là kẻ thù của nhà Hán. Đó cũng là vì ông tôn trọng sự khách quan. Hạng Vũ tuy về danh nghĩa không phải là người làm chủ các chư hầu đánh lại nhà Tần (đó là địa vị của Nghĩa đế), nhưng trong thực tế, người có công lớn nhất trong việc tiêu diệt nhà Tần,

người phong đất cho chư hầu cai trị thiên hạ trong năm năm, chính là Hạng Vũ. Các bản kỷ cung cấp cho người đọc, cái nhìn khái quát về từng thời đại để sau đó đi sâu vào từng sự kiện và từng nhân vật.

2. Biểu

Để có cái nhìn đối chiếu các sự kiện hoặc căn cứ vào niên đại, hoặc căn cứ vào sự tương quan đồng thời giữa các nước, Tư Mã Thiên lập ra mười biểu gồm có:

01. , , Thế biểu thời tam đại
02. , , Niên biểu mười hai nước chư hầu.
03. , , Niên biểu sáu nước thời Chiến quốc
04. , , Nguyệt biểu những việc xảy ra thời Hán Sở.
05. , , Niên biểu các nước chư hầu từ thời Hán.
06. , , Niên biểu các công thần của Hán Cao Tổ
07. , , Niên biểu các nước chư hầu thời Huệ Đế và Cảnh Đế.
08. , , Niên biểu các nước chư hầu từ niên hiệu Kiến Nguyên.
09. , , Niên biểu các vị vương thời Vũ Đế.
10. , , Niên biểu các danh thần từ khi nhà Hán lên.

Những bản biểu là những công trình khoa học rất quý, ghi chép, năm, tháng, biến cố, giúp cho các nhà sử học hiểu được vị trí của từng sự kiện và sự tương quan của nó về thời gian cũng như về không gian với các sự kiện khác, đặc biệt ở trong một nước mệnh mông lại chia cắt phân tán như Trung quốc cổ.

3. Thư

Lịch sử một nước chủ yếu là lịch sử của những thiết chế của nó. Tư Mã Thiên nhận thấy điều đó nên viết tám "thư" dành cho tám mặt. Điều này cũng biểu hiện rằng ông có một kiến thức bách khoa. Tám thư ấy là:

1. , , , Lễ thư
2. , , , Nhạc thư
3. , , , Luật thư
4. , , , Lịch thư
5. , , , Thiên quan thư
6. , , , Phong thiện thư
7. , , , Hà cừ thư
8. , , , Bình chuẩn thư

Phần này rất quý về mặt nghiên cứu. Tác giả nêu rõ sự biến đổi, những công hiến về lễ, nhạc, luật lệ, việc làm lịch, thiên văn, ... qua các thời đại. Điều làm chúng ta hết sức ngạc nhiên là ông có những hiểu biết chính xác về

mọi mặt và ở đâu ông cũng có những nhận xét tổng quát rất thấu đáo. Thiên "Phong thiện thư", nói về những mê tín, cúng tế, của vua chúa với một giọng châm biếm chua chát. Thiên "Hà cừ thư" nói về các con sông đào ở Trung quốc. Thiên "Bình chuẩn thư" nói về kinh tế. Những thiên này viết chính xác đến nỗi người đời sau thường dựa vào đó để đính chính những sai sót trong các sách cổ, nói về những thiết chế xã hội. Chúng làm ta thấy tác giả có một cái nhìn duy vật vào lịch sử và thấy tầm quan trọng của những sự kiện kinh tế, khoa học, văn hoá đối với lịch sử một nước. Rất tiếc vì phạm vi quyển tuyển tập hạn chế, chỉ có thể giới thiệu được thiên "Bình chuẩn thư", và do đó, không thể nào nêu lên được một cái nhìn toàn diện của một bộ óc vĩ đại.

4. Thế gia

Phần thế gia bao gồm 30 thiên, chủ yếu nói đến lịch sử các chư hầu, chẳng hạn các nước Tề, Lỗ, Triệu, Sở, ... Những người có địa vị lớn trong quý tộc như các thái hậu, những người được phong một nước như Chu Công, Thiệu Công, và những người có công lớn như Trương Lương, Trần Bình, ... Đáng chú ý nhất là tác giả xếp vào thế gia hai người thường dân không hề có một tác đất phong. Đó là Không Tử, một người có địa vị đặc biệt trong lịch sử tư tưởng của Trung quốc, và Trần Thiệp, anh chàng cố nông đã cầm đầu cuộc nông dân khởi nghĩa đầu tiên của lịch sử dân tộc Hán. Cách nhìn như vậy chứng tỏ một tầm con mắt khác thường.

5. Liệt truyện

Danh từ này do chính tác giả đặt ra. Phần này gồm 70 thiên bao gồm những nhân vật khác nhau và những sự việc rất khác nhau. Đáng để ý trước hết là phần liệt truyện dành cho những nước ở ngoài địa bàn Trung quốc mà ông là người đầu tiên đưa vào lịch sử với tính cách những bản khái quát đúng đắn và khoa học (Nam Việt, Đông Việt, Triều Tiên, Tây Di, Đại Uyển, Hung Nô). Cố nhiên, một phần liệt truyện sẽ dành cho những người tai mắt trong xã hội cũ như những danh tướng (Mông Điềm, Lý Quảng, Vệ Thanh), những người làm quan to (Trương Thích Chi, Công Tôn Hoằng, ...) Điều đáng chú ý nhất ở đây là ông đã nhìn thấy vai trò to lớn của những con người bình thường, thường không có chức tước gì nhưng có ảnh hưởng vô cùng sâu rộng đối với cả dân tộc. Đó là những du hiệp, những thích khách, trọng nghĩa, khinh tài mà ông đã ghi lại trong những trang sôi nổi (Thích khách Liệt truyện, Du hiệp Liệt truyện). Đó là những nhà tư tưởng mà tác phẩm của ông đã ghi lại cuộc đời, hành trạng và đánh giá học thuyết (Lão Tử, Trang Tử, Tuân Khanh, ...) Đó là những nhà văn như Khuất Nguyên, Tư Mã Tương Như mà ông nêu lên giá trị và nhận xét về nghệ thuật. Đó là những thầy

thuộc, thầy bói, thậm chí những anh hề mà trong con mắt của ông lời nói có thể xếp vào Lục Kinh. Và cố nhiên một con người yêu nhân dân và sự thật như Tư Mã Thiên không thể nào quên những tên sâu, mọt, đàn áp bóc lột dân chúng, những bọn "khốc lại" chỉ lo a dua nhà vua, tàn sát dân lành, những bọn ngoại thích lộng quyền và vô số những nhân vật ti tiện mà ông mạt sát bằng những lời phản nộ. Thế giới của Tư Mã Thiên bao la như vậy! Quy mô của tác phẩm làm ta ngợp, bút lực của tác giả làm ta sợ. Đối với những người yêu văn học Trung quốc, tác phẩm đưa đến một cảm giác rất lạ. Ở đây có cái biến ảo của Nam Hoa Kinh, có cái rạch ròi của Hàn Phí Tử. Nhưng còn một cái nữa mà văn học từ Hán trở về trước (trừ Kinh Thi) không thấy có, đó là ý thức bám chắc vào sự thực, không rời cuộc sống dù chỉ nửa bước. Chúng ta cảm thấy mình đứng cả hai chân trần trên mảnh đất của sự thực.

Ấn tượng ấy đến với chúng ta không phải ngẫu nhiên. Đó là vì Sử ký chính là Tư Mã Thiên sống, và con người ấy sống với những tư tưởng lớn.

III. TƯ TƯỞNG

Tư Mã Thiên tự định nghĩa mình là một con người "bất cơ". "Bất cơ" tức là không chịu trói buộc mình theo tập tục, vượt ra ngoài lễ thói. Chẳng hạn hai mươi tuổi, cha còn sống, vẫn cứ "viễn du" đi khắp địa bàn Trung quốc, đó là một hành động bất cơ. Nhà vua đặt chức sử quan chẳng qua chỉ để ghi chép việc làm của vua, ăn ở đâu, ngồi ở đâu, ngủ ở đâu, nói câu gì, ... từng một ngày. Và thế là tròn trách nhiệm. Nhưng ông lại muốn "nổi nghiệp Khổng Tử, soi sáng cho đời, chỉnh lý được Dịch Truyện, tiếp tục được Kinh Xuân Thu nắm được cái gốc của Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, tóm lại ông muốn làm một Khổng Tử thứ hai ngay trong thời đại chuyên chế cực độ. Đó cũng là một ý nghĩ "bất cơ".

Tư Mã Thiên là con người của một giai đoạn lịch sử rất cụ thể. Lúc ông lên sáu thì Hán Vũ Đế lên ngôi, và ông chết cùng một năm với Vũ Đế. Thời Vũ Đế chính là lúc uy tín nhà Hán đạt đến cực điểm, biểu lộ tất cả cái vĩ đại, huy hoàng làm người ta ngợp mắt. Trong Bình Chuẩn Thư, tác giả đã nói đến cái cảnh tượng phồn thịnh ban đầu, kho đạn đầy rẫy, tiền tiêu không thể hết, dân ăn gà, thịt, có ngựa hàng đàn. Uy tín nhà Hán đã đạt đến trình độ xưa nay chưa hề có. Biên giới phía Nam đến Nam Việt, phía Bắc đến Triều Tiên, buôn bán giao thông với Trung Á, Ấn độ, La Mã. Thành phố tập nập, cung điện nguy nga. Năm -138 trước Công Nguyên, Trương Khiên đi sứ về phía Tây, qua Hung Nô đến tận miền Trung Á thuộc Liên Xô ngày nay (gọi gộp là Tây Vực). Nước nhà thống nhất, chế độ tập quyền cực thịnh, tất nhiên đưa đến những sự thay đổi về văn hoá. Vũ Đế nghe lời Đổng Trọng Thư bãi truất bách gia, độc tôn nho học. Thời đại "trăm nhà đua tiếng" đến đây chấm dứt. Văn học chuyển thẳng sang việc ca ngợi lâu đài, ngựa xe, vườn tược nhà vua, mà tiêu biểu nhất là những bài phú của Tư Mã Tương Như. Bấy giờ trước mắt những con người học rộng tài cao có hai con đường. Con đường thứ nhất là vứt bỏ cái mộng làm một sự nghiệp to lớn, thừa nhận trong hoàn cảnh này chỉ còn một cách là làm một anh hề, sống qua ngày đoạn tháng ở trước cửa Kim mã. Đó là con đường của Đông Phương Sóc, của hầu hết tất cả các học giả đương thời. Lại có một con đường khác "xét trong khoảng trời đất, thấu suốt sự biến đổi từ xưa đến nay, làm thành lời nói của một nhà". Đó là con đường làm một Khổng Tử thứ hai, không phải ở trong hoàn cảnh Xuân Thu, Chiến quốc mà ở trong hoàn cảnh chuyên chế cực thịnh. Tư Mã Thiên đã chọn con đường ấy, và điều đó cắt nghĩa tại sao con người này sống bơ vơ, lạc lõng, tội nghiệp như vậy.

Cái gì đã khiến ông làm một việc bất cơ như vậy? Đó là vì ông thấy mình gắn liền với số phận của dân chúng. Ông thấy cái vẻ thái bình, phồn thịnh trước mắt chỉ là tạm thời. Bọn vua chúa lợi dụng hoàn cảnh yên ổn

càng ra sức bóc lột, đàn áp nhân dân, gây chiến tranh để mở rộng đất đai, xây cung thất, dựng lầu đài, tế phong thiên ... Cái cảnh phồn vinh tan đi như một giấc mơ. Nhân dân nao nhác cùng cực, bọn khốc lại xuất hiện ra sức chém giết, hàng chục vạn người bị tù đày, trong ngoài điều đứng tan hoang, làm cho nhà Hán tưởng chừng sẽ lao theo bánh xe nhà Tần đã mất. Ông không thể làm một anh hề như Đông Phương Sóc tìm cách sống an thân hay một thứ nhà văn như Tư Mã Tương Như lúc chết còn khuyên nhà vua làm lễ tế phong thiên. Chính cái thời Vũ Đế đã làm cho ông thấy tất cả cái vinh dự được làm con người Trung quốc. Nó đưa đến cho ông cái ý thức về sự vĩ đại, bao la và thống nhất của tổ quốc mà ông yêu quý. Nhưng càng yêu quý tổ quốc, ông càng gắn bó với nhân dân. Và do đó, bức tranh ông vẽ đương thời không phải là một bức tranh khoa trương tráng lệ như một bài phú của Trương Như, mà nó đầy vẻ bi hùng. Cái mâu thuẫn đau đớn này trong tư tưởng đã đẻ ra cách quan niệm về sử hết sức độc đáo, xứng đáng gọi là một công hiến về tư tưởng. Có thể nói, Tư Mã Thiên là sử gia đầu tiên trên thế giới viết về lịch sử của một nước. Trước đây, ở Trung quốc chỉ có những người viết lịch sử một công quốc hay kể lại một vài biến cố quan trọng như Xuân Thu Thượng Thư. Những bộ sử như Lịch Sử của Hêrôđôt (481-425). Lịch sử chiến tranh ở Pelpônne của Thuxidit (460-396) trong văn học Hy Lạp hay Chiến Tranh ở Gôlơ của Xêđơ trong văn học La Mã, chẳng qua chỉ kể lại một trận đánh hay một chiến dịch.

Quyển Lịch sử La Mã của Titut Livut (69-17) sau Sử ký viết toàn bộ lịch sử một đô thị, nhưng đó chỉ là lịch sử một đô thị. Sử ký thì khác, nó là lịch sử của toàn bộ dân tộc Trung hoa kéo dài trên ba ngàn năm từ Hoàng Đế đến Vũ Đế và bao gồm một địa bàn mênh mông. Chính vì có ý thức rất rõ về tính chất thống nhất và tiếp tục của lịch sử, nên tác giả mới có hai phần khác nhau là biểu và bản kỷ, lại có phần thế gia nói những điểm chủ yếu trong lịch sử từng công quốc. Không những thế, ông cũng là người đầu tiên nói về những dân tộc mà người ta gọi là "mọi rợ" và ở đây tuyệt nhiên không có thái độ khinh miệt.

Ông cũng là người đầu tiên viết một quyển thông sử bao gồm mọi mặt của xã hội. Ông chú ý đến tất cả, đọc tất cả, biết tất cả kiến thức của thời đại. Những thiên Hà Cừ Thư, Bình Chuẩn Thư, viết với nhãn lực của một nhà kinh tế học. Ông tìm thấy sự liên quan giữa kinh tế với luật pháp và chính trị. Ông đặc biệt chú trọng đến những thiết chế về văn hoá như lễ, nhạc, văn học. Ông đã làm cái công việc phi thường là xét tất cả các học thuyết của bách gia, trình bày và phê phán, làm công việc của một nhà tư tưởng sử. Ông là người đầu tiên cho ta biết về Khuất Nguyên và sự đánh giá của ông về Khuất Nguyên là quyết định. Quả thật ông đã làm được cái hoài bão to lớn nhất của

một con người. Ông đã tổng kết văn hoá Trung quốc lần thứ hai sau Khổng Tử và xứng đáng với lời khen của Quách Mạt Nhược "công lao của Tư Mã Thiên so với Khổng Tử không hơn không kém".

Phương pháp viết sử của ông cũng rất đáng chú ý.

Tư Mã Thiên nói: -Tôi chỉ thuật lại chuyện xưa, sắp đặt lại các chuyện trong đời chứ có phải sáng tác đâu.

Câu nói này thể hiện đúng cái quan điểm của tác giả và sử. Ngày nay chúng ta không nắm được tất cả những tài liệu ông đã dùng, nhưng có một điều chắc chắn là ông không bao giờ thay đổi tài liệu. Những nhân vật thời Ân, Chu, chính là những nhân vật của Thượng Thu, những nhân vật thời Xuân Thu, Chiến Quốc là những nhân vật của Xuân Thu, Quốc Ngữ, Tả Truyện, Chiến quốc sách. Lời nói của họ là lời họ nói trong thực tế, theo những tài liệu tin cậy nhất. Những bài văn bia của nhà Tần là do chính tay tác giả chép lại. Và ông đã để lại cho chúng ta cả một kho tàng văn kiện vô giá, nào chế, biểu, nào văn bia, thư phú, bài hát, lời ca, cả những bài nghị luận rất dài, tất cả chiếm một phần ba tác phẩm, trong số đó phần lớn còn sống đến ngày nay vì nó gắn liền với số phận của Sử Ký. Đáng rằng, đây đó, có những chi tiết sai lầm vì tài liệu lúc bấy giờ số lớn là tài liệu truyền miệng. Nhưng nói chung ông hết sức nghiêm túc. Quan niệm viết sử này khác xa quan niệm những nhà viết sử cổ Hy Lạp, La Mã. Các nhà viết sử cổ đại, trừ Thucidit, thường xem sử là một công trình nghệ thuật. Những nhân vật của họ đọc những bài diễn văn rất hay, nhưng do họ sáng tác ra, những nhân vật ấy tồn tại với tính cách những giả thuyết tiêu biểu cho chính kiến của họ. Chính vì vậy sử học hiện đại không xem đó là những công trình khoa học, không ai lấy đó làm cơ sở chính cho sự nghiên cứu La Mã, Hy Lạp cổ. Trái lại, Sử Ký từ trước đến nay vẫn là uy tín lớn nhất của cổ sử Trung hoa. Bất kỳ ai muốn nghiên cứu bất kỳ phương diện nào của Trung quốc cổ cũng không thể coi thường nó. Trịnh Tiểu nói, "một trăm đời sau, các sử quan không thể thay đổi cái phép tắc của ông, kẻ học giả không thể bỏ quyển sách của ông", chính là vì vậy.

Tư Mã Thiên là người cha của sử học Trung hoa, nhưng là một người cha khó bắt chước nhất. Đối với sử học Trung quốc, ông là người duy nhất nói về đương thời. Các sử gia về sau chỉ viết về một triều đại khi triều đại ấy đã chấm dứt. Họ sợ hiện tại và lẩn tránh nó. Trái lại Tư Mã Thiên đã dành một nửa tác phẩm cho giai đoạn từ Hạng Vũ đến Vũ Đế, và việc càng gần, ông chép càng rõ. Ông để lại những trang vô cùng sinh động về Cấp Âm, con người dám nói thẳng sự thực, không kiêng nể gì Vũ Đế. Ông kết tội Lữ Hậu, nêu bản tính lưu manh của Cao Tổ, phơi bày một bức tranh đau thương về xã hội trước mắt. Ông đau xót trước cái cảnh vua chúa mê tín (Phong

thiện thư), phung phí tài sản nhân dân (Bình Chuẩn Thư), ngoại thích lộng hành (Nguy Kỳ Vũ An Hầu liệt truyện), quan lại tàn ác (Khốc lại liệt truyện), nhà nho cầu an, giả dối (Công Tôn Hoảng truyện, Thích Tôn Thông truyện). Ông run sợ cho tương lai. Và chính ở đây, người ta mới hiểu hết cái tâm sự của ông, lòng yêu nước, yêu nhân dân cũng như sự trung thực của một nhà khoa học.

Nhưng quan trọng hơn hết, ông hiểu tác phẩm của ông là viết cho ai. Ông nói quyển Sử Ký viết cho "những người của nó". Người của nó đây không phải là một vị ân chủ, một mỹ nhân, mà là nhân dân vĩ đại và bất tử. Ông có ý thức rõ về việc đó, cho nên hai ngàn năm sau đọc Sử Ký, ta thấy nó sinh động, mãnh liệt vô cùng, đồng thời tràn ngập cái hào khí của chính nghĩa. Nhìn vào quyển sách của ông, ta thấy hiện lên rõ rệt sự bất bình đẳng trong xã hội, cảnh nghèo khổ của những nông dân mất hết đất đai, sự giàu có phè phỡn của bọn phong kiến, con buôn lớn. Ta thấy bức tranh hiện thực về xã hội mà bọn bồi bút phong kiến cố hết sức che đậy bằng những danh từ trống rỗng. Cố Viêm Võ nói rất đúng, "Người xưa làm sử không cần bàn luận, nhận xét, mà cái ý của tác giả thấy ngay trong việc trình bày thì chỉ có một mình Thái sử công làm được mà thôi". Cái khó ở đây không ở phương pháp mà ở con tim. Cũng vì Tư Mã Thiên không viết tác phẩm theo những khuôn khổ có sẵn về đạo đức phong kiến, nên những nhận xét của ông về lịch sử rất là trác việt.

Ông luôn luôn lấy quyền lợi của nhân dân, lấy sự sống của họ để đánh giá nhân vật lịch sử. Đặc biệt khi viết lịch sử nhân vật nào, ông cũng nêu rõ sự gắn bó của nhân vật với số phận của dân chúng. Ông thấy rõ Trần Thiệp "tài năng ở dưới mức trung bình", nhưng đã làm được một việc oanh liệt, chỉ vì được dân chúng ủng hộ. Sự phân tích của ông về sự thành công của Lưu Bang và sự thất bại của Hạng Vũ có một ý nghĩa to lớn. Dưới con mắt của ông, Hạng Vũ là một con người phi thường "tài năng và chí khí hơn người", "từ cận cổ đến nay chưa ai có được như thế". Về tư cách cá nhân mà nói, thì Lưu Bang kém Hạng Vũ về tất cả mọi mặt. Hạng Vũ là viên tướng bách chiến bách thắng, quân chư hầu sợ Hạng Vũ đến nỗi "đi bằng đầu gối, không ai dám ngẩng lên nhìn". Hạng Vũ thương người và trọng nghĩa. Trái lại Lưu Bang là một người "không lo làm ăn", "tham tiền và ham gái", ngạo mạn, vô lễ, "thấy khách đội mũ nhà nho, Bái Công liền giật lấy mũ đá vào trong". Thế nhưng cuối cùng Lưu Bang lại lấy được thiên hạ. Đó là vì Lưu Bang biết tự kiềm chế mình, lắng nghe theo lòng dân, luôn luôn chú ý đến dân chúng cho nên dân chúng tin. Đúng như Hàn Tín nói, Hạng Vũ chỉ có cái nhân của người đàn bà, cái dũng của một kẻ thất phu, tiếc tiền, tiếc đất, chỉ tin vào tài năng của cá nhân mình, nghi ngờ tất cả, đã thế lại hiểu sát làm cho nhân dân

thất vọng. Lưu Bang đã thắng vì biết dựa vào dân, tận dụng tài năng các tướng. Cách nhìn nhận như vậy rất đúng và khoa học. Nó làm người ta nhớ đến những tác phẩm của Makiaven, ở đây, Tư Mã Thiên có thể sánh với những sử gia lớn nhất của thời cổ đại.

IV. NGHỆ THUẬT

Tư Mã Thiên đã để lại hàng ngàn nhân vật điển hình, sống mãi trong văn học. Riêng về mặt này, ông có thể sánh với những nhà văn lớn nhất của nhân loại. Cả một nhân loại mệnh mông hiện ra trước mắt chúng ta, đủ các thành phần, đủ các nghề nghiệp, đủ các tầng lớp. Hình ảnh những chàng nông dân như Trần Thiệp, Ngô Quảng, những người du thuyết như Tô Tần, Trương Nghi, Phạm Thư, những hiệp khách như Kinh Kha, Nhiếp Chính, những anh hùng thị như Chu Hợi, Cao Tiêm Ly, những triết gia như Khổng Khâu, Trang Chu, nhưng danh tướng như Hàn Tín, Lý Quảng, những công tử như Tín Lăng Quân, Mạnh Thường Quân, những bạo chúa như Tần Thủy Hoàng, Nhị Thế ... và vô số những hình ảnh khác là những hình ảnh bất tử. Những hình ảnh ấy đã du nhập vào kho tàng văn học, làm thành nhân vật của những truyện kỳ, thoại bản, hỷ khúc, kịch, thơ, lời nói và hành động của họ nhờ Tư Mã Thiên nêu lên đã thành tài sản của dân tộc. Đó là một điều lạ. Nhưng điều lạ hơn là đời sau có thể tô điểm thêm bớt nhưng dường như khó lòng dùng năng lực hư cấu của mình để tạo nên một Kinh Kha, một Hàn Tín, hay một Hạng Vũ khác hẳn hình tượng Tư Mã Thiên đã tạo nên mà cũng sinh động như vậy. Có thể nói những hình tượng Tư Mã Thiên tạo ra đã được nhân dân tiếp nhận toàn vẹn. Điều đó không phải là một hiện tượng thường thấy trong lịch sử văn học. Nếu ta xét những nhân vật lịch sử Âu châu thì ta thấy rõ họ được biểu hiện trong văn học một cách rất khác nhau ở từng nhà văn. Hiện tượng Catilina của sử gia La Mã Xanlut rất khác hình tượng Catilina của Ben Jonxôn. Hình tượng Catilina của Ipxen lại càng khác hẳn. Tư Mã Thiên làm thế nào cho nhân vật của mình sống mãnh liệt đến nỗi họ tồn tại khách quan ở ngoài nhà văn, và dân chúng khó lòng chấp nhận sự thay đổi?

Khi miêu tả một nhân vật lịch sử, các sử gia thường chỉ nhận xét họ trong những giờ phút họ đóng một vai trò lịch sử, họ chỉ xét nhân vật trong "tư thế lịch sử" của nó. Nhưng làm như thế, tức là cắt xén nhân vật, biểu hiện nó một cách phiến diện và thậm chí có khi xuyên tạc vì trong những lúc cá nhân có ý thức về vai trò lịch sử của mình, họ thường đóng kịch. Tư Mã Thiên không làm như vậy. Ông chỉ nắm Hàn Tín khi làm thượng tướng quân của Lưu Bang, mà còn nắm Hàn Tín ngay từ khi ăn nhờ, chui qua hàng người ta ở ngoài chợ. Nhờ sống trong nhân dân và đến tận nơi điều tra, nên ông thấy Trần Bình từ khi chia thịt, thấy Phàn Khoái từ khi bán thịt chó. Ông chú ý đến Trương Nghi từ khi anh chàng bị đánh gần chết, gãy hết cả răng, chú ý đến Lưu Bang từ khi ăn quýt tiền rượu. Tư Mã Thiên theo dõi một nhân vật và cốt tìm cho được cái bản chất của nó. Chính vì thế ông không ao giờ bỏ qua những cảnh thiếu thôn, nhục nhã mà nhân vật đã trải qua, vì ông

biết bản chất con người thường lộ ra ở những lúc ấy. Đối với ông, nhân vật lịch sử vĩ đại đến đâu trước hết cũng chỉ là một người bình thường. Không Khâu trước khi được tôn sùng như một vị thánh cũng chỉ là một người mong muốn được làm quan, phiêu bạt đi tìm công danh, mấy lần suýt theo những kẻ mà ông gọi là loạn thần, tặc tử. Trong khi theo dõi nhân vật, ông không chạy theo sự kiện mà cốt tìm được cái quyết định tính cách của con người. Ông thấy tính cách con người do nhiều yếu tố quyết định. Có khi nó là một thiên hướng từ nhỏ. Nhân vật Trương Thang điển hình cho bọn quan lại tàn ác, lúc nhỏ giữ nhà để chuột ăn mất thịt, bị cha đánh đòn. Thang bắt được chuột làm một bản án kết tội chuột. "Người cha xem thấy lời văn quả là một tay quan lại coi ngục sành sỏi, cả kinh". Có khi nó là kết quả của nghề nghiệp, giáo dục. Lữ Bất Vi, một thương nhân giàu thấy Tử Tương, con vua Tần làm con tin ở Triệu, thì nói, "món hàng này có thể bán được đây". Y xuất tiền bạc quảng cáo cho hàng và cuối cùng được lãi to, làm tể tướng nước Tần. Ông thấy cái điều làm một vĩ nhân khác con người tầm thường là ở chỗ họ có một hoài bão lớn ngay trong những cảnh ngộ cùng khốn nhất. Ông lắng nghe chàng cố nông Trần Thiệp đang cày, bỗng dừng lại nói với các bạn cày, "sau này phú quý chớ quên nhau". Ông chú ý đến cậu bé Hạng Vũ học kiếm chẳng thành, nhưng đòi "học cái đánh lại vạn người". Một khi tìm được tính cách của nhân vật, ông cố gắng tìm những câu nói điển hình và những hành động điển hình, để làm cho hình tượng càng nổi bật. Nói đến Hàn Tín là người ta nhớ đến câu, "nhà vua không muốn lấy thiên hạ sao, tại sao lại chém tráng sĩ?". Nói đến Lý Tư, không ai quên được câu, "người ta ở đời hiền hay bất hiếu cũng như con chuột, chẳng qua do hoàn cảnh cả". Những câu như vậy có hàng ngàn. Có nhiều nhân vật chỉ xuất hiện trong một vài câu, nhưng họ được điển hình hoá ngay vì tác giả đã nắm được câu nói điển hình của họ. Chẳng hạn những nhân vật như Cáp Nhiếp, Phàn Ư Kỳ, trong Thích khách liệt truyện, nói không quá hai câu, nhưng đủ làm người ta thấy rõ cái phong thái trọng nghĩa khinh tài và lòng căm thù chồng chất của họ đối với nhà Tần. Những câu nói điển hình và những hành động điển hình thường không phải là những câu nói và hành động gì có tầm quan trọng lịch sử. Tônxtôi trong bài nhận xét về Chiến tranh và hoà bình, nói nhà viết tiểu thuyết lịch sử miêu tả nhân vật lịch sử khi họ mang áo ngủ. Tư Mã Thiên còn đi xa hơn. Để miêu tả thái độ ngạo mạn của Vũ Đế, chỉ cần một chi tiết, "nhà vua có khi ngồi xôm ở bên giường để tiếp đại tướng quân Vệ Thanh". Để miêu tả sự suồng sã của Lưu Bang chỉ cần một chi tiết nhỏ, "Chu Xương có lần vào tâu thấy Cao Tổ đang ngồi ôm con gái. Xương chạy ra. Cao Tổ đuổi theo cười lên cổ hủi, "ta là vị vua như thế nào? Xương ngẩng đầu lên đáp, "Bệ hạ là ông vua Kiệt, Trụ. Nhà vua liền cười ha hả". (Trương thừa

tướng truyện). Một chi tiết như vậy cũng đủ làm cho ngàn năm sau không ai có thể bênh vực cho Vũ Đế và Cao Tổ về việc quý trọng kẻ sĩ.

Một khi đã nêu lên tính cách chủ đạo của nhân vật, tác giả không bao giờ dừng lại để bàn bạc, trái lại ông trình bày dồn dập những sự việc điển hình tự bản thân nó có đủ sức thuyết phục hùng hồn hơn mọi lý luận. Đó là then chốt của phương pháp tự sự của ông mà đời sau không ai bắt chước được. Bản kỷ Hạng Vũ chẳng hạn, viết với lối văn khô khan của biên niên sử. Ở đây, chỉ có sự kiện và năm tháng, nhưng vì biết rút từ sự kiện ra cái làm thành cá tính của Hạng Vũ và thời đại Hạng Vũ cho nên chính cái lối trình bày đơn giản khách quan này lại lôi cuốn người đọc hơn mọi thứ từ chương.

Văn của Tư Mã Thiên là lối văn giản dị, chắc nịch của thời Tây Hán. Cách tự sự của ông có được cái tính chất rắn chắc, khúc chiết của đương thời, nhưng còn có một điều đặc sắc hơn là rất sinh động và đa dạng. Những con người của Tư Mã Thiên đồng thời biểu hiện những đặc sắc chung của thời đại họ, nhưng lại giữ được những nét nổi bật làm thành bản sắc của họ.

Muốn làm nổi bật cái cá tính của nhân vật cũng như màu sắc chung của thời đại, không bao giờ tác giả xét nhân vật một cách cô lập, mà đặt nó trong sự đối lập với các nhân vật khác. Đọc Lý Tư người ta nhất định phải thấy Triệu Cao, đọc Bình Nguyên Quân thì thấy ngay Tín Lăng Quân, bên cạnh Lưu Bang luôn luôn có mặt Hạng Vũ. Để làm nổi bật sự đối lập, tác giả rất chú ý đến sự đánh giá về nhân vật của người đương thời. Mỗi nhân vật như vậy ít nhất cũng được vài ba người đánh giá. Để đánh giá Lưu Bang, tác giả nhắc lại những lời đáng giá của Tiêu Hà, Phạm Tăng, Lịch Sinh, Trương Lương, Trần Bình, Hàn Tín, ... Để đánh giá Tín Lăng Quân, tác giả không quên những nhận xét của Hầu Sinh, Mao Công, Tiết Công, Bình Nguyên Quân, ... Tác giả nhiều khi gộp họ vào một chương để càng làm nổi bật chủ ý của mình. Đó là những lúc đối lập rõ rệt. Nhưng có những lúc đối lập kín đáo hơn thì thật là thú vị. Chẳng hạn không phải ngẫu nhiên mà tất cả những quan lại tốt trong Tuần lai liệt truyện đều là người trước đời Tần. Trái lại tất cả những người trong Khốc lại liệt truyện đều là những nhân vật thời Hán. Cũng vậy, ai cũng phải thừa nhận hình tượng về Vũ Đế, sao mà giống Tần Thủy Hoàng làm vậy, cũng huênh hoang, tự đắc, thích chiến tranh, thích thần tiên, thích xây dựng, thích xu nịnh.

Chính cái phương pháp tự sự bậc thầy, công phu và chu đáo vô cùng đã làm cho nhân vật sống một cách trọn vẹn, và cũng do đó, đời sau không thể nào thay đổi được. Sự thực vốn hùng hồn hơn lời nói, và khi các sự thực đã xếp thành hệ thống nguy nga thì tự nó sẽ nói lên tiếng nói của chân lý.

Phải chăng vì thế mà tác giả vắng mặt? Không, tác giả luôn luôn có mặt. Hình ảnh của Tư Mã Thiên rất rõ ở từng trang, tâm sự của ông hiện lên như

một tiếng đàn tuy rất khê nhưng rất rền trong bản hợp tấu vĩ đại. Chúng ta biết bản thân sự đối lập là biểu hiệu một thái độ. Ngoài ra tác giả còn sử dụng rất thạo phương pháp viết sử của Kinh Xuân Thu. Mục đích của nó là trình bày sự thực khách quan, nhưng bằng cách đối lập với các việc khác hay thêm bớt một chữ mà tỏ thái độ của mình. Chẳng hạn trong Hoài Âm Hầu liệt truyện để nói rằng, Hàn Tín chết vô tội chứ không phải làm phản, ông gọi Tín là "Hoài Âm Hầu", chứ không gọi Hàn Tín như gọi Kinh Bố trong Kinh Bố liệt truyện. Ông kể tỉ mỉ ba lần người ta thuyết phục Tín làm phản, mà Tín không nghe, nhắc đến năm lần cái câu Hán Vương sợ Hàn Tín. Đến lúc Tín chết, thì hỏi hận không biết trước thái độ lật lọng của Lưu Bang, trái lại Lưu Bang nghe tin vừa giận vừa mừng, ... Lối bút pháp ấy rất là nghiêm và rất rõ ràng đối với những người quen đọc Xuân Thu. Ngoài ra mỗi khi hết chương, tác giả thường đưa ra những nhận xét của mình, để ký thác tâm sự hay đính chính lại những cách nhìn sai lầm của tập tục.

Sử ký là một tác phẩm khó nhưng rất hay. Nó làm cho người đọc say mê và giáo dục họ rất nhiều. Nhưng vì nội dung phong phú, cách diễn đạt kín đáo nên phải đọc đi đọc lại nhiều lần mới thấy hết cái hay của nó. Chúng tôi cố gắng dịch những chương tiêu biểu, chương nào dịch thì dịch trọn vẹn, chỉ lược bớt những đoạn ít quan trọng đối với văn học. Vì cách hành văn theo lối Xuân Thu rất xa lạ đối với chúng ta, nên chúng tôi cố gắng chú thích, phân đoạn, tóm tắt để làm sao cho người đọc làm quen với tác phẩm một cách dễ dàng. Tuy vậy, chúng tôi cũng biết không thể nào giới thiệu hết cái hay của tác phẩm. Một ngày gần đây, khi Tư Mã Thiên đã quen thuộc với bạn đọc hơn, chắc Sử Ký sẽ được dịch toàn bộ.

Trong việc dịch, chúng tôi đã được cụ Phan Võ xem lại và cụ Phan Duy Tiếp giúp đỡ. Chúng tôi biết rằng vì trình độ dịch giả hạn chế, bản dịch thế nào cũng có nhiều thiếu sót. Nhưng chúng tôi tin rằng dù bản dịch có nhiều thiếu sót, các bạn sẽ thấy ở đây một tác phẩm vĩ đại và một con người lỗi lạc. Chắc hẳn bạn đọc Việt Nam sẽ thấy Sử Ký là quyển sách của mình và dành cho Tư Mã Thiên một mối tình nồng hậu như các bạn đã có đối với Khuất Nguyên và Đỗ Phủ. Suốt đời Tư Mã Thiên không muốn gì hơn là có những người hiểu mình. Chúng tôi tin chắc rằng sau hai ngàn năm con người vĩ đại ấy sẽ được yêu hơn bao giờ hết, vì bạn đọc của ông là những con người của một thời đại huy hoàng và vô cùng vĩ đại.

Nhữ Thành.

[01]

THÁI SỬ CÔNG tự đề tựa

Thái Sử Công nói: -Cha tôi (Cha Tư Mã Thiên là Tư Mã Đàm, làm chức Thái Sử) có nói: "Sau khi Chu Công mất được năm trăm năm thì có Khổng Tử. Khổng Tử mất đến nay đã được năm trăm năm. Nếu có kẻ nối nghiệp, soi sáng cho đời, chỉnh lý được Dịch truyện tiếp tục Kinh Xuân Thu, nắm được cái gốc của Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, thì là ở lúc này đây! Ở lúc này đây".

Kẻ hèn mọn này dám đâu từ chối việc ấy.

Quan thượng đại phu là Khôn Toại nói: -Tại sao ngày xưa Khổng Tử lại làm Kinh Xuân Thu?

Thái Sử Công nói: -Tôi nghe Đông Sinh (Tức Đông Trọng Thư, một nhà nho có tiếng sống cùng thời với Tư Mã Thiên) nói: "Đạo nhà Chu bị suy bỏ, Khổng Tử làm tư khấu ở nước Lỗ, bị các nước chư hầu hại, các quan đại phu ngăn cản. Khổng Tử biết lời nói của mình không được dùng, đạo của mình không được thi hành, bèn phê phán những việc xảy ra trong hai trăm bốn mươi hai năm, để làm khuôn phép cho thiên hạ. Người chê thiên tử, ức chế chư hầu, phạt tội các đại phu, để nêu rõ vương đạo nên như thế nào". Khổng Tử nói, "Ta muốn lấy lời nói suông để chép về đạo không bằng chứng minh ở việc làm thì càng sâu sắc, rõ ràng hơn". Kinh Xuân Thu trên làm sáng tỏ đạo của Tam Vương (ba đời vua: nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu) dưới phân biệt quy tắc của con người, biệt bạch chuyện hiềm nghi, soi sáng điều phải trái, quyết định điều còn do dự, khen điều hay, chê điều dở, tôn người hiền, chê kẻ bất tiết, bảo tồn lấy cái nước đã mất, nối lại cái đời đã đứt, vá lại cái đã rách, dựng lại cái đã bị bỏ, đó là một điều lớn của đạo vương vậy!

Kinh Dịch chép trời đất, âm dương, bốn mùa, ngũ hành, cho nên giỏi về chỗ biến hoá. Kinh Lễ chép về luân lý con người cho nên giỏi về đức hạnh. Kinh Thư chép về việc làm của các vua đời trước, cho nên giỏi về chính trị. Kinh Thi chép về núi, sông, hang, suối, chim, muông, cây cỏ, trồng, hái, đực, cái, cho nên giỏi về nói bóng gió. Kinh Nhạc làm cho người ta vui, cho nên giỏi về hoà hợp. Kinh Xuân Thu phân biệt phải trái, cho nên giỏi về việc trị người.

Vì vậy, Kinh Lễ là để giữ gìn con người. Kinh Nhạc là để làm cho hoà hợp. Kinh Thư để bàn việc. Kinh Thi để tỏ ý, Kinh Dịch để nói về sự biến hoá, Kinh Xuân Thu để dạy về việc nghĩa. Giúp đời loạn làm cho nó trở lại đường ngay, thì không sách nào cần thiết bằng Xuân Thu.

Xuân Thu chữ có mấy vạn, ý của nó mấy nghìn, vạn vật tan hợp đều ở Kinh Xuân Thu. Trong Kinh Xuân Thu ba mươi sáu vua bị giết, năm mươi

nước bị mất, các chư hầu ngược xuôi chạy vạy không giữ nổi nước của mình, không kể hết. Xét lại sao như vậy, thì đều là bỏ mất cái căn bản (tức là nhân nghĩa - N.D.)

Vì vậy, nên Kinh Dịch nói, "Sai một hào một ly, lầm đến nghìn dặm!". Cho nên nói, "Tôi giết vua, con giết cha, không phải duyên có một sớm một chiều mà ra, cái đó đã ngấm ngấm từ lâu rồi".

Cho nên, kẻ có nước không thể không biết Kinh Xuân Thu: trước mặt có kẻ gièm pha mà mình không biết, sau lưng có quân giặc mà mình không hay. Người làm tôi không thể không biết Kinh Xuân Thu, nếu không, gặp việc thường không biết nên như thế nào, gặp việc biến không biết xoay xử ra sao. Làm vua làm cha mà không thông thạo về nghĩa lý của Xuân Thu thì hẳn mang lấy cái tiếng gây ra tội. Làm tôi làm con, mà không thông thạo nghĩa lý của Xuân Thu, thì hẳn hãm vào tội cướp ngôi giết cha, cái tiếng tử tội. Thực ra, họ vẫn cứ cho rằng đó là phải mà làm, vì không biết nghĩa lý, nên bị tai tiếng không sao tránh khỏi. Chỉ vì không hiểu cái thâm thúy của lễ và nghĩa, mà đến nỗi vua không ra vua, tôi không ra tôi, cha không ra cha, con không ra con. Vua chẳng ra vua thì phạm tội với lễ nghĩa, tôi chẳng ra tôi thì phải giết, cha chẳng ra cha thì vô đạo, con chẳng ra con thì bất hiếu. Bốn điều ấy là những lỗi lớn ở trong thiên hạ. Buộc cho họ cái lỗi lớn ở trong thiên hạ mà họ không dám từ chối.

Cho nên Kinh Xuân Thu, là gốc lớn của lễ, nghĩa. Lễ là để cấm trước khi việc xảy ra, pháp luật là để trừng trị sau khi việc đã xảy ra. Công dụng của pháp luật dễ thấy, còn công dụng của lễ để ngăn cấm thì khó biết.

Khôn Toại nói: -Đời Khổng Tử, trên không có vua sáng, dưới không được tin dùng, cho nên người mới làm Kinh Xuân Thu để lại cái lời suông đặng nói tiếp lễ, nghĩa, làm phép tắc của một vị vua. Nay ông ở trên thì gặp đức vua sáng suốt, ở dưới thì được giữ chức quan, muôn việc đều được sắp đặt đúng chỗ, vậy điều ông bàn đó là muốn soi sáng cái gì?

Thái Sử Công nói: -Dạ, dạ! Không, không! Đâu phải thế! Tôi nghe cha tôi nói, "Phục Hy hết sức thuần hậu, làm ra tám quẻ kinh dịch: Thượng Thu chép nền thịnh trị đời Nghiêu, Thuấn, do đó mà làm ra lễ nhạc, công của Thành Thang, Vũ Vương được thi nhân ca tụng. Kinh Xuân Thu khen điều thiện, chê điều ác, suy diễn cái đức thời Tam Đại, khen nhà Chu, chứ nào có chê bai mà thôi đâu? Từ khi nhà Hán nổi lên, đến đức vua chúng ta nay, được điềm lành, lễ phong thiện (Lễ tế trời ở trên núi Thái Sơn), thay niên hiệu (Vũ Đế bắt đầu đặt niên hiệu là Kiến Nguyên -110 trước công nguyên) đổi áo mũ, chịu mệnh của cao xanh, ơn đức thấm đến chỗ vô cùng. Những người xa lạ ở ngoài bể hai ba lần dịch tiếng đều đến châu, xin nộp cống, kể không hết. Trăm quan ở dưới ra sức tán tụng thánh đức cũng còn chưa nói

hết ý.

Hơn nữa, có kẻ sĩ hiền và có tài mà không dùng là điều sỉ nhục của nước, chúa thượng có đức sáng mà đức không được truyền rộng ra, thì đó là lỗi của kẻ bề tôi.

Và chẳng tôi làm chức ấy mà bỏ thánh đức không chép, hủy bỏ công nghiệp của các công thần, các đại phu hiền đức không thuật lại, bỏ lời cha dạy, thì tội còn gì nặng hơn? Tôi chỉ thuật lại chuyện xưa, sắp đặt lại các truyện trong đời, chứ có phải là tự làm ra đâu, ông đem sánh với Xuân Thu thì làm to.

Thế rồi biên chép sắp đặt văn Sử Ký được bảy năm thì Thái Sử Công gặp cái họa Lý Lăng, bị cùm trói trong tù.

Bèn bùi ngùi mà rằng: -Đó là tội của ta! Đó là tội của ta! Thân tàn không dùng được nữa rồi!

Nhưng rồi lại suy nghĩ kỹ mà rằng, "Ôi! Viết sách làm thơ, đó là điều những người trong lúc cùng, dùng để truyền đạt cái ý nghĩ của mình. Xưa Tây Bá (Vua Văn Vương nhà Chu) bị tù ở Dữu Lý nên diễn giải Chu dịch. Khổng Tử gặp nạn ở đất Trần, đất Thái, nên viết Xuân Thu, Khuất Nguyên bị đui, viết Lý Tao, Tả Khâu Minh bị mù làm Quốc ngữ, Tôn Tấn cụt chân bán binh pháp, Lữ Bất Vi bị đày sang Thục, đời truyền lại sách Lữ Lâm, Hàn Phi bị tù ở Tần, làm những thiên Thuyết nan, Cô Phẫn, ba trăm bài ở Kinh Thi phần lớn đều do thánh hiền làm ra để giải bày các nỗi phần uất. Những người ấy đều vì có những điều uất ức không biểu lộ ra được, cho nên thuật lại việc xưa mà lo truyền lại người sau.

Do đó, bèn soạn thuật cho xong từ thời Nghiêu cho đến năm được lân thì dùng bút (Hán Vũ Đế, năm Nguyên Thú năm đầu -123 trước Công nguyên, được một con thú có sừng, chân có năm móng, cho là con lân - Khổng Tử năm xưa làm Xuân Thu, đến năm vua Ai Công nước Lỗ săn được con lân thì dùng bút. Ở đây, Thái Sử Công có ngụ ý sách Sử Ký của ông cũng nối theo sách Xuân Thu của Khổng Tử), bắt đầu từ Hoàng đế [*Bài tự này viết theo lối vấn đáp: đầu tiên nêu ý định của cha là xây dựng một sự nghiệp như Khổng Tử để chứng minh mình tiếp tục công trình của cha. Sau đề cao Xuân Thu đồng thời gián tiếp khẳng định tác dụng của Sử Ký. Vì sợ nói thể táo bạo quá nên thoái thác nói mình không sáng tác, tác phẩm mình không dám sánh với Xuân Thu. Cuối cùng bộc lộ sự phần uất của mình, đồng thời biểu lộ cái chí muốn viết Xuân Thu. Lối văn biến hoá, khúc chiết xứng đáng bài tựa của một tác phẩm lớn. Đoạn này trích trong thiên cuối cùng của Sử Ký.*]

Thư trả lời NHÂM AN

Tôi, hạng trâu ngựa Tư Mã Thiên, Thái Sử Công, kính thưa Thiếu Khanh túc hạ (*Thiếu Khanh: tên chữ của Nhâm An - túc hạ là tiếng xưng hô đối với người tôn trọng. Nhâm An làm thứ sử Ích Châu bị can vào việc cùng thái tử nổi loạn, bị giam và sau đó bị giết. Nhâm An bị giam viết thư cho Tư Mã Thiên lúc này làm lang trung lệnh có lẽ nhờ can thiệp giúp để khỏi chết. Tư Mã Thiên nhận thấy không thể làm được bèn bộc lộ cảnh ngộ của mình. Thư này không ở trong Sử Ký nhưng rất cần để hiểu biết tâm sự của tác giả.*).

Trước đây ông có hạ cố gửi thư dạy phải cẩn thận về việc tiếp người, cốt phải tôn người hiền, tiến cử kẻ sĩ, ý ông ân cần tha thiết, hình như trách tôi không nghe lời dạy mà lại theo lời bọn thế tục tầm thường. Tôi đâu dám thế.

Tôi tuy hèn nhất, nhưng cũng đã từng trộm nghe lời chỉ giáo của bậc trưởng giả. Vì một nỗi thân hình tàn phế, địa vị hẩm hiu, hễ động là bị chê trách, muốn được ích thì trở lại có hại, cho nên uất ức một mình không biết nói cùng ai.

Tục ngữ có câu: "Làm cho ai biết, nói cho ai nghe? Chung Tử Kỳ chết rồi, Bá Nha suốt đời không gảy đàn nữa". Tại sao vậy? Vì kẻ sĩ ra sức với người tri kỷ, người con gái làm dáng với người yêu mình, theo tôi thì cái thân này đã hỏng rồi, tuy tài có bằng châu của Tùy Hầu, ngọc của Biện Hòa, hạnh có cao bằng Bá Di, Hứa Do, rút cục cũng không có cách gì mà lòe với ai, chẳng qua chỉ để mua cười và tự làm ô nhục mình mà thôi.

Thư của ông đáng lý phải đáp ngay, nhưng giữa lúc theo hoàng thượng sang Đông, lại vì việc riêng cấp bách, ít có dịp gặp nhau. Vội vàng không có lúc nào rảnh có thể tỏ hết nỗi lòng. Nay Thiếu Khanh gặp tội không biết đến thế nào. Ngày qua tháng lại, cuối đông sắp tới, [*Ngày xưa cứ đến cuối đông thì xử tử tội nhân. Bây giờ Thiếu Khanh sắp bị hành hình.*] tôi lại sắp phải theo nhà vua đi Ung Châu, sợ có sự chẳng may xảy ra thì tôi rút cục đành chịu không sao bày tỏ nỗi buồn bực để cho ông rõ, mà hờn phách kẻ vĩnh biệt [*Chỉ Thiếu Khanh.*] sẽ riêng ân hận không cùng. Tôi xin trình bày qua tác dạ quê mùa. Để lâu không trả lời, xin đừng bắt lỗi.

Tôi nghe: sửa mình là dấu hiệu của trí, yêu thương giúp đỡ người là đầu mối của nhân, định nên lấy cái gì, cho cái gì là biểu hiện của nghĩa, gặp cảnh sĩ nhục là điều quyết định của dũng, lập danh là cái cao nhất của đức hạnh. Kẻ sĩ có năm điều ấy thì mới có thể sống ở đời mà đứng ở vào hàng quân tử. Cho nên tai họa tệ nhất là thiếu tiền chuộc tội, đau không có gì thảm hơn là đau lòng, nét xấu nhất là nhục đến cha mẹ, nhục nặng nhất là bị cung

hình. Con người bị hình phạt sống thừa không còn đáng đếm xỉa nữa, điều đó không phải chỉ ở đời này mà đã có từ lâu. Ngày xưa Vệ Linh Công cùng đi với Ung Cừ, Khổng Tử bỏ sang nước Trần, Thương Ưởng nhờ Cảnh Giám được yết kiến Tần Vương, Triệu Lương thấy lạnh cả ruột [*Ung Cừ và Cảnh Giám đều là hoạn quan. Việc của Thương Ưởng xem Thương Quân liệt truyện.*], Đồng Tử ngồi bên xe, Viên Ti biến sắc mặt [*Hán Vũ Đế ngồi xe với hoạn quan Triệu Đồng, Viên Ti can. Trờ lên kể cái nhục của kẻ hoạn quan: Ung Cừ, Cảnh Giám, Triệu Đồng đều là hoạn quan*]. Từ xưa đã từng lấy điều đó làm xấu hổ. Đến kẻ tài năng bậc trung, mà việc dính líu đến bọn hoạn quan còn không ai không mũi lòng, huống gì kẻ sĩ có chí khảng khái lại không biết hay sao?

Nay triều đình tuy thiếu người, nhưng lẽ nào lại để kẻ bị cưa dao sống sót mà còn tiến cử kẻ hào kiệt trong thiên hạ [*Ý nói mình không thể giúp gì Nhâm An được. Bài này nói bóng vì không thể nói thẳng. Ý Nhâm An muốn tiến cử kẻ sĩ, tức là nhờ Tư Mã Thiên tiến cử mình.*]?

Tôi nổi nghiệp tiền nhân mà châu chực dưới xe loan đã hơn hai mươi năm nay. Tôi vẫn thường tự nghĩ mình trên đã không thể tỏ lòng trung tín, được tiếng khen là có tài, có sức, có mưu lạ, để được bậc minh chủ đoái thương, lại cũng không biết lượm lặt cái bỏ sót, chấp vá cái thiếu thốn, đón người hiền, tiến cử người tài, làm vinh hiển kẻ sĩ ở ẩn trong chốn núi non, ở ngoài không thuộc vào hàng ngũ có công đánh thành xông trận, chém tướng giết cờ, cùng ra nữa cũng không ngày ngày tích lũy công lao, để được quan cao, lộc hậu, làm đẹp mặt họ hàng bè bạn.

Cả bốn điều đó tôi không được điều nào. Cho nên tôi đành nung nấu qua thì, đó cũng đủ thấy tôi chẳng có gì là hay ho cả.

Tôi cũng đã thường mon men dự vào hàng hạ đại phu, được dự bàn bạc ở ngoại đình. Lúc ấy, tôi chẳng biết trình bày mối giường, dâng lên những điều suy nghĩ. Đến nay thì thân hình đã sút mẻ, làm người tôi đòi, ở trong đám ti tiện, lẽ nào còn muốn ngẩng đầu, giơ mặt trình bày phải trái [*Bấy giờ Tư Mã Thiên làm lang trung lệnh. Đó là một chức quan lớn lo việc coi giấy tờ của nhà vua. Có những người tự hiến mình để được làm, nhưng tác giả chỉ thấy xấu hổ*]. Thế chẳng hoá ra khinh triều đình, làm xấu hổ cho kẻ sĩ trên đời này lắm sao? Than ôi! Than ôi! Như tôi đây còn nói năng gì nữa, còn nói năng gì nữa.

Vả chẳng việc của tôi gốc ngọn không dễ thấy rõ. Từ nhỏ tôi mang cái tài phóng túng [*Nguyên văn: "bất cơ"*], lớn lên không được làng xóm khen ngợi. May chúa thượng vì có cha tôi, cho tôi được trở chút nghề mọn, ra vào nơi cấm vệ. Tôi nghĩ rằng con người đội chầu làm sao còn nhìn được trời, vì vậy cho nên không giao tiếp với khách khứa, quên việc sản nghiệp của gia

đình. Ngày đêm đem cái tài sức kém cõi của mình, chỉ cốt một lòng làm tròn chức vụ, để mong được chúa thượng thương đến. Thế mà lại gặp cái việc trái hẳn ý của mình.

Tôi và Lý Lăng điều ở dưới môn hạ chúa thượng, vốn cũng không quen thân nhau, chí hướng khác nhau, chưa từng nâng chén rượu, vui vẻ ân cần. Thế nhưng tôi thấy ông ta là kẻ sĩ kỳ lạ, biết tự giữ mình, thờ cha mẹ có hiếu, đối với kẻ sĩ thì tín, liêm khiết ở chỗ tiền tài, giữ nghĩa trong việc cho và lấy, biết phân biệt nhường nhịn, khiêm tốn, cung kiệm chiều người, thường lo hăng hái quên mình để tính việc cần kíp của nước nhà, đó là cái điều chứa chất ở trong lòng ông ta, tôi cho ông ta có cái phong thái của người quốc sĩ.

Ôi! Kẻ làm tôi biết liêu trong lúc muôn chết không nghĩ đến sự sống của mình, lao vào nạn nước nhà như thế cũng đã là lạ vậy. Nay chỉ bị một lần hỏng việc, thế mà những người tôi lo giữ thân mình, giữ vợ con, cứ thêu dệt thêm cái lỗi ông ta, tôi lòng riêng đau xót vì việc đó.

Vả chẳng, Lý Lăng cầm không đầy năm ngàn bộ binh, tiến sâu vào chiến địa, chân đến nơi sân vua Thiên Du, như mũi sa miệng hổ, khiêu khích giặc Hồ mạnh. Ngắt đầu [*Đất Hồ ở cao nên lúc đánh phải ngắt đầu lên*] đón lấy quân địch ỨC VẠN, cùng quân Thiên Vu chiến đấu liên tiếp hơn mười ngày, giết được rất nhiều, giặc không kịp cứu người chết, không kẻ bị thương. Các chúa Hung Nô mặc áo cừu run sợ bèn đem tất cả tả, hữu - hiền - vương [*Vua Hung Nô gọi là Thiên Vu, dưới Thiên Vu có tả-hiền-vương và hữu-hiền-vương*], đem tất cả quân cung nỏ trong nước vây lại mà đánh. Lăng chiến đấu ở ngoài ngàn dặm, tên hết đường cùng, cứu binh không đến, quân sĩ chết và bị thương chòng chát! Nhưng Lăng hô một tiếng, tất cả quân sĩ đều vùng dậy! Người đầy nước mắt, lau mặt bằng máu, uống bằng nước mắt, lại giơ nắm tay không xông vào nơi mũi nhọn, quay về hướng bắc tranh nhau liêu chết với giặc. Khi Lăng chưa bị thua, các sứ về báo tin, các công, khanh, vương, hầu đều nâng chén rượu chúc thọ thiên tử. Mấy ngày sau, nghe tin Lăng thua trận đưa về, chúa thượng vì vậy ăn không biết ngon, ra triều không vui, quan đại thần lo lắng không biết làm thế nào. Tôi trộm không tự liệu mình ti tiện, thấy chúa thượng đau xót buồn rầu, lòng muốn bày tỏ nỗi niềm ngu dại, cho rằng Lý Lăng vốn cùng các sĩ, đại phu, chia miếng ngon, chịu phần thiệt, được người ta liêu chết hết lòng, tuy danh tướng ngày xưa cũng không hơn được. Thân Lăng tuy hãm vào cảnh thất bại, nhưng xem ý ông ta là muốn lập công để báo ơn nhà Hán. Việc đã đành như thế rồi, nhưng kẻ công đánh bại quân địch của ông ta, cũng đủ tỏ với thiên hạ. Trong lòng tôi muốn trình bày điều đó, nhưng chưa có dịp. Nhân gặp lúc nhà vua hỏi đến, tôi bèn đem ý ấy ra, trình bày công lao của Lăng, muốn chúa thượng mở lượng khoan hồng và ngăn chặn lời lẽ dèm pha. Tôi chưa nói được hết, chúa

thượng không rõ, cho rằng tôi biện bạch hộ Lý Lăng, để ngăn trở Nhị Sư [*Lý Quảng Lợi là anh ruột của Lý phu nhân bấy giờ được vua yêu làm Nhị Sư tướng quân đánh Hung Nô, Lý Lăng ở dưới sự điều khiển của Lý Quảng Lợi, xin tự cầm một đội biệt kích. Nhà vua nghe Thái Sử Công bèn phái với Lăng, chống lại Nhị Sư*] bèn giao tôi cho pháp quan trị tội.

Nỗi lòng trung u uất, rốt cuộc vẫn không sao tự trình bày được, do đó mang tội dôi chúa thượng, phải xử theo lời của hình quan. Nhà tôi nghèo không có đủ tiền của để chuộc tội [*Đời Vũ Đế cho người ta đem tiền nộp vào kho để chuộc tội*], bạn bè không ai cứu, tả hữu thân cận, không ai nói hộ một lời. Thân mình không phải là gỗ đá, một mình phải chung chạ với bọn pháp lại, ở trong nhà giam âm thầm sâu kín, nỗi lòng biết tỏ cùng ai? Điều này thì bản thân Thiếu Khanh cũng tự thấy, việc làm của tôi há không đúng sao?

Lý Lăng đã cầu sống đầu hàng, gia thanh bị sụp đổ và tôi bị đưa xuống nhà tằm, [*Người bị cung hình đưa xuống nhà nuôi tằm cho kín gió, sợ nguy đến tính mạng, gọi là nhà tằm*] bị thiên hạ chê cười lần nữa. Than ôi, thương thay! Việc này không thể một hai nói cho bọn tục nhân nghe vậy.

Ông cha tôi không có công được chẻ phù phong tước, viết chữ son để lại, nghề viết văn, viết sử, xem sao, xem lịch, thì cũng gần với bọn thầy bói thầy cúng, chúa thượng vẫn đùa bỡn, nuôi như bọn con hát, còn thế tục thì vẫn coi thường [*Tư Mã Thiên làm Thái Sử Công ngoài việc viết văn làm sử còn xem sao, xem lịch*]. Giả sử tôi có phạm pháp bị giết, thì cũng như chín con trâu mất một sợi lông, có khác gì sâu kiến, mà thế lực lại không thể sánh với việc tử tiết. Họ chẳng qua chỉ cho rằng vì trí cùng, tội quá nặng không thể gỡ nổi cho nên chịu chết đó thôi. Tại sao vậy? Đó là vì danh vị của mình khiến như vậy.

Ai cũng có một lần chết. Cái chết có khi nặng hơn núi Thái Sơn, có khi nhẹ hơn lông chim hồng. Đó là vì cách dùng nó khác nhau mà ra.

Cao nhất thì không làm nhục đến cha ông, thứ nữa thì không làm nhục đến thân mình, thứ nữa thì không làm nhục đến lý lẽ và đáng mặt, thứ nữa thì không làm nhục đến lời lẽ, thứ nữa khuất mình chịu nhục, thứ nữa đổi áo chịu nhục, thứ nữa chịu nhục đeo gông cùm, bị roi vọt, thứ nữa chịu nhục cạo đầu mang xiềng xích, thứ nữa chịu nhục bị hủy hoại da thịt chặt chân tay. Hèn nhất là việc bị cung hình. Sách có nói "hình phạt không đụng đến đại phu". Đó là nói làm kẻ sĩ phải cố gắng giữ lấy tiết tháo. Con mãnh hổ ở trong núi sâu, trăm thú đều sợ hãi, nhưng khi nó đã vào cạm bẫy ve vẩy cái đuôi để xin ăn, thì cái oai mấy lâu nay đã mất hết. Cho nên kẻ sĩ có khi vẽ đất làm nhà ngục, mà cũng không thể vào, đẽo gỗ làm pháp lại, mà cũng không chịu đối đáp với nó, đó là vì phải định liệu từ trước.

Nay tôi đã bị trói tay chân, chịu roi vọt, bị giam trong tường ngục, lúc

bấy giờ thấy viên lại coi ngục thì đập đầu xuống đất, thấy bọn lính canh ngục thì lòng lại bồi hồi. Tại sao vậy? Đó là vì cái uy cũ đã mất, thế đành phải chịu. Đã đến cảnh ấy mà còn nói không nhục, thì thật là hạng mặt dày mày giạn mà thôi. Có gì đáng quý?

Vả chẳng, Tây Bá là bá bị giam ở Dữu Lý, Lý Tư là tướng mắc cả năm hình [*Năm hình: khắc vào mặt, xẻo mũi, cắt dương vật, chặt chân và chặt đầu*], Hoài Âm làm vương, mang gông ở đất Trần, Bành Việt, Trương Ngao quay mặt phía nam tự xưng "Cô" [*Ý nói được phong tước vương - Ngày xưa vương hầu tự xưng là "cô"*] đều bị bỏ ngục, chịu tội. Giáng Hầu giết bọn họ Lữ, quyền nghiêng cả ngũ bá, xưa đã từng bị tù ở Thỉnh Thất [*Nơi các quan bị tội nặng ở đó để chờ vua xét xử*], Ngụy Kỳ là đại tướng, mặc áo tù mang gông, Lữ Bố xích tay làm tên nô lệ cho Chu Gia, Quán Phu [*Việc Bành Việt xem Hán Cao Tổ bản kỷ, việc Giáng Hầu xem Trần thừa tướng thế gia, việc Quý Bố xem Bồ Loan Bộ liệt truyện, việc Quán Phu xem Ngụy Kỳ, Vũ An Hầu liệt truyện*] chịu nhục trong dinh thừa tướng. Những người này thân đều làm vương, hầu, tướng quân, thừa tướng, danh tiếng vang lừng đến nước láng giềng, nhưng khi mắc vào tội, không thể cả quyết tự sát. Trong cảnh trần ai, xưa nay đều như thế, nói không nhục có được đâu!

Cứ thế mà xem, đủ thấy rõ dững cảm hay nhút nhát, là ở cái thế mà ra, mạnh hay yếu là ở tình hình mà ra. Chứ có gì đáng lạ? Con người ta không thể sớm giữ ở ngoài quy tắc, dần dần sa sút, lâm vào cảnh roi vọt, khi ấy muốn làm cho ra khí tiết thì sao cho được? Cổ nhân sở dĩ cẩn thận về việc bắt đại phu chịu hình phạt, có lẽ là như thế. Ôi! Nhân tình ai chẳng thích sống ghét chết, nhớ cha mẹ thương vợ con, nhưng đến khi bị nghĩa lý kích động nên mới phải làm điều cực chẳng đã. Nay tôi không may sớm mất cha mẹ, không có anh em thân thích, chỉ trơ trọi một mình, Thiếu Khanh xem tôi đối với vợ con như thế nào. Vả chẳng kẻ dững không cần phải chịu chết để giữ khí tiết, kẻ nhát gan mền nghĩa, cái gì cũng gắng làm được. Tôi tuy hèn nhát, tham sống, nhưng cũng biết cái lẽ nên chẳng, có đâu đến nỗi tự dìm mình vào trong cái nhục gông trói thế này! Kia hạng tỳ thiếp, tôi tớ, còn biết tự quyết, huống tôi lại không làm được sao? Sở dĩ tôi chịu nhục sống vợ vắn, nín nhịn cố sống ở nơi dơ bẩn mà không từ chối, là vì lòng riêng có điều chưa làm được hết, cho rằng trọn đời rồi mà vẫn chương không nêu cho đời sau thấy được là sự nhục.

Người xưa giàu sang mà danh bị vùi dập kẻ không hết. Chỉ có những người trác việt phi thường là được người ta nhắc đến mà thôi. Văn Vương bị giam diển giải Chu Dịch, Trọng Ni gặp nạn làm kinh Xuân Thu, Khuất Nguyên bị đuổi nên ngâm Lý Tao, Tả Khâu bị mù nên có Quốc Ngữ [*Tả Khâu Minh làm sách Tả Truyện và sách Quốc Ngữ*], Tôn Tản bị chặt chân,

trình bày binh pháp, Bất Vi bị đày sang đất Thục, sách Lữ Lâm [*Sách Lữ Lâm cũng gọi là Lữ Thị Xuân Thu*] còn truyền lại ở đời, Hàn Phi bị tù ở Tần, viết Thuyết Nan và Cô Phần [*Thuyết nam, Cô Phần là hai thiên ở trong sách Hàn Phi Tử*], Kinh Phi ba trăm thiên phần lớn do thánh hiền phát phần mà làm ra. Những người này đều có cái uất ức trong lòng không bày tỏ được đạo của mình, cho nên thuật việc cũ để lại cho người sau này vậy. Kia xem Tả Khâu không có mắt, Tôn Tần bị chặt chân, trọn đời không thể làm được việc gì, nên lui về viết sách để hả điều căm giận, mong lấy câu văn suông để cho đời biết đến mình. Tôi trộm không chịu nhún nhường, cũng muốn ký thác mình vào những lời tầm thường, tìm kiếm thu nhặt những chuyện cũ bỏ sót trong thiên hạ, xét qua việc làm, tóm tắt trước sau, xét việc thành, bại, hung, vong, trên từ Hiên Viên [*Sử Ký bắt đầu từ Hoàng Đế. Người ta còn gọi Hoàng Đế là Hiên Viên (vào khoảng thế kỷ XXVII trước công nguyên)*] dưới đến ngày nay, làm mười biểu, mười hai bản kỷ, tám thư, ba mươi thế gia, bảy mươi liệt truyện, cộng tất cả là 130 thiên. Ý tôi cũng muốn xét trong khoảng trời đất, thấu suốt sự biến đổi từ xưa đến nay làm thành lời nói của một nhà. Nhưng khởi thảo chưa xong thì gặp phải cái họa này. Tiếc sách chưa xong nên chịu cực hình mà không có vẻ giận. Giá tôi đã làm xong sách ấy rồi, cất giấu nó vào nơi danh sơn, truyền cho con người của nó, phát khắp các ấp lớn, đô thị to, thì tôi cũng xin liêu với cái nhục kia, dù bị giết vạn lần cũng có gì là hối hận.

Thế nhưng điều đó có thể bàn với bậc tri giả, chứ khó lòng với bọn tục nhân. Vả chẳng đã thất bại rồi thì khó ăn nói, ở nơi thấp hèn bị lắm kẻ chê bai. Tôi vì nói năng mà mắc phải cái vạ này, lại thêm bị hàng xóm chê cười, làm nhục cả cha ông, còn mặt mũi nào mà lại bước đến nắm mồ của cha mẹ nữa? Tuy đến trăm đời cũng chỉ có thêm ô nhục mà thôi.

Cho nên, ruột một ngày chín lần quặn đau, ngồi băng khuâng như mất cái gì, đi ra thì không biết đi đâu. Mỗi khi nghĩ đến điều nhục đó thì mồ hôi vẫn cứ đầm lưng ướt áo. Thân mình làm quan ở nơi khuê các, muốn ẩn mình vào nơi hang sâu núi thẳm nào được đâu. Cho nên đành nổi chìm theo tục, luôn cúi theo đời để mong thỏa được cái điều điên dại này.

Nay tôi được Thiệu Khanh dạy phải cử người hiền tiến kẻ sĩ chẳng phải ngược với lòng riêng của tôi sao? Dù muốn tô vẽ những lời phù phiếm, để tự bào chữa thì cũng vô ích, thế lực chẳng tin, chỉ thêm nhục nhã. Dầu sao đợi đến ngày chết việc phải trái mới định.

Thư không thể nói hết ý, chỉ bày qua lời lẽ quê mùa. Kính lạy hai lạy [*Nhâm An nhờ Tư Mã Thiên cứu mình. Tư Mã Thiên nhận thấy không thể làm được đành phải bộc lộ hoàn cảnh của mình, tự mạt sát mình. Nói là trả lời, nhưng không phải là trả lời mà là bộc lộ tâm sự.*].

,[03] TẦN THỦY HOÀNG bản kỷ

- [1. Lai lịch của Tần Thủy Hoàng và tình hình của nước Tần](#)
- [2. Những chủ trương chính trị và công cuộc kiến trúc](#)
- [3. Cách đối xử với đạo Nho, bách gia và bốn phương sĩ](#)
- [4. Cái chết của Thủy Hoàng](#)
- [5. Những biến cố xảy ra sau khi Thủy Hoàng chết](#)
- [6. Nhi Thế nghe theo Triệu Cao](#)
- [7. Nhi Thế bị Triệu Cao giết](#)
- [8. Tử Anh giết Triệu Cao, đầu hàng Lưu Bang](#)

1. Lai lịch của Tần Thủy Hoàng và tình hình của nước Tần

Tần Thủy Hoàng là con của Trang Tương Vương nước Tần [*Đó là về danh nghĩa còn trong thực tế thì Thủy Hoàng là con của Lữ Bất Vi. Xem Lữ Bất Vi liệt truyện*]. Trang Tương Vương làm con tin của Tần ở nước Triệu, thấy người thiếp của Lữ Bất Vi, thích, nên lấy, sinh Thủy Hoàng, vào tháng giêng năm thứ 48 đời Tần Chiêu Vương, ở Hàm Đan, đặt tên là Chính, họ Triệu. Khi lên 13 tuổi, Trang Tương Vương chết, Chính thay, được lập làm Tần Vương (-247 trước công nguyên).

Lúc bấy giờ Tần đã thôn tính các đất Ba, Thục, Hán Trung, Việt, Uyển, lại có đất Sính, ở đây đặt Nam Quận. Miền bắc lấy Thượng Quận trở về phía đông, gồm có các quận Hà Đông, Thái Nguyên, Thượng Đảng, phía đông đến Huỳnh Dương, diệt hai nhà Chu, đặt quận Tam Xuyên. Lữ Bất Vi làm thừa tướng được cấp mười vạn hộ làm đất phong, hiệu là Văn Tín Hầu, mời các tân khách du sĩ để lo việc lấy thiên hạ, Lý Tư là xá nhân [*Xá nhân: Những người khách theo hầu những vị quan to để được cất nhắc.*] của Bất Vi. Bọn Mông Ngao, Vương Ý, Biểu Công làm tướng ... [*Bỏ một đoạn nói về việc Tần đánh lấy thiên hạ trong hai mươi lăm năm Tần Thủy Hoàng làm vua.*].

2. Những chủ trương chính trị và công cuộc kiến trúc

Năm thứ 26 (-221 trước công nguyên) Tề Vương là Kiến cùng thừa tướng là Hậu Thắng đem quân giữ biên giới phía tây, đoạn tuyệt với Tần. Tần sai tướng quân Vương Bôn đi qua phía nam nước Yên đánh Tề bắt được vua Tề là Kiến. Tần lần đầu tiên thôn tính được thiên hạ, ra lệnh cho thừa tướng và ngự sử như sau:

"Trước đây vua Hàn nộp đất, hiến dâng ấn tín, xin làm bầy tôi ở hàng rào giậu. Được ít lâu, vua Hàn bội ước, hợp cùng với Triệu và Ngụy phản lại nước Tần. Cho nên ta đem quân tiêu diệt, cầm tù vua Hàn. Quả nhân cho đó là việc tốt, hy vọng có thể dẹp tắt được binh nhung. Vua Triệu sai thừa tướng là Lý Mục đến giao ước ăn thề, cho nên ta cho con của vua Triệu đang làm con tin ở Tần về. Được ít lâu, vua Triệu bỏ lời thề, phản lại ta ở Thái Nguyên, cho nên ta đem quân tiêu diệt, bắt vua Triệu. Công tử nước Triệu là Gia lại tự lập làm Đại vương cho nên ta đem quân đánh và tiêu diệt. Vua Ngụy lúc đầu giao ước phục tùng sát nhập vào Tần, được ít lâu, lại bàn mưu với các nước Hàn, Triệu đánh úp nước Tần, nhưng bị quân quan của Tần giết chết và đánh tan. Vua nước Kinh hiến đất đai từ Thành Dương về phía tây, được ít lâu lại phản lời ước, đánh Nam Quận của ta, cho nên ta đem binh tiêu diệt, bắt được vua Kinh, sau đó bình định đất Kinh. Vua nước Yên hôn ám làm loạn, thái tử nước Yên là Đan lại ngầm sai Kinh Kha ám sát ta [*Xem Thích khách liệt truyện đoạn nói về Kinh Kha*], tướng sĩ của ta đánh và tiêu diệt nước Yên, Vua Tề dùng mưu kế của Hậu Thắng, cắt đứt liên hệ với Tần và muốn làm loạn. Ta sai quân đánh cầm tù vua Tề, bình định đất Tề [*Tóm tắt việc thống nhất thiên hạ, tiêu diệt các nước*].

Quả nhân, một người nhỏ bé hưng binh trừ khử bọn bạo nghịch làm loạn. Nhờ uy linh của tôn miếu, sáu nước đều chịu tội thiên hạ bình định. Nay nếu không thay đổi danh hiệu thì không sao xứng với cái công lao đã làm được và truyền cho đời sau. Các người hãy bàn nên đặt hiệu đế như thế nào."

Thừa tướng là Vương Quán, ngự sử đại phu Phùng Kiếp, đình úy Lý Tư đều tâu: - Ngũ Đế ngày xưa đất chỉ vuông ngàn dặm, ngoài ra là đất đai của chư hầu và của man di, họ vào châu hay không thiên tử cũng không cai quản được. Nay bệ hạ dấy nghĩa binh, giết bọn tàn ác và nghịch tặc, bình định được thiên hạ, bốn biển thành quận và huyện, pháp luật và mệnh lệnh đều thống nhất ở một nơi, từ thượng cổ đến nay chưa hề có, Ngũ đế đều không bằng. Bọn thần sau khi bàn bạc kỹ lưỡng với các bậc sĩ thấy rằng: Ngày xưa có Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Thái Hoàng, nhưng Thái Hoàng là cao quý nhất. Bọn thần liêu chét xin dâng tôn hiệu của nhà vua là "Thái Hoàng", mệnh ban ra gọi là "chế", lệnh ban ra gọi là "chiếu", thiên tử tự xưng gọi là

"trẫm" [*Các đời trước không dùng danh từ "ché" và "chiếu". "ché" quan trọng hơn "chiếu", chỉ nhà vua mới được dùng chữ ấy, còn Thái Hậu thì có khi dùng chữ "chiếu" khi thay thế nhà vua trị dân, nếu gọi là "ché" tức là có ý muốn làm vua. "Trẫm" trước là một đại từ chỉ ngôi thứ nhất dành cho mọi người. Sách đạo giáo dùng chữ trẫm để chỉ một lực lượng siêu tự nhiên, một đấng không ai trông thấy. Bọn Lý Tư đề nghị dùng chữ này là vì thế*].

Nhà vua nói: - Ta bỏ chữ "Thái", lấy chữ "Hoàng", thêm chữ "Đế", của những vị đế thời thượng cổ hiệu gọi là Hoàng Đế còn những điều khác thì như lời các khanh tâu.

Một đạo "ché" ban ra chấp nhận điều đó. Truy tôn Trang Tương Vương là Thái Thượng Hoàng.

Một tờ "ché" nói: - "Trẫm nghe nói thời Thái Cổ có hiệu nhưng không có hiệu bụt [*Đời Hạ, đời Thương không có "thụy" tức là "hiệu bụt". Đến đời Chu mới đặt lệ khi vua chết các quan căn cứ vào hành trạng của vua mà đặt hiệu cho vua, cái đó gọi là hiệu bụt. Do đó vị vua nổi về văn, giáo hóa thì gọi là Văn Vương, có vũ công thì gọi là Vũ Vương, ngu tốt, độc ác, thì gọi là U Vương, Lệ Vương*]. Thời Trung Cổ có hiệu và sau khi chết người ta căn cứ vào việc làm của nhà vua mà đặt hiệu bụt. Làm như thế tức là con bàn bạc về cha, tôi bàn luận về vua, thật là vô nghĩa. Trẫm không chấp nhận điều ấy. Từ nay trở đi, bỏ phép đặt hiệu bụt. Trẫm là Thủy Hoàng Đế, các đời sau cứ theo số mà tính: Nhị Thế, Tam Thế đến Vạn Thế truyền mãi không cùng".

Thủy Hoàng xét việc năm đức lần lượt thay đổi nhau [*Đời Tần trở đi thịnh hành thuyết ngũ hành. Thuyết này có vũ trụ có năm yếu tố tạo nên đối lập nhau, thay đổi nhau là: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Nhà Chu là ứng với yếu tố hỏa, nhà Tần thắng Chu thì tất phải ứng với thủy, vì thủy thắng hỏa. Một khi đã như thế thì màu phải là màu đen (đối lập với hỏa là đỏ, kim màu trắng), tháng phải là tháng 10, số phải là số 6 nguyên lý trị nước phải là pháp luật ...]* nên cho nhà Chu được "hỏa đức" nhà Tần thay đức nhà Chu thì phải theo cái đức mà "hỏa" không thắng được. Từ nay "thủy đức" bắt đầu: đổi đầu năm, việc triều cống, chúc mừng đều bắt đầu từ mùng một tháng 10. Áo, quần, cờ tiết, cờ mao [*Cờ mao làm bằng lông thú, cờ tiết bằng lông chim*], đen, lấy số 6 làm đơn vị, các phù [*Phù là cái thẻ để làm tin, vua giữ một nửa và người nhận mệnh lệnh của vua (thường để đi đánh xa) để thực hiện việc gìn giữ một nửa. Khi nào nhà vua muốn sai một người thay thế mình thì giao cho người này cái nửa của mình. Nếu hai cái "phù" khớp lại thì đúng là người đến sau thay thế người đến trước để điều khiển quân đội*] và các mũ đều dài sáu tấc, trục xe sáu thước, sáu thước làm một bộ, đi xe sáu ngựa, đổi tên sông Hoàng Hà là Đức Thủy vì cho rằng "thủy đức" bắt đầu. Cai trị thì cứng rắn nghiêm nghị, gay gắt, sâu sắc, mọi việc đều dùng pháp

luật để quyết định, khắc bạc, không dùng nhân đức, ân nghĩa. Có thể mới hợp với con số năm đức.

Do đó, nhà Tần chú ý gay gắt về pháp luật, trong một thời gian dài không tha tội cho ai.

Bọn thừa tướng Vương Quán nói: - Chư hầu vừa bị tiêu diệt. Nay các đất Yên, Tề, Kinh đều ở xa nếu không đặt vua thì không làm sao kèm chế được họ, xin lập các con trong hoàng tộc làm vua. Xin hoàng thượng lập theo ý của mình.

Thủy Hoàng đưa lời tâu ấy xuống cho các quan bàn bạc. Các quan đều cho là tiện, nhưng đình úy [*Chức quan nhất về tư pháp*] Lý Tư nói: - Vua Văn Vương, Vũ Vương nhà Chu phong con em cùng họ làm vua rất nhiều, nhưng về sau dòng họ càng ngày càng xa, họ đánh lẫn nhau, xem nhau như thù. Chư hầu càng giết nhau, đánh nhau, thiên tử nhà Chu không làm sao ngăn cấm được. Nay bốn bề đã nhờ thần linh của bệ hạ mà được nhất thống đều làm quận, huyện. Các con và các công thần đã được thu tô và thuế của nhà nước, và được trọng thưởng. Như thế là đủ lắm rồi. Làm thế thì dễ cai trị, thiên hạ không có ý gì khác. Đó là cái thuật trị an, vậy đặt chư hầu không tiện.

Thủy Hoàng nói: - Thiên hạ đều khổ vì việc chinh chiến liên miên, đó là do có hầu có vương mà ra. Nay nhờ tôn miếu, thiên hạ vừa mới được bình định mà lại lập các nước lên thì cũng như là tự gây ra binh đao mà muốn được thái bình nghỉ ngơi, chẳng phải là khó lắm sao? Điều của đình úy nói là đúng [*1. Điều này rất quan trọng. Từ Tần Thủy Hoàng trở đi, Trung Quốc về mặt chính trị là thống nhất từ trung ương*].

Bèn chia thiên hạ làm 36 quận, đặt các quan thú, úy, giám đốc gọi "dân" là "đầu đen" [*Trước gọi là "đầu" sau gọi là "đầu đen"*]. Mở một bữa tiệc lớn, thu tất cả binh khí trong thiên hạ tập hợp ở Hàm Dương, đúc làm chuông, giá chuông và mười hai người bằng kim khí mỗi người nặng 1000 thạch, đặt ở trong cùng. Thống nhất pháp luật, các cân, phép đo lường, các thạch, trượng, thước, trục xe đều dài như nhau [*Trước kia xe trận trục dài ngắn khác nhau. Mỗi nước đắp đường vừa đủ cho xe của mình đi, xe nước khác trục dài không thể đi được*], chữ viết cùng lối như nhau.

Đất đai chạy dài phía đông đến biển và đất Triều Tiên, phía tây đến Lâm Thao, Khương Trung, phía nam đến miền cửa nhà quay mặt quay mặt về hướng bắc [*Tức là Nhật Nam (miền Quảng Nam). Ý nói miền phía Nam mặt trời có nhiên phải mở cửa về phía bắc mới có mặt trời*], phía bắc lấy Hoàng Hà làm biên giới và men theo Âm Sơn đến tận Liêu Đông. Sai dời các nhà hào phú trong thiên hạ đến Hàm Dương tất cả mười hai vạn nhà. Các miếu cũng như điện

Chương Đài vườn Thượng Lâm đều ở phía Nam sông Vị. Mỗi khi lấy được chur hầu, Tần thường vẽ lại các cung nhất của nước đó rồi dựng lên ở phía bắc Hàm Dương, phía nam các cung điện này nhìn ra sông Vị. Từ cửa Ung Môn đến cửa đông sông Kinh, sông Vị, các điện, các cung thất, các đường phúc đạo và các đường gác [*Phúc đạo là đường đi như cầu, bắc từ điện đầu sang điện khác*] liên nhau. Bắt được bao nhiêu người đẹp và chuông trống của chur hầu đều đưa vào đây.

Năm thứ 27, Thủy Hoàng đi tuần Lũng Tây, Bắc Địa, ra khỏi núi Kê Đầu Sơn đi qua Hồi Trung. Sai xây Tín Cung ở phía Nam sông Vị, sau lại đổi tên Tín Cung là Cực Miếu để bắt chước sao Thiên Cực. Từ Cực Miếu có con đường thông lên núi Ly Sơn, sai xây tiền điện Cam Tuyền đắp đường ống [*Con đường hai bên là tường để vua đi không ai thấy. Nó cũng là một kiến trúc phòng ngự thường dùng trong lúc vận chuyển lương thực. Vì có tường nên quân địch khó lòng cướp chặn được đường lương thực*] chạy mãi đến Hàm Dương. Năm đó thường tước một cấp, làm những con đường nhà vua đi [*Đường rộng 51 bộ chạy từ thủ đô đến tận biên giới phía đông và phía nam, hai bên trồng cây*].

Năm thứ 28, Thủy Hoàng đi về phía đông đến các quận và các huyện, lên núi Trâu Dịch, dựng đá cùng các nho sinh nước Lỗ bàn việc khắc vào đá để ca tụng công đức nhà Tần và bàn việc phong thiện [*Phong thiện là lễ tế trời. Nhà vua sai đắp đất lên một hòn núi cao, thường là núi Thái Sơn để tế. Việc phong thiện thật chỉ bắt đầu từ đời Hán Vũ Đế và tác giả có dành một chương nói tỉ mỉ về việc này (phong thiện thư)*].

(*Bỏ một đoạn về những bài thơ ca ngợi công đức của nhà Tần*).

3. Cách đối xử với đạo Nho, bách gia và bọn phương sĩ

Năm thứ 33, Thủy Hoàng đưa những người thường trốn tránh, những người ở rê và những người đi buôn đánh lấy đất Lục Lương, lập thành Quế Lâm, Tượng Quận, Nam Hải cho những người bị đi đày đến đầy canh giữ. Ở phía tây bắc, đánh đuổi Hung Nô từ Du Trung dọc theo sông Hoàng Hà đi về đông đến Âm Sơn tất cả 31 huyện, xây thành trên sông Hoàng Hà để làm giới hạn,. Lại sai Mông Diêm vượt sông Hoàng Hà lấy đất Cao Khuyết, Đào Sơn, Bắc Giả, xây đình và thành lũy ở đây để đuổi người Nhung và đưa những người bị đày đến đây để ở và lần đầu những nơi này trở thành huyện. Cầm không được thờ [*Câu này có lẽ thiếu một chữ nên vẫn không rõ*]. Sao sáng [*Đây là sao chổi, "điềm" báo có tai họa giặc giã. Trong Sử Ký cũng như mọi quyển sử của Trung Quốc thường có những câu đột ngột như vậy.*] xuất hiện ở phương tây.

Năm thứ 31, đem đày những quan coi ngục không thanh liêm đi xây Trường Thành và đi thú ở đất Nam Việt. Thủy Hoàng đặt tiệc rượu ở cung Hàm Dương, bảy mươi vị bác sĩ đến chúc thọ. Quan bộc dịch Chu Thanh thần tiến lên ca ngợi: - Ngày xưa đất Tần chẳng qua nghìn dặm, nay nhờ bệ hạ thần linh sáng suốt nên bình định được bốn biển, đuổi được man di, mặt trời mặt trăng chiếu đến đâu thì nơi ấy theo phục, đuổi các nước chư hầu thành quận, huyện, mọi người thấy yên vui, không phải lo về nạn chiến tranh truyền đến vạn đời, từ thượng cổ đến nay, không ai uy đức bằng bệ hạ.

Thủy Hoàng bằng lòng. Thuần Vu Việt, người Tề, làm bác sĩ đứng lên nói: - Tôi nghe nhà Ân và nhà Chu làm vua hơn nghìn năm, phong các con em và công thần làm chi nhánh để giúp đỡ cho mình. Nay bệ hạ có bốn biển nhưng con em vẫn là kẻ thất phu, [*Ám chỉ vua Tần theo Lý Tư không chia đất cho anh em mà thống nhất tất cả theo lối cai trị theo quận, huyện do các quan lại từ trung ương bỏ nhiệm.*] nếu bỗng chốc có xảy ra việc như Điền Thường hay lục khanh [*Điền Thường giết vua Tề. Lục Khanh chỉ ba họ lớn ở Tấn là Hàn, Triệu, Ngụy đã cướp nước Tấn, chia làm ba nước.*], thì không ai giúp đỡ, làm sao có thể cứu lẫn nhau được. Trong công việc, không bắt chước đời xưa mà có thể lâu dài thì đó là điều chưa hề nghe nói [*Câu này chứng tỏ Thuần Vu Việt đã theo đạo nho*]. Nay bọn thanh thần lại siểm nịnh bệ hạ để làm cho điều sai lầm của bệ hạ thêm nặng. Như thế không phải là kẻ trung thần.

Thủy Hoàng đưa lời can của ông ta xuống các quan bàn. Thừa tướng Lý Tư nói: -Ngũ Đế không lập nhau, Tam Đại [*Ngũ Đế:Hoàng Đế, Chuyên Húc, Cốc, Nghiêu, Thuấn. Tam Đại: Hạ, Thương, Chu.*] không bắt chước nhau, đời nào trị dân theo cách của đời đó, không phải vì họ phản lại nhau, chính vì thời thế thay đổi cho nên như vậy. Nay bệ hạ lần đầu tiên làm nên

nghiệp lớn, dựng lên cái công vạn đời, đó không phải là điều bọn nhà Nho ngu ngốc biết được [*Lý Tư theo lập trường của phái pháp gia nên rất ghét nhà Nho*]. Vả chẳng, điều Thuần Vu Việt nói là những việc của thời Tam Đại, làm sao có thể đủ cho ta bắt chước? Trước đây, các nước chur hầu tranh nhau, hậu đãi đón mời những người du thuyết. Nhưng bây giờ thiên hạ đã bình định, luật pháp, mệnh lệnh, đều từ một nơi ban ra, trăm họ làm ăn ra sức lo về nghề nông, nghề công, kẻ sĩ thì học tập pháp luật, mệnh lệnh những điều ngăn cấm. Nay các Nho sinh không theo thời nay mà học thời xưa để chê bai thời nay làm cho bọn "đầu đen" rối loạn, thần Tư này là thừa tướng xin liêu chết nói rằng: Ngày xưa thiên hạ phân tán rối loạn không ai thống nhất được? Vì vậy cho nên các chur hầu cùng trị vì một lúc, khi nói thì mọi người đều nói việc xưa làm hại việc nay, trau chuốt những lời nói suông làm loạn việc thực, mọi người đều lấy cái học riêng của mình để chê bai những điều nhà vua làm [*Một điều buồn cười là cũng chính Lý Tư trước đây lại dâng một bức thư cho vua Tần can nhà vua đừng đuổi những người du thuyết trong ấy có Tư. Xem Lý Tư liệt truyện (quyển 2)*]. Nhưng nay Hoàng đế đã thấu tóm cả thiên hạ, phân biệt trắng đen mà định ra điều duy nhất được tôn trọng. Những kẻ học Nho theo cái học riêng của mình lại cùng nhau chê cười pháp luật rồi đem dạy cho người ta. Khi nghe lệnh ban xuống thì họ đều lấy cái học riêng của mình để bàn tán. Khi vào triều, thì trong bụng chê bai. Ra đường, thì bàn bạc chê vua của mình để lấy danh, làm cho khác người để tỏ là cao, bày cho kẻ ở dưới phỉ báng. Nếu như thế mà không cấm thì ở trên uy thế của nhà vua sẽ bị giảm sút, ở dưới các bè đảng sẽ nổi lên. Nên cấm là hơn. Thần xin đốt tất cả các sách sử, trừ những sách sử của nhà Tần [*Chú ý những ngoại lệ*]. Trừ những người làm chức bác sĩ, ai cất dấu Kinh Thư, Kinh Thi, sách vở của trăm nhà đều đem đến quan thú, quan úy mà đốt đi, hai người dám bàn nhau về việc Kinh Thư, Kinh Thi thì chém giữa chợ, lấy đời xưa mà chê đời nay thì giết cả họ. Quan lại biết mà không tố cáo, thì cũng bị tội. Lệnh ban ra trong ba mươi ngày không đốt sách thì khắc vào mặt cho đi thú để xây và canh giữ Trường Thành. Những sách không bỏ là sách thuốc, sách bói, sách trồng cây. Ai muốn học pháp luật thì thờ quan lại làm thầy.

Chế của nhà vua nói: "Được".

Năm thứ 35, sai làm con đường thông từ huyện Cửu Nguyên đến đất Vân Dương, đục núi, lấp các khe núi, nhờ vậy đường đi suốt và thẳng. Thủy Hoàng cho rằng ở Hàm Dương người thì đông mà cung đình các vua trước thì nhỏ, nói: - Ta nghe vua Văn Vương nhà Chu đóng đô ở đất Phong và Vũ Vương đóng đô ở Cảo, miền giữa Phong và Cảo là đô của đế vương.

Bèn sai xây cung để tiếp các triều thần ở phía nam sông Vị. Trong vườn

Thượng Lâm trước tiên sai xây cái điện đằng trước của cung A Phòng dài 500 bộ từ đông sang tây, rộng 50 trượng [*Một bộ 5 thước. Một trượng 10 thước.*] từ nam đến bắc, ở trên có thể ngồi một vạn người, ở dưới có thể cắm cờ cao 5 trượng. Xung quanh sai làm đường gác từ dưới điện chạy thẳng cho đến đỉnh núi Nam Sơn. Sai dựng một cái cửa ở núi Nam Sơn, làm đường phức đạo từ cung A Phòng vượt qua sông Vị đi mãi đến Hàm Dương để bắt chước con đường của sao Thiên Cự, sao này qua sông Ngân Hà đến tận sao Dinh Thất. Khi cung A Phòng chưa xây xong, nhà vua muốn tìm một cái tên đẹp mà gọi. Vì cung này gần cung thất nhà vua cho nên thiên hạ gọi nó là cung A Phòng [*A có nghĩa là gần*]. Đưa những người bị tội thiên ở Ân Cung hơn 70 vạn người [*Con số kinh khủng!*] chia nhau xây cung A Phòng hoặc đắp núi Ly Sơn. Lấy cái quách bằng đá ở núi Bắc Sơn, lấy gỗ từ đất Thục, đất Kinh chở về đến nơi ấy.

Ở Quan Trung, số cung đến 300 cái, ở ngoài Quan Trung hơn 400 cái. Thủy Hoàng bèn sai dựng đá ở bờ biển Đông Hải thuộc đất Cù để làm cửa phía đông của Tần, nhân đấy dời 3 vạn nhà đến Ly Áp, 5 vạn nhà đến Vân Dương, những nhà này đều được tha việc công dịch mười năm.

Lư Sinh [*Lư Sinh được Tần Thủy Hoàng phái đi tìm thuốc tiên trước đây 3 năm*] nói với Tần Thủy Hoàng: - Bọn thần đi tìm cây "chi" là thứ thuốc lạ nhưng thường không gặp "tiên" [*Khái niệm con người bất tử chỉ xuất hiện từ thời chiến quốc. Sách Trang Tử gọi là "chân nhân" về sau gọi là tiên*] xem ra có vật chi cản trở. Trong pháp thuật [*Nguyên văn "trong những nguyên tắc của những người phương sĩ" phương sĩ là hạng người tương tự như phù thủy, dùng phù phép, ma thuật để mê hoặc người ta*] có phép vi hành để tránh ác quỷ, tránh được ác quỷ thì "chân nhân" mới đến. Nếu kẻ bày tội biết được nơi nhà vua ở thì có hại đến thân. Bậc "chân nhân" đi vào nước không ướt, đi vào lửa không cháy, bay lên mây, cùng trường thọ với trời đất. Nay nhà vua cai trị thiên hạ vẫn chưa nghĩ ngơi được chút gì. Xin nhà vua ở cung nào đừng cho ai biết, thì sau đó mới có thể lấy thuốc bất tử.

Thủy Hoàng nói: - Ta rất thích bậc "chân nhân".

Và tự coi là "chân nhân" chứ không gọi là "Trẫm".

Thủy Hoàng bèn ra lệnh: "Trong vòng 200 dặm xung quanh Hàm Dương, 270 cung điện ở đây có đường phức đạo và đường ống liền nhau, đem màn trướng, trống chiêng cùng gái đẹp đưa vào các cung không cho xê dịch. Vua đến đâu nếu có kẻ nào nói nơi nhà vua ở thì bị tội chết".

Thủy Hoàng đến cung Lương Sơn đứng trên núi thấy xe, quân kỵ của thừa tướng rất đông, không bằng lòng. Có kẻ nói với thừa tướng. Sau đó thừa tướng bớt xe và quân kỵ đi.

Thủy Hoàng nổi giận nói: - Thế nào cũng có người tiết lộ điều ta đã nói.

Khi tra xét thì không ai thú. Nhà vua bèn sai bắt tất cả những người ngồi cạnh lúc nhà vua nói và giết đi [*Đời Tần Thủy Hoàng còn có những hành động võ đoán hơn các vua nô lệ thời La Mã*]. Từ đó về sau, không ai biết nhà vua đi đâu. Khi nghe công việc thì quần thần chỉ nhận được những điều đã quyết định, mọi việc đều giải quyết ở trong cung Hàm Dương.

Hầu Sinh và Lư Sinh bàn nhau: - Thủy Hoàng tính khí bướng bỉnh, gàn dở, chỉ nghe theo mình. Xuất thân là chư hầu, thâm tócm cả thiên hạ, ý chí tự đắc, muốn gì được nấy, tự cho rằng từ xưa đến nay, không ai bằng mình, chuyên dùng bọn pháp quan. Bọn pháp quan được yêu quý, bác sĩ tuy có 70 người nhưng chỉ cho đủ số chứ không được dùng. Thừa tướng và các quan đại thần đều nhận được những điều đã quyết định xong còn việc làm là ở nhà vua. Nhà vua thích việc hình phạt chém giết để ra uy. Thiên hạ sợ tội muốn giữ bông lộc không ai dám hết lòng trung. Nhà vua không nghe nói đến sai lầm của mình nên ngày càng kiêu ngạo. Ở dưới thì sợ nép một bề, nói dối để được dung thân. Theo phép nhà Tần không được làm hai nghề, làm sai là chết ngay. Những kẻ xem sao, khí mây [*Để đoán điềm lành, điềm dữ*] có đến 300 người đều là những người giỏi nhưng đều sợ hãi, trốn tránh a dua, không nói những sai lầm của nhà vua. Công việc trong thiên hạ không kể lớn nhỏ đều do nhà vua quyết đoán. Đến nỗi nhà vua phải lấy thạch [*Một thạch nặng 120 cân*] mà cân giấy tờ, một ngày một đêm không làm đủ một thạch thì không được nghỉ ngơi. Con người tham quyền thế như vậy không thể nào tìm thuốc thiên cho ông ta được.

Hai người bèn bỏ trốn. Thủy Hoàng nghe nói họ bỏ trốn thì nổi giận, nói: -Trước đây ta thu các sách trong thiên hạ, sách nào không dùng được thì bỏ đi, sai triệu tập tất cả những người có văn học và những phương sĩ, thuật sĩ rất đông muốn làm cho thiên hạ thái bình. Ta triệu tập bọn thuật sĩ là muốn họ tìm thuốc lạ, nay nghe nói bọn Hầu Sinh chúng bỏ đi không báo với ta, bọn Tù Phúc [*Từ Phúc nói với vua ở ngoài biển có ba hòn đảo là Bồng Lai, Phương Trượng và Dinh Châu. Tiên ở đấy. Vua cho Phúc đem mấy nghìn người nam nữ trẻ tuổi đi đón tiên về. Từ Phúc cùng họ đi không về nữa. Truyền thuyết Nhật Bản nói Từ Phúc đến Nhật rồi ở hẳn đấy.*] làm tốn kém hàng ức vạn, nhưng cuối cùng vẫn không được thuốc, ngày ngày chỉ nghe chúng nói nhau về việc tham lợi riêng của chúng. Bọn Lương Sinh được ta tôn quý, thưởng cho rất nhiều nhưng lại phỉ báng ta để làm nặng điều sai lầm của ta, bọn nhà Nho ở Hàm Dương được ta sai người hỏi thì có kẻ đặt ra những lời nói nhằm để làm loạn bọn "đầu đen".

Bèn sai ngự sử xét tất cả các nhà Nho. Các nhà Nho tố giác lẫn nhau, có hơn 460 người phạm điều đã cấm. Thủy Hoàng sai chôn sống tất cả ở Hàm Dương, báo cho thiên hạ biết để làm răn. Sau đó lại sai đầy biên giới nhiều

người bị tội để đi thú.

Con cả của Thủy Hoàng là Phù Tô can: - Thiên hạ mới được bình định. Những kẻ "đầu đen" ở phương xa vẫn chưa theo ta. Các nho sinh đều học theo Khổng Tử nay bệ hạ dùng theo pháp luật nặng để trói buộc họ thì thần sợ thiên hạ không yên, xin bệ hạ nghĩ đến điều đó.

Thủy Hoàng nổi giận sai Phù Tô đi lên miền bắc để giám sát Mông Diêm ở Thượng Quận.

Năm thứ 36, sao Huỳnh hoặc ở vào khu vực của sao Tâm, có ngôi sao rơi xuống Đông Quận. Khi rơi xuống đất thì thành đá. Có bọn "đầu đen" khắc vào đá: "Thủy Hoàng chết thì đất bị chia". Thủy Hoàng nghe tin ấy, sai ngự sử tra hỏi, nhưng không ai thú, bèn bắt tất cả những người ở gần đấy giết đi, và đốt cháy hòn đá. Thủy Hoàng không vui, sai các bác sĩ làm thơ ca ngợi "tiên" và "chân nhân" cùng những nơi trong thiên hạ mà mình đã đi chơi. Sai nhạc công ca và đàn hát những bài ấy. Mùa thu, sứ giả đang đêm từ Quan Đông đi qua Hoa Âm trên đường bình thư. Có người cầm ngọc bích chặn đường sứ giả mà nói: - Ông làm ơn đưa viên ngọc cho Hạo Trì.

Nhân đấy nói rằng: - Năm nay thì Tổ Long chết. ,

Sứ giả hỏi: - Tại sao?

Người ấy biến mất để lại viên ngọc bích ở đấy. Sứ giả cầm ngọc bích kể lại đầu đuôi cho nhà vua nghe. Thủy Hoàng nín lặng hồi lâu nói: - Quỷ núi chẳng qua chỉ biết việc xảy ra trong một năm mà thôi.

Khi vào cung nói: - Tổ Long đó là tổ tiên của người [*Tổ là đầu cũng như Thủy, Long là chỉ nhà vua. Tổ Long cũng như Thủy Hoàng.*].

Vua sai ngự phủ xem ngọc bích thì đó là viên ngọc nhà vua để chìm khi vượt qua Trường Giang năm thứ 28. Thủy Hoàng sai bói trong quẻ nói: "Đi chơi thì tốt". Thủy Hoàng bèn sai dời 3 vạn nhà đến Du Trung ở Bắc Hà, thưởng cho các quan thêm một cấp.

4. Cái chết của Thủy Hoàng

Tháng mười năm thứ 37 (211 trước công nguyên) ngày Quý sửu, Thủy Hoàng đi chơi, tả thừa tướng Lý Tư đi theo, hữu thừa tướng Khứ Tất ở nhà. Hồ Hợi, con nhỏ của Thủy Hoàng, được nhà vua yêu mến xin đi theo, vua bằng lòng. Tháng 11, đi đến Vân Mộng, tể vua Thuấn ở núi Cửu Nghi, đi thuyền qua sông Trường Giang xem Tích Kha vượt qua bãi ngoài biển, qua Đan Dương đến Tiền Đường, đi đến Chiết Giang gặp lúc sóng to nên đi về phía tây một trăm hai mươi dặm, qua sông ở nơi dòng sông hẹp, lên Cối Kê tể vua Vũ, nhìn ra biển Nam Hải khắc công đức nhà Tần [*Bỏ một đoạn gồm những bài thơ ca ngợi*].

Sau đó, trở về, đi qua đất Ngô theo sông Trường Giang qua đò ở Giang Thặng và đi dọc theo bờ biển lên phía bắc đến đất Lang Gia.

Bọn phương sĩ Từ Phúc ra ngoài biển tìm thuốc thần mấy năm không được, tốn kém rất nhiều. Chúng sợ bị trừng trị bèn lừa dối nói rằng thuốc của Bồng Lai có thể lấy được, nhưng bị con cá giao lớn làm khổ cho nên không đến được, xin nhà vua cấp cho người thiện xạ cùng đi, lấy cái nỏ bắn nhiều phát một lúc để bắn. Thủy Hoàng nằm mơ thấy mình đánh nhau với thần biển hình người. Bèn hỏi người đoán mộng.

Bác sĩ nói: - Thủy thần không thể trông thấy nên hiện thành con cá giao. Xin nhà vua cầu khẩn, thờ phụng có đủ lễ vật thì mới trừ được thứ thần ác và làm cho thần thiện có thể đến được.

Nhà vua bèn sai người ra biển mang đồ bắt cá lớn, còn tự mình cũng làm nỏ bắn nhiều phát một lúc, chờ khi nào cá lớn xuất hiện thì bắn. Nhà vua đi từ Lang Gia về phía bắc đến núi Huỳnh Thành nhưng không thấy cá. Đến Chi Phù thì thấy cá lớn, giết chết một con. Sau đó đi dọc theo đường biển. Khi đi về phía tây đến bến Bình Nguyên thì bị bệnh.

Thủy Hoàng ghét người ta nói đến việc chết, cho nên quần thần không ai dám nói với nhà vua về việc chết. Khi bệnh càng nặng, nhà vua bèn viết thư đóng dấu của vua gửi đến công tử Phù Tô nói, "Con về Hàm Dương với đám tang, và chôn cất ta ở đấy". Bức thư đã niêm phong ở trong phủ trung xa thuộc quyền Triệu Cao. Bức thư có dấu của nhà vua làm tin chưa giao cho sứ giả, thì ngày Bính dần, tháng bảy, Thủy Hoàng chết ở Bình Đài, thuộc đất Sa Khâu.

5. Những biến cố xảy ra sau khi Thủy Hoàng chết

Thừa tướng Lý Tư thấy nhà vua chết ở xa kinh đô, sợ các công tử và thiên hạ có biến loạn, bèn giấu kín điều đó, không báo tang, chở quan tài trong một cái xe mát (xe có cửa mở ra thì mát, đóng lại thì ấm), cho một người hoạn quan được vua yêu, ngồi trong xe, đến đâu thì dâng thức ăn, trăm quan vẫn tâu việc như thường. Viên hoạn quan ở trong xe nghe lời tâu, liền bảo, "Được!". Chỉ có Hồ Hợi, Triệu Cao và một vài hoạn quan thân tín của nhà vua, tất cả có năm sáu người biết là nhà vua đã chết.

Triệu Cao trước đây đã có lần dạy Hồ Hợi học viết cùng với pháp luật, mệnh lệnh. Hồ Hợi yêu quý Triệu Cao. Triệu Cao bèn cùng công tử Hồ Hợi và thừa tướng Lý Tư âm mưu phá hủy bức thư của Thủy Hoàng gửi cho công tử Phù Tô, mà bịa đặt thành ra chuyện thừa tướng Lý Tư đã nhận được tờ chiếu của Thủy Hoàng ở Sa Khâu, trước khi chết bảo lập Hồ Hợi làm thái tử. Lại làm một bức thư khác gửi cho công tử Phù Tô, và Mông Diêm kể tội hai người, ra lệnh cho hai người phải chết. Câu chuyện này nói kỹ trong truyện Lý Tư (Xem Lý Tư Liệt truyện, đoạn nói về âm mưu của Triệu Cao hết sức sinh động - xem quyển II). Xe đi từ Tỉnh Hình đến Cửu Nguyên. Gặp lúc trời nắng, chiếc xe mát phát ra mùi thối, bèn sai các quan đi theo chở trên xe một thạch cá muối để đánh lẫn mùi thối (Nhận xét tuy nhỏ, nhưng rất mỉa mai). Đi theo đường thẳng đến Hàm Dương, báo tang.

Thái tử Hồ Hợi lên nối nghiệp làm Nhị Thế Hoàng Đế. Tháng 9, chôn Thủy Hoàng ở Ly Sơn. Khi Thủy Hoàng mới lên ngôi đã sai đào núi Ly Sơn. Đến khi thôn tính được thiên hạ, thì dời hơn 70 vạn người trong thiên hạ đào ba con suối, ở dưới đổ đồng và đưa quách vào. Dem những đồ quý báu của các cung, của trăm quan xuống cát đầy ở dưới. Lại sai thợ làm máy bắn tên, có ai đào gần đến gần thì bắn ra. Sai lấy thủy ngân làm một trăm con sông, sông Trường Giang, sông Hoàng Hà và biển lớn. Các máy móc làm cho nước sông và biển chảy vào nhau. Ở trên có đủ thiên văn, ở dưới có đủ địa lý, lấy dầu cá nhân ngư (con hải báo) để thắp đuốc, trừ tính thế nào để cháy lâu không tắt.

Nhị Thế nói: - Những người ở hậu cung của tiên đế nếu không có con cho ra ngoài thì không tiện.

Sai chôn theo tất cả. Số người chết rất nhiều. Sau khi chôn cất xong, có người nói: những người thợ làm máy và cất giấu đều biết chỗ cất giấu, thế nào họ cũng tiết lộ việc lớn. Cho nên sau khi cất giấu xong, sai đóng đường hầm đi đến huyệt, lại sai đóng cửa ngoài cửa hầm. Những người thợ và những người cất giấu của cải không làm sao thoát ra được (Khái niệm về người đối với Nhị Thế cũng như là súc vật). Rồi sai trồng cây, trồng cỏ lên trên để có vẻ như cái núi.

6. Nhị Thế nghe theo Triệu Cao

Năm thứ nhất, đời Nhị Thế Hoàng đế (209 trước Công nguyên), Nhị Thế lên ngôi lúc 21 tuổi. Triệu Cao làm lang trung lệnh, được tin dùng. Nhị Thế ra chiếu sai tăng thêm các vật tế ở miếu Tần Thủy Hoàng cũng như nghi lễ tế các thần núi, thần sông. Ra lệnh cho quần thần bàn việc suy tôn miếu của Thủy Hoàng. Quần thần đều dập đầu nói: - Ngày xưa thiên tử có bảy miếu, chư hầu có năm miếu, đại phu có ba miếu, tuy đến vạn đời cũng không bỏ cái lệ ấy. Nay Thủy Hoàng làm Cực miếu, trong bốn biển đều biểu công vật, tặng các vật tế, lễ rất đầy đủ, không còn thêm gì được nữa. Miếu của tiên vương hoặc ở Tây Ung hoặc ở thành Hàm Dương. Thiên tử theo nghi lễ chỉ nên hiến rượu ở miếu Thủy Hoàng thôi.

Bỏ tất cả nhóm bảy miếu xây từ Tương Công trở xuống (Mỗi vua chết đi xây bảy miếu để thờ, làm thành một nhóm bảy miếu. Làm như vậy là hủy bỏ các miếu từ trước của các vua, chỉ giữ những miếu thờ Thủy Hoàng). Quần thần đều theo lễ đến cúng để tôn miếu của Thủy Hoàng làm tổ miếu của các vị đế. Nhà vua lại tự xưng là "trẫm".

Nhị Thế bàn với Triệu Cao: - Trẫm tuổi còn nhỏ mới lên ngôi, bọn "đầu đen" chưa theo. Tiên đế trước đây đi tuần hành các quận và các huyện để tỏ uy thế, làm bốn biển phục tùng. Nay nếu trẫm để yên không tuần hành, tức là tỏ ra mình yếu, không làm cho thiên hạ thần phục.

Mùa xuân, Nhị Thế đi về hướng đông đến các quận, các huyện, Lý Tư đi theo đến Kiệt Thạch. Nhị Thế đi theo bờ biển phía nam đến Cối Kê rồi khắc lên tất cả những cái bia Thủy Hoàng đã dựng nên. Bên cạnh những cái bia này, dựng một cái bia viết tên các vị quan to đi theo để nêu cao công lao và đức lớn của tiên đế.

Hoàng đế nói: - Những điều khắc trên vàng trên đá, đều là những điều Thủy Hoàng đế đã làm, ta nay tuy nổi tước hiệu của người, nhưng những lời khắc trên vàng, trên đá đều còn rất xa không thể sánh với công đức của người. Những người làm vua sau này nếu khắc thì chớ sánh ngang với công lao và đạo đức to lớn của người.

Thừa tướng Lý Tư, Khứ Tật, ngự sử đại phu là Đúc liêu chết nói: - Chúng tôi xin khắc chiếu thư này ở khắp nơi, và khắc lên đá để cho sáng rõ. Chúng tôi liêu chết xin làm thế.

Chế đưa ra nói: "Được".

Nhị Thế đến Liêu Đông rồi trở về.

Nhị Thế bèn theo mưu mô Triệu Cao, tăng thêm nhiều luật lệ mệnh lệnh. Nhị Thế bàn mưu với Triệu Cao: - Các quan đại thần không phục, quan lại còn mạnh, các công tử thế nào cũng tranh nhau với ta. Bây giờ nên làm thế nào?

Triệu Cao nói: -Thần vốn muốn nói điều ấy đã lâu, nhưng chưa dám nói. Các quan đại thần của tiên đế, đều là những người có danh tiếng và quyền quý đã mấy đời, công lao chồng chất truyền lại đời đời. Nay Cao vốn là người hèn mọn được bệ hạ thương đến cho làm địa vị ở trên, lo những công việc quan trọng nhất, các quan đại thần đều bực bội chỉ theo thần ngoài mặt, chứ trong lòng thực không phục. Nay bệ hạ đi ra, sao không nhân cơ hội này xét những người làm thú, làm úy trong các quận, các huyện, thấy người nào có tội thì giết đi, trước hết để ra oai với thiên hạ, sau đó để trừ những người bình sinh bệ hạ không thích. Trong lúc này không thể theo văn mà phải dùng võ lực để quyết định, xin bệ hạ theo thời mà làm đừng nghi ngờ gì và quần thần không được bàn bạc. Vị vua sáng thu nhận, cất nhắc những người dân hèn, người nào hèn thì cho họ được sang, người nào nghèo thì cho họ được giàu, người nào xa thì cho họ được đến gần. Làm như thế, trên dưới sẽ theo mà nước được an.

Nhị Thế nói: - Phải đấy.

Bèn giết các quan đại thần và các công tử, tội lỗi liên luy đến những viên quan nhỏ hầu hạ nên họ cũng đều bị giết. Các quan tam lang (Những người làm trung lang, ngoại lang, tân lang) không còn ai sống sót, sáu vị công tử bị giết ở đất Đỗ. Công tử Tương Lư anh em ba người bị tù ở trong nội cung, bị luận tội sau cùng. Sau đó Nhị Thế sai sứ giả bảo với Tương Lư: - Công tử không làm tròn phận sự bầy tôi, tội đáng chết, quản lại đến thi hành pháp luật.

Tương Lư nói: - Nghi lễ trong triều tôi chưa bao giờ không theo, ngôi thứ ở chốn miếu đường, tôi chưa bao giờ dám làm sai, nhận mệnh lệnh và ứng đối tôi chưa bao giờ dám lỡ lời. Bảo không làm nhiệm vụ bầy tôi là thế nào xin ông cho biết tội để rồi chịu chết?

Sứ giả nói: - Tôi không được bàn việc ấy, chỉ mang thư đến đây làm tròn phận sự.

Tương Lư bèn ngẩng đầu lên trời kêu to ba tiếng: "Trời ơi! Ta không có tội!". Anh em ba người đều khóc và tuốt kiếm tự sát.

Cả tôn thất run sợ, quần thần ai can ngăn thì phạm tội phi báng. Các quan đại thần thì lo giữ lộc để được yên thân, những kẻ "đầu đen" thì sợ hãi.

Tháng 4, Nhị Thế trở về đến Hàm Dương nói: -Tiên đế cho triều đình ở Hàm Dương nhỏ, nên sai xây cung A Phòng. Nhà cửa chưa xong thì mất. Người ta bỏ việc ấy lo đắp đất lại lên Ly Sơn (Ý nói hoãn việc xây A Phòng, để xây lăng cho Thủy Hoàng. Vì xây lăng thì phải đào đất bỏ quan tài xuống rồi lại đắp đất lên nên nói đắp đất lại). Công việc ở Ly Sơn đã xong. Nay nếu ta bỏ cung A Phòng không làm thì tức là nêu rõ việc làm của tiên đế là sai lầm.

Vì vậy lại làm cung A Phòng, để bên ngoài ra uy với tứ di (Danh từ

chung để chỉ những dân tộc ở ngoài địa bản Trung quốc), như kế của Thủy Hoàng. Sai trung tập tất cả những kẻ bắn giỏi gồm năm vạn người lập đồn để bảo vệ Hàm Dương. Sai dạy bắn. Lúc bấy giờ phải nuôi chó, ngựa, chim muông rất nhiều, việc cung cấp không đủ. Nhà vua sai các quận và các huyện chuyên chở đồ, lúa, cỏ, rơm, người nào cũng phải thân hành mang lương thực mà ăn, không được ăn gạo trong vòng 300 dặm quanh thành Hàm Dương, pháp luật lại càng nghiêm ngặt.

6'. Dân chúng nổi dậy, quân Tần thua to

Tháng 7, bọn lính thú là Trần Thắng (Xem Trần Thiệp thế gia) làm phản ở đất Kinh ngày trước, hiệu là "Trương Sở". Trần Thắng tự lập làm vua Sở. Thắng ở đất Trần sai các tướng đi chiêu hàng các nơi. Những người trai tráng ở các quận, các huyện Sơn Đông [*Chú ý Sơn Đông ở đây, là chỉ miền đất ở phía đông núi Hào Sơn, tức là tất cả sáu nước, còn miền đất ở phía tây tức là nước Tần chứ không phải Sơn Đông bây giờ.*], bị khổ sở vì bọn quan lại nhà Tần, đều giết bọn thú, úy, lệnh, thừa [*Trong một quận có quan thú coi việc chính trị, quan úy coi về quân sự. Trong một huyện có lệnh và dưới lệnh có thừa. Đây nói giết những người cầm đầu các quận và các huyện.*] làm phản để hưởng ứng Trần Thiệp lập nhau làm hầu, vương, liên hợp với nhau đi về hướng tây, lấy danh nghĩa đánh Tần, đông không kể xiết. Quan yết giả từ hướng đông lại báo với Nhị Thế về việc dân làm phản. Nhị Thế nổi giận giao yết giả cho quan lại trừng trị. Sau đó có sứ giả đến, nhà vua hỏi thì họ đều nói: -Bọn ăn trộm đang bị các thú và các úy ở quận đuổi bắt, bây giờ đã bắt hết không cần phải lo nữa.

Nhà vua bằng lòng.

Vũ Thần tự lập làm Triệu Vương, Ngụy Cữu làm Ngụy Vương. Điền Đan làm Tề Vương, Bái Công nổi dậy ở đất Bái, Hạng Vũ dấy binh ở Cối Kê.

Năm thứ 2 (208 trước Công nguyên) mùa đông, Trần Thiệp sai bọn Chu Chương đem binh đi về hướng tây [*Vì Tần ở phía tây, nên hẳn nói đi về hướng tây, sang tây là đi về hướng nước Tần, còn đi về đông, sang đông là đi về các nước khác.*] đến đất Hý, binh mấy mươi vạn, Nhị Thế hoảng sợ bàn với quần thần: - Bây giờ làm thế nào?

Chương Hàm làm Thiếu phủ nói: - Bọn giặc đã đông và mạnh. Nay nếu đem binh ở các huyện đến thì không kịp nữa. Những người bị vây phải làm ở Ly Sơn rất đông xin tha cho họ, giao cho họ binh khí để đánh giặc.

Nhị Thế liền đại xá thiên hạ, sai Chương Hàm cầm quân phá quân của Chu Chương. Chu Chương bỏ chạy. Sau đó giết Chu Chương ở Tào Dương. Nhị Thế lại sai thêm tướng sử là Tư Mã Hân và Đổng Ế giúp Chương Hàm đánh quân giặc, giết Trần Thắng ở Thành Phụ, phá tan quân của Hạng Lương ở Định Đào, tiêu diệt quân của Ngụy Cữu ở Lâm Tế. Các danh tướng của giặc ở đất Sở đều đã chết rồi. Chương Hàm bèn đem quân đi về hướng bắc vượt Hoàng Hà để đánh vua Triệu là Yết ở Cự Lộc.

Triệu Cao nói với Nhị Thế: - Tiên đế cai trị thiên hạ đã lâu cho nên quần thần không dám làm bậy. Nhưng bệ hạ bây giờ còn trẻ, mới lên ngôi, lẽ nào lại bàn bạc công việc ở triều đình với các công khanh, lỡ ra mà có điều sai sót tức là để lộ chỗ kém của mình cho quần thần thấy. Thiên tử tự gọi là

"trẫm" nghĩa là người ta không nghe tiếng nói.

Do đó, Nhị Thế thường ở trong cung cấm quyết định mọi việc với Triệu Cao. Về sau các công khanh ít khi được triều kiến.

Giặc cướp càng ngày càng nhiều, binh của Quan Trung đưa ra hướng đông để đánh giặc cứ phải đi mãi không thôi. Hữu thừa tướng là Khứ Tật, tả thừa tướng là Lý Tư, tướng quân là Phùng Kiếp can nhà vua nói "Ở Quan Đông, bọn giặc nhao nhao nổi lên, Tần đem quân trừ khử giết cũng rất nhiều nhưng vẫn không thôi. Giặc phần lớn là những người đi thú và lo vận chuyển trên cạn dưới nước, họ làm giặc vì việc xây đắp khổ cực, vì thuế má nặng. Xin đình việc xây đắp ở cung A Phòng, giảm bớt lính thú ở các biên giới."

Nhị Thế nói: -Ta nghe Hàn Phi [*Hàn Phi là một du thuyết nổi tiếng, chủ trương thuyết dùng pháp luật trị nước gọi là phái pháp gia. Vì Lý Tư ghen tài nên xúi nhà vua giết chết. Nhắc lại lời của Hàn Phi là ý chế nhạo Lý Tư.*] nói, Nghiêu, Thuấn có kèo nhà bằng gỗ, đẽo mà không bào, tranh mái nhà không cắt phẳng, uống chén đất, ăn bát bằng sành, một người giữ cửa ăn cũng không đến nổi kém như thế. Vua Hạ Vũ đục núi Long Môn để cho nước thông với Đại Hạ, khơi dòng cho nước ứ đọng ở sông Hà đi ra biển. Thân mình mang thuồng để đắp đất, chân không còn lông, dù bọn tôi tớ và bọn tù cũng không khổ sở đến thế. Con người có thiên hạ sở dĩ được tôn quý là vì có thể làm thoả chí, theo sở thích của mình, muốn gì được nấy. Nhà vua cứ làm cho những pháp luật rõ ràng thì ở dưới không ai dám làm điều bậy, và như vậy, là khống chế được thiên hạ. Các vua như vua Thuấn, vua Vũ tuy có cái địa vị cao sang là làm thiên tử, nhưng thực ra họ ở nơi cùng khổ để nêu gương cho trăm họ. Như thế có gì đáng bắt chước? Trẫm được tiếng là Vạn Thặng [*Theo quy chế nhà Chu, thiên tử có thể có một vạn cỗ xe cho nên nói thiên tử người ta thường gọi là "vạn thặng".*] nhưng thực ra không có. Ta muốn làm một đoàn xe nghìn cỗ để đi, theo sau là một vạn cỗ, để xứng với tôn hiệu của ta. Vả chăng, tiên đế nổi lên từ địa vị chư hầu rồi thôn tính thiên hạ. Thiên hạ đã được bình định rồi lại đuổi tứ di ở bên ngoài để giữ an biên giới, xây cung thất để nêu cao ý thích của mình. Người xem công nghiệp của tiên đế đã được tiếp tục như thế nào. Nay ta lên ngôi trong vòng hai năm, bọn giặc nổi lên, nhà người không cấm được họ lại muốn bỏ điều tiên đế làm, như thế thì trước hết không có gì báo ơn tiên đế, sau nữa không tận trung hết sức với trẫm, còn giữ chức làm gì!

Bèn giao cho quan lại bắt Khứ Tật, Lý Tư, Phùng Kiếp, xét các tội khác. Khứ Tật và Phùng Kiếp nói: -Kẻ làm tướng quân và thừa tướng không chịu nhục.

Bèn tự sát. Lý Tư bị tù và chịu năm hình phạt (Khắc chữ vào mặt, cắt mũi, chặt hai chân, đánh chết, chặt đầu, bêu thây ngoài chợ).

Năm thứ 3, đời Tần Nhị Thế, Chương Hàm cầm quân vây thành Cự Lộc, thượng tướng quân của Sở là Hạng Vũ cầm đầu quân Sở đến cứu Cự Lộc. Mùa đông, Triệu Cao làm thừa tướng, xét án Lý Tư rồi giết Lý Tư. Mùa hạ, bọn Chương Hàm đánh bị thua mấy lần, Nhị Thế cho người đến trách Chương Hàm. Chương Hàm sợ sai trưởng sử là Tư Mã Hân đến trình việc. Triệu Cao không cho tiếp kiến, lại tỏ ra nghi ngờ. Tư Mã Hân sợ bỏ trốn. Triệu Cao sai người đuổi theo nhưng không bắt được. Tư Mã Hân đến gặp Chương Hàm nói: - Ở trong triều, Triệu Cao hoành hành, tướng quân có công cũng bị giết, không có công cũng bị giết. Hạng Vũ đánh quân Tần rất gấp, cầm tù Vương Ly. Bọn Chương Hàm bèn đem binh đầu hàng chư hầu.

7. Nhị Thế bị Triệu Cao giết

Tháng tám ngày Kỷ Hợi, Triệu Cao muốn làm phản, nhưng sợ quần thần không nghe, nên trước tiên phải thử. Y dâng Nhị Thế một con hươu, và bảo rằng đó là con ngựa.

Nhị Thế cười nói: - Thừa tướng làm đấy chứ! Sao lại gọi con hươu là con ngựa? Nhị Thế hỏi các quan xung quanh. Những người xung quanh im lặng, có người nói là "ngựa" để vừa lòng Triệu Cao, cũng có người nói "hươu".

Nhân đấy Triệu Cao để ý những người nào nói là "hươu" để dùng pháp luật trị tội. Sau đó quần thần đều sợ Cao.

Trước đấy Cao thường nói: "Bọn ăn trộm ở Quan Đông không làm được gì". Nhưng đến khi Hạng Vũ đã cầm tù được tướng Tần là Vương Ly ở chân thành Cự Lộc và đem quân tiến đánh, bọn Chương Hàm bị thua trận rút lui, dâng thư xin tiếp viện, các nước Yên, Triệu, Tề, Sở, Hàn, Ngụy đều lập vua, từ Quan Trung về phía đông, phần lớn nhân dân đều chống lại quan lại nhà Tần, hưởng ứng theo chư hầu, chư hầu đều đem tất cả nhân dân đi về hướng tây. Bái Công cầm mấy vạn quân đã làm cỏ thành Vũ Quan, cho người bàn riêng với Triệu Cao. Triệu Cao sợ Nhị Thế giận giết cả mình bèn cáo bệnh không đi châu. Nhị Thế nằm mộng thấy con hổ trắng cắn chết con ngựa bên trái trong cỗ xe của nhà vua trong lòng không vui. Nhị Thế lấy làm lạ, hỏi người bói mộng.

Người bói mộng nói: - Nguồn gốc của tai họa là do sông Kinh.

Nhị Thế bèn ăn chay ở "Vọng Di Cung" muốn cúng sông Kinh, dìm bốn con ngựa trắng xuống sông và sai sứ giả trách Triệu Cao về việc giặc cướp. Triệu Cao sợ bèn bàn mưu "Hoàng đế muốn quy tội cho chúng ta. Ta muốn thay đổi vua lập công tử Anh. Tử Anh là người nhân đức, cần kiệm, trăm họ đều kính trọng lời nói của ông ta."

Triệu Cao liền sai lang trung lệnh làm nội ứng giả vờ báo cáo có giặc lớn, sai Diễm Nhạc triệu tập các tướng đem quân đuổi giặc. Ép mẹ của Diễm Nhạc đưa vào nhà của Cao (Vì sợ Diễm Nhạc phản mình, nên phải nắm lấy mẹ y làm con tin), sai Diễm Nhạc cầm hơn một nghìn người đến cửa "Vọng Di Cung". Nhạc trói người vệ binh giữ cung và các bộc xa (chức quan võ nhỏ) mà nói: - Quân giặc đã vào thành tại sao không ngăn cản chúng lại.

Viên quan giữ thành nói: - Ở những nhà xung quanh thành, tôi đã bố trí binh sĩ rất cẩn thận làm sao lại có giặc dám vào cung được?

Diễm Nhạc bèn chém quan giữ thành, đem quân đi vào, vừa đi vừa bắn. Các quan lang và bọn hoạn quan hoảng hốt, có người bỏ chạy, có người kháng cự. Ai kháng cự thì chết, chết tất cả mấy mươi người. Lang trung lệnh và Diễm Nhạc đều bước vào, bắn vào cái màn Nhị Thế ngồi.

Nhị Thế nổi giận gọi những người hầu đến. Mọi người đều hoảng sợ không dám chống cự, chỉ có một viên hoạn quan hầu ở bên cạnh không dám bỏ đi. Nhị Thế bước vào cuối trường nói: -Tại sao nhà ngươi không báo với ta từ trước để đến nỗi gặp tình cảnh này?

Viên hoạn quan nói: -Thần sở dĩ được sống là nhờ không dám nói. Nếu nói trước thì thần đã bị giết rồi, làm sao còn sống đến ngày nay được?

Diễm Nhạc tiến đến trước mặt Nhị Thế mắng: - Túc hạ kiêu ngạo ngang ngược, giết người, vô đạo, thiên hạ đều phản lại túc hạ. Túc hạ liệu xem mình nên như thế nào?

Nhị Thế nói: - Ta có được gặp mặt thừa tướng hay không?

- Không được!

- Ta muốn làm vua một quận.

Diễm Nhạc không cho, Nhị Thế đành nói: - Muốn làm vạn hộ hầu.

Cũng không cho, Nhị Thế nói: - Xin làm bọn "đầu đen" với vợ con cũng như các công tử khác.

Diễm Nhạc nói: - Tôi vâng lệnh thừa tướng vì thiên hạ, giết túc hạ. Tuy túc hạ có nhiều lời, tôi cũng không dám báo lại.

Diễm Nhạc vẫn cờ cho binh sĩ tiến đến. Nhị Thế tự sát. Diễm Nhạc quay về báo với Triệu Cao. Triệu Cao bèn triệu tập tất cả công tử và các đại thần báo việc giết Nhị Thế, nói: -Nguyên nước Tần là một vương quốc, Thủy Hoàng làm vua cả thiên hạ, nên xưng đế. Nay sáu nước lại tự lập, đất đai của Tần càng nhỏ đi, làm đế là chỉ có cái tên hão mà thôi, như thế không nên, nên làm vương như trước.

Bèn lập con người anh của Nhị Thế là công tử Anh, làm Tần Vương, sai chôn Nhị Thế theo lễ một thường dân ở phía nam đất Đỗ, trong vườn Nghi Xuân, bảo Tử Anh, trước khi ra miếu để nhận ấn làm vua, phải ăn chay năm ngày.

8. Tử Anh giết Triệu Cao, đầu hàng Lưu Bang

Tử Anh bàn với hai người con: - Thừa tướng Triệu Cao giết Nhị Thế ở Vọng Di cung, sợ bị quần thần giết nên giả vờ lập ta. Ta nghe nói Triệu Cao đã giao ước với Sở tiêu diệt dòng họ nhà Tần, và làm vương ở Quan Trung. Nay ông ta bảo ta ăn chay, ra miếu, tức là muốn nhân đây giết ta ở trong miếu. Ta cáo bệnh không đi, thừa tướng thế nào cũng thân hành đến, khi đến thì ta sẽ giết.

Triệu Cao sai người mời Tử Anh mấy lần, Tử Anh không đi. Quả nhiên, Triệu Cao thân hành đến hỏi: - Việc tôn miếu là việc quan trọng. Tại sao nhà vua lại không đi?

Tử Anh bèn cầm giáo đâm chết Triệu Cao ở trai cung, giết ba họ (Cha mẹ, anh em, vợ con. Có sách nói cha, mẹ, vợ) Triệu Cao để nêu gương cho dân Hàm Dương.

Tử Anh làm vua Tần được bốn mươi sáu ngày thì tướng Sở là Bái Công, đã phá quân Tần vào Quan Trung, sau đó đến Bái Thượng, sai người bảo Tử Anh đầu hàng. Tử Anh bèn buộc dây ấn vào cổ (tỏ ra sẵn sàng thắt cổ chết) ngồi trên một chiếc xe gỗ, không sơn do một con ngựa trắng kéo (Dấu hiệu đám ma), mang ấn, phù của thiên tử đầu hàng ở gần Chi Đạo. Bái Công bèn vào Hàm Dương niêm phong cung thất, các kho rồi về đóng quân ở Bái Thượng. Được hơn một tháng thì quân chư hầu đến, Hạng Tịch cầm đầu chư hầu giết Tử Anh và các công tử nhà Tần, diệt dòng họ nhà Tần, làm cỏ thành Hàm Dương, đốt cung thất, bắt con trai con gái làm tù, lấy của cải châu báu cùng chia nhau với chư hầu.

Sau khi diệt Tần. Hạng Vũ chia đất Tần cho ba vua gọi là: Ung Vương, Tắc Vương, Địch Vương hiệu là Tam Tần. Hạng Vũ làm Tây Sở Bá Vương, làm chủ việc chia thiên hạ, phong vương cho chư hầu. Thế là nhà Tần bị diệt.

Năm năm sau thiên hạ theo về nhà Hán.

(Lược bỏ đoạn cuối là một đoạn trong "Quá Tần luận" của Giả Nghị)

[04] HẠNG VŨ bản kỷ

- [1. Gia thế Tích và Lương](#)
- [2. Cách Tích khởi nghĩa khác thường](#)
- [3. Lai lịch Hang Lương từ khi khởi nghĩa đến khi thất bại](#)
- [4. Hành động của Hang Vũ](#)
- [5. Chương Hàm đầu hàng Hang Vũ, Vũ chôn sống quân Tần](#)
- [6. "Ăn yên ở Hồng Môn"](#)
- [7. Hang Vũ diệt nhà Tần, phong vương cho các tướng](#)
- [8. Tình hình chiến sự giữa Hán và Sở trong bốn năm](#)
- [9. Cái chết của Hang Vũ](#)
- [10. Nguyên nhân thất bại của Hang Vũ.](#)

1. Gia thế Tịch và Lương

HANG TỊCH, người ở đất Hạ Tương, tên tự là Vũ. Khi khởi nghĩa (209 trước Công nguyên), Tịch hai mươi bốn tuổi. Chú Tịch là Hạng Lương. Cha của Hạng Lương là Hạng Yên làm tướng nước Sở, bị tướng nước Tần là Vương Tiễn giết. Họ Hạng đời đời làm tướng nước Sở, được phong ở đất Hạng cho nên lấy họ là họ Hạng. Lúc còn nhỏ, Tịch học chữ, học chẳng nên, bỏ đi học kiếm thuật, cũng chẳng nên. Hạng Lương nổi giận. Tịch nói: - Biết chữ chỉ để đủ viết tên họ mà thôi. Kiếm chỉ đánh lại một người, không bỏ công học. Nên học cái đánh lại được vạn người!

Hạng Lương bèn dạy cho Tịch binh pháp. Tịch mừng lắm, chỉ học để biết qua ý nghĩa, chứ không chịu học cho đến nơi đến chốn.

Trước đây Hạng Lương phạm tội và bị bắt ở Lịch Dương. Lương nhờ quan coi ngục ở đất Kỳ là Tào Cửu viết thư cho Tư Mã Hân làm quan coi ngục ở Lịch Dương, nhờ vậy mà việc này thu xếp xong [*việc này để chuẩn bị cho sự biệt đãi của Tịch đối với Tư Mã Hân ở đoạn 7*].

Hạng Lương có lần giết người, để tránh báo thù, Lương cùng Tịch bỏ trốn đến đất Ngô Trung. Các kẻ hiền sĩ và đại phu ở đất Ngô Trung đều thua kém Hạng Lương. Mỗi khi ở Ngô Trung có việc làm xấu hay tang lễ, Hạng Lương thường đứng ra lo liệu. Lương lén lút dùng binh pháp để tập hợp tân khách, và trai tráng ở đây, và nhờ đó, được biết năng lực của họ.

Tần Thủy Hoàng đi chơi đất Cối Kê, vượt qua Chiết Giang. Lương và Tịch cùng đi xem. Tịch nói: -Có thể cướp và thay thế hẳn!

Lương bịt miệng Tịch: - Đừng nói bậy! Bị giết cả họ bậy giờ!

Nhân việc này Lương coi Tịch là kẻ khác thường. Tịch mình cao hơn tám thước, có sức mạnh cất nổi cái vạc (Ở trước cửa miếu của vua Hạng Vũ có cái vạc nặng không ai cất nổi, chỉ có Vũ cất được), tài năng, chí khí hơn người. Các con em ở đất Ngô Trung đều sợ Tịch.

2. Cách Tịch khởi nghĩa khác thường

Tháng bảy, năm thứ nhất đời Tần Nhị Thế (-209), bọn Trần Thiệp khởi nghĩa ở Đại Trạch (Xem Trần Thiệp thế gia). Tháng chín năm ấy, Thái thú quận Côi Kê, tên là Thông, nói với Hạng Lương: - Dân Giang Tây (Đây là ở phía tây sông Trường Giang) đều làm phản, nay chính là lúc trời tiêu diệt nhà Tần. Tôi nghe nói: "Ai đi trước thì làm chủ người khác, ai đi sau thì bị người khác làm chủ". Tôi muốn xuất quân, phong ông và Hoàn Sở làm tướng.

Bấy giờ Hoàn Sở đang trốn tránh trong chôn giang hồ. Lương nói: - Hoàn Sở hiện nay đang trốn tránh, chẳng ai biết ở đâu, chỉ có Tịch biết chỗ ở của ông ta mà thôi.

Lương liền đi ra, dặn Tịch cầm kiếm đứng đợi ở ngoài. Lương lại quay vào, ngồi với thái thú. Lương nói: - Xin cho gọi Tịch vào để giao cho y mệnh lệnh triệu Hoàn Sở về.

Thái thú nói: - Phải!

Lương gọi Tịch vào. lát sau, Lương đưa mắt ra hiệu cho Tịch, nói: - Làm được rồi đấy!

Tịch liền tuốt kiếm chém đầu thái thú. Lương tay cầm đầu thái thú, mang ấn và dây buộc ấn của thái thú lên người (Lý do của việc giết thái thú: cướp lấy ấn để dùng nó mà hiệu triệu nhân dân, trung tập quân). Bọn môn hạ hoảng hốt, rối loạn. Tịch giết chết ngót trăm người, cả phủ đều sợ hãi, cúi đầu không dám kháng cự. Lương liền triệu tập quan lại và hào kiệt đã quen từ trước, hiểu dụ duyên cớ khởi nghĩa rồi trưng quân ở Ngô Trung và sai người thu gọi các trai tráng ở các huyện trong phủ, được tám ngàn quân tinh nhuệ [*Chuẩn bị cho đoạn cuối khi nói đến "tám nghìn con em Giang Đông"*]. Lương cất nhắc những hào kiệt ở Ngô Trung làm các chức hiệu úy, hậu, tư mã. Có một người không được dùng, đến nói với Lương. Lương đáp: - Trước đây có một lễ tang, ta cất ông làm một việc gì đấy mà ông làm không xong, vì vậy ta không dùng ông ... (Ứng với câu ở đoạn 1: Hạng Lương qua việc tang lễ làm xâu biết năng lực từng người).

Mọi người đều thán phục. Lương bèn làm thái thú Côi Kê, Tịch làm ti tướng (phó tướng), chiêu hàng các huyện trong quận.

3. Lai lịch Hạng Lương từ khi khởi nghĩa đến khi thất bại

Thiệu Bình, người Quảng Lăng, theo lệnh Trần Vương (Tức Trần Thắng - xem Trần Thiệp thế gia), đi chiêu hàng đất Quảng Lăng, nhưng chưa hạ được thành. Nghe tin Trần Vương thua chạy, quân Tần sắp đến. Bình liền vượt Trường Giang, giả làm mệnh lệnh của Trần Vương, phong Lương làm thượng trụ quốc (Chức tương đương với thừa tướng) nước Sở. Bình nói: - Đất Giang Đông đã bình định rồi! Mau mau đem binh về hướng tây đánh quân Tần!

Hạng Lương bèn đem tám ngàn người, vượt Trường Giang đi về hướng tây. Nghe tin Trần Anh đã lấy được huyện Đông Dương, Lương liền cho sứ giả đến giảng hoà để cùng nhau đem quân đi về hướng tây.

Trần Anh nguyên là thư lại huyện Đông Dương, ngày thường ở trong huyện là người tin cẩn, được khen là bậc trung hậu đứng đắn. Những người trai tráng ở huyện Đông Dương giết quan huyện, tụ họp đến mấy nghìn người, muốn cử một người cầm đầu, nhưng không có ai xứng đáng. Họ bèn mời Trần Anh. Anh từ chối không thể làm nổi. Họ bèn ép Anh làm thủ lĩnh. Người trong huyện theo Anh đến hai vạn. Họ muốn nhân tiện lập Anh làm vương luôn, quân sĩ đầu đội mũ màu lục để cho khác với các quân khác.

Mẹ Trần Anh bảo Anh: - Từ khi về làm dâu ở nhà con đến nay, mẹ chưa hề nghe nói tổ tiên của con ngày trước đã có ai làm quan sang, nay bỗng dung con được cái danh vọng lớn, đó là điều không may. Bây giờ chỉ bằng mình dựa vào người khác. Nếu công việc thành thì được phong hầu, nếu thất bại cũng dễ trốn tránh, không bị người ta vạch mặt chỉ tên.

Do đó, Anh không dám làm vương, nói với các quan lại: - Họ Hạng đòi đòi làm tướng, nổi tiếng ở nước Sở. Nay muốn làm việc lớn mà không có người tướng giỏi thì không xong. Chúng ta dựa vào một gia tộc có tiếng (Ứng với điều nói ở đoạn 1: Họ Hạng đòi đòi làm tướng ở nước Sở) thì chắc chắn sẽ tiêu diệt được Tần!

Mọi người nghe theo lời Anh, giao quân cho Hạng Lương điều khiển. Hạng Lương qua sông Hoài. Kinh Bồ (Kinh Bồ họ Anh, tức là Anh Bồ, nhưng bị tội khắc chữ vào trán, nên bị gọi là Kinh - xem Kinh Bồ liệt truyện), Bồ tướng quân cũng đem quân theo Lương. Số quân được tất cả sáu bảy vạn, đóng ở Hạ Bì.

Bây giờ Tần Gia đã lập Cảnh Câu làm Sở vương, đóng quân ở phía đông Bành Thành, muốn chống lại Hạng Lương.

Hạng Lương nói với người quan lại: - Trần Vương là người khởi nghĩa đầu tiên, vì chiến trận không lợi, nay không biết ở đâu. Bây giờ Tần Gia phản Trần Vương, lập Cảnh Câu, tức là phản nghịch, vô đạo.

Lương bèn tiến quân đánh Tần Gia. Quân của Tần Gia thua chạy. Lương

đuổi theo đến Hồ Lang, Gia quay lại đánh trong một ngày. Gia chết, quân đầu hàng. Cảnh Câu bỏ chạy, chết ở nước Lương. Sau khi đã sáp nhập thêm quân của Tần Gia, Lương đóng quân ở Hồ Lăng, định đi đến hướng tây.

Quân của Chương Hàm đến đất Lật, Hạng Lương sai biệt tướng (vị tướng chỉ huy một cánh quân riêng) là Chu Kê Thạch, Dư Phàn Quân đánh lại. Dư Phàn Quân chết, quân của Chu Kê Thạch thua, bỏ chạy đến Hồ Lăng. Hạng Lương đem quân vào đất Tiết, giết Kê Thạch.

Trước đây, Hạng Lương đã sai Hạng Vũ đi một đường khác đánh Tương Thành. Tương Thành cố sức giữ nên Vũ không hạ được. Đến khi hạ được thành, Vũ sai chôn sống tất cả dân trong thành, rồi trở về báo tin cho Hạng Lương. Hạng Lương nghe tin Trần Vương đã chết thật, bèn gọi các biệt tướng họp ở đất Tiết để bàn bạc. Bảy giờ Bái Công đã khởi binh ở đất Bái, cũng đến hội họp.

Phạm Tăng người đất Cư Sào, bảy mươi tuổi, xưa nay ở nhà, thích mưu kế lạ, đến nói với Hạng Lương: - Trần Thắng thua là phải lắm. Trong sáu nước bị Tần diệt, thì nước Sở là vô tội nhất. Từ khi vua Hoài Vương vào đất Tần rồi không về nữa, người Sở vẫn còn thương xót ông ta cho đến ngày nay (Xem Khuất Nguyên liệt truyện). Vì vậy, Sở Nam Công nói "nước Sở dù chỉ còn ba hộ, nhưng tiêu diệt nhà Tần, chính là nước Sở".

Nay Trần Thắng khởi sự không lập con cháu vua Sở mà tự lập làm vương thì tình thế không thể lâu dài được. Bây giờ ngài khởi nghĩa ở Giang Đông, các tướng nước Sở kéo đến theo ngài như ong về tổ, là vì nhà ngài đòi đòi làm tướng nước Sở, họ cho rằng ngài có thể lập lại con cháu vua Sở làm vua.

Hạng Lương cho là phải, bèn tìm người cháu của Sở Hoài Vương, tên là Tâm, chăn dê cho người ta, lập làm Sở Hoài Vương để thoả lòng mong mỏi của dân chúng.

Trần Anh làm thượng trụ quốc của nước Sở, được phong năm huyện cùng đóng đô ở đất Vu Thai với Hoài Vương, Hạng Lương tự xưng là Vũ Tín Quân.

Được mấy tháng, Lương đem quân đánh thành Cang Phủ cùng với Điền Vinh và Tư Mã Long Thu nước Tề. Lương đem quân cứu Đông A, phá tan quân Tần ở Đông A. Điền Vinh liền đem quân về đuổi vua Tề là Giả. Giả chạy trốn sang nước Sở. Tướng quốc [*Dịch là tướng quốc cho khởi lãn với tướng quân. Tướng quân chỉ huy về chính trị, đường lối, còn tướng quân chỉ huy về quân sự. Hai chữ này viết khác nhau nhưng đều gọi là tướng, cho nên dịch là tướng quốc và tướng quân.*] của Giả là Điền Nhàn trước kia là tướng nước Tề ở lại nước Triệu, không dám về. Điền Vinh lập con của Điền Đam, tên là Thi, làm Tề Vương. Sau khi đã đánh phá quân Tần ở gần Đông A,

Hạng Lương đuổi theo quân Tần. Lương mấy lần sai sứ giả giục Điền Vinh đem binh của nước Tề đến, để cùng kéo quân sang hướng tây. Điền Vinh nói: -Nước Sở có giết Điền Giả, nước Triệu có giết Điền Giác, Điền Nhân thì ta mới đem quân đến.

Hạng Lương nói: -Điền Giả là vua một nước giao hiếu với ta, cùng đường phải đến đây theo ta, ta không nỡ giết.

Nước Triệu cũng không giết Điền Giác, Điền Nhân để mua chuộc nước Tề, cho nên Tề không chịu đem quân đến giúp nước Sở. Hạng Lương sai Bái Công và Hạng Vũ đem binh đi theo đường riêng đến Thành Dương làm cỏ quân dân trong thành. Rồi tiến quân về hướng tây, đánh phá quân Tần ở phía đông thành Bộc Dương. Quân Tần rút vào thành Bộc Dương. Bái Công và Hạng Vũ bèn đánh thành Định Đào. Chưa hạ được thành, họ liền bỏ đi, cướp đất đai ở phía tây cho đến Ung Khâu, đánh quân Tần thua to, chém Lý Do (Con của Lý Tư), rồi quay lại đánh Ngoại Hoàng, nhưng chưa hạ được.

Hạng Lương đem quân từ phía tây đất Đông A, qua hướng bắc đến Định Đào, đánh tan quân Tần lần thứ hai. Bọn Hạng Vũ giết được Lý Do, cho nên Lương càng khinh thường quân Tần và tỏ ra kiêu căng.

Tổng Nghĩa bèn can Hạng Lương: - Nếu đánh thắng mà tướng kiêu căng, quân sĩ trở nài thì sẽ thất bại. Nay quân sĩ đã hơi trở nài rồi đấy! Quân Tần ngày càng tăng, tôi lo cho ngài!

Hạng Lương không nghe, bèn sai Tổng Nghĩa đi sứ nước Tề. Giữa đường Nghĩa gặp sứ giả nước Tề là Cao Lăng Quân, tên là Hiễn. Nghĩa hỏi: - Ông định yết kiến Vũ Tín Quân phải không?

-Vâng.

-Tôi cho rằng Vũ Tín Quân thế nào cũng thua. Ông cứ thung thảng mà đi thì sẽ khỏi chết, nếu đi nhanh thì sẽ mắc tai họa đấy!

Tần quả nhiên đem hết quân tiếp viện cho Chương Hàm. Chương Hàm đánh quân Sở một trận tan tành ở Định Đào. Hạng Lương chết.

Bái Công, Hạng Vũ rời bỏ Ngoại Hoàng, đến đánh huyện Trần Lưu, huyện Trần Lưu giữ vững không hạ được. Bái Công, Hạng Vũ bàn với nhau: -Bây giờ quân của Hạng Lương đã tan vỡ, sĩ tốt đều lo sợ.

Hai người bèn cùng với quân của Lữ Thần đi về hướng đông. Lữ Thần đóng quân ở phía đông Bành Thành. Hạng Vũ đóng quân ở phía tây Bành Thành, Bái Công đóng quân ở đất Đường.

4. Hành động của Hạng Vũ

Sau khi đã đánh bại quân của Hạng Lương, Chương Hàm cho rằng quân của nước Sở không đáng lo, nên vượt Hoàng Hà qua đánh nước Triệu, phá tan quân Triệu.

Lúc bấy giờ Triệu Yết làm vua, Trần Dư làm tướng quân, Trương Nhĩ làm tướng quốc, cả ba đều chạy vào thành Cự Lộc. Chương Hàm đóng quân ở phía nam thành này, xây một con đường ống để chuyên chở thóc. Trần Dư làm tướng, đem vài vạn quân đóng ở phía bắc thành Cự Lộc [*Trước khi quân Tần bao vây, Trần Dư đã mang quân ra ngoài thành (xem Trương Nhĩ, Trần Dư liệt truyện)*], toàn quân ấy gọi là quân Hà Bắc.

Quân Sở đã bị thua ở Định Đào, Hoài Vương lo sợ, từ Vu Thai đến Bành Thành, dồn cả quân của Hạng Vũ, Lữ Thần làm một, và thân hành cầm quân. Hoài Vương cho Lữ Thần làm tư đồ, cha của Thần là Lữ Thanh làm lệnh doãn, cho Bái Công làm thái thú Đường Quận, phong làm Vũ An Hầu, coi đạo quân Đường Quận.

Sứ giả nước Tề là Cao Lăng Quân tên là Hiền, bấy giờ đang ở trong quân đội nước Sở. Trước đây, Hiền có gặp Tống Nghĩa, cho nên Hiền yết kiến vua Sở và nói: - Tống Nghĩa nói rằng quân của Vũ Tín Quân nhất định thua, vài ngày sau, quả nhiên quân ấy bị bại. Quân chưa giao chiến mà ông ta đã thấy trước cái cơ thất bại như thế, có thể gọi ông ta là người biết binh pháp.

Hoài Vương gọi Tống Nghĩa vào cùng bàn công việc. Hoài Vương rất là đẹp lòng, bèn cho y làm thượng tướng quân, Hạng Vũ làm thừa tướng, phong Lỗ Công, Phạm Tăng làm mặt tướng để cứu nước Triệu. Các biệt tướng đều ở dưới quyền Tống Nghĩa, hiệu là Khanh Tử Quán Quân. Tống Nghĩa đi đến An Dương, ở lại bốn mươi sáu ngày không tiến quân. Hạng Vũ nói: - Tôi nghe nói quân Tần vây Triệu Vương ở Cự Lộc, ngài nên mau mau đem quân qua sông, quân Sở đánh ở bên ngoài, quân Triệu tiếp ứng ở bên trong, thì chắc chắn phá được Tần.

- Không phải thế đâu. Phàm con mòng đốt trâu thì không thể nào giết được rận chấy (Câu này có nhiều sách giải nghĩa khác nhau. Có sách giải thích: thành Cự Lộc tuy nhỏ, quân Tần không thể lấy ngay được. Có sách giải thích: Muốn lấy được Tần thì không thể chú ý Cự Lộc. Ý sau hợp hơn. Con mòng chỉ cốt đốt trâu, không có thì giờ đâu chú ý đến bọn chấy rận trên lưng trâu, cũng như Tống Nghĩa chỉ cốt đánh Tần, không có thì giờ để ý đến việc vụn vặt như Cự Lộc). Nay Tần đánh Triệu, nếu Tần đánh thắng thì quân mệt mỏi, ta lợi dụng lúc nó kiệt quệ mà đánh, nếu Tần không thắng thì ta hợp quân kéo về hướng tây, chắc chắn cướp lấy được nước Tần. Vì vậy, không gì bằng trước tiên để cho Tần và Triệu đánh nhau. Mang áo giáp dày,

cầm binh khí sắc thì Nghĩa này không bằng ông, nhưng ngồi để trừ tính sách lược thì ông không bằng Nghĩa (Câu này ám chỉ Hạng Vũ).

Tổng Nghĩa bèn ra lệnh trong quân: - Ai mạnh như hổ, bướng như dê, tham như sói, cứng đầu không thể sai khiến được, đều chém tuốt!

Nghĩa bèn sai con là Tống Tương sang làm tướng nước Tề, thân hành tiễn y đến đất Vô Diệm, uống rượu, hội họp linh đình. Trời lạnh, mưa to, quân sĩ đều đói rét. Hạng Vũ nghĩ thầm: - Đáng lý phải cố sức đánh Tần, thế mà lại cứ dằng dai mãi không chịu đi. Nay năm đói, dân nghèo, sĩ tốt ăn rau ăn khoai, quân không có lương thực sẵn sàng. Thế mà cứ uống rượu, hội họp linh đình, không đem binh vượt Hoàng Hà để dùng lương thực nước Triệu, cùng Triệu chung sức đánh Tần. Lại còn nói "lợi dụng khi nó kiệt quệ"! Một nước mạnh như nước Tần, đánh nước Triệu là nước mới thành lập, thì nhất định là lấy đứt rồi. Nước Triệu mất, Tần lại càng mạnh, chứ có mong gì nó kiệt quệ mà lợi dụng kia chứ? Vả chăng, quân ta vừa bị tan tác, vua ngồi không yên chiếu, vét tất cả binh lính, lương thực trong nước, giao cho một mình tướng quân, nước nhà yên hay nguy là ở trận này. Nay không thương xót sĩ tốt, lại mưu đồ việc riêng, thật không phải hạng bầy tôi trung thành với nước (Đoạn này phản lại nhận xét của Tống Nghĩa, và chứng tỏ Hạng Vũ là người dũng mãnh, yêu sĩ tốt, nhiều mưu trí và quyết đoán trong lúc hành động).

Buổi sáng, Hạng Vũ vào hầu thượng tướng quân Tống Nghĩa, Vũ bước vào trướng chặt đầu Nghĩa, liền ra lệnh trong quân: - Tống Nghĩa mưu với Tề để phản lại nước Sở. Sở Vương ra lệnh cho Vũ giết hẳn!

Bấy giờ các tướng đều sợ hãi cúi đầu không ai dám ho he. Tất cả đều nói: - Người đầu tiên lập nước Sở là gia đình tướng quân. Nay tướng quân lại giết được đưa loạn thần.

Họ bàn nhau lập Vũ làm quyền thượng tướng quân, sai người đuổi theo con của Tống Nghĩa, đến Tề thì bắt được và giết đi. Vũ sai Hoàn Sở báo với Hoài Vương. Hoài Vương nhân đó phong Vũ làm thượng tướng quân. Đương Dương Quân và Bồ Tướng Quân đều ở dưới quyền Hạng Vũ.

Sau khi giết Khanh Tử Quán Quân, uy thế của Hạng Vũ vang dội ở nước Sở, danh tiếng nổi ở khắp các chư hầu, Vũ liền sai Đương Dương Quân, Bồ Tướng Quân cầm hai vạn quân vượt Hoàng Hà đến Cự Lộc. Vì chiến sự còn ít thắng lợi, nên Trần Dư lại xin quân tiếp viện. Hạng Vũ liền đem tất cả quân vượt Hoàng Hà, bắt quân lính đều phải dìm đấm thuyền, đập vỡ nồi nấu cơm, đốt lều trại, chỉ mang lương thực trong ba ngày để tỏ rõ sĩ tốt quyết tâm liều chết, không chịu quay về. Vũ đến vây Vương Ly, gặp quân Tần, đánh chín trận, cắt đứt con đường ống, phá tan quân Tần, giết Tô Giác, bắt sống Vương Ly. Thiệp Nhân không đầu hàng Sở, tự thiêu mình mà chết.

Bấy giờ thanh thế quân của Sở át cả quân các nước chư hầu. Quân của chư hầu đến cứu Cự Lộc đóng ở gần đó hơn mười doanh trại, nhưng không ai dám đem quân ra đánh. Đến khi Sở đánh Tần, các tướng đều đứng trên tường mà nhìn. Các chiến sĩ nước Sở ai cũng đủ sức một người chống lại mười người, tiếng reo hò của quân Sở vang trời, quân chư hầu không ai không run sợ. Do đó, sau khi đã đánh tan quân Tần, Hạng Vũ triệu tập tướng các nước chư hầu. Khi vào cửa viên môn, mọi người đều quỳ gối xuống mà đi tới, không ai dám ngẩng lên nhìn.

Vì vậy, Hạng Vũ bắt đầu làm thượng tướng quân của chư hầu, chư hầu đều ở dưới quyền Vũ.

5. Chương Hàm đầu hàng Hạng Vũ, Vũ chôn sống quân Tần

Chương Hàm đóng quân ở Cức Nguyên, Hạng Vũ đóng quân ở phía nam sông Chương. Hai bên cứ giữ thế nhau chưa giao chiến. Quân của Tần nhiều lần rút lui. Tần Nhị Thế sai người đến quở trách Chương Hàm. Chương Hàm sợ, sai trưởng sử [*chức quan tương đương với chức bí thư trưởng*] là Hân đi yết kiến vua Tần để tâu xin định đoạt. Hân đến Hàm Dương đợi ở cửa Tư mã (Cửa ngoài của cung đình) ba ngày. Triệu Cao [*Về Triệu Cao xem Tần Thủy Hoàng bản kỷ*] không cho yết kiến, vì y có lòng ngờ. Trưởng sử Hân sợ hãi chạy về quân mình, nhưng không dám đi theo con đường lần trước. Quả nhiên Triệu Cao cho người đuổi theo, nhưng không kịp. Hân về đến quân doanh báo rằng: - Ở triều đình, Triệu Cao chuyên quyền, ở dưới quyền của nó không thể làm được việc gì. Nay nếu đánh mà thắng thì thế nào Cao cũng ghen ghét công lao của chúng ta, lỡ đánh không thắng thì không khỏi chết. Xin tướng quân hãy suy nghĩ cho kỹ.

Trần Du cũng đưa thư cho Chương Hàm nói: - Bạch Khởi làm tướng nước Tần, phía nam chinh phục Yên Sính (Kinh đô của Sở), phía bắc chôn sống Mã Phục (Triệu Quát, con Triệu Xa được phong làm Mã Phục quân, bị Bạch Khởi giết, đồng thời chôn sống 40 vạn quân Triệu), đánh lấy thành, cướp được đất không biết bao nhiêu mà kể. Thế mà cuối cùng Tần ra lệnh cho tự sát. Mông Điềm làm tướng nước Tần, phía bắc giết quân Nhung, mở mang đất Du Trung mấy ngàn dặm, thế mà cuối cùng cũng bị chém ở Dương Châu (Sử chép: Hồ Hợi giam Mông Điềm ở Dương Châu, rồi bắt Điềm phải uống thuốc độc chết ở đó. Đây nói "chém" ở Dương Châu là có ý nói thêm). Tại sao lại như thế? Họ lập nhiều công, nước Tần không thể cấp đất đai cho hết, cho nên tìm cách giết họ đi. Nay tướng quân làm tướng nước Tần đã ba năm nay, quân chết và bỏ trốn tính đến chục vạn người, thế mà chư hầu nổi dậy càng nhiều. Tên Triệu Cao kia mấy lâu nay vốn hay nịnh hót, lừa dối nhà vua (nịnh dối đã lâu ngày, sợ bại lộ ra), nay việc gấp, cũng sợ Nhị Thế giết, cho nên hẳn muốn tìm cách giết tướng quân để trút lỗi, rồi sai người thay thế tướng quân để tránh khỏi tai họa. Tướng quân ở ngoài đã lâu, ở trong triều đình có nhiều hiềm khích, có công cũng bị giết, không có công cũng bị giết. Vả chẳng trời làm tiêu diệt nhà Tần, người ngu độn hay khôn ngoan ai cũng đều biết như thế. Nay tướng quân ở triều đình thì không thể lấy lời thẳng để khuyên can ở ngoài biên cương thì làm vị tướng của một nước sắp mất. Cô độc đứng một mình mà muốn tồn tại được mãi thì chẳng đáng thương lắm sao! Tại sao tướng quân không đem quân quay lại liên hiệp với chư hầu, giao ước cùng nhau đánh Tần, chia đất Tần để làm vương, ngoảnh mặt về hướng nam để xưng "cô" (Ngày xưa thiên tử và chư hầu đều ngoảnh quay mặt về hướng nam để cai trị, và tự xưng mình là "cô", với nghĩa

khiêm tốn là đứa con không cha, cũng như thiên tử xưng "quả nhân", với nghĩa khiêm tốn là người ít nhân), điều đó chẳng hơn thân bị búa rìu, vợ con bị giết hay sao?

Chương Hàm còn do dự, bí mật sai vị quân là Thi Thành đi sứ đến Hạng Vũ, muốn cùng giao ước. Giao ước chưa xong, Hạng Vũ sai Bồ Tướng Quân ngày đêm đem quân vượt bến Tam Hộ, đóng quân ở phía nam sông Chương, đánh nhau với quân Tần, lại đánh tan quân Tần lần thứ hai (Nên rõ mưu lược của Hạng Vũ, giao ước chưa xong đã đánh, dễ thắng vì quân địch còn hoang mang, nhân đó càng làm áp lực bắt Hàm phải hàng). Hạng Vũ đem tất cả quân đánh quân Tần trên sông Vị Thủy, phá tan tành.

Chương Hàm sai người yết kiến Hạng Vũ, muốn giao ước. Vũ triệu các quân lại bàn: ,Lương ta ít, ta muốn nghe theo giao ước của y.

Các quân lại đều nói: - Phải.

Hạng Vũ bèn hẹn với Hàm gặp nhau ở Ân Khư, phía nam sông Hoàn Thủy. Sau khi ăn thề, Chương Hàm nhìn thấy Hạng Vũ, chảy nước mắt ròng ròng, kể lại việc Triệu Cao. Hạng Vũ bèn lập Chương Hàm làm Ung Vương giữ lại ở trong quân đội của Sở, cho trưởng sử Hân làm thượng tướng quân, cầm quân Tần để đi tiên phong.

Quân của Vũ đến Tân An, tướng sĩ các nước chư hầu xưa kia làm xâu hay đi thú ở trong đất Tần đều bị tướng sĩ của Tần đối đãi với họ như là nô lệ, tù binh, giờ tha hồ làm nhục tướng sĩ nhà Tần. Tướng sĩ nhà Tần nhiều người nói trộm với nhau: - Bọn Chương tướng quân lừa chúng ta đầu hàng chư hầu, nên bây giờ họ có thể vào cửa quan đánh nước Tần. Nếu may ra mà đánh được nhà Tần thì tốt lắm, nếu không thì chư hầu sẽ bắt chúng mình đem về đông, còn Tần thì thế nào cũng giết chết cha mẹ, vợ con ta.

Các tướng nghe mang máng việc họ bàn, đem báo lại với Hạng Vũ. Hạng Vũ liền gọi Kinh Bố và Bồ Tướng Quân để bàn: - Tướng sĩ của Tần vẫn còn đông, bụng chúng không phục ta, đến Quan Trung mà chúng không theo ta thì việc lớn sẽ nguy, chi bằng giết chúng đi, chỉ giữ lại Chương Hàm, trưởng sử Hân, đô úy ,Ế để cùng vào đất Tần mà thôi.

Bấy giờ quân đội Sở ban đêm đến đánh và chôn sống hơn hai mươi vạn lính Tần ở phía Nam thành Tân An.

6. "Ăn yến ở Hồng Môn"

Hạng Vũ từ Tân An ra đi, muốn bình định được đất Tần, nhưng cửa Hàm Cốc có binh giữ cửa ải, Vũ không vào được [*Trong thời gian Hạng Vũ đem quân đến Cự Lộc. Bái Công vâng lệnh Sở Hoài Vương đã đem binh lấy nước Tần, cho người canh giữ Hàm Cốc Quan (xem Cao Tổ bản kỷ)*]. Lại nghe tin Bái Công đã phá Hàm Dương. Hạng Vũ nổi giận, sai bọn Đương Dương Quân đánh cửa ải. Hạng Vũ bèn vào đến phía tây sông Hí Thủy.

Bái Công đóng quân ở Bá Thượng, chưa có dịp gặp Hạng Vũ. Quan tả tư mã của Bái Công là Tào Vô Thương sai người đến nói với Hạng Vũ: - Bái Công muốn làm vua ở Quan Trung, cho Tử Anh làm tướng quốc, lấy hết của cải châu báu.

Hạng Vũ nổi giận nói: - Ngày mai cho quân sĩ ăn no, để đánh quân của Bái Công!

Lúc bảy giờ, quân Hạng Vũ bốn mươi vạn đóng ở Hồng Môn huyện Tân Phong. Quân của Bái Công mười vạn, đóng ở Bá Thượng. Phạm Tăng nói với Hạng Vũ: - Khi Bái Công ở Sơn Đông thì tham của cải, thích gái đẹp. Nay vào Quan Trung, ông ta không lấy của cải gì [*Nhận xét này của Phạm Tăng chứng tỏ lời của Tào Vô Thương là bịa đặt. Tham vọng của Bái Công to hơn thế nhiều.*], không thân cận đàn bà con gái, điều đó chứng tỏ chí của ông ta không vừa. Tôi sai người xem khí mây nơi ông ta ở, thì đều là khí long hổ thành năm sắc [*Theo mê tín đời xưa, để vương ở đâu, thì ở đấy có mây ngũ sắc phủ trên trời.*], chính là khí tượng thiên tử đấy, phải đánh gấp chớ có bỏ qua.

Quan tả doãn nước Sở là Hạng Bá, chú của Hạng Vũ, vốn quen thân Lưu hầu là Trương Lương. Lúc bảy giờ Trương Lương theo Bái Công, Hạng Bá bèn đang đêm ruổi ngựa đến quân doanh Bái Công, gặp riêng Trương Lương, báo cho Lương biết đầu đuôi câu chuyện, muốn gọi Trương Lương cùng đi với mình cho thoát nạn. Hạng Bá bèn bảo Lương rằng: - Chớ có theo mà bị chết cả đấy!

Trương Lương nói: - Tôi vì vua Hàn mà theo Bái Công, nay Bái Công có việc nguy cấp, bỏ trốn đi là bất nghĩa, không thể không nói với ông ta.

Lương bèn đi vào kể đầu đuôi cho Bái Công nghe.

Bái Công hoảng sợ nói: - Làm thế nào bây giờ?

Trương Lương hỏi: - Kẻ nào bày kế cho đại vương?

Bái Công nói: - Cái thằng tiểu nhân ấy bảo ta rằng, "Giữ lấy Hàm Cốc quan, không cho quân của chư hầu vào, thì có thể làm vương trên toàn đất Tần", vì vậy, ta nghe lời hắn!

Trương Lương nói: - Đại vương thử liệu xem sĩ tốt có đủ để chống lại Hạng Vương không?

Bái Công im lặng một lúc, đáp: - Cô nhiên là không bằng! Làm sao bây giờ?

Trương Lương nói: - Thần xin đến nói với Hạng Bá rằng, Bái Công không dám phản Hạng Vương.

- Nhà ngươi với Hạng Bá quen nhau à?

- Trong thời nhà Tần, Hạng Bá chơi với thần, ông ta giết người, thần cứu sống, cho nên ngày nay gặp việc nguy cấp, ông ta đến đây báo cho thần biết.

- Ông ta với nhà ngươi, ai lớn tuổi hơn?

- Ông ta lớn tuổi hơn thần.

- Nhà ngươi hãy thay mặt ta mời ông ta vào, ta sẽ đãi ông ta là bậc anh.

Trương Lương đi ra mời Hạng Bá. Hạng Bá liền vào yết kiến Bái Công. Bái Công bưng chén rượu chúc thọ, hẹn làm thông gia, Bái Công nói: - Tôi vào Hàm Cốc Quan, tư hào không dám động, ghi danh sách quan lại và dân chúng vào sổ, niêm phong các kho tàng để đợi tướng quân. Tôi sai tướng giữ cửa ải chỉ là đề phòng trộm cướp ra vào, và những việc bắt trặc mà thôi. Ngày đêm mong tướng quân đến, chứ tôi đâu dám làm phản. Xin ông nói lại với tướng quân rằng, tôi đâu dám vong ân bội nghĩa.

Hạng Bá nhận lời, nói với Bái Công: - Ngày mai thế nào ông cũng phải đến sớm mà xin lỗi Hạng Vương.

Bái Công nói: "Vâng".

Hạng Bá liền ra đi trong đêm ấy. Về đến quân doanh, Bá đem những lời nói của Bái Công báo lại với Hạng Vũ, nhân tiện nói: - Nếu Bái Công không phá Quan Trung trước thì đại vương có dám vào không? Người ta có công lớn mà mình lại đánh là bất nghĩa, chi bằng đổi đãi với họ cho tử tế.

Hạng Vương cho là phải.

Sáng hôm sau, Bái Công mang theo một trăm kỵ binh đến yết kiến Hạng Vương. Bái Công đến Hồng Môn xin lỗi: - Tôi và tướng quân đều hết sức đánh Tần. Tướng quân đánh ở Hà Bắc, tôi đánh ở Hà Nam, không ngờ tôi vào Hàm Cốc Quan trước, đánh phá nhà Tần, lại được gặp tướng quân ở đây. Nay vì lời nói của kẻ tiểu nhân nên tướng quân với tôi có hiềm khích!

Hạng Vũ nói: -Đó là quan tả tư mã của Bái Công là Tào Vô Thương nói đấy [*Hạng Vũ lỡ lời*]. Nếu không thì Tịch đây làm như thế làm gì!

Hôm ấy Hạng Vương giữ Bái Công ở lại uống rượu. Hạng Vũ và Hạng Bá ngồi quay mặt về hướng nam, Bái Công ngồi quay mặt về hướng bắc, Trương Lương châu quay mặt về hướng tây [*Tác giả lưu ý đến cách ngồi của bốn người, đoạn này miêu tả hết sức sinh động, cử chỉ, nét mặt, tiếng nói, tất cả đều rất ngắn, nhưng rất điển hình*].

Phạm Tăng đưa mắt nhìn Hạng Vương, đưa cái vòng ngọc quyết [*Ngọc quyết là vòng ngọc đeo bên mình. Ở đây chữ "quyết" trong ngọc quyết đồng*

âm với chữ quyết trong "quyết định". Ý Tăng bảo Vũ phải quyết định ngay.]
ra hiệu, như thế ba lần. Nhưng Hạng Vương vẫn im lặng không để ý. Phạm Tăng đứng dậy ra đi, gọi Hạng Trang đến bảo: - Quân Vương là người bất nhân! Anh phải vào chúc thọ! Chúc thọ xong xin múa kiếm, nhân đó đâm Bái Công ở chỗ ngồi và giết đi. Nếu không, tất cả bọn anh đều bị ông ta bắt cầm tù cả đấy.

Hạng Trang liền vào chúc thọ. Chúc thọ xong, Hạng Trang nói: - Quân Vương và Bái Công uống rượu, trong quân doanh không có gì làm vui, tôi xin múa kiếm.

Hạng Vương nói: - Được!

Hạng Trang tuốt kiếm, đứng dậy múa. Hạng Bá cũng tuốt kiếm đứng dậy múa, luôn luôn lấy thân mình che cho Bái Công nên Trang không đâm được. Trương Lương bèn ra đến cửa tìm Phàn Khoái. Phàn Khoái hỏi: - Việc hôm nay ra sao?

Trương Lương nói: - Nguy cấp lắm! Hiện nay Hạng Trang tuốt kiếm đang múa, xem hấn cốt nhằm Bái Công mà đâm.

Phàn Khoái nói: - Như thế thì gấp quá rồi! Tôi xin vào cùng liều chết.

Khoái liền mang kiếm, cấp khiên bước vào cửa viên môn. Vệ sĩ cầm giáo chéo nhau muốn cản không cho vào. Phàn Khoái cầm ngang cái khiên mà gạt vệ sĩ ngã lăn ra đất. Khoái liền vào, vén màn đứng quay mặt về hướng tây (tức là đối diện với Hạng Vũ), trợn mắt nhìn Hạng Vũ, khoe mắt rách toác! Hạng Vương chống kiếm quỳ nhóm dậy (có ý giữ thế thủ) mà hỏi: - Ông khách làm gì thế?

Trương Lương nói: - Đó là Phàn Khoái, người tham thặng (người ngồi cùng một xe để hộ vệ) của Bái Công.

Hạng Vũ nói: - Tráng sĩ! Cho tráng sĩ chén rượu.

Liền cho Khoái một chén rượu. Khoái lạy tạ đứng lên mà uống.

- Cho ông ta một vai lợn!

Lại cho Khoái một vai lợn sống, Khoái đặt cái khiên xuống đất, đặt vai lợn lên trên, tuốt kiếm xẻo thịt lợn mà nhai (Tất cả bốn động tác trong một câu. Cách ăn thịt lợn thật đặc sắc.)

Hạng Vương nói: - Tráng sĩ có uống được rượu nữa không?

Phàn Khoái nói: - Thần chết còn chẳng tránh, dám đâu từ chối chén rượu. Vua Tần lòng lang dạ thú giết người nhiều không kể xiết, trị tội người như sợ không kịp. Thiên hạ đều nổi dậy làm phản. Vua Hoài Vương có giao ước với các tướng, "Ai phá được Tần, vào Hàm Dương thì phong vương". Ngày nay Bái Công là người đầu tiên phá được Tần, vào Hàm Dương, tư hào không dám phạm, niêm phong các cung thất, đem quân về đóng ở Bá Thượng để chờ đại vương đến. Bái Công sai tướng giữ cửa ải là chỉ để đề

phòng bọn trộm cướp ra vào, và những việc bắt trặc mà thôi. Bái Công khó nhọc mà công to như vậy, nhưng vẫn chưa được phong thưởng gì. Nay đại vương nghe lời bọn tiểu nhân, muốn giết kẻ có công, tức là noi theo đường lối nhà Tần đã mất. Tôi trộm nghĩ đại vương không nên làm như vậy!

Hạng Vương chưa biết lấy câu gì đáp lại, bảo: -Ngồi xuống!

Phàn Khoái ngồi bên cạnh Trương Lương. Một lát, Bái Công đứng dậy đi ra ngoài. Nhân đó gọi Phàn Khoái ra. Hạng Vương sai đô úy là Trần Bình mời Bái Công vào. Bái Công nói: - Nay ta ra đi, chưa có lời từ biệt, làm thế nào bây giờ?

Phàn Khoái nói: - Làm việc lớn thì không để ý đến những điều vụn vặt, làm lễ lớn không câu nệ những điều nhỏ. Nay người ta là dao, là thớt, ta là cá, là thịt, từ biệt làm gì?

Bái Công bèn ra đi, sai Trương Lương ở lại để xin lỗi. Lương hỏi: - Đại Vương đến đây có mang theo gì không?

Bái Công nói: - Ta mang theo một cặp ngọc bạch bích, muốn để hiến Hạng Vương, một đôi chén ngọc muốn để biếu Á phụ. Ta thấy họ nổi giận nên không dám hiến. Nhà người hiến hộ ta.

Trương Lương nói: -Xin vâng.

Bấy giờ quân của Hạng Vương đóng ở Hồng Môn, quân của Bái Công đóng ở Bá Thượng, cách nhau bốn mươi dặm. Bái Công bỏ xe lại, một mình cưỡi ngựa đi thoát thân, bốn người: Phàn Khoái, Hạ Hầu Anh, Ngân Cương, Kỷ Tín, mang gươm và khiên chạy bộ theo (miêu tả cách chạy trốn rất tỉ mỉ và cụ thể). Họ men theo chân núi Ly Sơn, đi qua Chỉ Dương, theo con đường nhỏ. Bái Công dặn Trương Lương: - Đi theo con đường này đến quân ta chỉ mất hai mươi dặm thôi. Tính chừng khi nào ta đã về đến quân doanh rồi thì nhà người hãy vào.

Sau khi Bái Công chừng đã đi theo con đường nhỏ về đến trong quân. Trương Lương bước vào xin lỗi, nói: - Bái Công quá chén, không thể vào từ biệt, có sai thân là Lương, dâng một đôi ngọc bích để kính dâng đại vương, một đôi chén ngọc đến kính dâng đại tướng quân.

Hạng Vương hỏi: - Bái Công đâu rồi?

Trương Lương nói: - Nghe đại vương có ý trách tội, Bái Công đã trốn thoát đi một mình, nay đã về đến quân doanh. (Nhấn mạnh ý sau để nói Hạng Vũ bây giờ không làm gì được nữa.)

Hạng Vương bèn nhận ngọc bích đặt ở chỗ ngồi. Á Phụ cầm chén ngọc đặt xuống đất, tuốt kiếm đập chén vỡ tan, nói: - Chà! Thằng trẻ con (Đây là nói Hạng Trang, nhưng thực ra là ám chỉ Hạng Vũ) không thể cùng bàn mưu kế! Người đoạt thiên hạ của Hạng Vương nhất định là Bái Công. Bọn ta sẽ bị bắt làm tù hết.

Bái Công về đến quân doanh, lập tức giết Tào Vô Thương.

7. Hạng Vũ diệt nhà Tần, phong vương cho các tướng

Mấy ngày sau, Hạng Vương đem binh về hướng tây làm cỏ thành Hàm Dương, giết vua Tần đã đầu hàng là Tử Anh, đốt cung thất nhà Tần, lửa cháy liền ba tháng không tắt, thu của cải châu báu, phụ nữ đem về đông. Có người (Theo Tiền Hán thư, thì người thuyết khách này là Hàn Sinh, Hán Sở Xuân Thu gọi là Thái Sinh) nói với Hạng Vương: - Đất Quan Trung bốn phía có núi sông che chở, đất đai phì nhiêu, có thể đóng đô ở đây để xây dựng nghiệp bá.

Hạng Vương thấy cung thất nhà Tần đều bị đốt phá, lòng chạnh nhớ, muốn về miền đông, liền nói: - Được phú quý mà không trở về làng cũ thì cũng như mặc áo gấm đi đêm, còn ai biết gì?

Người ấy nói: - Người ta nói rằng, "Người nước Sở giống "những con khi đội mũ người" (Con khi đội mũ người thì trong chốc lát sẽ vứt mũ và bản tính của nó sẽ lộ ra, ý nói tính tình thay đổi nhanh), quả thực là đúng!"

Hạng Vương nghe vậy, bỏ người đó vào trong vạc dầu.

Hạng Vương sai người xin mệnh lệnh của Sở Hoài Vương, Hoài Vương nói: - Cứ theo như lời ước cũ (Hạng Vương hy vọng Sở Hoài Vương sẽ cho mình làm vương ở Tần, nhưng Sở Hoài Vương muốn giữ lời giao ước để Bái Công làm vương, vì Bái Công đầu tiên vào Quan Trung).

Hạng Vương bèn tôn Hoài Vương lên làm Nghĩa Đế. Hạng Vương muốn tự xưng vương nên trước tiên phong các tướng văn võ làm vương. Hạng Vương nói: - Khi thiên hạ mới bắt đầu khởi sự thì tạm thời lập các chư hầu để đánh Tần, nhưng việc mình mặc áo giáp, tay cầm gươm đao gánh vác việc lớn, ba năm xông pha ở chiến trường, diệt nhà Tần và bình định được thiên hạ đều là công lao của các vị tướng, các quan văn võ và của Tịch này. Nghĩa Đế tuy không có công, nhưng cũng chia đất đai mà phong vương cho ông ta.

Các tướng đều nói: - Phải đấy!

Hạng Vương bèn chia thiên hạ, lập các tướng làm vua các nước chư hầu.

Hạng Vương và Phạm Tăng lo ngại Bái Công sẽ lấy thiên hạ, nhưng trót đã điều đình xong, không muốn bội ước, sợ chư hầu làm phản, cho nên bí mật bàn nhau: đất Ba và đất Thục đường xá hiểm trở, nhà Tần đầy người đến ở đất Thục, bèn nói: - Đất Ba và đất Thục cũng là đất Quan Trung (Vì bất đắc dĩ phải phong vương cho Bái Công, lại phải phong ở Quan Trung theo lời giao ước, cho nên hai người tìm cách "đày" Bái Công đi Ba và Thục, và nói rằng Ba và Thục cũng là Quan Trung). Cho nên lập Bái Công làm Hán Vương cai trị đất Ba, đất Thục và đất Hán Trung, đóng đô ở Nam Trịnh. Hạng Vương chia Quan Trung làm ba phần, phong vương cho các tướng Tần đã đầu hàng, để họ chặn đường của Hán Vương.

Hạng Vương lập Chương Hàm làm Ung Vương, cai trị từ Hàm Dương sang phía tây, đóng đô ở Phê Khâu. Trưởng sử Hân xưa làm quan coi ngục ở Lịch Dương vốn có ơn với Hạng Lương, đô úy Đông Ê trước đã khuyên Chương Hàm đầu hàng nước Sở, cho nên Hạng Vương lập Tư Mã Hân làm Tắc Vương, cai trị từ phía đông Hàm Dương cho đến Hoàng Hà, đóng đô ở Lịch Dương, Đông Ê được làm Địch Vương, cai trị đất Thượng Quận, đóng đô ở Cáo Nô. Hạng Vương đề Ngụy Vương là Báo làm Tây Ngụy Vương, cai trị đất Hà Đông, đóng đô ở Bình Dương. Thân Dương ở Hà Khâu là người tôi yêu của Trương Nhĩ, đã lấy được quận Hà Nam, và đóng quân Sở trên Hoàng Hà, cho nên được lập làm Hà Nam Vương, đóng đô ở Lạc Dương.

Hàn Vương tên là Thành vẫn ở đất cũ, đóng đô ở Dương Định. Tướng nước Triệu là Tư Mã Ngang đã lấy được Hà Nội và đã có nhiều lần lập công, cho nên được lập làm Ân Vương, cai trị ở đất Hà Nội, đóng đô ở Triều Ca. Hạng Vương đổi Triệu Vương tên là Yết làm Đại Vương. Thừa tướng nước Triệu là Trương Nhĩ vốn hiền lại theo Hạng Vũ vào Quan Trung cho nên được lập làm Thường Sơn Vương cai trị đất Triệu đóng đô ở Tương Quốc. Đương Dương Quân Kinh Bố làm tướng nước Sở, thường lập công đầu trong quân đội, cho nên được lập làm Cửu Giang Vương, đóng đô ở Lục. Ngô Nhuế làm lệnh ở Bà Dương, thường đốc suất Bách Việt [*tên chung để chỉ tất cả Việt tộc, ở dãy núi Ngũ Lĩnh, sau khi nước Việt bị nước Sở diệt. Vào cuối đời Chiến quốc có Âu Việt ở phía nam Chiết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Dương Việt ở Quảng Đông.*] để giúp chư hầu, lại theo Hạng Vũ vào Quan Trung cho nên được lập làm Hành Sơn Vương, đóng đô ở đất Trâu. Cung Ngao làm trụ quốc của Nghĩa Đế, đã đem quân đánh Nam Quân, lập được nhiều công cho nên được làm Lâm Giang Vương, đóng đô ở Giang Lăng. Hạng Vương đổi tên Yên Vương Hàn Quảng làm Liêu Đông Vương. Tướng nước Yên là Tang Đồ đã theo Sở cứu Triệu, sau đó lại theo Hạng Vũ vào Quan Trung cho nên được lập làm Yên Vương, đóng đô ở đất Ké. Hạng Vương đổi Tề Vương là Điền Thi làm Giao Đông Vương.

Tướng nước Tề là Điền Đô đã cùng Hạng Vương cứu Triệu, sau đó lại theo Hạng Vương vào Quan Trung cho nên được lập làm Tề Vương, đóng đô ở Lâm Tri. Điền An, (cháu của Tề Vương Kiến bị Tần giết) khi Hạng Vũ vượt qua sông cứu Triệu, đã lấy lại được mấy thành ở Tế Bắc rồi đem binh đầu hàng Hạng Vũ, cho nên được lập làm Tế Bắc Vương, đóng đô ở Bắc Dương.

Điền Vinh đã mấy lần không nghe theo Hạng Vương, lại không chịu đem binh theo quân Sở đánh Tần cho nên không được phong đất. Thành An Quân Trần Dư bỏ tướng ấn mà đi, không theo Hạng Vương vào Quan Trung,

nhưng nghe nói ông ta là người hiền, có công với nước Triệu, lại nghe tin ông ta lúc bấy giờ ở Nam Bì, cho nên phong cho ba huyện ở xung quanh đấy. Tướng của Phiên Quân là Mai Quyên lập được nhiều công, cho nên được phong thập vạn hộ hầu.

Hạng Vương tự lập làm Tây Sở Bá Vương, cai trị chín quận, đóng đô ở Bành Thành.

Năm thứ nhất, tháng tư, đời nhà Hán (206) các chư hầu đều bãi binh và trở về nước mình. Hạng Vương về nước, sai người đổi Nghĩa Đế đi nơi khác, nói: - Các vị đế vương ngày xưa nước vuông ngàn dặm đều ở thượng lưu dòng sông.

Cho nên Hạng Vương sai đổi Nghĩa Đế đi Trường Sa, ở Sâm Huyện. Hạng Vương lại giục Nghĩa Đế đi. Quân thần của Nghĩa Đế dần dần trở mặt, Hạng Vương bèn bí mật sai Hành Sơn Vương và Lâm Giang Vương giết Nghĩa Đế ở trên sông Trường Giang. Hàn Vương là Thành không có quận công, Hạng Vương không cho về nước, đưa về Bành Thành, lại sai người giết đi. Tang Đồ về nước mình, muốn đuổi Hàn Quân đi Liêu Đông, nhưng Quảng không nghe, Tang Đồ giết Quảng ở Vô Chung và lấy luôn đất của Quảng để làm vương.

Điền Vinh nghe tin Hạng Vũ đã đổi vua Tề là Thị đi Giao Đông, và lập tướng nước Tề là Điền Đô làm Tề Vương, liền nổi giận, không cho Tề Vương đi Giao Đông, rồi giữ lấy nước Tề làm phản, và đón đánh Điền Đô. Điền Đô bỏ chạy sang Sở. Tề Vương là Thị, sợ Hạng Vương nên bỏ trốn về nước mình là Giao Đông. Điền Vinh nổi giận, đuổi theo, giết Tề Vương ở Tức Mặc. Vinh bèn tự lập làm Tề Vương, đem quân về hướng tây, giết vua Tề Bắc là Điền An, làm vua cả Tam Tề (tức Tề, Tề Bắc và Giao Đông.)

Vinh giao ấn tướng quân cho Bành Việt, ra lệnh cho y làm phản ở đất Lương. Trần Dư ngầm sai Trương Đông, Hạ Duyệt nói với vua Tề là Điền Vinh: -Hạng Vương làm chúa tể thiên hạ, nhưng không công bình. Ông ta cho tất cả các vua cũ làm vương ở những đất xấu, còn cho quân thần, tướng tá của ông ta làm vương ở những nơi đất tốt, đuổi chủ cũ của mình là Triệu Vương lên phía Bắc, ở đất Đại. Dư này cho là không hợp lý. Nghe tin đại vương khởi binh, lại không chịu nghe lời xử trí bất nghĩa, xin đại vương giúp binh lính cho Dư này. Tôi xin đánh Thường Sơn để phục lại Triệu Vương. Tôi xin lấy nước ấy làm rào giậu cho nước đại vương.

Tề Vương bằng lòng, liền sai quân đi đến Triệu. Trần Dư đem tất cả quân của ba huyện cùng hợp sức với Tề Vương đánh Thường Sơn, phá tan quân của Thường Sơn Vương. Trương Nhĩ bỏ chạy theo Hán, Trần Dư đón Yết, trước đây làm Triệu Vương ở đất Đại, đưa về Triệu Vương bèn lập Trần Dư làm vương đất Đại.

8. Tình hình chiến sự giữa Hán và Sở trong bốn năm

Bấy giờ Hán quay về bình định Tam Tần (Tam Tần: ba nước Ung, Tắc và Dịch, ở trên đã nói, Hạng Vũ chia đất Tần làm ba phần, phong cho các tướng cũ của Tần). Hạng Vương nghe tin Hán Vương đã lấy được Quan Trung, lại đem quân về hướng đông nước Tề, nước Triệu làm phản chống lại mình, liền nổi giận, bèn phong Trịnh Xương trước kia làm huyện lệnh đất Ngô, làm Hàn Vương để chống lại Hán, sai bọn Tiêu Công Giác đánh Bành Việt. Bành Việt đánh lại bọn Tiêu Công Giác. Hán Vương sai Trương Lương đi chiêu hàng ở Hàn, và đưa thư cho Hạng Vương, nói:

Hàn Vương không được đối xử như lời giao ước cho nên muốn lấy Quan Trung. Nay được như lời giao ước cũ thì thôi, không dám đem quân sang hướng đông (Tức là đã được làm vương ở Quan Trung (Tam Tần) như lời hứa của Sở Hoài Vương) nữa.

Hán Vương lại lấy thư của Tề và Lương làm phản đưa cho Hạng Vương và nói: - Nước Tề muốn cùng hợp sức với nước Triệu để tiêu diệt nước Sở.

Vì vậy, Sở không có ý định đem quân về hướng tây, lại đem quân về hướng bắc để đánh Tề. Sở đòi Cửu Giang Vương Bô đem binh đi theo, Bô cáo bệnh không đến, sai tướng mang mấy ngàn quân lại. Vì vậy Hạng Vương oán Bô.

Mùa đông năm thứ hai nhà Hán (205), Hạng Vương đem quân về hướng bắc, đến Thành Dương. Điền Vinh cũng đem binh đến giao chiến. Điền Vinh đánh không lại, chạy đến Bình Nguyên. Dân Bình Nguyên giết Điền Vinh. Hạng Vũ bèn đem quân đi theo phía bắc, san phẳng và đốt thành quách nhà cửa của Tề, chôn sống tất cả quân lính của Điền Vinh đầu hàng, trói và bắt những người già cả, đàn bà con gái làm tù, lấy đất từ Tề đến Bắc Hải, tàn sát rất nhiều. Người Tề hợp nhau lại làm phản. Vì vậy, em của Điền Vinh là Điền Hoàn, thu thập được mấy vạn lính Tề đã đi trốn từ trước, làm phản ở Thành Dương. Hạng Vương vì vậy phải dừng lại, đánh mấy trận, nhưng không hạ được.

Mùa xuân, Hán Vương cầm quân của năm nước chư hầu, tất cả năm mươi sáu vạn người, kéo về hướng đông để đánh Sở. Hạng Vương nghe vậy bèn sai các tướng đánh nước Tề, còn mình thì đem ba vạn tinh binh đi về hướng nam đất Lỗ, qua thành Hồ Lăng. Tháng tư, quân Hán đều đã vào Bành Thành, thu của cải châu báu, gái đẹp, ngày nào cũng đặt tiệc rượu hội họp linh đình. Hạng Vương bèn đem quân về hướng tây, sáng sớm đi qua Tiêu huyện, đánh quân Hán, rồi kéo về hướng đông đến Bành Thành. Giữa trưa, Hạng Vũ phá tan quân Hán, quân Hán đều bỏ chạy, xô nhau nhảy xuống sông Cốc và sông Tứ. Hạng Vương giết hơn mười vạn quân Hán, quân Hán đều bỏ chạy sang hướng nam về phía núi. Quân Sở lại truy kích

đến phía đông Linh Bích, trên sông Tuy Thủy. Quân Hán rút lui bị quân Sở đánh ráo riết, giết rất nhiều. Hơn mười vạn quân Hán đều nhảy xuống sông Tuy Thủy. Nước sông vì vậy không chảy được. Hạng Vương vây quân Hán ba vòng. Lúc bảy giờ, có một trận gió to thổi từ phía tây bắc, bẻ gãy cây, lật thóc mái nhà, làm bay cát đá, ban ngày tối đen. Gió thổi thẳng vào quân Sở, quân Sở rối loạn, tan rã. Nhờ thế, Hán Vương mới trốn thoát với mấy người kỵ binh. Hán Vương muốn đi qua đất Bái để đem cả gia đình về hướng tây. Quân Sở cũng cho người đuổi theo đến Bái, bắt gia đình Hán Vương, cả nhà đều trốn và không gặp Hán Vương. Hán Vương đến gặp Hiếu Huệ, Lỗ Nguyên [*Hiếu Huệ sau này nói ngôi Lư Bang tức là Huệ Đế. Lỗ Nguyên là con gái Lư Bang. Những tên Hiếu Huệ, Lỗ Nguyên đều là đặt sau khi chết, lúc bảy giờ Hiếu Huệ tên là Doanh*], trên đường cái bèn mang lên xe cùng đi. Kỵ binh của Sở đuổi theo. Hán Vương vội vã quá đẩy Hiếu Huệ và Lỗ Nguyên xuống xe. Đàng Công bước xuống đưa hai người lên xe, làm như thế ba lần [*Chi tiết điển hình, nêu rõ sự vội vã và hoảng hốt của Lư Bang.*].

Đàng Công nói: - Tuy gấp, không thể đi nhanh, nhưng lẽ nào lại bỏ đi?

Thế rồi trốn thoát được. Hán Vương cho tìm Thái Công và Lữ Hậu, nhưng không gặp. Thẩm Tự Cơ theo Thái Công và Lữ Hậu lén lút đi tìm Hán Vương, không ngờ gặp quân Sở. Quân Sở bèn đưa họ về báo với Hạng Vương. Hạng Vương giữ họ lại ở trong quân.

Bảy giờ, anh của Lữ Hậu là Chu Lữ Hầu làm tướng Hán, đóng quân ở Hạ Ấp. Hán Vương lên đến đó theo Chu Lữ Hầu, dần dần thu lại được quân sĩ. Khi đến Huỳnh Dương, các quân bại trận trước đều tập hợp lại. Tiêu Hà cũng điều động tất cả những người già trẻ không đúng tuổi đăng binh ở Quan Trung đến Huỳnh Dương. Thế quân Hán lại mạnh. Quân Sở xuất phát từ Bành Thành, thừa thắng đuổi theo, cùng quân Hán đánh nhau ở phía nam Huỳnh Dương, giữa miền Kinh ấp và Sách Đình. Quân Hán đánh quân Sở thua. Vì vậy, Sở không thể đem quân đi về hướng tây.

Trong khi Hạng Vương cứu Bành Thành, đuổi Hán Vương đến Huỳnh Dương, thì Điền Hoàn cũng nhân đây thu phục được nước Tề, lập con của Điền Vinh là Quảng làm Tề Vương. Sau khi Hán Vương thất bại ở Bành Thành, các nước chư hầu lại theo Sở mà chống lại Hán. Hán đóng quân ở Huỳnh Dương, xây đường ống ra đến Hoàng Hà để lấy lúa ở kho Ngao Thương.

Năm thứ ba nhà Hán (104), Hạng Vương mấy lần đem quân đánh cướp đường ống của Hán. Hán Vương thiếu lương thực, lo sợ xin hoà, cắt đất từ Huỳnh Dương sang phía đông về Hán. Hạng Vương muốn nghe theo. Lịch Dương Hầu là Phạm Tăng nói: - Đối phó với Hán thì dễ thôi! Nay bỏ cơ hội này mà không lấy, về sau sẽ hối hận.

Hạng Vương bèn cùng Phạm Tăng vây Huỳnh Dương rất gấp. Hán Vương lo lắng, bèn theo kế của Trần Bình ly gián Hạng Vương. Hạng Vương sai sứ giả đến. Hán Vương sai làm cỗ thái lao [*ngày xưa làm cỗ có thịt bò, thịt dê, thịt lợn thì gọi là cỗ thái lao, đây ý nói một bữa tiệc long trọng.*] đem đến, có vẻ muốn mời sứ giả ăn. Nhưng khi thấy sứ giả thì giả vờ kinh ngạc mà rằng: - Ta tưởng là sứ giả của Á phụ, lại hoá ra sứ giả của Hạng Vương!

Liên bung cỗ đi, đem thức ăn tồ ra cho sứ giả của Hạng Vương ăn, sứ giả về báo với Hạng Vương. Hạng Vương bèn nghi Phạm Tăng tư thông với Hán nên tức bỏ quyền của Tăng. Phạm Tăng giận lắm, nói: - Việc thiên hạ đã bình định xong rồi! Xin quân vương tự lo lấy. Cho phép thần được mang xác về làm một người dân thường.

Hạng Vương bằng lòng. Phạm Tăng đi chưa đến Bành Thành, nổi ung ở lưng mà chết.

Tướng của Hán là Kỷ Tín, nói với Hán Vương: - Nay việc đã gấp, xin cho tôi vì nhà vua mà giả làm vua để lừa quân Sở. Như thế nhà vua có thể cải trang mà trốn thoát.

Hán Vương bèn đang đêm cho đưa con gái ra cửa đông Huỳnh Dương và hai ngàn người mang áo giáp, quân Sở đánh vào bốn mặt. Kỷ Tín cưỡi xe hoàng ốc (Xe nhà vua lợp vải, màu vàng nên gọi là hoàng ốc.) cầm cờ tả đạo (cái cờ bằng lông chim treo ở bên trái xe nhà vua), nói: - Trong thành lương hết! Hán Vương xin hàng!

Quân Sở đều hô "vạn tuế!"

Hán Vương cùng vài mươi kỵ binh theo cửa tây thành mà ra, chạy đến Thành Cao. Hạng Vương thấy Kỷ Tín liền hỏi: - Hán Vương ở đâu?

Kỷ Tín nói: - Hán Vương đã ra rồi!

Hạng Vương thiêu sống Kỷ Tín.

Hạng Vương sai ngự sử đại phu là Chu Hà, Tung Công và Ngụy Báo giữ Huỳnh Dương. Chu Hà và Tung Công bàn nhau: - Khó lòng giữ nổi thành trì với một ông vua phản quốc (Ngụy Báo trước kia đã có lần làm phản chống lại Lưu Bang).

Bèn cùng nhau giết Ngụy Báo. Quân Sở hạ thành Huỳnh Dương, bắt sống Chu Hà. Hạng Vương bảo Chu Hà: - Nếu người chịu làm tướng của ta, ta sẽ cho người làm thượng tướng quân, và phong cho ba vạn hộ.

Chu Hà đáp: - Mày nếu không đầu hàng Hán, thì Hán sẽ cầm tù mày! Mày không địch nổi Hán đâu!

Hạng Vương nổi giận, bỏ Chu Hà vào vạc sôi và giết luôn cả Tung Công. Hán Vương thoát khỏi Huỳnh Dương, chạy về phía nam, vào đất Uyển và đất Diệp, gặp Cửu Giang Vương là Kinh Bố. Hán Vương thu thập

quân đội, lại vào giữ Thành Cao.

Năm thứ tư nhà Hán (203), Hạng Vương tiến quân vây Thành Cao, Hán Vương bỏ trốn ra khỏi cửa bắc Thành Cao với Đàng Công, vượt qua Hoàng Hà, chạy đến Tu Vũ, nhập vào quân của Trương Nhĩ, Hàn Tín. Các tướng đều dần dần ra khỏi Thành Cao, đi theo Hán Vương. Quân Sở lấy được Thành Cao, muốn đi về hướng tây. Hán sai quân chống lại ở đất Cung, làm cho quân Sở không đi về hướng tây được.

Bây giờ, Bành Việt đã vượt qua Hoàng Hà, đánh đất Đông A của Sở, giết tướng của Sở là Tiết Công. Hạng Vương liền thân hành đem quân về hướng đông đánh Bành Việt. Hán Vương được binh của Hoài Âm Hầu (tức Hàn Tín lúc ấy chưa phong, đây là nhà làm sử theo tước phong sau mà chép) muốn vượt qua Hoàng Hà đi về Nam. Trịnh Trung nói Hán Vương dừng lại, đóng quân ở Hà Nội, sai Lưu Giả đem quân giúp Bành Việt, đốt lương thực của Sở. Hạng Vương đem quân về hướng đông, đánh phá quân Bành Việt, Bành Việt bỏ chạy. Hán Vương đem quân vượt qua Hoàng Hà, lấy lại được Thành Cao, đóng quân ở Quảng Vũ, lấy lương thực ở kho Ngao Thương. Sau khi đã bình định xong miền đông, Hạng Vương đem binh sang hướng tây gặp quân Hán ở Quảng Vũ, hai bên giữ nhau mấy tháng.

Lúc bấy giờ, Bành Việt thường làm phản ở đất Lương, cắt đứt lương thực của Sở. Hạng Vương lo lắng, dựng một cái thớt cao, đặt Thái Công lên trên, và sai người nói với Hán Vương: - Nếu không đầu hàng ngay thì ta nấu chết Thái Công.

Hán Vương nói: - Ta và Hạng Vũ đều ngoảnh mặt về hướng bắc, chịu mệnh lệnh của Hoài Vương và đã "giao ước làm anh em", cha ta tức là cha ngươi, ngươi muốn nấu cha ngươi thì chia cho ta một bát canh với!

Hạng Vương giận, muốn giết Thái Công. Hạng Bá nói: - Việc thiên hạ chưa biết như thế nào, vả chăng người đã lo việc thiên hạ thì không nhìn đến việc nhà, có giết ông ta cũng vô ích, chỉ tăng thêm tai họa mà thôi.

Hạng Vương nghe theo.

Quân Sở và quân Hán giằng co nhau, chưa ai thắng ai, trai tráng khổ sở vì phải đi lính, người già yếu mệt nhọc vì lo vận tải lương thực, Hạng Vương nói với Hán Vương: - Mấy năm nay, thiên hạ xao xuyên khôn khổ, chỉ vì hai chúng ta.

Hạng Vương muốn cùng Hán Vương khiêu chiến, quyết một phen sống mái, không nên làm khổ nhân dân thiên hạ nữa.

Hán Vương cười mà rằng: - Ta chỉ đấu trí, không thêm đấu lực.

Hạng Vương sai tráng sĩ ra khiêu chiến. Hán Vương có viên tướng giỏi bắn là Lâu Phiền. Ba lần quân Sở ra khiêu chiến, đều bị Lâu Phiền bắn chết. Hạng Vương trợn mắt quát (một chi tiết điển hình của Hạng Vũ khi chiến

đầu). Lâu Phiền mắt không dám nhìn, tay không dám bắn, liền bỏ chạy vào thành, không dám ra nữa. Hán Vương sai người lên ra để hỏi, thì biết đó là Hạng Vương. Hán Vương hoảng sợ.

Thế rồi Hán Vương và Hạng Vương gặp nhau ở khe Quảng Vũ và nói chuyện với nhau. Hán Vương kể tội Hạng Vương. Hạng Vương nổi giận, muốn đánh nhau một trận, Hán Vương không nghe. Hạng Vương dùng cái nỏ ngầm bắn trúng Hán Vương. Hán Vương bị thương chạy vào Thành Cao.

Hạng Vương nghe tin Hoài Âm Hầu đã lấy được Hà Bắc, phá được Tề, Triệu, lại muốn đánh Sở, bèn sai Long Thu đến đánh, Hoài Âm Hầu cùng kỵ tướng là Quán Anh đánh quân Sở thua to, giết Long Thu. Hàn Tín nhân đó tự lập làm Tề Vương. Hạng Vương nghe tin quân của Long Thu thua trận, sai Vũ Thiệp, người Vu Thai, đến khuyên dụ Hoài Âm Hầu, Hoài Âm Hầu không nghe (Xem Hoài Âm Hầu liệt truyện). Bấy giờ Bành Việt lại làm phản, lấy được đất Lương, cắt đứt lương thực của Sở. Hạng Vương bảo bọn Hải Xuân Hầu, đại tư mã là Tào Cửu rằng: - Phải giữ Thành Cao cho cẩn mật! Nếu quân Hán khiêu chiến, thì chớ đánh nhau với chúng, chỉ đừng cho chúng đi về hướng đông mà thôi. Sau mười lăm ngày, nhất định ta sẽ giết Bành Việt, bình định được đất Lương, và lại về đây với tướng quân.

Hạng Vương đem quân về hướng đông đánh thành Trần Lưu, Ngoại Hoàng. Thành Ngoại Hoàng không hạ được. Phải đánh mấy ngày mới đầu hàng. Hạng Vương giận, bắt buộc tất cả con trai từ mười lăm tuổi trở lên, đều phải đến phía đông thành ấy, muốn chôn sống họ. Con trai của huyện lệnh Ngoại Hoàng mới mười ba tuổi, đến nói với Hoàng Vương: - Bành Việt cưỡng ép, Ngoại Hoàng sợ nên phải hàng, chờ đợi đại vương. Nếu đại vương đến lại chôn sống họ, trăm họ còn lòng nào muốn theo đại vương nữa! Nếu làm thế thì từ đây về hướng đông còn hơn mười thành của đất Lương sẽ đều sợ hãi, không ai chịu đầu hàng đâu.

Hạng Vương cho là phải, bèn tha những người ở Ngoại Hoàng khỏi bị chôn sống. Thế rồi các thành từ đó sang phía đông cho đến Tuy Dương nghe vậy đều tranh nhau đầu hàng Hạng Vương.

Quả nhiên, Hán mấy lần khiêu chiến với quân Sở, quân Sở không chịu ra. Hán sai người mắng nhiếc năm sáu ngày. Đại tư mã giận đem quân vượt qua sông Tụ Thủy, quân lính vừa mới ra giữa sông, bị quân Hán đánh úp phá tan quân Sở, lấy tất cả của cải tiền bạc của nước Sở. Đại tư mã là Cửu, trưởng sử là Ế, Tắc Vương là Hân đều đâm cổ chết giữa sông Tụ Thủy. Đại tư mã Cửu nguyên trước làm quan coi ngục ở đất Kỳ, trưởng sử Hân cũng là quan coi ngục ở đất Lịch Dương, hai người trước có ơn với Hạng Vương cho nên được Hạng Vương tín nhiệm. Lúc bấy giờ, Hạng Vương ở Tuy Dương, nghe tin Hải Xuân Hầu thua, liền đem quân về. Quân Hán đang vây Chung

Ly Muội ở phía đông Huỳnh Dương, Hạng Vương đến, quân Hán sợ Sở chạy vào nơi hiểm trở hết. Lúc bấy giờ bên Hán quân thịnh, lương nhiều, quân của Hạng Vương mệt nhọc, lương hết. Hán sai Lục Giả nói với Hạng Vương xin Thái Công. Hạng Vương không nghe. Hán Vương bèn giao ước với Hán Vương chia giữa thiên hạ: từ Hồng Câu về tây là thuộc Hán, từ Hồng Câu về đông là thuộc Sở. Hạng Vương liền cho cha và vợ Hán Vương về. Quân sĩ đều hô: "Vạn tuế!" Hán Vương bèn phong Hầu Công làm Bình Quốc Công. Hầu Công từ đó bị yên trí, không được yết kiến nữa.

Hán Vương bảo: - Đó là kẻ biện sĩ giỏi nhất thiên hạ, ở đâu thì nước ấy sẽ nghiêng đổ, cho nên hiệu là Bình Quốc Quân.

9. Cái chết của Hạng Vũ

Hạng Vương sau khi đã giao ước, rút quân về hướng đông. Hán Vương muốn đi về hướng tây, Trương Lương, Trần Bình nói: - Hán đã có được hơn một nửa thiên hạ, chư hầu đều theo. Nước Sở quân sĩ mệt, lương thực hết, chính là lúc trời làm mất nước Sở. Chi bằng nhân cơ hội này mà đánh lấy. Nay tha không đánh, tức như lời người ta nói, "nuôi hổ để lại gây mối lo cho mình về sau".

Hán Vương nghe theo.

Năm thứ năm nhà Hán (-202), Hán Vương theo đánh Hạng Vương đến phía nam Dương Hạ, đóng quân lại đây, hẹn với Hoài Âm Hầu Hàn Tín, Kiến Thành Hầu Bành Việt hiệp sức để đánh quân Sở. Hán Vương đến Cổ Lăng, nhưng binh của Tín và Việt không đến. Quân Sở đánh quân Hán thua to. Hán Vương lại vào thành, đào hào sâu để giữ. Hán Vương bảo Trương Tử Phòng: - Chư hầu không theo lời giao ước, làm thế nào bây giờ?

Tử Phòng nói: - Quân Sở sắp vỡ, nhưng Tín, Việt vẫn chưa được phong đất, họ không đến là phải. Nếu nhà vua biết chia thiên hạ cho họ thì gọi họ sẽ đến ngay. Không làm được thế, đại sự chưa biết như thế nào. Nếu nhà vua có thể phong cho Hàn Tín các miền từ đất Trần sang phía đông cho đến biển, phong cho Bành Việt các miền từ phía bắc Tuy Dương cho đến Cốc Thành để cho họ tự chiến đấu, thì dễ đánh bại Sở lắm.

Hán Vương nói: - Phải đây.

Hán Vương bèn sai sứ giả đến nói với Hàn Tín, Bành Việt: - Hãy chung sức đánh Sở. Nếu phá được Sở thì từ đất Trần về phía đông cho đến biển sẽ phong cho Tề Vương, từ phía bắc Tuy Dương cho đến Cốc Thành sẽ phong cho Bành tướng quốc.

Sứ giả đến, Hàn Tín, Bành Việt đều báo: - Xin tiến quân tức thì.

Hàn Tín bèn từ Tề đến, hội với quân Lưu Giả, từ Thọ Xuân xuất phát rồi cùng kéo đi, làm cỏ Thành Phu và đến Cai Hạ. Đại Tư Mã Chu Ân phản lại Sở, lấy quân của đất Thư đến tiêu diệt đất Lục, lại điều động cả quân Cửu Giang theo Lưu Giả và Bành Việt. Tất cả đều họp ở Cai Hạ, hướng vào phía Hạng Vương.

Hạng Vương đóng quân ở trong thành Cai Hạ, binh ít, lương hết. Quân Hán và quân chư hầu bao vây mấy vòng. Đang đêm, Hạng Vương nghe quân Hán ở bốn mặt đều hát giọng Sở, Hạng Vương liền kinh hoàng nói: - Hán đã lấy được Sở rồi sao? Sao mà người Sở đông như thế?

Đang đêm Hạng Vương thức dậy, uống rượu trong trướng. Có mỹ nhân thường đi theo tên là Ngu, có con ngựa thường cưỡi tên là Chuy, Hạng Vương đau đớn, cảm khái làm bài thơ:

Sức nhỏ nui, khi trùm đời,

Ngựa Chuy chùn lại, bởi thời không may!

Ngựa sao chùn lại thế này?

Nàng Ngu, biết tính sao đây hồi này?

Hạng Vương ca mấy lần, mỹ nhân họa theo (sau lúc hát, Ngu Cơ tự sát). Hạng Vương khóc chảy nước mắt! Tả hữu đều khóc, không ai có thể ngẩng đầu lên nhìn!

Hạng Vương bèn lên mình ngựa, tráng sĩ cưỡi ngựa ở dưới cờ hơn tám trăm người, đang đêm phá vỡ vòng vây, xông ra phía nam, phi ngựa chạy. Đến tảng sáng, quân Hán mới biết, sai kỵ tướng là Quán Anh mang năm ngàn kỵ binh đuổi theo. Hạng Vương vượt qua sông Hoài, quân kỵ theo kịp chỉ còn hơn trăm người.

Hạng Vương đến Âm Lăng lạc đường, hỏi một cụ già làm ruộng. Cụ già nói dối, bảo: - Đi qua bên trái!

Hạng Vương rẽ qua bên trái, sa vào trong đồng lầy, cho nên quân Hán đuổi kịp. Hạng Vương lại đem quân đi về phương đông, đến Đông Thành, bấy giờ chỉ còn hai mươi tám kỵ binh. Kỵ binh Hán đuổi theo mấy ngàn. Hạng Vương tự liệu chẳng thoát được, bảo các kỵ binh: - Ta từ đi đây binh đến nay đã tám năm trời, mình trải qua hơn bảy mươi trận, ai chống cự thì bị đánh bại, đánh đâu thì họ phải chịu phục, chưa từng thua chạy bao giờ. Rốt cục làm bá thiên hạ. Thế mà nay phải chịu khốn khổ ở đây, đó là trời hại ta, chứ không phải tội ta đánh không giỏi. Ngày nay thế nào cũng chết, ta nguyện vì các người quyết chiến, nhất định phải thắng ba lần, vì các người, phá vòng vây, chém tướng, chặt cờ, để các người biết rằng đây là trời hại ta chứ không phải lỗi tại ta đánh không giỏi.

Hạng Vương bèn chia kỵ binh ra bốn đội, quay về bốn phía. Quân Hán vây Hạng Vương mấy vòng. Hạng Vương nói với các kỵ binh: -Ta xin các người giết tên tướng kia!

Hạng Vương sai phi ngựa xuống cả bốn mặt, hẹn xông qua phía đông núi rồi tập hợp làm ba nơi. Hạng Vương bèn thét lớn, phi ngựa xuống, quân Hán đều giạt ra một bên, Hạng Vương chém một viên tướng Hán. Bấy giờ Xích Tuyền Hầu làm tướng Hán đuổi theo Hạng Vương. Hạng Vương trợn mắt quát, Xích Tuyền Hầu người ngựa đều hoảng kinh, chạy lui đến mấy dặm.

Hạng Vương cùng quân kỵ tập hợp lại làm ba nơi khác nhau, quân Hán không biết Hạng Vương ở đâu, bèn chia quân làm ba và vây lại lần thứ hai. Hạng Vương bèn phi ngựa chém một viên đô úy, giết mấy trăm người, rồi hợp các kỵ binh lại thì chỉ mất hai kỵ binh mà thôi. Hạng Vương bèn hỏi các kỵ binh: - Thế nào?

Kỵ binh đều cúi rạp xuống thưa: - Đúng như lời đại vương đã nói.

Hạng Vương muốn đi sang phía đông, vượt sông Ô Giang. Người đình trưởng Ô Giang cầm thuyền đợi, bảo Hạng Vương: - Giang Đông tuy nhỏ, đất hàng ngàn dặm, dân vài mươi vạn, cũng đủ làm vương. Xin đại vương mau mau vượt sông. Nay chỉ một mình thần có thuyền, quân Hán đến không có cách gì vượt qua.

Hạng Vương cười mà rằng: - Trời hại ta, ta vượt qua sông làm gì! Vả chẳng Tịch này cùng tám ngày con em Giang Đông vượt Trường Giang đi về hướng tây, nay không còn lấy một người trở về! dù cho các bậc cha anh ở Giang Đông thương ta, cho ta làm vương, ta cũng còn mặt mũi nào mà thấy họ nữa. Dù họ không nói, Tịch này há chẳng thẹn trong lòng sao?

Bèn bảo đình trưởng: - Ta biết ông là bậc trưởng giả, ta cưới con ngựa này, năm năm nay đi đến đâu cũng vô địch, thường một ngày đi ngàn dặm, ta không nỡ giết, xin biểu ông.

Hạng Vương bèn sai kỵ binh đều xuống ngựa đi bộ, cầm khí giới ngăn đê tiếp chiến. Một mình Tịch giết mấy trăm quân. Hạng Vương thân bị hơn mười vết thương, quay lại thấy kỵ binh tư mã của Hán là Lữ Mã Đồng, bèn nói: - Ông có phải là người cố nhân của ta đó không?

Lữ Mã Đồng quay mặt nhìn Hạng Vương và chỉ cho Vương Ế nói: - Hạng Vương đó kìa!

Hạng Vương nói: - Ta nghe Hán mua đầu ta ngàn vàng, phong ấp vạn hộ. Ta làm ơn cho nhà ngươi đây.

Nói rồi, Hạng Vương tự đâm cổ chết.

Vương Ế lấy đầu, các kỵ binh khác giày xéo lên nhau dành Hạng Vương, giết nhau mấy mươi người (chi tiết tuy nhỏ, nhưng đầy tính chất châm biếm). Mãi về sau lang trung kỵ là Lữ Thắng, Dương Vũ, Dương Hỷ, Lữ Mã Đồng đều mỗi người được một phần. Năm người họp nhau chấp lại xác thì thấy ăn khớp. Vì vậy, chia đất phong ra làm năm: Lữ Mã Đồng được phong làm Trung thủy hầu, Vương Ế làm Đổ diễn hầu, Dương Hỷ làm Xích tuyền hầu, Dương Vũ làm Ngô phòng hầu, Lữ Thắng làm Niết dương hầu.

Hạng Vương chết rồi, đất Sở đều hàng Hán, riêng Lỗ không chịu hàng. Hán liền đem quân cả thiên hạ đến muốn tiêu diệt dân Lỗ. Nhưng vì Lỗ biết giữ lễ nghĩa, vì chúa chịu chết để giữ khí tiết, Hán Vương bèn sai cầm đầu Hạng Vương đến cho dân Lỗ xem. Phụ huynh nước Lỗ bèn đầu hàng. Lúc đầu, Sở Hoài Vương phong Hạng Tịch làm Lỗ Công, đến khi Tịch chết, nước Lỗ đầu hàng cuối cùng cho nên chôn cất Hạng Vương ở Cốc Thành theo lễ Lỗ Công, Hán Vương cử ai, khóc, rồi đi.

Dòng họ Hạng Vương đều không bị Hán Vương giết. Hán Vương phong Hạng Bá làm Xạ dương hầu. Đào hầu, Bình cao hầu, Huyền vũ hầu đều người họ Hạng, cho đổi họ làm họ Lưu.

10. Nguyên nhân thất bại của Hạng Vũ.

Thái Sử Công nói: tôi nghe Chu Sinh nói: "Mất vua Thuần có hai con người [*Tư Mã Thiên nhắc đến một câu chuyện hoang đường, truyền ngôn chứ không phải cho là đúng sự thực*]. Lại nghe nói mất Hạng Vũ cũng có hai con người. Phải chăng là dòng dõi của vua Thuần? Sao mà nổi lên nhanh chóng như vậy! Nhà Tần làm hỏng mất chính sự, Trần Thiệp đầu tiên khởi nghĩa, hào kiệt nổi lên như ong, tranh dành nhau không thể kể xiết. Hạng Vũ trong tay không có quyền bính gì, thừa thế nổi lên nơi thảo dã, trong ba năm liền đem năm nước chư hầu để tiêu diệt Tần, phân chia thiên hạ, phong các vương hầu, ban ra chính lệnh và tự xưng là bá vương, địa vị tuy không trọn vẹn nhưng từ cận cổ đến nay, chưa hề có người nào như thế. Đến khi Vũ bỏ Quan Trung, nhớ đất Sở, đuổi Nghĩa Đế để tự lập, thế mà lại trách các vương hầu phản mình thì thực cũng khó vậy. Tự khoe khoang công trạng, chỉ dùng cái trí của mình mà không chịu bắt chước người xưa, nói rằng có thể lấy võ lực dẹp yên thiên hạ, dựng nghiệp bá vương. Nhưng chỉ được năm năm thì mất nước, thân chết ở Đông Thành, thế mà còn chẳng tỉnh ngộ, không tự trách mình, thật là có lỗi. Lại còn có câu "Trời hại ta chứ không phải đánh không giỏi", há chẳng lầm sao.

[05] CAO TỔ bản kỷ

- [1. Lai lịch](#)
- [2. Khởi nghĩa ở quân Bái](#)
- [3. Lưu Bang sau khi khởi nghĩa](#)
- [4. Bái Công tiến quân vào Quan Trung thắng lợi](#)
- [5. Lưu Bang ở Quan Trung được lòng dân Tần](#)

1. Lai lịch

Cao Tổ người làng Trọng Dương, ấp Phong, quận Bái, họ Lưu tên tự là Quý [*Tên thật là Bang nhưng vì húy nên không viết. Tên Quý chứng tỏ Lưu Bang là con thứ ba, theo thứ tự: Bá, Trọng, Quý.*]. Cha là Thái Công, mẹ là bà Lưu.

Trước đây có một lần bà Lưu nghỉ trên bờ một cái đầm lớn, mộng thấy nằm với một vị thần, lúc bảy giờ sáng chớp nổi lên, trời tối mịt, Thái Công đến xem thì thấy trên người bà có một con giao long. Sau đó bà có mang và sinh Cao Tổ.

Cao Tổ người mũi gò, trán rộng, ở cằm và má có râu tốt, ở bắp vế bên trái có bảy mươi hai nốt ruồi. Tính nhân hậu, thương người, thích cho người, đầu óc rộng rãi, luôn luôn nghĩ đến những mưu đồ lớn, không lo đến việc làm ăn và những công việc của những người trong nhà. Khi lớn lên được làm lại, làm đình trưởng [*Mười làng thành một đình, mười đình thành một hương.*] ở sông Tứ. Đối với tất cả các quan lại ở trong quận, Cao Tổ đều coi thường và đùa bỡn, thích rượu và gái.

Cao Tổ thường uống rượu chịu ở nhà bà già Vương. Mỗi khi say rượu ngủ, bà Vũ và bà Vương thường thấy có rồng ở trên người và lấy làm lạ. Mỗi khi Cao Tổ mua rượu hay ngồi uống thì bao giờ cũng trả giá gấp mấy lần. Đến khi hai bà thấy việc lạ, cuối mỗi năm, hai bà chẻ sổ nợ [*Vì sổ nợ viết trên thẻ tre hay miếng gỗ.*] Cao Tổ có lần đi làm xâu ở Hàm Dương, ung dung nhìn hoàng đế nhà Tần, thở dài ngậm ngùi mà rằng: -Chà! một người trượng phu thì phải làm thế mới được.

Lữ Công người Đan Phụ, quen thân với quan lệnh huyện Bái, đến ở làm khách ở Bái để tránh người thù nhân đó làm nhà ở luôn tại Bái. Những người háo mục và quan lại ở Bái nghe nói quan huyện có người khách quý đều đến mừng. Tiêu Hà làm chủ lại, nhận đồ mừng của khách ra lệnh cho các tân khách.

- Ai vào không nộp đủ một ngàn đồng tiền thì phải ngồi ở dưới.

Tuy Cao Tổ chỉ làm đình trưởng, nhưng tính vốn coi thường các nha lại nên yết kiến và nói dối: - Tôi mang đến một vạn đồng tiền.

Kỳ thực, chẳng mang một đồng nào cả. Cao Tổ vào, Lữ Công rất kinh ngạc đứng dậy đón ở cửa. Lữ Công giỏi nghề coi tướng, thấy diện mạo của Cao Tổ liền quý trọng, đưa vào nhà mời ngồi. Tiêu Hà nói: - Cái ông Lưu Quý chỉ tỏ nói khoác, chẳng làm nên việc gì.

Cao Tổ vì coi thường, khinh rẻ các tân khách, nên bước lên chỗ cao nhất mà ngồi chẳng chút nhún nhường. Rượu uống gần tàn, Lữ Công nhân lấy mắt ra hiệu cố giữ Cao Tổ lại. Sau khi Cao Tổ uống rượu xong, Lữ Công nói:

-Tôi từ nhỏ thích xem tướng người ta, đã xem tướng rất nhiều, nhưng chẳng người nào bằng ông Quý cả. Xin ông Quý lo gìn giữ thân mình. Tôi có cháu gái muốn gả làm kẻ nâng khăn sửa túi cho ông Quý.

Tiệc rượu tan, bà Lữ giận Lữ Công nói: - Ông vẫn thường muốn con mình có số khác thường, muốn gả cho người sang, ông huyện lệnh đất Bái là chỗ thân tình hỏi ông không gả, sao lại hứa gả bừa cho Lưu Quý.

Lữ Công nói: - Cái đó không phải là cái đàn bà con trẻ biết được.

Rốt cục gả con gái cho Lưu Quý. Con gái Lữ Công chính là Lữ Hậu, sinh Hiếu Huệ và công chúa Lữ Nguyên.

Khi Cao Tổ làm đình trưởng, thường xin nghỉ về thăm ruộng. Lữ Hậu cùng hai con cày ruộng ngoài đồng. Có một cụ già xin ăn, đi qua. Lữ Hậu cho cụ ăn. Cụ già xem tướng Lữ Hậu và nói: - Bà là kẻ sang trong thiên hạ.

Lữ Hậu nhờ ông ta xem tướng Hiếu Huệ, ông già nói: - Bà sở dĩ được sang là nhờ cậu con trai này!

Khi xem tướng Lữ Nguyên, cụ già cũng bảo là người sang. Cụ già đi rồi, Cao Tổ chợt ở cái nhà bên cạnh đến, Lữ Hậu kể lại đầu đuôi việc người khách xem tướng ba mẹ con và bảo đều là người rất sang. Cao hỏi, Lữ Hậu bảo: - Ông cụ đi chưa xa.

Cao Tổ bèn đuổi theo và gặp. Cao Tổ hỏi ông cụ, ông cụ nói: - Cái bà và hai người con hỏi này đều giống ông. Tướng ông sang không thể nói hết

Cao Tổ bèn cảm tạ nói: - Nếu quả thật như lời cụ nói thì tôi không dám quên ơn.

Đến khi vinh viễn, Cao Tổ không biết cụ già ấy ở đâu.

Khi Cao Tổ làm đình trưởng, lấy tre làm mũ, sai viên lính lo việc đi bắt trộm đến huyện Tiết thuê làm. Cao Tổ thường vẫn đội, đến khi hiển đạt vẫn đội thứ mũ ấy. Thứ mũ ấy gọi là mũ họ Lưu.

Cao Tổ lấy chức vụ đình trưởng thay mặt huyện đưa những người bị đày đến Lịch Sơn. Giữa đường nhiều người bỏ trốn. Cao Tổ tự xét đến nơi thì tất cả đều sẽ trốn hết [*Theo pháp luật nhà Tần, nếu để người ta trốn thì bị tội chết. Nhận xét này chứng tỏ là việc làm của Lưu Bang là một cái thuật để chinh phục lòng người, bất đắc dĩ mà phải làm.*], cho nên khi đến cái đèo ở phía tây ấp Phong thì bảo dừng lại uống rượu. Đang đêm, thả tất cả những người bị đày, nói: - Các ông trốn hết đi, tôi từ nay cũng trốn.

Hơn mười người tráng sĩ trong số những người bị đày tình nguyện trốn theo Cao Tổ.

Cao Tổ uống rượu say, đang đêm đi qua đèo. Cao Tổ sai một người đi trước, người đi trước quay về báo: - Đằng trước có con rắn chắn ngang đường. Xin ông quay lại.

Cao Tổ đang say nói: - Kẻ tráng sĩ đã đi thì sợ cái gì!

Bèn tiến lên rút kiếm chém rắn. Rắn bị chặt làm đôi. Con đường mở rộng. Đi được vài dặm, nhân say nên ngủ.

Người đi sau đến chỗ con rắn, thấy một bà già khóc trong đêm tối. Người ấy hỏi tại sao lại khóc. Bà già đáp: - Người ta giết con tôi cho nên tôi khóc.

Người ấy hỏi: - Tại sao con bà bị giết?

Bà già đáp: - Con tôi là con của Bạch Đẻ,, hóa làm rắn nằm ngang giữa đường, nay bị con của Xích Đẻ chém, cho nên tôi khóc.

Người ấy cho là bà già nói dối, định đánh thì bà ta bỗng biến mất.

Người sau đến, Cao Tổ tỉnh dậy. Anh ta kể cho Cao Tổ nghe đầu đuôi câu chuyện. Cao Tổ trong bụng mừng rỡ, lấy làm tự đắc.

Những người theo Cao Tổ ngày càng sợ Cao Tổ. Tàn Thủy Hoàng Đế thường nói: - Phía đông nam có khí thiên tử.

Bèn đi chơi về phía đông để trấn áp.

Cao Tổ nghĩ rằng đó là vì mình, bèn trốn tránh giữa miền đầm và núi giữa hai huyện Mang và Đàng. Lữ Hậu đi cùng người ta đến tìm, thường vẫn gặp. Cao Tổ lấy làm lạ hỏi tại sao. Lữ Hậu nói: -Chỗ ông Quý ở thường có khí mây. Cho nên đến đây thì gặp.

Bái công trong bụng vui mừng. Con em đất Bái có người nghe chuyện ấy, nhiều người muốn theo.

Đoạn này có một vài chi tiết hoang đường, điều đó thường thấy trong mọi sách sử cổ. Điều đáng chú ý ở Tư Mã Thiên là rất ít gặp những chuyện hoang đường. Đây là một ngoại lệ mà có thể xem là một ngoại lệ bắt buộc, không thể không nhắc đến khi nói đến vị vua đầu tiên của nhà Hán. Có thể nói đây là hình thức bắt buộc để lồng vào những nhận xét hiện thực, có tính chất phê phán.

2. Khởi nghĩa ở quận Bái

Năm thứ nhất đời Tần Nhị Thế (209 trước công nguyên) mùa thu, bọn Trần Thắng nổi lên ở đất Kỳ. Khi đến đất Trần thì xưng vương là Trương Sở [*Nước Sở mở rộng.*]. Nhiều quận và huyện giết bọn quan lại cầm đầu hưởng ứng theo Trần Thiệp. Viên huyện lệnh ở Bái sợ, muốn đem quân Bái theo Trần Thiệp. Người chủ lại Tiêu Hà và quan coi ngục Tào Tham nói với viên lệnh: - Ông làm quan nhà Tần, mà lại muốn phản lại và đem con em đất Bái theo thì sợ họ không nghe. Xin ông triệu tập những người tránh ở ngoài, có thể được vài trăm người, để gây uy thế làm áp lực với họ. Như thế, người ta nhất định phải nghe theo.

Viên lệnh sai Phàn Khoái mời Lưu Quý đến. Bè đảng của Lưu Quý lúc bấy giờ đã có ngót trăm người. Phàn Khoái bèn theo Lưu Quý đến.

Sau đó, viên lệnh hỏi hạn sợ thời thế thay đổi chẳng, bèn sai đóng cửa thành và giữ thành, ý muốn giết Tiêu Hà và Tào Tham. Tiêu Hà, Tào Tham sợ, trèo qua tường trốn tránh ở nhà Lưu Quý. Lưu Quý bèn viết chữ lên lụa bấn tên vào thành bảo với các vị phụ lão quận Bái: - "Thiên hạ cực khổ vì nhà Tần đã lâu rồi. Nay các cụ tuy giữ thành cho viên huyện lệnh nhưng chư hầu đều nổi lên, họ sẽ làm cỏ quận Bái. Nhân dân đất Bái hãy cùng nhau giết chết viên lệnh, chọn con em nào đáng lập thì lập lên để hưởng ứng chư hầu. Làm như thế cửa nhà sẽ được nguyên vẹn, nếu không, cha con đều bị giết sạch, chẳng còn lối thoát".

Các vị phụ lão bèn cầm đầu bọn con em cùng nhau giết viên lệnh, mở cửa thành đón Lưu Quý. Họ muốn mời Lưu Quý làm huyện lệnh đất Bái. Quý nói: - Thiên hạ đang rối loạn, chư hầu đều nổi dậy. Nay nếu các ông đặt một viên tướng không giỏi thì mai kia chỉ thua một trận thì chết hết. Không phải tôi dám tiếc thân mình đâu, nhưng tôi sợ tài hèn không thể làm tròn việc lớn này của các vị và của anh em. Xin cử người tài để làm.

Tiêu Hà và Tào Tham đều là quan văn, họ tiếc thân mình, sợ lỡ việc không thành thì sau này thì nhà Tần sẽ giết hết cả họ [*Nhấn mạnh điểm bấy giờ tuy khởi nghĩa, nhưng ai cũng sợ việc không thành*], nên ra sức nhường cho Lưu Quý. Các vị phụ lão cũng đều nói: - Bình sinh chúng tôi cũng nghe những điều kỳ lạ và hiếm có của Lưu Quý. Điều đó chứng minh ông sẽ được hiển vinh. Và lại, khi bói mai rùa và cử thi thì chẳng ai được điểm tốt như ông Lưu Quý.

Lưu Quý mấy lần nhường, nhưng mọi người không ai dám làm nên lập Lưu Quý làm Bái công [*Vì bấy giờ Lưu Bang nổi dậy để hưởng ứng theo Trần Thiệp. Thiệp làm Vương nên Bang là Công.*].

Bái công sai làm lễ thờ Hoàng Đế, tế Xuy Vưu [*Hoàng Đế được xem là tổ người Trung Quốc. Xuy Vưu được xem là thần chiến tranh.*] ở Bái Đình,

lấy máu bôi lên trán, cờ xí đều màu đỏ vì câu chuyện con vua Xích Đế giết rắn là con vua Bạch Đế, cho nên ông ta chuộng màu đỏ.

Bọn trai tráng, thân hào, quan lại như Tiêu Hà, Tào Tham, Phàn Khoái đều tập hợp hai ba nghìn con em đất Bái theo Lưu Quý. Lưu Quý đánh quận Hồ Lăng và quận Phong Dư rồi về giữ đất Phong.

3. Lưu Bang sau khi khởi nghĩa

Năm thứ hai đời Tần Nhị Thế (208 trước công nguyên) viên tướng của Trần Thiệp là Chu Chương đem quân đi về phía tây đến đất Hí rồi trở về, các nước Yên, Triệu, Ngụy, Tề đều tự lập làm vua. Họ Hạng nổi dậy ở đất Ngô.

Bình làm quan Giám [*Pháp chế nhà Tần ở mỗi quận đặt quan thú coi về chính trị, quan úy coi về quân sự và quan giám coi việc cung cấp cho quân đội.*] quận Tứ Xuyên của nhà Tần, đem quân vây đánh đất Phong hai ngày. Quý xông ra đánh, Bình bị đánh bại, Quý sai Ung Xí giữ đất Phong, còn mình đem binh đến đất Tiết. Tráng làm thái thú ở Tứ Xuyên bị bại ở Tiết nên bỏ chạy ở huyện Thích. Tả tư mã của Bái công bắt được thái thú của Tứ Xuyên là Tráng và giết đi.

Bái công quay về đóng quân ở Cang Phụ và đi đến quận Phương Dư, Chu Thị đến đánh Phương Dư, nhưng chưa đến đánh trận nào, Trần Quân trước đây [*Trước khi Bái công lấy đất Phong.*] sai người nước Ngụy là Chu Thị cướp đất này. Chu Thị cho người nói với Ung Xí [*Đoạn này rắc rối. Trần Thiệp sai Chu Thị đi đánh lấy Phương Dư, nhưng Chu Thị làm phản, lập nên nước Ngụy, cho Ngụy Cửu làm vua Ngụy và chống lại Thiệp tức là chống lại Lưu Bang. Do đó Chu Thị khuyên Ung Xí là tướng của Lưu Bang đầu hàng mình.*]: - Dân đất Phong vốn là dân đất Lương dời đến ở, nay đất Ngụy đã bình định được mấy mươi thành rồi, nếu Xí theo vua Ngụy thì vua Ngụy sẽ phong cho Xí làm hầu, giữ đất Phong, nếu Xí không đầu hàng thì sẽ làm cỏ tất cả dân đất Phong,

Ung Xí vốn không muốn theo Bái Công, nên khi nước Ngụy cho người đến chiêu hàng thì Xí quay về với Ngụy và giữ đất Phong. Bái công đem quân đánh đất Phong nhưng không lấy được. Bái Công bị ốm phải trở về đất Bái.

Bái Công giận Ung Xí và con em đất Phong phản lại mình, nghe tin nói Ninh Quân người huyện Đông Dương và Tần Gia đã lập Cảnh Câu làm Giả Vương [*Vì có tin Trần Thiệp bị ám sát chết, nên Cảnh Câu được lập làm Giả Vương tức là vua lâm thời.*] ở thành Lưu, bèn đến theo họ, ý muốn xin quân để đánh đất Phong. Lúc bấy giờ tướng của Tần là Chương Hàm đuổi theo một biệt tướng [*Vị tướng cầm riêng một cánh quân.*] của Trần Vương, còn Ni làm tư mã của Hàm đem quân về phía bắc bình định đất Sở làm cỏ dân đất Tương và binh đến đất Đường. Ninh Quân người Đông Dương cùng Bái Công đem quân về phía Tây đánh huyện Tiêu. Đánh không lợi, hai người đem quân trở về, tập hợp quân ở đất Lưu rồi đem binh đánh đất Đường ba ngày. Kết quả lấy được đất Đường, thu binh ở Đường được năm sáu nghìn người, đánh lấy được Hạ Ấp. Sau đó hai người đem quân về đóng gần đất Phong.

Bái Công nghe nói Hạng Lương đã ở thành Tiết, nên đem một trăm quân kỵ yết kiến. Hạng Lương cho Bái Công thêm năm nghìn người, mười ngũ đại phu [*Tên chức quan.*] làm tướng. Bái Công quay về đem binh đánh đất Phong.

Sau khi Bái Công theo Hạng Lương được hơn một tháng thì Hạng Vũ đã lấy được Tương Thành và trở về. Hạng Lương triệu tập tất cả các biệt tướng đến họp ở Tiết.

Khi nghe tin Trần Vương [*Trần Thiệp*] chắc chắn đã chết. Hạng Lương bèn lập người cháu của vua Sở Hoài Vương tên là Tâm làm Sở Hoài Vương, đóng đô ở Vu Thai. Hạng Lương lấy hiệu là Vũ Tín Quân. Được mấy tháng, Hạng Lương đem quân về phía bắc đánh Cang Phụ, cứu Đông A, đánh bại quan Tần. Quân của Tề quay về, chỉ có một mình quân Sở đuổi theo quân Tần, Hạng Lương sai Bái Công và Hạng Vũ đánh Thành Dương, làm cỏ dân Thành Dương, đóng quân ở phía đông Bộc Dương, đánh bại quân Tần. Quân Tần lại tập hợp lại, giữ Bộc Dương, dựa vào sông ngòi vây bọc để chống lại. Quân Sở bỏ đi, đánh Định Đào nhưng không hạ được thành. Bái Công cùng Hạng Vũ đem quân về phía tây cướp đất, họ đi đến chân thành Ung Khâu, đánh nhau với quân Tần, chém tướng Tần Lý Do [*Con của Lý Tư.*] rồi quay về đánh Ngoại Hoàng nhưng không lấy được.

Hạng Lương đã hai lần đánh bại quân Tần, cho nên có vẻ kiêu căng. Tống Nghĩa can, Lương vẫn không nghe.

Nhà Tần thêm quân cho Chương Hàm, đang đêm ngầm tấn đánh Hạng Lương, phá tan quân Hạng Lương ở Định Đào, Hạng Lương chết. Lúc bấy giờ Bái Công và Hạng Vũ đang đánh thành Trần Lưu, nghe tin Hạng Lương chết, bèn đem binh phối hợp với quân của Lữ thần đi về phía đông. Lữ Thần đóng quân ở phía đông Bành Thành, Hạng Vũ đóng quân ở phía tây Bành Thành, Bái Công đóng quân ở Đường.

Sau khi đã phá tan quân của Hạng Lương, Chương Hàm cho rằng binh lực của Sở không đáng lo, bèn vượt qua sông Hoàng Hà, lên phía bắc đánh Triệu, phá tan quân Triệu. Lúc bấy giờ, Triệu yết làm vua, tướng của Tấn là Vương Ly vây Yết ở thành Cự Lộc, cho nên quân của Vương Ly gọi là quân phía bắc sông.

Năm thứ ba, đời Tần Nhị Thế (207 trước công nguyên) Sở Hoài Vương thấy quân của Hạng Lương đã bị phá, lo sợ bèn dời khỏi Vu Thai đóng đô ở Bành Thành, gộp quân của Vũ Thần và Hạng Vũ lại làm một và thân hành chỉ huy, cho Bái Công làm quận trưởng [*Tức là thái thú.*] quận Đường, phong làm Vũ An Hầu, chỉ huy quân quận Đường, phong Hạng Vũ làm Trường An Hầu, hiệu là Lỗ Công, phong Lữ Hầu làm tư đồ, người cha của Lữ Hầu là Lữ Thanh làm lệnh doãn. Nước Triệu mấy lần cầu cứu. Hoài

Vương bèn sai Tống Nghĩa làm thượng tướng quân, Hạng Vũ làm thứ tướng quân, Phạm Tăng làm mặt tướng [*Tên tướng thấp hơn thứ tướng quân.*] đem quân về phương bắc cứu Triệu.

4. Bái Công tiên quân vào Quan Trung thắng lợi

Sở Hoài Vương sai Bái Công đem quân về hướng tây cướp đất, vào Quan Trung. Sở Hoài Vương giao ước với chư hầu: "Ai vào bình định Quan Trung trước thì sẽ cho người ấy làm vua". Lúc bấy giờ, binh lực của Tần còn mạnh, thường thừa thắng đánh đuổi quân của chư hầu. Các tướng chẳng ai xem việc vào Quan Trung trước là có lợi cho mình, chỉ có một mình Hạng Vũ vì căm ghét nhà Tần đã đánh bại quân của Hạng Lương nên hăng hái xin cùng Bái Công đi về hướng tây vào Quan Trung. Các vị lão tướng của Sở Hoài Vương nói: - Hạng Vũ là người bướng bỉnh, nóng nảy, hiếu sát, khi đánh Tương Thành thì giết hết cả dân Tương Thành không còn ai sống sót, đem chôn sống tất cả, chỗ nào ông ta đi qua là ông ta tàn phá, tiêu diệt. Và chẳng, mặc dầu quân Sở đã mấy lần đánh thắng nhưng trước đây Trần Vương, Hạng Lương đều thất bại. Chi bằng hãy thay ông ta, sai một người trung hậu dùng nhân nghĩa để đi về hướng tây, khuyên bảo các phụ huynh ở Tần. Các phụ huynh ở Tần lâu nay đã bị vua Tần làm khổ sở, nay nếu quả thật được một người trung hậu đến, lại không xâm phạm, bạo ngược thì có thể thu phục được. Hạng Vũ là người bướng bỉnh, nóng nảy, không thể sai đi, Bái Công là người rộng rãi, trung hậu có thể đi được. Vì vậy cuối cùng, nhà vua không sai Hạng Vũ mà sai Bái Công. Bái Công đi về hướng tây cướp đất, tập hợp các binh sĩ của Hạng Lương và Trần Vương tản mác các nơi, bắt đầu đi, từ đất Đường đến Thành Dương và Giang Lý. Quân Tần đến sát tường, phá tan hai đạo quân Ngụy. Quân Sở ra đánh tan quân của Vương Ly.

Bái Công đem quân đi về hướng tây gặp Bành Việt ở Xương Ấp, nhân đó cùng Bành Việt đánh quân Tần. Vì không lợi, Bái Công quay về đến đất Lật gặp Cương Vũ Hầu, cướp quân của Cương Vũ Hầu được hơn bốn nghìn người gộp vào quân mình, rồi cùng tướng Ngụy là Hoàng Hân, và Thân Đồ Vũ Bô, người nước Ngụy, hợp lực đánh Xương Ấp nhưng chưa lấy được.

Bái Công đem quân đi về hướng tây qua đất Cao Lương, Lịch Tự Cơ bảo người giữ thành: - Các tướng qua đây cũng nhiều nhưng ta thấy Bái Công là người lớn và là bậc trưởng giả.

Bèn xin yết kiến, nói chuyện với Bái Công. Bái Công lúc bấy giờ đang ngồi xồm trên giường, sai hai người con gái rửa chân [*Vì Lương Bang ghét nhà nho nên tiếp kiến. Lịch sinh một cách ngạo mạn*]. Lịch Sinh không lạy mà chỉ vái dài nói: - Nếu quả thật tức hạ muốn trừ nhà Tần vô đạo thì không nên ngồi xồm mà tiếp bậc trưởng giả.

Bái Công liền đứng dậy sửa áo mà tạ lỗi, mời ngồi lên chỗ cao. Tự Cơ khuyên Bái Công đánh úp thành Trần Lưu, nhờ vậy lấy được thóc lúa của nhà Tần để lại. Bái Công cho Lịch Tự Cơ làm Quảng Dã Quân, cho Lịch

Thương làm tướng, chỉ huy quân ở Trần Lưu và cùng họ đánh Khai Phong [*Xem Lịch Sinh, Lục Giả liệt truyện,*].

Ở phía tây, Bái Công đánh nhau với Tướng Tần là Dương Hùng ở Bạch Mã, lại đánh ở phía đông Khúc Ngô, phá tàn quân của Dương Hùng. Dương Hùng bỏ chạy đến Huỳnh Dương. Nhị Thế sai sứ giả chém Dương Hùng để răn mọi người. Phía nam, Bái Công đánh Dĩnh Dương, làm cỏ dân Dĩnh Dương. Nghe theo lời của Trương Lương, Bái Công lấy luôn đất Hàn và đất Hoàn Viên.

Lúc bấy giờ tướng của Triệu là Tư Mã Ngang đang muốn vượt Hoàng Hà vào Quan Trung. Bái Công bèn đánh Bình Âm ở phía bắc, cắt đứt bến sông phía nam sông Hoàng Hà, đánh một trận ở Lạc Dương, nhưng không thắng bèn rút về đến Dương Thành, tập hợp quân kỵ và ngựa ở trong quân, đánh nhau với thái thú Nam Dương là Nghị ở phía Đông, đốt phá đánh bại quân của Nghị, cướp quận Nam Dương. Nghị bỏ chạy vào thành, giữ lấy thành Uyển. Bái Công đem binh bỏ qua đất này và đi về hướng tây. Trương Lương can: -Tuy ông vội, muốn vào ngay Quan Trung nhưng quân Tần vẫn còn đông, giữ những nơi hiểm trở. Nếu không lấy được đất Uyển thì Uyển sẽ đánh úp sau lưng, trong khi quân Tần mạnh đánh ở trước mặt, như thế thì nguy.

Bái Công bèn đang đêm đem quân đi một con đường khác thay đổi tất cả cờ xí, lúc tảng sáng vây thành Uyển ba vòng. Thái thú Nam Dương muốn đâm cổ chết. Người môn hạ là Trần Khôi nói: -Khoan hãy chết vội!

Trần Khôi bèn trèo thành yết kiến Bái Công nói: - Tôi nghe nói túc hạ có giao ước: "Ai vào Hàm Dương trước thì người ấy được làm vua". Nay túc hạ dừng lại ở đất Uyển. Uyển là đô của một quận lớn gồm mấy chục thành liền nhau. Nhân dân đông đúc, của cải chứa nhiều, quan lại và dân ở đây cho rằng nếu mình đầu hàng thì thế nào cũng chết cho nên họ kiên quyết giữ, lên thành để canh. Nay nếu túc hạ suốt ngày dừng ở đây để đánh thì quân sĩ sẽ bị thương vong nhiều, trái lại nếu túc hạ rời khỏi đất Uyển thì người Uyển sẽ bám theo túc hạ. Như vậy, thứ nhất, túc hạ sẽ không vào được Hàm Dương như lời giao ước, thứ hai sẽ mắc phải lo đối phó với quân Uyển mạnh quấy rối. Tôi xin bày cho túc hạ một kế, bây giờ chẳng gì bằng giao ước cho họ ra hàng, phong đất cho thái thú của họ để cho họ thôi không chống cự, đem binh sĩ của họ cùng đi về hướng tây. Những thành nào chưa lấy được, nghe tiếng sẽ tranh nhau mở cửa đón túc hạ. Túc hạ sẽ đi một mạch chẳng bị ngăn cản gì hết.

Bái Công nói: -Phải đấy!

Bên phong [*Một nét điển hình khác của Lưu Bang là thấy người ta có kế hay, công to là thưởng ngay, thưởng hậu, không tiếc đất tiếc tiền*] thái thú

đất Uyển Lâm An Hầu, phong cho Trần Khôi một nghìn hộ, đem quân về hướng tây, đi đến đâu lấy được đấy.

Khi đem quân đến Đan Thủy, Cao Vũ Hầu là Ngự, Tương Hầu là Vương Lăng đầu hàng nộp đất Tây Lăng. Bái Công quay lại đánh Hồ Dương, gặp biệt tướng của phiên quân là Mai Quyên và cùng ông ta chiêu hàng các đất Tích và Lịch.

Bái Công sai người nước Ngụy là Ninh Xương đi sứ đến Tần. Sứ giả chưa đến thì Chương Hàm đã đem quân đầu hàng Hạng Vũ ở đất Triệu. Lúc đầu, Hạng Vũ và Tống Nghĩa đem quân về hướng bắc để cứu Triệu. Đến khi Hạng Vũ giết Tống Nghĩa và thay Tống Nghĩa làm thượng tướng quân thì các tướng như Kinh Bố đều ở dưới trướng Hạng Vũ. Hạng Vũ đánh bại tướng Tần là Vương Ly, chiêu hàng Chương Hàm, chư hầu đều theo Hạng Vũ.

Đến khi Triệu Cao đã giết Nhị Thế và cho người đến gặp Bái Công muốn giao ước để chia đất Quan Trung và làm vương, Bái Công cho ý muốn đánh lừa bèn dùng kế của Trương Lương, sai Lịch Sinh và Lục Giả đến thuyết phục tướng của Tần, lấy lợi nhử y và nhân đó đánh và phá được Vũ Quan. Bái Công lại đánh nhau với quân Tần ở phía nam Lam Điền, càng treo thêm cờ xí để làm nghi binh, đi đến đâu thì cấm không được cướp bóc bắt bớ. Người Tần do đó mừng rỡ, quân đội Tần tan rã, Bái Công nhân đó thắng được quân Tần.

Lại đánh một trận ở phía bắc, phá tan quân Tần, thừa thắng tiêu diệt nước Tần.

5. Lưu Bang ở Quan Trung được lòng dân Tần

Tháng 10 năm thứ nhất nhà Hán (207 trước công nguyên) quân của Bái Công đến Bá Thượng trước quân chư hầu. Vua Tần là Tử Anh đi xe mộc do ngựa trắng kéo, ở cổ quán sợi dây ấn, niêm phong ấn hoàng đế, phù và cờ tiết đầu hàng ở gần Chi Đạo. Các tướng có người bảo giết vua Tần, Bái Công nói: -Trước kia Hoài Vương sai ta đi chính vì ta biết khoan dung rộng lượng. Vả chăng, người ta đã đầu hàng rồi nay lại giết đi là điềm không tốt. Bèn giao vua Tần cho bọn thuộc lại.

Bái Công đi về phía tây vào Hàm Dương muốn dừng lại ở trong cung và nghỉ. Phàn Khoái và Trương Lương can. Bái Công mới niêm phong kho tàng, của quý báu của Tần rồi trở về đóng quân ở Bá Thượng, triệu tập các vị phụ lão và những thân hào ở các huyện đến nói: - Các vị phụ lão mấy lâu nay đã từng khổ sở vì pháp luật khe khắt của Tần, ai phỉ báng thì bị giết cả họ, ai hại người nói chuyện về Kinh Thi, Kinh Thư thì bị chém giữa chợ. Ta cùng chư hầu giao ước: "Ai vào Quan Trung trước thì người ấy được làm vua". Vậy ta phải làm vua ở Quan Trung. Ta cam kết với các phụ lão rút gọn pháp luật vào ba điều mà thôi: Ai giết người thì phải chết, làm người bị thương và ăn trộm thì theo tội mà xử. Còn bỏ tất cả luật pháp của Tần. Quan lại và nhân dân vẫn bình an như xưa. Ta đến đây chẳng qua là vì các vị phụ lão trừ hại chứ không phải cốt xâm phạm, làm việc hung bạo. Không có gì phải sợ. Vả lại ta sở dĩ quay về đóng quân ở Bá Thượng là để đợi quân của chư hầu đến để định điều giao ước mà thôi.

Bái Công bèn sai người cùng quan lại nhà Tần [*Làm thế dân càng dễ phục.*] đi các huyện các làng, các ấp hiểu dụ điều đó. Người Tần cả mừng, tranh nhau mang bò, dê, rượu, thức ăn đến để khao quân sĩ. Bái Công đều từ chối không nhận, nói: -Kho thóc nhiều, không thiếu, không muốn làm nhân dân tốn kém.

Mọi người lại càng mừng rỡ chỉ sợ Bái Công không làm Tần Vương.

Có người nói với Bái Công: - Đất Tần giàu có gấp mười so với tất cả thiên hạ, địa hình lại tốt. Nay nghe nói Chương Hàm đã đầu hàng Hạng Vũ. Hạng Vũ lại cho hắn làm Ung Vương làm vua ở Quan Trung. Nếu khi hắn đến thì sợ ông sẽ không giữ được đất này. Xin mau mau sai quân sĩ giữ cửa Hàm Cốc không cho quân chư hầu vào, lại trưng thêm quân ở Quan Trung cho thêm đông để chống lại.

Bái Công cho là phải [*Tức là không đợi dân chư hầu.*] và theo kế đó.

Vào giữa tháng 11, quả nhiên Hạng Vũ thống lĩnh quân chư hầu đi về hướng tây muốn vào cửa Hàm Cốc. Cửa đóng, Hạng Vũ lại nghe nói Bái Công đã bình định được Quan Trung, bèn cả giận sai bọn Kinh Bồ tấn công cửa Hàm Cốc.

Vào giữa tháng 12, Hạng Vũ đến đất Hý, Tào Vô Thương làm tả tư mã của Bái Công nghe nói Hạng Vương giận muốn đánh Bái Công, bèn cho người nói với Hạng Vũ: - Bái Công muốn làm vua ở Quan Trung, cho Tử Anh làm thừa tướng, bao nhiêu của cải châu báu đều lấy hết!

Ý Tào Vô Thương làm thế để Hạng Vũ phong cho mình. Á Phụ [*Phạm Tăng.*] khuyên Hạng Vũ đánh Bái Công.

Hạng Vũ ra lệnh cho quân sĩ ăn no định sáng mai thì đánh. Lúc bấy giờ quân Hạng Vũ bốn mươi vạn xung là một trăm vạn. Quân của Bái Công mười vạn xung là hai mươi vạn, binh lực không đủ chống lại. Hạng Bá muốn cứu Trương Lương nên đang đêm đến gặp Trương Lương rồi nhân đây dùng lời lẽ khuyên Hạng Vũ, Hạng Vũ mới thôi. Bái Công với hơn trăm quân kỵ ruổi ngựa đến Hồng Môn yết kiến và xin lỗi Hạng Vũ. Hạng Vũ nói: - Đó là do Tào Vô Thương làm tả tư mã của ông nói, nếu không Tịch này đâu lại làm thế.

Bái Công nhờ Phàn Khoái và Trương Lương nên thoát nạn về. Đến nơi, Bái Công lập tức giết Tào Vô Thương.

Hạng Vũ bèn đem quân về phía tây, làm cỏ và đốt cả cung thất nhà Tần ở Hàm Dương, đi đến đâu cũng giết và phá sạch. Người Tần rất thất vọng nhưng vì sợ hãi nên đành phải theo. Hạng Vũ sai người trở về báo với Hoài Vương. Hoài Vương nói: - Cứ làm theo như lời giao ước.

Hạng Vũ oán giận Hoài Vương không cho mình đi về hướng tây với Bái Công để vào Quan Trung mà phải đi về hướng bắc để cứu Triệu, do đó đến chậm, không kịp lời giao ước với thiên hạ. Hạng Vũ bèn nói: - Hoài Vương là do Hạng Lương, người nhà của ta lập nên đó thôi. Ông ta không có công cán gì cả, làm sao có thể làm chủ điều giao ước? Thực ra bình định thiên hạ là nhờ ở các tướng và Tịch này.

Hạng Vũ bèn giả vờ tôn Hoài Vương làm Nghĩa Đế, nhưng thực ra không theo mệnh lệnh của ông ta.

Hạng Vũ tự lập làm Tây Sở Bá Vương, làm vua đất Lương, đất Sở, cai trị chín quận, đóng đô ở Bành Thành. Vũ bỏ lời giao ước, lập Bái Công làm Hán Vương, cai trị đất Ba, đất Thục và đất Hán Trung, đóng đô ở Nam Trịnh. Hạng Vũ chia đất Quan Trung làm ba phần, lập ba viên tướng của Trần làm Vương: - Chương Hàm làm Ung Vương, đóng đô ở Phế Khâu.

- Tư Mã Hân làm Tác Vương, đóng đô ở Lịch Dương.

- Đồng Ê làm Địch Vương, đóng đô ở Cao Nô.

Thân Dương người Hà Khâu làm tướng nước Sở, được làm Hà Nam Vương đóng đô ở Lạc Dương, Tư Mã Ngang làm tướng nước Triệu, được làm Ân Vương, đóng đô ở Triều Ca. Triệu Vương tên là Yết bị dời đi làm Vương ở đất Đại. Thừa tướng của Triệu là Trương Nhĩ làm Thường Sơn

Vương, đóng đô ở Tương Quốc. Đương Dương Quân Kinh Bồ làm Cửu Giang Vương, đóng đô ở Lục. Cung Ngao làm Trụ Quốc của Hoài Vương, được làm Lâm Giang Vương, đóng đô ở Giang Lăng. Ngô Nhuế làm phiên quân, được làm Hành Sơn Vương, đóng đô ở Chu, Tang Đồ làm tướng quân nước Yên, được làm Yên Vương, đóng đô ở Kế. Hàn Quảng nguyên trước là Yên Vương, bị dời đi làm vương ở Liêu Đông. Quảng không nghe, Tang Đồ đánh và giết ở Vô Chung. Hạng Vũ phong Thành An Quân Trần Dư ba huyện ở miền sông Hà và đóng ở Nam Bì. Phong Mai Quyên mười vạn nhà. Tháng tư chư hầu đều bãi binh và trở về nước mình.

Hán Vương cũng trở về nước. Hạng Vương cho ba vạn binh sĩ đi theo Hán Vương. Những người nước Sở và những người chư hầu hâm mộ Hán Vương, đi theo mấy vạn người. Hán Vương đi theo con đường phía nam đất Đỗ và đất Thục, đi xong liền đốt và cắt đứt đường sạn đạo [*Một thứ cầu treo bắc ngang qua núi ở những nơi địa hình hiểm trở*] để đề phòng quân chư hầu đánh úp, đồng thời để tỏ cho Hạng Vũ thấy rằng mình không có ý đi về hướng đông. Khi đến Nam Trịnh, các tướng sĩ nhiều người giữa đường trốn về. Binh sĩ đều hát tỏ ý muốn về đông. Hàn Tín nói với Hán Vương: - Hạng Vũ phong các tướng có công làm vương, thế mà chỉ phong một mình đại vương ở Nam Trịnh, đó là đày đi vậy. Các tướng sĩ quan lại đều là những người phía đông núi, ngày đêm nhón gót mong về. Nếu mình biết lợi dụng điều mong mỏi của họ thì có thể làm được công lớn, nếu để thiên hạ bình định xong xuôi, mọi người ai ở đâu yên đấy thì không thể dùng họ được nữa. Chi bằng quyết định đem quân về hướng đông tranh bá quyền thiên hạ.

Hạng Vương ra khỏi Quan Trung, sai người dời Nghĩa Đế đi, nói: - Các vị đế ngày xưa đất vuông nghìn dặm đều ở thượng lưu dòng sông.

Bèn sai sứ giả dời Nghĩa Đế đến quận Trường Sa thuộc huyện Sâm, giục Nghĩa Đế ra đi. Bầy tôi của Nghĩa Đế dần dần phản lại Nghĩa Đế. Hạng Vũ bèn ngầm sai Hành Sơn Vương và Lâm Giang Vương đánh và giết Nghĩa Đế ở Giang Nam. Hạng Vũ oán Điền Vinh nên lập viên tướng nước Tề là Đề Đô làm Tề Vương. Điền Vinh oán giận bèn tự lập làm Tề Vương, giết Đề Đô, phản lại quân Sở. Điền Vinh trao cho Bành Việt ấn tướng quân, bảo làm phản ở đất Lương. Sở sai Tiêu Công Giác đánh Bành Việt. Bành Việt phá tan Tiêu Công Giác. Trần Dư oán giận Hạng Vũ không phong vương cho mình nên sai Hạ Duyệt nói với Điền Vinh xin quân để đánh Trương Nhĩ. Tề Vương cho Trần Dư Quân đánh phá Thường Sơn Vương Trương Nhĩ. Trương Nhĩ trốn theo quân Hán. Trần Dư trốn theo quân Yết ở đất Đại, lại lập Yết làm Triệu Vương. Triệu Vương nhân đấy làm Đại vương. Hạng Vũ cả giận đem quân về hướng bắc đánh quân Tề.

Tháng tám, quân Hán dùng mưu kế của Hàn Tín đi qua huyện Cổ Đạo

đánh úp Ung Vương là Chương Hàm. Hàm đón đánh quân Hán ở Trần Thương. Ung Vương bị thua trận chạy về, dựng lại đánh đất Hạo Trĩ, lại thua trận, bỏ chạy đến Phế Khâu. Hán Vương đuổi theo bình định đất đai của Ung Vương, đi về đông đến Hàm Dương. Lại cho một cánh quân riêng vây Ung Vương ở Phế Khâu, còn sai các tướng bình định Lũng Tây, Bắc Địa, Thượng Quận. Hán Vương sai tướng quân là Tiết Âu, Vương Hấp ra khỏi Vũ Quan nhân lúc quân của Vương Lăng còn ở Nam Dương để đi đón Thái Công và Lữ Hậu ở đất Bái. Quân Sở nghe tin ấy cho quân chặn ở Dương Hạ nhưng không đến trước quân Hán được. Hạng Vũ cho Trịnh Xương trước kia làm huyện lệnh ở đất Ngô làm Hàn Vương để chống lại quân Hán.

Năm thứ hai (205 trước công nguyên) Hán Vương đem quân về hướng đông cướp đất của Tắc Vương Hân, Địch Vương Ế. Hà Nam Vương Thân Dương đều đầu hàng, nhưng Hàn Vương là Xương không chịu. Hán Vương bèn sai Hàn Tín đánh bại Xương. Hán Vương đặt các quận Lũng Tây, Bắc Địa, Thượng Quận, Vị Nam, Hà Thượng, Trung Địa. Ở ngoài Quan Trung đặt quận Hà Nam, lập Tín trước làm thái úy nước Hàn, làm Hàn Vương, những tướng nào đầu hàng với một vạn người hay một quận đều được phong làm vạn hộ hầu, sai chữa lại thành lũy trên sông Hoàng Hà, tất cả các vườn thú, vườn cây, ao hồ của nhà Tần đều cho dân được làm thành ruộng.

Tháng giêng, Hán Vương cầm tù Chương Bình là em Ung Vương, đại xá các tội nhân. Hán Vương ra khỏi Quan Trung đi đến đất Thiểm võ về an ủi các phụ lão ở ngoài Quan Trung rồi trở về. Trương Nhĩ đến yết kiến Hán Vương, được đón tiếp rất hậu.

Tháng hai, Hán Vương sai bỏ thần xã thần tắc [*Mỗi triều đại nổi lên đều lập đền thờ, thờ thần xã coi về đất đai, thần tắc coi về mùa màng. Nói gộp lại là xã tắc chỉ một nước. Triều đại khác nổi lên thế nào cũng hủy bỏ hai đền thờ ấy, lập đền thờ thần xã thần tắc của mình để chứng minh triều đại này đã được các thần thừa nhận.*] của nhà Tần mà lập thần xã thần tắc của nhà Hán. Tháng ba, Hán Vương từ Lâm Tấn vượt qua sông. Ngụy Vương Báo đem binh theo Hán Vương lấy Hà Nội, cầm tù Ân Vương, đặt quận Hà Nội. Đi sang phía nam vượt qua sông ở bến Bình Âm, đem binh đến Lạc Dương.

Đổng Công làm tam lão [*Đời Hán mỗi làng có một tam lão cứ trong số thân hào trên 50 tuổi có đạo đức và tài năng nhất để làm người cố vấn của làng.*] ở Tân Thành đón Hán Vương lại và nói về việc Nghĩa Đế đã chết. Hán Vương nghe vậy xấn tay [*Một cách biểu lộ tang lễ.*] khóc rống lên. Hán Vương bèn báo tang Nghĩa Đế. Sau khi than khóc ba ngày Hán Vương cho sứ giả báo với chư hầu: "Cả thiên hạ cùng nhau lập Nghĩa Đế, quay đầu về hướng bắc mà thờ. Thế mà nay Hạng Vũ đuổi rồi giết Nghĩa Đế ở Giang

Nam, đó là tội phản nghịch, vô đạo! Quả nhân thân hành báo tang Nghĩa Đế". Chư hầu đều mặc đồ trắng, Hán Vương đem tất cả quân ở Quan Trung, tập hợp tất cả binh sĩ Hà Nam, Hà Đông, Hà Nội, đi xuống phía nam xuôi dòng sông Giang, sông Hán, nguyện cùng các vị vương của chư hầu đánh quân Sở để giết Nghĩa Đế [*Lưu Bang lợi dụng cơ hội này hiệu triệu chư hầu đánh Hạng Vũ*].

Lúc bấy giờ, Hạng Vương đang đem quân về hướng bắc đánh Điền Vinh ở Tề, đánh nhau ở thành Dương. Điền Vinh thua bỏ chạy đến Bình Nguyên, dân Bình Nguyên giết Điền Vinh, dân Tề đầu hàng Sở. Sở nhân đây đốt thành quách, trói, cầm tù, con trai con gái Tề. Dân Tề làm phản, em Điền Vinh là Hoành lập con của Vinh là Quảng làm vua Tề. Tề vương phản lại nước Sở ở Thành Dương, Hạng Vũ tuy đã nghe quân Hán đi về hướng đông, nhưng vì mãi bận về việc đánh Tề, cho nên muốn đánh xong quân Tề rồi mới đánh quân Hán. Nhân cơ hội ấy Hán Vương thúc ép quân năm nước chư hầu vào Bành Thành.

Hạng Vũ nghe tin, đem quân rời bỏ đất Tề, đi qua đất Lỗ, ra khỏi Hồ Lăng, đến huyện Tiêu đánh nhau một trận lớn với quân Hán ở phía đông Linh Bích, thuộc Bành Thành, trên sông Tuy Thủy, phá tan quân Hán. Quân Hán bị giết nhiều, dòng sông Tuy Thủy bị nghẽn lại không chảy được. Hạng Vũ bèn bắt cha, và vợ Hán Vương ở đất Bái, đem theo trong quân để làm con tin. Lúc bấy giờ chư hầu thấy Sở mạnh, Hán thua trận, nên đều bỏ Hán mà theo Sở. Tắc Vương là Hân bỏ trốn vào đất Sở [*Trước khi đầu hàng Hán*] người anh của Lữ Hậu là Chu Lữ Hầu làm tướng của Hán Vương đóng quân ở Hà Ấp, Hán Vương đến đây, dần dần tập hợp binh sĩ, đóng quân ở đất Đường. Hán Vương liền đem binh về phía tây, đi qua đất Lương đến đất Ngu, sai Tuy Hà làm yết giả đến gặp Cửu Giang Vương là Kinh Bồ và nói: - Nếu ông có thể khiến Kinh Bồ đem quân phản lại quân Sở thì Hạng Vũ thế nào cũng phải dừng lại đánh Bồ. Nếu ta cầm chân hắn được vài tháng thì thế nào cũng lấy được thiên hạ.

Tuy Hà đến nói với Cửu Giang Vương Kinh Bồ. Quả nhiên Kinh Bồ phản lại quân Sở. Sở sai Long Thư đem quân đến đánh Bồ.

Sau khi bị thua trận ở Bành Thành, Hán Vương đem quân về hướng tây, sai người tìm gia quyến thì đều trốn hết không tìm được, vì sau chỉ được một mình Hiếu Huệ [*Tức là Huệ Đế người kế tiếp Lưu Bang làm vua*]. Tháng 6, Hán Vương lập Hiếu Huệ làm thái tử, đại xá các tội nhân. Hán Vương sai thái tử giữ thành Lịch Dương, con cái chư hầu ở Quan Trung đều tụ họp ở Lịch Dương để hộ vệ cho Hiếu Huệ.

Hán Vương dẫn nước vào làm ngập Phế Khâu, Phế Khâu đầu hàng, Chương Hàm tự sát. Hán Vương đổi tên Phế Khâu làm Hòe Lý. Hán Vương

sai quan lo việc tế tự làm lễ tá trời đất bốn phương, thượng đế, núi sông tùy theo thời tiết. Hán Vương lấy lính ở Quan Trung để giữ biên giới. Lúc bấy giờ Cửu Giang Vương Kinh Bô đang đánh nhau với Long Thư không thắng, Kinh Bô cùng Tùy Hà đi đường tắt theo Hán Vương. Hán Dương dần dần tập hợp binh sĩ cùng các tướng và quân sĩ của Quan Trung đưa thêm ra, do đó thế lực rất mạnh ở Huỳnh Dương, đánh bại quân Sở ở miền giữa đất Kinh và đất Sách.

Năm thứ ba (204 trước công nguyên) Ngụy Vương Báo xin về nhà để thăm cha mẹ bị bệnh. Khi Báo về đến nhà, liền chọn bến sông Hà theo Sở làm phản, Hán Vương sai Lịch Sinh khuyên Báo, Báo không nghe. Hán Vương sai tướng quân Hàn Tín phá tan quân Báo, bắt cầm tù, sau đó bình định được đất Ngụy, đặt ba quận là Hà Đông, Thái Nguyên, Thượng Đảng. Hán Vương bèn sai Trương Nhĩ cùng Hàn Tín đem quân về hướng đông lấy Tỉnh Hình, đánh quân Triệu, chém Trần Dư và vua Triệu là Yết. Năm sau, Hán Vương lập Trương Nhĩ làm Triệu Vương. Hán Vương đóng quân ở Huỳnh Dương, phía nam xây đường ống ra đến Hoàng Hà để lấy thóc ở Ngao Thương, chống nhau với Hạng Vũ hơn một năm. Hạng Vũ mấy lần đưa quân cướp đường ống của Hán, quân Hán thiếu lương thực, Hạng Vũ vây quân Hán. Hán Vương xin giảng hòa và cắt đất từ Huỳnh Dương, đến phía tây cho Hán, nhưng Hạng Vương không nghe. Hán Vương lo sợ, bèn dùng kế của Trần Bình, cho Trần Bình bốn vạn cân vàng để ly gián vua tôi Sở. Do đó Hạng Vũ nghi ngờ Á Phụ Phạm Tăng. Lúc bấy giờ, Phạm Tăng khuyên Hạng Vũ lấy Huỳnh Dương nhưng khi thấy mình bị ngờ vực bèn nổi giận, cáo bệnh, xin được mang hài cốt về nhà. Khi chưa về đến Bành Thành thì chết. Quân Hán bị cắt đứt đường lương thực, đang đêm cho hơn hai nghìn người con gái mặc áo giáp đi ra cửa phía đông.. Quân Sở bèn bốn phía đánh úp vào. Tướng quân Kỷ Tín ngồi trên xe ngựa của nhà vua giả làm Hán Vương để lừa quân Sở. Quân Sở đều hô: "vạn tuế!" chạy đến phía đông thành để xem. Nhờ vậy, Hán Vương thoát ra cửa tây với vài chục quân kỵ và bỏ trốn. Hán Vương sai ngự sử đại phu Chu Hà, Ngụy Báo và Tung Công giữ Huỳnh Dương. Các tướng và binh sĩ không đi theo được đều ở lại trong thành. Chu bàn với Tung Công: - Khó lòng mà giữ thành với một ông vua làm phản.

Bèn giết Ngụy Báo [*Đoạn trên nói Báo phản lại Hán Vương.*]. Sau khi ra khỏi Huỳnh Dương, Hán Vương vào Quan Trung, tập hợp quân, lại định đi về hướng đông. Viên Sinh nói với Hán Vương: - Hán và Sở đánh nhau ở Huỳnh Dương đã mấy năm, quân Hán thường bị nguy khốn. Xin đại vương đi ra cửa Vũ Quan, thế nào Hạng Vũ cũng đem binh về hướng nam. Đại Vương cứ giữ thành cho chắc để Huỳnh Dương và Thành Cao được nghỉ

ngôi một chút. Đại Vương sai bọn Hàn Tín bình định Hà Bắc, lấy đất Triệu, liên kết với các vua Yên Và Tề rồi sau sẽ quay lại cứu Huỳnh Dương cũng chưa muộn. Làm như thế thì quân Sở sẽ chống chọi ở nhiều mặt mà quân Hán được nghỉ ngơi. Sau đó ta lại đánh thì thế nào cũng phá được Sở.

Hán Vương nghe theo kế ấy, cho quân đi ra ở giữa miền Uyển và Diệp, cùng Kinh Bồ tập hợp quân sĩ. Quả nhiên Hạng Vũ nghe tin Hán Vương đã ở Uyển, liền đem binh xuống phía nam. Quân Hán giữ vững thành trì không đánh nhau với Sở. Lúc bấy giờ Bành Việt đã vượt qua sông Tuy thủy đánh nhau với Hạng Thanh, Tiết Côn lấy Hạ Bì. Bành Việt phá tan quân Sở. Hạng Vũ lại đem binh về hướng đông đánh Bành Việt. Hán Vương cũng đem quân về hướng bắc đánh đóng quân ở Thành Cao, lại đem binh về hướng tây lấy Huỳnh Dương, giết Chu Hà, Tung Công, cầm tù Hàn Vương Tín, bao vây Thành Cao. Hán Vương chạy trốn một mình cùng Đặng Công ngồi một xe theo cửa ngọc môn ra khỏi Thành Cao chạy lên phía bắc vượt Hoàng Hà, chạy nhanh đến Tu Vũ ngủ đêm ở đấy, tự xưng là sứ giả nhà Hán. Sáng sớm ruổi ngựa vào thành Trương Nhĩ, Hàn Tín, cướp quân của hai người, đoạn sai Trương Nhĩ, đi về phía bắc thu thập thêm quân ở Triệu, sai Hàn Tín đi về hướng đông đánh Tề.

Sau khi đã nắm được quân của Hàn Tín, uy thế của Hán Vương lại mạnh, Hán Vương đem quân đến Hà Nam ở phía nam thành Tiêu Vũ, cho quân ăn no và muốn đánh nữa. Nhưng Trịnh Trung làm lang trung can Hán Vương, khuyên cứ đắp thành cho cao, đào hào cho sâu, chớ đừng đánh nhau với quân Sở. Hán Vương nghe lời. Hán Vương sai Lư Quán và Lưu Giả đem hai vạn quân và vài trăm quân kỵ vượt bến Bạch Mã, vào đất Sở cùng với Bành Việt đánh phá quân Sở ở phía tây đất Yên, đất Quách, rồi lại lấy hơn mười thành đất Lương.

Hoài Âm Hầu Hàn Tín đã được lệnh đi về hướng đông nhưng chưa vượt qua sông ở Bình Nguyên thì Hán Vương đã sai Lịch Sinh làm sứ giả đến nói với vua Tề là Điền Quang, nên Quang phản lại Sở, hoà với Hán để cùng đánh Hạng Vũ. Hàn Tín dùng kế của Khoái Thông đánh úp và phá quân Tề. Vua Tề bỏ Lịch Sinh vào vạc và nấu rồi bỏ chạy về hướng đông ở Cao Mật. Hạng Vũ nghe nói Hàn Tín đem quân của Hà Bắc, đã phá quân nước Tề và nước Triệu, lại muốn đánh quân Sở bèn sai Long Thư và Chu Lan đến đánh Hàn Tín cùng với tướng kỵ binh là Quán Anh đánh phá quân Sở, giết Long Thư, vua Tề là Điền Quang bỏ chạy về với Bành Việt. Lúc bấy giờ cầm quân ở đất Lương, qua lại làm khổ vua Sở, cắt đứt lương thực của quân Sở.

Năm thứ tư (203 trước công nguyên) Hạng Vũ nói với Hải Xuân Hầu và đại tư mã Tào Cữu: - Hãy giữ gìn Thành Cao cẩn thận! Nếu quân Hán đến khiêu chiến thì đừng đánh nhau với chúng. Miễn làm sao cho chúng đừng

tiền quân về hướng đông là được. Trong mười lăm ngày thế nào ta cũng bình định được đất Lương, sau đó sẽ quay lại với tướng quân.

Hạng Vũ bèn lên đường đánh các thành Trần Lưu, Ngoại Hoàng, lấy mấy thành này. Quả nhiên mấy lần quân Hán đến khiêu chiến nhưng quân Sở vẫn không ra. Quân Hán cho người mắng nhiếc năm sáu ngày. Đại Tư Mã nổi giận cho binh vượt sông Tụ Thủy, quân sĩ ra giữa sông thì bị quân Hán đánh úp. Quân Hán phá tan quân Sở, lấy được tất cả ngọc vàng, châu báu của nước Sở. Đại Tư Mã là Cữu và trương sử là Hán đều tự đâm cổ chết trên sông Tụ Thủy.

Hạng Vũ đến Túc Dương, nghe tin quân Hải Xuân Hầu đã bị thua, liền đem quân trở về. Lúc bảy giờ quân Hán đang vây Chung Ly muội [*Tướng của Hạng Vũ*] ở phía đông Huỳnh Dương, thấy Hạng Vũ đến, đều bỏ chạy vào nơi hiểm trở. Sau khi phá được quân Tề, Hàn Tín cho người đến nói với Hán Vương: - Biên giới của Tề giáp với Sở, nước Tề là nước gian trá, nếu tôi không tạm làm vua thì sợ không dẹp yên nước Tề được.

Hán Vương muốn đánh Hàn Tín, Lưu Hầu Trương Lương nói: - Không bằng nhân dịp này lập ông ta làm vương để cho ông ta giữ đất Tề.

Hán Vương bèn giao ấn cho Trương Lương, phong Hàn Tín làm Tề Vương. Hạng Vũ nghe tin quân Long Thụ bị phá thì sợ hãi, sai Vũ Thiệp, người Vu Thai đến thuyết phục Hàn Tín, nhưng Hàn Tín không nghe.

Sở và Hàn mấy lần giằng co chưa ai hơn ai, những người mạnh khỏe thì khổ vì đi lính, những người già yếu thì mệt vì việc vận chuyển lương thực. Hán Vương và Hạng Vũ gặp nhau ở Quảng Vũ nói chuyện. Hạng Vũ muốn một mình khiêu chiến với Hán Vương. Hán Vương kể tội Hạng Vũ: - Lúc đầu ta cùng người đều theo lệnh của Hoài Vương: "Ai vào Quan Trung trước thì được làm vương". Nhà người bội ước, phong ta làm vương ở đất Thục và đất Hán, đó là một cái tội. Nhà người giả mệnh lệnh của vua, giết Khanh Tử Quán Quân và tự tôn mình lên, đó là hai tội. Sau khi cứu Triệu, đáng lý nhà người phải quay về báo với nhà vua, nhưng lại chuyên quyền ép quân chư hầu vào Quan Trung, đó là ba tội. Hoài Vương có giao ước: "Vào đất Tần không được làm việc hung bạo, cướp bóc", nhưng nhà người đốt cháy cung thất nhà Tần, đào mả Tần Thủy Hoàng, thu của cải của Tần, đó là bốn tội. Nhà người lại giết vua Tần đã đầu hàng là Tử Anh, đó là năm tội. Lừa dối, chôn sống hai mươi vạn con em Tần ở Tân An, trái lại phong tướng Tần làm vương, đó là sáu tội. Phong các tướng của người làm vương ở những nơi đất tốt còn đầy chủ cũ của họ khiến bọn bày tôi ở dưới tranh nhau làm phản, đó là bảy tội. Nhà người đuổi Nghĩa Đế ra khỏi Bành Thành để đặt đô của mình ở đây, chiếm đoạt đất của Hán Vương, thôn tính đất Lương, đất Sở, dành cho mình nhiều đất, đó là tám tội. Nhà người sai người giết ngầm Nghĩa Đế ở Giang Nam, đó là chín tội. Phàm làm tội mà giết vua, giết những người đầu hàng, cai trị không công bình, không giữ lời giao ước của vua thì thiên hạ không thể nào tha tội phản nghịch vô đạo, đó là mười tội. Nay ta cầm nghĩa binh cùng chư hầu giết bọn tàn ác và giặc cướp, ta sẽ sai bọn tội phạm bị hình phạt giết nhà người chứ hơi đâu mà giao chiến với nhà

ngươi!

Hạng Vũ cả giận ngầm bắn trúng Hán Vương. Hán Vương bị thương ở bụng, nhưng lại sờ vào ngón chân mà nói: - Thằng giặc bắn trúng ngón chân tao rồi [*Điều này chứng tỏ Lưu Bang hết sức nhanh trí.*].

Hán Vương bị thương, nằm. Trương Lương ép nài Hán Vương cố gắng dậy đi ủy lạo quân sĩ để quân sĩ an lòng đừng cho quân Sở thừa cơ đánh thắng Hán. Hán Vương đi ra trước hàng quân, bệnh càng nặng ,thêm, Hán Vương bèn ruồi ngựa vào Thành Cao. Khi khỏi bệnh, Hán Vương đi về hướng tây vào Quan Trung đến đất Lương Dương thăm hỏi các phụ lão, đặt tiệc rượu, bêu đầu Tắc Vương trước kia là Hân ở chợ Lịch Dương, lưu ở lại đây bốn ngày rồi lại trở về trong quân, đóng ở Quảng Vũ. Binh sĩ ở Quan Trung càng ra theo Hán Vương.

Lúc bấy giờ Bành Việt cầm quân ở đất Lương, luôn qua lại làm quân Sở khổ cực, cắt đứt lương thực của quân Sở, Điền Hoàn đến theo Bành Việt. Hạng Vũ mấy lần đánh bọn Bành Việt thì Tề Vương là Hàn Tín lại tiến quân đánh Sở. Hạng Vũ sợ, cùng Hán Vương giao ước chia khoảng giữa thiên hạ, cắt đất từ Hồng Câu về phía tây là của Hán, từ Hồng Câu về phía đông là của Sở. Hạng Vương trả lại cha và vợ Hán Vương. Trong quân đều tung hô vạn tuế. Sau đó hai bên trở về và từ biệt ra đi mỗi người một phía. Hạng Vũ từ giã đem quân về phía đông.

Hán Vương muốn đem quân về phía tây nhưng theo kế Trần Bình và Lưu Hầu Trương Lương, tiến quân đuổi Hạng Vũ về phía nam thành Dương Hạ thì dừng lại. Hán Dương hẹn với Tề Vương Hàn Tín, Kiến Thành Hầu Bành Việt cùng hợp nhau để đánh Sở, nhưng khi quân Hán Vương đến Cổ Lăng thì vẫn không gặp quân của Hàn Tín, Bành Việt. Quân Sở bèn đánh quân Hán thua to. Hán Vương lại vào thành, đắp thành cao, đào hào sâu để giữ. Hán Vương dùng kế của Trương Lương nên Hàn Tín và Bành Việt đều đến.

Đến khi Lưu Giả vào đất Sở vây đất Thọ Xuân, Hán Vương bị thua trận ở Cổ Lăng, bèn sai sứ giả triệu đại tư mã là Chu Ân điều động quân ở Cửu Giang đi theo quân Lưu Giả, Vũ Vương Kinh Bố làm cỏ dân Thành Phủ, Tỳ Hà, Lưu Giả và các chư hầu Tề và Lương đều hợp nhau ở Cai Hạ, Vũ Vương Kinh Bố làm Hoài Nam Vương.

Năm thứ năm (202 trước công nguyên), Cao Tổ cùng quân của chư hầu đánh quân Sở thắng Hạng Vũ một trận quyết liệt ở Cai Hạ. Hoài Âm Hầu Hàn Tín cầm ba mươi vạn quân đương đầu với quân địch, Khổng Tương Quân ở cánh tả, Phí Tướng Quân ở cánh hữu, Hoàng Đế ở phía sau. Giáng Hầu, Sài Tướng Quân ở sau lưng Hoàng Đế. Quân của Hạng Vũ vào khoảng mười vạn. Hoài Âm Hầu đánh đầu tiên không thắng nổi, rút lui. Khổng Tương Quân và Phí Tướng Quân đem quân đến giúp. Quân Sở không thắng nổi. Hoài Âm Hầu nhân lúc ấy tiến lên đánh quân Sở đại bại ở Cai Hạ. Binh

sĩ Hạng Vũ nghe trong quân Hán hát những bài ca nước Sở cho rằng quân Hán đã lấy tất cả đất Sở rồi. Hạng Vũ thua bỏ chạy cho nên quân thua to. Hán Vương sai kỵ tướng quân Quán Anh đuổi theo giết Hạng Vũ ở Đông Thành, chém đầu tám vạn người, bèn bình định được đất Sở,

Nước Lỗ theo Sở giữ vững thành, quân Hán lấy không được. Hán Vương đem quân chư hầu đi về hướng bắc, chỉ cho các vị phụ lão ở Lỗ thấy đầu Hạng Vũ, Lỗ mới đầu hàng. Hán Vương bèn chôn cất Hạng Vũ với danh hiệu Lỗ Công ở Cốc Thành. Hán Vương trở về đến Định Bào, phi ngựa vào thành của Tề Vương, cướp quân của Tề Vương. Tháng giêng, chư hầu cùng các quan văn võ suy tôn Hán Vương làm Hoàng Đế, Hán Vương nói: - Ta nghe nói: "Người hiền mới được làm đế, nếu không chỉ là lời nói suông không nên làm". Ta không dám lên ngôi đế.

Quần thần đều nói: - Đại vương xuất thân thấp hèn, giết bọn bạo ngược, bình định bốn biển, người nào có công thì được cất mà phong làm vương, làm hầu. Nếu đại vương không có danh hiệu tôn quý thì họ đều nghi không tin. Bọn thần liều chết xin giữ điều đó.

Hán Vương ba lần nhường không được, bất đắc dĩ nói: - Nếu các ông đều cho thế là tiện thì tôi nhận, vì tiện lợi của quốc gia.

Ngày giáp ngọ, Hán Vương bèn lên ngôi Hoàng Đế ở phía bắc sông Tự Thủy. Hoàng Đế nói: -Nghĩa Đế không có con cháu, Tề Vương Hàn Tín quen phong tục của Sở, cho nên dời Tề Vương làm Sở Vương đóng đô ở Hạ Bì [*Thực ra thì Lưu Bang sợ Hàn Tín nên nói khéo, cho Tín làm vua Sở, nói là kế nghiệp Nghĩa Đế*]. Lập Kiến Thành Hầu là Bành Việt làm Lương Vương, đóng đô ở Định Đào, lập vua Hàn trước kia là Tín làm Hàn Vương, đóng đô ở Dương Dịch. Dời Hành Sơn Dương Ngô Nhuế làm Trường Sa Vương, đóng đô ở Lâm Tương. Tướng của phiên quân là Mai Quyên có công theo Cao Tổ vào Vũ Quan, cho nên Cao Tổ tỏ ra ân đức với ông ta. Hoài Nam Vương Kinh Bố, Yên Vương Tang Đồ, Triệu Vương Ngao đều như cũ.

Thiên hạ bình định, Cao Tổ đóng đô ở Lạc Dương, chư hầu đều làm tôi. Hoan trước đây làm Lâm Giang Vương, theo Hạng Vũ, phản lại Hán. Cao Tổ sai Lưu Quán, Lưu Giả bao vây Hoan, nhưng không lấy được thành, mấy tháng sau Hoan đầu hàng và bị giết ở Lạc Dương. Tháng 5 bãi binh, binh sĩ đều được giải ngũ về nhà. Con cái các chư hầu ở Quan Trung được tha mười hai năm thuế. Người nào trở về nước mình thì tha cho sáu năm thuế để nuôi sống và thưởng cho một năm thuế.

Cao Tổ đặc tiệc rượu ở phía nam cung Lạc Dương. Cao Tổ nói: - Liệt hầu và các tướng đừng giấu giếm. Tất cả đều nói tình thực. Tại sao ta lấy được thiên hạ? Tại sao họ Hạng mất thiên hạ?

Cao Khởi và Vương Lăng nói: - Bệ hạ ngạo mạn và khinh người. Hạng Vũ nhân từ và thương người. Nhưng bệ hạ sai ai cướp được thành, lấy được đất, hàng phục được nơi nào thì cho ngay nơi ấy, cùng chung lợi với thiên hạ. Hạng Vũ ghen người giỏi, ghét người có tài, hại người có công, nghi người hiền. Khi đánh thắng thì không thưởng công cho người ta, khi được đất, thì không cho người ta hưởng lợi, do đó cho nên mất thiên hạ.

Cao Tổ nói: - Người chỉ biết một mà chưa biết hai, phạm việc tính toán trong màn trướng mà quyết định được sự thắng ở ngoài ngàn dặm thì ta không bằng Tử Phòng [*Trương Lương*], trị nước nhà, vỗ yên trăm họ, vận tải lương thực không bao giờ đứt thì ta không bằng Tiêu Hà. Nắm trong tay trăm vạn quân đã đánh là nhất định thắng, tiến công là nhất định lấy thì ta không bằng Hàn Tín. Ba người này đều là những kẻ hào kiệt, ta biết dùng họ cho nên lấy được thiên hạ. Hạng Vũ có một Phạm Tăng mà không biết dùng cho nên bị ta bắt.

Cao Tổ muốn đóng đô vĩnh viễn ở Lạc Dương. Lưu Kính người đất Tề nói với Lưu Hầu Trương Lương khuyên vua vào đóng đô ở Quan Trung. Ngay hôm ấy, Cao Tổ lên xe ngựa vào đóng ở Quan Trung. Tháng 6, đại xá thiên hạ.

Tháng 10, Yên Vương Tang Đồ làm phản, đánh lấy đất Đại. Cao Tổ thân hành cầm quân đánh, bắt được Yên Vương Tang Đồ, lập thái úy Lương Quán làm Yên Vương, sai thừa tướng Phan Khoái cầm quân đánh đất Đại. Mùa thu năm ấy, Lợi Cơ làm phản. Cao Tổ thân hành cầm quân đánh, Lợi Cơ bỏ chạy. Lợi Cơ nguyên là tướng của họ Hạng, khi họ Hạng thua trận, Lợi Cơ làm Trần Công không trốn theo Hàng Cao Tổ nên được Cao Tổ phong hầu ở Dĩnh Xuyên. Cao Tổ đến Lạc Dương cầm sổ tất cả các thông hầu [*Tức là triệt hầu, cấp bậc tôn quý nhất trong các hầu nhà Hán đời là thông hầu vì huy (tên Vũ Đế là Triệt)*] và triệu tập họ. Lợi Cơ sợ cho nên làm phản.

Năm thứ 6 (201 trước công nguyên) Cao Tổ cứ năm ngày đến thăm Thái Công theo như lễ cha con trong nhà. Viên quan lệnh ở nhà Thái Công nói: - Trên trời không có hai mặt trời, dưới đất không có hai vua. Nay Hoàng Đế tuy là con nhưng là vua, ngài tuy là cha nhưng là tôi. Lễ nào ngài lại khiến nhà vua lạy bầy tôi như vậy? Làm như vậy thì uy lớn không thi hành được. Sao đó Cao Tổ đến thăm Thái Công. Thái Công cầm chổi ra cửa đón đi thụt lùi. Cao Tổ cả kinh, xuống xe đỡ Thái Công, Thái Công nói: - Hoàng Đế là vua, lễ nào lại vì tôi mà làm sai phép tắc của thiên hạ.

Cao Tổ bèn tôn Thái Công làm Thái Thượng Hoàng, khen viên lệnh trong nhà Thái Công, thưởng cho ông ta 500 cân vàng.

Tháng 12, có người báo với nhà vua có việc biến động, rằng Sở Vương

Hàn Tín mưu phản, nhà vua hỏi các quan chung quanh đến tranh nhau giục nhà vua đánh. Nhà vua dùng kế của Trần Bình giả vờ đi chơi đêm Vân Mộng, hợp chư hầu ở đất Trần. Sở Vương Hàn Tín đến đón liền bị bắt.

Hôm ấy đại xá thiên hạ. Điền Khảng mừng Cao Tổ: - Bệ hạ bắt được Hàn Tín, lại cai trị Quan Trung. Tần là nước hình thế hiểm trở, sông núi bao quanh như cái đai, cách thiên hạ ngàn dặm, với hai vạn người cầm giáo có thể chống lại một trăm vạn người. Địa thế tiện lợi cho nên khi đem quân xuống đánh chư hầu cũng như người ở trên nhà cao đổ một chậu nước xuống. Nước Tề phía đông có Lang Gia, Túc Mặc màu mỡ, phía nam có núi Thái Sơn vững chắc, phía tây có dòng sông Hoàng Hà nước đục làm giới hạn, phía bắc có cái lợi là biển Bột Hải, đất vuông hai ngàn dặm với hai mươi vạn quân Tề có thể chống cự nổi một trăm vạn quân cách xa ngàn dặm. Cho nên hai nơi này gọi là Đông Tần và Tây Tần. Nếu không phải là con em thân thích thì không cho làm vương nước Tề được [*Chính vì vậy mà khi nghe Hàn Tín tự lập là Giả Vương nước Tề, Lưu Bang hoảng hốt muốn đem quân đánh.*].

Cao Tổ nói: - Phải đấy!

Bèn thưởng 500 cân vàng. Mười ngày sau, Cao Tổ phong Hàn Tín làm Hàm Âm Hầu chia đất đai của Tín làm hai nước. Cao Tổ nói: - Lưu Giả có nhiều công phong cho làm Kinh Vương làm vương ở Hoài Đông người em của ta là Giao làm Sở Vương cai trị Hoài Tây, con của ta là Phi làm Tề Vương cai trị bảy mươi thành. Những người nào nói được tiếng Tề thì đều thuộc vào nước Tề.

Cao Tổ bèn xét đến vào công lao của mỗi người cùng các liệt hầu, chặt phù, phong đất, dời Hàn Vương Tín đến Thái Nguyên.

Năm thứ 7 (200 trước công nguyên) Hung Nô đánh Hàn Vương Tín ở Mã Ấp. Tín nhân bàn mưu với chúng làm phản ở Thái Nguyên. Những người ở Bạch Thổ, Mạn Khâu và Vương Hoàng lập viên tướng trước kia của nước Triệu là Triệu Lợi làm vua để làm phản. Cao Tổ thân chinh đi đánh. Gặp lúc trời lạnh trong số mười binh sĩ thì có hai, ba người rụng ngón tay. Cao Tổ đến Bình Thành, quân Hung Nô vây quân ta bảy ngày ở Bình Thành, sau đó mới bỏ đi. Nhà vua sai Phàn Khoái ở lại, bình định đất Đại, lập người anh của Cao Tổ là Lưu Trọng làm Đại Vương.

Tháng 2, Cao Tổ từ Bình Thành qua thành Lạc Dương của Triệu đến Trường An. Cung Trường Lạc đã xây xong. Từ thừa tướng trở xuống đều dời đến Trường An.

Năm thứ 8 (199 trước công nguyên) Cao Tổ đem quân về hướng đông đánh những quân giặc sót lại của Hàn Vương Tín ở Đông Viên. Thừa tướng Tiêu Hà đã xây xong cung Vị Ương, dựng cửa phía đông, cửa phía bắc, kho

võ khí, kho lúa ở điện đằng trước. Cao Đế quay về thấy cung và cửa cung to lớn quá, cả giận bảo Tiêu Hà: - Thiên hạ đang khổ sở vì chiến tranh đã lâu, việc thành bại chưa biết như thế nào, tại sao lại dựng cung thất quá chùng như vậy?

Tiêu Hà nói: - Thiên hạ vừa mới ổn định cho nên có thể nhân đó mà xây dựng cung thất. Nhà vua lấy bốn biển làm nhà, cung thất không tráng lệ thì không làm cho uy thế mình thêm lớn. Vả chăng, không thể để cho đời sau có thể có gì thêm vào việc bệ hạ đã làm.

Cao Tổ bèn bằng lòng. Cao Tổ đến Đông Viên, đi qua Bách Nhân, bọn Quán Cao làm thừa tướng nước Triệu mưu giết Cao Tổ. Cao Tổ thấy xúc động trong lòng, nên không ở lại [*Xem Trương Nhĩ, Trần Dư liệt truyện.*]. Đại Vương là Lưu Trọng bỏ nước trốn, thân hành trở về Lạc Dương, bị phế truất cho làm Hợp Dương Hầu.

Năm thứ 9, việc làm phản của bọn thừa tướng nước Triệu là Quán Cao bị lộ, bị giết cả ba họ. Cao Tổ phế truất Triệu Vương Ngao làm Tuyên Bình Hầu, năm ấy đời bọn quý tộc nước Sở là các họ Chiêu, Khuất, Cảnh, Hoài và họ Điền nước Tề đến Quan Trung. Cung Vị Ương đã xong, Cao Tổ triệu chư hầu, quần thần đặt tiệc rượu ở điện trước cửa cung Vị Ương. Cao Tổ cầm chén ngọc đứng dậy chúc thọ Thái Thượng Hoàng, nói: - Trước đây cha cho tôi không làm được việc gì, không lo làm ăn chẳng bằng anh Trọng. Bây giờ công nghiệp tôi làm so với anh Trọng thì ai hơn?

Quần thần trên điện đều hô "vạn tuế", tất cả cười vang rất là vui vẻ.

Năm thứ 10, tháng 10, Hoài Nam Vương Kinh Bồ và Lương Vương Bành Việt, Yên Vương Lưu Quán, Kinh Vương Lưu Giả, Sở Vương Lưu Giao, Tề Vương Lưu Phi, Trường Sa Vương Ngô Nhuế đều đến châu ở cung Trường Lạc. Mùa xuân và mùa hạ không có gì xảy ra. Tháng 7 Thái Thượng Hoàng mất ở cung Vị Ương. Sở Vương và Lương Vương đều đến đưa tang, Cao Tổ tha những người bị tù ở Lịch Dương, đổi tên Lịch Ấp là Tân Phong. Tháng 8, tướng quốc nước Triệu là Trần Hy làm phản ở đất Đại. Nhà vua nói: - Hy trước kia thường làm sứ giả của ta, rất được tin cậy. Đất Đại là nơi quan trọng đối với ta, cho nên phong Hy làm hầu để làm tướng quốc và giữ đất Đại. Nay hấn lại cùng bọn Vương Hoàng dùng vũ lực cướp đất Đại. Quan lại và dân chúng đất Đại đều không có tội, ta tha tội cho họ.

Tháng 9, nhà vua thân hành đi về hướng đông đánh Trần Hy. Khi đến Hàm Đan, nhà vua mừng rỡ nói: - Hy không chiếm cứ Hàm Đan ở phía Nam mà lại chẹn sông Chương Thủy, ta biết rằng hấn không làm gì được!

Khi nghe nói các tướng của Hy nguyên trước là con buôn, vua nói: - Ta đã biết phải cho chúng cái gì rồi [*Con buôn thì tham lợi.*].

Bèn dứt lột cho các tướng của Hy nhiều vàng.

Nhiều người ra hàng. Năm thứ 11, nhà vua giết bọn Trần Hy ở Hàm Đan. Công việc chưa xong, tướng của Hy là Hầu Suồng cầm đầu hơn vạn quân quấy nhiễu, Vương Hoàng đánh Liễu Thành, Hán sai tướng quân Quách Mông cùng tướng nước Tề đánh phá tan. Thái úy Chu Bột đi theo đường Thái Nguyên vào bình định đất Đại. Khi tới Mã Ấp, Mã Ấp không hàng phục, Chu Bột tấn công và tàn phá thành này. Tướng của Hy là Triệu Lợi giữ thành Đông Viên, Cao Tổ đánh không lấy được. Đã hơn một tháng, binh sĩ của Lợi mắng nhiếc Cao Tổ, Cao Tổ nổi giận. Đến khi thành đầu hàng, Cao Tổ sai chém những người đã mắng nhiếc mình, còn những người không mắng nhiếc thì tha cho. Cao Tổ cho chia đất Triệu và miền ở bắc cho các núi lập con của mình là Hằng làm Đại Vương, đóng đô ở Tấn Dương.

Mùa xuân Hoài Âm Hầu Hàn Tín mưu phản ở Quan Trung bị giết cả ba họ. Mùa hạ, Lương Vương Bành Việt mưu phản, bị phế truất dời đi đất Thục, sau đó lại muốn phản, nên giết cả ba họ. Nhà vua lập người con là Khôi làm Lương Vương, lập người con là Hữu làm Hoài Dương Vương. Tháng bảy, mùa thu, Hoài Nam Vương Kinh Bố làm phản ở phía đông lấy đất của Kinh Vương Lưu Giả, phía bắc, vượt qua sông Hoài. Sở Vương là Giao bỏ chạy vào đất Tiết, Cao Tổ thân hành đem quân đến đánh, lập người con trưởng của mình làm Hoài Nam Vương,

Tháng mười, năm thứ 12, sau khi đánh xong quân của Kinh Bố ở Hội Trục, Kinh Bố bỏ chạy. Cao Tổ sai biệt tướng đuổi theo. Cao Tổ trở về đi qua đất Bái, dừng lại ở đây, đặt rượu ở Bái Cung mời tất cả những người quen biết cũ, không kể già trẻ, cho uống tha hồ. Sai chọn những đứa trẻ ở Bái được một trăm hai mươi người, dạy cho hát. Khi uống rượu say, Cao Tổ gõ đàn trúc, đứng dậy tự làm bài ca:

Gió lớn thổi dậy chừ, mây bay ngón ngang!

Uy vang bốn biển chừ, về quê hương,

Làm sao có được kẻ sĩ mạnh chừ giữ bốn phương.

Sai bọn con trẻ tập hát bài ấy. Cao Tổ bèn đứng dậy múa, lòng cảm khái buồn bã, khóc và nói với những người phụ huynh đất Bái: - Kẻ đi xa nhớ làng cũ. Ta tuy đóng đô ở Quan Trung nhưng sau khi trăm tuổi hồn phách của ta vẫn còn thích đất Bái. Ta xuất thân là Bái Công, nhờ giết kẻ bạo nghịch mà có được thiên hạ. Ta lấy đất Bái làm đất riêng, dân ở đây đời đời không phải đóng thuế.

Các phụ huynh, các bà mẹ và những người quen cũ ở đất Bái uống rượu vui chơi cả ngày rất là vui vẻ, kể lại chuyện cũ mà cười. Vui chơi hơn mười ngày, Cao Tổ muốn ra đi, phụ huynh đất Bái cố tình giữ lại, Cao Tổ nói: - Quân của ta đông, các ông không thể nào cung cấp cho họ được.

Bèn ra đi. Dân Bái bỏ trống huyện, tất cả dôn về phía tây thành, hiến lễ

vật. Cao Tổ lại dừng lại, dựng trướng lên uống rượu ba ngày. Phụ huynh đất Bái đều đập đầu lạy, nói: - Đất Bái may mắn được miễn thuế, nhưng đất Phong vẫn chưa được, xin bệ hạ thương đến nó.

Cao Tổ nói: - Đất Phong chính là nơi ta sinh trưởng, làm sao lại quên được, nhưng chỉ vì Ung Xi ngày xưa làm phản ta theo Ngụy ...

Phụ huynh đất Bái cố nài xin. Cao Tổ bèn tha thuế cho cả đất Phong và đất Bái. Sau đó nhà vua cho Bái Hầu Lưu Ty làm Ngô Vương.

Biệt tướng Hàn đánh quân Kinh Bồ ở phía nam và phía bắc Thao Thủy, phá tan quân Kinh Bồ, đuổi theo và chém Kinh Bồ ở Phiên Dương. Phàn Khoái cầm riêng một cánh quân bình định đất Đại, chém Trần Hy ở Dương Thành.

Tháng 11, Cao Tổ đem quân về trở về Trường An sau khi đã đánh Kinh Bồ.

Tháng 12, Cao Tổ nói: - Tần Thủy Hoàng, Sở Ẩn Vương nước Sở là Trần Thiệp, An Ly Vương nước Ngụy, Dẫn Vương nước Tề, Điều Tương Vương nước Triệu đều chết mà không có con cháu, ta cho họ mỗi người được mười nhà để giữ phần mộ. Ta cho Tần Hoàng Đế hai mươi nhà, Ngụy công tử Vô Kỵ [*Tức là Tín Lăng Quân, xem Ngụy công tử liệt truyện.*] năm nhà.

Nhà vua tha cho quan lại và dân chúng đất Đại đã bị Trần Hy và Triệu Lợi cưỡng ép theo họ. Viên hàng tướng của Trần Hy nói rằng khi Trần Hy làm phản thì Yên Vương Lư Quán sai người đến nhà Hy cùng bàn mưu. Nhà vua sai Tích Dương Hầu đến đón Quán. Quán cáo bệnh. Tích Dương Hầu quay về báo lại rằng việc Quán làm phản đã có manh mối. Tháng 2, Cao Tổ sai Phàn Khoái, Chu Bột cầm quân đánh Yên Vương Lư Quán, tha cho quan lại và dân chúng ở Yên đã theo kẻ làm phản và lập hoàng tử Kiến làm Yên Vương. Khi đánh Kinh Bồ, Cao Tổ bị một mũi tên lạc, trên đường về bị bệnh. Bệnh nặng, Lữ Hầu mời thầy thuốc giỏi đến. Thầy thuốc vào yết kiến. Cao Tổ hỏi thầy thuốc, thầy thuốc nói: - Bệnh này có thể chữa được.

Cao Tổ bèn mắng [*Chữ "bèn" chứng tỏ một mảnh khoé để đề cao.*] thầy thuốc: -Ta xuất thân áo vải, tay cầm ba thước kiếm lấy được thiên hạ, đó chẳng phải mệnh trời hay sao?

Mệnh đã ở trời thì dù có tài giỏi như Biền Thước [*Thầy thuốc nổi tiếng nhất thời chiến quốc.*] cũng làm được gì!

Bèn không cho chữa bệnh, thưởng 50 cân vàng rồi cho về. Ít lâu sau Lữ Hậu nói: - Nếu bệ hạ trăm tuổi rồi và tướng quốc Tiêu Hà cũng mất thì lấy ai thay?

Nhà vua nói: - Tào Tham có thể làm được.

-Sao đó đến ai?

-Vương Lăng có thể được, nhưng Vương Lăng hơi gàn. Trần Bình có thể giúp ông ta. Trần BÌNH thì trí khôn có thừa, nhưng khó mà làm một mình. Chu Bột là người trung hậu, ít văn hoá nhưng người làm họ Lưu được an chính là Chu Bột đấy [*Nhận xét rất tinh: Quả nhiên sau Lữ Hậu tìm cách giết họ Lưu đưa họ Lữ lên thì chính Chu Bột đã tiêu diệt họ Lữ và giữ cho nhà Hán vẫn còn. Xem Trần thừa tướng thế gia.*], có thể cho ông ta là thái úy.

Thái Hậu lại hỏi: - Sau đó đến ai?

Nhà vua nói: - Sau đó thì người cũng không biết được [*Ý nói sau đó thì Lữ Hậu cũng chết rồi.*].

Lư Quán cùng mấy ngàn quân kỵ đợi ở biên giới chờ cho nhà vua thối bệnh để vào tạ tội. Tháng tư ngày giáp thìn, Cao Tổ mất ở cung Trường Lạc. Mất đã bốn ngày rồi mà không báo tang. Lữ Hậu bàn mưu với Thẩm Tự Cơ [*Người hầu hạ và đồng thời cũng là tình nhân của Lữ Hậu.*]: - Các tướng và nhà vua trước đều là thường dân nay họ phải quay mặt về hướng bắc xung la bầy tôi nên vẫn thường bực bộ. Nay gặp nhà vua còn nhỏ, nếu không giết hết tất cả đi thì thiên hạ không an.

Có người nghe điều ấy nói với Lịch tướng quân, Lịch tướng quân đến yết kiến Thẩm Tự Cơ nói: -Tôi nghe nói nhà vua đã mất bốn ngày rồi vẫn không báo tang lại còn muốn giết các tướng, như vậy thì thiên hạ nguy mất! Trần Bình và Quán Anh cầm 10 vạn quân giữ Huỳnh Dương, Phàn Khoái và Chu Bột cầm 20 vạn quân, bình định đất Yên, đất Đại. Nếu họ nghe nhà vua, các tướng đều bị giết thì thế nào họ cũng đem quân liên kết với nhau quay về đánh Quan Trung, ở trong các quan đại thần làm phản, ở ngoài chư hầu làm phản, việc diệt vong có thể nhón gót mà chờ [*Cũng như nói đến ngay tức khắc.*] vậy.

Thẩm Tự Cơ vào nói với Lữ Hậu, bèn báo tang, ngày đình mùi, đại xá thiên hạ. Lư Quán nghe Cao Tổ đã chết bèn bỏ trốn vào Hung Nô.

Lễ chôn cất vào ngày bính dần, ngày kỷ tỵ lập thái tử làm vua, vua đến miếu Thái Thượng Hoàng. Quần thần đều nói: - Cao Tổ xuất thân hàn vi, dẹp đời loạn làm cho nó trở lại đường ngay, bình định thiên hạ, làm Thái tổ nhà Hán, công lao hết sức lớn.

Nên dâng tôn hiệu là Cao Hoàng Đế [*Theo pháp chế đời xưa, khi vua chết, quần thần họp lại căn cứ vào hành trạng, công lao hay tội lỗi của vua mà đặt cho một tên gọi là thụy hay hiệu bụt. Có người được tên đẹp như Lưu Bang nhưng cũng có người được tên xấu như Kiệt Trụ ...*]. Thái tử nối nghiệp, hiệu là hoàng đế tức Hiếu Huệ Đế.

Nhà vua sai các quận, các nước và chư hầu đều lập miếu thờ Cao Tổ, mỗi năm tế thờ theo thời tiết. Đến khi Huệ Đế làm vua được năm năm, nhà

vua nghĩ đến việc Cao Tổ buồn vui ở Bái Cung nên lấy Bái Cung làm miếu thứ hai thờ Cao Tổ. 120 người trước đây Cao Tổ dạy hát đều sai chơi nhạc, về sau thiếu người thì điền vào cho đủ số.

Cao Tổ có tám người con trai: Người con đầu con người vợ thứ tên là Phi làm Điều Huệ Vương ở nước Tề. Người con thứ hai tên là Hiếu Huệ là con của Lữ Hậu. Người con thứ ba làm Như Ý là Triệu Ân Vương con của Thích phu nhân, người con thứ tư là Hằng làm Đại Vương, sau đó làm Hiếu Văn Đế, con của Bạc Thái Hậu. Người con thứ năm là Khôi làm Lương Vương, trong thời Lữ Thái Hậu bị dời đi làm Triệu Cung Vương. Người con thứ sáu là Hoài Dương Vương tên là Hữu, thời Thái Hậu bị dời đi làm Triệu U Vương. Người con thứ bảy là Trường bị làm Lệ Vương ở Hoài Nam, người con thứ tám là Kiến làm Yên Vương.

Thái Sử Công nói: - Chính trị nhà Hạ trung thực. Khi sự trung thực kém đi thì bọn tiểu nhân mất lễ, cho nên nhà Ân kế tiếp theo dùng chữ "kính" để cai trị. Sự kính cẩn sau đó kém đi, bọn tiểu nhân lại theo ma quỷ, cho nên nhà Chu kế tiếp theo dùng "văn" để cai trị. Sau đó văn kém đi, kẻ tiểu nhân biến thành xảo trá. Vì vậy cho nên để bổ cứu sự xảo trá không gì bằng dùng chữ "trung thực". Đạo tam vương xoay vận hết rồi lại quay lạ. Trong thời Chu, Tần có thể nói cái văn bị hư hỏng đi. Chính trị của Tần không thay đổi điều đó lại dùng hình phạt khốc liệt há chẳng sai làm sao! cho nên khi nhà Hán nổi lên, sau khi tiếp thu tình trạng hư hỏng thì dễ thay đổi nó, khiến người ta có được nguyên lý của trời vậy [*Đây là tác giả trình bày quan điểm của mình về chính trị. Tác giả quan niệm sự vật biến đổi theo vòng tròn tức là có thay đổi mà không có tiến hoá. Quan điểm ấy là then chốt của Kinh Dịch. Nhà Hạ, lấy việc trung thực làm then chốt cho việc cai trị dân, nhưng trung thực quá thì thành ra thô lỗ, để khắc phục sai lầm ấy, nhà Ân nêu lên nguyên tắc "kính", lấy kính làm then chốt. Nhưng một khi thiên lệch thì kính biến thành sợ, do đó nhà Ân, về sau chỉ nói đến quỷ thần, thờ cúng. Nhà Chu dùng "văn" (lễ nghi hình thức) để bổ cứu, nhưng khi thiên lệch sẽ thành gian xảo như trong thời Xuân Thu, Chiến Quốc. Đáng lý Tần lên phải bổ cứu văn bằng trung thực lại bổ cứu bằng pháp luật tức là không đi theo vòng tròn. Do đó mà thất bại. Đối với các tác giả cũng như đối với các tư tưởng gia Trung Quốc trước kia nói chung cái đạo trong chính trị là biểu hiện cho cái đạo trong trời đất.*]. Cao Tổ tiếp triều thần, vào tháng 10, xe diềm bằng vải màu vàng, cờ đạo cắm ở bên trái, chôn ở Trường Lăng.

[06]
LỮ HẬU bản kỷ

- [1. Lai lịch của Lữ Hâu và họ Lữ](#)
- [2. Lữ Hâu khi Hiếu Huệ còn sống](#)
- [3. Lữ Hâu từ khi Huệ Đế chết](#)
- [4. \(?\)](#)

1. Lai lịch của Lữ Hậu và họ Lữ

Lữ Thái Hậu là vợ của Cao Tổ từ lúc còn hàn vi, sinh Hiếu Huệ Đế, con gái là Lỗ Nguyên thái hậu. Khi Cao Tổ làm Hán Vương, lấy Thích Cơ, người Định Đào, rất yêu quý, sinh Triệu Ân Vương, tên là Như Ý. Hiếu Huệ là người nhân từ, yếu đuối. Cao Tổ cho là không giống mình, thường muốn phế truất, lập Như Ý là con của Thích Cơ: "Như Ý giống ta". Thích Cơ được Cao Tổ yêu, thường đi theo nhà vua đến phía đông cửa ải, ngày đêm khóc lóc muốn lập con mình để thay thái tử. Lữ Hậu tuổi cao thường ở nhà, ít khi gặp mặt nhà vua, cho nên càng bị bỏ rơi. Như Ý được lập làm Triệu Vương, đã mấy lần suýt thay thái tử. Nhờ có các quan đại thần can ngăn và nhờ có mưu kế của Lưu Hầu cho nên thái tử mới không bị truất [*Xem Lưu Hầu thế gia.*].

Lữ Hậu là con người cứng rắn, quyết đoán giúp Cao Tổ bình định thiên hạ. Các quan đại thần bị Cao Tổ giết phần lớn do sức của Lữ Hậu [*Chặng hạn Hàn Tín, Bành Việt*]. Hai người anh Lữ Hậu đều làm tướng: người anh cả là Chu Lữ Hầu, chết vì nhiệm vụ, người em là Lữ Thái được phong làm Lịch Hầu, và Lữ Sản được phong làm Giao Hầu. Người anh thứ hai là Lữ Thích Chi làm Kiến Thành Hầu.

2. Lữ Hậu khi Hiếu Huệ còn sống

Năm thứ mười hai (195 trước công nguyên) tháng tư, ngày giáp Thìn, Cao Tổ mất ở cung Trường Lạc. Thái Tử nổi ngôi làm hoàng đế. Lúc bấy giờ, Cao Tổ có tám người con. Người thứ nhất là Phi, anh của Hiếu Huệ, nhưng khác mẹ. Phi làm Tề Vương. Còn tất cả đều là em của Hiếu Huệ. Con của Thích Cơ, tên là Như Ý, làm Triệu Vương, con của Bạc Phu Nhân tên là Hăng làm Đại Vương, những người con của những người vợ khác là Khôi làm Lương Vương, Hữu làm Hoài Dương Vương, Trương làm Hoài Nam Vương, Kiến làm Yên Vương. Em của Cao Tổ tên là Giao làm Sở Vương, con của người anh Cao Tổ tên là Ty lên làm Ngô Vương. Còn không phải họ Lưu thì có Thần con của công thần Ngô Nhuế (làm phiên quân) được làm Trường Sa Vương. Lữ Hậu hết sức oán giận Thích phu nhân và người con của phu nhân là Triệu Vương, bèn sai giam Thích phu nhân ở cung Vĩnh Hạng và mời Triệu Vương đến. Sứ giả ba lần trở về. Kiến Bình Hầu Chu Xương làm tướng quốc nước Triệu bảo sứ giả: - Cao Đế giao phó Triệu Vương cho tôi. Triệu Vương hãy còn ít tuổi, tôi trộm nghe thái hậu oán giận Thích phu nhân, muốn mời Triệu Vương về để giết cả hai mẹ con, tôi không dám cho nhà vua đi. Nhà vua lại bị bệnh không thể vâng theo chiếu.

Lữ Hậu cả giận, bèn sai người gọi tướng quốc nước Triệu về. Tướng quốc nước Triệu về đến Trường An, thái hậu lại sai người mời Triệu Vương lần nữa. Triệu Vương ra đi. Chưa đến kinh đô thì Hiếu Huệ Đế vốn là người nhân từ, biết thái hậu giận, nên thân hành đón Triệu Vương ở Bá Thượng, rồi cùng vào cung, luôn luôn kèm Triệu Vương. Lúc Triệu Vương đi đứng, ăn uống, Huệ Đế đều ở bên cạnh. Thái hậu muốn giết Triệu Vương nhưng không có dịp nào.

Tháng mười hai, năm thứ nhất của Hiếu Huệ Đế (194 trước công nguyên) nhà vua buổi sớm ra đi bắn. Triệu Vương nhỏ không thể dậy sớm. Thái hậu nghe tin Vương ở một mình bèn sai người mang thuốc độc đến cho Vương uống. Lúc Hiếu Huệ về thì Triệu Vương đã chết. Sau đó thái hậu cho Hoài Dương Vương tên là Hữu làm Triệu Vương.

Mùa hạ, thái hậu ban chiếu truy tặng cha của Lịch Hầu [*Tức là Lữ Trạch là Chu Lữ Hầu đã chết, xem đoạn 1.*] làm Lệnh Vũ Hầu. Thái hậu bèn chặt chân tay Thích phu nhân, móc mắt đốt tai, cho uống thuốc thành câm, cho ở trong nhà tiêu gọi đó là "con người lợn". Sau mấy hôm, thái hậu cho gọi Hiếu Huệ Đế vào để xem "con người lợn". Hiếu Huệ Đế thấy, hỏi, biết đó là Thích phu nhân, liền khóc rống lên. Do đó, Hiếu Huệ Đế mắc bệnh, trong hơn một năm không dậy được, sai người nói với thái hậu: - Việc đó không phải là việc con người làm [*Nhiều học giả Âu Châu bảo Tư Mã Thiên có cái cách viết tàn nhẫn. Đây là một ví dụ.*]. Tôi là con của thái hậu, không thể nào

trị thiên hạ được!

Hiếu Huệ vì thế ngày đêm uống rượu chơi bời dâm dật, không nghe chính sự, cho nên mắc bệnh. Năm thứ hai, Nguyên Vương nước Sở, Điệu Huệ Vương nước Tề đều đến châu. Tháng mười, Hiếu Huệ cùng ăn tiệc và uống rượu với Tề Vương trước mặt thái hậu. Hiếu Huệ cho rằng Tề Vương là anh nên để ngồi ghế trên theo lễ những người trong nhà. Thái hậu nổi giận bèn sai rót hai chén thuốc độc đặt trước mặt mình, sai Tề Vương chúc thọ. Tề Vương đứng dậy. Hiếu Huệ cũng đứng dậy nâng chén muốn cùng chúc thọ với Tề Vương. Thái hậu sợ quá, thân hành đứng dậy hất chén rượu của Hiếu Huệ. Tề Vương lấy làm lạ, do đó không dám uống, giả vờ say đi ra. Khi hỏi, biết đó là thuốc độc, Tề Vương sợ hãi, tự cho rằng không thể ra khỏi Trường An nên rất lo lắng. Quan nội sử của Tề Vương tên là Sỹ nói với Tề Vương: -Thái hậu chỉ có một mình Hiếu Huệ và công chúa Lỗ Nguyên. Nay nhà vua có hơn bảy mươi thành, mà công chúa chỉ có vài thành. Nếu nhà vua quả thực đem một quận dâng cho thái hậu để làm áp tẩm gọi của công chúa thì thái hậu thế nào cũng mừng rỡ và nhà vua cũng không phải lo ngại gì.

Tề Vương bèn dâng quận Thành Dương, tôn công chúa Lỗ Nguyên làm Vương Thái Hậu. Lữ Hậu mừng rỡ bằng lòng bèn đặt tiệc rượu ở cung riêng của vua Tề [*Các chư hầu đều có xây cung riêng ở kinh đô*], sau khi uống rượu vui vẻ, thái hậu cho vua Tề trở về nước mình.

Năm thứ ba, bắt đầu xây thành Trường An.

Năm thứ tư, thành xây xong được một nửa.

Năm thứ năm và năm thứ sáu, thành xây xong, chư hầu đến họp. Tháng mười, chư hầu triều cống chúc mừng.

3. Lữ Hậu từ khi Huệ Đế chết

Năm thứ bảy, mùa thu, tháng tám, ngày mậu dần, Hiếu Huệ Đế mất. Phát tang (191 trước công nguyên). Thái hậu khóc nhưng không chảy nước mắt. Người con của Lưu Hầu [*Tức là Trương Lương*] là Trương Tích Cương làm thị trung mới mười lăm tuổi. Trương Tích Cương nói với thừa tướng: - Thái hậu chỉ có một mình Hiếu Huệ, nay Hiếu Huệ mất, thái hậu khóc không đau xót, ngài có biết tại sao không?

Thừa tướng nói: - Tại sao vậy?

Tích Cương nói: - Hoàng đế không có con lớn tuổi. Thái hậu sợ bọn các ông. Nay ông xin cho Lữ Thái, Lữ Sản, Lữ Lộc làm tướng, cầm quân giữ các đạo quân ở phía nam và phía bắc, cho những người họ Lữ vào giữ các chức vụ trong cung. Làm như thế thì thái hậu sẽ yên tâm và bọn các ông may mà tránh khỏi tai họa.

Thừa tướng bèn làm theo kế của Tích Cương. Thái hậu mừng rỡ. Lúc ấy mới khóc thảm thiết [*Nhận xét tàn nhẫn và mỉa mai.*]. Uy quyền họ Lữ bắt đầu từ đó.

Thái hậu đại xá thiên hạ. Tháng chín, ngày tân sửu, chôn cất Huệ Đế. Thái Tử [*Công chúa Lỗ Nguyên là con của Lữ Hậu và chị của Hiếu Huệ, lấy Trương Ngao sinh được một người cao gái. Lữ Hậu bắt Huệ Đế lấy người ấy tức là cháu gái để đề cao uy thế họ Lữ. Người này không có con, nhưng Lữ Hậu bắt bà ta giả có mang và lấy con một người khác thay thế.*] lên ngôi làm hoàng đế vào lễ miếu Cao Tổ. Từ năm thứ nhất, tất cả các hiệu lệnh đều do thái hậu đưa ra. Thái hậu gọi mệnh lệnh của mình là "chế" [*Xem chú thích ở Tàn Thủy Hoàng bản ký, nguyên văn "Thái Hậu xưng chế"*], bàn việc muốn lập những người họ Lữ làm Vương. Thái hậu hỏi tả thừa tướng là Vương Lăng. Vương Lăng nói: - Cao Đế đã giết con ngựa trắng mà thề: "Ai không phải họ Lưu mà làm Vương thì thiên hạ cùng nhau đánh nó". Nay thái hậu phong cho họ Lữ làm Vương thì trái lời giao ước.

Thái hậu không bằng lòng, hỏi tả thừa tướng Trần Bình, Giáng Hầu Chu Bột. Bọn Chu Bột trả lời: - Cao Đế bình định thiên hạ, phong con em của mình làm Vương. Nay thái hậu gọi mệnh lệnh của mình là chế, phong anh em họ Lữ làm Vương thì có gì là không được?

Thái hậu mừng rỡ bãi triều.

Vương Lăng trách thầm Trần Bình và Giáng Hầu: - Trước đây chúng ta cùng Cao Đế uống máu ăn thề, các ông không có ở đây sao? Nay Cao Đế băng hà, thái hậu là người đàn bà làm chủ cả thiên hạ, muốn phong cho họ Lữ làm Vương, các ông làm theo sở thích, hùa theo ý muốn của thái hậu, làm trái giao ước thì còn mặt mũi nào mà thấy Cao Đế ở dưới đất nữa?

Trần Bình và Giáng Hầu nói: - Hôm nay bẻ thái hậu trước mặt, can gián

giữa triều đình thì chúng tôi không bằng ông. Nhưng việc bảo toàn xã tắc, giữ vững cho con cháu họ Lưu thì ông sẽ không bằng chúng tôi.

Vương Lăng không biết trả lời như thế nào.

Tháng mười một, thái hậu muốn bãi bỏ Vương Lăng, bèn cho Lăng làm thái phó [*Chức quan lo việc dạy dỗ nhà vua.*] của đế, cướp quyền thừa tướng của Lăng. Lăng cáo bệnh xin về. Thái hậu bèn cho Thẩm Tự Cơ làm tả thừa tướng, Trần Bình làm hữu thừa tướng. Tả thừa tướng không làm việc nước, xem xét việc trong cung như một viên lang trung lệnh. Tự Cơ được thái hậu yêu từ trước, thường tin dùng. Các công khanh đều do ông ta mà giải quyết mọi việc. Thái hậu bèn truy tôn cha của Lịch Hậu làm Điều Vũ Vương, muốn nhân đó dần dần phong cho những người họ Lữ làm Vương. Tháng tư, thái hậu muốn phong cho những người họ Lữ làm hầu nên trước tiên phong những người công thần của Cao Tổ: Lang trung lệnh Vô Trạch được phong làm Bác Thành Hầu, Lỗ Nguyên công chúa chết được tặng tên thụy là Lỗ Nguyên thái hậu. Con của Lỗ Nguyên là Yên được phong làm Lỗ Vương. Cha của Lỗ Vương là Trương Ngao được phong làm Tuyên Bình Hầu. Chương, con của Điều Huệ Vương nước Tề, được phong làm Chu Hư Hầu. Thái hậu gả con gái của Lữ Lộ cho ông ta. Tướng quốc nước Tề tên là Thọ được phong làm Bình Định Hầu. Quan thiếu phủ tên là Diên được phong làm Ngô Hầu. Thái Hậu muốn phong Vương cho họ Lữ nên trước đây phong cho những người con của những người thiếp của Hiếu Huệ: Cờng được phong làm Hoài Dương Vương, Bất Nghi được phong làm Thường Sơn Vương, Sơn được phong làm Tương Thành Hầu., Triều được phong làm Chỉ Hầu. Vũ được phong làm Hạp Quan Hầu. Thái hậu gợi ý cho các quan đại thần, các quan đại thần xin lập Lịch Hậu Lữ Thái làm Lữ Vương. thái hậu ưng thuận. Lữ Thích Chi làm Khang Hầu ở Kiến Thành mất, người con nối nghiệp có tội bị truất, người con út là Lữ Lộ được lập làm Hồ Lăng Hầu, để nối tiếp Khang Hầu. Hai năm sau, Thường Sơn Vương mất. thái hậu cho người em của Thường Sơn Vương là Tương Thành Hầu tên là Sơn làm Thường Sơn Vương, đổi tên ông là Nghĩa.

Tháng mười một, Lữ Vương la Thai mất, được tặng tên thụy là Túc Vương. Thái tử Gia thay thế được lập làm Vương. Năm thứ ba, không có việc gì. Năm thứ tư, phong Lữ Tu làm Lâm Quang Hầu [*Lữ Tu là em gái út của Lữ Hậu cũng được phong hầu và là vợ của Phàn Khoái.*], Lữ Đà làm Thân Hầu, Lữ Canh Thủy làm Chuế Kỳ Hầu, Lữ Phần làm Lữ Thành Hầu và phong năm người làm thừa tướng của chư hầu.

Con gái của Tuyên Bình Hầu làm Hiếu Huệ hoàng hậu, không có con, giả làm có mang lấy con một người thiếp làm con mình, và lập làm thái tử, rồi giết người mẹ. Hiếu Huệ mất, thái tử được lập làm hoàng đế. Khi Đế lớn

lên, nghe nói mẹ mình bị giết, mình không phải là con của hoàng hậu, bèn nói: -Hoàng hậu làm sao có thể giết mẹ ta mà gọi ta là con? Giờ ta còn bé, nếu ta trưởng thành thì sẽ thay đổi.

Thái hậu nghe tin ấy lấy làm lo lắng, sợ Đế làm loạn, bèn giam Đế ở cung Vĩnh Hạng, nói rằng hoàng đế bị mắc bệnh nặng. Các quan hầu không được thấy mặt. Lữ Hậu nói: - Ai có thiên hạ là nắm cái vận mệnh của vạn dân cũng như trời che đất chở vậy. Nhà vua trong lòng vui vẻ để làm cho trăm họ được yên, trăm họ vui vẻ để thờ phụng nhà vua. Trên dưới vui vẻ hòa hợp nên thiên hạ được yên. Nay hoàng đế mắc bệnh đã lâu không khỏi, lại mất trí, hôn loạn, không thể tiếp tục phụng thờ tôn miếu xã tắc, không thể giao phó thiên hạ được. Cần phải thay người khác.

Quần thần đều đập đầu nói: - Hoàng Thái Hậu vì thiên hạ và toàn dân mà tính kế, để có thể làm cho tôn miếu xã tắc được yên ổn lâu dài. Bọn bầy tôi đập đầu tuân theo lời chiếu.

Đế bị phế truất, Lữ Hậu giam rồi giết đi. Tháng năm ngày bính thìn, lập Thường Sơn Vương tên là Nghĩa làm đế, đổi tên là Hoàng, nhưng không gọi là năm đầu vì thái hậu ra các chế để trị thiên hạ. Thái hậu phong Chỉ Hầu tên là Triệu làm Thường Sơn Vương, đặt chức quan thái úy. Giáng Hầu Chu Bột được làm thái úy.

Năm thứ năm, tháng tám, Hoài Dương Vương chết, người em tên là Vũ làm Hồ Quan Hầu được phong làm Hoài Dương Vương. Tháng mười năm thứ sáu, thái hậu nói: - Lữ Vương tên là Gia ăn ở kiêu ngạo hống hách nên bị truất phế. Cho Lữ Sản, em của Túc Vương Thai làm Lữ Vương.

Mùa hạ, đại xá thiên hạ, phong Hưng Cư, con của Diệu Huệ Vương nước Tề, làm Đông Mâu Hầu. Năm thứ bảy tháng giêng, thái hậu cho mời Triệu Vương Hữ đến. Hữ lấy con gái họ Lữ làm hoàng hậu, nhưng không yêu mà yêu người vợ khác. Người con gái họ Lữ ghen, giận bỏ đi, gièm với thái hậu, vu tội ông ta đã nói: "Họ Lữ làm sao làm Vương được? Nếu thái hậu trăm tuổi rồi, thế nào ta cũng sẽ đánh họ".

Thái hậu nổi giận, cho mời Triệu Vương đến. Thái hậu cho ở trong cung điện riêng không cho yết kiến. Thái hậu sai bọn vệ binh vây giữ, không cho ăn uống. Bọn bầy tôi có người đưa cơm trộm, thái hậu liền bắt và trị tội. Triệu Vương đói bèn hát:

*Họ Lữ chuyên quyền, họ Lưu nguy
Bức hiếp vương hầu, ép giả phi
Đàn bà ghét ghen vu việc ác,
Bọn hại nước kia, trên chẳng xét.
Ta không tôi trung, sao về đây?
Chết nơi đồng hoang còn thơm lây*

*Hỡi đã muộn! thà tự sát,
Làm vua chết đói, ai thương xót?
Riêng cây trời cao trả hận cừu,
Giết bọn bạo tàn cứu họ Lưu.*

Ngày đình sử, Triệu Vương bị giam mà chết. Thái hậu chôn cất theo lễ người dân thường ở ngoài nghĩa địa của dân chúng ở Trường An. Ngày kỷ sử, co nhật thực, ban ngày tối đen. Thái hậu ghét điều đó, trong lòng không vui bèn bảo các quan hầu: - Đó là vì ta [*Ngày xưa có lời giải thích cho rằng những việc làm của vua chúa ảnh hưởng đến trời đất.*].

Tháng hai dời Lương Vương Khôi làm Triệu Vương. Lữ Vương Sản được dời làm Lương Vương. Lương Vương không về nước của mình, mà làm thái phó của đế. Thái hậu lập Bình Xương Hầu Lữ Thai làm Lữ Vương, đổi tên đất Lương gọi là đất Lữ, và đất Lữ lại đổi là Tế Xuyên.

Người em gái của thái hậu là Lữ Tu [*Xem chú thích ở trên.*] có người con gái là vợ của Dinh Lăng Hầu Lưu Trạch. Trạch làm đại tướng quân. Thái hậu phong vương họ Lữ, sợ sau khi mình chết đi, Lưu tướng quân sẽ giết họ Lữ bèn cho Lưu Trạch làm Lang Gia Vương để làm vừa lòng ông ta.

Lương Vương Khôi bị dời đi làm Vương ở triều trong lòng không vui. Thái hậu cho con gái của Lữ Sản là hoàng hậu của Triệu Vương. Các quan theo hầu hoàng hậu đều là những người họ Lữ, họ chuyên quyền và theo dõi ngầm Triệu Vương. Triệu Vương cảm thấy tù túng. Vương có người thiếp yêu quý bị hoàng hậu sai người cho uống thuốc độc chết. Vương bèn làm bài ca gồm bốn đoạn, sai nhạc công hát. Vương đau buồn, tháng sáu thì tự sát. Thái hậu nghe tin ấy, cho là Vương vì một người đàn bà mà vứt bỏ lễ ở tôn miếu [*Vì yêu người thiếp, tự sát nên không thờ phụng tôn miếu được. Thái hậu như thế đã giết ba người con của Lưu Bang (Như Ý, Hiến và Khôi). Cả ba đều làm Triệu Vương.*], bèn phế truất người thừa tự của Vương.

Tuyên Bình Hầu Trương Ngao chết. Người con là Yên được phong làm Lỗ Vương. Ngao được tặng tên thụy là Lỗ Nguyên Vương. Mùa thu, thái hậu sai sứ giả nói với Đại Vương [*Sau này Đại Vương là Hán Văn Đế.*] muốn đưa Đại Vương đi làm vua ở Triệu. Đại Vương từ tạ xin giữ biên giới của đất Đại. Thái phó là Sản và thừa tướng là Bình nói với Vũ Tín Hầu Lữ Lộ là vị hầu lớn nhất, địa vị cao nhất vậy xin lập làm Triệu Vương. Thái hậu ưng thuận, truy tôn cha của Lộ là Khang Hầu làm Triệu Chiêu Vương. Tháng chín, Yên Linh Vương Lưu Kiến chết. Ông ta có một con là con người thiếp, thái hậu sai giết đi nên không có người nối dõi và nước bị bỏ. Năm thứ tám, tháng mười, lập con của Lữ Túc Vương là Đông Bình Hầu Lữ Thông làm Yên Vương, phong em trai của Thông là Lữ Trang làm Đông Bình Hầu [*Thế là họ Lữ dần dần thay thế những người con Lưu Bang làm Yên Vương, Triệu*

Vương.]. Vào giữa tháng ba, Lữ Hậu đi tể về qua Chi Đạo, thấy một con vật như con chó xanh ở bên vách của mình rồi đột nhiên không thấy nữa. Sai bói xem thì nói đó là con ma của Triệu Vương Như Ý. Cao Hậu tự nhiên bị bệnh đau ở nách.

Cao Hậu cho rằng người cháu ngoại của mình là Yến, làm Lỗ Nguyên Vương, ít tuổi, mất cha mẹ từ lúc còn nhỏ, cô độc yếu ớt, bèn phong cho hai người con của người vợ trước của Trương Ngao là Xi làm Tân Đô Hầu và Thọ làm Nhạc Xương Hầu để giúp Lỗ Nguyên Vương là Yến. Lại phong trương đại yết giả [*Chức quan chủ yếu dành cho các hoạn quan để tiếp tân khách.*] Trương Thích làm Kiến Lăng Hầu, Lữ Vinh làm Chúc Tư Hầu, những người hoạn quan làm lệnh hay làm thừa đều được làm quan nội hầu, phong ấp năm trăm hộ để tiêu dùng. Vào giữa tháng bảy, Cao Hậu mắc bệnh nặng bèn sai Triệu Vương Lữ Lộc làm thượng tướng quân, coi cánh quân ở phía bắc, Lữ Vương là Sản coi cánh quân phía nam.

Lữ Hậu dặn Lữ Sản và Lữ Lộc: -Sau khi bình định thiên hạ, Cao Đế có giao ước với các quan đại thần: "Ai không phải họ Lưu mà làm vua thì thiên hạ cùng đánh nó". Nay họ Lữ làm Vương, các quan đại thần không chịu. Nếu ta chết đi, hoàng đế còn ít tuổi, sợ các quan đại thần gây biến loạn. Người phải cầm quân giữ lấy cung, chớ có đi theo đám tang, đừng để cho người nào áp chế mình.

Ngày tân tị, Cao Hậu chết. Di chiếu cho vua các nước chư hầu mỗi người một nghìn cân vàng. Các quan văn võ, liệt hầu, các quan lang và các viên lại đều được thưởng vàng theo trật của mình. Đại xá thiên hạ, cho Lữ Vương Sản làm tướng quốc, cho con gái của Lữ Lộc làm hoàng hậu. Khi Cao Hậu đã chết, tả thừa tướng là Thẩm Tự Cơ được làm thái phó của đế.

4. (?)

Chu Hư Hầu Lưu Chương là người có dũng khí và sức mạnh. Đông Mâu Hầu Hưng Cư là em của ông ta. Hai người đều là em của Tề Ai Vương, sống ở Trường An. Lúc bấy giờ, họ Lữ chuyên quyền muốn làm loạn nhưng sợ bọn đại thần của Cao Tổ là Giáng Hầu, Quán Hầu nên chưa dám khởi sự. Chu Hư Hầu lấy vợ là con gái Lữ Lộc, biết ngầm âm mưu ấy, sợ bị giết bèn sai người ngầm nói với người anh là Tề Vương, xin Tề Vương đem binh về hướng tây giết họ Lữ mà làm vua, còn Chu Hư Hầu cùng các quan đại thần sẽ làm nội ứng. Tề Vương muốn đem quân đi nhưng quan tướng quốc không nghe. Tháng tám ngày bính ngọ, Tề Vương sai người giết quan tướng quốc. Tướng quốc Thiệu Bình bèn làm phản, cầm quân muốn vây nhà vua. Nhà vua nhân đây giết tướng quốc và đi, binh về phía đông, rồi dùng kế đánh lừa, đoạt binh của Lang Gia Vương rồi cầm đầu cả hai đạo quân mà đi về phía tây. Việc này kể trong phần nói về Tề Vương. Tề Vương đưa thư cho vua chư hầu nói: "Cao Đế bình định thiên hạ, phong cho các con em làm vua. Điều Huệ Vương làm vua nước Tề, Điều Huệ Vương chết. Hiếu Huệ Đế sai Lưu Hầu Trương Lương lập tôi làm Tề Vương. Khi Hiếu Huệ chết, Cao Hậu cầm quyền, tuổi cao, nghe lời bọn họ Lữ, chuyên quyền phế truất hoàng đế lập người khác. Lại giết liên tiếp ba Triệu Vương, diệt các nước Lương, Triệu, Yên để phong vương cho họ Lữ, chia nước Tề làm bốn. Các trung thần can ngăn nhưng Cao Hậu bị mê hoặc không chịu nghe. Nay Cao Hậu mất đi, Hoàng Đế tuổi còn nhỏ, chưa có thể trị thiên hạ, phải nhờ cậy ở các quan đại thần và chư hầu. Nhưng bọn họ Lữ lại chuyên quyền, tự tôn mình làm quan to, tu tập binh sĩ, uy hiếp dũ dội các liệt hầu và trung thần, tự ban hành các chế độ sai khiến thiên hạ, khiến cho tôn miếu bị nguy. Quả nhân đem binh vào giết những kẻ không có quyền làm Vương".

Nhà Hán nghe tin ấy. Bọn tướng quốc Lữ Sản bèn sai Đinh Âm Hầu Quán Anh cầm binh ra đánh. Quán Anh đến Huỳnh Dương bèn bàn mưu: - Bọn họ Lữ nắm lấy binh quyền ở Quan Trung, muốn làm nguy hại đến họ Lưu mà tự lập. Nay nếu ta phá quân Tề quay trở về báo, tức là giúp thêm cho họ Lữ.

Quán Anh bèn ở lại, đóng đồn ở Huỳnh Dương, sai sứ giả về báo với Tề Vương và chư hầu, cùng nhau liên minh để đợi khi họ Lữ làm biến sẽ tiêu diệt. Tề Vương nghe tin ấy bèn đem binh về biên giới phía tây, muốn chờ đợi giao ước. Lữ Lộc, Lữ Sản muốn gây loạn ở Quan Trung nhưng bên trong thì sợ bọn Giáng Hầu, Chu Hư Hầu, bên ngoài thì sợ quân các nước Tề, Sở, lại sợ Quán Anh làm phản, muốn chờ khi nào quân của Quán Anh đánh nhau với quân của Tề thì sẽ khởi sự, trong lòng đang do dự chưa quyết định.

Lúc bấy giờ, Tề Xuyên Vương Thái, Hoài Dương Vương Vũ, Thường

Son Vương Triều, về danh nghĩa [*Những người này không phải là con của Huệ Đế mà là con người khác. Nhưng Lữ Hậu làm như vậy để giữ uy quyền cho họ Lữ.*] là em của thiếu đế [*Vị hoàng đế còn ít tuổi.*] lại là cháu ngoại của Lỗ Nguyên Vương [*Vì Huệ Đế lấy con của Lỗ Nguyên tức là lấy cháu, nên bọn Triều, Vũ Thái gọi Lỗ Nguyên là bà ngoại.*] con Lữ Hậu. Họ đều còn ít tuổi và chưa về nước mà vẫn ở Trường An. Triệu Vương Lữ Lộc và Lương Vương Lữ Sản đều cầm quân, một người cầm đầu đạo quân ở phía nam, một người cầm đầu đạo quân ở phía bắc. Họ đều là người họ Lữ, các liệt hầu và quần thần ai cũng không chắc số mệnh mình sẽ sống. Quan thái úy là Giáng Hầu Chu Bột lại không thể vào trong chỗ đóng quân để cầm đầu quân sĩ.

Khúc Chu Hầu Lịch Thương đã già và ốm, người con tên là Ký là bạn thân của Lữ Lộc. Giáng Hầu bèn bàn với thừa tướng Trần Bình sai người ép Lịch Thương bảo người con của mình là Ký đến lừa Lữ Lộc nói: -Cao Đế và Lữ Hậu cùng nhau bình định thiên hạ. Chín vua mà họ Lưu lập lên [*Ngô, Việt, Tề, Hoài Nam, Lang Gia, Đại, Thường Sơn Vương là Triều, Hoài Dương Vương là Vũ và Tế Xuyên Vương là Thái.*] và ba vua mà họ Lữ lập lên [*Lương Vương Lữ Sản, Triệu Vương Lữ Lộc, Yên Vương Lữ Thố.*] đều do các quan đại thần bàn bạc và đã báo cáo cho các chư hầu, chư hầu đều cho là phải. Nay thái hậu băng hà, đế còn ít tuổi, tức hạ mang ấn Triệu Vương không về ngay nước của mình để giữ đất phong, lại làm thượng tướng quân, cầm binh ở lại đây, thì sẽ bị các quan đại thần và chư hầu nghi ngờ. Tại sao tức hạ lại không trao ấn tướng quân cho thái úy, nói với Lương Vương trả lại ấn tướng quốc [*Vì lúc bấy giờ tất cả binh quyền trong tay Lữ Lộc, tất cả quyền chính trong tay Lữ Sản, quần thần không làm gì được nên trước hết phải trước cho được ấn của họ.*] cùng ăn thề với các quan đại thần mà về nước? Làm thế thì quân của Tề sẽ được giải tán, các quan đại thần được yên ổn, tức hạ cứ cao gối mà nằm làm vua một nước, đất vuông ngàn dặm. Đó là cái lợi muôn đời.

Lữ Lộc tin theo cho kế ấy là phải, muốn trao ấn tướng quân và quân sĩ cho thái úy. Lộc sai người báo điều đó với Lữ Sản và những người già cả trong họ Lữ. Có người bảo làm thế là tiện, có người bảo thế là không tiện. Kế ấy đang ở trong tình trạng do dự, chưa có gì được quyết định. Lữ Lộc tin theo lời Lịch Ký một hôm ra ngoài đi săn chơi, ghé qua nhà người cô là Lữ Tu. Lữ Tu cả giận nói: -Mày làm tướng mà bỏ quân lính thì họ Lữ này sẽ không biết ở vào đâu [*Đó cũng là ý kiến của Lữ Hậu trước khi chết.*]!

Bèn đem tất cả châu ngọc, đồ quý báu vãi trong phòng, nói: - Ta không công hơi đâu mà giữ của cho người khác.

Tả thừa tướng Tự Cơ miễn chức. Tháng tám, ngày canh thân vào buổi sáng, Bình Dương Hầu Tào Truật [*Con của Tào Tham.*] làm chức ngự sử đại

phu, yết kiến tướng quốc Lữ Sấn bàn công việc. Lang Trung Lệnh Giả Thọ đi sứ ở Tề về, nhân đây trách Sấn: - Nhà vua sao không sớm về nước, nay tuy muốn đi, đi làm sao được?

Và kể lại với Sấn tất cả việc Quán Anh hợp cùng với quân Tề, Sở muốn diệt họ Lữ.

Giả Thọ liền giục Sấn vào ngay trong cung [*Để làm loạn.*]. Bình Dương Hầu nghe được những lời này liền ruổi ngựa báo với thừa tướng và thái úy. Thái úy muốn vào chỗ đóng quân ở phía bắc nhưng không vào được. Tương Bình Hầu Kỷ Thông giữ các phù và các cờ tiết. Thái úy bèn bảo Kỷ Thông cầm cờ tiết giả làm lệnh vua trao cho thái úy cầm đầu đạo quân phía bắc. Thái úy lại ra lệnh cho Lịch Ký và điển khách là Lưu Yết trước đây thuyết phục Lữ Lộc, nói: - Hoàng Đế đã sai thái úy cầm đạo quân phía bắc, muốn tước hạ trở về nước. Xin tước hạ đưa ngay ấn tướng quân, cáo từ để về, nếu không thì tai họa xảy ra.

Lữ Lộc tin rằng Lịch Ký không lừa mình bèn cởi ấn trao cho viên điển khách và giao cho thái úy cầm quân.

Thái úy cầm đầu binh sĩ, đi vào cửa quân, ra lệnh cho ba quân: - Ai theo họ Lữ thì xắn tay áo bên phải lên, ai theo họ Lưu thì xắn tay áo bên trái lên!

Quân sĩ đều xắn tay áo bên trái theo họ Lưu. Thái úy vừa đến thì tướng quân Lữ Lộc cởi bỏ ấn thượng tướng quân mà ra đi. Thái úy bèn cầm đầu đạo quân phía bắc. Nhưng vẫn còn đạo quân phía nam. Bình Dương Hầu nghe câu chuyện [*Giữa Giả Thọ và Lữ Sấn*] bèn báo cho thừa tướng Trần Bình biết âm mưu của Lữ Sấn. Thừa tướng Trần Bình bảo Chu Hư Hầu giúp thái úy. Thái úy ra lệnh Chu Hư Hầu xem xét cửa quân, ra lệnh cho Bình Dương Hầu bảo viên úy cầm đầu những người giữ cửa cung không cho tướng quốc Lữ Sấn vào cửa điện. Lữ Sấn không biết rằng Lữ Lộc đã rời bỏ đạo quân phía bắc, bèn vào cung Vị Ương, muốn làm loạn. Những người giữ cửa điện không cho Sấn vào, Sấn đang băn khoăn đi đi lại lại, Bình Dương Hầu sợ không thắng được, ruổi ngựa nói với thái úy. Thái úy cũng còn sợ không thắng được họ Lữ nên chưa dám nói trắng là giết họ. Bèn sai người nói với Chu Hư Hầu: - Vào ngay cung để bảo vệ Hoàng Đế!

Chu Hư Hầu xin binh sĩ. Thái úy cấp cho hơn một nghìn người. Chu Hư Hầu vào cung Vị Ương, liền gặp Sấn ở trong sân. Lúc bấy giờ là lúc ăn chiều. Chu Hư Hầu đâm Sấn, Sấn bỏ chạy. Trời nổi gió to, cho nên các quan theo Sấn hỗn loạn, không ai dám chiến đấu. Chu Hư Hầu bèn đuổi theo Sấn và giết ở trong nhà tiêu của những người lại ở phủ lang trung. Sau khi Chu Hư Hầu đã giết được Sấn, để sai yết giả cầm cờ tiết ra úy lạo Chu Hư Hầu. Chu Hư Hầu muốn cướp cờ tiết [*Vì có cờ tiết thì mới vào được cung cấm.*] nhưng quan yết giả không chịu. Chu Hư Hầu liền cùng yết giả lên xe. Nhờ

có cờ tiết làm tin nên xe cứ chạy thẳng vào, Chu Hư Hầu chém viên úy giữ cung Trường Lạc là Lữ Canh Thủy rồi quay ra, vào đạo quân phía bắc báo với thái úy. Thái úy đứng dậy lạy mừng Chu Hư Hầu và nói: - Người đáng lo nhất chỉ có Lữ Sản mà thôi! Nay Sản đã bị giết. Thế là thiên hạ yên rồi!

Bèn sai người chia nhau thành từng bộ phận, bắt tất cả những người họ Lữ, không kể trai gái, già trẻ đều chém hết.

Ngày tân dậu, bắt và chém Lữ Lộc, lấy roi đánh chết Lữ Tu, sai người giết Yên Vương Lữ Thông, phế truất Lỗ Vương Trương Yên. Ngày nhâm tuất, cho quan thái phó của đế là Tụ Cơ lại làm Tả Thừa Tướng. Ngày mậu thìn, dời Tế Xuyên Vương đến làm vua ở đất Lương, sai Chu Hư Hầu là Chương giết bọn họ Lữ và báo việc ấy với Tề Vương, bảo Tề Vương bãi binh. Quân sĩ của Quán Anh ở Huỳnh Dương cũng rút về.

Chư hầu và các quan đại thần bàn mưu với nhau: - Thiếu đế và các vua Lương Vương, Hoài Dương Vương, Thường Sơn Vương đều không phải con Hiếu Huệ. Lữ Hậu dùng mưu lấy con người khác, giết mẹ của họ, nuôi họ ở hậu cung bảo Huệ Đế nhận là con lập lên để làm người nối dõi và làm Vương nhằm làm cho họ Lữ thêm mạnh. Nay chúng ta đã giết hết họ Lữ mà lại để người của họ lập lên, đến khi lớn Thiếu Đế cầm quyền thì chúng ta sẽ mất nòi. Không bằng xem trong các Vương người nào tài giỏi nhất thì ta lập nên.

Có người nói Tề Diệu Vương là con trưởng của Cao Đế, nay người con đầu làm Tề Vương, nếu cứ xét đến gốc thì ông ta là cháu đích tôn của Cao Đế, có thể lập được.

Các quan đại thần đều nói: - Họ Lữ là họ ngoại của vua nhưng độc ác nên đã suýt nữa làm nguy hại đến tôn miếu, làm loạn các công thần. Nay trong gia đình mẹ Tề Vương có Tứ Quân. Tứ Quân là người ác. Nếu lập Tề Vương thì lại trở thành họ Lữ.

Người ta muốn lập Hoài Nam Vương nhưng lại cho là ít tuổi, nhà bên mẹ lại ác. Các quan đại thần bèn nói: - Đại Vương nay là người con lớn nhất trong số những người con của Cao Đế còn sống. Người nhân đức, có hiếu, rộng rãi và trung hậu. Gia đình thái hậu họ Bạc lại chăm chỉ và tốt. Và lại chúng ta lập người con lớn hơn cả cho nên hợp lẽ. Đại Vương nổi tiếng trong thiên hạ về nhân và hiếu. Như thế là tiện.

Các quan bèn bàn nhau, ngầm sai người mời Đại Vương. Đại Vương sai người từ tạ. Sứ giả đi về hai lần. Sau đó Đại Vương lên đoàn xe gồm có sáu cỗ. Tháng chín nhuận, ngày cuối tháng là ngày kỷ dậu, xe đến Trường An. Đại Vương ở tại cung riêng của mình. Các quan đại thần đều đến yết kiến dâng ấn thiên tử lên Đại Vương, tất cả cùng nhau tôn làm thiên tử. Đại Vương mấy lần từ tạ, quần thần cố nài, sau đó Đại Vương mới ưng thuận.

Đông Mâu Hầu Hưng Cư nói: - Trong việc giết họ Lữ tôi không lập được công lao gì, xin được phép dọn dẹp cung điện.

Bèn cùng quan thái bộc là Nhữ Âm Hầu Đằng Công vào cung, đến trước mặt Thiệu Đế nói: - Túc hạ không phải họ Lưu, không có quyền làm vua.

Bèn quay lại, ra hiệu cho những người cầm giáo xung quanh hãy vất binh khí xuống đất mà lui ra. Có mấy người không chịu vất binh khí. Người cầm đầu các hoạn quan là Trương Trạch ra lệnh cho họ, họ cũng vất binh khí luôn. Đằng Công bèn sai lấy cái xe ngựa của nhà vua chở Thiệu Đế ra.

Thiệu Đế hỏi: - Ông muốn chở tôi đi đâu?

Đằng Công nói: - Đi ra đến chỗ nghỉ.

Thiệu Đế nghỉ ở thiếu phủ.

[07]

BÌNH CHUẨN THU'

[Bình Chuẩn là tên một chức quan đời Hán có mục đích mua hàng hóa nhân dân khi rẻ và bán lại khi đắt để làm cho giá thị trường khỏi chênh lệch quá và người mua khỏi bị bóc lột quá đáng. Bài này rất nổi tiếng và thường được nhắc đến với tính cách một công trình đầu tiên về kinh tế học của Trung Quốc.]

- [1. Tình hình kinh tế những năm trước Hán Vũ Đế](#)
- [2. \(?\)](#)
- [3. Kinh tế nguy khốn do chính sách xâm lược gây ra](#)
- [4. Tình hình kinh tế nguy ngập](#)
- [5. Các biện pháp bổ cứu tình trạng thiếu hụt](#)
- [6. Biện pháp của Tăng Hoàng Dương](#)
- [7. Lời bàn của tác giả](#)

1. Tình hình kinh tế những năm trước Hán Vũ Đế

Nhà Hán nổi lên thừa kế những điều tệ hại của nhà Tần. Những người mạnh khỏe thì phải phục vụ trong các hàng ngũ quân đội, những người già yếu thì phải lo vận chuyển lương thực. Việc làm khó nhọc mà tiền của thì thiếu thốn. Ngay thiên tử cũng không có cỗ xe tứ mã có bốn con ngựa cùng màu, còn tướng quân, thừa tướng thì đôi khi đi xe bò. Dân thường không có của để cất giấu. Nhà vua nhận thấy tiền của nhà Tần quá nặng, khó dùng nên đổi đi, sai dân đúc tiền: vàng thì một cân là đơn vị. Pháp luật trở thành đơn giản, bỏ bớt những điều cấm đoán, cho nên bọn làm trái phép và tham lợi cất giấu những của cải thừa để bán làm cho vật giá cao vọt lên: gạo lên đến một vạn đồng tiền một thạch, một con ngựa một trăm cân vàng [*Nhận xét nào cũng chính xác và dựa trên những con số cụ thể.*].

Đến khi thiên hạ đã bình định, Cao Tổ bèn ra lệnh không cho những người đi buôn được mặc đồ tơ, đi xe, đánh thuế họ nặng để làm khốn nhục họ [*Như vậy là tầng lớp thương nhân không được tham dự vào chính trị.*]. Thời Hiếu Huệ và Lữ Hậu, thiên hạ mới bình định, cho nên lại nói luật lệ đối với những người buôn bán, nhưng con cháu những người buôn bán vẫn không được làm quan lại. Người ta tính số tiền để nuôi quan lại và số tiền chi dùng, rồi căn cứ vào đó mà đánh thuế thân của dân [*Nguyên văn - "phú u dân", "phú" là thứ thuế thân, còn "thuế" là thuế sản vật.*]. Còn những món lợi do việc đánh thuế và lấy tô về núi, sông, vườn, ao, chợ búa, thì từ thiên tử trở xuống đến các vương và những người có đất phong ở các ấp đều được dùng làm của riêng để cung cấp cho mình, chứ không đem tiêu dùng vào việc thiên hạ. Số thóc vận chuyển từ Sơn Đông đến để cung cấp cho các quan ở trong kinh đô mỗi năm không quá vài chục vạn thạch. Đến thời Hiếu Văn, tiền "giáp" quá nhẹ, nhà vua bèn đổi đúc thứ tiền bốn thù nhưng chữ trên đồng tiền lại đề là nửa lạng [*Nửa lạng là 12 thù. Như vậy trọng lượng của tiền thực chỉ bằng một phần ba trọng lượng trên danh nghĩa.*] và cho phép dân tha hồ đúc tiền. Vì vậy Ngô Vương là chư hầu nhờ lấy được đồng ở núi để đúc tiền mà giàu hơn cả thiên tử. Về sau Ngô Vương làm phản. Đặng Thông làm đại phu cũng nhờ việc đúc tiền mà nhiều của cải hơn bậc vương giả. Cho nên lúc bấy giờ tiền của họ Ngô, họ Đặng tràn ngập cả thiên hạ. Do đó, có lệnh cấm đúc tiền.

Quân Hung Nô mấy lần vào cướp bóc xâm phạm biên giới phía bắc, số người đi đóng đồn và đi thú rất nhiều, số lúa ở biên giới không đủ để cung cấp. Do đó nhà vua mộ dân, ai có thể nộp và đưa lúa ra biên giới thì được phong chức tước. Tước được phong đến tả thứ trưởng.

Thời Hiếu Cảnh, từ Thượng Quận về phía tây bị hạn hán, nhà vua lại ra lệnh cho bán chức tước, nhưng lần này hạ giá bớt để lôi kéo dân. Những

người bị đày và có tội nhẹ có thể chuộc tội bằng cách vận tải thóc cho quan đại phương. Nhà vua sai làm thêm vườn, chuồng ngựa, để có nhiều ngựa mà dùng, xây thêm các cung thất và các quán, số xe ngựa cũng tăng thêm.

2. (?)

Đến khi kim thượng [*Thời Hán Vũ Đế tức là thời của tác giả.*] lên ngôi, mấy năm đầu đúng vào lúc nhà Hán trong vòng bảy mươi năm nước nhà vô sự [*Tác giả trình bày tình trạng giàu có lúc đầu thời Vũ Đế để chuẩn bị nói đến tình trạng đói khổ loạn lạc về sau.*] trừ phi gặp lụt lội, hạn hán còn thì nhân dân đều no đủ. Các kho lúa ở kinh đô và ở các nơi đều đầy, mà kho đụn thì thừa của cải. Tiền ở kinh đô xếp kể hàng trăm triệu. Lãi xâu mục không thể đếm được. Thóc ở kho lớn lớp lớp chồng lên nhau, đầy rẫy, tràn ụa ra ngoài đến nổi mục nát ăn không được. Dân chúng có ngựa hàng đàn trên các đường ngõ. Kẻ cưỡi ngựa cái bị gạt không được đến đám đông. Kẻ coi các cổng làng, cổng xóm bữa ăn đều có gà có thịt [*Bài này đầy những nhận xét tỉ mỉ và sâu sắc*]. Kẻ làm lại, làm đến lúc con và cháu lớn lên [*Ý nói làm quan không thay đổi chức đến nỗi lúc cháu lớn lên cũng vẫn làm chức ấy.*], kẻ làm quan lấy chức làm họ. Cho nên ai nấy đều tự yêu mình, sợ phạm pháp luật, ham làm việc nhân nghĩa lo tránh sỉ nhục.

Lúc bấy giờ lưới pháp luật thưa mà dân giàu. Bọn cậy của kiêu căng có khi gờm, nuốt nhau. Bọn cường hào cậy thế ăn hiếp ở làng xóm. Các tôn thất đều có đất riêng. Công, khanh, đại phu, trở xuống đua nhau xa xỉ: nhà cửa, xiêm áo, xe ngựa lên cả bậc trên không chừng mực. Việc đời thịnh rồi suy, lẽ biến đổi cố nhiên phải thế.

3. Kinh tế nguy khốn do chính sách xâm lược gây ra

Từ đó về sau, bọn Nghiêm Trọng, Chu Mãi Thần gọi dân Đông Âu đến và theo đuổi hai nước Việt [*Vua Đông Âu bị vua Mân Việt đánh, Vũ Đế cho di 4 vạn người Đông Âu vào giữa miền sông Trường Giang và sông Hoài. Hai nước là Mân Việt Đô ở Phúc Châu và Nam Việt Đô ở Quảng Châu.*]. Vùng giữa sông Trường Giang và sông Hoài xơ xác và phiến phí. Đường Mông, Tư Mã Tương Như mở lối sang các rợ miền tây nam, phía núi thông hơn nghìn dặm đường để mở rộng đất Ba, đất Thục. Dân đất Ba, đất Thục ví thế mệt nhọc. Bành Ngô Giả diệt Triệu Tiên đặt ra quận Thượng Hải. Vì vậy miền Yên, Tề nhón nhác rung động. Sau đó Vương Khôi lại bày mưu ở Mã Ấp [*Vương Khôi giả vờ hòa thuận với Hung Nô, lừa quân Hung Nô đến Mã Ấp để đánh úp. Nhưng vua Hung Nô biết được mưu ấy.*], Hung Nô bỏ dứt việc hòa thân, xâm lấn miền bắc. Việc binh kéo dài không khi nào hết. Thiên hạ khổ về những việc khó nhọc ấy mà cảnh can qua lại ngày càng lan rộng. Người đi trận phải mang xách, kẻ ở phải lo vận chuyển lương thực. Trong ngoài xao xuyến về việc phải lo cung đón cho nhau. Trăm họ thì cùng kiệt, tìm cách lẩn trốn. Của cải hao hụt không sao đủ được. Điều đó khiến cho kẻ quyên tiền thì được làm quan, kẻ nộp bạc thì được miễn tội. Phép tuyển cử dần dần bỏ. Liêm sĩ bị coi thường. Võ lực được tiến dụng. Kết quả pháp luật trở nên nghiêm, mệnh lệnh thành khẩn khe và từ đó bọn bày tôi gây lợi xuất hiện [*Đây là chỉ Tang Hoảng Dương, Khổng Cản (xem đoạn 5).*].

Sau đó, các tướng nhà Hán mỗi năm đem mấy vạn quân kỵ đánh quân Hồ, xa kỵ tướng quân là Vệ Thanh, lấy đất ở phía nam của Hung Nô, xây Sóc Phương [*Nhìn chung những điểm lớn về kinh tế thời Hán Vũ Đế. Những điểm này sẽ được phát triển ở dưới.*].

Bấy giờ, Hán mở rộng đường giao thông với các rợ di ở tây nam, người làm đường tới mấy vạn. Dân phải gánh gồng mang lương thực từ ngoài ngàn dặm đến, trung bình cứ đem đi hơn mười chung thì đến nơi chỉ còn một thạch [*Mười chung là 64 thạch. Như vậy chỉ một phần 64 đến nơi.*]. Nhà vua sai đem của cải phát cho những người ở đất Cùng và đất Bắc để chiêu tập họ. Làm mấy năm vẫn chưa mở xong được con đường này. Nhưng các man và đi lại thừa cơ ấy mấy lần đánh. Các quan lại phải đem quân đi đánh dẹp. Nhà vua nhận thấy dù lấy tất cả tô và thuế đất Ba đất Thục cũng không đủ để cung vào việc chi phí nên sai mộ những người giàu đến cày ở đất Nam Di. Những người này đưa thóc cho quân địa phương và nhận tiền ở kinh đô. Phía đông, nhà vua lại sai đặt quận Thượng Hải. Phí tổn về việc dời dân đến đây cũng tương tự như việc dời dân đến Nam Di. Nhà vua sai hơn mười vạn người xây thành [*Đây là xây thêm vào Vạn lý trường thành.*] để giữ Sóc Phương, việc chuyên chở đường sông rất xa. Tất cả những người ở phía

đông núi đều mệt nhọc. Tốn kém đến gần mười tỷ đồng tiền. Kho lại càng trống rỗng. Nhà vua bèn mộ dân, nói những người nào có thể cấp bọ nô và tỳ cho nhà nước thì suốt đời không phải nộp thuế thân, nếu họ đã làm quan lang rồi thì sẽ được thăng trật. Việc nộp cừu mà được làm quan lang là bắt đầu từ lúc ấy [*Nhận xét mĩa mai.*].

Bốn năm sau (124 trước công nguyên) Hán sai đại tướng quân [*Tức Vệ Thanh.*] đem hơn mười vạn quân, sáu vị tướng quân, đánh Hữu Hiền Vương bắt 15 nghìn tù binh [*Cầm đầu Hung Nô là Thiên Vu dưới Thiên Vu có Hữu Hiền Vương và Tả Hiền Vương.*]. Năm sau, đại tướng quân lại đem sáu vị tướng quân đánh quân Hồ bắt được một vạn chín nghìn tù binh, người nào chém hay bắt được quân Hồ thì được thưởng vàng. Tiền thưởng đến hơn hai mươi vạn cân vàng. Mấy vạn tù binh đều được hậu thưởng, cho ăn mặc, tất cả đều do quan địa phương cung cấp. Trái lại quân và ngựa của Hán chết hơn mười vạn, đó là chưa nói đến tiền phí tổn về vũ khí và vận chuyển bằng đường thủy và đường bộ. Vì bao nhiêu tiền tích trữ ở quan đại tư nông [*Chức quan phụ trách nông nghiệp và tài chính.*] đều cứ kiệt dần, tiền thuế dùng hết cũng không đủ để cung cấp cho binh sĩ nên các quan phụ trách mới nói với thiên tử. Thiên tử nói: - Trẫm nghe nói Ngũ Đế dạy dân không lặp lại việc làm của nhau nhưng nước vẫn trị. Các vua Hạ Vũ và Thành Thang pháp luật không giống nhau mà vẫn làm vương, đường họ đi khác nhau nhưng đức họ lập nên thì vẫn là một. Biên giới phía bắc chưa yên, trẫm rất lấy làm lo lắng. Gần đây đại tướng quân đánh Hung Nô vừa chém vừa cầm tù một vạn chín nghìn tên. Người giàu cất giấu của cải thì người nghèo không có mà ăn [*Để bào chữa cho lý do tại sao lại cho mua chức quan. Mục đích của nó là để người giàu đưa của cải ra.*].

Nhà vua bèn ra lệnh cho dân được mua chức tước và chuộc những điều cấm đoán không cho làm quan [*Chẳng hạn điều cấm đoán đối với thương nhân ở đoạn 1.*], được lấy tiền xin chuộc và giảm tội. Các quan tâu xin đặt những thưởng quan. Mệnh của nhà vua nói: tước Vũ Công thì phải nộp 17 vạn đồng tiền. Tất cả số tiền bán tước lên đến ba mươi vạn cân vàng. Trong những người mua tước Vũ Công, ai thuộc hàng "quan thủ" thì được thử cho làm lại và bổ làm quan trước. Cấp "thiên phu" thì tiền ngang cấp ngũ đại phu [*Theo trật tự trong quân đội thì "quan thủ" đứng vào hàng thứ năm, "thiên phu" đứng vào hàng thứ bảy, còn "ngũ đại phu" đứng vào hàng thứ chín. Tất cả có mười bậc.*]. Người có tội thì được giảm hai bậc, có thể mua tước đến nhạc khanh. Làm như thế để nêu rõ quân công, những người có quân công lớn thì phong làm hầu, khanh, đại phu, người quân công nhỏ thì phong làm lang, làm lại. Con đường đi đến chức quan phức tạp và lắm cách cho nên chức quan mất giá trị.

4. Tình hình kinh tế nguy ngập

Từ khi Công Tôn Hoảng nhờ việc giải nghĩa Kinh Xuân Thu gò bó kẻ tội mà làm đến thừa tướng nhà Hán, từ khi Trương Thang dùng lối văn án nghiêm khắc, gắt gao mà được làm đình úy thì đạo luật về cái tội "kiến tri" [*Quan lại thấy ai biết mà không tố giác thì khấp vào tội "kiến tri" (thấy biết).*] sinh ra, và người ta trừng trị hết sức nặng những người cản trở hay phi báng mệnh lệnh của nhà vua.

Năm sau, âm mưu của Hoài Nam Vương, Hành Sơn Vương, Giang Đô Vương làm phản bại lộ. Bọn công khanh bới lông tìm vết để trừng trị và tiêu diệt bè đảng của họ. Số người bị giết đến mấy vạn. Bọn trướng lại càng nghiêm khắc, tàn nhẫn, pháp luật, mệnh lệnh lại càng rạch ròi chi ly. Lúc bấy giờ nhà vua đang đề cao khuyến khích những người tài giỏi, chính trực văn học, có người làm đến công khanh, đại phu. Công Tôn Hoảng làm thừa tướng nhà Hán, mặc áo vải, không ăn hai món, muốn nêu gương cho thiên hạ nhưng không có ích gì đối với phong tục. Dần dần người ta xô đẩy nhau chạy theo công danh, lợi lộc.

Năm sau, tướng phiêu kỵ [*Đây chỉ Hoắc Khứ Bệnh.*] lại đem quân đánh quân Hồ bắt được bốn vạn người. Mùa thu năm ấy, vua Hồn Gia đem mấy vạn người vào hàng. Nhà vua sai đem hai vạn cỗ xe đón rước họ. Khi họ đến, lại được ban thưởng. Năm ấy, số tiền cấp cho những người có công lên đến hơn một vạn triệu đồng tiền.

Trước đây mười năm, sông Hoàng Hà vỡ đê ở huyện Quan, đất Lương và đất Sở đã mấy lần bị khốn khổ, còn các quận ở ven sông trước đây đã đắp đê để giữ nước, mỗi khi đê vỡ lại phí tổn không thể kể xiết. Sau đó, Phiên Huệ muốn giảm bớt việc chuyên chở bằng đường sông qua Đê Trụ, sai đào sông đào xuyên qua sông Phàn và sông Hoàng Hà, và lợi dụng con sông đào ấy để tưới ruộng. Số người làm đến mấy vạn. Trịnh Đương Thời cho rằng con sông đào của sông Vị quanh co và xa nên sai đào một con sông chạy thẳng từ Trường An đến Hoa Âm, người làm đến mấy vạn. Ở Sóc Phương cũng đào một con sông đào có mấy vạn người làm. Mỗi việc như thế đều kéo hai ba năm nhưng vẫn chưa xong và đều phí tổn gần nghìn triệu.

Thiên tử muốn đánh quân Hồ, nên sai nuôi rất nhiều ngựa, ngựa chẵn ở Trường An đến mấy vạn con, lính ở Quan Trung không đủ người chăn nuôi bèn điều động những người ở các quận gần đấy.

Lại thêm những người Hồ đã đầu hàng đến, việc ăn mặc của họ đều do quan sở tại. Quan sở tại cung cấp không đủ. Nhà vua bớt việc ăn uống của mình, tháo xe xe tứ mã, đem những của cải cất giấu trong kho riêng của mình ra cho để cứu tình trạng này.

Năm sau, phía đông núi bị nạn lụt, dân nhiều người bị thiếu ăn. Thiên tử

bèn sai sứ giả đốc tất cả kho lúa trong các quận và các nước để phát chẩn cho dân nghèo nhưng vẫn không đủ, lại kêu gọi những người giàu có cho vay, nhưng dân chúng vẫn không cứu được nhau. Nhà vua bèn cho dời dân nghèo đến phía tây Quan Trung và phía nam đất Sóc Phương ở Tân Tần, tất cả bảy mươi vạn miệng ăn, việc ăn mặc đều do quan địa phương cung cấp. Trong mấy năm, người ta cấp cho họ sản nghiệp. Các sứ giả phân họ ra từng bộ phận để coi sóc. Các quan đông đến nổi mũ lọng liền nhau, tiền phí tổn đến hàng ức không sao kể xiết.

5. Các biện pháp bổ cứu tình trạng thiếu hụt

Do đó, quan địa phương hết sạch tiền, nhưng bọn con buôn nhà giàu và chủ những cửa hiệu lớn thì có kẻ cất giấu của cải để nô dịch người nghèo, chở hàng trăm xe những đồ tích trữ không dùng cất ở ấp. Các vị vua có đất phong đều cúi đầu xin họ cung cấp. Trong việc đúc tiền và nấu muối, có những người có hàng vạn cân vàng nhưng họ vẫn không giúp nước trong lúc nguy cấp và dân nghèo lại càng nghèo khổ. Do đó, thiên tử và cửu khanh bàn nhau thay đổi tiền làm ra "tệ" [*"Tệ" chỉ bất kỳ vật gì có thể thay tiền mặt.*] để chi dùng đồng thời trừng trị bọn hoang dâm và bọn chiếm đoạt. Lúc bấy giờ trong vườn cấm của nhà vua có con nai trắng, trong kho riêng của nhà vua lại có nhiều thiếc và bạc. Từ thời Hiếu Văn đã nghĩ ra cách đúc nhiều thứ tiền bốn thù đến nay đã hơn bốn mươi năm nhưng từ niên hiệu Kiến Nguyên đến nay, người ta ít dùng thứ tiền ấy. Các quan địa phương có nhiều người đến những núi đồng để đúc tiền, trong nhân dân cũng đúc trộm tiền, cho nên số tiền tính không xuể.

Tiền càng nhiều và mất giá, hàng hóa càng ít và quý [*Tư Mã Thiên có những suy nghĩ rất sâu sắc.*]. Quan phụ trách nói: - Đời xưa có thứ tiền bằng da, chừ hầu dùng thứ tiền ấy để biểu. Có ba loại kim khí. Cao nhất là vàng, rồi đến kim khí trắng (bạc) là thứ hai, kém nhất là kim khí đỏ (đồng). Nay tiền danh nghĩa là một nửa lạng nhưng thực ra chỉ nặng bốn thù, thế mà bọn giàu hay bọn ăn trộm còn mài tiền ở phía trong để lấy bớt kim khí mà đúc thêm. Tiền càng nhẹ và mỏng thì vật giá càng quý, như thế ở phương xa dùng tiền tệ rất phiền và tốn kém.

Bèn sai cắt da con nai trắng ra thành từng mảnh vuông mỗi bề một thước, xung quanh viền rong biển, định giá mỗi miếng da như vậy là bốn mươi vạn đồng tiền. Các vương hầu, tôn thất đến châu, đều phải dâng ngọc bích đặt trên thứ tiền ấy, sau đó mới được đi. Lại làm thứ tiền bằng bạc pha thiếc gọi là kim khí trắng. Người ta cho rằng ở trên trời thì không gì bằng con rồng, ở dưới đất thì không gì bằng con ngựa, vật người ta dùng thì không gì quý bằng con rùa. Cho nên có ba thứ kim khí trắng: loại thứ nhất, nặng tám lạng hình tròn, có khắc rồng, tên gọi là bạch tuyền, giá ba nghìn, loại thứ hai, nặng ít hơn, hình vuông vẽ hình con ngựa, giá năm trăm, loại thứ ba, nhỏ hơn nữa, hình chữ nhật, vẽ hình rùa, giá ba trăm. Sai các quan địa phương đúc tiền nửa lạng thay thứ tiền ba thù, chữ đề bao nhiêu thì nặng bấy nhiêu. Kẻ nào đúc trộm tiền các loại thì bị tội chết. Nhưng quan lại cũng như nhân dân vẫn đúc trộm "kim khí trắng" không kể xiết.

Do đó, nhà vua cho Đông Quách Hàm Dương và Khổng Càn làm đại nông thừa để lo việc muối và tiền, cho Tang Hoảng Dương được làm thị trung để tính toán. Hàm Dương là một người nấu muối lớn ở Tề, Khổng Càn

là một người nấu kim khí lớn ở Nam Dương. Họ đều có sản nghiệp ngàn cân vàng cho nên Trịnh Đương Thời tiến cử với nhà vua. Tang Hoằng Dương là con một nhà bán hàng ở Lạc Dương giỏi tính nhẩm, nên năm 13 tuổi làm thị trung [*Cả ba đều là thương nhân.*]. Ba người này khi bàn việc lợi thì phân tích đến chân tơ kẽ tóc.

Vì pháp luật ngày càng nghiêm ngặt nên quan lại nhiều người bị giáng và bị bãi. Việc chiến tranh lại xảy ra luôn. Nhân dân nhiều người xuất tiền để miễn giao dịch và mua tước ngũ đại phu. Số người bị trưng dụng đi hành dịch ngày càng ít. Do đó, bỏ những người tước thiên phụ, ngũ đại phu làm lại, những người nào không muốn thì phải nộp ngựa [*Người ta sợ làm quan vì pháp luật rất nghiêm để phạm tội. Bây giờ phải nộp tiền để khỏi làm quan.*], những người trước đây làm lại đều phải đi cắt cỏ ở Thượng Lâm, đào ao Côn Minh. Năm sau (119 trước công nguyên) đại tướng quân và phiêu kỵ tướng quân đem đại quân ra đánh quân Hồ bắt được tám chín vạn tên, được thưởng năm mươi vạn cân vàng, quân Hán chết hơn mười vạn con ngựa. Đó là chưa nói đến khoản tốn kém về việc vận chuyển bằng xe và bằng đường sông. Lúc bấy giờ của cải thiếu, quân sĩ nhiều người không được lương.

Quan phụ trách nói: - Tiền ba thù nhẹ, dễ làm gian, xin các quận và các nước đúc tiền năm thù, xung quanh có vành tròn để không thể mài lấy đồng đi mà đúc thêm tiền.

Các quan giúp việc đại nông về việc muối và sắt là Khổng Cản và Hàm Dương nói với nhà vua: - Núi và biển là nơi cất giấu của cải của trời đất, nên cho nó thuộc vào kho riêng của nhà vua. Bộ hạ không lấy làm của riêng của mình mà cho nó thuộc vào đại nông như thế đã làm tăng của công. Xin mộ dân tự do lấy phí tổn, dùng các khí mảnh của quan để nấu muối và cho quan mượn chậu. Những người làm nghề tạm bợ muốn lũng đoạn cái lợi của núi và biển để làm giàu bắt dân phải nô dịch theo mình.

Họ đưa rất nhiều cách cản trở những người này, người nào dám đúc đồ sắt cho mình và nấu muối riêng cho mình thì bị xích chân trái, tịch thu dụng cụ. Ở những quận không sản xuất sắt thì đặt quan "tiểu thiết". Những người này phụ thuộc vào huyện của họ. Nhà vua sai Khổng Cản, Đông Quách Hàm Dương đi xe trạm khắp thiên hạ lo việc muối và sắt, đặt những quan phủ [*Chức quan coi về sắt và muối.*], cho những người trước đây làm nghề muối và sắt mà giàu có được làm quan. Cách làm quan lại càng phức tạp, không đặt vấn đề chọc lọc và có nhiều người con buôn trong số quan lại. Những người thương nhân và bán hàng vì tiền tệ thay đổi luôn nên nhiều người chứa chất hàng hóa để kiếm lời [*Nhận xét thú vị.*]. Do đó các công khanh nói: - Các quận và các nước nhiều lần bị thiên tai thiệt hại, dân nghèo không có sản nghiệp được mộ đi đến những nơi béo bở và rộng rãi. Bộ hạ bớt ăn giảm tiêu,

đem tiền của mình để giúp cho dân chúng, tha thuế thân và tha nợ, nhưng dân không phải tất cả đều làm ruộng, những người buôn bán rất đông. Người nghèo không cất giấu được gì đều nhờ quan ở quan địa phương. Trước kia người ta đánh thuế những xe nhỏ (của những người đi buôn) thì số tiền của những người đi buôn cũng bớt đi, vậy xin đánh thuế như trước. Những người buôn lo cái việc ngon, mua sỉ và cho vay, lo cất giấu ở thành phố, tàng trữ để lấy lời, cũng như những người đi buôn để kiếm lời thì dù cho không ở trong số những người buôn bán ở chợ, cũng đều phải ước lượng của cải của họ. Cứ hai nghìn đồng tiền vốn thì phải nộp một "toán" [*Hai mươi đồng.*]. Còn những thợ thủ công cất giữ những vật liệu để sau này làm các đồ dùng để bán thì cứ bốn nghìn đồng vốn lấy một "toán" [*Có sự phân biệt về thuế giữa thương nhân và thợ thủ công.*]. Những người không phải quan lại, nhưng có thể xem như quan lại là các tam lão [*Xem chú thích ở Cao Tổ bản kỷ.*] hay kỵ sĩ ở biên giới, nếu có một cái xe nhỏ thì phải nộp một "toán", thuyền to năm trượng trở lên nộp một "toán". Ai giấu diếm không khai hay khai không đủ thì đưa ra biên giới đi thú một năm và lấy tất cả gia sản. Ai tố cáo ra thì thưởng cho một nửa, những người bán hàng có tên trong sổ và những người bà con của họ đều không được có ruộng theo tên của mình, như thế để lợi cho những người cày, ai dám phạm lệnh thì sung công tất cả ruộng và tơi tở của họ.

Thiên tử bảy giờ nghĩ đến lời của Bốc Thức nên mời Bốc Thức làm trung lang, tước tả thứ trưởng thưởng cho mười khoảnh ruộng và báo cáo điều đó với thiên hạ để cho mọi người biết. Bốc Thức là người Hà Nam lo việc chăn nuôi và làm ruộng. Khi cha mẹ chết đi, Thức có một người em nhỏ. Khi người em lớn lên, Thức nhường tất cả gia tài cho em chỉ lấy một trăm con cừ, còn ruộng vườn, cửa nhà, cửa cải đều cho em hết. Thức vào núi chăn cừ hơn mười năm. Số cừ lên đến hàng nghìn con. Thức mua ruộng vườn nhà cửa, trái lại người em thì lại phá hết cả sản nghiệp. Thức lại chia gia sản cho em. Làm như thế đến mấy lần. Lúc bấy giờ, nhà Hán đã mấy lần sai tướng quân đánh Hung Nô. Bốc Thức dâng thư xin nộp một nửa gia sản cho quan địa phương để giúp vào việc biên giới. Thiên tử sai sứ giả hỏi Thức: - Có muốn làm quan không?

Thức đáp: - Tôi từ nhỏ chỉ chăn nuôi không quen làm quan nên không muốn.

- Thế trong nhà có điều gì oan ức muốn bày tỏ không?

- Tôi bình sinh không tranh chấp với ai, trong làng xóm có ai nghèo thì tôi cho mượn, có ai hư hỏng thì tôi dạy dỗ, những người ở nơi tôi đều nghe theo tôi. Thức có việc gì mà bị người ta làm oan uổng, tôi không có gì muốn nói.

- Thế ông muốn gì?

- Thiên tử giết Hung Nô, tôi là người ngu dại cho rằng người hiền thì nên chết vì bốn phạm ở biên giới, người có của cải thì nên đem nộp. Như vậy mới có thể tiêu diệt được Hung Nô.

Sứ giả kể lại đầu đuôi những lời Bốc Thức nói với thiên tử. Thiên tử nói với thừa tướng. Thừa tướng Công Tôn Hoảng nói: - Đó không phải là tình cảm tự nhiên của con người, như thế là ngược đời. Thần không thể vì ông ta mà thay đổi, làm rối loạn pháp luật, xin bệ hạ đừng nghe ông ta.

Do đó, nhà vua lâu không trả lời Bốc Thức. Được mấy năm nhà vua lại bãi Thức. Thức trở về nhà, lại lo cày ruộng chăn nuôi được hơn một năm. Nhân lúc quân nhà Hán mấy lần ra đánh, vua Hồn Gia đầu hàng, quan địa phương tiêu tốn kém, các kho lúa trống không. Năm sau dân nghèo bị dời đi hàng loạt, tất cả chỉ nhờ quan địa phương cung cấp nhưng quan địa phương không sao cung cấp đủ. Bốc Thức mang hai mươi vạn đồng tiền đưa cho quan thái thú Hà Nam để cấp cho những người dân bị dời đi. Quan thái thú Hà Nam dâng lên cho nhà vua xem danh sách những người giàu đã giúp đỡ người nghèo. Nhà vua thấy có tên Bốc Thức sự nhớ lại, nói: - Đây hẳn là con người trước đây muốn nộp nữa gia sản để giúp vào việc biên giới.

Bèn thưởng cho Bốc Thức được hưởng số tiền bốn trăm người nạp để được miễn giao dịch. Thức lại đem tất cả số tiền ấy cho quan địa phương. Lúc bấy giờ những người giàu có và tai mắt đều đua nhau giấu diếm của cải, chỉ có Thức đem của mình nộp để giúp vào việc chi tiêu, vì vậy nhà vua cho rằng Thức trước sau là bậc trưởng giả cho nên đề cao Thức để cho trăm họ bắt chước.

Lúc đầu, Thức không muốn làm quan lang, nhà vua nói: - Trong vườn Thượng Lâm ta có cừ, ta muốn sai nhà ngươi chăn.

Thức bèn lạy và làm quan lang. Thức mặc áo vải, đi guốc chăn cừ. Được hơn một năm, cừ béo và sinh đẻ nhiều. Nhà vua đến xem cừ của mình thì khen.

Thức nói: - Không phải chỉ riêng việc nuôi cừ mà thôi đâu, việc cai trị dân cũng như thế. Cho họ dậy làm việc và đi ngủ đúng lúc, người nào xấu thì đuổi đi, đừng cho họ làm hại cả đoàn.

Nhà vua cho Thức là người kỳ lạ bèn cho làm quan lệnh ở Hâu Thị để xem thử. Dân Hâu Thị thích Bốc Thức, nhà vua bèn cho Thức làm quan lệnh ở Thành Cao lo việc vận chuyển đường sông - rất có công trạng. Nhà vua cho Bốc Thức là người trung bèn cho làm thái phó của Tề Vương.

Sau khi Khổng Cản sai thiên hạ đúc và làm đồ bằng sắt được ba năm, ông ta được bổ làm đại nông và thuộc vào hàng cửu khanh. Còn Tang Hoảng Dương thì làm đại nông thừa coi việc tính toán. Hai người dần dần đặt những

"quân thân" [*Chức quan, nghĩa đen là làm cho đều và chuyên chở nhiệm vụ là làm bình ổn vật giá.*] để lưu thông hàng hóa. Lần đầu nhà vua ra lệnh cho quan lại được nộp lúa để làm quan lang đến chức lương sáu trăm thạch.

Sau khi làm thứ kim khí trắng năm thù được năm năm thì tha những người quan lại và dân chúng phạm vào tội đúc trộm tiền. Số người chết về việc đúc tiền đến mấy mươi vạn. Những người giết lẫn nhau không bị phát giác thì không kể xiết. Từ khi lệnh ân xá ban ra, những người được tha đến hơn trăm vạn, nhưng con số này chưa đến một nửa những người bị bắt. Hầu hết mọi người trong thiên hạ đều liều lĩnh đúc tiền. Kẻ phạm tội nhiều quá, quan lại bắt và giết không hết. Do đó vua sai bọn bác sĩ Chử Đại, Tử Yển chia nhau thành từng đoàn đi khắp các quận và các nước trừ bỏ những bọn cướp đoạt của cải người khác và các quan ở các nước, các quận [*Nguyên văn "thú, tướng", thú là quan coi một quận, tướng là vị quan giúp một "vương" coi một nước.*] có tội. Ngự sử đại phu Trương Thang lúc bấy giờ rất được quý trọng và tin dùng. Bọn Giám Tuyên, Đỗ Chu làm trung thừa, bọn Nghĩa Tung, Doãn Tề, Vương Ôn Thư dùng hình phạt thảm khốc, độc ác mà được làm cửu khanh và bọn "trực chỉ" [*Chức quan có nhiệm vụ điều tra các tham quan ô lại.*] như Hạ Lan lần đầu xuất hiện. Quan đại nông Nhan Dị bị giết. Trước đây Nhan Dị làm đình trưởng ở Tế Nam nhờ liêm khiết chính trực nên được thăng chức đến cửu khanh. Sau khi nhà vua và Trương Thang làm ra thứ tiền da nai trắng, nhà vua hỏi Nhan Dị. Nhan Dị nói: - Ngày nay các vua và các hầu đến triều và chúc mừng mang ngọc bích màu xanh giá nghìn vàng, nhưng cái da để lót ở dưới khi dâng lên giá bốn mươi vạn. Như thế là gốc và ngọn không cân đối.

Nhà vua không bằng lòng. Trương Khanh lại có hiềm khích với Nhan Dị. Có người tố cáo Nhan Dị về một việc khác. Nhan Dị nói chuyện với khách, khách nói: - Lúc đầu lệnh ban ra có chỗ bất tiện.

Dị không đáp, hơi nhẹn môi. Trương Thang tâu lên nói: - Nhan Dị làm đến chức cửu khanh nhưng thấy lệnh không tiện lại không vào nói mà phỉ báng trong bụng. Dị bị ghép vào tội chết. Từ đó về sau mới có đạo luật về tội "phỉ báng trong bụng" [*Nhận xét khách quan nhưng rất mỉa mai.*]

Vì vậy công khanh, đại phu phần lớn siểm nịnh, a dua để được yên thân. Nhà vua đã ra lệnh về vấn đề tài sản của những người buôn và thợ thủ công [*Xem ở trên trong đoạn này.*] và đề cao Bốc Thức, nhưng trăm họ rất cuộc chẳng ai chia của cải để giúp quan địa phương. Do đó nhà vua cho phép tố cáo tài sản của những người buôn bán [*Nguyên văn "dẫn tiền": dẫn là tài sản của thương nhân và thợ thủ công, không phải do cày và nuôi tằm mà có.*] theo như lời tâu của Dương Khả. Trong các quận và các nước nhiều người đúc tiền giả, tiền phần lớn là nhẹ, các công khanh xin để kinh đô đúc thứ tiền

"chung quan" có vành đỏ, mỗi đồng giá bằng năm đồng tiền thường. Việc thuế và việc công nếu không có thứ tiền vòng đỏ này thì không được. Tiền kim khí trắng dần dần mất giá, dân không cho là quý và không dùng. Quan địa phương ra lệnh cấm nhưng không ăn thua. Được hơn một năm thì tiền kim khí trắng bị bỏ không dùng nữa. Năm ấy (115 trước công nguyên) Trương Thang chết nhưng dân không nghĩ gì đến ông ta.

Hai năm sau, dân đã nghĩ ra cách đúc tiền có vành đỏ cho nên dùng không tiện và thứ tiền này lại bị bỏ. Do đó, người ta cấm các quận và các nước không được đúc tiền mà chỉ giao cho ba ông quan ở Thượng Lâm chuyên trách việc đúc tiền. Tiền đúc nhiều nên có lệnh ban ra nói: trong thiên hạ không phải thứ tiền của ba ông quan này thì không được lưu hành, tất cả những thứ tiền đúc trước đây ở các quận và các nước đều bị bỏ và nấu chảy, đem đồng đưa cho ba vị quan. Việc dân đúc tiền cũng ít đi, vì xét ra việc phí tổn nhiều không bỏ công đúc, chỉ có những bọn đại gian và thợ chuyên nghiệp thì mới đúc trộm.

Bộc Thức làm thừa tướng nước Tề trong khi việc tố cáo gia sản của thương nhân do Dương Khả đề xướng phổ biến khắp thiên hạ. Những gia sản trung bình trở lên đều bị tố giác. Đỗ Chu xét xử họ. Những người vào ngục, ít người được tha. Nhà vua lại sai ngự sử, đình úy chính giám chia ra từng ban đến xét các quận và các nước về những gia tài của thương nhân, được của cải và tiền bạc của dân kể đến hàng ức, nô và tỳ hàng ngàn, vạn, ruộng ở huyện lớn vài trăm khoảnh, huyện nhỏ hơn trăm khoảnh, nhà cửa cũng thế. Do đó, bọn buôn bán từ hạng trung bình trở lên nói chung đều phá sản, dân lo ăn ngon mặc đẹp để qua ngày chứ không nghĩ đến việc cất giấu gây dựng gia sản nữa. Các quan địa phương nhờ có muối, sắt và gia sản của thương nhân cho nên của cải tiêu dùng càng nhiều.

Nhà vua mở rộng thêm Quan Trung đặt thêm hai miền phụ cận ở bên tả và bên hữu. Lúc đầu quan đại nông cai quản việc muối và sắt, đặt quan nhiều, đặt chức thủy hành để lo việc muối và sắt, đến khi Dương Khả đưa ra việc tố giác gia sản thương nhân thì của cải và sản vật ở Thượng Lâm rất nhiều, bèn cho quan thủy hành coi Thượng Lâm. Thượng Lâm cất của đầy tràn cho nên mở nó thêm rộng.

Lúc bấy giờ, quân Việt muốn dùng thuyền để tranh đua với quân Hán, nhà vua bèn sai đào rộng thêm và sửa sang ao Côn Minh, xung quanh là những lầu bao vây để xem, làm những lầu thuyền cao hơn mười trượng ở trên có cờ xí rất là tráng lệ. Nhà vua cảm thấy thích, bèn sai làm đài Bá Lương cao mấy mươi trượng, từ đáy cung thất xây càng đẹp. Lại chia số tiền lấy được của thương nhân cho các quan, các quan thủy hành, thiếu phủ, đại nông, thái bộc đều đặt những nông quan luôn luôn đến các quận và các

huyện, đến những ruộng đất đã tịch thu được để về cày cấy, còn những nô tỳ tịch thu được thì chia ra các vườn để nuôi chó, nuôi ngựa, chim và thú vật và cho các quan. Đặt rất nhiều viên quan mới [*Chỉ những viên quan mới đặt ra để quản lý các tài sản lấy được của thương nhân.*]. Người ta sai dòi nhiều bọn nô tỳ đi để lo việc vận chuyển trên sông, vận chuyển được bốn trăm vạn thạch, các quan tự mua thóc và có đủ thóc.

Sở Trung nói: - Con em các nhà dòng dõi cùng với những người giàu có, có người chơi chọi gà, cho chó săn chạy, chơi ngựa, săn bắn, đánh bạc, làm rối loạn dân lành.

Nhà vua bèn cho điều tra những người phạm tội này, họ tố cáo lẫn nhau đến mấy ngàn người. Người ta gọi họ là "những người mang tội chọi gà". Những người nào nộp bạc thì được làm quan lang, việc đề cử người làm quan lang càng kém sút [*Nộp bạc không những khỏi tội mà còn làm quan.*]. Năm ấy ở phía đông núi bị nước sông Hoàng Hà gây tai họa, lại thêm mất mùa. Như thế mấy năm, có người ăn thịt lẫn nhau ở trong một miền một, hai ngàn dặm vuông. Thiên tử thương xót ban chiếu nói: -Ở Giang Nam người ta đốt rẫy, dùng nước để giết cỏ [*Làm cỏ xong, cho nước vào, cỏ chết.*]. Cho phép dân bị đói kém được di cư đến kiếm ăn ở giữa miền Trường Giang và sông Hoài, ý muốn cho họ ở đấy.

Nhà vua lại sai các sứ giả đến để giúp đỡ cho họ, mũ và lọng của các sứ giả thấy lộ nhỏ trên đường. Nhà vua sai đem lúa từ đất Ba và đất Thục xuống để phát chẩn cho họ.

Năm sau (112 trước công nguyên), nhà vua bắt đầu đi tuần các quận và các nước. Nhà vua vượt sông Hoàng Hà ở phía đông, quan thái thú Hà Đông không ngờ nhà vua đến, nên không chuẩn bị trước, do đó tự sát. Nhà vua vượt qua đất Lũng Tây. Quan thái thú Lũng Tây vì việc nhà vua đi vội vàng, không cung cấp lương thực được cho các quan theo hầu thiên tử, nên cũng tự sát. Nhà vua bèn đi về phía bắc ra khỏi cửa Tiêu Quan, có mấy vạn quân kỵ đi theo, đi sẵn ở đất Tân Tần để khuyến khích binh sĩ đồn thú ở biên giới rồi trở về. Ở Tân Tần có khi đi nghìn dặm không có nơi canh phòng. Nhà vua vì vậy giết thái thú Bắc Địa và các thuộc hạ của ông ta rồi ra lệnh cho dân được phép chăn nuôi ở những huyện biên giới. Các quan cho họ mượn ngựa cái, sau ba năm thì trả ngựa lại, cứ được mười con ngựa con thì trả lại cho nhà nước một con. Việc tố cáo tài sản thương nhân bị bãi bỏ và việc tiêu dùng ở Tân Tần được đầy đủ.

Sau khi được cái vạc quý, nhà vua lập nhà thờ ở Thái Nhất để thờ Hậu Thổ và Thái Nhất. Các công khanh bàn việc phong thiện. Còn các quận và các nước trong thiên hạ đều chuẩn bị là đường, làm cầu, tu bổ lại những cung cũ. Ở những huyện xe ngựa nhà vua sẽ đi qua, các quan địa phương

chuẩn bị đón tiếp đầy đủ chờ đợi nhà vua đi đến. Năm sau (111 trước công nguyên), nước Nam Việt làm phản, Tây Khương xâm phạm cướp bóc ở biên giới. Nhà vua cho phía đông núi không đầy đủ lương thực, xá tội thiên hạ [*Mục đích là để sung những người tù làm lính. Quân đội đòi Hán một phần lớn là tù được tha vì đã chịu đi lính.*] dùng những thuyền lâu ở phương nam chở hơn hai mươi vạn quân đánh Nam Việt, đem mấy vạn quân kỵ từ Tam Hà qua phía tây đánh Tây Khương, lại sai mấy vạn người vượt qua sông Hoàng Hà xây thành Linh Cư. Lần đầu tiên đặt các quận Trương Dịch, Tử Tuyền, còn ở Thượng Quận, Sóc Phương, Tây Hà, Hà Tây thì đặt quan lo việc khai khẩn ruộng đất, đầy sáu mươi vạn binh lính đến làm ruộng và canh phòng ở đấy. Việc đắp đường vận chuyển cung cấp lương thực nơi xa nhất đến hai ngàn dặm, nơi gần nhất đến hơn ngàn dặm, tất cả đều nhờ quan đại nông cung cấp. Vì không có đủ binh khí đưa ra biên giới, nhà vua bèn sai phát những binh khí ở kho vũ khí do những người thợ nhà vua làm để cung cấp cho họ. Ngựa kéo xe và ngựa cưỡi thiếu thốn, quan địa phương ít tiền khó lòng mua được ngựa, nhà vua bèn ra lệnh từ các vua có đất phong trở xuống đến các quan lương ba trăm thạch lúa trở lên đều theo thứ bậc mà cấp ngựa cái. Trong các đình trong thiên hạ đều nuôi ngựa cái, do đó ngựa mỗi năm mỗi nhiều và tốt.

Thừa tướng nước Tề là Bốc Thức dâng thư nói: -Tôi nghe nói nhà vua lo thì bây tôi nhục, nay Nam Việt làm phản, cha con tôi xin tình nguyện đến đấy với những người Tề quen sử dụng thuyền quyết sống chết với họ.

Nhà vua ban chiếu nói: -Bốc Thức tuy lo cầu và chăn nuôi nhưng không phải để mưu lợi cho mình, hễ có của thừa là đem giúp cho quan địa phương để tiêu dùng. Nay thiên hạ không may có việc nguy cấp mà cha con Bốc Thức lại hăng hái tình nguyện xin chịu chết vì nạn nước. Tuy ông ta chưa ra đánh trận nhưng có thể thấy lòng trung nghĩa ở trong lời yêu cầu. Ban tước Quan nội hầu, thưởng cho sáu mươi cân vàng, mười khoảng ruộng.

Tờ chiếu được loan báo trong tất cả thiên hạ, nhưng thiên hạ không ai hưởng ứng. Liệt hầu có hàng trăm nhưng không ai muốn theo quân nhà vua để đánh quân Khương và quân Việt. Đến khi làm lễ hiến vàng vào lễ tế rượu, quan coi kho của nhà vua xét lại số vàng thì thấy các hầu mắc tội thiếu vàng hơn một trăm người [*Năm 112 trước công nguyên, Vũ Đế yêu cầu các hầu phải nộp một số vàng làm tế lễ (nhưng thật ra để có tiền đánh Nam Việt). Trong số 241 người có đến 106 người bị tội thiếu vàng.*]. Nhà vua bèn cho Bốc Thức làm ngự sử đại phu. Sau khi Bốc Thức làm chức này, ông ta nhận thấy các quận và các nước phần lớn không cho quan địa phương quản lý việc làm muối làm sắt là tiện, đồ sắt thì xấu, giá lại đắt, lại có người ép dân phải mua và bán muối và sắt, thuyền bị đánh thuế, người buôn ít, và vật giá đắt,

bèn dựa vào lời của Không Cần trình bày về việc đánh thuế thuyền. Do đó nhà vua không thích Bốc Thức.

Nhà Hán đánh nhau trong ba năm liền: diệt Khương, tiêu diệt Nam Việt, lần đầu tiên đặt 17 quận từ Phiên Ngung tới phía tây đến phía nam đất Thục. Lại theo tục cũ của họ mà cai trị, không bắt nộp các thứ thuế. Các quận từ Nam Dương, Hán Trung trở đi cứ theo thứ tự xa gần mà cung cấp cho các quận mới đặt. Các quan lại và binh sĩ có đủ lương ăn, tiền, đồ vật, xe và ngựa đầy đủ. Tuy vậy, các quận mới lập vẫn luôn luôn làm phản giết quan lại. Nhà Hán đem hơn một vạn binh lính và quan lại ở phương nam đến đánh mất một năm, tất cả việc tiêu dùng đều do quan đại nông cung cấp. Quan đại nông cung cấp đầy đủ là nhờ các "quân trâu" và nhờ ở chỗ đánh thuế muối và sắt. Nhưng nơi nào binh sĩ đi qua, các quan địa phương chỉ dám nói không để cho họ thiếu thốn chứ không dám nói làm theo đúng các đánh thuế như bình thường.

6. Biện pháp của Tăng Hoằng Dương

Năm sau (110 trước công nguyên) niên hiệu Nguyên Phong năm thứ I, Bốc Thức bị giáng làm quan thái phó của thái tử, còn Tang Hoằng Dương nhờ việc làm trị túc đô úy, được làm chức đại nông, thay Khổng Cẩn quản lý tất cả muối và sắt trong thiên hạ. Hoằng Dương cho rằng vì các quan tranh nhau buôn bán theo ý mình cho nên vật giá mới nhảy vọt và việc thuế khóa thu nhập trong thiên hạ có khi không đủ bù vào các phí tổn chuyên chở bèn xin nhà vua đặt mấy mươi người thuộc hạ của bộ phận đại nông, chia nhau cai quản các quận và các nước. Họ luôn luôn đến các huyện đặt các quan "quân thân" và các quan lo về muối và sắt, ra lệnh cho các phương xa đều nộp những sản vật của mình và những vật mà các thương nhân chuyên chở lúc giá đắt để thay thuế. Những người này lại chuyên chở sản vật cho nhau. Các quan "bình chuẩn" ở kinh đô có trách nhiệm nhận các hàng hóa trong thiên hạ và đưa đến các nơi, gọi những người thợ của nhà nước làm xe và các đồ vật cần cho việc vận chuyển và những người này đều do đại nông nuôi. Các quan ở bộ phận đại nông nắm tất cả vật sản trong thiên hạ, khi đắt thì bán, khi rẻ thì mua, do đó bọn phú thương và chủ hiệu buôn lớn không thể lấy được nhiều lời mà phải quay trở về nghề nông, vật giá nhờ vậy không nhảy vọt và điều hòa được giá cả trong thiên hạ. Công việc đó gọi là "bình chuẩn". Nhà vua cho là phải, cho phép thi hành. Sau đó nhà vua đi phía bắc đến Sóc Phương, phía đông đến Thái Sơn, đi tuần ven biển đến biên giới phía bắc rồi trở về, đến đâu cũng thưởng. Đồ thưởng đến hơn một trăm vạn tấm lụa, tiền và vàng đến hàng trăm vạn. Nhưng đều nhờ có quan đại nông cung cấp đầy đủ.

Tang Hoằng Dương lại xin ra lệnh cho phép các thuộc lại được nộp lúa để làm quan và những người có tội được nộp tiền để chuộc tội. Lệnh ban ra người nào đưa lúa đến đất Cam Tuyền thì theo thứ tự được miễn giao dịch suốt đời. Người ta không tố cáo tài sản của thương nhân nữa. Các quận và các nước đều chở thóc đến những nơi cần có thóc ngay, và những người cày đều nộp thóc. Ở phía đông núi, việc vận tải bằng sông thêm nhiều, mỗi năm đến 600 vạn thạch. Trong một năm, kho Thái Thương và kho Cam Tuyền đều đầy tràn, ở biên giới thừa thóc và mọi vật, một năm số lụa chuyển vận trên một trăm vạn tấm. Dân không bị tăng thuế mà thiên hạ dùng được dồi dào. Do đó, Tang Hoằng Dương được thưởng chức tả thứ trưởng lại được thưởng một trăm cân vàng lần hai. Năm ấy có hạn nhỏ. Nhà vua ra lệnh cho các quận cầu mưa. Bốc Thức nói: - Các quan địa phương chỉ nên lấy tô và thuế để ăn và mặc thôi, nay Tang Hoằng Dương lại sai bọn thuộc lại bày hàng ở ngoài chợ, bán các đồ vật để kiếm lời, cứ nầu Tang Hoằng Dương đi thì trời sẽ mưa.

7. Lời bàn của tác giả

Thái Sử Công nói:

Đề giao dịch giữa công, nông, thương xuất hiện các thứ tiền tệ: vỏ rùa, vỏ sò, vàng, tiền, đao [*Đao và vải là tên những thứ tiền giống hình con đao và tấm vải.*], vải. Nguồn gốc các thứ tiền tệ đã có từ lâu. Kể từ họ Cao Tân trở về trước thì đã xa lắm, không biết gì để chép. Cho nên Kinh Thư nói đến việc xảy ra trong thời vua Nghiêu vua Thuấn. Kinh thi thuật lại thời Ân thời Chu. Khi trong nước yên ổn thì đưa người lớn vào học các nhà trường, nhà tự, trước kia chú trọng đến gốc là nghề nông, bỏ ngọn là nghề thương, dùng lễ nghĩa để đề phòng cái việc ham lợi. Sự việc biến đổi nhiều cho nên người ta làm trái với điều phải. Khi nào sự vật đã thịnh rồi cũng đến lúc suy, thời thế lên đến cùng cực rồi cũng quay trở lại [*Tư Mã Thiên nhận thấy được sự biến đổi của sự vật.*]. Thời đại trước chất phác thì thời đại sau văn hoa, đó là sự biến đổi của sự vật. Trong thiên Vũ công (những công vật nộp cho Hạ Vũ N. D) thì chín châu đều nộp những sản vật đất mình có và dân tương đối nhiều. Vua Thành Thang và Vũ Vương kế tiếp theo những thời đại hư hỏng nên dễ thay đổi để cho dân khỏi mỏi mệt. Hai người đều lo lắng nên dân được trị an. Nhưng tình hình mỗi ngày một kém. Tề Hoàn Công dùng mưu của Quản Trọng hiểu cái phép nặng nhẹ tìm cách lấy lợi ở núi và ở sông, làm cho chư hầu phải thần phục, khiến nước Tề nhỏ bé nổi tiếng làm nên nghiệp bá. Nước Ngụy dùng Lý Khắc làm hết cái sức của đất, làm nhà vua được mạnh. Từ đó về sau, thiên hạ mắc vào những cuộc tranh giành của thời Chiến Quốc, chú trọng đối trá và võ lực mà coi thường nhân nghĩa, coi trọng của cải mà đánh giá thấp sự khiêm tốn nhún nhường, cho nên có những người thương nhân giàu đến hàng trăm triệu mà lại có những người nghèo cứ phải ăn cám không biết chán. Có những nước mạnh thôn tính các nước nhỏ bắt chư hầu phải thần phục. Lại có những nước yếu phải tuyệt tự và tiêu diệt. Đến đời Tần, cuối cùng lấy tất cả thiên hạ. Trong thời Ngu và Hạ có ba thứ tiền tệ: có thứ vàng, có thứ trắng, có thứ đỏ. Người ta hoặc dùng tiền hoặc dùng vải, hoặc dùng đao hoặc dùng mai rùa, vỏ sò. Đến đời Tần thì tiền tệ trong nước chia làm ban hạng: hạng tiền tệ cao là vàng tính mỗi dật là một đơn vị [*Một dật 20 lạng.*], thứ tiền kém là tiền đồng nửa lạng, cũng nặng như chữ ghi trong đồng tiền, còn các loại châu ngọc, mai rùa, vỏ sò, bạc thiếc ... thì dùng làm đồ vật và trang sức được giữ làm của quý chứ không dùng làm tiền tệ. Những thứ này đều theo thời nặng nhẹ khác nhau. Lúc đó bên ngoài thì đánh Di và Địch, bên trong thì lo thương công lao, kẻ sĩ trong thiên hạ ra sức cày không đủ cung cấp lương thực, đàn bà kéo sợi dệt vải không đủ để cung cấp áo quần. Không khác gì đời xưa lấy tất cả của cải trong thiên hạ để cung phụng nhà vua mà nhà vua vẫn không cho là đủ. Sự thế như dòng nước

trôi đi, sóng thúc vào nhau sinh ra như vậy. Có gì là lạ?

[08] KHÔNG TỬ thế gia

- [1. Thời niên thiếu của Không Tử](#)
- [2. Những điều trải qua trước khi làm quan nước Lỗ](#)
- [3. Những việc Không Tử làm khi làm quan ở Lỗ](#)
- [4. Cuộc đời bốn ba của Không Tử](#)
- [5. Cách giáo huấn của Không Tử về mặt văn hóa](#)
- [6. Không Tử chết và dòng dõi Không Tử](#)
- [7. Nhận xét của tác giả](#)

1. Thời niên thiếu của Khổng Tử

Khổng Tử sinh ở ấp Trâu, thuộc làng Xương Bình nước Lỗ. Tổ tiên trước kia là người nước Tống, tên là Khổng Phòng Thúc. Phòng Thúc sinh Bá Hạ, Bá Hạ sinh Thúc Lương Ngột. Lương Ngột khi đã quá tuổi [*Thúc Lương Ngột đã quá sáu mươi tư tuổi mới lấy Nhan Thị. Đàn ông quá 64 tuổi lấy vợ, đàn bà quá 48 tuổi lấy chồng là quá tuổi.*], lấy Nhan Thị, hai người cầu tự ở núi Ni Khâu sinh Khổng Tử. Khổng Tử sinh ở nước Lỗ năm thứ 22 đời Lỗ Tương Công (55 trước công nguyên). Khi sinh ra, trên đầu gò giữa lồm cho nên đặt tên là Khâu (tức là cái gò), tên tự là Trọng Ni, họ Khổng. Khổng Khâu sinh thì Thúc Lương Ngột chết, chôn ở núi Phòng Sơn. Núi Phòng Sơn ở phía đông nước Lỗ. Khổng Tử do đó, không biết mộ cha ở đâu, vì mẹ của ông kiêng không nói điều đó. Khi còn nhỏ, Khổng Tử thích chơi trò bày các khay đồ cúng và chơi trò tế lễ. Đến khi mẹ chết, Khổng Tử chôn tạm mẹ ở con đường Ngũ Phụ vì ông cẩn thận [*Phải chôn tạm để sau này biết mộ cha sẽ hợp táng, chôn tạm thì dễ dời*]. Mẹ của Văn Phụ, người đất Trâu, nói cho Khổng Tử biết nơi mộ của cha, cho nên về sau Khổng Tử hợp táng cả cha và mẹ ở núi Phòng Sơn.

Trong khi Khổng Tử còn để tang thì họ Quý thết đãi những kẻ sĩ, Khổng Tử cũng đến đấy. Dương Hổ mắng Khổng Tử: - Họ Quý thết kẻ sĩ chứ không phải thết nhà người đâu.

Khổng Tử bèn rút lui.

Khi Khổng Tử mười bảy tuổi có quan đại phụ là Mạnh Ly Tử ốm sắp chết, dặn người con cả sẽ thay mình là Ý Tử: "Khổng Khâu là con cháu của bậc thánh nhân [*Chỉ Thành Thang, vua đầu tiên nhà Ân.*], tổ tiên bị giết ở Tống, người ông sáu đời là Phát Phụ Hà lại được nối ngôi làm vua, nhưng nhường ngôi cho Lệ Công. Đến đời Chính Khảo Phụ giúp Đái Công, Vũ Công và Tuyên Công, ba lần được làm thượng khanh, nhưng lại càng cung kính. Cho nên trên cái vạc của ông ta có khắc mấy chữ "Được bỏ lần thứ nhất thì ta cúi xuống, được bỏ lần thứ hai thì ta khom lưng, được bỏ lần thứ ba thì ta cúi thấp xuống men theo tường mà chạy. Nhưng cũng không ai dám khinh ta. Ta ăn cơm ở vạc này, nấu cháo ở vạc này để nuôi miệng ta!" Ông ta là người cung kính như thế đấy. Ta nghe nói con cháu bậc thánh nhân tuy không làm vua, nhưng về sau, thế nào cũng có người sáng suốt. Nay Khổng Khâu ít tuổi, thích lễ, có lẽ là con người sáng suốt như người xưa nói. Khi ta chết rồi thế nào cũng phải thờ ông ta làm thầy".

Đến khi Ly Tử chết, Ý Tử và người nước Lỗ là Nam Cung Kính Thúc đến học lễ với Khổng Tử. Năm ấy Quý Vũ Tử chết, Bình Tử lên thay.

2. Những điều trải qua trước khi làm quan nước Lỗ

Khổng Tử nghèo hèn, đến khi lớn lên làm lại cho họ Quý. Việc tính toán đo lường đúng đắn cho nên được làm chức coi súc vật. Súc vật đông đúc sinh đẻ nhiều, nên được làm tư không. Được ít lâu, Khổng Tử rời khỏi nước Lỗ, bị ruồng bỏ ở nước Tề, bị đuổi ở nước Tống và nước Vệ, bị nguy khốn ở giữa miền nước Trần và nước Thái, cuối cùng lại trở về nước Lỗ.

Khổng Tử người cao chính thước sáu tấc, ai cũng cho là con người cao lớn và lấy làm lạ. Vì nước Lỗ lại đối đãi với ông tử tế nên ông bỏ về Lỗ. Nam Cung Kính Thúc ở nước Lỗ nói với vua Lỗ: - Xin nhà vua cho tôi cùng Khổng Tử đến đất Chu.

Vua nước Lỗ cho ông ta một cỗ xe, hai con ngựa, một người đầy tớ, cùng Khổng Tử đến đất Chu hỏi về lễ. Khổng Tử yết kiến Lão Tử ở đây. Khi Khổng Tử cáo từ ra về, Lão Tử tiễn Khổng Tử và nói: - Tôi nghe nói "người giàu sang lấy tiền bạc để tiền nhau, người nhân đức dùng lời nói để tiền nhau". Tôi không thể làm người giàu sang nhưng trộm lấy tiếng là người nhân đức, xin có lời này tiễn ông: "Kẻ thông minh và sâu sắc là gần cái chết vì họ khen chê người ta một cách đúng đắn. Kẻ giỏi biện luận, đầu óc sâu rộng làm nguy đến thân mình vì họ nêu lên cái xấu của người khác. Kẻ làm con không có cách gì để giữ mình. Kẻ làm tôi không có cách gì để giữ mình" [*Lão Tử chống lại sự thông minh, trung và hiếu là những nguyên lý của Khổng Tử. Có trí khôn thì dễ nguy, nếu cứ theo trung và hiếu thì cứ hoàn toàn bị lệ thuộc vào cha vào vua, khó lòng sống.*].

Khi Khổng Tử ở Chu về nước Lỗ, học trò càng nhiều. Lúc bấy giờ Tấn Bình Công hoang dâm, sáu khanh chuyên quyền, phía đông đánh các nước chư hầu. Quân của Sở Linh Vương mạnh lấn át Trung Quốc. Nước Tề lớn, lại ở gần nước Lỗ. Lỗ thì nhỏ và yếu. Nếu theo Sở thì nước Tấn nổi giận, theo nước Tấn thì nước Sở đến đánh. Nếu không phòng bị nước Tề thì quân Tề xâm chiếm.

Năm thứ hai mươi đời Lỗ Chiêu Công, Khổng Tử đã ba mươi tuổi. Vua Tề Cảnh Công cùng Án Ánh đến nước Lỗ. Tề Cảnh Công hỏi Khổng Tử: - Ngày xưa Tần Mục Công nước nhỏ, ở nơi hẻo lánh, nhưng tại sao lại làm được nghiệp bá?

Khổng Tử đáp: - Nước Tần tuy nhỏ, nhưng chí của nó lớn. Tuy nó ở nơi hẻo lánh nhưng chính trị của nó đúng đắn. Nhà vua thân hành cử Bách Lý Hề cho làm đại phu dùng ông ta từ chỗ bị trôi, nói chuyện với ông ta ba ngày rồi trao chính sự cho ông ta. Nếu làm như thế thì nghiệp vương cũng có thể làm được, chứ nghiệp bá vẫn còn nhỏ đấy.

Cảnh Công bằng lòng.

Khi Khổng Tử ba mươi lăm tuổi, thì Quý Bình Tử và Hậu Chiêu Bá vì

việc chọi gà mà có tội với Lỗ Chiêu Công. Lỗ Chiêu Công đem binh đánh Quý Bình Tử. Quý Bình Tử cùng họ Mạnh và họ Thúc Tôn, ca ba nhà hợp lực đánh Lỗ Chiêu Công [*Lúc bấy giờ nước Lỗ có ba gia đình lớn, uy quyền lấn át nhà vua là họ Mạnh, họ Thúc Tôn, họ Quý. Cả ba gia đình này là con cháu Hoàn Công. Ở đây nói gia đình họ Mạnh tức là nói người cầm đầu gia đình họ Mạnh.*]. Lỗ Chiêu Công thua chạy sang nước Tề. Vua Tề cho Lỗ Chiêu Công ở ấp Can Hầu. Sau đó ít lâu, nước Lỗ có loạn. Khổng Tử đến nước Tề làm tôi ở nhà họ Cao Chiêu Tử để được yết kiến Tề Cảnh Công. Khổng Tử nói chuyện âm nhạc với quan thái sư (chức quan lo về nhạc - N. D) nước Tề, nghe nhạc "thiệu" và học nhạc ấy, say mê ba tháng không biết đến mùi thịt. Người Tề khen ngợi.

Cảnh Công hỏi Khổng Tử làm chính trị phải như thế nào. Khổng Tử đáp: - Vua phải theo đúng đạo làm vua, tôi phải theo đúng đạo làm tôi, cha phải theo đúng đạo làm cha, con phải theo đúng đạo làm con.

Tề Cảnh Công nói: - Thật đúng lắm! Nếu như vua không theo đúng đạo làm vua, cha không theo đúng đạo làm cha, tôi không theo đúng đạo làm tôi, con không theo đúng đạo làm con thì tuy có thóc đầy, ta có thể ăn được không?

Một hôm khác, Tề Cảnh Công lại hỏi Khổng Tử làm chính trị phải như thế nào. Khổng Tử đáp: - Muốn làm chính trị thì phải lo tiết kiệm trong việc tiêu dùng.

Tề Cảnh Công bằng lòng, lấy ruộng Ni Khê phong cho Khổng Tử. Ân Ánh tiến lên nói: - Bọn nhà nho chỉ là kẻ ba hoa mà không thể noi gương theo họ được. Họ kiêu ngạo, tự cho mình là phải nên không thể để cho họ làm tôi. Họ chú trọng việc chôn cất, thương xót, làm mất gia sản để chôn cất cho được đầy đủ, không thể cho điều đó thành phong tục. Họ đi du thuyết hết nơi này đến nơi khác để kiếm ăn, không thể cho họ trị nước được. Sau khi các bậc đại hiền ra đời, nhà Chu đã suy, lễ nhạc thiếu sót. Nay Khổng Tử bày ra nhiều điều hình thức bên ngoài, ông ta làm cho cái lễ đi lên đi xuống, thành phiền phức, bày chuyện đi rao bước và đi giong hai tay, cứ như thế thì học mấy cũng không biết được lễ. Nếu nhà vua dùng ông ta để thay đổi phong tục nước Tề thì đó không phải là điều lo lắng trước tiên đến dân vậy.

Sau đó, Tề Cảnh Công tiếp Khổng Tử một cách kính cẩn, nhưng không hỏi ý kiến của Khổng Tử về lễ. Một hôm khác, Cảnh Công giữ Khổng Tử lại nói: - Tôi không thể tôn quý ông như vua Lỗ tôn quý họ Quý mà chỉ được như giữa họ Quý và họ Mạnh mà thôi [*Ý nói vua Tề hậu đãi Khổng Tử, nhưng không thể trao chính quyền cho ông như vua Lỗ đã làm đối với Quý Thị.*].

Các quan đại phu nước Tề muốn giết Khổng Tử. Khổng Tử nghe tin ấy.

Tề Cảnh Công nói: - Ta đã già rồi không thể dùng nhà ngươi được.

Không Tử bèn ra đi, trở về nước Lỗ. Bảy giờ Không Tử bốn mươi hai tuổi. Vua Lỗ Chiêu Công chết ở ấp Can Hầu. Lỗ Định Công lên ngôi. Năm thứ năm đời Lỗ Định Công (506), mùa hạ, Quý Bình Tử chết, Hoàn Tử nổi nghiệp. Quý Hoàn Tử đào giếng được một cái vại bằng đất, trong đó có một con vật giống như con cừu. Quý Hoàn Tử nói với Trọng Ni: - Tôi bắt được con chó.

Trọng Ni nói: - Theo như Khâu này biết thì đó là con cừu. Khâu này nghe nói: quái vật do gỗ và đá sinh ra là con "quỷ" và con "võng lưỡng", quái vật do nước sinh ra là con "rồng" và con "vọng tượng", quái vật do đất sinh ra là con "phần dương" [*Quý trong Quốc Ngữ chỉ con vật chỉ có một chân sống trên núi, con võng lưỡng thích bắt chước tiếng người. Vọng tượng là thứ thú vật ăn thịt người. Phần dương hình con cừu do đất tự sinh ra.*].

Khi nước Ngô đánh nước Việt, phá hủy Cối Kê, có người lấy được một cái xương, chở đầy một xe. Vua Ngô sai sứ giả hỏi Trọng Ni: - Tại sao xương lại lớn như vậy?

Trọng Ni nói: - Vua Hạ Vũ triệu tập những người làm chủ núi sông ở núi Cối Kê. Phòng Phong đến sau bị vua Vũ giết phơi thây, mỗi cái xương của ông ta chở đầy một xe. Xương này là của Phòng Phong cho nên lớn như vậy.

Người khách nước Ngô nói: - Ai làm thần?

Trọng Ni nói: - Thần của núi ông có thể làm giường mỗi cho thiên hạ [*Vì có thể làm mây và làm mưa.*], lo việc thờ cúng thần núi thần sông là những người thầy cúng, những người tế thần đất và thần mùa màng là các công hầu. Họ đều lệ thuộc vào nhà vua.

Người khách nói: - Phòng Phong cai quản việc gì?

Trọng Ni đáp: - Ông ta là vua Uông Vọng giữ nước Phong Ngu, họ Ly. Trong đời Ngu, đời Hạ đời Thương gọi là Uông Vọng, trong thời Chu gọi là Trương Dịch, ngày nay gọi là Đại Nhân.

Người khách nói: - Con người ta dài hay cao bao nhiêu?

Trọng Ni đáp: - Họ Tiêu Nghiêu cao ba thước đó là hạng người thấp nhất, người lớn nhất cũng không gấp mười lần ba thước.

Người khách bèn nói: - Đúng lắm! Đây là một thánh nhân!

Người tôi yêu của Quý Hoàn Tử là Trọng Lương Hoài có hiềm khích với Dương Hổ. Dương Hổ muốn đuổi Trọng Lương Hoài, nhưng Công Sơn Phát Nữu ngăn lại. Mùa thu năm ấy, Trọng Lương Hoài lại càng kiêu ngạo. Dương Hổ bắt Hoài Tử. Quý Hoài Tử nổi giận, Dương Hổ liền bỏ tù Hoài Tử, ăn thề với ông ta, rồi tha ông ta ra. Dương Hổ do đó càng khinh họ Quý. Họ Quý cũng lần át nhà vua, các bồi thần [*Người bày tôi hai lần.*] cầm quyền chính trị trong nước. Do đó, nước Lỗ từ đại phu trở xuống đều vượt quyền và

rời khỏi con đường chính đạo. Cho nên Khổng Tử không làm quan mà rút về nhà sửa lại thi, thư, lễ, nhạc. Học trò càng nhiều, có cả những người từ phương xa đến. Năm thứ tám đời Lỗ Định Công (502) Công Sơn Phát Nữ giận họ Quý, bèn theo Dương Hồ làm loạn. Hai người muốn bỏ con trưởng của ba gia đình Hoàn Công để lập những người con thứ từ lâu quen thân với Dương Hồ. Công Sơn Phát Nữ bèn bắt Quý Hoàn Tử. Quý Hoàn Tử lừa trốn được. Năm thứ chín đời Định Công, Dương Hồ thua bỏ chạy sang Tề. Lúc bấy giờ Khổng Tử đã năm mươi tuổi.

Công Sơn Phát Nữ sau khi làm chủ thành Phí thì nổi lên chống lại họ Quý. Ý sai người mời Khổng Tử. Khổng Tử tuy từ lâu vẫn noi theo đạo, rất am hiểu việc chính trị nhưng vẫn không có dịp thực hành cái học của mình vì không ai biết dùng mình. Khổng Tử nói: - Văn Vương, Vũ Vương nhà Chu đều nổi lên từ đất Phong, đất Cảo mà làm vua thiên hạ. Nay đất Phí tuy nhỏ, biết đâu cũng sẽ như vậy?

Khổng Tử muốn đi. Tử Lộ không bằng lòng, giữ lại. Khổng Tử nói: - Người ta mời ta đến có phải là vô cớ đâu? Nếu họ dùng ta, ta sẽ làm cho đất họ thành nhà Đông Chu chẳng?

Nhưng rốt cuộc, Khổng Tử cũng không đi.

3. Những việc Khổng Tử làm khi làm quan ở Lỗ

Sau đó, Lỗ Định Công cho Khổng Tử làm quan cai trị thành Trung Đô. Được một năm, cả bốn phương đều noi theo xem là mẫu mực. Từ chức quan cai trị thành Trung Đô, Khổng Tử được thăng làm tư không, rồi được làm đại tư khấu [*Tư không coi việc xây dựng, tư khấu coi về pháp luật.*].

Mùa xuân năm thứ mười đời Lỗ Định Công (500), Lỗ giảng hòa với Tề. Mùa hạ, quan đại phu nước Tề là Lê Sử nói với Tề Cảnh Công: - Nước Lỗ dùng Khổng Khâu thế nào cũng nguy hại cho nước Tề.

Tề Cảnh Công bèn sai sứ giả mời vua Lỗ lại họp ở Giáp Cốc. Lỗ Định Công sắp sửa lên xe đến họp thân mật, Khổng Tử bây giờ giữ chức tướng quốc nói: -Tôi nghe nói trong nước có làm việc văn thì thế nào cũng phải lo việc vũ, có việc vũ thì thế nào cũng phải lo chuẩn bị việc văn [*Khổng Tử nói trong khi lo việc giao hiếu không thể xao nhãng việc chiến sự. Khổng Tử nghĩ nước Tề không thành thực. Quả nhiên Tề Cảnh Công muốn nhân dịp hội họp để đâm chết Lỗ Định Công.*]. Ngày xưa các chư hầu ra khỏi biên giới thế nào cũng có các quan võ đi theo. Xin nhà vua mang theo các quan tả tư mã và hữu tư mã.

Định Công nói: - Phải.

Bèn mang theo tả tư mã và hữu tư mã, họp mặt với Tề Hoàn Công ở Giáp Cốc. Ở đây dựng lên một cái đàn có ba bậc tam cấp bằng đất và hai người gặp nhau theo nghi lễ. Sau khi chào và nhường bước cho nhau, hai người lên đài rót rượu mời nhau theo đúng lễ gặp gỡ, một viên quan nước Tề rảo bước tiến lên nói: - Xin tấu nhạc bốn phương.

Cảnh Công nói: - Được.

Và ngay đó, những người cầm cờ lông thú và lông chim mang lông chim, sáo, dáo, kích, kiếm và khiên bước ra trong tiếng trống và tiếng hò hét và bước lên đài [*Cảnh Công định nhân dịp ồn ào, huyền não, giết Lỗ Định Công.*]. Khổng Tử rảo bước tiến ra, bước lên các bậc tam cấp, nhưng không qua bậc trên cùng, giơ ống tay áo lên nói: - Vua hai nước chúng tôi hội họp nhau thân mật, chơi thứ nhạc Di, Dịch làm gì? Xin ra lệnh cho quan đương sự để họ đuổi những người kia đi.

Vì những người múa không chịu đi, các quan hầu nhìn Án Ánh và Cảnh Công. Cảnh Công lấy làm xấu hổ, giơ tay đuổi họ ra.

Một lát sau, có một vị quan nước Tề rảo bước tiến ra nói: - Xin tấu nhạc trong cung!

Cảnh Công nói: - Được.

Bọn con hát và bọn lùn nhún nhảy bước ra. Khổng Tử rảo bước tiến ra trước cái bậc tam cấp, nhưng không quá bậc trên cùng, nói: - Bọn thất phu chế nhạo chư hầu, tội đáng giết! Xin ra lệnh cho các quan đương sự trị tội.

Họ bèn bị chặt chân tay. Cảnh Công run sợ, biết mình không làm theo nghĩa. Trở về, Cảnh Công lo sợ nói với các quan: - Người Lỗ dùng đao của người quân tử để bênh vực cho nhà vua của họ. Trái lại, các người chỉ lấy cái đao của bọn Di, Địch để dạy quả nhân, làm cho quả nhân có lỗi với vua Lỗ. Bây giờ làm thế nào?

Một viên quan tiến ra nói: - Người quân tử có lỗi thì dùng việc làm để xin lỗi, kẻ tiểu nhân có lỗi thì dùng lời nói suông để xin lỗi. Nếu bệ hạ buồn về việc đó thì nên dùng việc làm để xin lỗi.

Tề Cảnh Công bèn trả cho nước Lỗ các thừa ruộng Vận, Vấn Dương, Quỷ Âm trước kia đã lấy của Lỗ để xin lỗi.

Mùa hạ năm thứ ba mươi đời Lỗ Định Công, Khổng Tử nói với Định Công: - Bầy tôi thì không được tàng trữ binh khí, quan đại phu thì không được có cái thành một trăm trĩ [*Bề cao một trượng dài một trượng là một đống, ba đống là một trĩ. Đây nói chu vi thành không được quá 3000 thước, nếu thành rộng quá thì sẽ thành cơ sở để làm loạn.*].

Khổng Tử sai bon Trọng Do (tức Tử Lộ, học trò Khổng Tử N. D) làm quan tể của họ Quý, toan phá hủy ba thành lũy của ba họ. Vì vậy Thúc Tôn trước tiên phá thành Hậu. Họ Quý sắp sửa phá thành Quý. Nhưng Công Sơn Phát Nữ và Thúc Tôn cầm đầu những người thành Phí đánh úp nước Lỗ. Định Công cùng ba người cầm đầu ba họ vào cong Quý Thị, lên đài của Vũ Tử. Người thành Phí đánh họ nhưng không được, tuy có người đã tiến đến gần đài. Khổng Tử sai Thân Câu Tu và Nhạc Kỳ xông xuống đài đánh, người đất Phí thua. Người nước Lỗ đuổi đánh họ thua to ở Cô Miệt. Công Sơn Phát Nữ và họ Thúc Tôn chạy trốn sang Tề. Cuối cùng, thành Phí bị phá. Khi sắp phá thành lũy đất Thành, Công Liêm Xử Phụ nói với Mạnh Tôn: - Nếu thành bị phá thì quân Tề thế nào cũng đến cửa phía bắc. Vả lại thành này che chở cho họ Mạnh, nếu không có nó tức là họ Mạnh không còn. Tôi sẽ không phá.

Tháng 12, Lỗ Định Công vây thành nhưng không lấy được. Năm thứ 14 đời Định Công, Khổng Tử 56 tuổi, rời chức tư khấu, quyền giữ chức tướng quốc. Thấy Khổng Tử có vẻ mừng rỡ, một người học trò nói: - Tôi nghe thầy nói "người quân tử khi tai họa đến thì không sợ, khi phúc đến thì không mừng".

Khổng Tử nói: - Câu nói ấy cũng có đấy. Nhưng chẳng có câu: "vui vì ở địa vị cao quý mà khiêm tốn đối với mọi người" hay sao?

Khổng Tử giết quan đại phu nước Lỗ làm rối loạn chính sự là Thiếu Chính Mão. Sau khi tham dự chính quyền trong nước ba tháng, những người bán cừ bán lợn không dám bán thách, con trai con gái ở trên đường đi theo hai phía khác nhau, trên đường không nhặt của rơi. Những người khách ở

bốn phương đến thành ấp không cần phải nhờ đến các quan bởi vì người ta đều xem họ như người trong nhà.

Người Tề nghe vậy sợ hãi nói: - Khổng Tử cầm đầu chính sự thì thế nào cũng làm bá chủ chư hầu. Nếu Lỗ làm bá thì đất nước ta ở gần, sẽ đầu tiên bị thôn tính. Tại sao ta không đem đất nộp cho Lỗ?

Lê Sử nói: - Trước tiên xin hãy tìm cách cản trở, nếu không được thì nộp đất cũng chưa muộn.

Vua Tề bèn chọn tám mươi người con gái đẹp ở trong nước Tề, đều cho mặc quần áo đẹp, tập múa điệu "khang nhạc" và ba mươi cỗ ngựa, mỗi cỗ bốn con rất đẹp để đưa cho vua nước Sở. Vua Tề sai bày bọn con gái và những con ngựa đẹp ở ngoài cửa cao phía nam kinh đô nước Lỗ. Quý Hoàn Tử ăn mặc thường dân đến xem hai ba lần, toan thu nhận và nói với vua Lỗ đi một vòng để đến xem. Vua Lỗ đến chơi xem đến trọn ngày. Vua Lỗ bỏ việc chính sự. Tử Lộ nói: - Thầy nên đi thôi.

Khổng Tử nói: - Vua Lỗ sắp làm lễ tế giao, nếu nhà vua đem thịt tế đến cho các quan đại phu thì ta còn có thể ở lại.

Cuối cùng, Quý Hoàn Tử nhận nữ nhạc của Tề, ba ngày không nghe việc chính sự. Khi làm lễ tế giao cũng không đưa thịt tế đến cho các quan đại phu. Khổng Tử bèn ra đi.

Khổng Tử ở đêm tại đất Đôn. Sư Dĩ tiễn Khổng Tử nói: - Thầy không có tội gì.

Khổng Tử nói: - Tôi hát có được không?

Bèn hát:

"Miệng của bọn đàn bà kia có thể làm cho ta phải bỏ chạy.

Những người đàn bà kia đến thăm, có thể làm cho nước mất, nhà tan!

Ta đi lang thang phiêu bạt cho đến hết đời".

Khi Sư Dĩ trở về, Quý Hoàn Tử hỏi: - Khổng Tử có nói gì với ông không?

Dĩ kể lại tất cả. Hoàn Tử thở dài than: - Phu tử bắt tội ta vì bọn đàn bà hèn hạ kia.

4. Cuộc đời bên ba của Khổng Tử

Khổng Tử bèn đến nước Vệ ở trọ tại nhà Nhan Trọc Trâu, anh vợ của Tử Lộ. Vệ Linh Công hỏi Khổng Tử: - Khi ông ở nước Lỗ, ông được hưởng Lộc bao nhiêu?

- Tôi được sáu vạn đấu lúa.

Người Vệ cũng cung cấp cho Khổng Tử sáu vạn đấu.

Khổng Tử ở đây được ít lâu, có người dèm Khổng Tử với Vệ Linh Công. Vệ Linh Công sai Công Tôn Dư Giả luôn luôn đi theo Khổng Tử. Khổng Tử sợ mắc tội. Khổng Tử ở đây mười tháng, đoạn rời khỏi đất Vệ, định đi qua đất Khuông, để đến nước Trần. Nhan Khắc làm người đánh xe cho Khổng Tử, ông ta cầm roi chỉ thành phố này và nói: - Ngày xưa con đã vào thành này ở chỗ thành bị phá đằng kia!

Người nước Khuông nghe vậy, tưởng Khổng Tử là Dương Hồ, người nước Lỗ, vì Dương Hồ đã có lần xâm phạm đến họ. Người đất Khuông bèn giữ Khổng Tử lại vì Khổng Tử mặt mày giống Dương Hồ. Năm ngày sau, Nhan Uyên mới đến. Khổng Tử nói: - Ta tưởng là anh chết rồi!

Nhan Uyên nói: - Thầy còn sống, con đâu dám chết!

Người đất Khuông càng giữ Khổng Tử cẩn mật hơn trước. Các đệ tử đều sợ. Khổng Tử nói: - Sau khi Văn Vương chết đi, cái "văn" không phải ở ta hay sao? Nếu trời muốn làm mất cái "văn" ấy đi thì ta là người sinh sau đã không được biết đến nó. Vì trời chưa muốn làm mất cái "văn" ấy thì người đất Khuông làm gì được ta [*Khổng Tử tin rằng mình có nhiệm vụ thực hiện một sứ mệnh thiêng liêng nên không thể bị nguy khốn.*]

Khổng Tử sai một người đi theo làm tôi của Ninh Vũ Tử ở nước Vệ, sau đó Khổng Tử mới đi lọt. Khổng Tử đi qua đất Bò, sau hơn một tháng lại trở về nước Vệ, ở trọ tại nhà Cừ Bá Ngọc. Trong số những người vợ của Vệ Linh Công có Nam Tử. Nam Tử sai người nói với Khổng Tử: - Những người quân tử bốn phương nếu không xấu hổ về việc làm anh em với nhà vua thì thế nào cũng đến yết kiến tôi. Tôi muốn gặp mặt Khổng Tử.

Khổng Tử từ chối không được, đành phải yết kiến Phu nhân ở trong cái màn là. Khổng Tử bước vào cửa ngoảnh mặt về phía bắc cúi lạy. Phu nhân ở trong màn lạy hai lạy. Các vòng ngọc và những viên ngọc mang trên người kêu lanh tanh. Khổng Tử nói: - Trước kia ta định không đến thăm. Nhưng khi đến thăm thấy tiếp đãi theo đúng lễ.

Tử Lộ không bằng lòng [*Vì Nam Tử có tiếng dâm loạn.*]. Khổng Tử thề nói: - Nếu ta làm sai thì trời bỏ ta! Trời bỏ ta!

Khổng Tử ở Vệ hơn một tháng. Vệ Linh Công cùng phu nhân ngồi trên xe, viên hoạn quan là Ung Cứ cùng ngồi đi ra, sai Khổng Tử ngồi trên cái xe đằng sau. Máy người lượn qua chợ trước mặt đông người. Khổng Tử nói: -

Ta chưa hề thấy có người nào yêu đức như yêu sắc đẹp.

Khổng Tử cảm thấy xấu hổ về việc đó và rời khỏi nước Vệ, đi qua nước Tào. Năm ấy Lỗ Định Công chết. Khổng Tử rời khỏi nước Tào đến nước Tống, cùng đệ tử tập lễ ở dưới một gốc cây lớn. Quan tư mã của nước Tống tên là Hoàn Khôi muốn giết Khổng Tử, chặt cây ấy đi. Khổng Tử ra đi, các đệ tử nói: - Phải đi nhanh đi!

Khổng Tử nói: - Trời sinh đức ở ta. Hoàn Khôi làm gì được ta?

Khổng Tử đến nước Trịnh, thầy trò lạc nhau. Khổng Tử đứng một mình ở phía đông cửa thành. Có một người nước Trịnh bảo Tử Công: - Ở cửa phía đông có một người trán giống Nghiêu, cổ có vẻ Cao Dao, vai ông ta giống Tử Sản [*Cao Dao là viên quan giỏi của Thuấn, Tử Sản làm tướng quốc ở Trịnh rất có đạo đức.*], nhưng từ lưng trở xuống thì kém vua Vũ ba tấc, có vẻ bần khổ lo lắng như con chó ở nhà có tang.

Tử Công nói thực với Khổng Tử. Khổng Tử mừng rỡ cười mà rằng: - Hình dáng bên ngoài là chuyện vụn vặt, nhưng nói "giống như con chó của nhà có tang" thì đúng làm sao! Đúng làm sao!

Khổng Tử bèn đến nước Trần, ở trọ tại nhà viên quan giữ thành là Trịnh Tử được hơn một năm. Vua Ngô là Phù Sai đánh nước Trần lấy ba ấp, rồi rút lui. Triệu Uông đánh Triều Ca, quân Sở vây đất Thái. Vua Thái sang Ngô. Nước Ngô đánh bại vua Việt là Câu Tiễn ở Cối Kê.

Có con cắt chết ở cung đình vua Trần, bị một mũi tên bằng gỗ hồ đâm qua mình. Đầu mũi tên bằng đá, dài một thước tám tấc. Trần Mẫn Công sai sứ giả hỏi Trọng Ni. Trọng Ni đáp: - Con cắt từ nơi xa đến. Đó là mũi tên của người Túc Thận. Ngày xưa vua Vũ Vương đánh nhà Thương, tiếng vang đến cả Cửu Di và Bách Man, họ đều đem sản vật địa phương đến cống để không quên nhiệm vụ của mình. Người Túc Thận bèn cống tên hồ có mũi tên bằng đá, dài mỗi cái một thước tám tấc. Tiên Vương muốn nêu tỏ cái đức sáng của mình cho nên chia những mũi tên này cho Đại Cơ [*Đại Cơ là con gái đầu của Vũ Vương.*]. Đại Cơ lấy Hồ Công, Hồ Công được phong ở đất Trần. Ngày xưa, người ta đưa ngọc quý cho những người cùng họ của mình để tỏ lòng trọng người thân. Người ta chia cho những người khác họ những đồ cống từ các nơi xa lạ để cho họ đừng quên phục tùng. Vì vậy cho nên nước Trần nhận được tên của người Túc Thận.

Nhà vua sai thử tìm xem ở trong kho cũ, quả nhiên tìm thấy có cái tên ấy.

Khổng Tử ở Trần ba năm. Lúc bấy giờ, các nước Tần, và Sở tranh cường với nhau và lần lượt đánh bại Trần, nước Ngô cũng đánh Trần. Trần luôn luôn bị đánh phá. Khổng Tử nói: - Ta về thôi, ta về thôi. Bọn học trò của ta hăng hái nhưng nông nổi, lo tiến thủ nhưng không quên bản tính của mình.

Khổng Tử bèn rời khỏi đất Trần, đi qua đất Bò. Vừa lúc ấy họ Công Thúc cầm đầu người đất Bò nổi loạn. Người đất Bò giữ Khổng Tử lại. Trong số học trò của Khổng tử có Công Lương Nhu đem năm cỗ xe của mình đi theo Khổng Tử. Ông là người đứng tuổi, tài giỏi, có sức mạnh. Ông ta nói: - Xưa kia con theo thầy gặp nạn ở đất Khuông, nay lại gặp nạn ở đây, đó là mệnh. Con lại cùng thầy gặp nạn, con quyết chiến đấu mà chết.

Ông ta chiến đấu rất hăng. Người đất Bò sợ hãi, bảo Khổng Tử: - Nếu ông không đến nước Vệ thì chúng tôi sẽ cho ông đi.

Khổng Tử cùng họ ăn thề. Họ cho Khổng Tử đi ra phía cửa đông. Khổng Tử liền đến đất Vệ. Tử Cống hỏi: - Có thể phụ lời thề được sao?

Khổng Tử nói: - Đó là vì ta bắt buộc phải thề cho nên quý thần không nghe.

Vệ Linh Công nghe Khổng Tử đến, mừng rỡ ra ngoại ô đón hỏi: - Có thể đánh đất Bò được không?

Khổng Tử nói: - Được.

Vệ Linh Công nói: - Các quan đại phu của ta cho là không được. Nay đất Bò là nơi nước Vệ dùng để chống lại các nước Tần và Sở. Đem nước Vệ mà đánh Bò có lẽ là không nên chăng?

Khổng Tử nói: - Đàn ông trong thành có chí quyết chết vì nhà vua. Đàn bà có chí bảo vệ Tây Hà [*Ý nói nhân dân đều theo nhà vua. Tây Hà là miếng đất trong ấy có thành Bò.*]. Những người chúng ta phải đánh chẳng qua chỉ bốn năm người.

Vệ Linh Công nói: - Phải đấy.

Tuy vậy vẫn không đánh Bò. Vệ Linh Công già, lười biếng việc chính sự, không dùng Khổng Tử. Khổng Tử thở dài than: - Nếu có người dùng ta thì sau một tháng đã kha khá, sau ba năm thì tốt.

Khổng Tử ra đi. Phật Bất là quan cai trị đất Trung Mâu, Triệu Giản Tử đánh họ Phạm, họ Trung Hàng, và đánh Trung Mâu. Phật Bất làm phản sai người mời Khổng Tử, Khổng Tử muốn đến. Tử Lộ nói: - Do này nghe thầy nói: "người làm việc không phải thì người quân tử không vào nước của họ". Nay chính Phật Bất làm quan cai trị đất Trung Mâu làm phản, tại sao thầy lại muốn đến?

Khổng Tử nói: - Ta có nói như vậy thật đấy. Nhưng chẳng phải ta có nói rằng "cái mà thật cứng thì mài cũng không mòn, cái mà thật trắng thì bỏ vào thuốc nhuộm cũng không đen". Ta không phải vỏ quả bầu, sao chỉ có thể treo lên mà không thể ăn?

Khổng Tử gõ khánh. Có người mang sọt đi qua cửa nói: - Con người gõ khánh kia thật là có lòng suy nghĩ. Người sao mà ương ngạnh, không ai biết mình cả thì nên bỏ mà đi thôi.

Khổng Tử học đánh đàn cầm với thầy dạy nhạc là Tương Tử. Học mười ngày không tiến. Tương Tử nói: - Ông có thể tiến nữa.

Khổng Tử đáp: - Khâu đã quen khúc nhạc này rồi, nhưng chưa nắm được cái quan hệ về số.

Được ít lâu, Tương Tử nói: - Ông đã nắm được quan hệ về số rồi đấy, có thể tiến hơn nữa.

Khổng Tử đáp: - Khâu chưa hiểu được ý nghĩa sâu sắc của nó.

Được ít lâu, Tương Tử nói: - Ông đã nắm được ý nghĩa sâu sắc của nó rồi đấy! Có thể tiến nữa.

Khổng Tử đáp: - Khâu chưa biết người làm bản nhạc này là ai?

Được ít lâu, Tương Tử nói: - Ông có vẻ oai nghiêm, suy nghĩ sâu, có hoài bão lớn và cao xa.

Khổng Tử nói: - Khâu này đã biết người ấy là ai rồi. Ông ta lạng lẽ mặt đen, người cao. Mắt như con cừu nhìn xa, như con người làm vua bốn phương, nếu không phải là Văn Vương thì ai có thể như vậy được.

Tương Tử rời khỏi chiếu, lạy hai lạy nói: - Các vị thầy dạy nhạc vẫn nói điệu nhạc này là do Văn Vương làm ra.

Vì không được dùng ở nước Vệ, Khổng Tử định đi về phía tây yết kiến Triệu Giản Tử, nhưng khi đến sông Hoàng Hà thì nghe tin Đâu Minh Độc và Thuần Hoa đã chết. Khổng Tử đến bờ Hoàng Hà than: - Nước sông mệnh mỏng đẹp thay! Khâu không qua được con sông này là do mệnh vậy.

Tử Công rảo bước tiến đến nói: - Xin hỏi tại sao lại nói như vậy?

Khổng Tử nói: - Đâu Minh Độc và Thuần Hoa là những quan đại phu tài giỏi ở nước Tấn. Khi Triệu Giản Tử chưa thỏa mãn được ý chí của mình thì cần hai người này để nắm được quyền chính. Nhưng khi đã đạt được ý nguyện của mình thì giết đi và lên cầm quyền chính. Khâu nghe nói khi người ta mổ thai giết đứa trẻ trong bụng thì kỳ lân không đến bờ cõi, khi người ta làm cho nước ao khô để bắt cá thì con giao long không điều hòa âm dương [*Giao Long có thể làm mây làm mưa cho nên điều hòa được âm dương.*], khi người ta lật đổ tổ chim thì phượng hoàng không bay lượn. Tại sao lại thế? Đó là vì người quân tử tránh những người làm hại đến những kẻ giống mình. Chim chó thú vật kia còn biết tránh những kẻ bất nghĩa huống gì Khâu?

Khổng Tử bèn quay lại, nghỉ ở làng Trâu, làm bài ca "Làng Trâu" để tỏ nỗi buồn của mình. Sau đó trở về đất Vệ, ở tại nhà Cừ Bá Ngọc.

Một hôm Vệ Linh Công hỏi Khổng Tử về cách bài binh bố trận. Khổng Tử nói: - Việc tế lễ thì tôi thường nghe, còn việc quân thì tôi chưa học.

Hôm sau Vệ Linh Công đang nói chuyện với Khổng Tử, thấy con ngỗng trời bèn ngẩng đầu lên nhìn, sắc mặt có vẻ không để ý gì đến Khổng Tử,

Khổng Tử lại đi đến đất Trần.

Mùa hạ năm ấy, Vệ Linh Công mất, lập người cháu tức là Xuất Công của nước Vệ. Tháng sáu, Triệu Ưởng đưa thế tử vào thành Thích [*Ngoại là con Vệ Linh Công, vì giết Nam Tử nên bỏ trốn ở nước Tấn, được Triệu Ưởng che chở. Dương Hồ cũng ở đây sau khi bị đuổi khỏi nước Lỗ (xem đoạn 3). Thấy con của Ngoại là Xuất Công được làm vua, Triệu Ưởng tìm cách đưa Khoái Ngoại vào thành Thích, để sau đó làm vua nước Vệ. Dương Hồ bày mưu như vậy để tỏ ra thế tử được nhân dân mời về. Thái tử cũng tỏ ra khóc lóc để nói rằng mình là người thừa kế chân chính.*]. Dương Hồ sai thế tử mang mũ trụ và tám người mặc đồ tang giả vờ đi từ nước Vệ đến đón thế tử, khóc và vào thành Thích, rồi ở đây. Mùa đông vua đất Thái dời đô đến Châu Lai. Năm ấy là năm thứ ba đời Lỗ Ai Công, Khổng Tử 60 tuổi. Nước Tề giúp nước Vệ vây đất Thích và thế tử nước Vệ là Khoái Ngoại ở đây. Mùa hạ, ngôi miếu của Hoàn Công và Ly Công ở nước Lỗ bị đốt cháy. Nam Cung Kinh Thúc cứu hỏa. Khổng Tử lúc ấy đang ở đất Trần, nói: - Hỏa hoạn thế nào cũng đang xảy ra ở miếu của Hoàn Công và Ly Công.

Sau đó quả nhiên đúng.

Mùa thu, Quý Hoàn Tử ốm, người ta chở ông ta trên một cái xe đi thăm thành nước Lỗ. Quý Hoàn Tử thở dài than: -Xưa kia nước này đáng lẽ hưng thịnh. Vì ta có tội với Khổng Tử cho nên nước mới suy đồi.

Quý Hoàn Tử quay lại bảo người con nối nghiệp mình là Khang Tử: -, Khi ta chết, thế nào con cũng làm tể tướng nước Lỗ, nếu làm tể tướng nước Lỗ thế nào con cũng phải mời Trọng Ni.

Sau đó mấy ngày, Quý Hoàn Tử chết, Khang Tử lên thay. Sau khi chôn cất xong, Khang Tử muốn mời Trọng Ni nhưng Công Chi Ngự nói: - Ngày xưa tiên quân của ta dùng ông ta không trót cho nên bị chur hầu chê cười. Ngày nay, nếu ngài lại dùng ông ta không trót thì sẽ bị chur hầu cười lần nữa.

Khang Tử nói: - Như thế thì nên mời ai?

- Thế nào cũng phải mời Nhiễm Cầu.

Khang Tử bèn sai sứ mời Nhiễm Cầu. Nhiễm Cầu sắp ra đi, Khổng Tử nói: - Người Lỗ mời anh Cầu không phải để dùng vào việc nhỏ mà sẽ dùng vào việc lớn.

Ngày hôm ấy, Khổng Tử nói: - Về thôi! Về thôi! Bọn học trò của ta hăng hái nhưng nông nổi, họ đã khá về mặt đạo đức, nhưng chưa biết giữ mình theo đúng đạo.

Từ Cống biết Khổng Tử nghĩ đến việc trở về nước Lỗ, nên khi tiễn Nhiễm Cầu, nhân dặn ông ta: - Khi anh được dùng thì phải làm thế nào cho nhà vua mời thầy.

Nhiễm Cầu ra đi. Năm sau, Khổng Tử từ đất Trần đến đất Thái. Thái

Chiêu Công đang định đến đất Ngô vì vua Ngô mời. Trước đây, Thái Chiêu Công lừa dối bầy tôi dời đô đến Châu Lai. Sau đó, ông ta lại định đi. Các quan đại phu sợ ông ta dời đô lần thứ hai. Vì vậy Công Tôn Phiên bắt Chiêu Công chết. Quân Sở xâm chiếm nước Thái.

Mùa thu, vua Tề Cảnh Công chết. Năm sau, Khổng Tử từ đất Thái đi đến đất Diệp. Diệp Công hỏi Khổng Tử về chính sự. Khổng Tử nói: - Làm chính sự cốt ở chỗ làm cho người ở xa đến và người ở gần theo mình.

Một hôm, Diệp Công hỏi Tử Lộ: - Khổng Tử là người như thế nào?

Tử Lộ không biết trả lời ra sao. Khổng Tử nghe vậy nói: - Này anh Do, tại sao anh không trả lời như thế này: con người ấy học đạo không biết mỏi, dạy người không biết chán. Khi chưa biết đạo thì phát phấn đến nỗi quên ăn, khi biết đạo thì vui đến nỗi quên lo, không biết tuổi già sắp đến.

Khổng Tử rời bỏ đất Diệp trở về đất Thái. Trường Thư và Kiệt Nịch đánh đôi cùn cày. Khổng Tử cho họ là những người ở ần, bèn sai Tử Lộ đến hỏi họ xem bên đò ở đâu. Trường Thư nói: - Con người cầm dây cương ấy là ai thế?

Tử Lộ đáp: - Khổng Khâu đấy.

Trường Thư nói: - Khổng Khâu nước Lỗ đấy à?

Tử Lộ đáp: - Phải.

Trường Thư nói: - Thế thì ông ta biết bên đò rồi!

Kiệt Nịch bảo Tử Lộ: - Anh là ai?

Tử Lộ đáp: - Tôi là Trọng Do.

Kiệt Nịch hỏi: - Anh là học trò Khổng Khâu phải không?

- Vâng ạ.

Kiệt Nịch nói: - Thiên hạ như nước chảy cuồn cuộn đều như thế cả, ai mà thay đổi được? Vả lại ông theo một kẻ sĩ lo tránh người chi bằng theo một kẻ sĩ lo tránh đời [*Ý nói Khổng Tử muốn tìm vị vua hiền, tránh vị vua dở không bằng những người ở ần trốn đời.*].

Rồi hai người cứ cày miết mà không nói. Tử Lộ nói lại với Khổng Tử. Khổng Tử bùi ngùi nói: - Ta không thể cùng sống với chim muông. Nếu thiên hạ có đạo thì ta cần sửa nó làm gì?

Một hôm, Tử Lộ đi đường gặp một ông già đang mang trên lưng một cái sọt. Tử Lộ hỏi: - Cụ thấy thầy của tôi không?

Ông già nói: - Chân tay anh không lo làm lụng, ngũ cốc anh không phân biệt được, Ta biết thầy của anh là ai?

Cụ già cầm gậy xuống đất rồi cất cỏ. Tử Lộ nói với Khổng Tử. Khổng Tử nói: -Đó là một người ở ần.

Tử Lộ quay lại thì cụ già đã đi mất.

Khổng Tử dời đến ở đất Thái được ba năm. Nước Ngô đánh nước Trần,

nước Sở cứu người Trần, đóng quân ở Thành Phụ. Nghe tin Khổng Tử ở miền đất Trần, đất Thái, vua Sở sai người đem lễ mời Khổng Tử đến nước Sở. Khổng Tử sắp đến chào sứ giả theo đúng lễ. Các quan đại phu đất Trần và đất Thái bàn nhau: - Khổng Tử là người hiền. Những điều ông ta chê bai đều nhằm đúng vào những chỗ xấu của chư hầu. Nay ông ta ở lâu miền Trần, Thái mà những điều các quan đại phu làm đều sai trái không đúng ý của ông ta. Nước Sở là một nước lớn đem lễ đến mời. Nếu ông ta được dùng ở nước Sở thì các quan đại phu đang được dùng ở đất Trần, đất Thái sẽ nguy mất.

Họ bèn bàn nhau cho bọn đầy tớ vây Khổng Tử ở ngoài đồng, không cho đi. Khổng Tử hết lương ăn, những người đi theo đều ốm không ai dậy được, nhưng Khổng Tử vẫn giảng giải, vẫn ngâm thơ, đánh đàn và ca hát không tỏ ra suy yếu. Tử Lộ có vẻ giận, đến hỏi: - Người quân tử cũng có lúc cùng khốn ư?

Khổng Tử nói: - Người quân tử trong lúc cùng khốn thì giữ vững, còn kẻ tiểu nhân trong lúc cùng khốn thì làm bậy.

Tử Công mặt nổi nóng. Khổng Tử nói: - Này anh Tứ! Anh cho ta học nhiều mà biết phải không?

Tử Công nói: - Dạ, đúng thế. Không phải thế hay sao?

Khổng Tử nói: - Không phải đâu! Ta lấy một điều để quán triệt tất cả [*Nhà triết học khác người thường chính là ở đây.*].

Khổng Tử biết học trò có vẻ tức tối, bèn gọi Tử Lộ đến hỏi: - Kinh Thi nói: "Chẳng phải con trụy [*Tức con Tê Nguru.*] chẳng phải con hồ ở ngoài đồng vắng". Đạo của ta phải chẳng là sai? Tại sao ta lại gặp phải cảnh này?

Tử Lộ nói: - Theo ý của con, có lẽ vì chúng ta chưa "nhân" chẳng nên người ta chưa tin chúng ta. Có lẽ chúng ta chưa "trí" chẳng nên người ta không cho chúng ta đi [*Ý trách Khổng Tử còn có khuyết điểm. Ở trên thấy Tử Lộ nhiều lúc không phục Khổng Tử.*].

- Nào phải thế đâu. Này anh Do, nếu như người nhân thế nào cũng được người ta tin thì làm gì có chuyện Bá Di, Thúc Tề nữa, nếu như người trí gặp việc gì cũng thông suốt thì làm gì có Vương Tử, Tỉ Can nữa [*Bá Di, Thúc Tề can Vũ Vương đừng đánh Trụ. Vũ Vương không nghe. Sau đó hai người nhin đối chết. Tỉ Can can Trụ bị Trụ giết.*].

Tử Lộ đi ra, Tử Công vào yết kiến. Khổng Tử nói: - Này anh Tứ, Kinh Thi nói: "Chẳng phải con trụy chẳng phải con hồ ở ngoài đồng vắng". Đạo của ta phải chẳng là sai? Tại sao ta lại gặp phải cảnh này?

Tử Công nói: - Đạo của thầy hết sức lớn cho nên thiên hạ không ai dung nạp được. Thầy phải hạ thấp một chút.

-Này anh Tứ, người giỏi nghề nông có thể biết vãi giống nhưng không chắc là gặt được. Người thợ giỏi có thể làm khéo nhưng không thể làm cho

người ta vừa lòng. Người quân tử trau dồi đạo đức của mình theo những đường lối chính và giữ nó, điều chỉnh nó mà không thể làm cho nó được người ta theo. Anh không lo trau dồi đạo của mình mà chỉ lo người ta dung nạp mình. Cái chí của anh Tử không phải là xa.

Tử Cống đi ra. Nhan Hôi vào yết kiến. Khổng Tử nói: - Này anh Hôi, Kinh Thi nói: "Chẳng phải con trụy chẳng phải con hổ ở ngoài đồng vắng". Đạo của ta phải chẳng là sai? Tại sao ta lại gặp phải cảnh này?

Nhan Hôi nói: - Đạo của phu tử hết sức lớn lao nên cả thiên hạ không ai dung nạp được. Nhưng phu tử cứ theo đó mà làm, người ta không dung nạp thì có hại gì? Người ta không dung nạp nhưng sau này người ta sẽ thấy phu tử là người quân tử. Đạo không được trau dồi, đó là cái điều ta lấy làm xấu hổ. Đạo đã trau dồi mà vẫn không được dung nạp thì đó là điều xấu hổ của kẻ làm vua một nước. Người ta không dung nạp phu tử thì có hại gì? Về sau người ta sẽ thấy phu tử là người quân tử?

Khổng Tử hớn hở cười: - Đúng lắm! Hỡi người con họ Nhan, nếu nhà ngươi lắm của cải thì ta sẽ làm người quản lý của cải cho nhà ngươi.

Sau đó, Khổng Tử sai Tử Cống sang Sở. Sở Chiêu Vương đem binh đón Khổng Tử, kết quả Khổng Tử mới được thoát. Chiêu Vương định phong cho Khổng Tử miếng đất trong sổ sách có 700 lý [*Lý ở đây là một nhóm gia đình gồm 25 nhà.*]. Quan lệnh doãn nước Sở là Tử Tây nói: - Trong sổ các sứ giả nhà vua phái đến các nước chư hầu có ai bằng Tử Cống không?

- Không.

- Trong sổ những người giúp đỡ nhà vua có ai bằng Nhan Hôi không?

- Không.

- Trong sổ các tướng của nhà vua, có ai bằng Tử Lộ không?

- Không.

- Trong sổ các quan của nhà vua có ai bằng Tề Dư không?

- Không.

- Không những thế, tổ tiên nước Sở cũng chỉ được nhà Chu phong với cái tước hiệu là "tử" và năm mươi dặm đất [*Ý nói Sở trước kia chỉ có 50 dặm và chỉ có tước "tử" thế mà sau thành lớn mạnh.*]. Nay Khổng Khâu theo phép tắc của Tam Vương, làm sáng cả cơ nghiệp của Chu Công, Thiệu Công. Nếu dùng ông ta thì nước Sở làm thế nào mà được đời đời đường hoàng có đất vuông ngàn dặm? Văn Vương ở đất Phong, Vũ Vương ở đất Cảo đều chỉ là những ông vua có trăm dặm đất, thế mà rốt cục lại làm vương thiên hạ. Nay Khổng Khâu có được miếng đất làm cơ sở, lại có bọn học trò giỏi giúp đỡ thì đó không phải là cái phúc của nước Sở.

Chiêu Vương bèn thôi. Mùa thu năm ấy, Sở Chiêu Công chết ở Thành Phụ.

Một người cuồng nước Sở tên là Tiếp Dư đi qua trước mặt Khổng Tử hát:

*Phượng ơi, chim phượng kia ơi
Đạo đức suy đồi còn biết tính sao?
Việc qua can chẳng được nào
Việc sau họa biết cách nào lần xoay
Thôi, thôi chim hãy về ngay
Con đường chính trị rắc đầy chông gai!*

Khổng Tử bước xuống xe muốn nói chuyện, nhưng Tiếp Dư đã rảo bước đi mất, không sao nói chuyện được. Khổng Tử bèn rời nước Sở trở về nước Vệ. Năm ấy, Khổng Tử sáu mươi ba tuổi và là năm thứ sáu đời Lỗ Ai Công. Năm sau, vua Ngô và vua Lỗ gặp nhau ở huyện Tăng. Vua Ngô đòi một trăm con bò để tế. Quan thái tử là Phi mời Quý Khang Tử, Quý Khang Tử sai Tử Công đến, việc mới thu xếp xong. Khổng Tử nói chính trị hai nước Lỗ và Vệ giống nhau như anh với em. Lúc bấy giờ người cha của Thủ, vua nước Vệ vẫn chưa được làm vua, vẫn phải ở nước ngoài [*Tức là Khoái Ngoại vẫn ở thành Thích.*]. Vua các nước chư hầu mấy lần trách vua Vệ. Học trò Khổng Tử lại có nhiều người làm quan ở Vệ, nên vua Vệ muốn trao chính trị cho Khổng Tử. Tử Lộ nói: - Nếu vua Vệ giao chính trị cho thầy thì thầy sẽ làm cái gì trước?

Khổng Tử nói: - Chắc chắn phải chính danh trước.

Tử Lộ nói: - Sao thầy viên vông thế, chính danh để làm gì?

Khổng Tử nói: - Anh rõ thực là què mùa quá! Cái danh mà không chính thì lời nói không đúng với sự thực, lời nói không đúng với sự thực thì việc không thành, việc không thành thì không làm cho lễ, nhạc phồn thịnh, lễ nhạc không phồn thịnh thì hình phạt không đúng, hình phạt không đúng thì dân không biết đặt tay chân vào đâu. Phàm người quân tử đã làm điều gì có thể nói tên cái việc đó, và nhất định làm được việc đó. Người quân tử chớ câu thả trong lời nói của mình.

Năm sau Nhiễm Hữu (tức Nhiễm Cầu) làm tướng quân của họ Quý mang quân đánh nhau với quân Tề ở đất Lang và đánh bại quân Tề. Quý Khang Tử hỏi: - Cái tài cầm quân của ông do ông học gay do bản tính mà có?

Nhiễm Cầu nói: - Tôi học ở Khổng Tử.

Quý Khang Tử hỏi: - Khổng Tử là người như thế nào?

Nhiễm Cầu nói: - Nếu dùng ông ta thì có danh, nếu ông ta báo với trăm họ và hỏi quỷ thần về việc ông ta đã làm thì không ai không bằng lòng. Điều ông ta mong muốn là đạt đến cái đạo của người quân tử. Dù nhà vua có cho ông ta một nghìn xã [*Mỗi xã gồm 25 gia đình.*], ông ta cũng không mưu lợi

cho mình [*Nhiệm Cầu bác lại ý kiến của Tử Tây nói với vua Sở, sợ Khổng Tử sẽ được lòng dân chúng rồi làm vương.*].

Quý Khang Tử hỏi: - Ta muốn mời ông ta có được không?

- Muốn mời ông ta thì chớ đãi ông ta chật hẹp như đãi người hèn kém mới được.

Khổng Văn Tử làm quan nước Vệ, sắp đánh Thái Thúc hỏi Trọng Ni về cách đánh. Trọng Ni từ chối không biết. Khi rút lui, Khổng Tử cho đánh xe ra đi, nói: - Con chim có thể chọn cây, chứ cây kia làm sao mà chọn chim được?

Khổng Văn Tử nài ở lại. Gặp lúc Quý Khang Tử sai Công Hoa, Công Tân, Công Lâm mang lễ vật đến đón Khổng Tử. Khổng Tử trở về nước Lỗ. Khổng Tử đi đã 14 năm, bây giờ mới trở về nước Lỗ.

Lỗ Ai Công hỏi Khổng Tử về chính sự. Khổng Tử đáp: - Làm chính cốt ở chỗ chọn bầy tôi.

Quý Khang Tử hỏi về chính sự. Khổng Tử đáp: - Chính sự cốt ở chỗ cử những người thẳng và gạt bỏ những kẻ gian xảo. Làm như thế thì những kẻ gian xảo cũng sẽ thẳng.

Quý Khang Tử lo lắng về bọn trộm cắp, Khổng Tử nói: - Nếu ngài không ham muốn thì dù ngài thưởng cho họ, họ cũng không lấy trộm [*Ý nói nếu người cai trị ngay thẳng thì nhân dân noi theo và đều ngay thẳng.*].

Tuy vậy, nước Lỗ chung quy vẫn không dùng Khổng Tử. Khổng Tử cũng không xin làm quan.

5. Cách giáo huấn của Khổng Tử về mặt văn hóa

Trong thời Khổng Tử, nhà Chu đã suy, lễ nhạc bị bỏ. Kinh Thi, Kinh Thư cũng thiếu sót. Khổng Tử theo dấu vết của lễ thời Tam Đại, đề tựa Kinh Thư, kinh này chép sự việc từ thời Đường, Ngu cho đến thời Tần Mục Công. Khổng Tử sắp đặt lại các sự việc và nói: - Ta có thể nói về lễ nhà Hạ, nhưng nước Kỷ (con cháu nhà Hạ - N. D) không đủ chứng minh những điều ta nói. Ta có thể nói về Lễ của nhà Ân, nhưng nước Tống (con cháu của nhà Ân - N. D) không đủ để chứng minh những điều ta nói, nếu họ có đủ thì ta đã có thể lấy ra làm dẫn chứng.

Khi xem những điều nhà Ân thêm hay bớt về lễ của nhà Hạ, Khổng Tử nói: -Tuy một trăm đời sau cũng có thể biết được: cứ thời trước chuộng văn hoa thì thời sau chuộng thực chất. Nhà Chu noi gương hai triều đại trước, lễ nghi nhà Chu rực rỡ làm sao! Ta theo nhà Chu.

Vì thế, phần truyện trong Kinh Thư và Lễ Ký là do Khổng Tử làm.

Khổng Tử nói chuyện với quan thái sư nước Lỗ: - Có thể biết phải chơi nhạc như thế nào. Thoạt tiên thì dồn dập, khi đã bắt nhịp thì hòa hợp, rõ ràng, tiếp tục mà đi đến kết thúc.

Khổng Tử nói: - Ta sau khi rời nước Vệ về nước Lỗ thì mới chỉnh đốn được nhạc, Nhã và Tụng mới được xếp đặt đâu vào đấy.

Ngày xưa Kinh Thi có tất cả hơn ba ngàn thiên. Đến thời Khổng Tử, Khổng Tử bớt những thiên trùng điệp, lấy những thiên có thể có ích cho lễ nghĩa. Những bài này bắt đầu từ Tiết, Hậu Tắc [*Tiết là tổ của nhà Ân. Hậu Tắc là tổ của nhà Chu.*], giữa thuật lại thời thịnh trị nhà Ân, Chu, cho đến thời U, Lệ kém cõi. Kinh Thi bắt đầu từ nơi giường chiếu cho nên người ta nói "Quan thư" nghiêm chỉnh mở đầu "Phong", bài "Lộc minh" mở đầu "Tiểu nhã", bài "Văn vương" mở đầu "Đại nhã", bài "Thanh miếu" mở đầu "Tụng" [*Phong, Tiểu nhã, Đại nhã, Tụng là những bộ phận trong Kinh Thi.*]. Tất cả ba trăm linh năm thiên này đều được Khổng Tử đánh đàn và hát để làm cho nó phù hợp với điệu nhạc Thiệu, Vũ, Nhã, Tụng. Từ đó người ta mới có thể thuật lại lễ nhạc đời trước để làm cho vương đạo đầy đủ và lục nghệ trọn vẹn. Về sau Khổng Tử thích Kinh Dịch, thích các phần tự, thoan, hệ, tượng, thuyết quái, văn ngôn [*Kinh Dịch có phần bổ sung gọi là thập lục tượng truyền là do Khổng Tử làm gồm có những mục: thoan, tượng, hệ từ, văn ngôn, thuyết quái, tự quái, tập quái. Chú ý: ở đây không nói Khổng Tử làm Kinh Dịch và có lẽ đúng sự thực.*]. Khổng Tử đọc Kinh Dịch làm cho cái dây da để buộc các thẻ tre đứt ba lần. Khổng Tử nói: - Nếu cho ta thêm vài năm nữa thì ta sẽ hiểu Kinh Dịch một cách toàn vẹn.

Khổng Tử lấy thi, thư, lễ, nhạc dạy học trò. Số học trò đến ba ngàn người. Có 72 người thông thạo cả lục nghệ [*Lục nghệ: Thi, Thư, Lễ, Nhạc,*

Xuân Thu, Dịch. Ý nói sáu môn học.]. Còn những người chỉ học một phần như Nhan Trọc Trâu thì rất nhiều. Khổng Tử dạy bốn điều: văn học, đức hạnh, trung thành, tín nghĩa, bỏ bốn điều: không có định kiến trước, không nhất thiết phải theo một mặt, không cố chấp, không chỉ thiên về mình. Khổng Tử cẩn thận trong việc trai giới, chiến trận, ốm đau, ít nói về lợi, mệnh và nhân. Khi người ta chưa cảm thấy tức tối muốn biết, thì Khổng Tử chưa giảng, khi nêu một góc mà người ta chưa thấy cả ba góc kia thì Khổng Tử chưa dạy. Lúc ở trong làng xóm thì có vẻ thận trọng như không nói được. Lúc ở tôn miếu, triều đình nói với các quan thượng đại phu thì nghiêm trang, nói với các quan dưới thì hòa nhã. Đi vào cửa công thì lom khom rảo bước, hai tay dang ra như hai cánh. Khi nhà vua gọi đến để tiếp khách thì sắc mặt thay đổi, khi nhà vua mời thì đi không đợi thẳng xe. Cá uơn, thịt hôi, hay không cắt ngay ngắn thì không ăn, chiếu trải không ngay ngắn thì không ngồi. Khi bên cạnh có người có tang thì không bao giờ ăn no. Ngày nào khóc thì không ca hát, thấy người để tang hay người mù thì tuy đó là trẻ em cũng tỏ ra kính trọng.

Khổng Tử nói: - Trong ba người cùng đi thế nào cũng có người thầy của ta. Những người không lo trau dồi đạo đức, lúc học không bàn bạc, nghe điều nghĩa không hướng về điều nghĩa, nghe điều không hay không biết sửa đổi thì đó là điều ta lo.

Khổng Tử sai người ta hát, nếu hát hay thì bảo hát lại và sau đó họa theo. Khổng Tử không nói những điều quái đản, việc dùng sức mạnh, những người làm loạn và chuyện quỷ thần. Tử Cống nói: - Văn Chương của thầy tôi đã được nghe, nhưng tôi chưa hề nghe thầy nói về đạo trời, bản tính của con người và số mạng.

Nhan Uyên thở dài than: - Đạo của Phu Tử ngẩng lên nhìn thì nó càng cao, đào sâu thì nó càng chắc. Đang nhìn nó ở đằng trước, chợt thấy nó ở đằng sau. Phu Tử khéo dạy người ta một cách tuần tự, lấy văn chương để làm cho đầu óc ta mở rộng, lấy lễ để ước thúc. Ta muốn bỏ không được, nhưng đem hết tài sức của mình ra học cũng vẫn còn cái gì vôi vọi, đứng sừng sững trước mặt, dù có muốn vươn tới cũng không sao đạt đến được.

Một đứa trẻ trong làng Đạt Hạt nói: - Khổng Tử thực là to lớn! Khổng Tử học rộng, nhưng không nổi tiếng chuyên về một mặt nào.

Khổng Tử nghe vậy nói: - Ta biết chuyên về nghề gì? Vào nghề đánh xe chăng? Vào nghề bán tên chăng? Ta chuyên về nghề đánh xe vậy.

Tử Lao nói: - Khổng Tử nói: Ta không được dùng cho nên lo về lục nghệ.

Năm thứ 14 đời Lỗ Ai Công, mùa xuân săn ở ngoài đồng hoang, người

đánh xe của Thúc Tôn Thị là Sử Thương bắt được một con thú, anh ta cho đó là điềm không lành, Trọng Ni thấy thế nói: - Đây là con lân.

Người ta đem nó đi. Khổng Tử nói: - Sông Hà không thấy xuất hiện Hà Đồ [*Theo truyền thuyết, Hà Đồ là hình vẽ người ta thấy trên thân con long mã xuất hiện trên sông Hoàng Hà, còn Lạc Thư là do một con rùa mang ở dưới sông Lạc lên. Hà Đồ và Lạc Thư cũng như bát quái là những hình ảnh tượng trưng được dùng trong bói toán.*], sông Lạc không thấy xuất hiện Lạc Thư, ta thế là hết.

Nhan Uyên chết. Khổng Tử nói: - Trời giết ta!

Đến khi đi săn ở phía tây bắt được con lân, Khổng Tử nói: - Đạo ta hết rồi!

Thờ dài và than: - Không ai biết ta.

Tử Công nói: - Tại sao không ai biết thầy?

Khổng Tử nói: - Không oán trời, không trách người, học điều thấp mà biết được điều cao, biết ta chỉ có trời chăng? Những kẻ không hạ thấp cái chí của mình, không làm nhục cái thân của mình đó là Bá Di, Thúc Tề. Liễu Hạ Huệ và Thiệu Liên, thì hạ thấp cái chí của mình, làm nhục cái thân của mình. Ngu Trọng, Di Dật ở ẩn, không nói gì về việc đời, khi làm quan thì giữ được sự thuần khiết, khi bị bỏ thì theo đúng hoàn cảnh. Ta thì không phải như họ, ta không chủ trương cứng nhắc phải thế này, hay không thế như thế này.

Khổng Tử nói: - Không, không, người quân tử lo rằng mình chết rồi mà cái tên của mình không được nhắc đến, nếu đạo của ta không được dùng thì ta biết lấy gì để làm đời sau thấy ta.

Bèn dựa vào Sử Ký làm ra Kinh Xuân Thu, chép từ thời Lỗ Ẩn Công (722-712) đến năm thứ 14 đời Lỗ Ai Công (481) bao gồm mười hai đời vua. Căn cứ vào chỗ vua Lỗ là họ với nhà Chu cho nên Khổng Tử đưa vào đây những việc của thời Tam Đại. Lời nó tuy ngắn, nhưng ý rộng. Các vua Sở và Ngô tự xưng là "vương", nhưng Xuân Thu hạ thấp gọi là "tử". Thực ra là thiên tử nhà Chu bị gọi đến dự hội nghị ở Tiễn Thố, nhưng Xuân Thu che giấu lại nói là "Thiên vương đi tuần ở Hà Dương". Căn cứ vào những thí dụ như vậy ta thấy một phép tắc để ràng buộc những người làm vua ngày nay. Cái nghĩa của những lời khen chê ở đây [*Phải chăng đây là ám chỉ thời Hán Vũ Đế vì lúc ấy việc nghiên cứu ý nghĩa của Xuân Thu phát triển rất mạnh?*] sẽ rõ khi có bậc vương giả xuất hiện. Cái nghĩa của Kinh Xuân Thu được thi hành thì bọn bầy tôi làm loạn và bọn làm giặc trong thiên hạ sợ. Khi Khổng Tử làm quan, những điều người nói hay xét các vụ kiện cũng gần như lời nói chung của mọi người chứ không có gì chỉ riêng một mình người mới có. Trái lại, khi làm Xuân Thu thì viết cái gì phải viết, bỏ cái gì phải bỏ, những người như Tử Hạ [*Học trò của Khổng Tử, nổi tiếng học rộng.*] không thể có một

lời bàn góp. Học trò học Xuân Thu, Khổng Tử nói: - Đời sau biết Khâu là căn cứ vào Xuân Thu, bắt tội Khâu cũng căn cứ vào Xuân Thu.

6. Không Tử chết và dòng dõi Không Tử

Năm sau, Tử Lộ chết ở Vệ. Không Tử ôm, Tử Công đến thăm, thấy Không Tử chống gậy đi dạo ở trước cửa nói: - Anh Tứ, sao anh lại đến muộn thế?

Nhân đây hát: - Núi Thái Sơn sắp đổ, cột trụ nhà sắp gãy, kẻ triết nhân sắp tàn.

Trong khi hát, nước mắt chảy ròng ròng. Không Tử bảo Tử Công: - Thiên hạ không có đạo đã lâu rồi, không ai biết theo ta. Người đời Hạ đặt cái hòm ở phía tây, người đời Chu đặt cái hòm phía đông, người đời Ân đặt nó ở giữa hai cái cột. Đêm qua ta nằm mơ thấy ngôi giữa hai cái cột. Chắc vì ta là con cháu nhà Ân.

Bảy ngày sau Không Tử mất. Không Tử mất năm 73 tuổi ngày kỷ sửu, năm thứ 16 đời Lỗ Ai Công (479). Ai Công thương viếng nói: - Trời xanh không thương ta, không để lại cho ta cụ già duy nhất có thể che chở cho con người duy nhất như ta. Ta ở ngôi vua bơ vơ, đau buồn. Ô hô! Thương thay! Mất ông Ni, ta không có ai để noi theo.

Tử Công nói: - Nhà vua có lẽ không chết ở nước Lỗ chăng? Phu Tử nói: "Sai về Lễ thì tỏ ra mờ tối, dùng chữ sai tức là lạm dụng. Sai về chí là mờ tối, sai về việc làm là lạm dụng". Lúc Phu Tử sống thì nhà vua không biết dùng, đến khi chết lại thương viếng. Thế là trái lẽ, thương viếng lại nói "ta con người duy nhất" thế là dùng chữ sai [*Ý Tử Công nói nhà vua ăn nói hồ đồ nên việc làm cũng sẽ hồ đồ. Năm 468, Ai Công bị trục xuất, trốn sang Việt.*].

Không Tử chôn ở phía bắc kinh thành nước Lỗ, trên bờ sông Từ. Học trò đều để tang ba năm. Sau khi để tang ba năm, họ khóc và từ giã nhau, ai cũng khóc hết sức đau xót. Có người ở lại. Riêng Tử Công làm nhà ở bên mộ sáu năm mới đi. Học trò và những người nước Lỗ đến làm nhà bên mộ hơn một trăm nhà nên người ta gọi là "làng Không".

Các vua Lỗ đời đời nối tiếp nhau tế Không Tử theo những thời nhất định. Các nhà nho cũng giảng lễ về lễ hương ẩm và lễ bán tên ở bên mộ Không Tử. Mộ Không Tử rộng khoảng một khoảnh, cái nhà trong đó ngày xưa học trò ở, đời sau dùng làm miếu giữ áo mũ, đàn cầm, xe, sách của Không Tử. Việc tế tự kéo dài hơn hai trăm năm đến đời Hán không hề dứt. Cao Tổ đi qua đất Lỗ dùng cỗ thái lao để tế Không Tử. Chư hầu, khanh tướng đến nước Lỗ thường trước tiên đến thăm mộ rồi sau mới làm việc chính sự.

Không Tử sinh Lý tên tự là Bá Ngự. Bá Ngự thọ năm mươi tuổi chết trước Không Tử. Bá Ngự sinh Cấp, tên tự là Tử Tư, thọ 62 tuổi, có lần bị khốn ở đất Tống, làm sách Trung Dung. Tử Tư sinh Bạch, tên tự là Tử

Thượng thọ 47 tuổi. Tử Thượng sinh Cầu, tên tự là Tử Gia, thọ 45 tuổi. Tử Gia tên Cơ, tự là tử Kinh, thọ 46 tuổi. Tử Kinh sinh Xuyên, tự là Tử Cao, thọ 51 tuổi. Tử Cao sinh Tử Thận, thọ 57 tuổi có lần làm tướng quốc nước Ngụy. Tử Thận sinh Phụ, thọ 57 tuổi, làm bác sĩ của Trần Vương là Thiệp, chết gần thánh Trần. Con trai của em trai Phụ là Tương Thọ, 57 tuổi, là bác sĩ thời Hiếu Huệ Đế, đôi đi làm thái thú Trường Sa, người cao chín thước sáu tấc. Tử Tương sinh Trung, thọ 51 tuổi. Trung sinh Vũ, Vũ sinh Diên Niên và An Quốc. An Quốc làm bác sĩ của đức kim thượng làm đến thái thú Lâm Hoài chết sớm. An Quốc sinh Ngang, Ngang sinh Hoan.

7. Nhận xét của tác giả

Thái Sử Công nói: - Kinh Thi nói:

Núi cao ta trông, đường rộng ta đi

Tuy đích chưa đến, nhưng lòng hướng về.

Tôi đọc sách của họ Khổng, tưởng tượng như thấy người. Đến khi đến Lỗ xem nhà thờ Trọng Ni, nào xe cộ, nào áo, nào đồ tế lễ, học trò tập về nghi lễ ở nhà Khổng Tử theo đúng từng mùa, tôi bồi hồi nán lại bỏ đi không dứt. Trong thiên hạ các vua chúa và người tài giỏi rất nhiều, khi sống thì vinh hiển, nhưng lúc chết là hết. Khổng Tử là một người áo vải thế mà truyền hơn mười đời, các học giả đều tôn làm thầy, từ thiên tử tới vương hầu ở Trung Quốc hễ nói đến lục nghệ đều lấy Khổng Tử làm tiêu chuẩn. Có thể gọi là bậc chí Thánh vậy.

Trong số các sử gia thời cổ đại của tất cả các nước, Tư Mã Thiên gần như là người duy nhất thấy tầm quan trọng của những sự kiện văn hóa tư tưởng. Ông xếp Khổng Tử vào thế gia xem ngang một vị vua của chư hầu và dành cho Khổng Tử một tiểu sử rất kỹ, rất công phu. Dưới con mắt ông, Khổng Tử không phải là một người thần kỳ, làm những việc hoang đường, mà là một con người ôm một lý tưởng lớn, bôn ba suốt đời để thực hành cái đạo của mình, bị chê bai, bị nhục, có những tình cảm, những khuyết điểm của con người. Ông xây dựng được đứng đắn hình tượng Khổng Tử và thấy rõ tác dụng của Khổng Tử đối với các dân tộc. Các sử gia đời sau có người như Ban Cố trách ông xem nhẹ Nho giáo nhưng không đúng. Khổng Tử là người duy nhất được xếp vào thế gia vì học thuật và được xếp thành một thiên riêng, còn tất cả những người khác đều ở vào liệt truyện và ba bốn người gộp vào một truyện. Theo tác giả, Khổng Tử là một thứ vua, một thứ vua về tinh thần. Ý kiến ấy rất táo bạo và đúng khi nói đến Trung Quốc cổ. Trong bài này có nhiều câu trong Luận ngữ, nhưng có một số chữ khác, có một vài câu nghĩa khó hiểu.

[09]

VIỆT VƯƠNG CÂU TIÊN thế gia

- [1. Nguồn gốc Câu Tiên](#)
- [2. Phù Sai đánh bại, nhờ mưu Phạm Lãi, Văn Chủng](#)
- [3. Rửa đước thù và xưng bá](#)
- [4. Phạm Lãi sang đất Tề, rồi sang đất Đào](#)
- [5. Câu chuyện về người con Phạm Lãi bị giết](#)

1. Nguồn gốc Câu Tiễn

Tổ tiên của Việt Vương Câu Tiễn là dòng dõi vua Vũ, con thứ hai của vua Thiếu Khang đời nhà Hạ, được phong ở đất Cối Kê để lo việc phụng thờ vua Vũ, xăm mình, cắt tóc, phát cỏ mà lập ấp. Truyền được hai mươi đời đến Doãn Thường. Trong thời Doãn Thường, đánh nhau với vua Ngô là Hạp Lư và hai bên căm ghét nhau. Doãn Thường chết, con là Câu Tiễn được lập làm Việt Vương.

2. Phù Sai đánh bại, nhờ mưu Phạm Lãi, Văn Chủng

Năm thứ nhất (490 trước công nguyên), vua Ngô là Hạp Lư nghe tin Doãn Thường đã chết, bèn đem quân đánh Việt. Vua Việt là Câu Tiễn sai những kẻ sĩ quyết liều chết ra khiêu chiến, họ dàn thành ba hàng tiến đến trận tuyến quân Ngô, thét lên rồi tự đâm vào cổ. Quân Ngô đang mãi nhìn thì quân Việt thừa cơ đánh úp. Quân Ngô bị thua ở thành Huê Lý, vua Ngô là Hạp Lư bị tên bắn trúng, Hạp Lư sắp chết, bảo con là Phù Sai: - Thế nào cũng đừng quên đánh Việt.

Ba năm sau, Câu Tiễn được tin vua Ngô là Phù Sai ngày đêm tập luyện quân sĩ, sắp sửa đánh Việt để trả thù. Vua Việt muốn đến đánh trước khi Ngô xuất trận. Phạm Lãi can: - Không nên. Tôi nghe nói việc binh là điều gỡ, đánh nhau là việc trái với đức, tranh nhau là việc thấp nhất. Lo âm mưu, làm trái đức, thích dùng điều gỡ, lấy thân mình làm việc thấp hèn nhất, là việc Thượng đế cấm. Nếu làm là bất lợi.

Vua Việt nói: - Ta đã quyết định rồi.

Bèn cất quân. Vua Ngô nghe tin đem tất cả tinh binh đánh quân Việt thua to ở Phù Tiêu. Vua Việt bèn đem năm nghìn quân còn lại giữ và trốn tránh ở núi Cối Kê. Vua Ngô đuổi đến, bao vây Cối Kê. Vua Việt bảo Phạm Lãi: - Ta vì không nghe lời người, cho nên đến nông nỗi này. Bây giờ làm thế nào?

Phạm Lãi nói: - Kẻ nào giữ gìn được trọn vẹn cái cảnh ngộ của mình khi đầy đủ (Ý nói vật trọn vẹn thì sẽ giảm. Nếu ở trong hoàn cảnh hoàn toàn đầy đủ thì phải giết giữ gìn, khiêm tốn) là tuân theo trời, bình định được tình hình nguy ngập là tuân theo người, sử dụng sự vật tiết kiệm là tuân theo đất. Nhà vua hãy dùng lời lẽ khiêm nhường, lấy lễ hậu để đưa cho người ta. Nếu người ta không nghe thì thân hành đến thờ người ta.

Câu Tiễn nói: - Được.

Bèn sai đại phu tên là Chủng đến cầu hoà với Ngô. Chủng đi bằng đầu gối, đập đầu nói: -Kẻ bầy tôi trốn tránh của bệ hạ là Câu Tiễn, sai "bồi thần" là Chủng (Vì Câu Tiễn là tôi của Phù Sai, mà Chủng lại là bầy tôi của Câu Tiễn. Bồi thần tức là bầy tôi hai lần) mạo muội nói với các quan rằng Câu Tiễn xin làm bầy tôi, vợ xin làm thiếp của bệ hạ.

Vua Ngô sắp ưng thuận, Tử Tư nói với vua Ngô: - Trời đem nước Việt cho nước Ngô, xin bệ hạ đừng nghe.

Chủng trở về báo với Câu Tiễn. Câu Tiễn muốn giết vợ con, đốt của cải châu báu, xông ra đánh để chịu chết. Chủng ngăn Câu Tiễn nói: -Q uan Thái tử của Ngô tên là Phi, là người tham lam có thể dùng lợi để dụ dỗ. Xin nhà vua cho tôi lên đến nói với ông ta.

Câu Tiễn bèn sai Chủng đem gái đẹp, của quý lên đến đưa cho Thái tử

nước Ngô là Phi. Phi nhận rồi giúp cho đại phu Chủng được yết kiến vua Ngô. Chủng đập đầu nói: - Xin đại vương tha tội cho Câu Tiễn, mà lấy tất cả của cải châu báu. Nếu đại vương không tha thì Câu Tiễn sẽ giết vợ con, đốt tất cả châu báu, năm nghìn người liều chết xông ra thì cũng là một sức mạnh đáng kể.

Phi nhân đấy nói với vua Ngô: - Vua Việt đã xin làm tôi, nếu đại vương tha cho họ, thì đó là có lợi cho nước.

Vua Ngô sắp ưng thuận. Tử Tư tiến ra can: - Nếu nay nhà vua không tiêu diệt nước Việt, thì sau này thế nào cũng sẽ hối hận đấy! Câu Tiễn là ông vua hiền, Văn Chủng và Phạm Lãi là những bầy tôi giỏi. Nếu họ trở về nước thì sẽ làm loạn.

Vua Ngô không nghe, cuối cùng tha cho vua Việt, bãi binh và quay về.

3. Rửa được thù và xưng bá

Khi bị nguy khốn ở Cối Kê, Câu Tiễn thở dài than rằng: - Ta thế này là hết hay sao!

Chúng nói: - Vua Thang bị trói ở Hạ Đài, vua Văn Vương bị tù ở Dữu Lý, Trùng Nhĩ nước Tấn bỏ chạy đến Địch, Tiểu Bạch nước Tề bỏ chạy đến Cử (Trùng Nhĩ là tên của Tấn Văn Công, Tiểu Bạch là tên của Tề Hoàn Công. Hai người đều làm bá trong thời Xuân Thu), nhưng cuối cùng đều làm vương làm bá. Cứ xem như vậy, biết đâu thế này chẳng là phúc.

Sau khi nước Ngô đã tha tội cho nước Việt, vua Việt Câu Tiễn trở về nước, khổ mình nhọc sức, đặt mật ở chỗ ngồi, khi ngồi hay khi nằm đều nhìn mật, khi uống hay khi ăn đều ném mật. Câu Tiễn nói: - Mày quên cái nhục ở Cối Kê rồi hay sao?

Câu Tiễn tự mình lo cày bừa, vợ lo dệt vải, ăn uống không thêm thịt, mặc không hai màu, khiêm tốn đối với người hiền, hậu đãi tân khách, cứu giúp người nghèo, thăm viếng người chết, cùng chịu khó nhọc với trăm họ.

Câu Tiễn muốn sai Phạm Lãi cai quản chính trị trong nước. Phạm Lãi đáp: - Việc chiến tranh thì Chúng không bằng Lãi, nhưng việc cai trị, võ về nước nhà khiến cho trăm họ thân và theo mình thì Lãi này không bằng Chúng.

Nhà vua bèn giao chính trị trong nước cho đại phu Chúng, còn sai Phạm Lãi cùng đại phu Giả Kê đi cầu hoà và làm con tin ở nước Ngô. Được hai năm, vua Ngô cho Phạm Lãi trở về.

Từ khi Câu Tiễn trở về Cối Kê, trong bảy năm võ về binh sĩ và dân chúng. Binh sĩ muốn đánh để rửa thù đối với nước Ngô. Đại phu Phùng Đồng can: - Nước ta vừa mới tan tác, nay mới được phần thịnh no đủ. Nếu mình chuẩn bị và lo việc binh thì thế nào Ngô cũng sợ. Ngô sợ thì tai nạn sẽ đến. Vả chẳng, con chim ưng đánh thì nó phải giấu mình. Nay quân Ngô đánh nước Tề và Tấn, bị Sở và Việt ghét. Tuy có nổi danh trong thiên hạ, nhưng thực chỉ cốt hại nhà Chu. Đức ít mà công nhiều, thì thế nào cũng tự mãn, khoe khoang. Hiện nay đối với nước Việt thì không gì bằng liên kết với Tề, thân với Sở, theo Tấn để hậu đãi Ngô. Chí của Ngô huênh hoang thì thế nào cũng khinh suất trong việc chiến đấu. Thế là ta nắm được cơ hội. Ba nước đánh Ngô, Việt nhân lúc Ngô khốn đốn thì có thể đánh thắng được.

Câu Tiễn nói: - Phải đấy.

Được hai năm, vua Ngô sắp đem quân đánh Tề, Tử Tư can: -,Chưa nên! Tôi nghe Câu Tiễn ăn không hai món, cùng vui cùng khổ với trăm họ. Con người này chưa chết là còn mối lo cho nước. Nước Ngô có nước Việt, đó là cái bệnh trong tim trong ruột, chứ Tề chẳng qua là ghẻ lở ở ngoài da. Xin nhà vua bỏ Tề mà trước tiên hãy đánh Việt.

Vua Ngô không nghe, cứ đánh Tề, Tề bị thua ở Ngải Lăng, vua Ngô cầm tù Cao Chiêu Tử và Quốc Huệ Tử của nước Tề, rồi trở về trách Tử Tư. Tử Tư nói: - Xin nhà vua chớ mừng.

Nhà vua nổi giận, Tử Tư muốn tự sát, nhà vua nghe tin ấy ngăn lại.

Quan đại phu nước Việt là Chung nói: - Tôi thấy chính trị của vua Ngô kiêu căng. Xin nhà vua thử vay thóc để bói xem sự tình thế nào?

Vua Việt xin vay thóc. Vua Ngô muốn cho vay. Tử Tư can đừng cho, nhưng nhà vua cuối cùng vẫn cho. Việt bèn mừng thầm. Tử Tư nói: - Nếu nhà vua không nghe lời can, thì sau ba năm nước Ngô sẽ biến thành gò mât.

Quan Thái tử là Phi nghe nói thế, bèn trách Tử Tư, cãi nhau với Tử Tư về vấn đề Việt. Nhân đấy Phi gièm Tử Tư, nói: - Ngũ Viên bên ngoài có vẻ trung, nhưng trong thâm tâm là con người tàn nhẫn, con người đã chẳng đoái thương gì đến cha và anh, thì còn thương gì đến vua (Xem Ngũ Tử Tư liệt truyện) ? Trước đây nhà vua muốn đánh nước Tề, Ngũ Viên ra sức can ngăn, kết quả việc đánh thành công. Do đó sinh ra oán giận. Nếu nhà vua không đề phòng thì Ngũ Viên sẽ làm loạn.

Phi âm mưu với Phùng Đồng gièm Ngũ Tử Tư với nhà vua. Lúc đầu nhà vua không nghe, nên sai Tử Tư sang Tề. Đến khi nghe Tử Tư gửi con ở nhà họ Bão (Tử Tư sợ nước Ngô mât nên gửi con ở nhà họ Bão nước Tề), nhà vua cả giận, nói: - Quả thực Ngũ Viên lừa dối quả nhân, muốn làm phản.

Bèn sai người trao cho Tử Tư thanh kiếm Chúc Lâu để tự sát. Tử Tư cười mà rằng: - Ta làm cho nhà ngươi nên nghiệp bá, ta lại lập nhà ngươi lên ngôi, lúc đầu nhà ngươi muốn chia một nửa nước Ngô cho ta, nhưng ta không nhận. Bây giờ ngươi lại nghe lời gièm pha mà giết ta. Than ôi, con người cô độc một mình, không thể nào đứng được!

Tử Tư nói với sứ giả: - Thế nào nhà ngươi cũng phải móc mắt ta để ở cửa Đông Môn nước Ngô để xem quân Việt tiến vào.

Vua Ngô giao cho Phi cầm quyền chính trị. Được ba năm, Câu Tiễn mời Phạm Lãi đến nói: - Vua Ngô đã giết Tử Tư, những kẻ a dua nhà vua rất đông, bây giờ đã đánh được chưa?

Phạm Lãi đáp: - Chưa được.

Mùa xuân năm sau, vua Ngô đi về hướng bắc để họp chư hầu ở Hoàng Trì. Tinh binh của nước Ngô đều đi theo, chỉ có những người già yếu cùng với thái tử ở lại giữ thành.

Câu Tiễn lại hỏi Phạm Lãi. Phạm Lãi đáp: - Được rồi đấy!

Nhà vua bèn đem hai nghìn người bị đày, quen chiến trận, cùng với bốn vạn quân lính thường được huấn luyện, sáu nghìn kẻ sĩ, một nghìn người chỉ huy, đánh nước Ngô. Quân Ngô bị thua, quân Việt giết thái tử nước Ngô. Quân Ngô vội vã báo tin với vua Ngô. Bây giờ vua Ngô đang họp chư hầu ở

Hoàng Trì, sợ thiên hạ nghe tin, bèn giấu tin ấy. Sau khi đã ăn thề ở Hoàng Trì xong, vua Ngô bèn đưa hậu lễ để xin giảng hoà với Việt.

Sau đó bốn năm, Việt lại đánh Ngô. Quân sĩ và dân chúng nước Ngô đã mỏi mệt, những người nào mạnh khoẻ hăng hái thì đã chết ở nước Tề, nước Tấn. Quân Việt phá tan quân Ngô, nhân đây bao vây nước Ngô. Được ba năm, quân Ngô thua to, Việt lại đón Ngô Vương lên núi Cô Tô. Vua Ngô sai Công Tôn Hùng ở trần, đi bằng đầu gối đến xin giảng hoà với vua Việt và nói: - Kẻ cô thân của bệ hạ là Phù Sai xin phơi bày gan ruột: trước đây thân có tội ở Cối Kê, Phù Sai không dám trái mệnh trời nên được giảng hoà với nhà vua và về, nay nếu nhà vua giơ gót ngọc mà giết cô thân, cô thân cũng xin vâng theo mệnh, vâng theo nhà vua. Nhưng cũng muốn nhà vua tha tội cho cô thân như việc xảy ra trước đây ở Cối Kê. Không biết có được không?

Câu Tiễn không nỡ, muốn bằng lòng. Phạm Lãi nói: - Việc xảy ra ở Cối Kê trước kia đó là trời đem nước Việt trao cho nước Ngô, nhưng nước Ngô không lấy. Nay trời lại đem nước Ngô trao cho nước Việt. Nước Việt có nên làm trái mệnh trời không? Và chẳng nhà vua ra triều sớm, bãi triều muộn chẳng phải để trả thù nước Ngô đó sao? Việc lo lắng hai mươi năm nay có nên một sớm bỏ đi không? Trời đã cho mà không lấy thì trái lại sẽ bị tội. Người đeo cái rìu thì mẫu mực không xa (mẫu mực là cái cán rìu cầm trong tay). Nhà vua đã quên tai nạn ở Cối Kê rồi sao?

Câu Tiễn nói: - Ta muốn nghe lời nhà ngươi, nhưng ta không nỡ từ chối sứ giả.

Phạm Lãi bèn sai đánh trống, cho quân tiến lên nói: - Nhà vua đã giao quyền cho Lãi này, sứ giả về ngay, nếu không sẽ bị tội.

Sứ giả nước Ngô khóc mà về. Câu Tiễn thương hại bèn cho người nói với vua Ngô: - Ta cho nhà ngươi làm vương một trăm nhà ở đất Dũng Đông.

Vua Ngô từ tạ, nói: - Tôi già rồi, không thể thờ nhà vua được nữa.

Bèn tự sát và che mặt nói: - Ta không còn mặt mũi nào nhìn thấy Tử Tư.

Việt Vương chôn Ngô Vương và giết Thái tử Phi. Sau khi Câu Tiễn đã bình định được nước Ngô, bèn đem quân về hướng bắc, vượt sông Hoài cùng các nước chư hầu là Tề, Tấn họp ở Từ Châu, nộp cống cho nhà Chu. Vua Nguyên Vương nhà Chu ban thịch đến Câu Tiễn, cho Câu Tiễn làm bá.

Sau khi đã vượt qua phía nam sông Hoài, Câu Tiễn bèn lấy đất trên sông Hoài cho nước Sở, trả cho nước Tống đất, Ngô đã lấy của nước Tống, trả cho nước Lỗ dải đất một trăm dặm ở phía đông sông Tứ. Bấy giờ quân của Việt làm bá chủ ở phía đông sông Giang, sông Hoài. Chư hầu đến đều mừng gọi Câu Tiễn là bá vương.

4. Phạm Lãi sang đất Tề, rồi sang đất Đào

Phạm Lãi bèn bỏ đi từ nước Tề, gửi thư về cho đại phu Chung nói, "Chim đã hết thì cung tốt phải cất, thỏ khôn đã chết thì chó sẵn bị nấu. Vua Việt là người cổ dài, miệng điều hâu có thể cùng lo lúc hoạn nạn, nhưng không thể cùng vui sướng với ông ta. Sao ông lại không bỏ đi?"

Chung nhận được thư, cáo bệnh không vào châu. Có người gièm nói: - Chung sắp làm phản.

Vua Việt bèn sai đưa kiếm cho Chung và nói: - Nhà ngươi dạy quả nhân bảy thuật để đánh Ngô, quả nhân mới dùng có ba mà nước Ngô đã thua. Còn bốn thuật nữa ở nhà ngươi. Nhà ngươi hãy giúp ta dùng những thuật ấy với tiên vương xem sao [*Chỉ một câu đủ bộc lộ tất cả tâm địa tàn nhẫn của Câu Tiễn. Bảy thuật ấy là: 1) thờ phụng trời đất, tổ tiên, làm nước giàu có để có của đút lót vua Ngô, 2) xuất tiền mua lúa Ngô để cho kho Ngô rỗng, 3) cho gái đẹp, cho thợ khéo để xây cung điện, 4) đút lót cho các nịnh thần, 5) xui giục những người can gián để gây mâu thuẫn, 6) làm nước giàu và chuẩn bị võ lực, 7) có đủ binh khí tốt và chờ lúc quân địch kiệt quệ.*].

Chung bèn tự sát.

Phạm Lãi thờ vua Việt là Câu Tiễn, khổ mình nhọc sức, cùng Câu Tiễn mưu toan hơn hai mươi năm, kết quả diệt được nước Ngô, rửa được cái nhục ở Cối Kê.

Phía bắc đem quân qua sông Hoài, đến sát các nước Tề, Tấn, ra hiệu lệnh cho Trung Quốc để tôn thờ nhà Chu. Câu Tiễn làm bá, còn Phạm Lãi làm thượng tướng quân. Khi về nước, Phạm Lãi cho là danh lớn khó lòng ở được lâu. Và lại, Câu Tiễn là người hoạn nạn thì có nhau, nhưng vui thì khó lòng mà ở được. Lãi bèn viết thư từ biệt Câu Tiễn: - Tôi nghe, "Vua lo thì tôi phải khó nhọc, vua nhục thì tôi phải chết". Hồi xưa nhà vua chịu nhục ở Cối Kê, tôi sợ dĩ chưa chết là còn phải trả thù. Nay đã rửa được nhục rồi, tôi xin chết theo tội ở Cối Kê.

Câu Tiễn nói: - Ta đương sắp chia nước này cùng cai trị với nhà ngươi! Không nỡ giết nhà ngươi.

Phạm Lãi nói: - Vua có lệnh vua thì tôi có ý tôi.

Bèn soạn gói các châu ngọc và các của cải nhẹ cùng với đầy tớ riêng xuống thuyền ra biển đi suốt đời không trở lại nữa. Thế rồi Câu Tiễn nêu núi Cối Kê để làm áp bồng lộc cho Phạm Lãi.

Phạm Lãi cùng đi biển sang Tề, đổi họ tên, tự gọi là Chi Di Tử Bì, cày ruộng ở bờ biển, khổ thân cố sức, cha con cùng lo làm ăn. Ở không được bao lâu, của có đến hàng mấy chục triệu. Người nước Tề nghe ông hiền, mời làm tướng quốc. Phạm Lãi ngậm ngùi than rằng: - Ở nhà thì có hàng nghìn lạng vàng, làm quan thì đến công, khanh, tướng quốc, kẻ áo vải được thế là tốt

bạc rồi, giữ mãi cái tiếng tăm lừng lẫy là không tốt!

Bèn trả ấn tướng quốc, đem tất cả tài sản cho bạn bè, làng xóm. Chỉ mang những của thật quý, lên đi.

Phạm Lãi dừng lại ở đất Đào, cho nơi đó là ở giữa thiên hạ, tiện đường đổi chác, buôn bán để làm giàu. Phạm Lãi bèn tự gọi mình là Đào Chu Công.

5. Câu chuyện về người con Phạm Lãi bị giết

Chu Công ở Đào, sinh người con út. Khi người con út đã lớn, người con trai thứ hai của Chu Công giết người, bị tù ở Sở. Chu Công nói: - Giết người bị chết là đáng rồi! Nhưng ta nghe nói, "Con nhà nghìn vàng không chết ở chợ".

Liên bảo người con út sang xem sự việc ra sao. Ông ta lấy nghìn nén bạc bọc vào trong túi đựng quần áo vải thô, chở bằng xe bò, định sai người con út đi. Con trai cả của Chu Công cũng cố xin đi. Chu Công không nghe. Người con cả nói: - Con cả trong nhà được gọi là kẻ coi sóc việc nhà, nay em có tội cha chẳng sai con, lại sai em út đi, thế con là đứa con hư.

Người con cả toan tự sát. Người mẹ nói hộ cho anh ta: - Nay ông sai thằng út đi thì chưa chắc đã cứu sống được thằng thứ hai, mà trước tiên vô cơ giết mất thằng cả. Biết làm thế nào?

Chu Công cực chẳng đã, phải sai người con cả đi. Ông viết một phong thư đưa cho người bạn cũ là Trang Sinh và dặn rằng: - Khi con đến thì dâng một nghìn lạng vàng vào nhà Trang Sinh, mặc ông ta làm. Nhất thiết không được tranh cãi với ông ta trong việc này.

Người con cả khi đi cũng tự mang theo riêng vài trăm nén vàng sang Sở.

Trang Sinh nhà ở kế ngoại thành. Người con cả phải lách lau cỏ mới tới cửa, thấy nhà có vẻ rất nghèo. Nhưng người con cả cũng đưa thư, dâng nghìn vàng theo lời cha dặn.

Trang Sinh nói: - Thôi! Anh hãy đi ngay đi! Chớ có ở lại! Dù em anh được ra cũng chớ hỏi tại sao lại được tha.

Người con cả ra rồi, không đến nhà Trang Sinh nữa, mà ngằm ở lại, lấy của mình đem dâng cho một quý nhân có quyền thế ở Sở. Trang Sinh tuy ở một xóm nghèo khổ, nhưng cả nước đều nghe tiếng ông thanh liêm và chính trực. Từ vua Sở trở xuống đều tôn làm bậc thầy. Khi Chu Công đưa vàng, không phải ông ta có ý muốn nhận. Ý ông ta chỉ muốn khi xong việc sẽ đưa trả để làm tin mà thôi.

Cho nên khi vàng đưa đến, Trang Sinh bảo vợ: - Đây là vàng của ông Chu. Nhờ tôi không sống được cách đêm thì thế nào cũng phải đưa trả, chớ có động đến!

Nhưng con cả Chu Công không biết ý ông ta, cho ông ta chẳng có thể lực gì.

Trang Sinh thông thả ra mắt vua Sở, nói: - Có nơi sao ... mỗ đóng ở chỗ ... mỗ, cái đó hại cho nước Sở ...

Vua Sở vốn tin Trang Sinh liền hỏi: - Giờ biết làm thế nào?

Trang Sinh nói: - Chỉ có cách dùng đức mới trị được nó.

- Thầy về nghỉ, quả nhân sẽ làm theo.

Nhà vua liền sai sứ giả niêm phong ba kho tiền.

Quý nhân nước Sở kinh ngạc bảo người con cả Chu Công: - Nhà vua sắp đại xá.

Người con cả Chu Công nói: - Làm sao biết?

- Mỗi lần nhà vua sắp đại xá thường cho niêm phong ba kho tiền. Chiều qua nhà vua sai sứ đi niêm phong.

Người con cả Chu Công nghĩ rằng: nếu đại xá thì em mình thế nào cũng được tha. Anh ta tiếc nghìn vàng đem cho lão Trang Sinh, thật là mất toi, bèn lại ra mắt Trang Sinh. Trang Sinh giết mình nói: - Anh chưa về ư?

Người con trưởng nói: - Thưa vẫn chưa ạ! Trước kia vì việc thăng em, nay thăng em may mắn được hưởng lệnh đại xá, cho nên lại đây chào cụ để về.

Trang Sinh biết ý anh ta muốn lấy lại vàng, liền nói: - Anh vào nhà trong mà lấy vàng.

Người con trưởng tự vào nhà lấy vàng ra. Trang Sinh xấu hổ vì bị đưa trẻ con mua chuộc, bèn vào yết kiến vua Sở, nói: -Tôi trước kia có nói về ngôi sao ... mờ. Nhà vua có nói sẽ sửa đức để bổ cứu. Nay tôi ra đường đâu cũng thấy đồn rằng: đứa con nhà giàu ở Đào là Chu Công, giết người bị giam ở Sở, nhà nó đem nhiều vàng bạc đút lót cho các quan hầu nhà vua. Nhà vua không phải vì biết thương nước Sở mà xá đâu, chỉ vì chuyện con Chu Công đó thôi.

Vua Sở cả giận, nói: - Quả nhân tuy có kém đức thật, nhưng lẽ nào lại vì con Chu Công mà phải ra ơn. Liền làm án giết con Chu Công. Hôm sau bèn ra lệnh đại xá.

Con cả Chu Công rút cuộc lại đưa đám tang em trở về.

Người mẹ và người làng đều lấy làm thương xót. Chỉ có Chu Công cười một mình mà rằng: - Ta đã biết thế nào nó cũng giết em nó. Không phải nó không yêu em nó đâu, nhưng có một điều nó không thể chịu nổi. Nó từ nhỏ đã từng chịu khổ cùng ta thấy việc làm ăn khó khăn, cho nên bỏ của thì tiếc. Trái lại, thằng em nó đẻ ra đã thấy ta giàu. Nó chỉ biết cưỡi xe bèn, giông ngựa tốt, theo đuổi cây cáo, nào biết của cải do đâu mà có, cho nên phung phí tiền một cách dễ dàng, chẳng tiếc rẻ gì. Trước đây, sở dĩ ta sai thằng út đi, chỉ là vì nó biết coi thường tiền bạc đó thôi. Thằng cả thì không biết thế, vì vậy mà giết chết em nó. Lẽ đời là thế, có gì đáng thương. Ta ngày đêm vẫn đợi nó đưa đám tang về.

Cho nên Phạm Lãi ba lần đổi chỗ ở mà thành danh trong thiên hạ. Không phải ông ta chỉ bỏ đi một cách dễ dàng, và thế là hết. Ông ta ở đâu, là nổi danh ở đấy. Sau già chết ở Đào, cho nên đời truyền tụng gọi là Đào Chu Công.

Thái Sử Công nói, "Công lao của vua Vũ thực là to lớn! Dẫn nước cho chín con sông, làm chín châu có thể ở được, đến nay tất cả mọi người đều sống yên ổn. Con cháu của ông là Câu Tiễn nhọc công, khổ xác, cuối cùng tiêu diệt được nước Ngô mạnh, phía bắc cho quân đội vào xem Trung quốc để tôn nhà Chu, được danh hiệu là bá vương. Câu Tiễn chẳng đáng gọi là hiền sao? Đó cũng là cái vinh quang sót lại của vua Vũ vậy. Phạm Lãi ba lần đời chỗ ở, đều nổi tiếng tằm để lại đời sau. Vua và tôi đều như vậy, thế nào mà chẳng vinh hiển?"

[10] TRẦN THIỆP thế gia

- [1. Trần Thiệp lúc hàn vi](#)
- [2. Trần Thiệp khởi nghĩa và thất bại](#)
- [3. Tình hình nước Sở sau khi Trần Thiệp chết](#)
- [4. Nguyên nhân thất bại của Trần Thiệp](#)
- [5. Bài "Quá Tàn Luận" của Giả Nghi](#)

1. Trần Thiệp lúc hàn vi

Trần Thắng là người Dương Thành, tên chữ là Thiệp. Ngô Quảng là người Dương Hạ, tên chữ là Thúc. Lúc còn trẻ, Trần Thiệp thường cùng cày thuê với người ta, Thiệp dùng cày ở trên gò, bùi ngùi một hồi lâu mà rằng: - Nếu được giàu sang, xin đừng quên nhau!

Bạn cày thuê cười, đáp: - Đã đi cày thuê, còn giàu sang nỗi gì?

Trần Thắng thở dài nói: - Than ôi! Chim én, chim sẻ làm sao biết được chí của chim hộc, chim hồng.

Tháng bảy, năm thứ nhất đời Nhị Thế (-209) chín trăm người binh dân các làng được đưa đi đồn thú ở Ngũ Dương, đóng lại ở làng Đại Trạch. Trần Thắng, Ngô Quảng đều thuộc vào danh sách phải đi, và làm đồn trưởng. Gặp mưa to, đường bị nghẽn, tính biết đã quá kỳ hạn. Nếu quá kỳ hạn thì theo pháp luật là đều bị chém. Trần Thắng, Ngô Quảng bàn nhau: - Nay nếu chúng ta trốn thì chết, mà mưu việc lớn cũng chết. Cũng một cái chết cả, vậy chết cho nước có nên không?

Trần Thắng nói: - Thiên hạ khổ vì nhà Tần đã lâu rồi. Tôi nghe nói Nhị Thế là con thứ, không đáng được lập làm vua, người đáng được lập là công tử Phù Tô. Phù Tô vì hay can ngăn nên vua sai đi cầm quân ở ngoài. Nay nghe phong thanh ông ta vô tội mà bị Nhị Thế giết. Trăm họ nhiều người nghe nói ông ta hiền, chưa biết ông ta chết (Xem Lý Tư liệt truyện). Hạng Yên làm tướng nước Sở, lập được nhiều công, yêu sĩ tốt, người Sở đều thương. Có người nói ông ta chết, có người nói ông ta bỏ trốn [*Xem Hạng Vũ bản kỷ đoạn 1*]. Nay nếu chúng ta giả xưng là công tử Phù Tô, Hạng Yên, đứng lên hiệu triệu thiên hạ thì chắc nhiều người hưởng ứng.

Ngô Quảng cho là phải. Bèn đi bói. Người bói biết ý, nói: - Mọi việc của túc hạ đều thành, sẽ nên việc hết. Nhưng túc hạ thử "bói quỉ" xem sao.

Trần Thắng, Ngô Quảng mừng lắm, nghĩ đến chuyện "bói quỉ" nói: -, Đây là ông ấy bảo ta trước tiên phải mượn quỉ thần ra uy với dân chúng đây.

Thắng bèn lấy son viết lên lụa trắng mấy chữ "Trần Thắng Vương (Trần Thắng làm vua), bỏ vào bụng con cá. Có người đánh được cá. Quân lính mua cá mổ ra thấy thư ở trong bụng cá cho là quái lạ. Thắng lại ngầm sai Ngô Quảng đến nơi đèn, cây cối um tùm, thấp ngọn đèn lòng làm giả tiếng cáo, "Đại Sở hưng! Trần Thắng Vương!" (Nước Sở nổi lên, Trần Thắng làm vua). Quân lính ban đêm kinh sợ, đến sáng họ kháo nhau, đưa mắt chỉ cho nhau Trần Thắng.

Ngô Quảng tính yêu người, sĩ tốt nhiều người theo giúp. Nhân lúc viên úy say rượu, Quảng cố ý mấy lần nói mình muốn bỏ trốn để cho y nổi giận, mắng nhiếc mình, làm cho quân lính phẫn uất. Viên úy quả nhiên lấy roi đánh Quảng. Viên úy tuốt kiếm, Quảng đứng dậy giựt kiếm và giết viên úy.

Thắng giúp Quảng cùng hai viên úy. Thắng bèn ra lệnh cho những người đi thú: - Các ông gặp mưa, đều đã sai kỳ hạn. Sai kỳ hạn đều bị tội chém. Dù có khỏi bị chém đi nữa, thì trong số mười người đi thú, cũng chết mất sáu, bảy. Vả chẳng, kẻ trảng sĩ không chết thì thôi, chứ đã chết thì phải mưu việc lớn, vương, hầu, tướng quân, thừa tướng, há phải có dòng dõi mới làm nên sao!

Những người đi theo đều nói: - Xin vâng lệnh.

Thắng bèn nói dối là công tử Phù Tô, Hạng Yên để theo ý muốn của dân. Tất cả vén tay áo bên phải lên xưng "Đại Sở" lập đàn thề, lấy đầu viên úy để tế. Trần Thắng tự lập làm tướng quân, Ngô Quảng làm đô úy. Thắng đánh làng Đại Trạch, lấy được Đại Trạch rồi đánh đất Kỳ, lấy được Kỳ. Thắng bèn sai Cát Anh, người ấp Phù Ly đem binh chiêu hàng phía đông đất Kỳ, đánh Trát, Toàn, Khổ, Giá, Tiều, đều lấy được tất cả. Khi đến đất Trần, thì đã có sáu bảy trăm cỗ xe, hơn ngàn kỵ binh, quân lính mấy vạn người. Thắng đánh đất Trần, quan quận thú và huyện lệnh của đất Trần đều không có mặt ở đấy, chỉ có một mình viên thủ thừa chiến đấu ở trong cửa lầu, đánh không nổi, Thủ Thừa chết. Thắng bèn chiếm cứ đất Trần, được vài ngày, Thắng sai hiệu triệu các tam lão (Quan ở làng lo việc dạy dỗ dân) hào kiệt để bàn bạc. Các tam lão và hào kiệt đều nói: - Tướng quân đã mang giáp dày, cầm giáo nhọn, đánh kẻ vô đạo, giết nhà Tần tàn bạo, lập lại xã tắc nước Sở, công lao ấy đáng làm vương.

Trần Thiệp bèn tự lập làm vương, hiệu là Trương Sở (Nước Sở mở rộng).

2. Trần Thiệp khởi nghĩa và thất bại

Trong lúc bấy giờ, các quận huyện cực khổ vì quan lại nhà Tần, nên đều phôi bày tội trạng bọn quan cầm đầu ở đấy, giết họ để hưởng ứng Trần Thiệp. Trần Thiệp bèn cho Ngô Thúc làm giả vương giám đốc các tướng, đem binh về hướng tây đánh Huỳnh Dương, sai Vũ Thần, Trương Nhĩ, Trần Dư, người đất Trần, chiêu hàng đất Triệu, sai Đặng Tôn, người đất Nhữ Âm, chiêu hàng quận Cửu Giang. Bấy giờ những toán quân Sở họp nhau từng nhóm vài nghìn người tính không xuê.

Cát Anh đến đất Đông Thành lập Trương Cương làm Sở Vương, sau đó Cát Anh nghe tin đã lập Trần Vương, nên giết Trương Cương quay về báo với Trần Thiệp. Đến đất Trần, Trần Vương giết Cát Anh. Trần Vương sai Chu Thị, người nước Ngụy, lên miền bắc chiêu hàng đất Ngụy. Ngô Quảng vây Huỳnh Dương. Lý Do làm thái thú quận Tam Xuyên giữ Huỳnh Dương, Ngô Thúc đánh, không lấy được thành.

Trần Vương mời những người hào kiệt trong nước để bàn, cho Thái Tử người Thượng Thái, ấp Phòng Quân, làm thượng trụ quốc. Chu Văn là người hiền ở đất Trần, thường coi ngày tốt xấu cho quân của Hạng Yên trước, làm việc với Xuân Thân Quân, tự tiến cử mình với Trần Thiệp, nói rằng mình thông thạo binh pháp. Trần Vương cấp cho y ấn tướng quân, đem binh về hướng tây đánh Tần. Chu Văn đi tập hợp quân đội đến Hàm Cốc Quan, có ngàn cỗ xe, mấy mươi vạn binh, đến đất Hý đóng quân. Tần sai quan thiếu phủ là Chương Hàm tha cho những người làm phu dịch ở Ly Sơn, và con cháu nô tỳ, đem tất cả để đánh đại quân của Sở. Quân Sở thua to. Chu Văn thua chạy ra khỏi Hàm Cốc Quan, dừng lại đóng quân ở Tào Dương hai ba tháng. Chương Hàm đuổi theo đánh. Chu Văn lại thua, bỏ chạy đến đóng ở Dẫn Trì hơn mười ngày. Chương Hàm đánh Chu Văn thua to. Chu Văn tự đâm cổ chết, quân lính không chiến đấu nữa.

Vũ Thần đến Hàm Đan tự lập làm Triệu Vương. Trần Dư làm đại tướng quân, Trương Nhĩ, Thiệu Tao làm tả thừa tướng, hữu thừa tướng. Trần Vương giận bắt trời gia quyền bọn Vũ Thần định giết đi. Quan trụ quốc nói: - Nước Tần chưa mất mà ta lại giết gia quyền vua tôi Triệu Vương thì tức là gây ra một nước Tần nữa. Chi bằng nhân đó mà lập họ.

Trần Vương bèn sai sứ đến mừng Triệu Vương, đem gia quyền bọn Vũ Thần vào cung, phong con của Nhĩ là Trương Ngao làm Thành Đô Quân, giục quân Triệu mau mau vào Hàm Cốc Quan. Các quan văn võ Triệu Vương bàn với nhau: - Nhà vua được làm vương ở đất Triệu, không phải là ý muốn của Sở. Nếu nước Sở diệt xong nước Tần thì nhất định sẽ đem binh đánh Triệu. Không có kế gì hơn là đừng đem binh về hướng tây, sai sứ đi về hướng bắc chiêu hàng đất Yên để mở rộng thêm đất cho nước mình. Nước

Triệu phía nam giữ Hoàng Hà, phía bắc lấy được đất Yên, đất Đại thì nước Sở dù có đánh thắng được Tần cũng không sao chế được Triệu. Nếu nước Sở không đánh thắng được Tần thì phải quý trọng nước Triệu. Nước Triệu nhân lúc Tần suy nhược có thể đắc chí với thiên hạ.

Triệu Vương cho là phải. Vì vậy Triệu Vương không đem binh về hướng tây, mà lại sai Hàn Quảng trước kia làm tốt sử (chức quan nhỏ) ở Thượng Cốc, đem binh về hướng bắc chiêu hàng đất Yên. Các quan lại và quý tộc cũ cùng hào kiệt ở Yên nói với Hàn Quảng: - Nước Sở đã lập vương, nước Triệu cũng lại lập vương, nước Yên tuy nhỏ cũng là nước có vạn cỗ xe, xin tướng quân tự lập làm Yên Vương.

Hàn Quảng nói: - Mẹ Quảng ở Triệu, làm thế không được.

Người Yên nói: - Nước Triệu hiện nay phía tây đang lo về nước Tần, phía nam lo về nước Sở, sức của nó không thể cấm ta được, vả chăng mạnh như nước Sở mà còn không dám hại gia đình vua tôi Triệu Vương, nước Triệu làm gì dám hại đến gia quyến tướng quân!

Hàn Quảng cho là phải, tự lập làm Yên Vương. Được vài tháng, nước Triệu đưa mẹ và gia quyến của Yên Vương về nước Yên. Lúc bấy giờ số các tướng đi chiêu hàng các nơi kể không xiết.

Chu Thị đi về hướng bắc chiêu hàng đến đất Địch. Người đất Địch là Điền Đam giết quan huyện lệnh đất Địch, tự lập làm Tề Vương, đánh Chu Thị, Quân của Thị tan rã, Thị trở về đến đất Ngụy, muốn lập con cháu vua Ngụy, là Ninh Lăng Quân tên là Cữu, làm Ngụy Vương. Lúc bấy giờ Cữu đang ở nơi Trần Vương, không thể về đất Ngụy. Sau khi đã lấy được nước Ngụy, người ta muốn lập Chu Thị làm Ngụy Vương, Chu Thị không chịu, sai sứ đi về năm lần. Trần Vương mới lập Ninh Lăng Quân Cữu làm Ngụy Vương, cho Cữu về nước. Chu Thị được làm thừa tướng. Bọn tướng quân Điền Tang bàn với nhau: - Quân của Chu Chương đã bị phá rồi, quân Tần nay mai sẽ đến, chúng ta vây thành Huỳnh Dương không lấy được, nếu quân Tần đến thì thua to. Chi bằng ta để lại ít binh đủ để giữ Huỳnh Dương thôi, còn đem tất cả tinh binh ra đón đánh quân Tần. Nay giả vương kêu ngạo, không biết binh quyền, ta không thể cùng mưu toan với ông ta được, nếu không giết ông ta thì nhất định hỏng việc.

Họ bèn giả mệnh lệnh của Trần Vương giết chết Ngô Thúc, đem đầu dâng cho Trần Vương. Trần Vương sai sứ cấp cho Điền Tang ấn tín làm lệnh doãn nước Sở, cho Tang làm thượng tướng. Điền Tang bèn sai các tướng là bọn Lý Qui giữ thành Huỳnh Dương, còn mình đem quân tinh nhuệ đi về hướng tây đón đánh quân Tần ở Ngao Thương. Hai bên giao chiến. Điền Tang chết, quân bị phá vỡ. Chương Hàm đem quân đánh bọn Lý Qui ở dưới chân thành Huỳnh Dương phá quân Lý Qui. Bọn Lý Qui chết.

Đặng Duyệt, người Dương Thành, đem binh đến đất Đàm, biệt tướng của Chương Hàm đánh và phá quân Đặng Duyệt. Quân của Đặng Duyệt tán loạn chạy vào đất Trần. Ngũ Từ, người đất Trát đem binh đến đất Hứa, Chương Hàm đánh phá quân Ngũ Từ, quân của Ngũ Từ bỏ chạy tán loạn vào đất Trần. Trần Vương giết Đặng Duyệt. Khi Trần Vương mới lập, bọn Tần Gia, người đất Lãng, Đông Tiết người đất Trát. Chu Kê Thạch, người đất Phù Ly, Trịnh Bô người đất Thủ Lư, Đinh Tật người đất Từ đều tự mình nổi lên, đem binh vây thái thú Đông Hải tên là Khánh ở đất Đàm. Trần Vương nghe tin bèn sai Vũ Bình Quân tên là Bạt làm tướng quân, điều khiển các đạo quân vây đất Đàm. Tần Gia không chịu nghe theo, tự lập làm đại tư mã không chịu phụ thuộc vào Vũ Bình Quân. Tần Gia nói với bọn quan lại: -Vũ Bình Quân ít tuổi, không hiểu việc binh, chớ có nghe ông ta.

Nhân đó, Gia giả làm mệnh lệnh của Trần Vương, giết Vũ Bình Quân. Chương Hàm sau khi đã đánh bại Ngũ Từ, đem quân đánh Trần. Trụ Quốc là Phòng Quân chết. Chương Hàm lại tiến binh đánh quân của Trương Hạ ở phía tây đất Trần. Trần Vương thân hành ra đốc suất trận đánh. Quân bị đánh bại, Trương Hạ chết.

Tháng chạp, Trần Vương đến huyện Nhữ Âm quay về đến Hạ Thành Phụ. Người đánh xe là Trang Giả giết Trần Vương để đầu hàng Tần. Trần Thắng được chôn ở đất Đường hiệu bệ là Ân Vương.

3. Tình hình nước Sở sau khi Trần Thiệp chết

Lữ Thần trước là người hầu cận Trần Vương, quân của ông ta đều đội mũ xanh, khởi binh ở Tân Dương, đánh lấy đất Trần, giết Trang Giả, lại gọi nước Trần là nước Sở. Lúc đầu, Trần Vương đến đất Trần, sai Tống Lưu người đất Trát đem binh đánh lấy Nam Dương, vào đất Vũ Quan. Lưu đã chiêu hàng được Nam Dương, nhưng nghe tin Trần Vương chết, đất Nam Dương lại theo về Tần, nên không thể vào Vũ Quan. Lưu bèn đi về hướng đông vào đất Tân Thái, gặp quân của Tần, Tống Lưu đem quân đầu hàng Tần. Tần cho giải Lưu bằng xe trạm về đến Hàm Dương, buộc người vào xe, xé xác để thị uy. Bọn Tần Gia nghe tin quân của Tần Vương bị phá vỡ, liền bỏ chạy, lập Cảnh Câu làm Sở Vương đem binh đến đất Phương Dư, muốn đánh quân Tần ở vùng Định Đào, Tần Gia sai Công Tôn Khánh đi sứ sang Tề Vương muốn cùng Tề hợp lực tiến quân. Tề Vương nói: - Ta nghe tin Trần Vương thua trận, không biết sống chết thế nào, sao nước Sở lại không xin phép ta mà lập vua.

Công Tôn Khánh nói: -Nước Tề lập vua không xin phép nước Sở, vậy nước Sở có lẽ nào lại xin phép Tề để lập vua. Vả chẳng nước Sở đầu tiên khởi xướng việc chống Tần, đáng lý được ra lệnh cho cả thiên hạ.

Điền Đàm giết Công Tôn Khánh. Quân tả hiệu úy, hữu hiệu úy của Tần lại đánh Trần, lấy được Trần. Quân của Lữ Thần bỏ chạy, quân lính lại tập hợp. Quân của viên tướng cướp ở đất Ba là Đương Dương Quân Kinh Bồ liên hợp với quân của Lữ Thần đánh quân tả, hữu hiệu úy và phá quân Tần ở đất Thanh Ba, lại gọi nước Trần là nước Sở. Bây giờ là lúc Hạng Lương lập cháu của Hoài Vương là Tâm làm Sở Vương.

4. Nguyên nhân thất bại của Trần Thiệp

Trần Thắng làm vương tất cả sáu tháng. Khi làm vương đóng ở đất Trần có người bạn cũ thường cùng cày thuê với Thắng, nghe tin ấy, đến nước Trần gõ vào cửa cung mà nói: - Ta muốn gặp anh Thiệp!

Quan coi cửa cung muốn bắt trời lại. Anh ta kể lại đầu đuôi, nên được tha. Quan coi cửa không chịu báo. Trần Vương ra, anh ta đón đường mà kêu "Thiệp!". Trần Thắng nghe vậy, bèn gọi vào gặp mặt, mang lên xe cùng về. Khi vào cung, anh ta nhìn thấy cung điện, màn trướng, nói: -"Loả di!" (Ôi chà!). Thiệp làm vương thật là oai vệ quá! (Người Sở nói nhiều là "loả", vì vậy thiên hạ lưu truyền rằng, "Loả Thiệp làm vương", là từ đó).

Người khách ấy ra vào càng ngày càng phóng túng cứ nói đến tình xưa nghĩa cũ của Trần Vương. Có kẻ bàn với Trần Vương: - Người khách ngu không biết gì, cứ ăn nói bừa bãi, làm giảm uy tín của ngài.

Trần Vương bèn giết đi. Những người cố nhân của Trần Vương đều kéo nhau đi. Vì vậy không ai thân với Trần Vương.

Trần Vương cho Chu Phòng làm trung chính (quan coi việc thăng thưởng, bổ nhiệm các quan). Hồ Vũ làm tư quá (chức quan để can ngăn những điều sai lầm, như chức giám sát ngự sử), xem xét những điều sai lầm của quần thần. Các tướng chiêu hàng các nơi xong lại về phục mệnh, ai không theo mệnh lệnh thì họ trời lại và trị tội, lấy việc hà khắc để tỏ ra trung thành. Họ thấy ai không hợp thì không cần giao cho pháp quan tra xét mà tự mình xử lý. Trần Vương tin dùng họ. Vì thế các tướng không theo và rốt cục bị thất bại.

Mặc dầu Trần Thắng đã chết, các chư hầu, vương, tướng quân, thừa tướng do Thắng lập nên, cuối cùng đã làm cho nhà Trần mất. Như thế, Thiệp là người đầu tiên đã khởi xướng. Thời Cao Tổ, Trần Thiệp được cấp ba mươi nhà để giữ phần mộ ở đất Đường, đến nay vẫn còn tế tự.

5. Bài "Quá Tàn Luận" của Giả Nghị

Chữ tiên sinh (Chữ tiên sinh: chữ Thiệu Tôn người đời Hán Thành Đế, có bổ khuyết vào "Sử ký" Tư Mã Thiên mấy thiên) nói: địa hình hiểm trở dùng để giữ nước, quân lính hình pháp dùng để trị nước, nhưng cũng không đủ cậy vào đó được. Tiên Vương ngày xưa lấy nhân nghĩa làm cái gốc, mà lấy địa thế, pháp luật làm ngọn, quả thật là đúng! Tôi nghe Giả sinh (Giả sinh: Giả Nghị, nhà văn và nhà chính trị thời Hán Văn Đế. Đoạn này là lấy trong bài "Quá Tàn Luận" của Giả Nghị - bàn về cái sai lầm của nhà Tần) nói "Tần Hiếu Công dựa vào sự kiên cố của núi Hào Sơn và cửa Hàm Cốc Quan nắm lấy đất Ung Châu, vua tôi cố giữ để nhằm dòm ngó nhà Chu, có ý chí muốn lấy cả thiên hạ, tóm cả các nước, bỏ cả bốn biển vào túi, nuốt cả tám cõi. Lúc bấy giờ, Thương Quân giúp ông ta, bên trong thì cải cách pháp chế, đôn đốc việc cày ruộng, dệt lụa, dự bị sẵn sàng để cố thủ hay tác chiến, bên ngoài thì xui chur hầu liên hoành thờ Tần mà đánh lẫn nhau. Nhờ đó, mà người Tần chỉ vòng tay mà lấy được đất ở bên kia Tây Hà. Sau khi Hiếu Công mất đi, Huệ Văn Vương, Vũ Vương, Chiêu Vương nhờ nghiệp cũ, theo cái sách lược cha ông để lại, phía nam lấy đất Hán Trung, phía tây lấy đất Ba, đất Thục, phía đông cắt đất màu mỡ, thu được những quận xung yếu, hiểm trở. Chư hầu hoảng sợ, họp nhau giao ước để làm yếu nước Tần. Họ không tiếc vật quý, của báu, đất đai phì nhiêu, đem ra để mời kẻ sĩ trong thiên hạ. Họ họp tung, liên kết nhau thân thiết để hợp làm một. Trong thời bấy giờ, nước Tề có Mạnh Thường Quân, nước Triệu có Bình Nguyên Quân, nước Sở có Xuân Thân Quân, nước Ngụy có Tín Lăng Quân. Bốn người này đều là những người sáng suốt, khôn ngoan, trung thực, tín nghĩa, rộng lượng, trung hậu, yêu người, tôn quý người hiền và kính trọng kẻ sĩ. Họ lo họp tung các nước, chống lại kế liên hoành của Tần, bao gồm dân Hàn, Ngụy, Yên, Triệu, Tống, Vệ, Trung Sơn. Lúc bấy giờ kẻ sĩ của sáu nước có bọn Ninh Việt, Từ Thượng, Tô Tần, Đổ Hách làm mưu sĩ, có bọn Tề Minh, Chu Thú, Trần Chân, Thiệu Hoạt, Lâu Hoãn, Định Cảnh, Tô Lệ, Nhạc Nghị truyền đạt cái ý ấy, có bọn Ngô Khởi, Tô Tần, Đái Tha, Nghê Lương, Vương Liêu, Điền Kỵ, Liêm Pha, Triệu Xa cầm quân, thường lấy đất đai rộng gấp mười, quân đội trăm vạn, ngẩng mặt lên cửa Hàm Quan mà đánh Tần (Vì Tần ở nơi đất cao, quân chư hầu đánh phải trông lên phía trên). Người Tần mở cửa ải đón đánh, quân của chín nước bỏ chạy không dám tiến. Nước Tần không phí một mũi tên hòn đạn nào mà cả thiên hạ đều nguy khốn. Khi bấy giờ kẻ họp tung bị tan, lời giao ước bị bỏ, các nước tranh nhau cắt đất để đút lót cho nước Tần. Nước Tần có thừa sức để nhắm nước nào yếu thế thì đánh đuổi kẻ bỏ trốn, rượt theo kẻ đã bị đánh bại, thây nằm trăm vạn, máu chảy trôi cả cái khiên, nhân cơ hội tiện lợi, mà chia cắt thiên hạ, xẻ núi, rạch sông, nước

manh xin phục tùng, nước yếu xin vào châu. Thời Hiếu Văn Vương, Trang Tương Vương làm vua không được bao lâu, nước nhà vô sự. Đến đời Thủy Hoàng, nhờ cái sự nghiệp sáu đời để lại, cầm roi dài mà chế ngự cả thiên hạ. Nuốt hai nhà Chu (Đông Chu và Tây Chu) mà diệt chư hầu, lên ngôi chí tôn mà làm chủ cả sáu cõi, cầm gậy gộc để đánh đập thiên hạ, uy vang bốn biển. Phía nam lấy đất Bách Việt, lập thành Quế Lâm, Tượng Quân. Vua của Bách Việt cúi đầu, buộc cổ nộp tính mạng cho quan coi ngục. Thủy Hoàng bèn sai Mông Điền xây tường thành phía bắc để gìn giữ phen giậu, đuổi quân Hung Nô hơn bảy trăm dặm, người Hồ không dám xuống phía nam chặn ngựa, kẻ sĩ cũng không dám dương cung để báo oán. Tần bèn bỏ đạo tiên vương, đốt sách bách gia, làm ngu dân đen, hủy hoại các danh thành, giết những người hào kiệt, thu binh khí của thiên hạ tập trung ở Hàm Dương, nấu binh khí ấy để đúc mười hai người bằng đồng, nhằm làm cho nhân dân yếu đi. Đoạn dựa vào núi Hoa Sơn để làm thành, lấy sông Hoàng Hà để làm ao, giữ cái thành cao một ức trượng, cạnh cái khe sâu không đáy, lấy thế làm vững chãi. Tướng giỏi, nỗ cứng, giữ nơi hiểm yếu, quan trọng, tôi tín cẩn, lính tinh nhuệ, bày binh khí sắc bén ra, còn ai dám làm gì nữa!

Thiên hạ đã bình định, lòng Thủy Hoàng tự cho rằng Quan Trung hiểm trở kiên cố, thành đồng ngàn dặm là nghiệp đế vương vạn đời cho con cháu. Thủy Hoàng chết rồi, uy danh để lại còn vang dậy ở nước ngoài. Thế nhưng Trần Thiệp, một người vốn xuất thân từ nơi nhà rách, vách nát, dân ngu khu đen, trôi sông lạc chợ, tài năng không bằng con người bậc trung, không có cái hiền tài của Trọng Ni, Mặc Định, không có cái giàu của Đào Chu, Ý Đốn, chen chân giữa hàng lính tráng, lúi húi nơi đồng ruộng, cầm đầu bọn lính tráng mệt mỏi tan tác, đem số người chỉ độ vài trăm quay lại đánh Tần! Chặt gỗ làm binh khí, giờ gậy trúc làm cờ, thiên hạ hưởng ứng như mây họp, mang lương thực đi theo như bóng theo hình. Hào kiệt đất Sơn Đông nổi lên làm cho nhà Tần bị tiêu diệt. Ôi! Thiên hạ không phải là nhỏ yếu, đất Ung Châu, Hào Sơn, Hàm Cốc Quan vẫn kiên cố như xưa. Địa vị của Trần Thiệp không phải tôn quý hơn vua Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tống, Vệ, Trung Sơn. Cán cuộc, gậy, không phải sắc hơn liềm, giáo. Những người đi thú, không đông hơn quân của chín nước. Việc mưu sâu lo xa, phép hành quân, dụng binh, không bằng các kẻ sĩ ngày xưa.

Thế nhưng thế cục thay đổi, công nghiệp ngược nhau. Nếu thử so sánh các nước Sơn Đông với Trần Thiệp về mặt rộng lớn, quyền lực thì thực là một trời một vực. Nhưng Tần từ một miếng đất nhỏ bé mà nắm được quyền vạn cỗ xe, đè áp tám châu, bắt những nước cùng ngang hàng phải thần phục mình, đã hơn một trăm năm rồi, sau mới tóm cả sáu cõi để làm nhà, lấy Hào Sơn, Hàm Cốc Quan để làm cung. Một người xướng xuất phản đối mà bảy

miếu đồ, thân chết vì tay người, bị thiên hạ cười. Tại sao? Đó là vì không lo làm điều nhân nghĩa, và cái thế đánh được nước cùng giữ được nước khác nhau vậy.

Bài "Quá Tần Luận" của Giả Nghị. Bài này là một bài khái quát tình hình đời Chiến Quốc và nêu nguyên nhân thất bại của nước Tần rất nổi tiếng trong văn chính trị của Trung Quốc.

[11]
LƯU HẬU thế gia

- [1. Trương Lương trước khi theo Lưu Bang](#)
- [2. Trương Lương bày mưu cho lấy thiên hạ](#)
- [3. Trương Lương bày mưu cho Lưu HẬU khiến nhà vua không thay đổi thái tử](#)
- [4. Lời bàn](#)

1. Trương Lương trước khi theo Lưu Bang

Tổ tiên Lưu Hầu Trương Lương là người nước Hàn. Người ông là Khai Địa làm tướng quốc của Hàn Chiêu Hầu, Tuyên Huệ Vương, Tương Ai Vương, cha là Bình làm tướng quốc của Ly Vương, Điều Huệ Vương. Năm thứ hai mươi ba đời Điều Huệ Vương. Bình chết (250 trước công nguyên). Lương còn ít tuổi, chưa từng làm quan nước Hàn. Khi nước Hàn bị phá tan, Lương có ba trăm người tôi tớ trong nhà. Em Lương chết, Lương không lo chôn cất, đem tất cả gia tài tìm thích khách giết vua Tần để báo thù cho nước Hàn, bởi vì cha và ông làm tướng quốc năm đời vua Hàn. Lương thường học lễ ở đất Hoài Dương, đi về đông yết kiến Thương Hải Quân (người ẩn sĩ lúc bấy giờ), tìm được một lực sĩ làm một cái chùy sắt, nặng một trăm hai mươi cân. Tần Thủy Hoàng đi chơi ở miền đông, Lương và người khách rình đánh Tần Thủy Hoàng ở bãi cát Bắc Lăng, đánh nhằm phải xe tùy tùng. Tần Thủy Hoàng nổi giận sai lùng khắp thiên hạ, tìm người thích khách rất gấp, cốt lòng cho được Trương Lương. Lương bèn đổi tên họ, trốn tránh ở Hạ Bì. Một hôm dạo chơi ở trên cầu Hạ Bì, Lương thấy một cụ già, mặc áo cộc đến chỗ mình, để chiếc giày rơi tồm xuống cầu. Cụ quay lại bảo Lương: -Thằng bé, xuống lấy giày!

Lương ngạc nhiên muốn đánh. Nhưng thấy ông cụ già cả nên cố nhịn, xuống lấy giày lên.

Ông cụ nói: - Xỏ giày cho ta!

Lương trót đã lấy giày, nên cũng luôn tiện quỳ xuống xỏ giày cho ông cụ. Cụ già đút chân vào giày, cười rồi bỏ đi. Lương hết sức kinh ngạc, đưa mắt nhìn theo. Ông cụ đi khỏi một dặm, lại quay lại nói: - Thằng bé dạy được đấy. Năm ngày sau, sáng tinh mơ, người sẽ gặp ta ở đây.

Lương lấy làm lạ, quỳ xuống nói: - Dạ!

Năm hôm sau, sáng tinh mơ, Lương đến thì cụ già đã ở đấy từ trước. Cụ giận, nói: - Đã hẹn với người già cả, lại đến sau là có gì?

Cụ ra đi, nói: - Năm ngày nữa, sẽ gặp ở đây cho sớm.

Năm ngày sau, vào lúc gà gáy, Lương đến nơi hẹn, thì cụ già đã đến trước. Cụ lại giận, nói: - Tại sao lại đến sau?

Cụ ra đi, nói: - Năm ngày sau, đến cho sớm.

Năm ngày sau, chưa đến nửa đêm, Lương đã đi. Một lát sau, cụ già cũng đến.

Cụ vui mừng nói: - Thế mới phải chứ!

Cụ đưa ra một quyển sách nói: - Đọc quyển sách này thì làm được thầy bậc vương giả. Mười năm sau, sẽ ứng nghiệm. Mười ba năm sau, con đến gặp ta. Hòn đá màu vàng dưới chân núi Cốc Thành ở phía bắc sông Tế là ta đó.

Cụ già liền đi, không nói gì và Lương không gặp lại nữa. Sáng hôm sau, Lương xem quyển sách thì đó là quyển "Thái Công binh pháp". Lương vì vậy rất quý quyển này, thường đem ra học tập nghiên ngẫm. Lương ở Hạ Bì làm người nghĩa hiệp. Hạng Bá giết người, được Lương che chở.

2. Trương Lương bày mưu cho lấy thiên hạ

Mười năm sau (209 trước công nguyên), bọn Trần Thiệp khởi nghĩa, Lương cũng tụ họp hơn trăm trai tráng. Cảnh Câu ở đất Lưu tự lập làm Giả Vương ("Vua tạm thời", lập vua tạm thời để hiệu triệu dân chúng cho tiện) nước Sở. Lương muốn đi theo. Giữa đường, Lương gặp Bái Công. Bái Công đem mấy nghìn người cướp được đất ở phía tây Hạ Bì. Lương bèn theo Bái Công. Bái Công cho Lương làm tướng coi về việc ngựa của quân. Lương mấy lần đem binh pháp của Thái Công ra trình bày với Bái Công. Bái Công khen, thường dùng sách lược ấy. Lương nói cho người khác nghe thì họ đều không hiểu. Lương nói: - Bái Công là người nhà trời chăng?

Vì vậy, Lương theo Bái Công, không đến yết kiến Cảnh Câu nữa.

Bái Công đến đất Tiết, yết kiến Hạng Lương, Hạng Lương lập Sở Hoài Vương. Lương bèn nói với Hạng Lương: - Ngài đã lập con cháu vua Sở, trong các công tử nước Hàn, Hành Dương Quân tên là Thành là người hiền, có thể lập làm vương để tăng thêm vây cánh.

Hạng Lương sai Trương Lương tìm Hàn Thành, lập làm vua Hàn, cho Lương làm tư đồ nước Hàn, cho Hàn Vương cầm hơn nghìn quân đi về hướng tây lấy đất Hàn. Quân Hàn lấy được mấy thành, nhưng quân Tần cướp lại ngay. Quân Hàn đi lại đánh quanh quẩn ở miền Dĩnh Xuyên. Khi Bái Công đi từ miền nam Lạc Dương ra khỏi núi Hoàn Viên, Lương dẫn quân theo Bái Công, lấy được hơn mười thành của Hàn, đánh phá quân của Dương Hùng. Bái Công bèn sai Hàn Vương Thành ở lại giữ huyện Dương Định, còn mình cùng Trương Lương đi về hướng nam, đánh lấy được đất Uyển, rồi quay sang hướng tây vào Vũ Quan. Bái Công muốn đem hai vạn quân đánh quân Tần ở gần đất Nghiên. Lương nói: - Quân Tần vẫn còn mạnh, chưa có thể coi thường. Thần nghe nói tướng Tần là con nhà hàng thịt. Là con nhà buôn, thì dễ lấy lợi mà lời cuốn họ. Xin Bái Công hãy tạm thời ở lại giữ thành, sai người đi trước dự bị lương thực cho năm vạn người ăn, lại cấm thêm cờ xí ở trên núi để làm nghi binh, sai Lịch Tự Cơ mang của quý đút lót cho tướng Tần.

Quả nhiên tướng Tần làm phản, muốn liên kết với Bái Công cùng đem binh về hướng Tây đánh úp Hàm Dương. Bái Công nghe theo, Lương nói: - Đây chỉ có viên tướng của nó là muốn làm phản thôi, sợ bọn quân lính không nghe theo. Nếu họ không nghe theo thì nguy, chi bằng ta nhân lúc nó trễ nãi mà đánh nó.

Bái Công liền đem quân đánh quân Tần, phá tan quân Tần. Bèn đi về hướng bắc đến Lam Điền. Đánh trận thứ hai, quân Tần thua to. Bái Công bèn đến Hàm Dương, vua Tần là Tử Anh ra hàng.

Bái Công vào cung nhà Tần, thấy nhà cửa, màn trướng, chó ngựa, vật

quí, đàn bà con gái đến hàng ngàn, ý muốn ở lại đây. Phàn Khoái can Bái Công nên ra ngoài. Bái Công không nghe. Lương nói: - Tần làm điều vô đạo cho nên Bái Công mới đến được đây. Đã cốt vì thiên hạ giết bọn giặc tàn ác, thì ta nên ăn ở theo lối mộc mạc, để tỏ cái nền nếp của mình. Nay ngài vừa mới vào nước Tần mà đã ham thích cái vui thú của nó, thì khác gì người ta nói "Nói giáo cho giặc" vậy. Và chẳng, "lời nói ngay nghe chướng tai, nhưng có lợi cho việc làm, thuốc đắng, uống khó chịu nhưng chữa được bệnh", xin Bái Công nghe theo lời Phàn Khoái.

Bái Công bèn đem quân về Bá Thượng.

Hạng Vũ về đến Hồng Môn, muốn đánh Bái Công. Hạng Bá đang đem rượu ngựa vào trong quân doanh của Bái Công hội kiến riêng với Trương Lương, muốn rủ Lương cùng đi với mình. Lương nói: -Tôi vì Hàn Vương mà tiễn Bái Công, nay có việc gấp bỏ trốn đi thì bất nghĩa.

Lương bèn đem tất cả những lời nói của Hạng Bá nói lại với Bái Công, Bái Công hoảng sợ nói: -Làm sao bây giờ?

Lương hỏi: - Bái Công có muốn chống lại Hạng Vũ không?

Bái Công nói: - Cái thằng khốn nạn kia khuyên ta giữ lấy Hàm Cốc Quan, không cho quân của chư hầu vào, thì có thể làm vương trên tất cả đất Tần, cho nên ta nghe theo.

Lương hỏi: - Bái Công tự lượng sức xem có thể đánh lui được Hạng Vũ không?

Bái Công yên lặng một lát rồi nói: - Cố nhiên là không được. Làm sao bây giờ?

Lương bèn cố mời Hạng Bá vào. Hạng Bá yết kiến Bái Công. Bái Công mời Bá uống rượu chúc thọ kết làm thông gia, nhờ Hạng Bá nói lại đầu đuôi rằng, Bái Công không dám phản lại Hạng Vũ. Bái Công sợ dĩ giữ lấy cửa ải là đề phòng bị bọn đạo tặc khác. Sau rồi Bái Công gặp Hạng Vũ mới được giải thoát, việc ấy đã nói trong truyện Hạng Vũ (Xem Hạng Vũ bản kỷ).

Tháng giêng, năm thứ nhất nhà Hán (206). Bái Công làm Hán Vương, cai trị đất Ba, đất Thục. Hán Vương cho Lương hai nghìn lạng vàng, hai hộc châu báu, Lương đem hiến tất cả cho Hạng Bá. Hán Vương cũng nhân đó, sai Lương đem nhiều của quý cho Hạng Bá nhờ Hạng Bá xin đất Hán Trung cho mình. Hạng Vương ưng thuận, vì vậy Bái Công được đất Hán Trung. Hán Vương vào đất Ba, đất Thục, Lương tiễn đến đất Bao Trung. Hán Vương sai Lương về nước Hàn. Lương nhân đó nói với Hán Vương: - Sao đại vương không đốt quách các đường sạn đạo (Xem chú thích ở Cao Tổ bản kỷ) đã đi qua, để nói với thiên hạ rằng mình không có ý muốn quay lại, làm cho Hạng Vương yên lòng!

Hán Vương bèn sai Trương Lương quay lại. Hán Vương đi qua đốt tất cả

đường sạn đạo.

Lương đến nước Hàn. Vì Hàn Vương Thành đã cho Lương theo Hán Vương, nên Hạng Vương không cho Thành về nước Hàn, bắt Thành theo mình sang đông. Lương nói với Hạng Vương: - Hán Vương đã đốt đường sạn đạo, tức là không muốn quay lại nữa.

Lương bèn lấy thư của Tề Vương là Điền Vinh làm phản đưa cho Hạng Vương. Vì vậy Hạng Vương không lo đến Hán Vương đang ở phía tây, trái lại, đem binh về phương bắc đánh Tề. Sau đó Hạng Vương không chịu cho Hàn Vương về, giáng xuống làm hầu, rồi giết ở Bành Thành. Lương bỏ trốn, lên theo về với Hán Vương. Hán Vương cũng đã lấy được Tam Tần, cho Lương làm Thành Tín Hầu, đi về hướng đông đánh Sở.

Quân Hán tới Bành Thành, bị đánh bại quay về. Hán Vương đến Hạ Ấp xuống ngựa, ngồi xỏm trên yên ngựa (chi tiết dường như không quan trọng nhưng rất điển hình) mà hỏi Trương Lương: - Ta muốn bỏ tất cả đất đai từ Hàm Cốc Quan sang phía đông. Bây giờ giao cho ai thì có thể cùng ta lo nghiệp lớn?

Lương nói: - Cửu Giang Vương Kinh Bố là viên mãnh tướng của Sở, có hiềm khích với Hạng Vương. Bành Việt theo Tề Vương là Điền Vinh làm phản ở đất Lương, hai người này nên dùng ngay. Trong số các tướng của Hán Vương, chỉ có một mình Hàn Tín là có thể giao được việc lớn, chống giữ được một mặt. Nếu muốn bỏ đất đai cứ giao cho ba người ấy thì có thể phá được nước Sở.

Hán Vương bèn sai Tuỳ Hà, nói với Cửu Giang Vương Kinh Bố, lại sai sứ giả kết liên với Bành Việt. Đến khi Ngụy Vương là Báo làm phản, Hán Vương sai Hàn Tín đem binh đánh Báo, nhờ vậy lấy được các nước Yên, Đại, Tề, Triệu. Cuối cùng phá được nước Sở, là do sức của ba người này.

Trương Lương hay ốm, chưa từng làm tướng một mình, thường làm kẻ bày mưu kế, và luôn luôn đi theo Hán Vương.

Năm thứ ba nhà Hán (204 trước công nguyên), Hạng Vũ vây Hán Vương ở Huỳnh Dương rất gấp. Hán Vương lo lắng, cùng Lịch Tư Cơ bàn cách làm yếu lực lượng của Sở. Lịch Tư Cơ nói: - Ngày xưa, vua Thang đánh Kiệt, phong cho con cháu Kiệt ở đất Kỷ. Vua Vũ Vương đánh Trụ, phong cho con cháu Trụ ở đất Tống. Nay nhà Tần bỏ điều đức nghĩa, lần đánh các nước chư hầu, tiêu diệt con cháu sáu nước, khiến cho họ không có tác đất cắm dùi. Nếu bệ hạ quả thực lập lại được con cháu sáu nước, họ nhận được ân rồi thì vua tôi, trăm họ tất cả đều mang ơn đức, không ai không nô nức hâm mộ đạo nghĩa của bệ hạ, tình nguyện làm thần thiếp. Nếu đã thi hành đức nghĩa, thì bệ hạ quay mặt về hướng nam mà xưng bá, nước Sở nhất định phải khép áo đến châu.

Hán Vương nói: - Phải! Mau mau khắc ấn! Tiên sinh nhân tiện đi mang theo luôn.

Tự Cơ chưa đi, Trương Lương ở ngoài vào yết kiến.

Hán Vương đang ăn, nói: - Tử Phòng lại đây, có người khách bàn giúp ta cách làm giảm quyền lực nước Sở.

Hán Vương đem lời Lịch Sinh kể lại đầu đuôi, và hỏi: - Tử Phòng thấy thế nào?

Trương Lương hỏi: - Ai bày cho bệ hạ kế này? Công việc của bệ hạ thế là hỏng rồi.

Hán Vương nói: - Tại sao thế?

Lương nói: - Thần xin mượn nắm đũa trước mâm mà trừ tính cho đại vương nghe. Xưa, vua Thang đánh Kiệt, nhưng phong con cháu Kiệt ở đất Kỳ, là biết chắc mình có thể nắm được cái chết của Kiệt. Nay bệ hạ có thể nắm được tính mạng của Hạng Tịch không?

- Chưa nắm được.

Lương nói: - Đó là điều thứ nhất chúng tỏ không thể làm thế. Vũ Vương đánh Trụ, phong con cháu nhà Thương ở Tống, là chắc lấy được đầu Trụ, nay bệ hạ có thể lấy được đầu Hạng Tịch không?

Hán Vương nói: - Chưa thể được.

Lương nói: - Đó là điều thứ hai chúng tỏ không thể làm thế. Vũ Vương vào đất Ân, nêu tỏ quê hương của Thương Dung, tha tù cho Cơ Tử, đắp mộ cho Tử Can (Thương Dung, người hiền đi ẩn ở núi Thái Hàng. Cơ Tử can Trụ không được bị Trụ bắt giam. Tử Can can Trụ bị Trụ giết). Nay bệ hạ có thể đắp được mộ cho thánh nhân, nêu tỏ quê hương của bậc hiền nhân, cúi đầu trước cửa người trí giả không?

Hán Vương nói: - Chưa làm được.

Lương nói: - Đó là điều thứ ba, chúng tỏ không thể làm thế. Vũ Vương phát thóc ở kho Cự Kiêu, tung tiền ở nhà Lộc Đài cấp cho dân nghèo. Nay bệ hạ có thể lấy của kho ra phân phát cho người nghèo được không?

Hán Vương nói: - Chưa làm được.

Lương nói: - Đó là điều thứ tư, chúng tỏ không thể làm thế. Sau khi đánh nhà Ân xong, Vũ Vương đổi xe trận làm xe thường, đặt ngược giáo mác, lấy da hổ bọc bên ngoài, để báo với thiên hạ rằng không dùng binh nữa. Nay bệ hạ có thể xếp việc võ để lo việc văn, không dụng binh nữa không?

Hán Vương nói: - Chưa làm được.

Lương nói: - Đó là điều thứ năm chúng tỏ không thể làm thế. Vũ Vương cho ngựa nghỉ ở phía nam núi Hoa Sơn để chúng tỏ rằng không dùng ngựa chiến nữa. Nay bệ hạ có thể cho chiến mã nghỉ ngơi không dùng nó nữa không?

Hán Vương nói: - Chưa làm được như vậy.

Lương nói: - Đó là điều thứ sáu chúng tỏ không thể làm thế. Vua Vũ Vương thả trâu ở phía bắc cánh đồng Đào Lâm để chứng tỏ rằng không dùng nó vào việc chuyên chở nữa. Nay bệ hạ có thể thả trâu nghỉ ngơi không dùng nó vào việc chuyên chở nữa không?

Hán Vương nói: - Chưa có thể làm được.

Lương nói: - Đó là điều thứ bảy, chúng tỏ không thể làm thế. Những kẻ du sĩ trong thiên hạ bỏ thân thích, xa lìa mồ mả ông cha, rời những người quen thuộc đi theo bệ hạ, chỉ là ngày đêm mong được một thước, một tấc đất đai. Nay bệ hạ lại khôi phục sáu nước, lập lại con cháu Hàn, Ngụy, Yên, Triệu, Tề, Sở thì những kẻ du sĩ trong thiên hạ đều trở về thờ vua của họ, theo thân thích của họ, quay về với những người quen thuộc của họ, với mồ mả ông cha của họ, vậy bệ hạ còn nhờ ai mà lấy được thiên hạ nữa? Đó là điều thứ tám chúng tỏ không thể làm thế. Và chẳng, nếu nước Sở mà mạnh nhất thì sáu nước được lập lên sẽ lại chịu khuất mà theo Sở. Như vậy bệ hạ làm sao mà bắt họ thần phục mình được? Nếu bệ hạ dùng mưu của người khách thì sự nghiệp của bệ hạ hỏng mất (Trương Lương đưa ra 8 điều, nhưng thực ra chỉ có điều thứ 8 là quan trọng. Những điều kia chỉ có tính chất hỗ trợ).

Hán Vương liền dừng ăn, nhả cơm ra mà mắng: - Cái thằng hủ nho! Suýt nữa mày làm hỏng cả việc của ông (Miêu tả Hán Vương rất sinh động).

Liền sai tiêu hủy ngay các ấn.

Năm thứ tư nhà Hán (203), Hàn Tín phá quân nước Tề, muốn tự lập làm Tề Vương. Hán Vương giận. Trương Lương bàn với Hán Vương. Hán Vương sai Lương trao ấn Tề Vương cho Tín. Việc này chép trong chuyện Hoài Âm Hầu (Xem Truyện Hoài Âm Hầu). Mùa thu năm ấy, Hán Vương đuổi theo Sở đến miền nam Dương Hạ, đánh không lại, phải đóng giữ ở Cổ Lăng. Chư hầu hẹn nhưng không đến. Lương bàn với Hán Vương. Hán Vương dùng mưu kế của Lương, chư hầu đều đến, việc này chép trong chuyện Hạng Tịch (Xem Hạng Vũ bản kỷ).

Tháng giêng, năm thứ sáu nhà Hán (200), Hán Vương phong cho các công thần. Lương chưa hề có công về chiến trận. Cao Đế nói: - Bàn mưu kế ở trong màn, trướng, quyết định sự thắng lợi ở ngoài ngàn dặm, đó là công của Tử Phòng. Cho tự chọn lấy ba vạn hộ ở đất Tề.

Lương nói: - Xưa kia thần khởi nghĩa ở Hạ Bì, tới đất Lưu thì gặp bệ hạ. Đó là trời đem thần giao cho bệ hạ. Bệ hạ dùng mưu kế của thần, may mà có lúc trúng, thần xin được phong ở Lưu là đủ rồi, không dám nhận ba vạn hộ.

Cao Đế bèn phong Trương Lương làm Lưu Hầu, cùng được phong với bọn Tiêu Hà. Năm thứ sáu, vua đã phong hơn hai mươi người đại công thần,

còn những người khác thì ngày đêm tranh công nhau, không quyết định được, cho nên chưa làm việc phong tước. Vua ở cung Nam thành Lạc Dương, từ con đường trên gác nhìn các tướng, thấy họ cùng nhau ngồi trên bãi cát nói chuyện.

Vua nói: - Họ nói gì thế?

Lưu Hầu nói: -Bệ hạ không biết sao? Đó là họ bàn việc làm phản đấy thôi!

Vua nói: -Thiên hạ đã gần được yên rồi, vì có gì họ lại làm phản?

Lương nói: - Bệ hạ vốn từ áo vải xuất thân, nhờ bọn họ mà lấy được thiên hạ. Nay bệ hạ làm thiên tử, mà người được phong lại là những người bạn cũ, hoặc người thân yêu như là Tiêu Hà, Tào Tham, còn những người bị giết lại là những người bình sinh bệ hạ thù oán. Nay quân lại (nhà môn coi về việc quân chính) tính công trạng cho rằng lấy cả thiên hạ cũng không đủ để phong cho khắp cả mọi người, bọn này sợ bệ hạ không thể phong cho tất cả, lại ngờ rằng mình sẽ bị giết vì những lỗi lầm ngày trước, cho nên họp nhau mưu làm phản đó thôi.

Vua lo lắng hỏi: - Bây giờ làm thế nào?

- Trong số những người ngày thường bệ hạ vẫn ghét mà các quan đều biết thì ai là bị ghét hơn cả?

Nhà vua nói: - Ung Xi với ta là chỗ quen biết cũ, thường làm ta khôn khổ, nhục nhã. Ta muốn giết hắn nhưng vì hắn lập được nhiều công cho nên không nỡ.

Lương nói: - Nay mau mau phong cho Ung Xi trước, để tỏ cho các quan biết. Các quan thấy Ung Xi được phong thì người nào cũng sẽ yên tâm.

Vua bèn đặt tiệc rượu, phong Ung Xi làm Thập Phương Hầu, và giục gấp thừa tướng, ngự sử phải lo việc định công lao, phong đất đai. Tiệc rượu tan, các quan đều mừng rỡ nói: - Ung Xi mà còn được phong hầu, thì bọn ta chẳng phải lo nữa.

Lưu Kính nói với Cao Đế: - Nên đóng đô ở Quan Trung.

Vua đang phân vân. Các quan đại thần xung quanh đều là người Sơn Đông (Sơn Đông ở đây dùng để chỉ tất cả các nước ở phía đông nước Tần), phần nhiều khuyên nhà vua đóng đô ở Lạc Dương, nói: - Lạc Dương phía đông có Thánh Cao, phía tây có Hào Sơn, Dẫn Trì, sau lưng là Hoàng Hà, quay mặt sang các sông Y, sông Lạc. Có thể tin cậy vào sự hiểm trở của nó.

Lưu Hầu nói: - Tuy Lạc Dương có những hiểm trở ấy, nhưng đất hẹp không quá vài trăm dặm, ruộng đất xấu lại phải đương đầu với kẻ địch cả bốn mặt, độ không phải là nước dụng võ. Trái lại, Quan Trung bên trái có Hào Sơn, Hàm Cốc Quan, bên phải có đất Lũng, đất Thục, đồng ruộng phì nhiêu ngàn dặm, phía nam có cửa cái của đất Ba, đất Thục, phía bắc có cái

lợi đồng cỏ đất Hồ, cả ba mặt đều có thiên nhiên hiểm trở phòng giữ, chỉ dùng một mặt đông để không chế chư hầu. Khi chư hầu yên ổn, thì sông Hoàng Hà, Vị Thủy có thể dùng để chuyên chở của cải của thiên hạ đem về cấp cho Kinh Đô. Nếu chư hầu có biến, thì cứ thuận dòng sông đi xuống, có thể tiện việc chuyên chở. Đó mới là thành vàng ngàn dặm, một kho báu trời cho vậy. Lời của Lưu Kính là phải đấy.

Cao Đế liền chuẩn bị xe ngựa ngay hôm ấy sang hướng tây đóng đô ở Quan Trung. Lưu Hân theo vua vào Quan Trung, Lưu Hân vốn hay ốm, thường học phép "đạo dẫn" (phép tu luyện của người theo đạo Lão, mục đích tập thở và luyện gân cốt để sống lâu), không ăn cơm, đóng cửa không ra ngoài hơn một năm.

3. Trương Lương bày mưu cho Lữ Hậu khiến nhà vua không thay đổi thái tử

Vua muốn bỏ thái tử, lập con của Thích Phu Nhân là Triệu Vương Như Ý lên làm thái tử, các quan đại thần phần nhiều đều can ngăn, nhưng không thấy vua quyết định hẳn. Lữ Hậu sợ, không biết làm thế nào. Có người nói với Lữ Hậu: - Lưu Hầu khéo bày mưu tính kế, vua tin dùng ông ta!

Lữ Hậu bèn sai Kiến Thành Hầu là Lữ Trạch ép Lưu Hầu: - Ngài thường làm mưu thần cho hoàng thượng, nay hoàng thượng muốn đổi thái tử, ngài nằm khênh điềm nhiên thế sao được.

Lưu Hầu nói: - Xưa kia hoàng thượng thường ở trong cảnh nguy khốn cấp bách, nhờ đó mà có dùng mưu kế của tôi. Nay thiên hạ đã yên ổn rồi, hoàng thượng vì cố yêu thương, muốn thay đổi thái tử, đó là việc ở trong gia đình, cốt nhục, tuy có hơn trăm người như tôi cũng không ăn thua.

Lữ Trạch cố nài: - Xin ngài cố giúp cho.

- Việc này khó lòng lấy miệng lưỡi mà can ngăn. Thế nhưng trong thiên hạ có bốn người, hoàng thượng không sao mời nổi. Bốn người này đã già, họ đều cho rằng nhà vua khinh người, nên bỏ trốn vào ở ẩn trong núi, giữ nghĩa không làm tôi nhà Hán, nhưng hoàng thượng rất tôn trọng bốn người này. Nay nếu ông không tiếc vàng, ngọc, lụa là, bảo thái tử viết thư, dùng lời lẽ nhã nhặn, sắp xe êm, sai người biện sĩ cố mời, thì họ sẽ đến. Họ đến, cho họ làm khách, thường cho vào triều để cho hoàng thượng trông thấy, thì thế nào hoàng thượng cũng lấy làm lạ và hỏi. Khi hoàng thượng hỏi, biết bốn người kia là người hiền, thì chính là một cách giúp đỡ đó!

Lữ Hậu liền sai Lữ Trạch cho người mang thư của thái tử, dùng lời lẽ khiêm nhường, lấy lễ, lạt hậu, để đón bốn người kia. Bốn người đến làm khách ở nhà Kiến Thành Hầu.

Năm thứ mười một nhà Hán (196 trước công nguyên), Kinh Bô làm phản. Vua ốm muốn sai thái tử cầm quân đi đánh. Bốn người bàn nhau: - Chúng ta đến đây là cốt để bảo hộ địa vị của thái tử. Thái tử cầm quân thì việc nguy mất!

Bèn nói với Kiến Thành Hầu: - Nếu thái tử cầm quân, có công thì địa vị cũng không thêm hơn được nữa, nhưng nếu không có công quay về thì sẽ vì đó mà mang vạ. Vả chẳng, các tướng cùng đi với thái tử, đều là những mãnh tướng thường cùng hoàng thượng bình định thiên hạ cả. Nay cho thái tử điều khiển họ, thì chẳng khác gì sai dê điều khiển sói, chẳng ai chịu ra sức, nhất định sẽ không có kết quả. Tôi nghe nói, "Mẹ được yêu thì con được bé", nay Thích Phu Nhân ngày đêm châu chực, Triệu Vương Như Ý thường được bế ở trước mặt, hoàng thượng nói, "Thế nào cũng không để đứa con hư ở trên đứa con yêu", như thế thì rõ ràng định thay thế thái tử. Tại sao ông không nói

với Lữ Thần mau mau tìm cơ hội khác mà can nhã vua rằng, "Kình Bồ là một mãnh tướng trong thiên hạ, giỏi về việc dùng binh. Nay các tướng đều là hạng ngang vai vế với hoàng thượng, thế mà lại sai thái tử điều khiển bọn họ thì khác nào cho dê điều khiển sói, chẳng ai chịu ra sức. Và lại, nếu Kình Bồ nghe điều đó, thì hẳn sẽ gióng trống kéo quân sang hướng tây mất. Hoàng thượng tuy bệnh, cũng xin gượng trở lên xe, để nằm mà điều khiển. Như vậy các tướng sẽ không ai không dám hết sức. Hoàng thượng tuy khổ, nhưng xin vì vợ con mà gắng gượng (Xem Kình Bồ liệt truyện)."

Lữ Trạch ngay đêm ấy vào yết kiến Lữ Hậu. Lữ Hậu nhân lúc rảnh khóc lóc nói với nhà vua theo như ý bốn người nói. Vua nói: - Ông thấy có sai thằng bé cũng chẳng làm nên gì, thôi ông phải làm lấy thôi.

Vua liền thân hành cầm quân đi về hướng đông, các quan ở lại đều tiến đến Bái Thượng. Lưu Hâu ốm cũng gắng gượng dậy đi đến Khúc Bru, ra mắt nhà vua và nói: - Đáng lý thần phải theo, nhưng thần ốm nặng. Quân Sở hung tợn, xin bệ hạ chớ có giao chiến với chúng (Trận ấy Hán Cao Tổ không nghe lời Trương Lương, bị tên bắn trúng).

Nhân lại nói với nhà vua: - Nên cho thái tử làm tướng quân coi quân ở Quan Trung.

Vua nói: - Tử Phòng tuy ốm, hãy cố gắng nằm mà giúp thái tử.

Bấy giờ Thúc Tôn Thông làm thái phó, Lưu Hâu làm thiếu phó.

Năm thứ mười hai, nhà Hán (195 trước công nguyên), sau khi đánh phá quân Kình Bồ về, vua ốm càng nặng, muốn thay thái tử. Lưu Hâu can, vua không nghe, mượn cơ ốm xin nghỉ việc. Thúc Tôn Thông dẫn chuyện xưa nay, cố chết bảo toàn ngôi cho thái tử, vua giả vờ nhận lời, nhưng vẫn muốn thay thái tử. Đến khi ăn tiệc, rót rượu thái tử đứng chầu. Bốn người theo thái tử tuổi đều ngoài tám mươi, mày râu bạc phơ, áo mũ rất đẹp. Vua lấy làm lạ hỏi: - Họ làm gì thế?

Bốn người tiến đến thưa, kể họ tên, là Đông Viên Công, Giác Lý tiên sinh, Ý Lý tiên sinh, Hạ Thạch Công. Nhà vua hoảng kinh: - Ta tìm các ông mấy năm nay, các ông trốn tránh ta. Nay tại sao các ông lại từ đâu đến chơi với con ta như vậy?

Bốn người đáp: - Bệ hạ khinh kẻ sĩ, hay mắng người, bọn thần nghĩa khí không chịu nhục, cho nên sợ mà trốn tránh. Nay trộm nghe thái tử là người nhân đức hiếu thảo, cung kính, thương yêu kẻ sĩ, trong thiên hạ không ai không vờn cổ muốn vì thái tử mà chết, vì vậy chúng tôi đến đây.

Vua nói: - Phiền các ông nhờ giúp đỡ thái tử cho trót.

Bốn người chúc thọ xong, đứng dậy đi ra. Vua đưa mắt tiễn, cho gọi Thích Phu Nhân vào, chỉ bốn người kia bảo rằng: - Ta muốn đổi nó, nhưng bốn người kia giúp nó. Lòng cánh nó đã thành, khó mà lay chuyển được. Lữ

Hậu là chủ của người rồi đây!

Thích Phu Nhân khóc, vua nói: - Nàng hãy múa lồi Sở cho ta xem! Ta sẽ hát lồi Sở cho nàng nghe.

Rồi hát:

Chim hồng học by cao

Một cất cánh ngàn dặm

Lông cánh đã đầy đủ

Bốn bể bay xa thăm

Bốn bể bay xa thăm:

Bây giờ biết làm sao?

Tên đây [đời xưa rập chim, lấy dây tơ cột vào cái tên ngắn mà bắn] tuy có đó

Biết đặt ở nơi nao?

Hát mấy lần, Thích Phu Nhân nước nở chảy nước mắt. Vua đứng dậy, quay đi, bãi tiệc rượu. Cuối cùng vua không thay đổi thái tử, đó là nhờ công Lưu Hầu mời bốn người kia.

Lưu Hầu theo nhà vua đánh đất Đại, bày kế lạ ở miền Mã Ấp, và lập Tiêu Hà làm tướng quốc, Lương thung dung bàn việc thiên hạ với vua rất nhiều, nhưng không liên quan đến việc mất còn của thiên hạ, cho nên không chếp.

Khi bấy giờ Lưu Hầu nói: - Gia đình tôi đời đời làm tướng quốc nước Hàn. Đến khi Hàn mất, tôi chẳng tiếc số tiền vạn lạng vàng, đối phó với nước Tần mạnh, để báo thù cho nước Hàn, làm cho thiên hạ đều rung động. Nay tôi lấy ba tác lưỡì mà làm thầy bậc đế vương, được phong vạn hộ, ở ngôi chư hầu, kẻ áo vải được thế là tốt bậc, đối với Lương thế là đủ rồi. Vậy xin bỏ việc nhân gian, chỉ muốn đi ngao du với Xích Tùng Tử (tương truyền là một vị tiên đời xưa) mà thôi.

Bèn học cách nhịn cơm, học lối đạo dẫn cho nhẹ mình. Gặp lúc Cao Đế băng hà, Lữ Hậu cảm ơn đức của Lưu Hầu ép ông ta phải ăn, nói: - Người ta sinh ra trong đời như bóng bạch câu đi qua cửa sổ, cần gì phải làm khổ mình như thế?

Lưu Hầu bắt đắc dĩ phải gượng nghe mà ăn (Trang Tử, thiên "Đạo chích": Trời và đất vô cùng, người ta chết có hạn, nắm cái có hạn mà gửi vào cái vô cùng chẳng khác gì ngựa Kỳ, ngựa Ký chạy qua cửa sổ).

Tám năm sau, Lương chết, tên thụy là Văn Thành Hầu. Con là Bất Nghi thay cha làm hầu. Lúc đầu Tử Phòng gặp ông già ở Hạ Bì trao cho quyển "Thái Công thư". Mười ba năm sau, Tử Phòng theo Cao Đế qua phía bắc sông Tế, quả thấy viên đá màu vàng ở dưới chân núi Cốc Thành, bèn lấy về mà thờ. Khi Lưu Hầu chết, người ta chôn luôn viên đá vàng. Mỗi khi tảo mộ

và lễ lạt lại cúng viên đá vàng. Bất Nghi tập tước Lưu Hầu, năm thứ năm đời Hiếu Văn Đế (175) phạm tội bất kính, nước bị tước bỏ.

4. Lời bàn

Thái Sử Công nói, "Các học giả phân nhiều nói rằng không có quỷ thần. Nhưng lại nói rằng có tính quái, đến như cụ già cho sách mà Lưu Hầu gặp thì cũng thực lạ. Cao Tổ nhiều lần bị nguy khốn, thường nhờ ở công sức của Lưu Hầu, có thể nói không có trời sao. Nhà vua nói, "Bày mưu kế ở trong màn trướng, quyết định sự thắng lợi ở ngoài ngàn dặm, ta không bằng Tử Phòng".

Tôi cho ông ta phải là người khô ngô, lạ lùng lắm, đến khi nhìn tranh, thấy ông ta mặt mũi như một người con gái đẹp. Khổng Tử nói, "Xét người bằng nét mặt thì sẽ làm Tử Vũ" (Tử Vũ học trò Khổng Tử, dáng người xấu xí nhưng hiền đức). Lưu Hầu cũng thế.

[12]
TRẦN THỪA TƯỚNG thế gia

- [1. Trần Bình thuở hàn vi](#)
- [2. Trong thời theo Lưu Bang](#)
- [3. Trong thời Lữ Hậu và Hán Văn Đế](#)
- [4. Lời bàn](#)

1. Trần Bình thuở hàn vi

Trần thừa tướng tên là Bình, người làng Hộ Dũ, huyện Dương Vũ. Lúc nhỏ, Bình nhà nghèo ham đọc sách, có ba mươi mẫu ruộng, chỉ ở một mình với anh là Bá. Bá thường cày ruộng, cho Bình tha hồ đi học ở xa. Bình người cao lớn, đẹp trai. Có người nói với Bình: - Anh nhà nghèo ăn gì mà béo như thế?

Người chị dâu ghét Bình không lo làm ăn, nói: - Ăn cám thôi. Có ông chú như vậy chẳng bằng không có còn hơn.

Bá nghe vậy đuổi và bỏ vợ.

Bình lớn, muốn lấy vợ nhưng các nhà giàu chẳng ai chịu gả con cho, còn lấy người nghèo thì Bình lại cho là xấu hổ. Mãi về sau, Trương Phụ, một người nhà giàu ở Hộ Dũ, có người cháu gái, gả chồng năm lần nhưng chồng chết ngay, không ai dám lấy. Bình muốn lấy cô ta. Ở trong ấp có lễ tang. Bình nghèo, đến sớm về muộn, để giúp việc. Riêng Trương Phụ thấy Bình ở nơi đám tang, có ý kính trọng Bình. Bình cũng vì thế nên về muộn. Phụ theo Bình về đến nhà. Nhà Bình ở một xóm nhỏ hẻo lánh ở gần thành, lấy chiếu làm cửa, nhưng ở ngoài cửa có nhiều dấu xe của những bậc trưởng giả, Trương Phụ về, bảo con là Trọng: - Ta muốn gả cháu gái cho Trần Bình.

Trương Trọng nói: - Bình nghèo không lo làm ăn, người trong huyện ai cũng cười nhẽ những điều anh ta làm. Tại sao cha lại gả cháu gái cho anh ta?

Phụ nói: - Có ai đẹp trai như Trần Bình mà nghèo mãi không? Rồi Phụ gả cháu gái cho Bình. Vì Bình nghèo, nên Phụ cho mượn tiền và lụa để làm lễ cưới, cho rượu thịt để đưa vợ về nhà.

Phụ răn cháu: -Cớ hớ thấy nó nghèo mà không phụng sự cẩn thận. Phải thờ anh là Bá như thờ cha, thờ chị dâu như thờ mẹ.

Sau khi lấy vợ là con gái họ Trương, việc tiêu dùng của Bình cũng khá hơn, việc giao du mỗi ngày một rộng.

Trong làng có lễ tế thần xã, Bình làm người chia thịt, chia rất cân. Các bô lão nói: - Bé con họ Trần làm anh chia thịt giỏi đấy!

Bình nói: - Nếu cho Bình này làm tế tướng cả thiên hạ, thì cũng làm giỏi như chia thịt vậy.

2. Trong thời theo Lưu Bang

Trần Thiệp khởi nghĩa rồi làm vương ở đất Trần, sai Chu Thị bình định đất Ngụy, lập Ngụy Cửu làm Ngụy Vương, đánh nhau với quân Tần ở Lâm Tế. Trần Bình trước đây đã từ biệt người anh là Bá, cùng đám thanh niên đến theo Ngụy vương Cửu ở Lâm Tế.

Ngụy Vương cho làm thái bộc (Quan coi xe, ngựa). Bình bàn bạc với Ngụy Vương nhưng Ngụy Vương không nghe, lại có người gièm pha, nên Bình bỏ trốn. Mãi về sau, Hạng Vương cướp đất đến Hoàng Hà, Bình theo Hạng Vương, cùng Hạng Vương vào đánh nhà Tần, được phong tước khanh. Hạng Vũ về đóng làm vua ở Bành Thành. Hán Vương quay lại bình định được đất Tam Tần rồi đem quân về hướng đông, Ân Vương phản lại nước Sở (Xem Hạng Vũ bản kỷ).

Hạng Vũ bèn cho Bình làm Tín Vũ Quân đem những người khách của Ngụy Vương Cửu ở Sở đi đánh Ân Vương, rồi quay về. Hạng Vương phong Bình làm đô úy, cho hai ngàn lạng vàng. Không được bao lâu, Hán Vương đánh bắt được Ân Vương, Hạng Vương giận muốn tra xét các tướng tá quan lại đi đánh Ân Vương ngày trước. Trần Bình sợ bị giết, bèn niêm phong vàng và ấn lại, sai sứ đưa về cho Hạng Vương, một mình cải trang chống kiếm chạy trốn. Bình đi qua Hoàng Hà, người chèo thuyền thấy Bình người đẹp lại đi một mình, ngờ là một viên tướng bỏ trốn, chắc trong người thế nào cũng có vàng ngọc, châu báu, nên trở mắt nhìn, muốn giết Bình. Bình sợ, cởi áo ở trần, chèo thuyền giúp. Người chèo thuyền thấy y không có gì nên thôi. Bình bèn đến Tu Vũ đầu hàng Hán, nhờ Ngụy Vô Tri xin cho được yết kiến Hán Vương. Hán Vương mời vào.

Lúc bấy giờ, Vạn Thạch Quân tên là Phần làm hầu cận cho Hán Vương, tiếp danh thiếp của Bình, đưa Bình vào yết kiến. Bọn Bình bảy người đều vào. Hán Vương cho ăn, nói: - Thôi, cứ về nhà trọ.

Bình nói: - Thần có việc nên mới đến đây, điều thần sẽ nói ra, không thể quá ngày hôm nay.

Hán Vương bèn nói chuyện với Bình và lấy làm thích. Hán Vương nói: - Ở nước Sở người làm chức quan gì?

Bình nói: - Làm đô úy.

Trong ngày hôm đó Hán Vương cho Bình làm đô úy, được ngồi cùng một xe với vua, cai quản các tướng. Các tướng nhao nhao lên, nói: - Đại vương vừa mới được một thằng lính đào ngũ của nước Sở, không biết nó hay dở thế nào, mà đã cùng ngồi ngay một xe với nó, lại cho nó cai quản bọn chúng ta là bậc đàn anh nó.

Hán Vương nghe vậy lại càng thân cận với Bình và cùng Bình đi về đông đánh Hạng Vương. Đến Bành Thành, Hán Vương bị Sở đánh bại, dẫn

quân về, thu thập binh sĩ tan tác đến Huỳnh Dương, cho Bình làm á tướng ở dưới quyền của Hàn Vương Tín, đóng quân ở Quảng Vũ. Bọn Giáng Hầu Quán Anh gièm pha Trần Bình, nói: - Bình tuy đẹp trai nhưng cũng như hạt ngọc trên mũ thôi, bên trong chưa chắc đã có gì. Thần nghe nói Bình lúc ở nhà thông dâm với chị dâu, thờ nước Ngụy không được người ta dung nạp, nên bỏ trốn sang Sở, theo Sở cũng không hợp, nên lại trốn sang Hán. Nay đại vương lại cho y làm quan cao, sai cai quản các tướng. Thần nghe Bình lấy vàng các tướng, ai đưa nhiều vàng thì được địa vị tốt, ai đưa ít thì phải địa vị xấu. Bình là hạng bầy tôi lật lọng, làm loạn, xin đại vương xét.

Hàn Vương nghi ngờ Bình, gọi Ngụy Vô Tri đến trách, Vô Tri nói: - Điều thần nói là nói về tài năng, điều bệ hạ hỏi là hỏi về đức hạnh. Nay nếu có người đức hạnh như Vĩ Sinh (người trung tín thời xưa), Hiếu Kỷ (người có hiếu thời xưa), nhưng không dùng được việc gì trong việc quyết định thắng phụ, thì bệ hạ có hơi sức nào dùng đến làm gì? Sở, Hán đang chống nhau, thần tiến kẻ sĩ có mưu lạ, chỉ nên xem mưu kế của ông ta thực có lợi cho quốc gia hay không mà thôi. Còn về việc thông dâm với chị dâu và lấy vàng thì hơi đâu mà ngờ vực!

Hàn Vương cho gọi Bình đến trách: - Tiên sinh thờ nước Ngụy không hợp, bèn qua thờ nước Sở, rồi lại bỏ Sở mà đi, nay lại cùng giao du với ta, người tín nghĩa lại hay thay lòng đổi dạ như thế sao?

Bình nói: - Thần thờ Ngụy Vương, Ngụy Vương không thể dùng mưu của thần, cho nên thần bỏ đi thờ Hạng Vương. Hạng Vương không biết tin người, những người ông ta yêu dùng nếu không phải người họ Hạng, thì là anh em bên vợ, tuy có kẻ sĩ kỳ tài cũng không thể dùng được, cho nên thần bỏ Sở. Thần nghe Hán Vương biết dùng người, cho nên về theo đại vương. Thần mình trần đến đây, nếu không lấy vàng thì không có gì dùng, nếu như mưu kế của thần có cái gì có thể dùng được, thì xin đại vương dùng, nếu không dùng được thì số vàng vẫn còn ở đấy cả, thần xin gói lại nộp vào của công, xin được từ chức mà về.

Hàn Vương bèn xin lỗi, thưởng cho nhiều của, phong làm hộ quân trung úy cai quản tất cả các tướng, các tướng không dám nói năng gì nữa.

Về sau Sở đánh gấp, cắt đứt đường ống, vây quân Hán Vương ở thành Huỳnh Dương. Quân Sở vây mãi, Hán Vương lo sợ, xin cắt đất từ Huỳnh Dương về phía tây để giảng hoà. Hạng Vương không nghe. Hán Vương nói với Trần Bình: - Thiên hạ rối loạn, khi nào thời định?

Bình nói: - Hạng Vương là người cung kính, yêu người, những kẻ sĩ thanh liêm, khí tiết, ưa lễ, thường theo ông ta. Nhưng về việc luận bàn công lao, phong tước, cấp đất, thì ông ta tiếc không muốn cho, nên kẻ sĩ cũng vì vậy mà không theo. Nay đại vương khinh người, ít để ý đến lễ, những kẻ sĩ

thanh liêm, khí tiết không đến, nhưng đại vương có thể rộng rãi đối với người ta về mặt phong tục và cấp đất, cho nên những kẻ sĩ, vô sĩ, ham lợi phần nhiều theo Hán. Nếu như bỏ hai điều sở đoản, lấy hai điều sở trường của nhau thì bình định thiên hạ không khó gì. Vì đại vương tự thị, khinh người, nên không thể thu được những kẻ sĩ thanh liêm, khí tiết, nhưng có thể gây rối loạn ở nước Sở. Kìa Hạng Vương chẳng qua chỉ có mấy người tôi ngay thẳng là bọn Á Phụ, Chung Ly Muội, Long Thư, Chu Ân mà thôi. Nếu đại vương có thể tung ra mấy vạn cân vàng, làm kẻ phản gián, ly gián vua tôi họ, để cho Hạng Vương nghi ngờ. Hạng Vương vốn là người đa nghi, hay tin lời gièm pha thì bên trong thế nào họ cũng sẽ giết nhau. Hán nhân đó đem quân đánh, thì chắc chắn phá được Sở.

Hán Vương cho là phải, bèn đem ra bốn vạn cân vàng cho Trần Bình, mặc tùy ý tiêu dùng, không hỏi đến việc phân phát thế nào.

Sau khi Trần Bình đã xuất nhiều tiền, tung phản gián vào quân Sở, phao tin rằng bọn Chung Ly Muội làm tướng của Hạng Vương, tuy lập được nhiều công, nhưng rốt cuộc vẫn không được cắt đất phong vương, cho nên muốn hợp làm một với quân Hán để tiêu diệt họ Hạng mà chia đất đai nước Sở. Quả nhiên Hạng Vương không tin bọn Chung Ly Muội. Hạng Vương vốn đa nghi, sai sứ đến Hán, Hán Vương sai làm cỗ thái lao đưa lên. Thấy sứ của Sở, Hán Vương liền giả vờ kinh ngạc nói: -Ta tưởng là sứ giả của Á Phụ, hoá ra sứ giả của Hạng Vương!

Bèn sai đem cất đi, sai lấy cơm rau đưa cho sứ giả nước Sở. Sứ giả nước Sở về báo lại với Hạng Vương tất cả. Quả nhiên Hạng Vương rất ngờ vực Á Phụ. Á Phụ muốn đánh gấp để hạ thành Huỳnh Dương, Hạng Vương không tin, không chịu nghe theo. Á Phụ nghe tin Hạng Vương ngờ vực mình, liền nổi giận nói: -Việc thiên hạ đã xong xuôi cả rồi đây, quân vương hãy tự làm lấy. Xin cho tôi mang nắm xương tàn trở về.

Á Phụ trở về, chưa đến Bành Thành, ung phát ở lưng mà chết. Đang đêm, Trần Bình bèn cho hai nghìn người con gái ra cửa đông thành Huỳnh Dương, quân Sở đánh vào đấy. Trần Bình bèn cùng Hán Vương chạy ra cửa thành phía tây. Rồi vào Quan Trung tập họp binh sĩ bị tan trước đây, lại kéo về hướng đông.

Năm sau, Hoài Âm Hầu phá được nước Tề, tự lập làm Tề Vương, sai sứ giả tâu với Hán Vương. Hán Vương tỉnh ngộ, nên hậu đãi sứ giả nước Tề, sai Trương Tử Phòng lập Tín làm Tề Vương. Hán Vương lấy làng Hộ Dũ phong cho Bình, dùng những mưu kế kỳ lạ của Bình. Cuối cùng diệt được Sở, Bình thường làm chức hộ quân trung úy đi theo Hán Vương bình định Yên Vương là Tang Đồ (Năm - 202, Tang Đồ phản lại nhà Hán. Hán Cao Tổ đem quân dẹp).

Năm thứ sáu nhà Hán (201 trước công nguyên), có người dâng thư nói Sở Vương Hàn Tín làm phản. Cao Đế hỏi. Các tướng nói: - Hãy mau mau đem quân chôn sống cái thằng nhãi ấy đi thôi!

Cao Đế im lặng. Hỏi Trần Bình. Bình cố ý từ tạ nói: - Các tướng nói thế nào?

Vua kể đầu đuôi, Trần Bình nói: - Có ai biết con người dâng thư lên nói rằng Tín làm phản không?

- Chưa.

Trần Bình hỏi: - Tín có biết điều đó không?

- Không biết.

Bình nói: - Về mặt tinh nhuệ thì quân của bệ hạ có hơn quân của Sở không?

- Không thể hơn.

Bình nói: - Trong các tướng cầm quân của bệ hạ có ai có thể hơn Hàn Tín không?

- Không ai bằng.

Bình nói: - Nay quân đã không tinh nhuệ bằng quân Sở, tướng cũng không bằng, mà lại đem binh đánh thì tức là thúc dục nó phải đánh. Thành tựu nghĩ đó là nguy cho bệ hạ.

Nhà vua nói: - Bây giờ làm thế nào?

Bình nói: - Thiên tử ngày xưa đi tuần thú (đi đến các nước chư hầu xét hỏi chính sự của các chư hầu), họp chư hầu. Phương nam có đầm Vân Mộng, họp chư hầu ở đất Trần. Đất Trần là giáp giới phía tây của đất Sở. Tín nghe thiên tử đi chơi hội họp thường, thì thế nào cũng cho là vô sự và ra khỏi bờ cõi để nghênh tiếp. Bệ hạ nhân đó bắt lấy. Việc này chỉ cần đến sức của một lực sĩ mà thôi.

Cao Đế cho là phải, bèn sai sứ giả báo với chư hầu sẽ họp ở Trần "Ta sẽ đi chơi về phương nam đến đầm Vân Mộng". Ngay liền đó, vua cũng đi. Đến Trần, Sở Vương Hàn Tín quả nhiên ra ngoài cõi đón ở dọc đường. Cao Đế đã phòng bị sẵn võ sĩ. Thấy Hàn Tín đến, võ sĩ liền bắt trói ngay lại, chở vào xe sau. Tín kêu lên: - Thiên hạ đã bình định rồi, ta bị nấu là đáng lắm!

Cao Đế quay lại bảo Hàn Tín: - Mày đừng có kêu, mày làm phản đã rõ ràng rành rành ra đấy!

Võ sĩ trói hai tay Tín. Hán Vương họp chư hầu ở Trần, bình định tất cả đất Sở. Khi quay về đến Lạc Dương, Hán Vương tha Tín, cho Tín làm Hoài Âm Hầu và chẻ phù (Khi phong tước cho ai thì viết công trạng lên một tấm tre gọi là "phù", sau đó chẻ làm hai, một nửa nhà vua giữ, một nửa giao cho người công thần để lấy đó làm bằng), định phong tước cho các công thần.

Nhà vua bèn chẻ phù, phong cho Bình đời đời làm Hộ Dũ Hầu. Bình từ

chối nói: - Đó không phải là công của thần.

Nhà vua nói: - Ta dùng mưu kế của tiên sinh nên chiến thắng được quân địch, thế không phải công tiên sinh là gì.

Bình nói: - Nếu không có Ngụy Vô Tri thì thần làm sao được tiến cử?

Vua nói: - Nhà ngươi có thể gọi là người không quên gốc vậy.

Vua bèn thưởng cho Ngụy Vô Tri rất hậu.

Năm sau, Bình làm hộ quân trung úy theo Hán Vương đánh Hàn Vương Tín làm phản ở đất Đại. Đột nhiên đến Bành Thành bị quân Hung Nô vây, bảy ngày không được ăn. Cao Đế bèn dùng kế lạ của Trần Bình, cho người đi sứ đến Yên Chi (Hoàng hậu của Hung Nô gọi là Yên Chi, vua Hung Nô gọi là Thiên Vu) của Thiên vu. Do đó được giải vây. Cao Đế được ra, kế này bí mật trong đời không ai biết.

Cao Đế đi về hướng nam qua Khúc Nghịch, vua lên thành nhìn thấy nhà cửa rất lớn, nói: - Huyện này hùng tráng làm sao! Ta đi khắp thiên hạ chỉ thấy có Lạc Dương và nơi này thôi.

Vua quay lại hỏi ngự sử: - Số hộ khẩu Khúc Nghịch là bao nhiêu?

Ngự sử thưa: - Thời Tần có hơn ba vạn hộ, gần đây hay xảy ra việc chiến tranh, nhiều người trốn tránh, hiện nay chỉ có năm nghìn hộ.

Vua bèn ra lệnh cho ngự sử đổi Trần Bình làm Khúc Nghịch Hầu, cấp cho tất cả huyện, bỏ đất phong cũ là Hộ Dũ. Sau đó Bình thường làm Hộ Quân Trung Úy theo vua đánh Trần Hy và Kinh Bồ, sáu lần bày kế lạ tất cả, liền được phong thêm đất sáu lần tất cả. Những kế lạ của Bình có lẽ rất bí mật, trong đời không ai nghe nói là những kế gì.

Sau khi đánh phá quân của Kinh Bồ về, Cao Đế bị thương, đi chậm rãi đến Trường An. Yên Vương Lưu Quán làm phản, vua sai tướng quốc Phàn Khoái đem binh đánh. Sau khi đi, có người gièm pha Phàn Khoái. Cao Đế nổi giận nói: - Khoái thấy ta mắc bệnh lại mong cho ta chết!

Vua dùng mưu của Trần Bình, gọi Giáng Hầu Chu Bột nhận chiếu chỉ ở bên giường, nói: - Trần Bình phải mau mau đi ngựa trạm đưa Chu Bột đến làm tướng thay Phàn Khoái, khi Bình vào trong quân doanh thì phải lập tức chém đầu Phàn Khoái.

Hai người nhận chiếu chỉ rồi ruổi ngựa trạm đi, chưa đến quân doanh giữa đường bàn với nhau: - Phàn Khoái là người cũ của nhà vua, lập được nhiều công, lại lấy em gái Lữ Hậu là Lữ Tu, đã thân lại sang, vua giận dữ nên muốn chém, nhưng sợ sau sẽ hối hận. Ta chỉ nên bỏ tù rồi đưa đến cho nhà vua, tùy ý nhà vua giết lấy.

Bình chưa đến quân doanh, lập đàn, lấy cờ tiết (cây cờ cán cong, treo những chùm lông gọi là mao tiết, là phù hiệu mệnh lệnh nhà vua), gọi Phàn Khoái đến. Phàn Khoái vâng theo chiếu, Bình liền trở mặt đối đãi, bỏ vào xe

từ chỗ trạm đưa về Trường An, sai Giáng Hầu Chu Bột cầm quân thay Khoái, và bình định những huyện làm phản ở đất Yên.

3. Trong thời Lữ Hậu và Hán Văn Đế

Bình đang đi, nghe tin Cao Đế chết. Bình sợ Lữ Thái Hậu và Lữ Tu giận, bèn phi ngựa trạm đi trước. Bình gặp sứ giả mang chiếu ra lệnh cho Bình và Quán Anh đóng binh ở Huỳnh Dương. Bình nhận chiếu chỉ, lập tức lại phi ngựa về cung khóc rất thảm thiết, nhân tâm trình sự việc trước đám tang, Lữ Thái Hậu thương hại nói: - Ông mệt nhọc, hãy ra nghỉ đã!

Bình sợ bị gièm, cố xin ở châu chực trong cung, thái hậu bèn cho Bình làm lang trung lệnh, nói: - Ông hãy giúp đỡ, dạy dỗ Hiếu Huệ.

Vì vậy, về sau việc gièm pha của Lữ Tu không có kết quả. Phàn Khoái về, được tha và phục tước ấp.

Năm thứ sáu đời Hiếu Huệ (189), tướng quốc Tào Tham chết, An Quốc Hầu là Vương Lăng được phong làm hữu thừa tướng, Trần Bình làm tả thừa tướng. Vương Lăng vốn người đất Bái. Lúc đầu, Lăng làm một người quyền hào trong huyện, khi còn hàn vi, Cao Tổ coi Lăng như anh. Lăng ít văn hoa, chuộng khí phách, thích nói thẳng. Đến khi Cao Tổ nổi dậy ở Bái vào đến Hàm Dương, Lăng cũng tự mình họp bè đảng mấy nghìn người ở Nam Dương không chịu theo Bái Công.

Đến khi Hán Vương quay về đánh Hạng Tịch, bảy giờ Lăng mới đem binh theo Hán. Hạng Vũ bắt người mẹ của Lăng để ở trong quân doanh, sứ giả của Lăng đến, Hạng Vũ sai đặt mẹ Lăng ngồi quay mặt về hướng đông (Ngày xưa ngồi quay mặt về hướng đông là tôn quý), muốn để vờ Lăng. Khi mẹ của Lăng tiễn riêng sứ giả, bà khóc mà nói: - Xin vì mẹ già này, nói với Lăng hãy chăm chỉ thờ Hán Vương. Hán Vương là bậc trưởng giả, chớ vì già này mà có hai lòng. Tôi xin lấy cái chết để tiễn sứ giả.

Rồi đâm kiếm mà chết. Hạng Vũ giận, nấu mẹ Lăng. Lăng vẫn theo Hán Vương bình định được thiên hạ. Vì Lăng chơi thân với Ung Xi, Ung Xi là kẻ thù của Cao Đế, vả lại Lăng hồi trước không có chủ ý theo Cao Đế, nên mãi về sau mới được phong là An Quốc Hầu. An Quốc Hầu làm hữu thừa tướng, được hai năm thì Hiếu Huệ Đế chết. Cao Hậu muốn lập họ Lữ làm vương, hỏi Vương Lăng. Vương Lăng nói: - Không được.

Hỏi Trần Bình. Trần Bình nói: - Được.

Lữ Thái Hậu giận Lăng, cho Lăng làm thái phó của vua (Chức thái phó tuy cao nhưng không có thực quyền), nhưng thực ra thì không dùng Lăng. Lăng giận, mượn cớ cáo bệnh xin từ chức, đóng cửa không vào triều, được bảy năm thì chết.

Sau khi Lăng không được làm thừa tướng. Lữ Thái Hậu bèn đổi Bình làm hữu thừa tướng, cho Tịch Dương Hầu Thẩm Tự Cơ làm tả thừa tướng. Tả thừa tướng không làm việc, thường lo việc ở trong cung (Ý nói Thẩm Tự Cơ vào ngủ với Lữ Hậu, nhưng vì việc xấu nên nói bóng). Tự Cơ cũng là

người đất Bái. Khi Hán Vương bị hại ở Bành Thành thì Sở bắt thái thượng hoàng và Lữ Hậu làm con tin. Tục Cơ làm người xá nhân hầu hạ Lữ Hậu. Sau đó, theo Hán Vương đánh phá Hạng Tịch, làm chức hầu được Lữ Thái Hậu yêu. Đến khi làm thừa tướng ở trong cung, trăm quan muốn quyết định việc gì đều phải do y. Vì trước kia Trần Bình đã bàn mưu với Cao Đế bắt Phàn Khoái, cho nên Lữ Tu nhiều lần gièm pha Trần Bình: - Trần Bình làm thừa tướng không lo công việc, ngày uống rượu ngon, thích chơi gái.

Trần Bình nghe nói, lại càng làm quá hơn trước. Lữ Thái Hậu nghe vậy riêng lấy làm mừng, nói với Trần Bình trước mặt Lữ Tu: - Tục ngữ có câu "Miệng đàn bà, con trẻ nói không dùng được". Chỉ cần ông với ta thôi, chớ sợ Lữ Tu gièm pha.

Lữ Thái Hậu lập bọn họ Lữ làm vương, Trần Bình giả vờ nghe theo. Đến khi Lữ Hậu chết, Bình và thái úy là Chu Bột cùng bàn mưu, cuối cùng giết tất cả bọn Lữ, lập Hiếu Văn hoàng đế. Đó vốn là mưu của Trần Bình. Thâm Tục Cơ bị thải không được làm thừa tướng.

Hiếu Văn Đế được lập, Bình thấy rằng thái úy Bột thân hành đem quân giết họ Lữ, lập nhiều công nên muốn nhường địa vị tôn quý cho Bột, bèn cáo bệnh. Hiếu Văn Đế mới lên ngôi, thấy Bình cáo ốm lấy làm lạ hỏi, Bình nói: - Trong khi Cao Đế, công của Bột không bằng công của thần, nhưng đến khi giết bọn họ Lữ thì công của thần không bằng Bột. Xin nhường chức hữu thừa tướng cho Bột.

Vì vậy, Hiếu Văn Đế bèn cho Giáng Hầu Chu Bột làm hữu thừa tướng, ngôi thứ nhất. Bình dòi chức làm tả thừa tướng, ngôi thứ nhì. Cho Bình một ngàn cân vàng, lại phong thêm ba ngàn hộ. Được ít lâu, Hiếu Văn hoàng đế sau khi đã quen việc nước, triều hội hỏi hữu thừa tướng: - Trong thiên hạ, một năm xét xử ngục hình bao nhiêu người?

Bột tạ lỗi, nói: - Thần không biết.

Nhà vua hỏi: - Trong thiên hạ một năm tiền và thóc xuất nhập bao nhiêu?

Bột lại tạ lỗi, nói: - Thần không biết!

Bột mồ hôi ra ướt đầm cả lưng vì thẹn không biết trả lời như thế nào. Vua bèn hỏi tả thừa tướng Bình.

Bình nói: - Đã có người lo việc ấy.

Vua hỏi: - Ai lo việc ấy?

Bình nói: - Bệ hạ nếu hỏi về việc xử ngục hình, thì hỏi quan đình úy, nếu hỏi về tiền và thóc thì hỏi quan trị túc nội sử.

Vua hỏi: - Nếu việc gì cũng có người lo thì ông còn phải lo việc gì?

Bình tạ lỗi và nói: - Muôn tâu bệ hạ! Bệ hạ không kể thần tài hèn sức mọn, cho thần lạm giữ chức thừa tướng. Chức vụ thừa tướng trên thì giúp

thiên tử chính lý âm dương, làm cho bốn mùa thuận, dưới thì nuôi vạn vật đều được thoả thích, bên ngoài thì trấn áp, vỗ về tứ di, chư hầu bên trong thì thân với trăm họ, làm cho các quan khanh và đại phu ai cũng đảm nhiệm tốt chức vụ của mình.

Hiếu Văn Đế khen phải. Hữu thừa tướng rất thẹn, đi ra trách Trần Bình:
- Sao ông không bày trước cho tôi biết để tôi trả lời!

Trần Bình cười: - Ông ở địa vị của mình mà lại không biết chức trách của mình sao? Nếu bệ hạ hỏi số người ăn trộm ăn cướp ở Trường An thì ông định nói liêu sao?

Do đó, Giáng Hầu tự biết mình kém xa Bình. Sau một thời gian, Giáng Hầu cáo bệnh xin miễn, chuyên để một mình Trần Bình làm thừa tướng.

Năm thứ hai đời Hiếu Văn Đế (178), thừa tướng Trần Bình mất, hiệu bụt là Hiến Hầu. Con là Mạ tập tước làm Cung Hầu, được hai năm thì mất. Con là Khôi tập tước làm Giản Hầu, được hai mươi ba năm thì mất. Con Khôi là Hà tập tước làm Hầu, được hai mươi ba năm, Hà phạm tội cướp vợ người ta bị chém vút ở chợ. Tước bị xoá bỏ.

Xưa, Trần Bình nói: - Ta nhiều âm mưu, đó là điều Đạo Gia (đạo Lão) cấm, hết đời ta là thôi, đời sau không thể hưng khởi được nữa. Đó là vì ta nhiều âm báo! Sau đó người chết là Trần Chương nhờ bên họ ngoại nhà vua là họ Vệ (Trần Chương là rể của Vệ Thanh em trai của Vệ Hoàng Hậu, vợ Hán Vũ Đế), muốn nhờ họ Trần được phong lại, nhưng cuối cùng cũng không được.

4. Lời bàn

Thái Sử Công nói: Khi Trần thừa tướng còn nhỏ, vốn ham học thuật của Hoàng Đế, Lão Tử. Trong khi chia thọt ở trên thớt, ông ta cũng đã có chí khí lớn! Len lỏi giữa nơi Sở, Nguy rối loạn, cuối cùng về với Cao Đế. Thường đưa kế lạ, cứu nạn rồi ren, trừ được cái lo của nước nhà. Đến thời Lữ Hậu, là lúc biến cố nhiều nhưng Bình rớt cuộc vẫn tự thoát nạn, yên định được tôn miếu, khi chết được danh thơm, gọi là tướng hiền, há không phải trước sau toàn vẹn đó sao? Nếu không phải là bậc có mưu trí thì làm sao lại được như vậy?

[13]
TÔN TỬ, NGÔ KHỞI liệt truyện

- [1. Tôn Tử](#)
- [2. Tôn Tần](#)
- [3. Ngô Khởi](#)
- [4. Lời bàn](#)

1. Tôn Tử

Tôn Tử tên là Vũ, người nước Tề, đem sách binh pháp yết kiến vua Ngô là Hạp Lư. Hạp Lư nói: -Ta đã đọc cả mười ba thiên của ông rồi, nay ông thử áp dụng binh pháp điều khiển quân đội một cách tiêu qui mô có được không?

Tôn Tử đáp: - Được ạ.

Hạp Lư nói: - Đem đàn bà ra thí nghiệm có được không?

Tôn Tử đáp: - Được ạ.

Vua bèn bằng lòng cho gái đẹp trong cung ra, tất cả một trăm tám mươi người. Tôn Tử chia ra làm hai đội lấy hai người quý phi vua nuông chiều làm đội trưởng, sai tất cả đều cầm giáo.

Tôn Tử ra lệnh nói: - Các người có biết quả tim, tay phải, tay trái và lưng không?

Bọn con gái nói: - Có.

Tôn Tử nói: -Khi ta nói "đằng trước" thì các người nhìn vào quả tim, nói "bên trái" thì nhìn tay trái, nói "bên phải" thì nhìn tay phải, "đằng sau" thì nhìn đằng sau lưng.

Bọn đàn bà đều nói: - Dạ.

Sau khi đã đưa ra kỷ luật, Tôn Tử bèn đặt phủ việt (những đồ nghi trượng ở trong quân đội), ban lệnh ba lần, nhắc nhở năm lượt. Sau đó đánh trống ra lệnh nhìn về bên phải. Bọn con gái cười rộ. Tôn Tử nói: - Kỷ luật không rõ ràng, nhắc nhở hiệu lệnh không kỹ càng, đó là tội của tướng.

Lại ra lệnh và nhắc lại ba lần năm lượt, rồi đánh trống ra lệnh nhìn về bên trái. Bọn con gái lại cười rộ. Tôn Tử nói: - Kỷ luật không rõ ràng, nhắc nhở hiệu lệnh không kỹ lưỡng là tội của tướng, nay đã hiểu rõ kỷ luật rồi mà lại không theo kỷ luật là tội của đội trưởng.

Tôn Tử muốn chém hai người đội trưởng. Ngô Vương đứng trên đài xem, thấy ông ta sắp chém hai người ái cơ, hoảng sợ, vội vàng sai sứ giả truyền lệnh nói: - Quả nhân đã biết cách dùng binh của tướng quân rồi! Không có hai ái cơ ấy thì quả nhân ăn không ngon, xin đừng chém!

Tôn Tử nói: -Thần đã vâng mệnh lệnh bệ hạ làm tướng, tướng đã ở trong quân thì có khi không theo lệnh vua.

Bèn sai chém hai người đội trưởng để thị uy, đem người kế tiếp theo làm đội trưởng. Sau đó lại đánh trống chỉ huy. Bọn con gái nhìn bên trái, bên phải, trước, sau, quì, đứng dậy đều nghiêm chỉnh đứng đắn, không ai dám ho he. Tôn Tử sai sứ giả báo với nhà vua: - Binh đã chỉnh tề, bệ hạ có thể xuống xem. Bệ hạ có thể dùng nó thế nào cũng được, dù có sai nó nhảy vào lửa, nước cũng được.

Ngô Vương nói: - Tướng quân ra quán trọ mà nghỉ, quả nhân không muốn xuống xem.

Tôn Tử nói: - Đại Vương thích nói suông, mà không thể dùng trong việc thực.

Do đó, Hạp Lư biết Tôn Tử có tài dùng binh và cho Tôn Tử làm tướng. Phía tây quân Ngô phá nước Sở mạnh, đi vào đất Sinh, phía bắc uy hiếp nước Tề, nước Tấn nổi tiếng ở chư hầu, Tôn Tử có công ở đây.

2. Tôn Tần

Sau khi Tôn Vũ mất được hơn một trăm năm, có Tôn Tần.

Tần sinh ở giữa đất A và đất Quyển. Tần là con cháu của Tôn Tử. Tôn Tần xưa cùng Bàn Quyên học binh pháp. Sau đó, Bàn Quyên làm quan nước Ngụy, được làm tướng quân của Huệ Vương, nhưng vẫn tự cho rằng mình không tài giỏi bằng Tôn Tần, cho nên ngầm sai người mời Tôn Tần đến. Khi Tần đến, Bàn Quyên sợ và ghét Tần hơn mình, bèn mượn pháp luật mà trị tội chặt hai chân và chàm vào mặt để cho ông ta giấu mình không xuất đầu lộ diện. Sứ giả nước Tề đến đất Lương, Tôn Tần mang thân đã bị hình phạt lén gặp, thuyết phục sứ giả. Sứ giả nước Tề cho là kỳ lạ mang trộm lên xe cùng về nước Tề. Tướng nước Tề là Điền Kỵ phục tài, đối đãi như là khách.

Kỵ nhiều lần đua ngựa đánh cược nhiều tiền với các công tử nước Tề. Tôn Tần thấy chân ngựa không hơn nhau lắm, ngựa có ba thứ giỏi, vừa và kém. Do đó, Tôn Tần nói với Điền Kỵ: - Ngài cứ đặt cược thật nhiều tiền đi, tôi có thể làm cho ngài thắng.

Điền Kỵ tin theo, đặt cược với các công tử nghìn vàng. Đến khi ra trường đua, Tôn Tử nói: - Nay ngài lấy con ngựa kém của ngài thi với ngựa giỏi của họ, lấy con ngựa giỏi của ngài thi với con ngựa vừa của họ, lấy con ngựa vừa của ngài thi với con ngựa kém của họ.

Sau khi đã đua ngựa ba lần, Điền Kỵ thua một, mà thắng hai, cuối cùng được nghìn vàng. Vì vậy, Kỵ tiến Tôn Tử với Uy Vương. Uy Vương hỏi về binh pháp, rồi tôn làm bậc thầy.

Sau đó, Ngụy đánh Triệu, Triệu bị nguy cấp, cầu cứu với Tề. Tề Uy Vương muốn phong Tôn Tần làm tướng. Tần từ tạ nói: - Người đã bị hình phạt không thể làm tướng.

Vua bèn cho Điền Kỵ làm tướng, Tôn Tần làm quân sư chớ ở trong xe kín, ngồi bàn mưu kế. Điền Kỵ muốn đem quân đến Triệu, Tôn Tử nói: - Muốn gỡ mối rối ren thì phải làm từ từ không được căng thẳng, muốn cứu những người đang đánh nhau thì không nên xông vào đánh giùm, tránh chỗ thực, đánh vào chỗ hư, hình thế chống nhau, thì tức khắc gỡ được thôi. Nay quân Lương (Ngụy cũng có tên gọi là Lương), và quân Triệu đánh nhau, ở ngoài binh khí nhẹ và quân lính tinh nhuệ kiệt sức, ở trong người già người yếu mỗi một. Chi bằng ngài cứ đem quân đi nhanh về Đại Lương, cắt đứt đường giao thông, đánh vào nơi trống của Ngụy, thì Ngụy nhất định phải bỏ Triệu để tự cứu lấy mình. Như thế là đánh một nơi mà giải vây cho nước Triệu, lại đồng thời làm cho quân Ngụy kiệt quệ.

Điền Kỵ nghe theo. Quả nhiên quân Ngụy rời bỏ Hàm Đan (Kinh đô của Triệu), đánh nhau với quân Tề ở Quế Lăng. Điền Kỵ phá tan quân Lương.

Mười ba năm sau (353), Ngụy và Triệu đánh Hàn, Hàn cáo cấp với Tề. Tề sai Điền Kỵ làm tướng quân đi thẳng đến Đại Lương. Tướng Ngụy là Bàn Nguyên nghe vậy rời bỏ Hàn quay về, bây giờ quân Tề đã đi khỏi biên giới về phía tây. Tôn Tử nói với Điền Kỵ: - Quân của Tam Tấn (Tam Tấn là tên chung để chỉ Hàn, Triệu, Ngụy, ở đây cốt chỉ Ngụy), vốn hung tợn và khinh quân Tề, quân Tề mang tiếng khiếp nhược. Người thiện chiến thì nhân cái thế của mình mà lợi dụng (ý nói giả bộ khiếp nhược để nhử cho quân Ngụy đuổi theo). Theo binh pháp, nếu chạy đi tìm lợi một ngày trăm dặm thì viên thượng tướng sẽ què, nếu chạy theo lợi một ngày năm mươi dặm thì quân sĩ chỉ đến một nửa. Ngài hãy sai quân Tề vào đất Ngụy làm mười vạn cái bép, ngày hôm sau làm năm vạn cái, lại ngày hôm sau nữa làm ba vạn cái.

Bàn Nguyên đi được ba ngày cả mừng, nói: - Ta vốn biết quân Tề nhất gan, mới vào đất ta ba ngày mà quân sĩ bỏ trốn đã quá nửa.

Bàn Nguyên bèn rời bỏ bộ binh mang khinh binh, cùng lính tinh nhuệ một ngày đi gấp đôi đường để đuổi theo.

Tôn Tử trừ tính họ đi đến đêm thì tới Mã Lăng. Đường Mã Lăng hẹp, hai bên hiểm trở, có thể phục binh bèn sai chặt cây to bôi trắng và viết: "Bàn Nguyên chết dưới cây này". Lại sai một vạn quân Tề gióng trống bắt tên nấp ở bên đường, hẹn, "Ban đêm thấy lửa đốt lên thì đều bắn tên ra".

Bàn Nguyên quả nhiên đêm ấy đến dưới gốc cây bị đẽo, thấy có chữ viết trên gỗ bôi trắng bèn sai xoi gỗ lấy lửa thắp đuốc. Đọc hàng chữ chưa xong, thì một vạn nỏ của quân Tề đều bắn ra, quân Ngụy trốn chạy tán loạn. Bàn Nguyên tự biết mình trí cùng, binh bại, bèn tự đâm cổ chết, nói: - Thế là ta làm cái thằng ấy nổi danh.

Quân Tề thừa thắng phá tan tất cả quân Ngụy, bắt Ngụy thái tử là Thân đem về. Do đó, Tôn Tấn nổi danh ở thiên hạ, đời truyền binh pháp của ông ta.

3. Ngô Khởi

Ngô Khởi là người nước Vệ, thích dùng binh. Khởi thường học với Tăng Tử, thờ vua Lỗ. Người Tề đánh nước Lỗ, nước Lỗ muốn dùng Ngô Khởi làm tướng nhưng vì Ngô Khởi lấy con gái Tề làm vợ nên người Lỗ ngờ vực. Ngô Khởi muốn lập công danh, bèn giết vợ để tỏ rằng mình không liên hệ gì với Tề. Về sau nước Lỗ cho Ngô Khởi làm tướng, cầm quân đánh tan quân Tề. Có người nước Lỗ ghét Ngô Khởi nói: - Khởi là người tính nghi kỵ và tàn nhẫn. Lúc còn nhỏ, nhà cửa ông ta có hàng ngàn lạng vàng, đi du thuyết tìm công danh không được, Khởi bèn phá hết cửa nhà. Người làng xóm chê cười. Ngô Khởi giết hơn ba mươi người chê cười mình, rồi đi ra ngoài thành về phía đông, từ biệt mẹ, cắn vào cánh tay mà thề "Khởi này không làm khanh, tướng thì nhất định không quay lại nước Vệ nữa". Khởi bèn đi học với Tăng Tử. Được ít lâu, mẹ Khởi chết, Khởi cũng không về. Tăng Tử khinh bỉ và tuyệt giao với Khởi. Khởi bèn đến nước Lỗ, học binh pháp để thờ vua Lỗ, vua Lỗ nghi ngờ. Khởi giết vợ để làm tướng. Lỗ là nước nhỏ, lại mang danh chiến thắng, thì chớ hầu sẽ mưu đánh Lỗ mất. Và lại, nước Lỗ và nước Vệ là hai nước anh em, nay vua dùng Khởi thì tức là bỏ nước Vệ.

Vua Lỗ nghi ngờ, từ tạ Ngô Khởi không tin dùng.

Ngô Khởi nghe tin Ngụy Văn Hầu hiền, muốn theo.

Văn Hầu hỏi Lý Khắc: - Ngô Khởi là người như thế nào?

Lý Khắc đáp: - Khởi tham lam và hiếu sắc, nhưng về mặt dùng binh thì Tư Mã Nhượng Thư (Xem Tư Mã Nhượng Thư liệt truyện) cũng không thể hơn được.

Vì vậy Ngụy Văn Hầu cho Khởi làm tướng, đánh Tần, lấy năm thành.

Khi Khởi làm tướng thì cùng ăn mặc như người lính bậc thấp nhất, lúc ngủ không trải chiếu, đi không ngồi xe, thân hành mang lương thực, cùng chia khó nhọc với quân sĩ. Có người lính mắc bệnh, Khởi hút mủ cho anh ta. Mẹ người lính nghe vậy khóc. Có người hỏi: - Con bà là lính, thế mà tướng quân thân hành hút mủ cho, bà còn khóc gì nữa?

Bà mẹ nói: - Không phải thế. Năm xưa Ngô Công hút mủ cho cha nó, cha nó chiến đấu không được bao lâu rồi bị địch giết. Nay Ngô Công lại hút mủ cho con tôi, không biết lúc nào hay nơi nào nó sẽ chết. Vì vậy cho nên khóc.

Văn Hầu cho Ngô Khởi giỏi dùng binh, thanh liêm, công bình, được lòng quân sĩ, nên cho Khởi làm quan thú Tây Hà, để chống lại quân các nước Tần và Hàn.

Sau khi Ngụy Văn Hầu mất, Khởi thờ con Văn Hầu là Vũ Hầu. Vũ Hầu thả thuyền xuôi dòng sông Tây Hà, ở giữa dòng sông, quay nhìn nói với Ngô Khởi: - Đẹp thay! Núi sông hiểm trở! Quả là của quý của nước Ngụy!

Khởi thưa: - Giữ nước cốt ở đức chứ không ở chỗ đất đai hiểm yếu. Ngày xưa, Tam Miêu bên trái là hồ Động Đình, bên phải là hồ Bành Lãi, nhưng vì không trau dồi đức nghĩa, nên bị vua Vũ diệt. Đô thành vua Kiệt nhà Hạ, bên trái là Hoàng Hà, bên phải là Thái Sơn, Họa Sơn, núi Y Khuyết ở phía nam, núi Dương Trường ở phía bắc, nhưng chính vì sự bất nhân nên bị vua Thang diệt. Nước của vua Trụ nhà Ân, bên trái là núi Mạnh Môn, bên phải là núi Thái Hàng, núi Thường Sơn ở phía bắc, sông Đại Hà chạy dọc phía nam, nhưng vì chính sự không có đức cho nên bị Vũ Vương diệt. Do đó mà xem, thì giữ nước ở đức chứ không ở chỗ hiểm. Nếu nhà vua không lo tu đức, thì người trong thuyền đều là nước địch vậy.

Vũ Hầu nói: - Phải!

Liên phong Ngô Khởi làm Tây Hà thú, rất nổi tiếng.

Ngụy đặt tể tướng, cho Điền Văn làm tể tướng. Ngô Khởi không bằng lòng, bảo Điền Văn: - Tôi muốn so sánh công lao với ông có được không?

Điền Văn nói: - Được.

Ngô Khởi nói: - Làm tướng ba quân khiến sĩ tốt vui lòng chết, nước địch không dám dòm ngó, ông có bằng Khởi không?

Điền Văn đáp: - Tôi không bằng ông.

Ngô Khởi nói: - Coi trăm quan, thân với vạn dân, làm cho kho tàng đầy đủ, ông có bằng Khởi không?

Điền Văn nói: - Tôi không bằng ông.

Ngô Khởi nói: - Giữ Tây Hà mà quân Tần không dám xâm phạm ở phía đông, Hàn, Ngụy theo, ông có bằng Khởi không?

Điền Văn nói: - Tôi không bằng ông.

Ngô Khởi nói: - Cả ba việc này, ông đều thua tôi mà địa vị ông lại ở trên tôi là tại làm sao?

Điền Văn nói: - Khi vua còn nhỏ, nước rối ren, các quan đại thần chưa thân, trăm họ không tin, trong lúc ấy thì giao nước cho ông hay cho tôi? (ý Điền Văn nói mình tài năng không bằng Ngô Khởi nhưng có đạo đức được mọi người tin cậy.)

Khởi im lặng một hồi lâu rồi nói: - Giao cho ông.

Điền Văn nói: - Vì thế cho nên địa vị tôi ở trên ông đấy!

Ngô Khởi mới tự biết mình không bằng Điền Văn.

Sau khi Điền Văn chết, Công Thúc làm tể tướng, lấy Ngụy công chúa, muốn hại Ngô Khởi. Người đầy tớ của công chúa nói: - Làm cho Ngô Khởi đi thì dễ thôi!

Công Thúc hỏi: - Làm thế nào?

Người kia nói: - Ngô Khởi là người khí tiết, liêm khiết lại thích danh. Ngài hãy nói với Vũ Hầu trước "Ngô Khởi là người hiền mà nước Ngụy nhỏ,

lại ở sát biên giới nước Tần mạnh, thần trộm lo rằng Khởi không có bụng muốn ở lại". Như thế, thế nào Vũ Hầu cũng hỏi, "Làm sao bây giờ?" Ngài nhân thế nói với Vũ Hầu "Hãy gả công chúa cho Khởi để xem thử, nếu bụng Khởi muốn ở lại thì Khởi sẽ nhận, nếu không thì ông ta nhất định sẽ từ chối. Do đó, mà đoán được". Ngài nhân mời Ngô Khởi cùng về nhà, khiến công chúa giận mắng ngài, Ngô Khởi đã thấy công chúa khinh ngài thì thế nào cũng từ chối.

Quả nhiên, Ngô Khởi thấy công chúa khinh Ngụy tể tướng nên từ chối Ngụy Vũ Hầu. Ngụy Vũ Hầu nghi và không tin Khởi. Ngô Khởi sợ bị tội nên bỏ đi, liền sang Sở.

Vua Sở là Điệu Vương vốn nghe tiếng Ngô Khởi hiền, nên Khởi đến Sở liền được làm tể tướng. Khởi nêu rõ pháp luật, lệnh ra thì thi hành bỏ những chức quan không cần thiết, bỏ không chu cấp cho những người họ nhà vua đã xa nhiều đời, để hậu đãi nuôi dưỡng những người chiến đấu, cốt làm cho quân mạnh, phá tan những bọn chỉ đi nói suông về việc "hợp tung" hay "liên hoành". Kết quả phía nam bình định Bách Việt, phía bắc lấy đất Trần, đất Thái, cự tuyệt Tam Tấn, phía tây đánh Tần.

Chư hầu lo Sở mạnh, những người quý tộc nước Sở ngày trước đều muốn hại Ngô Khởi. Đến khi Điệu Vương mất, các đại thần, tôn thất làm loạn đánh Ngô Khởi. Ngô Khởi chạy đến nấp bên thây vua. Những người nổi loạn bắn và đâm chết Ngô Khởi, nhưng cũng bắn phải thi thể Điệu Vương. Sau khi Điệu Vương được chôn cất, thái tử được lập bèn sai lệnh doãn giết tất cả những người bắn Ngô Khởi. Hơn bảy mươi người vì mắc vào tội bắn Khởi mà bị giết cả họ.

4. Lời bàn

Thái Sử Công nói: Thế tục khi khen tài năng quân sự đều nói đến mười ba thiên của Tôn Tử. Sách binh pháp của Ngô Khởi thế gian nhiều người có, nên tôi không bàn, chỉ bàn những sự việc các ông ấy làm. Tục ngữ nói "Người làm được chưa chắc đã nói được, người nói được chưa chắc làm được". Tôn Tấn trù tính đối phó với Bàn Quyên thật rõ ràng, thế nhưng vẫn không thể sớm tự lo cứu mình khỏi bị hình phạt. Ngô Khởi bàn với Vũ Hâu rằng hình thế không quan trọng bằng đức, nhưng khi thi hành ở Sở, thì lại vì khắc bạc, ít ân đức, mà bỏ thân mình. Thương thay!

[14] Truyện LÃO TỬ

Lão Tử, người làng Khúc Nhan, Hưng Lê, huyện Khô, nước Sở, họ Lý, tên Nhĩ, tên tự là Bá Dương, tên thụy là Đàm. Ông làm quan sử giữ nhà chứa sách của nhà Chu. Khổng Tử đến Chu, muốn hỏi Lão Tử về lễ, Lão Tử nói: - Những người ông nói đều tan xương nát thịt cả rồi, chỉ còn lời nói của họ thôi (Khổng Tử chủ trương theo lễ nghi của các vua đời trước. Lão Tử bác lại ý kiến đó). Và lại, người quân tử gặp thời thì xe ngựa nghênh ngang, không gặp thời thì như cỏ bông xoay chuyển. Tôi nghe nói: "Người buôn giỏi thì biết giấu của báu, khiến người ta thấy dường như không có hàng, người quân tử có đức tốt thì diện mạo dường như ngu si" (Hai câu này đều trong Đạo Đức Kinh). Ông nên bỏ cái khí kiêu ngạo cùng cái lòng ham muốn nhiều, cái vẻ hăm hờ cùng cái chí tham lam đi. Những cái ấy đều không có ích gì cho ông. Tôi chỉ bảo ông có thể thôi.

Khổng tử ra đi, bảo học trò: -Con chim, ta biết nó biết bay, con cá ta biết nó biết lội, con thú, ta biết nó biết chạy. Đối với loài chạy, thì ta có thể dùng lưới để săn, đối với loài lội thì ta có thể dùng câu để bắt, đối với loài bay thì ta có thể dùng tên bắn, đến như con rồng cưỡi mây cưỡi gió lên trời, ta không sao biết được. Hôm nay gặp Lão Tử, ông ta có lẽ là con rồng chăng?

Lão Tử trau dồi đạo đức, học thuyết của ông cốt ở chỗ giấu mình, kín tiếng. Ông ở nhà Chu đã lâu, thấy nhà Chu suy bèn bỏ đi. Đến cửa quan, quan coi cửa là Doãn Hỷ nói: - Ông sắp đi ắt rồi, hãy gắng vì ta mà làm sách.

Rồi Lão Tử bèn làm sách, gồm hai thiên: thượng, hạ, nói về ý nghĩa của "đạo" và "đức" hơn năm nghìn chữ. Đoạn ra đi, không ai biết sống chết như thế nào.

Có người nói: - Lão Lai Tử cũng là người nước Sở, làm mười lăm thiên sách nói về công dụng của Đạo gia. Ông ta cũng sống một thời với Khổng Tử. Đại khái Lão Tử sống hơn một trăm sáu mươi tuổi, có người nói ông hơn hai trăm tuổi, vì ông tu đạo để kéo dài tuổi thọ.

Sau khi Khổng Tử mất 129 năm, sử ký chép thái tử nhà Chu tên là Đàm, yết kiến Tàn Hiến Công, có nói: - Lúc trước Tàn hợp với Chu, rồi lại tách, tách trăm năm rồi lại hợp, hợp bảy mươi năm rồi đáng bá vương sẽ xuất hiện.

Có người bảo Đàm tức là Lão Tử, có người bảo là không phải. Đời không biết là ai nói phải, ai nói không phải (Tác giả đưa ra cả ba thuyết về Lão Tử: Lý Nhĩ, Lão Lai Tử, Đàm, không khẳng định thuyết nào. Ông thường thận trọng như vậy khi gặp những việc nghi ngờ, tỏ rõ có óc nghiêm

túc của sử gia).

Lão Tử là người quân tử đi ở ẩn. Con của Lão Tử tên là Tông làm tướng nước Ngụy được phong ở đất Đoan Can. Con của Tông là Chú, con của Chú là Cung, chót của Cung là Hà, Hà làm quan thời Hán Văn Đế, con của Hà là Giải làm thái phó của Giao Tây Vương tên là Ngang, nhân đấy cư trú ở Tề. Người đời theo thuyết của Lão Tử thì bài bác Nho học, theo Nho học lại bài bác thuyết của Lão Tử. Phải chăng câu: "Đạo khác nhau không giúp cho nhau" là nghĩa như vậy? Lý Nhĩ chủ trương "vô vi" mà dân tự cảm hoá, "thanh tĩnh" mà dân tự quay về đường phải [*Chủ trương của Lão Tử là "thanh tĩnh" - (giữ tâm hồn được trong lặng), "vô vi" (không bị những ham muốn lôi cuốn)*].

[15]

Truyện TRANG TỬ

Trang Tử, người huyện Mông tên là Chu. Chu có lần làm lại ở thành Tất Viên thuộc huyện Mông, đồng thời với Lương Huệ Vương và Tề Tuyên Vương (tức là đồng thời với Mạnh Tử, nhưng có điều rất lạ, là hai người này trong tác phẩm không hề nhắc đến nhau một lời).

Học thuyết của ông không có việc gì là không xét đến, nhưng gốc là theo thuyết của Lão Tử. Ông làm sách có hơn mười vạn chữ, đại để đều theo lối ngụ ngôn. Ông làm những thiên "Ngu Phủ", "Đạo Chích", "Khư Kíp", để chê cười Khổng Tử và làm sáng tỏ học thuyết của Lão Tử. Những thiên "Ồi Hỷ Hư", "Canh Tang Tử" đều là lời bịa đặt, chẳng có việc thực, nhưng ông khéo ghép các đoạn sách, tách ra từng lời để nêu sự việc, xét rành mạch sự tình, nhằm công kích đạo Nho, đạo Mặc, dầu có những bậc túc học cũng không tài nào biện bạch được. Lời của ông mong lung, phóng túng, để thoả ý mình, cho nên từ bậc vương công, đại nhân trở xuống đều không ai biết quý trọng tài năng của ông. Uy Vương nước Sở nghe Trang Chu là người hiền, sai sứ mang hậu lễ đón ông để cho ông làm tể tướng, Trang Chu cười bảo sứ giả nước Sở: - Nghìn vàng là lợi to, khanh tướng là ngôi quý đấy. Nhưng ông không thấy con bò lúc tể giao hay sao? Nó được ăn mấy năm, được mặc đồ vóc thêu để đưa vào nhà thái miếu. Lúc bấy giờ, muốn làm con lợn nhỏ có được không? Ông đi ngay cho, đừng làm bản đến ta. Ta chỉ chơi đùa trong nơi ngòi vũng để tự vui, không để cho kẻ có nước trói buộc, trọn đời không ra làm quan để thoả chí ta.

[16]

THÂN BẤT HẠI, HÀN PHI liệt truyện

[1. Thân Bất Hại](#)

[2. Hàn Phi](#)

[3. "Thuyết Nan" của Hàn Phi](#)

[4. Cái chết Hàn Phi](#)

[5. Lời bàn](#)

1. Thân Bất Hại

Thân Bất Hại là người đất Kinh, vốn là một viên quan nhỏ ở nước Trịnh, nhờ có học thuật nên thành thân cận với Hàn Chiêu Hầu, Chiêu Hầu dùng Thân Bất Hại làm tướng quốc. Thân Bất Hại bên trong lo sửa đổi chính sự, lễ giáo, bên ngoài lo đối phó với chư hầu. Suốt trong mười lăm năm, cho đến khi Thân Tử mất, nước được bình yên, binh mạnh, không nước nào xâm lấn nước Hàn.

Học thuyết của Thân Tử gốc ở Hoàng Đế, Lão Tử, nhưng lấy việc "hình danh" (một chi nhánh của phái Pháp gia) làm chủ. Thân Bất Hại có viết quyển sách gồm hai thiên gọi là Thân Tử.

2. Hàn Phi

Hàn Phi là công tử nước Hàn, thích cái học "hình danh", "pháp thuật". Gốc của học thuyết này là ở Hoàng Đế, Lão Tử. Phi là người nói ngọng, không thể biện luận nhưng giỏi về mặt viết sách. Hàn Phi và Lý Tư đều học với Tuân Khanh. Tư tự cho mình kém Phi. Phi thấy nước Hàn bị suy yếu, mấy lần viết thư dâng lên can vua Hàn, nhưng vua Hàn không dùng. Hàn Phi ghét những người trị nước không trau dồi làm cho pháp chế sáng rõ, mà muốn dùng cái thế của mình để chế ngự bầy tôi, không lo việc làm cho nước giàu, binh mạnh bằng cách tìm người xứng đáng, dùng người hiền, trái lại dùng những bọn tham nhũng, dâm loạn, sâu mọt, đặt chúng ở địa vị cao hơn những người có công lao và có thực tài. Phi cho rằng bọn nhà Nho dùng lời văn làm rối loạn luật pháp, bọn du hiệp dùng võ lực phạm đến điều ngăn cấm, gặp lúc yên ổn thì nhà vua dùng bọn ham danh, gặp lúc nguy cấp thì lại dùng kẻ sĩ mang giáp trụ.

Như thế thành ra ngày nay người nhà vua nuôi lại không phải là những người nhà vua cần dùng, những người nhà vua cần dùng đều lại không phải những người nhà vua nuôi. Phi thương xót những người thanh liêm, chính trực không được bọn tôi gian tà dung tha, nhìn những sự biến đổi tồn vong của các nước ngày xưa, viết "Cô Phần" (sự phản nộ của con người cô độc), "Ngũ Đố" (năm thứ sâu mọt). "Nội Ngoại Trữ Thuyết" (sưu tập những lời bàn về việc trong và việc ngoài), "Thuyết Lâm" (rừng truyện), "Thuyết Nan" (cái khó trong việc du thuyết), tất cả hơn mười vạn chữ.

Hàn Phi biết cái khó trong việc du thuyết nên viết chương "Thuyết Nan" rất đầy đủ. Cuối cùng Phi chết ở Tần, không thể thoát nạn.

3. "Thuyết Nan" của Hàn Phi

"Thuyết Nan" nói:

Cái khó trong việc du thuyết không phải là ở chỗ biết những điều cần phải đưa ra nói. Nó cũng không phải ở chỗ mình không biết biện luận. Cũng không phải ở chỗ không trình bày được rõ ràng ý nghĩ của mình. Cũng không phải ở chỗ không dám nói ngang nói dọc cho hết cái ý của mình. Phàm cái khó trong việc du thuyết chính là ở chỗ làm thế nào biết được cái tim của con người mình muốn thuyết phục để dùng cái thuyết của mình mà đối phó.

Nếu con người mình muốn du thuyết chỉ nghĩ đến cái danh cho cao, mà mình lại đem cái lợi lớn ra thuyết với họ, thì họ sẽ cho mình là bọn hèn hạ, và đối xử như với bọn ti tiện. Thế là thế nào họ cũng vất bỏ ta thật xa. Nếu con người mình muốn du thuyết chỉ nghĩ đến cái lợi cho lớn, mà mình lại đem cái danh cao ra thuyết với họ thì họ sẽ cho ta không chú ý gì đến thế sự, nói chuyện viển vông, và thế nào họ cũng không dùng. Nếu con người mình muốn du thuyết trong bụng nghĩ đến cái lợi cho lớn nhưng bên ngoài làm ra vẻ muốn cái danh cho cao, mà ta đem chuyện danh cao ra thuyết thì bên ngoài họ làm ra vẻ dung nạp cái thân ta, nhưng thực ra thì bỏ rơi ta. Nhưng nếu ta đem chuyện lợi lớn ra nói với họ, thì trong bụng họ dùng lời nói của ta, nhưng bên ngoài họ sẽ vất bỏ cái thân của ta (Trở lên, nói đến những cái khó trong việc du thuyết, cái khó chính là làm thế nào để dò cho được ý của nhà vua). Đó là những điều không biết không được.

Phàm việc làm mà thành là do chỗ bí mật, lời nói mà thất bại là do chỗ bị tiết lộ. Bản thân mình chưa chắc đã tiết lộ ra, nhưng chỉ cần nói đến cái mà người ta dấu thì đã nguy đến thân rồi. Nhà vua có điều sai mà người du thuyết lại đúng những lời sáng tỏ, dùng cái nghĩa lý hay để suy luận ra sai lầm của nhà vua thì nguy đến thân.

Nếu ta chưa được ân huệ nhà vua tước đến mà lại đem hết những điều ta biết ra nói thì hoặc là cái thuyết của ta sẽ được dùng đem đến kết quả, nhưng ta chẳng được ơn đức, hoặc là cái thuyết không được dùng xảy ra thất bại, thế là ta bị nghi ngờ. Như thế thì nguy đến thân.

Phàm nhà vua được cái kế của ta, nhưng muốn xem đó là công lao của mình, mà người du thuyết lại muốn cùng biết, thế thì nguy đến thân. Nếu nhà vua rõ ràng muốn làm một việc gì và cho đó là công lao của mình mà kẻ du thuyết lại cùng biết điều đó thì nguy đến thân (Xem thí dụ của Quan Kỳ Tư ở dưới). Nếu mình cưỡng ép nhà vua bắt làm những điều nhà vua quyết không làm, bác bỏ những điều nhà vua quyết không bỏ, thì nguy đến thân. (Nói đến những cái nguy trong việc du thuyết.)

Cho nên nói: Nếu ta đem những người tôn quý trong triều ra nói với nhà

vua, thì nhà vua sẽ cho là ta ly gián, nếu ta đem những người thấp hèn ra nói với nhà vua, thì nhà vua sẽ cho ta muốn bán quyền. Ta bàn đến cái nhà vua thích, thì nhà vua sẽ cho là ta nịnh hót, ta bàn đến cái vua ghét, thì nhà vua sẽ cho ta thăm dò nhà vua.

Nếu ta nói tóm tắt, ít lời, thì nhà vua sẽ cho ta không có kiến thức gì và khinh ta. Nếu ta nói mênh mông, lời lẽ phụ phiếm, thì nhà vua sẽ thấy là quá nhiều và chán. Nếu ta cứ trình bày sự việc theo ý muốn nhà vua, thì nhà vua sẽ bảo ta "nhút nhát không dám nói hết sự lý". Nếu ta suy nghĩ sự việc và nói rộng, thì nhà vua sẽ bảo ta "thô lỗ và ngạo mạn".

Tất cả những điều khó này trong việc du thuyết không thể không biết đến.

Phạm việc thuyết phục là cốt ở chỗ biết tô điểm cho cái mà nhà vua quý trọng, từ bỏ cái mà nhà vua ghét. Hễ nhà vua tự cho cái kế mình là sai, thì ta chớ nêu chỗ nó sai lầm mà bắt bẻ đến cùng.

Nếu nhà vua tự cho mình đúng mạnh ở chỗ quyết đoán một việc gì, thì ta chớ đưa ý của ta ra chống lại để làm cho nhà vua nổi giận. Nếu nhà vua cho sức lực mình đủ để làm một việc gì, thì ta chớ đem chuyện khó khăn ra cản trở. Nếu nhà vua muốn mưu việc gì cùng với một người khác, hay khen một người mà nhà vua cùng bàn mưu với họ, thì ta nên tô điểm cho họ và chớ nói gì có hại cho họ. Nếu nhà vua và người ấy thất bại, thì hãy cố gắng tô điểm làm như họ không sai lầm.

Kẻ đại trung không dùng lời lẽ làm phật ý nhà vua, lời can gián cũng không cốt đả kích bài bác gì ai (ý nói người tôi thực trung thì biết tìm cách nói với nhà vua làm sao cho nhà vua nghe theo, không chán nản, lời can ngăn hợp lẽ thì thế nào cũng được nghe. Người làm tôi phải biết kiên nhẫn và lựa lời.) Sau đó mới đem cái tài biện luận và cái khôn của mình ra. Như thế cho nên gần gũi với nhà vua, không bị nhà vua ngờ vực.

Biết hết cái đạo thờ vua là khó. Phải chờ đến khi nào quen biết đã lâu, đã được ân huệ nhiều, bày mưu kế sâu mà không bị nghi, cãi lại ý nhà vua mà không bị tội, lúc bấy giờ mới bày rõ điều lợi hại, để lập được công, nói thẳng điều phải điều trái để cho cái thân mình được sung sướng. Khi nào vua và tôi đối với nhau được như vậy lúc đó là lúc việc du thuyết thành công (Ví như cách làm của Phạm Thu trong Phạm Thu Liệt Truyện -quyển II).

Y Doãn làm người nấu bếp, Bách Lý Hề làm người nô lệ đều do con đường hèn hạ mà gặp nhà vua. Cho nên họ đều thành đạt từ chỗ được nhà vua dùng. Hai người này đều là những bậc thánh nhân mà còn không thể không lấy thân mình làm tội tở, để bước vào đường đời một cách nhục nhã như vậy (Chủ ý của bọn du thuyết là đạt đến công danh bất chấp thủ đoạn, cho nên lấy Y Doãn và Bách Lý Hề để làm chứng cho thái độ vô liêm sỉ của

họ). Như thế đủ biết đó không phải là điều làm cho những bầy tôi tài giỏi phải xấu hổ.

Nước Tống có người nhà giàu. Trời mưa, tường hư hỏng. Người con nói: "Nếu không xây tường thì sẽ bị kẻ trộm ăn trộm". Cha của người hàng xóm cũng khuyên như vậy. Đêm ấy, quả nhiên trong nhà mất của. Nhà ấy khen người con là khôn, mà nghi cha của người hàng xóm.

Ngày xưa, Trịnh Vũ Công muốn đánh Hồ, bèn gả con gái cho người Hồ. Nhân đấy, nhà vua hỏi quần thần: - Ta muốn dùng binh, nên đánh ai?

Quan Kỳ Tư nói: - Nên đánh Hồ.

Nhà vua bèn giết Quan Kỳ Tư, nói: - Hồ là nước anh em của ta, tại sao nhà ngươi lại nói nên đánh?

Vua nước Hồ nghe tin ấy, cho nước Trịnh là chỗ thân thiết với mình nên không đề phòng. Nước Trịnh đánh úp và lấy Hồ.

Hai điều nói trên chứng tỏ là hai người đều biết đúng sự thực nhưng người rủi nhất thì bị giết, người bị thiệt hại ít nhất, cũng bị nghi. Như thế đủ biết cái khó không phải ở chỗ biết, cái khó là ở chỗ dùng cái biết của mình (Nhắc lại cái ý đã nói ở đầu bài). Ngày xưa, Di Tử Hà (một người bầy tôi yêu của vua Linh Công nước Vệ) được vua nước Vệ yêu, theo pháp luật của nước Vệ, ai tự tiện đi xe của nhà vua là bị tội chặt chân. Được ít lâu mẹ Di Tử mắc bệnh. Có người nghe tin đang đêm đến báo với Di Tử Hà. Di Tử Hà trái lệnh, đi ra bằng xe ngựa của vua.

Nhà vua nghe tin cho là người hiền, nói: - Thực là người có hiếu! Vì mẹ mà phạm tội bị chặt chân.

Di Tử Hà đi chơi với nhà vua trong vườn quả. Di Tử Hà ăn quả đào thấy ngon, không ăn hết, dâng nhà vua.

Nhà vua nói: - Anh ta thật yêu ta! Quên cái miệng của mình mà nhớ đến ta.

Đến khi Di Tử nhan sắc kém, lòng vua yêu bớt đi, lại phạm tội. Nhà vua nói: - Nó đã có lần tự tiện đi xe ngựa của ta, lại có lần bắt ta ăn quả đào thừa của nó.

Cho nên việc làm của Di Tử không khác, nhưng lần trước được khen là hiền, lần sau lại phạm tội.

Đó là vì lòng yêu ghét hết sức thay đổi. Cho nên được nhà vua yêu thì cái khôn của mình càng làm cho mình được thân, bị nhà vua ghét thì cái tội của mình càng làm cho mình bị ruồng bỏ. Những kẻ sĩ đi du thuyết không thể không xét đến chỗ nhà vua yêu và ghét cái gì, rồi sau đó mới thuyết phục (nhắc lại cái ý đã nói ở đầu bài).

Rồng là một vật có thể đùa bỡn, thậm chí có thể cưới. Nhưng ở dưới cái cổ của nó có cái vẩy ngược dài một thước. Ai động đến thì bị nó giết ngay.

Các vị vua chúa cũng có cái vấy ngược, kể du thuyết không sờ phải cái vấy ngược của vua chúa thì ngô hầu mới là người giỏi.

4. Cái chết Hàn Phi

Có người đem sách của Hàn Phi đến nước Tần. Vua Tần đọc "Cô phần", "Ngũ đố", nói: - Than ôi! Quả nhân mà được chơi bời với con người này thì có chết cũng không ăn năn (Văn của Hàn Phi chặt chẽ, khúc chiết, phân tích rất tỉ mỉ và làm người ta có cảm tưởng đọc một luật gia La Mã. Toàn bộ Hàn Phi Tử đều viết với lời văn như vậy, với một phong cách rất độc đáo đối với Trung quốc cổ).

Lý Tư nói: - Đó là sách Hàn Phi làm đấy!

Vua Tần liền vội vàng đánh Hàn. Lúc đầu vua Hàn không dùng Phi, đến khi nguy cấp bèn sai Phi đi sứ sang Tần. Vua Tần mừng rỡ, nhưng chưa tin dùng. Lý Tư và Diêu Giả ganh ghét Hàn Phi, gièm Hàn Phi, nói: - Hàn Phi là công tử nước Hàn. Nay nhà vua muốn thôn tính tất cả nước chư hầu, nhưng Phi thì rất cuộc chỉ lo cho Hàn chứ không lo cho Tần, thương tình con người ta vẫn thế. Nay nhà vua không dùng, giữ lại đây lâu rồi cho về, thế là gây cho mình một mối lo. Không bằng lấy cớ làm trái pháp luật mà giết đi.

Vua Tần cho là phải, giao cho quan lại trị tội Phi. Lý Tư sai người đưa thuốc độc để cho Phi tự sát. Phi muốn bày tỏ trước mặt nhà vua, nhưng không được nhà vua tiếp. Sau đó nhà vua hối tiếc sai người tha Phi thì Phi đã chết rồi.

5. Lời bàn

Thân Tử, Hàn Tử đều làm sách, truyền đến đời sau, những người học giả nhiều người có. Riêng tôi chỉ tiếc cho Hàn Phi viết "Thuyết Nan" mà vẫn không thể thoát khỏi chết.

Thái Sử Công nói: - Lão Tử chủ trương "đạo", thì " hư" không có nguồn gốc, biến hoá từ chỗ "vô vi", cho nên làm sách lời vi diệu, khó hiểu. Trang Tử nói rộng về "đạo" và "đức", nhưng điều chủ yếu trong học thuyết cũng quay về tự nhiên. Thân Tử chăm chú trình bày về cái "danh" và cái "thực". Hàn Tử đưa ra tiêu chuẩn để xét sự việc, phân biệt điều phải điều trái. Học thuyết ông ta hết sức thâm khắc, ít dùng ân đức. Tất cả điều đó đều do học thuyết về "đạo" và "đức" mà ra. Chỉ có Lão Tử thực là sâu sắc và xa rộng vậy! (Tư Mã Thiên thường hay ca ngợi Lão Tử. Những điều nói ở đây là theo bài "Lục gia yếu chỉ" (tư tưởng chủ yếu của sáu nhà) của Tư Mã Đàm trong đó tác giả phân tích các học thuyết của Đạo gia, Pháp gia, Mặc gia, Âm Dương gia, Danh gia, Nho gia, chủ yếu là đề cao Đạo gia.

[17]

TU MÃ NHƯNG THU liệt truyện

Đoạn: [1](#), [2](#), [3](#)

1.

Tư Mã Nhưong Thư (Nhưong Thư họ Điền nhưng vì làm đại tư mã nên gọi là Tư Mã), là con cháu Điền Hoàn. Trong thời Tề Cảnh Công, nước Tần đánh các đất A, Chân, nước Yên xâm phạm đất Hà Thượng. Quân Tề bị đánh bại. Cảnh Công lo lắng. Án Anh bèn tiến cử Điền Nhưong Thư, nói: - Nhưong Thư tuy là đứa con vợ mọn (con của người tì thiếp. Ở dưới lại nói Nhưong Thư là kẻ thấp hèn), của họ Điền nhưng người này về mặt văn thì có thể làm cho dân chúng theo mình, về mặt võ có thể làm cho quân địch sợ uy. Xin nhà vua thử dùng xem.

Cảnh Công cho mời Nhưong Thư cùng bàn việc binh. Cảnh Công rất thích Nhưong Thư, cho làm tướng quân, cầm binh chống lại quân Yên và quân Tấn. Nhưong Thư nói: - Thần vốn là kẻ thấp hèn được nhà vua cất nhắc từ nơi làng xóm lên giữ địa vị ở trên các đại phu. Sĩ tốt chưa theo, trăm họ không tin, người không có tiếng tăm, uy quyền ít. Xin nhà vua cho một người tôi yêu của nhà vua, được cả nước quý trọng để làm giám quan (chức quan coi kỷ luật trong quân đội), như thế mới được.

Cảnh Công bèn nghe lời cho Trang Giả đến. Sau khi từ giã nhà vua, Nhưong Thư hẹn với Trang Giả: - Sáng ngày mai vào lúc mặt trời đứng bóng thì họp ở cửa quân doanh.

2.

Nhương Thư ruồi ngựa đến quân doanh trước, sai đặt một cái đồng hồ nước, và dựng dưới một cái cột gỗ để làm nêu nhìn bóng mặt trời, đợi Giả. Giả vốn là người kiêu ngạo xuất thân nơi quyền quý, cho rằng mình cầm đầu quân lại làm giám quân cho nên không vội vã. Thân thích bạn bè tiễn đưa ông ta, giữ ông ta ở lại uống rượu. Mặt trời đã đứng bóng mà Giả vẫn chưa đến. Nhưong Thư bèn vật ngã cây gỗ làm nêu, đổ nước trong đồng hồ ra, đoạn vào duyệt hàng ngũ điều khiển quân đội, nêu cao kỷ luật. Sau khi ban bố kỷ luật xong, đến chiều Trang Giả mới đến. Nhưong Thư hỏi: - Tại sao đến muộn?

Giả xin lỗi đáp: - Thân thích bà con tiễn đưa tôi, cho nên đến chậm.

Nhương Thư nói: - Làm tướng, một khi đã nhận mệnh lệnh là quên nhà, khi coi kỷ luật của quân ngũ thì quên cha mẹ, khi tiếng trống đánh gấp thì quên thân mình. Nay quân địch xâm nhập sâu, trong nước nhốn nháo, sĩ tốt phơi bày ở nơi biên giới, nhà vua nằm không ấm chiếu, ăn không biết ngon, tính mệnh trăm họ đều trông ở ông, tại sao lại nói chuyện tiễn đưa nhau?

Bèn gọi người coi việc pháp luật trong quân ngũ, hỏi: - Theo phép quân, hện mà đến muộn thì thế nào?

Người kia nói: - Bị tội chém.

Trang Giả hoảng sợ, sai người ruồi ngựa báo với Cảnh Công, xin nhà vua cứu cho. Người kia ra đi, chưa về kịp thì Trang Giả đã bị chém để nêu gương cho ba quân. Tướng sĩ trong ba quân đều run sợ.

3.

Mãi về sau, Cảnh Công sai sứ giả cầm cờ tiết đến tha cho Giả. Sứ giả phi ngựa vào trong quân doanh. Nhưong Thư nói: - Viên tướng đã ở trong quân ngũ thì có khi không theo lệnh nhà vua.

Và hỏi người coi việc pháp luật trong quân ngũ: - Ở trong quân doanh không được phi ngựa. Nay sứ giả phi ngựa thì thế nào?

-Đáng chém!

Sứ giả hoảng sợ. Nhưong Thư nói: - Sứ giả của nhà vua không thể giết.

Bèn chém cái cây gỗ ở bên trái thành xe và con ngựa đi bên trái trong số ba con ngựa để nêu gương cho ba quân. Nhưong Thư bảo sứ giả trở về báo, sau đó mới cho quân ra đi.

Quân sĩ dừng lại nghỉ, lấy nước, nấu cơm, ăn uống. Nhưong Thư thân hành thăm hỏi sức khoẻ, cho thuốc, vỗ về thăm hỏi họ, đem tất cả tiền lương của vị tướng quân chia cho sĩ tốt, cùng sĩ tốt nhận phần lương thực như nhau, hết sức giúp đỡ người yếu đuối mệt mỏi.

Sau ba ngày cầm quân ra trận, binh sĩ người nào ốm cũng xin đi, tranh nhau xông ra giao chiến. Quân Tấn nghe vậy bãi binh về. Quân Yên nghe vậy vượt sông chạy và giải vây. Nhưong Thư đuổi đánh lấy lại được tất cả đất đai ở biên giới cũ đã bị mất. Nhưong Thư đem quân về. Trước khi về kinh đô, Nhưong Thư cho binh sĩ về, bỏ những điều ràng buộc (ý nói bãi bỏ những điều lệ, kỷ luật quân sĩ phải theo khi có chiến tranh), ăn thề rồi mới vào thành. Cảnh Công cùng các quan đại phu ra ngoài thành đón tiếp, uỷ lạo quân sĩ, làm lễ xong mới trở về nghỉ.

Tề Cảnh Công bèn tôn Nhưong Thư làm đại tư mã.

Họ Điền ngày càng được tôn quý ở nước Tề. Được ít lâu các đại phu Bào Thị, bọn Cao và Quốc định hại Nhưong Thư, nói xấu Nhưong Thư với Cảnh Công. Cảnh Công bỏ Nhưong Thư. Thư phát bệnh mà chết. Bọn Điền Khuất, Điền Báo oán bọn Cao và Quốc. Về sau Điền Thường giết Giản Công, giết tất cả họ của Cao và Quốc. Chắt của Điền Thường là Điền Hoà tự lập làm Tề Uy Vương, Uy Vương dùng binh và ra uy đều theo phép tắc của Nhưong Thư. Các chư hầu triều cống nước Tề.

Tề Uy Vương sai các quan đại phu khảo sát binh pháp của Tư Mã ngày xưa trong đó có thêm Nhưong Thư, do đó gọi quyển sách ấy là Tư Mã Nhưong Thư binh pháp.

Thái Sử Công nói: -Tôi đọc Tư Mã binh pháp thấy bao la, sâu sắc, tuy việc chinh phạt trong thời Tam Đại cũng chưa nói hết cái nghĩa của nó. Cái văn ấy khó lòng thêm được gì. Nhưng nếu Nhưong Thư cầm đầu đạo quân của một nước nhỏ bé thì còn ai công hơi đâu nói đến sách Tư Mã binh pháp nữa! Trong đời nhiều người khen sách binh pháp của Tư Mã Nhưong Thư,

cho nên tôi không nói đến sách ấy mà viết liệt truyện về Nhưong Thư.

[18]
NGŨ TỬ TU' liệt truyện

Đoạn: [1](#), [2](#), [3](#), [4](#)

1.

Ngũ Tử Tư là người nước Sở, tên là Viên. Cha của Viên là Ngũ Xa, anh của Viên là Ngũ Thượng, tổ tiên là Ngũ Củ thờ vua Sở Trang Vương, hay can thẳng, có danh vọng cho nên đời sau nổi tiếng ở Sở.

2.

Sở Bình Vương có thái tử tên là Kiến, Bình Vương sai Ngũ Xa làm thái phó, Phí Vô Kỵ làm thiếu phó. Phí Vô Kỵ không trung với thái tử Kiến. Bình Vương sai Vô Kỵ cưới vợ cho thái tử ở Tần. Người con gái ở Tần đẹp, Vô Kỵ ruồi ngựa về báo với Bình Vương.

- Người con gái ở nước Tần rất đẹp, nhà vua có thể lấy cho mình mà cưới một người vợ khác cho thái tử.

Bình Vương bèn lấy người con gái nước Tần, rất yêu quý nàng, sinh con là Chấn và cưới một người vợ khác cho thái tử. Vô Kỵ sau khi đã đem người con gái nước Tần dâng vua Bình Vương để lấy lòng nhà vua, bèn bỏ thái tử mà thờ Bình Vương. Vô Kỵ sợ một ngày kia Bình Vương mất đi, thái tử lên ngôi sẽ giết mình nên gièm thái tử Kiến. Mẹ của Kiến là người đất Thái, không được Bình Vương yêu. Bình Vương càng bỏ xa Kiến, sai Kiến giữ huyện Thành Phụ, để phòng bị ở biên giới.

Được ít lâu, Vô Kỵ lại ngày đêm nói xấu thái tử với vua: - Thái tử không thể không oán giận về chuyện người con gái nước Tần. Xin nhà vua cẩn thận đề phòng. Từ khi cầm quân ở Thành Phụ, thái tử giao thiệp với chư hầu xem ra có ý muốn vào làm loạn.

Bình Vương bèn mời thái phó của thái tử là Ngũ Xa vào xét hỏi. Ngũ Xa biết Vô Kỵ gièm thái tử với Bình Vương, nhân nói: - Tại sao nhà vua lại vì một kẻ bầy tôi nhỏ bé siểm nịnh, tàn tặc mà làm hại đến tình cốt nhục?

Vô Kỵ nói: - Nếu ngày nay nhà vua không lo ngăn cản đi thì việc sẽ xảy ra, nhà vua sẽ bị bắt.

Bình Vương nổi giận bỏ tù Ngũ Xa rồi sai Tư Mã Phấn Dương đến Thành Phụ giết thái tử. Đi chưa đến nơi, Phấn Dương sai người báo trước với thái tử, nói thái tử hãy trốn đi ngay, nếu không sẽ bị giết. Thái tử Kiến trốn sang nước Tống.

Vô Kỵ nói với Bình Vương: - Ngũ Xa có hai người con, đều là những người tài giỏi, nếu không giết thì sẽ là mối lo cho nước Sở. Ta có thể lấy cha họ làm con tin mà gọi họ đến. Nếu không, họ sẽ là mối lo cho nước Sở.

Nhà vua sai sứ giả nói với Ngũ Xa: - Nếu nhà ngươi có thể gọi hai người con đến thì sẽ được sống, nếu không gọi được thì nhà ngươi sẽ bị giết.

Ngũ Xa nói: - Thượng là người nhân hậu, nếu gọi thế nào cũng đến. Còn Viên là người cứng rắn, ngang bướng (câu này đánh giá tính cách của Tử Tư), có thể nhẫn nhục làm được việc lớn. Nó thấy đến sẽ bị bắt, thì thế nào cũng không đến.

Nhà vua không nghe, sai người gọi hai người con.

Sứ giả nói: - Các người đến thì ta sẽ tha cho cha các người được sống, các người không đến thì ta sẽ giết Xa.

Ngũ Thượng muốn đi, Viên nói: - Vua Sở gọi hai anh em ta đến không phải là muốn cha chúng ta sống đâu. Ông ta sợ có người trốn thoát sau này sẽ gây mối lo cho nên lấy cha chúng ta làm con tin, lừa gọi hai anh em ta đến. Hai anh em ta đến thì cha con đều chết chứ chẳng có ích lợi gì hết. Cha chúng ta chết, chúng ta đến chỉ làm cho sau này không có ai mà trả thù mà thôi. Không bằng trốn sang nước khác, mượn sức mạnh của nó mà rửa cái nhục của cha. Nếu tất cả đều chết thật không làm được việc gì hết.

Ngũ Thượng nói: - Ta biết đến thì cuối cùng cũng không thể bảo toàn được tính mạng của cha. Nhưng chỉ tiếc một điều cha gọi ta đến để mong được sống mà ta không đến, sau này không thể rửa được điều nhục, rốt cục bị thiên hạ cười mà thôi.

Thượng bảo Viên: - Em trốn đi. Em có thể trả thù cho cha. Anh sẽ về chịu chết.

Thượng để cho người ta bắt. Sứ giả bắt Ngũ Tử Tư, nhưng Ngũ Tử Tư trương thẳng cung lấp tên vào nhắm sứ giả dọa bắn, sứ giả không dám tiến. Ngũ Viên bèn bỏ trốn.

Nghe nói thái tử Kiến ở Tống, Ngũ Viên đến đây theo thái tử. Xa nghe tin con mình là Tử Tư đã trốn thoát, nói: - Vua tôi nước Sở rồi sẽ khổ cực về việc binh đao đây!

3.

Ngũ Thượng đến Sở, Sở giết cả Xa lẫn Thượng. Ngũ Tử Tư đến Tống. Tống gặp cái loạn họ Hoa (Năm 522 trước công nguyên bọn Hoa Hại, Hướng Ninh, Hoa Định muốn cướp ngôi vua, sau đó bỏ trốn), Tử Tư bèn cùng thái tử Kiến trốn sang nước Trịnh. Người Trịnh rất quý họ. Thái tử Kiến lại sang Tấn. Tấn Khoảnh Công nói: - Thái tử đã quen nước Trịnh, nước Trịnh tin thái tử, nếu thái tử có thể làm nội ứng cho ta, còn ta đánh bên ngoài thì thế nào cũng diệt được Trịnh. Nếu diệt được Trịnh, ta sẽ phong đất cho thái tử.

Thái tử bèn trở về Trịnh. Việc này chưa xảy ra thì gặp lúc thái tử muốn giết một người đi theo mình. Người này biết mưu ấy bèn báo với Trịnh. Trịnh Định Công cùng Tử Sản giết thái tử Kiến.

Kiến có người con tên là Thắng. Ngũ Viên sợ, bèn cùng Thắng bỏ trốn sang Ngô. Đến cửa ải Chiêu Quan, người Chiêu Quan muốn bắt. Ngũ Viên bèn cùng Thắng đi bộ bỏ chạy, suýt nữa thì không thoát được. Người đuổi theo ở đằng sau. Khi qua sông Giang, trên sông có một người đánh cá đang chèo. Ông ta biết Ngũ Tử Tư nguy cấp bèn chở thuyền cho Tử Tư. Sau khi qua sông, Tử Tư cởi thanh kiếm nói: - Thanh kiếm này giá đáng trăm lạng vàng, tôi xin biếu cụ.

Cụ già nói: - Theo phép nước Sở, ai bắt được Ngũ Tử Tư thì thưởng năm vạn thạch lúa, tước đến bậc cầm ngọc khuê, chứ có phải chỉ thưởng cái kiếm giá trăm lạng vàng đâu?

Ông cụ không nhận. Ngũ Tử Tư chưa đến đất Ngô, bị bệnh, dừng lại giữa đường, ăn xin.

Khi Tử Tư đến Ngô, vua Ngô là Liêu vừa mới dùng công tử Quang làm tướng. Ngũ Tử Tư bèn nhờ công tử Quang để xin yết kiến vua Ngô.

Sau đó ít lâu, Sở Bình Vương vì việc cái ấp ở biên giới nước Sở là Chung Ly cùng ấp Ty Lương ở biên giới nước Ngô đều làm nghề nuôi tằm, con gái hai bên tranh nhau đất trồng dâu, đi đến đánh nhau, nên nổi giận, đến nỗi hai nước đem binh đánh nhau. Ngô sai công tử Quang đánh Sở, lấy đất Chung Ly và Cư Sào của Sở, rồi đem quân về. Ngũ Tử Tư nói với vua Ngô là Liêu: - Có thể đánh bại được nước Sở, xin nhà vua sai công tử Quang đi đánh lần nữa.

Công tử Quang nói với vua Ngô: - Anh chàng Ngũ Tử Tư kia vì có cha và anh đều bị giết ở Sở nên khuyên nhà vua đánh Sở. Chẳng qua anh ta muốn báo cái thù riêng mà thôi. Nếu ta đánh Sở thì cũng chưa thể đánh bại được nó.

Ngũ Tử Tư biết đôi với việc trong, công tử Quang đang ôm ấp một chí riêng, công tử Quang muốn giết vua để tự lập làm vua nên không thể đem

việc ngoài (là đánh nhau với nước ngoài đối lập với việc trong là việc cướp ngôi vua Ngô) ra thuyết ông ta được. Tử Tư bèn tiến cử Chuyên Chư với công tử Quang, còn mình rút lui cùng con của thái tử Kiến là Thắng đi cày ở đồng nội.

Sau năm năm, Sở Bình Vương mất. Trước kia Bình Vương cướp người con gái nước Tần của thái tử Kiến, lấy nàng và sinh con là Chân. Đến khi Bình Vương chết, Chân được lập để nối ngôi tức là Chiêu Vương. Ngô Vương là Liêu nhân lúc nước Sở có tang, sai hai công tử đem binh đánh úp nước Sở. Nước Sở đem binh chặn mất đường về của quân Ngô, quân Ngô không thể về. Nước Ngô bây giờ trong nước trống rỗng.

Công tử Quang bèn sai Chuyên Chư bắt ngờ đâm chết Ngô Vương là Liêu và tự lập làm vua. Đó là vua Hạp Lư của nước Ngô. Sau khi được lập, thoả được chí nguyện của mình, Hạp Lư bèn gọi Ngũ Viên cho làm hành nhân (chức quan lo tiếp khách và nhận những vật người ta dâng cho nhà vua), để cùng mưu việc nước. Nước Sở giết quan đại thần của mình là Khước Uyển và Bá Châu Lê, cháu của Bá Châu Lê là Phỉ chạy trốn sang Ngô. Ngô cũng cho Phỉ làm đại phu.

4.

Trước đây, vua Ngô sai hai công tử cầm quân đánh Sở, bị chặn đường không về được. Sau đó hai người lại nghe tin Hạp Lư giết vua là Liêu mà tự lập làm vua, bèn đem quân đầu hàng Sở. Sở phong cho họ ở Thụ.

Hạp Lư lên ngôi được ba năm, bèn đem quân cùng Ngũ Tử Tư và Bá Phi đánh Sở, lấy đất Thụ bắt hai vị tướng quân của Ngô đã làm phản. Nhân đây Hạp Lư muốn đánh đến Sính. Tướng quân Tôn Vũ can: - Dân mệt nhọc, chưa có thể đánh, hãy chờ.

Hạp Lư bèn quay về.

Năm thứ tư, Ngô đánh Sở lấy hai huyện Lục và Tiềm.

Năm thứ năm, Ngô đánh Việt thua (xem Việt Vương Câu Tiễn thế gia).

Năm thứ sáu, Sở Chiêu Vương sai công tử Nang Ngoã cầm quân đánh Ngô. Ngô sai Ngũ Viên đón đánh, phá tan quân Sở ở Dự Chương, lấy đất Cư Sào của Sở.

Năm thứ chín, vua Ngô là Hạp Lư bảo Tử Tư và Tôn Vũ: - Trước đây các ông nói chưa có thể vào được thành Sính, bây giờ thì thế nào?

Hai người đều nói: - Tướng Sở Nang Ngoã tham lam. Dân đất Đường, đất Thái đều oán giận hắn. Nếu nhà vua muốn đánh Sở một trận lớn thì trước tiên phải làm cho dân Đường và Thái theo mới được.

Hạp Lư nghe lời, đem tất cả quân sĩ cùng dân Đường và Thái đánh Sở. Quân Ngô và quân Sở dàn trận sát sông Hán Thủy. Em của vua Ngô là Phù Khái cầm quân xin theo, nhà vua không nghe, Khái bèn đem bộ hạ của mình năm nghìn người đánh tướng Sở Tử Thường (tức Nang Ngoã).

Tử Thường thua, chạy sang đất Trịnh. Quân Ngô bèn thừa thắng tiến lên, đánh năm trận rồi cuộc tiến đến thành Sính. Ngày Kỷ mao, Sở Chiêu Vương bỏ chạy.

Ngày Canh thìn Ngô Vương vào thành Sính. Chiêu Vương bỏ trốn vào đầm Vân Mộng, bọn ăn trộm đánh nhà vua, nhà vua chạy vào nước Vân. Em của Vân Công là Hoài nói: - Bình Vương giết cha ta, ta giết con hắn cũng được chứ sao?

Vân Công sợ em mình giết nhà vua nên cùng nhà vua trốn sang đất Tuỳ.

Quân Ngô vây thành Tuỳ, bảo người Tuỳ: - Con cháu của họ Chu ở Hán Xuyên đều sẽ bị quân Sở giết hết.

Người Tuỳ muốn giết nhà vua, nhưng người con của nhà vua là Cơ giấu vua đi và tự xưng làm vua để thay thế. Dân thành Tuỳ bói xem có nên nộp nhà vua cho quân Ngô không. Quả bói không tốt, họ bèn từ chối không trao nhà vua cho quân Ngô.

Trước đây, Ngũ Viên chơi với Thân Bao Tư. Khi trốn đi, Viên có bảo Bao Tư: - Tôi thế nào cũng lật đổ nước Sở.

Bao Tư nói: - Tôi thế nào cũng bảo tồn được nước Sở.

Đến khi quân Ngô vào thành Sinh, Ngũ Tử Tư tìm Chiêu Vương không được, bèn sai đào mả Sở Bình Vương lên, đem thầy ra quất ba trăm roi. Thân Bao Tư lúc này đã bỏ trốn vào trong núi, sai người bảo Tử Tư: -Nhà người báo thù sao mà quá thế? Ta nghe nói người mà đông thì thắng trời, trời định cũng có thể phá người. Nhà người là tôi của Bình Vương, đã từng quay mặt về hướng Bắc mà thờ nhà vua, nay làm gì đến nỗi trừng phạt cả thầy người chết như vậy? Như thế chẳng phải là vô đạo hết sức sao?

Ngũ Tử Tư nói: -Ông xin lỗi Thân Bao Tư hộ tôi, bảo: "Tôi trời chiều, đường xa, cho nên gặp việc trái với đạo lý cũng cứ làm" (ý nói có dịp được báo thù là làm, kể gì đến đạo lý. Câu này sau thành một thành ngữ.).

Thân Bao Tư bèn chạy sang Tần cầu cứu trong cảnh nguy cấp. Vua Tần không nghe. Bao Tư đứng trước sân vua Tần khóc bảy ngày đêm không dứt tiếng. Tần Ai Công thương nói: - Nước sở tuy vô đạo nhưng có bấy tôi như thế lẽ nào không bảo tồn nó!

Bèn sai năm trăm cỗ xe đi cứu Sở, đánh Ngô. Tháng sáu, đánh quân Ngô thua ở Tác. Gặp lúc vua Ngô ở lâu tại đất Sở để tìm Chiêu Vương, Phù Khái, em của Hạp Lư bèn trốn về tự lập làm vua. Hạp Lư nghe tin ấy liền bỏ Sở trở về đánh Phù Khái ở Đương Khê, làm thành họ Đương Khê. Sở lại giao chiến với Ngô, đánh bại Ngô. Vua Ngô bèn rút về.

Hai năm sau, Hạp Lư sai thái tử Phù Sai cầm quân đánh Sở lấy đất Bàn. Sở sợ Ngô lại đem quân đến, bèn dời đô từ Sinh đến Nhục. Lúc bấy giờ nước Ngô nhờ mưu của Ngũ Tử Tư và Tôn Vũ, phía tây đánh bại nước Sở mạnh, phía bắc uy hiếp các nước Tề, Tấn, phía nam chinh phục người Việt. Sau đó bốn năm, Khổng Tử làm tướng quốc nước Lỗ. Năm năm, Ngô đánh Việt. Vua Việt là Câu Tiễn đón, đánh bại quân Ngô ở Cô Tô, làm Hạp Lư bị thương ở ngón tay. Quân Ngô phải rút lui, Hạp Lư bị bệnh vì vết thương, sắp chết bảo thái tử Phù Sai: - Con có quên Câu Tiễn giết cha con không?

Phù Sai đáp: - Con không dám quên.

Đêm ấy, Hạp Lư chết. Khi được lập làm vua (năm 494 trước công nguyên) Phù Sai cho Bá Phi làm thái tử, tập dượt việc chiến trận và bắn tên trong hai năm. Sau đó quân Ngô đánh bại quân Việt ở Phù Tiêu. Vua Việt Câu Tiễn bèn đem số quân còn lại năm nghìn người lên núi Cối Kê, sai quan đại phu là Chung đem lễ vật hậu đến đưa cho quan thái tử của Ngô là Phi để xin giảng hoà, nộp nước xưng là thần, Ngô Vương toan bằng lòng. Ngũ Tử Tư nói: - Vua Việt là con người có thể chịu đựng cảnh khổ cực đắng cay, nếu ngày nay nhà vua không diệt đi thì sau này nhất định sẽ hối hận.

Vua Ngô không nghe, dùng kế của thái tử là Phi, cùng giảng hoà với Việt.

Sáu đó năm năm, vua Ngô nghe tin Tề Cảnh Công chết, các quan đại thần tranh nhau để được nhà vua yêu, vị vua mới nhu nhược, bèn cất quân đi về hướng bắc đánh Tề, Ngũ Tử Tư can: - Câu Tiễn ăn không hai món, viếng người chết thăm hỏi người ốm, ý muốn có lúc dùng đến dân. Con người ấy không chết thì còn là cái mối lo cho nước Ngô. Nay Ngô có Việt cũng như con người có cái bệnh trong gan trong ruột, thế mà nhà vua lại không lo đánh Việt trước, mà lo đánh Tề, chẳng phải là sai lầm sao?

Vua Ngô không nghe, đánh Tề, quân Tề bị thua to ở Ngãi Lăng, quân Ngô thị uy với các vua nước Trâu và nước Lỗ rồi trở về, lại càng bỏ lơ mưu kế của Tử Tư.

Sau đó bốn năm, vua Ngô đem quân về hướng bắc đánh Tề. Vua Việt Câu Tiễn dùng mưu của Tử Công đem quân giúp Ngô, lại đem của quý đưa cho thái tử là Phi. Quan thái tử là Phi đã mấy lần nhận lễ vật của Việt, lại càng yêu quý, và tin nước Việt. Ngày đêm Phi bày đặt lời nói với vua Ngô. Vua Ngô tin dùng kế của Phi, Ngũ Tử Tư can: - Nước Việt là cái bệnh trong gan trong ruột của ta. Nay nhà vua nghe những lời phù phiếm, dối trá của nó mà tham đất Tề, đem quân đánh Tề. Tề cũng ví như ruộng đá không dùng được vào việc gì. Và lại trong bài cáo của Bàn Canh có nói: "Có bọn cuồng loạn láo xược phải giết hết đi khiến cho chúng không còn có con cháu gì nữa, không cho chúng được làm hại cái giống tốt ở ấp này". Đó là điều đã làm cho nhà Thương hưng thịnh. Xin nhà vua bỏ nước Tề mà đánh nước Việt trước. Nếu không làm thế thì sau này có hối cũng không kịp nữa.

Nhưng vua Ngô không nghe sai Tử Tư đi sứ sang Tề. Lúc ra đi, Tử Tư dặn con: - Ta đã mấy lần can nhà vua nhưng nhà vua không nghe. Lần này ta sẽ thấy nước Ngô mất đất. Mày cùng chết với nước Ngô thì vô ích.

Bèn gửi người con cho Bão Mục ở Tề, mà trở về báo với vua Ngô. Quan thái tử nước Ngô là Phi vốn đã có hiềm khích sẵn với Tử Tư, nhân đây nói dèm: - Tử Tư là người cứng rắn, tàn bạo, ít ân đức, hay nghi ngờ. Ông ta oán trách, tôi sợ sẽ xảy ra tai họa lớn. Trước đây, nhà vua muốn đánh nước Tề, Tử Tư cho là không thể được. Nhà vua cuối cùng đánh Tề và có công lớn, Tử Tư xấu hổ về chỗ mưu kế của mình không được dùng, nên quay ra oán trách. Ngày nay, nhà vua lại đánh nước Tề. Tử Tư chỉ chuyên ra sức can ngăn, mắng nhiếc những người làm quan, chỉ trông nước Ngô thua để cho cái mưu của mình được thắng mà thôi. Nay nhà vua đem tất cả vũ lực trong nước để đánh Tề, Tử Tư can, nhà vua không nghe bèn cáo bệnh không đi theo. Nhà vua không thể không phòng bị, cái việc gây họa không khó đâu. Và lại, Phi sai người rình mò xem, thì khi ông ta đi sứ sang Tề, ông ta giao con cho họ Bão ở Tề. Phàm con người làm bày tôi người ta mà bên trong không được vừa lòng, bên ngoài dựa vào chư hầu, tự cho mình là mưu thần

của tiên vương, nay không được dùng, thường uất ức oán trách, vậy xin nhà vua phải lo liệu sớm đi.

Vua Ngô nói: - Nếu không có lời nói của nhà ngươi thì ta cũng đã nghi hấn.

Bèn sai sứ giả trao cho Ngũ Tử Tư thanh kiếm Chúc Lô nói: - Nhà ngươi hãy chết bằng cái này!

Ngũ Tử Tư ngẩng lên trời than: - Than ôi! Tên sàm thần Phỉ làm loạn rồi! Nhà vua quay lại giết ta. Ta làm cho cha nhà ngươi thành "bá". Từ khi ngươi chưa được lập làm vua, các công tử tranh giành nhau, nếu ta không liều chết can ngăn tiên vương thì ngươi cơ hồ không được lập. Khi được lập làm vua, ngươi muốn chia nước Ngô cho ta, nhưng ta không dám mong như vậy. Thế mà nay ngươi nghe lời bọn tôi siểm nịnh, giết bậc trưởng giả.

Bèn nói với người xá nhân: - Thế nào cũng phải trồng trên mộ ta một cây tử đề có thể làm quan tài. Hãy móc mắt ta treo trên cửa phía đông của nước Ngô để cho nó thấy giặc Việt vào tiêu diệt nước Ngô.

Bèn tự đâm cổ chết.

Vua Ngô nghe tin nổi giận bèn đem thầy Tử Tư, nhét vào túi da ngựa, thả trôi trên sông Giang. Người nước Ngô thương Tử Tư bèn lập đền thờ trên sông Giang, nhân gọi nó là Tư Sơn.

Sau khi đã giết Ngũ Tử Tư, vua Ngô bèn đánh Tề. Họ Bão ở nước Tề giết vua của mình là Điền Công mà lập Dương Sinh. Vua Ngô muốn trừng trị những người giết vua Tề, nhưng đánh không thắng, phải quay về.

Sau đấy hai năm, vua Ngô mời các vua nước Lỗ và nước Vệ họp ở Thác Cao. Năm sau, nhân lúc nhà vua đi về phía bắc họp các chư hầu ở Hoàng Trì để tôn nhà Chu, vua Việt Câu Tiễn đánh úp, giết thái tử nước Ngô, phá quân Ngô. Vua Ngô nghe tin quay về sai sứ giả đem lễ vật rất hậu đưa cho vua Việt để giảng hoà. Chín năm sau (473 trước công nguyên) vua Việt là Câu Tiễn tiêu diệt nước Ngô, giết vua Phù Sai, chém thái tử là Phỉ về tội bên trong không trung với vua, bên ngoài nhận của đút, ngầm giao kết với mình (với Câu Tiễn).

Lúc đầu, Ngũ Tử Tư cùng trốn với Thắng, cho nên Thắng, con của thái tử nước Sở là Kiến ở Ngô. Thời vua Ngô Phù Sai, Sở Huệ Vương muốn mời Thắng về nước Sở. Diệp Công can: - Thắng là người dũng mãnh lại ngầm tìm những người liều chết vì mình, phải chăng có ý riêng gì?

Huệ Vương không nghe, bèn mời Thắng về, cho ở Yên là ấp ở biên giới nước Sở, hiệu là Bạch Công. Bạch Công về Sở oán giận vua Trịnh đã giết cha mình, bèn ngầm nuôi những người dũng sĩ liều chết để báo thù nước Trịnh.

Về Sở được năm năm, Bạch Công xin quan lệnh doãn nước Sở là Tử Tây

đánh Trịnh. Tử Tây hứa sẽ đánh. Quân chưa đi thì quân Tấn đánh Trịnh. Trịnh xin Sở cứu. Nước Sở sai Tử Tây đến cứu, ăn thề với Trịnh rồi trở về, Bạch Công là Thắng giận nói: - Người thù của ta không phải là nước Trịnh mà là Tử Tây.

Thắng tự mài kiếm. Có người hỏi: - Để làm gì thế?

Thắng nói: - Muốn giết Tử Tây.

Tử Tây nghe vậy cười, nói: - Thắng chỉ như quả trứng thôi, làm được gì?

Bốn năm sau, Bạch Công là Thắng và Thạch Ngật đánh úp, giết quan lệnh doãn nước Sở là Tử Tây và quan tư mã nước Sở là Tử Cơ ở đại triều.

Thạch Ngật nói: - Không giết vua không được.

Bèn bắt nhà vua đi điện Cao Phủ. Người đi theo Thạch Ngật là Khuất Cố công Sở Huệ Vương trốn chạy vào cung Chiêu phu nhân (Mẹ Huệ Vương). Diệp Công nghe tin Bạch Công làm loạn, đem tất cả những người trong nước ra đánh Bạch Công. Bọn Bạch Công thua chạy trốn vào núi, Bạch Công tự sát.

Diệp Công bắt được Thạch Ngật hỏi: - Thân của Bạch Công ở đâu? Không nói thì ta sẽ nấu.

Thạch Ngật nói: - Việc thành thì làm khanh tướng, không thành bị nấu nường, cái đó vốn là phận sự của tôi.

Cuối cùng vẫn không chịu nói xác Bạch Công ở đâu.

Diệp Công bèn sai nấu Thạch Ngật, và tìm Huệ Vương về, lại lập làm vua.

Thái Sử Công nói: -Oán thù đối với người ta thực là thâm độc làm sao. Bậc vua chúa còn không thể làm điều đó đối với bầy tôi, huống gì những người cùng hàng với nhau? Giả sử trước đây Ngũ Tử Tư cùng chết với Ngũ Xa thì có khác gì con sâu con kiến! Vì bỏ cái nghĩa nhỏ nên rửa được cái nhục lớn, để danh tiếng lại đời sau. Than ôi! khi Tử Tư bị khốn quẫn trên sông, ăn xin trên đường cái, cái chi ông ta há phải trong giây phút nào quên thành Sinh đâu! Nhịn nhục lập nên công danh, nếu không phải kẻ liệt sĩ thì ai có thể làm được như vậy? (tác giả tự ngụ). Nếu Bạch Công không tự lập làm vua, thì cái công và cái mưu của ông ta cũng không thể nói hết.

[19]

THƯƠNG QUÂN liệt truyện

Thương Quân là con người hầu của một quý tộc nước Vệ, tên là Ưởng, họ là Công Tôn, tổ tiên vốn là họ Cơ. Ưởng lúc nhỏ thích học hình danh, thờ tể tướng nước Ngụy là Công Thúc Tọa làm trung thứ tử. Công Thúc Tọa biết Ưởng hiền, nhưng chưa có dịp tiến cử. Khi Tọa mắc bệnh, Ngụy Huệ Vương thân hành đến thăm bệnh, hỏi: - Nếu như bệnh của Công Thúc đưa đến việc chẳng may thì ai lo việc nước nhà?

Công Thúc Tọa nói: - Trung Thứ Tử của Tọa là Công Tôn Ưởng, tuy trẻ tuổi, nhưng có tài cao, xin nhà vua giao phó việc nước cho ông ta.

Nhà vua im lặng. Vua sắp đi, Tọa đuổi mọi người ra, nói: - Nếu nhà vua không nghe tôi, không dùng Ưởng, thì phải giết y đi chớ để cho y ra khỏi biên giới.

Nhà vua nhận lời mà đi ra. Công Thúc Tọa gọi Ưởng đến từ tạ nói: - Hôm nay, nhà vua hỏi tôi, ai có thể làm tể tướng, tôi nói anh. Sắc mặt nhà vua có vẻ không tin lời tôi. Tôi trước tiên phải lo đến vua sau mới nghĩ đến bầy tôi, cho nên tôi nói với nhà vua "nếu nhà vua không dùng Ưởng thì phải giết anh ta đi". Nhà vua đã hứa. Vậy anh phải mau mau trốn đi, nếu không sẽ bị bắt đấy.

Ưởng nói: - Nhà vua đã chẳng nghe lời của ông cho tôi làm tể tướng, lẽ nào lại có thể nghe lời nói của ông mà giết tôi.

Rốt cuộc Ưởng không đi. Sau khi đi ra, Huệ Vương nói với các quan hầu: - Công Thúc bệnh nặng, thực đáng thương. Ông ta muốn quả nhân nghe theo Công Tôn Ưởng để trị nước, há chẳng quá sai lầm sao?

Sau khi Công Thúc Tọa chết, Công Tôn Ưởng nghe tin Tần Hiếu Công ra lệnh trong nước tìm người hiền để nối nghiệp của Tần Mục Công (-659 đến -612 - thời Xuân Thu nổi tiếng là ông vua giỏi, đã làm cho nước Tần bá chủ chư hầu một thời gian.), đem quân sang hướng đông lấy lại đất đai bị cướp, bèn đi sang hướng tây vào đất Tần. Ưởng nhờ một người tôi yêu của Hiếu Công là Cảnh Giám để xin yết kiến Hiếu Công. Khi đã gặp Vệ Ưởng, Hiếu Công nói chuyện một hồi lâu, nhiều khi buồn ngủ, không nghe. Sau đó, Hiếu Công giận, quở Cảnh Giám: - Người khách của nhà ngươi là người lão, dùng làm sao được.

Cảnh Giám trách Vệ Ưởng, Vệ Ưởng nói: - Tôi đem "đề đạo" ra nói (Đem đạo Ngũ Đế ra bàn ý muốn làm cho vua thành Nghiêu, Thuấn.) với nhà vua, nhưng chi nhà vua không hiểu rõ đó thôi.

Năm ngày sau, Cảnh Giám lại xin nhà vua cho Ưởng được yết kiến. Ưởng lại yết kiến Hiếu Công, nhà vua tỏ ra vui vẻ hơn, nhưng vẫn chưa

trúng ý nhà vua. Sau đó, Hiếu Công lại trách Cảnh Giám, Cảnh Giám cũng lại trách Vệ Uông, Uông nói: - Tôi đem "vương đạo" (Vương đạo của Tam Vương, ý muốn làm cho vua thành Hạ Vũ, Thành Thang, Vũ Vương) ra nói nhưng chưa lọt vào đó thôi. Xin cho Uông được yết kiến lần nữa.

Uông lại yết kiến Hiếu Công, Hiếu Công khen nhưng vẫn chưa dùng. Sau khi hội kiến đi ra, Hiếu Công nói với Cảnh Giám: - Người khách của nhà ngươi giỏi đấy, có thể nói chuyện được.

Vệ Uông nói: - Tôi đem "bá đạo" (là đạo làm bá chủ chư hầu như Tề Hoàn Công, Tần Mục Công thời Xuân Thu.) ra nói với nhà vua, ý nhà vua là muốn dùng đấy. Nếu nhà vua còn gọi tôi đến yết kiến thì tôi đã biết phải nói những gì rồi. (Theo phép du thuyết trước khi nói phải tìm cách dò cho đúng ý muốn của nhà vua rồi mới nói.)

Vệ Uông lại yết kiến Hiếu Công. Hiếu Công cùng y nói chuyện không biết đầu gối của mình đã lê đến trước chiếu của y. (Miêu tả vua Tần bị lời lẽ của Uông thu hút đến nỗi xích lại gần lúc nào không biết.) Nói mấy ngày không chán. Cảnh Giám nói: - Ông làm sao nói đúng ý nhà vua đến nỗi nhà vua vui thích như thế?

-Tôi đem đạo đế vương ra nói với nhà vua, muốn nhà vua sánh với thời Tam Đại (ba đời - Hạ, Thương, Chu.), nhưng nhà vua nói "điều đó viễn vông, ta không thể chờ được, vả chẳng những vị vua hiền, đều được nổi danh trong thiên hạ, ngay trong đời mình, lẽ nào ngồi bù ngồi đợi mấy trăm năm mới thành đế vương sao?" Vì vậy tôi đem cái thuật làm cho nước mạnh nói với nhà vua, nhà vua rất thích. Nhưng cũng khó mà sánh đức với đời Thương, đời Chu được.

Sau khi Hiếu Công dùng Vệ Uông. Uông muốn thay đổi pháp độ, nhưng sợ thiên hạ bàn tán, Vệ Uông nói: - Hành động không kiên quyết thì không nổi tiếng được, sự việc không xác định thì không nên công cán gì. Vả chẳng, những kẻ làm việc cao hơn người thường bị thế tục chê bai. Những kẻ có ý nghĩ lỗi lạc thế nào cũng bị dân chúng trách móc. Người ngu thì việc đã thành vẫn còn mờ ám không biết, người khôn thì việc chưa tỏ mằm mống đã thấy rồi. Dân chúng không thể cùng ta lo liệu buổi đầu mà chỉ có thể cùng ta yên vui khi công việc đã xong. Bàn cái "chí đức" không thể hoà đồng với thế tục, làm nên công lớn không cần hỏi ở dân chúng. Vì vậy cho nên bậc thánh nhân nếu có thể tìm cách làm cho nước mạnh thì khi không bắt chước phép cũ, nếu có thể làm cho dân lợi thì không câu nệ ở lẽ thói ngày xưa.

Hiếu Công nói: - Phải.

Cam Long nói: - Không phải thế, Thánh nhân không đòi dân để dạy, kẻ trí giả không thay đổi pháp độ để trị. Thuận dân tục mà dạy thì không khó nhọc mà lại thành công, theo phép mà trị thì quan lại làm đã quen mà dân

cũng thích.

Vệ Ưởng nói: -Lời của ông Long là lời của thế tục. Người thường thì thuận theo tục cũ, kẻ học giả say đắm vào những điều mình đã nghe, hai hạng người ấy làm quan giữ phép thì được, chứ không thể cùng bàn đến việc ở ngoài phép tắc. Đời Tam Đại đều làm vương, nhưng lễ khác nhau, Ngũ Bá (Năm vị vua làm bá chủ chur hầu thời Xuân Thu: Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tống Tương Công, Tần Mục Công, Sở Trang Vương.) đều làm bá, nhưng phép tắc khác nhau. Kẻ trí giả làm ra pháp chế, người ngu lại lo ngăn cản người hiền thay đổi lễ, kẻ bất tiết lại câu nệ.

Đỗ Chí nói: - Nếu không có lợi gấp trăm lần thì không thay đổi pháp chế, nếu không có công hiệu gấp mười lần thì không thay đổi đồ dùng. Bất chước xưa thì không sai lầm, theo lễ thì không lệch lạc.

Vệ Ưởng nói: - Trị đời không phải chỉ có một cách, trị nước không bắt chước xưa. Vì vậy Thành Thang, Vũ Vương không theo xưa mà làm vương, vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Ân không thay đổi lễ mà nát. Không nên chê người làm trái xưa, không nên khen người chỉ theo lễ.

Hiếu Công nói: - Phải!

Bèn cho Vệ Ưởng làm tả thứ trưởng rồi ra lệnh thay đổi pháp chế.

Ưởng sai chia dân thành từng nhóm, năm hộ, mười hộ, phải kiểm soát nhau và bị ràng buộc vào nhau. Ai không tố cáo kẻ gian thì bị chém ngang lưng, ai tố cáo kẻ gian thì cũng được thưởng ngang với người chém đầu quân địch, người che giấu quân gian bị phạt ngang với người đầu hàng quân địch. Gia đình có hai người con trai trở lên mà không chia của ở riêng thì bắt đánh thuế gấp đôi. Ai có quân công thì cứ theo thứ bậc mà được thưởng, ai đánh nhau vì việc riêng thì đều bị hình phạt lớn hay nhỏ, tùy theo nặng hay nhẹ mà trị. Ai ra sức vào nghề nghiệp gốc, cày cấy, dệt vải, cung cấp nhiều lúa thì được tha khỏi sưu dịch, trái lại, ai theo cái lợi trên ngọn (ý nói buôn bán), cùng những người lười mà nghèo thì đều bắt cùng với vợ con làm nô, người tôn thất mà không có quân công, thì không được ghi vào sổ sách họ nhà vua. Định cấp bậc tước trật cao thấp rõ ràng, ghi tên các ruộng vườn, thần thiếp, áo quần theo số hiệu từng nhà. Ai có công thì hiển vinh, ai không có công thì tuy giàu có cũng không được vinh hoa (Những điều này biểu hiện cụ thể nguyên lý cơ bản của học thuyết "hình danh": mọi người bình đẳng trước pháp luật, lấy thưởng và phạt làm nguyên lý trị nước, không cần giáo dục.)

Pháp lệnh đã đủ, Ưởng vẫn chưa ban bố vì sợ dân không tin mình. Ưởng bèn dựng một cây gỗ dài ba trượng ở cửa phía nam chợ của kinh đô, quảng cáo rằng, ai có thể mang nó đến cái cửa phía bắc thì cho mười lạng vàng. Dân lấy làm lạ, không ai dám mang đi. Ưởng lại nói: - Ai có thể mang đi thì cho năm mươi lạng.

Có một người mang, Uởng liền cho năm mươi lạng, để chứng tỏ mình không lừa dối. Rồi ban bố pháp lệnh.

Lệnh thi hành trong dân gian được chẵn năm. Lúc đầu người ở trong kinh đô nước Tần nói lệnh không tiện có hàng ngàn. Bây giờ thái tử phạm pháp, Vệ Uởng nói: - Pháp lệnh mà không thi hành được, là do người trên phạm.

Vệ Uởng muốn lấy pháp luật trị thái tử, nhưng thái tử là người sẽ nối ngôi cho nên không thể trừng trị. Uởng trừng trị thái phó của thái tử là Công tử Kiên, chạm vào mặt thầy thái tử là Công Tôn Giả. Ngày hôm sau, người Tần đều theo lệnh. Pháp lệnh thi hành được mười năm, dân Tần rất vui mừng, ngoài đường không nhặt của rơi, trong núi không có trộm cướp, nhà đủ người no, dân dũng cảm trong lúc chiến đấu vì việc công, khiếp sợ không dám đánh nhau vì việc riêng, làng xóm đều được trị an. Trong số những người xưa kia nói lệnh không tiện, có người đến nói lệnh tiện.

Vệ Uởng nói: - Đó đều là bọn dân làm cho việc giáo hoá rối loạn.

Bèn dời tất cả những người ấy ra biên giới. Sau đó dân không ai dám bàn bạc gì về pháp lệnh nữa (dân không những không được chê mà cũng không được khen.)

Vua bèn cho Uởng làm đại lương tạo, đem binh vây đất An Ấp của nước Ngụy, bắt ấp này phải đầu hàng.

Được ba năm, Uởng sai xây đắp cung điện và cửa khuyết ở Hàm Dương, Tần dời đô ở Ung đến đấy. Uởng ra lệnh cấm cha, con, anh em cùng ở chung một nhà, phân cư và hợp các làng, xóm, nhỏ lại thành huyện, đặt chức quan lệnh và thừa. Được tất cả ba mươi mốt huyện. Bỏ bờ ruộng, đường thiên đường mạch, nhờ đó việc đánh thuế được tăng. Thống nhất học, thung, quả cân, cân, thước, tấc. Lệnh thi hành được bốn năm, công tử Kiên lại phạm pháp bị cắt mũi. Được năm năm, người Tần giàu mạnh. Thiên tử biểu Hiếu Công thịch tế (thiên tử tức vua Hiến Vương nhà Chu, biểu thịch tế để tỏ lòng kính trọng), chư hầu đều đến mừng. Năm sau, quân Tề đánh bại quân Ngụy ở Mã Lăng, bắt bỏ tù thái tử Ngụy là Thân, giết tướng quân Bàng Quyên.

Năm sau (-340) Vệ Uởng nói với Hiếu Công: - Nước Tần với nước Ngụy cũng giống như con người có bệnh trong tim gan vậy. Nếu nước Ngụy không thôn tính nước Tần, thì nước Tần cũng phải thôn tính nước Ngụy. Tại sao? Vì nước Ngụy ở phía tây dãy núi hiểm đóng đô ở An Ấp cách Tần con sông Hoàng Hà và một mình thu tất cả nguồn lợi miền Sơn Đông. Gặp điều kiện thuận lợi thì Ngụy đem quân về hướng tây đánh Tần. Ngụy gặp điều kiện không có lợi thì ta có thể qua phía đông để mở đất. Nay Tần được lúc nhà vua hiền thánh, nước nhờ vậy cường thịnh, trái lại nước Ngụy năm ngoái bị Tề đánh thua to, chư hầu làm phản. Ta có thể nhân lúc này mà đánh Ngụy.

Nguy không chống cự nổi Tần, thì thế nào cũng phải dời về đông. Nguy dời về đông, Tần nhờ sự hiểm trở của núi sông quay mặt về đông để không chệch chur hầu, đó là cái nghiệp đế vương vậy.

Hiếu Công cho là phải, sai Vệ Ưởng làm tướng đánh Nguy. Nước Nguy sai Công tử Ngang làm tướng đón đánh. Khi hai quân gần nhau, Vệ Ưởng đưa thư cho tướng Nguy là công tử Ngang, nói: -"Tôi trước đây chơi thân với Công tử, nay cả hai đều làm tướng của hai nước, không nỡ đánh nhau. Tôi muốn gặp mặt công tử ăn thề, uống rượu mừng và bãi binh để cho Tần và Nguy được yên".

Công tử Ngang nước Nguy cho là phải. Hội họp ăn thề xong, uống rượu. Vệ Ưởng phục võ sĩ bắt Công tử Ngang bỏ tù, nhân đó đánh quân Ngang, đem Ngang về Tần. Binh của Nguy Huệ Vương mấy lần bị quân Tề, quân Tần đánh phá, trong nước trống rỗng, ngày càng hao mòn nên lo sợ. Nguy Huệ Vương bèn sai sứ cắt đất Tây Hà dâng cho Tần để giảng hoà. Rồi Nguy phải bỏ An Ấp, dời đô đến Đại Lương. Lương Huệ Vương (sau khi Nguy dời đô đến Đại Lương, đổi tên nước là Lương, nên gọi là Lương Huệ Vương) nói: - Quả nhân hối hận không nghe lời của Công Thúc Toa! (ý nói giết Vệ Ưởng.)

Sau khi đánh phá quân Nguy trở về, Tần phong cho Vệ Ưởng mười lăm ấp ở đất U, đất Thương hiệu là Thương Quân.

Thương Quân làm tể tướng nước Tần mười năm, tôn thất và gia đình quyền quý nhiều người oán. Triệu Lương ra mắt Thương Quân. Thương Quân hỏi: - Ưởng được gặp ông là nhờ Mạnh Lan Cao tiến cử, nay Ưởng muốn được kết bạn với ông có được không?

Triệu Lương nói: - Tôi không dám mong được thế. Khổng Khâu có nói, "Nếu tiến cử người hiền thì những người yêu dân tự tiến cử mình, nếu tự họp bọn bất tiết thì những người theo vương đạo tự rút lui". Tôi là kẻ bất tiết, cho nên không dám vâng mệnh. Tôi nghe nói, "không phải địa vị của mình mà lại giữ lấy là tham địa vị, không phải cái danh tiếng của mình mà cứ chiếm lấy là tham danh". Tôi nếu chịu cái ơn của ngài, sợ là tham địa vị, tham danh, cho nên không dám vâng mệnh.

Thương Quân nói: - Người không vừa ý về việc ta cai trị nước Tần sao?

Triệu Lương nói: - Tự nghe mình là thông, nhìn vào mình là minh, thắng được mình là cường. Vua Thuấn có nói, "Kẻ tự cho mình là thấp thì đáng tôn quý vậy", ngài có lẽ nên làm như vua Thuấn không nên hỏi tôi.

Thương Ưởng nói: - Trước kia tập tục ở Tần bắt chước theo bọn Nhung, Địch, cha con không phân biệt, cùng ở chung một nhà. Nay ta thay đổi cách dạy dỗ làm cho con trai con gái phân biệt, xây dựng cung điện to lớn cũng như ở nước Lỗ, nước Vệ. Người xem ta cai trị nước Tần với Ngũ Cổ đại phu

(Bách Lý Hề tể tướng đời Tần Mục Công) thì ai giỏi hơn?

Triệu Lương nói: - Một nghìn tấm da dê không quá bằng cái nách của một con cáo, một nghìn người vâng dạ, không bằng một người nói thẳng. Vua Vũ Vương nhờ bầy tôi nói thẳng nên thịnh vượng, vua Trụ nhà Ân vì bầy tôi a dua nên mất. Nếu ngài không cho Vũ Vương là không phải, thì tôi xin nói thẳng suốt ngày mà ngài đừng trị tội tôi. Như thế có được không?

Thương Quân nói: - Tục ngữ có câu, "Lời nói trau chuốt là phú hoa, lời nói ngay là thành thực, nói khó nghe là thuốc, nói ngọt là bệnh tật". Nếu ông quả thực chịu suốt ngày nói điều thẳng, thì đó thuốc cho Uởng này. Uởng phải thờ ông làm thầy, lẽ nào ông lại chối từ?

Triệu Lương nói: - Ngũ Cổ đại phu là người nhà quê ở đất Kinh [*Bách Lý Hề người nước Ngưu. Nước Ngưu bị Tần diệt. Bách Lý Hề bỏ trốn bị người nhà quê đất Kinh (đất Sở) bắt. Tần Mục Công nghe nói Bách Lý Hề là người hiền, nên lấy năm tấm da dê mà đổi, vì vậy Bách Lý Hề cũng gọi là "ông đại phu năm tấm da dê" (Ngũ Cổ đại phu).*], nghe tin Tần Mục Công hiền, được yết kiến, đi không có tiền, tự bán mình cho người khách ở Tần, mặc áo cộc chân dê. Được chẵn một năm, Tần Mục Công biết đến, cất nhắc từ dưới miệng trâu mà đặt trên đầu trăm họ, nước Tần không ai dám oán trách. Làm tể tướng nhà Tần sáu bảy năm, phía đông đánh Trịnh, ba lần lập vua nước Tấn, một lần cứu họa nước Sở, thi hành giáo hoá ở trong bờ cõi, làm cho người đất Ba đến nộp đồ cống, đức ban ra các chư hầu và các rợ Nhung đều theo phục. Do Dư nghe vậy, đến cửa khuyết xin yết kiến. Ngũ Cổ đại phu làm tể tướng nước Tần, lúc mệt không ngồi xe, lúc nắng không che lọng, đi ở trong nước không có xe tùy tùng, không có người mang giáo mác hộ vệ, công lao ghi ở sử sách, đức hạnh lưu lại đời sau. Khi Ngũ Cổ đại phu chết, trai gái nước Tần chảy nước mắt, trẻ con không ca hát, người giả gạo không hò, đức của Ngũ Cổ đại phu là như thế. Nay ngài yết kiến vua Tần nhờ người tôi yêu là Cảnh Giám tiến cử, đó không phải là cách để có danh dự [*Cảnh Giám là hoạn quan. Triệu Lương chê Thương Uởng dùng lối luôn lọt để được tiến cử.*]. Ngài làm tể tướng không lo đến trăm họ mà lại ra sức xây cung khuyết, không phải là cách lập công. Về mặt hình phạt thì chạm vào mặt sư phó của thái tử, dùng hình phạt nặng nề để tàn hại nhân dân, như vậy là cách nuôi oán, chắt họa.

Tự mình tu đức để giáo hoá dân, thì sâu hơn mệnh lệnh, dân bắt chước người trên, thì nhanh hơn pháp luật. Nay ngài lập uy quyền một cách trái, biến pháp một cách sai đã tám năm nay, ngài lại giết Chúc Hoan và chạm vào mặt Công Tôn Giả. Kinh Thi nói "Ai được nhân tâm thì hưng thịnh, ai mất nhân tâm thì tan vỡ". Mấy việc trên đây không phải là việc thu được nhân tâm. Khi ngài đi ra xe tùy tùng có hàng chục, xe đi theo mang áo giáp,

người khoẻ mạnh xương sườn liền nhau cùng ngồi tham thặng, kẻ cầm giáo mác chạy hộ vệ bên xe. Nếu thiếu một trong những điều này là ngài không đi. Kinh Thư nói, "Ai cậy vào đức thì sẽ hưng thịnh, ai cậy vào sức thì sẽ mất". Ngài đang nguy như hạt móc buổi sáng, thế mà lại còn muốn sống lâu sao được? Tại sao ngài không trả lại mười lăm ấp, vui làm vườn ở nơi xa, khuyên vua Tần cất nhắc kẻ sĩ ở ẩn trong núi sâu, nuôi người già, hỏi thăm người cô (không anh, không cha), kính bậc cha anh, sắp xếp những người có công, tôn những người có đức, như thế may ra có thể an được chút ít. Nếu ngài còn tham cái giàu có ở ấp Thương, ấp U, chất chứa điều oán giận của trăm họ, thì một khi vua Tần rời bỏ tân khách mà không ra triều, người nước Tần bắt ngài là sự hiển nhiên, điều nguy vong có thể đứng nhón chân mà đợi!

Thương Quân không nghe theo.

Năm tháng sau, Tần Hiếu Công mất, thái tử lên ngôi. Bọn Công tử Kiên báo Thương Quân muốn làm phản. Vua sai người bắt Thương Quân. Thương Quân bỏ trốn, đến cửa quan muốn vào ở nhà trọ. Người nhà trọ không biết đó là Thương Quân, nói: - Theo phép của Thương Quân, cho người ở trọ không có giấy chứng nhận thì bị liên lụy.

Thương Quân thở dài mà rằng: - Than ôi! Cái tệ hại của kẻ làm pháp lệnh đến như thế ư!

Thương Quân trốn sang Ngụy. Người Ngụy giận y lừa Công tử Ngang và đánh phá quân Ngụy, nên không nhận. Thương Quân muốn đi sang nước khác. Người Ngụy nói: - Thương Quân là thằng giặc của Tần. Nước Tần mạnh, ta không tống cổ tên giặc đã vào đất Ngụy về thì không được.

Bèn đuổi về Tần. Thương Quân sau khi trở lại nước Tần, chạy về ấp Thương cùng bọn tôi tớ đem binh về hướng bắc đánh đất Trịnh. Tần đem binh đánh Thương Quân, giết y ở Dẫn Trì thuộc đất Trịnh. Tần Huệ Vương lấy xe xé xác Thương Quân để thị uy, nói: - Chớ có làm phản như Thương Quân.

Rồi giết cả nhà Thương Quân.

Thái Sử Công nói: Thương Quân là người thiên tư khắc bạc. Xét việc y muốn nói thuật làm đế vương với Hiếu Công, đem lý thuyết viễn vông ra nói không phải là thực tâm của ông ta. Ông ta nhờ người tôi tớ vua yêu mà được tiến cử, rồi khi được dùng, lại trị Công tử Kiên, lừa tướng Ngụy là Ngang, không nghe theo lời Triệu Lương, như thế cũng đủ thấy Thương Quân ít làm ân đức. Tôi thường đọc sách nói về việc mở mang bờ cõi, cày ruộng, đánh trận của Thương Quân, thấy giống như việc ông làm. Cuối cùng ông ta mang cái tiếng xấu ở Tần cũng là đáng lắm!

Truyện TÔ TẦN

Tô Tần người thành Lạc Dương, nhà Đông Chu. Tần sang đông tìm thầy ở nước Tề, theo học Quỷ Cốc tiên sinh. Đi du thuyết vài năm bị khốn cùng quá nên trở về. Anh em, chị dâu, em gái, thê thiếp đều chê cười, nói: - Người đất Chu xưa nay chỉ cốt lo làm ăn, chăm việc công thương, cốt lấy cái lợi hai phần mười. Nay ông bỏ việc gốc mà lo khoa môi múa mép, có khốn cũng là đáng lắm?

Tô Tần nghe vậy xấu hổ, tự cảm thương mình. Bèn ngồi nhà đóng cửa không đi ra. Tần đem sách ra xem hết và nói: - Kẻ sĩ đã cúi đầu học thầy, thế mà vẫn không được tôn quý vinh hiển, đọc sách nhiều để mà làm gì?

Tần bèn tìm được quyển âm phù sách của nhà Chu, cúi cổ đọc một năm trời đã tìm ra được "thuật thăm dò", nói: - Chuyện này có thể thuyết phục vua đương thời đây.

Tần xin nói chuyện với Chu Hiến Vương. Những người thân cận của Hiến Vương vốn biết Tô Tần học thức kém, đều khinh và không tin. Tô Tần đi về hướng Tây đến nước Tần. Tần Hiếu Công đã mất. Tần nói chuyện với Huệ Vương: - Tần là nước hiểm yếu, bốn phía có núi bao quanh, có công Vị cắt ngang như cái đai. Phía Đông có Hàm Cốc quan, gông Hoàng Hà, phía Tây có đất Hán Trung, phía Nam có đất Ba, đất Thục, phía Bắc có ấp Mã, quận Đại. Đây là kho trời. Với một nước dân đông, kẻ sĩ nhiều như nước Tần mà dạy binh pháp cho họ thì có thể thôn tính thiên hạ, xưng đế mà trị được.

Tần Hiếu Công nói: - Lông cánh chưa đủ, không thể bay cao, đạo lý chưa rõ ràng không thể thôn tính các nước được.

Tần vừa mới giết Thương Ưởng nên ghét kẻ biện sĩ, không dùng Tô Tần. Tô Tần bèn đi về hướng Đông, đến nước Triệu. Triệu Túc Hầu cho con là Thành làm tướng quốc, gọi là Phụng Dương Quân. Phụng Dương Quân không ưa Tô Tần. Tô Tần đi sang nước Yên. Sau hơn một năm mới được vào nói chuyện với Yên Văn Hầu. Tô Tần nói: - Nước Yên ở phía Đông giáp với Triều Tiên, Liêu Đông, phía Bắc có các nước Lâm, Hồ, Lô Phiền, phía Tây có các quận Vân Trung, Cửu Nguyên, phía Nam có các sông Hồ Đà, Dịch Thủy. Đất vuông hơn hai nghìn dặm, binh sĩ mặc áo giáp vài mươi vạn người, xe sáu trăm cỗ, ngựa sáu nghìn con, thóc chứa chỉ dùng được vài năm. Phía Nam có núi Kê Thạch, núi Nhạn Môn đầy sản vật, phía Bắc có cây táo, cây lật lấm hoa lợi, dân dầu không cày cấy nhưng nhờ cây táo cây lật cũng đủ sống. Vì vậy người ta gọi nó là kho trời. Kể về mặt yên vui vô sự, không thấy cảnh tượng quân thua tướng chết, thì không nước nào hơn nước Yên. Đại vương có biết vì sao thế không? Nước Yên sở dĩ không bị

giặc xâm lấn, không phải lo việc binh đao là vì có nước Triệu che ở mặt Nam vậy. Tần với Triệu đánh nhau năm lần, Tần hai lần thắng mà Triệu ba lần thắng. Tần và Triệu làm cho nhau chết mà nhà vua lại đem tất cả toàn bộ nước Yên để chống giữ ở phía sau, cho nên nước Yên không bị xâm lấn. Và lại, Tần muốn đánh Yên thì phải vượt qua hai quận Vân Trung và Cửu Nguyên, đi qua hai quận Đại và Thượng Cốc, đất dài vài nghìn dặm, dầu có lấy được thành nước Yên, tướng Tần rốt cục cũng không thể nào giữ được. Việc Tần không làm hại được Yên, thực là hiển nhiên vậy. Trái lại, nếu Triệu đánh Yên thì ra lệnh không đầy mười ngày, đã có vài mươi vạn quân đóng ở ấp Đông Viên. Quân Triệu vượt qua sông Hồ Đà Dịch Thủy, không đầy bốn năm ngày đã đến kinh đô nước Yên. Cho nên nói Tần đánh Yên thì đánh ở ngoài nghìn dặm, còn Triệu đánh Yên là đánh ở trong trăm dặm là như vậy. Không lo điều đáng sợ trong trăm dặm mà chú trọng ở ngoài nghìn dặm, thì thực là sai lầm! Vì thế cho nên xin đại vương kết thân và hợp tung với nước Triệu, hợp thiên hạ làm một thì nước Yên chắc chắn sẽ chẳng có gì phải lo!

Văn Hầu nói: - Ông nói phải đấy, nhưng nước tôi nhỏ, phía Tây sát nách nước Triệu mạnh, phía Nam gần nước Tề, Tề và Triệu đều là những nước mạnh, nếu quả thật ông muốn hợp tung để làm cho nước Yên được yên ổn thì quả nhân xin đem cả nước theo.

Văn Hầu bèn cấp cho Tô Tần xe, ngựa, vàng, lụa để đi đến nước Triệu.

Lúc này ở nước Triệu, Phụng Dương Quân đã chết. Tô Tần nhờ vậy được nói chuyện thẳng với Triệu Túc Hầu: - Lâu nay, trong thiên hạ, từ các khanh tướng, các quan cho đến kẻ sĩ áo vải đều kính phục đạo nghĩa của đại vương, đều muốn vâng theo lời dạy, bày tỏ lòng trung thành trước mặt đại vương, nhưng vì Phụng Dương Quân ghen ghét lại cản trở công việc nên tân khách du sĩ không ai dám bày tỏ hết lòng thành ở trước mặt đại vương. Nay Phụng Dương Quân đã qua đời, đại vương mới lại gần gũi kẻ sĩ và dân chúng. Cho nên thần mới dám dâng điều ý nghĩ ngu muội của mình. Theo như thần trộm nghĩ, đối với đại vương, không gì bằng dân sống yên ổn vô sự và không bày việc bắt dân phải làm. Yêu dân gốc ở chỗ chọn nước bạn mà giao hiếu. Chọn đúng thì dân được yên, chọn không đúng thì dân suốt đời không yên. Thần xin nói về mối lo bên ngoài: nếu Tần và Tề làm hai nước thù địch thì dân không được yên, nếu dựa vào Tề đánh Tần thì dân cũng không được yên. Cho nên mưu đánh chúa người, chinh phạt nước người, thường khổ ở chỗ nói ra lời dễ cắt đứt tình giao hiếu của người. Mong đại vương cẩn thận, chớ nói ra miệng. Thần chỉ xin phân biệt trắng đen để rõ phải trái mà thôi. Đại vương nếu quả thực nghe lời thần thì nước Yên thế nào cũng phải đem dâng đất đai sản xuất ra lông thiên, áo cừ, chó ngựa, nước

Tề thế nào cũng phải đem dân biển sản xuất ra cá và muối, nước Sở thế nào cũng phải đem dân vườn sản xuất ra quệt, bưởi. Có thể bắt nước Hàn, nước Ngụy, đất Trung Sơn nộp đất, các bậc phụ huynh họ hàng nội ngoại đều có thể được phong hầu. Vì muốn cắt đất của người ta, chiếm lấy nguồn lợi của người ta cho nên Ngũ Bá đã đánh bại quân địch, bắt tướng địch, vì muốn phong hầu cho họ hàng nên các vua Thành Thang, Vũ Vương đã tranh giành thiên hạ, đuổi vua Kiệt, giết vua Trụ. Nay thần xin trình bày ý nghĩ khiến đại vương có thể chấp tay ngồi yên không làm gì mà được cả hai điều ấy. Nếu bây giờ đại vương theo Tần thì thế nào Tần cũng làm yếu nước Hàn, nước Ngụy, đại vương theo Tề thì thế nào Tề cũng làm yếu nước Sở, nước Ngụy. Nếu Ngụy yếu thì phải cắt đất Hà Ngoại, Hàn yếu thì phải dâng đất Nghi Dương. Đất Nghi Dương đã dâng thì con đường Thượng Quận bị chặn, đất Hà Ngoại bị cắt thì đường sá không thông, Sở bị yếu thì không có viện binh. Về chước ấy không thể không suy sâu nghĩ kỹ. Nay Tần đem quân xuống Chi Đạo thì Nam Dương bị nguy. Tần cướp lấy Hàn, bao bọc kinh đô của Chu thì nước Triệu phải cầm binh, Tần chiếm giữ Vệ, lấy được Kỳ Quyền thì Tề thế nào cũng phải vào chầu Tần. Tần đã được Sơn Đông thì thế nào cũng đem quân nhằm đánh Triệu. Quân của Tần vượt Hoàng Hà qua sông Chương giữ thành Ba Ngô, thế nào binh sĩ cũng đánh nhau ở gần Hàm Đan. Đó là cái điều mà thần lo cho nhà vua đấy. Trong lúc này các nước ở miền Sơn Đông, không nước nào mạnh bằng nước Triệu. Nước Triệu đất vuông hơn hai nghìn dặm, người mặc áo giáp vài mươi vạn, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con, thóc dùng được vài năm, phía Tây có núi Thường Sơn, phía Nam có sông Chương, phía Đông có sông Thanh Hà, phía Bắc có nước Yên. Nước Yên vốn là nước yếu không đáng sợ. Các nước trong thiên hạ không nước nào Tần ghét bằng nước Triệu. Thế nhưng Tần không dám đem binh đánh Triệu là tại làm sao? Là vì sợ Hàn, Ngụy đánh ở sau lưng. Thế thì Hàn, Ngụy là cái phen che ở phía Nam cho Triệu. Tần đánh Hàn, Ngụy không có núi to, sông lớn ngăn cản cứ lần dần như tầm ăn lá dâu đến sát kinh đô mới thôi. Hàn, Ngụy không chống được Tần thế nào cũng phải vào thần phục Tần. Tần một khi không phải bận về Hàn và Ngụy thì Triệu thế nào cũng bị tai vạ. Đó là điều thần lấy làm lo cho đại vương đấy. Thần nghe nói phần đất vua Nghiêu không đến ba phủ [*(1) Phu: 100 mẫu, ba phủ là ba trăm mẫu.*], vua Thuấn không có một thước đất mà có cả thiên hạ, vua Vũ không có nhóm một trăm người mà làm vương chư hầu, vua Thang, vua Vũ, kẻ sĩ chẳng quá ba nghìn người, xe không quá ba trăm cỗ, quân chẳng quá ba vạn người mà làm được thiên tử. Chỉ vì họ giữ đúng đạo nghĩa của họ. Cho nên vị vua sáng ở ngoài thì nắm vững kẻ địch mạnh hay yếu, ở trong thì lượng xem binh sĩ giỏi hay kém, không cần đợi khi quân hai bên chạm trán, mà trong bụng đã

biết rõ ai thắng ai bại, ai mất ai còn, chứ đâu bị lời của người thường làm mờ tối, quyết đoán công việc một cách hồ đồ? Thần trộm xét địa đồ thiên hạ, thì đất của chư hầu rộng gấp năm lần đất của nước Tần, ước tính quân của chư hầu thì đông gấp mười lần quân của nước Tần. Nếu sáu nước hợp làm một, chung sức về hướng Tây để đánh Tần, thì Tần phải tan vỡ. Nhưng nay chư hầu lại ngoảnh mặt về Tây mà thờ, xưng thần với Tần. Phàm việc đánh bại người, so với việc bị người đánh bại, bắt người phải thần phục, so với việc phải thần phục người là khác nhau một vực một trời. Những người du thuyết chủ trương hên hoạnh, đều muốn cắt đất của chư hầu để nộp cho Tần. Nếu Tần được, thì họ sẽ được đài tạ cao, cung thất đẹp, tai nghe tiếng đàn sáo, đằng trước có công hầu, xe cộ, đằng sau có gái giỏi người đẹp. Nước nhà họ bị cái nạn nước Tần nhưng họ cũng mặc kệ. Thế cho nên những kẻ chủ trương liên hoành ngày đêm cốt lấy uy quyền của Tần hăm dọa chư hầu để đòi cắt đất. Xin đại vương nghĩ việc đó cho chín. Thần nghe vị vua sáng thì cắt đứt nghi ngờ gạt bỏ lời gièm pha bác bỏ những lời rêu rao không căn cứ, bịt lối gây dựng bè đảng. Cho nên thần mới được bày tỏ ở trước nhà vua cái kế làm cho vua được tôn, binh được mạnh. Thần trộm mưu tính hộ đại vương, không gì bằng hợp tung với Hàn, Ngụy, Tề, Sở, Yên, Triệu làm một để chống lại Tần. Khiến tướng quân, tể tướng trong thiên hạ họp nhau ở trên sông Hoàn Thủy, đưa con tin cho nhau, giết ngựa trắng cùng ăn thề, ước với nhau rằng: "Hễ Tần đánh Sở thì Tề, Ngụy đều đem quân tinh nhuệ ra để giúp Sở, quân Hàn cắt đứt đường vận lương của Tần, quân Triệu vượt qua Hoàng Hà, Chương Thủy, quân Yên giữ phía Bắc núi Thường Sơn. Nếu Tần đánh Hàn, Ngụy thì quân Sở cắt đứt phía sau quân Tần, Tề đem quân tinh nhuệ ra giúp Hàn, Ngụy, quân Triệu vượt sông Chương, quân Yên ở giữ Vân Trung. Nếu Tần đánh Tề thì quân Sở cắt đứt ở phía sau quân Tần, quân Hàn giữ Thành Cao, quân Ngụy chặn đường của quân Tần, quân Triệu vượt qua Hoàng Hà đến Bắc Khuyết, Yên đem quân tinh nhuệ ra để giúp Tề. Nếu Tần đánh Yên thì quân Triệu giữ Thường Sơn, quân Sở đóng ở Vũ Quan, quân Tề vượt qua Bột Hải, Hàn, Ngụy đều đem quân ra giúp nước Yên. Nếu Tần đánh Triệu thì Hàn đóng quân ở Nghi Dương, Sở đóng quân ở Vũ Quan, Ngụy đóng quân ở Hà Ngoại, Tề vượt qua sông Thanh Hà, Yên đem quân tinh nhuệ ra giúp Triệu. Chư hầu có nước nào không theo lời ước, thì quân năm nước cùng đánh nước ấy. Sáu nước hợp tung, thân thiện với nhau để chống Tần thì quân của Tần chắc chắn không dám ra khỏi cửa Hàm Cốc để làm hại vùng Sơn Đông. Như thế thì làm nên cơ nghiệp bá vương [*Trong những đoạn du thuyết của Tô Tần thấy rõ cái thuật "thăm dò", nắm vững tình hình, xét tất cả mọi mặt, tìm đúng chỗ hở mà thuyết phục.*].

Triệu Vương nói: - Quả nhân ít tuổi, trị nước chưa lâu, chưa hề được

nghe mưu kế lâu dài của xã tắc. Nay thượng khách có ý muốn bảo tồn thiên hạ, làm chư hầu được yên, quả nhân xin đem cả nước theo.

Triệu Vương bèn sắm xe lịch sự trăm cỗ, vàng ròng một ngàn dật, ngọc bích trắng một trăm đôi, gấm vóc một ngàn tấm để ước hẹn với chư hầu.

Lúc bấy giờ, thiên tử nhà Chu cho đưa phần thịt tế vua Văn, vua Vũ cho Tần Huệ Vương. Huệ Vương sai Tề Thủ đánh Ngụy, bắt tướng của Ngụy là Long Giả, lấy đất Diêu Âm của Ngụy, lại muốn kéo quân sang miền Đông. Tô Tần sợ quân của Tần kéo đến Triệu bèn treu tức Trương Nghi để đưa Nghi vào Tần. Rồi Tô Tần đi du thuyết với Tuyên Huệ Vương: - Nước Hàn ở phía Bắc có đất Củng Lạc, Thành Cao kiên cố, phía Tây có Nghi Dương, Thương Bản hiểm trở, phía Đông có các huyện Uyên, Nhung và sông Vị, phía Nam có núi Hình Sơn. Đất vuông hơn chín trăm dặm, tướng sĩ mặc giáp vải mười vạn người. Những cung bèn nở cứng trong thiên hạ đều do Hàn sản xuất. Nỏ của mán Khê Tử và hai thứ nỏ "thời lực", "cự lai" của thiếu phủ làm đều bắn xa ngoài sáu trăm bộ. Quân nước Hàn giờ chân đạp cánh nỏ rồi bắn, trăm phát không nghỉ. Người ở xa thì bị tên xuyên suốt ngực, người ở gần thì mũi tên bắn trúng tim. Kiếm và kích của quân Hàn đều sản xuất ở núi Minh Sơn. Các thanh kiếm "Đường Khê", "Mặc Dương", "Đặng Su", "Uyển Phùng", "Long Uyển", "Thái A" đều ở trên cạn thì chém đứt trâu ngựa, ở dưới nước thì chặt phăng hộc, nhọn, chống kẻ địch thì chém được áo giáp bèn, cái che cánh tay bằng sắt. Bao da, dây một không thiếu thứ gì. Lấy quân nước Hàn dũng cảm, mặc giáp bèn, bắn nỏ cứng, đeo gươm sắc, thì một người đương được trăm người, không cần phải nói. Nay với một nước mạnh như nước Hàn, một vị vua hiền như đại vương mà lại chịu ngoảnh mặt về phía Tây thờ nước Tần, khoanh tay chịu phục tùng, khiến xã tắc xấu hổ và làm trò cười cho thiên hạ, thật không gì hơn thế. Cho nên xin đại vương nghĩ cho chín. Đại vương đã thờ Tần, Tần thế nào cũng đòi đất Nghi Dương, Thành Cao. Năm nay đem dâng đất ấy thì sang năm họ lại đòi cắt đất nữa. Nếu cho thì không có đất để cung cấp, không cho thì công lao trước kia bị bỏ đi mà chịu lấy cái họa sẽ đến. Và lại đất của đại vương có lúc hết mà sự đòi hỏi của Tần thì không bao giờ thôi. Lấy cái đất có lúc hết để đương với sự đòi hỏi không thôi, thế nghĩa là mua oán chuộc vạ, không đánh nhau mà đất đã bị cắt rồi. Thần nghe ngạn ngữ có câu: "Thà làm miệng gà chứ không làm đít trâu" [*Ý nói lên ở trước cái nhỏ, không nên ở sau cái lớn.*]. Nay ngoảnh mặt về phía Tây, khoanh tay mà thần phục Tần, có khác gì làm đít trâu không? Hiền như đại vương, lại có quân của nước Hàn vững mạnh, thế mà lại mang cái tiếng "đít trâu", thần trộm lấy làm thẹn cho đại vương!

Bấy giờ Hàn Vương nét mặt hăm hăm, xắn tay áo, trừng đôi mắt, vỗ gươm, ngựa lên trời, thở dài nói: - Quả nhân tuy kém cỏi, nhưng không thể

nào không thờ Tần được. Nay ngài đem lời dạy của Triệu Vương khuyên ta, ta xin kính dâng xã tắc để theo.

Tô Tần lại thuyết Ngụy Vương: - Đất của đại vương phía Nam có ngòi Hồng Câu, các huyện Trần, Như Nam, Hứa, Yên, Côn Dương, Thiệu Lăng, Vũ Dương, Tân Đô, Tân Thê, phía Đông có quận Hoài, quận Dĩnh, đất Chử Tảo, đất Vô Tư, phía Tây có Trường thành làm giới hạn, phía Bắc có đất Hà Ngoại, Quyển Diển, Toan Tảo. Đất đai vuông ngàn dặm. Đất tiếng là nhỏ, nhưng ruộng nương, nhà cửa chi chít không có chỗ nào là đồng cỏ bãi chăn, nhân dân đông, xe ngựa nhiều, ngày đêm đi không ngớt, rầm rập như ba quân ra trận. Thần trộm ước lượng nước của đại vương không kém gì nước Sở. Những bọn du thuyết chủ trương liên hoành, cứ dụ nhà vua giao kết với nước Tần là loài hổ lang để xâm chiếm thiên hạ. Nếu đột nhiên nước Tần gây họa nạn thì họ không đoái gì đến tai vạ của nước. Cậy thế của nước Tần mạnh để bên trong ép chủ của mình [*Tức là ép nhà Chu.*] là rất nặng tội. Nước Ngụy là một nước mạnh trong thiên hạ. Nhà vua là vị vua hiền trong thiên hạ. Nay nhà vua lại có ý ngoảnh mặt về hướng Tây để thờ Tần, xưng làm đông phiên, xây dựng đế cung cho Tần, nhận đại mũ của Tần, mùa xuân mùa thu nộp lễ vật cho Tần để tế. Thần trộm lấy làm xấu hổ cho đại vương. Thần nghe Việt Vương Câu Tiễn có ba nghìn quân mệt mỏi mà bắt được Phù Sai ở Can Toại, Vũ Vương có ba nghìn quân, trăm cỗ xe trận mà thắng được vua Trụ ở Mục Dã, binh sĩ của họ có nhiều đâu? Chỉ vì họ biết làm nổi uy thế của mình mà thôi. Nay trộm nghe quân của đại vương có vũ sĩ hai mươi vạn người, quân đội khăn xanh hai mươi vạn người, quân cầm kích hai mươi vạn người, quân nấu bếp nuôi ngựa mười vạn, xe sáu trăm cỗ, ngựa năm nghìn con. Như thế là hơn hẳn Câu Tiễn, Vũ Vương. Thế mà đại vương lại nghe lời quần thần, muốn làm tôi thờ nước Tần. Nếu thờ Tần thì thế nào cũng phải cắt đất dâng cho nó để tỏ lòng thành thực, cho nên binh chưa dùng mà nước đã hao hụt rồi. Phàm những bày tôi nói thờ Tần đều là kẻ gian, không phải trung thần đâu. Làm tôi lại cắt đất của vua mình để cầu bên ngoài, trộm cái công một thời mà không đoái nghĩ đến ngày sau. Phá nhà công để thành của tư, ngoài cậy thế của nước Tần mạnh để trong ép vua mình đòi cắt đất Xin đại vương xét kỹ cho. Chu Thư nói "Thấy nó kéo dài mà không dứt, thì nó sẽ ăn lan khắp nơi, còn làm gì được nữa. Khi còn nhỏ như sợi tơ không cắt, đến sau sẽ phải dùng búa rìu. Nếu không lo cho xong cái mối lo trước, thì, sau này khi gặp Vạ lớn còn biết làm thế nào. Nếu đại vương quả thực nghe lời thần, sáu nước hợp tung, đồng tâm góp sức, một ý một lòng, thì nhất định không phải lo về nước Tần mạnh. Cho nên Triệu Vương của tộ ấp sai thần dâng kế ngu dại, trình ước minh bạch, xin đại vương dạy cho.

Ngụy Vương nói: - Quả nhân ngu xuẩn, chưa hề được nghe lời chỉ giáo sáng suốt, nay ông đã lấy lời của Triệu Vương dạy ta, ta xin kính đem cả nước theo.

Tô Tần bèn sang Đông thuyết Tề Tuyên Vương: - Nước Tề phía Nam có núi Thái Sơn, phía Đông có núi Lạng Gia, phía Tây có sông Thanh Hà, phía Bắc có bể Bột Hải, thế gọi là nước bốn mặt đều hiểm yếu. Nước Tề có đất vuông hơn hai nghìn dặm, quân tướng mặt áo giáp vài mươi vạn, thóc gạo chất cao như gò núi, ba quân giỏi, lính của năm nhà tiến nhanh như mũi dáo, mũi tên, đánh dữ như sấm chớp, thôi mau như mưa gió. Khi có việc quân, chưa hề phải đem quân đi theo núi Thái Sơn, vượt sông Thanh Hà, qua bể Bột Hải. Trong vùng Lâm Tri có bảy vạn hộ, thần trộm tính mỗi hộ có khoảng ba người con giai, thì ba lần bảy là hai mươi một vạn, không cần phải lả người ở huyện xa, chỉ riêng quân ở Lâm Tri cũng đã được hai mươi một vạn rồi. Vùng Lâm Tri rất giàu lại đầy đủ. Dân ở đây, không ai là người không biết thổi sáo, đánh đàn cầm, đàn sắt, đánh trúc, nuôi gà chọi, có chó săn, đánh cờ, đánh cầu. Trên đường Lâm Tri trục xe chạm nhau, vai người đụng nhau, vạt áo liền nhau thành màn, tay áo giơ lên thành lều, mồ hôi vẩy thành mưa. Nhà giàu, người đủ, chí cao, khí hăng. Nay có vua hiền như đại vương, nước mạnh như nước Tề, thiên hạ không ai địch nổi, thế mà lại ngoảnh mặt về phía Tây để thờ nước Tần, thần trộm thẹn thay cho đại vương. Vả lại, Hàn, Ngụy sở dĩ thấy sợ Tần là vì bờ cõi tiếp giáp nước Tần. Đem quân ra để đánh nhau thì không quá mười ngày mà tình thế thắng bại, mất còn, đã quyết định. Hàn, Ngụy đánh được Tần, thì quân tổn mất nửa, bốn cõi không giữ được. Đánh mà không thắng thì nguy vong theo ngay đằng sau. Cho nên Hàn, Ngụy coi nặng việc đánh nhau với Tần mà coi nhẹ việc làm tội nước Tần. Trái lại, Tần đánh Tề thì không thế. Nó phải đi theo đất nước Hàn, nước Ngụy, qua đường Dương Tấn của nước Vệ, đi tắt lối hiểm huyện Càng Phủ. Xe không đi hàng đôi, ngựa không đi ngang nhau được, trăm người giữ hiểm, nghìn người không dám đi qua. Tần muốn vào sâu, nhưng nhón nhác nhìn lại sợ Hàn, Ngụy đánh sau lưng mình. Vậy cho nên nó nom nớp, ngần ngại chỉ làm bộ dọa, chứ không dám tiến. Như thế rõ ràng là Tần không làm hại được Tề. Nay nhà vua không xét kỹ chỗ Tần không làm gì được Tề, lại muốn ngoảnh mặt hướng Tây thờ Tần, điều đó chứng tỏ mưu kế của quần thần là sai. Nay không phải mang cái tiếng thờ Tần lại được cái thực là nước mạnh, đó là điều thần xin đại vương xét kỹ cho.

Tề Vương nói: - Quả nhân mờ ám, ở cái nước về cõi Đông xa xôi nơi góc bể chân trời, chưa hề được nghe lời dạy bảo. Nay túc hạ đem lời của Triệu Vương bảo cho, quả nhân xin đem cả nước theo.

Tô Tần bèn đi về phía Tây Nam, thuyết Sở Uy Vương: - Sở là nước mạnh trong thiên hạ, nhà vua là vị vua hiền trong thiên hạ. Ở phía Tây có quận Kiềm Trung, quận Vu, phía Đông có đất Hạ Châu, Hải Dương, phía Nam có hồ Động Đình, quận Thương Ngô, phía Bắc có cửa ải Hình, đất Tuần Dương. Đất đai rộng hơn năm nghìn dặm, tướng sĩ mặc áo giáp trăm vạn người, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con, thóc gạo đủ chi dùng mười năm. Đó là cái vốn để làm bá làm vương. Nước Sở mạnh như vậy, nhà vua lại hiền như vậy thì thiên hạ không ai địch nổi, thế mà nhà vua lại muốn ngoảnh mặt về hướng Tây để thờ Tần. Như thế thì như hầu còn ai chẳng ngoảnh mặt về Tây mà châu ở dưới đài Chương Đài của Tần kia chứ! Tần ghét nhất là Sở. Sở mạnh thì Tần yếu. Tần mạnh thì Sở yếu. Thế của hai nước không thể cùng đứng. Cho nên đối với đại vương, không gì bằng hợp tung để cô lập Tần. Đại vương không hợp tung, Tần tất đem hai đạo quân ra cửa Vũ Quan, một đạo xuống Kiềm Trung. Thế thì đất Yên, đất Sính phải rung động. Thần nghe nói: trị từ lạc nó chưa loạn, làm từ lúc nó chưa có. Gặp hoạn nạn đến rồi mới lo thì không kịp nữa. Cho nên đại vương sớm tính cho chín di. Nếu đại vương nghe thần, thần xin báo các nước miền Sơn Đông dâng thức hiêm bốn mùa, tuân theo lời dạy bảo sáng suốt của đại vương, trao tất cả xã tắc, tôn miếu để theo, rèn luyện quân sĩ, cổ võ khích lệ binh lính để cho đại vương dùng. Nếu đại vương quả dùng ngu kế của thần thì người đẹp, giọng nói hay của Hàn, Ngụy, Tề, Yên, Triệu, Vệ sẽ đầy hậu cung, lạc đà, ngựa tốt của Yên, Đại tất sẽ đầy chuồng ngoài. Cho nên hợp tung thì Sở làm vương, liên hoành thì Tần làm đế. Nay bỏ cơ nghiệp bá vương mà mang cái tiếng thờ người, thần trộm cho đại vương làm thế là không phải. Nay Tần là nước hùng sổi, có ý nuốt thiên hạ. Tần là kẻ thù của thiên hạ. Những kẻ theo chức liên hoành đều muốn cắt chur hầu để thờ Tần, tức là như người ta nói nuôi cừu địch mà thờ kẻ thù vậy. Họ làm tội người ta nhưng lại cắt đất của vua mình cho nước ngoài, làm cho nước Tần hùng sổi thêm mạnh, xâm lấn thiên hạ. Nếu bỗng nhiên nước Tần gây loạn, thì họ không hề đoái ngh đến tai vạ của nước mình. Bên ngoài, họ dùng cái thế của nước Tần mạnh để bên trong ép vua mình cắt đất. Thật là không việc gì đại nghịch bất trung cho bằng. Cho nên hợp tung thì chur hầu cắt đất để thờ Sở, liên hoành thì Sở cắt đất để thờ Tần. Hai kế ấy cách nhau một vực một trời. Trong hai kế ấy đại vương dùng kế nào? Vì thế Triệu Vương nước tôi sai tôi sang trình ngu kế, bày minh ước, xin đại vương dạy cho.

Sở Vương nói: - Nước của quả nhân phía Tây giáp giới với Tần. Tần có ý lấy Ba, Thục, Hán Trung. Tần là nước hùng sổi không thể thân được, mà Hàn, Ngụy thì lo ngay ngáy về Tần, ta không thể bàn mưu kế sâu xa với họ được. Nếu bàn mưu kế sâu xa với họ chỉ sợ họ phản lại để hòa với Tần. Cho

nên mưu chưa đưa ra mà nước đã bị nguy rồi. Quả nhân tự liệu, nếu Sở đánh Tần thì không thắng nổi. Ở trong bàn mưu với quần thần thì không thể nhờ cậy được. Quả nhân ăn không ngon, nằm không yên, bụng phập phồng như lá cờ treo chơi voi, không biết bám vào đâu. Nay ông muốn hợp nhất thiên hạ, tập hợp chư hầu, bảo tồn cái nước đang bị nguy, quả nhân xin đem nước nhà đi theo.

Kết quả, sáu nước hợp tung và cùng chung sức. Tô Tần là người cầm đầu hợp tung, kiêm làm tể tướng sáu nước. Khi về bắc để báo cáo với Triệu Vương, Tô Tần đi qua Lạc Dương, chư hầu đem xe ngựa đưa đón rầm rập ngang bậc vương giả.

Chu Hiến Vương nghe thấy thế sợ hãi, sai sửa dọn đường cho quân ra ngoài thành úy lạo Tô Tần. Anh em vợ và chị dâu của Tô Tần, liếc trông Tô Tần không dám ngẩng lên nhìn, cứ cúi đầu, nép mình chầu chực dâng thức ăn. Tô Tần cười bảo chị dâu: - Sao trước kia chị ngạo ngược mà bây giờ lại cung kính như thế

Chị dâu khúm núm, úp mặt xuống đất, xin lỗi: - Vì thấy chú có ngôi cao, của nhiều.

Tô Tần thở dài than: - Cũng cái thân này, nhưng lúc phú quý thì họ hàng sợ hãi, khi bần tiện thì họ hàng khinh rẻ, hưởng gì mọi người? Và lại nếu ta có vài khoảnh ruộng gần thành Lạc Dương thì làng sao còn được đeo ấn tể tướng của sáu nước?

Tô Tần bèn phân tán nghìn vàng cho họ hàng bè bạn. Trước kia khi Tô Tần sang Yên, có vay một trăm quan tiền làm vốn, đến khi được phú quý, Tô Tần bèn lấy một trăm nén vàng đền trả. Tần báo đáp tất cả những người mình đã mang ơn. Riêng có một người theo Tô Tần chưa được báo đáp mới tự nói trước mặt Tô Tần. Tô Tần nói: - Ta không phải quên người đâu. Người cùng ta đến nước Yên, hai ba lần người muốn bỏ ta trên sông Dịch Thủy. Lúc bấy giờ, ta khốn cùng, cho nên oán người nhiều. Vì thế mới báo đáp người sau.

Người này cũng được báo.

Tô Tần sau khi giao ước với sáu nước hợp tung, bèn trở về Triệu. Triệu Túc Hầu phong Tô Tần làm Vũ An Quân, và tuyên bố ước thư cho Tần biết. Quân Tần không dám ra cửa Hàm Cốc nhòm ngó trong mười lăm năm. Sau Tần sai Tề Thủ lừa dối Tề, Ngụy cùng Tần đánh Triệu, muốn để phá ước hợp tung. Tề, Ngụy đánh Triệu, Triệu Vương trách Tô Tần, Tô Tần sợ, xin đi sứ Yên, quyết làm hại Tề.

Tô Tần rời khỏi Triệu, ước hợp tung tan.

Tần Huệ Vương gả con gái cho thái tử nước Yên. Năm ấy Văn Hầu chết. Thái tử lên thay, tức là Yên Dịch Vương. Dịch Vương mới lên ngôi, Tề

Tuyên Vương nhân nước Yên có tang, đánh nước Yên lấy mười thành. Dịch Vương bảo Tô Tần: - Ngày trước tiên sinh đến nước Yên, tiên vương cấp tiền cho tiên sinh sang yết kiến nước Triệu, kết quả hợp tung được sáu nước. Nay Tề đầu tiên đánh Triệu, rồi đến đánh Yên. Nước Yên vì tiên sinh mà bị thiên hạ cười. Tiên sinh có thể lấy lại được đất Yên bị cướp không?

Tô Tần then quá nói rằng: - Xin lấy lại hộ nhà vua.

Tô Tần ra mắt Tề Vương, lạy hai lạy, cúi xuống chúc mừng, nhưng ngẩng đầu lên [*Một thủ đoạn để làm người ta chú ý. Lúc này Tô Tần không còn nghĩ đến việc chống Tần nữa.*] lại phúng điệu.

Tề Vương nói: - Sao mà chúc mừng và phúng điệu theo nhau chóng thế, - Thần nghe người đời không ăn phụ tử non vì ăn nó vào thì càng đầy bụng mà chết, kết quả cũng khổ như chết đói. Nay Yên tuy nhỏ yếu nhưng nó là con rể của Tần Vương. Đại vương tuy được mười thành của Yên nhưng làm kẻ thù muôn đời với nước Tần mạnh. Việc này khiến cho nước Yên yếu làm hàng quân đi trước, còn nước Tần mạnh yểm hộ ở sau để chiêu tập tinh binh trong thiên hạ, tức là cùng một loại với việc ăn phụ tử non đấy.

Tề Vương đổi sắc mặt nói: - Thế thì làm thế nào?

Tô Tần nói: - Thần nghe nói người xưa giỏi ứng phó thì chuyển tai và thành phúc, nhân thất bại làm công. Nếu đại vương thực nghe kế của thần thì hãy trả ngay cho Yên mười thành. Yên vô cớ được mười thành thế nào cũng mừng. Người ta bảo "bỏ mối thù hằn, được tình giao hiếu bền vững" là thế đấy. Nay Yên, Tần đều thờ Tề thì đại vương ra hiệu lệnh cho thiên hạ, ai dám không nghe. Thế là đại vương theo nước Tần bằng lời nói suông, dùng mười thành mà lấy được thiên hạ, ấy là cơ nghiệp bá vương đó.

Tề Vương nói: - Phải.

Rồi trả cho Yên mười thành.

Có người nói xấu Tô Tần: - Ông ta là người tội tráo trở, lo xoay xở tìm cách bán nước, chí sẽ làm loạn.

Tô Tần sợ có tội, quay về, nhưng Yên lại không cho làm quan nữa.

Tô Tần yết kiến Yên Vương nói: - Thần là kẻ quê mùa ở Đông Chu, không có chút công cán gì mà nhà vua bái thần ở miếu, kính lễ thần ở triều. Nay thần vì nhà vua làm lui quân nước Tề, lấy được mười thành, đáng lẽ phải được gần gũi nhà vua hơn trước, tại sao thần về, nhà vua lại không cho thần ra làm quan? Chắc là có kẻ nói với nhà vua rằng thần bất tín để hại thần. Thần mà bất tín là phúc của nhà vua đấy. Thần nghe nói trung tín là dễ vì mình, tiến thủ là dễ vì người [*Lời nói tiêu biểu cho cái tâm lý trắng trợn, vô luân lý của bọn đi du thuyết.*]. Và lại điều thần nói với Tề Vương không phải là lừa dối đâu. Thần bỏ mẹ già ở Đông Chu, cố nhiên là bỏ chuyện vì mình mà lo chuyện tiến thủ đấy. Nay có người hiểu như Tăng Sâm, liêm như Bá

Di, tín như Vĩ Sinh, được cả ba người ấy thờ nhà vua thì thế nào.

Yên Vương nói: - Đủ lắm rồi.

Tô Tần nói: - Người hiếu như Tăng Sâm thế nào cũng không rời cha mẹ một đêm ở ngoài. Nhà vua làm sao có thể khiến họ đi bộ nghìn dặm để thờ ông vua nguy khốn của nước Yên nhỏ yếu? Người liêm như Bá Di thế nào cũng làm người nối ngôi của nước vua Cô Trúc, không chịu làm quan của Vũ Vương không chịu phong hầu mà chết đói ở dưới núi Thú Dương. Người liêm như thế, nhà vua làm sao sai họ đi bộ hàng nghìn dặm để mưu việc tiến thủ ở Tề? Người tín như Vĩ Sinh, hẹn với người con gái đến ở dưới cầu, người con gái không lại, nước lên đến nơi, anh ta cũng không đi, ôm cột cầu mà chết. Người có tín như thế, nhà vua làm sao sai khiến được họ đi bộ ngàn dặm, làm lui quân mạnh của Tề? Thần nói vì trung tín mà có tội với người trên là thế đấy?

Yên Vương nói: - Đó là không trung tín mà thôi, lẽ nào có người vì trung tín mà phải tội?

Tô Tần nói: - Không phải thế, thần nghe có người đi làm quan ở xa, vợ tư thông với người khác. Người chồng sắp về, kẻ gian phu lo sợ. Người vợ nói: "Chớ lo, tôi đã làm rượu thuốc đợi nó rồi". Được ba ngày, người chồng về thực. Người vợ sai người thiếp đem rượu mời chồng uống. Người thiếp muốn nói rượu có thuốc độc thì sợ bà chủ bị đuổi, không nói thì sợ ông chủ bị chết. Nó bèn giả vờ ngã làm đổ mất rượu. Ông chủ giận lắm, đánh người thiếp năm chục roi. Cho nên người thiếp ngã đổ mất rượu, trên bảo toàn được ông chủ, dưới bảo toàn được bà chủ, nhưng vẫn không khỏi bị roi vọt.

Yên Vương nói: - Tiên sinh lại về chức cũ.

Vua Yên hậu đãi Tô Tần. Mẹ Dịch vương là vợ Văn Hầu tư thông với Tô Tần. Yên Vương biết việc đó, nhưng càng hậu đãi Tô Tần. Tô Tần sợ bị giết bèn nói với Yên Vương: - Thần ở Yên, không thể khiến cho Yên được trọng, nhưng nếu ở Tề thì Yên thế nào cũng được trọng.

Yên Vương nói: - Tùy ý tiên sinh.

Rồi Tô Tần vờ nói đả tặc tội với Yên, nên chạy trốn sang Tề. Tề Tuyên Vương cho Tô Tần làm khách khanh. Khi Tuyên Vương chết, Mẫn Vương lên ngôi. Tô Tần bảo Mẫn Vương chôn cất hậu để tỏ là hiếu, xây nhà cao, mở vườn rộng để tỏ là đả tặc. Tô Tần muốn phá hoại Tề để giúp Yên. Dịch Vương nước Yên chết. Yên Khoái Vương lên làm vua. Về sau, nhiều đại phu nước Tề cùng Tô Tần tranh giành sự tin yêu của nhà vua, nên sai người đâm Tô Tần, Tô Tần không chết, bị thương nặng bỏ chạy. Tề Vương sai người tìm hung thủ nhưng không bắt được. Tô Tần gần chết, nói với Tề Vương: - Thần chết, xin dùng xe xé xác thân mà rao ở chợ: "Tô Tần vì Yên làm loạn ở Tề". Như thế thì thế nào cũng bắt được hung thủ giết thân.

Tề Vương bèn làm như lời Tô Tần, quả nhiên kẻ giết Tô Tần tự ra nhận. Tề Vương nhân đó giết kẻ đâm chết Tô Tần.

Vua Yên nghe biết chuyện, nói: - Tề báo thù cho Tô Tần đến thế là cùng!

Tô Tần chết rồi, việc vỡ lở. Tề sau nghe tin ấy, giận Yên, Yên sợ lắm.

Em của Tô Tần là Đại, em của Đại là Lệ thấy anh được phú quý cũng đều bắt chước học du thuyết. Lúc Tô Tần chết, Đại xin yết kiến Yên Vương, muốn nối tiếp việc cũ. Đại nói: - Thần là người quê mùa ở Đông Chu, trộm nghe tin nghĩa của đại vương, nên mặc dầu ngu dốt cũng bỏ cày bừa để đi tìm đại vương. Đến Hàm Đan được thấy tận mắt, khác xa điều tai nghe. Khi ở Đông Chu, thần trộm tự phụ về chí hướng mình. Nhưng lúc đến triều đình nước Yên, xem quần thần, hạ lại của đại vương, biết đại vương là bậc vua sáng trong thiên hạ.

Yên Vương nói: - Người nói vua sáng là thế nào?

Đại nói: - Thần nghe rằng vua sáng cốt nghe điều lỗi lầm không muốn nghe điều hay của mình. Thần xin mách bảo điều lỗi lầm của bệ hạ. Tề, Triệu là kẻ thù của nước Yên. Nay bệ hạ thờ kẻ thù để đánh lại nước bạn của mình, đó không phải là điều làm lợi cho nước Yên. Bệ hạ tự nghĩ xem. Thế là tính sai. Nếu không biết can ngăn thì không phải là kẻ trung thần.

Yên Vương nói: - Tề cố nhiên là kẻ thù của quả nhân mà quả nhân muốn đánh. Chỉ lo nước mỗi mệt, sức không đủ. Nếu nhà người có thể lấy Yên đánh Tề được thì quả nhân xin đem nước giao cho người.

-Thiên hạ có bảy nước đánh nhau, mà Yên ở vào hạng nước yếu. Một mình đánh thì không được, nếu dựa vào đâu thì được đầy tôn trọng. Ở phía Nam dựa vào Sở thì được Sở tôn trọng, ở phía Tây dựa vào Tần thì được Tần tôn trọng, ở giữa dựa vào Hàn, Ngụy thì được Hàn, Ngụy tôn trọng. Và lại nếu nước mình dựa vào nước nào mà được tôn trọng, tất nhiên đại vương cũng được tôn trọng. Nay vua Tề đã lớn tuổi mà lại tự phụ. Phía Nam đánh Sở năm năm, quân sĩ mỗi mệt: phía Bắc đánh nhau với Yên, ba quân bị thua mà bắt được hai tướng. Thế mà còn đem những binh sĩ còn lại, hướng về phía Nam đánh Đại Tổng có năm nghìn cỗ xe, để bao gồm mười hai chư hầu. Vua thì muốn được đất, nhưng kiệt lực, có gì đáng khen. Và thần nghe nói đánh nhau luôn thì dân nhọc, quân đi lâu thì sức mệt.

Yên Vương nói: - Ta nghe nước Tề có sông Tề trong, sông Hà đục có thể giữ vững, có thành dài, đê lớn đủ để che chở. Có thực thế không?

Đại nói: - Thiên thời không cho, dầu có sông Tề, sông Hà cũng không giữ vững được, sức dân nhọc, dầu có thành dài đê lớn cũng không che chở được. Và lại ngày trước, Tề không đóng quân ở Tế Tây là để phòng nước Triệu đấy, không đóng quân ở Hà Bắc là để phòng bị nước Yên. Nay Tế Tây,

Hà Bắc đó có binh lính đồn thú hết, trong nước đã mệt nhọc. Phàm vị vua kiêu ngạo thì thế nào cũng ham lợi. Bầy tôi vong quốc thì thế nào cũng tham tiền. Nếu bệ hạ không lấy làm nhục, đưa con yêu, em ruột, chú họ làm con tin, lấy châu báu, ngọc lụa để biểu tạ hữu, thì họ sẽ cảm ơn nước Yên mà khinh bỉ nước Tống đã mất. Như vậy Tề có thể mất thôi.

Yên Vương nói: - Ta đành phải phó thác con cho trời vậy.

Yên Vương bèn sai một người con sang làm con tin ở nước Tề. Rồi Tô Lệ nhờ con của Yên Vương làm con tin ở Tề, xin yết kiến Tề Vương. Tề Vương oán Tô Tần, toan bỏ tù Tô Lệ. Con của Yên Vương làm con tin xin lỗi hộ Tô Lệ mới thôi. Lệ bèn hiến thân làm quan ở nước Tề.

Tướng của Yên là Tử Chi thông gia với Tô Đại, muốn nắm quyền hành ở Yên, bèn sai Đại sang hầu con tin của Yên ở Tề. Tề sai Đại báo cáo với Yên. Yên Vương Khoái hỏi: - Tề Vương có thể làm bá chằng?

Đại nói: - Không thể được.

- Sao thế?

- Tề Vương không tin tôi của mình.

Từ đây Yên Vương chuyên dùng Tử Chi, sau đó nhường ngôi cho ông ta.

Nước Yên loạn to. Tề đánh Yên, giết Khoái cùng Tử Chi.

Nước Yên lập Chiêu Vương làm vua. Tô Đại, Tô Lệ không dám về Yên, rút cục đều về với Tề, được Tề hậu đãi. Tô Đại qua nước Ngụy. Ngụy vì nước Yên bắt Đại. Tề sai người báo vua Ngụy: -Tề xin lấy đất của Tống để phong cho Kinh Dương Quân [*Em của vua Tần.*]. Tần nhất định sẽ không nhận. Không phải Tần không có lợi nếu giao hiếu với Tề và nhận được đất Tống đâu, mà vì Tần không tin Tề Vương và Tô Đại. Nay Tề với Ngụy xích mích nhau đến thế, thì Tề không dôi Tần, Tần sẽ tin Tề. Tề với Tần hợp nhau, Kinh Dương Quân có đất của Tống, đó không phải là điều lợi cho Ngụy. Cho nên chẳng bằng nhà vua cho Tô Tử sang Đông, Tần thế nào cũng nghi Tề và không tin Tô Tử. Tề, Tần không hòa hợp, thiên hạ không biến đổi, và việc đánh Tề hình thành?

Ngụy bèn thả Tô Đại ra.

Đại sang Tống, Tống đãi Đại tử tế. Tề đánh Tống, Tống nguy cấp. Tô Đại bèn đưa thư cho Yên Chiêu Vương nói: - Đông vào hàng nước có hàng vạn cỗ xe mà phải gửi con tin ở Tề thì danh hèn mà quyền nhẹ [*Chính Tô Đại khuyên vua Yên gửi con làm con tin ở Tề, rồi sau đó lại nói nhà vua làm thế là sai.*], giúp Tề đánh Tống thì nhọc dân mà tốn của. Phá Tống mà làm hại đất Hoài Bắc to lớn và béo bở thì kẻ thù là Tề sẽ thêm mạnh mà nước mình thì sẽ bị hại. Ba việc ấy đều làm cho nước nguy to vậy. Và lại bệ hạ làm điều đó là muốn để giữ tin với Tề, nhưng Tề lại càng không tin bệ hạ,

càng ghét Yên. Thế là bệ hạ mưu tính sai. Nay nước Tống có thêm đất Hoài Bắc là nó thành một nước mạnh có vạn cỗ xe đẩy, mà nước Tề lại kiêm tính cả, thế là thêm một nước Tề vậy. Bắc Di đất vuông bảy trăm dặm mà thêm nước Vệ, nước Lỗ thì sẽ thành một nước mạnh có vạn cỗ xe đẩy, mà nước Tề lại kiêm tính cả, thế là thêm hai nước Tề. Với một nước Tề mạnh, Yên còn nhón nhác không chống được, nay có ba nước Tề ở gần Yên thì tai vạ tất lớn. Tuy nhiên người khôn ngoan thì biến họa thành phúc, chuyển bại thành thắng. Nước Tề cũng như tấm lụa trắng xấu đem nhuộm màu tía [*Vua Tề thích màu tía, cho nên tục nước Tề nhuộm màu ấy. Ý nói Tề bên ngoài có vẻ mạnh nhưng thực ra thì không phải.*] mà giá gấp mười. Việt Vương Câu Tiễn nương mình ở Cối Kê, quay trở lại đánh tan nước Ngô mạnh, làm bá chủ thiên hạ. Đó là điều nhân họa thành phúc, chuyển bại thành thắng. Muốn thế thì không gì bằng giữ Tề làm bá mà tôn nó, sai sứ đi tuyên thệ với nhà Chu, đốt phù của Tần mà nói: "Cái kẻ hay nhất là phá Tần", thứ nữa là phục tùng theo Tề. Nếu như nhà vua phục tùng theo Tề thì vua Tần thế nào cũng lo lắng. Nước Tần đã đánh các nước chư hầu năm đời nay thế mà nay địa vị của nó ở dưới nước Tề thì nó sẽ tức. Chí của vua Tần là phải làm sao cho nước Tề cùng khốn, dù có phải đem toàn lực trong nước ra làm nó cũng không tiếc. Thế thì tại sao nhà vua không sai hiệp sĩ nói với Tần Vương như thế này: "Yên, Triệu, Tống làm cho nước Tề được béo bở, tôn Tề mà làm kẻ dưới của Tề, Yên, Triệu không được lợi gì ở điều đó. Yên, Triệu không được lợi nhưng vẫn phải làm, vì không tin Tần Vương. Thế thì sao bệ hạ không khiến người đáng tin cậy để tiếp thu Yên, Triệu, khiến Kinh Dương Quân, Cao Lăng Quân làm con tin trước khi Yên, Triệu, Tần có biến cố. Thế thì Yên, Triệu sẽ tin Tần. Tần làm đế phương Tây, Yên làm đế phương Bắc, Triệu làm đế ở giữa. Lập ba đế để ra mệnh lệnh cho thiên hạ, Hàn, Ngụy không nghe thì Tần đánh, Tề không nghe thì Yên, Triệu đánh, thiên hạ eòn ai dám không nghe? Thiên hạ đã nghe theo thì nhân thế mà thúc Hàn, Ngụy đánh Tề, bảo: "Phải trả lại đất cho Tống, trả đất Hoài Bắc cho Sở". Tề trả đất cho Tống, trả Hoài Bắc cho Sở, thế là Yên, Triệu lợi đấy. Ba đế đứng ngang nhau là điều Yên, Triệu mong muốn. Về sự thực thì được hưởng lợi, về mặt tôn quý thì được mãn nguyện. Yên, Triệu sẽ bỏ Tề dễ dàng như rút giày vậy. Nay nếu không tiếp thu Yên, Triệu thì nghiệp bá của Tề tất thành. Chư hầu nghe theo Tề mà bệ hạ không theo thế là nước bị đánh đấy. Chư hầu nghe theo Tề mà bệ hạ theo họ, thế là mang tiếng hèn đấy. Nay tiếp thu Yên, Triệu thì nước được yên mà danh được tôn, không tiếp thu Yên, Triệu thì nước bị nguy mà mang tiếng hèn. Bỏ địa vị yên ổn tôn quý, mà mang lấy địa vị nguy vong, hèn hạ, người khôn ngoan không làm. Tần Vương nghe câu nói ấy tất như đâm vào ruột. Sao bệ hạ không sai biện sĩ đem câu nói khó chịu ấy nói

với Tần thì tất Tần nghe theo, thế nào cũng đánh được Tề. Tần nghe theo thì sự giao hiếu được gắn bó, đánh Tề là điều ích lợi chính đáng. Tôn trọng sự giao hiếu gắn bó, lo điều ích lợi chính đáng là việc của bậc thánh vương đấy".

Yên Vương khen thư của Đại, nói: -Tiên nhân đã từng chịu ơn họ Tô. Vì có loạn Tử Chi nên Tô Tần bỏ Yên đi. Yên muốn báo thù Tề, ngoài họ Tô thì không ai làm được.

Bèn sai mời Tô Đại, lại đổi đãi tử tế, cùng Đại mưu đánh Tề. Kết quả phá được Tề. Mẫn Vương phải chạy. Sau đó ít lâu, Tần mời Yên Vương, Yên Vương muốn đi. Tô Đại nói với Yên Vương: -Sở được đất Chi mà nước Sở mất, Tề được nước Tống mà nước Tề mất. Tại sao Tề, Sở không thể lấy đất Chi, nước Tống để thờ Tần? Đó là vì Tần thù kẻ có công. Tần lấy được thiên hạ không phải là làm việc nghĩa mà làm việc bạo đấy. Tần làm việc bạo và nói thẳng với thiên hạ. Họ nói với Sở rằng: "Giáp binh của đất Thục đi thuyền trên sông Vân, theo nước lũ mùa hạ mà xuống sông Giang chỉ năm ngày là đến đất Sính. Giáp binh của Hán Trung đi thuyền ra sông Ba, theo nước lũ mùa hạ mà xuống sông Hán, thì chỉ bốn ngày là đến bãi Ngũ Chừ. Quả nhân tập hợp giáp binh ở phía Đông huyện Uyển rồi đi xuống áp Tỳ. Người khôn hết đường xoay xử kẻ dưng sĩ hết cách trở tài, quả nhân đánh Sở như bắt chim ưng, nhất định là được. Nhà vua lại còn muốn chờ thiên hạ đánh Hàm Cốc ư? Thế thì xa xôi quá? Vì thế cho nên Sở Vương mười bảy năm nay thờ Tần. Tần nói thẳng với Hàn rằng: "Ta dấy quân ở đất Thiếu Khúc, một ngày là chặn ngang núi Thái Hàng. Ta dấy binh ở Nghi Dương rồi đánh vào Bình Dương thì chỉ hai ngày là tất cả đều rung chuyển. Ta qua hai Chu [*Hai Chu là Đông Chu và Tây Chu.*] rồi đánh vào Trịnh, thì chỉ năm ngày là lấy được nước Trịnh". Hàn cho là phải, cho nên thờ Tần. Tần nói thẳng với Ngụy rằng: "Ta đánh lấy An ấp, chặn Nữ Kịch, Hàn Thị, Thái Nguyên, Quyển, ta xuống Chỉ Đạo, Nam Dương, Phong, Ký, bao vây thành của hai Chu, nhân nước ỉu mùa hạ, đi thuyền nhẹ, mang nô khỏe ở phía trước, giáo sắc ở phía sau. Ta khơi chằm Huỳnh Trạch thì Ngụy không còn Đại Lương, khơi bến Bạch Mai thì Ngụy không còn Ngoại Hoàng, Tế Dương, khơi bến Túc Tư thì Ngụy không còn Khư, Đôn Khâu, trên đường bộ thì đánh Hà Nội, đường thủy thì diệt Đại Lương". Ngụy cho là phải cho nên thờ Tần. Tần muốn đánh An ấp, sợ Tề cứu An ấp, thì giao đất Tống cho Tề và nói: "Tống Vương vô đạo, làm người bằng gỗ để viết tên quả nhân, rồi bắn vào mặt. Quả nhân ở xa không tiện đánh. Vương đánh lấy được đất Tống cũng như chính quả nhân đánh được đất ấy. Sau khi đã đánh lấy An ấp, Tần sẽ nhân đấy bắt tội Tề về việc phá Tống. Tần muốn đánh Hàn, sợ thiên hạ cứu Hàn thì giao Tề cho thiên hạ mà nói rằng: "Tề Vương bốn lần hẹn với

quả nhân thì bốn lần lừa dối quả nhân. Đã ba lần Tề quyết tâm cầm đầu thiên hạ để đánh quả nhân. Có Tề thì không có Tần, có Tần thì không có Tề, phải đánh Tề, phải tiêu diệt Tề". Sau khi đã được Nghi Dương, Thiệu Khúc đến Lan Trạch, Tần sẽ buộc thiên hạ về cái tội đã đánh phá Tề. Tần muốn đánh Ngụy, nhưng lo ngại Sở, bèn lấy Nam Dương giao cho Sở, nói rằng: "Quả nhân thế nào cũng sẽ tuyệt giao với Hàn. Sở hãy giữ lấy Quân Lăng, chẹn đất Manh ách, nếu có lợi cho Sở thì cũng như có lợi cho quả nhân. Khi Ngụy đã bỏ nước thân thiện mà hợp với Tần, Tần sẽ nhân lấy việc Sở chẹn Manh ách mà bắt tội Sở. Sau đó, khi quân Ngụy bị nguy khốn ở Lâm Trung, và các nước Yên, Triệu mạnh lên, thì Tần lại hứa lấy tiêu Đông giao cho Yên, lấy Tế Tây giao cho Triệu và sau đó, Triệu giảng hòa với Ngụy, đưa công tử Diên là con tin Tần nhờ có Tề Thủ (tướng quốc nước Ngụy - ND) liên binh với Ngụy để đánh Triệu nhưng bị quân Triệu đánh bại ở Tiều Thạch, bị tổn thất nặng nề ở Dương Mã. Tần bèn làm ra vẻ kính trọng Ngụy, hứa cho nó đất Diệp, đất Thái, nhưng bản thân mình thì lại giảng hòa với Triệu để khi nào mình xâm chiếm Ngụy thì không bị Triệu cản trở, và gặp lúc khó khăn thì sai em của Thái hậu là Nương Hầu cầu hòa. Còn nếu thắng Ngụy thì sẽ lừa cả mẹ và cậu. Tần trách Yên thì bảo là vì Giao Đông, trách Triệu thì bảo là vì Tế Tây, trách Ngụy thì bảo là vì Diệp Thái, trách Sở thì bảo là vì Manh ách, trách Tề thì bảo là vì Tống. Cái lối ấy tức là nói quanh nói quai như cái vòng tròn, dùng binh như đâm khâu thấu. Mẹ không ngăn được, cậu không giữ được. Trong những trận đánh ở Long Cổ, Ngạn Môn, Phong Lăng, Cao Thương, Triệu Trang, Tần giết dân của Tam Tấn [*Tam Tấn: Triệu, Hàn, Ngụy.*] đến vài trăm vạn. Nay những người còn sống đều là những người mồ côi, cha bị quân Tần giết. Nhà vua xem những trận ngoài Tây Hà và ở đất Thượng Lạc, tai vạ ở Tam Xuyên, Tấn Quốc, đã làm thiệt hại một nửa Tam Tấn! Tai vạ Tần gây ra to lớn là như thế đấy? Thế mà kẻ du thuyết của Yên, Triệu đến Tấn, đều tranh nhau thuyết phục vua mình thờ Tần. Đó là điều thần rất lo.

Yên Chiêu Vương không đi nữa. Tô Đại lại được tôn trọng ở Yên. Yên sai Đại đi giao ước với chư hầu, cùng hợp tung như thời Tô Tần. Có nước theo, có nước không theo, nhưng thiên hạ từ đây vẫn tôn kính ước tung của họ Tô. Đại và Lệ đều được sống lâu mới chết, danh tiếng lừng lẫy ở chư hầu.

Thái sử công nói: -Ba anh em Tô Tần đều đi du thuyết các nước chư hầu, danh tiếng lừng lẫy. Thuật của những người ấy giỏi về quyền biến. Tô Tần bị phản gián mà chết, thiên hạ đều cười Tô Tần mà không học thuyết ấy của Tần. Song đời nói về Tô Tần nhiều điều quái lạ, có việc gì kỳ quặc một chút là cứ gán cho Tô Tần. Tô Tần nổi dậy từ chốn làng xóm, hợp tung sáu nước. Điều đó chứng tỏ trí thức của ông ta có chỗ hơn người. Cho nên tôi

trình bày việc làm của ông ta theo thứ tự thời gian, không để cho ông ta chỉ mang tiếng xấu thôi vậy.

[21]

Truyện TRƯỜNG NGHỊ

Đoạn: [1](#), [2](#), [3](#), [4](#)

1.

Trương Nghi là người nước Ngụy. Trước cùng Tô Tần theo học Quý Cốc tiên sinh. Tô Tần tự cho mình kém Trương Nghi về học thuật. Trương Nghi học xong đi du thuyết các chư hầu. Nghi có lần theo tướng quốc nước Sở uống rượu, sau đó tướng quốc nước Sở mất ngọc bích. Môn hạ ngờ cho Trương Nghi, nói: - Nghi nghèo không có nghề ngỗng gì, nhất định hẳn lấy trộm ngọc bích của tướng quân.

Họ bắt Trương Nghi đánh vài trăm roi, Nghi không nhận tội. Họ tha cho. Vợ Nghi nói: - Hừ! Nếu chàng không đọc sách đi du thuyết thì sao đến nỗi phải cái nhục này?

Trương Nghi bảo vợ: - Nhìn xem lưỡi ta còn không?

Vợ cười: - Lưỡi còn.

Nghi nói: - Được rồi [*Một chi tiết hết sức điển hình.*]

Tô Tần chẳng bao lâu thuyết phục được Triệu Vương theo hợp tung và cầm đầu việc hợp tung với các nước. Song ông ta sợ nước Tần đánh chư hầu, sẽ hỏng mất ước tung. Nghĩ không ai có thể cầm quyền ở Tần ngoài Trương Nghi, Tô Tần bèn sai người gợi ý cho Trương Nghi nói: - Ông trước quen Tô Tần, nay Tần đã cầm quyền, sao ông không đến chơi nhờ giúp để đạt chí nguyện của mình.

Thế là Trương Nghi sang Triệu, đưa danh thiếp xin yết kiến Tô Tần, Tô Tần bèn dặn bọn môn hạ đừng thông báo và không có đi đâu trong vài hôm. Sau đó, Tần tiếp kiến Nghi, để Nghi ngồi dưới thềm, cho Nghi ăn cơm của hạng đầy tớ nàng hầu, nhân nhiên Nghi: - Tài năng như người mà lại để khổ nhục thế à? Ta không phải là không thể nói để người được giàu sang, nhưng người không đáng được dùng.

Bèn từ tạ đuổi đi.

Trương Nghi tự cho mình là bạn cũ đến nhờ giúp đỡ, không ngờ lại bị sỉ nhục nên tức giận. Nghĩ chư hầu không đâu có thể nhờ được, chỉ có nước Tần mới làm khổ được Triệu, Nghi bèn đi vào Tần.

Sau đó, Tô Tần bảo môn hạ: - Trương Nghi là hiền sĩ trong thiên hạ, ta không thể bằng. Nay ta may được dùng trước, mà chỉ có một mình Trương Nghi là có thể cầm quyền binh ở Tần. Song anh ta nghèo, không có cách gì để tiến thân. Ta sợ anh ta ham cái lợi nhỏ mà không thành đạt, cho nên mời đến làm nhục để trêu tức. Người hãy vì ta giúp ngầm ông ta.

Đoạn, Tô Tần nói với Triệu Vương phát cho tiền của xe ngựa cho người lên lút theo Trương Nghi ở cùng nhà trọ, dần dần thân mật, đưa cho Nghi tiền bạc, xe ngựa, Nghi muốn gì thì chu cấp cho ngay, nhưng không nói. Trương Nghi nhờ vậy được yết kiến Tần Huệ Vương. Huệ Vương cho làm khách khanh, cùng mưu đánh chư hầu. Người môn hạ của Tô Tần bèn từ già

ra đi. Trương Nghi nói: - Nhờ ông mới được hiền đạt, tôi sắp báo ơn sao ông lại đi?

Người kia nói: - Không phải tôi biết ngài đâu, biết ngài là Tô Quân. Tô Quân lo Tần đánh Triệu, hỏng mất điều ước hợp tung. Lại cho rằng ngoài ngài ra, không ai có thể nắm được quyền bính nước Tần, cho nên trêu tức ngài rồi ngầm sai tôi theo hầu hạ tư cấp cho ngài làm trọn mưu kế của Tô Quân. Nay ngài đã được dùng, tôi xin về báo.

Trương Nghi nói: - Than ôi, thế là ta mắc mưu Tô Quân mà không biết, rõ ràng ta không bằng Tô Quân. Ta lại mới được dùng làm sao nghĩ đến việc đánh Triệu được? Ông tạ ơn Tô Quân hộ ta. Trong thời còn Tô Quân, Nghi đâu dám nói chuyện đánh Triệu? Và lại, Tô Quân còn đấy, Nghi dám làm trò gì được?

Sau khi làm thừa tướng nước Tần, Trương Nghi bèn viết tờ hịch báo tướng quốc nước Sở: "Trước ta theo người uống rượu, ta không lấy trộm ngọc bích của người, người đánh đòn ta. Người hãy lo giữ nước cho khéo, ta sẽ có ngày lấy trộm thành của người đấy".

Đất Ba và đất Thục đánh nhau, đều đến cầu cứu Tần. Tần Huệ Vương muốn đem quân đánh Thục, nhưng ngại đường xá hiểm trở, nhỏ hẹp khó đi. Hàn lại đến xâm lấn, muốn đánh Hàn trước, sau sẽ đánh Thục, nhưng sợ không lợi, muốn đánh Thục trước nhưng lại sợ Hàn đánh úp Tần. Huệ Vương do dự chưa quyết. Tư Mã Thác cùng Trương Nghi tranh luận ở nước mặt Huệ Vương. Tư Mã Thác [*Tổ của Tư Mã Thiên.*] muốn đánh Thục. Trương Nghi nói: - Chẳng bằng đánh Hàn.

Huệ Vương nói: - Xin nói tại sao?

Nghi nói: - Thân với Ngụy, làm bạn với Sở, đem quân xuống Tam Xuyên, ngăn chặn cửa Thập Cốc, làm chủ đường Đôn Lưu. Ngụy cắt đứt Nam Dương, Sở đến gần Nam Trịnh, Tần đánh Tân Thành, Nghi Dương đến gần ngoại đồng của hai Chu [*Nhị Chu: Đông Chu và Tây Chu.*], trách tội Chu Vương xâm lấn đất của Sở, Ngụy. Chu tự biết không thể cứu được tất phải đem đồ báu và chín vạc [*Chín vạc: Vua Hạ Vũ đúc chín cái vạc để tượng trưng cho chín châu trong thiên hạ. Thời tam đại coi chín vạc ấy là bảo vật khí truyền nước. Thành Thang thiên chín vạc ấy ra Thương áp. Chu Vũ Vương lại thiên ra Lạc áp.*] ra. Giữ lấy chín vạc, cầm lấy địa đồ, sổ sách, lấy thế thiên tử để ra lệnh cho thiên hạ, thiên hạ ai dám không nghe theo. Ấy là nghiệp vương đấy. Nay Thục là nước xa tít về phía Tây, và thuộc hạng Nhung, Địch. Ta làm lính mệt, dân chúng vất vả nhưng không đủ để nổi danh, được đất của nó không đủ để làm lợi. Thần nghe nói "tranh danh ở triều, tranh lợi ở chợ". Nay Tam Xuyên, Chu Thất tức là triều và chợ của thiên hạ, mà đại vương không tranh, lại tranh Nhung, Địch, thế là còn cách

xa vương nghiệp lắm.

Tư Mã Thác nói: - Không phải. Thần nghe nói: vị vua muốn nước giàu thì cốt được ruộng đất, vị vua muốn binh mạnh thì cốt được dân giàu, vị vua muốn làm vương thì cốt được đức rộng lớn. Có ba điều ấy thì nghiệp vương sẽ theo sau. Nay nhà vua đất nhỏ, dân nghèo, cho nên thần muốn làm việc dễ trước. Nay Thục là nước xa tít về phía Tây và là trưởng các dân Nhung, Địch, đang có loạn Kiệt, Trụ. Lấy binh Tần đánh nước ấy khác nào khiến sài lang đuổi đàn dê? Được đất nước ấy đủ để mở rộng nước, lấy của nước ấy đủ để làm dân giàu, nuôi binh sĩ không thiệt đến dân chúng mà họ đã theo phục. Đánh đổ một nước mà thiên hạ không cho là bạo, được hết lợi vùng Tây Hải mà thiên hạ không cho là tham. Thế là ta làm một việc mà có cả danh lẫn thực, lại còn có cái tiếng là trừ bạo, ngăn loạn nữa. Nay ta đánh Hàn tất sẽ uy bức thiên tử, là danh không tốt, mà vị tất đã có lợi, lại mang cái tiếng bất nghĩa. Đánh nước thiên hạ không muốn đánh, thật là nguy vậy. Thần xin bày rõ tại sao. Chu là tông thất trong thiên hạ, Tề là nước thân thiện với Hàn. Chu tự biết mất chín vạc, Hàn tự biết mất đất Tam Xuyên. Hai nước ấy chung sức hợp mưu, để dựa vào Tề, Triệu mà cầu hòa với Sở, Ngụy. Đại vương không thể ngăn họ lấy chín vạc cho Sở, lấy đất cho Ngụy. Thần bảo nguy là thế đấy. Không bằng đánh Thục là kế vạn toàn.

Huệ Vương nói: - Phải, quả nhân xin nghe nhà ngươi.

Rồi đem binh đánh Thục. Đến tháng mười lấy được Thục. Bèn bình định nước Thục, truất Thục Vương đổi hiệu làm hầu, rồi khiến Trần Trang làm thừa tướng nước Thục.

Thục đã thuộc Tần, Tần vì thế càng giàu mạnh khinh chư hầu. Năm thứ 10 thời Tần Huệ Vương, vua Tần sai công tử Hoa cùng Trương Nghi vây Bồ Dương, Bồ Dương phải hàng. Nghi nhân nói với Tần lại thân thiện với Ngụy, rồi sai công tử Do làm con tin ở Ngụy.

Nghi nhân nói với Ngụy Vương: - Tần Vương đãi Ngụy rất hậu, Ngụy không thể vô lễ được.

Ngụy nhân nộp đất Thượng Quận, đất Thiệu Dương để tạ Tần Huệ Vương. Tần Vương bèn cho Trương Nghi làm thừa tướng, đổi tên Thiệu Dương gọi là Hạ Dương. Nghi làm thừa tướng nước Tần được bốn năm, lập Huệ Vương làm "vương". Một năm sau khi Nghi làm thừa tướng, nước Tần đánh lấy đất Thiểm, đắp ải Thượng Quận, hai năm sau Tần sai Nghi đi hội với tướng các nước Tề, Sở tại Khiết Tang. Khi từ phương Đông trở về, Nghi thôi không làm thừa tướng.

Nghi sang làm tướng quốc nước Ngụy, bảo Ngụy Vương: "Tần muốn Ngụy thờ Tần trước để chư hầu bắt chước". Ngụy Vương không chịu nghe Nghi. Tần Vương giận, đánh lấy đất Khúc Ốc, Bình Chu của Ngụy, lại ngầm

đãi Trương Nghi càng hậu. Trương Nghi then không có gì để về báo đáp Tần, lưu ở lại Ngụy bốn năm. Ngụy Tương Vương chết. Ai Vương lên ngôi, Trương Nghi lại nói với Ai Vương, Ai vương không nghe. Trương Nghi ngầm bảo Tần đánh Ngụy. Ngụy đánh nhau với Tần bị thua. Năm sau Tề lại đánh bại Ngụy ở bên Quán Tân. Tần lại muốn đánh Ngụy, trước tiên đánh bại quân của Thân Sai nước Hàn, chém tám vạn thủ cấp. Chư hầu khiếp sợ. Trương Nghi lại bảo với Ngụy Vương: - Đất của nước Ngụy vuông không đầy nghìn dặm, quân không quá ba mươi vạn người, bốn bề bằng phẳng, các phía thông với chư hầu, không có núi cao sông lớn ngăn trở. Đi từ Trịnh đến Lương [*Lương: Đại Lương là nơi Ngụy Huệ Vương đóng đô.*] hơn hai trăm dặm xe chạy người đi không phải vất vả mà đến được. Nước Lương ở phía Nam, giáp giới nước Sở, phía Tây giáp giới nước Hàn, phía Bắc giáp giới nước Triệu, phía Đông giáp giới nước Tề, binh sĩ đi thú giữ nơi đồn lũy ở bốn phía không đến mười vạn. Địa thế nước Lương rõ ràng là bãi chiến trường. Nước Lương phía Nam thân với Sở, không thân với Tề, thì Tề đánh ở mặt Đông, phía Đông thân với Tề không thân với Triệu, thì Triệu đánh ở mặt Bắc không hòa hợp với Hàn thì Hàn đánh ở mặt Tây, không thân với Sở thì Sở đánh ở mặt Nam. Nói ở cái cảnh chia năm xẻ bảy là như thế. Vả lại chư hầu hợp tung là để yên xã tắc, làm cho vua được tôn quý, quân được mạnh và nổi tiếng vậy. Nay những kẻ hợp tung chủ trương thống nhất thiên hạ ước làm anh em, giết ngựa trắng ăn thề trên sông Hoàn Thủy để giữ vững cho nhau. Nhưng anh em thân cùng một cha mẹ còn tranh nhau tiền tài, muốn dùng lối lừa dối để lật nhau. Rõ ràng cái mưu thừa của Tô Tần không thể thành được. Nếu đại vương không chịu theo Tần, Tần sẽ đem quân xuống đánh miền Hà Ngoại, chiếm cứ Quyển Diễn, Toan Tảo, uy bức nước Vệ, lấy Dương Tân thì Triệu sẽ không đi xuống phía Nam được, Triệu không đi xuống phía Nam thì Lương không lên Bắc được, Lương không đi lên miền Bắc thì con đường hợp tung đứt, con đường hợp tung đứt thì không thể nào nước của đại vương không nguy. Tần dọa Hàn để đánh Lương. Hàn bị Tần ép, Hàn với Tần làm một, Lương có thể đứng đợi mất nước được, thần thấy lo cho đại vương về chỗ ấy. Đối với đại vương chẳng có kế gì bằng thờ Tần. Thờ Tần thì Sở, Hàn không dám cựa quậy. Đại vương không lo về Sở, Hàn thì cứ việc nằm khểnh, nước chắc chắn không phải lo ngại gì. Vả lại nước mà Tần muốn làm yếu nhất là Sở, mà nước làm Sở yếu thì không nước nào bằng Lương, Sở tuy có danh là giàu lớn, nhưng thực ra thì trống rỗng. Quân nước ấy tuy nhiều, nhưng dễ chạy hay trốn. không chiến đấu bền bỉ được. Nay đem tất cả quân của Lương quay về phía Nam để đánh Sở thì nhất định thắng Sở. Cắt nước Sở để mở rộng Lương, bớt xén Sở để vừa lòng Tần, gây họa cho nước khác để nước mình được yên, đó là việc hay. Nếu đại vương

không nghe thần, Tần cho binh sĩ mặc áo giáp đi đánh miền Đông, bảy giờ đầu muốn thờ Tần cũng không thể được. Và lại, kẻ theo chức hợp tung chỉ nói hăng, nhưng ít đáng tin. Thuyết phục được một chư hầu là được phong hầu, cho nên kẻ sĩ du thuyết trong thiên hạ không ai không ngày đêm nắm tay trợn mắt nghiêng răng để thuyết phục các vị vua về sự tiện lợi của hợp tung, các vị vua khen lời bàn luận là hay, rồi cứ bám riết lấy lời nói của họ, làm sao khỏi làm được. Thần nghe nói "chất lông chim sẽ làm chìm thuyền, chở nhiều vật nhẹ sẽ làm gãy trục xe, miệng người ta làm chảy loài kim, nhiều lời gièm pha làm tan cốt nhục". Xin đại vương xét kỹ kế bàn và cho xin hài cốt [*Xin hài cốt: xin từ chức, ý nói để cho hài cốt được đem về chôn ở quê hương.*] để rời khỏi nước Ngụy.

Ai Vương bèn bỏ hợp tung rồi nhờ Nghi, xin hòa với Tần.

Trương Nghi về lại làm thừa tướng nước Tần. Được ba năm, Ngụy lại chống Tần, lo hợp tung. Tần đánh Ngụy lấy đất Khúc Ốc. Năm sau Ngụy lại thờ Tần. Tần muốn đánh Tề. Tề, Sở hợp tung với nhau. Vì thế, Trương Nghi sang làm thừa tướng nước Sở. Sở Hoài Vương nghe Trương Nghi đến, để dành cái nhà to cho Nghi ở, nói: - Nước tôi là nước xa xôi hủ lậu, ông có gì dạy bảo không?

Nghi nói với Sở Vương: - Đại vương nếu nghe thần, đóng cửa quan tuyệt giao ước với Tề thì thần xin dâng đất Thượng Ư sáu trăm dặm, khiến con gái Tần được làm thiếp hầu hạ quét tước cho đại vương. Hai nước Tần, Sở lấy vợ gả chồng với nhau thành nước anh em mãi mãi. Thế là phía Bắc thì làm yếu nước Tề mà phía Tây làm ích nước Tần đấy. Không kể gì tiện bằng thế.

Sở Vương thích lắm nên nghe theo. Quần thần đều chúc mừng, chỉ một mình Trần Chân chia buồn với nhà vua. Sở Vương giận nói: - Quả nhân không phải cử binh xuất quân mà được sáu trăm dặm đất, quần thần đều mừng, một mình người chia buồn là tại làm sao?

Trần Chân thưa: - Không phải. Theo điều thần thấy thì không thể lấy được đất Thượng Ư mà trái lại Tề với Tần sẽ hòa hợp. Tần với Tề hòa hợp thì điều lo ngại nhất định sẽ đến.

Sở Vương nói: - Ông lấy gì làm căn cứ để nói thế.

Trần Chân thưa: - Tần trọng Sở chẳng qua là vì có Tề. Nay Sở đóng cửa quan, tuyệt giao với Tề thì Sở lại bị cô lập. Tần mong chờ gì ở cái nước bị cô lập mà cho sáu trăm dặm đất Thượng Ư? Trương Nghi về Tần, thế nào cũng phụ bệ hạ, thế là phía Bắc ta tuyệt giao với Tề, phía Tây phải lo lắng với Tần vậy. Rồi quân lai nước ấy thế nào cũng đều đến. Đối với bệ hạ, không kể gì bằng bè trong ngầm hợp với Tề mà bè ngoài thì tuyệt giao với Tề. Sai người theo Trương Nghi. Họ cho ta đất, ta sẽ tuyệt giao với Tề cũng chưa muộn.

Họ không cho ta đất thì ta cứ ngầm hợp với Tề để mưu tính.

Sở Vương nói: - Xin ông Chấn cầm miệng đừng nói nữa để đợi quả nhân được đất đã.

Bèn trao ấn tướng quốc cho Trương Nghi và cho Nghi nhiều của. Rồi đóng cửa tuyệt giao với Tề. Lại sai một viên tướng quân đi theo Trương Nghi. Trương Nghi đến Tần, giả vờ làm bị đứt dây vịn ngựa xe, ba tháng không vào châu. Sở Vương nghe tin nói: - Nghi cho quả nhân chưa kiên quyết tuyệt giao với Tề ư?

Bèn sai dũng sĩ sang Tống, mượn phù tiết của Tống, sang phía bắc mắng Tề Vương, Tề Vương giận lắm, nén lòng chịu phục tùng Tần. Tình giao hiếu của Tần với Tề lại nói lại, Trương Nghi mới vào châu, bảo sứ giả của Sở: - Thần có sáu dặm đất ăn lộc xin hiến để dâng tả hữu của đại vương [*Tả hữu của đại vương nghĩa đen là các quân hầu, ở đây là chỉ nhà vua.*].

Sứ giả của Sở nói: - Thần được lệnh của vương là lấy sáu trăm dặm đất của Thượng Ʈ, chứ không thấy nói sáu dặm.

Sứ giả về báo với Sở Vương, Sở Vương giận lắm, đem quân đánh Tần. Trần Chấn nói: - Chấn có thể mở miệng nói được chăng? Đánh Tần chẳng bằng cắt đất để cho Tần, cùng Tần hợp quân để đánh Tề. Thế là ta bỏ đất ra cho Tần mà được bù lại ở Tề vậy. Như thế nước của vương ngõ hầu có thể còn.

Sở Vương không nghe. Cuối cùng đem quân đi và sai tướng quân Khuất Cái đánh Tần. Tần, Tề cùng đánh Sở, chém tám vạn thủ cấp, giết Khuất Cái, lấy đất Đan Dương, Hán Trung. Sở lại đem thêm quân để đánh úp Tần. Đến Lam Điền đánh nhau ở đó. Sở thua to. Sở bèn cắt hai thành để hòa với Tần. Tần đòi Sở cho đất Kiềm Trung, muốn lấy đất ngoài Vũ Quan để đổi. Sở Vương nói: - Không muốn đổi đất, muốn được Trương Nghi rồi sẽ dâng đất Kiềm Trung.

Tần Vương muốn cho Nghi đi, nhưng miệng không nở nói. Trương Nghi bèn xin đi. Huệ Vương nói: - Sở Vương giận ông nói dối về việc hiến đất Thượng Ʈ, tức là sẽ giết ông cho hả giận.

Trương Nghi nói: - Tần mạnh, Sở yếu. Thần quen Cận Thượng. Thượng được hậu hạ Sở phu nhân là Trịnh Tụ. Tụ nói gì Sở Vương cũng nghe. Vả lại, thần mang phù tiết của vương sang sứ nước Sở, Sở sao dám giết? Dù cho họ giết thần mà Tần được đất Kiềm Trung thì đó là điều thần mong muốn nhất.

Nghi bèn đi sứ sang Sở. Sở Hoài Vương được Nghi, liền bỏ tù, toan giết đi. Cận Thượng bảo Trịnh Tụ: - Phu nhân có biết phu nhân sẽ không được nhà vua yêu quý không?

Trịnh Tụ nói: - Sao vậy? .

Cận thần nói: - Tần Vương yêu Trương Nghi lắm, nhất định sẽ làm cho ông ta thoát nạn. Nay Tần sẽ lấy sáu huyện đất Thượng Dung biểu Sở, lấy mỹ nhân dâng Sở, lấy người hát hay ở trong cung đưa sang Sở. Vương trọng đất, tôn Tần, con gái nước Tần thế nào cũng được yêu quý, phu nhân sẽ bị đuổi. Chi bằng phu nhân nói để tha Nghi ra.

Trịnh Tự ngày đêm nói với Hoài Vương: - Bây tôi ai cũng làm việc cho vua của mình. Nay đất của Sở chưa nhập vào Tần, Tần đã sai Trương Nghi đến, là trọng bệ hạ. Bệ hạ chưa có lễ đáp lại mà lại giết Trương Nghi, Tần tất giận mà đánh Sở. Thiếp xin cho mẹ con dời đi Giang Nam, để không bị Tần giết chết.

Hoài Vương sau đó hối rồi tha Trương Nghi, hậu đãi Nghi như trước, Trương Nghi đã được ra, chưa đi thì nghe thấy tin Tô Tần chết. Bèn nói với Sở Vương: - Đất Tần chiếm một nửa thiên hạ, binh đánh lại được bốn nước [*Đất hiểm trở, sông Hoàng Hà vắt ngang, bốn bề biên giới che ngăn làm cho nước vững chắc.*]. Quân dũng sĩ mạnh như hổ có hơn trăm vạn người, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con, thóc chất như gò núi. Pháp lệnh đã rõ ràng, sĩ tốt đều không sợ khó khăn, vui với cái chết. Vua sáng và nghiêm, tướng quân nhiều mưu trí lại vũ dũng. Tuy không xuất quân, nhưng nếu thu lấy nơi hiểm vùng núi Thường Sơn như cuốn chiếu thì thế nào cũng làm gãy xương sống của thiên hạ. Thiên hạ nước nào thần phục sau thì sẽ mất trước, và lại theo kế hợp tung, không khác gì xua đàn dê để đánh mãnh hổ, dê không địch lại hổ, điều đó rõ ràng lắm. Nay đại vương không theo mãnh hổ mà lại theo đàn dê, thần trộm cho kế của đại vương là nhầm. Tóm lại nước mạnh trong thiên hạ không Tần thì Sở, không Sở thì Tần. Hai nước tranh giành nhau, ta không thể cùng đứng được Đại vương không theo Tần, Tần đem quân xuống giữ Nghi Dương, đất phía trên của Hàn không giao thông được, đem quân xuống Hà Đông lấy Thành Cao, Hàn thế nào cũng phải vào thần phục Tần, Lương cũng cúi rạp theo gió. Tần đánh phía Tây của Sở, Hàn, Lương đánh phía Bắc của Sở, xã tắc của Sở làm sao khỏi nguy được? Và lại những kẻ theo kế hợp tung hợp các nước yếu để đánh nước hết sức mạnh, không lượng kẻ địch mà đánh liều, nước nghèo mà dấy binh luôn, ấy là con đường nguy vong đấy. Thần nghe nói "quân không bằng người ta thì chớ khiêu chiến với họ, thóc không bằng người ta thì chớ cầm cự lâu với họ". Nay bọn theo kế hợp tung, dùng lý luận suông, dùng lời trống rỗng, tán dương tiết hạnh của các vị vua, nói cái lợi mà không nói cái hại, nếu đột nhiên bị Tần gây họa thì không kịp lo đến mình. Thế cho nên thần muốn đại vương tính việc đó cho chín. Tần ở phía Tây có đất Ba, đất Thục, thuyền to chứa thóc, đi đường sông từ Ván Sơn, xuống đến Sở hơn ba nghìn dặm, dùng thuyền đôi chở quân, mỗi thuyền trở được năm mươi người với lương ăn ba tháng, thuyền đi một ngày

hơn ba trăm dặm. Số dặm dẫu nhiều, nhưng không phí sức trâu ngựa. Không đến mười ngày mà đến Hãn Quan, Hãn Quan hoảng kinh, thì từ biên giới về phía Đông, đều giữ lấy thành tất cả. Thế là Kiểm Trung, Vu Quận không phải là đất của đại vương nữa. Tần cử binh ra cửa Vũ Quan, hướng về phía Nam để đánh, thì đất miền Bắc của Sở bị cắt đứt. Quân Tần đánh Sở, điều nguy nan xảy ra chỉ trong vòng ba tháng, mà Sở e hờ cứu viện của chư hầu phải hơn nửa năm, ấy là thế không kịp nhau vậy. Đợi nước yếu cứu, quên cái vạ của Tần mạnh, đó là điều thần lo cho đại vương đấy. Đại vương đã cùng quân Ngô đánh nhau, đánh năm trận thắng ba. Quân đi chiến trận hết cả, chỉ riêng việc giữ thành mới lấy được, giữ gìn dân cư, đã là khổ sở rồi. Thần nghe nói: "Công to thì dễ nguy, dân khổ thì oán người trên". Nay giữ lấy cái công dễ nguy để làm hài lòng nước Tần mạnh, thần trộm cho thế là nguy cho đại vương. Vả lại Tần sở dĩ không đem quân ra cửa Hàm Cốc trong mười lăm năm nay để đánh Tề, Triệu là vì có âm mưu thôn tính cả thiên hạ. Sở đã gây hấn với Tần, đánh nhau ở Hán Trung, người Sở bị thua, hạng tước hầu cầm khuê [*Khue là thứ ngọc mà vương hầu được cầm khi triều hội tế tự, thời phong kiến dùng ngọc làm con tin. Ngọc khuê tùy theo tước vị có khác nhau.*], chết hơn bảy mươi người, kết quả mất Hán Trung. Sở Vương cả giận, cử binh đánh úp Tần ở Lam Điền. Thế nghĩa là như người ta nói "hai hổ đánh nhau" đấy. Nay Tần, Sở đánh nhau mỗi một mà Hàn, Ngụy còn nguyên vẹn lại không chế ở phía sau, thật không có kẻ nào nguy hơn thế nữa? Xin đại vương tính kỹ cho. Tần đem quân đánh Vệ và Dương Tấn, tức là mở toang lòng ngực của thiên hạ. Đại vương đem tất cả quân để đánh Tống, không đầy vài tháng có thể lấy được Tống. Tống đã bị lấy, bèn đi về phía Đông, thì mười hai nước chư hầu ở trên sông Tứ sẽ là của đại vương hết. Người trong thiên hạ chủ trương hợp tung để các nước bảo vệ cho nhau được bền vững là Tô Tần. Tần được phong làm Vũ An Quân rồi làm tướng quốc nước Yên. Tô Tần ngầm mưu với Yên Vương, đánh phá Tề mà chia đất Tề. Rồi vờ làm có tội, chạy sang nước Tề. Tề Vương nhân đấy nhận mà cho làm tướng quốc. Tô Tần ở Tề hai năm Tề Vương mới hiểu, giận lắm, dùng xe ngựa xé xác Tô Tần ở chợ, anh chàng Tô Tần muốn dùng lời dối trá để kinh doanh thiên hạ, thống nhất chư hầu, rõ ràng không thể thành công được. Nay Tần với Sở bờ cõi tiếp nhau, cố nhiên là nước hình thế gần gũi. Đại vương nếu quả nghe thần, thần xin bảo thái tử của Tần vào làm con tin ở Sở, thái tử của Sở làm con tin ở Tần. Xin đem con gái của Tần để làm người thiếp quét dọn cho đại vương, dâng đô thị muôn nhà để làm ấp của đại vương. Hai nước làm anh em mãi mãi, suốt đời không đánh nhau. Thần cho không gì tiện bằng kế ấy.

Bây giờ Sở Vương đã được Trương Nghi, nhưng lại không muốn đem

đất Kiềm Trung cho Tần. Sở Vương định nghe theo Trương Nghi, Khuất Nguyên nói: -Trước đại vương đã bị Trương Nghi lừa dối. Trương Nghi đến, thần tướng đại vương giết hẳn. Nay đã không nỡ giết mà lại nghe các tà thuyết của hắn là không nên.

Hoài Vương nói: -Nghe Trương Nghi mà vẫn giữ đất Kiềm Trung là lợi to đây Ta sẽ được lợi gấp đôi.

Sở Vương rốt cục vẫn nghe theo Trương Nghi thân thiện với Tần.

Trương Nghi ở Sở ra đi, nhân tiện sang Hàn, nói với Hàn Vương: -Đất nước Hàn hiểm trở, ở nơi đồi núi. Ngũ cốc ở đây chẳng qua chỉ có đỗ và lúa mạch. Thức ăn của dân chẳng qua đại để chỉ có đỗ và canh rau hoắc. Hễ một năm mất mùa không thu hoạch được là dân ăn tằm, cám không no. Đất chẳng qua có chín trăm dặm, không đủ thức ăn trong hai năm. Tất cả quân của đại vương, chẳng quá ba mươi vạn người, kể cả những người sai phái, khuân vác, trừ số quân canh ở biên cương, giữ nơi hiểm yếu, thì số quân chẳng quá hai mươi vạn mà thôi. Nước Tần quân mặc áo giáp hơn trăm vạn người, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con. Hạng người dũng mãnh như hổ, đầu không đội mũ trụ, hai tay ôm má, cầm giáo hăng hái xông vào giữa quân địch đông không thể kể xiết. Ngựa của Tần hay, quân lính đông. Ngựa chạy chân trước cước, chân sau đạp, khoảng chân trước chân sau cách nhau đến ba tầm. Số ngựa chạy nhanh không biết bao mà kể. Quân sĩ của Sơn Đông, mặc áo giáp, đội mũ trụ để đánh. Quân của Tần, bỏ áo giáp, xắn tay áo xông vào giữa quân địch đông, tay trái xách đầu giặc, tay phải cầm tù binh. Quân sĩ của Tần so với quân sĩ Đông Sơn cũng như Mạnh Bôn so với kẻ nhát, lấy sức mạnh đè ép nhau, cũng như Ô Hoạch với đũa con thơ. Dem quân sĩ như Mạnh Bôn, Ô Hoạch đi đánh nước yếu không phục, thì có khác gì buông sức nặng nghìn quân [*Quân: quả cân nặng 30 cân.*] lên trên quả trứng chim, tất nhiên là không thể sống sót vậy. Nay quần thần các nước chư hầu không hiểu đất nước mình nhỏ và ít, lại theo lời ngon ngọt, khéo léo của kẻ theo hợp tung, a dua để tô vẽ cho nhau. Họ đều hăm hở nói rằng: "Nghe kế của ta, có thể làm cho nước mạnh, làm bá thiên hạ". Ôi? Họ không nghĩ đến cái lợi lâu dài của xã tắc mà lại nghe theo lời nói trong chốc lát, không có gì lừa dối nhà vua hơn thế. Đại vương không thờ Tần, Tần đem quân xuống chiếm giữ Nghi Dương, cắt đứt đất miền trên của Hàn. Ở phía Đông, Tần lấy Thành Cao, Huỳnh Dương thì cùng Hồng Đài, vườn Tang Lâm không phải là đất đại vương có nữa. Nếu họ chặn Thành Cao, cắt đứt Thượng Địa thì nước của đại vương sẽ bị chia xẻ. Thờ Tần trước thì được yên, không thờ Tần thì bị nguy, nếu gây ra họa để cần được báo phúc, tính kế nông nổi để kết oán sâu, tí. ái Tần để thuận Sở, thì dù muốn không mất nước cũng không thể được. Cho nên đối với đại vương không có gì bằng thờ Tần. Tần chẳng muốn gì

hơn là làm cho Sở yếu. Không nước nào làm cho Sở yếu bằng nước Hàn. Đó không phải là vì Hàn mạnh hơn Sở đâu, mà vì địa thế khiến như vậy. Nay đại vương về Tây mà thờ Tần để đánh Sở thì Tần Vương chắc chắn sẽ mừng. Đánh Sở để lấy lợi cho đất mình, chuyển họa làm vui lòng Tần, không kể gì tiện hơn thế!

Hàn Vương nghe theo kế của Trương Nghi.

Trương Nghi về báo với Tần Huệ Vương. Tần Huệ Vương phong cho Nghi năm ấp gọi là Vũ Tín Quân. Rồi sai Trương Nghi đi sang Đông, nói về Tề Mẫn Vương: -Trong thiên hạ không nước nào mạnh hơn Tề. Đại thần phụ huynh giàu thịnh đông vui. Thế mà những người bày kế cho đại vương đều nói chuyện nhất thời, không nghĩ cái lợi trăm đời. Những kẻ theo hợp tung chắc chắn nói với đại vương: "Nước Tề ở phía Tây có nước Triệu mạnh, ở phía Nam có nước Hàn, nước Lương. Tề là nước nhờ cậy có bề. Đất rộng dân nhiều, quân mạnh, tướng dũng cảm. Dầu có trăm nước Tần cũng không làm gì được Tề Đại vương cho lời nói của họ là hay, mà không tính đến sự thực. Những kẻ theo hợp tung bè đảng a dua, ai cũng cho hợp tung là phải. Thần nghe Tề với Lỗ ba lần đánh nhau. Lỗ ba lần thắng, rồi sau đó nước diệt vong. Tuy có cái tiếng là thắng, nhưng thực ra là mất nước, thế là có làm sao? Vì Tề lớn mà Lỗ nhỏ. Nay Tần với Tề cũng như Tề với Lỗ vậy. Tần và Triệu đánh nhau ở sông Chương, hai lần đánh thì hai lần Triệu thắng Tần, đánh nhau ở gần Bàn Ngô, hai lần đánh thì hai lần Triệu thắng Tần: Sau bốn trận đánh nhau, Triệu mất vài chục vạn quân. Hàm Đan mới còn, tuy được cái tiếng thắng Tần, nhưng nước đã bị tan nát. Vì sao thế Vì Tần mạnh mà Triệu yếu. Nay nước Tần, nước Sở gả con cho nhau, làm nước anh em. Hàn dâng đất Nghi Dương, Ngụy hiến đất Hà Ngoại, Triệu vào châu ở Dẫn Trì, cắt đất Hạ Gian để thờ Tần. Đại vương không thờ Tần, Tần sẽ xui Hàn, Lương đánh

đất phía Nam của Tề, đem tất cả quân của Triệu vượt sông Thanh Hà, hướng tới Bắc Quan thì Lâm Trì, Tức Mặc sẽ không phải là đất của đại vương nữa. Một khi nước đã bị đánh, dầu đại vương muốn thờ Tần cũng không thể được. Thế cho nên xin đại vương tính việc đó cho kỹ.

Tề Vương nói: -Nước Tề ở xa xôi hẻo lánh trên bể Đông Hải, chưa hề được nghe điều lợi lâu dài của xã tắc.

Bèn nghe lời Trương Nghi.

Trương Nghi đi sang phía Tây, nói với Triệu Vương: -Tần Vương của tề áp sai thần dâng kế ngu muội lên đại vương. Đại vương cầm đầu thiên hạ để bài xích Tần. Quân của Tần không dám ra cửa Hàm Cốc đã mười năm nay. Uy thanh của đại vương lan ra vùng Sơn Đông. Tề áp sợ hãi thế áo giáp, mài binh khí, sắm xe ngựa, tập ruồi ngựa bắn tên, ra sức làm ruộng, tích trữ thóc,

giữ bờ cõi bốn bề, buồn sầu lo sợ không dám ho he, đó là vì đại vương có ý trách lỗi tệ áp sâu sắc Nay với lực lượng của đại vương lại muốn lấy đất Ba, đất Thục, chiếm Hán Trung thôn tính hai Chu, dời chín vạn giữ bên Bạch Mã, Tần tuy ở xa xôi, nhưng trong lòng tức giận nung nấu đã lâu. Nay Tần có binh sĩ mặc áo giáp mới yếu đóng ở Dẫn Trì, vượt sông Hà, qua sông Chương chiếm giữ Bàn Ngô, hội ở dưới Hàm Đan, xin định ngày giáp tí hợp chiếu để sửa lại cái việc của chúa Trụ nhà ân [*Ý nói đánh Triệu. Ngày giáp tí là ngày Vũ Vương đánh và tiêu diệt Trụ.*]. Kính sai thần đến nói trước để tỏ hũu của đại vương biết. Đại vương tin những kẻ theo chước hợp tung là cây có Tô Tần. Tô Tần đánh lừa chư hầu lấy phải làm trái, lấy trái làm phải. Muốn phản nước Tề, lại sai xé xác mình ở chợ. Rõ ràng là thiên hạ không thể thống nhất được. Nay Sở với Tần là nước anh em, mà Hàn, Lương xung thần làm hàng rào phía Đông, Tề dâng đất sản xuất ra cá muối, thế là chặt một cánh tay phải của Triệu. Mất cánh tay phải mà cùng người chiến đấu mất bè cánh, bị cô lập, làm sao khỏi nguy được? Nay Tần đem ba đạo quân: một đạo chặn Ngộ Đạo, bảo Tề cử quân sang dò sông Thanh Hà, đóng ở phía Đông Hàm Đan, một đạo đóng ở Thành Cao, xua quân của Hàn, Lương ra Hà Thủy, một đạo đóng ở Dẫn Trì, ước với bốn nước cùng nhau hợp nhất để đánh Triệu. Triệu hàng phục thì đất của Triệu sẽ bị chia tư. Vì thế cho nên thần không dám giấu ý, ẩn tình, xin nói trước để tỏ hũu của đại vương biết. Thần trộm nghĩ đối với đại vương chẳng gì bằng gặp Tần Vương ở Dẫn Trì, mặt trông thấy nhau và miệng giao kết với nhau, xin đóng quân lại, không đánh nhau. Mong đại vương quyết định kế cho.

Triệu Vương nói: -Thời tiên vương, Phụng Dương Quân chuyên quyền cây thế, che giấu tiên vương, một mình cai quản công việc. Quả nhân ở trong cung, dựa vào các quan Su, Phó, không dự bàn việc nước. Tiên vương mất đi, quả nhân tuổi còn ít, ngày phụng tự còn mới, trong lòng vẫn trộm nghi ngờ về việc ấy cho là theo phe hợp tung không thờ Tần không phải là cái lợi lâu dài cho nước, nên muốn thay lòng đổi ý, cắt đứt tạ lỗi trước để thờ Tần. Đang định ruổi xe đi mau, chợt được nghe lời bảo sáng rõ của sứ giả.

Triệu Vương nghe theo Trương Nghi.

Trương Nghi bèn đi về phía Bắc, đến nước Yên, nói với Yên Chiêu Vương: -Nước mà đại vương thân thiện, không đâu bằng Triệu. Xưa Triệu Tương Tử đã gả chị cho vua nước Đại. Triệu Tương Tử thôn tính nước Đại bèn hẹn với vua nước Đại gặp nhau ở ải Câu Chú. Tương Tử sai thợ làm cái môi múc bằng kim khí có cán dài, có thể dùng để đánh người. Tương Tử cùng vua nước Đại uống rượu ngầm dặn người nhà bếp: "Khi chén đã vui say thì bung ngay canh nóng lên, quay môi múc để đánh nó". Bấy giờ uống rượu vui say, đến lúc dâng canh nóng, nhà bếp bung canh lên, nhân quay

môi đánh vua nước Đại chết. óc ở đầu vua nước Đại thảy nhậy nhựa ra đất. Chị của Trương Tử nghe tin ấy, bèn mài trâm để tự đâm mình, cho nên đến nay có núi tên là Ma Trâm (mài trâm). Chuyện vua nước Đại bị bại vong, thiên hạ ai cũng nghe. Nay Triệu Vương tham lam, tàn bạo, đại vương đã thấy rõ điều đó Vả lại đại vương cho Triệu Vương là đáng thân chăng? Triệu cử quân đánh Yên hai lần vây quốc đô nước Yên để uy hiếp, đại vương cắt mười thành để tạ Triệu. Nay Triệu Vương đã vào châu ở Dẫn Trì, dâng đất Hà Gian để thờ Tần. Nếu đại vương không thờ Tần, Tần sẽ đem quân xuống Vân Trung, Cửu Nguyên, xua quân Triệu để đánh Yên, thì Dịch Thủy, Trường Thành không phải là đất của đại vương nữa. Vả lại ngày nay, Triệu đối với Tần cũng như là quận, huyện của Tần vậy, không dám cử quân can thiệp để đánh. Nay đại vương thờ Tần, Tần Vương tất mừng, Triệu không dám hành động bất. Thế là ở phía Tây đại vương có nước Tần mạnh giúp đỡ, mà ở phía Nam không có tai vạ Tề, Triệu. Vì thế, nên mong đại vương tính toán kỹ điều đó cho.

Yên Vương nói: -Quả nhân là man di ở xa, tuy là người lớn, nhưng chỉ như đứa trẻ con, không có đủ trí khôn để theo một mưu kế gì Nay may được thượng khách chỉ bảo cho xin hướng về phía Tây để thờ Tần, dâng cho Tần năm thành ở cuối núi Hằng Sơn.

Yên Vương nghe Nghi. Nghi về báo, chưa đến Hàm Dương thì Tần Huệ Vương đã chết. Vũ Vương lên ngôi. Vũ Vương từ khi còn là thái tử đã không ưa Trương Nghi. Đến khi lên ngôi, quần thần phần nhiều gièm pha Trương Nghi,

nói: -Chớ tin hấn, hấn chỉ xoay xử bán nước để được người ưa. Nếu Tần còn dùng hấn nữa e làm thiên hạ cười.

Chư hầu biết Trương Nghi thôi không được Vũ Vương dùng, đều bỏ liên hoành, lại hợp tung.

Năm đầu thời Tần Vũ Vương, quần thần ngày đêm ghét Trương Nghi chưa thôi, thì những lời trách móc của Tề lại dồn đến. Trương Nghi sợ bị giết, bèn nói với Tần Vũ Vương: -Nghi có cái kế vụng về, xin hiến đại vương.

Vũ Vương nói: -Thế nào?

Nghi nói: -Muôn mưu tính cho xã tắc nước Tần, thì phương Đông phải có biên cố to, đại vương mới có thể cắt lấy được nhiều đất. Nay nghe nói Tề Vương rất ghét Nghi, Nghi ở đâu, Tề tất cử quân đánh đấy. Cho nên Nghi xin đại vương cho mang cái thân ngu đần này đi sang Lương. Tề thế nào cũng đem quân đánh Lương. Quân của Lương, Tề cầm cự mãi ở dưới thành không dám rời nhau, đại vương nhân dịp ấy đánh Hàn, vào Tam Xuyên, đem quân ra cửa Hàm Cốc, kéo đến kinh đô Chu, không đánh chác gì mà đồ tế tự

của Chu tất phải đem ra. Mượn uy thế thiên tử, cầm những đồ tịch. ấy là vương nghiệp đấy.

Tần Vương lấy làm phải, mới sắp đủ ba mươi cỗ binh xa để đưa Trương Nghi vào Lương. Tề quả nhiên đưa quân đánh Lương. Lương Ai Vương sợ lắm. Trương Nghi nói: -Đại vương chớ lo. Tôi xin bắt Tề bãi binh.

Nghi bèn sai môn hạ là Phùng Hỷ sang Sở, nhân tiện sai ông ta sang Tề, bảo Tề Vương: -Đại vương rất ghét Trương Nghi. Tuy nhiên đại vương giữ Nghi ở Tần cũng là hậu đấy.

Tề Vương nói: -Quả nhân ghét Nghi, Nghi ở đâu ta tất cử binh đánh đấy. Sao lại cho là giữ hẳn?

Sứ giả thưa: -Thế là vương giữ Nghi đấy. Khi Nghi ra đi, vốn đã dặn Tần Vương: "Muốn mưu tính cho nhà vua thì phương Đông phải có biến lớn, nhà vua mới có thể cất lấy được nhiều đất. Nay Tề Vương rất ghét Nghi, Nghi ở đâu tất cử binh đánh đấy. Cho nên Nghi xin cho lại cái thân ngu dân để đi sang Lương. Tề tất cử quân đánh Lương. Quân của Tề, Lương cầm cự nhau mãi ở dưới thành không dám rời nhau. Nhân dịp ấy đại vương đánh Hàn, vào Tam Xuyên, kéo quân ra cửa Hàm Cốc, rồi kéo đến kinh đô nhà Chu, không đánh chắc gì mà đồ tế tự của Chu tất phải đem ra, rồi mượn uy thế thiên tử, cầm những đồ tịch của Chu. ấy là vương nghiệp đấy", Tần Vương lấy làm phải, mới sắp đủ ba mươi cỗ binh xa để đưa Nghi vào Lương. Thế là Lương ở trong, tự làm mọi mệt nước mình, mà ở ngoài đi đánh nước giao hiếu với mình. Mở rộng kẻ thù địch, ở bên láng giềng để tự làm nguy mình, và làm cho Nghi được Tần Vương tin cậy. Thần bảo giữ Nghi.

là thế đấy.

Tề Vương nói: -Phải.

Bèn sai bãi binh. Trương Nghi làm tướng ở nước Ngụy một năm, chết ở nước Ngụy.

2.

Trần Chân là kẻ sĩ du thuyết, cùng với Trương Nghi thờ Tần Huệ Vương đều được quý trọng và tranh nhau được nhà vua yêu. Trương Nghi nói xấu Trần Chân với Tần Vương: -Chân trọng của, khinh sứ giả. Tần, Sở sẽ là hai nước giao hiếu với nhau. Nay Sở không thân thêm với Tần mà lại thân với Chân, thế mà Chân lo cho mình nhiều mà lo cho đại vương thì ít đấy. Và lại Chân muốn bỏ Tần để sang Sở, sao đại vương không cho đi?

Nhà vua bảo Trần Chân: -Ta nghe nói người muốn bỏ Tần sang Sở, việc ấy có không?

Trần Chân nói: -Có

Tần Vương nói: -Lời của Nghi quả đúng thật.

Trần Chân nói: -Không những một Nghi biết mà những kẻ sĩ thi thố học thuyết của mình đều biết việc ấy. Ngày xưa Tử Tư trung với vua mà thiên hạ tranh nhau mời ông ta ra làm quan, Tăng Sâm hiếu với cha mẹ mà thiên hạ xin để làm con. Cho nên bán con hầu mà không phải đưa ra khỏi làng xóm, chứng tỏ là con hầu tốt. Bị chồng bỏ mà lại lấy được chồng ở trong làng xóm là người đàn bà giỏi. Nay nếu Chân bắt trung với vua sao Sở lại cho là trung được? Trung mà lại bị bỏ rơi Chân không đi Sở thì đi đâu?

Nhà vua cho là phải, bèn đãi Chân tử tế. Chân ở Tần được một năm, Tần Huệ Vương vẫn dùng Trương Nghi làm thừa tướng. Cuối cùng Trần Chân chạy sang Sở, Sở chưa trọng dụng Chân, nhưng sai Chân đi sứ sang Tần. Khi đi qua Lương, Chân muốn vào yết kiến Tê Thủ. Tê Thủ từ tạ không tiếp. Chân nói: -Tôi đến là vì có việc muốn hỏi ông. Ông không tiếp Chân. Chân sắp đi, không đợi được.

Ngày khác Tê Thủ tiếp Chân, Chân nói: -Sao ông thích uống rượu thế?

Tê Thủ nói: -Vì không có việc.

Trần Chân nói: -Tôi xin làm cho ông có nhiều việc được không?

Tê Thủ nói: -Thế nào?

Trần Chân nói: -Điền Nhu (tướng quốc nước Ngụy) ước với chư hầu hợp tung, Sở Vương nghi ngờ chưa tin. ông hãy nói với nhà vua: Thân với Yên Vương, Triệu Vương là chỗ quen biết cũ, họ mấy lần sai người đến nói, không có việc gì sao không gặp nhau? Ông nói với Sở Vương xin đi, Sở Vương cho ông đi, ông đừng xin nhiều xe, chỉ lấy ba chệt cỗ bày ra ở trước sân, rồi nói rõ là đi sang Yên, Triệu.

Thuyết khách của Yên, Triệu nghe biết, ruổi xe về báo với vua họ. Yên, Triệu sai người đón Tê Thủ. Sở Vương nghe vậy giận lắm, nói: -Điền Nhu cùng quả nhân giao ước, mà Tê Thủ đi sang Yên, Triệu, thế là Điền Nhu lừa dối ta. Vua Sở không nghe theo việc hợp tung của Nhu. Tê Thủ nghe tin Tê Thủ đi sang miền Bắc, sai người đem công việc ủy thác cho Tê Thủ, Tê Thủ làm

tướng cả ba nước. Công việc đều do Tê Thủ quyết định.

Chân bèn đến Tần. Hàn, Ngụy đánh nhau một năm trời không xong. Tần Huệ Vương muốn cứu họ, hỏi các quan hầu. Có người nói cứu là hơn, có người nói đừng cứu. Huệ Vương chưa quyết định được việc ấy. Chợt Trần Chân đến Tần, Tần Huệ Vương nói: -Người bỏ quả nhân đi sang Sở, vậy có nhớ quả nhân không?

Trần Chân nói: -Đại vương đã nghe chuyện Trang Tích nước Việt rồi chứ?

Vua nói: -Chưa nghe.

Trần Chân nói: -Trang Tích là người Việt làm quan nước Sở đến tước cầm ngọc khuê. Được ít lâu bị bệnh. Sở Vương nói: "Tích là kẻ hèn mọn ở nước Việt, nay làm quan ở nước Sở đến tước cầm ngọc khuê, thật là phú quý, vậy còn nhớ Việt chăng"? Quan Trung tả thừa rằng: "Phàm người ta nhớ nhung thì tất ở lúc có bệnh đau ốm. Hễ nhớ Việt thì nói tiếng Việt, không nhớ Việt thì nói tiếng Sở". Sai người đến nghe thì ông ta vẫn còn chuộng tiếng Việt. Nay thần tuy bị bỏ đui sang Sở, há không nói được tiếng Tần sao?

Huệ Vương bảo: -Phải. Nay Hàn, Ngụy đánh nhau một năm không xong, có người bảo quả nhân cứu họ là hơn, có người bảo đừng cứu họ. Quả nhân không quyết định được, mong người ngoài việc vì vua của người, còn vì quả nhân mưu tính việc ấy.

Trần Chân nói: -Đã có ai đem chuyện Biện Trang Tử đâm hổ nói với đại vương chưa? Biện Trang muốn đâm hổ, đưa trẻ ở quán trọ ngăn nói rằng: "Hai con hổ sắp ăn thịt con trâu, ăn ngon miệng thế nào chúng cũng tranh nhau, tranh nhau thì phải đánh nhau. Khi đánh nhau thì con hổ lớn bị thương, con hổ nhỏ chết. Nhắm con bị thương mà đâm thì làm một việc mà được cả hai". Biện Trang Tử cho là phải, đứng chờ. Được một lát hai con hổ quả đánh nhau thật, con lớn bị thương, con nhỏ chết, Biện Trang Tử nhắm con bị thương mà đâm, làm một việc mà quả được cả hai con hổ. Nay Hàn, Ngụy đánh nhau một năm trời không xong, thế nào nước lớn cũng bị thương, nước nhỏ cũng bị mất. Nhắm nước bị thương mà đánh, làm một mà được hai, cũng như chuyện Biện Trang Tử đâm hổ vậy. Vua của thần cũng như đại vương chẳng lo việc gì khác.

Huệ Vương nói: -Phải

Rồi không cứu ai, nước lớn quả bị thương, nước nhỏ bị mất. Tần dấy quân đánh được nước lớn. Đó là mưu kế của Trần Chân.

3.

Tê Thủ (tên quan nước Ngụy) là người đất âm Tần nước Ngụy, tên là Diễn, họ là Công Tôn, Tê Thủ không chơi với Trương Nghi. Trương Nghi vì Tần sang Ngụy, Ngụy Vương dùng Trương Nghi làm tướng quốc. Tê Thủ bực bội sai người báo Hàn Công Thúc: -Trương Nghi đã làm cho Tần, Ngụy giao hiếu với nhau. Hấn nói rằng: "Ngụy đánh Nam Dương, Tần đánh Tam Xuyên". Ngụy Vương sở dĩ quý Trương Nghi là vì muốn được đất của Hàn và muốn lấy Nam Dương. Tại sao ông không mời ông Công Tôn Diễn đến cho ông ta làm quan to? Nếu làm thế thì có thể cản trở được sự giao hiếu của Tần và Ngụy. Ngụy tất lo đánh Tần mà bỏ Nghi, thu nạp Hàn mà dùng Diễn làm tướng quốc.

Công Thúc cho là tiện, nhân giao đất của Hàn cho Tê Thủ để làm công. Quả nhiên Diễn làm tướng quốc nước Ngụy.

Trương Nghi đi. Vua nước Nghĩa Cừ sang triều nước Ngụy. Tê Thủ nghe tin Trương Nghi lại làm thừa tướng nước Tần, ghét Nghi, bèn nói với vua nước Nghĩa Cừ: -Đường xa sau này lại không được gặp nhau nữa. Xin bày tỏ sự tình.

Rồi nói: -Các nước ở Sơn Đông không làm gì thì Tần được dịp đốt phá, cướp bóc đất nước ngài. Nếu các nước đánh Tần, Tần sẽ nhẹ phần sứ giả, nặng phần lễ vật để phụng sự nước ngài.

Đến sau, năm trước đánh Tần, Trần Chấn báo Tần Vương: -Vua nước Nghĩa Cừ là vua hiền trong các nước Man Di. Chẳng bằng dứt lốt họ để làm yên tâm họ.

Tần Vương nói: -Phải.

Bèn lấy nghìn tấm gấm thêu, trăm người đàn bà đưa cho vua nước Nghĩa Cừ. Vua nước Nghĩa Cừ mời quần thần đến bàn: -Công Tôn Diễn nói là thế chẳng [*Ý Diễn nói Tần chẳng thương gì vua nước Nghĩa Cừ muốn được yên ổn thì chỉ có một cách là đánh Tần thôi.*]?

Bèn cử quân đánh úp Tần, quân Tần bị thua to ở gần ấp Lý Bá. sau khi Trương Nghi chết, Tê Thủ vào làm tướng nước Tần, có lần đã mang ấn tướng quốc năm nước làm ước trưởng.

4.

Thái sử công nói: Đất Tam Tấn có nhiều kẻ sĩ quyền biến. Những kẻ chủ trương hợp tung, liên hoành để làm cho Tấn mạnh, nói chung đều là người của Tam Tấn. Việc làm của Trương Nghi tệ hại hơn việc làm của Tô Tần. Song người đời ghét Tô Tần, vì Tô Tần chết trước, Nghi lại nêu bày chỗ kém của Tô Tần để bênh vực cái thuyết của mình, làm cho thuyết liên hoành của mình thành công. Tóm lại, cả hai người ấy đều là những kẻ gian trá nguy hiểm làm sao!

[22]

MẠNH TỬ, TUÂN KHANH liệt truyện

- [1. Lời bàn](#)
- [2. Mạnh Tử](#)
- [3. Thuần Vu Khôn](#)
- [4. Thân Đáo](#)
- [5. Trâu Thích](#)
- [6. Tuân Khanh](#)
- [7. Công Tôn Long](#)
- [8. Lý Khôi](#)
- [9. Mặc Dịch](#)

1. Lời bàn

Thái Sử Công nói: -Tôi đọc sách Mạnh Tử đến chỗ Huệ Vương nước Lương hỏi, "Lấy gì làm lợi cho nước tôi", không lúc nào không bỏ sách mà than: Than ôi! Lợi quả thực là đầu mối loạn vậy! Khổng Tử ít nói "lợi" là thường đề phòng cái gốc của "loạn". Cho nên nói "theo lợi mà làm thì nhiều sự oán". Từ thiên tử đến người thường, cái tệ tham lợi có khác gì nhau!

2. Mạnh Tử

Mạnh Kha, người huyện Trâu, thụ nghiệp ở học trò của Tử Tư. Khi đã thông đạo lý, Mạnh Kha sang thờ Tề Tuyên Vương. Tề Tuyên Vương không biết dùng, ông đi sang Lương. Lương Huệ Vương cũng do dự, thấy những lời Mạnh Kha nói, cho là viễn vông không sát sự tình. Lúc bấy giờ Tần dùng Thương Quân mà nước giàu binh mạnh, Sở, Ngụy dùng Ngô Khởi mà đánh thắng làm yếu địch, Tề Uy Vương, Tề Tuyên Vương dùng bọn Tôn Tử, Điền Kỵ mà chú hầu hướng về đông châu Tề. Thiên hạ đang lo hợp tung, liên hoành, lấy việc đánh nhau làm giới. Thế mà Mạnh Kha lại nói đạo đức của các đời Đường, Ngu, Tam Đại. Vì thế, ông đi đến đâu cũng không được vùa ý. Ông lui về cùng bọn Vạn Chương xếp đặt thứ tự trong Kinh Thi, Kinh Thư, thuật cái ý của Trọng Ni, làm ra bảy thiên sách Mạnh Tử.

Sau Mạnh Kha có bọn Trâu Tử, Tề có ba Trâu Tử. Trước tiên có Trâu Kỵ lấy việc đánh đàn cầm can Uy Vương, nhân đây được dự chính sự, phong làm Thành Hầu mà nhận ấn tướng quốc. Ông ta sống trước Mạnh Tử. Thứ đến Trâu Diễn, sống sau Mạnh Tử. Trâu Diễn thấy những vị vua các nước càng hoang dâm, xa xỉ, không hay chuộng đức như các bậc đại hiền, trước sửa đức ở thân mình, rồi sau ban bố đức ấy đến kẻ dân hèn. Trâu Diễn bèn xem xét kỹ sự tiêu diệt, sinh trưởng của âm dương mà viết ra việc biến chuyển lạ lùng, viễn vông. Đầu đuôi thiên Đại Thánh hơn mười vạn chữ, lời lẽ mông mênh rộng lớn không giống lời thường thấy. Phải trước nghiệm vật nhỏ rồi cứ suy rộng ra đến chỗ vô bờ bến. Trước kể từ đời này rồi đi ngược lên đến thời Hoàng Đế. Các học giả cũng theo đại thể và đời thịnh suy, rồi nhân thế chép những điều lành điều dữ, và các chế độ, suy xa ra đến khi trời đất chưa sinh, mờ mịt không thể khảo cứu mà xét đến cùng được. Trước tiên ông ta kể những danh sơn, rộng lớn, hang hốc, cầm thú, các sản vật quý do các thủy thổ sinh ra ở Trung quốc. Nhân thế, ông ta suy ra đến những cái ở ngoài bể, mà người ta không trông thấy được.

Trâu Diễn nói: -Từ khi khai thiên lập địa đến giờ, năm đức chuyển vận, việc chính trị mỗi thời mỗi khác nhưng đều phù hợp với sự chuyển vận ấy.

Cái mà bọn nhà nho gọi là Trung quốc, chỉ chiếm 1/81 của thiên hạ. Trung quốc tên là Xích Huyện Thần Châu. Bản thân Xích Huyện thần châu có 9 châu. Nhưng 9 châu của vua Vũ không được kể vào số châu này. Ngoài Trung quốc có 9 chỗ như Xích Huyện Thần Châu, tức là Cửu Châu. Rồi ở ngoài Cửu Châu ấy lại có bể nhỏ bao quanh, nhân dân cầm thú không thể giao thông với nhau như ở trong một khu, thế mới là một châu. Có 9 châu như thế lại có bể cả bao bọc ở ngoài là chỗ trời đất giáp nhau. Học thuật của ông đều đại loại như thế. Song tóm lại, đều cốt ở nhân, nghĩa, tiết kiệm, những điều thi hành ở giữa vua tôi trên dưới, sáu bậc thân, đây mới là bắt

đầu thôi.

Các bậc Vương công, đại nhân, thoát tiên thấy thuyết của ông ta đều kính sợ lo lắng muốn thay đổi theo, nhưng sau không thể làm được. Vì thế Trâu Tử được trọng ở nước Tề.

Trâu Tử đến nước Lương, Lương Huệ Vương ra tận ngoài đồng đón, giữ lễ khách chủ. Trâu Tử đến nước Triệu, Bình Nguyên Quân đi nghiêng người, áo quệt chiếu. Trâu Tử sang nước Yên, Chiêu Vương cầm chổi quét đất đi trước, xin ngồi vào chỗ các đệ tử để thụ nghiệp, dựng cung Kê Thạch, thân hành thờ Trâu Tử làm thầy. Trâu Tử làm ra thiên Chủ Vận. Trâu Tử đi chơi các nước chư hầu được tôn kính như thế, đâu giống như Trọng Ni bị đói ở nước Trần, nước Thái, Mạnh Kha bị khốn ở nước Tề, nước Lương? Cho nên Vũ Vương lấy nhân nghĩa đánh Trụ mà nên nghiệp vương, Bá Di đói không ăn thóc nhà Chu, Vệ Linh Công hỏi việc chiến trận mà Khổng Tử không đáp, Lương Huệ Vương mưu đánh Triệu, Mạnh Kha nói việc Thái Vương bỏ đất Mân. Họ đâu phải chỉ biết a dua theo đời. Cầm cái cốt vuông muốn tra vào cái lỗ tròn, thì lọt sao được? Có người nói Y Doãn đội vạc mà giúp vua Thang, lập được nghiệp vương, Bách Lý Hề cho trâu ăn ở dưới xe mà giúp Mục Công nên nghiệp bá. Trước được hợp ý rồi sau mới đưa các vua ấy đến đạo lớn. Trâu Diễn nói tuy không theo khuôn phép, nhưng nếu đem dùng cũng có cái ý như đem vạc nấu trâu mà nấu gà chăng?

Trâu Diễn cùng các thầy ở dưới núi Tắc Môn nước Tề như bọn Thuần Vu Khôn, Thận Đáo, Hoàn Uyên, Tiếp Tử, Điền Biên, Trâu Thích đều làm sách nói việc trị loạn để cầu hợp ý các vua đương thời, nào có thể kể hết được!

3. Thuần Vu Khôn

Thuần Vu Khôn, người nước Tề, nghe rộng, nhớ nhiều, học không chuyên chú vào cái gì. Về việc can gián và du thuyết, Khôn hâm mộ tư cách của Án Anh, nhưng lại cốt ở chỗ đón ý nhà vua, nhìn xem sắc mặt. Có người khách đưa Khôn vào yết kiến Lương Huệ Vương. Huệ Vương đuổi các người tả hữu ra, ngồi một mình để tiếp kiến Khôn. Lần thứ hai, Khôn vẫn không nói gì. Huệ Vương lấy làm lạ, trách người khách: -Người khen Quán Trọng, Án Anh không bằng Thuần Vu tiên sinh. Nhưng lúc yết kiến quả nhân, quả nhân vẫn không được nghe gì. Có lẽ nào quả nhân không đáng để ông ta nói chuyện ư? Tại sao thế?

Người khách nói lại với Khôn. Khôn nói: -Đúng thế! Tôi lần trước yết kiến nhà vua, thấy nhà vua đang nghĩ đến việc rong ruổi, lần sau lại yết kiến, thấy nhà vua để ý đến thanh âm. Vì thế, tôi im lặng không nói gì.

Người khách về báo lại đầu đuôi với Huệ Vương. Nhà vua cả sợ, nói: -Ồi! Thuần Vu tiên sinh thật là thánh nhân vậy! Lần trước Thuần Vu tiên sinh đến thì có người dâng ta con ngựa hay, ta chưa kịp coi thì gặp tiên sinh đến. Lần sau, có người dâng ta người hát hay, ta chưa kịp thử cũng lại gặp tiên sinh đến. Quả nhân tuy đã đuổi người chung quanh ra ngoài, song lòng riêng quả thực đang nghĩ đến những cái đó.

Sau đó Thuần Vu Khôn lại đến yết kiến, nói chuyện suốt ba ngày ba đêm không mỏi. Huệ Vương muốn cho Khôn làm địa vị khanh tướng, Khôn bèn từ tạ để đi. Bấy giờ Huệ Vương lấy xe êm, thặng bốn ngựa, bó lúa, thêm ngọc bích và một trăm nén vàng tiễn Khôn. Khôn suốt đời không ra làm quan.

4. Thận Đáo

Thận Đáo là người nước Triệu. Điền Biên, Tiếp Tử là người nước Tề. Hoàn Uyên là người nước Sở, đều theo học thuyết về đạo đức của hoàng đế, Lão Tử, nhân mở rộng ra, xếp đặt ý nghĩa có thứ tự. Cho nên Thận Đáo làm Thập Nhị Luận, Hoàn Uyên làm Thượng Hạ Thiên, còn Điền Biên, Tiếp Tử đều có lời bàn luận.

5. Trâu Thích

Trâu Thích là người trong bọn môn đồ Trâu Diễn nước Tề, cũng chọn lọc lấy nhiều điều trong học thuật của Trâu Diễn để chép thành văn. Vì thế, Tề Vương khen ngợi Thích. Từ hạng Thuần Vu Khôn trở xuống đều được gọi là "Liệt đại phu". Nhà vua sai làm cho toà nhà ở chỗ đường ngã năm ngã sáu có cửa cao nhà lớn, tỏ sự tôn trọng yêu quý, đón tiếp các tân khách của chư hầu trong thiên hạ để nói rằng nước Tề mời được các hiền sĩ trong thiên hạ.

6. Tuân Khanh

Tuân Khanh người nước Triệu, năm mười tuổi mới đi học ở nước Tề. Học thuyết của Trâu Diễn thì vu khoát, huênh hoang, chỉ nói suông. Trâu Thích thì văn hoa đầy đủ nhưng khó thi hành. Thuần Vu Khôn thì ở lâu mới có được điều hay. Cho nên người Tề có câu ca, "Nói trời nói đất là Diễn, vẽ rồng vẽ phượng là Thích, hơ bầu dầu xe [*Bầu đựng dầu của xe tuy hết dầu, nhưng hơ nóng thì còn có dầu chảy ra. Ý nói Thuần Vu Khôn có nhiều trí thức khó mà hết được.*] là Khôn". Bọn Điền Biên đều đã chết trong thời Tề Tuyên Vương. Tuân Khanh là bậc thầy già nhất. Nước Tề tôn kính là "Liệt đại phu", và Khanh ba lần làm tế tửu. Có người Tề gièm Tuân Khanh. Tuân Khanh bèn sang Sở. Xuân Thân Quân cho Tuân Khanh làm huyện lệnh Lan Lăng. Xuân Thân Quân chết rồi, Tuân Khanh lui về, nhân làm nhà ở Lan Lăng. Lý Tư có lần đến theo học và sau làm thừa tướng nước Tần.

Tuân Khanh ghét chính sự thời dơ đục, nước mất, vua hồng luôn luôn nói nhau. Các vua không theo được đạo lớn mà lo cúng tế, bói toán, tin điều may, điều rủi. Bọn nho bỉ lậu, câu nệ, nhỏ nhen như bọn Trang Chu lại dùng lối khô hài làm rối loạn phong tục. Tuân Khanh bèn xét những hành vi đạo đức của đạo Nho, đạo Mặc, xét nguồn gốc của việc hưng thịnh, bại vong, liệt thành thứ tự, làm ra sách vài vạn chữ, rồi chết, chôn ở huyện Lan Lăng.

7. Công Tôn Long

Ở nước Triệu cũng có Công Tôn Long chủ trương thuyết "cứng" và "trắng" giống nhau và khác nhau và có lời nói của Kịch Tử.

8. Lý Khôi

Ở nước Ngụy có thuyết của Lý Khôi về việc dùng hết cái sức của đất. Ở nước Sở có sách Thi Tử, Trường Lô. Ở Châu A nước Tề có sách Hu Tử. Từ Mạnh Tử đến Hu Tử, đời có nhiều sách, cho nên không bàn chuyện của những người ấy.

9. Mặc Địch

Mặc Địch là đại phu nước Tống, giỏi việc chống giữ, chủ trương tiết kiệm trong việc dùng. Có người bảo Mặc Địch đồng thời với Khổng Tử. Có người bảo sống sau Khổng Tử [*Tư Mã Thiên rất chú trọng đến những nhà tư tưởng gia. Không những ông dành một thiên cho Khổng Tử, mà còn nói đến tất cả các nhà tư tưởng của Trung quốc cổ. Ngoài những thiên nói về Khổng Tử, Lão Tử, ..., tác giả còn viết thiên Trọng Ni đệ tử truyện, nói về các học trò của Khổng Tử như Tử Du, Tử Hạ, Nhan Hôi, ... và thiên Nho Lâm liệt truyện nói về các nhà Nho đời Tần và đời Hán.*].

[23]

BÌNH NGUYỄN QUÂN, NGU KHANH liệt truyện

[Bình Nguyễn Quân](#)

[1](#), [2](#), [3](#), [4](#)

[Ngu Khanh](#)

[1](#), [2](#), [3](#), [4](#)

[Lời bàn](#)

Bình Nguyên Quân

1.

Bình Nguyên Quân Triệu Thắng là công tử nước Triệu. Trong hàng công tử, Thắng là người hiền hơn cả. Thắng thích tân khách, tân khách đến độ mấy nghìn người. Bình Nguyên Quân làm tể tướng cho Triệu Huệ Văn Vương và Hiếu Thành Vương, ba lần thôi không làm tể tướng, ba lần trở lại địa vị, được phong ở Đông Vũ Thành.

Lầu nhà Bình Nguyên Quân nhìn xuống nhà dân. Nhà dân có người què khập khiễng ra múc nước. Mỹ nhân của Bình Nguyên Quân ở trên lầu trông thấy thế cười rộ. Hôm sau, người què đến cửa nhà Bình Nguyên Quân, nói: - Tôi nghe nói ngài yêu kẻ sĩ, sở dĩ kẻ sĩ không ngại xa ngàn dặm mà đến là vì ngài biết quý kẻ sĩ mà khinh thường bọn tỳ thiếp. Tôi không may bị tàn tật, thế mà hậu cung của ngài lại cười. Tôi xin cái đầu con người đã cười chế nhạo tôi.

Bình Nguyên Quân cười đáp: - Vâng.

Người què ra đi. Bình Nguyên Quân cười mà rằng: - Thằng kia lại muốn lấy cơ một nụ cười mà đòi giết mỹ nhân của ta, thật là quá đáng!

Rốt cuộc, Bình Nguyên Quân không giết.

Được hơn một năm, tân khách, môn hạ, xá nhân dần dần bỏ đi quá nửa. Bình Nguyên Quân lấy làm lạ, nói: - Thắng đối đãi các vị chưa hề dám thất lễ. Tại sao nhiều người lại bỏ đi như thế?

Một người môn hạ bước ra, nói: - Vì ngài không giết mỹ nhân đã cười chế nhạo con người què kia, vì ngài yêu sắc đẹp mà khinh thường kẻ sĩ cho nên kẻ sĩ bỏ đi đó thôi.

Bình Nguyên Quân bèn chém đầu mỹ nhân đã cười chế nhạo người què, đoạn thân hành đến nhà người què tạ lỗi. Sau đó, các môn hạ dần dần trở lại.

Thời bấy giờ ở nước Tề có Mạnh Thường Quân, ở nước Ngụy có Tín Lăng Quân, ở nước Sở có Xuân Thân Quân đều ra sức đua nhau về mặt tiếp đãi kẻ sĩ.

2.

Quân Tần vây Hàm Đan (Năm -260 - tướng Tần Bạch Khởi đánh thắng quân Triệu ở Trường Bình. Năm -258, vây hãm thủ đô của Triệu là Hàm Đan). Vua Triệu sai Bình Nguyên Quân đi cầu cứu, tôn Sở làm minh chủ, hợp tung đánh Tần. Bình Nguyên Quân định đem hai mươi người thực khách, môn hạ có dũng lực và đủ tài văn võ để cùng đi. Bình Nguyên Quân nói: - Nếu dùng văn mà xong xuôi thì tốt. Dùng văn không xong thì bất luận thể nào cũng phải uống máu ăn thề ở nơi miếu đường, phải định xong hợp

tung rồi mới về [(1) *Ý nói dùng cách thương thuyết êm đềm mà xong xuôi thì tốt nhất, nếu không, phải dùng võ lực mà ép buộc đối phương, chính vì vậy nên Bình Nguyên Quân mới mang theo người giỏi cả văn lẫn võ.*]. Không tìm kẻ sĩ ở ngoài, chỉ lấy trong số thực khách, môn hạ cũng đủ.

Bình Nguyên Quân chỉ chọn được mười chín người, còn ra không đáng lấy, nên không làm sao đủ con số hai mươi. Có người môn hạ là Mao Toại bước ra, tự tiến cử mình với Bình Nguyên Quân: -Toại nghe nói ngài sắp họp tung với Sở, định cùng đi với hai chục người thực khách môn hạ mà không tìm ở ngoài. Nay còn thiếu một người, vậy xin ngài lấy ngay Toại này cho đủ số mà đi.

Bình Nguyên Quân nói: - Tiên sinh làm môn hạ ở nhà Thằng đến nay đã mấy năm rồi?

Mao Toại đáp: - Đến nay đã ba năm.

Bình Nguyên Quân nói: - Phàm kẻ sĩ tài giỏi ở trên đời, cũng như cái dùi ở trong túi, mũi dùi phải lòi ngay ra chứ! Tiên sinh ở nhà Thằng đến nay đã ba năm, xung quanh không thấy ai khen ngợi, tiến cử, Thằng vẫn chưa nghe gì, thế tức là tiên sinh không có tài năng, tiên sinh không đi được đâu, tiên sinh ở lại thôi [*Lặp lại mấy lần chữ tiên sinh để tỏ ý mỉa mai và kiên quyết cự tuyệt.*]. Mao Toại nói: -Tôi mãi hôm nay mới xin vào ở trong túi đấy thôi [*Ý nói từ trước đến nay chưa muốn trở tài.*]. Nếu Toại tôi sớm ở trong túi thì tất cả cái dùi đều lộ ra ngoài, chứ thềm để lộ cái mũi dùi mà thôi đâu.

Bình Nguyên Quân bèn cùng Toại ra đi. Mười chín người kia đưa mắt nhìn tỏ ý cười Toại, nhưng không nói ra.

Khi đến nước Sở, Mao Toại cùng mười chín người kia bàn bạc. Cả mười chín người đều phục.

Bình Nguyên Quân bàn với nước Sở về việc họp tung, nói sự lợi hại như thế nào, suốt từ khi mặt trời mọc cho đến lúc đứng bóng vẫn chưa vào đâu. Mười chín người bảo Mao Toại: - Ông lên đi.

Mao Toại chống kiếm thoăn thoắt bước lên các bậc thềm, bảo Bình Nguyên Quân: - Việc họp tung lợi hay hại thì chỉ hai tiếng là đủ quyết định. Nay ngài bàn việc họp tung từ lúc mặt trời mọc, đến khi mặt trời đứng bóng còn chưa xong là có làm sao?

Vua Sở hỏi Bình Nguyên Quân: - Khách làm gì thế?

Bình Nguyên Quân nói: - Đó là xá nhân của Thằng đấy.

Vua Sở quát: - Xuống ngay đi! Ta nói chuyện với chủ nhà ngươi, nhà ngươi làm cái trò gì thế?

Mao Toại chống kiếm tiến lên: -Nhà vua sở dĩ quát mắng Toại là vì nhà vua cho rằng nước Sở đông người, nay trong vòng mười bước thì nhà vua không thể cạy vào chỗ nước Sở đông người được. Tính mạng của nhà vua

đang nằm trong tay Toại. Chủ tôi ngồi đây, tại sao lại nhểch máng tôi? Vả chẳng Toại nghe: vua Thang chỉ có bảy mươi dặm đất mà làm vương thiên hạ, vua Văn Vương chỉ có một trăm dặm đất mà chư hầu thần phục. Họ được như vậy đâu phải vì binh sĩ họ đông? Trái lại đó chẳng qua vì họ khéo giữ lấy thế, nhờ đó trở cái oai của họ mà thôi. Nay nước Sở đất vuông năm ngàn dặm, kẻ cầm kích một trăm vạn người, đó là chỗ dựa để dựng lên cơ nghiệp bá vương. Nước Sở mạnh như vậy, thiên hạ ai địch nổi. Bạch Khởi chẳng qua chỉ là một thằng nhãi mà thôi, nhưng hắn đem mấy vạn quân gây chiến với Sở, đánh một trận thì lấy được đất Yển, đất Sính, đánh hai trận đốt cháy Di Lăng, đánh ba trận làm nhục đến tiên nhân nhà vua [*Mao Toại nhắc lại chuyện cũ, việc thứ nhất xảy ra năm 279 trước công nguyên. Năm 279, tướng Tần Bạch Khởi đánh lấy hai quận Yển, Sính của Sở, năm 278 trước công nguyên, Bạch Khởi đốt Di Lăng là nơi có lăng tẩm của các vua nước Sở. Nước Sở phải dời đô đến đất Trần. Đoạn này nói Mao Toại giỏi cả văn lẫn võ.*]. Đó là cái oán trăm đời, nước Triệu còn lấy thế làm xấu hổ, thế mà nhà vua không biết xấu. Kế hợp tung là vì lợi ích của nước Sở chứ đâu phải vì lợi ích của nước Triệu. Chủ tôi ngồi đây mà quát máng tôi là lại làm sao?

Vua Sở nói: - Vâng, vâng! Quả thật đúng như lời tiên sinh dạy. Tôi xin đem nước nhà theo kế hợp tung.

Mao Toại nói: - Việc hợp tung đã quyết định chưa?

Vua Sở nói: - Quyết định rồi.

Mao Toại bảo những người hầu cận vua Sở: - Lấy máu gà, chó, ngựa đem lại đây!

Mao Toại bưng chiếc mâm đồng, quỳ dâng vua Sở, nói: - Xin nhà vua uống máu định việc hợp tung, rồi đến chủ tôi, sau nữa đến Toại!

Bèn định việc hợp tung ở ngay trên điện [*Đoạn này để đáp ứng câu nói của Bình Nguyên Quân, "nếu dùng văn không được thì phải dùng võ lực. Nhất thiết phải hợp tung ở ngay trên điện mới nghe"*]. Mao Toại tay trái bưng mâm huyết, tay phải vẫy mười chín người kia, nói: - Các anh đem huyết này uống với nhau ở dưới thềm, các anh xoàng lắm, thật là nhờ người ta mà nên việc vậy.

Khi định hợp tung xong, về đến nước Triệu, Bình Nguyên Quân nói: - Thảng từ nay không dám xem xét kẻ sĩ nữa. Thảng xem xét kẻ sĩ, nhiều kẻ có nghìn người, ít ra cũng có vài trăm, đã tự cho là mình không bỏ sót nhân tài trong thiên hạ, thế mà nay bỏ sót Mao tiên sinh đây. Mao tiên sinh đến Sở một phen, làm cho thanh thế nước Triệu được tôn trọng hơn chín vạn, hơn chuông Đại Lữ [*Chín vạn của vua Hạ Vũ đúc. Đại Lữ là cái chuông lớn đời nhà Chu, hai vật này đều là những vật quý.*]. Ba tác lữ của Mao tiên sinh mạnh hơn đạo quân trăm vạn. Thảng này không dám xem xét kẻ sĩ nữa.

Bèn tôn Toại làm thượng khách.

3.

Sau khi Bình Nguyên Quân về Triệu, vua Sở sai Xuân Thân Quân đến cứu Triệu. Tín Lãng Quân cũng giả mệnh vua Ngụy dành lấy quân của Tấn Bĩ đến cứu Triệu [*Xem Tín Lãng Quân liệt truyện.*]. Nhưng đều chưa đến. Quân Tần vây Hàm Đan gấp. Hàm Đan nguy ngập sắp đầu hàng. Bình Nguyên Quân rất lo lắng.

Con người coi trạm ở Hàm Đan là Lý Đồng nói với Bình Nguyên Quân:
- Ngài không lo nước Triệu mất hay sao?

Bình Nguyên Quân nói: - Nước Triệu mất thì Thảng bị bắt làm tù, không lo sao được?

Lý Đồng nói: - Dân thành Hàm Đan lấy xương người chết mà nấu củi, đổi con cho nhau để ăn, tình thế nguy ngập lắm rồi, thế mà hậu cung của ngài có đến hàng trăm người, tỳ thiếp thì mặc lụa là, gạo thịt thì thừa mứa. Trái lại dân áo ngắn không được lành, tấm cám không có đủ mà ăn. Dân nguy khốn, binh khí hết, có người đeo gổ làm đao, làm tên. Trái lại, đồ dùng chuông khánh của ngài vẫn như xưa. Nếu Tần phá nước Triệu thì ngài làm sao có được những đồ ấy? Nếu nước Triệu còn, ngài lo gì không có? Nay ngài có thể khiến từ phu nhân trở xuống đều ghi tên vào hàng ngũ sĩ tốt, chia việc mà làm, đem tất cả của cải trong nhà ra phân tán để nuôi quân sĩ. Quân sĩ đang trong lúc nguy khốn thì họ dễ cảm thấy ân đức của ngài.

Bình Nguyên Quân nghe theo, kết quả có ba nghìn người cảm tử. Lý Đồng bèn cùng ba nghìn người xông vào đánh quân Tần. Quân Tần vì vậy phải lui ba mươi dặm. Lại gặp lúc cứu binh của nước Sở, nước Ngụy đến, quân Tần bèn rút lui. Hàm Đan được bảo toàn, Lý Đồng chết trận, người cha được phong làm Lý Hầu.

4.

Ngu Khanh muốn xin vua Triệu phong thêm đất cho Bình Nguyên Quân, vì Bình Nguyên Quân đã cầu được Tín Lãng Quân đến cứu thành Hàm Đan [*Xem Tín Lãng Quân liệt truyện.*].

Công Tôn Long nghe vậy đang đêm đi xe ngựa đến yết kiến Bình Nguyên Quân, nói: - Long tôi nghe nói Ngu Khanh muốn xin phong thêm đất cho ngài, vì có Tín Lãng Quân đã cứu được thành Hàm Đan, điều đó có hay không?

Bình Nguyên Quân nói: - Có.

Long nói: - Việc này rất không nên. Nhà vua cho ngài làm tể tướng nước Triệu, không phải vì trong nước Triệu không có ai tài năng và mưu trí như

ngài. Nhà vua cắt đất Đông Vũ Thành để phong cho ngài, không phải vì ngài có công, còn người trong nước thì không có công, mà chỉ vì ngài là thân thích đó thôi. Ngài sờ dĩ nhận ấn tể tướng không từ chối vì có mình bất tài, được cắt đất không từ chối vì có mình không có công, đó cũng vì ngài tự cho mình là thân thích. Nay nếu nhân việc cầu được Tín Lăng Quân cứu Hàm Đan mà xin đất phong, thế tức là ngài một mặt được phong ấp vì có là thân thích, lại một mặt kể công để được phong như mọi người thường trong nước, thực là không hợp lý chút nào. Và chẳng Ngu Khanh nắm cả hai mặt. Nếu việc thành thì ông ta nắm cái khế đòi nợ ấy để đòi ngài báo ơn, nếu việc không thành thì ông ta vẫn được cái hư danh khiến ngài phải chịu ơn ông ta. Ngài nhất định đừng nghe.

Bình Nguyên Quân bèn không nghe lời Ngu Khanh.

Bình Nguyên Quân chết năm thứ mười lăm đời Hiếu Thành Vương nước Triệu (-251 trước công nguyên). Con cháu nối đời đời, mãi đến khi nước Triệu mất mới hết. Bình Nguyên Quân hậu đãi Công Tôn Long. Công Tôn Long giỏi lối bàn kiện, bạch (cứng, trắng). [*Công Tôn Long là một nhà "danh gia", cốt phân tích rõ danh nghĩa. Trong thiên "Kiên Bạch" ở sách Công Tôn Long tử có nói: Kiên (cứng), bạch (trắng), thạch (đá), cho là ba có được không? - Không được. Cho là hai có được không? - Được. Nghĩa là: mắt xem đá thấy trắng mà thôi, không biết nó cứng thì gọi là đá trắng, tay sờ đá thì biết là nó cứng mà không biết là nó trắng nên bảo là đá cứng vậy. Kiên (cứng), bạch (trắng), không thể hợp làm một được. Lý luận của ông nhằm mục đích rút ra những khái niệm trừu tượng từ thực tế và chứng minh những khái niệm này độc lập đối với nhau, "con ngựa trắng" và "con ngựa nói chung" là hai khái niệm khác nhau, cho nên con ngựa trắng không phải là con ngựa. Cũng vậy, khái niệm "người thân thích của nhà vua" và "khái niệm người dân thường" khác nhau, cho nên không thể dùng cách khen thưởng như nhau. Lập luận của ông rất gần lập luận phái Ngụy biện ở Hy Lạp.] Đến khi Trâu Diễn [*Trâu Diễn người nước Tề nói với Bình Nguyên Quân cho rằng cái thuyết của Công Tôn Long là ngụy biện, chỉ khiến người ta mê hoặc, đã vô ích lại hại đến đạo lớn.*] sang Triệu nói đạo lớn, Bình Nguyên Quân bèn truất Công Tôn Long.*

Ngu Khanh

1.

Ngu Khanh là một kẻ sĩ du thuyết. Ngu Khanh mang dép mo, áo toi đến du thuyết Hiếu Thành Vương nước Triệu. Ngu Khanh yết kiến lần thứ nhất được nhà vua cho trăm dật vàng [*Một dật là 20 lạng, 100 dật là 2000 lạng.*], một đôi ngọc bạch bích. Ngu Khanh yết kiến lần thứ hai được làm thượng khanh [*Một địa vị tương đương với tể tướng.*] nước Triệu, cho nên hiệu là Ngu Khanh. Nước Tần và nước Triệu đánh nhau ở Trường Bình [*Xem Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện.*], nước Triệu không thắng, mất một đô úy. Vua Triệu cho mời Lâu Xương và Ngu Khanh vào nói: - Quân đánh không thắng, đô úy lại chết, bây giờ quả nhân có nên sai quân cuốn giáp xông vào quân địch [*Ý nói quyết liều chết đánh địch.*] không?

Lâu Xương nói: - Vô ích, không bằng sai đại sứ đi cầu hoà.

Ngu Khanh nói: - Ông Xương sở dĩ nói cầu hoà, vì cho rằng nếu không cầu hoà thế nào quân cũng thua to. Nhưng việc muốn hoà hay không là tùy ở nước Tần. Bây giờ nhà vua hãy nhìn tình thế nước Tần xem nó có muốn đánh bại quân Triệu không?

Nhà vua nói: - Nước Tần đã dốc toàn lực, nhất định nó chỉ muốn đánh bại quân Triệu mà thôi.

Ngu Khanh nói: - Xin nhà vua nghe tôi, sai sứ đem của quý cầu thân với nước Sở, nước Ngụy. Nước Sở, nước Ngụy muốn nhận của quý của nhà vua thì thế nào cũng phải nhận sứ của ta. Một khi sứ của Triệu đã vào nước Sở, nước Ngụy thì Tần cho rằng thiên hạ đã hợp tung, và thế nào cũng lo sợ. Có như thế mới có thể cầu hôn được.

Triệu Vương không nghe, cùng với Bình Nguyên quân quyết định cầu hoà, sai Trịnh Chu vào Tần. Tần nhận Trịnh Chu. Triệu Vương gọi Ngu Khanh đến nói: - Quả nhân đã khiến Bình Dương Quân cầu hoà với Tần, Tần đã nhận Trịnh Chu rồi, ông thấy thế nào?

Ngu Khanh đáp: - Nhà vua không cầu hoà được đâu, quân nhất định bị đánh bại. Thiên hạ mừng chiến thắng đều đến Tần cả rồi. Trịnh Chu là người sang vào Tần, Tần Vương và Ứng Hầu [*Tức Phạm Thu - xem Phạm Thu liệt truyện.*], thế nào cũng tôn trọng ông ta để loè với thiên hạ. Nước Sở và nước Ngụy cho rằng nước Triệu đã cầu hoà rồi, nên không đến cứu nhà vua, Tần biết thiên hạ không đến cứu nhà vua thì thế nào việc giảng hoà cũng không thể thành.

Quả nhiên Ứng hầu tôn trọng Trịnh Chu để khoe với những người thiên hạ đến mừng chiến thắng, và cuối cùng không chịu giảng hoà. Quân Triệu thua to ở Trường Bình. Quân Tần bèn vây Hàm Đan, nước Triệu bị thiên hạ

cười.

2.

Sau khi Tần đã giải vây Hàm Đan, Triệu Vương cho người vào châu nước Tần, sai Triệu Hách phụng mệnh đi sứ ở Tần, cắt sáu huyện để giảng hoà.

Ngu Khanh nói với Triệu Vương: - Quân Tần tấn công nhà vua mỗi một rồi trở về, hay là theo ý nhà vua, họ còn đủ sức tiến đánh, nhưng vì thương nhà vua cho nên không đánh [*Chủ ý phương pháp nghị luận của Ngu Khanh. Đó là một cách áp dụng phương pháp "thăm dò" (xem chú thích ở Tô Tần liệt truyện), tìm cho ra chỗ hở để mà nói. Mục đích của nó là không nói thẳng ý kiến của mình, vì có thể làm nhà vua tự ái không chấp nhận, mà dùng những câu hỏi hay những Giả thuyết trái ngược với điều mình nói đưa ra trước và làm sao cho nhà vua tự thấy nó mâu thuẫn với lẽ phải, rồi cuối cùng đưa nhà vua đến ý của mình và tấn công vào đấy.*]

Nhà vua nói: - Quân Tần tấn công ta là dốc toàn lực ra mà đánh, chắc chắn vì một mối cho nên mới về.

Ngu Khanh nói: - Quân Tần đã không dốc toàn lực ra đánh cái mà họ không lấy được, một mối trở về. Nay nhà vua lại cho họ cái mà sức họ không lấy được, như thế là giúp nước Tần để tự đánh mình. Sang năm quân Tần lại đánh nhà vua, nhà vua sẽ không còn cách nào cứu được mình nữa.

Nhà vua đem lời của Ngu Khanh nói lại với Triệu Hách. Triệu Hách nói: - Ngu Khanh có thể biết hết được tình hình binh lực Tần không? Dù rằng quân Tần không đủ sức tiến đánh đi nữa, nếu ta không cho họ miếng đất nhỏ như hòn đạn kia, nhưng nếu sang năm Tần lại đến đánh, liệu nhà vua có khỏi phải cắt đất của mình trong sáu thành để giảng hoà không?

Nhà vua hỏi: - Nếu ta nghe lời người mà cắt đất thì người làm thế nào cho sang năm Tần không đến đánh ta nữa không?

Triệu Hách đáp: - Việc ấy quả thực thần không dám chắc. Ngày xưa, Tam Tấn giao kết với Tần rất là thân thiết. Nay sở dĩ Tần hoà hiếu với Hàn, Ngụy mà đánh nhà vua, là vì nhà vua thờ Tần không bằng Hàn, Ngụy. Thần xin vì nhà vua trừ bỏ cái việc bị đánh vì bội bạc với người thân, mở cửa ải đem lễ vật cũng hoà thân như nước Hàn, nước Ngụy. Nếu làm như vậy rồi mà sang năm lại chỉ một mình vua bị nước Tần đánh thì đó là vì nhà vua thờ Tần không bằng Hán, Ngụy. Việc đó quả thực thần không dám chắc.

Nhà vua đem điều ấy nói lại với Ngu Khanh. Ngu Khanh đáp: - Hách nói nhà vua không cầu hoà nếu sang năm Tần lại đánh nhà vua, nhà vua có khỏi cắt đất trong sáu thành kia để cầu hoà được không? Trái lại, nếu nhà vua cầu hoà thì Hách lại không dám chắc thế nào Tần cũng không đánh nữa.

Đã thế thì nay tuy nhà vua có cắt sáu thành cũng không có ích gì. Sang năm Tần lại đánh, ta lại cắt cái đất mà nó không có đủ sức đánh lấy, nộp cho nó để cầu hoà, đó là cái thuật tự tiêu diệt vậy. Chi bằng đừng cầu hoà. Tần có giỏi tấn công đi nữa cũng không thể lấy được sáu huyện, Triệu có chống giữ kém đi nữa, cũng không mất sáu thành. Tần đánh chán trở về, thế nào quân cũng mỏi mệt, ta lấy sáu thành gọi thiên hạ cùng đánh quân Tần mỏi mệt, tức là ta mất thành cho thiên hạ, nhưng được bù lại ở Tần. Như thế nước ta vẫn còn có lợi, chẳng hơn cứ ngồi mà chịu cắt đất, tự làm yếu mình để cho Tần mạnh lên hay sao? Nay Hách nói Tần thân với Hàn, Ngụy, mà lại đánh Triệu, là cho rằng Hàn, Ngụy không cứu Triệu mà quân của nhà vua thế nào cũng bị cô lập. Đó là do nhà vua thờ Tần không bằng Hàn, Ngụy. Như vậy khiến nhà vua mỗi năm cắt sáu thành để thờ Tần. Làm thế tức là ngồi đấy mà nhìn người ta lấy hết cả thành. Sang năm Tần lại đòi cắt đất thì nhà vua có cho họ không? Nếu không cho thì thế là bỏ tất cả cái công cắt đất ngày trước, lại gây nên cái tai họa bị Tần đánh, nếu cho thì không còn đất nữa để mà cho. Tục ngữ có câu "Kẻ mạnh giỏi tấn công, kẻ yếu không thể chống đỡ". Nếu nhà vua cứ ngồi yên mà nghe theo Tần thì quân nước Tần không khó nhọc gì lại lấy được nhiều đất. Đó là cách làm cho Tần mạnh thêm và Triệu yếu đi vậy. Lấy nước Tần càng ngày càng mạnh, mà cắt xé nước Triệu càng ngày càng yếu, kể đó chắc chắn còn kéo dài mãi không thôi. Vả chẳng đất của nhà vua có hạn, mà đòi hỏi của Tần thì không cùng. Cứ làm theo lối lấy cái đất có hạn để cung phụng cho sự đòi hỏi không cùng, theo tình thế ấy chắc sẽ đi tới chỗ không còn nước Triệu nữa.

Vua Triệu bàn bạc chưa quyết định, thì Lâu Hoãn từ Tần đến.

Triệu Vương bàn mưu kế với Lâu Hoãn, nói: - Cho Tần đất với không cho Tần đất, đằng nào hơn?

Hoãn thoái thác nói: - Điều đó, thần không biết được.

Nhà vua nói: - Tuy vậy, ông cứ thử nói ý riêng của ông xem.

Lâu Hoãn nói: - Nhà vua có nghe chuyện bà mẹ của Công Phủ Văn Bá không? Công Phủ Văn Bá làm quan ở Lỗ, mắc bệnh mà chết, có hai người đàn bà vì ông ta mà tự sát ở trong phòng. Người mẹ nghe vậy không khóc. Người bảo mẫu hỏi, "Sao con bà chết mà bà không khóc"? Người mẹ đáp, "Không Tử là người hiền, bị đuổi ở đất Lỗ mà nó không đi theo, nay nó chết, đàn bà lại vì nó mà tự sát đến hai người, thế đủ biết nó tệ bạc với bậc trưởng giả mà hậu với đàn bà". Đứng về người mẹ mà nói như vậy, thì đó là bà mẹ hiền, nhưng đứng về người vợ mà nói thế thì không khỏi bị xem là người vợ ghen, cho nên lời nói thì vẫn là một, nhưng tùy ở địa vị người nói ra, cách hiểu của người nghe sẽ thay đổi. Nay thần mới ở Tần về, thần nói là không cho, thì không phải là mưu kế, thần nói là cho, thì sợ nhà vua cho rằng thần

vì nước Tần cho nên không dám đáp. Giá thần được bày mưu kế cho đại vương thì không bằng cho là hơn [*Cách nói này cũng là cách "thăm dò". Thí dụ Công Phủ Văn Bá đưa ra chẳng qua chỉ là một cách rào trước. Lâu Hoãn đưa ra cả hai ý có vẻ khách quan, khiến nhà vua có thể nhìn thấy tình trạng khó xử của Hoãn mà tìm được cách giải quyết. Phương pháp dùng ngụ ngôn để mở đầu ý kiến của mình là một phương pháp thông thường ở thời Chiến quốc, Trang Tử và Mạnh Tử rất hay dùng.*].

Nhà vua nói: - Vâng.

Ngu Khanh nghe tin vào yết kiến nhà vua, nói: - Đó là lời trau chuốt bên ngoài, xin nhà vua chớ nghe.

Lâu Hoãn nghe vậy lại vào yết kiến nhà vua.

Nhà vua lại đem lời nói của Ngu Khanh nói lại với Lâu Hoãn. Lâu Hoãn đáp: - Không phải thế! Ngu Khanh chỉ biết một mà không biết hai. Tại sao Tần, Triệu đánh lẫn nhau mà thiên hạ đều mừng? Là vì họ nghĩ rằng "Ta hãy dựa vào cái thế của kẻ mạnh mà lợi dụng cái thế của kẻ yếu vậy". Nay quân Triệu bị quân Tần làm nguy khốn, những người thiên hạ mừng chiến thắng, chắc chắn đều ở Tần. Cho nên không gì bằng cắt đất ngay mà cầu hoà để cho thiên hạ nghi và làm thoả lòng Tần. Nếu không, thiên hạ sẽ nhân lúc nước Tần đang nổi giận, lợi dụng lúc nước Triệu đang mệt mỏi để chia xẻ Triệu. Nước Triệu sẽ mất, còn gì mà đối phó với Tần nữa. Cho nên thần nói Ngu Khanh chỉ biết một mà không biết hai, xin nhà vua quyết định ngay đi, chớ dùng bàn bạc nữa.

Ngu Khanh nghe tin vào yết kiến nhà vua, nói: - Nguy quá! Ông Lâu làm cho Tần, như thế chỉ khiến thiên hạ thêm nghi, chứ có làm nước Tần được vừa lòng đâu. Tại sao ông ta lại không nói cách làm của ông là chỉ để cho thiên hạ thấy chỗ yếu của mình. Vả chẳng thần nói đừng cho, không phải là nhất quyết đừng cho. Tần đòi nhà vua sáu thành, mà nhà vua lại đem sáu thành dứt cho nước Tề. Nước Tề vốn là kẻ thù sâu sắc của Tần [*Lúc bấy giờ hai nước Tề và Tần đang tranh nhau làm bá chủ chư hầu. Mạnh Thường Quân nước Tề đã tập hợp quân của Hàn, Ngụy đánh bại quân Tần ở Hàm Cốc quan, Tần phải cắt ba thành để giảng hoà.*], nếu được sáu thành của nhà vua thì sẽ đem tất cả quân lực về hướng tây đánh Tần. Nước Tề sẽ nghe nhà vua, chắc không đợi nói hết lời. Như thế, tức là nhà vua mất đất cho Tề, nhưng sẽ được bù lại ở Tần. Thế là có thể trả cái thù sâu sắc của Tề và Triệu đối với Tần, và tỏ cho thiên hạ thấy ta có sức mạnh dám làm. Nếu nhà vua ban bố điều ấy ra thì binh chưa ra tới biên giới, thần cũng đã thấy Tần đem của cải quý báu đến Triệu và trái lại, chính Tần phải cầu hoà với nhà vua. Hàn, Ngụy, nghe nhà vua hoà với Tần, thế nào cũng trọng nhà vua. Họ trọng nhà vua tất sẽ mang vật tin đến cầu thân với nhà vua. Như vậy nhà vua làm

một việc mà kết được tình hoà hảo của ba nước, đồng thời địa vị của mình đối với Tần cũng do đó mà thay đổi [*Đó là then chốt của câu "được bù đắp lại ở Tần".*].

Triệu Vương nói: - Phải.

Bèn sai Ngu Khanh sang đông yết kiến Tề Vương, cùng bàn về việc Tần. Ngu Khanh chưa trở về thì sứ của Tần đã đến Triệu [*Ứng với câu "binh chưa xuất hiện ... Tần đã đem của cải quý báu đến".*]. Lâu Hoãn nghe vậy bỏ trốn. Do đó, Triệu lấy một thành phong cho Ngu Khanh.

3.

Được ít lâu, Ngụy xin hợp tung, Hiếu Thành Vương nước Triệu cho mời Ngu Khanh đến bàn.

Ngu Khanh qua nhà Bình Nguyên Quân, Bình Nguyên Quân nói.

- Tôi muốn ông theo kế hợp tung!

Ngu Khanh vào yết kiến nhà vua, nhà vua nói: - Nước Ngụy xin hợp tung.

Ngu Khanh đáp: - Ngụy sai rồi!

Nhà vua nói: - Vì vậy mà quả nhân vẫn chưa thuận.

Ngu Khanh đáp: - Sai rồi.

Nhà vua hỏi: - Ngụy xin hợp tung, người nói Ngụy sai, quả nhân chưa nhận, người lại nói quả nhân sai, như thế thì việc hợp tung không làm được hay sao?

Ngu Khanh đáp: - Thần nghe nói nếu nước nhỏ hợp tung với nước lớn, thì khi gặp điều lợi, nước lớn sẽ hưởng cái phúc, khi gặp việc thất bại thì nước nhỏ chịu lấy cái vạ. Nay Ngụy là nước nhỏ xin lấy cái vạ, mà nhà vua là nước lớn lại từ chối lấy cái phúc, cho nên thần nói nhà vua sai, nước Ngụy cũng sai, thần trộm nghĩ việc hợp tung là có lợi.

Vua nói: - Phải.

Bèn bàn hợp tung với Ngụy.

4.

Ngu Khanh vì việc Ngụy Tề [*Ngụy Tề là tể tướng nước Ngụy làm nhục Phạm Thư. Khi Phạm Thư làm thừa tướng Tần, Ngụy Tề sợ chạy sang Triệu, ở nhà Bình Nguyên Quân. Quân Tần bức bách, Triệu Vương cho quân vây, Ngụy Tề yết kiến tể tướng nước Triệu là Ngu Khanh. Ngu Khanh liền bỏ ấn tể tướng, cùng Ngụy Tề trốn đến Đại Lương, muốn nhờ Tín Lăng Quân giúp để chạy về phía nam vào nước Sở. Tín Lăng Quân do dự, Ngụy Tề tự sát.*] không coi trọng chức vạn hộ hầu và ấn khanh tướng, cùng bỏ trốn với Ngụy Tề. Rốt cuộc Ngu Khanh rời khỏi nước Triệu, bị khốn ở Lương. Sau khi

Nguy Tề chết, Ngu Khanh bắt đắ ý, bèn làm sách, trên góp nhậ sự việc đời Xuân Thu, dưới xem đời gần đây. Sách gồm tất cả tám thiên, là các thiên "kết nghĩa", "xung hiệu", "suỷ ma", "chính mưu", ... bình phẩm những điều hay dở của nước nhà lúc bấy giờ, đời truyền gọi là sách "Ngu Thị Xuân Thu".

Lời bàn

Thái Sử Công nói: -Bình Nguyên Quân là một trang công tử tuyệt vời ở trong đời ô trọc. Nhưng ông ta chưa biết cái đạo lớn. Tục ngữ nói, "Lợi làm cho trí mờ". Bình Nguyên Quân tham nghe lời tà thuyết của Phùng Đình [Năm 262 trước công nguyên, quân Tần đánh Hàn, tướng Hàn là Phùng Đình đem đất Thương dâng Triệu. Bình Nguyên Quân khuyên nhà vua nhận đất ấy. Tần đem quân đến Trường Bình đánh Triệu, thua to, 40 vạn quân bị chôn sống. Thủ đô Triệu là Hàm Đan suýt bị mất.], khiến cho quân Triệu bị vây hãm ở Trường Bình, bị chôn sống mất hơn bốn mươi vạn, suýt nữa mất Hàm Đan. Ngu Khanh xét tình thế, liệu sự việc, bày mưu cho nước Triệu sao mà khéo thế! Đến như việc Ngu Khanh không nỡ để cho Ngụy Tề phải chết, rút cuộc bị khốn ở đất Đại Lương, người tầm thường cũng biết là không nên, huống bậc hiền tài! Thế nhưng Ngu Khanh nếu không gặp cái cảnh buồn bã cùng cực thì không thể viết sách để cho đời sau biết đến mình vậy [Nhân chuyện Ngu Khanh, tác giả bộc lộ tâm sự của mình.]

[24]

NGUY CÔNG TỬ liệt truyện

- [1. Thái độ cung kính khiêm tốn đối với kẻ sĩ](#)
- [2. Dùng kế của Hầu Doanh cứu được nước Triệu](#)
- [3. Khi ở Triệu và việc công tử cứu Ngụy](#)
- [4. Lời bàn](#)

1. Thái độ cung kính khiêm tốn đối với kẻ sĩ

Công tử nước Ngụy, Vô Kỵ là con út của Ngụy Chiêu Vương, và là em cùng cha khác mẹ với An Ly Vương nước Ngụy. Chiêu Vương chết, An Ly Vương lên ngôi phong công tử làm Tín Lăng Quân. Bảy giờ phạm Thư bỏ nước Ngụy trốn sang Tần làm thừa tướng, vì thù oán Ngụy Tề [*Ngụy Tề xem Phạm Thư, Thái Trách liệt truyện.*] nên quân Tần vây thành Đại Lương, phá quân Ngụy ở gần núi Hoa Dương, đánh Mang Mão [*Mang Mão: tướng Ngụy.*] bỏ chạy. Vua Ngụy và công tử lo sợ.

Công tử là người nhân hậu, biết khiêm tốn đối với kẻ sĩ. Kẻ sĩ không kẻ người hiền hay người dở, công tử đều khiêm tốn, lấy lễ đối đãi, không dám cậy mình giàu sang mà kiêu ngạo với họ. Vì vậy kẻ sĩ trong vòng mấy ngàn dặm đều tranh nhau theo, khách ăn đến ba nghìn người. Lúc bấy giờ chur hầu cho công tử là người hiền, có nhiều khách, đã hơn mười năm không dám đem binh đánh Ngụy.

Công tử đang cùng vua Ngụy đánh cờ, bỗng ở biên giới phía Bắc khói đốt lên [*Ngày xưa ở biên giới khi nào có giặc thì đốt lửa, khói bốc lên. Đó là một cách báo hiệu.*] để báo hiệu, vua nói: -Giặc Triệu đến, sắp vào bờ cõi.

Vua Ngụy thôi đánh cờ, muốn triệu tập các quan đại thần để bàn công việc. Công tử can nhà vua, nói: -Không phải có giặc đâu. Đó là vua Triệu đi săn đấy thôi.

Rồi lại đánh cờ như cũ. Vua lo sợ không còn bụng dạ nào nghĩ đến việc đánh cờ. Lát sau, có người từ phương Bắc đem tin về nói: -Đó là vua Triệu đi săn đấy thôi chứ không phải có giặc cướp.

Vua Ngụy cả kinh, hỏi: -Tại sao công tử lại biết điều đó?

Công tử nói: -Khách của thần có người dò biết được những việc bí mật của vua Triệu. Vua Triệu làm gì thì người khách ấy báo ngay với thần, cho nên thần biết.

Sau đó vua Ngụy sợ công tử hiền và có tài nên không dám giao việc chính sự trong nước cho công tử.

Nước Ngụy có người ẩn sĩ tên là Hầu Doanh, bảy mươi tuổi nhà nghèo, làm người giữ cửa thành Di Môn ở Đại Lương. Công tử nghe tin đến mời, muốn đem hậu lễ để biếu.

Hầu Doanh không chịu nhận nói: -Thần tu thân, giữ nếp trong sạch mấy mươi năm nay, quyết không vì làm chức giữ cửa thành khổ sở mà nhận tiền bạc của công tử.

Công tử bèn đặt tiệc rượu, hội họp tân khách đông đủ. Khách ngồi xong đâu vào đấy, công tử mang xe ngựa đi theo, để chỗ ngồi bên trái bỏ trống [*Ngày xưa khi ngồi trên xe thì chỗ ngồi bên trái chỗ ngồi tôn quý.*], thân hành đi đón người giữ cửa Di Môn là Hầu Sinh. Hầu Sinh sửa qua áo mũ

bước thẳng lên xe, ngồi chỗ ngồi phía trên, không từ chối, muốn để dò ý công tử. Công tử lại càng cầm dây cương một cách cung kính. Hầu Sinh lại nói với công tử: -Tôi có người khách làm nghề hàng thịt ở ngoài chợ, xin ngài chịu khó cho xe ngựa đến để ghé thăm ông ta.

Công tử đánh xe vào chợ. Hầu Sinh xuống xe, thăm người khách Chu Hợi, nhìn ngang nhìn ngửa, cố ý dùng dằng, nói chuyện với người khách một hơi lâu, trong khi nói chuyện lại liếc nhìn công tử.

Về mặt công tử lại càng ôn hòa [*Đoạn này giải thích Ngụy Vô Kỵ khiêm tốn đối với kẻ sĩ.*]. Lúc bấy giờ tướng quốc, tướng quân, tôn thất, khách khứa nước Ngụy đầy cả nhà, chờ đợi công tử nâng cốc. Người ngoài chợ đều xem công tử cầm dây cương, các quân kỵ đi theo đều chửi thảm Hầu Sinh. Hầu Sinh thấy sắc mặt công tử trước sau không thay đổi, bèn từ tạ người khách mà lên xe. Khi đến thà, công tử dẫn Hầu Sinh lên ngồi ở ghế trên, giới thiệu và khen ngợi Hầu Sinh với các tân khách. Tân khách đều kính sợ. Uống rượu say, công tử đến trước mặt Hầu Sinh chúc thọ. Hầu Sinh bèn nói với công tử: -Hôm nay Doanh này làm cho công tử thực khó nhọc! Doanh là người giữ cửa thành Di Môn mà được công tử thân hành chịu khó đem xe đến đón Doanh ở trước đông đảo mọi người. Đáng lý tôi không nên ghé vào nhà người ta. Nay công tử lại chịu khó đưa tôi đến. Doanh này muốn công tử được tiếng, cố ý giữ xe và quân kỵ của công tử ở giữa chợ, công tử lại càng cung kính, người ngoài chợ đều cho Doanh là đứa tiểu nhân, công tử là bậc trưởng giả, biết nhún mình trước kẻ sĩ.

Công tử bèn đãi tiệc, Hầu Sinh được làm thượng khách. Hầu Sinh nói với công tử: -Người hàng thịt Chu Hợi mà tôi đến nhà là một người hiền trong đời không ai biết đến, cho nên ở ẩn cùng với những người hàng thịt đó thôi.

Công tử mấy lần đến thăm, Chu Hợi cố ý không đáp lễ. Công tử lấy làm lạ.

2. Dừng kế của Hậu Doanh cứu được nước Triệu

Năm thứ hai mươi đời vua An Ly Vương nước Ngụy (năm 237 trước Công nguyên), Tần Chiêu Vương sau khi phá quân Triệu ở Trường Bình, lại tiến binh vây Hàm Đan. Chị của công tử là vợ Bình Nguyên Quân, em trai vua Huệ Văn Vương nước Triệu, đã mấy lần đưa thư cho Ngụy Vương và công tử xin nước Ngụy cứu viện. Vua Ngụy sai tướng quân Tấn Bỉ cầm mười vạn quân đi cứu Triệu. Vua Tần sai sứ giả nói với vua Ngụy: -Ta đánh Triệu, sớm chiều thế nào cũng phá Triệu, chớ hèn ai dám cứu thì sau khi phá Triệu, thế nào ta cũng đem binh đến đánh trước.

Vua Ngụy sai người ngăn Tấn Bỉ, giữ quân lại đóng dinh ở đất Nghiệp, tiếng là cứu Triệu, nhưng thực ra là đi nước đôi để chờ xem hình thế. Sứ giả của Bình Nguyên Quân liên tiếp kéo sang Ngụy, trách Ngụy công tử: -Thắng sở dĩ tự phụ về chỗ kết nghĩa hôn nhân là vì cho rằng công tử là người có nghĩa khí cao, có thể giải cứu người ta lúc nguy khốn. Nay Hàm Đan sớm chiều sẽ phải đầu hàng nước Tần mà cứu binh của Ngụy không đến, thế thì công tử cứu nguy khốn cho người khác ở chỗ nào? Và chẳng, nếu công tử khinh Thắng này, bỏ Thắng phải đầu hàng nước Tần, thế thì công tử không thương hại chị của công tử sao?

Công tử lo lắng, mấy lần xin Ngụy Vương, và giục các tân khách biện sĩ tìm đủ mọi cách nói với Ngụy Vương. Nhưng Ngụy Vương sợ Tần, rốt cuộc không nghe lời công tử. Công tử tự nghĩ mình không thể nào thuyết phục được nhà vua, thì không nên sống một mình để nước Triệu mất, định tụ tập các tân khách, quân kỵ và hơn một trăm cỗ xe, muốn cùng những người khách qua đánh quân Tần, rồi cùng chết với nước Triệu.

Công tử đi qua cửa Di Môn ghé thăm Hậu Sinh, kể lại đầu đuôi tại sao mình liều chết với quân Tần và từ biệt ra đi. Hậu Sinh nói: -Công tử cố gắng đi nhé, tôi già yếu rồi, không thể đi theo được.

Công tử đi được mấy dặm, trong lòng không vui nói: -Ta đối đãi Hậu Sinh chu tất, thiên hạ không ai không biết. Nay ta sắp chết, thế mà Hậu Sinh không có nửa lời tiễn ta, phải chăng ta có điều gì không phải?

Bèn quay xe về, hỏi Hậu Sinh. Hậu Sinh cười và nói: -Tôi đã biết thế nào công tử cũng quay lại [*Chỉ cần hai câu, nhân vật Hậu Sinh đã hiện ra rất rõ nét.*].

Lại nói: -Công tử yêu kẻ sĩ nổi tiếng khắp thiên hạ, nay gặp nạn không có phương kế nào khác mà lại muốn lao vào quân Tần, thế cũng như là ném thịt cho hổ đói chứ có ích gì đâu! Như thế thì dùng tân khách làm cái gì? Nhưng công tử đối đãi với tôi rất hậu, công tử ra đi mà tôi không tiễn, vì vậy biết công tử sẽ hỏi hận mà trở lại.

Công tử lạy hai lạy và hỏi. Hậu Sinh bèn đuổi người ra rồi nói riêng: -

Doanh này nghe nói "Bình phù" [*Ngày xưa, tướng ra đi cầm quân được nhà vua giao cho cái "hổ phù", còn gọi là "bình phù". Bình phù làm bằng đồng, khắc hình con hổ, chia làm hai, vua giữ một nửa tướng quân giữ một nửa. Khi nào vua sai người đến thay thế để cầm quân thì cầm nửa kia đi, đến nơi đóng quân. Nếu ghép phù "thấy khớp", tức nhà vua đã sai đến thay thế.*] của Tấn Bỉ thường để ở trong phòng ngủ của nhà vua mà nàng Như Cơ được nhà vua rất yêu, ra vào nơi phòng ngủ của nhà vua, có thể ăn trộm được. Doanh nghe nói cha của Như Cơ bị người ta giết, Như Cơ chứa giận ba năm, muốn tìm người báo thù cho cha, nhưng từ nhà vua trở xuống, không được một người nào. Như Cơ khóc với công tử. Công tử sai người khách chém đầu kẻ thù kính dâng lên Như Cơ. Như Cơ muốn báo ơn công tử, chết cũng không từ chối, nhưng vẫn chưa có dịp đấy thôi. Nay nếu công tử mở miệng nói với Như Cơ một lời thì thế nào Như Cơ cũng bằng lòng. Một khi đã có được "hổ phù", giành lấy quân đội của Tấn Bỉ, đem quân về phía Bắc, cứu nước Triệu, đuổi nước Tần về phía Tây, đó là công lao của Ngũ bá đời xưa.

Công tử nghe theo kế của Hầu Sinh, nói với Như Cơ. Như Cơ quả nhiên trộm được bình phù của Tấn Bỉ đưa cho công tử.

Công tử ra đi, Hầu Sinh nói: -"Tướng quân đã ở ngoài biên giới thì có những lúc không nghe theo lệnh của nhà vua, để tiện lợi cho việc quốc gia" [*Đây là một câu trong binh pháp của Tôn Tử. Hầu Sinh đoán trước Tấn Bỉ có thể vin theo đó mà không nghe theo Ngụy công tử.*]. Công tử đến ghép phù, nếu như Tấn Bỉ không trao quân cho công tử mà lại muốn hỏi lại nhà vua thì công việc thế nào cũng hỏng mất. Người khách của tôi là anh hàng thịt Chu Hợi có thể cùng đi với công tử, anh ta là một lực sĩ. Nếu như Tấn Bỉ nghe theo thì tốt lắm. Nếu không thì sẽ sai đâm chết.

Công tử liền khóc. Hầu Sinh nói: -Công tử sợ chết hay sao? Tại sao lại khóc?

Công tử nói: -Tấn Bỉ là một vị lão tướng oai vệ. Tôi đến sợ ông ta không nghe, phải giết ông ta cho nên khóc đó thôi [*Chi tiết rất nhỏ nhặt nhưng nêu rõ lòng yêu quý kẻ sĩ của Ngụy công tử.*].

Công tử bèn mời Chu Hợi, Chu Hợi cười mà rằng: -Tôi là anh hàng thịt, múa đao ở nơi chợ búa, mà công tử lại thân hành mấy lần đến thăm hỏi. Tôi sợ dĩ không đáp lễ là vì nghĩ rằng không cần gì cái trò lễ nghi vặt vãnh ấy. Nay công tử có việc nguy cấp, đó là lúc tôi hiến tính mạng cho công tử.

Bèn cùng công tử ra đi.

Công tử đi qua tạ ơn Hầu Sinh, Hầu Sinh nói: -Tôi đáng lý phải đi theo, nhưng đã già đi không được, xin tính ngày công tử đến quân đội Tấn Bỉ, tôi sẽ quay đầu về hướng Bắc, tự đâm vào cổ để tiễn công tử.

Công tử bèn ra đi.

Đến đất Nghiệp công tử giả lệnh của vua Ngụy thay Tấn Bỉ, Tấn Bỉ ghé phù lầy làm ngờ, giơ tay, nhìn công tử nói: -Nay tôi cầm binh mười vạn, đóng đồn ở nơi biên giới là một công việc nặng nề của nước. Ông đi một chiếc xe đến đây thay tôi, là nghĩa thế nào?

Tấn Bỉ ý không chịu nghe theo. Chu Hối giấu ở trong ống áo cái chùy sắt bốn mươi cân, đánh Tấn Bỉ chết, công tử bèn chỉ huy quân của Tấn Bỉ, chỉnh đốn lại đội ngũ, ra lệnh trong quân: -Nếu cả cha và con đều ở trong quân thì cha trở về, nếu cả anh và em ở trong quân thì anh trở về, nếu là con một không có anh em thì trở về mà nuôi cha mẹ [*Ý kiên quyết đánh Tần đến cùng.*].

Chọn được tám vạn quân, tiến đánh quân Tần. Quân Tần giải vây rút lui, công tử bèn cứu được Hàm Đan, bảo tồn nước Triệu.

Vua Triệu và Bình Nguyên Quân thân hành đón công tử ở biên giới. Bình Nguyên Quân mang cung, túi tên đi trước dẫn đường. Vua Triệu lạy hai lạy nói: -Người hiền từ xưa đến nay, chưa có ai bằng công tử.

Lúc bấy giờ Bình Nguyên Quân không dám so sánh với công tử. Kể từ khi công tử cùng Hầu Sinh từ biệt, đến khi đến quân doanh thì quả nhiên Hầu Sinh đã quay mặt về phía Bắc mà tự đâm cổ chết.

3. Khi ở Triệu và việc công tử cứu Ngụy

Vua Ngụy giận công tử ăn trộm binh phù của mình, lừa giết Tần Bỉ, công tử cũng tự biết điều đó. Sau khi đã đuổi quân Tần, cứu được nước Triệu, công tử sai các tướng đem quân trở về nước Ngụy, còn mình cùng với những người khách ở lại nước Triệu.

Hiếu Thành Vương nước Triệu cho công tử có ơn với mình, đã giả lệnh của nhà vua giành binh của Tần Bỉ mà còn cứu được nước Triệu nên bàn với Bình Nguyên Quân phong cho công tử năm thành. Công tử nghe vậy sắc mặt có ý kiêu căng, tỏ vẻ tự khoe công trạng của mình. Có người khách nói với công tử: -Có việc không có thể quên, lại có việc không thể không quên. Hễ người ta có ân đức đối với công tử thì công tử chớ quên, hễ công tử có ân đức đối với người ta, xin công tử hãy quên đi. Và chẳng, giả lệnh vua Ngụy, giành lấy quân của Tần Bỉ để cứu Triệu, đối với Triệu thì có công đấy nhưng đối với Ngụy thì vẫn chưa phải là kẻ trung thân. Công tử lại tự kiêu lấy đó làm công lao của mình, tội trộm nghĩ công tử làm như thế là không phải.

Công tử lập tức tự trách mình như là con người không có chỗ dung thân. Vua Triệu tưới nước quét đường đi thân hành đón tiếp, giữ lễ của người chủ, đưa công tử lên cái thềm phía Tây. Công tử khép nép từ tạ, bước đi theo cái thềm phía Đông mà lên, tự nói rằng mình là người có tội, phụ bạc với nước Ngụy, không có công lao gì với nước Triệu. Vua Triệu tiếp rượu mãi đến chiều miệng vẫn không nở nói việc biểu năm thành vì biết công tử sẽ từ chối. Công tử vẫn cứ ở Triệu. Vua Triệu cho công tử đất Hoắc để làm ấp tằm gỏi. Nước Ngụy cũng lại cho công tử hưởng lộc đất Tín Lăng, nhưng công tử vẫn ở lại nước Triệu.

Công tử nghe nói ở nước Triệu có Mao Công ẩn mình giữa những người đánh bạc, Tiết Công ẩn mình giữa những người bán tương. Công tử muốn gặp hai người ấy, hai người ấy trốn tránh không chịu ra tiếp công tử. Công tử biết chỗ họ ở bèn đi bộ một mình đến nhà, từ đó hai người kia chơi với công tử rất là tương đắc. Bình Nguyên Quân nghe vậy nói với vợ: -Lúc đầu ta nghe nói người em của phu nhân là người có một không hai trong thiên hạ, nay ta xem ra thì ông ta lại chơi bời với bọn đánh bạc và bọn bán tương, công tử chỉ là người gàn thôi.

Phu nhân nói với công tử. Công tử bèn từ tạ phu nhân ra đi mà rằng: -Lúc đầu tôi nghe nói Bình Nguyên Quân là người hiền, cho nên tôi phụ bạc vua Ngụy mà cứu nước Triệu để xứng đáng với Bình Nguyên Quân. Cách giao du của Bình Nguyên Quân chỉ cốt tân khách cho nhiều để tự khoe khoang mà thôi, chứ không tìm kẻ hiền sĩ. Vô Kỵ từ khi ở Đại Lương vẫn thường nghe nói hai người này là người hiền, khi đến Triệu, sợ không gặp mặt. Vô Kỵ chơi với họ, còn sợ họ không muốn chơi với mình nữa kia. Nay

Bình Nguyên Quân lại thấy thế làm then, như vậy Bình Nguyên Quân không phải là người đáng cùng giao du. Có lẽ không hơi đâu mà giao du với ông ta nữa.

Bèn chuẩn bị hành lý để đi. Phu nhân đem tất cả nói lại với Bình Nguyên Quân. Bình Nguyên Quân bèn cắt mũ để xin lỗi, cố ý giữ công tử lại. Môn hạ của Bình Nguyên quân nghe vậy, một nửa bỏ Bình Nguyên Quân mà theo công tử. Kẻ sĩ trong thiên hạ lại đến theo công tử. Công tử làm cho khách của Bình Nguyên Quân đổ về công tử.

Công tử ở lại Triệu mười năm không về, nước Tần nghe tin công tử ở Triệu, ngày đêm đem binh về hướng Đông đánh Ngụy. Vua Ngụy lo lắng, sai sứ đến mời công tử về. Công tử sợ vua giận mình nên ngăn cấm các môn hạ: -Ai dám làm người truyền đạt cho sứ giả vua Ngụy thì sẽ bị giết.

Các tân khách đều đã bỏ Ngụy sang Triệu, không ai dám khuyên công tử trở về. Mao Công và Tiết Công đến yết kiến công tử, nói: -Sở dĩ công tử được trọng ở Triệu, nổi danh khắp chư hầu, là vì có nước Ngụy. Nay Tần đánh Ngụy, Ngụy nguy cấp mà công tử không lo đến. Nếu nước Tần phá thành Đại Lương, san phẳng tôn miếu của tiên vương thì công tử còn mặt mũi nào mà đứng trong thiên hạ?

Nói chưa dứt lời, công tử liền thay đổi sắc mặt, giục người đánh xe về để cứu Ngụy.

Vua Ngụy thấy công tử, hai người cùng khóc, trao cho công tử ấn thượng tướng quân. Công tử bèn làm tướng. Năm ba mươi đời vua An Ly Vương nước Ngụy (năm 247 trước Công nguyên) công tử sai sứ báo khắp các chư hầu, chư hầu nghe công tử làm tướng, đều sai tướng đem quân cứu Ngụy. Công tử cầm quân cả năm nước đánh tan quân Tần ở Hà Ngoại, Mông Ngao bỏ chạy. Công tử bèn thừa thắng đuổi quân Tần đến ải Hàm Cốc, chặn đường quân Tần, quân Tần không dám ra. Lúc bấy giờ uy thế của công tử làm rung động cả thiên hạ. Khách các nước chư hầu dâng binh pháp, công tử đều chiếm lấy làm của mình, cho nên thế tục gọi là Ngụy công tử binh pháp. Vua Tần lo lắng bèn cho người đem một vạn cân vàng sang Ngụy, tìm người khách của Tần Bỉ, khiến y gièm công tử với Ngụy Vương rằng: "Công tử trốn ra nước ngoài đã mười năm nay làm tướng nước Ngụy, chư hầu đều theo. Chư hầu chỉ nghe nói Ngụy công tử không nghe nói đến vua Ngụy. Công tử nhân lúc này muốn quay mặt về hướng Nam làm vua. Chư hầu sợ uy công tử cũng muốn cùng nhau lập công tử".

Nước Tần mấy lần sai phản gián, giả vờ mừng công tử được lập làm Ngụy Vương. Ngụy Vương ngày nào cũng nghe lời gièm pha không thể không tin, về sau quả nhiên sai người thay công tử làm tướng.

Công tử tự biết mình lại vì gièm pha mà bị phế truất bèn cáo bệnh không

ra châu, cùng tân khách uống rượu suốt đêm, lại gàn đàn bà. Ngày đêm vui chơi, bốn năm sau mắc bệnh vì rượu mà chết. Năm ấy An Ly Vương nước Ngụy cũng mất. Tần nghe tin công tử đã chết, bèn sai Mông Ngao đánh Ngụy lấy hai mươi thành, bắt đầu đặt Đông Quận. Sau đó Tần dần dần nuốt Ngụy như tầm ăn lá dâu, được mười tám năm thì bắt Ngụy Vương, làm cỏ dân thành Đại Lương.

Lúc Hán Cao Tổ còn nhỏ, thường nghe nói công tử là người hiền, đến khi lên ngôi vua, mỗi lần đi qua thành Đại Lương, Cao Tổ thường tế công tử. Năm thứ mười hai đời Cao Tổ (năm 195 trước Công nguyên), sau khi đánh Kinh Bó trở về, nhà vua cho đặt năm nhà để giữ mồ mả tế công tử, đời đời hàng năm bốn mùa tế tự công tử.

4. Lời bàn

Thái sử công nói: -Tôi qua thành Đại Lương cũ, tìm hỏi nơi mà người ta gọi là Di môn. Di Môn là cửa phía Đông thành. Các công tử trong thiên hạ cũng có người yêu kẻ sĩ, nhưng Tín Lăng Quân tiếp người ẩn sĩ ở nơi núi khuất hang cùng, không thẹn trong việc giao thiệp với người dưới, điều đó cũng ít có. Danh tiếng nhất chư hầu, không phải là hư danh vậy. Cao Tổ mỗi lần qua đây, khiến dân phụng thờ không dứt.

[25]

PHẠM THƯ, THÁI TRẠCH liệt truyện

Phạm Thư

- 1.
2. Du thuyết vua Tần làm đến chức thừa tướng
3. Phạm Thư báo án, báo oán
4. Những người Phạm Thư tiến cử làm phân

Thái Trach

1. Du thuyết không thành công bèn sang Tần
2. Thuyết được Phạm Thư và làm thừa tướng nước Tần

Lời bàn

Phạm Thù

1.

Phạm Thù là người nước Ngụy, tên tự là Thúc. Phạm Thù đi du thuyết ở các nước chư hầu, ý muốn giúp việc cho vua Ngụy, nhưng vì nhà nghèo, không có gì để làm vốn, trước tiên phải giúp việc cho trung đại phu nước Ngụy. Tu Giả vâng lệnh Ngụy Chiêu Vương đi sứ sang Tề. Phạm Thù đi theo. Hai người ở lại mấy tháng không có kết quả. Vua Tề Tương Vương nghe nói Thù có tài biện luận, bèn sai người biếu Thù mười cân vàng cùng với thịt bò và rượu, Thù từ chối không dám nhận. Tu Giả biết điều đó giận lắm, cho rằng Thù được những tặng phẩm ấy là vì đã đem những điều bí mật của nước Ngụy ra nói với nước Tề nên sai Thù nhận thịt bò và rượu, còn trả vàng lại. Sau khi trở về nước, Giả giận Thù cho nên nói với tướng quốc nước Ngụy là Ngụy Tề, một trong những công tử của nước Ngụy. Ngụy Tề cả giận, sai môn hạ lấy roi đánh Thù. Đánh gãy xương sườn, rụng răng, Thù giả vờ chết, bị người ta lấy chiếu bó lại vút vào trong nhà xí. Khách khứa uống rượu say thì nhau đá lên người Thù, cốt làm nhục Thù để răn những người sau đừng nói bừa bãi. Thù nằm trong chiếu nói với người giữ nhà xí: -Nếu ông có thể đưa tôi ra thì thế nào tôi cũng xin hậu tạ.

Người giữ nhà xí mới xin đem con người chết ở trong chiếu vút ra ngoài. Ngụy Tề đang say nói: -Được.

Phạm Thù nhờ vậy được thoát. Về sau Ngụy Tề hối hận, lại sai người tìm bắt. Người nước Ngụy là Trịnh An Bình nghe tin ấy bèn mang Phạm Thù đi trốn. Thù ẩn nấp, đổi tên họ là Trương Lộ.

Lúc bấy giờ, Tần Chiêu Vương sai người yết giả là Vương Kê sang Ngụy, Trịnh An Bình giả làm lính, hầu hạ Vương Kê.

Vương Kê hỏi: -Nước Ngụy có người nào giỏi có thể cùng ta đi về phía Tây được không?

Trịnh An Bình nói: -Trong làng của tôi có ông Trương Lộ muốn yết kiến ngài để bàn việc thiên hạ. Ông ta bị người ta thù không dám gặp mặt ngài ban ngày.

Vương Kê nói: -Đến đêm người cùng ông ta đến.

Đang đêm, Trịnh An Bình cùng Trương Lộ đến yết kiến Vương Kê. Nói chưa hết buổi, Vương Kê đã biết ngay Phạm Thù là người giỏi, bèn bảo: -Tiên sinh đợi tôi ở phía Nam gò Tam Đình.

Hai người cùng hẹn hò riêng với nhau rồi chia tay.

Vương Kê từ giả nước Ngụy ra đi, qua nơi đã hẹn, mang Phạm Thù lên xe chở vào nước Tần. Khi đi đến Hồ Quan, nhìn xa thấy xe và quân kỵ ở phía Tây đi lại.

Phạm Thu hỏi: -Người đến là ai thế?

Vương Kê nói: -Đó là Nhưong Hầu, thừa tướng nước Tần đang đi phía Đông kinh lý các huyện các ấp.

Phạm Thu nói: -Tôi nghe nói Nhưong Hầu chuyên quyền ở nước Tần, ghét việc đưa những người khách ở các nước chư hầu vào Tần. Tôi sợ ông ta làm nhục tôi, tôi hãy tạm trốn trong xe.

Một lát sau Nhưong Hầu quả nhiên đến úy lạo Vương Kê, nhân tiện dừng xe hỏi: -Ổ Quan Đông có tin gì mới không?

Vương Kê nói: -Không có tin gì.

Nuong Hầu lại nói với Vương Kê: -Ông yết giả có đem người khách nào ở chư hầu cùng về đó không? Đem về vô ích, chỉ tổ làm cho nước nhà rối loạn mà thôi.

Vương Kê nói: -Không dám ạ.

Rời từ biệt ra đi.

Phạm Thu nói: -Tôi nghe nói Nhưong Hầu là người lắm mưu trí, nhưng thấy việc thì chậm. Lúc này ông ta nghi trong xe có người nhưng quên lục soát.

Vì vậy Phạm Thu xin xuống xe để chạy, nói: -Thế nào ông ta cũng sẽ hỏi hặn về việc này [*Câu này chuẩn bị cho những việc sau này Phạm Thu sẽ làm đối với Nhưong Hầu.*].

Đi được hơn mười dặm, quả nhiên Nhưong Hầu sai quân kỵ quay lại lục trong xe. Khi không thấy có khách họ mới thôi. Vương Kê cùng Phạm Thu vào Hàm Dương.

Sau khi báo công việc đi sứ xong, Vương Kê nhân tiện nói: -Nước Ngụy có ông Trương Lộ là một tay biện sĩ trong thiên hạ.

Ông ta nói: -Nước Tần nguy như trứng để đầu đàng [*Câu này cũng là một cái thuật "thăm dò", mục đích kích thích sự chú ý của nhà vua.*]. Nếu được ông ta thì sẽ yên ổn. Nhưng điều đó không thể truyền đạt bằng thư từ". Cho nên thần chớ ông ta lên xe về.

Vua Tần không tin, sai cho ở tại nhà khách, ăn cơm rau, chờ đợi hơn một năm.

Lúc bấy giờ vua Chiêu Vương đã làm vua được ba mươi sáu năm. Phía Nam, nước Tần đã lấy đất Yên, đất Sính của nước Sở, Sở Hoài Vương bị giữ lại và chết ở đất Tần. Quân Tần phía Đông đánh phá nước Tề, Dấn Vương đã có lần xưng đế sau đó lại thôi [*Năm 246 trước Công nguyên, vua Tần tự lập làm Tây Đế, sai sứ khuyên Tề Dấn Vương tự lập làm Đông Đế. Vua Tề tự xưng làm Đông Đế được hai tháng rồi thôi. Sau đó vua Tần lại xưng vương như cũ.*]. Tần mấy lần làm cho đất Tam Tấn nguy khốn, chán ghét những kẻ biện sĩ trong thiên hạ, không tin dùng ai.

2. Du thuyết vua Tần làm đến chức thừa tướng

Hoàng Dương Quân Nhưông Hầu là em trai của Tuyên thái hậu, mẹ của Chiêu Vương, Kinh Dương Quân và Cao Lăng Quân đều là em cùng mẹ của Chiêu Vương. Nhưông Hầu làm thừa tướng, ba người thay nhau làm tướng quân đều có đất phong. Nhờ thế lực của thái hậu, nên nhà riêng của họ giàu có hơn cả nhà vua. Đến khi Nhưông Hầu làm tướng quân nước Tần, ông ta lại muốn vượt qua nước Hàn và nước Ngụy để đánh ấp Cương Thọ của nước Tề, ý ông ta muốn mở rộng đất phong của mình là đất Đào. Phạm Thư bèn dâng thư lên nhà vua nói [*Đoạn này nêu một cách diễn hình những mảnh khoé của một người du thuyết để làm cho nhà vua nghe theo ý của mình.*] : - "Thần nghe nói khi nào vua sáng trị vì thì người có công được thưởng, người có tài được làm quan, người khó nhọc nhiều được hưởng lộc hậu, người có công nhiều được tước cao, người nào biết cai trị dân chúng thì chức quan lớn. Cho nên những kẻ không có tài không dám giữ chức, những kẻ có tài năng cũng không dám trốn tránh ở ẩn. Nếu nhà vua cho lời nói của thần là đúng thì xin nhà vua đem ra thi hành để càng làm sáng tỏ cái đạo ấy. Nếu nhà vua cho lời nói của thần là không đúng thì giữ thần mãi ở đây cũng không có ích gì. Tục ngữ có câu: "Vị vua tầm thường thì thưởng người mình yêu mà phạt người mình ghét. Vị vua sáng thì không thế. Khi thưởng thì nhất định thưởng cho người có công, khi phạt thì nhất định phạt kẻ có tội. Nay bụng của thần không đáng chịu đao kiếm, lưng của thần không đáng chịu búa rìu, thần dám đâu đem những việc không chắc chắn để chịu hình phạt của bệ hạ [*Ý nói điều tôi nói ra là điều chắc chắn đúng, tôi đâu dám đem cái trò du thuyết vu vơ ra để chịu hình phạt.*]? Dù cho thần là người thấp hèn nên bị bệ hạ coi thường làm nhục đi nữa, lẽ nào bệ hạ lại không trọng con người dung nạp thần đã nói đi nói lại với bệ hạ hay sao? Vả chăng thần nghe nói nhà Chu có ngọc "Chỉ ách, nước Tống có ngọc "Kết lục", nước Sở có ngọc "Biện hòa", nước Lương có ngọc "Huyền lê". Bốn vật quý ấy do đất đai sinh ra, bị người thợ khéo bỏ rơi nhưng vẫn là đồ vật quý giá của thiên hạ, nhưng con người bị vua thánh vứt bỏ, lẽ nào lại không đủ để giúp ích cho nước nhà hay sao [*Phạm Thư ám chỉ mình, tự cho mình như viên ngọc quý nhưng chưa được người thợ giỏi biết đến.*]? Thần nghe nói kẻ khéo làm lợi cho nhà thì thu lấy cả cái lợi ở nước [*Ám chỉ Nhưông Hầu vớt của cải trong nước để làm giàu cho mình.*], người khéo làm lợi cho nước thì lấy cái lợi ở chư hầu [*Ám chỉ Nhưông Hầu không nghĩ đến quyền lợi của nước nên không dung nạp những người du thuyết ở các nước chư hầu như Phạm Thư.*]. Thiên hạ có vị vua sáng thì chư hầu không thể chiếm được cái lợi. Tại sao? Vì nhà vua tước mất cái vinh của họ đem về cho mình. Người thầy thuốc giỏi biết được người bệnh sống hay chết, vị vua thánh thấy rõ việc

thành hay bại: có lợi thì làm, có hại thì bỏ, nghi ngờ thì thử một ít xem sao? Tuy vua Vũ, vua Thuần sống lại cũng không thể thay đổi được cái phép tắc ấy. Lời nói sâu xa thì thần không dám viết vào giấy [*Đặc điểm lối nói của hạng du thuyết là không đi ngay vào đề mà bắt đầu bằng những câu nói bóng gió.*] lời nói nông cạn thì nhà vua không cần phải nghe. Phải chăng đó là vì thần ngu không hợp với ý muốn nhà vua, hay là con người tiến cử thần ở địa vị thấp hèn nên lời nói không đáng dùng? Nếu như không phải như vậy, thì thần xin nhà vua cho phép có lúc nào rảnh được ngược nhìn nhan sắc, nói một lời không có công hiệu, thần xin chịu tội búa rìu".

Vua Tần Chiêu Vương cả mừng, xin lỗi Vương Kê, sai người lấy xe đưa Phạm Thư vào. Phạm Thư bảy giờ mới được vào yết kiến nhà vua ở Ly cung. Phạm Thư giả vờ không biết cung nhà vua cứ bước vào trong. Nhà vua đến, bọn hoạn quan giận đuổi Thư, nói: -Nhà vua đến đây!

Phạm Thư giả vờ không biết, nói: -Nước Tần làm gì có vua! Nước Tần chỉ có thái hậu và Nhưong Hầu mà thôi.

Ý Phạm Thư muốn khích cho nhà vua giận. Chiêu Vương đến, nghe Lời của Phạm Thư cãi nhau với viên hoạn quan, liền đến đón tiếp, xin lỗi mà nói: -Đáng lý quả nhân phải thân hành lĩnh giáo ngài đã lâu. Nhưng vì có việc Nghĩa Cừ [*Vua của bộ lạc Nghĩa Cừ và Tuyên thái hậu gian dৌ với nhau sinh hai con. Tuyên thái hậu lừa giết vua Nghĩa Cừ ở Cam Tuyền rồi sau đem binh tiêu diệt Nghĩa Cừ. Câu nói này chứng tỏ nhà vua cũng cho lời nói của Phạm Thư là đúng.*], gấp quả nhân ngày đêm thân hành thỉnh giáo thái hậu. Nay việc Nghĩa Cừ đã xong, quả nhân mới được thỉnh giáo, thực quả nhân trộm biết mình hồ đồ mờ tối.

Nhà vua cung kính theo lễ khách chủ, Phạm Thư nhún nhường. Hôm ấy thấy Phạm Thư yết kiến nhà vua tất cả các quan không ai không rùng mình biến sắc mặt, thay đổi thái độ. Vua Tần đuổi tả hữu ra ngoài. Trong cung không có ai.

Vua Tần quỳ xuống, cầu khẩn: -Tiên sinh có điều gì dạy bảo quả nhân?

Phạm Thư nói: -Dạ, dạ.

Một lát sau, vua Tần lại quỳ xuống nói: -Tiên sinh có điều gì dạy bảo quả nhân?

Phạm Thư nói: -Dạ, dạ.

Như thế ba lần. Vua Tần quỳ xuống nói: -Thế là tiên sinh cuối cùng vẫn không làm ơn dạy bảo quả nhân sao?

Phạm Thư nói: -Thần đâu dám thế. Thần nghe nói ngày xưa khi Lữ Thượng [*Lữ Thượng còn gọi là Lã Vọng. Trong những hòn non bộ ở ta thường có ông Lã Vọng ngồi câu cá.*] gặp Văn Vương, thì Lữ Thượng chỉ là người câu cá ở bên sông Vị mà thôi. Như thế tức là quen biết sơ. Sau khi nói

xong, Văn Vương lập Lữ Thượng làm thái sư, chở lên xe cùng về. Đó là vì lời nói của ông ta sâu sắc [*Then chốt của đoạn này là mấy chữ "quen biết thì sơ nhưng lời nói thì sâu cho nên đành phải dè dặt. Ở đây đồng thời ngụ ý tự cho mình là Lã Vọng, lại hy vọng nhà vua sẽ là Văn Vương, tức là có ý.*]. Cho nên Văn Vương nhờ có Lữ Thượng mà lập được công, cuối cùng làm vương cả thiên hạ. Trước đây giả sử Văn Vương coi Lữ Thượng là người xa lạ, không cùng nói những lời sâu sắc, thì nhà Chu đã không có cái đức làm thiên tử, và Văn Vương, Vũ Vương không nhờ ai để lập nên nghiệp vương. Ngày nay thần là một người tôi ở trọ [*Ý nói mình không gắn bó với nhà vua.*], với nhà vua là kẻ sơ giao, nhưng việc thần muốn trình bày lại là những việc giúp đỡ nhà vua, đụng chạm đến nơi cốt nhục của người ta [*Nói bóng gió việc Nhương Hầu và Tuyên thái hậu.*], thần muốn đem tấm lòng trung ngu đại của mình đề tâu lên nhưng chưa biết lòng vua như thế nào. Vì vậy cho nên nhà vua hỏi ba lần mà thần vẫn không dám đáp. Không phải thần có điều lo sợ nên không dám nói đâu. Thần biết rằng hôm nay được nói trước mặt nhà vua, rồi ngày mai sẽ bị chết, nhưng thần cũng không dám từ chối [*Đoạn này dài, hoàn toàn không liên quan đến điều trình bày nhưng rất quan trọng để chuẩn bị trước cho nhà vua nghe theo ý của mình. Chú ý Phạm Thự nhắc đến chỗ "chết" mười một lần, chỗ "không sợ" bốn lần, cốt làm cho nhà vua nóng ruột, bị thuyết phục hoàn toàn trước khi nghe. (Xem bài "Thuyết nan" trong Thân Hàn)*]. Nếu đại vương quả thực tin dùng lời nói của thần thì đối với thần, cái chết không phải là điều đáng lo, việc trốn tránh không đáng làm cho thần sợ, việc sơn mình làm người hủi, bện tóc làm người điên, cũng không đủ làm cho thần xấu hổ [*Lại đưa ra một trường hợp cực đoan, trái với trường hợp Văn Vương để kích thích nhà vua. Vua Trụ hôn ám, Ty Can bị giết.*]. Và chẳng Ngũ đế là những người thánh mà chết, Tam vương là nhân, người nhân mà chết, Ngũ bá là những người hiền mà chết, Ô Hoạch, Nhiệm Bỉ là những người khỏe mà chết, Thành Kinh, Mạnh Bôn Vương Khánh Ky, Hạ Dục là những người dũng cảm mà chết. Cái chết là điều người ta không ai tránh khỏi. Gặp cái thế tất nhiên, nếu có làm được điều gì có thể bổ ích cho nước Tần một chút thì đó là điều thần rất mong muốn vậy, thần có sợ gì đâu? Ngũ Tử Tư bị bỏ vào đẫy đem ra khỏi cửa Chiêu Quan, ban đêm đi, ban ngày thì nấp, đến đất Lãng Thủy không có gì nuôi miệng, bèn quỳ bằng đầu gối, bò lết, cúi đầu lạy ở trần, vỡ bụng, thối sáo, ăn xin ở chợ Ngô, cuối cùng làm cho nước Ngô hưng khởi. Hạp Lu thành bá.

Nếu như thần được trình bày tất cả mưu kế của mình như Ngũ Tử Tư, thì dù phải suốt đời không được gặp lại nhà vua, nhưng cái thuyết của thần được thi hành, thì thần có gì là lo sợ? Cơ Tử, Tiếp Dư sơn mình làm người hủi,

bện tóc làm người điên, nhưng vô ích đối với nhà vua. Nếu như thần được xếp cùng một hàng với Cơ Tử nhưng lại có điều bổ ích cho vị vua mình cho là người hiền, thì đó thực là một vinh dự lớn của thần, thần có xấu hổ gì đâu? Điều thần sợ chỉ là sợ rằng sau khi thần chết thiên hạ thấy thần tận trung mà chết, vì vậy cho nên khóa miệng, bó chân không ai dám hướng về nước Tần mà thôi. Bệ hạ ở trên thì sợ thái hậu nghiêm khắc, ở dưới bị bọn gian thần lừa dối, ngồi ở trong thâm cung chưa hề rời khỏi tay người nâng niu, suốt đời bị mê hoặc, không có ai nêu rõ gian tà. Tai họa này nếu lớn thì tôn miếu bị tiêu diệt, nếu nhỏ thì bản thân mình cô độc hiểm nguy, đó là điều thần sợ [*Đe dọa và khích vua Tần tức giận.*]. Còn như việc cùng khổ, sỉ nhục, chết chóc thì thần đâu dám sợ. Nếu thần chết mà nước Tần được thịnh trị thì còn hơn là sống.

Vua Tần quỳ xuống nói: -Sao tiên sinh nói thế. Nước Tần ở nơi xa xôi hẻo lánh, quả nhân ngu dại, tiên sinh đã hạ cố đến đây, đó là trời kia đưa quả nhân đến làm phiên tiên sinh để bảo tồn tôn miếu của tiên vương vậy. Quả nhân được nghe lời chỉ giáo của tiên sinh, đó là trời thương đến tiên vương mà không vứt bỏ đứa con cô cút. Tiên sinh có việc gì mà nói như vậy? Bất kỳ việc lớn việc nhỏ, trên từ thái hậu, dưới đến các quan đại thần, xin tiên sinh chỉ giáo hết cho quả nhân, chứ đừng nghi ngờ quả nhân [*Mánh khéo này làm cho vua Tần từ địa vị một ông vua chuyển sang địa vị một người cầu khẩn. Trái lại, Phạm Thu đã từ địa vị một người cầu khẩn sang địa vị một ân nhân. Việc chuẩn bị tâm lý mà thuật du thuyết đòi hỏi đã đạt được bước đầu.*].

Phạm Thu lạy mà vua Tần cũng lạy. Phạm Thu nói: -Nước của đại vương bốn phía có biên giới vững vàng: phía Bắc có núi Cam Tuyền, cửa ải Cốc Khẩu, phía Nam có dãy sông Kinh, sông Vị, bên phải có đất Lũng Tây, đất Thục, bên trái có cửa ải Hàm Cốc, núi Hào, quân đội thiện chiến có trăm vạn, xe trận có ngàn cỗ, gặp lợi thì xông ra đánh, bất lợi thì rút vào cố thủ. Đó là đất của bậc vương giả vậy. Dân khiếp sợ việc đánh nhau riêng, nhưng dũng cảm trong việc chiến đấu cho nước nhà, đó là dân của bậc vương giả. Nhà vua nắm được cả hai cái đó [*Hai cái là địa lợi, nhân hoà.*]. Còn việc lấy quân đội Tần dũng mãnh, xe ngựa đông đúc để không chế chư hầu thì cũng dễ như xua chó Lô của nước Hàn [*Tên một con chó khoẻ.*] đuổi đánh con thỏ què vậy. Cơ nghiệp bá vương có thể làm được nhưng vì các quan không ai xứng chức vị của mình, cho nên đóng cửa ải đến nay đã mười lăm năm, không dám đem binh lực đánh các nước ở Sơn Đông. Sở dĩ như vậy là vì Nhương Hầu không trung thành với việc mưu lợi ích cho nước Tần và kế của đại vương có chỗ sai lầm vậy.

Vua Tần quỳ xuống nói: -Quả nhân xin nghe xem kế của quả nhân sai

làm như thế nào?

Thấy xung quanh có nhiều người nghe trộm, Phạm Thu sợ không dám nói việc trong nhà, chỉ nói việc ngoài trước để dò xem ý của nhà vua như thế nào [*Để chứng minh mưu kế đem quân Tần vượt qua Hàn, Ngụy để đánh Tề là sai, Phạm Thu dẫn trường hợp của Tề. Năm 285 trước Công nguyên, Tề đem quân đi xa đánh Sở. Vua sai Nhạc Nghị thống lĩnh quân các nước Yên, Triệu, Ngụy đánh Tề thua to (xem Nhạc Nghị liệt truyện) Phạm Thu kết luận bằng một câu tục ngữ.*]. Phạm Thu bèn nói: -Nhuông Hầu muốn vượt qua nước Hàn, nước Ngụy để đánh đất Cương Thọ của nước Tề, đó không phải là kế hay. Nếu đem ít quân thì không đủ để làm tổn thương nước Tề, đem nhiều quân thì hại đến nước Tần. Theo như ý của thần thì kế của nhà vua là mình đem ít quân, nhưng lại bắt nước Hàn, nước Ngụy dốc hết binh lực của họ để đánh Tề. Điều đó thật vô lý. Nay nếu ta đã thấy nước theo mình không thân với mình mà lại vượt qua nước người ta để đánh nước khác, thì hỏi có được hay không? Mưu kế như vậy là sơ hở đấy. Vả chẳng ngày xưa vua Dẫn Vương nước Tề, phía Nam đánh Sở, phá quân diệt tướng, hai lần mở mang đất đai ngàn dặm, nhưng rốt cuộc nước Tề vẫn không lấy được một tấc đất nào. Điều đó đâu phải là vì vua Tề không muốn lấy đất, nhưng chỉ vì tình thế không cho phép làm như vậy. Chư hầu thấy nước Tề mỗi một, vua tôi không hòa, đem quân đánh tan quân Tề. Tướng sĩ bị nhục, binh lính bị khốn đốn, đều đổ lỗi cho nhà vua, nói: - "Ai bày ra kế này đây?". Nhà vua nói: "Văn Tử đấy" [*Văn Tử tức Mạnh Thường Quân.*]. Đại thần làm loạn, Văn Tử chạy ra nước ngoài. Cho nên nước Tề sở dĩ thua to là vì nó đánh Sở, làm cho nước Hàn, nước Ngụy được béo. Cách đó gọi là "trao binh khí cho giặc, đem lương thực cho kẻ cướp vậy". Chi bằng nhà vua cứ giao hiếu với nước ở xa là đánh nước ở gần, được tấc đất nào là tấc đất của nhà vua, được thước đất nào là thước đất của nhà vua. Nay nhà vua lại bỏ kế đó mà đánh nước ở xa, thế chẳng phải là sai hay sao? Đấy xưa kia nước Trung Sơn đất vuông năm trăm dặm mà bị một mình nước Triệu nuốt hết. Nước Triệu công thành danh toại, lại được thêm cái lợi nữa, thế mà thiên hạ không ai làm hại được nó [*Đưa ra một dẫn chứng khác để bênh vực học thuyết "giao hiếu với các nước ở xa mà đánh những nước ở gần. Nước Triệu một mình đã nuốt hết nước Trung Sơn to lớn mà chẳng ai làm được gì, vì Triệu ở gần Trung Sơn.*]. Nay các nước Hàn, Ngụy là những nước ở giữa, là nơi then chốt của thiên hạ. Nếu nhà vua muốn làm nghiệp bá thì thế nào cũng phải hòa thân với các nước ở giữa làm nơi then chốt cho thiên hạ để uy hiếp nước Sở, nước Triệu. Nếu nước Sở mạnh thì ta bênh vực nước Triệu, nước Triệu mạnh thì ta bênh vực nước Sở. Cả hai nước Triệu, Sở cùng theo ta thì thế nào nước Tề cũng hoảng sợ. Nước Tề hoảng sợ thì thế nào cũng dùng lời lẽ khiêm tốn, đem

nhieu của cải đến để thờ nước Tần. Một khi nước Tề đã theo ta thì có thể cầm tù được nước Hàn, nước Ngụy [*Then chốt mưu kế Phạm Thư là lấy Hàn, Ngụy ở gần mà giao hiếu với Tề ở xa. Nhưng muốn lấy Hàn, Ngụy thì trước hết phải cô lập nó, cho nên đầu tiên phải giao hiếu với nó để nó thoát ly ảnh hưởng của các nước lớn Tề, Sở, Triệu. Sau đó phải làm sao cho Sở, Triệu phải phục tùng theo mình không can thiệp vào việc đánh Hàn, Ngụy. Muốn vậy thì xui hai nước đánh nhau, giúp nước yếu đánh nước mạnh, làm cả hai nước đều kiệt quệ mà phải thân phục tùng mình. Một khi Hàn, Nly, Triệu, Sở đã thuận phục rồi thì nước Tề lúc bấy giờ tự mình, hứng ỏ vào thế cô, nên thế nào cũng phải giao hiếu với Tần khi ấy giao hiếu với các nước xa xôi rồi, việc lấy Hàn, Ngụy dễ như trở bàn tay.*].

Chiêu Vương nói: -Ta muốn thân với nước Ngụy đã lâu, nhưng nước Ngụy là nước hay thay đổi luôn, quả nhân không thể hòa thân được, xin cho biết làm thế nào để hòa thân với Ngụy.

Phạm Thư đáp: -Nhà vua dùng lời lẽ nhún nhường, đem nhiều của cải đến để phụng sự họ, nếu không được thì cắt đất mình mà đút lót cho họ nếu làm thế cũng không được thì phải đem binh mà đánh.

Nhà vua nói: -Quả nhân xin vâng theo lời chỉ giáo.

Bèn cho Phạm Thư làm khách khanh [*Chức quan ở trên cấp đại phu.*] lo việc binh, cuối cùng nhà vua nghe theo mưu kế của Phạm Thư, sai ngũ đại phu và Uyển đánh Ngụy, lấy đất Hoài, hai năm sau đánh lấy đất Hình Khâu.

Khách khanh Phạm Thư lại nói với Chiêu Vương: -Địa hình của nước Tần và nước Hàn cài vào nhau như bức gấm thêu. Nước Tần có nước Hàn cũng như cây gỗ có mọt, như con người có bệnh ở trong tim trong ruột vậy. Trong thiên hạ không có biến thì thôi, chứ đã có biến thì chẳng nước nào làm cho Tần phải lo sợ bằng nước Hàn đâu! Nhà vua thu phục Hàn là hơn cả.

Chiêu Vương nói: -Ta từ lâu đã muốn thu phục nước Hàn, nhưng nước Hàn không nghe, vậy phải làm thế nào?

Phạm Thư đáp: -Nước Hàn không nghe sao được? Nhà vua đem binh xuống đánh Huỳnh Dương thì con đường giao thông của đất Củng và đất Thành Cao bị tắt. Sau đó, quay về phía Bắc chặn đường Thái Hàng thì quân ở Thượng Đảng [*Thượng Đảng ở phía Bắc đất Hàn. Chặn đường Thái Hàng thì quân Hàn ở phía Bắc không xuống miền Nam mà tiếp viện được.*] không xuống được. Một khi nhà vua đem binh đánh Huỳnh Dương thì nước Hàn sẽ bị chia cắt thành ba khúc, nước Hàn thấy mình thế nào cũng mất, không nghe theo sao được? Nếu như nước Hàn nghe theo thì có thể lo đến cơ nghiệp bá.

Nhà vua nói: -Phải đấy.

Bèn sai sứ sang nước Hàn.

Phạm Thu ngày càng thân với nhà vua, được nhà vua tin dùng trong mấy năm. Phạm Thu bèn nói riêng với nhà vua [*Sau mấy năm mới đưa chủ ý ra bàn. Lúc bấy giờ Phạm Thu đang chuẩn bị đầy đủ cho nhà vua để nhà vua nghe theo mình.*]: -Khi thần ở Sơn Đông, thần nghe ở nước Tề có Điền Văn chứ không có vua Tề, nghe Tần có thái hậu, có Nhưong Hầu, Hoa Dương, Cao Lăng, Kinh. Dương chứ không nghe nói có vua [*Đưa ra một nhận xét kỹ quặc để nhân đó giải thích định nghĩa của khái niệm vua.*]. Phạm có nắm được toàn quyền trong nước mới gọi là vua, có nắm được quyền sinh sát mới gọi là vua. Nay thái hậu tự tiện chuyên quyền không đếm xỉa đến nhà vua, Nhưong Hầu cho sứ ra đi không báo với nhà vua, Hoa Dương, Kinh Dương xét xử người ta không nể nang ai hết, Cao Lăng muốn làm hay muốn thôi, không cần hỏi nhà vua. Nước có bốn hạng người cao quý ấy mà không nguy thì xưa nay chưa hề có vậy. Nếu người ta theo bốn hạng người quý ấy thì có thể gọi không có nhà vua. Như thế thì uy quyền làm sao cho khỏi bị phá hoại, nhà vua làm sao còn có thể ban hành mệnh lệnh được nữa? Thần nghe nói vị vua giỏi trị nước thì ở trong nước nắm chắc lấy cái uy thế của mình, ở ngoài nước coi trọng cái quyền lực của mình. Sứ giả của Nhưong Hầu nắm lấy quyền lực của nhà vua, uy hiếp chư hầu, chặt phù với thiên hạ, đem quân đánh nước người, ai cũng phải nghe theo. Nếu Nhưong Hầu đánh thắng, lấy được đất thì cái lợi lại quay về đất Đào, còn chư hầu thì chịu thiệt hại, nếu Nhưong Hầu đánh thua thì nhà vua kết oán với trăm họ, mà nước nhà lại phải chịu tai họa. Thơ có câu: "Cây mà nhiều quả thì làm gãy cành, cành bị gãy thì hại đến gốc. Làm đồ thành lớn thì nguy cho nước, đề cao bày tôi thì hạ thấp nhà vua" [*Ý nói nếu chú trọng đến cái ngọn thì hại cái gốc.*]. Thôi Trữ, Trác Xi cai trị nước Tề, bắn vào đền nhà vua, rút gân nhà vua, treo nhà vua lên xà ở miếu, một ngày sau thì chết. Lý Đoái cai trị nước Triệu, giam Chủ Phụ [*Chủ Phụ tức là Vũ Linh Vương nước Triệu. Phạm Thu đưa ra hai thí dụ để chứng minh cái nguy của nhà vua, và tìm những thí dụ nổi bật làm nhà vua phải sợ.*] ở Sa Khâu được một trăm ngày thì Chủ Phụ chết đói. Nay thần nghe nói Tần thái hậu, Nhưong Hầu chuyên quyền, Cao Lăng, Hoa Dương, Kinh Dương giúp cho họ, như thế kết quả là sẽ không còn vua Tần nữa, đó cũng là cái loại Trác Xi, Lý Đoái vậy. Vả chăng, đời Tam đại, sở dĩ nước mất là vì nhà vua cứ giao việc nước cho bày tôi, tha hồ uống rượu, săn bắn, không lo việc chính sự. Những kẻ mà vua trao quyền binh là những kẻ ghen người hiền, ghét người có tài, đàn áp kẻ dưới, che mắt người trên để làm việc riêng của mình. Họ không lo đến việc nhà vua, nhưng nhà vua không tỉnh ngộ, vì vậy cho nên mất nước. Nay từ người quan nhỏ nhất trở lên, cho đến những vị quan lớn, thậm chí cả những người hầu hạ xung quanh nhà vua, không ai không phải là người của thừa tướng. Thần thấy nhà vua

đứng một mình ở triều, thần trộm lo cho nhà vua, vạn thế sau này người làm vua nước Tần, sẽ không phải là con cháu nhà vua nữa [*Câu này cắt nghĩa lời nói của Phạm Thù: "Nước Tần nguy nhất trớng để đầu đảng", và thái độ dè dặt của Thù khi gặp Chiêu Vương.*].

Chiêu Vương nghe vậy, hoảng sợ, nói: -Phải đấy.

Bèn phé truất thái hậu, đuổi Nhưong Hầu, Cao Lăng, Hoa Dương, Kinh Dương ra ngoài cửa ải. Vua Tần bèn cho Phạm Thù làm thừa tướng. Vua Tần thu ấn của Nhưong Hầu, sai Nhưong Hầu trở về đất Đào, nhân đó sai các quan cấp cho xe bò để chuyên chở đồ đạc. Đồ đạc chở hơn một ngàn cỗ xe. Khi đến cửa ải, người giữ cửa ải xét lại những đồ quý báu thì thấy những đồ của cải quý báu nhiều hơn cả cung vua. Vua Tần phong cho Phạm Thù đất Ứng, hiệu là Ứng Hầu. Bấy giờ là năm thứ 41 đời Tần Chiêu Vương [*Năm 266 trước Công Nguyên.*].

3. Phạm Thù báo án, báo oán

Sau khi Phạm Thù làm thừa tướng nước Tần, nước Tần gọi ông ta là Trương Lộ. Nước Ngụy không biết, cho là Phạm Thù chết đã lâu. Nước Ngụy nghe nói nước Tần sắp đem quân sang Đông đánh các nước Hàn, Ngụy, nên sai Tu Giả đến nước Tần. Phạm Thù nghe vậy cải trang, mặc áo quần lam lũ, đi bộ lên đến nhà khách, yết kiến Tu Giả. Tu Giả thấy Thù liền kinh ngạc hỏi: -Phạm Thù vẫn không can gì sao?

Phạm Thù đáp: -Phải.

Tu Giả cười nói: -Phạm Thù đến làm thuyết khách ở nước Tần phải không?

-Thưa không ạ. Trước đây, Thù có tội với tướng quốc nước Ngụy, cho nên bỏ trốn đến đây, đâu dám làm thuyết khách.

-Nay Phạm Thù làm việc gì?

Phạm Thù nói: -Tôi làm thuê cho người ta.

Tu Giả trong bụng thương hại, giữ lại cùng ngồi ăn cơm, nói: -Phạm Thù nghèo khổ đến thế sao?

Bèn lấy một cái áo bào thêu cho Phạm Thù. Nhân đấy, Tu Giả hỏi: -Anh có biết thừa tướng nước Tần là Trương Quân không? Tôi nghe nói ông ta được nhà vua yêu quý, việc trong thiên hạ đều do thừa tướng quyết định. Công việc của tôi bây giờ thành công hay thất bại đều tùy ở Trương Quân cả. Nay anh, anh có ai bạn bè quen biết quan thừa tướng không?

Phạm Thù nói: -Ông chủ của tôi quen biết ông ta, nên tôi cũng có thể vào bái yết. Thù này xin giúp ông để cho ông yết kiến Trương Quân.

Tu Giả nói: -Con ngựa của ta mắc bệnh, trục xe gãy, không có xe tứ mã lớn, nên ta không đi ra.

Phạm Thụ nói: -Tôi sẽ nói ông chủ của tôi mượn cho ông cái xe tứ mã lớn.

Phạm Thụ về lấy xe tứ mã đưa cho Tu Giả và đánh xe cho Tu Giả vào phủ thừa tướng nước Tần. Người trong phủ nhận ra Phạm Thụ, ai nấy đều ần nấp trốn tránh. Tu Giả lấy làm lạ. Khi đến cửa nhà thừa tướng, Phạm Thụ nói với Tu Giả: -Ông hãy đợi tôi một lát, tôi xin vào trước để báo với thừa tướng.

Tu Giả đợi ở ngoài cửa, dừng xe hồi lâu, hỏi người môn hạ: -Ông Phạm Thúc không ra là tại làm sao?

Người môn hạ nói: -Không có ai là Phạm Thúc cả.

Tu Giả nói: -Lúc này ông ta cùng tôi đi vào đây mà.

-Đó là quan thừa tướng của chúng tôi đây.

Tu Giả cả kinh biết rằng mình bị lừa, bèn cỡi trần đi bằng đầu gối rồi nhờ người môn hạ vào xin tha tội. Bấy giờ Phạm Thụ bày màn trướng nghiêm chỉnh, kẻ hầu người hạ rất đông để tiếp kiến.

Tu Giả cúi đầu nói: -Tội tôi đáng chết, giả tôi không ngờ ngài có thể tự mình lên đến tận mây xanh. Từ nay Giả không dám đọc sách thiên hạ, bàn việc thiên hạ nữa. Giả có cái tội phải bỏ vào vạc nước sôi, cúi xin ngài đuổi đến nơi man rợ, ngài cho sống thì được sống, ngài bắt chết thì xin chịu chết [*Qua lời nói này ta thấy rõ uy lực của Tần đối với chư hầu lúc bấy giờ như thế nào.*].

Phạm Thụ nói: -Nhà ngươi có mấy tội?

-Nhỏ hết tóc của Giả để tính tội của Giả cũng còn chưa đủ.

Phạm Thụ nói: -Nhà ngươi chỉ có ba tội mà thôi. Trước đây thời Kinh Chiêu Vương, Thân Bao Tư vì nước Sở mà đuổi quân Ngô, vua Sở phong cho ông ta đất Kinh năm nghìn hộ, Bao Tư từ chối không nhận vì mồ mả của ông cha đều ở đất Kinh [*Bao Tư từ chối cho rằng sở dĩ mình cứu nước Sở là vì mồ mả của mình ở Kinh thuộc đất Sở, như vậy là vì mình mà làm chứ không phải vì nước Sở (Xem Ngũ Tử Tư liệt truyện)*]. Nay mồ mả cha ông của Thụ này cũng đều ở đất Ngụy, nhà ngươi trước đây cho rằng Thụ này có ngoại tâm đối với Tề, gièm pha Thụ với Ngụy Tề, đó là một tội. Lúc Ngụy Tề làm nhục ta ở trong nhà xí, nhà ngươi không ngăn cản, đó là hai tội. Đến khi uống rượu say lại đá vào ta, sao mà nhà ngươi nhẫn tâm đến thế! Đó là ba tội. Nhưng sở dĩ nhà ngươi được khỏi chết, là vì còn thương hại ta, tặng cái áo bào, tức là còn có tình nghĩa với người cũ, cho nên ta tha cho nhà ngươi.

Phạm Thụ bèn tha tội và đuổi Tu Giả ra, vào nói với Chiêu Vương tha cho Tu Giả trở về.

Tu Giả từ giả Phạm Thụ, Phạm Thụ mở tiệc lớn, mời tất cả sứ thần các

nước chư hầu ngồi trên nhà ăn uống rất sang, rất hậu. Trái lại Tu Giả phải ngồi ở dưới thềm. Phạm Thu sai đặt một cái máng cho ngựa ăn trước mặt, sai hai người tội nhân bị chạm vào mặt, cho y ăn như người ta cho ngựa ăn vậy.

Phạm Thu mắng: -Nhà ngươi nói với vua Ngụy hộ ta rằng khá mau mau xách đầu Ngụy Tề đến đây! Nếu không, ta sẽ làm cỏ thành Đại Lương.

Tu Giả về báo với Ngụy Tề. Ngụy Tề sợ chạy trốn đến nước Triệu ở nhà Bình Nguyên Quân..

Sau khi Phạm Thu đã làm thừa tướng. Vương Kê nói với Phạm Thu: -Có ba việc không thể biết, có ba việc không biết làm thế nào. Xe cung một sớm ra muện, đó là điều thứ nhất không thể biết [*ý nói một ngày kia nhà vua chết.*]. Ngài bỗng nhiên bỏ quán xá, đó là điều thứ hai không thể biết [*ý nói Phạm Thu chết.*]. Tôi bỗng nhiên bị vất ra ngoài ngòi rãnh [*ý nói tôi bị tội chết.*], đó là điều thứ ba không thể biết. Nếu xe vua một sớm ra muện thì ngài tuy giận tôi, cũng không biết làm thế nào. Nếu ngài đột nhiên rời khỏi quán xá, thì ngài tuy giận tôi [*Dùng lối nói phản ngữ, ý nói yêu tôi.*] cũng không biết làm thế nào. Nếu tôi đột nhiên bị ném ra ngoài ngòi rãnh thì ngài tuy có giận tôi, cũng không biết làm thế nào.

Phạm Thu không vui vào nói với nhà vua: -Nếu không có Vương Kê trung thành thì không ai có thể đưa thần vào cửa ải Hàm Cốc, nếu nhà vua không phải bậc hiền thánh thì không có ai có thể làm cho thần được vinh hiển. Nay thần làm quan đến thừa tướng, tước đến bậc hầu, mà Vương Kê chỉ đến chức yết giả đó không phải là ý của ông ta khi đưa thần vào cửa ải.

Chiêu Vương gọi Vương Kê đến, cho làm thái thú Hà Đông, ba năm không báo lên nhà vua về việc cai trị ở đấy [*Theo lệ của Tần, thái thú sau một năm phải báo cáo về tình hình cai trị ở quận một lần.*].

Thu lại tiến cử Trịnh An Bình. Chiêu Vương cho Trịnh An Bình làm tướng quân. Phạm Thu bèn phân tán tài sản trong nhà đem tất cả ra báo ơn những người đã giúp mình trong cảnh khốn khổ. Người mình chịu ơn một bữa ăn cũng báo, người ta trợn mắt với mình một cái cũng trả thù. Phạm Thu làm thừa tướng nước Tần được hai năm.

Năm thứ 42 đời Tần Chiêu Vương (năm 265 trước Công nguyên), Phạm Thu sang Đông đánh Hàn, lấy đất Thiệu Khúc, Cao Bình, Tần Chiêu Vương nghe nói Ngụy Tề ở Bình Nguyên Quân, muốn báo thù cho Phạm Thu, bèn giả vờ viết một bức thư dùng lời lẽ khôn khéo đưa cho Bình Nguyên Quân, nói: -Quả nhân nghe nói ngài cao nghĩa muốn cùng ngài làm bạn áo vải, nếu may mắn được ngài đến với quả nhân thì quả nhân xin cùng ngài uống rượu mười ngày.

Bình Nguyên Quân sợ Tần, vả lại cũng cho là phải nên vào nước Tần yết

kiến Chiêu Vương. Chiêu Vương cùng Bình Nguyên Quân uống rượu mấy ngày. Chiêu Vương nói với Bình Nguyên Quân: -Xưa Chu Văn Vương được Lữ Thượng cho làm thái công, Tề Hoàn Công được Quản Di Ngô cho làm trọng phụ. Nay Phạm Quân cùng là bậc thúc phụ của quả nhân, kẻ thù của Phạm Quân ở nhà ông. Xin ông cho người về lấy đầu của hắn đem lại đây, nếu không ta không cho ông ra khỏi cửa ải đầu.

Bình Nguyên Quân nói: -Tuy mình sang, nhưng kết bạn với người ta là vì không quên cái nghĩa lúc mình còn thấp hèn. Tuy mình giàu, nhưng chơi với người ta là vì không quên cái nghĩa lúc mình còn nghèo túng. Ngụy Tề là bạn của Thắng, nếu ở nhà tôi, cố nhiên tôi không đem ra nộp, phương chi ông ta lại không ở nhà tôi.

Chiêu Vương bèn đưa thư cho vua Triệu, nói: -Em trai của nhà vua ở Tần, kẻ thù của Phạm Quân là Ngụy Tề hiện đang ở nhà Bình Nguyên Quân. Nhà vua mau mau sai người đem đầu hắn lại đây, nếu không, ta sẽ đem binh đánh Triệu, lại không cho em nhà vua ra khỏi cửa ải đầu.

Vua Triệu là Hiếu Thành Vương bèn đem binh lính vây nhà Bình Nguyên Quân rất gấp, đang đêm Ngụy Tề trốn ra, ra mắt tướng quốc nước Triệu là Ngu Khanh. Ngu Khanh xem chừng không thể can nỏi nhà vua, bèn cởi ấn tướng quốc, cùng Ngụy Tề bỏ trốn, lên ra đi. Nghĩ không thể trốn tránh ở nước chư hầu nào trong lúc nguy cấp cho nên lại chạy về Đại Lương, muốn nhờ Tín Lãng Quân để chạy sang nước Sở. Tín Lãng Quân nghe tin, sợ Tần, đang do dự chưa dám tiếp kiến, nói: -Ngu Khanh là người như thế nào?

Lúc bấy giờ Hầu Doanh ở bên cạnh nói: -Con người ta thật là không dễ biết hết, biết người cũng không phải dễ. Ngu Khanh [*Xem Bình Nguyên Quân, Ngu Khanh liệt truyện.*] đi giày rơm, mang dù yết kiến vua Triệu, lần thứ nhất được thưởng một đôi bạch bích, một trăm cân vàng, yết kiến lần thứ hai được phong làm thượng khanh, yết kiến lần thứ ba được trao ấn tướng quốc, phong vạn hộ hầu. Trong lúc bấy giờ thiên hạ tranh nhau muốn biết ông ta. Thế mà khi Ngụy Tề cùng khốn đến nhà Ngu Khanh, Ngu Khanh không dám cho tước lộc là tôn quý, cởi ấn tướng quốc, bỏ tước vạn hộ hầu mà lên ra đi. Nay kẻ sĩ nguy cấp khốn cùng chạy về với công tử, công tử lại nói "người như thế nào", thực là con người không dễ biết, biết người cũng không dễ vậy.

Tín Lãng Quân cả thẹn, lên xe ra ngoài đồng để đón.

Ngụy Tề nghe nói Tín Lãng Quân lúc đầu ngại tiếp kiến mình nên nổi giận tự đâm cổ chết. Vua Triệu nghe tin lấy đầu của Tề đưa cho nước Tần. Tần Chiêu Vương bèn cho Bình Nguyên Quân về nước Triệu.

4. Những người Phạm Thư tiên cử làm phản

Năm thứ 43 đời Tần Chiêu Vương (năm 264 trước Công nguyên), quân Tần đánh lấy đất Phần Hình của nước Hàn, nhân đó xây thành Quảng Vũ ở trên sông Hoàng Hà. Năm năm sau, Chiêu Vương đúng kế của Ứng Hầu tung phản gián vào mua chuộc nước Triệu. Vua Triệu vì vậy cho con Mã Phục thay Liêm Pha làm tướng [*Tức Triệu Quát. Xem Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện.*]. Quân Tần phá tan quân Triệu ở Trường Bình, rồi vây Hàm Đan. Ít lâu sau, Vũ An Quân là Bạch Khởi có hiềm khích với Ứng Hầu, Ứng Hầu gièm với nhà vua và giết Bạch Khởi, sai Trịnh An Bình đánh Triệu. Trịnh An Bình bị quân Triệu vây rất gấp cho nên đem hai vạn quân đầu hàng nước Triệu. Ứng Hầu ngồi trên chiếu cỏ xin chịu tội. Theo pháp luật nhà Tần, người tiến cử và người được tiến cử không tốt đều có tội như nhau, vì vậy, Ứng Hầu đáng lý bị tội giết cả ba họ. Vua Tần Chiêu Vương sợ phạm đến Ứng Hầu bèn ra lệnh trong nước: "Ai dám nói đến việc Trịnh An Bình thì sẽ trị theo tội của Trịnh An Bình", trái lại, lại thưởng cho Ứng Hầu đồ ăn hậu hơn trước, hết sức làm cho Ứng Hầu an tâm. Hai năm sau, Vương Kê làm thái thú Hà Đông, tư thông với chư hầu [*Điều này cắt nghĩa câu "ba năm không báo lên nhà vua về việc cai trị" ngỡ như thừa.*] bị tội giết [*Phạm Thư theo luật Tần đáng bị giết ba họ hai lần.*], vì vậy Ứng Hầu ngày càng không vui.

Chiêu Vương ra triều thờ dài, Ứng Hầu tâu: -Thần nghe nói "vua lo thì tôi nhục, vua nhục thì tôi chết". Nay đại vương ra triều lo lắng, thần xin hỏi thần có tội.

Chiêu Vương nói: -Ta nghe nói kiếm sắt của nước Sở sắc mà việc ca múa lại kém. Phàm kiếm sắt mà sắc thì quân sĩ dũng cảm, ca múa mà kém thì suy nghĩ xa. Họ suy xa nghĩ rộng, có nhiều dũng sĩ, ta sợ nước Sở sẽ mưu lấy nước Tần. Phàm vật mà không chuẩn bị sẵn thì không thể ứng phó được trong lúc bất ngờ. Nay Vũ An Quân đã chết, bọn Trịnh An Bình làm phản, trong nước không có tướng giỏi, bên ngoài lại nhiều nước thù, ta lo lắng là vì thế.

Nhà vua muốn khích lệ ứng Hầu, Ứng Hầu lo sợ không biết bày mưu kế gì. Thái Trạch nghe vậy, vào nước Tần.

Thái Trạch

1. Du thuyết không thành công bèn sang Tần

Thái Trạch là người nước Yên, đi du học, xin làm quan ở các nước lớn, lại đến nước nhỏ chẳng được ai dùng, bèn đến nhờ Đường Cử xem tướng. Thái Trạch nói: -Tôi nghe tiên sinh xem tướng cho Lý Đoái, nói: "Nội trong năm ngày sẽ cầm quyền cả nước", điều đó có không?

-Có.

-Như tôi thế nào?

Đường Cử nhìn chăm chú rồi cười mà nói: -Tiên sinh mũi héch, vai lồi, mặt to, sống mũi tẹt, đầu gồ cong [*Toàn là những nét tầm thường, chẳng có cái gì đáng chú ý, thế mà muốn tự ví mình là Lý Đoái, cho nên Đường Cử gọi đùa là thánh nhân.*]. Tôi nghe nói "thánh nhân không thể lấy chuyện tướng mạo mà nói được", có lẽ tiên sinh là người như thế chăng?

Thái Trạch biết Đường Cử trêu mình, bèn nói: -Việc giàu sang thì tôi đã có sẵn rồi, chỉ chưa biết có sống lâu hay không. Tôi muốn biết điều đó.

Đường Cử nói: -Tiên sinh thọ từ giờ trở đi là 43 năm.

Thái Trạch cười từ giã ra đi, bảo người đánh xe: -Ta ăn gạo ngon, thịt béo, ruồi ngựa đi nhanh, mang ấn vàng, lưng buộc dây ấn màu tía, vái chào trước mặt nhà vua, giàu sang thì bốn mươi ba năm cũng đủ.

Thái Trạch sang Triệu bị Triệu đuổi, sang Hàn, Ngụy trên đường đi bị người ta cướp mất nôi, chảo. Nghe nói Ứng Hầu dùng Trịnh An Bình, Vương Kê, đều phạm tội nặng với nước Tần, trong bụng Ứng Hầu có ý thẹn, Thái Trạch bèn đi sang phía Tây vào Tần.

2. Thuyết được Phạm Thu và làm thừa tướng nước Tần

Khi sắp ra mắt Chiêu Vương, Thái Trạch sai người phao tin để khích cho Ứng Hầu giận [*Cách thuyết phục của Thái Trạch chẳng kém cách thuyết phục của Phạm Thu.*]: -Có người khách nước Yên tên là Thái Trạch là người biện sĩ kiến thức siêu việt, biện luận tài giỏi, khôn ngoan khác thường, anh ta nếu vào yết kiến vua Tần thì thế nào cũng làm ngài nguy khốn và giạt mất địa vị của ngài.

Ứng Hầu nói: -Việc Ngũ Đế, Tam Đại, học thuyết của bách gia, ta đều biết cả, lời biện luận của mọi người ta đều bẻ gãy được. Nó làm khốn thế nào được ta mà đoạt được địa vị của ta.

Phạm Thu cho người gọi Thái Trạch đến [*Đoạn này rất hay, nó là sự gặp gỡ của hai tay thuyết khách tìm mọi cách để thuyết phục nhau.*]. Thái Trạch vào vái chào Ứng Hầu. Ứng Hầu vốn đã không bằng lòng, đến khi tiếp kiến lại thấy y ngạo mạn, Ứng Hầu bèn trách y rằng: -Ông thường phao tin

rằng muốn thay ta làm thừa tướng nước Tần có phải không?

Thái Trạch đáp: -Phải.

Ứng Hầu nói: -Xin cho nghe thuyết của ông như thế nào?

Thái Trạch nói: -Ồ [*Đáng lý phải vậy.*], sao mà ngài thấy muộn thế. Đại phàm trật tự bốn mùa thay nhau đổi, thành công rồi thì rút lui. Thân thể mạnh mẽ, chân tay lạnh lẹn, tai mắt tỏ tường, trí khôn sáng suốt điều đó chẳng phải mọi kẻ sĩ đều muốn hay sao?

Ứng Hầu nói: -Phải.

Thái Trạch nói: -Nắm lấy điều nhân, giữ lấy điều nghĩa, làm việc hợp đạo thi hành ân đức, đặc chí trong thiên hạ, thiên hạ vui vẻ, tôn kính hâm mộ đều muốn tôn làm vua, đó chẳng phải là chí hướng của kẻ sĩ có tài biện thuyết hay sao?

Ứng Hầu nói: -Đúng.

Thái Trạch lại nói: -Giàu sang vinh hiển, xử lý vạn vật, khiến cho vạn vật đều êm đẹp, tính mạng lâu dài, sống trọn tuổi trời, không phải chết yếu. Thiên hạ nối được cái quy mô của mình, giữ được cơ nghiệp của mình, truyền mãi đến vô cùng, cả danh lẫn thực đều đẹp đẽ, ân đức tràn khắp ngàn dặm, đời đời khen ngợi không bao giờ dứt, cùng với trời đất không bao giờ cùng, đó chẳng phải là dấu hiệu của đạo đức, thánh nhân gọi đó là điềm lành, việc tốt đó sao?

Ứng Hầu nói: -Đúng.

Thái Trạch nói: -Xem việc nhà Tần đối với Thương Quân, nước Sở đối với Ngô Khởi, nước Việt đối với đại phu Chung thì kết cục của họ có làm ta vừa ý không? [*Toàn là giọng xước.*]

Ứng Hầu biết Thái Trạch muốn dùng cách biện thuyết để bắt bí mình, nên dùng lối nguy biện nói: -Tại sao lại không được. Công Tôn Ưởng thờ Hiếu Công suốt đời không hài lòng, chỉ lo việc công mà không nghĩ đến việc riêng, đặt ra dao cưa để cấm bọn gian tà, việc thưởng phạt đều rõ ràng, làm cho nước được thịnh trị, phơi gan ruột, bày tỏ nỗi lòng, chịu người ta oán giận, lừa bạn cũ, giành bắt công tử Ngang nước Ngụy, làm cho xã tắc nhà Tần được yên, làm lợi cho trăm họ, cuối cùng vì nước Tần bắt sống tướng địch, cướp đất ngàn dặm [*Thuyết khách trở tài với nhau cũng dùng toàn lối văn châm ngôn, so sánh, nhưng Phạm Thu là người quen cái lối nói ấy nên biết đối phó ngay.*]. Ngô Khởi thờ Điệu Vương, khiến cho việc riêng không được hại đến việc công, lời gièm pha không che được người trung thực, khi nghe lời nói, không cốt nghe kẻ a dua theo mình, không vì việc nguy mà thay đổi hành động, làm việc nghĩa không tránh hoạn nạn, chỉ lo làm sao cho nhà vua xung bá, làm cho nước được mạnh, không từ tai họa gian nguy. Đại phu Chung thờ Việt Vương, vua tuy bị khốn, bị nhục, nhưng mình vẫn đem

hết lòng trung thành không chút lười biếng, vua tuy ở trong cảnh nguy vong, vẫn đem hết lòng mà không rời công thành mà không khoe khoang, giàu sang mà không, kiêu ngạo nhác nhớn. Ba người kia đã đạt đến mức độ cao nhất của điều trung, cho nên người quân tử vì giữ nghĩa mà chết, trong lúc hoạn nạn, coi chết như về. Sống mà nhục chẳng bằng chết mà vinh. Kẻ sĩ vốn có cái nghĩa chịu hy sinh thân mình, để cho cái danh được thành. Chỉ cốt đó là đạo nghĩa thì dù có chết cũng không oán hận, có gì là không được đâu?

Thái Trạch nói: -Vua thánh, tôi hiền là cái phúc lớn trong thiên hạ, vua sáng tôi ngay là cái phúc của nước, cha nhân từ, con hiếu, chồng tín vợ trinh, đó là cái phúc của nhà. Vì vậy cho nên Tử Can [*Tử Can can vua Trụ mà bị giết, nhà Ân sau đó cũng mất.*] trung mà không thể bảo tồn được nhà vua Ân, Tử Tư khôn mà không thể bảo toàn được nước Ngô, Thân Sinh [*Ngũ Tử Tư biết nước Việt thế nào cũng tiêu diệt nước Ngô khuyên vua Ngô đánh Việt, nhưng vua Ngô không nghe. Tử Tư bị giết, sau đó nước Ngô cũng bị tiêu diệt.*] có hiếu mà nước Tấn nổi loạn. Họ đều là những tôi trung, con hiếu, nhưng nước nhà vẫn loạn lạc, vẫn bị tiêu diệt là tại làm sao? Vì không có vua sáng, cha hiền để nghe họ, cho nên thiên hạ đều căm ghét, mắng nhiếc vua và cha mà thương cho kẻ làm tôi và làm con. Nay Thương Quân, Ngô Khởi, đại phu Chung làm người tôi thì phải, nhưng vua của họ thì trái. Cho nên đời khen ba người này lập được công, nhưng vẫn không được báo đáp, chứ có phải thích việc họ không gặp thời mà chết đâu. Nếu cứ đợi chết rồi sau đó mới được gọi là trung, mới lập được danh tiếng thì Vi Tử [*Vi Tử can Trụ, Trụ không nghe. Vi Tử bỏ sang Chu.*] không đáng gọi là nhân, Khổng Tử không đáng gọi là thánh, Quản Trọng không đáng gọi là lớn. Người ta lập công, ai lại không muốn được thành đạt toàn vẹn? Thân và danh được toàn vẹn là tốt nhất. Danh có thể nêu gương mà thân thì chết đó là hạng thứ hai. Danh bị ô nhục mà thân được toàn vẹn thì đó là hạng bét. Lúc đó, Ứng Hầu mới khen là giỏi [*Trở lên Phạm Thư chỉ nói "đúng" vì cách lập luận cũng tầm thường, lúc này thấy Thái Trạch quả có tài thực. Phạm Thư mới khen giỏi.*].

Thái Trạch dần dần tìm ra chỗ hở [*Chỗ hở của Phạm Thư là không biết mình sẽ bị giết lúc nào, Phạm Thư muốn làm theo Thương Ương, Ngô Khởi cho nên sẵn sàng chờ chết mà không biết làm thế nào.*], bèn nói: -Thương Quân, Ngô Khởi, đại phu Chung làm tôi tận trung lập nên công, đó là điều đáng mong mỏi. Hoành Yêu thờ Văn Vương, Chu Công giúp Thành Vương, há không phải là bậc thánh trung hay sao [*Chu Công và Hoành Yêu đều lập công to, lại thành đạt toàn vẹn cho nên gọi là thánh trung.*]. Theo như ý ngài làm Thương Quân, Ngô Khởi, đại phu Chung với làm Hoành Yêu, Chu Công thì nên làm người nào hơn?

Ứng Hầu nói: -Thương Quân, Ngô Khởi, đại phu Chung không thể bằng được.

Thái Trạch nói: -Thế thì vua của ngài về mặt nhân từ, tin dùng kẻ trung thần, nhớ đến tình xưa nghĩa cũ, tôn trọng kẻ sĩ có tài và có đạo gắn bó với họ, không bỏ sót người công thần, so với Tần Hiếu Công, Sở Điệu Vương, Việt Vương thì ai hơn?

Ứng Hầu nói: -Chưa biết như thế nào.

Thái Trạch nói: -Nay nhà vua thân với kẻ trung thần nhiều lắm là như Tần Hiếu Công, Sở Điệu Vương, Việt Vương. Về mặt trổ tài trí lực, giúp cho nhà vua bình định được việc nguy, sửa sang chính trị, dẹp loạn, làm cho quân mạnh, trừ bỏ điều lo lắng, tiêu diệt điều tai nạn, mở mang đất đai, trồng tọt ngũ cốc, làm cho nước giàu, nhà no đủ, nhà vua mạnh, xã tắc được tôn trọng, tôn miếu được hiển vinh, thiên hạ không ai dám phạm đến nhà vua, uy thế của nhà vua vang dội khắp bốn bể, công lao vang lừng ở ngoài vạn dặm, thanh danh sáng ngời đến ngàn đời, thì ngài so với Thương Quân, Ngô Khởi, đại phu Chung ai hơn?

Ứng Hầu nói: -Ta không bằng.

Thái Trạch nói: -Nay nhà vua về mặt thân với kẻ trung thần, không quên tình xưa nghĩa cũ đã không bằng Hiếu Công, Điệu Vương, Câu Tiễn, mà về mặt công lao được tin yêu, thân cận ngài lại không bằng Thương Quân, Ngô Khởi, đại phu Chung. Đã thế, tước lộc, chức vị của ngài lại sang trọng hơn, nhà cửa của ngài lại giàu có hơn cả ba người kia, thế mà ngài còn chưa rút lui thì tôi sợ còn đáng lo hơn cả ba người kia. Tôi xin lo thay cho ngài. Tục ngữ có câu: "Mặt trời lên đến đỉnh đầu thì sẽ xế, trăng đầy thì khuyết, sự vật thịnh thì suy. Đó là cái lẽ thường của trời đất. Khi tiến khi lùi, khi đầy khi vơi theo thời tiến hoá, đó là cái đạo thường của thánh nhân. Cho nên "nước có đạo thì làm quan, nước không có đạo thì đi ở ẩn" [*Câu của Khổng Tử trong Luận Ngữ*]. Thánh nhân nói: "Rồng bay lên trời, lợi thấy kẻ đại nhân" [*Câu trong Kinh dịch, ý nói đã được địa vị tôn quý thì phải đề phòng*]. Bất nghĩa mà giàu sang thì ta xem như đám mây nổi" [*Câu của Khổng Tử trong Luận Ngữ*]. Nay oán thù ngài đã trả, ân đức ngài đã báo, điều sở nguyện đã đạt, thế mà không thay đổi cái kế của mình, thì tôi trộm cho ngài như thế là không nên. Vả chẳng con chim trả, chim hộc, con tê ngu, con viu, chỗ ở không phải là không xa chỗ chết, mà sở dĩ chết là vì ham mê. Tô Tần, Trí Bá không phải là không đủ trí khôn đề tránh điều nhục, tránh xa cái chết, nhưng sở dĩ đều chết, đó là vì tham lợi không chịu dừng lại [*Tô Tần đi du thuyết, làm tể tướng sáu nước, sau đó bị người đâm chết ở Tề. Trí Bá đem quân của Hàn, Ngụy đánh Triệu. Hàn, Ngụy sợ Trí Bá nên mưu với Triệu giết Trí Bá*], cho nên bậc thánh nhân đặt ra lễ để hạn chế cái lòng dục, lấy ở

dân có chừng mực, sai dân đúng thời vụ, dùng của cải của dân có mức độ. Cho nên trí họ không tự mãn, hành động của họ không kiêu, luôn luôn theo đạo mà không bỏ. Vì vậy giữ mãi được thiên hạ mà không mất. Ngày xưa Tề Hoàn Công nhóm họp chư hầu, chinh đốn thiên hạ, đến khi họp ở Quỳ Khâu thì có ý kiêu căng, chín nước phản lại, vua Ngô là Phù Sai, quân đội vô địch trong thiên hạ, dũng mãnh coi khinh chư hầu, lấn át nước Tề, nước Tấn cho nên rút cục thân bị giết, nước bị mất. Hạ Dục, Thái Sử Hiệu [*Tên những dũng sĩ thời cổ.*] hò hét làm ba quân sợ hãi, nhưng thân bị chết bởi một người tầm thường. Những người này thanh thế đã đến cực thịnh, nhưng không quay về với đạo lý, không khiêm tốn rút lui để an tâm chịu nghèo hèn cho nên mới xảy ra tai họa như thế! Thương Quân làm pháp lệnh cho Tần Hiếu Công, cấm nguồn gốc của tội ác, có công nhất định thưởng, có tội nhất định phạt, làm cho cân ngang nhau, chỉnh lý việc đo lường, điều chỉnh nặng nhẹ, phá vỡ các đường thiên, đường mạch [*Đường nhỏ ở ruộng, đường từ Bắc đến Nam gọi là thiên, từ Đông đến Tây gọi là mạch.*] để cho dân ổn định được nghề nghiệp. Do đó thống nhất được tục lệ, khuyến khích người cày làm hết cái lợi của đất, một nhà không lo hai việc, ra sức cày ruộng, súc tích lương thực, tập nghề chiến trận, kết quả, khi dám binh dành thì mở đất rộng, khi nghỉ binh thì nước được giàu, cho nên trong thiên hạ không đâu địch nổi, có uy thế đối với chư hầu, lập thành cơ nghiệp nước Tần. Công ông ta đã thành, rút cục ông ta lại bị xe xé xác. Đất Sở vuông mấy ngàn dặm, người cầm kích một trăm vạn, Bạch Khởi chỉ huy mấy vạn quân, đánh nhau với Sở, đánh một trận lấy đất Yên, đất Sính, đốt Di Lăng, đánh hai trận phía Nam lấy đất Thục, đất Hán, rồi vượt qua nước Hàn, nước Ngụy đánh nước Triệu mạnh, phía Bắc chôn sống Mã Phục, làm cỏ hơn bốn mươi vạn người, họ bị chôn ở gần Trường Bình, máu chảy thành sông, sóng sôi lên như sấm [*Các thuyết khách muốn cho lời lẽ hùng hồn nên hay dùng lối ngoa dụ.*]. Sau đó, vào vây Hàm Đan, khiến cho nước Tần có được cơ nghiệp đế vương. Nước Sở, nước Triệu là nước mạnh trong thiên hạ và là kẻ thù của nước Tần. Nhưng từ đó về sau, Sở, Triệu đều nể sợ không dám đánh Tần nữa. Đó là cái thế của Bạch Khởi. Bạch Khởi thân hành đánh lấy bảy mươi thành, nhưng khi công đã thành, lại bị nhà vua trao kiếm chịu chết ở Đỗ Bưu. Ngô Khởi lập phép tắc cho vua Sở Điệu Vương, giảm bớt uy lớn của các quan đại thần, bãi những người không có năng lực, những người vô dụng, bỏ những chức quan không cần kíp, trừ việc xin xỏ ở cửa nhà tư, thống nhất phong tục nước Sở, cấm những người đi du thuyết, biểu dương những kẻ sĩ giỏi cày và chiến đấu, phía Nam lấy đất Dương Việt, phía Bắc thu tóm đất Trần, đất Thái, phá kế liên hoành, giải tán kẻ hợp tung, khiến cho những kẻ sĩ đi du thuyết đều không có cách nào mở miệng, cấm bè đảng để khuyến khích trăm

họ, ổn định chính trị nước Sở, binh lực nổi tiếng trong thiên hạ, uy thế làm chư hầu phải phục. Nhưng khi công đã thành, cuối cùng lại bị xé cả tay chân. Đại phu Chung vì Việt Vương nghĩ mưu sâu bày kế xa, chuyển mất thành còn, nhân điều sỉ nhục mà đổi thành vinh quang, khai khẩn đất đai đầy cỏ dại lập thành ấp trại, vỡ đất trồng ngũ cốc, cầm đầu kẻ sĩ bốn phương, trên dưới đều hết lòng giúp cho cái hiền của Câu Tiễn, trả đũa cái thù với Phù Sai, cuối cùng phá được nước Ngô mạnh khiến cho nước Việt làm nên nghiệp bá. Công như thế rõ ràng là rục rỡ vậy. Kết cục Câu Tiễn phụ bạc mà giết ông ta. Bốn người này công thành mà không bỏ đi cho nên tai vạ đến thân mình. Đó là biết duỗi mà không biết co, biết đi mà không biết về vậy [*Trở lên kể bốn trường hợp sát thân thánh nhân.*]. Phạm Lãi biết điều đó vượt ra khỏi ràng buộc của thế lợi, trốn đời, suốt đời làm Đào Chu Công [*Xem [Việt Vương Câu Tiễn thế gia.](#)*]. Ngài không thấy người ta đánh bạc hay sao? Có kẻ muốn tố nhiều, có kẻ muốn tố ít, rồi tiến lên dần dần, đó là điều ngài đã biết rõ. Nay ngài làm tướng nước Tần, bàn kế không rời khỏi chiếu, bàn mưu không ra khỏi nơi lẩm miếu, ngồi mà không chế chư hầu, lấy hết Tam Xuyên để bồi đắp cho đất Nghi Dương [*Sau khi Tần diệt Hàn thì đặt quận Tam Xuyên. Nghi Dương là một ấp của Hàn, Tần đã lấy từ trước.*] phá được cái hiểm ở Dương Trường, chặn được con đường Thái Hàng, sáu nước không dám hợp tung, đường sạn đạo ngàn dặm thông đến đất Thục, đất Hàn, khiến cho thiên hạ đều sợ Tần. Như thế là điều mong muốn của Tần đã đạt được rồi và công của ngài cũng đã đạt tột độ rồi đó. Nay cũng là lúc nước Tần chia công. Nếu ngài như thế mà không rút lui thì sẽ như Thương Quân, Bạch Công, Ngô Khởi, đại phu Chung vậy. Tôi nghe nói: "Nhìn xuống nước thì thấy mặt mình, nhìn vào người thì biết dữ lành. Kinh thư có câu: "Sau khi thành công, không thể ở lâu". Ngài chịu tai họa của bốn người kia làm gì? Tại sao ngài không nhân lúc này trả ấn thừa tướng, trao ấn nhường cho người hiền, rút lui về ở ẩn nơi rừng núi xa, xa lánh thế sự. Như thế thì thế nào cũng được cái liêm của Bá Di, suốt đời làm Ứng Hầu, đời đời xưng công, lại được cái tiếng nhân nhượng của Hứa Do, Diên Lăng Quý Tử, được cái thọ của Kiêu, Tùng [*Hứa Do là một người hiền đời trước, vua Nghiêu muốn nhường ngôi cho ông, nhưng ông không bằng lòng. Diên Lăng Quý Tử, con thứ tư vua Ngô, nhà vua muốn nhường ngôi, nhưng ông không nhận. Vương Kiêu, con Chu Linh Vương và Xích Tùng Tử người đời Thần Nông là những người sống lâu.*], thế chẳng hơn cuối cùng mắc tai họa sao? Nếu ngài cứ tiếc mà không nở rời, nghi ngờ mà không dám quyết định, thì thế nào cũng mắc cái họa của bốn người kia. Kinh dịch có câu: "Càn Long hữu hối" [*Kinh Dịch quẻ "càn hào", "thượng cửu"- con rồng bay trên cao muốn hạ cũng không kịp, thế nào cũng hối hận. Ý nói chỉ biết tiến không biết thoái thì*

sẽ hồi hận.]. Đó là nói chỉ biết tiến lên mà không biết lùi, chỉ biết đuổi mà không biết co, chỉ biết đi mà không biết về vậy. Xin ngài nghĩ kỹ cho.

Ứng Hầu nói: -Hay lắm! Ta nghe nói: "Chỉ muốn mà không biết dùng thì sẽ mất điều mình muốn, có mà không biết cho là đủ thì sẽ mất điều mình có". May mắn được tiên sinh chỉ giáo, Thư này xin kính cẩn vâng lời.

Bèn mời vào ngồi, tôn làm thượng khách. Mấy ngày sau, Phạm Thư vào triều, nói với Tần Chiêu Vương: -Vừa có một người khách ở Sơn Đông đến tên là Thái Trạch. Ông ta là người biện sĩ, biết việc Tam Vương, hiểu sự nghiệp Ngũ Bá, biết sự biến đổi của thế tục, có thể giao chính sự nước Tần cho ông ta. Thần thấy người rất nhiều, nhưng không ai bằng, thần cũng không bằng. Thần xin tâu để nhà vua biết.

Tần Chiêu Vương mời vào tiếp kiến, cùng nói chuyện rất lấy làm thích, cho làm khách khanh. Ứng Hầu nhân đây cáo bệnh rút lui, trả lại ấn thừa tướng. Chiêu Vương cưỡng ép Ứng Hầu dậy, Ứng Hầu bèn cáo bệnh nặng. Phạm Thư thôi làm thừa tướng. Chiêu Vương thích kế hoạch của Thái Trạch bèn phong Thái Trạch làm thừa tướng nước Tần, sang Đông thôn tính nhà Chu.

Thái Trạch làm thừa tướng mấy tháng, có người gièm, Thái Trạch sợ bị giết, bèn cáo bệnh trả ấn thừa tướng, hiệu là Cương Thành Quân, Thái Trạch ở Tần hơn mười năm, thờ Chiêu Vương, Huệ Văn Vương, Trang Tương Vương, cuối cùng thờ Thủy Hoàng Đế, đi sứ cho nước Tần sang nước Yên, được ba năm thì nước Yên sai thái tử Đan vào làm con tin ở nước Tần.

Lời bàn

Thái sử công nói: -Hàn Tử nói: "Ông áo dài khéo múa, lăm tiên khéo buôn". Lời nói ấy đúng làm sao! Phạm Thu, Thái Trạch là những người biện sĩ giỏi nhất một thời, thế mà đi du thuyết chư hầu, đến lúc đầu bạc cũng không có cơ hội thành đạt. Đó không phải là kế hoạch của họ dở mà chỉ vì những nước họ đến du thuyết đều yếu [Ý nói giúp nước yếu thì khó thành công, giúp kẻ mạnh thì dễ có kết quả.]. Đến khi hai người làm khách ở nước Tần, nói gót nhau làm khanh tướng, công để lại trong thiên hạ. Đó là vì cái thế mạnh và yếu khác nhau vậy. Nhưng kẻ sĩ cũng có lúc ngẫu nhiên mà gặp cơ hội. Những người hiền hơn hai người kia, nhưng thế trở hết tài nhiều không kể xiết. Thế nhưng hai người, nếu không bị khốn cùng thì làm sao mà khích lệ họ được?

[26]

NHẠC NGHỊ liệt truyện

Đoạn: [1](#), [2](#), [3](#), [4](#), [5](#)

1.

Tổ tiên của Nhạc Nghị là Nhạc Dương. Nhạc Dương làm tướng của Ngụy Văn Hầu đánh lấy được nước Trung Sơn. Ngụy Văn Hầu đem đất Linh Thọ phong cho Nhạc Dương. Nhạc Dương chết chôn ở Linh Thọ. Con cháu về sau sống ở đấy. Trung Sơn về sau lại được lập thành một nước. Đến đời Vũ Linh Vương (325-299 trước Công nguyên) nước Triệu, Vũ Linh Vương lại diệt Trung Sơn.

Nhạc Nghị là con cháu họ Nhạc. Nhạc Nghị là người hiền, thích việc binh. Người Triệu quý trọng Nghị. Đến khi Vũ Linh Vương gặp nạn ở Sa Khâu, Nghị bèn rời khỏi nước Triệu đến nước Ngụy.

Nghị nghe nói Yên Chiêu Vương vì loạn Tử Chi, nên quân Tề đánh quân Yên thua to. Yên Chiêu Vương oán giận, không ngày nào quên báo thù nước Tề. Yên là nước nhỏ ở nơi xa xôi hẻo lánh, sức không đủ chống cự, cho nên nhà vua nhún mình, quý trọng kẻ sĩ. Trước tiên lấy lễ đối xử với Quách Ngõ [Yên Chiêu Vương hỏi Quách Ngõ: "*Quả nhân nước hẹp, dân ít, quân Tề lấy tám thành ở kề, quân Hung Nô ruổi ngựa ở dưới thành Lâu Phiền, quả nhân là người kém cõi được thờ tôn miếu, sợ xã tắc bị nguy, có cách gì bảo tồn xã tắc không?*". Ngõ nói: "*Bây tôi của các đế bề ngoài là tôi, nhưng thực là bạn, bây tôi của các bá tên là tôi nhưng thực là tôi tớ, bây tôi của một người bị nguy khôn tên là tôi nhưng thực ra là tù. Nhà vua nghe theo cho Ngõ làm thượng khách.*"] để vờ những người hiền. Nhạc Nghị bèn làm sứ giả cho Ngụy Chiêu Vương sang nước Yên. Vua Yên lấy lễ đối đãi với khách để tiếp đãi Nhạc Nghị. Nghị trước từ chối vinh dự ấy rồi sau chịu làm tôi. Yên Chiêu Vương cho làm á khanh. Như thế trong một thời gian dài.

2.

Lúc bấy giờ Tề Dẫn Vương mạnh, phía Nam, đánh bại tướng nước Sở là Đường Muội ở Trọng Khâu, phía Tây đánh bại quân Tam Tấn ở Quan Tân rồi cùng Tam Tấn đánh Tần, giúp nước Triệu diệt nước Trung Sơn, phá nước Tống, mở rộng đất đai hơn ngàn dặm, tranh nhau với Tần Chiêu Vương để làm đế, được ít lâu Tề Dẫn Vương lại trở về nước. Chư hầu đều muốn phản lại nước Tần theo Tề.

Dẫn Vương kiêu ngạo, trăm họ không chịu không nổi. Yên Chiêu Vương hỏi về việc đánh Tề, Nhạc Nghị thưa: -Nước Tề kế thừa cơ nghiệp để lại của một nước đã làm bá [*Ý nói Dẫn Vương là con cháu Tề Hoàn Công. Hoàn Công làm bá chư hầu, đầu tiên trong số Ngũ Bá.*], đất rộng, người đông, khó lòng một mình đánh được. Nếu nhà vua quả thực muốn đánh Tề thì không gì bằng liên minh với Triệu, Sở và Ngụy.

Yên Chiêu Vương bèn sai Nhạc Nghị giao ước với Huệ Văn Vương nước Triệu. Lại sai những người khác đi liên kết với Sở, Ngụy và nhờ Triệu thuyết phục Tần về cái lợi trong việc đánh Tề. Chư hầu ghét Tề Dẫn Vương kiêu ngạo, tàn bạo, đều tranh nhau hợp tung cùng nước Yên đánh Tề. Nhạc Nghị quay về báo, Yên Chiêu Vương đem tất cả quân, sai Nhạc Nghị làm thượng tướng quân, Huệ Văn Vương nước Triệu trao ấn tướng quốc cho Nhạc Nghị. Nhạc Nghị bèn cầm đầu tất cả quân các nước Triệu, Sở, Hàn, Ngụy, Yên hợp nhất đánh bại quân Tề ở Tế Tây. Quân chư hầu bãi binh rút về nhưng quân của Yên dưới quyền Nhạc Nghị vẫn một mình đuổi theo đến Lâm Tri [*Kinh đô của Tề.*].

Sau khi thua trận ở Tế Tây, Tề Dẫn Vương chạy vào thành Cử. Nhạc Nghị một mình ở lại đi khắp nước Tề. Các thành của Tề đều lo chống giữ. Nhạc Nghị đánh vào thành Lâm Tri lấy tất cả những đồ quý báu, của cải, đồ cúng tế của Tề, sai chở về Yên.

Yên Chiêu Vương cả mừng thân hành đến sông Tế để úy lạo, khao thưởng quân sĩ, phong cho Nhạc Nghị huyện Xương Quốc, hiệu là Xương Quốc Quân.

Yên Chiêu Vương sau khi đã thu của cải lấy được của Tề thì quay về, sai Nhạc Nghị lại đem binh đánh lấy những thành của Tề chưa lấy được. Nhạc Nghị ở lại Tề trong năm năm, đánh lấy hơn bảy mươi thành của Tề, biến tất cả những thành này thành quận huyện nước Yên, chỉ còn thành Cử và Túc Mặc là chưa chịu hàng.

3.

Vừa lúc ấy Yên Chiêu Vương chết, người con được lập làm Yên Huệ Vương. Huệ Vương từ khi còn làm thái tử thường không thích Nhạc Nghị. Đến khi Huệ Vương lên ngôi, Điền Đan nước Tề nghe tin ấy bèn tung phản gián sang nước Yên nói: -Nước Tề chỉ còn hai thành không bị lấy nữa mà thôi. Sở dĩ những thành này không bị lấy là vì nghe nói Nhạc Nghị có hiềm khích với vị vua mới ở Yên, muốn giữ tất cả binh lưu lại ở Tề, quay mặt về hướng Nam mà làm vua nước Tề. Điều nước Tề lo ngại chỉ là sợ có viên tướng khác đến.

Yên Huệ Vương vốn đã nghi ngờ Nhạc Nghị, nghe những lời phản gián của Tề bèn sai Kỵ Khiếp làm tướng thay Nghị và mời Nhạc Nghị về. Nhạc Nghị biết Yên Huệ Vương không thích mình nên cho người thay thế, sợ bị giết, bèn đi về hướng Tây theo nước Triệu.

Triệu phong Nhạc Nghị ở Quan Tân, hiệu là Vọng Thư Quân, tôn trọng và yêu quý Nhạc Nghị làm cho các nước Yên, Tề lo sợ. Sau đó Điền Đan nước Tề đánh nhau với Kỵ Khiếp. Điền Đan bày mưu lừa quân Yên đánh bại Kỵ Khiếp ở dưới thành Túc Mặc, đuổi theo quân Yên đến tận Hà Thượng, thu lại tất cả những thành của Tề và đón Tương Vương ở thành Cử vào Lâm Tri.

Sau đó Yên Huệ Vương lại hối hận về chỗ mình sai Kỵ Khiếp thay thế Nhạc Nghị cho nên quân bị bại, tướng bị giết, bỏ mất nước Tề. Lại oán Nhạc Nghị đã đầu hàng Triệu, sợ Triệu dùng Nhạc Nghị để dành Yên nhân lúc nước Yên gặp cảnh khó khăn. Huệ Vương bèn sai người trách Nhạc Nghị và đồng thời xin lỗi.

4.

Bức thư viết:

"Tiên vương đem cả nước giao cho tướng quân, tướng quân vì nước Yên đánh phá quân Tề trả cái thù của tiên vương, thiên hạ đều rung động. Quả nhân đâu dám một ngày quên cái công của tướng quân! Gặp lúc tiên vương bỏ bầy tôi, quả nhân mới lên ngôi, các quan tả hữu lừa quả nhân, quả nhân sai Kỵ Khiếp làm tướng thay tướng quân. Vì thấy tướng quân đã lâu phải dầm sương giải nắng ở ngoài nên quả nhân có ý muốn triệu tướng quân về để nghị.

Tướng quân quá nghe lời không hay, cho rằng quả nhân có điều hiềm khích với tướng quân bèn bỏ nước Yên theo nước Triệu. Việc tướng quân tự lo cho mình thế cũng được nhưng làm thế nào để báo đáp cái lòng tốt của tiên vương đối với tướng quân?".

Nhạc Nghị viết thư trả lời Yên Huệ Vương như sau:

"Thần là người bất tài, không thể vâng theo mệnh lệnh của nhà vua và làm vừa lòng những người xung quanh nhà vua. Thần sợ làm tổn thương đến sự sáng suốt của tiên vương, hại đến cái nghĩa của nhà vua, cho nên chạy trốn sang Triệu.

Nay nhà vua sai người trách tội thần, thần sợ các quan hầu cận không xét nguyên do vì sao tiên vương lại nuôi và yêu quý thần, lại không bày tỏ cái lòng thần thờ tiên vương, cho nên đánh bạo viết thư trả lời.

Thần nghe vị vua hiền thánh không lấy lộc cho riêng những người thân. Ai có nhiều công thì được thưởng, ai có năng lực thì cho làm ở địa vị xứng đáng. Cho nên, xét năng lực mà giao quan chức, đó là việc làm của vị vua lập nên công trạng, bàn việc làm rồi mới kết giao đó là việc làm của kẻ sĩ lập nên danh tiếng. Thần trộm xem việc làm của tiên vương, thấy tiên vương có cái lòng của vị vua cao quý nhất trên đời, cho nên mặc dầu là sứ thần của Ngụy, thần đã mượn cờ tiết của nước Ngụy để qua nước Yên và được nước Yên xét đến. Tiên vương cất nhắc thần vượt bậc, cho ở vào hàng tân khách, cho đứng ở trên quần thần, không bàn với cha anh, cho thần làm á khanh. Thần trộm tự biết mình vâng lệnh trên, nghe theo lời dạy, có thể may mà được vô tội [*Nhạc Nghị khi nói đến mình chỉ dùng chữ vô tội còn quy tất cả công lao cho nhà vua.*]. Cho nên nhận được mệnh mà không dám từ chối. Tiên vương dạy "Ta có oán thù sâu sắc, chông chát đối với nước Tề". Thần nói: "Nước Tề kế thừa cái cơ nghiệp để lại của một nước bá, lại là nước trước kia đánh thắng tất cả, giỏi về việc binh, quen việc chiến đấu, tấn công. Nếu nhà vua muốn đánh Tề thì thế nào cũng phải cùng thiên hạ mưu việc ấy. Muốn cùng thiên hạ mưu việc ấy thì không gì bằng liên kết với nước Triệu. Và lại, đất Hoài Bắc và đất Tống là những đất mà các nước Sở và Ngụy đều

muôn [*Sở muốn lấy đất Hoài Bắc, Ngụy muốn lấy đất Tống. Cả hai miền này đều thuộc Tề.*]. Nếu Triệu bằng lòng mà ta lại giao ước với bốn nước đánh Tề, thì có thể đánh bại được Tề". Tiên vương cho là phải, trao cho thần phù, cờ tiết, phía Nam sai đi sứ thần ở Triệu. Khi thần về phụng mệnh thì liền đem binh đánh Tề.

Nhờ đạo trời, nhờ uy linh của tiên vương, đất Hà Bắc theo tiên vương. Sau đó đem quân đến sông Tế. Quân ở Tế được lệnh bèn đánh quân Tề thua to. Đem quân tinh nhuệ đuổi theo mãi đến nước Tề. Vua Tề bỏ trốn chạy vào thành Cử chỉ thoát được thân. Còn châu ngọc, của cải, xe cộ, binh khí, đồ quý báu hết thảy đều bị đưa về Yên. Đồ tế lễ của Tề bày ở điện Ninh Đài, chuông Đại Lữ bày ở cung Nguyên Anh, vạc cũ [*Trước kia vạc của Yên bị Tề lấy.*] lại về cung Ma Thất, trúc sông Ván đem về trồng ở Kế Khâu [*Ý nói biên giới của Yên mở rộng. Kế Khâu là kinh đô của Yên. Ván Thủy là sông của nước Tề.*].

Từ thời Ngũ Bá đến nay không có ai công lớn bằng tiên vương.

Tiên vương cho là thực hiện được cái chí của mình nên cắt đất phong, khiến cho thần có thể được sánh với nước chư hầu nhỏ bé [*Nhạc Nghị được phong làm Xương Quốc Quân.*]. Thần trộm không biết tự mình, cho rằng mình vâng lệnh, nghe lời dạy có thể may mà được vô tội, cho nên nhận mệnh trên mà không từ. Thần nghe nói vị vua thánh hiền lập được công mà công không bị bỏ, cho nên được phép vào Xuân thu, kẻ sĩ biết nhìn trước làm nên danh mà cái danh không bị mất, cho nên được đời sau khen. Như tiên vương báo oán, rửa cái sỉ nhục của mình, san phẳng được cái nước mạnh có vạn cỗ xe, thu của cải tích lũy tám trăm năm đến ngày rời bỏ quần thần, lời giáo huấn sót lại vẫn còn chưa phai. Kẻ bày tội cầm quyền giữ chức vụ trau dồi pháp lệnh, cẩn thận đối với dân chúng, uy đức lan đến cả những người tội tở. Những điều đó đều có thể dạy đời sau.

Thần nghe kẻ mở đầu tốt chưa chắc đã có kết quả tốt. Ngày xưa Ngũ Tử Tư nói được Hạp Lư nghe nên dẫu chân vua Ngô đi xa đến tận thành Sính. Phù Sai thì không thể, cho xác ông ta vào cái túi da ngựa và thả trôi trên sông Giang. Vua Ngô không hiểu theo lời bàn của Tử Tư có thể lập được công, nên chìm xác Tử Tư mà không hỏi hận. Tử Tư không biết nhìn trước nhà vua không cùng bàn bạc với mình, để đến nổi vào sông Giang mà không được giải thoát [*Ý nói Tử Tư oán giận vua Ngô nên tuy chết rồi nhưng vẫn vương vất trên sông Giang. Các nhà phê bình đời sau khen lời thư trung hậu, không khoe công trạng, không oán trách vua. Chỉ nói vì thế bức mà phải trốn, luôn luôn nhận tội của mình.*].

Thần khỏi tội, lập nên công trạng để làm sáng cái dấu vết của tiên vương, đó là cái kế cao nhất của thần. Mắc phải việc gièm pha, nhục nhã làm

hông mất cái danh của tiên vương đó điều thần rất sợ. Đã chịu cái tội không thể lường được, may được lợi mà thoát khỏi, nhưng thần mang nặng ân nghĩa của tiên vương, thần tuy ở nước ngoài mà lòng vẫn không rời bỏ nước Yên.

Thần nghe nói "Người quân tử ngày xưa tuy không đi lại với nhau nữa nhưng cũng không nói xấu nhau, kẻ trung thần bỏ nước ra đi không nên chê bai vua để sạch cái danh". Thần tuy bất tài nhưng cũng đã từng được học với người quân tử. Thần sợ những người hầu hạ thân cận với nhà vua, những người xung quanh nói, không xét cái cách cư xử của thần ở nơi xa xôi, nên mạo muội dâng thư cho nhà vua biết. Xin nhà vua lưu ý cho".

Yên Vương bèn cho con của Nhạc Nghị là Nhạc Can lại làm Xương Quốc Quân. Còn Nhạc Nghị lại đi lại với nước Yên. Nước Yên và nước Triệu đều cho Nghị làm khách khanh.

Nhạc Nghị chết ở Triệu.

5.

Nhạc Can sống ở Yên hơn ba mươi năm. Yên Vương là Hỷ dùng kế của tướng quốc là Lật Phúc muốn đánh Triệu, hỏi Xương Quốc Quân Nhạc Can. Nhạc Can nói: -Triệu là nước phải đánh với địch cả bốn mặt [*Triệu là nước không có biên giới hiểm trở, phía Đông là Yên, phía Tây là Tần và Lưu Phiền, phía Nam là Hàn, Ngụy, phía Bắc là Hung Nô.*]. Dân ở đây quen việc binh. Không thể đánh.

Yên Vương không nghe, đánh Triệu. Triệu sai Liêm Pha đánh, phá tan quân của Lật Phúc ở Hạo, bắt sống Lật Phúc, Nhạc Thừa. Nhạc Thừa lại là họ hàng với Nhạc Can.

Nhạc Can bèn bỏ trốn sang nước Triệu. Nước Triệu vây nước Yên. Nước Yên lại phải cắt đất cho Triệu để giảng hoà, Triệu mới rút quân về. Vua Yên hối hận không dùng Nhạc Can. Vì Nhạc Can đã ở Triệu, nhà vua bèn gửi cho Nhạc Can, bức thư nói:

"Trong thời của Trụ, Cơ Tử không được dùng, nhưng vẫn can gián mãi không thôi, hy vọng nhà vua sẽ nghe mình. Thương Dung không được vua nghe, thân mình bị nhục, mong chờ nhà vua thay đổi. Đến khi nước loạn, lòng dân ly tán hướng về nước ngoài, các quan cầm quyền chính bỏ pháp luật, hai người mới rút lui về ở ẩn. Cho nên mặc dầu chịu cái nạn của vua Kiệt bạo ngược, hai người vẫn không mất cái tiếng là trung là thánh. Tại sao? Vì họ hết lòng lo lắng vậy. Nay quả nhân tuy ngu nhưng không tàn bạo như vua Trụ, dân nước Yên tuy loạn nhưng không đến nỗi tệ hại quá như dân nhà Ân. Trong nhà có lời qua tiếng lại không nên nói hết với làng bên cạnh. Về hai điều trên, quả nhân không cho ông làm là đúng".

Nhạc Can và Nhạc Thừa oán vua Yên không nghe theo kế của mình, rút cuộc ở lại nước Triệu. Triệu phong Nhạc Thừa làm Vũ tướng quân. Năm sau Nhạc Thừa, Liêm Pha vì Triệu vây Yên. Yên đem lễ hậu đến để xin giảng hoà, sau đó quân Triệu mới về. Năm năm sau, Hiếu Thành Vương nước Triệu mất, Tương Vương sai Nhạc Thừa thay Liêm Pha, Liêm Pha đánh Nhạc Thừa, Nhạc Thừa bỏ chạy. Liêm Pha bỏ trốn sang nước Ngụy. Sau đó mười sáu năm, nước Tần diệt Triệu (năm 228 trước Công nguyên). Hai mươi năm sau, Cao Đế đi qua Triệu hỏi Nhạc Nghị có con cháu gì không? Người ta trả lời: -Có Nhạc Thúc.

Cao Đế phong cho Thúc huyện Nhạc Hương, hiệu là Hoa Thành Quân. Hoa Thành Quân là cháu Nhạc Nghị. Dòng họ Nhạc có Nhạc Hà Công, Nhạc Thần Công. Khi nước Triệu bị nước Tần diệt, họ trốn sang Tề vào thành Cao Mật. Nhạc Thần Công thích theo đạo Hoàng Đế, Lão Tử, nổi tiếng ở Tề, được gọi là "hiền sư".

Thái Sử Công nói: -Kể từ Khoái Thông cho đến Chủ Phụ Yên nước Tề

đọc bức thư Nhạc Nghị gửi vua Yên đều không lần nào không gấp thư lại mà khóc. Nhạc Thần Công học đạo Hoàng Đế, Lão Tử, ông thầy chính của ông ta gọi là "Hà thượng trọng nhân". Nguồn gốc của người này không rõ ở đâu.

"Hà thượng trọng nhân" dạy An Kỳ Sinh, An Kỳ Sinh dạy Mao Hấp Công, Mao Hấp Công dạy Nhạc Hà Công, Nhạc Hà Công dạy Nhạc Thần Công, Nhạc Thần Công dạy Cái Công, Cái Công dạy ở đất Cao Mật và Giao Tây tại nước Tề, làm thầy học của tướng quốc Tào Tham.

[27]

LIÊM PHA, LẠN TƯƠNG NHƯ' liệt truyện

Đoạn: [1](#), [2](#), [3](#), [4](#), [5](#), [6](#), [7](#), [8](#), [9](#), [10](#), [11](#), [12](#), [13](#), [14](#)

1.

Liêm Pha là viên tướng giỏi nước Triệu. Năm thứ mười sáu đời Huệ Văn Vương nước Triệu (283 trước Công nguyên), Liêm Pha làm tướng nước Triệu, đánh Tề, phá tan quân Tề lấy ấp Dương Tân, được làm thượng khanh, nổi tiếng dũng khí ở các nước chư hầu. Lạn Tương Như là người nước Triệu, làm môn hạ của người cầm đầu các hoạn quan nước Triệu là Mỵ Hiên.

2.

Đòi vua Huệ Văn Vương, nước Triệu được viên ngọc bích của họ Hoà [*Biện Hoà nước Sở được hòn đá có ngọc ở trong núi, đem dâng Lệ Vương. Vua sai thợ ngọc xem, thợ ngọc nói: "Đó là đá". Vua cho Biện Hoà nói dối, chặt một chân Hoà. Vũ Vương lên, họ Hoà lại dâng, kết quả bị chặt thêm một chân nữa. Biện Hoà ôm hòn đá mà khóc. Vua sai xem lại, biết hòn đá có viên ngọc bích rất quý. Vì vậy viên ngọc này được gọi là "ngọc bích họ Hoà".*] ở nước Sở, vua Chiêu Vương nước Tần nghe tin, sai người đưa thư cho vua Triệu, xin đem mười lăm thành để đổi lấy viên ngọc bích. Vua Triệu cùng đại tướng quân Liêm Pha và các vị đại thần bàn: Nếu cho Tần ngọc bích thì sợ không được thành của Tần, chỉ bị lừa thôi, nếu không cho thì lại lo binh Tần đến đánh. Kế chưa quyết định, tìm người có thể sang trả lời Tần, tìm mãi chưa được.

Viên hoạn quan Mục Hiền nói: -Môn hạ của thần là Lạn Tương Như có thể đi được.

Nhà vua hỏi: -Tại sao nhà ngươi lại biết?

Mục Hiền đáp: -Thần đã từng có tội, trộm nghĩ muốn chạy trốn sang đất Yên, môn hạ của thần là Tương Như cản lại mà rằng: "Ngài làm sao mà biết vua Yên?" Thần nói: "Tôi từng theo đại vương họp với vua Yên ở biên giới, vua Yên nắm tay tôi mà nói: "Xin kết làm bạn! Vì vậy tôi biết, nên muốn trốn sang. Tương Như bảo thần: "Vì nước Triệu mạnh, nước Yên yếu, cho nên vua Yên muốn kết bạn với ngài. Nay ngài bỏ Triệu trốn sang Yên thì Yên sợ Triệu, nhất định không dám giữ ngài mà sẽ trói ngài nộp cho Triệu. Chi bằng ngài hãy cởi trần, phục bên lưỡi rìu mà xin tha tội, may ra được thoát thân". Thần nghe theo kế ấy, may sao đại vương tha tội. Thần trộm nghĩ người ấy là bậc dũng sĩ, có mưu trí, có thể sai đi được.

Nhà vua liền cho mời đến, hỏi Lạn Tương Như: -Vua Tần đem mười lăm thành đổi lấy viên ngọc của quả nhân, nên cho hay không?

Tương Như nói: -Tần mạnh, Triệu yếu, không cho không được.

Vua Triệu nói: -Họ lấy ngọc ta mà không cho ta thành thì làm thế nào?

Lạn Tương Như nói: -Tần đem thành đổi lấy ngọc mà Triệu không cho, thì điều trái là ở Triệu. Triệu cho ngọc mà Tần chẳng cho thành thì điều trái là ở Tần. Xét lại kế đó thì thà cho ngọc để Tần chịu phần trái.

Nhà vua hỏi: -Ai có thể sai đi sứ?

Lạn Tương Như nói: -Nếu nhà vua thiếu người, thần xin mang ngọc bích đi sứ. Thành có về tay nước Triệu thì ngọc mới ở lại đất Tần. Nếu thành không về, thần xin giữ nguyên vẹn viên ngọc đem về Triệu. Triệu Vương bèn sai Tương Như mang ngọc sang hướng Tây vào đất Tần.

3.

Vua Tần ngồi ở Chương đài tiếp kiến Trương Như. Trương Như mang ngọc bích dâng vua Tần. Vua Tần mừng rỡ trao cho các mỹ nhân và các quan hầu xem, các quan hầu đều hô: -Vạn tuế!

Trương Như thấy vua Tần không có ý trả thành cho Triệu, bèn tiến lên nói: -Ngọc bích có vết, tôi xin chỉ cho bệ hạ xem.

Vua trao ngọc bích, Trương Như nhân cầm ấy ngọc, đứng lùi tựa vào cột, nổi giận, tóc dựng ngược, nói với vua Tần: -Đại vương muốn được ngọc, sai người đem thư đến vua Triệu. Vua Triệu cho mời quần thần bàn bạc, tất cả đều nói "nước Tần tham, cậy mình mạnh, đem lời nói suông để cầu lấy ngọc, chưa chắc đã trả thành cho ta". Họ bàn không muốn đưa ngọc bích cho Tần. Thần cho rằng kẻ áo vải chơi với nhau còn không dối nhau, huống nữa là nước lớn. Vả chẳng vì một viên ngọc mà làm nước Tần mất vui thì không nên. Vì vậy nên vua Triệu trai giới năm ngày, sai thần mang ngọc bích đi, vải mà đưa ở giữa triều đình. Tại sao thế? Vì trọng cái uy của nước lớn để tỏ lòng tôn kính vậy. Nay thần đến, đại vương tiếp thần ở một nơi tầm thường, lễ tiết rất khinh mạn. Được ngọc, đại vương đưa cho các mỹ nhân để đùa bỡn thần. Thần xem đại vương không có ý trả thành ấp cho vua Triệu, cho nên thần lấy ngọc về. Nếu đại vương cứ muốn bức bách thần, thì đầu thần và viên ngọc đều vỡ ở cái cột này.

Trương Như cầm viên ngọc, lượm cái cột, muốn đập đầu vào cột. Vua Tần sợ ông ta đập vỡ viên ngọc nên từ tạ cố xin, gọi quan đương sự cầm địa đồ đến chỉ cắt mười lăm thành từ chỗ này trở đi để cho Triệu. Trương Như đoán vua Tần chỉ lừa dối mà thôi, tuy giả vờ cho Triệu thành, nhưng thực ra thì không thể được thành, bèn bảo vua Tần: -Ngọc bích họ Hòa thiên hạ đều nhận là của báu, vua Triệu sợ không dám không dâng. Khi đưa ngọc, vua Triệu trai giới năm ngày, nay đại vương cũng nên trai giới năm ngày, đặt lễ cửu tân [*Cửu tân là cái lễ ngoại giao rất long trọng, trong buổi lễ có đến chín người chiêu đãi, kế tiếp nhau phục dịch.*] ở sân thì thần mới dám dâng ngọc.

Vua Tần xem chừng không có cách gì ép được, bèn hứa trai giới năm ngày, cho Trương Như ở lại quán tân khách Quảng Thành. Trương Như xem chừng vua Tần tuy trai giới, nhưng thế nào cũng bội ước không trả thành, nên sai kẻ đi theo mình mặc áo ngắn, mang viên ngọc đi theo đường tắt, trốn về nộp trả ngọc bích cho Triệu. Vua Tần sau khi trai giới năm ngày bèn đặt lễ cửu tân ở triều đình để tiếp sứ nước Triệu là Lạn Trương Như. Trương Như đến, nói với vua Tần: -Nước Tần từ đời Mục Công đến nay, hơn hai mươi đời vua, chưa từng có ai giữ trọn lời hứa. Quả thực, thần sợ bị nhà vua lừa, lại phụ lòng nước Triệu, nên đã sai người cầm ngọc lên về đến nước Triệu

rồi. Vả lại, Tần mạnh mà Triệu yếu, đại vương sai một người sứ giả đến Triệu thì Triệu lập tức đem ngọc sang dâng. Nay mạnh như nước Tần mà lại cắt trước mười lăm thành để cho Triệu thì Triệu đâu dám giữ ngọc bích để mắc tội với đại vương. Thần biết rằng lừa dối đại vương tội đáng chết. Thần xin vào vạc nước sôi. Xin đại vương và quần thần bàn bạc kỹ cho.

Vua Tần và quần thần nhìn nhau cùng hậm hực. Các quần thần muốn kéo cổ Tương Như đi. Vua Tần nhân đó nói: -Bây giờ giết Tương Như cũng không lấy được ngọc, mà chỉ làm tuyệt tình giao hảo giữa Tần và Triệu. Chi bằng nhân việc này mà hậu đãi ông ta, cho ông ta về Triệu. Vua Triệu há vì một viên ngọc bích mà lừa dối Tần sao?

Do đó, vua Tần vẫn tiếp Tương Như ở triều đình, lễ xong cho về. Sau khi Tương Như về, vua Triệu khen Tương Như là một quan đại phu giỏi, đi sứ không khuất nhục với chư hầu, bèn phong Tương Như làm thượng đại phu. Kết quả Tần cũng không đổi thành cho Triệu. Triệu cũng không đem ngọc bích cho Tần.

4.

Về sau, Tần đánh Triệu, lấy Thạch Thành (năm 282 trước Công nguyên). Năm sau lại đánh Triệu, giết hai vạn người. Vua Tần sai sứ giả nói với Triệu Vương muốn họp nhau ở Dẫn Trì, ngoài Tây Hà để giảng hoà. Vua Triệu sợ Tần, định không đi. Liêm Pha, Lạn Tương Như bàn mưu: -Nhà vua không đi thì tỏ ra nước Triệu yếu và nhát.

Vua Triệu bèn đi, Tương Như đi theo, Liêm Pha tiến đến biên giới, từ biệt nhà vua nói: -Nhà vua đi, tính đường đi về cùng hội họp, chẳng quá ba mươi ngày, nếu ba mươi ngày không về, xin lập thái tử làm vua để cho Tần hết hy vọng [*Đề phòng nhà Tần giữ Triệu Vương lại để hòng yêu sách này nọ.*].

Nhà vua nghe theo. Bèn họp với vua Tần ở Dẫn Trì. Vua Tần uống rượu say, nói: -Quả nhân trộm nghe Triệu Vương giỏi nhạc, xin gảy đàn sắt cho nghe.

Vua Triệu gảy đàn sắt. Ngự sử nước Tần tiến lên chép: -Ngày ... tháng ... năm ... vua Tần cùng vua Triệu hội họp uống rượu, khiến vua Triệu gảy đàn sắt.

Tương Như tiến lên nói: -Vua Triệu trộm nghe nói vua Tần giỏi về âm nhạc nước Tần, xin bưng cái vò sành đến vua Tần gõ để cùng vui với nhau [*Nguyên là chữ bôn phẩu, một thứ đồ sành để đựng rượu.*]. Vua Tần giận không chịu. Nhưng Tương Như cứ tiến lên dâng cái vò. Nhân quỳ xuống mời vua Tần, vua Tần không chịu gõ, Tương Như nói: -Ở trong năm bước, thần xin được phép lấy máu ở cổ làm bản người đại vương.

Tả hữu muốn chém Tương Như. Tương Như trợn mắt quát tả hữu đều dạt ra. Vua Tần không vui, đành gõ vò một cái. Tương Như quay lại gọi ngự sử nước Triệu viết: -Năm ... tháng ... ngày ... vua Tần gõ vò cho vua Triệu nghe.

Quần thần nước Tần nói: -Xin đem mười lăm thành nước Triệu để chúc thọ vua Tần.

Lạn Tương Như cũng nói: -Xin lấy Hàm Dương của Tần để chúc thọ vua Triệu.

Vua Tần xong tiệc rượu, chẳng tranh hơn được với vua Triệu. Nước Triệu cũng đặt sẵn nhiều quân lính để đợi Tần. Tần không dám động. Tan hội về nước, vua Triệu cho rằng Tương Như có công to, phong làm thượng khanh, địa vị ở trên Liêm Pha.

Liêm Pha nói: -Ta là tướng nước Triệu, phá thành đánh trận có công to, trái lại Tương Như chỉ nhờ miệng lưỡi lập công mà địa vị ở trên ta. Hơn nữa, Tương Như vốn người thấp hèn, ta xấu hổ không mặt mũi nào ngồi ở dưới ông ta.

Và rêu rao: -Ta gặp Tương Như, quyết làm nhục ông ta.

Tương Như nghe vậy, không chịu hội họp với Liêm Pha. Mỗi lần có buổi chầu, Tương Như thường cáo bệnh không muốn tranh ngôi thứ với Liêm Pha. Một hôm, Tương Như đi ra trông thấy Liêm Pha, Tương Như quay xe trốn tránh. Những người môn hạ bèn cùng nhau can: -Chúng tôi sợ dĩ bỏ thân thích đến thờ ngài chỉ vì mến cao nghĩa của ngài. Nay ngài và Liêm Pha cùng ngang hàng. Liêm Pha rêu rao nói xấu mà ngài lại sợ trốn tránh ông ta, sợ sệt quá đáng, người thường còn lấy làm xấu hổ, huống hồ là bậc tướng quốc, tướng quân. Bọn thần bất tài, xin từ giã về.

Tương Như cố cãi lại, nói: -Các ông xem Liêm tướng quân có bằng vua Tần không?

-Không bằng.

Tương Như nói: -Oai như vua Tần mà Tương Như dám gào thét ở giữa triều đình, làm nhục cả quần thần. Tương Như tuy hèn nhất há sợ Liêm tướng quân sao. Nhưng ta nghĩ rằng nước Tần sở dĩ mạnh, không đem binh lính đánh Triệu vì có ta cùng Liêm tướng quân. Nay hai con hổ đánh nhau, thế nào cũng không sống được cả, cho nên ta phải làm như thế, vì nghĩ đến việc cấp bách của nước nhà trước mà gác việc thù riêng đó thôi.

Liêm Pha nghe vậy, cười trần mang roi nhờ tân khách đưa đến cửa nhà Lạn Tương Như tạ tội, nói: -Kẻ hèn mọn này không biết tướng quân rộng lượng đến thế!

Rồi cùng nhau vui vẻ làm bạn sống chết có nhau.

5.

Năm ấy Liêm Pha đem quân về Đông đánh Tề, phá một đạo quân của Tề. Hai năm sau (276), Liêm Pha lại đánh thành Kỳ của Tề, lấy được thành. Ba năm sau, Liêm Pha đánh đất Phòng Lăng, An Dương của Ngụy, lấy được. Bốn năm sau, Lạn Tương Như làm tướng đánh Tề đến Bình ấp rồi về. Năm sau nữa, Triệu Xa phá quân Tần ở vùng Ư Dụ.

6.

Triệu Xa là một viên lại thu thuế ruộng ở Triệu. Xa thu tô thuế, nhưng nhà Bình Nguyên Quân không chịu nộp. Xa lấy phép trị, giết người quản lý của Bình Nguyên Quân. Bình Nguyên Quân giận toan giết Xa. Xa nhân nói với Bình Nguyên Quân: -Ngài là vị quý công tử ở Triệu, nay ngài lại dung túng người nhà không theo phép công, thì pháp luật mất hiệu lực, pháp luật mất hiệu lực thì nước yếu, nước yếu thì chư hầu đem quân đến đánh, thế là không còn nước Triệu nữa. Ngài làm sao giữ được giàu có này, ngài là người quý mà theo lẽ công, tuân pháp luật thì trên dưới được công bình. Trên dưới công bình thì nước mạnh. Nước mạnh thì nước Triệu vững, ngài lại là quý thích, có phải kẻ tầm thường trong thiên hạ đâu?

Bình Nguyên Quân cho là người hiền, nói với nhà vua, dùng Xa coi việc thuế má trong nước. Thuế má rất công bình, dân giàu và kho tàng đầy đủ.

7.

Tần đánh Hàn, đóng quân ở Ú Dự. Vua cho mời Liêm Pha đến hỏi: -Có thể cứu không?

Liêm Pha nói: -Đường xa hiểm trở và hẹp, khó cứu.

Vua lại cho gọi Nhạc Thừa đến hỏi, Nhạc Thừa cũng đáp như Liêm Pha. Lại cho gọi Triệu Xa, Xa đáp: -Đường xa hiểm trở và hẹp, cũng như hai con chuột đánh nhau trong hang, bên nào dũng cảm sẽ thắng.

Vua bèn sai Triệu Xa làm tướng cứu Hàn. Binh đi cách Hàm Đan ba mươi dặm. Xa ra lệnh trong quân: -Kẻ nào dám lấy việc quân sự can ngăn thì xử tử.

Quan Tần đóng ở phía Tây Vũ An. Quan Tần reo hò tiến, tất cả các ngôi nhà ở thành Vũ An đều rung động. Trong quân có một người nói phải cứu gấp Vũ An, Triệu Xa liền chém ngay. Cứ cố thủ giữ thành đứng lại hai mươi tám ngày không đi. Lại xây thêm thành lũy. Một tên thám thính của Tần trà trộn vào, Triệu Xa cho ăn ngon và thả cho về. Y lên về báo với tướng Tần, tướng Tần mừng rỡ nói: -Rời khỏi nước ba mươi dặm mà quân lại không đi, còn xây thêm thành lũy thì Ú Dự không phải là đất của Triệu rồi.

Sau khi đã cho tên thám thính của Tần đi, Triệu Xa bèn đem quân cướp giáp rào chạy, hai ngày một đêm đến nơi, sai những người bắn giỏi đi cách Ú Dự năm mươi dặm mà đóng quân. Thành lũy của quân đã đắp xong, quân Tần nghe tin đem cả toán quân đến. Binh sĩ là Hứa Lịch xin can về việc quân sự. Triệu Xa nói: -Cho vào.

Hứa Lịch nói: -Quân Tần không ngờ quân Triệu đã đến đây. Nó đến đây khí thế hùng mạnh, tướng quân phải tập trung đội ngũ lại mà đợi, nếu không thì chắc sẽ thua.

Triệu Xa nói: -Xin vâng lệnh!

Hứa Lịch nói: -Xin chịu tội chết.

Triệu Xa nói: -Hãy đợi lệnh sau xem.

Khi lâm trận, Hứa Lịch lại nói: -Ai chiếm được đỉnh núi phía Bắc sẽ thắng, ai đến sau sẽ thua.

Triệu Xa cho là phải, liền cho một vạn người rào bước lên trên núi. Quân Tần đến sau, tranh ngọn núi nhưng không lên được. Triệu Xa thả quân đánh, phá tan quân Tần.

Quân Tần bị đánh tan bỏ chạy, bèn giải vây Ú Dự mà trở về. Huệ Văn Vương nước Triệu phong cho Xa hiệu là Mã Phục Quân, cho Hứa Lịch làm quốc úy [*Chức quan võ ở dưới chức tướng quân.*]. Do đó, Triệu Xa cũng ngang hàng với Liêm Pha, Lạn Tương Như.

8.

Bốn năm sau, Huệ Văn Vương nước Triệu chết. Con là Hiếu Thành Vương lên ngôi (270 trước Công nguyên). Bảy năm sau, quân Tần và quân Triệu chống nhau ở Trường Bình. Bây giờ Triệu Xa đã chết, Lạn Tương Như lại mắc bệnh nặng, Triệu sai Liêm Pha cầm quân đánh Tần, quân Tần mấy lần đánh bại quân Triệu. Quân Triệu cố thủ giữ thành không đánh. Quân Tần mấy lần khiêu chiến, Liêm Pha vẫn không chịu đánh. Vua Triệu nghe lời bọn tay chân của Tần nói: "Tần chỉ sợ một mình Triệu Quát, con Mã Phục Quân Triệu Xa mà thôi". Vua Triệu bèn cho Quát làm tướng thay Liêm Pha, Lạn Tương Như nói: -Nhà vua dùng Quát cũng chỉ vì nghe danh ông ta cũng như gấn trục đàn mà gãy đàn thôi. Quát chỉ biết đọc sách của cha để lại, không biết ứng biến.

Vua Triệu không nghe, bèn cho Quát làm tướng.

9.

Triệu Quát từ lúc nhỏ học binh pháp, nói việc binh cho thiên hạ không ai bằng mình. Y thường cùng cha là Xa bàn việc binh, Xa không thể bắt bẻ được, nhưng vẫn không cho là phải. Mẹ Quát hỏi Xa tại sao thế, Xa nói: - Việc binh là nơi chết người mà Quát nói một cách khinh thường quá, nước Triệu không cho Quát làm tướng thì thôi, chứ nếu cho nó làm tướng, thì người phá vỡ quân Triệu nhất định là Quát.

Khi Quát sắp đi, người mẹ dâng thư nói với nhà vua: -Không để cho Quát làm tướng được.

Vua hỏi: -Tại sao?

Người mẹ thưa: -Xưa kia thiếp thờ cha nó. Trong thời cha nó làm tướng, hạng người ông ta thân hành bưng cơm nước, cho ăn có đến hàng chục, hạng ông ta xem là bạn có đến hàng trăm. Đại vương và tông thất thưởng cho cái gì thì đưa tất cả cho các quân lại và sĩ phu. Ngày được nhận mệnh lệnh làm tướng, không hỏi đến việc nhà. Nay Quát mới làm tướng mà ngồi ngoảnh mặt về hướng Đông để tiếp khách [*Ngày xưa vua ngồi hướng Bắc quay mặt hướng Nam, tướng quân và tể tướng ngồi hướng Tây quay mặt về hướng Đông.*], quân lại không ai dám ngẩng lên nhìn, vàng lụa nhà vua cho đều đem về cất ở nhà, hàng ngày xem có nhà cửa ruộng vườn gì có lợi, nên mua thì mua. Nhà vua xem nó có bằng cha nó không? Cha con bụng dạ khác nhau, xin nhà vua chớ sai đi.

Nhà vua nói: -Bà đừng nói nữa, ta đã quyết định rồi.

Mẹ Triệu Quát nói: -Nếu nhà vua vẫn sai nó đi, nhưng làm không nổi việc, thiếp có thể khỏi tội không?

Nhà vua nói: -Được.

10.

Sau khi Triệu Quát đã thay thế Liêm Pha, bèn thay đổi tất cả những luật lệnh, thay đổi nhiều người quân lại. Tướng Tần là Bạch Khởi nghe vậy, thả kỳ binh, giả vờ thua chạy cắt đứt đường vận lương của Triệu, chia cắt quân Quát làm hai, quân sĩ rời rạc. Được hơn bốn mươi ngày, quân sĩ đói khổ, Triệu Quát đem quân tinh nhuệ ra đánh quân địch. Quân Tần bắn chết Triệu Quát. Binh của Quát bị bại, mấy chục vạn người đầu hàng Tần, Tần đều chôn sống hết. Triệu trước sau mất bốn mươi lăm vạn quân. Năm sau quân Tần vây Hàm Đan hơn một năm, suýt nữa thì nước Triệu không khỏi bị tiêu diệt. Nhờ có các chư hầu Sở, Ngụy đến cứu nên mới giải được vây ở Hàm Đan. Vua Triệu cũng vì mẹ Quát trước kia đã nói nên không giết.

11.

Sau khi giải vây Hàm Đan được năm năm, nước Yên dùng mưu của Lật Phúc, nói: -Những người trai tráng của Triệu đều chết ở Trường Bình, bọn con mồ côi chưa lớn.

Bèn đem quân đánh Triệu. Triệu sai Liêm Pha làm tướng đánh tan quân Yên ở Hạo, giết Lật Phúc, bèn vây Yên. Yên cắt năm thành để cầu hoà, Triệu mới nghe. Triệu lấy đất Úy Văn, phong cho Liêm Pha làm Trú Bình Quân, làm quyền tướng quốc [*Bấy giờ tướng quốc Lạn Tương Như đã chết. Liêm Pha làm tạm để thay Tương Như.*].

Sau khi Liêm Pha không được cầm quân ở Trường Bình phải về, ở vào lúc thất thế, khách khứa đều bỏ đi hết. Đến khi lại làm tướng quân thì khách khứa lại đến, Liêm Pha nói: -Các vị hãy rút lui cho!

Khách nói: -Ô! Sao ngài thấy việc muộn thế, Đạo bạn bè trong thiên hạ, kết bạn với nhau như lồi con buôn, trò giao dịch ngoài chợ. Khi ngài có thế thì chúng tôi theo, ngài không có thế thì chúng tôi đi, cái đó là lẽ dĩ nhiên chứ có gì đáng giận!

Được sáu năm (năm 245 trước Công Nguyên), Triệu sai Liêm Pha đánh đất Phồn Dương của Ngụy, lấy được Phồn Dương.

Vua Hiếu Thành Vương nước Triệu mất, con là Điệu Tương Vương lên ngôi (năm 244 đến năm 236 trước Công nguyên), sai Nhạc Thừa thay Liêm Pha, Liêm Pha giận đánh Nhạc Thừa. Nhạc Thừa bỏ chạy. Liêm Pha bèn chạy sang đất Đại Lương của Ngụy. Sang năm sau, Triệu bèn sai Lý Mục làm tướng đánh Yên, lấy được Vũ Toại, Phương Thành. Liêm Pha ở Lương một thời gian lâu, Ngụy không tin dùng. Nước Triệu thường bị khốn về quân Tàn. Vua Triệu lại nghĩ đến việc dùng Liêm Pha. Liêm Pha cũng muốn lại đắc dụng ở Triệu. Vua Triệu sai sứ giả xem Liêm Pha còn dùng được nữa hay không. Kẻ thù của Liêm Pha là Quách Khai cho sứ giả nhiều vàng bảo nói xấu ông ta. Sứ giả của Triệu ra mắt Liêm Pha. Liêm Pha vì vậy ăn một đấu gạo, mười cân thịt trong một bữa cơm, mặc áo giáp lên ngựa để tỏ rằng mình còn dùng được. Sứ giả nước Triệu về báo với nhà vua: -Liêm tướng quân tuy già, ăn còn khoẻ, nhưng khi cùng thần ngồi trong khoảnh khắc thì ba lần đi đại tiện.

Vua Triệu cho rằng ông ta già cho nên không triệu về. Nước Sở nghe tin Liêm Pha ở Ngụy, ngầm cho sứ đón về. Liêm Pha làm tướng nước Sở không lập được công lao, nói: -Ta ước được dùng người Triệu [*Ý nói không lập được công vì quân Sở không theo.*]?

Liêm Pha chết ở Thọ Xuân [*Thuộc đất Sở.*].

12.

Lý Mục là viên tướng giỏi ở biên giới phía Bắc nước Triệu. Mục thường ở Nhạn Môn, đất Đại, phòng bị Hung Nô. Mục được phép tiện nghi đặt quan lại, tất cả tô thuế ở thành thị đều đưa vào trong dinh, để chi tiêu quân phí. Mỗi ngày giết mấy con bò để nuôi quân tập bắn cung, cưỡi ngựa, canh gác cẩn thận, dùng nhiều người thám thính, hậu đãi chiến sĩ. Ra hiệu lệnh: -Hung Nô mà vào cướp thì phải lập tức thu thập, bảo vệ ai dám bắt quân giặc thì chém?

Hung Nô mỗi lần vào, canh gác cẩn thận, mọi người lập tức thu thập gìn giữ không dám chiến đấu. Như vậy mấy năm cũng không mất mát gì, nhưng Hung Nô cho Lý Mục là nhát, đến cả binh sĩ ở biên giới cũng cho vị tướng của mình là nhát. Vua Triệu trách Lý Mục, Lý Mục vẫn thề. Vua Triệu giận, đòi về, sai người khác làm tướng thay.

Được hơn một năm, Hung Nô mỗi lần đến là ra đánh. Đánh nhiều lần không lợi, tổn thất nhiều, ở biên giới không thể làm ruộng chăn nuôi. Vua lại mời Lý Mục, Lý Mục đóng cửa không ra, cố xưng bệnh, vua Triệu bèn ép nài ông ta dậy để cầm quân, Mục nói: -Nếu nhà vua nhất định dùng thần, thì thần có được làm như trước mới dám vâng lệnh.

Nhà vua bằng lòng.

13.

Lý Mục vẫn theo lối làm như cũ. Hung Nô mấy năm không được gì, kết quả cho ông ta nhát gan. Quân sĩ ở biên giới được thưởng nhiều mà không được dùng, muốn đánh một trận. Bây giờ Lý Mục mới chọn đủ một nghìn ba trăm cỗ xe, chọn được ba ngàn con la, năm vạn trảng sĩ đáng thưởng mỗi người là năm lạng vàng [*Quản Trọng có câu "Kẻ nào có thể phá quân địch, bắt tướng địch thì thưởng một trăm lạng vàng"*], mười vạn người thiện xạ, tất cả đều học tập chiến đấu, cho súc vật ăn cỏ khắp nơi, nhân dân ở đây đồng. Hung Nô vào ít, giả chạy không đánh thắng, vất cho nó mấy ngàn người. Thiên Vu nghe thấy vậy đem tất cả quân đến. Lý Mục bày ra nhiều trận đánh úp, đem hai cánh tả hữu đánh vào, phá, giết hơn mười vạn kỵ binh của Hung Nô, diệt Đan Lam [*Tên nước Hồ ở phía Bắc đất Đại.*], phá Đông Hồ [*Tên nước còn gọi là Tiên Ty.*], bắt Lâm Hồ đầu hàng [*Một chi nhánh của Hung Nô.*], Thiên Vu bỏ chạy. Sau đó hơn mười năm, Hung Nô không dám đến gần biên giới nước Triệu.

14.

Năm thứ nhất thời Điều Tương Vương nước Triệu (năm 244 trước Công nguyên) sau khi Liêm Pha đã trốn vào Ngụy, Triệu sai Lý Mục đánh Yên, lấy Vũ Toại, Phương Thành. Được hai năm, Bàn Noãn phá quân Yên, giết Kịch Tân [*Tướng Yên.*]. Bảy năm sau, Tần phá Triệu, giết tướng Hồ Thiếp ở Vũ Toại, chém mười vạn người. Triệu bèn cho Lý Mục làm đại tướng quân, đánh quân Tần ở Nghi An, phá tan quân Tần, tướng Tần là Hoài Nghị phải bỏ chạy. Vua Triệu phong cho Lý Mục làm Vũ An Quân. Được ba năm, Tần đánh Bàn Ngô. Lý Mục đánh phá quân Tần, phía Nam chống lại Hàn, Ngụy.

Năm thứ bảy đời vua Triệu tên là Thiên (Năm 235 đến năm 238 trước Công nguyên), Tần sai Vương Tiễn đánh Triệu, Triệu sai Lý Mục, Tư Mã Thượng chống lại, Tần cho người tội yếu của vua Triệu là Quách Khai nhiều tiền làm phản gián, nói Lý Mục, Tư Mã Thượng muốn làm phản. Vua Triệu bèn sai Triệu Thông và tướng Tề là Nhan Tụ thay Lý Mục. Lý Mục không vâng mệnh. Vua Triệu sai người tìm bắt được Lý Mục, giết ông ta, bỏ Tư Mã Thượng. Ba tháng sau, Vương Tiễn nhân đánh Triệu gấp, phá tan quân Triệu, giết Triệu Thông, bắt Triệu Vương là Thiên cùng với tướng của vua Triệu là Nhan Tu, bèn diệt nước Triệu.

Thái sử công nói: -Biết chịu chết tất phải là dũng cảm, cái chết không phải là khó, cái khó là ở chỗ xử trí cái chết. Khi Lạn Tương Như giờ ngọc bích mắt liếc nhìn cột trụ, tình thế chẳng qua chỉ bị giết là cùng. Những kẻ sĩ hoặc vì nhát gan mà không dám làm. Tương Như chỉ một lần biểu lộ dũng khí của mình mà nước địch sợ uy, sau đó, rút lui, nhường Liêm Pha mà danh tiếng trọng như thái sơn, có thể gọi là người khéo sử dụng cả trí lẫn dũng vậy.

[28]

ĐIỀN ĐÀN liệt truyện

Đoạn: [1](#), [2](#), [3](#), [4](#)

1.

Điền Đan là họ hàng xa họ Điền tôn thất nước Tề. Thời Tề Dấn Vương, Điền Đan làm người coi chợ ở Lâm Tri, không được ai biết đến.

Nước Yên sai Nhạc Nghị [[Xem Nhạc Nghị liệt truyện.](#)] đánh phá nước Tề (năm 285 trước Công nguyên). Vua Tề Dấn Vương trốn chạy, rút về giữ thành Cử. Quân Yên thừa thế ruổi dài đuổi đánh, bình định nước Tề. Điền Đan bỏ chạy vào thành An Bình, sai họ hàng cưa tất cả hai đầu trục xe, lấy sắt lấp vào để làm trục. Quân Yên tấn công An Bình. Thành vỡ, người Tề bỏ chạy, tranh nhau đường, đầu trục xe gãy, xe đổ nên bị quân Yên bắt làm tù binh. Chỉ có họ hàng Điền Đan nhờ có đầu trục xe bịt sắt cho nên trốn thoát, đi về hướng Đông giữ đất Tức Mặc. Quân Yên chiêu hàng tất cả các thành của nước Tề, chỉ còn Cử và Tức Mặc là chưa bị hạ.

Quân Yên nghe tin vua Tề ở thành Cử nên dồn tất cả binh lực đánh thành Cử. Sau khi đã giết Dấn Vương ở thành Cử, Trác Xi cố giữ thành chống lại quân Yên. Quân Yên đánh một năm không lấy được, bèn đem quân về hướng Đông vây Tức Mặc. Quan đại phu ở Tức Mặc ra giao chiến bị thua và chết. Người trong thành cùng nhau tiến cử Điền Đan làm quan giữ thành. Họ nói: -Trong lúc đánh nhau ở An Bình, họ hàng Điền Đan nhờ có trục xe bằng sắt nên được sống cả. Ông ta thông thạo binh pháp.

Cho nên họ lập Điền Đan làm tướng quân, coi thành Tức Mặc để chống lại quân Yên.

2.

Ít lâu sau, Yên Chiêu Vương chết (năm 279 trước Công nguyên), Huệ Vương lên ngôi, có hiềm khích với Nhạc Nghị. Điền Đan nghe tin ấy bèn tung phản gián vào nước Yên, phao lên: "Vua Tề đã chết, nước Tề chỉ còn hai thành nữa không lấy được mà thôi. Nhạc Nghị sợ bị giết nên không dám về, ông ta mượn tiếng đánh Tề, nhưng thực ra là muốn kết hợp binh lực, ngoảnh mặt về hướng Nam làm vua đất Tề. Người Tề chưa theo, vì vậy, ông ta đánh Túc Mặc không ráo riết để cho họ theo mình. Người Tề chỉ sợ viên tướng khác đến thì thành Túc Mặc sẽ bị tiêu diệt mất".

Vua Yên cho là phải, sai Ky Nhiếp thay Nhạc Nghị.

Nhạc Nghị vì vậy trở về Triệu [*Nhạc Nghị bị đoạt binh quyền không dám trở về Yên, nên đầu hàng nước Triệu. Nhạc Nghị là người Triệu nên tác giả nói "về".*]. Sĩ tốt nước Yên phần uất. Điền Đan bèn sai người ở trong thành, khi ăn thì phải cúng tổ tiên ở ngoài sân. Chim chóc ở ngoài đều bay vào thành lượn xuống ăn. Nước Yên cho là quái lạ. Nhân đó, Điền Đan phao tin rằng: "Có thần đến dạy bảo ta". Bèn nói với người dân trong thành: -Sẽ có thần nhân làm thầy cho ta.

Có một tên lính nói: -Tôi làm thầy có được không?

Nói xong, liền bỏ chạy, Điền Đan đứng dậy kéo anh ta lại, đặt ngồi hướng về Đông, thờ làm thầy. Người lính nói: -Tôi nói dối ông đấy, tôi thật không có tài cán gì!

Điền Đan nói: -Ông chớ nói thế.

Bèn thờ ông ta làm thầy, mỗi khi ra hiệu lệnh đều gọi là "thần sư". Nhân đó, Điền Đan phao lên: -Ta chỉ sợ quân Yên xẻo mũi lính Tề, đặt họ ra hàng đầu để cùng ta giao chiến, nếu họ làm thế thì Túc Mặc sẽ bị thua.

Quân Yên nghe vậy làm đúng lời Điền Đan nói. Người trong thành thấy tất cả những người Tề đầu hàng đều bị xẻo mũi nên nổi giận kiên quyết giữ thành, chỉ sợ bị quân Yên tóm được. Điền Đan lại tung bọn phản gián nói: -Ta sợ người Yên đào mồ mả tổ tiên của ta ở ngoài thành làm nhục tổ tiên ta, nếu họ làm thế thì thật đáng sợ.

Quân Yên đào tất cả mồ mả của người Tề lên, thiêu xác chết. Người Túc Mặc ở trên thành nhìn ra thấy thế đều khóc, muốn ra đánh, giận gấp mười lần trước.

Điền Đan biết quân sĩ đã dùng được, bèn thân hành mang bai, thưởng, cùng sĩ tốt phân công, biên tên vợ và nàng hầu vào quân đội, phân tán tất cả thức ăn thức uống để nuôi quân sĩ. Điền Đan sai tất cả quân sĩ mang áo giáp nấp một nơi, còn người già yếu, đàn bà con gái đều lên thành cho sứ thần giao ước sẽ đầu hàng Yên, quân Yên đều hô " vạn tuế! ". Điền Đan lại sai thu vàng của dân được một ngàn dật, bảo những người giàu có ở Túc Mặc

đưa cho tướng sĩ Yên mà nói: -Thành Tức Mặc sắp đầu hàng, xin các ông chớ bắt bớ, cướp bóc vợ con của gia đình họ hàng chúng tôi để cho họ được sống yên ổn như trước.

Tướng Yên cả mừng, bằng lòng. Quân Yên vì thế lại càng trở nài.

3.

Điền Đan bèn thu trong thành được hơn một nghìn con trâu, lấy vải quynh mặc cho, vẽ vằn rồng ngũ sắc, buộc mũi nhọn ở đầu sừng, buộc lau vào đuôi đổ mỡ vào đấy rồi đốt những bó lau. Lại sai đục mấy mươi hang ở thành, ban đêm tung trâu ra, năm ngàn tráng sĩ tiếp theo sau. Đuôi trâu nóng, trâu nổi giận, xông vào quân Yên, quân Yên đang đêm cả sợ. Đuôi trâu bốc lửa, ánh sáng chói lòa. Quân Yên nhìn vào thì thấy toàn là vằn rồng, trâu húc vào ai thì người ấy đều bị thương và chết. Năm ngàn người theo đó ngậm tăm xông vào đánh, trong thành lại đánh trống reo hò trợ lực, người già cả, yếu đuối đều đánh đồ đồng, tiếng vang động trời đất. Quân Yên hoảng sợ thua chạy. Người Tề đuổi theo giết tướng Yên là Ky Khiếp, quân Yên chạy toán loạn, người Tề đuổi theo quân Yên. Quân Tề đi qua thành ấp nào thì thành ấy đều phản lại nước Yên mà trở về với Tề.

Quân của Điền Đan mỗi ngày một nhiều, thừa thắng đuổi theo. Quân Yên ngày càng thua trận, bỏ chạy. Cuối cùng, quân Yên rút về trên sông Hoàng Hà, hơn bảy mươi thành của Tề đều trở về nước Tề như cũ. Điền Đan bèn đón Tương Vương ở thành Cử vào thành Lâm Tri để cai trị. Tương Vương phong Điền Đan làm An Bình Quân.

4.

Thái sử công nói: -Theo phép dùng binh thì cốt lấy chính binh [Chính binh: cánh quân chính thức giao chiến.] để đánh địch, lấy kỳ binh để thắng địch, người khéo dùng binh thì có nhiều cách dùng kỳ binh, nói không thể hết được. Kỳ binh và chính binh sinh ra nhau như cái vòng, không có đâu là đầu mối. Lúc mới dùng binh, phải tỏ vẻ sợ sệt như cô gái trinh khiến kẻ địch khinh thường mở cửa không đề phòng, sau đó thì phải hăng hái như con thỏ thoát lưới làm cho quân địch không kịp chống cự [Tác giả lấy lời của binh pháp Tôn Vũ Tử (thiên Cửu Địa) để đánh giá tài năng của Điền Đan.]. Điền Đan có thể nói là người như thế.

Lúc đầu Trác Xi giết Dẫn Vương, người thành Cử đi tìm người con của Dẫn Vương là Pháp Chương, bắt gặp ông ta đang làm người tưới vườn ở tại nhà thái sử tên là Hiệu. Con gái của Hiệu thương hại nên đối đãi với ông ta một cách tử tế. Về sau Pháp Chương nói thật tình cảnh của mình với người con gái. Người con gái bèn đi lại với ông ta. Đến khi người thành Cử cùng nhau lập Pháp Chương làm vua Tề, lấy thành Cử để chống lại nước Yên thì người con gái của thái sử được làm vương hậu, người ta gọi là "Quân vương hậu".

Lúc mới vào đất Tề, quân Yên nghe nói Vương Xúc người ở đất Hoạch là người hiền bèn ra lệnh trong quân: "Xung quanh đất Hoạch ba mươi dặm không ai được vào". Làm thế là vì có Vương Xúc. Sau đó họ sai người nói với Xúc: -Người Tề phần lớn quý trọng phẩm hạnh của ông, ta cho ông làm tướng, phong cho ấp vạn nhà.

Xúc cố từ. Người Yên nói: -Ông không nghe, ta sẽ đem quân giết sạch cả ấp Hoạch.

Vương Xúc nói: -"Trung thân không thờ hai vua, gái trinh không lấy hai chồng". Vua Tề không nghe lời can ngăn của ta, cho nên ta rút lui mà cày ở nơi đồng nội. Nay nước đã mất, ta không thể còn. Các người lại lấy binh lực ép ta làm tướng, thế là giúp Kiệt làm việc bạo ngược. Sống mà không có nghĩa, không bằng chết bị nấu.

Bèn buộc cổ vào cây, ra sức kéo cổ mà chết.

Các quan đại phu nước Tề nghe tin ấy, nói: -Vương Xúc là kẻ áo vải mà còn theo nghĩa không quay mặt về hướng Bắc thờ Yên, huống những người làm quan ăn lộc sao!

Bèn họp lại đến thành Cử tìm người con của vua lập làm Tương Vương.

[29]

KHUẤT NGUYỄN liệt truyện

- [1. Bi nhà vua bỏ rơi](#)
- [2. Giá trị của Ly Tao](#)
- [3. Tình hình nước Sở khi Khuất Nguyên bị đày](#)
- [4. Tâm sự u uất của Khuất Nguyên](#)
- [5. Trích bài Ngự Phủ Từ của Khuất Nguyên](#)
- [6. Nước Lỗ sau khi Khuất Nguyên chết](#)
- [7. Lời bàn](#)

1. Bị nhà vua bỏ rơi

Khuất Nguyên tên là Bình cùng họ với vua nước Sở. Bình làm chức tả đô đốc Sở Hoài Vương, học rộng, nhớ lâu, thấy rõ lẽ trị loạn, thạo việc giấy tờ. Vào cung thì cùng vua bàn tính việc nước, ban bố các mệnh lệnh, ra thì tiếp đãi khách khứa, ứng đối với chư hầu. Nhà vua rất tin dùng. Đại phu Thượng Quan [*Có sách chú Thượng Quan là họ, có sách chú Thượng Quan đại phu là chức quan.*] cùng ông ngang hàng, tranh được vua yêu trong bụng ghen ghét tài năng.

Hoài Vương sai Khuất Nguyên làm pháp lệnh, Khuất Nguyên nháp bản thảo chưa xong, đại phu Thượng Quan trông thấy muốn cướp lấy, Khuất Nguyên không cho, ông ta bèn gièm với vua: -Bệ hạ sai Khuất Bình làm pháp lệnh, không ai là không biết. Mỗi khi lệnh ban ra, Bình lại khoe công của mình, nói: "Ngoài ta ra, chẳng ai làm nổi".

Nhà vua giận, bỏ rơi Khuất Bình.

2. Giá trị của Ly Tao

Khuất Bình giận về nỗi nhà vua nghe không phân biệt phải trái, để lời gièm pha che mắt óc sáng suốt, để kẻ gian ác làm hại người trung thành, khiến cho người ngay không có chỗ dung thân, cho nên lo buồn nghĩ ngợi mà làm ra "Ly Tao".

"Ly Tao" cũng như là buồn trong chia ly. Trời là khởi thủy của loài người. Cha, mẹ là gốc của con người. Người ta gặp lúc khốn cùng thì quay về gốc. Cho nên hề khó khóc mỗi mệt, ốm đau, không ai không kêu trời. Khi đau xót, thương cảm, không ai không kêu cha mẹ. Khuất Bình theo đạo ngay đi đường thẳng, dốc hết lòng trung, đưa hết trí khôn ra thờ vua, nhưng lại bị kẻ gièm pha ly gián, có thể gọi là ở vào cảnh khốn cùng vậy! Mình tín mà bị ngờ vực, mình trung mà bị chỉ trích, làm sao khỏi oán thán! Khuất Bình viết Ly Tao là do oán thán mà ra vậy. Thơ Quốc Phong mê sắc mà không dâm, thơ Tiểu Nhã oán trách mà không loạn. Như Ly Tao thực là gồm được cả hai. Trên kể từ Đế Cốc, dưới nói đến Tề Hoàn, giữa thuật truyện vua Thang và Vũ, chỉ trích việc đời. Nó nêu rõ tầm quan trọng của đạo đức, nguyên nhân làm nước nhà trị hay loạn, không có chuyện gì là không nói đến. Văn ông ngắn gọn, kín đáo, chí ông trong sạch, nét ông thanh cao, tuy nói những điều vụn vặt, nhưng ý nghĩa rất rộng, việc nhắc đến tuy gần, nhưng nghĩa thì xa. Chí ông trong sạch nên hay nói đến cái hoa thơm, nét ông cao cho nên dù chết cũng không được dung nạp. Ông thoát khỏi cái thế giới bùn lầy như con ve bỏ lột ở nơi dơ đục, để cất mình ra khỏi đám bụi trần chẳng để cho đời làm dơ bản. Thật là ở bùn mà trong trắng chẳng lây đen. Suy cái chí ấy thì ông có thể thi sáng với mặt trăng, mặt trời vậy!

[Bài này có một ý nghĩa rất lớn. Ở âu châu, trong lịch sử, người ta không nói đến các nhà văn. Mãi đến thế kỷ XVIII, Voltaire trong "Lịch sử thế kỷ Lu-i XIV" mới có một chương dành cho văn học. Tư Mã Thiên dành cả một chương cho Khuất Nguyên với những lời lẽ đanh thép, quyết định. Ngoài Khuất Nguyên, Tư Mã Thiên còn nói đến những nhà làm phú như Giả Nghị, Tư Mã Tương Như ..., cùng với tất cả các nhà tư tưởng gia. Trước ông không ai nhắc đến Khuất Nguyên, sau ông không ai đánh giá Khuất Nguyên đúng bằng. Ở Trung Quốc cổ chưa có phê bình văn học, chỉ có sự phê bình qua ý nghĩa chính trị chứ không nói đến sự thống nhất giữa nội dung và hình thức. Đoạn này là một thứ ngoại lệ.]

3. Tình hình nước Sở khi Khuất Nguyên bị đūoi

Sau khi Khuất Nguyên bị truất, nước Tần muốn đánh Tề, nhưng Tề hợp tung với Sở. Tần Huệ Vương lo ngại bèn sai Trương Nghi giả vờ bỏ Tần, mang nhiều tiền của tình nguyện thờ nước Sở. Trương Nghi nói: -Tần ghét Tề, nhưng Tề lại hợp tung, thân với Sở. Nếu Sở tuyệt giao với Tề thì Tần sẽ xin dâng sáu trăm dặm đất ở Thượng U.

Sở Hoài Vương tham đất, lại tin lời Trương Nghi, bèn tuyệt giao với Tề, sai sứ sang Tần nhận đất. Trương Nghi nói dối sứ giả: -Nghi hẹn cho nhà vua sáu dặm, chứ có phải làm sáu trăm dặm đâu.

Sứ thần Sở giận, ra về, nói lại với Hoài Vương. Hoài Vương giận, đem đại quân đánh Tần. Tần đem quân đánh lại phá tan quân Sở ở sông Đan, sông Tinh, chém tám vạn đầu bắt tướng Sở là Khuất Cái, lấy đất Hán Trung của Sở. Hoài Vương bèn đem tất cả quân trong nước Sở đánh sâu vào nước Tần. Hai bên đánh nhau ở Lam Điền. Nước Ngụy nghe tin, đánh úp Sở, đem quân đến đất Đặng. Quân Sở lo sợ từ nước Tần trở về, còn quân Tề thì giận không cứu Sở. Sở khốn to.

Năm sau Tần cắt đất Hán Trung để giảng hoà với Sở. Vua Sở nói: - Không cần được đất! Xin được Trương Nghi là hả dạ.

Trương Nghi nghe vậy liền nói: -Lấy một mình Nghi mà đòi được đất Hán Trung vậy thần xin đi sang Sở.

Khi sang Sở, Nghi lại dùng nhiều của đút lót cho viên quan cầm quyền là Cận Thượng bày cách nói với người vợ yêu của Hoài Vương là Trịnh Tự. Kết quả, Hoài Vương nghe lời Trịnh Tự lại tha cho Trương Nghi về.

Khi ấy Bình đã bị nhà vua bỏ rơi không còn ở lại địa vị cũ. Bình đi sứ ở Tề, quay về can Hoài Vương: -Sao không giết Trương Nghi đi?

Hoài Vương hỏi hận cho người đūoi theo Trương Nghi, nhưng không kịp nữa.

Về sau chư hầu cùng nhau đánh Sở, phá tan quân Sở, giết tướng Sở là Đường Muội. Bấy giờ Chiêu Vương nước Tần thông gia với Sở, muốn hợp mặt với Hoài Vương. Hoài Vương toan đi, Khuất Bình can: -Tần là nước hùm sói, không thể tin, đừng đi là hơn.

Con nhỏ của Hoài Vương là Tử Lan, khuyên nhà vua nên đi: -Sao lại để mất lòng vua Tần?

Hoài Vương bèn ra đi. Khi vào đất Vũ Quan, Tần sai phục binh cắt đūt đường về, nhân giữ Hoài Vương lại để đòi cắt đất. Hoài Vương giận, không chịu, bỏ trốn sang Triệu, Triệu không chứa, Hoài Vương lại về Tần, rốt cục chết ở Tần, rồi đưa về chôn ở Sở.

Con cả của Hoài Vương lên ngôi tức là Khoảnh Tương Vương. Khoảnh Tương Vương cho em là Tử Lan làm lệnh đūn. Người nước Sở vẫn cho

việc khuyên Hoài Vương sang Tần không về là tội của Tử Lan.

4. Tâm sự u uất của Khuất Nguyên

Khuất Bình cũng ghét chuyện ấy. Tuy bị ruồng bỏ, xua đuổi, ông vẫn lo toan nước Sở, lòng vẫn nghĩ đến Hoài Vương, cứ mong trở về, mong có một ngày nào nhà vua tỉnh ngộ, tập tục sẽ thay đổi. Lòng ông chỉ mong sao cho nhà vua được còn, nước được mạnh, trong một bài, ông nhắc đi nhắc lại điều ấy đến ba lần. Nhưng rốt cục vẫn không làm sao được. Điều đó, chứng tỏ Hoài Vương suốt đời không tỉnh ngộ.

Người làm vua, không kẻ đại hay khôn, hiền hay dở đều muốn tìm kẻ trung thần để trị nước, cất nhắc kẻ giỏi để giúp mình. Vậy mà chuyện nước mất nhà tan thì cứ kế tiếp nhau diễn ra, trái lại cái cảnh vua thánh nước trị thì mấy đời cũng không thấy có. Đó là vì cái bọn gọi là trung kia không phải là trung, và cái bọn giỏi kia không phải là giỏi vậy. Hoài Vương vì không biết phân biệt kẻ trung thần cho nên ở trong thì bị Trịnh Tụ làm mê hoặc, ở ngoài bị Trương Nghi lừa dối, rốt cục ruồng bỏ Khuất Bình mà tin đại phu Thượng Quan, lệnh doãn Tử Lan. Rốt cục quân thua, đất bị cắt, mất đứt sáu quận, chết bỏ xác ở đất Tần, làm trò cười cho thiên hạ. Đó đều do không biết người mà mắc vạ, Kinh Dịch nói: "Giếng sạch chẳng ăn, lòng ta bản khoản. Đạo ta có thể đem ra dùng, vua sáng dùng đạo ta, mọi người đều nhờ phúc". Vua không sáng thì thực là vô phúc vậy.

Lệnh doãn Tử Lan biết chuyện cả giận, kết quả sai đại phu Thượng Quan gièm Khuất Nguyên với Khoảnh Tương Vương. Khoảnh Tương Vương giận đày ông.

5. Trích bài Ngư Phủ Từ của Khuất Nguyên

Khuất Nguyên đến bờ sông, xoa tóc đi, ngâm nga trên bờ đâm, sắc mặt tiều tụy, hình dung khô héo. Một ông cụ đánh cá, thấy hỏi ông ta: -Ông là quan tam lu đại phu [*Chức quan coi ba họ tôn thất của Sở.*] đây phải không? Vì sao ông đến nỗi này.

Khuất Nguyên nói: -Tất cả đời đều như đục, chỉ một mình ta trong, tất cả mọi người đều say, riêng một mình ta tỉnh, cho nên bị đuổi.

Cụ đánh cá nói: -Người thánh nhân không khu khu ở một vật, mà biết thay đổi theo đời. Tất cả đều như đục sao ông không xuôi theo dòng làm cho sóng lên cao? Tất cả mọi người đều say, sao ông không nhai bã rượu và húp rượu? Vì có gì lại ôm ngọc cần, giữ ngọc du trong người để đến nỗi bị đuổi!

Khuất Nguyên nói: -Tôi nghe nói, khi vua gọi đầu xong thì người ta phủi mũ, khi vua tắm xong thì người ta giữ áo, lẽ nào để cái thân trong trắng bị vật làm như bẩn đi. Ta thà gieo mình xuống sông Tương, chôn mình trong bụng cá, lẽ nào để cái bản chất trắng ngần của ta chịu bụi bặm của đời?

Bèn làm bài phú Hoài sa, đoạn ôm đá gieo mình xuống sông Mịch La mà chết.

[Bài này tác giả dùng lối vấn đáp để bày tỏ lòng mình. Nhân vật ông lão đánh cá là một nhân vật tượng trưng.]

6. Nước Lỗ sau khi Khuất Nguyên chết

Sau khi Khuất Nguyên đã chết, nước Sở có bọn Tống Ngọc, Đường Lạc, Cảnh Sái đều thích văn chương và nổi tiếng về lối phú. Song họ chỉ biết bắt chước Khuất Nguyên về chỗ lời lẽ dẹt dài chứ không ai dám nói thẳng. Nước Sở ngày càng hao mòn, sau mấy chục năm cuối cùng bị nước Tần tiêu diệt.

Sau khi Khuất Nguyên chết đuối ở Mịch La hơn trăm năm, đến đời Hán, có Giả Nghị [*Giả Nghị, một nhà chính trị, nhà văn có tiếng đời Hán Văn Đế chết năm 33 tuổi được Tư Mã Thiên chép chung vào một thiên với Khuất Nguyên. Ở đây không dịch phần nói về Giả Nghị. Giả Nghị có tài nhưng không được nhà vua dùng cho đi làm thái phó của Trường Sa Vương, đến Trường Sa cảm thông cảnh ngộ của Khuất Nguyên làm bài Điều Khuất Nguyên trong đó có câu " Nhìn chín châu mà tìm vua chừ! Có gì mà phải nhớ mong kinh đô ấy?". Ý hỏi tại sao Khuất Nguyên không sang nước khác. Nhưng ở bài Phục Điều Phú (bài phú con cú) thì Giả Nghị nói "Sống kia như trôi chừ, chết kia như nghỉ". Ý nói mình làm chưa hiểu nổi Khuất Nguyên. Khuất nguyên không phải là hạng Tô Tần lo mưu lợi cho mình mà là người yêu nước cho nên coi thường sống chết.*] làm thái thú của Trường Sa Vương, qua sông Tương ném thư xuống sông để điều Khuất Nguyên.

7. Lời bàn

Thái sử công nói: -Tôi đọc Ly Tao, Thiên Vấn, Chiêu Hồn, Ai Sinh thương chí ông. Tôi sang Trường Sa xem quãng sông Khuất Nguyên trầm mình, không lần nào không khóc. Khi thấy Giả Sinh viếng ông, tôi lấy làm lạ về chỗ tài giỏi như Khuất Nguyên nếu đi sang chư hầu thì nước nào mà chẳng dùng, tại sao lại làm khổ mình như thế? Đến khi đọc bài phú "Phục Điểu" thấy nói đến việc coi sống chết như nhau, coi thường việc đi hay ở, bấy giờ lòng luống bâng khuâng tự biết là lâm!

,[30]
Truyện LÃ BÁT VI

Đoạn: [1](#), [2](#), [3](#), [4](#)

1.

Lã Bất Vi là một nhà buôn lớn ở Dương Định, đi lại mua rẻ, bán đắt, trong nhà có hàng nghìn cân vàng. Năm thứ bốn mươi đời Chiêu Vương nước Tần, thái tử mất. Năm thứ bốn mươi hai, nhà vua cho con thứ là An Quốc Quân làm thái tử.

An Quốc Quân có hơn hai mươi người con, lại có người yêu nhất được lập làm chính phu nhân, gọi là Hoa Dương phu nhân. Phu nhân không có con. Tử Sở là con giữa của An Quốc Quân. Mẹ Tử Sở là Hạ Cơ không được vua yêu nên Tử Sở phải làm con tin của Tần ở nước Triệu. Tần mấy lần đánh Triệu, nên Triệu bạc đãi Tử Sở. Tử Sở là cháu của vua Tần, làm con tin ở chur hầu, xe ngựa, vật tiêu dùng chẳng được sẵn, ở cảnh cùng khôn có vẻ bực bội. Lã Bất Vi ở Hàm Đan trông thấy Tử Sở thương hại, nói: -Món hàng này lạ, có thể buôn được đây. [*Miêu tả tâm lý thương nhân rất sinh động.*]

Bất Vi bèn đến nói với Tử Sở: -Tôi có thể làm cửa nhà ngài lớn lên.

Tử Sở cười: -Ông hãy tự làm cho cửa nhà ông lớn lên đã rồi hãy làm đến cửa nhà tôi.

Lã Bất Vi nói: -Thế thì ngài không biết: cửa nhà tôi phải đợi cửa nhà ngài mới lớn được.

Tử Sở hiểu ý, bèn ngồi nói chuyện. Lã Bất Vi nói: -Vua Tần già rồi mà An Quốc Quân lại là thái tử. Tôi trộm nghe An Quốc Quân rất yêu Hoa Dương phu nhân. Phu nhân không có con, nhưng chỉ có phu nhân mới lập nối con thừa tự mà thôi. Nay anh em ngài hơn hai mươi người, ngài lại ở hàng giữa không được yêu lắm, cứ làm con tin mãi ở nước ngoài thì dù nhà vua mất đi, An Quốc Quân lên ngôi ngài cũng đừng hòng làm thái tử.

Tử Sở nói: -Phải! Nhưng làm thế nào được?

Bất Vi nói: -Ngài nghèo, làm người khách ở đây chẳng có gì mà dâng biếu cha mẹ cùng giao kết với bạn bè. Bất Vi tuy nghèo xin bỏ nghìn vàng sang phía tây nói với An Quốc Quân cùng Hoa Dương phu nhân, lập ngài làm con thừa tự.

Tử Sở đập đầu lạy mà nói: -Nếu được như mưu của ông thì xin cùng ông hưởng nước Tần!

Bất Vi liền cho Tử Sở năm trăm cân vàng tiêu dùng và đãi tân khách, lại lấy năm trăm cân vàng mua của báu vật lạ, thân hành đem sang Tần, xin ra mắt người chị Hoa Dương phu nhân để dâng những vật ấy cho Hoa Dương Phu nhân. Nhân đó, Bất Vi kể Tử Sở tài giỏi, khôn ngoan, chơi bời với người các nước, bạn hữu khắp thiên hạ. Bất Vi nói: -Tử Sở cho phu nhân là trời. Ngày đêm khóc nhớ thái tử và phu nhân.

Phu nhân mừng lắm.

Bất Vi xui người chị phu nhân nói với phu nhân: -Tôi nghe: "Nếu lấy

nhân sắc thờ người thì khi nhân sắc suy là tình yêu phai nhạt". Nay phu nhân thờ thái tử rất được yêu nhưng chưa có con. Sao chẳng nhân lúc này lựa một người hiền và có hiếu ở trong các con cho làm thừa tự và nhận làm con. Như thế chồng còn, mình được tôn quý, đến khi chồng trăm tuổi, con mình làm vua, mình vẫn không thất thế. Thật là nói một câu lợi đến muôn đời. Nay lúc đang thịnh mà không chăm đến gốc, thì khi nhân sắc suy, yêu thương nhạt, dù muốn mở miệng nói một lời cũng khó lòng nói được. Tử Sở là người hiền lại tự biết mình là con hàng giữa, kẻ thứ tự không sao làm được con thừa tự. Mẹ ông ta lại không được thái tử yêu nên đem mình nương nhờ phu nhân. Nếu lúc này phu nhân cho anh ta làm con thừa tự, thì suốt đời phu nhân sẽ có quyền thế ở Tần.

Hoa Dương phu nhân cho là phải. Nhân dịp thông thả, phu nhân nói với thái tử: -Tử Sở hiện làm con tin ở nước Triệu là người rất giỏi, kẻ qua lại đều khen...

Đoạn sứt sùi khóc, mà nói: -Thiếp đội ơn được sung vào hậu cung nhưng không may không có con. Vậy xin cho nhận Tử Sở làm con, lập thừa tự để gửi thân thiếp.

An Quốc Quân hứa cho, bèn cùng phu nhân khắc con dấu bằng ngọc hẹn sẽ lập Tử Sở làm con thừa tự. An Quốc Quân cùng phu nhân bèn cho Tử Sở nhiều của và xin Bất Vi giúp đỡ cho.

2.

Danh tiếng Tử Sở từ đó càng nổi với chư hầu. Lã Bất Vi kén trong số vợ mình ở Hàm Đan một người tuyệt đẹp và múa khéo, lại biết người này đã có mang. Tử Sở sang nhà Bất Vi, trông thấy, đem lòng mê, nhân đứng dậy chúc thọ mà xin. Bất Vi nghĩ giận mình đã vì Tử Sở phá hết nhà cửa, muốn dùng món lạ để câu, bèn dâng vợ. Người vợ giấu chuyện mình đã có mang, đến đủ tháng sinh con là Chính. Tử Sở bèn lập nàng làm phu nhân. Năm thứ năm mươi, đời vua Chiêu Vương nước Tần, Tần sai Vương Ý vây Hàm Đan rất gấp. Nước Triệu muốn giết Tử Sở. Tử Sở cùng Lã Bất Vi mưu đưa sáu trăm cân vàng cho kẻ coi giữ nên trốn thoát về với quân Tần. Triệu muốn giết vợ con Tử Sở, nhưng vợ của Tử Sở là con nhà tai mắt ở Triệu, lẩn trốn được vì thế mẹ con đều sống.

Năm thứ năm mươi sáu, Tần Chiêu Vương mất, thái tử An Quốc Quân lên làm vua, lập Hoa Dương phu nhân làm hoàng hậu, Tử Sở làm thái tử. Vua Triệu cũng cho đưa vợ của Tử Sở cùng con là Chính về Tần. Vua Tần lên ngôi được một năm thì mất, hiệu bụy là Hiếu Văn Vương. Thái tử Tử Sở lên thay, tức là Trang Tương Vương, tôn mẹ nuôi là Hoa Dương hậu làm Hoa Dương thái hậu, mẹ là Hạ Cơ là Hạ thái hậu.

3.

Năm đầu, Trang Tương Vương cho Bất Vi làm thừa tướng, phong là Văn Tín Hầu, được ăn thuế mười vạn hộ ở Hà Nam, Lạc Dương. Trang Tương Vương làm vua được ba năm thì mất, thái tử tên là Chính lên ngôi tôn Lã Bất Vi làm tướng quốc, gọi là trọng phụ. Vua Tần tuổi nhỏ, thái hậu thường lén lút tư thông với Lã Bất Vi. Trong nhà Lã Bất Vi có đến vạn người. Bấy giờ ở Ngụy có Tín Lăng Quân, ở Sở có Xuân Thân Quân, ở Triệu có Bình Nguyên Quân, ở Tề có Mạnh Thường Quân, đều đua nhau quý kẻ sĩ, chiêu tân khách. Bất Vi thấy Tần mạnh mà mình không bằng họ nên xấu hổ cũng đón mời các kẻ sĩ đãi rất hậu, khách ăn trong nhà có đến ba nghìn. Khi ấy chư hầu có nhiều biện sĩ, như bọn Tuân Khanh làm sách truyền bá ra thiên hạ. Bất Vi bèn sai các khách soạn ra những điều mình biết, họp lại làm tám Lãm, sáu Luận, mười Kỷ gồm hơn hai mươi vạn chữ, cho là đủ hết những việc trời, đất, muôn vật, xưa nay, đặt tên sách là Lã Thị Xuân Thu bày ở cửa chợ Hàm Dương, đặt nghìn lạng vàng lên trên, mời các du sĩ của chư hầu ai có thể thêm bớt một chữ thì xin biểu một nghìn lạng vàng [*Một cách quảng cáo đặc biệt của thương nhân.*].

Khi ấy Thủy Hoàng Đế đã lớn mà thái hậu cứ dâm loạn mãi. Bất Vi sợ lộ, mang vạ, bèn ngầm tìm kẻ dương vật lớn là Giao Ái, dùng làm người nhà. Thường làm trò vui, sai Ái lấy vật của mình tra vào bánh xe gỗ đồng mà đi, khiến thái hậu nghe biết chuyện để như thái hậu. Quả nhiên thái hậu nghe chuyện rồi, muốn được riêng Giao Ái. Lã Bất Vi bèn dâng Giao Ái. Bất Vi vờ sai người tố cáo y phạm tội đáng chết. Bất Vi lại báo với thái hậu: Nên có kẻ giả bị chết này làm chức Cấp Sự Trung. Thái hậu bèn ngầm cho kẻ coi việc chết nhiều tiền. Viên quan coi án lại luận tội vờ, nhờ râu mày làm cho hoạn quan Giao Ái nhờ vậy được vào hầu thái hậu. Thái hậu cùng y gian dâm, rất yêu rồi chữa, sợ người ta biết chuyện, bèn vờ xem bói nói nên tránh mùa dời cung sang đất Ung. Giao Ái thường đi theo được thưởng rất hậu, việc gì cũng do Giao Ái quyết định. Nhà Giao Ái tới tứ vài nghìn người, các khách cầu làm quan, làm môn hạ cho y đến hơn nghìn người.

Năm thứ bảy đời Thủy Hoàng, mẹ Trang Tương Vương là Hạ thái hậu mất. Vợ Hiếu Văn là Hoa Dương thái hậu được chôn một nơi với Hiếu Văn ở Thọ Đãng. Con Hạ thái hậu là Trang Tương Vương chôn ở Chi Dương. Cho nên Hạ thái hậu bảo chôn riêng mình ở Đổ Đông, nói rằng: ở đó ngoảnh sang Đông nhìn được con ta, ngoảnh sang Tây nhìn được chồng ta, trăm năm sau chắc ở đây có áp vạn nhà.

Năm thứ chín đời Thủy Hoàng, có kẻ phát giác Giao Ái thực không phải là hoạn quan, thường tư thông với thái hậu, sinh hai con đều dẫu đi, hẳn mưu với thái hậu: hễ vua chết thì dùng con hẳn làm vua. Vua Tần liền giao cho

pháp đình xét, biết rõ sự tình. Việc liên quan đến tướng quốc là Lã Bất Vi. Tháng chín giết ba họ nhà Giao Ái, lại giết hai con do thái hậu đẻ ra và đày thái hậu sang đất Ung. Nhà cửa các môn hạ của Giao Ái đều bị tịch thu và họ bị đày sang đất Thục. Nhà vua muốn giết cả tướng quốc, nhưng vì Bất Vi thờ vua trước có công lớn, lại được các tân khách, biện sĩ nói giúp khá đông nên không nỡ làm tội.

Tháng mười năm thứ mười, cách chức tướng quốc của Lã Bất Vi. Đến khi người Tề là Mao Tiêu thuyết vua Tần, vua Tần mới sang Ung đón thái hậu về Hàm Dương như cũ và phong ấp cho Văn Tín Hầu ở Hà Nam. Được hơn một năm, các tân khách cùng sứ giả của chư hầu đến thăm Văn Tín Hầu lũ lượt ở trên đường. Vua Tần sợ Văn Tín Hầu làm loạn, bèn viết thư nói:

"Ông có công gì với Tần, mà Tần phong ông ở Hà Nam, ăn thuế của mười vạn hộ. Ông thân thích gì với Tần mà hiệu là Trọng Phụ?"

Rồi bắt đem cả nhà dời sang Thục. Lã Bất Vi tự liệu sẽ bị giết bèn uống thuốc độc tự tử. Những người vua Tần giận là Lã Bất Vi và Giao Ái đều đã chết. Nhà vua bèn cho những người nhà của Giao Ái bị đày vào Thục được trở về. Năm thứ mười chín đời Thủy Hoàng, thái hậu mất, tên thụy là Đế thái hậu, chôn một chỗ với Trang Tương Vương ở Chi Dương.

4.

Thái sử công nói: Lã Bất Vi và Giao Ái đều thành những người sang, được phong làm Văn Tín Hầu, Trường Tín Hầu. Có kẻ tố giác Giao Ái. Giao Ái nghe tin vua Tần sai tìm chứng cứ. Trong khi các quan hầu chưa tìm ra chứng cứ thì nhà vua ra ngoài thành Ung. Giao Ái sợ mang vạ bèn cùng đồ đảng bày mưu lấy ấn của thái hậu, đem quân làm phản ở cung Kỳ Niên. Nhà vua sai quân đánh Giao Ái. Giao Ái bỏ chạy. Binh sĩ đuổi theo chém y ở Hảo Chi, sau đó giết cả họ Ái. Lã Bất Vi vì thế mà bị truất. Họ Lã phải chăng là người "có tiếng" như Khổng Tử nói [Luận ngữ thiên "Nhan Uyên". Khổng Tử nói"... Con người (mà người ta gọi là) có tiếng bên ngoài có vẻ theo nhân, nhưng việc làm thì trái ...". Ý nói là kẻ nịnh hót.]?

[31]
THÍCH KHÁCH liệt truyện

- [1. Tào Mat](#)
- [2. Chuyên Chư](#)
- [3. Dư Nhương](#)
- [4. Nhiếp Chính](#)
- [5. Kinh Kha](#)
- [6. Lời bàn](#)

1. Tào Mạt

Tào Mạt là người nước Lỗ, lấy sức mạnh được thờ Lỗ Trang Công (năm 693 - năm 662 trước Công nguyên). Lỗ Trang Công chuộng sức mạnh, Tào Mạt làm tướng nước Lỗ đánh nước Tề ba lần đều bị thua. Lỗ Trang Công sợ, bèn hiến đất Toại ấp để cầu hoà, sau đó lại cho làm tướng như cũ.

Tề Hoàn Công hứa cùng hợp với vua Lỗ ở ấp Kha để ăn thề. Hoàn Công và Trang Công đã thề ở trên đàn. Tào Mạt cầm chủ thủ (1) đe dọa thị uy với Tề Hoàn Công. Các quan hầu cận của Hoàn Công không ai dám động. Hoàn Công hỏi: -Nhà ngươi muốn gì?

Tào Mạt nói: -Tề mạnh, Lỗ yếu, nước lớn xâm phạm nước Lỗ đã quá lắm. Nay thành nước Lỗ nếu sụp đổ thì đê cả đất Tề (2), nhà vua liệu đấy?

Hoàn Công bèn hứa trả tất cả đất đai đã chiếm đoạt trước cho Lỗ. Nói xong, Tào Mạt ném chủ thủ xuống đàn, ngoảnh mặt về hướng Bắc đến chỗ đứng của bầy tôi, sắc mặt không thay đổi, nói năng vẫn ôn hoà như thường.

Hoàn Công giận, muốn bỏ điều hứa. Quản Trọng nói: -Không nên, nếu tham cái lợi nhỏ để cho thỏa thích mình, bỏ tín nghĩa đối với chư hầu, thì mất sự giúp đỡ của thiên hạ. Chi bằng cứ cho là hơn.

Hoàn Công bèn trả lại những đất Lỗ đã bị Tề xâm chiếm, các đất đai đã mất sau ba lần Tào Mạt đánh thua đều được trao lại cho nước Lỗ.

Sau đó 167 năm thì nước Ngô xảy ra việc của Chuyên Chư.

2. Chuyên Chư

Chuyên Chư là người đất Đường ấp, thuộc nước Ngô, Ngũ Tử Tư trốn khỏi nước Sở chạy sang Ngô, biết tài năng của Chuyên Chư. Sau khi ra mắt Ngô Vương tên là Liêu, Ngũ Tử Tư bàn việc đánh Sở lợi như thế nào. Công tử Quang nước Ngô nói: -Gã Ngũ Viên này cha anh đều bị Sở giết, nay Viên nói việc đánh Sở, là muốn báo thù riêng của mình, chứ không phải vì nước Ngô.

Vua Ngô bèn thôi. Ngũ Tử Tư biết công tử Quang muốn giết Ngô Vương Liêu bèn nói: -Ông Quang này sắp nghĩ đến việc bên trong cho nên chưa thể nói việc bên ngoài (3).

Bèn tiến cử Chuyên Chư cho công tử Quang. Cha của Quang là Chư Phàn làm vua nước Ngô, Chư Phàn có ba người em. Thứ hai là Dư Thái, đến Di Mạt, rồi đến Quý Tử Trát. Chư Phàn biết Quý Tử Trát là người hiền nên không lập thái tử làm vua, cứ theo thứ tự truyền cho ba người em, chủ ý cuối cùng muốn truyền nước cho Quý Tử Trát. Sau khi Chư Phàn chết, truyền ngôi cho Dư Thái. Dư Thái chết truyền ngôi cho Di Mạt. Di Mạt chết đáng lý phải truyền ngôi cho Quý Tử Trát, nhưng Quý Tử Trát bỏ trốn không chịu làm vua. Người nước Ngô bèn lập con của Di Mạt là Liêu làm vua. Công tử Quang nói: -Nếu như cứ truyền theo thứ tự anh em thì Quý Tử đáng được lập làm vua, còn nếu truyền cho con thì Quang này mới thực là người con cả chân chính đáng lập làm vua.

Vì vậy, Quang thường nuôi ngầm các mưu thần để tìm cách tự lập làm vua.

Sau khi được Chuyên Chư, Quang đãi Chuyên Chư như bậc thượng khách. Được chín năm vua Bình Vương nước Sở chết. Mùa xuân, vua Ngô là Liêu muốn nhân lúc nước Sở có tang phái công tử Cáp Dư, Chúc Dung đem quân vây đất Tiềm của nước Sở, sai Diên Lăng Quý Tử sang nước Tần để xem chư hầu động tĩnh như thế nào.

Nước Sở đem binh chặn đường của tướng Ngô là Cáp Dư, Chúc Dung, quân Ngô không về được.

Công tử Quang bèn nói với Chuyên Chư: -Cơ hội này không thể bỏ lỡ, nếu mình không tìm thì làm sao mà gặp được? Và chẳng, Quang này thực là người nối dõi nhà vua đáng được lập, Quý Tử có về cũng không phể truất ta đâu.

Chuyên Chư nói: -Vương Liêu đáng chết. Mẹ thì giá, con thì đại, hai em đem binh đánh Sở bị quân Sở cắt đứt đường về. Ngày nay nước Ngô bên ngoài bị khốn về nước Sở, bên trong không người tôi chính trực, tức là không làm gì được ta.

Công tử Quang cúi đầu nói: -Thân của Quang này là thân của ông (4).

Tháng tư, ngày Bính Tý, Quang cho binh sĩ mặc áo giáp nắp ở trong nhà hầm, làm tiệc rượu để mời Vương Liêu đến. Vương Liêu sai dàn binh từ cung đến nhà của Quang, ở ngoài cửa và hai bên thêm đều là thân thích của Vương Liêu. Những người đứng hai bên đường để châu đều cầm giáo dài. Sau khi uống rượu say, công tử Quang giả đau chân vào trong nhà hầm, sai Chuyên Chư nhét chủy thủ vào trong bụng con cá rán rồi đem lên dâng. Khi đến trước mặt vua, Chuyên Chư mổ bụng cá, nhân đó lấy chủy thủ đâm Vương Liêu, Vương Liêu chết ngay. Tả hữu cũng giết Chuyên Chư, người của nhà vua rối loạn. Công tử Quang cho quân sĩ đã phục sẵn xông ra đánh bộ hạ của Vương Liêu, giết chết tất cả, rồi tự lập làm vua, tức là Hạp Lư, Hạp Lư bèn phong con của Chuyên Chư làm thượng khanh.

Sau đó hơn 70 năm ở Tấn xảy ra việc của Dự Nhượng (5).

3. Dự Nguợng

Dự Nguợng là người nước Tấn, trước kia đã thờ họ Phạm và họ Trung Hàng, nhưng không ai biết đến. Dự Nguợng bỏ sang thờ Trí Bá. Trí Bá rất yêu quý và tôn trọng. Đến khi Trí Bá đánh Triệu Tương Tử, Triệu Tương Tử cùng mưu với các nước Hàn, Ngụy, giết Trí Bá. Sau khi đã giết Trí Bá, họ chia đất Trí Bá làm ba phần. Triệu Tương Tử rất oán Trí Bá, nên sơn đầu lâu của Bá làm đồ đựng rượu.

Dự Nguợng trốn vào trong núi nói: -Than ôi! Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ! Người con gái làm dáng vì kẻ yêu mình. Nay Trí Bá biết ta, ta phải liều chết báo thù để đền ơn, có thể hồn phách của ta mới khỏi xấu hổ!

Dự Nguợng bèn đổi họ tên làm người bị khổ dịch lên vào cung dọn nhà xí, trong người giấu cái chủy thủ muốn để đâm Tương Tử. Tương Tử vào nhà xí thấy chột dạ, bắt hỏi người khổ dịch đang dọn nhà xí, thì ra đó là Dự Nguợng, khám trong người có binh khí. Dự Nguợng nói: -Ta muốn báo thù cho Trí Bá.

Tả hữu muốn giết, Tương Tử nói: -Hắn là người có nghĩa, ta chỉ cần thận trách hắn là đủ. Và chẳng, Trí Bá chết không có con cái gì, mà người làm tôi của nó lại muốn báo thù, vậy người này là một người hiền trong thiên hạ.

Cuối cùng tha cho đi ít lâu sau, Dự Nguợng lại sơn mình làm người hủi, nuốt than làm người câm, khiến không ai nhận ra hình dạng. Nguợng đi hành khất ở ngoài chợ, người vợ không nhận ra. Đi gặp người bạn, người bạn nhận được nói: -Anh có phải Dự Nguợng đấy không?

-Chính tôi.

Người bạn khóc và nói: -Có tài như anh nếu gửi mình làm tôi thờ Tương Tử, thì Tương Tử thế nào cũng yêu mến gần gũi anh. Khi Tương Tử đã yêu mến gần gũi anh thì anh làm điều anh muốn, thế chẳng dễ hơn sao? Bây giờ làm hủi hoại thân thể thế này muốn để báo thù Tương Tử, chẳng phải khó khăn sao?

Dự Nguợng nói: -Mình đã đi mình làm tôi người ta, rồi lại tìm cách giết họ, như thế là mang hai lòng để thờ vua. Và chẳng điều tôi muốn làm là hết sức khó nhưng tôi muốn làm thế này là để cho hạng tôi thờ vua mang hai lòng ở trong thiên hạ sau này phải hổ thẹn.

Sau khi đi rồi, được ít lâu Tương Tử sắp ra đi, Dự Nguợng nấp ở chỗ cầu Tương Tử phải đi qua. Tương Tử đến cầu con ngựa sợ hãi, Tương Tử nói: -Đấy chắc là Dự Nguợng rồi?

Sai người hỏi thì quả là Dự Nguợng. Tương Tử bèn trách Dự Nguợng: -Nhà người chẳng phải đã từng thờ họ Phạm và họ Trung Hàng đó sao? Trí Bá diệt họ, thế mà người chẳng báo thù cho họ lại còn gửi mình làm tôi Trí

Bá. Nay Trí Bá đã chết rồi sao nhà ngươi lại một mình vì hấn báo thù sâu sắc như vậy?

Dự Nhượng đáp: -Tôi thờ họ Phạm và họ Trung Hàng, họ Phạm và họ Trung Hàng đều xem tôi là hạng người thường, cho nên tôi báo đáp theo lối hạng người thường. Còn như Trí Bá đối đãi với tôi xem như người quốc sĩ, cho nên tôi phải báo thù theo lối người quốc sĩ.

Tương Tử thở dài, ngậm ngùi khóc mà rằng: -Than ôi Dự Nhượng! Nhà ngươi vì Trí Bá báo thù, nay danh cũng đã thành rồi. Quả nhân tha cho nhà ngươi thế cũng đã đủ rồi? Nhà ngươi hãy tự liệu lấy, quả nhân không tha cho nhà ngươi nữa.

Bèn sai lính vây bắt. Dự Nhượng nói: -Tôi nghe "bậc vua sáng không che cái tốt đẹp của người, kẻ trung thần có cái nghĩa phải chết theo danh". Trước đây nhà vua đã tha cho tôi, thiên hạ không ai không khen nhà vua hiền. Việc ngày hôm nay tôi cố nhiên xin chịu chết, nhưng xin nhà vua cho tôi cái áo của ngài để tôi được thỏa ý định báo thù, tuy chết cũng không ân hận. Đó không phải là điều tôi dám mong mỏi, nhưng cũng xin bày gan ruột như vậy.

Tương Tử bèn khen là người có nghĩa và sai người cầm áo đưa cho Dự Nhượng. Dự Nhượng tuốt kiếm nhảy lên đâm ba lần và nói: -Ta có thể chết để báo ơn Trí Bá được rồi?

Rồi phục gươm mà tự sát. Hôm Dự Nhượng chết, các chí sĩ nước Triệu nghe tin đều sụ sùi.

Sau đó hơn 40 năm ở đất Chi có việc của Nhiếp Chính.

4. Nhiếp Chính

Nhiếp Chính là người làng Thâm Tĩnh, ấp Chi. Chính giết người, trôn kẻ thù, cùng mẹ và chị sang nước Tề làm nghề hàng thịt. Được ít lâu, Nghiêm Trọng Tử người đất Bộc Dương thờ Ai Hầu nước Hàn, có hiềm khích với tướng quốc nước Hàn là Hiệp Lũy. Nghiêm Trọng Tử sợ bị giết, bỏ trôn tìm người có thể giết Hiệp Lũy để trả thù. Ông ta đến nước Tề, có người nước Tề nói Nhiếp Chính là người dũng cảm, vì trôn kẻ thù nên nướng nấu ở trong bọ bán thịt.

Nghiêm Trọng Tử đến cửa mời, đi về mấy lần. Sau đó đem rượu đến dâng cho mẹ của Nhiếp Chính. Uống rượu say, Nghiêm Trọng Tử bưng ra một trăm dật vàng dâng cho mẹ Nhiếp Chính để chúc thọ. Nhiếp Chính lấy làm quái lạ vì quá nhiều, cố hết sức từ tạ Nghiêm Trọng Tử. Nghiêm Trọng Tử cố dâng. Nhiếp Chính từ tạ mà rằng: -Tôi may có mẹ già, nhà nghèo đến nơi đất khách làm nghề bán thịt để hôm mai kiếm được chút ngọt bùi phụng dưỡng mẹ. Việc phụng dưỡng mẹ đã đầy đủ rồi, không dám nhận của Trọng Tử cho.

Nghiêm Trọng Tử bảo người xung quanh đi ra, nhân đấy nói với Nhiếp Chính: -Tôi có người thù nên đi khắp chư hầu. Đến nước Tề trộm nghe tức hạ nghĩa khí rất cao, cho nên dâng một trăm dật vàng muốn dùng làm tiền chi dùng qua loa cho bà cụ, để được cùng vui chơi với tức hạ, chứ nào có dám mong mỗi gì.

Nhiếp Chính nói: -Tôi sở dĩ chịu khuất thân lẫn lút ở nơi chợ búa làm nghề hàng thịt, chỉ là muốn nuôi mẹ già. Mẹ tôi còn sống. Chính này không dám lấy thân giao cho ai.

Nghiêm Trọng Tử cố hết sức van nài, rốt cuộc Nhiếp Chính vẫn không chịu nhận. Nhưng Nghiêm Trọng Tử vẫn làm đủ nghi lễ khách đối với chủ rồi ra đi.

Được một thời gian lâu, mẹ Nhiếp Chính chết. Sau khi đã chôn cất xong, hết tang ba năm, Nhiếp Chính nói: -Than ôi! Chính này người ở nơi chợ búa, múa dao làm nghề hàng thịt, thế mà Nghiêm Trọng Tử là bậc khanh tướng của chư hầu, lại không ngại đường xa nghìn dặm, hạ cố đến kết giao. Ta đãi ông như thế, quả là đạm bạc. Ta chưa có công gì lớn đáng được tôn kính như thế, nhưng Nghiêm Trọng Tử lại dâng trăm lạng vàng để làm lễ chúc thọ mẹ ta. Ta tuy không nhận nhưng riêng điều đó cũng đủ chứng tỏ ông đánh giá Chính cao như thế nào. Người hiền vì muốn báo thù, đến chơi thân với một kẻ khốn cùng xa lạ, Chính này lẽ nào lại im lặng mãi hay sao? Vả chăng, ngày trước ông ta cố nài Chính, Chính còn lấy cố mẹ già, nay mẹ già đã trọn tuổi trời, Chính này sẽ hy sinh vì người tri kỷ.

Nhiếp Chính bèn đi sang hướng Tây đến Bộc Dương ra mắt Nghiêm

Trọng Tử nói: -Ngày trước sợ dĩ tôi không dám nhận lời Trọng Tử, chỉ vì mẹ tôi còn sống. Nay không may mẹ tôi đã hưởng trọn tuổi trời, vậy người Trọng Tử muốn báo thù là ai? Xin cho tôi đi làm việc đó.

Nghiêm Trọng Tử bên kể rõ đầu đuôi: -Kẻ thù của tôi là Hiệp Lũy làm tướng quốc nước Hàn. Hiệp Lũy lại là chú của vua Hàn, họ hàng đông và thịnh, nơi ở canh phòng rất nghiêm mật. Tôi muốn sai người đi ám sát nhiều lần, nhưng không ai làm được. Nay túc hạ may mà không bỏ tôi, vậy xin đem nhiều xe ngựa và tráng sĩ để có thể trợ lực cho túc hạ.

Nhiếp Chính nói: -Nước Hàn và nước Vệ cách nhau không xa lắm. Nay muốn giết tướng quốc của người ta, tướng quốc lại là thân thích của nhà vua, thì tình thế này không thể dùng nhiều người được. Nếu dùng nhiều người thì không thể không bàn trước chuyện lợi hại, bàn chuyện lợi hại thì lời tiết lộ. Lời tiết lộ thì nước Hàn sẽ đem tất cả nước ra đối phó với Trọng Tử, như thế chẳng hóa nguy sao!

Nhiếp Chính bèn từ tạ không nhận xe ngựa, người tùy tùng, chống kiếm đi một mình đến đất Hàn. Tướng quốc nước Hàn là Hiệp Lũy ngồi trong phủ, những người cầm kích để bảo vệ rất đông. Nhiếp Chính xông thẳng vào, lên thềm đâm chết Hiệp Lũy. Tả hữu rối loạn, Nhiếp Chính hô lớn đâm giết mấy chục người rồi bóc da mặt, móc mắt, tự kéo ruột ra mà chết.

Nước Hàn phơi thầy Nhiếp Chính ở ngoài chợ, treo giải thưởng để hỏi, nhưng không người nào biết. Nước Hàn bèn treo trọng thưởng để tìm hung thủ: "Ai biết được người giết tướng quốc Hiệp Lũy thì thưởng ngàn vàng". Mãi về sau cũng không ai biết. Chị của Nhiếp Chính là Vinh nghe tin có người giết tướng quốc nước Hàn nhưng không biết hung thủ, trong nước không biết họ tên anh ta là gì, phơi thầy treo giải nghìn vàng bèn nghẹn ngào nói: -Đó là em của ta chẳng? Than ôi! Nghiêm Trọng Tử giết em ta.

Liền đứng dậy đi đến nước Hàn, thì người chết quả là Chính. Nàng nằm bên thầy khóc rất thảm thiết nói: -Đây là Nhiếp Chính. Người làng Thâm Tinh, ấp Chỉ.

Những người ở trong chợ đều nói: -Người này hành hung giết tướng quốc nước ta, nhà vua treo giải ai biết được tên họ nó thì thưởng nghìn vàng, bà không nghe hay sao, lại dám đến đây nhận mặt nó?

Vinh đáp lại rằng: -Tôi có nghe. Nhưng sợ dĩ Chính chịu ô nhục, mai một ở nơi chợ búa là vì mẹ già còn khỏe, thiếp chưa lấy chồng. Nay mẹ già đã hưởng trọn tuổi trời, thiếp đã đi lấy chồng. Nghiêm Trọng Tử lại biết tìm thấy em tôi trong nơi khốn cùng hèn hạ, mà kết bạn, đối đãi rất hậu. Bây giờ làm thế nào? Kẻ sĩ vốn chết vì người tri kỷ, nay chỉ vì thiếp vẫn còn sống cho nên Nhiếp Chính mới cố tự hủy hoại thân thể để làm mất tung tích. Lẽ nào thiếp lại sợ thân mình phải chết để cho hủy diệt mất danh tiếng của

người em hiền hay sao?

Điều đó làm cho người ở chợ nước Hàn cả sợ. Người chị bèn kêu trời ba lần rồi sục sùi thảm thiết, chết bên cạnh Nhiếp Chính. Các nước Tấn, Sở, Tề, Vệ nghe vậy đều nói: -Không phải chỉ một mình Nhiếp Chính là giỏi mà cả người chị anh ta cũng là liệt nữ. Giá trước đây Nhiếp Chính biết rằng người chị của mình không có tính nhẫn nhục, không sợ cái nguy bị phơi thây, quyết vượt qua nghìn dặm để làm nổi bật cái danh của em, cả chị cùng em đều chết ở chợ nước Hàn, thì vị tất Nhiếp Chính đã dám trao thân cho Nghiêm Trọng Tử. Nghiêm Trọng Tử cũng có thể gọi là kẻ biết người vậy.

Sau đó hơn 220 năm, ở nước Tần có việc của Kinh Kha.

5. Kinh Kha

Kinh Kha là người nước Vệ, tổ tiên là người nước Tề. Kinh Kha di cư sang Vệ, người Vệ gọi là Khánh Khanh (6). Sau đó sang nước Yên, người nước Yên gọi là Kinh Khanh. Kinh Khanh thích đọc sách, đánh gươm, đem kiếm thuật nói với Vệ Nguyên Quân. Vệ Nguyên Quân không dùng.

Sau đó Tần đánh Ngụy (năm 242 trước Công nguyên) đặt Đông Quận, dời họ hàng Vệ Nguyên Quân đến đất Dã Vương. Kinh Kha có lần qua chơi đất Du Thứ, bàn kiếm thuật với Cáp Nhiếp. Cáp Nhiếp giận, trợn mắt nhìn Kinh Kha đi ra. Có người nói muốn mời Kinh Kha, Cáp Nhiếp nói: -Lúc này ta bàn kiếm thuật với hắn. Có chỗ không vừa ý ta trợn mắt nhìn hắn. Thử đi mà xem, chắc hắn đi rồi không dám ở lại nữa.

Sai người đến nhà trọ thì Kinh Khanh đã đi xe ngựa rời khỏi đất Du Thứ rồi. Người này về báo, Cáp Nhiếp nói: -Cố nhiên là hắn đi, lúc này ta vừa lấy mắt dọa hắn.

Kinh Kha đi chơi đến Hàm Đan. Lỗ Câu Tiễn cùng Kinh Kha đánh cờ, tranh nhau nước cờ. Lỗ Câu Tiễn giận mắng, Kinh Kha im lặng trốn đi, sau đó không gặp nhau nữa (7)

Sau khi Kinh Kha đã đến Yên, làm bạn với người bán thịt chó và người giỏi gảy đàn trúc (8) tên là Cao Tiệm Ly. Kinh Kha thích uống rượu, ngày ngày cùng anh bán thịt chó và Cao Tiệm Ly uống rượu ở chợ nước Yên. Sau khi chén rượu dở say, Cao Tiệm Ly gảy đàn trúc, Kinh Kha họa theo mà hát vui với nhau ở giữa chợ. Sau đó lại cùng nhau khóc, xem như bên cạnh không có người (9). Kinh Kha tuy ở trong bọn bợm rượu, nhưng tính tình thâm trầm, thích đọc sách, khi du lịch các nước chư hầu, đến đâu cũng kết bạn với tất cả những người hiền, trưởng giả ở đấy. Khi sang nước Yên, xử sĩ nước Yên là Điền Quang tiên sinh cũng trọng đãi vì biết rằng Kha không phải là người tầm thường. Được ít lâu gặp lúc thái tử nước Yên là Đan làm con tin ở Tần trốn về. Thái tử Đan nước Yên đã có lần làm con tin ở Triệu mà vua Tần tên là Chính lại sinh ở Triệu, lúc nhỏ vẫn chơi thân với Đan. Đến khi Chính được lập làm vua, Đan làm con tin ở Tần, vì vua Tần đối đãi với thái tử Đan không tử tế cho nên Đan giận trốn về. Đan về tìm cách báo thù vua Tần, nhưng nước nhỏ, sức không làm nổi. Sau đó ngày ngày Tần đem binh ra miền Sơn Đông để đánh các nước Tề, Sở, Tam Tấn, dần dần tiêu diệt chư hầu như tầm ăn lá dâu, sắp đến nước Yên. Vua tôi nước Yên đều sợ họa sắp đến nơi. Thái tử Đan lo lắng hỏi thầy học là Cúc Võ. Cúc Võ nói: -Đất nước Tần bao khắp thiên hạ, uy hiếp các nước Hàn, Ngụy, Triệu, phía Bắc có Cam Tuyền, Cốc Khẩu là nơi hiểm trở, phía Nam có đất bên sông Kinh, sông Vị là nơi mâu mỡ, chiếm nguồn lợi đất Ba, đất Hán, bên phải có dãy núi đất Lũng, đất Thục, bên trái có nơi hiểm trở như Hàm Cốc

quan, Hào Sơn. Dân đã đông, quân lại mạnh, khí giới có thừa. Nếu họ muốn đem quân ra thì từ Trường Thành xuống phía Nam, từ Dịch Thủy lên phía Bắc (lo) chưa biết ra sao! Tại sao chỉ vì cái oán bị khinh rẻ mà thái tử lại muốn động chạm đến cái vẫy ngược của con rồng (11) như thế?

Đan nói: -Vậy thì làm sao?

-Việc ấy xin suy nghĩ cho sâu.

Được ít lâu tướng Tần là Phàn Ư Kỳ có tội với vua Tần, chạy trốn sang Yên, thái tử dung nạp cho ở. Cúc Võ can: -Không được! Nước Tần đã mạnh lại căm giận nước Yên, như thế cũng đủ đáng sợ lắm rồi. Huống chi nó lại nghe Phàn tướng quân ở đây. Như thế tức là "Ném thớt ra giữa lối đi của hùm đói", cái tai vạ ấy không thể cứu được đâu! Tuy có Quản Trọng, Án Anh (12) cũng không thể bày mưu cho ta. Thái tử phải mau mau cho Phàn tướng quân vào đất Hung Nô để khỏi tai tiếng, xin phía Tây ước hẹn với Tam Tấn, phía Nam liên kết với nước Tề, nước Sở, phía Bắc hòa với Thiên Vu sau đó mới có thể lo toan được.

Thái tử nói: -Kế của thái phó tổn mất nhiều ngày giờ quá. Lòng tôi lo lắng ưu phiền, sợ không đợi được giây lát. Vả chăng, không phải như thế mà thôi, Phàn tướng quân là người cùng khốn, thiên hạ không ai dung, gửi thân ở Đan, dù sao Đan cũng không thể vì bị nước Tần mạnh bức bách mà bỏ rơi người bạn đáng thương, đưa ông ta sang Hung Nô, như thế thì Đan chết mất. Xin thái phó nghĩ cho cách khác.

Cúc Võ nói: -Làm việc nguy mà muốn cầu được yên, gây họa mà muốn cầu được phúc, mưu kế thì cạn mà kết oán thì sâu, liên kết với một người mà không nghĩ đến cái hại lớn của nước nhà, tức là như người ta nói, thêm oán mà gieo họa vậy. Điều đó cũng như lấy nắm lông chim hồng mà đốt trên lò than, nhất định chẳng còn gì nữa. Nước Tần đã hung ác lại muốn làm hả cơn giận dữ thì chưa biết đến thế nào mà nói? Nước Yên có Điền Quang tiên sinh là người trí sâu mà dũng cảm thâm trầm, có thể bàn với ông ta được (14)

Thái tử nói: -Muốn xin thái phó cho tôi được làm quen với Điền tiên sinh, có được không?

Cúc Võ nói: -Xin vâng.

Cúc Võ bèn đi tìm Điền Quang nói: -Thái tử muốn mưu việc nước với tiên sinh đây.

Điền Quang nói: -Xin vâng lời dạy.

Bèn đến, thái tử ra đón, đi giật lùi để dẫn đường, quỳ xuống để trải chiếu.

Điền Quang ngồi yên, xung quanh không có ai, thái tử dờn khỏi chiếu nói: -Nước Yên và nước Tần không cùng sống, xin tiên sinh lưu ý cho.

Điền Quang nói: -Tôi nghe nói ngựa kỳ, ngựa ký lúc đang mạnh thì ngày

ruổi ngàn dặm, đến khi già rồi ngựa hèn vượt lên trước. Nay thái tử chỉ nghe thời Quang còn trai trẻ chứ không biết rằng tinh lực tôi đã hao mòn hết rồi. Nhưng mặc dù Quang không dám bàn việc nước, người bạn của tôi là Kinh Kha có thể dùng được.

Thái tử nói: -Tôi muốn nhờ tiên sinh cho tôi kết bạn với Kinh Kha có được không? .

-Thưa vâng.

Điền Quang liền đứng dậy bước ra ngoài. Thái tử tiến đến cửa căn dặn: -Điều Đan trình bày, tiên sinh chỉ giáo, đều là việc lớn của nước, xin tiên sinh chớ tiết lộ.

Điền Quang cúi đầu mỉm cười nói: -Vâng

Điền Quang lom khom đến gặp Kinh Kha (15) nói: -Quang và ông quen nhau, nước Yên ai cũng biết. Thái tử chỉ nghe Quang lúc còn khỏe mạnh không biết Quang này đã kém cõi rồi. Thái tử lại dạy tôi rằng: "Nước Yên và nước Tần không cùng chung sống, xin tiên sinh lưu ý cho". Quang trộm nghĩ rằng mình không nên đứng ra ngoài, nên tiến cử tước hạ với thái tử. Xin tước hạ quá bộ đến cung thái tử.

Kinh Kha nói: -Xin vâng lời dạy.

Điền Quang nói: -Tôi nghe nói kẻ trưởng giả làm việc không để cho người ta ngờ mình. Nay thái tử nói với Quang rằng: "Điều nói đó là việc lớn của nước, xin tiên sinh chớ tiết lộ", như vậy là thái tử ngờ Quang. Phàm làm người để cho người ta ngờ mình, thì không phải là người nghĩa hiệp.

Điền Quang muốn tự sát để khích lệ Kinh Kha, nói: -Xin tước hạ đến gặp thái tử ngay, nói rằng Quang đã chết để chứng tỏ Quang không nói với ai.

Bèn tự đâm cổ mà chết.

Kinh Kha vào yết kiến thái tử nói việc Điền Quang đã chết và kể lại lời của Quang. Thái tử lạy hai lạy, đi bằng đầu gối, nước mắt ròng ròng. Một lúc sau mới nói: -Đan này sở dĩ dặn Điền tiên sinh đừng nói là muốn mưu việc lớn thành công. Nay Điền tiên sinh lại lấy cái chết để chứng tỏ rằng mình không nói, thực có phải là bụng của Đan này đâu.

Kinh Kha ngồi yên, thái tử đứng dậy cúi đầu nói: -Điền tiên sinh không biết rằng Đan này ngu dại, cho Đan được đến trước mặt tước hạ mà bày tỏ. Đó là trời thương nước Yên mà không vứt bỏ đứa con mồ côi của nó. Nay nước Tần có bụng tham lợi, lòng tham không vừa, nếu không lấy tất cả đất đai trong thiên hạ nộp cho nó, bắt tất cả các vua trong thiên hạ làm tôi nó, thì ý nó chưa thoả mãn. Nay Tần đã bắt vua Hàn, lấy hết đất Hàn, lại đem binh về phía Nam đánh Sở, phía Bắc đánh Triệu. Vương Tiễn đem quân mấy mươi vạn chặn lấy đất Chương, đất Nghiệp, Lý Tín lại đem quân ra Thái Nguyên, Vân Trung. Nước Triệu không thể chống nổi Tần, thế nào cũng

phải vào xung thân, vào xung thân thì tai họa đến nước Yên. Nước Yên nhỏ yếu, nhiều lần khổ vì chiến tranh, tính độc cả sức trong nước cũng không đủ để chống cự với Tần, chớ hầu sợ nước Tần, không ai dám hợp tung. Theo kế riêng của Đan, thì ngu này cho rằng nếu có một kẻ dũng sĩ trong thiên hạ đi sứ sang Tần, dùng lợi to để nhử nó. Tần Vương tham lam, thế nào ta cũng làm được điều mong muốn. Nếu có thể bắt thếp được vua Tần buộc nó phải trả cho chớ hầu những đất mà nó đã xâm chiếm, như Tào Mạt đã làm đối với Tề Hoàn Công thì thực là hay lắm, không được thế thì nhân đó đâm chết hẳn đi. Đại tướng của nước Tần cầm quân ở ngoài mà trong nước lại có loạn thì vua tôi ngờ vực nhau, nhân thời cơ ấy chớ hầu có thể hợp tung, thế nào cũng phá được nước Tần. Đó là điều mong mỏi nhất của Đan nhưng không biết ủy thác cho ai, xin Kinh Kha lưu ý cho.

Một hồi lâu, Kinh Kha đáp: -Đó là việc của nước lớn, thần hèn kém sợ không đáng sai khiến.

Thái tử bước đến trước cúi đầu, khẩn khoản xin đừng từ chối, sau đó Kinh Kha mới nhận lời.

Thái tử bèn tôn Kinh Kha làm thượng khanh ở nhà sang nhất. Thái tử ngày ngày đến trước cửa dâng cỗ thái lao, các vật lạ xe ngựa, gái đẹp tha hồ Kinh Kha muốn gì được nấy để làm chàng vừa lòng.

Sau một thời gian, Kinh Kha vẫn chưa có ý đi. Tướng Tần là Vương Tiễn đã phá nước Triệu, cầm tù vua Triệu, lấy tất cả đất Triệu tiến quân về phía Bắc, cướp đất đến biên giới phía Nam nước Yên. Thái tử Đan lo sợ, cầu khẩn Kinh Kha: -Quân Tần nay mai sẽ vượt qua sông Dịch Thủy thì dù tôi muốn hầu túc hạ mãi cũng chẳng dễ mà được đâu.

Kinh Kha nói: -Thái tử không nói, thì tôi cũng muốn yết kiến để bàn việc ấy. Nay đi mà không có gì làm tin thì khó lòng đến gần vua Tần. Vua Tần treo giải nghìn cân vàng, áp vạ nhà để bắt Phàn tướng quân. Nếu quả được cái đầu của Phàn tướng quân và địa đồ đất Độc Cánh của nước Yên để dâng lên vua Tần, thì vua Tần thế nào cũng vui lòng cho tôi yết kiến, bấy giờ tôi mới có cách để báo đáp thái tử.

Thái tử nói: -Phàn tướng quân cùng khốn về với Đan, Đan này không nỡ vì việc riêng của mình làm hại đến người trưởng giả, xin túc hạ nghĩ cho cách khác.

Kinh Kha biết thái tử không nỡ, bèn thân hành đến gặp Phàn Ứ Kỳ nói: -Nước Tần đối đãi với tướng quân có thể gọi là quá thâm độc. Cha mẹ họ hàng đều bị giết, nay nghe nói họ mua cái đầu của tướng quân nghìn cân vàng, áp vạ nhà, tướng quân nghĩ sao?

Ứ Kỳ ngựa mặt lên trời thở dài, sa nước mắt mà rằng: -Ứ Kỳ mỗi khi nghĩ đến điều đó, thường đau đến tận xương tuỷ, nhưng không nghĩ ra kế gì.

Kinh Kha nói: -Nay có một lời, có thể cứu nguy cho nước Yên, báo thù cho tướng quân. Tướng quân nghĩ thế nào?

Ư Kỳ bèn tiến lên nói: -Làm thế nào bây giờ?

Kinh Kha nói: -Tôi muốn xin cái đầu của tướng quân để hiến vua Tần, vua Tần thế nào cũng mừng rỡ tiếp kiến tôi. Tôi tay trái nắm lấy tay áo nó, tay phải đâm vào bụng nó như thế thì trả được thù cho tướng quân lại rửa được cái nhục bị khinh rẻ của nước Yên. Tướng quân có nghĩ như thế không?

Phản Ư Kỳ xắn ống tay áo tiến lên nói: -Đó là điều ngày đêm tôi nghĩ rằng nát ruột, đến nay mới được nghe chỉ giáo.

Bèn tự đâm cổ chết (15).

Thái tử biết vậy ruổi ngựa đến, nấp bên thây mà khóc hết sức thảm thương. Nhưng việc đã không làm sao được, nên bỏ đầu Phản Ư Kỳ vào hòm và niêm phong lại.

Thái tử sai tìm trong thiên hạ được cái chủy thủ sắc của Từ phu nhân nước Triệu, mua mất trăm lạng vàng, sai thợ tẩm thuốc độc thử đâm vào người hễ máu chảy ra như sợi tơ là người chết ngay.

Bèn chuẩn bị hành lý để cho Kinh Kha đi. Nước Yên có người dũng sĩ là Tần Vũ Dương, mười ba tuổi, giết người không ai dám trừng mắt nhìn. Bèn sai Tần Vũ Dương làm phó. Kinh Kha muốn đợi một người để cùng đi. Người ấy ở xa chưa tới, đã sắp sẵn hành lý cho anh ta. Đợi một thời gian chưa lên đường. Thái tử cho rằng quá chậm, ngờ Kinh Kha có đổi dạ chẳng, bèn lại giục: -Ngày đã hết rồi. Kinh Kha có bằng lòng đi không, Đan xin cho Tần Vũ Dương đi trước.

Kinh Kha giận mắng thái tử: -Tại sao thái tử lại làm thế? Đi mà không nên việc đó là phường con trẻ (17). Cầm một cây chủy thủ, lọt vào nước Tần mạnh bất trắc, tôi sở dĩ ở lại là vì còn đợi người khách của tôi cùng đi. Nay thái tử cho là trễ, vậy xin chia tay ngay.

Bèn ra đi.

Thái tử và tân khách biết chuyện ấy đều mặc áo mũ trắng để tiễn. Đến trên sông Dịch Thủy, sau khi làm lễ tiễn hành lên đường, Cao Tiệm Ly gảy đàn trúc, Kinh Kha theo nhịp mà hát theo điệu biến chủy (18), kẻ sĩ đều sụt sùi nức nở.

Kinh Kha lại tiến lên hát:

Gió hiu hắt, chừ, Dịch Thủy lạnh ghê!

Tráng sĩ ra đi chừ không bao giờ về!

Lại hát theo điệu vũ khảng khái, mọi người trợn mắt, tóc đều dựng đứng xiên lên mũ.

Sau đó Kinh Kha lên xe đi, không hề nhìn ngoái lại (19).

Kinh Kha đến Tần, đem lễ vật giá nghìn vàng đút cho viên quan trung thứ sử là Mộng Gia bày tội yêu của vua Tần.

Gia nói trước với vua Tần: -Vua Yên thực sự sợ hãi uy thế của đại vương, không dám đem binh để đón đánh các tướng, muốn xin đem cả nước làm tâu nước Tần, đứng ở hàng chư hầu, chịu nộp cống, chịu nhận chức như một quận một huyện để được giữ tôn miếu của tiên vương. Họ sợ hãi không dám tự bày tỏ, đã chém đầu Phàn Ư Kỳ niêm phong bỏ vào hòm và dâng địa đồ xứ Đốc Cang. Vua Yên lay trước sân sai sứ sang tâu với đại vương, xin đại vương phán cho như thế nào!

Vua Tần nghe nói cả mừng bèn mặc áo châu, đặt lễ cửu tân (20), tiếp kiến sứ giả nước Yên ở cung Hàm Dương. Kinh Kha bung đầu Phàn Ư Kỳ, còn Tần Vũ Dương bung tráp đựng địa đồ, lần lượt dâng lên. Đến bệ, Tần Vũ Dương run sợ biến sắc mặt, các quan lấy làm lạ. Kinh Kha quay lại cười Tần Vũ Dương, tiến lên xin lỗi, nói: -Nó là kẻ mọi rợ ở phương Bắc, chưa hề trông thấy thiên tử, cho nên run sợ. Xin đại vương tha thứ cho, để cho nó được làm tròn phận sự một sứ thần trước mặt thiên tử.

Vua Tần bảo Kinh Kha: -Đưa địa đồ Vũ Dương cầm đó lên đây.

Kinh Kha liền cầm địa đồ dâng lên. Vua Tần mở địa đồ. Giở hết địa đồ thì cái chủy thủ hiện ra. Kinh Kha liền tay trái nắm lấy tay áo vua Tần, tay phải cầm chủy thủ chĩa vào người. Dao chưa đến người, vua Tần sợ hãi vùng đứng dậy. Ông áo đứt, Vua Tần tuốt kiếm, kiếm dài, vua nắm lấy bao kiếm. Lúc bấy giờ hoảng hốt, kiếm lại chặt nên không tuốt được ngay. Kinh Kha đuổi theo vua Tần, vua Tần chạy quanh cột trụ, các quan luống cuống, gặp lúc hoảng hốt, đều mất cả vẻ mặt lúc bình thường. Theo phép của nước Tần các quan châu chực ở trên điện không được cầm một tác binh khí. Các lang trung cầm binh khí đều đứng sắp hàng ở dưới điện, nếu không có chiếu chỉ gọi thì không được lên. Bấy giờ đang lúc gấp, không kịp gọi những người cầm binh khí ở dưới. Vì vậy Kinh Kha đuổi vua Tần, các quan vẫn cuống quýt không có gì để đánh trả lại chỉ lấy tay mà đánh Kinh Kha. Lúc bấy giờ viên thầy thuốc đứng hầu tên là Hạ Vô Thư lấy túi thuốc cầm trong tay ném Kinh Kha. Vua Tần đang chạy quanh cột vẫn cuống quýt chưa biết làm thế nào. Tả hữu kêu lên: -Nhà vua mang kiếm sau lưng.

Vua Tần đưa tay ra sau lưng, tuốt kiếm đánh Kinh Kha, chặt đứt bắp vế bên trái. Kinh Kha què bèn cầm chủy thủ ném vua Tần. Ném không trúng, trúng cái cột đồng. Vua Tần lại đánh Kinh Kha, Kinh Kha bị tám vết thương tự biết công việc không xong bèn tựa vào cột mà cười, ngòi mà mắng: -Việc này không xong chỉ vì ta muốn để cho nó sống mà uy hiếp nó lấy cho được giấy cam kết để đưa cho thái tử (21).

Lúc bấy giờ tả hữu tiến lên giết Kinh Kha. Vua Tần hoảng hốt một hồi

lâu, sau đó bàn công lao thưởng các quan và trị tội theo thứ bậc, cấp cho Hạ Vô Thư hai trăm cân vàng, nói: -Vô Thư yêu ta nên cầm túi thuốc ném Kinh Kha.

Vua Tần bèn cả giận cho thêm quân sang Triệu, ra lệnh cho Vương Tiễn đem quân đánh Yên. Tháng mười, lấy được thành Kế, vua Yên là Hỷ, thái tử Đan đều đem tất cả tinh binh sang phía Đông cầm cự ở Liêu Đông. Tướng Tần là Lý Tín đuổi đánh vua Yên gấp, vua nước Đại là Gia bèn đưa cho vua Yên là Hỷ bức thư nói:

"Nước Tần sở dĩ đuổi đánh nước Yên ráo riết hơn cả là vì thái tử Đan. Nếu nhà vua giết Đan dâng cho vua Tần thì vua Tần có thể giải hòa, còn có hy vọng nền xã tắc được củng cố lâu dài".

Sau đó Lý Tín đuổi Đan. Đan nấp ở vùng sông Diễn Thủy. Vua Yên bèn sai người chém thái tử Đan, dâng đầu cho vua Tần. Tần lại đem binh đánh. Năm năm sau (năm 222 trước Công nguyên) nước Tần diệt nước Yên, bắt vua Yên là Hỷ. Sang năm sau, Tần lấy tất cả thiên hạ xưng hiệu là hoàng đế.

Tần bèn lũng bắt bạn bè của thái tử Đan và Kinh Kha. Họ đều bỏ trốn. Cao Tiệm Ly đổi họ tên làm thuê cho người ta, nương nấu ở huyện Tống Tử. Được ít lâu, làm việc khó nhọc, nghe ở trên thềm có khách chơi đàn trúc, bâng hoàng không sao bỏ đi được. Thường nói: người này gảy khá, người kia gảy kém. Bọn đầy tớ nói với chủ: -Người làm thuê kia biết âm nhạc, bàn trộm người hay kẻ dờ.

Chủ nhà gọi đến gảy đàn trúc, mọi người đều khen hay, cho rượu uống. Cao Tiệm Ly nghĩ mình cứ lén lút rụt rè mãi bao giờ cho cùng, bèn trở lui, lấy cái đàn trúc và quần áo đẹp trong hòm ra thay đổi dung mạo bước lên. Tất cả khách ngồi ở đây đều kinh ngạc bước xuống làm lễ, tôn làm thượng khách bảo gảy đàn trúc và hát. Mọi người đều sa nước mắt mà bỏ về. Trong vùng Tống Tử, các nhà lần lượt mời Cao Tiệm Ly đến làm khách. Việc đến tai Tần Thủy Hoàng. Thủy Hoàng gọi vào châu. Có người biết, nói: -Đó là Cao Tiệm Ly.

Tần Thủy Hoàng tiếc chàng giỏi gảy đàn trúc, nên đặc cách tha chết, làm cho đui cả hai con mắt của Ly. Sai gảy đàn trúc, lần nào cũng khen hay. Dần dần vua Tần lại ngồi gần, Cao Tiệm Ly đổ chì vào ống đàn trúc, vua lại gần hơn, Cao Tiệm Ly gảy đàn đánh Tần Thủy Hoàng. Đánh không trúng, nhà vua bèn giết Cao Tiệm Ly, suốt đời không gần gũi người các nước chư hầu nữa.

Lỗ Câu Tiễn sau khi nghe tin Kinh Kha đâm vua Tần, nói riêng một mình: -Than ôi! Tiếc thay hán không thạo về phép đánh gươm. Ta thật không biết người quá nổi! Xưa kia ta quát hán, chắc hán không cho ta là người cùng chí (22).

6. Lời bàn

Thái sử công nói: -Người đời nói đến chuyện Kinh Kha, lại khen thái tử Đan có thiên mạng "trời mưa lúa, ngựa mọc sừng (23), như thế là quá đáng! Lại nói Kinh Kha đâm vua Tần bị thương, cũng đều sai. Trước đây Công Tôn Quý Công, Đổng sinh giao du với Hạ Vô Thư biết kỹ việc đó lại nói với tôi như thế (24) ?

Từ Tào Mạt đến Kinh Kha, năm người, chí nguyện của họ hoặc thành, hoặc không thành, nhưng lập ý rõ ràng, không trái với chí mình, danh tiếng để lại đời sau có phải là vớ vẩn đâu!

...

(1) Chùy thủ: thứ kiếm ngắn đầu mũi như cái chùy (cái thìa)

(2) Câu này ngụ ý dọa Hoàn Công, ý nói sẽ liều mình mà hại đến thân thể Hoàn Công.

(3) ý nói: nghĩ đến việc tranh ngôi vua ở trong nước nên không nghĩ đến việc đánh nước ngoài.

(4) Ý nói mình sẽ lo đến con của Chuyên Chư sau khi Chuyên Chư chết.

(5) Cuối mỗi đoạn nhắc lại: "Sau đó ... mười năm ...". Để nêu cao tầm quan trọng của sự kiện nên dùng lối văn của biên niên sử.

(6) Khánh có lẽ là họ của Kinh Kha. Khanh danh từ dùng để gọi những người mình tôn trọng.

(7) Tác giả dùng phép ỨC DƯƠNG: trước khi nói đến sự dũng cảm của Kinh Kha thì kể một chuyện làm người đọc tưởng rằng Kinh Kha lùn đầu hèn nhát, rồi lần thứ hai cũng lại hèn nhát.

(8) Đàn trúc cũng giống đàn cầm, nhưng lấy trúc mà gáy.

(9) Chi tiết này chứng tỏ Kinh Kha và Cao Tiệm Ly có tâm sự ưu uất không thể thổ lộ cùng ai. Tư Mã Thiên có một phương pháp tự sự độc đáo làm thành một phong cách riêng: khi kể chuyện về một nhân vật thường đưa ra những giai thoại rất ngắn chỉ 4, 5 câu có thể vụn vặt, nhưng những chi tiết ấy lại rất điển hình làm cho nhân vật rất sống.

(10) Đây chỉ địa phận nước Yên.

(11) Hàn Phi nói, dưới cổ con rồng có cái vẩy ngược ai động đến thì nó giết ngay.

(12) Những nhà chính trị giỏi thời Xuân Thu.

(13) ý muốn hợp tung chống Tần.

(14) ý Cúc Võ đã muốn nói đến kế dùng thích khách cho nên nói đến chữ dũng cảm thâm trầm.

(15) Hai chữ lom khom đủ để lột tả Điền Quang là ngựa ký về già.

(16) Phàn Ư Kỳ lại là một hiệp sĩ. Người thứ hai chết mong giục Kinh Kha báo thù.

(17) ý Kinh Kha muốn đợi người cùng đi cho chắc chắn. Chỉ có bọn trẻ con ngu ngốc mới làm việc xúc nổi không xem xét trước sau sao cho nên việc.

(18) Nhạc cổ theo âm luật cao thấp chia ra cung, thương, giốc, chuy, vũ gọi là năm cung.

(19) Chỉ thêm mấy chữ "Không hề nhìn ngoái lại" mà khí phách anh hùng của Kinh Kha nổi bật.

(20) Xem chú thích ở Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện.

(21) Tất cả đoạn này không nhắc một chữ đến Tần Vũ Dương càng làm người ta nhớ đến "người bạn Kinh Kha chờ để cùng đi".

(22) Kết luận sinh động. Lỗ Câu Tiễn hôi tiếc không dạy cho Kinh Kha cách đánh gươm đến nỗi việc lớn thất bại và tự thẹn về chỗ Kinh Kha bỏ mình ra đi: Câu này cắt nghĩa Kinh Kha muốn chơi với người cùng chí hướng, thấy ai không cùng chí nguyện thì bỏ đi chứ không phải hèn nhát. Nhân vật Kinh Kha lôi cuốn người ta không chỉ vì là hiệp sĩ mà là một người có tâm sự kín đáo, không mấy người hiểu. Trong những con người không hiểu đó có cả thái tử Đan.

(23) Sách Yên Đan tử nói: Thái tử Đan xin về, vua Tần không cho, hẹn khi nào đầu quạ trắng, ngựa mọc sừng mới cho về. Đan ngửa mặt lên trời than vãn, trời làm cho đầu quạ bạc, ngựa mọc sừng ngay. Vua Tần bắt đắc dĩ phải cho Đan về. Sách Phong tục thông nói: Trời vì thái tử Đan mưa lúa xuống, đầu quạ bạc, ngựa mọc sừng. ó đây Thái sử công dẫn những lời trong truyền ngôn đó.

(24) Bác lại những truyền ngôn vu vơ và nêu phương pháp viết sử của mình là căn cứ vào lời nói những người biết rõ sự thực.

[32]

LÝ TƯ' liệt truyện

[1. Lý Tư sang Tần bắt đầu được tin dùng](#)

[2.](#)

[3. Những việc của Tư khi làm thừa tướng](#)

[4. Triệu Cao xúi giục Nhi Thế thi hành chính sách bao ngược độc tài](#)

[5. Luận "độc trách" của Lý Tư](#)

[6. Triệu Cao giết Lý Tư](#)

[7. Triệu Cao giết Nhi Thế, nhà Tần bị diệt vong](#)

[8. Lời bàn](#)

1. Lý Tư sang Tần bắt đầu được tin dùng

Lý Tư người đất Thượng Sái thuộc nước Sở. Lúc còn ít tuổi, Tư làm viên lại nhỏ ở quận, thấy con chuột trong nhà xí nơi mình làm việc ăn đồ bẩn thỉu, luôn luôn lo sợ gặp người và chó. Đến khi Tư vào trong kho, nhìn con chuột ở đấy, thấy nó ăn lúa no nê, ở dưới mái nhà lớn, không hề lo gặp phải người hay chó gì hết. Lý Tư bèn than: -Người ta hiền tài hay kém cỏi chẳng qua cũng như con chuột kia, đều là nhờ ở hoàn cảnh đấy thôi!

Bèn theo Tuân Khanh học thuật làm đế vương [*Thuật làm đế vương tức là chủ trương chính trị của Nho giáo.*].

Khi học thành tài, Tư nhận thấy mình có theo vua Sở cũng không làm nên sự nghiệp gì, mà sáu nước đều yếu không có nước nào có thể giúp để lập công danh, nên muốn sang tây vào nước Tần. Tư đến từ biệt Tuân Khanh, nói: -Tư nghe nói gặp thời cơ không thể bỏ phí. Lúc này các nước chư hầu đang tranh giành nhau, thực quyền ở trong tay những người du thuyết. Nay vua Tần muốn nuốt thiên hạ, lên ngôi hoàng đế để cai trị, đó là thời bay nhảy của kẻ áo vải thời trở tài của kẻ du thuyết. Nếu ở địa vị thấp hèn, bỏ lỡ cơ hội không làm thì cũng như cầm thú nhìn thấy thịt là ăn, mang cái mặt người trơ trên đi ngoài đường đó thôi [*Tâm lý trắng trợn của một kẻ muốn thành đạt bất kể thủ đoạn, ý nói con người ta bỏ lỡ cơ hội thì cũng như con vật mang cái mặt người mà thôi.*]. Cho nên không có gì nhục bằng ở địa vị hèn hạ, không có gì buồn hơn gặp cảnh khốn cùng. Nếu ở mãi địa vị hèn hạ, chịu mãi cảnh khốn khổ lại còn chê cười thế tục, căm ghét danh lợi rồi tự phụ mình có những điều không thềm làm thì đó không phải là chí nguyện của kẻ du thuyết. Vì vậy Tư đi về hướng Tây để du thuyết vua Tần. Khi đến nước Tần, gặp lúc Trang Tương Vương chết, Lý Tư bèn cầu xin làm môn hạ của Văn Tín Hầu Lã Bất Vi làm thừa tướng nước Tần. Bất Vi cho là người hiền dùng làm lang. Lý Tư nhờ vậy có cơ hội du thuyết.

Tư nói với vua Tần như sau: -Cứ ngồi chờ đợi nay lần mai nữa thì sẽ bỏ mất thời cơ. Làm nên công lớn là ở chỗ biết lợi dụng chỗ sơ hở rồi mạnh dạn làm. Ngày xưa Tần Mục Công làm bá nhưng cuối cùng cũng không đi về đông thôn tóm cả sáu nước là tại làm sao? Bởi vì lúc bấy giờ chư hầu còn đông, đức của nhà Chu chưa suy, cho nên Ngũ bá kế tiếp nhau nổi lên nhưng cũng đều tôn nhà Chu. Từ thời Tần Hiếu Công trở đi nhà Chu suy đốn, chư hầu thôn tính lẫn nhau, ở phía Đông Hàm Cốc quan là sáu nước, nước Tần thừa thắng nô dịch chư hầu đã sáu đời nay. Nay chư hầu phục tùng cũng như quận huyện nước Tần vậy. Nước Tần mạnh, nhà vua tài giỏi thì việc tiêu diệt chư hầu, dựng nên nghiệp đế, thống nhất thiên hạ cũng dễ như quét bụi trong bếp. Đó là thời cơ muôn đời mới có! Nay nếu nhà vua bỏ qua thời cơ này không vội tóm lấy nó thì chư hầu sẽ mạnh lên, hợp tung với nhau, lúc bấy

giờ dù có giỏi như vua Hoàng Đế cũng không sao thôn tính được nữa.

Vua Tần bèn cho Tư làm trưởng sử, nghe theo kế của Tư, ngầm sai mưu sĩ mang vàng bạc châu ngọc đi du thuyết chư hầu. Xem các danh sĩ ở chư hầu người nào có thể mua chuộc bằng tiền thì cho tiền để liên kết với họ, còn người nào không nghe thì dùng kiếm sắc đâm chết, cốt để ly gián vua tôi của họ. Sau đó vua Tần mới phái tướng giỏi đem quân đến đánh.

Vua Tần cho Tư làm khách khanh.

2.

Gặp lúc Trịnh Quốc người nước Hàn đến để can vua Tần đừng đào sông tưới ruộng [*Nói rằng việc làm tốn kém. Kỳ thực việc đó rất có lợi cho Tần.*], sau đó việc vỡ lở ra, các tôn thất và các quan đại thần đều nói với vua Tần: - Người các nước chư hầu đến thờ Tần nói chung đều vì vua của họ mà du thuyết, cốt làm cho Tần ly gián, xin đuổi tất cả những người khách đi.

Lý Tư cũng ở trong số khách bị đuổi, bèn dâng thư nói:

"Thần nghe nói quan lại bàn đến việc đuổi khách, thần trộm cho là sai.

Ngày xưa Mục Công tìm kẻ sĩ, ở phía Tây lấy Do Dư ở đất Nhung, ở phía Đông lấy Bách Lý Hề ở đất Uyển, đón Kiên Thúc ở đất Tống, Cầu Phi Báo, Công Tôn Chi ở đất Tấn. Năm người này đều không sinh ở đất Tần nhưng Mục Công vẫn dùng nên thôn tính được hai mươi nước, rút cục làm bá ở Tây Nhung. Hiếu Công dùng phép trị nước của Thương Ưởng, thay đổi phong tục, nhờ đó dân đông, nước giàu, trăm họ vui vẻ vâng theo, chư hầu về hàng phục, bắt được tướng của các nước Sở, Ngụy, cướp đất ngàn dặm, đến nay nước yên và mạnh, Huệ Vương dùng kế của Trương Nghi, cướp đất Tam Xuyên, phía Tây thôn tính đất Ba, đất Thục, phía Bắc thu đất Thượng Quận, phía Nam thu đất Hán Trung, lấy được chín Di, khống chế các đất Yên, Sính, phía Đông dựa vào địa thế hiểm yếu của Thành Cao, cắt các đất màu mỡ, cho nên phá tan được kế hợp tung của sáu nước, khiến họ ngoảnh mặt về hướng Tây mà thờ nước Tần, công lao còn mãi đến ngày nay. Chiêu Vương được Phạm Thư, phé truất Nhương Hầu, đuổi Hoa Dương làm cho công thất được mạnh, quyền môn bị lép, xâm chiếm chư hầu như tầm ăn lá dâu, khiến cho nước Tần lập nên nghiệp đế. Bốn vị vua kia đều nhờ công lao của những người khách, xem thế đủ biết những người khách có phụ bạc gì với nước Tần đâu?

Giả sử bốn vị vua kia đều đuổi những người khách đi mà không nhận, xa lìa kẻ sĩ mà không dùng, thì thế là khiến cho nước nhà thực ra không được giàu có, mà nước Tần lại không được cái danh là lớn, và mạnh. Nay bệ hạ lấy ngọc Côn Sơn, có của báu Tỳ Hài, Biện Hòa [*Tỳ hầu đi gặp con rắn bị chém gần đứt. Tỳ hầu cứu nó sống, nó cho hòn ngọc gọi là Tỳ châu. Biện Hòa xem chú thích ở [Liên Pha, Lan Tương Như liệt truyện.](#)*] có châu Minh Nguyệt, đeo kiếm Thái A, cưỡi ngựa Tiêm Ly, cầm cờ Thúy Phụng, dựng trống Linh Đà. Những của báu này nước Tần không sản sinh ra một thứ nào. Nhưng bệ hạ lại thích là tại làm sao?

Nếu như cái gì cũng phải sinh ra ở nước Tần mới được thì ngọc bích dạ quang sẽ không trang sức ở triều đình, sừng tê ngà voi sẽ không làm trò chơi, và con gái nước Triệu sẽ không đưa vào hậu cung. Ngựa tuần mã, ngựa quyết đề sẽ không ở lại chuồng ngựa, không dùng vàng, thiếc Giang Nam,

không nhuộm bằng màu đỏ màu xanh Tây Thục. Nếu những trang sức ở hậu cung, những tỳ thiếp đứng đằng sau làm vui lòng đẹp ý, thích mắt khoái tai, đều phải của nước Tần mới được, thì trâm Uyển Châu, hoa tai Phụ Cơ, áo lụa Đông A, các thứ gấm vóc sẽ không được dâng trước mặt nhà vua mà những người con gái nước Triệu hình dung yếu điệu theo tục trở lên trang nhã, sẽ không đứng bên cạnh nhà vua. Gõ vại, khua vò, đánh đàn tranh, vỗ đùi mà ca hò "ồ ồ" vui tai sướng mắt, đó chính là nhạc của nước Tần. Còn các nhạc Tang Gian của Trịnh, Vệ, nhạc Thiệu Ngu, nhạc Vũ Tượng đều là nhạc của nước ngoài. Nay bỏ việc gõ vại, khua vò mà theo lối nhạc Trịnh, Vệ, bỏ việc đánh đàn tranh mà theo nhạc Thiệu Ngu là tại làm sao? Chẳng qua là âm thanh này làm vừa ý ngẫu nhiên xem nó thì thích, thế thôi?

Nay lấy người thì lại không như thế, không hỏi nên chăng, không kể ngay gian, nếu không phải là người Tần thì bỏ, nếu ai là khách thì đuổi. Như vậy tức là nhà vua quý trọng sắc đẹp, âm nhạc, châu báu, ngọc ngà còn khinh rẻ người. Làm như thế không phải là cái thuật để cười cổ thiên hạ, không chế chur hầu vậy.

Thần nghe nói: đất rộng thì lúa nhiều, nước lớn thì người đông, quân mạnh thì tướng sĩ dũng cảm. Núi Thái Sơn không từ một hòn đất cho nên mới lớn như vậy, sông Hoàng Hà và biển Đông không từ những dòng nước nhỏ cho nên mới sâu như vậy. Bậc vương giả không đuổi dân chúng thấp hèn mới có thể làm sáng cái đức của mình. Cho nên đất không có bốn phương, người không ai là người nước ngoài [*Ý nói: đất nào cũng là đất của vua, người nào cũng là tôi của vua.*], bốn mùa đều đẹp quý thần đưa phúc đến. Ngũ đế, Tam vương sở dĩ vô địch là vì vậy.

Nay nhà vua lại bỏ bọn đầu đen để giúp cho nước địch, đuổi tân khách để giúp chur hầu lập nên cơ nghiệp, khiến kẻ sĩ trong thiên hạ không dám quay mặt về hướng Tây, dừng chân không vào nước Tần. Như thế tức là, như người ta nói, giúp binh khí cho giặc và đem lương thực cho bọn ăn trộm vậy. Những vật không sản xuất ở nước Tần mà đáng quý trọng cũng nhiều, kẻ sĩ không sinh ở nước Tần nhưng muốn trung với nước Tần cũng lắm. Nay nhà vua đuổi khách đi để giúp cho nước địch, bỏ dân đi để thêm cho kẻ thù, như thế là ở bên trong tự làm cho mình yếu và bên ngoài gây oán với chur hầu, muốn cho nước khỏi nguy cũng không thể nào được".

Vua Tần bèn bỏ lệnh đuổi khách, cho Lý Tư làm quan như cũ.

3. Những việc của Tư khi làm thừa tướng

Cuối cùng nhà vua dùng kế của Tư. Tư làm quan đến đình úy. Được hơn 20 năm, nước Tần rốt cục thôn tính thiên hạ. Vua làm hoàng đế, cho Tư làm thừa tướng. Nhà Tần san phẳng thành quách, các quận các huyện nấu chảy binh khí để biểu lộ không dùng đến nó nữa. Tư khiến nước Tần không phong cho ai một thước, một tấc đất nào, không lập con em làm vương, các công thần làm chư hầu để đời sau khỏi lo việc các nước đánh nhau.

Năm thứ ba mươi tư đời Thủy Hoàng (năm 213 trước Công nguyên), nhà vua sai đặt tiệc rượu ở cung Hàm Dương. Bọn bác sĩ Chu Thanh Thần làm bộc xạ ca tụng uy thanh và công đức của Thủy Hoàng. Thuần Vu Việt người nước Tề tiến lên can: -Thần nghe nhà Ân, nhà Chu làm vua hơn nghìn năm, phong các con em, các công thần để cho họ làm phen dậu giúp đỡ mình. Nay bệ hạ giàu có bốn biển nhưng con em vẫn là kẻ thất phu, nếu đột nhiên xảy ra việc như bọn Điền Thường hay bọn lục khanh [*Xem chú thích ở [Tân Thủy Hoàng bản kỷ.](#)*] thì không ai giúp đỡ, làm sao có thể cứu nhau được. Trong công việc không bắt chước đời xưa mà có thể lâu dài là điều chưa hề nghe nói. Nay bọn Thanh Thần lại xiểm nịnh bệ hạ để làm cho điều sai lầm của bệ hạ thêm nặng, như vậy không phải là kẻ trung thần.

Thủy Hoàng đưa lời bàn của ông ta xuống thừa tướng. Thừa tướng cho thuyết ấy là sai, loại bỏ ý kiến của ông ta. Bèn dâng thư nói:

"Ngày xưa thiên hạ rối loạn và phân tán, không ai thống nhất được. Do đó chư hầu tranh nhau, khi nói, mọi người đều đem huyện đời xưa làm hại việc nay bày đặt nói những lời nói suông để làm loạn việc thực. Mọi người đều lấy cái học riêng của mình để chê bai những điều nhà vua làm. Nhưng nay hoàng đế đã thôn tóm cả thiên hạ, phân biệt trắng đen mà định ra điều duy nhất được tôn trọng. Trái lại, những kẻ học theo cái học riêng của mình cùng nhau chê cười pháp luật rồi đem dạy cho người ta. Khi nghe lệnh ban xuống tức thì họ đều lấy cái học riêng của mình để bàn tán. Khi vào triều thì trong bụng chê bai. Ra ngoài đường thì xúm bàn trong ngõ, chê vua để lấy tiếng, làm khác người để tỏ là cao, bày cho kẻ dưới phỉ báng. Nếu cứ như thế mà không cấm thì ở trên uy thế của nhà vua sẽ bị giảm sút, ở dưới các bè đảng sẽ nổi lên. Nên cấm là hơn. Thần xin tâu: ai có sách văn học, Kinh thi, Kinh thư sách vở của trăm nhà thì đều hủy bỏ đi. Lệnh này ban ra ba mươi ngày mà ai không hủy bỏ thì khắc vào mặt dày đi giữ thành. Những sách không hủy bỏ là sách thuốc, sách bói, sách trồng cây. Người nào muốn học thì phải lấy kẻ lại làm thầy".

Vua Tần Thủy Hoàng chuẩn y lời tấu ấy, thu các sách Kinh thi, Kinh thư, bách gia để làm trăm họ ngu tối khiến cho thiên hạ không được lấy điều xưa mà chê ngày nay. Việc định ra pháp độ rõ ràng, đặt luật lệ bắt đầu từ

Thủy Hoàng. Thống nhất văn tự, xây các ly cung và các biệt quán khắp trong thiên hạ. Năm sau lại đi tuần thú, bên ngoài thì đánh dẹp từ di. Trong những việc này đều có công của Tư. Con trai đầu của Tư là Do làm thái thú Tam Xuyên. Mấy người con trai đều lấy công chúa nước Tần, con gái thì lấy công tử các nước Tần. Thái thú Tam Xuyên Lý Do xin nghỉ về Hàm Dương, Lý Tư đặt tiệc rượu ở nhà, trăm quan đều đến trước mặt chúc thọ, ở ngoài sân, ngoài cửa, xe ngựa kẻ có hàng nghìn. Lý Tư thở dài than rằng: -Than ôi! Ta nghe Tân Khanh nói: "Sự vật không nên đi đến chỗ quá thịnh. Tư này là kẻ áo vải đất Thượng Sái, một tên đầu đen ở nơi làng xóm, nhà vua không biết ta hèn kém, cất nhắc lên đến thế này. Nay ta ở địa vị bầy tôi không thua kém ai, có thể nói là giàu sang cùng cực rồi vậy. Phàm sự vật đến cùng cực rồi thì sẽ suy, ta chưa biết sau này kết cục ra sao [*Câu cuối chuẩn bị cho độc giả đón trước những điều bất hạnh mà Lý Tư sẽ gặp.*].

4. Triệu Cao xúi giục Nhị Thế thi hành chính sách bạo ngược độc tài

Tháng 10 năm thứ ba mươi bảy đời Thủy Hoàng (năm 210 trước Công nguyên) nhà vua đi chơi Cối Kê, và dọc bờ bể, phía Bắc đến Lang Gia. Thừa tướng Lý Tư, trung xa phủ lệnh kiêm chức giữ phù, ấn nhà vua là Triệu Cao cùng đi theo. Thủy Hoàng có hơn hai mươi người con. Con cả là Phù Tô vì mấy lần can thẳng nên nhà vua sai coi binh ở Thượng Quận, Mông Điền làm tướng ở đấy. Con nhỏ là Hồ Hợi được nhà vua yêu, xin đi theo. Nhà vua bằng lòng. Những người con khác không ai được theo.

Tháng 7 năm ấy, Thủy Hoàng đến Sa Khâu bị bệnh nặng, sai Triệu Cao viết thư gửi cho công tử Phù Tô nói:

"Giao binh cho Mông Điền, mau về lo việc tang đưa về Hàm Dương để chôn". Bức thư đã dán rồi nhưng chưa trao cho sứ giả thì Thủy Hoàng mất. Thư và ấn đều ở chỗ Triệu Cao. Chỉ có con là Hồ Hợi, thừa tướng là Lý Tư, Triệu Cao và năm sáu viên hoạn quan được nhà vua yêu biết là Thủy Hoàng đã chết, còn quần thần không ai biết. Lý Tư cho là vua mất ở ngoài, không có thái tử chân chính, nên giấu kín việc ấy. Sai đặt Thủy Hoàng trong cái xe mát, trăm quan vẫn tâu trình, việc dâng đồ ăn như mọi ngày. Một viên hoạn quan ngồi trong xe chuẩn y lời tâu. Triệu Cao [*Nhân vật Triệu Cao được miêu tả thành một hạng người tàn nhẫn nhưng quý quyết, khôn ngoan.*] nhân đây giữ lại bức thư gửi cho Phù Tô và nói với công tử Hồ Hợi: -Nhà vua mất, không có chiếu phong các con làm vương mà chỉ gửi thư cho con cả: nếu con cả đến thì lập tức được lập làm hoàng đế. Còn ông không có một tấc đất, bây giờ làm thế nào?

Hồ Hợi đáp: -Cái đó đã đành! Ta nghe nói vị vua sáng suốt biết bày tôi, người cha sáng suốt biết con mình. Cha mất không phong các con, còn nói gì được nữa?

Triệu Cao nói: -Không phải. Lúc này quyền thế trong thiên hạ, việc mất hay còn là ở ông, Cao và thừa tướng mà thôi: Xin ông nghĩ cho! Vả lại, việc bắt người ta làm bày tôi với việc làm bày tôi người ta, chế ngự người ta với việc bị người ta chế ngự là khác nhau một vực một trời.

Hồ Hợi nói: -Bỏ anh lập em là bất nghĩa, không theo lời chiếu của cha mà sợ chết là bất hiếu, sức kém, tài mỏng, nhờ sức người khác là không tài năng. Cả ba cái này đều trái với đức thì thiên hạ không phục, làm thế thân mình sẽ gặp tai nạn, xã tắc không được cứng tế.

Triệu Cao nói: -Tôi nghe vua Thang, vua Vũ giết vua của mình mà thiên hạ khen họ là nghĩa, không cho họ là không trung, vua Vệ giết cha mà nước Vệ khen ông ta là có đức, Khổng Tử chép việc ấy, không cho là không hiếu. Phàm làm việc lớn thì không kể đến những điều vật vãnh, đức dày thì không nhường nhịn. Việc vặt ở nơi xóm làng thì xóm làng bàn, trăm quan công việc

mỗi người một khác. Cho nên, nếu để ý đến việc nhỏ mà bỏ quên việc lớn thì thế nào sau này cũng gặp hại, cứ dùng dằng nghi ngờ mãi thì thế nào sau này cũng hối hận, người quyết đoán và dám làm, quý thần phải tránh, thì về sau sẽ thành công. Xin ông nghe theo lời tôi.

Hồ Hợi thở dài than: -Nay việc vua mất còn giấu, việc tang lễ chưa xong, lẽ nào lại đem việc này bàn với thừa tướng sao?

Triệu Cao nói: -Thời cơ, thời cơ gấp rút, nếu trì hoãn thì không trừ tính gì được. Phải mang lương khô ruồi ngựa còn sợ lỡ cơ hội [*Ý nói phải làm ngay.*].

Sau khi Hồ Hợi đã nghe lời Cao, Cao nói: -Nếu chúng ta không bàn mưu với thừa tướng thì sợ công việc không thành. Thần xin vì ngài bàn mưu ấy với thừa tướng.

Cao bèn nói với thừa tướng Lý Tư [*Đoạn đối thoại giữa Triệu Cao và Lý Tư sinh động như một vở bi kịch.*]: -Nhà vua băng hà, đưa thư cho con đầu bảo làm lễ an táng ở Hàm Dương và lập thái tử nối ngôi. Thư vẫn chưa gửi đi. Nay nhà vua mất chưa ai biết cả. Bức thư gửi cho người con đầu và phù, ấn đều ở chỗ Hồ Hợi. Việc lập thái tử là do ở miệng ngài và Cao thôi. Bây giờ nên làm thế nào [*Dò la ý của Tư.*]?

Lý Tư nói: -Sao lại nói lời "mất nước" như vậy? Việc đó không phải việc bọn bây tôi bàn [*Tư biết ý Cao nên chẹn ngay. Việc quyết định ai làm vua là ở vua, bọn bây tôi nói thế là bây, việc này xảy ra khi nước sắp mất ý muốn dọa Cao.*].

Triệu Cao nói: -Ngài hãy tự liệu xem, tài năng của ngài so với Mông Điềm ai giỏi hơn? Công lao của ngài so với Mông Điềm ai hơn? Về mặt không gây oán với thiên hạ thì ngài với Mông Điềm ai lớn hơn? Về mặt người con đầu của nhà vua quen biết đã lâu và tin dùng ngài so với Mông Điềm ai hơn [*Biết không thể đem chuyện đạo lý ra mà thuyết Lý Tư như là thuyết Hồ Hợi. Cao bắt Lý Tư phải nghe theo mình vì lợi của bản thân Lý Tư.*]?

Lý Tư nói: -Ở năm mặt ấy tôi đều không bằng Mông Điềm. Nhưng sao ông lại đòi hỏi ở tôi nhiều như thế?

Triệu Cao nói: -Cao vốn chỉ là bọn tôi tớ phục dịch trong cung mà thôi, may mắn nhờ quen việc giấy tờ, văn án nên được đưa vào cung vua Tần, coi sóc công việc hơn hai mươi năm, chưa hề thấy nhà Tần cho thừa tướng thôi việc [*Dọa Lý Tư, muốn nói thế nào Lý Tư cũng chết.*], chưa hề thấy công thần được phong đất đến hai đời. Người nào rớt cục cũng bị giết chết. Hoàng đế có hơn hai mươi người con, đều là những người ngài quen biết cả. Người con đầu cương nghị lại có vũ dũng, tin người và cất nhắc kẻ sĩ, một khi lên ngôi thế nào cũng dùng Mông Điềm làm thừa tướng, ngài quyết không thể

nào mang ân thông hầu mà về làng, cái đó thì rõ lắm. Cao nhận chiếu dạy dỗ Hồ Hợi, giúp ông ta học pháp luật đã mấy năm, chưa hề thấy ông ta có sai sót gì. Người nhân từ, trọng hậu, khinh của cải, quý trọng kẻo, lòng rất sáng suốt, tuy ăn nói vụng về, nhưng rất mực lễ phép. Các con vua Tần không ai bằng ông ta. Có thể lập ông ta làm vua! ông hãy tìm kế lập ông ta đi!

Lý Tư nói: -Ông nên trở lại chức vụ của mình [*Lý Tư dọa lại. Ý nói anh đừng có lo việc lập vua này bỏ vua kia. Ta nhất định không theo.*]. Tur này phụng chiếu nhà vua, vâng theo mệnh trời, còn có điều gì phải quyết định nữa?

Triệu Cao nói: -An có thể thành nguy, nguy có thể thành an [*Cao đe dọa: hiện nay còn an đấy nhưng tôi có thể làm cho an nguy, vận mệnh của anh là nằm trong tay tôi. Việc tôi làm tuy nguy hiểm, nhưng rồi sẽ an.*]. Làm người không nắm được vận mệnh an nguy của mình, làm sao có thể gọi là người thánh hiền lỗi lạc?

Lý Tư nói: -Tur này là kẻ áo vải nơi làng xóm đất Thượng Sái. Nhà vua yêu cho làm thừa tướng, phong tước thông hầu, con cháu đều được chức vị cao, có bổng lộc hậu, cho nên đem việc nước còn hay mất, an hay nguy phó thác cho tôi? Tôi há phụ bạc hay sao Kẻ trung thần không trợn cái chết mà cầu may, người con hiếu không nên làm thân thể khó nhọc quá để nguy đến tính mạng, kẻ bầy tôi chỉ lo giữ tròn chức vụ của mình mà thôi. ông đừng nói nữa, kéo khiến Tur mang tội [*Cao dọa giết Tư. Tư nói mình sẵn sàng chết để báo lại.*].

Triệu Cao nói: -Tôi nghe thánh nhân biến đổi luôn luôn chứ không cố chấp. Nắm lấy sự biến đổi, theo thời cơ, thấy ngọn mà biết được gốc, thấy sự vật phát triển mà biết kết cục nó sẽ ra sao. Tình hình sự vật nó biến đổi như thế đấy, sao có thể giữ một phép tắc nhất định được! Hiện nay uy quyền và vận mệnh của thiên hạ là treo ở trong tay Hồ Hợi. Cao có thể nhờ đây mà làm được điều mình muốn. Vả chẳng từ ngoài mà khống chế trong thì gọi là làm loạn, ở dưới mà khống chế kẻ trên thì gọi là giặc [*Ý nói Hồ Hợi ở trong, Phù Tô ở ngoài, Thủy Hoàng ở trên, Phù Tô ở dưới, cho nên bây giờ tôn Hồ Hợi lên ngôi mà giết Phù Tô là việc hợp đạo.*]. cho nên mùa thu sương xuống thì cỏ hoa rụng, mùa xuân nước dâng thì vạn vật sinh trưởng: đó là cái kết quả tất nhiên. Tại sao ngài thấy muện thế [*Ý nói Tư phải biết theo thời mà làm.*]?

Lý Tư nói: -Tôi nghe nói vua Tần thay thái tử mà ba đời không yên, Tề Hoàn Công anh em tranh giành nhau, thân bị giết chết. Vua Trụ giết người thân thích, không nghe lời can ngăn nên nước thành gò đống, nguy đến quốc gia: ba người này trái với trời nên tôn miếu không còn ai tế tự [*Tư muốn đưa những việc xưa để chống lại: Tần Hiến Công bỏ thái tử Thân Sinh, lập Hề*

Tề làm thái tử. Khi Hề Tề lên ngôi bị Lý Khắc giết Tuân Tức lập em Hề Tề là công tử Trác lên ngôi, Trác cũng bị Lý Khắc giết. Di Ngô từ nước Tần về giết Lý Khắc, lên ngôi vua. Loạn như vậy kéo dài ba đời.]. Tur vẫn còn là người, sao lại mưu việc như vậy?

Triệu Cao nói: -Trên, dưới một lòng thì sự nghiệp mới có thể lâu dài. Trong ngoài nhất trí thì việc xong xuôi. Nếu ngài theo kế của tôi thì mãi mãi được phong hầu, đời đời xưng "cô", sẽ sống lâu như Vương Tử Kiên, Xích Tùng Tử, có cái trí khôn của Không Khâu, Mặc Địch. Nếu ngài bỏ điều ấy mà không theo, thì tai họa đến cả con cháu, đủ làm người ta lạnh gáy. Người khéo xử sự nhân lúc họa mà được phúc, ngài định xử thế nào?

Tur bèn ngửa đầu lên trời than, chảy nước mắt thở dài mà nói: -Than ôi! Một mình gặp phải thời loạn, đã không thể chết, còn biết gửi tính mệnh vào ai?

Tur bèn nghe lời Triệu Cao.

Cao báo với Hồ Hợi: -Thần đem mệnh lệnh của thái tử báo cho thừa tướng, thừa tướng Tur đâu dám trái lệnh.

Bấy giờ mấy người bèn bàn mưu với nhau, giả làm thừa tướng đã nhận di chiếu của Thủy Hoàng, lập con là Hồ Hợi làm thái tử. Lại lập một bức thư gửi cho con đầu Phù Tô nói: -Trẫm đi tuần thiên hạ, tế lễ các thần ở các danh sơn để kéo dài tuổi thọ. Nay Phù Tô cùng tướng quân Mông Điềm cầm quân mấy mươi vạn đồn thú ở biên giới đã hơn mười năm. Không thể tiến quân về phía trước, quân sĩ tổn thất nhiều, không lập được chút công cán gì. Thế mà lại mấy lần dâng thư nói bướng, phỉ báng việc ta làm. Vì có không Nhị Thế cho là phải, bèn thay đổi pháp luật. Các quan và các công tử có tội, Nhị Thế liền giao cho Cao, bảo Cao tra tấn xét hỏi. Giết bọn đại thần Mông Nghị, mười hai công tử bị giết chết phơi thây ở chợ Hàm Dương, mười công chúa bị xé xác ở đất Đổ, của cải của họ bị đưa vào kho vua, những người liên can bị tội không kể xiết.

Công tử Cao muốn bỏ trốn, sợ cả họ bị tội, bèn dâng thư nói: "Khi tiên đế còn sống, thần vào thì được cho ăn, thần ra thì được đi xe, thần được cho áo quần trong kho của hoàng đế, được cho ngựa quý trong chuồng của hoàng đế. Thần đáng lý phải chết theo mà không làm được. Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung. Kẻ bất trung thì không còn danh tiếng, không đáng trên đời. Thần xin được chết theo và được chôn ở chân núi Ly Sơn. Chỉ xin bệ hạ đoái thương?"

Thư dâng lên, Hồ Hợi [*Hồ Hợi là con thứ mười tám của Thủy Hoàng.*] cả mừng cho gọi Triệu Cao và đưa thư cho Cao xem, nói: -Làm bây tôi lo giữ tính mạng còn chưa được quyết không dám nghĩ đến việc làm phản. [*Ý nói công tử Cao muốn làm phản nhưng gặp tình cảnh nguy cấp quá đành*

phải làm thế.]

Hồ Hợi chấp nhận lời thỉnh cầu trong thư. Cho tiền mười vạn để chôn cất. Pháp lệnh trừng phạt, giết thóc ngày càng thảm khốc, các quan ai cũng thấy mình nguy đến nơi, nhiều người muốn làm phản. Nhà vua lại sai làm cung A Phòng, đắp các đường lớn và đường để cho vua đi, thuế má đóng góp ngày càng nặng, việc đi đôn thú làm xấu không lúc nào ngớt. Do đó, bọn lính thú nước Sở là Trần Thắng, Ngô Quảng làm loạn nổi lên ở Sơn Đông, những người anh hùng hào kiệt nổi dậy, tự lập làm vương làm hầu để chống lại Tần đánh đến Hồng Môn rồi rút lui [*Quân khởi nghĩa của Trần Thắng đến gần Hồng Môn bị quân của Tần do Chương Hàm cầm đầu đánh thua to.*] ý Tư mấy lần muốn can ngăn nhưng Nhị Thế không nghe.

Nhị Thế trách Lý Tư, nói: -Ta có cách nhìn riêng của ta. Ta lại nghe Hàn Phi nói: -Vua Nghiêu có được thiên hạ, nhà cao ba thước, kèo nhà bằng gỗ thái, dẻo mà không bào, tranh lợp mái nhà không cắt Tuy con người lũ khách ở tại quán trọ cũng không phải khó nhọc đến thế. Mùa đông mặc áo cầu, mùa hạ mặc áo cát, ăn cơm đỏ, canh rau, để cơm trong cái liễn bằng sành, uống nước ở cái chum bằng đất, tuy người canh cửa cũng không đến nỗi ăn kém như vậy. Vua Hạ Vũ đục núi Long Môn để cho nước thông với Đại Hạ, khơi dòng cho chín con sông, đắp đê ở nơi chín khúc sông Hà bẻ quạt, tháo nước đọng ra đến biển, đến nỗi vé và đùi không có lông, tay chân đầy chai, mặt mày đen đui, rớt cuộc chết ở ngoài, chôn ở Cối Kê. Nay đến bọn tôi mọi cũng không khó nhọc đến thế. Cái đáng quý của người làm chủ thiên hạ, đâu phải ở chỗ muốn làm cho thể xác và tinh thần đều cực khổ, nhọc nhằn sống trong cảnh của người lũ khách ở trọ, miệng ăn thức ăn của người canh cửa, tay làm công việc của bọn tôi mọi? Đó là việc những người hèn mọn phải gắng gượng làm, chứ không phải việc người hiền lo đến. Người hiền mà làm chủ thiên hạ thì chỉ dùng thiên hạ để làm cho sung sướng mình mà thôi, sở dĩ làm chủ thiên hạ đáng quý là ở đây. Phàm gọi là người hiền tức là người có thể làm cho thiên hạ yên ổn, cai trị được muôn dân. Nay chưa làm cho bản thân mình được sung sướng thì làm sao mà trị thiên hạ được? Cho nên ta muốn thích gì làm nấy, cho thỏa thích điều ham muốn của ta, hưởng thiên hạ mãi mãi mà không gặp tai họa gì. Muốn thế thì phải làm thế nào? Con của Lý Tư là Do làm thái thú Tam Xuyên, bọn giặc Ngô Quảng ở phía Tây cướp đất, đi lại, nhưng Do cứng không cảm được. Chương Hàm đánh đuổi quân của bọn Ngô Quảng, các sứ giả liên tiếp nhau đến Tam Xuyên tra xét, trách Tư ở địa vị tam công làm thế nào đến nỗi trộm cướp nhiều đến thế, Lý Tư lo sợ nhưng lại luyến tiếc tước lộc, không biết làm thế nào.

5. Luận "độc trách" của Lý Tư

Tư bèn a dua theo ý của Nhị Thế, muốn được lòng nhà vua, viết thư dâng lên nói:

"Vị vua hiền là người biết giữ đạo trọn vẹn và thực hành thuật "độc trách" [*Độc là tra xét tội, trách là dùng hình phạt. Thuật độc trách là cách dùng hình phạt nghiêm bắt người ta sợ pháp luật.*]. Nếu độc trách thì bầy tôi không thể không đem hết năng lực để phục dịch nhà vua. Nhờ thế địa vị giữa vua và tôi được quy định rõ rệt, cái nghĩa giữa người trên kẻ dưới sáng rõ. Do đó, tất cả những người hay kẻ dở trong thiên hạ không ai không hết lòng làm trọn nhiệm vụ để phục dịch nhà vua. Kết quả nhà vua một mình chế ngự cả thiên hạ mà không bị (?)

Cho nên Thương Quân làm pháp luật khắc vào mặt người bỏ gio ngoài đường [*Xem [Thương Quân liệt truyện](#).*]. Bỏ gio là tội nhỏ mà bị hình phạt nặng. Chỉ có vị vua sáng mới có thể phạt nặng những tội nhẹ. Tội nhẹ còn phạt nặng huống nữa kẻ bị tội nặng thì phạt đến thế nào? Vì thế dân không dám phạm tội.

Hàn Phi nói: "Lụa, vải một thước, người thường không bỏ, vàng ròng trăm cân, Đạo Chích [*Chích là tên người ăn trộm thời cổ.*] không lấy". Đó không phải vì lòng người thường xem trọng cái lợi một thước một tấc còn Đạo Chích thì ít tham muốn đâu. Đó cũng không phải vì Đạo Chích coi thường một trăm cân vàng, nhưng vì nếu lấy thì bị trị tội ngay cho nên Đạo Chích không dám. Trái lại lấy một thước vải chưa chắc đã bị phạt, cho nên người thường không buông tha. Vì thế thành cao năm trượng mà Lâu Tử không dám phạm một cách khinh suất, trái lại núi Thái Sơn cao một trăm nhận mà con dê cái què ăn ở trên. Lâu Tử còn cho năm trượng cao cản trở là khó vượt, con dê cái què đâu dám cho trăm nhận cao là dễ trèo. Chỉ vì cái thế dốc thẳng khó lên, bằng phẳng dễ đi khác nhau đó thôi.

Vị chúa sáng, vị vua thánh sở dĩ có thể ở lâu ở địa vị tôn quý, mãi mãi giữ uy quyền to lớn, một mình nắm lấy tất cả cái lợi của thiên hạ cũng chẳng vì có con đường nào khác, ngoài con đường biết một mình quyết định và xét đoán, khi độc trách thì phạt nặng, cho nên thiên hạ không ai dám phạm. Nay nếu không chú ý đến cái người ta không phạm mà lại theo cái cách người mẹ hiền để làm hư con thì tức là không xét đến lời bàn của thánh nhân vậy. Không thi hành được cái thuật của thánh nhân làm tôi tớ thiên hạ để làm gì? Chẳng phải tội nghiệp lắm sao? Và lại, người kiêu ước, nhân nghĩa đứng ở triều đình, thì việc vui chơi bừa bãi phóng túng chấm dứt. Bầy tôi biết can ngăn, bàn bạc được nói ở bên cạnh, thì cái chí buông thả hết. Hành động kẻ liệt sĩ chịu chết để giữ khí tiết được đề cao ở trên đời thì cái vui dâm dật bị bỏ. Cho nên vị vua sáng có thể không dùng ba cái đó mà chỉ dùng cái thuật

của người chủ để bắt bầy tôi phải nghe theo và trau dồi cái pháp luật sáng rõ của mình. Cho nên thân mình được tôn quý và cái thể của mình được trọng. Phạm vi vua hiền thì thể nào cũng có thể làm trái thể tình, sửa đổi phong tục bắt phải theo mình, bỏ những cái mình ghét và lập những cái mình muốn.

Cho nên khi sống thì được tôn trọng, khi chết thì được tên thụy là tài giỏi sáng suốt. Vị vua sáng một mình định đoạt cho nên uy quyền không ở bầy tôi. Sau đó, mới có thể tiêu diệt con đường nhân nghĩa, bịt cái miệng du thuyết, làm khốn hành vi kẻ liệt sĩ, chặn sự khôn ngoan che sự sáng suốt chỉ một mình ở trong nhìn và nghe. Cho nên ở ngoài không thể lấy hành vi nhân, nghĩa, liệt sĩ để lấn át, ở trong không thể lấy lời can gián, du thuyết, tranh cãi để thắng. Nhờ vậy nhà vua có thể một mình tha hồ làm theo sở thích của mình chẳng ai dám trái. Có như thế mới có thể làm sáng rõ được cái thuật của Thân Bất Hại, Hàn Phi [*Lý Tư là bạn đọc của Hàn Phi, biết Hàn Phi giỏi hơn mình, nên gièm với vua Tần giết chết Hàn Phi. Nhưng ở đây lại cực lực tán dương Hàn Phi một cách trơ trẽn quả thực không biết thẹn.*] và sửa sang cái phép tắc của Thương Quân. Chưa bao giờ pháp luật được trau dồi, thuật đốc trách được sáng rõ mà thiên hạ loạn. Cho nên nói "Vương đạo gọn và dễ làm, nhưng chỉ có vị vua sáng mới làm được.

Như vậy đủ biết nếu thành tâm lo việc đốc trách thì bầy tôi không thể gian tà, bầy tôi không thể gian tà thì thiên hạ được yên, thiên hạ yên thì nhà vua uy nghiêm và được tôn quý, nhà vua uy nghiêm và được tôn quý thì đốc trách kiên quyết, đốc trách kiên quyết thì cầu gì được nấy, cầu gì được nấy thì nước nhà giàu, nước nhà giàu thì sung sướng phồn thịnh [*Hình thức lý luận gần giống như hình lý luận trong đại học.*]. cho nên nếu đặt ra thuật đốc trách thì muốn gì cũng được. Quân thần trăm họ lo bỏ cứu những sai lầm của mình còn chưa kịp dám đâu nghĩ đến việc làm loạn. Như vậy là làm trọn đạo đế vương. Có thể nói là cái thuật làm sáng rõ địa vị vua tôi vậy. Tuy nhiên Thân Bất Hại, Hàn Phi sống lại cũng không thể làm hơn được".

Thư tâu lên, Nhị Thế vui lòng. Từ đó càng thi hành việc "đốc trách" nghiêm hơn trước. Ai đánh thuế dân nặng thì được xem là quan lại sáng suốt. Nhị thế nói: -Như thế có thể gọi là biết "đốc trách" vậy? Ở ngoài đường số người bị hình phạt chiếm một nửa, ở ngoài chợ người chết ngày càng chồng chất. Ai giết nhiều người là tôi trung.

Nhị Thế nói: -Như thế có thể gọi là biết "đốc trách" vậy [*Thực ra Tư chẳng nói gì mới. Nhà Tần từ thời Thương Ưởng đã theo thuyết pháp gia, đến đời Thủy Hoàng, Nhị Thế pháp luật lại càng nghiêm khắc. Đây chỉ là một cách Ngụy biện để làm vira lòng nhà vua.*].

6. Triệu Cao giết Lý Tư

Lúc đầu Triệu Cao làm lang trung lệnh, giết và báo oán riêng rất nhiều, sợ cáo quan đại thần vào châu, tâu, gièm pha, chê bai mình, bèn nói với Nhị Thế.

-Người ta quý thiên tử vì chỉ được nghe tiếng thôi, chứ bầy tôi không ai được thấy mặt. Cho nên nhà vua mới gọi là "trẫm". Vả lại, bệ hạ tuổi còn trẻ, chưa chắc đã thông thạo các việc Nay nếu bệ hạ ngồi ở triều đình, thường phạt có điều gì không đúng thì sẽ bị cáo quan đại thần coi thường. Đó không phải là cách biểu thị sự thần minh với thiên hạ. Nếu bệ hạ chấp tay ngồi trong cung cấm, cùng thần và những người châu chực thao pháp lệnh, chờ có việc gì đưa đến sẽ cân nhắc xét đi xét lại, như vậy thì các quan đại thần không dám tâu việc nghi ngờ, thiên hạ sẽ ca ngợi là vị vua thánh.

Nhị Thế dùng kế của Cao, không ngồi ở triều đình tiếp kiến đại thần mà ở trong cung cấm. Triệu Cao thường châu chực, được tin dùng, việc gì cũng do Triệu Cao quyết định [*Kết quả uy quyền của Nhị Thế chuyển sang Triệu Cao.*].

Triệu Cao nghe nói thừa tướng muốn can điều đó bèn đến gặp thừa tướng nói: -Ồ Quan Đông bọn trộm cướp nhiều, nay nhà vua càng xúc tiến việc sai người lao dịch làm cung A Phòng, tụ tập chó, ngựa, những vật vô dụng, tôi muốn can nhưng ở địa vị hèn. Đó chính là việc của ngài, sao ngài không can?

Lý Tư nói: -Phải đấy, tôi cũng muốn nói điều đó đã lâu. Nhưng hiện nay nhà vua không ngồi ở triều đình mà ở trong cung cấm. Tôi có điều muốn nói cũng không thể nói đến tai nhà vua, muốn yết kiến cũng không có cơ hội nào.

Triệu Cao bảo: -Nếu ngài quả thực muốn can ngăn, tôi xin rình xem có lúc nào nhà vua rảnh để báo cho ngài biết.

Triệu Cao bèn đợi khi Nhị Thế đang an nhàn vui chơi ở trước mặt là con gái, mới sai người nói với thừa tướng: -Nhà vua hiện nay đang rảnh, ngài có thể tâu việc.

Thừa tướng đến cửa cung xin yết kiến. Như thế ba lần.

Nhị Thế giận, nói: -Ta thường có nhiều ngày rảnh, thừa tướng lại không đến. Nay ta đã an nhàn vui chơi một mình ở đây thì thừa tướng đến ngay xin yết kiến, có phải thừa tướng chê và khinh ta không?

Triệu Cao nhân cơ hội này nói: -Như thế thì nguy? Thừa tướng có dự vào vụ âm mưu ở Sa Khâu. Nay bệ hạ đã được lập làm đế còn thừa tướng vẫn không được quý hơn, ý ông ta cũng muốn cất đất làm vương. Vả lại bệ hạ không hỏi nên thần không dám nói đấy thôi. Chứ con trai đầu của thừa tướng là Lý Do làm thái thú Tam Xuyên, bọn trộm cướp Trần Thắng đều là

những dân ở huyện bên cạnh của thừa tướng. Vì vậy cho nên bọn trộm cắp đất Sở hoành hành công khai. Chúng đi qua Tam Xuyên, quan thú Tam Xuyên không chịu đánh. Thần nghe họ thư từ qua lại nhưng không biết rõ ràng nên thưa dám tâu. Không những thế, thừa tướng ở ngoài, uy quyền lớn hơn bộ hạ. Nhị Thế cho là phải, muốn trị tội thừa tướng nhưng sợ không xác thực. Bèn sai người xét tình hình thái thú Tam Xuyên tư thông với bọn trộm cướp. Lý Tư nghe tin ấy. Bây giờ Nhị Thế đang ở Cam Tuyền xem hát xướng, xem trò đấu sừng [*Giác lực: trò chơi thời cổ, từng cặp hai ba người, đầu mang sừng húc nhau.*]. Lý Tư không còn yết kiến được, bèn dâng thư nói về những khuyết điểm của Triệu Cao. Thư như sau:

"Thần nghe: Tôi mà sánh ngang vua thì không thể nào không làm cho nước nguy, thiếp mà sánh ngang chồng không thể nào không làm cho nhà nguy. Nay có vị đại thần ở cạnh bộ hạ nắm tất cả việc lợi và việc hại, chẳng khác gì bộ hạ.

Điều đó thực là bất tiện! Ngày xưa, Tư Thành Tử Hãn làm tướng quốc nước Tống, chuyên quyền hình phạt lấy uy lực của mình mà thi hành, được một năm thì cướp ngôi vua.

Điền Thường làm tôi Giản Công, tước vị cao nhất trong nước, nhà riêng giàu ngang nhà vua, làm điều ân đức riêng, ở dưới được lòng trăm họ, ở trên được lòng các quan lấy nước Tề một cánh kín đáo [*Vì được lòng mọi người nên trong thực tế đã trộm được nước.*], giết Tề Du ở Sân giết Giản Công ở Triều, kết quả lấy nước Tề điều đó thiên hạ đều rõ hết. Nay Cao có chí gian tà, có cái hành động phản nghịch như Tử Hãn làm tướng quốc ở Tống. Nhà riêng của y giàu có như họ Điền ở nước Tề. Y kiêm cả cái lỗi phản nghịch của Điền Thường, Tử Hãn mà cướp lấy uy tín của bộ hạ. Chí của y như Hàn Khởi làm tướng quốc của vua Hàn là An vậy. Nếu bộ hạ không lo đến thì sợ y sẽ sinh biến".

Nhị Thế nói: -Sao thế Cao vốn là hoạn quan, không vì cơ mình được ở nơi yên ổn mà ngông nghênh, không vì cơ mình ở nơi nguy hiểm mà thay đổi lòng trung. Ông ta phẩm hạnh liêm khiết, khéo trau dồi cái hay nên mới lên đến địa vị ấy. Ông ta nhờ trung mà được cất nhắc, nhờ tin mà được giữ địa vị, trăm thực cho ông ta là người hiền, sao ông lại nghi? Vả chẳng, khi tiên đế mất, trăm còn ít tuổi, không biết gì, không quen cách trị dân, ông lại già, nếu không có ông ta sợ sẽ cùng thiên hạ tiêu diệt. Trăm nếu không nhờ cậy Triệu Cao thì biết dùng ai? Triệu Cao là người sáng suốt, liêm khiết, có sức làm việc, ở dưới biết dân tình, ở trên biết làm vừa ý trăm. Ông đừng có nghi.

Lý Tư nói: -Không phải thế Cao vốn là người hèn, không hiểu đạo lý, tham lam, đòi hỏi không biết chán, cầu lợi không thôi. Địa vị và quyền thế

gần ngang với nhà vua, đòi hỏi, tham muốn không cùng. Cho nên thần mới nói là "nguy". Nhị Thế trước đây vốn đã tin Triệu Cao, sợ Lý Tư giết y bèn nói riêng với Triệu Cao. Triệu Cao nói: -Thừa tướng chỉ lo ngại một mình Cao mà thôi. Sau khi Cao đã chết, thừa tướng sẽ làm ngay việc Điền Thường đã làm đấy.

Nhị Thế bèn nói: -Giao Lý Tư cho lang trung lệnh [*Tức giao cho Triệu Cao.*].

Triệu Cao tra xét Lý Tư. Lý Tư bị giam, bị trói ở trong nhà tù, ngẩng đầu lên trời nói: -Than ôi! Thương thay? Làm sao có thể bàn mưu với ông vua vô đạo. Ngày xưa Kiệt giết quan Long Bàng, Trụ giết Tử Can, vua Ngô là Phù Sai giết Ngũ Tử Tư, ba người tôi kia đâu phải không trung? Nhưng họ đều không khỏi chết. Thân chết, nhưng kẻ mà mình trung với họ lại vô đạo. Nay trí khôn của ta không bằng ba người kia mà Nhị Thế còn vô đạo hơn cả Kiệt, Trụ, Phù Sai. Ta vì trung mà chết là đáng lắm. Vả chẳng cách cai trị của Nhị Thế há chẳng gây loạn lạc sao? Gần đây ông ta giết sạch các anh em mà tự lập, giết tôi trung mà tôn quý bọn hèn hạ, làm cung A Phòng bắt thiên hạ phải nộp thuế nặng. Ta không phải không can ngăn, nhưng ông ta không nghe. Phàm các vua thánh ngày xưa ăn uống có chừng mực, xe cộ, đồ dùng có số nhất định, cung thất có hạn độ, ra mệnh lệnh làm việc gì không ích lợi cho dân lại tổn kém nhiều thì đều cấm. Cho nên có thể trị an lâu dài [*Lúc này Tư đã bỏ hẳn cái thuyết "độc trách"*]. Nay Nhị Thế làm việc trái đạo lý với anh em, không đoái nghĩ gì đến mối lo về sau, giết oan trung thần, không nghĩ đến tai họa, ra sức làm cung thất cho lớn, vợ vét thiên hạ, không tiếc tổn phí. Một khi đã làm ba điều ấy [*Làm trái đạo anh em, giết tôi trung, xây cung thất.*] thì thiên hạ không nghe theo. Nay những người làm phản đã lấy được một nửa thiên hạ rồi. Thế mà vẫn còn chưa tỉnh ngộ, vẫn lấy Triệu Cao làm người giúp việc. Nhất định ta sẽ thấy giặc đến Hàm Dương, hươu nai chơi ở triều!

Nhị Thế bèn sai Cao xét án thừa tướng, trị tội, kết tội Tư và con là Do làm phản. Bắt tất cả họ hàng tân khách.

Triệu Cao trị tội Tư, dùng roi đánh hơn một nghìn cái, Tư đau đớn vô cùng nghĩ mình chịu tội oan ức. Tư không tự vẫn vì tự phụ mình có tài biện luận, có công lao, thực tình không có lòng làm phản, nên hy vọng có dịp dâng thư để bày tỏ, mong Nhị Thế sẽ tỉnh ngộ mà tha cho. Lý Tư bèn ở trong ngục dâng thư lên. Thư như sau:

"Thần làm thừa tướng trị dân đã ba mươi năm. Lúc thần đến, đất Tần chật hẹp. Trong thời tiên vương, đất Tần chẳng quá nghìn dặm, quân vài mươi vạn. Thần đem hết tài mọn, cẩn thận chấp hành pháp luật, mệnh lệnh. Ngâm sai các mưu thần đưa cho vàng bạc, châu báu, để họ đi du thuyết chư

hầu. Ngâm chuẩn bị vũ lực, quân đội, trau dồi chính giáo, cho những người chiến đấu dũng cảm làm quan, tôn trọng những bầy tôi có công, cho họ tước lộc dồi dào. Cho nên rốt cục uy hiếp nước Hàn, làm yên nước Ngụy, phá tan các nước Yên, Triệu, san phẳng các nước Tề, Sở, cuối cùng lấy tất cả sáu nước, cầm tù vua họ, lập Tần làm thiên tử, đó là một tội? Đất không phải rộng thế mà phía Bắc lại đuổi các rợ Hồ, Mịch, phía Nam bình định Bách Việt [*Hồ và Mịch chỉ Hung Nô ở phương Bắc Trung Quốc. Bách Việt là tên chung chỉ các dân tộc miền Lương Quảng phía Nam đến Giao Chỉ (Việt Nam) phía Bắc đến bờ biển Chiết Giang, phía Đông đến bờ biển Phúc Kiến, phía Tây đến Quảng Tây. Những bộ lạc nổi tiếng là: Đông Việt, Âu Việt, Tây Việt, Trường Kha, Lạc Việt.*] để nêu rõ cái mạnh của Tần, đó là hai tội! Tôn trọng các quan đại thần cho họ tước vị cao làm cho sự thân thiết với nhà vua càng thêm bền vững, đó là ba tội! Lập xã tắc, sửa sang tôn miếu, để làm sáng tỏ cái hiền của nhà vua, đó là bốn tội? Thay đổi các hoa văn khắc vẽ trên các đồ vật, thống nhất các đấu, các học, đồ đo lường, quy định các văn chương, ban bố với thiên hạ, để lập nên danh tiếng của nhà Tần, đó là năm tội? Làm đường vua đi, xây dựng ở những nơi danh thắng để nhà vua đi xem chơi, để nêu rõ điều đặc ý của nhà vua, đó là sáu tội: Nới hình phạt, giảm nhẹ đóng góp để làm thỏa mãn mong muốn của nhà vua đã thu được lòng dân chúng, vạn dân tôn quý nhà vua, đến chết cũng không quên, đó là bảy tội? Tư này làm tôi, tội đáng chết đã từ lâu. May được trên cho thần đem hết tài hết sức ra làm nên mới được sống đến nay. Xin bệ hạ xét cho" [*Tất cả đoạn này đều dùng hình thức phản ngữ nên có sức thuyết phục mạnh.*].

Thư dâng lên, Triệu Cao sai viên lại vứt đi, không tâu lên, nói: -Đã bị tù còn dâng thư sao được?

Triệu Cao sai hơn mười người khách của mình giả làm ngự sử, yết giả, thị trung [*Ngự sử coi giấy tờ trong cung, kiêm việc can ngăn nhà vua. Yết giả làm chức tiếp khách khứa. Thị trung coi việc giấy tờ tâu lên nhà vua.*] thay nhau đến xét hỏi Tư, Tư lại đem thực tình ra nói với họ, Cao lại sai người đánh Tư. Về sau Nhị Thế sai người đến hỏi Lý Tư, Tư cho rằng lần xét hỏi này cũng như mấy lần xét hỏi trước, rốt cục không dám thay đổi lời khai, nhận là mình đã phạm tội. Triệu Cao tâu lên rằng Tư đã nhận tội.

Nhị Thế mừng nói: -Nếu không có Triệu Cao thì suýt nữa ta bị thừa tướng làm hại rồi!

Khi Nhị Thế phái người đến xét tội trạng của thái thú Tam Xuyên thì Hạng Lương đã giết chết Lý Do. Sứ giả về thì Lý Tư đã bị bắt giao quan coi ngục, Triệu Cao đổi tất cả những lời của sứ giả, nói rằng Lý Do làm phản. Tháng 7 năm thứ hai đời Nhị Thế. Tư bị đũa ngũ hình, bị xử chém ngang lưng ở chợ Hàm Dương. Tư ở trong ngục đũa cũng bị áp giải với đũa con giữa.

Tư quay lại bảo con: -Ta muốn cùng ngươi lại dặt con chó vàng, ra khỏi cửa Đông ở ấp Thượng Sái đuổi con thỏ khôn, nhưng làm sao được nữa?
Cha con khóc với nhau. Tư bị giết cả ba họ.

7. Triệu Cao giết Nhị Thế, nhà Tần bị diệt vong

Sau khi Lý Tư chết, Nhị Thế cho Triệu Cao làm trung thừa tướng [*Thừa tướng ở trong cung cấm.*], mọi việc bất kỳ lớn nhỏ đều do Cao quyết định.

Cao tự biết quyền mình to lớn, bèn dâng vua con nai lại nói là con ngựa. Nhị Thế hỏi những người chung quanh: -Đó là con nai chứ?

Những người chung quanh nói: -Con ngựa đấy ạ.

Nhị Thế cả kinh, tự cho mình loạn óc, bèn gọi quan thái bốc sai bói xem [*Xem [Tần Thủy Hoàng bản kỷ đoạn 7. Ở hai nơi có những chi tiết không giống nhau.](#)*]. Quan thái bốc nói: -Bệ hạ mùa xuân mùa thu làm lễ tế giao, thờ phụng tôn miếu, quý thần, trai giới không nghiêm, cho nên đến thế. Nên theo đức lớn của các vị vua hiền ngày xưa và cẩn thận trong việc trai giới.

Nhị Thế bèn vào vườn Thượng Lâm trai giới, ban ngày đi chơi, săn bắn. Có người vào vườn Thượng Lâm, Nhị Thế tự tay bắn chết. Triệu Cao bày cho con rử là Diễm Nhạc không biết có người nào giết người, đem xác đến vất ở Thượng Lâm. Triệu Cao bèn nói với Nhị Thế.

-Nhà vua vô cớ giết người vô tội, đó là điều trời cấm, quý thần không nhận đỡ tế lễ, trời sinh tai họa. Nên đi xa cung nhà vua để giải trừ tai họa.

Nhị Thế bèn dời đến Vọng di cung.

Nhị Thế ở đấy ba ngày, Triệu Cao làm chiếu nhà vua gọi vệ binh đến, sai họ đều mặc đồ trắng cầm binh khí quay mặt vào trong. Triệu Cao vào cung nói với Nhị Thế: -Quân trộm cắp ở Sơn Đông đến rất đông.

Nhị Thế lên lầu xem thấy thế hoảng sợ: Cao bèn nhân đấy bắt ép Nhị Thế phải tự sát [*Việc chép ở đây và ở đoạn 7 của Tần Thủy Hoàng bản kỷ có chỗ không giống nhau.*]. Triệu Cao mang ấn nhà vua, tả hữu, trăm quan không ai theo Cao. Cao lên điện, điện ba lần muốn sụp. Cao tự biết trời không cho mình làm vua, quần thần không chịu, bèn cho mời người em của Thủy Hoàng trao ấn cho ông ta.

Tử Anh lên ngôi, lo sợ bèn cáo ốm không ra triều nghe quần thần tâu bày các công việc. Tử Anh cùng viên hoạn quan Hàn Đàm và con mưu giết Cao. Cao đến yết kiến Tử Anh để hỏi thăm bệnh. Tử Anh nhân đấy gọi vào, Hàn Đàm đâm chết rồi giết cả ba họ của Cao. Tử Anh làm vua được ba tháng, Bái Công đem quân từ Vũ Quan vào, đến Hàm Dương, các quan đều làm phản không đến. Tử Anh tự buộc dây ấn ở cổ cùng vợ con đầu hàng ở Chi Đạo. Bái Công nhân đấy giao Tử Anh cho quan đương sự Hạng Vương đến và chém Tử Anh. Nhà Tần rốt cuộc mất thiên hạ.

8. Lời bàn

Thái sử công nói: Lý Tư xuất thân là kẻ áo vải nơi làng xóm, đi khắp các nước chư hầu, vào thờ Tần, nhân cơ hội các nước có chỗ hở có thể lợi dụng, nên giúp Thủy Hoàng làm nên nghiệp đế. Tư làm tam công, có thể gọi là địa vị cao và được trọng dụng. Tư biết đạo của lục kinh nhưng không lo làm cho chính sự được sáng suốt để bổ cứu những thiếu sót của nhà vua, trái lại lo giữ tước cao, lộc hậu, a dua cầu hợp, làm cho uy thêm nghiêm, hình phạt thêm tàn khốc, nghe theo lời tà thuyết của Cao, bỏ con trưởng lập con thứ. Đến khi chư hầu đã làm phản rồi Tư mới muốn cản ngăn thì chẳng phải muộn rồi sao? Người ta đều cho Tư tận trung mà bị ngũ hình chết, nhưng xét cho cùng thì không phải như lời thế tục thường bàn. Nếu không thế hoá ra công của Tư có thể sánh ngang với Chu Công, Thiệu Công vậy [Ý tác giả nói Tư không phải là người trung mà là người có tội. Nếu như lời nói của người thường mà đúng chẳng hoá ra công của Tư sánh ngang với Chu Công, Thiệu Công sao? Câu này nhiều người giải thích sai cho là Tư Mã Thiên ca ngợi Lý Tư quá đáng, nhưng thực ra thì tác giả trách Lý Tư chứ không khen.].

TRƯƠNG NHĨ, TRẦN DƯ liệt truyện

Trương Nhĩ, người thành Đại Lương, lúc nhỏ làm tân khách ở nhà công tử nước Ngụy là Vô Kỵ. Trương Nhĩ có lần trốn đi chơi Ngoại Hoàng. Ở Ngoại Hoàng có người con gái nhà giàu rất đẹp, lấy một người chồng đầy tớ tầm thường. Liền trốn chồng về nhà người khách của cha. Người khách của cha cô vốn biết Trương Nhĩ, bèn nói với người con gái: -Nếu cô muốn tìm người chồng tài giỏi thì hãy theo Trương Nhĩ!

Người con gái nghe theo. Sau đó người khách của cha cô ta bèn giúp cô ta bỏ đứt chồng và lấy Trương Nhĩ. Trương Nhĩ bây giờ thoát khỏi cảnh nghèo, đi chơi. Nhà người con gái đổi đãi chu cấp cho Trương Nhĩ rất hậu. Trương Nhĩ nhờ thế có thể làm cho khách ở xa ngàn dặm đến nhà. Ông bèn làm quan lệnh ở Ngoại Hoàng danh tiếng từ đó càng nổi.

Trần Dư cũng là người Đại Lương, thích Nho thuật, hay đi chơi đất Khố Hình ở Triệu. Có người giàu là họ Công Thừa gả con gái cho. Ông ta cũng biết Trần Dư không phải là con người tầm thường. Dư ít tuổi, xem Trương Nhĩ như cha, hai người làm bạn sống chết có nhau.

Khi nhà Tần diệt Đại Lương thì nhà Trương Nhĩ ở Ngoại Hoàng. Cao Tổ lúc còn là kẻ áo vải thường hay đến làm du khách ở nhà Trương Nhĩ, ở đấy mấy tháng. Khi nhà Tần đã diệt được nước Ngụy mấy năm, nghe tin hai người này là hai danh sĩ ở Ngụy, bèn trao giải thưởng người nào bắt được Trương Nhĩ thì thưởng ngàn lạng vàng, bắt được Trần Dư thì thưởng năm trăm lạng. Trương Nhĩ, Trần Dư đổi tên họ cùng đến Trần làm người giữ cổng làng để kiếm ăn. Hai người cãi nhau, viên lại trong làng đi qua, liền lấy roi đánh Trần Dư. Trần Dư muốn đứng dậy. Trương Nhĩ dẫm vào gót chân bảo Dư cứ chịu đòn đi. Viên lại ra đi, Trương Nhĩ bèn kéo Trần Dư xuống gốc cây dâu mà trách, nói: -Lúc đầu tôi nói với anh như thế nào? Nay mới bị một cái nhục mà muốn giết viên lại sao?

Trần Dư cho là phải.

Tần ban chiếu tìm hai người. Hai người trái lại dùng chức giữ cổng để ra lệnh trong làng.

Trần Thiệp nổi lên ở đất Kỳ, khi vào đất Tần thì số quân đã vài vạn. Trương Nhĩ, Trần Dư đến yết kiến Trần Thiệp. Trần Thiệp và các quan hầu ngày thường đã nhiều lần nghe nói Trương Nhĩ, Trần Dư là người hiền nhưng chưa gặp mặt. Nay được gặp, họ rất mừng. Các bậc hào kiệt và những người già cả ở đất Trần bảo với Trần Thiệp: -Tướng quân thân hành mang áo giáp, cầm binh khí, dẫn đầu binh sĩ để đánh nhà Tần bạo ngược, dựng lại xã tắc nước Sở, dựng lại cái nước đã mất, nổi lại dòng dõi đã bị đứt, công đức

đáng làm vua. Vả chăng, cai quản các tướng trong thiên hạ, nếu không làm vua thì không được. Xin tướng quân tự lập làm vua nước Sở.

Trần Thiệp hỏi hai người. Hai người đáp: -Nhà Tần làm việc vô đạo, phá nước nhà người ta, diệt xã tắc của người ta, cắt đứt dòng dõi người ta, làm cho trăm họ mệt sức hết của. Tướng quân trọn mắt, cả gan xông vào nơi muôn chết không để ý đến một sống, vì thiên hạ trừ bọn tàn bạo. Nay tướng quân mới đến đất Trần mà đã tự xưng làm vua, tức là nêu rõ với thiên hạ rằng mình nghĩ đến điều riêng. Xin tướng quân chớ có làm vua, mau mau đem binh đi về hướng Tây sai người lập con cháu sáu nước để dựng bè đảng cho mình. Như thế nhà Tần càng thêm nhiều kẻ địch. Quân địch của Tần đông thì sức của nó bị chia. Cùng mưu với nhiều người thì binh lực mạnh. Như vậy ở ngoài đồng không gặp cảnh binh sĩ đánh nhau, trong các huyện thì không ai giữ thành, tướng quân diệt nhà Tần bạo ngược, chiếm lấy Hàm Dương và ra lệnh cho chư hầu. Chư hầu trước đây đã mất nay lại được lập lên. Tướng quân dùng đức để làm cho họ phục, như thế có thể làm nên cơ nghiệp đế vương. Nay tướng quân một mình xưng vương ở Trần, tôi sợ thiên hạ tan rã mất.

Trần Thiệp không nghe theo bèn tự lập làm vua. Trần Dư lại thuyết phục Trần Vương nói: -Đại vương đem binh của Lương Sở đi về hướng Tây, cốt vào Quan Trung nhưng chưa kịp lấy Hà Bắc. Tôi thường đi chơi ở đất Triệu, biết những người hào kiệt và địa thế ở đây Xin nhà vua cho tôi một đạo kỳ binh [*Đạo binh đánh quân địch lúc họ không đề phòng.*], đi về phía Bắc lấy đất Triệu.

Trần Vương bèn cho người bạn thân của mình là Vũ Thần, người đất Trần, làm tướng quân, Thiệu Tao làm hộ quân, Trương Nhĩ và Trần Dư là tả hiệu úy và hữu hiệu úy cùng ba nghìn quân để đi về phía Bắc lấy đất Triệu. Bọn Vũ thần đi từ bến Bạch Mã, vượt qua sông Hà, đến các huyện thuyết phục những người hào kiệt ở đây, nói: -Nhà Tần theo lối chính sự bạo ngược, hình phạt tàn khốc để giết hại thiên hạ đã mấy mươi năm nay, phía Bắc phải đi Trường thành, phía Nam phải đi đồn thú ở Ngũ Lĩnh, trong ngoài nháo nhác, trăm họ mỗi mệt rã rời, cứ theo đầu người mà nộp thóc, vơ vét để cung cấp quân phí. Tiền của hết, sức dân kiệt không sống nổi. Đã thế lại còn thêm pháp luật hà khắc, hình phạt nặng, làm cho cha con trong thiên hạ không thể sống yên. Trần Vương hằng hái nổi lên vì thiên hạ mở đầu, làm vương đất Sở, đất vuông hai ngàn dặm, không ai không hưởng ứng. Nhà nào cũng vì mình mà nổi dậy, người nào cũng vì mình mà đánh, báo oán cho mình, và tấn công quân thù của mình. Các huyện giết quan lệnh, các quận giết quan thú và quan úy. Nay đã nên danh hiệu "Đại Sở", làm vương ở Trần [*Xem [Trần Thiệp thế gia.](#)*], sai Ngô Quảng, Chu Văn cầm trăm vạn quân đi

về hướng Tây đánh Tần. Gặp thời cơ này mà không làm nên sự nghiệp phong hầu thì không phải là con người hào kiệt. Xin các vị thử bàn tính xem: thiên hạ đồng tâm và khỏ sở vì nhà Tần đã lâu rồi. Dùng sức mạnh của thiên hạ mà đánh ông vua vô đạo, trả thù cho cha anh để lập nên cái sự nghiệp được cát đất phong hầu, đó chính là thời cơ của kẻ sĩ ngày nay.

Các hào kiệt đều cho là phải. Bọn Vũ Thần bèn tập hợp binh sĩ được vài vạn người, gọi Vũ Thần là vũ Tín Quân lấy được hơn mười thành của đất Triệu. Những thành còn lại đều cố giữ không chịu đầu hàng. Bọn Vũ Thần bèn đem quân đi về phía Đông Bắc đánh Phạm Dương. Khoái Thông người đất Phạm Dương đến du thuyết viên lệnh ở Phạm Dương như sau: -Tôi trộm nghe ngài sắp chết cho nên đến đây. Tuy vậy tôi mừng ngài gặp được Thông nên sống.

Viên lệnh ở Phạm Dương hỏi: -Tại sao lại điếu?

Khoái Thông đáp: -Pháp luật nhà Tần rất nặng, tước hạ làm quan lệnh ở Phạm Dương đã mười năm nay, ngài giết cha người ta, làm cho con người ta thành mồ côi, chặt chân người ta, khắc chữ vào mặt người ta không kể xiết. Những người cha nhân từ, những người con hiếu vẫn không ai dám đâm mũi nhọn vào giữa bụng ngài, chỉ vì họ sợ pháp luật nhà Tần mà thôi. Nay thiên hạ gặp loạn lớn, pháp luật nhà Tần không được thi hành. Như vậy thì những người cha nhân từ, những người con có hiếu sẽ đâm mũi nhọn vào bụng ngài để lập nên cái danh tiếng của mình, vì thế cho nên tôi đến đây ngài. Nay chư hầu phản lại nhà Tần, binh của Vũ Tín Quân sắp đến mà ngài lại cố giữ thành Phạm Dương, những người trai tráng đều tranh nhau giết ngài để đầu hàng Vũ Tín Quân.

Ngài hãy mau mau sai tôi đến gặp Vũ Tín Quân thì dịp này có thể chuyển vận thành phúc đấy.

Viên lệnh ở Phạm Dương bèn sai Khoái Thông đến yết kiến Vũ Tín Quân. Khoái Thông nói: -Nếu tước hạ đòi phải đánh cho thắng rồi sau đó mới cướp đất, phải phá được thành rồi sau đó mới lấy thành thì tôi cho là sai. Nếu ngài biết nghe mưu kế của tôi thì có thể không tấn công mà làm cho thành phải đầu hàng, không đánh mà cướp được đất, chỉ truyền hịch cũng sẽ bình định được ngàn dặm. Như thế được không?

Vũ Tín Quân nói: -Như thế nghĩa là thế nào?

Khoái Thông nói: -Hiện nay viên lệnh ở Phạm Dương thế nào cũng phải chinh đốn binh sĩ để giữ thành và chiến đấu. ông ta nhút nhát sợ chết, nhưng lại xem trọng việc giàu sang, cho nên muốn đầu hàng trước mọi người nhưng lại sợ ngài cho ông ta là viên quan lại do nhà Tần đặt ra nên sẽ giết ông ta như ngài đã giết quan lại mười thành trước đây. Ngày nay, những người trai ở Phạm Dương cũng đang muốn giết viên lệnh của mình để lấy thành mà

chống lại ngài. Tại sao ngài lại không trao cho tôi ấn tước hầu để phong cho viên lệnh ở Phạm Dương? Nếu làm thế thì viên lệnh ở Phạm Dương sẽ đem thành đầu hàng ngài, những người trai tráng cũng không dám giết viên lệnh của mình. Thế rồi ngài ra lệnh cho viên lệnh ở Phạm Dương đi cái xe bánh đỏ có trục xe phạm, bảo ông ta ruổi ngựa ở ngoài thành đất Yên, đất Triệu. Những người ở ngoài thành đất Yên, đất Triệu thấy ông ta đều sẽ nói: "Đó là viên huyện lệnh ở Phạm Dương đầu hàng trước đây". Thế thì họ sẽ mừng, ngài có thể không đánh mà khiến các thành ở Yên và Triệu đầu hàng. Tôi nói truyền hịch mà bình định được ngàn dặm là như thế đấy.

Vũ Tín Quân nghe theo kế của Khoái Thông, bèn sai Khoái Thông đưa cho viên lệnh ở Phạm Dương ấn tước hầu. Đất Triệu nghe vậy có hơn ba mươi thành không đánh mà đầu hàng.

Khi quân đến Hàm Đan, Trương Nhĩ, Trần Dư nghe tin quân của Chu Chương đã vào cửa ải, nên đến đất Hi rồi rút lui, lại nghe nhiều viên tướng đã giúp Trần Vương lấy đất bị gièm pha mà phải tội chết, oán Trần Vương không dùng mưu kế của mình, không cho mình làm tướng lại cho làm hiệu úy, bèn nói với Vũ Thần: -Trần Vương nổi lên ở đất Kỳ, đến đất Trần thì xưng vương, không muốn lập con cháu sáu nước. Nay tướng quân với ba nghìn quân đã hạ được hơn mấy chục thành của nước Triệu, lại chỉ cần lần lút ở phía Bắc sông Hà, nếu tướng quân không xưng vương thì còn ai làm. Vả chẳng Trần Vương nghe những lời gièm pha, nếu tướng quân quay về báo, tôi sợ tướng quân sẽ không thoát khỏi họa, không bằng lập một nước anh em với Sở, nhưng không lập ngay con cháu nước Triệu. Tướng quân chớ có bỏ thời cơ, thời cơ qua nhanh không chờ đợi được.

Vũ Thần bèn nghe theo, tự xưng là Triệu Vương, cho Trần Dư làm đại tướng quân. Trương Nhĩ làm hữu thừa tướng, Thiệu Tào làm tả thừa tướng và sai người báo với Trần Vương. Trần Vương cả giận, muốn giết tất cả nhà của bọn Vũ Thần và đem binh đánh Triệu. Tướng quốc của Trần Vương là Phòng Quân can: -Nhà Tần chưa mất mà nhà vua lại giết cả nhà bọn Vũ Thần, như thế tức là gây ra một nước Tần thứ hai. Không bằng nhân đây mà chúc mừng ông ta, sai ông ta mau mau đem binh về hướng Tây đánh Tần.

Trần Vương cho là phải, theo kế của Phòng Quân, dời gia đình của bọn Vũ Thần vào trong cung, phong cho con Trương Nhĩ là Ngao làm Thành Đô Quân. Trần Vương sai sứ giả đến chúc mừng Triệu, giục Triệu mau mau đem binh đi về hướng Tây vào Quan Trung. Trương Nhĩ, Trần Dư nói với Vũ Thần: -Nhà vua làm vua ở Triệu không phải là ý nước Sở muốn thế, mà chỉ dùng mưu kế để chúc mừng nhà vua đấy thôi. Một khi Sở đã diệt xong nhà Tần thì thế nào nó cũng đem binh đến đánh nước Triệu. Xin nhà vua chớ đem binh đi về hướng Tây. Hãy đem binh đi về hướng Bắc lấy các nước

Yên, Đại, đi về hướng Nam lấy Hà Nội để mở rộng đất đai của mình. Nước Triệu phía Nam có sông Hà rộng, phía Bắc có đất Yên, đất Đại, thì nước Sở dù có thắng được nước Tần đi nữa cũng không dám khống chế nước Triệu.

Triệu Vương cho là phải bèn không đem binh sĩ về hướng Tây, mà sai Hàn Quảng cướp lấy đất Yên, Lý Lương cướp lấy đất Thượng Đảng. Hàn Quảng đến đất Yên, người Yên nhân đây lập Quảng làm Yên Vương. Triệu Vương bèn cùng Trương Nhĩ, Trần Du đi về phía Bắc cướp đất ở biên giới nước Yên. Triệu Vương bất ngờ đi ra bị quân Yên bắt được Tướng Yên bỏ tù Triệu Vương, muốn cùng Triệu Vương chia đôi đất Triệu mới trả Triệu Vương về. Sứ giả Triệu đến, viên tướng quốc nước Yên liền giết chết để đòi dết.

Trương Nhĩ, Trần Du lo lắng. Có người lính làm việc nấu ăn nói với những người trong nhà: -Tôi xin vì nhà vua thuyết phục tướng Yên rồi sẽ cùng Triệu Vương lên xe về nhà.

Những người trong nhà đều cười nói: -Sứ giả đến hơn mười người đều bị giết. Mà làm thế nào có thể đưa nhà vua về được?

Anh ta liền bỏ chạy sang thành nước Yên. Viên tướng nước Yên tiếp anh ta. Anh ta hỏi viên tướng: -Ông có biết tôi muốn điều gì không?

Viên tướng nước Yên nói: -Mày muốn đưa vua Triệu về mà thôi.

-Ông cho Trương Nhĩ, Trần Du là người như thế nào?

-Là người hiền.

-Ông biết chí họ muốn điều gì không?

-Họ muốn nhà vua về chứ gì?

Người lính làm bếp bèn cười mà rằng: -Thế thì ông vẫn chưa biết hai người ấy muốn gì? Vũ Thần, Trương Nhĩ, Trần Du vẫy roi ngựa lấy được mấy mươi thành của Triệu. Họ người nào cũng muốn ngoảnh mặt về hướng Nam mà làm vua, há chỉ muốn làm khanh, tướng cho trọn đời mình đâu! Phàm việc làm tôi người ta với làm vua người ta là khác nhau một vực một trời. Chẳng qua vì tình thế mới ổn định nên chưa dám chia ba làm vương, cho nên theo thứ tự lớn nhỏ trước tiên lập Vũ Thần làm vương để giữ lòng dân Triệu. Bây giờ đất Triệu đã theo, hai người này cũng muốn chia đất Triệu để làm vương, nhưng thời cơ chưa làm được đây thôi. Nay ngài lại bỏ tù Triệu Vương, hai người kia về mặt danh nghĩa thì xin Triệu vương, nhưng thực ra muốn nước Yên giết ông ta đi. Hai người này sẽ do đó chia nước Triệu, tự lập làm vua. Mới chỉ có một nước Triệu mà nó đã coi thường nước Yên, lương gì có hai vị vua hiền, giúp nhau lại bắt tội ngài về cái tội giết vua thì việc tiêu diệt nước Yên là rất dễ.

Viên tướng nước Yên cho là phải, bèn thả Triệu Vương.

Người lính làm bếp đánh xe cho vua Triệu trở về.

Sau khi Lý Lương đã bình định được Thường Sơn trở về báo tin, Triệu Vương lại sai Lương đi lấy Thái Nguyên, Lương đến Thạch áp, quân Tần chặn ở Tĩnh Hình, Lương chưa tiến lên được. Tướng Tần giả vờ nói Nhị Thế sai người đưa cho Lý Lương bức thư không dán, nói Lương trước kia đã từng thờ ta rất được yêu quý, nếu Lương có thể phản lại nước Triệu, theo Tần, thì sẽ tha tội và tôn quý Lương. Lương nhận được thư nghi ngờ không tin, bèn quay về Hàm Đan xin thêm binh sĩ. Lương chưa đến Hàm Đan, đi giữa đường, gặp người chị của Triệu Vương đi ra uống rượu, có hơn một trăm quân y đi theo. Lý Lương đằng xa nhìn thấy, cho đó là Triệu Vương, bèn nằm rạp bên đường để yết kiến. Người chị của Triệu Vương say không biết đó là viên tướng của Triệu Vương, bèn sai quân kỵ từ tạ Lý Lương. Lý Lương vốn là người sang, đứng dậy, mắng những viên quan theo hầu.

Trong số này có một người nói: -Thiên hạ làm phản nhà Tần, ai có tài thì được lập trước. Vả lại, Triệu Vương vốn là người ở dưới quyền tuông quân, nay một người đàn bà mà lại không xuống xe chào tướng quân. Xin tướng quân đuổi theo giết đi.

Lý Lương đã nhận được thư của Tần, muốn phản lại nước Triệu nhưng chưa quyết định. Nhân việc đó, Lý Lương nổi giận sai người đuổi theo giết người chị của Triệu Vương ở giữa đường, rồi cầm quân đánh úp, Hàm Đan không kịp phòng bị. Lý Lương giết Vũ Thần, Thiệu Tao. Nhiều người nước Triệu là tai mắt của Trương Nhĩ, Trần Du, cho nên hai người trốn thoát, tập hợp binh sĩ được vài vạn người. Có người khách nói với Trương Nhĩ: -Hai ông là những người lữ khách muốn giúp Triệu thì khó mà đứng một mình được. Các ông hãy tập hợp con cháu vua Triệu, lấy nghĩa để phò họ thì có thể thành công.

Hai người bèn tìm được Triệu Yết, lập làm Triệu Vương đóng ở Tín Đô. Lý Lương tiến quân đánh Trần Du. Trần Du đánh Lý Lương thua to. Lý Lương bỏ chạy về với Chương Hàm. Chương Hàm đem binh đến Hàm Đan. Hai người sai dời dân ở đây đi Hà Nội, san phẳng thành quách. Trương Nhĩ và Triệu Vương Yết chạy vào thành Cự Lộc. Vương Ly vây thành, Trần Du đi về phía Bắc tập hợp binh sĩ ở Thường Sơn được vài vạn người, đóng quân ở phía Bắc Cự Lộc.

Chương Hàm đóng quân ở phía Nam Cự Lộc, trên cánh đồng Nam Cự, xây đường ống đến sông Hà để vận chuyển lương thực cho Vương Ly. Vương Ly binh sĩ và lương thực đều nhiều, đánh Cự Lộc rất gấp. Ở trong thành Cự Lộc binh ít, lương hết, Trương Nhĩ mấy lần sai người đến bảo Trần Du tiến quân. Trần Du tự nghĩ quân của mình ít, không đánh lại được quân Tần nên không dám tiến. Tình hình kéo dài mấy tháng. Trương Nhĩ cả giận oán Trần Du, sai Trương Yêm, Trần Thích đến trách Trần Du: -Trước kia ta

cùng ông làm bạn sống chết cùng có nhau. Nay nhà vua và Nhĩ sớm chiều sẽ chết, thế mà ông cầm quân mấy vạn mà không chịu cứu. Như thế làm sao có thể tin rằng cùng chết với nhau được? Tại sao ông không xông vào quân Tần, cùng nhau chịu chết, như thế ngộ hầu còn có hy vọng cùng sống trong muôn một.

Trần Dư nói: -Tôi tính tiến quân thì cũng không thể cứu được Triệu, mà chỉ mất hết quân. Và lại, sở dĩ Dư này không cùng chết là vì muôn báo thù cho Triệu Vương và Trương Quân. Nay nếu chúng ta cùng chết thì cũng như ném thịt cho hổ đói, phỏng có ích gì?

Trương Yên, Trần Thích nói: -Tình hình đã gấp lắm rồi, xin lấy việc cùng chết để nêu rõ tín nghĩa, còn biết việc tính toán sau này ra sao nữa!

Trần Dư nói: -Tôi chết thì chỉ vô ích mà thôi, nhưng cũng xin theo như lời ông.

Bèn cho năm nghìn quân, sai Trương Yên, Trần Thích thử quân Tần trước. Những người này đều bị diệt. Lúc bấy giờ các nước Yên, Tề, Sở nghe tin Triệu nguy cấp đều đến cứu Trương Ngao cũng tập hợp binh sĩ đất Đại ở phía Bắc được hơn vạn người đến. Tất cả đều xây lũy ở cạnh Trần Dư nhưng vẫn chưa dám đánh Tần. Quân của Hạng Vũ mấy lần cắt đứt đường ống của Chương Hàm. Quân của Vương Ly thiếu ăn. Hạng Vũ đem tất cả binh sĩ vượt Hoàng Hà và phá tan quân Chương Hàm. Chương Hàm bèn đem binh chạy. Quân các nước chư hầu mới dám đánh quân Tần đang vây Cự Lộc, rốt cục cầm tù được Vương Ly. Thiệp Nhàn tự sát, cuối cùng bảo tồn được Cự Lộc là do sức của nước Sở. Nhờ vậy Triệu Vương Ýt và Trương Nhĩ mới ra khỏi thành Cự Lộc, cảm tạ chư hầu.

Trương Nhĩ gặp Trần Dư, trách Trần Dư không chịu cứu Triệu. Đến khi hỏi Trương Yên, Trần Thích ở đâu, Trần Dư nổi giận nói: -Trương Yên, Trần Thích bảo tôi thế nào cũng phải chết, nên tôi sai họ cầm năm nghìn quân để thử sức quân Tần trước. Họ đều chết không thể ra được.

Trương Nhĩ không tin cho là Trần Dư đã giết họ. Hỏi Trần Dư mấy lần. Trần Dư nổi giận nói: -Tôi không ngờ ông oán giận tôi sâu sắc đến thế. Có phải vì tôi tiếc không dám bỏ chức tướng quân đâu?

Trần Dư bèn cởi ấn trao cho Trương Nhĩ. Trương Nhĩ cũng kinh ngạc không dám nhận. Trần Dư đứng dậy đi ra nhà xí, có người khách nói với Trương Nhĩ: -Tôi nghe nói: "Trời cho mà không nhận thì sẽ mang vạ" nay Trần tướng quân đã trao ấn cho ngài mà ngài không nhận thì trời sẽ bắt mang vạ đấy. Xin ngài nhận ngay đi.

Trương Nhĩ bèn mang ấn, thu bộ hạ của Dư, nhưng Trần Dư vẫn oán Trương Nhĩ không chịu nhường. Sau đó Trần Dư rảo bước đi ra. Trương Nhĩ bèn thu quân của Trần Dư. Trần Dư một mình cùng với vài trăm người trước

đây ở dưới cờ vẫn quen thân, đi săn và đánh cá trong cái đầm trên sông Hoàng Hà. Từ đó giữa Trần Dư và Trương Nhĩ có sự hiềm khích.

Triệu Vương Yết lại ở Tín Đô, Trương Nhĩ theo Hạng Vũ và chur hầu vào Quan Trung.

Năm thứ nhất, tháng hai nhà Hán, Hạng Vũ lập chur hầu, Trương Nhĩ vốn giao du rộng, nhiều người nói Trương Nhĩ với Hạng Vũ. Hạng Vũ cũng nhiều lần nghe Trương Nhĩ là người tài giỏi bèn chia đất Triệu, phong Trương Nhĩ làm Thường Sơn Vương, cai trị ở Tín Đô, đổi tên Tín Đô là Trương Quốc. Nhiều người khách của Trương Nhĩ nói với Hạng Vũ: -Trần Dư và Trương Nhĩ hai người như một, đều có công ở đất Triệu.

Hạng Vũ thấy Trần Dư không theo Hạng Vũ vào Quan Trung, nghe tin Trần Dư ở huyện Nam Bì, liền phong cho Trần Dư ba huyện ở gần Nam Bì và đưa Triệu Vương là Yết đi làm Vua ở đất Đại. :

Trương Nhĩ về nước của mình, Trần Dư càng nổi giận nói: -Trương Nhĩ và ta công lao như nhau, nay Trương Nhĩ làm vua, mà một mình ta làm hầu, như thế là Hạng Vũ không công bình! Đến khi vua Tề là Điền Vinh phản lại nước Sở, Trần Dư bèn sai Hạ Duyệt đến nói với Điền Vinh: -Hạng Vũ là người cầm đầu thiên hạ nhưng không công bình, phong các tướng của mình ở những nơi tốt, còn dời vua cũ thì đi làm vua ở nơi đất xấu. Nay vua Triệu lại ở đất Đại, xin nhà vua cho tôi quân, tôi xin lấy huyện Nam Bì để làm hàng rào che chở cho nhà vua.

Điền Vinh muốn lập bê đảng ở Triệu để phản lại Sở bèn sai đem binh cho Trần Dư. Trần Dư nhân đây đem tất cả quân ba huyện đánh úp Thường Sơn Vương Trương Nhĩ.

Trương Nhĩ bị thua bỏ chạy nhận thấy trong số chur hầu không thể theo ai, nói: -Hán Vương và ta là chỗ quen biết cũ, còn Hạng Vũ thì mạnh và lập ta [*Trương Nhĩ lưỡng lự không biết nên theo Hán Vương là nơi quan biết cũ, hay theo Hạng Vũ.*], ta muốn theo Sở.

Cam Công nói: -Hán Vương vào Quan Trung, năm ngôi sao tụ tập ở Đông Tinh, Đông Tinh là phần của Tần [*Theo chiêm tinh cổ, bầu trời chia ra những khu vực khác nhau, mỗi khu ứng với một nước.*] ai đến trước thì làm bá. Sở tuy mạnh nhưng đến sau thì thế nào cũng phải thuộc về Hán!

Vì vậy Trương Nhĩ chạy về với Hán Vương, Hán Vương cũng quay về bình định Tam Tần, đang vây Chương Hàm ở Phế Khâu. Trương Nhĩ yết kiến Hán Vương, Hán Vương hậu đãi Trương Nhĩ. Sau khi đã đánh bại Trương Nhĩ, Trần Dư bèn thu lại đất Triệu, đón Triệu Vương ở Đại về làm Triệu Vương như cũ. Để tỏ lòng biết ơn Trần Dư, Triệu Vương lập Dư làm vương đất Đại: Trần Dư cho Triệu Vương yếu, nước Triệu lại mới bình định nên không về nước của mình ở lại giúp Triệu Vương, và sai Hạ Duyệt làm

tướng quốc giữ đất Đại. Năm thứ hai nhà Hán, Hán Vương đi về hướng Đông đánh Sở, sai sứ giả nói với Triệu, muốn cùng Triệu đi về

Đông, Trần Du nói: -Hán Vương có giết Trương Nhĩ thì tôi mới theo.

Hán Vương bèn tìm người giống Trương Nhĩ, chém và mang đầu đưa đến cho Trần Du. Trần Du bèn đem binh giúp Hán. Quân Hán bị thua to ở phía Tây Bành Thành, Trần Du lại biết tin Trương Nhĩ chưa chết nên phản lại nhà Hán.

Năm thứ ba, sau khi Hàn Tín đã bình định đất Ngụy, Hán Vương sai Trương Nhĩ và Hàn Tín đánh phá đất Tỉnh Hình của Triệu, chém Trần Du ở trên sông Chi Thủy, đuổi giết Triệu Vương Yết ở Tương Quốc. Hán Vương lập Trương Nhĩ làm Triệu Vương.

Năm thứ năm nhà Hán, Trương Nhĩ chết, được tặng tên thụy là Cảnh Vương. Con là Trương Ngao nổi nghiệp, được lập làm Triệu Vương. Người con gái đầu của Cao Tổ là công chúa Lỗ Nguyên làm hoàng hậu của Triệu Vương Trương Ngao.

Năm thứ bảy nhà Hán, Cao Tổ từ Bành Thành đi qua Triệu. Triệu Vương sáng chiều cuốn bao tay lên, tự đưa đồ ăn cho nhà vua, rất cung kính, theo lễ của hàng con rể. Cao Tổ ngồi xồm mắng nhiếc, hết sức ngạo mạn khinh thường

Triệu Vương. Bọn tướng quốc nước Triệu là Quán Cao, Triệu Ngộ, hơn sáu mươi người là khách của Trương Nhĩ, vốn bình sinh là người chuộng khí tiết bèn nổi giận, nói: -Vua chúng ta là ông vua nhu nhược!

Họ nói với nhà vua: -Những kẻ hào kiệt trong thiên hạ đều cùng nổi lên, ai có tài thì được lập trước, nay nhà vua thờ Cao Tổ rất cung kính mà Cao Tổ lại rất vô lễ, chúng tôi xin vì nhà vua mà giết Cao Tổ? Trương Ngao cắn ngón tay chảy máu, nói: -Tại sao các ông lại nói điều càn rỡ như vậy? Cha tôi trước mất nước, nhờ Cao Tổ nên được trở về nước của mình, ơn đức còn lại đến con cháu, tất cả chân tơ kẽ tóc đều nhờ sức của Cao Tổ. Xin các ông đừng có mở miệng nữa.

Bọn Quán Cao, Triệu Ngộ hơn mười người đều bảo nhau: -Thế là chúng ta trái! Vua chúng ta là người trung hậu không phản bội ơn đức. Nhưng bọn chúng ta nghĩa không chịu nhục, nay chúng ta giận Cao Tổ làm nhục vua chúng ta, cho nên mới giết ông ta, tại sao chúng ta lại làm như bán đến nhà vua? Nếu như việc thành, chúng ta sẽ về với nhà vua, còn việc bại thì sẽ một mình chúng ta chịu mà thôi.

Năm thứ năm nhà Hán, Cao Tổ đi từ Đông Viên về, ghé qua nước Triệu. Bọn Quán Cao đặt người ở huyện Bách Nhân ở tường nhà xí muốn để rình giết. Cao Tổ đi qua muốn nghỉ lại, nhưng chợt dạ hỏi: -Huyện này tên gì?

-Huyện Bách Nhân.

Cao Tổ nói: -Bách Nhân tức là bị người ta bức bách.

Vì vậy Cao Tổ không ở lại mà đi ngay.

Năm thứ chín, một nhà có thù oán với Quán Cao biết mưu ấy bèn tâu lên. Nhà vua bắt tất cả bọn Triệu Vương, Quán Cao.

Hơn mười người đều tranh nhau tự đâm cổ chết. Quán Cao một mình nổi giận mắng họ: -Ai bảo các ông làm điều đó? Nay nhà vua thật không có liên quan gì, nhưng vẫn bị bắt, nếu các ông đều chết thì lấy ai để nói rằng nhà vua không làm phản. Bèn lên xe có ván che kín bốn phía cùng nhà vua đến Trường An. Cao Tổ trị tội Trương Ngao. Chiếu của nhà vua đưa ra nói: -Bây tôi tân khách nước Triệu, ai dám theo nhà vua đều bị giết cả họ.

Bọn Quán Cao cùng người khách Mạnh Thư hơn mười người đều tự gọt đầu, xiềng cổ, làm nô lệ của nhà Triệu Vương, đi theo đến kinh đô. Quán Cao đến, khai rằng: -Chỉ một mình tôi làm điều đó, nhà vua thực không biết gì.

Viên lại quất mấy nghìn roi, nung sắt dùi vào thịt, thân hình Quán Cao không có chỗ nào lành, nhưng Quán Cao vẫn không nói khác. Lữ Hậu mấy lần nói Trương Vương lấy Lỗ Nguyên công chúa chắc không làm việc đó.

Nhà vua nổi giận nói: -Nếu Trương Ngao lấy được thiên hạ thì nó chê con gái của bà sao?

Nhà vua không nghe. Quan đình úy đem việc Quán Cao tâu lên. Nhà vua nói: -Đó là tráng sĩ? Có ai biết hẳn thì lấy tình riêng mà hỏi xem.

Tiết Công làm trung đại phu nói: -Nó là người cùng ấp với tôi, tôi vốn biết nó, đó là người trọng danh tiếng và tiết nghĩa của nước Triệu, không làm trái điều đã hứa.

Nhà vua sai Tiết Công cầm cờ tiết đến hỏi Quán Cao ở trước cái xe bằng tre. Quán Cao ngẩng đầu lên nói: -Tiết Công đây à?

Tiết Công an ủi Quán Cao vui vẻ như lúc bình sinh. Tiết Công nói chuyện với Quán Cao, hỏi Trương Vương quả thực có dự vào vụ ấy không. Quán Cao nói: -Nhân tình ai lại không yêu cha mẹ vợ con của mình? Nay ba họ của tôi đều bị khép vào tội chết, tôi há vì nhà vua mà coi thường cha mẹ của tôi sao! Nhưng nhà vua thật không làm phản, chỉ có một mình bọn chúng tôi làm mà thôi.

Quán Cao kể lại đầu đuôi đó là ý của mình, nhà vua không biết gì về việc ấy. Tiết Công vào báo lại tất cả. Cao Tổ bèn tha Triệu Vương, Cao Tổ khen Quán Cao là người hiền biết trọng lời mình đã hứa, sai Tiết Công nói đầu đuôi với

Quán Cao: -Trương Vương được thả ra, nhân đây tha cho Quán Cao.

Quán Cao mừng rỡ nói: -Vua tôi được ra à?

Tiết Công nói: -Phải.

Tiết Công nói: -Hoàng đế khen túc hạ cho nên tha túc hạ!

Quán Cao nói: -Tôi sợ dĩ không liều chết cái thân tàn này là chỉ vì muốn chứng tỏ Trương Vương không làm phản. Nay nhà vua được ra, chức trách của tôi đã trọn, tôi chết không oán hận. Và chẳng, làm tôi mà mang lấy cái tiếng giết vua thì còn mặt mũi nào mà thờ hoàng đế nữa. Dù cho hoàng đế không giết tôi thì tôi chẳng thẹn trong lòng mình hay sao?

Bèn ngẩng đầu lên thốt cổ mà chết. Trong thời bấy giờ, danh tiếng Quán Cao vang dội khắp thiên hạ.

Trương Ngao sau khi được ra, nhờ lấy Lỗ Nguyên nên được phong làm Tuyên Bình Hầu. Cao Tổ khen những người khách tự xiềng cổ làm nô lệ theo Trương Vương vào Quan Trung là những người hiền, nên đều cho làm tướng quốc của chư hầu, hay quan thú ở các quận. Đến thời Hiếu Huệ, Cao Hậu, Văn Đế, Hiếu Cảnh con cháu những người khách của Trương Vương đều được làm quan lương hai nghìn thạch. Trương Ngao chết năm thứ sáu thời Cao Hậu. Người con là Yên nhờ mẹ là con gái Lữ Hậu cho nên được Lữ Hậu phong làm Lỗ Nguyên Vương. Nguyên Vương yếu đuối, anh em ít. Lữ Hậu lại phong hai người anh em cùng cha khác mẹ của Trương Ngao là Trương Thọ làm Nhạc Xương Hầu. Trương Xi làm Tín Đô Hầu. Khi Cao Hậu mất, họ Lữ vô đạo, các quan đại thần giết họ Lữ, phế truất Lỗ Nguyên Vương, cùng Nhạc Xương Hầu và Tín Đô Hầu. Khi Hiếu Văn Đế lên ngôi lại phong Trương Yên trước là Lỗ Nguyên Vương, làm Nam Cung Hầu để nối dõi họ Trương.

Thái sử công nói: -Người đời khen Trương Nhĩ, Trần Dư là người hiền.

Tân khách tở của họ đều là những bậc tuấn kiệt trong thiên hạ, đến ở nước nào cũng đều làm khanh tướng. Tuy vậy, Trương Nhĩ, Trần Dư khi còn nghèo hèn thì tin nhau, không coi cái chết vào đâu. Đến khi giữ nước tranh quyền, rốt cục lại giết lẫn nhau. Tại sao trước kia yêu nhau thành thật mà sau đây lại phản nhau ác liệt như vậy? Há chẳng phải vì lợi sao? Danh dự tuy cao, tân khách tuy đông, nhưng con đường họ đi thì sai, so với Thái Bá và Quý Tử ở Diên Lăng [*Thái Bá và Ngụ Trọng là con vua Thái Vương. Thái Vương muốn lập Quý Lịch làm vua. Thái Bá biết ý sang Kinh Man để nhường ngôi cho em, Ngụ Trọng cũng theo anh đến đây. Thái Vương lập người con thứ ba là Quý Lịch làm vua. Người Kinh Man lập Thái Bá làm vua tức Ngô Thái Bá. Quý Lịch là cha của Văn Vương nhà Chu. Quý Tử tức Quý Trát thời Xuân Thu. Quý Trát là con út của vua Ngô Thọ Mộng. Thọ Mộng thấy Quý Trát là người hiền, muốn lập làm thái tử. Quý Trát không nghe.*] thì khác hẳn.

[34]
KINH BỐ liệt truyện

Đoạn: [1](#), [2](#), [3](#), [4](#), [5](#)

1.

Kình Bô [*Tên là Anh Bô, nhưng bị chạm (Kình) vào mặt cho nên gọi là Kình Bô. Lời nói này ngụ ý chê bai.*] người huyện Lục, họ Anh. Thời Tần, Bô làm người áo vải. Lúc còn nhỏ, có người khách xem tướng Bô, nói: -Anh sẽ bị hình phạt rồi làm vương.

Đến khi lớn bị tội. Kình Bô hớn hờ cười và nói: -Có người xem tướng tôi bảo tội bị hình phạt, rồi làm vương, có lẽ thế chăng?

Những người nghe nói vậy đều cười Bô.

Bô bị tội đày đi Ly Sơn. Những người đi đày ở Ly Sơn có mấy chục vạn. Bô giao kết với những người cầm đầu trong đám tù bị đày và những người hào kiệt. Sau đó Bô cầm đầu bè lũ trốn trên sông Dương Tử làm thành một toán cướp.

2.

Khi Trần Thắng nổi lên, Bồ yết kiến Phiên Quân [[Xem Hạng Vũ bản kỷ](#)] cùng đồ đảng của mình phản lại nhà Tần, số binh sĩ tụ tập lên đến mấy nghìn. Phiên Quân bèn gả con gái cho Bồ. Khi Chương Hàm diệt Trần Thắng, phá tan quân của Lữ Thần thì Bồ đem binh về phía Bắc quấy rối hai cánh quân tả và hữu của quân Tần, phá quân Tần ở Thanh Ba rồi đem quân đi về hướng Đông.

Nghe nói Hạng Lương đã bình định được Giang Đông, Cối Kê, Bồ bèn vượt qua Trường Giang đi về hướng Tây. Trần Anh cho họ Hạng đòi đòi làm tướng nước Sở, liền đem binh của mình thuộc vào Hạng Lương, đem quân vượt phía Nam sông Hoài. Anh Bồ, Bồ tướng quân cũng đem quân của mình theo Hạng Lương. Hạng Lương vượt qua sông Hoài đi về hướng Tây, đánh bọn Cảnh Câu, Tần Gia. Bồ thường cầm những toán quân đi trước.

Hạng Lương đến đất Tiệt nghe tin Trần Vương đã chết, bèn lập Sở Hoài Vương. Hạng Lương hiệu là Vũ Tín Quân, Anh Bồ làm Đương Dương Quân. Hạng Lương bại trận chết ở Định Đào, Hoài Vương dời đô đến Bành Thành. Anh Bồ và các tướng đều giữ Bành Thành. Lúc bấy giờ, Tần vây Triệu rất gấp. Triệu mấy lần sai người đến xin cứu viện. Hoài Vương sai Tống Nghĩa làm thượng tướng quân, Phạm Tăng làm mặt tướng, Hạng Tịch làm thứ tướng, Anh Bồ và Bồ tướng quân đều làm tướng quân, tất cả đều ở dưới quyền Tống Nghĩa, đem quân về hướng Bắc để cứu Triệu. Đến khi Hạng Tịch giết Tống Nghĩa trên sông Hoàng Hà, Hoài Vương nhân đây cho Tịch làm thượng tướng quân. Các tướng đều ở dưới quyền Hạng Tịch. Hạng Tịch sai Bồ vượt Hoàng Hà để đánh quân Tần. Bồ đánh thắng mấy lần, Tịch bèn đem tất cả binh sĩ qua Hoàng Hà. Sau đó Tịch phá quân Tần, bắt bọn Chương Hàm phải đầu hàng. Binh Sở đánh thắng luôn, công cao nhất trong chư hầu. Quân của chư hầu đều phục và theo Sở, đó là nhờ Bồ mấy lần với một số quân ít đánh bại một kẻ địch đông. Hạng Tịch đem binh về hướng Tây, đến Tây An, lại sai bọn Bồ đang đêm đánh và chôn sống hai mươi vạn binh của Chương Hàm. Tịch đến cửa Hàm Cốc không vào được, lại sai bọn Bồ đi trước theo con đường tắt đánh phá quân ở cửa ải. Tịch bèn vào ải đi đến Hàm Dương. Bồ thường làm tiên phong.

3.

Hạng Vương phong các tướng, cho Bồ làm Cửu Giang Vương, đóng đô ở Lục. Năm thứ nhất nhà Hán thán gư, chư hầu đều bãi binh, ai nấy về nước của mình. Họ Hạng lập Hoài Vương làm Nghĩa Đế, dời đô đến Trường Sa, lại ngầm ra lệnh cho Cửu Giang Vương là Bồ đánh Nghĩa Đế trên đường đi. Tháng tám năm ấy, Bồ sai tướng đánh Nghĩa Đế, đuổi theo Nghĩa Đế và giết ở Sâm Huyện. Năm thứ hai nhà Hán, vua Tề là Điền Vinh làm phản, Sở Hạng Vương đến đánh nước Tề, đòi Cửu Giang Vương đem binh đến giúp. Cửu Giang Vương Bồ cáo bệnh không đến, sai viên tướng đem mấy ngàn quân đi. Khi quân Hán bị thua ở Bành Thành, Bồ lại cáo bệnh không giúp Sở. Vì vậy Hạng Vương giận Bồ. Mấy lần sai sứ giả trách Bồ, mời Bồ đến, Bồ càng sợ không dám đến.

Hạng Vương bấy giờ phía Bắc đang lo về các nước Tề, Triệu, phía Tây lo về Hán, người theo chỉ có một mình Cửu Giang Vương. Hạng Vương lại quý cái tài của Bồ, nên muốn hậu đãi Bồ, vì vậy chưa đánh. Năm thứ ba nhà Hán, Hán Vương đánh Sở, đại chiến ở Bành Thành. Đánh thua, Hán Vương ra khỏi đất Lương, đến thành Ngu nói với các quan hầu: -Không thể bàn kế thiên hạ với bọn bay được.

Tùy Hà làm yết giả tiến lên nói: -Không hiểu bệ hạ muốn nói gì?

Hán Vương nói: -Ai có thể vì ta đi sứ Hoài Nam khiến cho Hoài Nam đem binh phản lại Sở, giữ Hạng Vương ở Tề vài tháng, thì chắc chắn thế nào ta cũng lấy được thiên hạ.

Tùy Hà nói: -Tôi xin đi.

Tùy Hà bèn cùng hai mươi người đi sứ Hoài Nam. Khi đến đấy, quan thái tử cho ở trong nhà, nhưng đợi ba ngày vẫn không được yết kiến. Tùy Hà nhân nói với quan thái tử: -Nhà vua không tiếp tôi, chắc hẳn vì cho Sở mạnh mà Hán yếu. Tôi sợ dĩ phải đi sứ chính là vì việc ấy đấy. Ông hãy cho Hà này được yết kiến. Nếu lời nói mà phải, thì đó là điều đại vương muốn nghe, còn lời nói không phải thì cứ bắt bọn Hà hai mươi người chịu tội búa rìu ở chợ Hoài Nam để chứng tỏ đại vương chống lại Hán mà theo Sở.

Thái tử bèn nói với Hoài Nam Vương. Vương tiếp Tùy Hà.

Tùy Hà nói: -Hán Vương sai tôi kính dâng thư cho đại vương. Tôi trộm lấy làm lạ tại sao đại vương vẫn thân thiết với Sở như thế.

Hoài Nam Vương nói: -Quả nhân quay mặt về hướng Bắc thờ Hạng Vương như tôi thờ vua.

Tùy Hà nói: -Đại vương với Hạng Vương địa vị đều là chư hầu như nhau. Đại vương quay mặt về hướng Bắc thờ ông ta thì chắc hẳn vì cho rằng nước Sở mạnh có thể gửi nước của mình. Hạng Vương đánh Tề, thân hành mang ván mang chày để làm gương cho binh sĩ, đáng lý đại vương phải đem

tất cả dân chúng Hoài Nam, thân hành làm tướng cầm đầu họ để làm đội tiên phong cho quân Sở, thế mà đại vương lại chỉ phái bốn ngàn người giúp Sở. Ngoảnh mặt về hướng Bắc thờ người ta mà lại làm như thế à? Khi Hán Vương đánh ở Bành Thành, Hạng Vương chưa ra khỏi nước Tề, đáng lý đại vương phải vét tất cả binh Hoài Nam vượt qua sông Hoài, ngày đêm cùng chiến đấu ở gần Bành Thành mới phải, thế mà đại vương lại giữ đạo quân một vạn người không cho một người nào vượt qua sông Hoài, ngồi yên khoanh tay đợi xem ai thắng. Gửi nước mình vào người ta mà lại làm như thế à? Đại vương chỉ có cái tiếng suông là theo Sở mà lại muốn được hậu đãi. Tôi trộm cho làm như thế là không phải. Nhưng sở dĩ đại vương không phản lại Sở là vì đại vương cho rằng Hán yếu. Kể ra binh Sở mạnh đấy, nhưng bị thiên hạ đổ cho cái tiếng là bất nghĩa, vì Sở đã phản lại điều giao ước và giết Nghĩa Đế. Sở Vương cậy mình đánh thắng cho là mình mạnh. Hán Vương tập hợp chư hầu, quay về giữ Thành Cao, Huỳnh Dương, đem thóc lúa từ đất Thục, đất Hán xuống, đào hào sâu, đắp thành chắc, chia binh sĩ giữ các nơi, canh phòng ở biên giới. Quân Sở muốn về thì phải đi qua đất Lương, đi sâu vào nước địch tám, chín trăm dặm, muốn đánh không được, muốn lấy thành thì không đủ sức. Người già, kẻ yếu phải lo chuyên chở lương thực ở ngoài ngàn dặm. Quân Sở đến Huỳnh Dương, Thành Cao, quân Hán giữ vững thành không làm gì. Quân Sở tiến không được, rút lui thì không thể ra khỏi. Cho nên nói quân Sở không đáng sợ. Nếu như Sở thắng Hán thì chư hầu sẽ cảm thấy nguy đến mình, họ đều sợ mà cứu nhau. Cái mạnh của Sở chỉ tổ làm cho quân của thiên hạ đến đánh mà thôi, cho nên Sở không bằng Hán, cái thế rất dễ thấy. Nay đại vương lại không theo Hán vạn toàn mà tự gửi thân vào Sở trong cảnh bị nguy vong, tôi trộm cho đại vương làm như vậy là lầm. Không phải tôi nói quân của Hoài Nam có thể tiêu diệt được Sở đâu! Nếu đại vương cử quân đánh lại Sở thì Hán Vương có thể lấy thiên hạ một cách chắc chắn. Tôi xin cùng đại vương cầm kiếm về với Hán. Hán Vương thế nào cũng cắt đất phong cho đại vương, chứ không phải chỉ có đất Hoài Nam. Đất Hoài Nam dĩ nhiên là của đại vương rồi. Hán Vương kính sai tôi đem ngu kế đại nói với đại vương, xin đại vương lưu ý.

Hoài Nam Vương nói: -Xin vâng mệnh.

Hoài Nam Vương ngầm theo Hán, phản lại Sở nhưng chưa dám tiết lộ. Bấy giờ sứ giả của Sở ở đây giục Anh Bố đem binh giúp Sở, còn nghỉ ở tại trạm xá. Tỳ Hà đi thẳng vào ngồi ở trên ghế sứ giả nước Sở và nói: -Cửu Giang Vương đã theo Hán? Sở còn muốn bảo ông ta đem quân đi thế nào được?

Bố hoảng sợ, sứ giả nước Sở đứng dậy. Hà nhân nói với Bố: -Việc đã đến thế này, nên giết sứ giả nước Sở chớ để cho về, và phải mau mau hợp

lực với Hán.

Bố nói: -Xin vâng theo lời dạy của sứ giả đem binh đánh Sở.

Bố bèn giết sứ giả rồi đem binh đánh Sở. Sở sai Hạng Thanh, Long Thu đánh Hoài Nam. Hạng Vương ở lại Tề đánh Hạ Ấp. Sau mấy tháng, Long Thu đánh Hoài Nam, đánh bại quân của Bố. Bố muốn đem quân bỏ chạy về với Hán Vương, nhưng sợ vua Sở giết, nên lên đi cùng với Tùỳ Hà về Hán. Hoài Nam Vương đến, nhà vua đang ngồi xỏm trên giường rửa chân, gọi Bố vào yết kiến. Bố cả giận, hồi hận, muốn tự sát. Bố đi ra, về đến nhà mình thì màn trướng, đồ ăn uống, các quan hầu đến như chỗ Hán Vương ở. Bố lại cả mừng vì được quá điều mình mong ước.

4.

Bố bèn sai người vào Cửu Giang. Bấy giờ Sở đã sai Hạng Bá thu binh sĩ Cửu Giang, giết tất cả vợ con Bố. Tuy vậy sứ giả của Bố vẫn thu thập được những người quen biết cũ và những bày tôi trước kia được yêu quý, đem mấy nghìn người quay về với Hán. Hán Vương cho Bố thêm quân và cùng Bố đi về hướng Bắc đến Thành Cao. Tháng bảy, năm thứ tư, Hán Vương lập Bố làm Hoài Nam Vương cùng Bố đánh Hạng Tịch. Năm thứ năm, Bố sai người vào Cửu Giang lấy được mấy huyện. Năm thứ sáu, Bố và Lưu Giả vào Cửu Giang dụ đại tư mã của Sở là Chu Ân. Chu Ân phản lại Sở, đem quân của Cửu Giang cùng Hán đánh quân Sở thua to ở Cai Hạ.

Hạng Tịch chết, thiên hạ bình định xong, nhà vua đặt tiệc rượu, coi thưởng công lao của Tỳ Hà, gọi Tỳ Hà là hủ nho "bọn hủ nho không có ích gì cho thiên hạ". Tỳ Hà quý xuồng nói: -Khi bệ hạ đem quân đánh Bành Thành, vua Sở chưa rời khỏi Tề, bệ hạ đem năm vạn bộ binh, năm nghìn quân kỵ đi có lấy được Hoài Nam không?

Nhà vua nói: -Không lấy được.

Tỳ Hà nói: -Bệ hạ sai Hà cùng hai mươi người đi sứ Hoài Nam, đến làm được đúng ý muốn của bệ hạ, như thế tức là công của Hà hơn năm vạn bộ binh, năm nghìn quân kỵ. Tại sao bệ hạ lại bảo Hà là "hủ nho không có ích lợi gì cho thiên hạ".

Nhà vua nói: -Ta đang tính đến công lao của nhà ngươi đây.

Bèn cho Tỳ Hà làm hộ quân trung úy và Bố được cấp phù làm Hoài Nam Vương, đóng đô ở Lục. Các quận Cửu Giang, Lư Giang, Hành Sơn, Dự Chương đều thuộc Bố.

Năm thứ bảy, Bố vào chầu vua Hán. Năm thứ tám chầu ở Lạc Dương. Năm thứ chín chầu ở Trường An. Năm thứ mười một, Cao Hậu giết Hoài Âm Hầu. Bố do đó trong lòng lo sợ. Mùa hạ, nhà Hán giết Lương Vương là Bành Việt, muối thịt ông ta rồi phân phát cho tất cả chư hầu. Khi người đem thịt muối đến Hoài Nam thì Hoài Nam Vương đang đi săn. Hoài Nam Vương thấy thịt muối thì sợ quá, sai bộ hạ tập hợp binh sĩ chờ khi các quận bên cạnh có việc nguy cấp.

Người thiếp Bố yêu quý mắc bệnh, xin đến nhà thầy thuốc điều trị. Nhà thầy thuốc đối diện với nhà quan trung đại phu Bồn Hách. Người thiếp mấy lần đến nhà thầy thuốc, Bồn Hách thân hành theo hầu. Bồn Hách tặng nhiều lễ vật và cùng người thiếp ăn uống ở nhà thầy thuốc. Khi về nhà, người thiếp nhân lúc nhàn rỗi thường cứ khen ngợi Bồn Hách là người trung hậu. Vương giận nói: -Mày làm sao mà biết được?

Người thiếp kể lại tất cả tình hình. Vương nghi ngờ người thiếp của mình tư thông với Hách. Hách sợ cáo bệnh. Vương càng giận, muốn bắt

Hách. Hách nói có việc biến cố lên xe trạm đi Trường An. BỐ sai người đuổi theo nhưng không kịp. Hách đến Trường An báo với nhà vua rằng BỐ đã có mưu mông mưu phản và phải giết trước khi BỐ khởi sự.

Nhà vua đọc thư của Hách, bàn với tướng quốc Tiêu Hà. Tướng quốc nói: -BỐ chưa chắc đã làm điều đó. Tôi sợ đó là do thù oán vu oan, xin trối Hách lại và sai sứ giả dò xét Hoài Nam Vương.

Hoài Nam Vương Kinh BỐ thấy Hách có tội bỏ trốn đi báo có việc nguy biến, cho nên đã ngờ sẵn sàng Hách báo những việc bí mật quốc gia. Lại thấy sứ giả của Hán đến có vẻ dò xét mình, bèn giết cả nhà Hách, đem binh làm phản. Khi thư báo có tin BỐ làm phản đưa lên, nhà vua bèn tha BỐ Hách, cho làm tướng quân. Nhà vua triệu các tướng nói: -BỐ làm phản, bây giờ nên làm như thế nào?

Mọi người đều nói: -Chỉ có cách đem binh đánh hấn, chôn sống thẳng nhãi ấy đi mà thôi. Hấn làm nên trò trống gì?

Nhữ Âm Hầu là Đàng Công mời viên lệnh doãn trước kia của Sở đến hỏi. Viên lệnh doãn nói: -Cố nhiên là phải làm phản.

Đàng Công nói: -Nhà vua cắt đất phong ông ta làm vương, chia tước làm cho ông ta sang, ông ta ngoảnh mặt về hướng Nam mà đứng, làm vị vua có vạn cỗ xe, tại sao lại làm phản?

Lệnh doãn nói: -Năm vừa rồi giết Bành Việt, năm ngoái giết Hàn Tín. Ba người này là một, công lao như nhau, ông ta nghi tai họa sẽ đến thân, cho nên làm phản đấy thôi.

Đàng Công nói với nhà vua: -Người khách của tôi là Tiết Công trước đây làm lệnh doãn nước Sở có nghĩ ra một kế. Xin bệ hạ hỏi ông ta.

Nhà vua bèn mời vào yết kiến, hỏi Tiết Công. Tiết Công đáp: -Việc BỐ làm phản không có gì đáng lạ, nhưng nếu BỐ theo cái kế hay nhất thì đất Sơn Đông sẽ không phải là của nhà Hán, nếu hấn theo cái kế vừa thì việc thắng hay bại chưa có thể biết, còn hấn theo cái kế kém thì bệ hạ có thể gói đầu lên gói mà nằm.

Nhà vua hỏi: -Thế nào gọi là kế hay nhất?

Tiết Công đáp: -Phía Đông lấy đất Ngô, phía Tây lấy đất Sở, thôn tính đất Tề, lấy đất Lỗ, truyền hịch cho các nước Yên, Triệu, cố thủ ở chỗ của mình. Như thế thì đất Sơn Đông sẽ không phải là của nhà Hán.

-Thế nào là kế hay vừa?

-Phía Đông lấy Ngô, phía Tây lấy Sở, thôn tính Hán lấy Ngụy, giữ lúa ở Ngao Thương, chặn cửa Thành Cao, như thế thì ai thắng ai bại chưa có thể biết được.

-Thế nào gọi là kế kém?

-Phía Đông lấy Ngô, phía Tây lấy Hạ Thái, chú trọng về phía Việt, tự

mình về Trường Sa. Như thế bệ hạ có thể gói đầu mà nằm. Nhà Hán vô sự!

Nhà vua nói: -Hắn sẽ theo kế nào?

Lệnh doãn đáp: -Sẽ theo cái kế kém.

-Tại sao lại bảo hắn bỏ cái kế hay nhất và kế vừa mà lại theo cái kế kém?

Lệnh doãn nói: -Bố vốn là một người bị đày ở Ly Sơn, tự mình làm nên ông vua có vạn cỗ xe. Điều đó đều do chỗ hắn chỉ nghĩ đến thân hắn mà không nghĩ đến trăm họ và vạn đời sau này. Vì vậy cho nên hắn sẽ theo cái kế kém.

Nhà vua nói: -Phải lắm?

Bèn cấp cho Tiết Công một ngàn hộ làm đất phong và lập hoàng tử Trường làm Hoài Nam Vương. Nhà vua bèn đem quân, tự mình làm tướng đi về hướng Đông đánh Bồ. Lúc đầu, Bồ làm phản, nói với viên tướng của mình: -Nhà vua già rồi, chán việc binh, thế nào cũng không thể đến mà sai các tướng. Trong các tướng ta chỉ ngại có Hoài Âm Hầu và Bành Việt mà thôi, nay hai người này đã chết, ngoài ra không ai đáng sợ.

Cho nên Bồ làm phản. Đúng như Tiết Công đã trù tính. Bồ phía Đông đánh Kinh. Kinh Vương Lưu Giả bỏ chạy, chết ở Phù Lăng. Bồ cướp tất cả binh của đất Kinh, vượt qua sông Hoài đánh Sở, Sở đem binh đánh nhau với Bồ, đánh ở giữa huyện Từ và huyện Đông, Sở chia làm ba đạo quân, muốn để cứu lẫn nhau, cho là hay. Có người nói với tướng Sở: -Bồ thạo về việc dùng binh, dân vốn sợ Bồ. Và lại, theo Binh pháp nói: "Khi nào chur hầu đánh ở đất mình thì có nguy cơ bị đánh tan" [*Binh sĩ dễ tan vì nhớ nhà.*]. Nay ông lại tách ra làm ba cánh quân, nếu nó đánh bại một cánh quân của ta, thì hai cánh quân kia đều bỏ chạy, làm sao có thể cứu nhau được?

Viên tướng Sở không nghe. Quả nhiên thấy Bồ đánh tan một cánh quân, hai cánh quân kia đều bỏ chạy toán loạn. Bồ bèn đi về hướng Tây gặp quân của nhà vua ở Tuy phía Tây thành Kỳ. Quân Bồ rất tinh nhuệ. Nhà vua bèn xây thành lũy tại Dung Thành, trông thấy quân của Bồ dàn trận như quân của Hạng Tịch. Nhà vua căm ghét, nhà vua và Bồ nhìn thấy nhau, nhà vua từ xa gọi: -Nhà ngươi khổ cực gì mà lại làm phản?

Bồ nói: -Ta muốn làm hoàng đế đó thôi.

Nhà vua nổi giận mắng Bồ. Trận chiến đấu lớn diễn ra. Quân Bồ thua, bỏ chạy, vượt qua sông Hoài. Mấy lần quân Bồ dừng lại đánh nhưng không lợi. Bồ cùng hơn trăm người chạy đến Giang Nam. Bồ vốn là bà con bên vợ với Phiên Quân cho nên Ai Vương làm Trường Sa Vương sai người giả vờ cùng chạy trốn với Bồ và dụ Bồ chạy vào đất Việt. Bồ tin theo, vào Phiên Dương. Người Phiên Dương giết Bồ ở cái nhà trong đồng quê.

Nhà vua bèn diệt Kinh Bồ lập hoàng tử Trường làm Hoài Nam Vương, phong Bồn Hách làm Kỳ Tư Hầu, các tướng phân lớn được phong tùy theo

công lao của mình.

5.

Thái sử công nói:

Tổ tiên của Anh Bố phải chăng là người họ Anh ở nước Lự, con cháu của Cao Giao đã bị quân Sở diệt từ thời Xuân Thu? Thân mình bị hình phạt nhưng tại sao lại nổi lên nhanh như vậy? Họ Hạng chôn sống và giết người hàng ngàn, hàng vạn và Bố thường là người bày đầu những việc bạo ngược ấy. Công Bố cao nhất trong chư hầu. Nhờ cách đó, Bố được làm vương, nhưng cũng không khỏi chết, bị đời mắng nhiếc. Tất cả tai họa sinh ra từ người thiếp yêu. Cái ghen gây nên tai họa, cuối cùng đưa đến chỗ nước bị tiêu diệt.

,[35] HOÀI ÂM HẦU liệt truyện

- [1. Thời hàn vi của Hàn Tín](#)
- [2. Được phong thưởng tướng quân](#)
- [3. Đánh lấy các nước Ngụy, Triệu, Yên](#)
- [4. Đánh lấy Tề, đánh bại quân Sở](#)
- [5. Không nghe theo lời Vũ Thiệp, Khoái Thông](#)
- [6. Hai lần bị vu làm phản, bị giáng chức rồi bị giết](#)
- [7. Lời bàn](#)

1. Thời hàn vi của Hàn Tín

Hoài Âm Hầu Hàn Tín là người huyện Hoài Âm. Khi còn hàn vi, nhà nghèo, tài năng đức hạnh không có gì để được cử làm quan, lại không biết lo công việc làm ăn buôn bán. Thường theo người ta ăn bám, nhiều người chán ghét. Tín thường ăn bám ở nhà đình trưởng đình Nam Xương làng Hạ Hương. Được mấy tháng, người vợ của đình trưởng lo phiền, bèn nấu cơm từ sáng ngồi trên giường mà ăn. Đang lúc ăn thì Tín đến, họ không để Tín cùng ăn. Tín cũng biết ý họ, nổi giận tuyệt giao ra đi. Tín câu cá ở dưới thành, trong số những người đàn bà đập vải, có một bà thấy Tín đói, cho Tín ăn cơm suốt mấy mươi ngày cho đến khi đập vải xong. Tín mừng nói với bà: - Thế nào tôi cũng đền ơn bà xứng đáng.

Bà ta giận nói: -Kẻ đại trượng phu không có thể nuôi nổi thân mình, tôi thương cậu nên mời ăn, chứ có phải mong cậu báo đáp đâu?

Trong số những người hàng thịt ở Hoài Âm, có một người trẻ tuổi trêu Tín nói: -Mày tuy cao lớn lại thích mang đao kiếm, nhưng trong lòng thì nhát thối.

Y làm nhục Tín trước mặt mọi người: -Tín? Mày dám chết thì hãy đâm tao, nếu không dám chết thì luồn dưới háng tao đây.

Thế là [*Ý nói với vàng.*] Tín nhìn người kia đăm đăm, cúi xuống bò qua háng. Cả chợ đều cười Tín là nhát gan.

Đến khi Hạng Lương qua sông Hoài, Tín chống gươm đi theo, ở dưới cờ chẳng có tiếng tăm gì. Hạng Vương bại trận, Tín lại theo Hạng Vũ. Hạng Vũ cho làm lang trung. Tín nhiều lần bày mưu cho Hạng Vũ, nhưng Vũ không dùng. Khi Hán Vương vào đất Thục, Tín bỏ Sở theo về Hán. Cũng không có tiếng tăm gì [*Dùng phản phúc pháp, trong một trang nhắc năm lần "không có tiếng tăm gì", khiến người đọc càng yên chí rằng Hàn bất tài.*], được làm chức liên ngao [*Liên ngao: chức coi việc tiếp tân.*]. Tín phạm tội bị xử chém, cả bè lũ mười ba người đều đã chém hết, đến lượt Tín, Tín ngẩng đầu lên nhìn, chợt thấy Đổng Công liền nói: -Nhà vua không muốn lấy thiên hạ hay sao? Tại sao chém tráng sĩ?

Đổng Công thấy lời nói kỳ lạ, dung mạo hiên ngang nên tha mà không chém.

Đổng Công cùng nói chuyện, rất hài lòng. Đổng Công nói với nhà vua, được cho làm đô úy, coi về thóc, nhưng vẫn chưa thấy có tài gì lạ.

2. Được phong làm thượng tướng quân và trình bày đường lối của mình

Tín thường nói chuyện với Tiêu Hà. Tiêu Hà rất phục. Khi vua Hán đến đất Nam Trịnh, trên đường đi, các tướng bỏ trốn đến mấy chục người. Tín xem chừng bọn Hà đã mấy lần tâu với nhà vua, nhưng nhà vua không dùng mình, cho nên bỏ trốn. Hà nghe tin Tín bỏ trốn liền thân hành theo tìm, không kịp báo cho vua biết. Có người nói với nhà vua: -Thừa tướng Tiêu Hà bỏ trốn rồi!

Nhà vua cả giận như người mất tay phải, tay trái. Được hai ngày, Tiêu Hà đến ra mắt nhà vua. Nhà vua vui mừng vừa mừng vừa giận mắng [*Một nét điển hình của tính cách Lưu Bang: hay mắng người, ăn nói suông sã.*]

Hà: -Tại sao nhà ngươi lại bỏ trốn?

Hà đáp: -Thưa thần không dám bỏ trốn, thần theo bắt người bỏ trốn đây ạ.

Nhà vua hỏi: -Nhà ngươi theo bắt ai?

Hà đáp: -Theo Hàn Tín.

Nhà vua lại mắng: -Các tướng bỏ trốn đến hàng chục, nhà ngươi không đuổi theo ai, lại đuổi theo Hàn Tín, nói láo!

Hà đáp: -Các tướng đều dễ kiếm thôi, còn như Tín là kẻ quốc sĩ [*Quốc sĩ: người kiệt xuất nhất nước.*] có một không hai. Nhà vua nếu cứ muốn làm vương mãi ở Hán Trung, thì chẳng cần Tín làm gì chứ nếu muốn tranh lấy thiên hạ thì ngoài Tín ra chẳng có thể bàn công việc với ai [*Tất cả then chốt của bài là ở câu này.*]. Chẳng hiểu nhà vua định đi theo đường nào?

Vua nói: -Ta cũng muốn sang Đông chứ lẽ nào lại bực bội ngồi ở đây mãi được ư?

Hà nói: -Nhà vua nhất định muốn sang Đông, dùng được Hàn Tín, Tín sẽ ở lại, nếu không dùng được thì Tín thế nào cũng bỏ trốn đây [*Câu nói kỳ lạ. Trong mắt Tiêu Hà phải là người có chí nguyện phi thường mới dùng được con người phi thường như Hàn Tín. Cái khó là ở Lưu Bang.*].

Nhà vua nói: -Ta sẽ vì ông, cho hẳn làm tướng.

Hà nói: -Tuy được làm tướng, Tín cũng không ở lại đâu.

Nhà vua nói: -Thì cho làm đại tướng.

Hà nói: -May lắm!

Vua bèn muốn mời Hàn Tín vào để phong. Tiêu Hà nói: -Tính nhà vua vốn ngạo mạn, vô lễ, phong một đại tướng như gọi một đứa trẻ con đến, chính vì thế mà Tín bỏ đi đấy. Nếu nhà vua quả thật muốn phong cho ông ta thì phải chọn ngày tốt, trai giới, lập đàn, bày đủ lễ mới được.

Nhà vua bằng lòng. Các tướng đều mừng, ai cũng cho rằng mình sẽ được làm đại tướng. Đến khi phong đại tướng lại là Hàn Tín, cả ba quân đều ngơ nác [*Bài Hoài Âm Hầu liệt truyện là một bài rất thành công xét về mặt*

biến hóa của câu chuyện. Từ sự kiện này sang sự kiện kia thực là đột ngột, hấp dẫn, lạ thường, như ảo mà lại là sự thực nhưng tại khó tin. Người đời sau gọi vắn của Tử Trường trùng trùng như núi, luôn luôn mới, luôn luôn lạ là vì vậy.].

Tín lay xong, lên ngôi ở trên đàn, nhà vua nói: -Thừa tướng nhiều lần nói đến tướng quân, tướng quân có kế gì để dạy bảo quả nhân?

Tín từ tạ, nhân đây hỏi nhà vua: -Nay nhà vua sang Đông tranh quyền thiên hạ, có phải là tranh với Hạng Vương không?

Hán Vương nói: -Phải.

Hàn Tín nói: -Đại vương thử xem mình với Hạng Vương, ai dũng cảm, dữ tợn, nhân từ và hùng mạnh hơn [*Tín dùng phương pháp thuyết phục của các thuyết khách đời Chiến Quốc, đặt câu hỏi để nhà vua tìm thấy sự thật.*]?

Hán Vương im lặng hồi lâu, nói: -Tôi không bằng.

Tín lay hai lay [*Ngày xưa các vua cầu hiền khi nghe lời nói hay thì phải lay. Tín lay là lay lời nói "Tôi không bằng". Tín cho đó là lời nói của bậc đế vương. Hạng Vũ trong con mắt của Hàn Tín cũng như của Tư Mã Thiên hơn hẳn Lưu Bang về cái tài cũng như về đạo đức cá nhân, nhưng kém mặt nhận thức về tình thế và không biết dùng người.*] và nói: -Tín cũng nghĩ rằng đại vương không bằng, nhưng thần đã từng thờ y, vậy xin nói Hạng Vương là người như thế nào. Hạng Vương khi hò hét, quát tháo, nghìn người đều khiếp vía, nhưng ông ta không biết tin dùng tướng tài, thì đó chẳng qua là cái dũng của kẻ thất phu mà thôi. Hạng Vương tiếp người thì cung kính, thương yêu, nói năng dịu dàng, người ta đau ốm thì chảy nước mắt khóc, cùng chia thức ăn, thức uống. Nhưng khi người ta có công đáng được phong tước thì để cho ấn khắc bị hư mòn, tiệc mà không đem cho. Như thế thì gọi là lòng nhân của đàn bà vậy. Hạng Vương tuy làm bá trong thiên hạ, các chư hầu thần phục, nhưng không ở đất Quan Trung, lại đóng đô ở Bành Thành. Hạng Vương trái lời giao ước của Nghĩa Đế phong những người thân tín của mình làm vương. Chư hầu bất bình, thấy Hạng Vương dời đuổi Nghĩa Đế đến Giang Nam nên cũng trở về đuổi chủ của mình mà tự lập làm vương ở nơi địa thế tốt. Hễ đi qua đâu Hạng Vương cũng tàn sát người ta, thiên hạ đều oán, trăm họ không gằn gỏi chỉ sợ uy mà miễn cưỡng theo đây thôi. Tiếng tuy là lớn nhưng thực ra thì mất lòng thiên hạ. Cho nên nói rằng cái mạnh của ông ta dễ làm yếu đi. Nay nếu như đại vương có thể làm trái hẳn điều ông ta đã làm, dùng những người vũ dũng trong thiên hạ thì đánh đâu mà chẳng được? Lấy thành ấp trong thiên hạ, phong cho các công thần thì ai mà chẳng theo? Lấy nghĩa binh đi theo những quan sĩ muốn về Đông thì phá chỗ nào mà chẳng tan [*Trong mấy câu tóm tắt tất cả chỗ mạnh và chỗ yếu của Hạng Vũ. Tất cả đường lối của Hàn Tín giúp Lưu Bang là ở chỗ này.*]? Và

chăng những người làm vương ở Tam Tần [*Xem [Hang Vũ bản kỷ](#): Đây nói Chương Hàm làm Ung Vương, Tư Mã Hân làm Tắc Vương. Đồng Ế làm Địch Vương. Ba nước Ung, Tắc, Địch nói gộp lại là Tam Tần.*] nguyên là các tướng Tần cai quản con em người Tần đã mấy năm, giết hại con em không kể xiết, lại lừa dối quân sĩ, đầu hàng chư hầu. Khi đến Tân An, Hạng Vương lừa chôn sống hai mươi vạn quân Tần đã đầu hàng, chỉ có Hàm, Hân và Ế là được thoát, bọn cha anh ở Tần oán ba người này đến tận xương tủy. Nay nước Sở dùng uy lực ép nhân dân đem ba người ấy làm vương, dân Tần chẳng ai ưa cả. Trái lại đại vương vào Quan Trung tơ hào không phạm đến, trừ bỏ những thứ luật pháp hà khắc của Tần, cùng với nhân dân Tần giao ước. Pháp luật theo ba khoản [*Xem [Cao Tổ bản kỷ](#).*], dân Tần ai cũng muốn được đại vương làm vua đất Tần. Theo lời giao ước của chư hầu thì đại vương đáng làm vương ở Quan Trung, dân Quan Trung đều biết như thế. Đại vương mất chức vương ở Quang Trung phải vào Hán Trung, dân Tần ai cũng tiếc. Nay đại vương đem quân sang Đông, có thể truyền hịch mà bình địch được Tam Tần.

Hán Vương cả mừng, tự cho là gặp Hàn Tín quá muộn, bèn nghe theo lời Hàn Tín, sắp đặt các tướng để nhằm tấn công.

3. Đánh lấy các nước Ngụy, Triệu, Yên

Tháng tám, Hán Vương đem binh sang Đông, đi ra khỏi huyện Trần Thương, bình định đất Tam Tần. Năm thứ hai nhà Hán (năm 205 trước Công nguyên), đem quân ra cửa ải thu đất Hà Nam của Ngụy. Hán Vương và Ân Vương đều đầu hàng. Hán Vương hợp với Tề và Triệu cùng đánh Sở. Tháng tư đến Bành Thành, quân của Hán bị đánh bại, tan tác trở về. Tín thu binh hợp với Hán Vương ở Huỳnh Dương, lại đánh phá quân Sở ở miền giữa đất Kinh và đất Sách. Quân Sở vì vậy vẫn không thể đi ra hướng Tây.

Sau khi quân Hán bị thua trận ở Bành Thành, Tắc Vương là Hân và Địch Vương là Ế bỏ Hán đầu hàng Sở. Nước Tề, nước Triệu cũng phản lại Hán mà hòa với Sở. Tháng sáu Ngụy Vương là Báo xin nghỉ để về thăm cha bị bệnh. Về đến nước, Ngụy Vương liền cắt đường giao thông ở Hà Quan, phản lại Hán, giao hiếu với Sở. Vua Hán sai Lịch Sinh thuyết phục Báo, nhưng Báo không nghe. Tháng tám năm ấy nhà vua phong Tín làm tả thừa tướng để đánh Ngụy. Vua Ngụy đem nhiều binh đến Bồ Bản chặn cửa sông Lâm Tấn, Tín dàn thêm nghi binh, bày thuyền bè như muốn vượt qua sông Lâm Tấn, nhưng trái lại dùng phục binh đi đường đất Hạ Dương, lấy thùng gỗ để cho quân vượt qua sông, đánh úp đất An Ấp. Ngụy Vương Báo cả kinh, đem binh đến đánh Tín. Tín liền bắt Báo cầm tù, bình định đất Ngụy, làm thành quận Hà Đông. Hán Vương sai Trương Nhĩ cùng với Hàn Tín đem binh sang Đông đi về hướng Bắc, đánh nước Triệu, nước Đại. Tháng chín nhuận năm ấy, Tín phá quân Đại, bắt được Hạ Duyệt ở đất Ú Dự. Sau khi Tín lấy được nước Ngụy phá được nước Đại, Hán Vương liền sai người thu tinh binh của Tín đem đến Huỳnh Dương để chống Sở.

Tín và Trương Nhĩ cầm quân mấy vạn, muốn đi về phía Đông xuống Tỉnh Hình để đánh Triệu. Vua Triệu và Thành An Quân là Trần Dư nghe tin quân Hán sắp đánh úp, bèn tụ tập quân đội ở Tỉnh Hình, phao là hai mươi vạn. Quảng Vũ Quân là Lý Tả Xa nói với Thành An Quân: -Nghe nói tướng Hán là Hàn Tín vượt Tây Hà bắt Ngụy Vương, bắt sống Hạ Duyệt, vừa mới đổ máu ở Ú Dự, nay lại thêm Trương Nhĩ giúp sức, ý muốn lấy nước Triệu. Đó là họ thừa thắng và đi xa nước mà đánh, tình thế khó đương đầu với nó. Tôi nghe nói: vận lương nghìn dặm, quân sĩ có dáng đói, đợi hái củi cắt cỏ mà nấu ăn, lính tráng không được no. Nay đường ở Tỉnh Hình không thể cùng đi hai xe một lần. Quân kỵ không thể sắp thành hàng, đi vài trăm dặm thì thế nào lương thực cũng tụt lại sau. Xin túc hạ cho tôi ba vạn kỳ binh, đi theo đường tắt để chen đường vận tải, còn túc hạ thì đào hào cho sâu, đắp thành cho cao, giữ chặt lấy thành, đừng đánh với họ. Quân của họ tiến lên trước không được đánh, mà rút lui lại không được về, tôi dùng kỳ binh chen đằng sau, khiến cho họ không thể cướp được gì ở ngoài đồng. Như thế

không đầy mười ngày, đầu hai tướng sẽ nộp ở dưới cờ. Xin ngài lưu ý đến kế của tôi. Nếu không thế nào cũng bị hai tên ấy bắt.

Thành An Quân vốn là nhà nho, thường nói rằng: "Nghĩa binh thì không dùng mẹo lừa dối, mưu kỳ lạ", nói: -Tôi nghe nói theo binh pháp "mình gấp mười thì vây, gấp đôi thì đánh" [*Câu trích trong "Tôn Tử binh pháp"*]. Nay Hàn Tín binh phao là mấy vạn người nhưng thực ra chẳng qua chỉ mấy nghìn. Họ vượt nghìn dặm đánh úp chúng ta thì cũng đã mệt mỏi lắm rồi. Nếu như chúng ta trốn tránh không đánh, về sau có quân địch đông hơn, ta làm sao thắng được? Như thế chư hầu sẽ bảo ta là nhát và coi thường việc đánh ta.

Vì vậy không nghe mưu kế của Quảng Vũ Quân. Hàn Tín sai người sang thám thính, biết mưu của Quảng Vũ Quân không được dùng, cả mừng, bèn đem quân thẳng xuống. Chưa đến cửa Tỉnh Hình, cách ba mươi dặm, dừng lại cắm trại. Nửa đêm truyền lệnh xuất phát. Chọn hai nghìn quân kỵ trang bị nhẹ, mỗi người cầm một lá cờ đỏ đi theo đường tắt lén lút sang nói theo dõi quân Triệu. Tín ra lệnh: "Triệu thấy ta chạy, thế nào cũng bỏ trống thành mà đuổi ra. Chúng mày tiến vào ngay trong thành, nhổ cờ của Triệu dựng cờ đỏ của Hán". Khiến bọn ty tướng truyền bảo ăn cơm lót lòng thôi, và nói: -Hôm nay phá quân Triệu xong sẽ họp nhau ăn tiệc.

Các tướng không ai tin, giả vờ đáp: -Dạ.

Lại nói với tướng sĩ: -Quân Triệu đã giữ địa thế tiện lợi trước để xây đồn lũy, chúng lại chưa thấy cờ trống, đại tướng của ta nên chưa chịu tiến lên đánh đội tiên phong vì chúng sợ ta đến nơi đường hẹp, hiểm trở thì quay lại.

Tín bèn sai một vạn người đi trước bày trận quay lưng ra sông.

Quân Triệu ở xa nhìn thấy, cười vang.

Lúc bình minh, Tín dựng cờ đại tướng, đánh trống lên, kéo quân ra cửa Tỉnh Hình. Quân Triệu mở cửa lũy, đánh nhau to một hồi lâu. Bấy giờ Hàn Tín, Trương Nhĩ vờ bỏ cờ trống chạy đến đạo quân gần sông. Đạo quân gần sông rẽ ra, đón lấy họ, rồi lại chiến đấu dữ dội. Quân Triệu quả nhiên bỏ thành ra tranh lấy cờ trống của Hán, đuổi theo Hàn Tín, Trương Nhĩ. Sau khi Hàn Tín, Trương Nhĩ đã nhập vào đạo quân ở gần sông thì quân đội đều liêu chết chiến đấu không thể nào đánh bại được. Hai nghìn quân kỵ mà Tín đã cho đi từ trước chờ đến khi quân Triệu bỏ lũy trống để đuổi theo để lấy cờ trống của Hán, liền ruổi nhanh vào trong thành, nhổ tất cả cờ xí của Triệu để dựng hai nghìn lá cờ đỏ của Hán. Quân Triệu đã không thắng không bắt được bọn Tín, muốn quay trở về đồn, nhưng trong thành toàn là cờ đỏ của Hán thì cả sợ, cho rằng quân Hán đã bắt được tướng của Triệu Vương rồi. Quân sĩ hỗn loạn bỏ chạy. Tướng Triệu chém cũng không ngăn được. Quân Hán hai bên áp lại, phá tan quân Triệu, chém Thành An Quân trên sông Chi

Thủy, bắt Triệu Vương là Yết.

Tín ra lệnh cho quân đội không được giết Quảng Vũ Quân, ai bắt sống được ông ta thì thưởng ngàn vàng. Có người trói Quảng Vũ Quân nộp dưới cờ, Tín bèn cởi trói cho ông ta và cho ngồi quay mặt về hướng Đông [*Khi tiếp khách để khách quay mặt về hướng Đông là tỏ ý tôn kính.*], còn mình ngồi quay mặt về hướng Tây, thờ làm thầy.

Các tướng đem thủ cấp và tù binh đến nộp đầu đầy và chúc mừng. Các tướng nhân dịp hỏi Tín: - Binh pháp nói "Bên phải sau lưng thì núi gò, trước mặt bên trái thì sông đầm" [*Trong thiên "Tôn Tử hành quân" nói: khi đóng quân thì trước mặt là sông đầm, sau lưng và bên phải gần núi gò. Ý nói như thế thì tránh được việc bất trắc.*] nay tướng quân lại sai bọn chúng tôi quay lưng ra sông mà bày trận, nói rằng phá xong quân Triệu sẽ ăn cơm. Bọn chúng tôi không phục nhưng kết quả lại thắng, không biết đó là thuật gì?

Tín nói: - Điều đó ở trong binh pháp, chỉ có điều các anh không xét đến nà thôi. Chẳng phải binh pháp có nói: "Hãm vào đất chết thì sau nó mới sống, dắt vào chỗ mất thì sau nó mới còn" [*Thiên "Cửa địa" cũng của "Tôn Tử binh pháp". Ý nói để cho quân đội ở vào địa thế bất lợi thì nó sẽ chiến đấu hăng.*] đó sao? Và chẳng Tín không phải có những tướng sĩ đã từng được huấn luyện. Đây cũng như người ta nói là kéo những người ngoài chợ bắt họ đi đánh. Tình thế này nếu không đặt họ vào nơi đất chết khiến cho người nào cũng vì mình mà chiến đấu thì không được. Nếu như ta để cho họ vào nơi đất sống thì họ đều bỏ chạy, ta còn làm sao dùng họ được nữa.

Các tướng đều phục mà rằng: - Hay lắm, quả chúng tôi không nghĩ đến được.

Tín bèn hỏi Quảng Vũ Quân: - Tôi muốn phía Bắc đánh nước Yên, phía Đông đánh nước Tề, làm thế nào thì thành công?

Quảng Vũ Quân từ tạ mà rằng: - Tôi nghe nói "làm tướng mà quân đã thua trận thì không thể nói là dũng cảm, quan đại phu của nước đã mất thì không thể bàn đến việc bảo tồn nước" [*Một câu thành ngữ đương thời.*]. Nay tôi là tên tù bại trận đâu có xứng đáng bàn đến việc đại sự.

Tín nói: - Tôi nghe nói Bách Lý Hề ở nước Ngưu thì nước Ngưu mất, ở nước Tần thì nước Tần làm bá, không phải ông ta ở nước Ngưu thì ngu mà về nước Tần thì khôn, chỉ vì ông ta được dùng hay không, được nghe hay không đó thôi. Giả sử Thành An Quân nghe theo kế của túc hạ thì bọn Tín cũng đã bị bắt rồi. Chỉ vì ông ta không dùng mưu của túc hạ cho nên Tín mới được hầu chuyện đó thôi.

Tín bèn van nài mãi: - Tôi hết lòng nguyện theo kế của túc hạ xin túc hạ chớ từ chối.

Quảng Vũ Quân nói: - Tôi nghe nói "người khôn nghĩ một nghìn điều,

thế nào cũng có một điều sai, người ngu nghĩ một nghìn điều, thế nào cũng có một điều đúng" [*Đó là những câu tục ngữ đương thời.*], cho nên có câu "lời nói của người cuồng cũng được thánh nhận xét đến" chỉ sợ mưu kế của tôi chưa chắc đã dùng được, nhưng cũng xin bày chút trung thành đại dật. Thành An Quân có kế bách chiến bách thắng, không may phút chốc thất bại, quân đội bị thua ở gần đất Cao Thành, thân chết trên sông Chi Thủy. Nay tướng quân vượt Tây Hà, cầm tù vua Ngụy, bắt sống Hạ Duyệt ở Ú Dụ, đánh một trận lấy Tinh Hình, chưa trọn buổi sáng đã phá được hai mươi vạn quân Triệu, giết Thành An Quân. Danh tiếng nổi trong nước, uy thế rung động thiên hạ. Người nông phu không ai không nghỉ việc, buông cày, mặc áo đẹp, đem thức ăn ngon, nghiêng tai để chờ quyết định vận mệnh [*Ý nói dân không biết sống chết thế nào nên dừng làm việc, đem đồ đẹp ra mặc, thức ăn ngon ra ăn, để chờ quyết định số phận của mình.*]. Đó là cái sở trường của tướng quân. Nhưng nay quân mệt, lính mỏi, đóng lâu ở dưới chân thành kiên cố của nước Yên. Muốn đánh thì sợ đánh lâu mà sức không thể lấy được. Thực tình sẽ lộ ra uy thế bị giảm, lâu ngày hết lương mà nước Yên yếu thế kia vẫn không phục, nước Tề thế nào cũng giữ biên giới để tự cường. Nước Yên, nước Tề đều chống cự không chịu đầu hàng, thì chưa biết họ Lưu hay họ Hạng sẽ nắm phần thắng lợi. Đó là sở đoản của tướng quân. Tôi là người ngu, trộm cho kế của ngài là sai. Vì vậy kẻ giỏi dùng binh không lấy cái sở đoản để đánh cái sở trường mà lấy cái sở trường để đánh cái sở đoản.

Hàn Tín nói: -Nhu vậy thì làm thế nào?

Quảng Vũ Quân đáp: -Nay tính mưu kế cho tướng quân, không gì bằng xếp giáp cho quân nghỉ ngơi, bình định nước Triệu, vỗ về những người con mất cha, trong vòng trăm dặm, vò rượu ngày nào cũng đem đến để thết sĩ phu, khao quân lính, hướng về nước Yên ở phía Bắc mà đóng quân. Sau đó sai người biện sĩ mang một bức thư, nói rõ cái sở trường của mình với nước Yên, chắc chắn nước Yên không dám không nghe theo. Nước Yên đã nghe theo, sai người biện sĩ đi về hướng Đông nói với Tề, nước Tề thế nào cũng nghe theo như cỏ lướt trước ngọn gió dẫu có người mưu trí cũng không biết bày cách gì cho Tề. Như thế thì có thể lấy được thiên hạ. Việc binh vốn có cái thuật "trước hư trương thanh thế rồi sau mới dùng thực lực", tức là như thế [*Ý nói trước hết phải làm cho người ta sợ uy lực của mình, sau đó mới đánh.*].

Hàn Tín nói: -Phải [*Đoạn này vẫn lại biến hóa một từng nữa. Sau khi kể những chiến công oanh liệt và tài dùng binh của Hàn Tín nói ngay đến việc Quảng Vũ Quân "dạy" binh pháp cho Hán Tín.*].

Tín theo theo mưu kế ấy, cho sứ sang nước Yên, nước Yên như cỏ lướt trước ngọn gió. Tín lại sai sứ báo với Hán, nhân tiện xin lập Trương Nhĩ

làm Triệu Vương để cai trị và về về nước này. Vua Hán ưng thuận, bèn lập Trương Nhĩ làm Triệu Vương.

4. Đánh lấy Tề, đánh bại quân Sở

Nước Sở mấy lần sai kỳ binh vượt qua sông Hà đánh Triệu. Triệu Vương là Nhĩ và Hàn Tín đi đi lại lại để cứu Triệu, nhân lúc đi lại bình định các thành ấp ở Triệu, đem binh đến giúp Hán Vương. Nước Sở đang bận vào việc vây Hán Vương ở Huỳnh Dương, Hán Vương đi ra về phía Nam, đến giữa miền Uyển và Diệp, gặp được Kinh Bố, chạy vào Thành Cao. Quân Sở lại bao vây rất gấp. Tháng sáu, Hán Vương ra khỏi Thành Cao, đi về hướng Đông, vượt qua sông Hoàng Hà, chỉ có một mình Đổng Công cùng đi. Hán Vương theo quân của Trương Nhĩ đến Tu Vũ. Đến nơi, Hán Vương nghỉ ở ngoài quán trọ. Sáng sớm, Hán Vương tự xưng là sứ thần nhà Hán, phi ngựa vào trong thành Triệu. Trương Nhĩ, Hàn Tín chưa dậy, Hán Vương vào trong phòng ngủ [*Lưu Bang phải "cướp ấn", vì sợ các tướng thấy mình ở trong cảnh khôn đốn sẽ không nghe theo. Tác giả nêu lên một cách kín đáo thái độ sợ Hàn Tín của Lưu Bang.*], cướp ấn tín và binh phù, dùng cờ mao [*Cờ dùng để triệu tập các tướng.*] để triệu tập các tướng, thay đổi chức vị các tướng. Tín và Nhĩ thức dậy, mới biết là Hán Vương đã đến, cả sợ. Hán Vương sau khi đoạt quân của hai người liền ra lệnh cho Trương Nhĩ giữ lấy đất Triệu, phong Hàn Tín làm tướng quốc, thu quân đội của Triệu chưa phải đến Huỳnh Dương để đánh Tề [*Hán Vương sau khi thu quân đội của Triệu thì trao quân cho Hàn Tín đem đi đánh Tề.*].

Tín đem quân sang Đông, chưa vượt qua bến sông Bình Nguyên thì nghe tin sứ thần của Hán Vương là Lịch Tự Cơ đã thuyết phục được nước Tề đầu hàng. Hàn Tín muốn dừng lại. Người biện sĩ đất Phạm Dương là Khoái Thông [*Khoái Thông tên là Triệt, nhưng vì sau này Vũ Đế tên là Triệt nên tác giả hủy chữ Triệt mà đổi là Thông.*] bàn với Hàn Tín: -Tướng quân nhận chiếu đánh nước Tề, nay Hán Vương chỉ sai một người ly gián mà khiến nước Tề đầu hàng, nhưng đã có chiếu chỉ bảo tướng quân dừng lại đâu? Tại sao tướng quân lại không đi? Vả chẳng Lịch Sinh là một kẻ sĩ kính cần múa ba tấc lưỡi mà hạ được hơn bảy mươi thành của nước Tề, tướng quân cầm mấy vạn quân hơn một năm mới hạ được hơn năm mươi thành của Triệu. Làm tướng quân mấy năm mà công không bằng một anh nhà nho hay sao?

Tín cho là phải, theo kế của Thông, vượt qua sông Hoàng Hà, nước Tề đã nghe lời Lịch Sinh nên giữ Lịch Sinh ở lại uống rượu, triệt bỏ các quân đội để phòng ngự quân Hán.

Tín nhân đó đánh úp quân Tề ở Lịch Hạ, đi đến Lâm Tri. Vua Tề là Điền Quang cho rằng Lịch Sinh lừa mình nên nấu Lịch Sinh và trốn đến đất Cao Mật, sai sứ đến nước Sở để cầu cứu. Sau khi đã bình định Lâm Tri, Hàn Tín đi về hướng Đông, đuổi Quang đến phía Tây đất Cao Mật. Sở cũng sai Long Thư làm tướng, phao là hai mươi vạn quân, đem quân đến cứu Tề.

Vua Tề là Quảng cùng Long Thu dồn quân để đánh nhau với Tín. Lúc chưa giao chiến, có người bàn với Long Thu: -Quân Hán thừa thắng đi đánh xa, xuất toàn lực để chiến đấu ở đất mình thì quân dễ thua và rối loạn. Chi bằng đào hào sâu, đắp lũy cao, bảo vua Tề cho người tới tin cần kêu gọi về những thành đã mất. Các thành đã mất, nghe tin vua mình vẫn còn, quân Sở lại đến cứu thì thế nào cũng phản lại quân Hán. Quân Hán ở nơi đất khách, cách quê nhà hai nghìn dặm, các thành của Tề lại làm phản, thì thế nào cũng không có gì ăn, có thể không đánh mà bắt họ đầu hàng.

Long Thu nói: -Ta bình sinh biết Hàn Tín là người như thế nào rồi. Nó cũng xoàng thôi! Vả chẳng, cứu Tề mà không đánh nó, khiến nó hàng thì không có công cán gì? Nay ta đánh thắng nó thì có thể được một nửa nước Tề, tại sao lại không đánh?

Rồi bày trận hai bên sông Tuy Thủy. Hàn Tín đang đêm sai người làm hơn một vạn cái đẫy đồ đầy cát chặn lấy thượng lưu dòng sông rồi đem quân qua nửa chừng đánh Long Thu, giả vờ không thắng, quay lưng bỏ chạy về. Long Thu quả nhiên mừng rỡ nói: -Ta biết Hàn Tín nhất gan mà?

Bèn đuổi theo, qua sông. Tín cho người phá các bao đựng cát, nước sông chảy ào ào, đại quân của Long Thu quá nửa không qua được, quân Tín liền đánh gấp, giết Long Thu. Bộ phận quân của Long Thu phía Đông dòng sông bỏ chạy toán loạn. Vua Tề là Quảng chạy trốn. Tín liền đuổi theo đến đất Thành Dương, bắt bỏ tù tất cả lính Sở.

Năm thứ tư nhà Hán (năm 203 trước Công nguyên) tất cả đều đầu hàng. Hàn Tín bình định nước Tề, sai người nói với vua Hán: -Nước Tề là nước gian dối, hay gây biến, tráo trở. Biên giới phía Nam là nước Sở, nếu không lập giả vương [*Giả vương: Người tạm làm vương.*] để giữ thì không thể bình định được. Xin cho làm giả vương.

Lúc bấy giờ quân Sở đang vây Hán Vương rất gấp ở thành Huỳnh Dương. Sứ giả của Hàn Tín đến, Hán Vương mở phong thư ra, cả giận mắng: -Tao đang nguy khốn ở đây, sớm chiều trông mày đến giúp, thế mà mày lại muốn tự lập làm vương à?

Trương Lương, Trần Bình giẫm vào chân Hán Vương, nhân đấy ghé vào tai Hán Vương nói: -Nhà Hán hiện nay bất lợi, có thể cấm không cho Tín làm vương được không? Chi bằng nhân đấy mà lập, đối xử với ông ta cho tử tế, khiến ông ta vì mình mà giữ. Nếu không sẽ sinh biến.

Hán vương tỉnh ngộ, nhân đấy lại mắng [*Chú ý: Cách ăn nói của Lưu Bang, Tư Mã Thiên không vì có Lưu Bang là vua của mình mà che giấu tính tình lỗ mãng của ông, thái độ can đảm ấy đã giúp ông điển hình hóa Lưu Bang một cách cao độ. Hễ Lưu Bang mở miệng là mắng.*]: -Đại trượng phu đã bình định được chư hầu tức là vua "thật" rồi, chứ làm vua "giả" gì nữa?

Hán Vương liền sai Trương Lương đi lập Tín làm Tề Vương, trưng dụng binh của Tín đến đánh Sở.

5. Không nghe theo lời Vũ Thiệp, Khoái Thông

Sau khi Sở mất Long Thu, Hạng Vương sợ sai Vũ Thiệp, người Vu Thai đến nói với Tề Vương Tín: -Thiên hạ đều khổ vì nhà Tần đã lâu rồi, nên cùng nhau chung sức đánh Tần. Tần đã bị phá, định công, cắt đất làm vương, để cho sĩ tốt nghỉ ngơi. Nay Hán Vương lại dấy binh, đem quân sang Đông, lấy phần đất của người khác, cướp đất đai của người ta. Hán đã phá Tam Tần, đem binh ra cửa ải, thu quân đội của chư hầu để sang Đông đánh Sở. Ý của ông ta là chưa nuốt hết cả thiên hạ thì chưa chịu thôi, không biết thế nào là vừa, thực là quá đáng. Vả chăng, số mệnh của Hán Vương chưa có gì là chắc chắn. Đã mấy lần chính ông ta nằm trong tay Hạng Vương, Hạng Vương thương hại tha cho sống, nhưng vừa thoát ra đã bội ước ngay, lại đánh Hạng Vương. Ông ta là người không thể thân tín như vậy, nay tức hạ tuy tự cho rằng Hán Vương đối đãi với mình rất hậu, nên đem hết sức ra cầm quân, nhưng rốt cục thế nào tức hạ cũng bị ông ta bắt mà thôi. Tức hạ sở dĩ còn được sống sót đến nay là vì Hạng Vương hãy còn. Hiện nay Hán Vương, Hạng Vương ai thắng, ai bại là ở tức hạ. Tức hạ theo về phía bên phải thì Hán Vương thắng, theo về phía bên trái thì Hạng Vương thắng. Hôm nay Hạng Vương mất thì hôm sau đến lượt tức hạ đấy. Tức hạ sao lại không phản lại Hán mà hòa với Sở, chia thiên hạ làm ba mà làm vương một phần? Nay tức hạ có cơ hội này, đem hết tâm lực để theo Hán đánh Sở. Làm người mưu trí lại như thế ư?

Hàn Tín từ chối mà rằng: -Tôi thờ Hạng Vương, quan chẳng qua là lang trung, địa vị chẳng qua là cầm kích đứng hầu ở điện, lời nói ra không được nghe, mưu kế đưa ra không được dùng, cho nên tôi bỏ Sở mà theo Hán. Hán Vương trao cho tôi ấn thượng tướng quân, giao cho tôi mấy vạn binh, cởi áo của mình để cho tôi được dùng. Cho nên tôi mới được như thế này. Phàm người ta hết sức tin cậy mình thành thực như thế mà mình phản lại là điều chẳng lành. Tôi dù chết cũng không thay lòng đổi dạ. Nhờ ông thừa lại với Hạng Vương rằng Tín từ chối.

Sau khi Vũ Thiệp đi rồi, người nước Tề là Khoái Thông biết rằng thiên hạ ai thắng ai bại là ở Hàn Tín, muốn dùng kế lạ để làm Tín cảm động nên dùng thuật xem tướng để thuyết phục Hàn Tín. Khoái Thông nói: -Tôi đã từng học thuật xem tướng.

Hàn Tín nói: -Phép xem tướng của tiên sinh như thế nào?

Thông đáp: -Sang hay hèn là ở cốt cách. Vui hay buồn là nét mặt, được hay thua là ở quyết đoán. Gộp cả ba điều ấy mà xem thì vạn người không sai một [*Theo phép du thuyết điều quan trọng là phải có kế lạ để bắt người nghe để ý đến mình ngay. Cách tả lời của Thông về thuật xem tướng có thể xem là kế lạ. Đoạn xem tướng này hết sức sinh động, quá khứ sống lại như hiện ra*]

trước mắt.].

Hàn Tín nói: -Hay đây! Tiên sinh xem quả nhân như thế nào?

Thông đáp: -Xin cho vãn người chút đã.

Tín nói: -Tả hữu lui ra rồi.

Thông nói: -Mặt của tướng quân chẳng qua chỉ được phong hầu, lại còn nguy hiểm không yên. Lung [*Lung là "bối" có thể đọc là "bội". Ý nói phản là Hán Vương đây dùng lối chơi chữ.*] của tướng quân thì sang không thể nói hết.

Hàn Tín nói: -Tại sao lại nói như vậy?

Khoái Thông nói: -Lúc thiên hạ mới khởi sự, các anh hùng hào kiệt đều xung vương, hiệu triệu kẻ sĩ trong thiên hạ như mây họp, sương mù tụ lại, nhan nhản như vẩy cá, tấp nập như lửa bốc, như gió thổi. Lúc bấy giờ, họ chỉ lo nghĩ đến việc tiêu diệt nhà Tần đang suy vong mà thôi. Nay Sở và Hán tranh giành nhau khiến cho gan mật của những người trong thiên hạ phơi đầy đất, cha con bỏ xương ở ngoài đồng nội, kẻ không sao xiết. Người Sở nổi lên ở Bành Thành, vừa đánh vừa đuổi mãi đến thành Huỳnh Dương, thừa tình thế thuận lợi, cuốn như cuốn chiếu, uy thế vang lừng trong thiên hạ. Tuy vậy, quân của họ bị khốn ở giữa miền đất Kinh, đất Sách, bị núi Tây cản trở không sao tiến lên được [*Ý nói bị chặn ở ngọn núi phía Tây Thành Cao.*], đã ba năm nay rồi. Vua Hán cầm mấy chục vạn quân, giữ đất Củng, đất Lạc, dựa vào núi sông hiểm trở, nhưng một ngày đánh mấy lần vẫn không được chút công lao gì, thua chạy không sao tự cứu, bị đánh bại ở Huỳnh Dương, bị thương ở Thành Cao, sau đó chạy sang giữa miền đất Uyển đất Diệp, có thể nói là người khôn hay người mạnh cũng đều bị khốn [*Ý nói cả hai đều nguy khốn, người khôn là chỉ Lưu Bang, người mạnh chỉ Hạng Vũ.*]. Nay nhuệ khí bị nhụt ở trước cửa ải hiểm trở, lương thực ở trong kho lại hết, trăm họ mỗi một, hết sức oán giận, nháo nhác không nơi nương tựa. Theo tôi, tình thế này nếu không có kẻ hiền thánh trong thiên hạ thì không sao dẹp nổi tai họa trong thiên hạ. Hiện nay tính mạng của hai vua đều treo ở tay túc hạ. Túc hạ theo Hán thì Hán thắng, theo Sở thì Sở thắng. Tôi xin phơi bày gan ruột, nói rõ lòng thành, trình bày cái kế ngu muội của tôi, chỉ sợ túc hạ không biết dùng. Nếu quả túc hạ nghe theo mưu kế của tôi, thì không gì bằng làm lợi cho cả đôi bên khiến họ đều sống, chia ba thiên hạ, đứng theo thế vạc ba chân. Trong tình thế ấy thì cả hai bên không ai dám động binh trước. Túc hạ là người hiền thánh, quân sĩ đông, giữ lấy nước Tề hùng mạnh, bắt nước Yên, nước Triệu theo mình, xuất quân ra miền đất trống ở đằng sau lưng họ mà kiềm chế hậu phương họ [*Đây là nói đem quân từ Yên, Triệu xuống phía Nam uy hiếp hậu phương của Lưu Bang và Hạng Vũ. Đó là nơi đất trống vì không có quân đội của hai bên.*], thuận theo dân mong muốn quay đầu về

hướng Tây để cho trăm họ được sống [*Ý nói đem binh về hướng Tây khiến cho quân Hán và quân Sở phải thôi không đánh nhau nữa do đó cứu sống được trăm họ.*] thì thiên hạ thế nào cũng chạy theo như gió thổi, như tiếng vang, còn ai dám không nghe! Túc hạ cắt đất nước lớn, làm yếu nước mạnh, để lập chư hầu. Sau khi chư hầu đã được lập, thiên hạ lại nghe theo mà cảm tạ ân đức của nước Tề. Túc hạ cứ giữ lấy nước Tề cũ, nắm lấy đất Giao, đất Tứ, lấy đức của mình để vỗ về chư hầu, kín đáo nhún nhường [*Bên ngoài tỏ vẻ khiêm nhường để bảo vệ thực lực bên trong.*] thì các vua trong thiên hạ thế nào cũng kéo nhau đến chầu vua Tề vậy. Tôi được nghe: "Trời cho mà không lấy, thì sẽ mang lấy tội, thời cơ đến mà không theo thì sẽ mang lấy họa, xin túc hạ suy nghĩ cho kỹ".

Hàn Tín nói: -Vua Hán đối đãi tôi rất hậu, lấy xe của mình để cho tôi đi, lấy áo của mình để cho tôi mặc, lấy cơm của mình để cho tôi ăn. Tôi nghe nói "đi xe người ta thì lo điều lo của người ta, mặc áo của người ta thì mang điều lo nghĩ của người ta, ăn cơm người ta thì chết cho công việc của người ta" [*Lại dùng một thành ngữ để đáp lại thành ngữ của Khoái Thông.*]. Tôi lẽ nào lại chạy theo lợi mà quên nghĩa?

Khoái Thông nói: -Túc hạ tự cho là mình thân với vua Hán, muốn xây dựng cái công nghiệp muôn đời. Tôi trộm cho thế là làm [*Vì Hàn Tín nói đến chuyện trung thành, nên Khoái Thông đem những thí dụ về sự trung thành và thân tín ra bề lại.*]. Xưa kia, lúc Thường Sơn Vương và Thành An Quân [*Thường Sơn Vương tức là Trương Nhĩ, Thành An Quân là Trần Dư (xem [Hang Vũ bản kỷ](#) và [Trương Nhĩ, Trần Dư liệt truyện](#))*] còn là kẻ áo vải thì cùng kết nghĩa, làm bạn sống chết có nhau. Sau đó, vì câu chuyện cãi nhau về Trương Yên, Trần Trạch mà hai người thù oán nhau. Thường Sơn Vương phản lại Hạng Vương, mang đầu Hạng Anh bỏ trốn về với Hán Vương. Hán Vương phái Thường Sơn Vương đem quân xuống miền Đông, giết Thành An Quân ở phía Nam sông Kỳ, đầu một nơi, chân một nẻo. Rốt cục làm trò cười cho thiên hạ. Hai người ấy chơi với nhau thân thiết nhất trong thiên hạ, rốt cục lại giết lẫn nhau. Tại sao thế? Đó là vì ham muốn nhiều thì sinh lo nghĩ và lòng người khó lường. Nay túc hạ muốn làm việc trung tín để kết giao với Hán Vương thì thế nào tình bạn cũng không vững chắc hơn tình bạn của hai người kia. Đã thế, công việc lại nhiều và lớn hơn việc Trương Yên, Trần Trạch, cho nên tôi cho rằng nếu túc hạ tin rằng Hán Vương thế nào cũng không làm hại mình là làm to. Ngày xưa, Phạm Lãi, đại phu Chung làm cho nước Việt sắp mất được tồn tại, làm cho Câu Tiễn dựng nên nghiệp bá, lập nên công, thành được danh, thế mà người thì chết, kẻ thì bỏ trốn. Thú trong đồng nội đã hết thì chó săn bị nấu. Nói về mặt bạn bè thân thiết thì túc hạ với Hán Vương không bằng Trương Nhĩ đối với Thành An Quân. Nói về

mặt trung tín thì chẳng qua như đại phu Chung, Phạm Lãi đối với Câu Tiễn là cùng, Túc hạ cứ xem hai người đó là đủ rõ. Xin túc hạ suy nghĩ cho sâu. [*Câu này nhắc đi nhắc lại nhiều lần có chủ ý.*] Và chẳng, tôi nghe nói [*Một biện pháp khác của các thuyết khách không nói thẳng đó là ý của mình mà gói ghém nói dưới hình thức châm ngôn, tục ngữ cho nó có cái vẻ dễ tin.*] dững cảm mưu lược át cả chủ thì nguy đến thân, công lớn bao trùm cả thiên hạ thì sẽ không được thưởng. Tôi xin nói về công lao và mưu lược của túc hạ. Túc hạ vượt Tây Hà, cầm tù Ngụy vương, bắt Hạ Duyệt, đem quân xuống Tĩnh Hình, giết Thành An Quân, chiêu hàng đất Triệu, uy hiếp đất Yên, bình định đất Tề, sang đất Nam đánh gãy hai mươi vạn quân Sở, sang Đông giết Long Thư, quay về Tây để báo công. Như thế có thể nói công ấy không có hai ở trong thiên hạ mà mưu lược ấy không phải đời nào cũng có. Bây giờ túc hạ mang cái uy lấn át cả chủ, ôm cái công không có cách nào thưởng, theo Sở thì người Sở không tin, về Hán thì người Hán hoảng sợ. Túc hạ muốn mang cái công lao, cái mưu lược ấy về đâu? Mình ở địa vị bầy tôi mà có cái uy lấn át cả chủ, có cái danh cao nhất trong thiên hạ, tôi trộm thấy làm nguy cho túc hạ.

Hàn Tín cảm ơn nói: -Tiên sinh hãy về nghỉ, tôi sẽ nghĩ lại xem.

Vài ngày sau Khoái Thông lại đến, nói: -Nghe là để chuẩn bị mà làm [*Tác giả lột tả hết sức công phu ngôn ngữ của hạng thuyết khách. Họ thường gói ghém ý của họ ở trong hình thức châm ngôn, nhìn bên ngoài cái vẻ khách quan vĩnh viễn bình thản như một quyển sách đạo lý, nhưng có sức thuyết phục rất mạnh. Chỉ thấy bàn là cách ngôn tục ngữ, so sánh vu vơ, không nhắc một chữ đến đối tượng. Mạnh Tử nhiều lúc cũng viết như thế. Chú ý phần lớn là câu không chủ ngữ.*], kè là then chốt của việc. Nghe sai, kè hỏng mà vẫn ở yên được lâu là việc ít có vậy. Người nghe mà phân biệt được việc nên chẳng, thì không thể dùng lời nói để làm rối loạn. Bàn mưu mà không bỏ quên điều gốc và điều ngọn thì không thể lấy lời lẽ văn hoa để làm rối loạn. Cam tâm làm phận sự của bọn tôi tớ thì sẽ mất cái quyền của người muôn cỗ xe, cứ bo bo lấy cái lộc ít ỏi thì bỏ lỡ địa vị khanh tướng. Cho nên kiên quyết là cái quyết định người khôn. Ngờ vực làm hại công việc, cứ xét cái kè nhỏ tũn mủn thì sẽ bỏ sót việc lớn trong thiên hạ. Một khi trí đã biết rõ mà không dám làm thì đó là điều gây nên mọi thứ tai họa. Cho nên có câu nói "con mãnh hổ do dự không bằng con ong, con bọ cạp liều đốt. Ngựa ký dùng dằng không bằng ngựa hèn bước chắc chắn. Mạnh Bôn hồ nghi không bằng con người tầm thường kiên quyết đi đến mục đích. Khôn như Nghiêu, Thuấn mà ngậm miệng không nói thì không bằng kẻ câm người điếc lấy ngón tay chỉ trỏ". Những điều trên đây, nói rằng cái quý là ở chỗ biết hành động. Đại phạm công lao thì khó thành mà dễ bại, thời cơ thì khó

được mà dễ mất. Ôi! Thời cơ không trở lại. Xin túc hạ xét rõ cho.

Hàn Tín do dự không nỡ phản lại nhà Hán. Lại tự cho rằng mình lập được nhiều chiến công, nhà Hán dẫu sao cũng không lấy mất nước Tề của mình. Bèn từ tạ Khoái Thông.

Khoái Thông nói không được, bèn giả điên, làm người thầy cúng.

Hàn Vương bị nguy khốn ở Cố Lăng, dùng kế của Trương Lương, triệu Tề Vương là Tín, rồi đem binh hợp nhau ở Cai Hạ. Sau khi Hạng Vũ đã bị phá, Cao Tổ cướp mất [*Nguyên văn: "Tập đoạt Tề Vương quân" theo nghĩa đen là đánh úp cướp mất quân của Tề Vương. tức là nhân lúc Hàn Tín không phòng bị, Lưu Bang cướp mất binh quyền. Câu này ám chỉ Lưu Bang đã xem Tín là đối thủ của mình.*] quân của Tề Vương. Năm thứ năm tháng giêng đời Hán (năm 202 trước Công nguyên) Cao Tổ dời Tề Vương Tín làm Sở Vương, đóng đô ở Hạ Bì.

6. Hai lần bị vu làm phản, bị giáng chức rồi bị giết

Tín về nước, cho gọi bà giặt vải đã cho mình ăn để thưởng ngàn vàng. Lại gọi đình trưởng Nam Xương ở Hạ Hương thưởng một trăm quan tiền nói: -Ông là kẻ tiểu nhân, làm ơn không trót.

Sai gọi người thanh niên đã bắt Tín lườn qua háng cho làm trung úy nước Sở. Tín nói với các tướng văn võ: -Hắn là tráng sĩ đấy, lúc hắn làm nhục ta, ta có phải không giết được hắn đâu? Nhưng giết hắn thì không có danh nghĩa gì [*Cũng như nói không có lý do xác đáng.*].

Viên tướng bỏ trốn của Hạng Vương là Chung Ly Muội nhà ở núi Y Lô, Chung Ly Muội vốn chơi thân với Tín. Sau khi Hạng Vương chết, Ly Muội bỏ trốn về với Tín. Hán Vương giận Muội, nghe nói Muội ở Sở, ra chiếu cho Sở Vương bắt Muội. Tín mới về đến nước, đi tuần hành ở các huyện các ấp nơi ra vào đều dàn binh sĩ hộ vệ. Năm thứ sáu đời nhà Hán (năm 201 trước Công nguyên) có người đưa thư lên báo Sở Vương Tín làm phản. Cao Đế dùng mưu kế của Trần Bình, thiên tử đi tuần thú hội họp chư hầu. Ở phương Nam có đất Vân Mộng, Hán Vương sai sứ báo cho chư hầu sẽ họp ở đất Trần: "Ta sẽ đi chơi Vân Mộng". Kỳ thực nhà vua muốn bắt Tín, nhưng Tín không biết.

Cao Tổ sắp đến Sở, Tín muốn khởi binh làm phản, tự nghĩ mình vô tội [*Hai câu này ở liền nhau, trái hẳn nhau, chứng tỏ Tín không những không có tội mà lại không có làm phản. Tất cả bài này đều có những câu biểu lộ tác giả không tin rằng Tín làm phản.*], muốn yết kiến nhà vua, nhưng sợ bị bắt.

Có người nói với Tín: -Chém Muội để ra mắt nhà vua, nhà vua thế nào cũng mừng, không có gì phải lo.

Tín đến gặp Muội để bàn việc ấy, Muội nói: -Nhà Hán sở dĩ không dám đánh lấy Sở là vì Muội ở nhà ông. Nay ông muốn bắt ta để nịnh nhà Hán, thì ta hôm nay chết nhưng ông cũng chết theo như trở tay mà thôi.

Bèn mắng Tín: -Nhà ngươi không phải bậc trưởng giả.

Sau đó đâm cổ chết.

Tín ôm đầu Muội ra mắt Cao Tổ ở đất Trần. Nhà vua sai võ sĩ trói Tín lại chở ở xe sau.

Tín nói: -Đúng như người ta nói: "Thỏ khôn hết thì chó giỏi bị nấu, chim cao hết thì cung tốt bị cắt, nước địch bị phá thì mưu thần hết đời". Thiên hạ đã bình định rồi, ta bị nấu là đáng lắm.

Nhà vua nói: -Người ta bảo nhà ngươi làm phản.

Bèn trói Tín. Đến Lạc Dương thì tha tội [*Vì không có tội nên mới tha.*] cho Tín làm Hoài Âm Hầu. Tín biết Hán Vương sợ và ghét tài năng mình, cho nên thường cáo bệnh không đi châu. Tín vì vậy ngày đêm oán giận, vẫn thường bực bội, thẹn thùng vì thấy mình đứng ngang hàng bọn Giáng, Quán

[*Giáng tức là Giáng Hầu Chu Bột, Quán là Quán Anh.*]. Tín thường qua chơi nhà tướng quân Phàn Khoái. Khoái quỳ lạy đón và tiễn ra cửa, xưng là "thần", nói: -Đại vương lại chịu quá bộ đến nhà "thần" sao?

Tín bước ra cửa, cười mà rằng: -Ta nay hóa ra ngang hàng với bọn Khoái.

Nhà vua có lúc thung dung nói chuyện với Tín về tài năng của các tướng, xem tài năng họ như thế nào. Nhà vua hỏi: -Như ta thì có thể cầm được bao nhiêu quân?

Tín nói: -Bệ hạ chẳng qua chỉ cầm được mười vạn.

Nhà vua hỏi: -Thế còn nhà ngươi thì cầm được bao nhiêu?

-Thần thì càng nhiều càng tốt?

Nhà vua cười nói: -Càng nhiều càng tốt thì sao lại bị ta bắt.

Tín nói: -Bệ hạ không thể cầm quân, nhưng giỏi chỉ huy các tướng, vì vậy cho nên Tín mới bị bệ hạ bắt. Và chẳng có thể nói là trời trao cho bệ hạ, chứ không phải sức người có thể làm được.

Trần Hy được bổ làm thái thú ở Cự Lộc. Hy từ giã Hoài Âm Hầu. Hoài Âm Hầu nắm lấy tay Hy, đuổi những người xung quanh, cùng Hy dạo bước ở ngoài sân. Tín ngẩng đầu lên trời thở dài mà rằng: -Ta có thể nói với nhà ngươi được không? Ta muốn nói với nhà ngươi một lời.

Hy đáp: -Xin tướng quân chỉ giáo.

Hoài Âm Hầu nói: -Chỗ nhà ngươi ở là nơi tinh binh trong thiên hạ ở đây. Nhà ngươi lại là người tôi được bệ hạ tin yêu. Nếu người ta nói nhà ngươi làm phản thì thế nào bệ hạ cũng không tin. Nói lần thứ hai thì bệ hạ sẽ nghi. Nói lần thứ ba thì thế nào bệ hạ cũng nổi giận, mà thân hành cầm quân. Ta vì nhà ngươi từ bên trong nổi dậy, thì có thể lấy được thiên hạ.

Trần Hy vốn biết tài năng Hàn Tín cho nên tin theo, nói: -Xin vâng lời chỉ giáo [*Về cái tội của Tín đó là một nghi án. Sách Sử ký chí nghi của Lương Ngọc Thắng nói: Tín chết oan vậy! Những người hiền ngày trước đều thấy ông không có tội trạng gì tỏ ra làm phản chỉ có mấy lời tố giác vu vơ đấy thôi ... Qua Sử ký, dựa vào giấy tờ làm án mà viết ra cũng thấy rõ là sai. Bữa cơm ngàn vàng, cởi áo nhường cơm, lễ nào phụ bạc Cao Đế. Không nghe Thiệp, Thông, không giữ quân làm vua đất Tề thì thế nào cũng không làm liều khi nhà ở Hoài Âm. Không nghĩ đến việc liên kết các vua lớn như Kinh Bó, Bành Việt thì ắt không giao ước dễ dàng với viên tướng ở ngoài biên giới xa xôi ... Ai nghe lời nói "khi nắm tay đuổi người xung quanh ra", việc mưu phản chưa chắc lại sơ xuất như vậy? Số người và năng lực bọn tôi tớ bao lắm, Tín tất không dùng họ một cách liều lĩnh. Mới hay Cao Tổ sợ Tín không phải một sớm một chiều, Trương Lương giẫm vào gót chân, ghé tai mà nói ở Vu Thai, Cao Tổ cướp binh phù, đoạt quân đội, bắt trời cũng chưa*

cho là vừa, giết cả họ mới mừng. Xét câu: "Đẹp xong quân Trần Hy trở về vừa mừng vừa thương", đủ rõ Tín không có tội mà chết.].

Năm thứ mười một nhà Hán (năm 116 trước Công nguyên). Trần Hy quả nhiên làm phản. Nhà vua thân hành làm tướng, đem quân đi. Tín cáo bệnh không đi theo, ngầm sai người đến nói với Trần Hy: -Ông cứ cử binh, tôi ở đây sẽ giúp ông.

Tín bèn bàn mưu với các gia thần đang đêm giả làm chiếu nhà vua tha những người phạm tội và làm nô lệ của nhà nước, muốn dùng họ để đánh úp Lữ Hậu và thái tử. Bố trí đã xong xuôi, đợi Hy báo tin. Người môn hạ có tội với Tín bị Tín bỏ tù, muốn giết đi. Em của người này ra đầu thú báo tin, tố cáo Tín muốn làm phản. Lữ Hậu muốn gọi Tín vào, nhưng sợ đảng của Tín đông, Tín không đến, nên bàn với tướng quốc Tiêu Hà, giả vờ sai người từ chỗ vua ở về nói rằng Hy đã chết, các chư hầu, các quan đều đến mừng. Tướng quốc lừa Tín: -Tuy ngài ốm, cũng xin cố gắng vào mừng.

Tín vào, Lữ Hậu sai võ sĩ trói Tín, chém ở nhà treo chuông trong cung Trường Lạc. Lúc sắp bị chém, Tín nói: -Ta hối hận không dùng mưu kế của Khoái Thông, cho nên mới bị bọn đàn bà con nít lừa dối. Há chẳng phải là vì trời muốn thế hay sao?

Lữ Hậu bèn giết cả ba họ nhà Tín. Sau khi Cao Tổ đã dẹp xong quân của Trần Hy trở về kinh đô, thấy Tín đã chết nhà vua vừa mừng vừa thương hỏi: -Lúc chết, Tín có nói gì?

Lữ Hậu nói: -Tín nói tiếc không dùng mưu kế của Khoái Thông.

Cao Tổ nói: -Khoái Thông là người biện sĩ của nước Tề.

Bèn ra chiếu cho nước Tề bắt Khoái Thông. Khoái Thông đến, nhà vua nói: -Nhà ngươi dạy cho Hoài Âm Hầu làm phản phải không?

-Vâng, tôi có dạy cho hắn, thằng trẻ ranh kia không dùng kế của tôi cho nên đến nông nỗi này. Giá nó dùng kế của tôi thì bệ hạ làm sao diệt nó được.

Nhà vua nổi giận nói: -Đem nấu nó đi.

Thông nói: -Trời ơi! Bị nấu thật là oan.

Nhà vua nói: -Nhà ngươi dạy cho Hàn Tín làm phản còn oan ưởng nỗi gì nữa?

Thông nói: -Kỷ cương nhà Tần bị đứt, miền Sơn Đông nổi loạn, các miền khác đều nổi lên. Các anh hùng tuấn kiệt họp lại nhiều như quạ. Nhà Tần mất con hươu, thiên hạ cùng nhau đuổi bắt [*Lộc: Con hươu chỉ địa vị đế vương, vì nó đồng âm với lộc là tước lộc lại có nghĩa là địa vị.*]. Lúc bấy giờ ai tài cao, chân nhanh thì bắt được trước. "Chó của Chích [*Chích: Tên người ăn trộm hung ác trong truyền thuyết cổ.*] cắn vua Nghiêu không phải vì vua Nghiêu bắt nhân, nhưng là chó thì bất kỳ ai không phải chủ của nó là nó cắn". Lúc bấy giờ thần chỉ biết có Hàn Tín, không biết có bệ hạ. Vả chẳng

những kẻ mài giáo, cầm mũi nhọn, muốn làm điều bệ hạ đã làm cũng rất nhiều, nhưng chỉ vì họ không đủ sức đẩy thôi. Bệ hạ có thể nấu tất cả được không?

Cao Đế nói: -Tha cho hắn.

Bèn tha tội cho Thông.

7. Lời bàn

Thái sử công nói: -Tôi sang đất Hoài Âm, người Hoài Âm nói với tôi: lúc Hàn Tín còn là kẻ áo vải, chí khí ông ta khác người thường. Mẹ ông mất, nhà nghèo không có gì chôn, nhưng ông vẫn sang sửa cất vào chỗ cao ráo để bên cạnh mộ có thể chứa nỗi vạ nhà.

Tôi xem mà người mẹ ông ta, quả có thể thực. Cứ gì Hàn Tín biết học đạo [Đạo: Đây chỉ đạo của Lão Tử: Đạo đức kinh: "Không khoe nịnh nên có công, không tự phụ nên sống lâu". Ý trách Hàn Tín sao không làm như Trương Lương.] nhún nhường, không khoe công lao của mình không tự phụ tài năng của mình, thì ngỗ hầu công ông ta đối với nhà Hán có thể sánh ngang với Chu Công, Thái Công, Thiệu Công và đến đời sau vẫn được cúng tế. Nhưng ông không lo làm thế. Thiên hạ đã định rồi, lại mưu việc phản nghịch kia chứ! Dòng họ bị giết, chẳng phải đáng đời sao! [Văn của Tư Mã Thiên bắt chước văn Xuân Thu. Lời nói kín đáo, nếu đọc qua thì hiểu lệch ngay. Đây là văn mỉa mai, cảm thương cho cái tài, cái công vô song của Hàn Tín và uất ức cho cảnh ngộ của vị anh hùng. Cho nên nói: "đã định rồi lại mưu phản nghịch kia chứ", thực ra Hàn Tín đâu đến nỗi ngu như vậy. Vì vậy nói "đáng đời". Đó là giọng nói uất ức trách Lưu Bang, tặc bạc không đối xử với Tín như Vũ Vương đối xử với Chu Công. Thái độ cho Hàn Tín ngang với Chu Công xứng đáng xếp Tư Mã Thiên vào hàng du hiệp!].

[36]

LỊCH SINH, LỤC GIẢ liệt truyện

[Lịch Sinh](#)

[1](#), [2](#), [3](#), [4](#)

[Lục Giả](#)

[1](#), [2](#), [3](#), [4](#)

[Lời bàn](#)

Lịch Sinh

1.

Lịch Sinh tên là Tụ Cơ người làng Cao Dương, huyện Trần Lưu. Thích đọc sách, nhà nghèo không có nghề gì kiếm ăn, làm người coi cổng ở làng. Nhưng những người tai mắt và hiền tài trong huyện không ai dám sai bảo như đây đó. Người trong huyện đều gọi là người cuồng.

2.

Đến khi Trần Thắng, Hạng Lương nổi lên, các tướng đi cướp đất qua làng Cao Dương mấy chục người. Lịch Sinh hỏi các viên tướng thấy họ đều là những người câu nệ, thích cái lễ vụn vặt, tự phụ, tự đắc, không thể nghe những lời rộng lượng, Lịch Sinh bèn giấu mình thật kín. Về sau, nghe tin Bái Công cầm quân cướp đất ở ngoài thành Trần Lưu. Kỵ sĩ ở dưới cờ Bái Công trên là Thích là người ở trong làng Lịch Sinh. Bái Công thượng hỏi những người hào kiệt và kẻ sĩ hiền tài trong làng xóm. Kỵ sĩ về, Lịch Sinh gặp, nói: -Tôi nghe nói Bái Công ngạo mạn, khinh người, có nhiều mưu lớn, đó chính là người tôi muốn theo, nhưng không có ai tiến cử cho. Khi ông về gặp Bái Công, nhờ ông nói giúp "Trong làng của tôi có Lịch Sinh, tuổi hơn sáu mươi, cao tám thước. Người đời ai cũng bảo ông ta là anh cuồng. Ông ta tự nói: "Ta không phải người cuồng".

Kỵ sĩ nói: -Bái Công không thích đạo Nho. Thấy những người khách nào đội mũ nhà Nho đến Bái Công liền giật mũ đá vào trong. Khi nói với người ta thường mắng nhiếc, không thể lấy tư cách nhà nho mà thuyết phục ông ta được.

Lịch Sinh nói: -Ông cứ nói.

Kỵ sĩ lúc rồi rãi nói lại đúng như lời Lịch Sinh đã dặn.

Bái Công đến Cao Dương dừng lại ở nhà trạm, sai người mời Lịch Sinh. Lịch Sinh đến, vào yết kiến. Lúc bấy giờ, Bái Công đang ngồi xôm trên giường, sai hai người con gái rửa chân để tiếp Lịch Sinh. Lịch Sinh vào chỉ vái dài mà không lạy, nói: -Túc hạ muốn giúp Tần đánh chư hầu sao? Hay là muốn cầm đầu chư hầu đánh bại Tần?

Bái Công mắng: -Thằng khốn nạn! Thiên hạ đều khổ cực vì nhà Tần đã lâu rồi, cho nên chư hầu mới kéo nhau đi đánh Tần. Sao mà lại bảo tao giúp Tần đánh chư hầu?

Lịch Sinh nói: -Nếu thật tình muốn hợp bè đảng, tập hợp nghĩa binh giết nhà Tần vô đạo thì không nên ngồi xôm mà tiếp bậc trưởng giả.

Bái Công bèn thôi không rửa chân, đứng dậy, sửa áo, mời Lịch Sinh ngồi ghé trên, xin lỗi. Lịch Sinh nhân đây nói thời liên hoành, hợp tung của

sáu nước. Bái Công mừng rỡ, cho Lịch Sinh ăn, hỏi: -Bây giờ kẻ phải làm như thế nào?

Lịch Sinh nói: -Túc hạ cầm toán quân ô hợp thu một đạo binh tán loạn không đầy một vạn người mà muốn đánh thẳng vào nước Tần mạnh, đó là cái người ta nói "Sờ vào miệng hổ" đấy. Trần Lưu là nơi then chốt của thiên hạ, giao thông với bốn phía, không có gì hiểm trở, trong lúc này trong thành lại chứa nhiều thóc. Thần quen quan lệnh ở đây, xin được phép báo ông ta đầu hàng túc hạ. Nếu ông ta không nghe, túc hạ đem binh đánh, thần sẽ làm nội ứng.

Bái Công bèn sai Lịch Sinh đi. Bái Công đem quân theo. Bèn lấy được Trần Lưu, phong Lịch Tự Cơ làm Quảng Dã Quân. Lịch Sinh nói với em là Lịch Thương sai cầm đầu mấy ngàn người theo Bái Công đi về hướng Tây Nam cướp đất. Lịch Sinh thường làm thuyết khách ruổi ngựa đi sứ các nước chư hầu.

3.

Năm thứ ba nhà Hán, mùa thu, Hạng Vũ đánh Hán lấy Huỳnh Dương. Quân Hán bỏ chạy trốn, giữ đất Cung, đất Lạc. Quân Sở nghe tin Hoài Âm Hầu phá Triệu, Bành Việt mấy lần làm phản ở đất Lương, nên chia binh đến cứu. Hoài Âm Hầu lúc bấy giờ đang đi về hướng Đông đánh Tề, Hán Vương thường bị nguy khốn ở Huỳnh Dương, Thành Cao, ý muốn bỏ Thành Cao, đi về phía Đông, đóng ở đất Cung đất Lạc để chống quân Sở. Lịch Sinh bèn nói: -Tôi nghe: "Biết cái trời của trời thì có thể làm nên cơ nghiệp vương, không biết cái trời của trời thì không thể làm nên cơ nghiệp vương". Nhà vua lấy dân chúng làm trời, còn dân chúng thì lấy cái ăn làm trời. Ngao Thương là nơi lâu nay chuyên chở thóc của thiên hạ đến. Tôi nghe nói ở dưới đất cất giấu thóc lúa rất nhiều. Quân Sở lấy Huỳnh Dương, không lo giữ Ngao Thương mà lại đem quân đi về hướng Đông, sai những quân lính bị đày chia nhau giữ Thành Cao. Đó là trời cho nhà Hán vậy. Nay Sở dễ lấy mà Hán lại tự vứt cái chỗ tiện lợi của mình đi, tôi trộm cho là sai. Vả lại hai sức mạnh không thể cùng sống. Sở, Hán giằng co với nhau đã lâu chưa biết ai được ai thua, trăm họ nhốn nháo, thiên hạ rối loạn, kẻ đi cày bỏ cày, đàn bà dệt vải bỏ khung cửi, lòng thiên hạ chưa định về đâu, xin túc hạ mau mau tiến quân đánh Huỳnh Dương, giữ thóc lúa Ngao Thương, chặn lấy cái hiểm của Thành Cao, chặn con đường Thái Hàng, chiếm cửa ải Phi Hồ, giữ bến Bạch Mã để tỏ cho chư hầu thấy cái thế mạnh về địa hình thì thiên hạ biết họ về với ai. Trong lúc này các nước Yên và Triệu đã bình định rồi, chỉ còn nước Tề là chưa lấy được. Điền Quang chiếm cứ một nước Tề rộng ngàn dặm, Điền Gian cầm hai mươi vạn quân đóng ở Lịch Thành, dòng dõi họ Điền

hùng mạnh, lại dựa vào biển, có các sông Hà, sông Tề che chở, phía Nam gần nước Sở. Người Tề hay thay đổi dối trá, tức hạ tụy phái đạo quân mấy chục vạn, nhưng chưa thể trong vòng một năm vài tháng mà phá được. Tôi xin phụng chiếu, thuyết phục vua Tề, khiến nước Tề theo Hán làm cái rào giậu phía Đông của Hán.

Nhà vua nói: -Hay lắm!

Bèn theo kế của Lịch Sinh, lại giữ Ngao Thương, sai Lịch Sinh du thuyết vua Tề. Lịch Sinh nói với vua Tề: -Nhà vua có biết thiên hạ sẽ về đâu không?

-Không biết!

-Nếu nhà vua biết thiên hạ sẽ về đâu thì có thể có được nước Tề, nếu không biết thiên hạ sẽ về đâu thì sẽ không giữ được nước Tề.

Vua Tề hỏi: -Thiên hạ sẽ về đâu?

-Về Hán.

-Tại sao ông lại nói thế?

-Hán Vương cùng Hạng Vương ra sức quay mặt về hướng Tây để đánh Tần. Theo giao ước, ai vào Hàm Dương trước thì người ấy được làm vương. Hán Vương vào Hàm Dương trước, Hạng Vương bội ước không cho Hán Vương làm vương ở đây mà cho làm vương ở Hán Trung. Hạng Vương dời Nghĩa Đế đi rồi giết. Hán Vương nghe tin ấy, cử quân đất Thục và đất Hán, đánh Tam Tần, ra cửa quan trách tội Hạng Vũ về việc dối xử với Nghĩa Đế, thu binh thiên hạ, lập con cháu của chư hầu. Tướng nào đánh được thành bắt địch đầu hàng thì được phong hầu thành đó, được của là chia cho binh sĩ, cùng hưởng lợi chung với thiên hạ. Những người anh hùng hào kiệt, nhân tài từ bốn phía kéo đến, thóc của Thục Hán kết thuyền từ thượng lưu đưa xuống. Hạng Vương mang cái tiếng bội ước, giết Nghĩa Đế, người ta lập được công thì Hạng Vương không hề nhớ, người ta phạm tội thì Hạng Vương không hề quên. Các tướng đánh thắng nhưng vẫn không được thưởng, lấy được thành nhưng không được phong, nếu không phải là họ hàng thì không được tin dùng. Hạng Vương khắc ấn xong lại tiếc cứ mận mê sờ mó mà không cho người ta. Khi đánh thành được của cải cứ chất đống mà không thưởng cho binh sĩ. Thiên hạ làm phản. Những người hiền tài oán giận mà không ai theo. Cho nên kẻ sĩ trong thiên hạ sẽ theo về Hán Vương, cái đó, có thể ngồi mà tính được, Hán Vương đem quân từ đất Thục và đất Hán, bình định Tam Tần, vượt qua Tây Hà, cầm binh ở Thượng Đảng, xuống Tỉnh Hình giết Thành An Quân, phía Bắc Ngụy [*Đây chỉ Ngụy Báo vì Báo làm Ngụy Vương ở phía Bắc Hoàng Hà.*] lấy ba mươi hai thành. Đó là binh của Xuy Vu [*Xuy Vu được xem là thần chiến tranh. Đoạn này kể những chiến công của Hàn Tín (Xem Hoài Âm Hầu liệt truyện).*], không phải sức con người làm được

mà là cái phúc của trời. Nay Hán Vương đã giữ được lúa của Ngao Thương, chặn lối Thành Cao hiểm trở, giữ bên Bạch Mã, chặn sườn núi Thái Hàng, nắm lấy cửa ải Phi Hồ. Thiên hạ ai theo sau thì sẽ bị mất trước. Nhà vua nên mau mau theo hàng Hán Vương trước đi! Như thế thì xã tắc nước Tề có thể giữ được, nếu không hàng Hán Vương thì cái cảnh nguy vong có thể đứng mà đợi nó đến.

Điền Quảng cho là phải. Bèn nghe lời Lịch Sinh, rút quân phòng giữ ở Lịch Hạ, cùng Lịch Sinh suốt ngày đêm uống rượu say.

4.

Hoài Âm Hầu nghe tin Lịch Sinh đã dùng cách thuyết phục mà lấy được hơn bảy mươi thành của Tề, bèn đang đêm đưa binh vào bình nguyên, đánh úp nước Tề. Vua Tề là Điền Quảng nghe tin quân Hán đã đến, cho rằng Lịch Sinh đã lừa mình bèn nói: -Nếu nhà ngươi có thể làm cho quân Hán dừng lại thì ta sẽ cho nhà ngươi sống. Nếu ngươi làm không được thì ta sẽ nấu nhà ngươi.

Lịch Sinh nói: -Làm việc lớn thì không xét việc nhỏ, gặp cái đức lớn thì không nhường và từ chối, sao ông không làm lại còn nói thế? [*Ý nói Lịch Sinh sẵn sàng chịu chết, sao vua Tề lại không hàng Hán mà nói chuyện đánh Hán.*]

Vua Tề bèn nấu Lịch Sinh, đem binh chạy về hướng Đông. Năm thứ mười hai nhà Hán, Khúc Chu Hầu Lịch Thương làm thừa tướng đem quân đánh Kinh Bô có công. Khi phong các hầu và các công thần, Cao Tổ nghĩ đến Lịch Tự Cơ, cho nên con của Lịch Tự Cơ là Lịch Giới mấy lần cầm binh, tuy công chưa đáng phong hầu nhưng vì cha có công nên nhà vua phong Giới làm Cao Lương Hầu, về sau lại đổi làm Vũ Toại Hầu. Kế tiếp ba đời đến giữa năm đầu niên hiệu Nguyên Thú, Vũ Toại Hầu tên là Bình phạm tội giả làm chiếu của Hành Sơn Vương để lấy một trăm cân vàng, tội đáng chém ở chợ. Bình mắc bệnh mà chết, tên nước bị xóa bỏ.

Lục Giả

1.

Lục Giả là người nước Sở làm môn khách theo Cao Tổ, bình định thiên hạ nổi tiếng là người có tài biện luận. Giả ở gần nhà vua, thường đi sứ sang các chư hầu.

2.

Trong thời Cao Tổ, Trung Quốc mới được bình định, viên úy Triệu Đà bình định được nước Nam Việt, nhân làm vua ở đây. Cao Tổ sai Lục Giả phong cho Triệu Đà làm Nam Việt Vương. Lục Giả đến. Viên úy Triệu Đà bôi tóc, ngồi xôm tiếp Lục Giả.

Lục Giả nhân tiến lên nói với Đà: -Túc hạ là người Trung Quốc, bà con thân thích, anh em, mồ mả ở Chân Định [*Thuộc nước Triệu.*]. Nay túc hạ làm trái thiên tính, bỏ đai mũ, muốn lấy cái nước Việt cô độc chống cự với thiên tử làm thành một nước địch thì tai họa sẽ đến thân đây. Và lại, nhà Tần bỏ mất chính sự, chư hầu hào kiệt đều nổi lên, nhưng chỉ có Hán Vương đầu tiên vào cửa quan chiếm được Hàm Dương, Hạng Vũ bội ước tự lập làm Tây Sở Bá Vương, chư hầu đều theo ông ta, như thế có thể gọi là hùng mạnh vô cùng. Thế mà Hán Vương nổi lên từ đất Ba đất Thục, roi quét thiên hạ, cướp chư hầu rốt cục diệt được Hạng Vũ. Trong vòng năm năm đã bình định cả thiên hạ, đó không phải sức người làm được mà do ý trời. Thiên tử nghe nói nhà vua làm vua ở Nam Việt, không giúp thiên tử giết bọn bạo nghịch, các quan văn võ muốn đem binh đến trừng trị nhà vua. Nhưng thiên tử thương trăm họ mới khó nhọc khổ sở, cho nên hãy cho họ nghỉ ngơi, sai tôi trao ấn quân vương, chắt phù, cho sứ thần đi lại. Nhà vua nên ra đón từ xa [*Nguyên văn: giao nghinh. Theo nghĩa đen là đón cách nước một trăm dặm.*], quay mặt về hướng Bắc xưng thần mới phải, thế mà lại muốn lấy nước Việt mới lập, chưa bình định xong, xưng hùng xưng bá ở đây. Nếu vua Hán quả biết điều đó thì sẽ sai đào nỏ đốt mả của cha ông nhà vua, diệt dòng họ, sai một viên tướng cầm mười vạn quân đến Việt. Thế thì nước Việt sẽ giết nhà vua mà đầu hàng Hán như trở bàn tay thôi.

Triệu Đà bèn hoảng hốt, ngồi thẳng, xin lỗi Lục Sinh: -Tôi ở Man Di đã lâu bỏ mất lễ nghĩa.

Nhân hỏi Lục Sinh: -Tôi so với Tiêu Hà, Tào Tham, Hàn Tín ai giỏi hơn.
-Nhà vua có vẻ giỏi hơn.

Lại hỏi: -Tôi so với Hoàng đế ai giỏi hơn?

Lục Sinh đáp: -Hoàng đế nổi lên từ ấp Phong, quận Bái, trừ nhà Tần bạo ngược, giết nước Sở mạnh, vì thiên hạ hưng lợi trừ hại, nổi cơ nghiệp của

Tam Hoàng, Ngũ Đế, thống trị Trung Quốc. Người Trung Quốc đông kẻ hàng ỨC, đất xuống vạn dặm, ở nơi giàu có nhất trong thiên hạ, người đông, xe cộ, vạn vật giàu có, phong phú quyền chính do một nhà cai quản, từ khi trời đất tách rời nhau cho đến nay chưa hề có ai được như vậy. Nay dân của nhà vua chẳng qua vài chục vạn, đều là man di, cô độc, ở giữa nơi núi non, biển cả, cũng ví như một quận của Hán, nhà vua làm sao lại so sánh mình với Hán được!

Úy Đà cười vang nói: -Ta không nổi lên ở Trung Quốc cho nên làm vua ở đây thôi. Nếu ta ở Trung Quốc thì việc gì lại không được như Hán!

Bèn rất thích Lục Sinh, giữ lại uống rượu mấy tháng, nói: -Trong nước Việt không có ai đáng nói chuyện với tôi, khi ông đến đây, tôi ngày ngày được nghe những điều chưa được nghe.

Triệu Đà cho Lục Sinh một cái túi ngọc đáng giá ngàn vàng, lại cho một món quà khác cũng đáng giá ngàn vàng. Lục Sinh cho Úy Đà làm vua Việt, bảo ông ta xưng thần, thờ nhà Hán.

3.

Giao ước xong, Lục Sinh về, Cao Tổ cả mừng, cho làm thái trung đại phu. Lục Sinh thường hay đến trước nhà vua nói chuyện Kinh Thi, Kinh Thư. Cao Đế mắng Lục Sinh: -Ông mà ngồi trên mình ngựa mà lấy được thiên hạ, cần gì Kinh Thi với Kinh Thư?

Lục Sinh nói: -Nhà vua ngồi trên mình ngựa lấy được thiên hạ, nhưng có thể ngồi trên lưng ngựa mà cai trị thiên hạ không? Và chẳng, các vua Thành Thang, Vũ Vương lấy được thiên hạ một cách nghịch, nhưng lại giữ thiên hạ một cách thuận. Dùng cả văn lẫn vũ là cái thuận lâu dài. Ngày xưa, vua Ngô Phù Sai, Trí Bá đều hết sức mạnh mà vẫn bị diệt vong, nhà Tần dùng hình pháp không thay đổi nên cuối cùng họ Triệu bị diệt [*Vua Tần họ Triệu*]. Giả sử trước đây sau khi nhà Tần đã thôn tính thiên hạ, lại thi hành nhân nghĩa, theo phép tắc của các vị thánh ngày xưa thì bệ hạ làm sao mà có được thiên hạ?

Cao Đế không vui, có vẻ hơi thẹn, bèn bảo Lục Sinh: -Ông thử vì ta viết tại sao Tần mất thiên hạ, tại sao ta lại được thiên hạ và những nước xưa tại sao lại thành, tại sao lại bại?

Lục Sinh bèn thuật qua những bằng chứng về sự tồn tại hay sự diệt vong của một nước, tất cả mười hai thiên. Mỗi khi một thiên đưa lên, bao giờ Cao Tổ cũng khen, các quan hầu đều kêu "Vạn tuế". Gọi sách là Tân Thư.

4.

Trong thời Hiếu Huệ hoàng đế, Lữ thái hậu cầm quyền chính muốn

phong họ Lữ làm vương, sợ các quan đại thần có tài biện luận. Lục Giả tự xét không thể nào can được, bèn cáo bệnh xin thôi, về nhà, cho là đất ruộng Hảo Chi tốt có thể làm nhà ở đây. Giả có năm người con trai. Giả bèn đem số ngọc trong túi đã có được khi đi sứ ở Việt ra bán được nghìn cân vàng, chia cho mỗi người con trai ba trăm cân sai con lo làm ăn. Giả thường đi xe bốn ngựa, người đi theo ca múa gảy đàn cầm đàn sắt có đến mười người, cầm thanh bảo kiếm giá ngàn vàng bảo người con: -Ta giao ước với mày, khi ghé qua nhà mày thì mày cung cấp cho người và ngựa của ta ăn uống tha hồ, muốn gì cũng được, sau mười ngày lại qua nhà khác. Ta chết ở nhà ai, nhà ấy sẽ được bảo kiếm, xe cộ và những người tùy tùng. Trong một năm ta đi lại các nhà chẳng qua hai ba lần. Thường thường ta đến nhà mày, đừng để có những thức ăn không tươi, đừng ngại ta ở lâu.

Trong thời kỳ Lữ thái hậu, thái hậu phong những người họ Lữ làm vương, bọn họ Lữ chuyên quyền muốn uy hiếp vị vua còn nhỏ tuổi, làm nguy họ Lưu. Hữu thừa tướng là Trần Bình sợ sức mình không thể can ngăn, bị nguy đến thân, thường ngồi một mình suy nghĩ sâu xa. Lục Giả đến thăm, vào thẳng chỗ ngồi. Bấy giờ Trần thừa tướng đang suy nghĩ đăm chiêu, ông thấy Lục Sinh, Lục Sinh nói: -Suy nghĩ gì mà đăm chiêu thế?

Trần Bình nói: -Ông đoán thử tôi nghĩ gì?

Lục Sinh cười: -Túc hạ làm hữu thừa tướng, là bậc hầu, đất phong ba vạn nhà, có thể gọi là giàu sang cực không gì hơn nữa. Nhưng có điều lo nghĩ chẳng qua lo về họ Lữ và vị vua còn nhỏ mà thôi.

Trần Bình nói: -Đúng! Nên làm thế nào?

Lục Sinh nói: -Khi thiên hạ yên thì người ta chú ý đến ông thừa tướng, khi thiên hạ nguy thì người ta chú ý đến ông tướng quân. Thừa tướng và tướng quân hòa hợp với nhau thì các kẻ sĩ theo, các kẻ sĩ theo thì thiên hạ tuy có biến nhưng cái quyền vẫn không bị chia xẻ. Cho nên muốn lo việc xã tắc là ở trong tay hai vị mà thôi. Tôi thường nói với quan thái thú Giáng Hầu, nhưng Giáng Hầu với tôi là chỗ bạn chơi, xem thường lời nói của tôi. Tại sao ông không đi lại vui vẻ với thái úy và liên kết thân mật với nhau?

Lục Giả giúp Trần Bình bày mấy kế về việc họ Lữ. Trần Bình dùng kế của Giả, bèn đem năm trăm cân vàng biếu Giáng Hầu làm lễ chúc thọ có đủ tiệc rượu và âm nhạc. Thái úy cũng đáp lại như vậy. Hai người này liên kết với nhau chặt chẽ, mưu của họ Lữ càng kém đi. Trần Bình bèn đem một trăm nô và tỳ, năm mươi cỗ xe, năm trăm vạn đồng tiền tặng cho Lục Sinh để làm phí tổn trong việc ăn uống. Lục Sinh lấy những thứ này đi chơi với các công khanh ở triều đình nhà Hán, tiếng tăm lừng lẫy.

Đến khi giết họ Lữ lập Hiếu Văn Đế, Lục Sinh cũng có công. Hiếu Văn Đế lên ngôi muốn sai người đi Nam Việt, bọn Trần thừa tướng bèn cử Lục

Sinh làm thái trung đại phu qua đi sứ Triệu Đà, bảo Úy Đà bỏ xe hoàng ốc, đừng gọi mệnh lệnh của mình là "chế" cho ông ta theo đúng nghi lễ của chư hầu. Những việc ấy Lục Giả đều làm được như ý muốn của nhà vua. Việc này chép trong phần về Nam Việt.

Lục Sinh rốt cục chết trọn tuổi trời.

Lời bàn

Thái sử công nói: Đời truyền sách của Lịch Sinh thường nói sau khi Hán Vương đã lấy Tam Tần, phía Đông đánh Hạng Tịch, đem quân vào miền đất giữa đất Cửng và đất Lạc, Lịch Sinh mặc áo nhà nho đến thuyết Hán Vương. Nói thế là không đúng. Ngay từ khi Bái Công chưa vào Quan Trung, chia tay với Hạng Vũ, đến Cao Dương đã gặp anh em Lịch Sinh. Tôi đọc sách Tân ngữ của Lục Sinh gồm mười hai thiên, thực là người có tài biện luận trong đời.

[37]
QUÝ BỐ, LOAN BỐ liệt truyện

- [1. Quý Bô](#)
- [2. Loan Bô](#)
- [3. Lời bàn](#)

1. Quý Bô

Quý Bô là người nước Sở, tính khí khái, thích làm việc nghĩa hiệp, nổi tiếng ở nước Sở. Hạng Tịch cho cầm quân, nhiều lần làm Hán Vương nguy khốn. Đến khi Hạng Vũ bị diệt, Cao Tổ thưởng ngàn vàng cho ai tìm được Bô, ai dám giấu trong nhà thì trị tội giết ba họ. Quý Bô trốn ở nhà họ Chu ở đất Bộc Dương. Họ Chu nói: - Nhà Hán tìm tướng quân gấp, sắp đến nhà tôi. Nếu tướng quân nghe lời thì tôi xin hiến kế, nếu không thì xin tướng quân tự sát trước.

Quý Bô bằng lòng. Họ Chu bèn cạo đầu, lấy vòng sắt buộc vào cổ, cho mặc áo ngắn đặt ở trong xe tang cùng vài mươi người đẩy tó trong nhà đem Quý Bô đến bán cho nhà Chu Gia [*Xem Du hiệp liệt truyện.*]. Chu Gia biết là Quý Bô, bèn mua, cho ra đồng cày và dặn con trai: -Việc cày ruộng thì nghe lời tên nô này, phải cùng ăn với nó.

Chu Gia bèn lên xe một ngựa đi Lạc Dương, yết kiến Nhữ Âm Hầu là Đẳng Công. Đẳng Công giữ Chu Gia ở lại uống rượu mấy ngày. Chu Gia nhân đây nói với Đẳng Công.

-Quý Bô có tội gì lớn mà hoàng thượng tìm gấp như thế?

Đẳng Công nói: -Bố nhiều lần làm hoàng thượng nguy khốn, hoàng thượng oán ông ta cho nên nhất định muốn bắt ông ta cho kỳ được.

-Ông xem Quý Bô là người như thế nào?

Đẳng Công nói: -Là người hiền.

Chu Gia nói: -Là tôi thì ai thờ chủ người ấy, Quý Bô theo Hạng Tịch đó chỉ là làm theo chức vụ mà thôi. Nhà vua có thể giết tất cả bầy tôi họ Hạng không? Nay hoàng thượng mới được thiên hạ, lại chỉ vì cái oán riêng của mình mà tìm bắt một người, sao lại tỏ lòng hẹp hòi với thiên hạ như thế? Vả chăng, Quý Bô hiền mà Hán lại tìm bắt ông ta gấp, thì ông ta không chạy về hướng Bắc theo Hồ cũng chạy về hướng Nam theo Việt mà thôi. Cái lỗi ghét người tráng sĩ để đến nỗi buộc họ phải giúp cho nước địch là điều đã khiến Ngũ Tử Tư quật roi trên mộ Bình Vương nước Sở đấy [*Cha và anh Ngũ Tử Tư bị Sở Bình Vương giết. Tử Tư bỏ trốn sang Ngô đem quân đánh tan quân Sở lấy roi quật thây Bình Vương cho hả cơn giận. Đây nói quật trên mộ là nói bóng.*]. Tại sao ông không nhân lúc rảnh nói với hoàng thượng?

Nhữ Âm Hầu Đẳng Công vốn biết Chu Gia là người rất nghĩa hiệp, nghĩ chắc Quý Bô lánh ở nhà ông ta, bèn hứa: -Vâng.

Nhân lúc rảnh, Đẳng Công quả nhiên nói lại như ý của Chu Gia. Nhà vua bèn tha tội cho Quý Bô.

Lúc bấy giờ mọi người khen Quý Bô biết bề cứng thành mềm [*Ý nói: chịu khuất phục, cạo tóc đầu làm nô lệ.*], Chu Gia cũng vì việc ấy mà nổi tiếng ở đời. Quý Bô được mời ra yết kiến, Bô tạ tội, nhà vua cho làm lang

trung.

Trong thời Hiếu Văn, Bô làm lang trung tướng. Thiên Vu có lần đưa thư làm nhục Lữ Hậu, lời lẽ thô tục. Lữ Hậu cả giận, cho mời các tướng để bàn. Thượng tướng quân Phàn Khoái nói: -Thần xin được mười vạn quân, tung hoành ở đất Hung Nô.

Các tướng đều phụ họa theo ý của Lữ Hậu, nói: -Phải.

Quý Bô nói: -Phàn Khoái đáng chém! Cao Đế cầm quân hơn bốn mươi vạn, còn bị nguy khốn ở Bình Hành, nay với mười vạn quân, Khoái làm sao có thể tung hoành ở đất Hung Nô được? Thế là nói dối trước mặt thái hậu. Vả chẳng, Tần gây sự với quân Hồ thì bọn Trần Thắng nổi lên, đến nay vết thương vẫn chưa lành. Khoái lại xu nịnh trước mặt thái hậu muốn làm thiên hạ rung động.

Những người trên điện lúc bấy giờ đều sợ. Thái hậu bãi triều. Sau đó không bàn đến việc đánh Hung Nô nữa.

Quý Bô làm thái thú ở Hà Đông. Thời Hiếu Văn, có người nói ông là người hiền. Hiếu Văn cho mời vào muốn cho làm Ngự sử đại phu. Lại có người nói ông ta mạnh mẽ, khi đã say thì bướng bỉnh khó gần. Quý Bô đến ở tại nhà khách xá một tháng, bị bãi chức. Quý Bô nhân đấy tiến lên nói: -Thần không có công lao. Trộm được bệ hạ thương đến, chớ tội ở Hà Đông, bệ hạ vô cớ gọi thần, chắc là có người lừa dối bệ hạ về thần. Nay thần đến, không được làm việc gì lại bãi miễn mà về. Điều này chắc là có người gian thần. Bệ hạ vì một người khen mà gọi thần đến, lại vì một người chê mà cho thần đi, thần sợ những người có kiến thức trong thiên hạ nghe thế có thể dò biết bệ hạ là người như thế nào.

Nhà vua im lặng, thẹn. Một hồi lâu, nói: -Hà Đông là quận gần kinh đô của trăm, cho nên riêng triệu nhà người về đó thôi.

Bô từ già về nơi làm quan cũ.

Tào Khâu Sinh người nước Sở là biện sĩ, mấy lần mượn quyền thế của những người sang để kiếm tiền, thờ bọn quý nhân Triệu Đồng [*Triệu Đồng là hoạn quan tên là Đàm, nhân vì tác giả kiêng tên cha nên tác giả viết Đồng.*] chơi thân với Đâu Trương Quân. Quý Bô nghe thấy thế gửi thư can Đâu Trương Quân: -Tôi nghe nói Tào Khâu Sinh không phải là bậc trưởng giả, ông chớ chơi với hắn.

Đến khi Tào Khâu Sinh về, muốn được thư tiên cử của Đâu Trương Quân để ra mắt Quý Bô. Đâu Trương Quân nói: -Quý tướng quân không thích tức hạ, tức hạ chớ có đến!

Tào Khâu cứ một mực xin cho được thư rồi đi. Tào Khâu cho người mang thư đến trước. Quả nhiên Quý Bô cả giận, đợi Tào Khâu. Tào Khâu đến liền vái chào Quý Bô, nói: -Ngạn ngữ nước Sở nói: "Được trăm cân

vàng không bằng một lời ừ của Quý Bô". Túc hạ làm sao được cái tiếng ấy ở giữa miền Lương, Sở? Và chẳng tôi là người Sở, túc hạ cũng là người Sở, tôi nêu cao cái danh của túc hạ ở trong thiên hạ, chẳng lẽ không có công lao gì sao? Tại sao túc hạ cự tuyệt tôi gay gắt đến thế?

Quý Bô bèn vì vậy rất vui lòng, giữ lại mấy tháng làm thượng khách, dùng hậu lễ để tiễn. Sở dĩ danh tiếng Quý Bô càng nổi là do Tào Khâu Sinh truyền bá vậy.

Em trai Quý Bô là Quý Tâm nổi tiếng dũng cảm nhất Quan Trung, đôi đũa với người ta rất cung kính, cẩn thận, tính nghĩa hiệp, trong vòng mấy ngàn dặm, kẻ sĩ đều tranh nhau chết cho ông ta. Có lần giết người, trốn đến đất Ngô ẩn náu tại nhà Viên Tư, xem Viên Tư như bậc anh, xem bọn Quán Phu, Tịch Phúc [[Xem *Nguy Kỳ Hậu, Vũ An Hậu* liệt truyện.](#)] như em. Có lần làm trung tư mã, trung úy Chật Đô không dám không lấy lễ đối xử. Những người trẻ tuổi thường lợi dụng cái tên của Tâm để hành sự. Lúc bấy giờ Quý Tâm và Bô nổi tiếng ở Quan Trung, một người về dũng cảm, một người về tin cẩn trong ngôn ngữ [[Nguyên văn: *Một người về dũng, một người về "ừ". Ý nói Quý Bô đã ừ là làm.*](#)].

Cậu của Quý Bô là Đình Công làm tướng Sở. Đình Công theo Hạng Vũ đuổi đánh và làm khốn quân Cao Tổ ở phía Tây Bành Thành. Binh khí ngăn chạm nhau, Cao Tổ nguy cấp quay lại nói với Đình Công: -Hai người hiền sao lại làm khốn nhục nhau?

Đình Công bèn dẫn quân về. Hán Vương nhờ vậy được thoát. Đến khi Hạng Vương bị diệt, Đình Công yết kiến Cao Tổ. Cao Tổ đem Đình Công ra răn trong quân, nói: -Đình Công làm tôi Hạng Vương mà bắt trung, người làm cho Hạng Vương mất thiên hạ là Đình Công!

Bèn chém Đình Công, nói: -Khiến cho kẻ làm tôi đời sau chớ bắt chước Đình Công.

2. Loạn Bô

Loan Bô là người Lương. Khi Lương Vương là Bành Việt còn làm người dân, thường chơi với Bô cùng khốn qua Tề làm thuê ở nhà bán rượu. Được mấy năm, Bành Việt bỏ đi đến đầm Cự Dã làm cướp, còn Bô thì bị người ta cướp bán làm nô ở đất Yên. Bô trả thù cho chủ nhà mình, tướng Yên là Tang Đồ cho làm đô úy. Về sau, Tang Đồ làm Yên Vương, cho Bô làm tướng. Đến khi Tang Đồ làm phản, Hán đánh Yên bắt Bô làm tù binh. Lương Vương là Bành Việt nghe vậy, nói với nhà vua, xin chuộc Bô làm đại phu ở Lương.

Bành Việt sai Bô đi sứ ở Tề. Bô chưa về thì Hán cho gọi Bành Việt buộc tội mưu phản giết ba họ. Sau đó bêu đầu Bành Việt ở dưới thành Lạc Dương. Lời chiếu nói: "Ai cả gan thu liệm hay xem thì bắt ngay"

Bô ở Tề về báo công việc ở dưới đầu Bành Việt, cúng và khóc. Bọn thư lại bắt Bô báo lên. Nhà vua gọi Bô đến mắng: -Mày theo Bành Việt làm phản phải không? Ta cấm không ai được khâm liệm, mày một mình cúng hấn mà khóc, rõ ràng là mày theo Việt làm phản.

Giục dem nấu. Lúc đang đưa Bô đến vạc nước sôi, Bô quay lại nói: -Cho nói một lời rồi sẽ chết.

Nhà vua nói: -Người nói gì?

Bô nói: -Khi vua đang bị nguy khốn ở Bành Thành, bại trận ở giữa miền Huỳnh Dương, Thành Cao, nhưng Hạng Vương vẫn không sao đi về hướng Tây chỉ là có Bành Việt ở đất Lương cùng hợp tung với Hán làm khổ cho Sở. Trong lúc bấy giờ Bành Vương chỉ cần nghiêng về một bên theo Sở thì Hán bị diệt, theo Hán thì Sở bị diệt. Và chẳng khi gặp nhau ở Cai Hạ, nếu không có Bành Việt thì họ Hạng chưa đến nổi mất. Thiên hạ đã định, Bành Vương được chặt phù, nhận đất phong cũng là muôn truyền đến vạn đời. Nay bệ hạ mới một lần bảo Lương đem binh đến, Bành Vương bị bệnh không đi được thế mà bệ hạ nghi cho là phản. Tội phản chưa thấy, lấy điều vụn vặt để giết, sợ công thần ai cũng tự cho mình sẽ nguy. Nay Bành Vương đã chết thần sống cũng không bằng chết, xin chịu nấu.

Nhà vua bèn tha tội cho Bô, cho làm đô úy.

Trong thời Hiếu Văn, Bô làm tướng quốc ở Yên, làm đến tướng quân. Bô bèn nói: -Khốn cùng mà nhục đến thân, nhụt mất chí thì không phải là người, phú quý mà không làm được thỏa thích ý muốn thì không phải là hiền.

Do đó, ai có ân đức với mình thì Bô báo ơn hậu, ai có oán với mình thì Bô lấy luật pháp giết hại. Khi quân Ngô làm phản, Bô có quân công nên được phong là Dur Hầu, sau lại làm tướng quốc nước Yên. Giữa đất Yên và Tề đều làm sinh từ thời Loạn Bô, gọi là "Đền Loan Công". Bô chết năm thứ

năm đời Cảnh Đế (năm 145 trước Công nguyên). Con là Bồn tập tước cha làm thái thường. Vì lúc tế tự ở tôn miếu không dùng súc vật đúng nghi thức nên nước bị mất.

3. Lời bàn

Thái sử công nói: Trước cái khí khái anh hùng của Hạng Vũ mà Quý Bố vẫn nổi tiếng dũng mãnh ở Sở, thân đã nhiều lần diệt địch, giành lấy cờ địch, có thể gọi là tráng sĩ. Thế nhưng bị hình, chịu làm nô lệ cho người ta mà không chết. Sao mà hèn vậy? Người ấy chắc tự phụ tài mình cho nên chịu nhục mà không xấu hổ, muốn trở cái tài của mình chưa dùng hết vậy. Cho nên rút cuộc làm danh tướng của Hán. Người hiền thực biết trọng cái chết [Tác giả mượn Quý Bố mà bày tỏ tâm sự của mình: Quý Bố nổi tiếng tráng sĩ nhưng chịu làm nô lệ không tự sát, không phải là hèn nhất. Có nhiều cái chết khác nhau. Có cái chết của liệt sĩ như Loan Bố nhảy vào vạc nước sôi như về nhà, có cái chết, vì không có đường thoát của bọn nàng hầu, vợ lẽ.]. Hạng nàng hầu, vợ lẽ hèn hạ cảm khái tự sát không phải có can đảm đâu. Họ không nghĩ được kế gì khác đó thôi! Loan Bố khóc Bành Việt, nhảy vào vạc nước sôi như về nhà. Người ấy thực biết chỗ phải chết không xem trọng cái chết. Dù người liệt sĩ thời xưa cũng làm sao hơn được.

[38]

TRƯỜNG THÍCH CHI, PHÙNG ĐƯỜNG liệt truyện

[1. Trương Thích Chi](#)

[2. Phùng Đường](#)

[3. Lời bàn](#)

1. Trương Thích Chi

Đình Úy [*Đình Úy là chức quan cao nhất về tư pháp.*] Trương Thích Chi là người Đỗ Dương, tên tự là Quý. Thích Chi có người anh là Trọng cùng ở một nhà. Thích Chi nhờ giàu có được làm ky lang [*Chức coi cổng.*] thờ Hiếu Văn Đế. Mười năm không được thăng, không ai biết tiếng. Thích Chi nói: - Làm quan lâu, giảm bớt sự nghiệp của anh Trọng không thích.

Ý muốn xin từ quan về nhà. Trung lang tướng là Viên Áng biết ông hiền, tiếc ông bỏ quan, bèn xin đổi Thích Chi đi làm chức yết giả [*Chức quan lo việc tiếp khách.*]. Sau khi vào chầu xong, Thích Chi nhân đây trình bày những việc nên làm trước mặt nhà vua. Văn Đế nói: -Nói thấp thôi chớ nói chuyện cao xa, nói việc ngày nay có thể làm được.

Thích Chi bèn nói việc giữa thời Tần, Hán tại sao Tần lại mất mà Hán lại nổi lên. Nói một hồi lâu, Văn Đế khen hay, bèn cho Thích Chi làm yết giả bậc xa [*Cầm đầu các yết giả.*].

Thích Chi theo vua đi đến nơi nuôi hổ trong vườn nhà vua. Nhà vua hỏi viên úy coi vườn Thượng Lâm về số chim chóc thú vật ghi vào sổ là bao nhiêu. Hỏi hơn mười câu, viên úy nhìn quanh nhìn quẩn không trả lời được. Người coi chuồng hổ ở bên cạnh thay viên úy trả lời nhà vua rất đầy đủ về số chim chóc, thú vật, nhà vua hỏi là trả lời ngay, thao thao bất tuyệt. Văn Đế nói: -Làm quan há lại không nên như thế sao! Viên úy không nhờ cậy được.

Bèn ra lệnh Thích Chi cho người giữ chuồng hổ làm quan coi vườn Thượng Lâm. Một hồi lâu sau Thích Chi tiến lên nói: -Bệ hạ cho Giáng Hầu Chu Bột là người như thế nào?

Nhà vua nói: -Ông ta là người trưởng giả.

Thích Chi lại hỏi: -Đông Dương Hầu Trương Tương Như là người như thế nào?

Nhà vua lại nói: -Là người trưởng giả.

Thích Chi nói: -Giáng Hầu và Đông Dương Hầu được khen là trưởng giả, nhưng hai người này bàn công việc thì thường không nói ra lời, họ có phải học anh giữ chuồng hổ khua môi múa mép đâu! Và chẳng, nhà Tần vì tin dùng bọn thư lại, bọn thư lại đua nhau về mặt nghiêm ngặt, gắt gao cho là giỏi. Nhưng cái tệ là ở chỗ chỉ lo đến câu văn suông chứ không có lòng thương xót thực sự của con người. Vì vậy, nhà Tần không nghe nói đến sai lầm của mình, dần dà cho đến đời Nhị Thế, thiên hạ suy sụp. Nay bệ hạ cho rằng người giữ chuồng hổ ăn nói lưu loát mà cho thăng vượt bậc, thần sợ thiên hạ đua nhau bắt chước, tranh nhau về chỗ ăn nói lưu loát mà không có thực chất. Và chẳng, ở dưới mà bị trên cảm hóa còn nhanh hơn bóng và tiếng vang, việc thưởng phạt không thể không cẩn thận.

Văn Đế nói: -Phải.

Bèn thôi không cho người coi chuồng hổ làm quan. Nhà vua lên xe gọi Thích Chi cùng ngồi. Xe đi chậm rãi, nhà vua hỏi những việc tề đời Tần. Thích Chi nói thực tất cả. Đến cung, nhà vua cho Thích Chi làm công xa lệnh [*Chức quan coi cửa Tư mã.*].

Được ít lâu, thái tử và Lương Vương cùng đi xe vào triều, không xuống xe ở cửa Tư mã. Thích Chi bèn đuổi theo ngăn thái tử và Lương Vương không cho vào cửa điện. Sau đó, tâu lên hặc họ về tội bất kính, không xuống xe ở cửa công. Bạc thái hậu [*Mẹ của Văn Đế.*] nghe tin ấy, Văn Đế cất mũ tạ lỗi, nói: -Ta không cẩn thận trong việc dạy con.

Bạc thái hậu bèn sai sứ mang chiếu tha lỗi cho thái tử và Lương Vương, sau đó họ mới được vào. Văn Đế vì vậy cho Thích Chi là người kỳ lạ, cho làm trung đại phu.

Ít lâu sau, Thích Chi làm đến trung lang tướng, theo vua đến Bá Lăng. Nhà vua lên mé sông phía Bắc.

Bấy giờ Thận phu nhân đi theo, nhà vua chỉ đường Tân Phong cho Thận phu nhân nói: -Đường này đi Hàm Đan đây [*Thận phu nhân người Hàm Đan.*]!

Vua sai Thận phu nhân gảy đàn sắt, nhà vua hát theo tiếng đàn, ý sâu thăm khiến người buồn nhớ. Nhà vua quay lại nói với các quan: -Than ôi! Lấy đá núi Bắc Sơn làm quách, lấy tơ lót ở trong, lấy sơn phết gắn lại thì còn ai động đến được [*Ý nói động đến linh cữu.*]!

Các quan hầu đều nói: -Phải.

Thích Chi tiến lên nói: -Nếu ở trong ấy có cái mà người ta thích thì dù là linh cữu hàn bằng cả hòn núi Nam Sơn cũng bị người ta soi, nếu ở trong không có gì người ta thích thì dù không có quách bằng đá cũng không có gì phải lo!

Văn Đế khen phải. Sau đó phong Thích Chi làm đình úy

Ít lâu sau, nhà vua đi ra khỏi cầu Trung Vị. Có một người ở dưới cầu chạy ra, ngựa, xe loan của nhà vua hoảng sợ. Vua liền sai quân kỵ bắt giao cho đình úy.

Thích Chi tra hỏi biết người kia ở huyện đến, nghe xe ngựa nhà vua lại nên nấp ở dưới cầu. Một hồi lâu cho rằng vua đã đi qua, người ấy liền ra thì thấy xe ngựa nhà vua, cho nên bỏ chạy đó thôi. Đình úy tâu lên: một người phạm vào lối đi nhà vua đánh phạt tiền. Văn Đế giận nói: -Người này tự mình làm cho con ngựa của ta hoảng sợ. Cũng may ngựa ta hiền lành, chứ nếu gặp con ngựa khác thì chẳng đã làm đổ xe, khiến ta bị thương sao ấy thế mà đình úy lại xử phạt tiền à!

Thích Chi nói: -Pháp luật là chung cho nhà vua cũng như mọi người. Nay pháp luật đã như vậy mà lại thay đổi làm cho nặng thì không được dân

tin. Vả chăng, lúc bấy giờ, nếu nhà vua giết ngay hắn thì thôi. Chứ đã giao cho đình úy, đình úy là người cầm cân nẩy mực cho thiên hạ. Nếu nghiêng về một bên thì những người thi hành pháp luật trong thiên hạ đều theo đó mà tùy ý thêm bớt, dân còn biết đặt tay chân vào đâu? Cúi xin bệ hạ xét cho?

Một hồi lâu, vua nói: -Đình úy thì phải như thế.

Sau đó, có người ăn trộm cái vòng ngọc trước chỗ ngồi ở miếu Cao Đê, bị bắt. Văn Đế giận giao cho đình úy trị tội. Thích Chi căn cứ theo pháp luật tâu, người ăn trộm những vật dùng trong tông miếu của vua phải chém ở ngoài chợ.

Nhà vua cả giận, nói: -Hắn vô đạo, ăn trộm đồ ở miếu tiên đế, ta giao cho đình úy là muốn đình úy giết cả họ hắn, nay nhà ngươi theo luật tâu thì không phải là cái ý muốn tôn kính nơi tông miếu của ta.

Thích Chi cất mũ, để đầu trần tạ lỗi nói: -Pháp luật như thế là đủ. Vả lại, cùng là tội hết cả nhưng phải theo chỗ sự lẽ nghịch hay thuận để phân biệt nặng nhẹ. Nay hắn ăn trộm đồ ở tông miếu mà giết cả họ hắn đi thì nếu như trong muôn một có một tên ngu dân lấy một nắm đất ở Trường Lăng [*Mộ của Hán Cao Tổ*], lúc bấy giờ bệ hạ biết lấy gì mà trị tội thêm nữa?

Một hồi lâu, Văn Đế nói với thái hậu và cho đình úy là phải. Lúc bấy giờ Điền Hầu Chu A Phu làm trung úy và Sơn Đô Hầu Vương Diêm Khai làm tướng quốc nước Lương thấy Thích Chi xét xử công bình nên kết làm bạn thân. Vì vậy Trương đình úy được thiên hạ khen ngợi.

Về sau Văn Đế mất, Cảnh Đế lên ngôi. Thích Chi sợ cáo bệnh, muốn từ quan về vì sợ bị giết đến nơi. Ý ông ta muốn yết kiến nhà vua để tạ lỗi nhưng chưa biết làm sao. Thích Chi dùng mưu kế của Vương Sinh, rớt cục yết kiến nhà vua, tạ tội. Cảnh Đế không bắt lỗi.

Vương Sinh là một người ân sĩ thích nói về Hoàng Đế, Lão Tử. Có lần được triệu vào triều đình, các tam công và cửu khanh đều đứng ở đấy. Vương Sinh là người già, nói: -Tôi tụt giày.

Quy lại bảo Trương đình úy: -Buộc giày cho tôi.

Thích Chi quỳ xuống buộc giày. Sau đấy, có người bảo Vương Sinh: -Tại sao riêng ông lại làm nhục Trương đình úy ở triều đình bắt ông ta buộc giày?

Vương Sinh nói: -Tôi già và hèn, tự nghĩ rằng suốt đời chẳng giúp được gì cho Trương đình úy. Trương đình úy hiện nay là vị quan có danh trong thiên hạ. Tôi cố ý nhân đấy làm nhục đình úy, bắt ông ta quỳ xuống buộc giày là muốn đề cao ông ta.

Các quan nghe vậy, cho Vương Sinh là người hiền và kính trọng Trương đình úy. Trương đình úy thờ Cảnh Đế hơn một năm làm tướng quốc của Hoài Nam Vương, vì chỗ trước kia có lỗi lầm. Mãi về sau, Thích Chi chết,

con là Trương Chi, tự là Trương Công làm quan đến đại phu xin thôi, cho rằng mình không thể a dua để sống theo thế tục nên suốt đời không làm quan.

2. Phùng Đường

Ông của Phùng Đường là người nước Triệu, đến đời cha dời đến đất Đại. Khi nhà Hán nổi lên, dời đến An Lăng. Đường nổi tiếng vì có hiếu, được cử làm người cầm đầu các trung lang thụ. Đường thờ Văn Đế, Văn Đế đi xe qua hỏi Đường: -Tại sao cụ lại làm trung lang? Nhà ở đâu?

Đường cứ theo thực mà tâu. Văn Đế nói: -Khi ở đất Đại, ta thường ăn cơm của người quan coi việc ăn uống là Cao Khur, ông ta mấy lần nói với ta rằng Lý Tề, tướng nước Triệu [*Vì Phùng Đường nói mình là người nước Triệu nên Văn Đế nói chuyện về tướng nước Triệu.*], là người hiền, đánh ở gần Cự Lộc. Nay mỗi khi ăn cơm ta vẫn thường nhớ đến Cự Lộc. Cụ có biết ông ta không?

-Cũng không bằng Liêm Pha, Lý Mục làm tướng.

-Tại sao biết?

-Ông của thần khi ở Triệu coi một đội quân, chơi thân với Lý Mục. Cha của thần vốn làm tướng quốc ở nước Đại chơi thân với tướng nước Triệu là Lý Tề nên biết ông ta là người như thế nào.

Nhà vua nghe nói đến Liêm Pha, Lý Mục lấy làm cao hứng vỗ đùi mà nói: -Than ôi? Ta không có Liêm Pha, Lý Mục để dùng làm tướng. Nếu có thì ta lo gì quân Hung Nô?

Đường nói: -Thần sợ bệ hạ tuy có Liêm Pha, Lý Mục cũng không dùng được.

Nhà vua nổi giận, đứng dậy đi vào cung cấm.

Một hồi lâu sau, nhà vua cho gọi Đường vào trách: -Tại sao ông lại làm nhục ta trước mặt mọi người, ông không có dịp nào khác nữa à?

Đường tâu: -Kẻ hèn mọn này vốn không biết kiêng dè.

Lúc bấy giờ quân Hung Nô mới đem đại quân xâm nhập huyện Chiêu Na, giết đô úy đất Bắc Địa là Ngang. Nhà vua đang lo lắng về giặc Hồ nên cuối cùng lại hỏi Đường: -Tại sao ông biết ta không thể dùng Liêm Pha, Lý Mục được?

Đường tâu: -Thần nghe nói các vua thời thượng cổ khi nào sai tướng thì quỳ xuống đẩy trục bánh xe nói: "Việc trong kinh đô thì quả nhân quyết định, việc ở ngoài kinh đô thì tướng quân quyết định". Việc công quân, khen thưởng ban tước, đều do tướng quân quyết định ở ngoài, khi nào về mới tâu lại. Điều đó không phải lời nói suông [*Trở xuống giải thích tại sao không phải là lời nói suông.*]. Người ông của thần nói Lý Mục khi làm tướng nước Triệu, ở biên giới, thuê ở chợ đều tự tiện dùng để nuôi quân sĩ, việc khen thưởng đều quyết định ở ngoài, trong triều không cản trở. Nhà vua chỉ giao việc chính cốt sao làm tròn trách nhiệm, cho nên Lý Mục mới có thể trở hết tài năng, trí tuệ của mình chọn một nghìn ba trăm cỗ xe, một vạn ba nghìn

quân kỵ bắn tên, mười vạn dũng sĩ [*Nguyên văn: dũng sĩ đáng thưởng trăm cân vàng.*]. Vì vậy cho nên phía Bắc đánh đuổi được Thiên Vu, phá được Đông Hồ, diệt được Đan Lãm [*Xem Liêm Pha, Lan Tương Như liệt truyện.*], phía Tây chống lại nước Tần mạnh, phía Nam giúp đỡ nước Hàn, nước Ngụy. Trong thời bấy giờ, nước Triệu gần như xưng bá. Sau đó, gặp lúc vua Triệu là Thiên lên ngôi, người mẹ là con hát. Thiên nghe lời Quách Khai gièm pha, cuối cùng giết Lý Mục. Sai Nhạn Tự thay thế. Vì vậy cho nên binh bị phá tan, quân sĩ bỏ chạy, vua nước Triệu bị nước Tần bắt và nước bị tiêu diệt. Nay thần trộm nghe Ngụy Thượng làm thái thú ở Vân Trung, tất cả thuế chợ đều dùng để đãi tân khách, thuộc hạ và tướng sĩ, cho nên quân Hung Nô tránh xa không đến gần biên giới Vân Trung. Quân địch có một lần vào, Thượng đem xe và quân kỵ đánh, giết rất nhiều địch [*Việc làm giống như Lý Mục.*]. Sĩ tốt đều là con em của dân, đời bỏ việc cày cấy ra làm lính, làm sao biết được giấy tờ sổ sách! Suốt ngày họ ra sức chiến đấu chém đầu hoặc bắt sống quân địch. Nhưng khi báo công lên cho quân doanh hễ nói một lời không hợp thì bọn quan văn lại lấy luật pháp bắt bẻ nên không được thưởng. Còn bọn quan văn dùng phép tắc bắt bẻ người ta thì lại được tin dùng. Thần ngu dốt cho rằng luật pháp của bề hạ quá sáng suốt, thưởng quá nhẹ, phạt quá nặng. Và chẳng, sở dĩ thái thú Vân Trung Ngụy Thượng phạm tội là vì số thủ cấp báo công lên so với sự thực thiếu sáu cái [*Thưởng phạt khác vua Triệu xưa đối với Lý Mục.*]. Bề hạ giao ông ta cho quan lại xét, truat quan tước bắt ông ta chịu khổ dịch một năm. Cứ thế mà xét thì bề hạ tuy có Liêm Pha, Lý Mục cũng không dùng được. Thần quả thật là ngu, xúc phạm đến điều phải kiêng phải tránh, tội đáng chết, tội đáng chết!

Văn Đế vui lòng. Hôm ấy sai Phùng Đường cầm cờ tiết tha Ngụy Thượng, lại cho làm quan thú Vân Trung. Nhà vua lại cho Đường làm xa kỵ đô úy coi các trung úy và quân lính đánh bằng xe ở các nơi.

Năm thứ bảy, Cảnh Đế lên ngôi, cho Đường làm tướng quốc nước Sở. Đường xin thôi, Vũ Đế lên ngôi cầu người hiền tài, người ta cử Phùng Đường. Lúc bấy giờ Đường hơn chín mươi tuổi, không thể làm quan được nữa, nhà vua bèn cho con của Đường là Phùng Toại làm quan lang.

Toại tên tự là Vương Tôn, cũng là một kẻ sĩ ít có chơi thân với tôi [*Với tác giả.*].

3. Lời bàn

Thái sử công nói: Trương Công nói về bậc trưởng giả, giữ pháp luật không a dua theo ý nhà vua [Câu này nói về việc Trương Thích Chi bàn luận về bậc trưởng giả như Chu Bột.]. Phùng Công bàn về tướng sủy thật thú vị làm sao! Thật thú vị làm sao [Nhắc hai lần vì tác giả rất tán thưởng.]. Ngạn ngữ nói: "Không biết người ấy thì hãy nhìn bạn người ấy". Việc hai người bàn luận tán tụng có thể ghi vào sổ sách triều đình.

Kinh Thư nói: "Không thiên không đảng, đạo vua rộng rãi, công đảng không thiên, đạo vua công bình" [Kinh Thư, thiên Hồng Phạm. Ý nói nếu không thiên lệch và không bè phái thì đạo nhà vua rộng rãi khoan dung lại công bình. Tác giả ca ngợi Trương Thích Chi và Phùng Đường chính trực.].

Trương Công, Phùng Công cũng gần được như vậy [Ghép Trương Thích Chi và Phùng Đường vào một truyện, tác giả muốn ca ngợi những con người muốn nói cho nhà vua biết sự thực dù sự thực ấy không làm nhà vua đẹp lòng. Ở đây tác giả cũng có ý tự ngu.].

[39]
NGUYỄN KỶ, VŨ AN HẦU liệt truyện

[1. Nguyễn Kỳ Hầu Đâu Anh](#)

[2. Vũ An Hầu Diên Phân](#)

[3. Quán Phu](#)

[4. Lời bàn](#)

1. Ngụy Kỳ Hầu Đâu Anh

Ngụy Kỳ Hầu Đâu Anh là con người anh chú bác của Hiếu Văn hoàng hậu. Cha ông đời đời ở đất Quan Tâm, thích tân khách. Trong thời Hiếu Văn, Đâu Anh làm thừa tướng nước Ngô, bị bệnh nên thôi. Khi Hiếu Cảnh mới lên ngôi, Anh làm thêm sự [*Chức quan coi việc trong cung hoàng hậu, thái tử.*], Lương Hiếu Vương là em của Hiếu Cảnh, được mẹ là Đâu thái hậu yêu. Lương Hiếu Vương vào châu, ăn tiệc uống rượu theo lễ anh em. Lúc bấy giờ nhà vua chưa lập thái tử. Uống rượu say, nhà vua ung dung nói: -Sau khi mất, ta sẽ truyền ngôi cho Lương Vương.

Thái hậu mừng rỡ, Đâu Anh giơ chén rượu tiến về phía trước dâng lên nhà vua nói: -Thiên hạ là thiên hạ của Cao Tổ, cha truyền con nối đó là điều nhà Hán đã giao ước. Tại sao bệ hạ lại có thể tự tiện truyền cho Lương Vương

Thái hậu vì vậy ghét Đâu Anh, Đâu Anh cũng cho chức quan của mình là nhỏ, nhân có bệnh xin thôi. Thái hậu gạch sổ tên Đâu Anh trong sổ ra vào cửa cung không cho vào triều yết.

Năm thứ ba đời Hiếu Cảnh (năm 154 trước Công nguyên), nước Ngô, nước Sở làm phản [*Tất cả bảy nước làm phản, quan trọng nhất là Ngô Vương, Sở Vương.*], nhà vua xét ở trong tôn thất và những người họ Đâu [*Tất cả những người trong họ nội (họ Lưu) và họ ngoại bên mẹ (họ Đâu).*] không ai giỏi bằng Đâu Anh nên muốn mời Anh. Anh vào yết kiến, mượn cơ bệnh hoạn từ chối nói mình không đủ sức. Thái hậu cũng thẹn. Bấy giờ nhà vua nói: -Ngày nay thiên hạ đang gặp chuyện nguy cấp, lẽ nào Vương Tôn [*Vương Tôn là tên tự của Đâu Anh.*] lại nhường chức ấy hay sao?

Bèn cho Anh làm đại tướng quân cho một ngàn cân vàng. anh bèn nói: - Viên Áng, Loan Bố [*Xem Quý Bố, Loan Bố liệt truyện.*] là những viên tướng có danh và những kẻ sĩ có tài hiện nay về nhà, nên dùng họ.

Được nhà vua cho bao nhiêu vàng, Anh đều bày ngoài hành lang, dưới mái cửa, thấy các tướng sĩ đi qua liền bảo họ lấy mà dùng, không cho vàng vào nhà.

Đâu Anh giữ đất Huỳnh Dương, cai quản quân Tề và Triệu. Sau khi quân bảy nước đã bị tiêu diệt, Anh được phong làm, Ngụy Kỳ Hầu. Bọn du sĩ, tân khách tranh nhau theo Ngụy Kỳ Hầu. Trong thời Hiếu Cảnh mỗi khi ra triều bàn việc lớn, những người được phong hầu không ai dám xem mình ngang hàng với Điều Hầu [*Điều Hầu là Chu á Phu - Xem Lý tướng quân liệt truyện.*] và Ngụy Kỳ Hầu.

Năm thứ tư đời Hiếu Cảnh (153 trước Công nguyên) lập thái tử Lật, sai Ngụy Kỳ Hầu làm thái phó của thái tử.

Năm thứ bảy đời Hiếu Cảnh. Lật thái tử bị truất, Ngụy Kỳ mấy lần can

ngăn không được. Ngụy Kỳ cáo bệnh rút lui về ở ẩn ở chân núi phía Nam Lam Điền mấy tháng. Các tân khách, biện sĩ khuyên ông, nhưng không ai làm cho ông trở về triều. Cao Toại người nước Lương bèn nói với Ngụy Kỳ: -Người có thể làm cho tướng quân giàu sang là nhà vua, người có thể làm tướng quân thành người thân tín của triều đình là thái hậu. Nay tướng quân làm thái phó thái tử, thái tử bị phế truất, tướng quân không can ngăn được, can ngăn đã không được, lại không dám chết, rút lui cáo bệnh ôm gái nước Triệu lui về nơi nhàn dật không chịu vào triều. Nếu căn cứ vào sự việc mà xem thì đó là tướng quân muốn nêu lên cái sai lầm của nhà vua, nhờ cả hai cung đều giận tướng quân thì vợ con sẽ chẳng còn sống sót được đâu.

Ngụy Kỳ Hầu cho là phải, bèn đứng dậy vào triều như cũ.

Đào Hầu [*Tức Lưu Xá. Lưu Xá được phong là Đào Hầu.*] thôi làm thừa tướng. Đâu thái hậu mấy lần tiến cử Ngụy Kỳ Hầu. Hiếu Cảnh Đế nói: -Thái hậu cho tôi tiếc rẻ điều gì, mà không cho Ngụy Kỳ làm thừa tướng hay sao? Ngụy Kỳ là người tự phụ tự đắc, dễ khinh suất trong công việc, khó lòng làm thừa tướng, một chức vụ cần con người thận trọng.

Vì vậy nhà vua không dùng Đâu Anh, mà dùng Kiến Lăng Hầu là Vệ Uyển làm thừa tướng.

2. Vũ An Hầu Điền Phân

Vũ An Hầu Điền Phân là người em cùng mẹ với hoàng hậu vua Hiếu Cảnh, sinh ở Trường Lăng. Lúc Ngụy Kỳ Hầu đã làm đại tướng quân, thịnh đạt thì Phân làm quan lang chưa được quý trọng, thường qua lại hầu rượu ở nhà Ngụy Kỳ, quỳ xuống đứng lên như bọn con cháu vậy.

Đến cuối đời Hiếu Cảnh, Phân càng được vua yêu quý, làm thái trung đại phu. Phân có tài nói năng, biện luận, học văn tự cổ. Vương thái hậu là người hiền. Khi Hiếu Cảnh mất, liền trong ngày ấy thái tử được lập lên nối ngôi. Hoàng thái hậu thay vua trị vì, thường dùng kế của bọn tân khách của Điền Phân để trấn áp và vỗ về dân chúng. Em của Phân là Điền Thắng, vì là em thái hậu, cho nên Hiếu Cảnh làm vua được ba năm thì Phân được phong làm Vũ An Hầu, Thắng được phong làm Chu Dương Hầu.

Lúc đầu Vũ An Hầu tưởng rằng mình sẽ được làm thừa tướng nên khiêm tốn với các tân khách, tiến cử các danh sĩ, người nào ở nhà thì mời ra làm quan muốn để áp đảo các quan văn võ theo Ngụy Kỳ. Năm thứ nhất niên hiệu Kiến Nguyên (năm 140 trước Công nguyên) [*Trung Quốc bắt đầu có niên hiệu từ đây.*] thừa tướng Uyển bị bệnh nên thôi không làm nữa, nhà vua bàn việc cử người làm thừa tướng và thái úy. Tịch Phúc nói với Vũ An Hầu: -Ngụy Kỳ lâu nay được tôn quý, kẻ sĩ trong thiên hạ vốn theo ông ta. Nay tướng quân mới nổi lên chưa bằng Ngụy Kỳ. Nếu như hoàng thượng cho tướng quân làm thừa tướng thì cứ nhường cho Ngụy Kỳ. Ngụy Kỳ làm thừa tướng thì tướng quân thế nào cũng làm thái úy, Thái úy và thừa tướng cũng tôn quý như nhau thôi. Ngài lại được tiếng nhường cho người hiền.

Vũ An Hầu đem điều đó nói bóng nói gió với thái hậu để thái hậu nói lại với nhà vua. Kết quả Ngụy Kỳ Hầu được làm thừa tướng và Vũ An Hầu làm thái úy. Tịch Phúc mừng Ngụy Kỳ Hầu, nhân đây có lời khuyên: -Ngài tính yêu người thiện, ghét người ác. Nay người thiện khen ngài cho nên ngài làm đến thừa tướng nhưng ngài lại ghét người ác mà người ác lại đông, thế nào họ cũng gièm pha ngài. Nếu có thể bao dung được cả hai hạng người thì ngài sẽ được làm lâu, nếu không ngài sẽ bị người ta gièm pha mà rời bỏ địa vị thừa tướng.

Ngụy Kỳ không nghe.

Ngụy Kỳ và Vũ An đều thích đạo Nho [*Vì thích đạo Nho nên tiến cử những người theo đạo Nho. Lỗ Thần Công tên Bôi nổi tiếng về Nho học ở Lô chuyên trị Kinh Thi, Lỗ Thi còn lại ngày nay là do ông ta soạn. Triệu Quán, Vương Tang là học trò của Bôi.*], tiến cử Triệu Quán làm ngự sử đại phu, Vương Tang làm lang trung lệnh, đón Lỗ Thần Công. Muốn đặt nhà mình đường [*Nhà mình đường: nhà lập nên để triệu chư hầu, phát huy chính giáo của thiên tử.*], khiến chư hầu về nước của mình [*Đời Hán những người được*

phong hầu tuy có đất phong nhưng cứ ở kinh đô không về đất phong của mình.], bỏ việc cấm ra vào cửa ải, làm các lễ phục theo phép tắc, để nêu rõ thiên hạ thái bình. Ngụy Kỳ xét những người họ Đậu và họ tôn thất, ai phẩm hạnh kém thì gạch tên ở trong sổ. Lúc bấy giờ những người họ ngoại đều làm tước hầu, các vị hầu đều lấy công chúa, không ai muốn về nước. Vì vậy người ta ngày ngày gièm pha với Đậu thái hậu. Thái hậu thích thuyết của Hoàng Đế, Lão Tử, trái lại bọn Ngụy Kỳ, Vũ An, Triệu Quán, Vương Tang lại muốn suy tôn Nho giáo đìm Đạo giáo. Vì vậy Đậu thái hậu càng không thích bọn Ngụy Kỳ.

Năm thứ hai niên hiệu Kiến Nguyên (năm 139 trước Công nguyên) ngự sử đại phu là Triệu Quán xin dừng tâu công việc với đông cung [*Bấy giờ Đậu thái hậu ở Trường Lạc cung ở phía Đông gọi là đông cung. Ý nói dừng tâu với thái hậu mà tâu thẳng với nhà vua.*]. Đậu thái hậu giận lắm, bèn phế truất bọn Triệu Quán, Vương Tang và bãi thừa tướng, thái úy cho Bách Chí Hầu là Hứa Xương làm thừa tướng. Vũ Cương Hầu là Trang Thanh Địch làm ngự sử đại phu. Ngụy Kỳ, Vũ An vì vậy vẫn giữ tước hầu mà về ở nhà.

Vũ An Hầu tuy không làm quan, nhưng nhờ Vương thái hậu [*Vương thái hậu vợ Hiếu Cảnh, mẹ Vũ Đế ở trên đã nói là chị cùng mẹ khoe cha với Điền Phân.*] nên được tin yêu, mấy lần bàn công việc đều có kết quả.

Các quan lại và kẻ sĩ ham thế lợi đều bỏ Ngụy Kỳ theo Vũ An. Vũ An ngày càng kiêu căng.

Năm thứ sáu niên hiệu Kiến Nguyên (năm 135 trước Công nguyên). Đậu thái hậu chết, thừa tướng là Xương, ngự sử đại phu là Thanh Địch bị bãi vì không lo việc tang. Nhà vua cho Vũ An Hầu Điền Phân làm thừa tướng, cho quan đại tư nông Hàn An Quốc làm ngự sử đại phu. Kẻ sĩ trong thiên hạ, các quan ở các nước và chư hầu lại càng xu phụ Vũ An. Vũ An mặt mày xấu xí nhưng lại được tôn quý. ông ta cho rằng chư hầu nhiều người lớn tuổi, nhà vua thì mới lên ngôi, tuổi còn nhỏ [*Vũ Đế lên ngôi 16 tuổi.*], mình nhờ là người thân thích nên được làm thừa tướng ở kinh, nếu không dùng nghi lễ để bắt họ phải nhất nhất phục tùng mình thì thiên hạ không sợ.

Lúc bấy giờ thừa tướng vào tâu, ngồi nói chuyện suốt buổi, nói gì cũng được nhà vua nghe theo. Có lần tiến cử người ta từ chỗ chưa làm gì lên đến làm chức quan hai nghìn thạch, quyền lẫn át cả nhà vua. Nhà vua nói: -Ông bỏ nhiệm quan lại đã xong chưa? Tôi cũng muốn bỏ nhiệm quan lại đây.

Có lần Phân xin đất của nha môn để mở rộng thêm nhà cửa của mình, nhà vua nổi giận nói: -Sao ông không lấy luôn cả kho vũ khí cho rồi.

Sau đó, ông ta mới bớt xin xỏ.

Có lần Điền Phân mời tân khách uống rượu để người anh là Cái Hầu ngồi ngoảnh mặt về hướng Nam còn mình ngồi ngoảnh mặt về hướng Đông

[*Đời Hán hướng Đông là tôn quý hơn hướng Nam.*]. Ý ông ta cho rằng mình làm thừa tướng nhà Hán là giữ địa vị cao, không thể vì chỗ anh em mà giảm bớt sự tôn quý. Vì vậy An Vũ càng kiêu ngạo, sửa sang nhà cửa đẹp hơn tất cả các chư hầu. Ruộng vườn đều hết sức màu mỡ còn những người đi các chợ ở các quận huyện để mua các sản vật về thì gặp nhau từng đoàn ở ngoài đường. Trước nhà bày chuông trống, đặt cờ khúc chiên [*Cờ cán cong, cờ này chỉ vua dùng khi đón mời các ẩn sĩ. Điều đó chứng tỏ Diên Phán muốn lấn át nhà vua.*]. Ở phòng sau, đàn bà kẻ đến hàng trăm. Chư hầu mang vàng, ngọc, chó, ngựa đồ chơi đến biếu không kể xiết.

Ngụy Kỳ không còn Đâu thái hậu [*Bấy giờ Đâu thái hậu đã chết.*] nên càng không được dùng, không có thế lực. Tân khách dần dần đổi thái độ, tỏ ra kiêu ngạo. Chỉ có một mình Quán tướng quân vẫn đối xử như cũ. Ngụy Kỳ thường ngày làm li không vui, chỉ chơi thân với một mình Quán tướng quân.

3. Quán Phu

Quán tướng quân tên là Phu người ở huyện Dĩnh Âm. Cha Phu là Trương Mạnh có lần làm môn hạ của Dĩnh Âm Hầu Quán Anh. Mạnh được yêu quý, do đó được tiến cử làm đến chức quan hai nghìn thạch. Mạnh lấy họ Quán, gọi là Quán Mạnh.

Trong thời Ngô, Sở làm phản, Dĩnh Âm Hầu Quán Hà làm tướng quân ở dưới quyền của thái úy, mời Quán Mạnh làm hiệu úy. Phu đem một ngàn người theo cha. Quán Mạnh tuổi già, Dĩnh Âm Hầu cố nài mãi Mạnh mới được dùng. Vì thế Mạnh bực bội không bằng lòng. Lúc chiến đấu Mạnh thường xông vào nơi quân địch mạnh [*Để tỏ rằng mình chưa già.*] và cuối cùng chết ở giữa quân Ngô.

Theo pháp lệnh trong quân, nếu cha con cùng tông quân có người chết thì người còn sống có thể mang hài cốt về. Quán Phu không chịu về lo việc chôn cất, khẳng khái nói: -Xin lấy đầu của Ngô Vương hay đầu của tướng quân nước Ngô để trả thù cho cha.

Quán Phu bèn mang áo giáp, cầm giáo, chọn những tráng sĩ trong quân đội mà mình quen biết, người tình nguyện đi theo được mấy chục. Nhưng khi ra khỏi cửa thành không ai dám tiến lên. Chỉ có hai người và mười mấy người tòng nô [*Nô lệ làm bộ hạ Quán Phu.*] phi ngựa vào trong quân của Ngô, đến dưới cờ đại tướng của Ngô, giết và làm bị thương mấy chục người, không tiến lên được nữa, họ lại phi ngựa về, khi vào thành của Hán thì những người tòng nô đều chết hết chỉ còn một quân kỵ đi theo. Phu bị hơn mười vết thương nặng, may có thứ thuốc quý giá ngàn vàng mới khỏi chết.

Thương tích mới hơi bớt. Phu lại xin với tướng quân: -Tôi đã biết thêm ngõ ngách ở trong thành của quân Ngô, xin cho tôi đi lần nữa.

Tướng quân khen ngợi lòng can đảm nghĩa khí của Phu, nhưng sợ Phu chết mất nên nói với thái úy. Thái úy bèn cố sức can ngăn. Sau khi quân Ngô bị phá, Quán Phu vì vậy nổi tiếng trong thiên hạ.

Dĩnh Âm Hầu nói với nhà vua, nhà vua cho Phu làm trung lang tướng. Được mấy tháng, phạm sai lầm thôi không làm quan.

Sau đó nhà ở Trường An, những người giàu sang ở Trường An không ai không khen ngợi Phu.

Thời Hiếu Cảnh, Phu làm đến thừa tướng nước Đại. Khi Hiếu Cảnh mất, Kim thượng [*Chỉ Vũ Đế. Khi tác giả viết Vũ Đế vẫn còn sống nên gọi là kim thượng.*] mới lên ngôi cho rằng Hoài Dương là nơi then chốt trong thiên hạ, quân mạnh tụ tập ở đây nên cho Quán Phu đến làm thái thú Hoài Dương. Năm thứ nhất mền hiệu Kiến Nguyên, Phu về kinh làm thái bộc. Năm thứ hai Phu uống rượu ở cung Trường Lạc với vệ úy là Đâu Phủ, hai người cãi nhau không ai chịu ai. Phu say, đánh Phủ, Phủ là hàng em của Đâu thái hậu.

Nhà vua sợ Đâu thái hậu giết Phu nên đòi Phu đi làm thừa tướng nước Yên. Được mấy năm, phạm lỗi, bỏ quan về, nhà ở Trường An.

Quán Phu là người cương trực, uống rượu say thì hung hăng, không thích người ta nhìn ở trước mặt. Đối với những người bên ngoài nhà vua, có thể lực hơn mình, không muốn dùng lễ đối xử với mình thì thế nào Phu cũng tranh hơn với họ, trái lại đối với những kẻ sĩ kém mình thì càng nghèo hèn thì Phu càng kính trọng, coi ngang hàng. Ở nơi tụ tập đông người, Phu tiến cử những người hậu bối. Kẻ sĩ cũng vì vậy khen ngợi ông ta.

Tính Phu không thích văn học, thích nghĩa hiệp. Một khi đã ừ với ai thì nhất định làm. Những người Phu đi lại toàn là hạng hào kiệt hay những bọn đại gian, đại ác. Nhà Phu giàu có đến mấy ngàn lạng vàng, khách ăn mỗi ngày ngót trăm người. Họ hàng khách khứa cướp đoạt ruộng vườn, ao hồ, đập tranh quyền giành lợi cho mình, hoành hành ở Dĩnh Xuyên. Trẻ con Dĩnh Xuyên có bài hát: "Nước Dĩnh Xuyên trong họ Quán được vinh, nước Dĩnh Xuyên đục, họ Quán bị giết cả gia tộc".

Tuy Quán Phu nhà giàu nhưng vì mất thế lực nên các quan khanh, tướng, thị trung, khách khứa ngày càng ít đến chơi. Đến khi thất thế, Ngụy Kỳ Hài cũng muốn dựa vào Quán Phu để che chở cho nhau và gạt bỏ những người trước kia hăm mộ nhưng sau bỏ mình. Quán Phu cũng dựa vào Ngụy Kỳ để được đi lại với các liệt hầu, tôn thất, đặng đề cao danh tiếng của mình. Hai người nâng đỡ nhau, tôn trọng nhau, chơi với nhau như cha với con rất là vui vẻ, không lúc nào chán, chỉ tiếc biết nhau quá muộn.

Quán Phu có tang, qua nhà thừa tướng. Thừa tướng ung dung nói: -Ta muốn cùng Trọng Nhụ [*Tên tự của Quán Phu.*] sang nhà Ngụy Kỳ Hài nhưng Trọng Nhụ lại có tang.

Quán Phu nói: -Tướng quân hạ cố đến thăm Ngụy Kỳ Hài, thì Phu này đâu dám vì chuyện có tang mà từ chối. Tôi xin nói lại với Ngụy Kỳ Hài chuẩn bị rượu thịt, tướng quân sáng mai sẽ đến.

Vũ An bằng lòng. Quán Phu nói lại với Ngụy Kỳ Hài tất cả những điều Vũ An Hài đã nói. Ngụy Kỳ cùng vợ mua thêm rượu thịt ban đêm quét tước, dậy sớm sắp đặt cho đến sáng. Tủi tảng sáng đã sai đầy tớ đứng chực ở ngoài cửa. Mãi đến trưa thừa tướng vẫn không đến. Ngụy Kỳ nói với Quán Phu: -Thừa tướng quên hay sao?

Quán Phu bực mình nói: -Phu xin không ngại có tang phục đến mời, thế nào ông ta cũng đến.

Phu bèn lên xe ngựa, thân hành đi đón thừa tướng. Trước đây thừa tướng chỉ nói đùa với Quán Phu thôi chứ thực ra không có ý đến. Khi Quán Phu đến cửa, thừa tướng còn đang nằm trên giường. Quán Phu bèn vào gặp mặt, nói: -Hôm qua tướng quân có hứa đến nhà Ngụy Kỳ, vợ chuẩn bị thức ăn đợi

từ sáng đến giờ chưa dám ăn.

Vũ An kinh ngạc xin lỗi: -Hôm qua tôi say quên mất những điều đã nói với Trọng Nhụ.

Bèn lên xe đi, nhưng lại đi chậm rãi, Quán Phu lại càng nổi giận. Đến khi uống rượu say. Quán Phu đứng dậy múa, mời thừa tướng múa. Thừa tướng không đứng dậy, Quán Phu ngồi nói xúc phạm thừa tướng. Ngụy Kỳ bèn đỡ Quán Phu đưa đi nơi khác xin lỗi với thừa tướng. Thừa tướng uống mãi đến đêm rất vui rồi trở về [*Kể lại một trường hợp hai người tâm bác nhau.*].

Có lần thừa tướng sai Tịch Phúc xin Ngụy Kỳ ruộng, ở phía Nam thành, Ngụy Kỳ cả giận nói: -Già này tuy bị bỏ rơi, tướng quân được tôn quý nhưng làm sao có thể lấy thế lực để cướp của tôi.

Ngụy Kỳ không cho. Quán Phu nghe nói nổi giận mắng Tịch Phúc. Tịch Phúc không muốn hai người sinh hiềm khích, nên dùng lời lẽ khôn khéo để xin lỗi thừa tướng, nói: -Ngụy Kỳ già sắp chết xin chịu khó đợi một chút.

Sau đó Vũ An nghe nói Ngụy Kỳ và Quán Phu giận, không đưa ruộng cho mình, cũng nổi giận, nói: -Con Ngụy Kỳ có lần giết người. Phân này cứu cho nó sống. Xưa Phân nhờ Ngụy Kỳ, Ngụy Kỳ muốn gì cũng được, ông ta còn tiếc mấy đám ruộng sao? Còn Quán Phu thì can dự gì vào việc này! Thôi ta chẳng dám xin ruộng nữa đâu [*Nói dối.*].

Vì vậy Vũ An rất oán Ngụy Kỳ, Quán Phu.

Mùa xuân, năm thứ tư, niên hiệu Nguyên Quang (năm 131 trước Công nguyên) thừa tướng nói: -Quán Phu nhà ở Dĩnh Xuyên hoành hành dữ quá, dân khổ vì ông ta, xin làm án.

Nhà vua nói: -Đó là việc của thừa tướng, còn xin làm gì?

Quán Phu cũng lượm lặt những việc kín của thừa tướng dùng thủ đoạn gian xảo để mưu lợi, lấy vàng của Hoài Nam Vương [*Hoài Nam Vương tên Lưu An, tác giả bộ Hoài Nam tử mưu phản bị lộ, tự sát.*] và những lời nói bí mật của ông ta. Tân khách hai nhà can ngăn hai người mới thôi, oán thù mới được cởi.

Mùa hạ, thừa tướng lấy con gái của Yên Vương làm phu nhân, có chiếu của thái hậu mời liệt hầu tôn thất đến mừng. Ngụy Kỳ Hầu ghé qua nhà Quán Phu, muốn rủ ông ta cùng đi mừng. Quán Phu từ chối nói: -Phu mấy lần say rượu có lỗi với thừa tướng. Thừa tướng bây giờ lại có hiềm khích với Phu.

Ngụy Kỳ nói: -Việc đó đã xong rồi.

Bèn ép Phu cùng đi. Đến khi uống rượu say, Vũ An đứng dậy làm lễ chúc thọ, tất cả cử tọa đều rời khỏi chiếu sụp xuống lạy. Đến khi Ngụy Kỳ chúc thọ thì chỉ có những người quen cũ rời khỏi chiếu mà thôi, còn thì chỉ

quì một chân ở trên chiếu. Quán Phu không bằng lòng, đứng dậy mời rượu đến trước mặt Vũ An. Vũ An quì trên chiếu nói: -Tôi không uống hết được chén rượu.

Phu nổi giận cười lạt mà rằng: -Tướng quân là bậc tôn quý, xin uống cạn chén.

Bấy giờ Vũ An không chịu, Phu cầm rượu đến trước mặt Lâm Nhữ Hầu, lúc này Lâm Nhữ Hầu đang ghé tai nói chuyện với Trình Bất Thức, lại không rời khỏi chiếu, Phu không biết trút giận dữ của mình lên đầu ai, bèn mắng Lâm Nhữ Hầu: -Ông thường ngày gièm Trình Bất Thức, cho ông ta không đáng một đồng tiền, thế mà hôm nay có người trưởng giả chúc thọ, ông lại bắt chước bọn nhi nữ, nói thì thầm bên tai như vậy à?

Vũ An bảo Quán Phu: -Ông Trình và ông Lý [*Lý Quảng, xem [Lý tướng quân liệt truyện.](#)*] người làm vệ úy của đông cung, người làm vệ úy của tây cung. Nay ông Trọng Nhụ làm nhục Trình tướng quân trước mặt mọi người, thế ông Trọng Nhụ không nể mặt Lý tướng quân hay sao?

Quán Phu nói: -Hôm nay chém đầu, đâm vào bụng còn biết gì Trình với Lý nữa [*Ý nói: hôm nay ai phạm vào ta thì ta liều chết đánh lại, cứ gì Trình với Lý. Câu này ám chỉ thừa tướng.*].

Khách khứa đứng dậy giả vờ đi đồng dần dần đi ra. Ngụy Kỳ Hầu vẫy tay bảo Quán Phu ra. Vũ An nổi giận, nói: -Đó là tội của ta làm cho Quán Phu càng kiêu ngạo.

Bèn ra lệnh cho quân kỵ giữ Quán Phu lại. Quán Phu muốn ra không được. Tịch Phúc đứng dậy xin lỗi, đê cổ Quán Phu, bảo tạ lỗi. Quán Phu càng nổi giận, không chịu xin lỗi. Vũ An bèn vẫy quân kỵ trói Phu để ở nhà khách xá, gọi người trưởng sử vào mà bảo: -Hôm nay có chiếu triệu tập những người tôn thất đến, Quán Phu mắng nhiếc tân khách, phạm tội bất kính [*Có chiếu thái hậu triệu tập những người tôn thất. Quán Phu mắng khách tức là phạm tội bất kính. Phạm tội ấy là bị chém.*] trói ở nhà cự thất.

Vũ An bèn xét những việc làm từ trước, sai quan lại chia nhau đuổi bắt, họ hàng họ Quán, đều bị tội chém ở chợ. Ngụy Kỳ Hầu xấu hổ, xuất tiền của, nhờ tân khách xin hộ, nhưng không ai làm sao được. Các quan lại của Vũ An đều là tay chân của ông ta, họ Quán đều trốn tránh. Quán Phu đã bị trói cho nên không làm sao tổ giác những điều mờ ám của Vũ An.

Ngụy Kỳ liền mình tìm cách cứu Quán Phu, vợ can Ngụy Kỳ: -Quán tướng quân có tội với thừa tướng, chống lại gia đình của thái hậu còn cứu làm sao được.

Ngụy Kỳ Hầu nói: -Tước hầu là do ta mà có được, nên tự ta bỏ nó đi thì cũng không tiếc gì. Vả chẳng ta quyết không thể nào để cho Quán Trọng Nhụ chết một mình còn anh này sống sót.

Bèn giấu người nhà, ngầm viết thư dâng lên nhà vua. Nhà vua liền gọi vào, Ngụy Kỳ kể lại đầu đuôi việc Quán Phu say rượu có lỗi, tội không đáng chết. Nhà vua cho là phải, cho Ngụy Kỳ ăn và nói: -Đến đông cung biện luận trước đình thần.

Ngụy Kỳ đến đông cung hết sức ca ngợi Quán Phu là người tốt, nói ông ta say rượu có lỗi, nhưng thừa tướng lại lấy những việc khác vu cáo bắt tội ông ta. Vũ An lại ra sức gièm pha Quán Phu làm những điều ngang ngược, phạm tội phản nghịch vô đạo, Ngụy Kỳ xem chừng không biết làm sao bèn nói những khuyết điểm của thừa tướng.

Vũ An nói: -Thiên hạ may mắn được an ninh vô sự. Phận nhàn là chỗ thân thích làm thừa tướng, điều tôi thích chỉ là âm nhạc, chó ngựa, ruộng vườn, nhà cửa mà thôi. Điều tôi yêu chỉ là những người hát xướng và bọn thợ khéo, chứ không phải như Ngụy Kỳ, Quán Phu, ngày đêm chiêu tập bọn hào kiệt, tráng sĩ trong thiên hạ cùng nhau bàn bạc, trong lòng âm thầm phi báng triều đình, không nhìn lên trời mà cúi đầu vạch dưới đất, chỉ chực chờ hai cung có hiềm khích, mong mỗi thiên hạ có biến động để lập công lớn. Thần không hiểu bọn Ngụy Kỳ làm cái gì [*Ám chỉ lập phe đảng, coi thường thái hậu và hoàng đế chờ cơ hội làm phản.*].

Nhà vua bèn hỏi triều thần: -Trong hai người ai phải?

Ngự sử đại phu Hàn An Quốc, nói: -Ngụy Kỳ nói: "Cha Quán Phu chết, Quán Phu thân mang giáp phi vào chỗ quân Ngô bất trắc, mình bị mấy mươi vết thương, nổi tiếng trong ba quân là bậc tráng sĩ trong thiên hạ, không phạm điều gian ác lớn, việc tranh nhau chén rượu không đủ khiến người ta dẫn ra những sai lầm khác để giết". Điều Ngụy Kỳ nói là đúng. Thừa tướng nói: "Quán Phu đi lại với bọn gian ác, xâm phạm dân lành, nhà giàu hàng trăm triệu, hoành hành ngang ngược ở Dĩnh Xuyên, lấn át tôn thất, xâm phạm những người trong cốt nhục, tức như người ta nói "cành lớn hơn gốc, bắp chân lớn hơn vế, không chặt thì sẽ sinh họa". Lời nói ấy của thừa tướng cũng đúng. Xin hoàng thượng xét.

Cấp Âm [*Xem [Cấp Âm liệt truyện.](#)*] làm chủ tước đô úy cho Ngụy Kỳ là phải, song không dám mạnh bạo nói điều mình chủ trương. Còn những người khác không ai dám nói. Nhà vua giận nội sử [*Chỉ Trình Dương Thời.*] nói: -Nhà ngươi hàng ngày thường nói việc hay dở của Ngụy Kỳ, Vũ An, thế mà hôm nay triều đình bàn bạc thì cứ lúng ta lúng túng như con ngựa bị buộc vào cổ xe, ta chém luôn tất cả bọn ngươi bây giờ.

Nhà vua bèn bãi triều đứng dậy đi vào hầu cơm bên cạnh thái hậu. Thái hậu cũng sai người đi rình, rồi về kể lại tất cả cho thái hậu biết. Thái hậu nổi giận không ăn, nói: -Nay ta còn sống thế mà người ta đều lấn át em của ta, khi ta trăm tuổi rồi thì họ ăn thịt nó mất. Nhà vua há phải là gỗ đá hay sao?

Hiện nay nhà vua đang còn ở đây thì bọn kia chỉ biết phụ họa, nhưng một khi trăm tuổi rồi thì hỏi có nhờ được bọn họ không?

Nhà vua xin lỗi, nói: -Họ đều là người bên ngoài cho nên mới bàn bạc ở triều đình. Nếu không thì đó là việc của một viên lại coi ngục quyết định thôi.

Bấy giờ Thạch Kiến làm lang trung lệnh trình bày cho nhà vua biết nguyên nhân sinh xích mích giữa hai người.

Sau khi bãi triều, Vũ An dừng lại ở cửa Chi Xa [*Cửa ngoài cung cấm.*] gọi Hàn ngự sử đại phu lên cùng ngồi, giận dữ nói: -Trường Nhụ đối phó với một thằng trọc già [*Trường Nhụ là tên tự của Hàn An Quốc, thằng trọc già chỉ Đậu Anh.*] làm gì mà phải rụt rè nhút nhát nói nước đôi như vậy?

Hàn ngự sự thở dài hồi lâu bảo thừa tướng.

-Sao ngài không tự trọng? Ngụy Kỳ chỉ trích ngài, thì đáng lý ngài phải cất mũ, cởi dải ấn, xin về nói: "Tôi là chỗ thân thích may được giữ chức vụ này, chứ thực ra không đủ năng lực. Điều Ngụy Kỳ nói đều đúng cả". Như vậy thế nào nhà vua cũng khen ngài khiêm nhường, mà không truất ngài. Ngụy Kỳ trong lòng thế nào cũng xấu hổ về nhà đóng cửa cẩn lười mà tự sát. Bấy giờ người ta chỉ trích ngài, ngài cũng chỉ trích người ta như bọn đàn bà con nít buôn bán cãi cọ nhau, sao mà ngài không biết đại thể đến thế

Vũ An xin lỗi nói: -Lúc cãi nhau gấp quá không nghĩ đến điều đó.

Nhà vua bèn sai ngự sử căn cứ vào sổ sách chép tội trạng đối chiếu với những lời Ngụy Kỳ khen Quán Phu, thấy có nhiều chỗ không phù hợp, cho là Ngụy Kỳ lừa dối nhà vua nên bỏ tù ở trong ngục đô tư không. Thời Hiếu Cảnh, Ngụy Kỳ đã từng được di chiếu [*Chiếu của Cảnh Đế trao cho trước khi chết.*] nói: "Nếu có việc gì không lợi thì có thể tùy tiện tâu lên nhà vua". Đến khi mắc vào vụ Quán Phu, tội đến bị giết cả họ, việc ngày càng gấp, các quan không ai dám nói với nhà vua nữa. Ngụy Kỳ bèn sai người cháu dâng thư nói may gì được yết kiến lần nữa. Thư tâu lên nhưng ở trong cung không có di chiếu, chiếu thư chỉ cất riêng ở nhà Ngụy Kỳ, lại niêm phong bằng ấn của Ngụy Kỳ là bậc gia thần. Các quan bèn khép Ngụy Kỳ vào tội giả mạo chiếu của tiên đế, tội này bị chém giữa chợ. Tháng mười, năm thứ năm (năm 132 trước Công nguyên) xét tất cả Quán Phu và người nhà. Ngụy Kỳ mãi về sau mới nghe tin. Khi nghe tin nổi giận. Mắc bệnh trúng phong không ăn, muốn chết. Nghe nói nhà vua không có ý muốn giết Ngụy Kỳ, Ngụy Kỳ lại ăn khỏi bệnh. Quả nhiên lệnh ban xuống không khép Ngụy Kỳ vào tội chết. Nhưng có lời đồn đại nói xấu đến tai nhà vua [*Diễn Phán phao rằng Ngụy Kỳ phi báng nhà vua.*] cho nên ngày cuối tháng tháng mười hai bị khép vào tội chém giữa chợ Vị Thành.

Mùa xuân năm ấy Vũ An Hầu mắc bệnh cứ một mực gào xin tha tội. Sau

thầy bói nhìn quẻ xem quẻ là ai thì thấy Ngụy Kỳ cùng Quán Phu giữ lấy ông ta muốn giết ông ta. Vũ An chết, con là Điền tập tước. Năm thứ ba niên hiệu Nguyên Sóc (năm 126 trước Công nguyên). Vũ An Hầu phạm tội mặc áo cụt vào cung bị khép vào tội bất kính.

Việc Hoài Nam Vương là An mưu phản tiết lộ bị trừng trị. Trong triều trước, Hoài Nam Vương vào chầu, Vũ An Hầu làm thái úy đón Hoài Nam Vương ở Bái Thương bảo Hoài Nam Vương: -Nhà vua chưa có thái tử, đại vương là người hiền nhất lại là cháu của Cao Tổ, nếu như nhà vua băng hà, đại vương không được lập thì còn ai được lập nữa?

Hoài Nam Vương cả mừng đưa cho Vũ An Hầu vàng và lễ vật. Sau vụ Ngụy Kỳ, nhà vua không cho Vũ An Hầu là phải, chỉ vì có thái hậu mà thôi. Đến khi nghe việc Hoài Nam Vương dứt vàng, nhà vua nói: -Nếu Vũ An Hầu còn sống thì giết cả họ.

4. Lời bàn

Thái sử công nói: Ngụy Kỳ, Vũ An đều là người bên ngoài nhà vua mà được trọng vọng, Quán Phu nhờ quyết tâm nhất thời mà được nổi danh. Ngụy Kỳ nhờ việc trấn áp Ngô, Sở mà được nổi lên. Vũ An được quý trọng trong phạm vi ngày tháng. Nhưng Ngụy Kỳ thực không biết thay đổi theo thời thế. Quán Phu vô học lại bướng bỉnh ngang ngược, hai người nâng đỡ cho nhau, gây nên tai họa. Vũ An ý thế, muốn cậy quyền chỉ vì chén rượu mà oán giận hãm hại hai người hiền. Ô hô! Thương thay! Làm hại người khác thì mạng của mình không được dài [Chỉ Điền Phên.]. Mọi người không yêu [Chỉ Quán Phu.] kết quả mang tiếng ác. Ô hô! Thương thay!

[40]

LÝ TƯỚNG QUÂN liệt truyện

- [1. Những chiến công của Lý Quang khi còn trẻ](#)
- [2. Tính cách, lối sống và tài bắn cung](#)
- [3. Suốt đời không đạt ý muốn, cuối cùng tự sát](#)
- [4. Con cháu Lý Quang](#)
- [5. Lời bàn](#)

1. Những chiến công của Lý Quảng khi còn trẻ

Tướng quân Lý Quảng là người huyện Thành Kỷ đất Lũng Tây. Tổ tiên là Lý Tín đời Tần làm tướng đuổi bắt được thái tử Đan nước Yên. Trước đây ở Hòe Lý, sau dời đến huyện Thành Kỷ. Nhà Quảng đời đời học bắn cung.

Năm thứ mười bốn đời Hiếu Văn Đế (năm 166 trước Công nguyên) người Hung Nô đem đại quân vào đánh Tiêu Quan, Quảng lấy tư cách con nhà lương thiện tòng quân đánh quân Hồ, nhờ giỏi cưỡi ngựa bắn cung, chém được nhiều đầu giặc, bắt được nhiều giặc nên được làm chức trung lang đời Hán [*Chức quan nhỏ lương 600 thạch lo việc canh phòng trong cung cấm.*]. Em họ của Quảng là Lý Thái cũng làm quan lang. Hai người đều được thăng từ chức trung lang lên làm võ kỵ thường thị [*Chức quan đi theo nhà vua để hộ vệ.*], lương tám trăm thạch. Quảng thường theo nhà vua đi chơi, đã nhiều lần xung phong hãm trận bẻ được cửa quan bắt được thú dữ. Vua Hiếu Văn nói: -Tiếc thay, người không gặp thời! Nếu người sinh thời Cao Đế thì làm chức Vạn hộ hầu chẳng cần phải nói.

Đến khi Hiếu Cảnh mới lên ngôi, Quảng làm đô úy [*Chức quan lương 2000 thạch cai quản binh sĩ một quận.*] quận Lũng Tây, dời làm kỵ lang tướng. Lúc Ngô, Sở [*Ngô và Sở làm phản.*] đem binh nổi dậy, Quảng làm phiêu kỵ đô úy, theo thái úy là Á Phu đánh quân Ngô, quân Sở, giết được cờ, nổi danh ở gần Xương Ấp. Vì Lương Vương trao cho Quảng ấn [*Quảng là người tướng Hán vì có công khi đánh trận ở Lương nên Lương Hiếu Vương trao cho ấn tướng quân và thế là vi phạm pháp lệnh của Hán.*] tướng quân, nên lúc Quảng trở về không được thưởng, đổi sang làm thái thú quận Thượng Cốc. Hàng ngày Hung Nô đến giao chiến, Công Tôn Hồn Da làm đên thuộc quốc [*Công Tôn là họ Hồn Da là tên, đên thuộc quốc là chức quan ngoại giao trông coi các bộ lạc đã đầu hàng nhà Hán.*] khóc than lên vua: -Tài năng và dũng khí của Lý Quảng, trong thiên hạ không có hai, nhưng tự phụ mình giỏi, đánh nhau nhiều lần với giặc sợ chết mất.

Vua bèn đổi Quảng làm thái thú Thượng Quận. Sau đó Quảng sang làm thái thú ở các quận thuộc biên giới rồi chuyển đến Thượng Quận. Quảng đã từng làm thái thú ở Lũng Tây, Bắc Địa, Nhạn Môn, Đại Quận, Vân Trung [*Giải thích câu: ở các quận biên giới. Những quận này đều ở biên giới.*] đều nổi tiếng đánh hăng.

Hung Nô đem đại binh vào Thượng Quận, nhà vua sai trung quý nhân [*Trung quý nhân chức hoạn quan không rõ tên họ.*] theo Quảng tập dượt binh lính để đánh Hung Nô. Trung quý nhân đem mấy chục quân kỵ xông vào quân địch, thấy ba người Hung Nô, giao chiến. Ba người kia quay lại bắn trung quý nhân bị thương, giết gần hết các quân kỵ. Trung quý nhân chạy về gặp Quảng, Quảng nói: -Đó chắc là bọn săn chim điếu.

Quảng bèn đem một trăm quân kỵ đuổi theo ba người. Ba người bỏ ngựa đi bộ, đi được mấy mươi dặm, Quảng sai quân kỵ của mình dàn ra hai cánh tả hữu còn Quảng thân hành bắn ba người kia, giết chết hai người, bắt sống một người thì đúng là bọn Hung Nô săn chim điếu. Sau khi đã trối y đem lên ngựa, nhìn xa thấy có mấy nghìn quân Hung Nô. Họ thấy Quảng cho là quân kỵ ra để dụ quân địch đánh, nên lên núi bày trận [*Để phòng việc bất trắc.*]. Một trăm quân kỵ của Quảng đều cả sợ muốn ruổi chạy về. Quảng nói: - Chúng ta cách đại quân mấy mươi dặm, nay nếu một trăm quân kỵ này bỏ chạy, bọn Hung Nô đuổi theo bắn thì ta chết hết. Nếu ta ở lại, bọn Hung Nô thể nào cũng cho rằng ta ra dụ địch cho đại quân, chúng sẽ không dám đánh chúng ta.

Quảng ra lệnh cho quân kỵ: -Tiến!

Tiến đến cách trận địa của Hung Nô hai dặm, bèn dừng lại, ra lệnh: -Tất cả xuống ngựa cỡi yên!

Quân kỵ nói: -Quân giặc đã đông lại gần, nếu có việc gấp thì làm thế nào?

Quảng nói: -Giặc kia cho rằng chúng ta bỏ chạy. Nay chúng ta đều cỡi yên tỏ rằng không chạy để cho chúng càng tin chúng ta khiêu khích.

Vì thế quân Hồ không dám đánh.

Có viên tướng cưỡi ngựa trắng ra chỉ huy quân sĩ. Lý Quảng lên ngựa cùng hơn mười quân kỵ, xông ra bắn chết viên tướng Hồ cưỡi ngựa trắng rồi lại trở về, vào giữa đám quân kỵ. Quảng cỡi yên, ra lệnh cho quân lính đều thả ngựa mà nằm. Khi ấy trời chiều, quân Hồ vẫn lấy làm lạ không dám đánh. Lúc nửa đêm, quân Hồ cũng cho là Hán có phục binh ở bên cạnh, muốn đang đêm sang đánh họ, nên tướng Hồ rút quân đi. Sáng rõ, Lý Quảng về với đại quân của mình vì đại quân không biết Quảng đi đâu nên không theo tiếp ứng.

2. Tính cách, lối sống và tài bản cung

Mãi về sau, Hiếu Cảnh mất, Vũ Đế lên ngôi. Những người xung quanh nhà vua cho Quảng là bậc danh tướng, nên Quảng được làm thái thú Thượng Quận, được cất làm vệ úy cung Vị Ương, còn Trình Bất Thức thì làm vệ úy cung Trường Lạc.

Trình Bất Thức cùng Lý Quảng đều là thái thú ở ngoài biên, kiêm việc cai quản quân đồn trú. Khi ra đánh quân Hồ, quân của Quảng không chia ra bộ, ngũ [*Các đơn vị từ lớn đến nhỏ.*], không bày thành thế trận, đóng đồn gần những nơi sẵn nước, sẵn cỏ, ai nấy đều cho là tiện, đêm không đánh công để tự vệ, trong quân doanh giảm giấy tờ, sổ sách. Quảng có khi đi xa cách quân canh gác nhưng cũng chưa hề bị hại. Trình Bất Thức thì trong quân chia ra bộ, ngũ, đóng dinh, bày trận phân minh, đêm đánh công, các viên lại coi sổ sách quân lính rất rõ ràng, lính không được nghỉ ngơi. Thế nhưng cũng chưa hề bị hại. Bất Thức nói: -Cách chỉ huy quân của Lý Quảng rất giản dị, nhưng nếu quân địch đột nhiên phạm vào, thì không lấy gì chống lại. Có điều quân lính họ sung sướng, thoải mái đều vui lòng chết cho tướng. Quân của ta tuy phiền nhiễu, nhưng quân địch không phạm nổi ta.

Bảy giờ Lý Quảng, Trình Bất Thức đều là những danh tướng ở ngoài biên quận nhà Hán. Nhưng Hung Nô sợ mưu lược của Lý Quảng, quân lính cũng phần nhiều vui lòng theo ý Quảng mà khổ sở với Trình Bất Thức.

Trong thời vua Hiếu Cảnh, Trình Bất Thức hay đem lời thẳng can gián, được làm thái trung đại phu. Trình là người thanh liêm cẩn thận về mặt giấy tờ và pháp lệnh.

Về sau, Hán đem thành Mã Ấp dụ Thiên Vu, sai đại quân nấp ở các hang bên huyện Mã Ấp còn Quảng thì làm Phiêu kỵ tướng quân dưới quyền Hộ quân tướng quân [*Năm 133 Nhiếp Nhất bày mưu cho Vũ Đế. Nhất trốn sang Hung Nô nói với Thiên Vu: "Tôi có thể khiến quan huyện, mã ấp, đem cả thành đầu hàng". Vua Hung Nô đem mười vạn quân vào biên giới.*]. Nhưng khi ấy Thiên Vu biết mưu, bỏ đi, quân Hán đến, không lập nên công cán gì.

Sau đó bốn năm, Quảng từ chức vệ úy được phong làm tướng, ra ải Nhạn môn đánh Hung Nô. Quân Hung Nô nhiều quá đánh vỡ quân Quảng, bắt sống được Quảng, Thiên Vu vốn nghe tiếng Quảng giỏi, ra lệnh rằng: -Bắt Lý Quảng phải bắt sống mà nộp!

Quân kỵ của Hồ bắt được Quảng. Quảng bây giờ bị thương. Chúng đặt Quảng vào giữa hai con ngựa, ràng dây để đặt Quảng nằm. Đi hơn mười dặm, Quảng giả vờ chết, liếc coi bên cạnh có một tên Hồ cưỡi con ngựa hay. Quảng liền nhảy tót lên ngựa của tên Hồ, đẩy nó xuống, lấy cung của nó, quất ngựa đóng về phương Nam vài mươi dặm, lại tìm được đám quân còn sót của mình, nhân đem quân vào trong cửa ải. Bọn quân kỵ Hung Nô bắt

Quảng gồm có vài trăm cùng đuôi theo Quảng. Quảng vừa chạy vừa lấy cung của tên Hồ bắn các quân kỵ đuôi theo, vì thế được thoát.

Đến khi về kinh thành, nhà Hán giao Quảng cho các quan xét tội. Các quan cho rằng số người và ngựa của Quảng chết và lạc mất nhiều, Quảng đã bị giặc bắt sống, [*Cách xét xử lạ đời.*] kết án chém. Nhờ đem tiền chuộc nên được làm dân thường.

Sau đó, Quảng ở nhà mấy năm. Nhà Quảng gần nhà cháu Dĩnh Âm Hầu [*Dĩnh Âm Hầu là Quán Anh.*] xưa. Hai người đều rút lui về ở nhà quê, trong núi Nam Sơn huyện Lam Điền, thường cùng nhau vào trong núi săn bắn. Thường đem theo một người, cưỡi ngựa, uống rượu với người ta ở giữa đồng. Khi về đến đình Bá Lăng, viên úy Bá Lăng say, quát Quảng dừng lại. Người cưỡi ngựa theo Quảng nói: -Lý tướng quân hỏi trước đây mà?

Viên úy nói: -Tướng quân hỏi này cũng còn không được phép đi đêm nữa là tướng quân hỏi trước.

Y giữ Quảng ngủ lại dưới đình.

Được ít lâu, Hung Nô kéo vào giết quan thái thú Liêu Tây, đánh bại Hàn tướng quân. Hàn tướng quân đổi đi Hữu Bắc Ninh. Vì thế nhà vua gọi Quảng cho làm thái thú Hữu Bắc Bình. Quảng liền xin cho viên úy Bá Lăng cùng đi, khi y tới quân Quảng sai chém chết?

Quảng ở Hữu Bắc Bình, Hung Nô nghe tin gọi là "viên tướng bay của Hán" lánh mặt mấy năm không dám đến. Quảng ra đi săn, thấy tảng đá ở trong cỏ, cho là con hổ, liền bắn trúng ngập hẳn mũi tên. Nhìn lại thì là tảng đá. Nhân lại bắn, nhưng không sao cắm vào đá được nữa.

Quận Quảng ở, nghe nói có hổ, Quảng thường thân hành bắn hổ. Đến khi ở Hữu Bắc Bình bắn hổ, hổ vồ Quảng bị thương. Nhưng cuối cùng Quảng cũng bắn chết được hổ. Tính Quảng thanh liêm, được tiền thưởng là chia ngay cho người dưới, ăn uống chung với quân lính. Trọn đời Quảng làm chức quan ăn hai nghìn học lương hơn bốn mươi năm nhưng nhà không có của cải thừa, Quảng cũng không nghĩ đến chuyện gia sản.

Quảng là người cao lớn, tay dài như tay vợ, khéo bắn cũng là tính trời. Con cháu của Quảng hay người khác tập bắn cũng không ai bằng Quảng.

Quảng nói năng vụng, ít nói. Ở với ai thì vẽ đất làm trận, thi bắn rộng, hẹp, phạt người thua uống rượu. Cho đến lúc chết, chỉ đọc tiêu khiển bằng cách bắn cung.

Khi đem quân đi, đến những nơi thiếu thốn, trông thấy nước, quân lính chưa uống hết lượt thì Quảng không gàn nước, quân lính chưa ăn hết lượt thì Quảng không bao giờ ăn. Quảng rộng rãi không hà khắc, vì thế quân lính đều yêu mến, vui lòng theo.

Lời bắn của Quảng như sau: thấy giặc đến gấp, nhưng nếu không ở trong

tầm vài mươi bước, liệu không trúng thì không bắn. Đã bắn thì địch phải chết lả ngay dưới tiếng dây cung! Vì cách bắn ấy [*Vì bắn ít.*] nên khi đem quân thường bị bao vây, làm nguy khốn, khi bắn thú dữ cũng bị chúng vô bị thương.

3. Suốt đời không đạt ý muốn, cuối cùng tự sát

Ít lâu sau, Thạch Kiến mất, nhà vua bèn triệu Quảng làm lang trung lệnh thay Kiến.

Năm thứ sáu niên hiệu Nguyên Sóc (năm 122 trước Công nguyên), Quảng lại làm hậu tướng quân theo đại tướng quân ra Định Tương đánh Hung Nô. Các tướng phần nhiều chém được đầu giặc đủ số quy định theo công lao được phong hầu, riêng quân của Quảng là không lập được công.

Sau đó bốn năm, Quảng lĩnh chức lang trung lệnh đem bốn nghìn quân kỵ ra Hữu Bắc Bình. Bác Vọng Hầu là Trương Khiên đem một vạn quân kỵ cùng đi với Quảng nhưng khác đường. Đi được độ vài trăm dặm, Tả hiền vương [*Chức quan thống lĩnh quân đội Hung Nô.*] của Hung Nô đem bốn vạn quân kỵ vây Quảng. Quân lính Quảng đều hoảng sợ. Quảng bèn sai con là Cảm cưỡi ngựa xông ra đánh. Cảm chỉ đem theo vài chục quân kỵ xông thẳng qua vòng quân kỵ của Hồ bao vây theo phía tả, phía hữu mà về, thưa với Quảng rằng: -Giặc Hồ dễ đối phó thôi?

Quân sĩ mới yên lòng. Quảng bày trận thành vòng tròn quay ra phía ngoài. Quân Hồ đánh gấp, tên bắn như mưa, quân Hán chết quá nửa, mà tên bên Hán thì gần hết. Quảng bèn ra lệnh cho quân cứ giương cung chừ đừng bắn. Rồi Quảng thân cầm nỏ đại hoàng bắn các tỳ tướng của giặc, giết được vài người, quân Hồ càng nản. Gặp trời chiều tướng sĩ không còn máu mặt, mà Quảng ý khí vẫn như thường, đánh càng hăng. Trong quân từ đó phục Quảng là người can đảm.

Hôm sau, lại ra sức đánh, rồi quân của Bác Vọng Hầu cũng đến. Quân Hung Nô bèn giải vây rút lui. Quân Hán mệt không sao đuổi được. Khi ấy, quân của Quảng mất gần hết phải bãi binh trở về. Theo phép nhà Hán, Bác Vọng Hầu dùng dằng đến sau ngày hẹn, tội đáng chém, nhưng cho chuộc tội làm dân. Còn quân của Quảng công và tội ngang nhau cũng không được thưởng.

Trước đây, Quảng cùng em họ là Lý Thái thờ vua Hiếu Văn. Đời Cảnh Đế, Thái lập nhiều công, lương thực được đến hai nghìn hộ. Đời Hiếu Vũ Đế, Thái làm tướng quốc nước Đại. Năm thứ năm niên hiệu Nguyên Sóc (năm 124 trước Công nguyên), Thái làm Kinh xa tướng quân, theo đại tướng quân đánh Hữu hiền vương, có công [*Nguyên văn "trúng suất" tức là giết đủ số thủ cấp theo quy định. Đời Vũ Đế không có quân công thì không được phong hầu.*] được phong làm Lạc An Hầu. Năm Nguyên Thú thứ hai, Thái thay Công Tôn Hoảng làm thừa tướng. Thái là người vào bậc kém [*Nguyên văn "tại hạ trung" ở bậc hạ trung. Người chia theo giá trị làm 9 hạng từ thượng thượng đến hạ hạ. Hạ trung là ở bậc 8.*], danh tiếng kém Quảng xa. Vậy mà Quảng không được tước, phong ấp, làm quan chẳng qua

đến bậc cửu khanh. Còn Thái thì được phong hầu, địa vị lên đến tam công. Ngay đến các quan lại lính tráng dưới quyền Quảng, cũng có người được phong hầu. Một hôm Quảng nói đùa với người xem thiên văn là Vương Sóc [*Wương Sóc làm chức vọng khí, xem thiên văn để đoán việc hay dở. Tư Mã Thiên có nói đến Sóc trong Thiên quan thư.*] rằng: -Từ khi Hán đánh Hung Nô, không lúc nào Quảng không ở trong quân ngũ. Trong các bộ, ngũ, bọn hiệu úy trở xuống tài năng không đến bậc trung nhưng nhờ quân công trong việc đánh Hồ được phong hầu có đến vài chục người. Quảng thì chẳng hề kém ai, vậy mà chẳng được lấy chút công lao gì để được phong ấp là có làm sao? Hay tướng tôi không đáng phong hầu? Hay đó là số mạng đấy?

Sóc nói: -Tướng quân thử tự nghĩ xem, hoặc giả có điều gì còn ân hận chăng?

Quảng nói: -Tôi có lần làm thái thú Lũng Tây. Người Khương làm phản, tôi dụ họ hàng. Họ hàng hơn tám trăm người. Tôi lừa họ giết cả trong một ngày. Tới nay chỉ có việc đó là rất ân hận mà thôi!

Sóc nói: -Tai họa không gì to bằng việc giết người đã hàng. Tướng quân sở dĩ không được phong hầu là vì thế.

Sau đó hai năm, đại tướng quân và Phiêu kỵ tướng quân đem đại quân đi đánh Hung Nô. Quảng mấy lần tự xin đi. Nhà vua thấy Quảng già không cho mãi sau mới bằng lòng cho làm tiền tướng quân. Năm ấy là năm thứ tư niên hiệu Nguyên Thú (năm 118 trước Công nguyên).

Quảng theo đại tướng quân là Vệ Thanh đi đánh Hung Nô. Khi đã ra ngoài ải, Thanh bắt được giặc, hỏi biết nơi Thiên Vu đóng, bèn thân hành đem tinh binh đi đánh, trái lại sai Quảng hiệp với hữu tướng quân đem quân đi đường phía Đông. Lối phía Đông hơi quanh co và xa mà trên đường đại quân đi lại thiếu cỏ và nước, nên không thể dừng lại được [*Đáng lý chức tiền tướng quân thì phải đi trước dẫn đường cho đại quân. Đường đại quân gần lại thiếu cỏ và nước nên bắt buộc phải đi nhanh và thế nào cũng đến trước.*].

Quảng bèn thân hành xin: -Chức tôi là tiền tướng quân. Sao nay đại tướng quân lại đổi tôi đi đường phía Đông. Và chẳng tôi từ khi kết tóc đã đánh với Hung Nô nhưng đến trận này mới được đối địch với Thiên Vu. Tôi xin đi tiên phong quyết liều chết với Thiên Vu.

Đại tướng quân Vệ Thanh đã ngầm nghe lời vua căn dặn, cho Lý Quảng tuổi già, số xấu, chớ để đối địch với Thiên Vu, sợ không đạt được điều mình muốn. Đã thế bây giờ Công Tôn Ngao [*Công Tôn Ngao trước là bạn Vệ Thanh. Vệ Thanh gặp nạn nhờ Ngao cứu cho khỏi chết. Sau có Công được phong hầu lại vì tội sợ Hung Nô bị xử trảm, chuộc làm thường dân.*] lại vừa mất tước hầu, làm trung tướng quân, đi theo đại tướng quân. Đại tướng quân cũng muốn cùng Ngao sang đánh Thiên Vu cho nên mới đổi tiền tướng quân

Quảng vào việc khác. Khi Quảng biết việc này, cố xin với đại tướng quân. Đại tướng quân không nghe, sai viên trưởng sử cầm phong thư đưa sang trưởng của Quảng nói: "Mau mau đem quân bản bộ đi, theo như lệnh trong thư". Quảng không từ già đại tướng quân, lập tức đi ngay đến bộ, ngũ xem ý rất tức giận, đem quân họp với hữu tướng quân là Tự Cơ, kéo ra lối phía Đông. Quân Quảng không người dẫn đường có khi lạc cả lối, nên đến sau đại tướng quân. Đại tướng quân đánh nhau với Thiên Vu. Thiên Vu trốn chạy. Đại tướng quân không bắt được, trở về. Quay về phía Nam vượt qua sa mạc, gặp tiền tướng quân và hữu tướng quân. Quảng trông thấy đại tướng quân vội lui vào trong quân. Đại tướng quân sai viên trưởng sử đem rượu và lương khô cho Quảng [*Câu có vẻ thừa nhưng tỏ rõ Vệ Thanh không muốn giết Quảng.*] nhân hỏi Quảng và Tự Cơ về việc lạc lối - ý Thanh muốn dâng thư báo với nhà vua về việc quân phải đi đường vòng [*Vệ Thanh và Lý Quảng đều có quân doanh. Trưởng sử lo việc giấy tờ trong quân doanh của đại tướng quân, hiệu úy lo việc giấy tờ trong quân doanh của Quảng.*] - Quảng chưa kịp trình, đại tướng quân lại sai trưởng sử đòi ngay bọn dưới trưởng của Quảng sang để lấy cung.

Quảng nói: -Bọn hiệu úy không có tội. Lạc lối là tự ta, ta sẽ sang cho mà lấy cung.

Quảng bảo những người dưới quyền mình: -Quảng này từ khi kết tóc đánh nhau với Hung Nô, lớn nhỏ hơn bảy mươi trận. Nay được may mắn theo đại tướng quân đi, giáp chiến với quân của Thiên Vu, mà đại tướng quân lại bắt Quảng phải đem quân đi lối vòng xa, rồi lạc mất đường. Đó há chẳng phải tại trời sao? Vả chẳng Quảng ngoài sáu mươi rồi, dù sao cũng không thể mặt mũi nào nhìn bọn thư lại lần nữa!

Bèn rút dao tự đâm cổ. Tướng sĩ và toàn quân của Quảng đều khóc. Trăm họ nghe chuyện ấy, người quen hay không quen, già, trẻ, đều vì Quảng mà sa nước mắt. Còn hữu tướng quân thì giao cho các quan xét án, đáng tội chết, cho chuộc làm thường dân.

4. Con cháu Lý Quảng

Con Quảng, ba người là Đương Hộ, Tiêu và Cảm đều làm quan lang.

Nhà vua đưa vợ Hàn Yên, Yên hơi hỗn [*Hàn Yên là con cháu Hàn Vương Tín, sủng thần của nhà vua.*]. Đương Hộ đánh Yên, Yên chạy. Vì thế nhà vua cho là dưng cảm. Đương Hộ chết sớm, nên cho Tiêu làm thái thú Đại Quận. Hai người đều chết trước Quảng. Khi Đương Hộ chết có người con di phúc tên là Lãng.

Khi Quảng chết ở trong quân, Cảm đang theo Phiêu kỵ tướng quân.

Quảng chết rồi, năm sau, Lý Thái đang làm thừa tướng mắc tội xâm lấn khu đất lũng của vua Hiếu Cảnh, bị giao thư lại xét xử. Thái cũng tự sát chẳng để cho người hỏi cung. Đất phong bị xóa.

Lý Cảm làm hiệu úy theo Phiêu kỵ tướng quân đánh Tả hiền vương của quân Hồ. Cảm cố sức đánh, cướp cờ trống của Tả hiền vương, chém nhiều đầu được phong tước là Quan nội hầu, đất phong là hai trăm hộ, thay Quảng làm lang trung lệnh. Được ít lâu, Cảm oán đại tướng quân Vệ Thanh đã làm cho cha mình tự sát, bèn đánh đại tướng quân bị thương, đại tướng quân giấu kín chuyện ấy. Không bao lâu, Cảm theo vua đem quân lên đất Ung, tới cung Cam Tuyền, đi săn. Phiêu kỵ tướng quân là Khứ Bệnh thân thích của nhà Thanh [*Hoặc Khứ Bệnh gọi Vệ Thanh là cậu.*] bèn bắn chết Cảm. Khứ Bệnh khi ấy đương được vua yêu nên vua nói dối rằng Cảm bị nai húc chết.

Hơn năm sau Khứ Bệnh chết mà Cảm thì có con gái hầu thái tử được thái tử yêu. Con trai Cảm là Vũ cũng được lòng thái tử nhưng ham lợi. Họ Lý dần dần sa sút.

Lý Lãng đã lớn [*Nguyên văn: ký tráng. Ngày xưa ba mươi tuổi gọi là tráng.*], được kén làm quan coi quân canh cung Kiến Chương, coi các quân kỵ, giỏi bắn cung, yêu quân sĩ. Nhà vua nghĩ họ Lý đời đời làm tướng, bèn cho coi tám trăm quân kỵ. Có lần Lãng vào sâu đất Hung Nô hơn hai nghìn dặm, qua đất Cư Duyên, trông địa thế chẳng thấy giặc, nên trở về, được thăng làm đô úy quân kỵ, đem hơn năm nghìn người ở Sở, ở Đan Dương, dạy bắn ở Tửu Tuyền, Trương Dịch để đóng đồn phòng bị giặc Hồ.

Vài năm sau, tới mùa thu năm thứ hai niên hiệu Thiên Hán (năm 99 trước Công nguyên). Nhị sư tướng quân là Lý Quảng Lợi [*Lý Quảng Lợi là sủng thần của Vũ Đế. Nguyên văn Kỳ liên Thiên Sơn. Người Hồ gọi trời là kỳ liên, ở đây tức là Kỳ Liên Sơn hay Thiên Sơn.*] đem ba vạn quân kỵ đánh Hữu hiền vương của Hung Nô ở Kỳ Liên Sơn. Sai Lãng đem quân bộ cùng năm nghìn người thiện xạ qua phía Bắc Cư Duyên chừng hơn nghìn dặm. Ý nhà vua muốn chia sức quân Hung Nô, không để chúng tập trung vào đánh Nhị Sư.

Khi Lãng đã đến ngày trở về, thì Thiên Vu đem tám vạn quân vây đánh

quân của Lãng. Quân Lãng có năm nghìn người, tên bắn đã hết, lính chết quá nửa, nhưng giết hại quân Hung Nô cũng hơn vạn người. Lãng vừa rút lui vừa đánh tám ngày liền. Khi về còn cách Cư Duyên chừng hơn trăm dặm, Hung Nô chặn đứt lối đường hẻm. Quân Lãng thiếu ăn mà cứu binh không tới. Giặc đánh gấp và dụ Lãng hàng. Lãng nói: -Chả còn mặt mũi nào mà nhìn chúa thượng nữa.

Bèn đầu hàng Hung Nô. Đám quân ấy mất hết, còn thừa tan tác hơn bốn trăm trốn được về Hán.

Thiên Vu đã bắt được Lãng, vốn nghe danh tiếng gia đình Lãng, đến khi đánh trận giỏi, bèn đem con gái gả cho Lãng và cho ở địa vị cao. Vua Hán nghe tin, giết mẹ và vợ con Lãng.

Từ đó về sau, họ Lý mất tiếng. Những người ở Lũng Tây từng làm môn hạ họ Lý đều lấy thế làm xấu hổ.

5. Lời bàn

Thái sử công nói: Sách [Luận ngữ, thiên "Tử Lộ".] dạy rằng "Thân mình mà chính, không ra lệnh người ta cũng làm. Thân mình mà không chính, dù ra lệnh cũng không ai theo!".

Đó phải chăng là chuyện Lý tướng quân! [Ý nói Lý Quang chỉ huy quân sĩ, quân sĩ vui vẻ theo.]. Tôi xem Lý tướng quân chất phác như người nhà quê, miệng nói chẳng nên lời. Đến khi chết trong thiên hạ quen hay không quen, đều hết sức thương xót. Đó là vì lòng trung thực của ông làm cho tướng sĩ tin yêu. Tục ngữ có câu: "Đào mận không nói, dưới gốc tự nhiên thành đường!". Câu ấy tuy nói việc nhỏ, có thể hiểu ra lẽ lớn vậy ...

NAM VIỆT ÚY ĐÀ liệt truyện

Vua Nam Việt họ Triệu tên là Đà người huyện Chân Định, trước làm quan úy. Bấy giờ nhà Tần đã chiếm cả thiên hạ, cướp lấy đất Dương Việt, đặt ra các quận Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận để đưa những người bị đày đến ở lẫn với người Việt. Như thế đã mười ba năm. Thời Tần, Đà được làm lệnh ở huyện Long Xuyên, thuộc quận Nam Hải. Đến đời Nhị Thế, quan úy ở Nam Hải là Nhâm Ngao, ốm sắp chết, mời huyện lệnh Long Xuyên là Triệu Đà đến nói: -Tôi nghe bọn Trần Thắng làm loạn. Nhà Tần làm điều vô đạo, thiên hạ khổ cực. Bọn Hạng Vũ, Lưu Quý, Trần Thắng, Ngô Quảng đều dấy binh tụ tập quân sĩ, tranh giành thiên hạ. Trung Quốc loạn lạc chưa biết lúc nao yên. Những người hào kiệt phản Tần đều đứng lên cả. Nam Hải ở nơi xa lánh, tôi sợ quân giặc xâm lấn đến đây, nên định dấy binh chặn đứt con đường mới [*Đường Tần làm để đi thông đến Việt.*] để tự phòng bị, đợi chờ hầu có sự thay đổi. Nay gặp lúc ốm nặng. Đất Phiên Ngung nhân thế núi hiểm trở, đất Nam Hải Đông Tây rộng vài ngàn dặm, lại có người Trung Quốc giúp, cũng là nơi chủ chốt của một châu có thể lập thành nước được. Các trưởng lại trong quận không ai có thể cùng bàn việc ấy nên tôi mời ông đến để nói.

Ngao liền làm chiếu giả cho Đà làm công việc của quan úy quận Nam Hải. Ngao chết, Đà lập tức truyền hịch bảo các cửa quan Hoàn Phố, Dương Sơn, Hoàn Khê rằng: -Quân giặc sắp đến, phải chặn ngay đường, tụ tập quân sĩ để tự bảo vệ.

Rồi dần dần ông dùng hình pháp giết các trưởng lại do nhà Tần đặt ra, dùng những người đồng đảng để thay thế. Khi nhà Tần đã bị tiêu diệt, Đà lập tức đánh chiếm lấy cả Quế Lâm, Tượng Quận, tự lập làm Nam Việt Vũ Vương.

Sau khi Hán Cao Đế bình định được thiên hạ, thấy Trung Quốc mới khổ nhục, cực nhọc, nên tha Đà không trị tội. Năm thứ 11 (năm 196 trước Công nguyên), Hán sai Lục Giả sang, nhân tiện phong cho Đà làm Nam Việt Vương, chặt phù để làm tin, cho phép phái sứ giả đi lại với Trung Quốc, bảo phải hòa hợp với Bách Việt, không được gây việc lo ngại ở biên giới phía Nam.

Nam Việt giáp giới với quận Trường Sa. Thời Cao Hậu, quan đương sự xin cấm không cho người Nam Việt vào mua đồ sắt.

Đà nói: -Cao Đế lập ta làm vương, cho sứ giả cùng hàng hóa được đi lại. Nay Cao Hậu nghe lời bọn bày tôi gièm pha, cách biệt man di, cấm đứt khí vật. Đó chắc là mưu kế của Trường Sa Vương. Ông ta muốn tìm cách dựa

vào Trung Quốc, tiêu diệt Nam Việt để làm vua cả đất của ta.

Đà bèn tự tôn là "Nam Việt Vũ Đế", đem quân đánh các ấp ở biên giới quận Trường Sa, đánh bại mấy huyện rồi đi. Cao Hậu sai tướng quân Lâm Hi Hầu tên là Táo đến đánh. Gặp lúc trời nắng khí ẩm, quân lính bị bệnh dịch rất nhiều, nên quân Hán không qua được núi Dương Sơn. Được hơn một năm, Cao Hậu mất, liền bãi binh.

Đà nhân đó dùng uy lực uy hiếp nơi biên giới, đem đồ đặc của cải đút lót các nước Mân Việt, Tây Âu Lạc để bắt họ lệ thuộc theo mình. Đất đai của Đà chiều ngang có hơn vạn dặm. Đà bèn đi xe mui lụa màu vàng cầm cờ tả đạo, mệnh gọi là "chế" [*Xem [Tần Thủy Hoàng bản kỷ chú thích.](#)*], chẳng kém gì Trung Quốc.

Năm đầu thời Hiếu Văn Đế, thiên hạ mới yên. Nhà vua sai sứ đi bá cáo chư hầu, tứ di biết rằng nhà vua ở đất Đại [*Văn Đế trước đây là vua ở đất Đại.*] về lên ngôi, ý muốn nêu cao đạo đức của nhà vua. Nhân Đà có mồ mả cha mẹ ở huyện Chân Định, nhà vua bèn đặt người giữ ấp để hàng năm đến ngày giỗ thờ cúng. Đối với anh em họ của Đà, nhà vua ban ơn cho họ làm quan to và thưởng cho nhiều của. Nhà vua xuống chiếu cho bọn thừa tướng là Trần Bình cử người có thể đi sứ sang Nam Việt. Bình nói: -Có Lục Giả người huyện Hảo Chi, thời tiên đế đã quen đi sứ Nam Việt.

Vua Hán bèn triệu Giả phong làm thái trung đại phu để đi sứ, nhân đây trách Đà đã tự lập làm "đế" mà không hề phái sứ giả sang báo tin.

Lục Giả đến nơi, Nam Việt Vương sợ hãi, làm giấy tạ tội rằng: "Thần tên là Đà, là một kẻ già ở man di. Ngày trước Cao Hậu gạt bỏ Nam Việt, thần trộm ngờ Trường Sa Vương đã gièm pha thần. Lại nghe đồn Cao Hậu giết hết họ hàng Đà, đào mồ mả, đốt hài cốt cha ông Đà. Vì thế nên liều mạng xâm phạm biên cảnh quận Trường Sa. Vả lại phương Nam đất thấp, ẩm, dân man di ở vào giữa. Ở phía Đông đất Mân Việt chỉ vền vện nghìn người, cũng xưng hiệu là "vương", ở phía Tây, nước Âu Lạc là nước trần truồng, cũng xưng là "vương". Lão thần trộm dùng bậy danh hiệu "đế" chỉ để tự vui [*Lời nói rất xược.*], chứ đâu dám để nói đến tai bệ hạ?".

Đà bèn dập đầu xuống tạ tội, xin mãi mãi làm phiên thần dâng lễ cống. Rồi ra lệnh trong nước: -Ta nghe nói "hai anh hùng không cùng sống, hai người hiền không cùng ở một đời", Đức hoàng đế là bậc thiên tử hiền tài. Từ nay về sau mệnh lệnh không gọi là "chế", bỏ xe mui lụa vàng và cờ tả đạo.

Lục Giả về báo tin, Hiếu Văn Đế bằng lòng lắm.

Đến thời Hiếu Cảnh, Đà vẫn xưng thần, sai người vào châu. Nhưng ở trong nước Nam Việt thì vẫn trộm dùng danh hiệu "đế" như cũ, còn khi sai sứ sang thiên tử, thì xưng "vương", triều kiến thỉnh mệnh như các chư hầu.

Đến năm thứ tư niên hiệu Kiến Nguyên (năm 137 trước Công nguyên),

Đà mất, cháu Đà là Hồ làm Nam Việt Vương. Lúc bấy giờ vua Mân Việt là Dĩnh đem binh đánh các ấp ngoài biên của nước Nam Việt. Hồ sai người dâng thư lên vua Hán, nói: -Hai nước Việt đều là phiên thần, không được đem binh đánh nhau. Nay nước Mân Việt đem binh xâm lấn đất của thần, thần không dám đánh lại, xin đợi thiên tử chiếu truyền cho việc ấy.

Thiên tử bèn khen Nam Việt biết giữ chức phận mình, hứa sẽ đưa quân đến giúp, bèn sai hai tướng quân đi đánh Mân Việt [*Vương Khôi và Hàn An Quốc.*]. Quân của Hán chưa vượt núi Ngũ Lĩnh thì em của Mân Việt Vương là Du Thiện đã giết Dĩnh để hàng. Vì thế bãi binh.

Thiên tử sai Trang Trợ sang Nam Việt hiểu dụ ý của nhà vua. Nam Việt Vương là Hồ dập đầu xuống, nói: -Thiên tử vì thần mà đem quân đánh Mân Việt, thần chết không đủ để báo ơn đức ấy.

Bèn sai thái tử là Anh Tề vào túc trực ở nơi cung cấm. Hồ bảo Trợ rằng: -Nước mới bị cướp, sứ giả đi thôi.

Hồ đang ngày đêm sắm sửa hành trang để vào triều kiến thiên tử. Sau khi Trợ đi rồi, đại thần can Hồ rằng: -Nhà Hán dấy quân đánh Dĩnh cũng là làm cho Nam Việt hoảng sợ. Vả lại tiên vương trước có nói: "Phụng sự thiên tử cốt không thất lễ, không nên nghe lời dỗ ngon dỗ ngọt mà vào châu". Nếu vào châu thì không được về, đó là cái thế mất nước đấy.

Vì vậy Hồ mượn cơ bị bệnh nặng, thái tử Anh Tề xin về nước. Hồ mất, thụy là Văn Vương, Anh Tề lên ngôi thay, lập tức giấu ngay ấn Vũ Đế của Triệu Đà.

Khi Anh Tề vào làm túc vệ ở Trường An, có lấy người con gái họ Cù, người huyện Hàm Đan, sinh người con là Hưng. Đến lúc Anh Tề lên làm vua, bèn dâng thư lên vua Hán, xin lập Cù thị làm hậu, Hưng làm con nối nghiệp. Hán luôn luôn sai sứ giả sang dỗ dành Anh Tề. Anh Tề thích hưởng lạc, tự ý giết người, sợ vào châu phải theo pháp luật của nhà Hán cũng như chư hầu ở Trung Quốc. Anh Tề bèn cố ý xưng có bệnh, không vào triều, sai con là Thứ Công vào làm túc vệ.

Anh Tề mất, thụy là Minh Vương. Thái tử là Hưng lên thay, mẹ làm thái hậu.

Thái hậu từ khi chưa làm vợ của Anh Tề, đã dan díu với người huyện Bá Lăng là An Quốc Thiếu Quý. Sau khi Anh Tề mất, năm thứ tư niên hiệu Nguyễn Đinh (năm 113 trước Công nguyên), vua Hán sai An Quốc Thiếu Quý sang dụ vương và vương thái hậu vào châu như các nước chư hầu. Vua Hán lại sai bọn biện sĩ là Chung Quân làm giám đại phu đi theo để trình bày, bọn dũng sĩ là Ngụy Thần đi theo để giúp khi cần thiết, vệ úy là Lộ Bác Đức đem quân đóng đồn ở quận Quê Dương để đợi sứ giả.

Vương tuổi còn nhỏ, thái hậu trước đã dan díu với An Quốc Thiếu Quý.

Thiếu Quý sang sứ, lại tư thông với thái hậu. Người trong nước biết, phần nhiều không theo thái hậu. Thái hậu sợ có loạn, cũng muốn dựa vào uy thế nhà Hán mấy lần khuyên vua cùng các quan xin nội thuộc. Nhân có sứ giả nhà vua dâng thư, xin được làm chư hầu ở Trung Quốc, cứ ba năm một lần vào châu, hủy bỏ các cửa ải nơi biên giới. Thiên tử ưng thuận. Thiên tử cấp cho thừa tướng của vương là Lữ Gia ấn bằng bạc cùng các ấn nội sử, trung úy thái phó. Còn các chức khác thì tự đặt lấy. Bỏ hình phạt cũ chạm vào trán, cắt mũi, dùng pháp luật của nhà Hán, coi như chư hầu ở Trung Quốc. Các sứ giả đều ở lại để vỗ về nước Nam Việt. Vương và vương thái hậu sắm sửa hành lý, quà biếu, mang đồ vào triều cống.

Thừa tướng của vương là Lữ Gia tuổi đã nhiều, làm thừa tướng ba đời vua. Họ hàng làm quan trưởng lại đến hơn bảy mươi người. Con giai lấy con gái vua, con gái lấy con giai, anh em, tông thất của vua, lại thông gia với Tần Vương ở quận Thương Ngô. Ông ở trong nước rất được tôn trọng, người Việt tin ông, nhiều người làm tai mắt cho ông. Ông được lòng dân hơn vương. Khi vương dâng thư, Lữ Gia mấy lần can ngăn, nhưng vương không nghe. Ông có ý làm phản, luôn luôn nói là bị bệnh, không tiếp kiến sứ giả nhà Hán. Các sứ giả đều để ý đến Gia, nhưng chưa thể giết được. Vương và vương thái hậu cũng sợ Lữ Gia gây việc trước, bèn đặt tiệc rượu, nhờ uy quyền các sứ giả để mưu giết bọn Gia. Các sứ giả đều ngồi quay mặt về hướng Đông, thái hậu ngồi quay mặt về hướng Nam, vương ngồi quay mặt về hướng Bắc, thừa tướng Gia và các đại thần đều ngồi quay mặt về hướng Tây hầu, uống rượu. Em của Gia làm tướng võ, cai quản quân lính ở ngoài cung. Khi mời rượu, thái hậu bảo Gia: -Nước Nam Việt nội thuộc là lợi cho nước, tại sao tướng quân lại cho là bất tiện?

Thái hậu muốn khích các sứ giả giận, nhưng các sứ giả do dự nhìn nhau, không ai dám ra oai. Gia thấy dáng mặt có khác, lập tức đứng dậy ra đi. Thái hậu giận muốn lấy giáo đâm Gia, vương ngăn thái hậu lại. Gia bèn đi ra, chia quân của em, đem quân về nhà. Đoạn Gia nói là có bệnh không chịu yết kiến vương và các sứ giả, ngầm bàn mưu cùng các quan đại thần nổi loạn.

Vương vẫn không có ý giết Gia. Gia biết thế nên mấy tháng việc không xảy ra. Thái hậu đâm ô, người trong nước không theo. Thái hậu muốn giết bọn Gia nhưng sức lại không làm nổi. Thiên tử nghe tin, biết Gia không chịu, vương và thái hậu thì cô đơn, nhu nhược không chế ngự được, các sứ giả lại nhút nhát không quả quyết. Thiên tử lại cho là vương và thái hậu đã theo Hán rồi, một mình Lữ Gia làm loạn, không đáng đem binh đánh, muốn sai Trang Sâm đem hai nghìn người đi sang sứ. Sâm nói: -Nếu dùng hòa hoãn mà đi, thì vài người cũng đủ, muốn dùng vũ lực mà đi thì hai nghìn người không đủ để làm gì.

Trang Sâm từ chối là không thể được. Thiên tử bãi chức quan của Sâm. Hàn Thiên Thu, tráng sĩ ở huyện Giáp, nguyên là tướng quốc ở Tế Bắc, hăng hái nói: -Lấy nước Việt còn con, lại có vương thái hậu làm nội ứng, chỉ có một mình thừa tướng Lữ Gia cản trở thì khó gì! Nhà vua cho tôi hai trăm người dũng sĩ, thế nào tôi cũng chém được Gia về báo.

Thiên tử bèn sai Thiên Thu cùng em của vương thái hậu là Cù Lại đem hai nghìn người đi vào nước Việt. Bọn Lữ Gia bèn làm phản, ra lệnh trong nước: "Vương tuổi còn trẻ, thái hậu là người Trung Quốc, lại dan díu với sứ giả, chỉ muốn nội thuộc, đem hết đồ quý báu của tiên vương vào dâng thiên tử để được yên. Đem nhiều người đi theo, đến Trường An, bán cho người ta làm đồng bộc. Thái hậu chỉ nghĩ đến cái lợi thoát thân một thời, không nghĩ gì đến mưu kế lâu dài cho xã tắc họ Triệu cả".

Lữ Gia bèn cùng em đem quân đánh giết vương, thái hậu, cùng các sứ giả của nhà Hán. Lữ gia sai người báo với Tần Vương ở quận Thương Ngô và các quận huyện, lập Vệ Dương Hầu Kiến Đức người con trai đầu của Minh Vương, vợ là người Việt, làm vua.

Sau đó, quân của Hàn Thiên Thu vào phá mấy ấp nhỏ. Sau quân Việt mở thẳng đường, mang lương thực người Việt đem quân đánh bọn Thiên Thu, diệt được họ cách Phiên Ngung bốn mươi dặm, Gia sai người phong góì cờ tiết của sứ giả nhà Hán đem để ở cửa ải, khéo nói dối để tạ tội, rồi đem quân đóng giữ những nơi hiểm yếu. Thiên tử bèn nói: -Hàn Thiên Thu tuy không thành công, cũng là người tiên phong giỏi nhất. Phong cho con là Diên Niên làm An Thành Hầu. Cù Lạc có chị là vương Thái hậu xin phụ thuộc nhà Hán, phong cho con là Quảng Đức làm Long Cung Hầu.

Bèn hạ lệnh tha tội cho các tội nhân, nói: -Thiên tử suy yếu, chư hầu đánh nhau, là chê nhân thần không đánh giặc. Nay bọn Lữ Gia, Kiến Đức, lại tự lập một cách yên ổn, trăm hạ lệnh đem các tội nhân cùng mười vạn quân lâu thuyền ở miền Giang, Hoài trở về Nam để đi đánh.

Năm thứ năm niên hiệu Nguyễn Đinh (năm 112 trước Công nguyên), mùa thu, vệ úy là Lộ Bác Đức làm Phục Ba tướng quân đem quân từ quận Quế Dương xuống đường sông Hối Thủy, chủ tước đô úy là Dương Bộc làm Lâu thuyền tướng quân đem quân từ quận Dự Chương xuống đường Hoành Phố, Quy Nghĩa. Kiệt Hầu là người Việt trước đã hàng làm qua thuyền, Hạ Lê tướng quân, đem quân từ huyện Linh Lăng xuống đường sông Ly Thủy, hoặc để quân Thương Ngô, sai Trì Nghĩa Hầu, đem thêm tội nhân nước Ba Thục, đưa quân từ đất Dạ Lang xuống đường sông Tường Kha. Các quân ấy đều gặp nhau ở Phiên Ngung.

Năm thứ sáu niên hiệu Nguyễn Đinh (năm 111 trước Công nguyên), mùa đông, Lâu thuyền tướng quân đem quân tinh nhuệ đến trước đánh hãm

Tâm Hiệp, phá được Thạch Môn, lấy được thuyền thóc của người Việt. Nhân đây, ông ta tiến lên, đánh gãy quân tiên phong của Việt, và đem vài vạn người đợi Phục Ba. Phục Ba tướng quân đem theo tội nhân, đi đường xa đến sau kỳ hội. Phục Ba cùng quân của Lâu thuyền họp lại mới có được hơn nghìn người, bèn cùng tiến. Quân của Lâu thuyền đi trước đến Phiên Ngung, Kiến Đức cùng Gia đều giữ thành. Lâu thuyền tự chọn nơi tiện lợi đóng ở mặt Đông Nam, Phục Ba đóng ở mặt Tây Bắc. Gặp lúc chiều tối, Lâu thuyền đánh bại người Việt, tung lửa đốt thành. Người Việt vẫn nghe biết tiếng Phục Ba, nhưng trời tối quân không biết số quân nhiều ít thế nào. Phục Ba bèn lập doanh trại, sai sứ chiêu hàng, cho họ lấy ấn quan, lại thả cho về để chiêu dụ nhau. Lâu thuyền ra sức đánh và đốt, quân địch lại chạy vào trong trại của Phục Ba. Đến mờ sáng, người trong thành đều hàng Phục Ba. Lữ Gia và Kiến Đức từ đêm đã cùng gia thuộc vài trăm người, chạy trốn ra biển, lấy thuyền đi về phía Tây.

Phục Ba nhân tiện hỏi những người chức vị cao đã hàng để biết lối Lữ Gia chạy và cho người đuổi theo. Hiệu úy Tư Mã Tô Hoàng là người Việt hàng Hán bắt được Kiến Đức, được phong làm Hải Thường Hầu, quan lang người Việt là Đô Kê bắt được Gia, được phong làm Lâm Thái Hầu. Thương Ngô Vương là Triệu Quang là người cùng họ với Việt Vương, nghe quân nhà Hán đến, cùng quan huyện lệnh Kê Dương của Việt tên là Định tự quyết định đi theo nhà Hán, quan giám quận Quế Lâm của Việt tên là Cư Ông dụ dân Âu Lạc đi theo nhà Hán. Những người này đều được phong tước hầu.

Quân của qua thuyền, Hạ Lệ tướng quân cùng quân Dạ Lang mà Tri Nghĩa Hầu đem đi, chưa xuống đến nơi, thì Nam Việt đã dẹp yên rồi. Bèn lấy đất đặt làm chín quận. Phục Ba tướng quân phong thêm cho Lâu thuyền tướng quân làm Tương Lương Hầu vì đã hạ được nơi kiên cố.

Từ lúc úy Đà mới làm vương đến sau là năm đời, cộng chín mươi ba năm rồi mất nước.

Thái sử công nói: Úy Đà làm vương vốn do ở Ngâm Ngao, gặp lúc nhà Hán mới bình định thiên hạ, ông được liệt vào hàng chư hầu. Lâm Lư Hầu ngại khí thấp, bệnh dịch, không đi đánh, Đà càng được thể kiêu căng. Âu Lạc đánh nhau làm rung động nước Nam Việt. Quân nhà Hán tới cõi. Anh Tê vào châu, sau đó mất nước, nguồn gốc đều do Cù thị. Lữ Gia giữ lòng trung nhỏ mọn, khiến cho Đà không có người nối dõi. Lâu thuyền tướng quân làm theo ý muốn không biết tiết chế, lười biếng, kiêu ngạo, thành bị nhảm nhỡ. Phục Ba tướng quân gặp khốn cùng, càng nảy trí mưu, nhân họa thành ra phúc. Sự việc xoay vần thành và bại, ví như cái thừng, cái sợi, xoắn xuýt lấy nhau.

[42]
CẤP ẨM liệt truyện

- [1. Cấp Ẩm](#)
- [2. Trình Dương Thời](#)
- [3. Lời bàn](#)

1. Cấp Âm

Cấp Âm tự là Trường Nhu, người đất Bốc Dương. Tổ tiên ngày xưa được vua nước Vệ yêu quý. Đến Âm là đời thứ bảy, đời đời vẫn làm khanh, đài phu. Âm nhờ cha được làm quan [*Theo quan chế nhà Hán nếu ở địa vị từ 2.000 thạch trở lên thì sau ba năm được cử một người trong số anh em ruột hay còn làm lang.*]. Thời vua Hiếu Cảnh, Âm làm thái tử tẩy mã [*Chức quan lương 600 thạch, khi nào thái tử đi ra thì cười ngựa đi trước.*]. Âm người trang trọng được mọi người kính sợ. Vua Hiếu Cảnh mất, thái tử lên ngôi, Âm làm chức yết giả. Các nước ở Đông Việt đánh lẫn nhau, nhà vua sai Âm đến xem. Âm không đi đến nơi chỉ đi đến đất Ngô rồi trở về báo: -Người Việt đánh nhau, đó là cái tục của họ xưa nay vẫn thế, không đáng làm nhục đến sứ thần của thiên tử.

Hà Nội phát hỏa, cháy lan hơn một ngàn nóc nhà, vua sai Âm đến xem. Âm trở về báo: -Người nhà để lửa cháy, nhà ở liền nhau nên cùng cháy. Điều đó không đáng lo. Thần qua Hà Nam, Hà Nam người nghèo, hơn một vạn người bị lụt lội hạn hán, có người cha con ăn thịt nhau. Thần nhân tùy tiện lấy cờ tiết [*Nhà vua sai người đi thay mình làm việc gì thì cầm cờ tiết.*], bảo mở kho lúa Hà Nam để phát chẩn cho dân nghèo. Thần xin đem cờ tiết về chịu tội đã giả chiếu chỉ của hoàng thượng.

Nhà vua cho Âm là người hiền, tha tội, đổi làm huyện lệnh ở Huỳnh Dương. Âm xấu hổ về việc đi làm huyện lệnh, cáo bệnh xin về vườn. Nhà vua nghe vậy mời vào cho làm trung đại phu. Vì Âm hay can thẳng nên không được ở lâu trong triều, bị đổi đi làm thái thú ở Đông Hải.

Âm theo đạo Hoàng Đế, Lão Tử, lúc làm quan trị dân thích thanh tĩnh, chọn những người thừa, sử, rồi giao cho họ làm. Trong việc cai trị chỉ xem xét đại thể mà thôi không chú ý đến những chi tiết vụn vặt. Âm lắm bệnh, nằm ở trong nhà không ra. Được hơn một năm quận Đông Hải rất yên. Mọi người khen ngợi. Nhà vua nghe tin, gọi vào cho làm chủ tước đô úy, đứng vào hàng cửu khanh. Âm cai trị chỉ muốn "bớt việc" mà thôi cốt đại thể, không câu nệ về văn từ pháp lệnh. Âm tính kiêu ngạo, ít lễ độ, chỉ trích trước mặt, không chịu tha thứ những sai lầm của người ta. Ai hợp với mình thì chơi, ai không hợp thì không buồn nhìn. Kẻ sĩ cũng vì vậy mà không theo. Nhưng Âm thích chơi với người nghĩa hiệp, chú trọng về khí tiết, tự mình cư xử liêm khiết, thích can thẳng, nhiều lần xúc phạm đến sắc mặt nhà vua. Âm thường khen Phó Bách, Viên Áng [*Xem Quý Bô, Loan Bô liệt truyện.*], chơi thân với Quán Phu [*Xem Ngụy Kỳ, Vũ An Hầu liệt truyện.*], Trịnh Dương Thời và Lưu Khí làm chức tông chính [*Chức ở địa vị cửu khanh.*]. Những người này cũng vì hay can thẳng nên không ở chức vị được lâu.

Lúc bấy giờ em trai thái hậu là Vũ An Hầu tên là Điền Phân làm thừa

tướng. Các quan từ hai ngàn thạch lương trở lên đều đến bái yết. Phân không đáp lễ. Nhưng Âm thấy Điền Phân, thường không lạy mà chỉ vái. Nhà vua mới nhóm họp các nhà văn, nhà nho. Nhà vua nói: -Ta muốn thế này, thế này ...

Âm tâu: -Bệ hạ trong lòng có nhiều ham muốn, bên ngoài lại làm ra vẻ nhân nghĩa muốn bắt chước cách cai trị đời Đường, đời Ngu làm sao được?

Nhà vua im lặng, nổi giận, biến sắc mặt và bãi triều. Các công khanh đều lo hộ cho Cấp Âm. Nhà vua lui vào cung bảo các quan hầu: -Thật là quá lắm Cấp Âm thật là bướng!

Các quan có người trách Âm. Âm nói: -Nhà vua đặt ra các quan công khanh đâu phải bảo họ a dua nịnh hót, dòn vua đến chỗ bất nghĩa? Vả chẳng đã ở địa vị công khanh mà còn luyện tiết thân mình làm nhục triều đình sao?

Âm lắm bệnh, đau ba tháng liền. Nhà vua mấy lần cho ông ta cứ làm quan nhưng ở nhà chữa bệnh, tuy vậy cuối cùng cũng không bớt. Sau cùng mắc bệnh nặng. Trang Trọ xin cho Âm được thôi làm quan.

Nhà vua hỏi: -Cấp Âm là người như thế nào?

Trọ nói: -Nếu cho Âm giữ chức làm quan thì cũng chẳng có gì hơn người. Nhưng để ông ta giúp ấu chúa thì ông ta giữ vững ý định: gọi không đến, đuổi không đi, dù có người tự cho mình là Mạnh Bôn, Hạ Dục cũng không thể thắng được.

Nhà vua nói: -Phải đấy? Ngày xưa có bấy tôi cùng chung hoạn nạn với quốc gia. Âm cũng gần được như vậy.

Đại tướng quân Vệ Thanh vào chầu trong cung, nhà vua ngồi xồm bên cạnh giường mà tiếp. Thừa tướng Hoǎng nhân việc vào yết kiến, nhà vua có khi không đội mũ. Còn Âm vào yết kiến nhà vua không đội mũ thì không tiếp. Nhà vua thường ngồi ở trong trướng võ, Âm tiến tâu công việc nhà vua không đội mũ, nhìn đằng xa thấy Âm thì tránh vào trong trướng, sai người chuẩn y lời tâu. Ông được nhà vua kính nể như vậy.

Trương Thang vừa mới được làm đình úy vì đã thay đổi hình luật, pháp lệnh. Cấp Âm mấy lần chất vấn, trách ông ta trước mặt nhà vua, nói: -Ông làm cửu khanh nhưng ở trên không thể nêu cao công nghiệp của tiên đế, ở dưới không thể ngăn cản lòng tà của thiên hạ, khiến cho nước yên, dân giàu, tù ngục không có người. Cả hai điều đó ông không được lấy một. Không kể việc sai trái, làm khổ người khác, cứ việc làm, không kể việc hỏng chỉ cốt được việc cho mình. Tại sao ông lại thay đổi pháp luật Cao Hoàng đế đã định để làm cho rối loạn? Ông làm thế sẽ mất nòi đấy!

Âm có lúc tranh cãi với Thang. Khi tranh luận Thang thường chú ý đến lời văn cho sâu và bới lông tìm vết còn Âm thì ngay thẳng, nghiêm túc, giữ đúng khuôn phép không chịu thua. Âm giận mắng: -Thiên hạ nói bọn thư lại

không thể làm công khanh, điều đó quả thật là đúng? Cứ theo Thang thì sẽ khiến thiên hạ chông chân lên nhau mà đứng liếc mắt nhìn trộm vậy [*Đứng hai chân đặt lên nhau, ý nói không còn lối nào mà đi, liếc mắt nhìn trộm ý nói không dám nhìn thẳng. Nếu theo pháp luật hà khắc thì thấy cái gì cũng sợ phạm pháp, có chân không dám đi, có mắt không dám nhìn.*].

Lúc bấy giờ, nhà Hán đang đánh Hung Nô, kêu gọi võ về tứ di [*Hán Vũ Đế tham lam muốn đánh Hung Nô, bình định Đông Việt Nam Việt, Tây Nam Di ... gây nên chiến tranh, nhân dân điêu đứng.*]. Ấm cốt sao ít sinh sự, nhân lúc nhà vua rảnh thường nói nên hòa thân với Hồ chứ đừng gây binh. Nhà vua đang thiên về đạo Nho, tôn quý Công Tôn Hoǎng [*Bấy giờ Hoǎng làm thừa tướng. Hoǎng theo đạo Nho, người giả dối, tàn nhẫn.*]. Đến khi công việc càng nhiều, quan lại lo dùng pháp luật để ràng buộc, dân lo tìm cách trốn tránh. Nhà vua dùng pháp luật để xét xử, bọn Thang thường gây những ngục lớn, đem tội trạng tâu lên để được lòng nhà vua. Trái lại Ấm thường chê bai nhà Nho, trước mặt bọn Hoǎng, trách họ trong lòng giả dối, bên ngoài khéo léo khôn ngoan hòa theo nhà vua để giữ địa vị, bọn thư lại [*Chỉ Trương Trang.*] chỉ lo bề cong pháp luật khéo tìm cách làm hại người ta, hãm người ta vào tội khiến không được thân oan, lấy việc thắng được dân làm công lao. Nhà vua càng quý bọn Hoǎng, Thang. Hoǎng và Thang trong lòng rất ghét Ấm. Tuy thiên tử không thích nhưng họ muốn tìm việc để giết Ấm. Hoǎng làm thừa tướng nói với nhà vua: -Ở trong hữu nội sử có nhiều quý nhân, tôn thất, khó trị. Nếu không có một vị quan đã từng nổi danh thì không làm được trách nhiệm ấy. Xin cho đổi Ấm làm hữu nội sử.

Ấm làm hữu nội sử mấy năm, việc quan không bỏ trễ.

Đại tướng quân Vệ Thanh càng được tôn trọng, chị là hoàng hậu, nhưng Ấm vẫn đối xử ngang hàng. Có người nói với Ấm: -Thiên tử muốn quần thần kính trọng đại tướng quân. Đại tướng quân được tôn trọng lại càng quý, ông nên lạy là phải.

Ấm nói: -Đại tướng quân có người khách vái dài, thế là không được tôn trọng hay sao?

Đại tướng quân nghe vậy lại càng cho Ấm là người hiền, thường mời hỏi những việc quốc gia triều đình chưa quyết định, đối xử với Ấm hơn hẳn ngày trước.

Hoài Nam Vương mưu phản, sợ Ấm, nói: -Ấm thích can thẳng, giữ khí tiết, chịu chết theo chính nghĩa, khó lấy điều phản bội mà dụ dỗ ông ta được. Còn như thuyết phục thừa tướng Hoǎng thì cũng dễ như mở đồ đạc, chọc lá sắp rụng mà thôi.

Sau khi nhà vua nhiều lần đánh Hung Nô thành công, lời nói của Ấm lại càng không được nghe. Trước kia Ấm ở vào hàng cửu khanh, trái lại Công

Tôn Hoǎng, Trương Thang là quan lại nhỏ. Đến khi Hoǎng và Thang càng ngày được thăng lên ngang hàng với ẨM. ẨM lại mắng nhiếc chê trách Hoǎng và Thang. Ít lâu sau, Hoǎng làm đến thừa tướng được phong làm hầu, Trương Thang làm đến ngự sử đại phu. Vì vậy trong thời của ẨM, thừa tướng, ngự sử đều cùng ngang hàng với ẨM lại có phần được tôn trọng, tin dùng hơn. ẨM là người hẹp hòi không khỏi oán thán. Khi yết kiến nhà vua, ẨM nói: -Bệ hạ dùng bày tôi như chất củi mà thôi, ai đến sau thì ở trên.

Nhà vua im lặng. Một lúc sau ẨM rút lui. Nhà vua nói: -Người ta quả là không thể không có học, xem ẨM nói thì ngày càng quá lắm.

Được ít lâu, vua Hồn Gia của Hung Nô đem dân chúng đến hàng. Nhà Hán đưa ra hai vạn cỗ xe. Nhà vua không có tiền, mua chịu ngựa của dân. Dân có người giấu ngựa đi, số ngựa không đủ. Nhà vua giận, muốn chém quan huyện lệnh Trường An. ẨM nói: -Quan huyện lệnh Trường An không có tội, xin chém một mình ẨM, thì dân sẽ chịu đưa ngựa ra. Vả chẳng Hung Nô phản lại chủ của họ, đầu hàng nhà Hán, Hán cứ thủng thủng đặt các trạm ở các huyện để đưa đến, sao lại làm cho thiên hạ náo động, Trung Quốc mệt mỏi để hầu hạ Di, Địch

Nhà vua im lặng. Đến khi Hồn Gia đến, những người buôn bán và những người ở ngoài chợ phạm tội chết đến hơn năm trăm người. ẨM xin được dịp yết kiến nhà vua ở điện Cao Môn. ẨM nói: -Hung Nô vào xâm lấn đường sá biên giới, cắt đứt hòa thân. Trung Quốc đem binh trừng phạt, người chết và bị thương không kể xiết, hao phí tiền của hàng vạn triệu. Thần ngu dốt cho rằng bệ hạ được người Hồ thì đều cho làm nô tỳ cấp cho những gia đình có người tòng quân mà chết. Tài sản cướp được thì đều cấp cho họ để đỡ cái khổ cho thiên hạ, an ủi lòng trăm họ. Nay lại không làm như vậy, Hồn Gia đem mấy vạn người đến hàng, bệ hạ sai vét rỗng kho để thưởng, bắt dân lãnh hầu hạ nuôi nấng, như nuôi đứa con cưng? Dân ngu biết đâu rằng đó là lệnh cấm, nên tùy tiện đến mua những đồ vật ở chợ Trường An. Thế mà quan lại theo pháp luật buộc tội họ là đã đem của cải vật phẩm đưa ra biên giới! Nếu như bệ hạ không thể có được của cải của Hung Nô để tạ lỗi với thiên hạ, thì lẽ nào dùng lời lẽ khó hiểu mà giết hơn năm trăm người đại đột. Làm như vậy tức là như người ta nói: "Che chở cho lá làm thương tổn đến cành cây vậy". Thần trộm cho bệ hạ làm như thế là không phải.

Nhà vua im lặng, không nghe theo, nói: -Ta đã lâu không nghe Cáp ẨM nói, đến nay ông ta lại nói vậy.

Mấy tháng sau, Cáp ẨM phạm sai lầm nhỏ, bị tội. Gặp lúc đại xá bị bãi chức, ẨM bèn ở ẩn chốn điền viên.

Cáp ẨM ở nhà được mấy năm, gặp lúc nhà vua thay bằng thứ tiên năm thù, dân nhiều người đúc tiền trộm, ở nước Sở lại càng nhiều nhất [[Xem Bình](#)

chuân thư.]. Nhà vua cho rằng Hoài Dương là nơi giáp giới nước Sở, bèn gọi Cấp Âm vào cho làm thái thú Hoài Dương: Âm lạy từ tạ không nhận ấn. Chiếu mấy lần ép giao ấn, sau đó Âm mới vâng lời. Chiếu cho Âm đến yết kiến, Âm khóc và nói với nhà vua: -Thần tự cho rằng mình chết ở nơi ngồi rãnh không còn có lúc thấy lại bệ hạ, không ngờ bệ hạ lại dùng. Thần thường có cái tật của loài chó ngựa, không đủ sức làm việc ở các quận. Thần xin nguyện làm trung lang [*Chức quan thấp lo việc canh phòng. Ý Âm muốn ở cung để được can ngăn nhà vua dù là chức quan thấp chứ không muốn đi ra các quận.*] ra vào nơi cung cấm, vá những điều sai, lật những điều sót, đó là nguyện ước của thần.

Nhà vua nói: -Nhà ngươi coi thường Hoài Dương hay sao ít lâu nữa ta sẽ gọi nhà ngươi về. Hiện nay ở Hoài Dương dân và quan không tương đắc, ta chỉ nhờ cái uy sẵn có của nhà ngươi, nhà ngươi cứ nắm mà cai trị [*Vũ Đế rất biết tài của Âm cho nên nói "nắm mà cai trị", nhưng rất ghét Âm nên cho đi ra các quận để khỏi can gián lời thôi.*].

Sau khi Âm từ giã ra đi. Âm qua nhà Lý Tức làm đại hành [*Chức quan ngoại giao cấp cửu khanh coi việc đối xử với các nước ngoài.*], nói: -Âm bị vớt ra ngoài quận không thể bàn việc triều đình được nữa. Nhưng Trương Thang làm ngự sử đại phu là người có cái trí khôn đủ để chống lại những lời can ngăn, có cái tài gian trá đủ để tô vẽ cho điều sai trái, chỉ cốt khéo ton hót bề trên, bắt bẻ người dưới, không chịu theo điều chính nghĩa để lo việc thiên hạ. Ông ta chỉ lo a dua theo ý vua. Nhà vua không ưa ai thì ông ta nhân đó gièm pha thêm, nhà vua ưa ai thì ông ta nhân đó khen ngợi thêm. Thích sinh sự, múa may trong văn án, trong lòng nghĩ đến việc đối trá để chiều theo ý vua. Bên ngoài dựa vào bọn tặc lại [*Quan lại ăn cướp.*] để làm cho uy mình thêm lớn. Ông ở hàng cửu khanh mà không sớm nói điều đó thì ông và hắn đều sẽ bị tội cả đấy.

Tức sớ Thang, cuối cùng không dám nói. Âm ở quận vẫn cai trị như trước, chính trị Hoài Dương được sáng suốt. Sau đó quả nhiên Trương Thang bị thất bại. Nhà vua nghe lời Âm nói với Tức, trị tội Tức, cho Âm ở Hoài Dương được hưởng lương bổng của tướng quốc chư hầu [*Nhưng vẫn không cho về kinh đô. Vũ Đế ghét Âm nhưng không giết được vì sợ dư luận dù biết Âm là trung thân cũng không dùng. Đúng như nhận xét "trong lòng nhiều ham muốn, bên ngoài ra vẻ nhân nghĩa".*]. Được bảy năm thì mất.

Sau khi mất, nhà vua vì Âm nên cho người em là Cấp Nhân làm đến cửu khanh. Con Âm là Cấp Yển làm đến tướng quốc của chư hầu. Người em con cô là Tư Mã An lúc nhỏ cùng làm thái tử tẩy mã với Âm. An lời văn sâu sắc, khéo làm quan, bốn lần đến chức cửu khanh, khi chết làm thái thú Hà Nam. Bọn anh em nhờ An nên đồng thời có đến mười người lương hai nghìn hộ.

Đoạn Hoǎng người Bộc Dương lúc đầu thờ Hạ Hầu tên là Tín. Tín dùng Hoǎng. Hoǎng cũng hai lần làm đến cửu khanh. Những người nước Vệ làm quan ai cũng kính sợ Âm, coi Âm là ở trên mình.

2. Trịnh Dương Thời

Trịnh Dương Thời tự là Trang, người ở đất Trần. Cha là Trịnh Quân đã từng làm tướng của Hạng Tịch. Tịch chết, ít lâu sau theo về Hán. Cao Tổ sai các quan cũ của Hạng Tịch gọi tên Tịch [*Gọi vua bằng tên là phạm tội bất kính.*]. Riêng một mình Trịnh Quân không nghe theo lời chiếu. Chiếu cho tất cả những người gọi tên Tịch làm đại phu mà đuổi Trịnh Quân. Trịnh Quân chết thời Hiếu Văn Đế.

Trịnh Trang thích làm nghĩa hiệp. Khi đã cứu Trương Vũ khỏi ách thì nổi tiếng ở miền Lương, Sở. Thời Hiếu Cảnh Đế, Trang làm thái tử xá nhân [*Chức rất thấp ở dưới chức thái tử tể mã.*]. Cứ năm ngày lại tắm rửa, thường đặt ngựa trạm ở ngoại thành Trường An, thăm hỏi những người bạn cũ, đến chơi nhà các tân khách, suốt đêm cho đến sáng hôm sau, thường vẫn sợ không chu đáo, Trang thích học theo lối Hoàng Đế, Lão Tử, hâm mộ những người trưởng giả như là sợ không được gặp mặt [*Ý nói vội vàng.*]. Tuy tuổi trẻ, quan thấp, nhưng các bạn bè giao du, đều là hạng cùng lứa với hàng cha, ông, là những kẻ sĩ có danh tiếng trong thiên hạ. Vũ Đế lên ngôi, Trang dần dần làm trung úy ở đất Lỗ, làm thái thú ở Tế Nam, làm tướng quốc ở Giang Tô, làm đến hữu nội sử thuộc hàng cửu khanh. Vì việc Vũ An Hầu và Ngụy Kỳ tranh cãi nhau, An bị giáng chức làm thêm sự, đổi làm đại nông lệnh [*Thêm sự coi công việc trong cung Hoàng Đế và cung thái tử. Đại nông lệnh thuộc hàng cửu khanh coi thóc lúa và hàng hóa cả nước.*].

Khi làm thái sử, Trang căn dặn những người môn hạ như sau: -Có khách đến thì không kể cao quý hay hèn mọn đều không được giữ ở ngoài cửa.

Trang giữ lễ đối với khách, mặc dầu mình cao quý nhưng đối với người thì khiêm tốn. Trang thanh liêm lại không lo đến sản nghiệp đem tất cả lương bổng cho tân khách, những thức ăn đưa cho khách đều đặt trong những cái quả bằng tre [*Ý nói không sắm sửa gì.*]. Mỗi lúc đi châu, có dịp tâu lên, Trang luôn luôn nói lên những người trưởng giả trong thiên hạ. Khi tiến cử các kẻ sĩ và những người thuộc lại thì trình bày thân thiết thú vị thường đề cao tài đức của họ, cho họ hơn mình, không bao giờ gọi họ bằng tên. Khi nói với những quan dưới quyền mình thì cẩn thận như sợ làm tổn thương đến họ. Nghe người ta có lời nói hay thì vội vàng lo tiến lên nhà vua. Kẻ sĩ và những người trưởng giả ở Sơn Đông vì vậy đều khen ngợi Trịnh Trang.

Vua sai Trịnh Trang đi xem cửa sông Hoàng Hà. Trang xin năm ngày để chuẩn bị hành lý, Nhà vua nói: -Ta nghe nói Trịnh Trang đi nghìn dặm không mang lương, tại sao lại xin chuẩn bị hành lý?

Nhưng Trịnh Trang ở trong triều thường a dua phụ họa theo ý muốn nhà vua không dám trình bày rõ ràng là đúng hay sai. Đến khi già, nhà Hán đánh Hung Nô, chiêu hàng tứ di, thiên hạ hao phí nhiều, của cải dùng càng thiếu.

Trang tiến cử người và tân khách làm việc vận chuyển dưới quyền đại nông lệnh, nhiều người ăn bớt của công. Tư Mã An làm thái thú Hoài Dương tố giác việc ấy. Trang vì vậy bị tội, chuộc tội làm thường dân. Ít lâu sau tạm quyền chức trưởng sử của thừa tướng. Nhà vua thấy Trang già nên cho làm thái thú Như Nam. Được mấy năm thì chết trong lúc làm quan.

Trịnh Trang, Cấp Âm lúc đầu vào hàng cửu khanh, người thanh liêm bản thân lo gìn giữ trong sạch. Hai người này giữa chừng bị bỏ, nhà nghèo khách khứa càng ít. Khi làm việc ở quận chết đi nhà không có của thừa. Anh em con cháu Trang nhờ có Trang nên sáu bảy người lương đến hai nghìn thạch.

3. Lời bàn

Thái sử công nói: Người hiền như Âm và Trang thế mà khi có thể lực thì khách khứa đông gấp mười lần, khi không có thể lực thì chẳng có một ai, nữa là người thường! Địch Công ở Hạ Quê nói: Lúc đầu Địch Công làm đình úy thì khách khứa chật cửa. Đến khi bãi quan thì ngoài cửa có thể đặt lưới bắt chim sẻ. Khi Địch Công lại làm đình úy, khách khứa muốn đến. Địch Công viết mấy chữ lớn ở ngoài cửa: "Một sống một chết, tình bạn mới biết, một nghèo một giàu, mới rõ lòng nhau, một hèn một sang, tình bạn rõ ràng". Câu đó cũng đúng với Cáp Âm, Trịnh Trang. Thương thay!

[43]

DU HIỆP liệt truyện

Đoạn: [1](#), [2](#), [3](#), [4](#), [5](#)

1.

Hàn Phi [*Hàn Phi Tử, thiên Ngũ đồ mục đích chê trách cả bọn Nho và bọn du hiệp.*] nói: "Bọn nho lấy lời văn làm rối pháp luật, bọn du hiệp lấy võ lực phạm vào việc ngăn cấm". Hai hạng này đều bị chê bai. Tuy vậy các nho sĩ thường vẫn được đời khen [*Ý Thiên bệnh du hiệp: Hàn Phi chê trách cả hai, thế nhưng trong thực tế thì chỉ bọn du hiệp bị chê bai còn bọn Nho vẫn được trọng vọng.*]. Còn đối với những kẻ dùng thuật [*Ám chỉ Công Tôn Hoàng, Trương Thang. Thuật đây là Nho thuật tác giả mạt sát bọn Ngụy Nho.*

Nguyên Hiến người nước Lỗ, học trò Không Tử. Không Tử chết, Nguyên Hiến trốn vào nơi ao đầm. Tử Cống làm tướng quốc nước Vệ đi xe đến tìm Nguyên Hiến. Tử Cống nói: "Ngài có bệnh hay sao?" Nguyên Hiến đáp: "Tôi nghe nói không có của gọi là nghèo, học đạo không làm được gọi là bệnh. Như Hiến đây là nghèo chứ không phải là bệnh". Tử Cống then bỏ đi. Công Tích Ai tự Quý Thứ. Không Tử nói: "Thiên hạ vô hạnh nhiều người làm gia thân, làm quan ở kinh đô, chỉ có Quý Thứ chưa hề làm quan".

Đây là tác giả đưa ra những chân Nho đối lập với bọn ngụy Nho.] để chiêm lấy chức tể tướng, công khanh, đại phu, giúp đỡ chúa đương thời thì công danh ghi chép ở sử sách, điều đó chẳng phải nói. Kìa xem Quý Thứ, Nguyên Hiến là những người ở nơi quê mùa, đọc sách, muốn một mình giữ lấy đạo đức của người quân tử, vì nghĩa lý không chịu a dua theo thời, thế mà người đương thời cũng cười họ. Cho nên Quý Thứ, Nguyên Hiến trọn đời ở nhà trồng, lấy dây buộc cửa, mặc áo vải, ăn rau không biết chán. Họ chết đã hơn bốn trăm năm mà học trò còn nhớ mãi không quên. Nay bọn du hiệp, tuy nét không hợp với chính nghĩa nhưng lời họ nói ra thì chắc chắn, việc họ làm thì quả quyết, đã hứa thì nhất định làm, không tiếc tính mạng để cứu người ta khỏi nơi nguy khốn. Sau khi đã xông pha vào nơi nguy hiểm để cứu người, họ lại không khoe tài, lấy việc kể ơn làm then, như vậy thì xem ra cũng có nhiều điều đáng khen. Và chẳng, việc hoạn nạn người ta thường khi vẫn gặp.

Thái sử công nói: Ngày xưa vua Thuấn bị khốn ở kho, ở giếng [Thuấn lúc còn hàn vi bị cha ghét, muốn giết đi, sai trèo lên bụi lúa rồi châm lửa đốt, lại sai đào giếng, rồi lấp giếng.], Y Doãn mang vạc thớt [Y Doãn cày ở cánh đồng Hữu Sản mang vạc có hòa ngũ vị đến cho vua Thang ăn.], Phó Duyệt ẩn nấu ở đất phó Nham [Phó Duyệt trước khi làm tể tướng vua Vũ Đinh nhà Ân thì làm nghề thổ mộc ở Phó Nham.], Lã Thượng bị khốn khổ ở Cức Tân [Lã Thượng tức là Lã Vọng giúp Vũ Vương đánh Trụ.], Di Ngô, mang gông [Di Ngô tức Quán Trọng, vì theo công tử Củ khi Tề Hoàn Công giết công tử Củ, Quán Trọng bị tù.], Bách Lý Hề chặn trâu [Bách Lý Hề khi chưa làm thừa tướng Tần làm nghề chặn trâu.], Trọng Ni sợ hãi ở đất

Khuông, đỏi, mặt xanh như lá rau ở đất Tần, đất Thái [Trọng Ni tức Không Tử (Xem [Không Tử thế gia](#))]. Những người ấy đều là người mà kẻ học giả gọi là đạo đức nhân nghĩa, vậy còn gặp những tai nạn ấy, huống gì những kẻ tài năng bậc trung mà ở về cuối thời loạn lạc thì việc gặp tai họa còn nói làm sao cho hết. Tục ngữ có câu: "Chẳng cần nhân nghĩa, hay không nhân nghĩa, cái gì có lợi cho ta là tốt". Vì vậy Bá Di [Bá Di phản đỏi việc Vũ Vương đánh Trụ, trốn lên núi Thú Dương chết đỏi ở đấy.] cho nhà Chu là xấu, chịu chết đỏi ở núi Thú Dương, nhưng vua Văn Vương, Vũ Vương không phải vì thế mà bỏ ngôi vua. Chích, Cực [Chích, Cực: tên những người ăn trộm thời xưa.] hung bạo dữ tợn, nhưng đồ đảng của họ là ca ngợi mãi mãi nghĩa khí của họ. Do đó mà xem "ăn trộm lưỡi câu thì bị chém, ăn trộm nước được phong hầu. Nhà công hầu ở đâu, nhân nghĩa ở đấy" [Câu này của Trang Tử.], điều đó không phải lời nói suông. Nay bọn học giả câu nệ, chỉ khur khur lo ôm lấy cái nghĩa chật hẹp thì sẽ cô độc mãi ở đời [Chỉ Nguyên Hiến, Quý Thứ.], sao bằng hạ thấp cái đạo của mình để theo thế tục, trôi nổi với đời để được công danh [Chỉ Công Tôn Hoằng. Câu này theo lối phản ngữ, ý nói mỉa.]. Tuy vậy bọn áo vải cần thận trong việc lấy và cho, xem trọng tiếng ừ và lời hứa, tuy cách nghìn dặm cũng nghĩ đến nghĩa, chịu chết chẳng tiếc đời, họ làm thế nào cũng có chỗ hay, chứ không phải chỉ có điều xằng bậy. Có thể kẻ sĩ lúc cùng quẫn mới có nơi phó thác số phận. Những người ấy chẳng phải hiền tài, hào kiệt đó sao? Nếu như để bọn nghĩa hiệp ở nơi hàng xóm đọ tài đua sức với Quý Thứ, Nguyên Hiến, lập công với đương thời thì hẳn khác nhau xa. Nếu xét về mặt công lao thấy ngay lời nói được giữ, thì nghĩa khí của bọn hiệp khách có thể xem thường được đâu!

Hạng nghĩa hiệp áo vải đời xưa, ta không còn được nghe nữa. Thời gần đây bọn Duyên Lăng, Mạnh Thường, Xuân Thân, Bình Nguyên, Tín Lăng [Duyên Lăng tức Quý Trát người thời Xuân Thu, không thấy nói đến việc tiếp tân khách. Mạnh Thường Quân, Tín Lăng Quân, Xuân Thân Quân đều là những người thời Chiến quốc, số tân khách trong nhà họ đến hai, ba ngàn.] đều nhờ ở chỗ thân thích của nhà vua, dựa vào sự giàu có vì có đất phong, lại được địa vị khanh tướng, chiêu tập những người hiền trong thiên hạ, nổi danh với chư hầu, không thể gọi là không giỏi. Họ cũng như thuận theo chiều gió mà gọi, không phải tiếng vì đó nhanh thêm, nhưng vì thế gió đưa tiếng đi xa đó thôi. Còn đến bọn nghĩa hiệp ở nơi làng xóm, giữ gìn tính nết, trau dồi thanh danh, tiếng tăm vang trong thiên hạ, ai cũng khen là hiền, điều đó mới thật là khó. Nhưng các nhà Nho, nhà Mặc đều gạt ra mà không chép [Trách hai phái Nho và Mặc đều hẹp hòi đỏi với bọn du hiệp.]. Từ nhà Tần trở về trước những người tâm thường mà nghĩa hiệp đều mai một, tôi rất lấy làm giận [Tỏ rõ thái độ bênh vực những người du hiệp.]. Theo những

điều tôi được nghe từ khi nhà Hán lên có bọn Chu Gia, Điền Trọng, Vương Công, Kịch Mạnh, Quách Giải, tuy đôi khi có phạm vào cái lưới pháp luật của đương thời, nhưng đời sống riêng của họ liêm khiết, nhũn nhận cũng đáng khen. Danh tiếng của họ không phải là danh tiếng hảo, kẻ sĩ không phải vô cơ mà theo họ. Còn đối với những kẻ cậy gia thế họ hàng, kéo bè kéo đảng, lợi dụng tiền tài để sai khiến người nghèo, bắt nạt người sức yếu thể cô, khoe khoang thế lực của mình, lấy việc thỏa mãn điều ham muốn của mình làm sướng, thì những người du hiệp cũng lấy làm xấu hổ. Tôi đau xót về nổi thói đời không xét điều đó, cứ gộp bọn Chu Gia, Quách Giải với bọn cường hào và chê cười tất cả.

2.

Chu Gia là người Lỗ sống cùng thời với Cao Tô. Người nước Lỗ đều học theo đạo Nho, riêng Chu Gia học theo lối du hiệp mà nổi danh. Những người có danh tiếng được ông nuôi nấng che chở có hàng trăm, còn người tầm thường thì không kể xiết. Nhưng trước sau ông vẫn không khoe tài, tự phụ ân đức của mình, trái lại chỉ sợ những người chịu ơn cảm tạ mình. Ông cứu giúp những người thiếu thốn bắt đầu từ chỗ nghèo khó và thấp hèn. Trong nhà không có cửa thềm, áo quần cũ kỹ không lành lặn, ăn không có hai món, đi thì ngồi trên chiếc xe bò nhỏ. Ông lo cứu giúp người ta trong lúc gấp hơn cả việc riêng của mình. Sau khi đã bày mưu cứu được tướng quân Quý Bố thoát nạn đến khi Bố được tôn quý, suốt đời ông không gặp lại Bố [[Xem Quý Bố, Loan Bố liệt truyện.](#)]. Từ cửa Hàm Cốc về phía Đông không ai không dướn cổ [[Ý nói khao khát.](#)] muốn chơi với ông ta.

3.

Điền Trọng người nước Sở, nổi tiếng về nghĩa hiệp, thích đánh kiếm, thờ Chu Gia như cha, tự cho rằng hành vi của mình không bằng Chu Gia. Điền Trọng chết rồi, ở đất Lạc Dương có Kịch Mạnh. Người đất Chu lo nghề buôn bán, trái lại Kịch Mạnh lại nổi tiếng ở chư hầu về nghĩa hiệp. Khi nước Ngô, nước Sở làm phản, Diêu hâu [*Tức Chu Á Phu.*] làm thái úy, đi xe trạm, sắp đến Hà Nam bắt được Kịch Mạnh, mừng rỡ nói: -Nước Ngô, nước Sở làm việc lớn mà không mời đến Mạnh, thì ta biết họ không làm được gì rồi!

Trong khi thiên hạ rối loạn, tể tướng bắt được ông ta cũng như chiêu hàng được một nước địch vậy [*Ca ngợi tài và uy tín của Kịch Mạnh.*]. Việc làm của Kịch Mạnh cũng như việc làm của Chu Gia, nhưng ông ta thích đánh bạc, hay chơi những trò chơi của những người trẻ tuổi. Khi người mẹ của Kịch Mạnh chết, có gần một nghìn cỗ xe ở phương xa đến đưa tang. Đến khi Kịch Mạnh chết, của cải trong nhà còn lại không quá mười lạng vàng.

Vương Mạnh người đất Phù Ly cũng nổi tiếng nghĩa hiệp ở miền sông Giang, sông Hoài. Lúc bấy giờ họ Nhàn ở đất Tế Nam, Chu Dung ở đất Trần, cũng nổi tiếng hào hiệp. Vua Cảnh Đế nghe vậy sai người giết cả bọn này.

Về sau ở đất Đại có bọn họ Bạch, ở đất Lương có Hàn Vô Ty, ở huyện Dương Dịch có Tiết Huống, ở huyện Thiêm có Hàn Nhụ nổi lên rất đông [*Không phải vì triều đình nghiêm trị mà bọn du hiệp hết.*].

4.

Quách Giải là người đất Chỉ tự là Ông Bá, là cháu ngoại của Hứa Phụ người có tài xem tướng. Cha Giải bị giết thời Hiếu Văn Đế vì du hiệp. Giải người thấp bé, tinh ranh, hung hãn, không uống rượu. Lúc nhỏ tính nham hiểm, tàn nhẫn, những kẻ không làm Giải vừa lòng bị Giải giết rất nhiều. Giải liều thân báo thù cho bạn, chứa những người trốn tránh, phạm pháp, còn việc cướp bóc là việc thường làm, cũng như việc đục tiền đào mỏ người thì không kể hết. Ông ta gặp may, lúc nguy khốn cấp bách thường nhờ dịp đại xá mà được thoát.

Đến khi Giải lớn thì thay đổi tính nết, biết tự kiềm chế, biết lấy đức để báo oán, cho người thì nhiều mà trông mong người thì ít. Giải lại càng thích làm việc nghĩa hiệp hơn trước. Sau khi đã cứu tính mạng người ta, Giải không khoe công, tuy cái lòng nham hiểm tàn ác ngày xưa đôi khi vẫn lộ ra như cũ nếu gặp kẻ trợn mắt với mình. Những người tuổi trẻ hâm mộ việc làm của Giải, liền báo thù ngay, không cho Giải biết [*Ý nói Quách Giải không trừng trị kẻ trợn mắt với mình, nhưng những người tuổi trẻ liền trả thù cho Giải mà không nói cho Giải biết.*].

Người con của chị Giải cậy thế Giải, uống rượu với người khách, cưỡng ép người khách phải cạn chén mặc dù uống không nổi. Người kia giận, tuốt gươm, đâm chết cháu Giải rồi bỏ trốn. Chị Giải giận nói: -Người nghĩa hiệp như Ông Bá, mà để người ta giết con tôi không bắt được thằng giặc sao?

Bèn vớt xác ở ngoài đường không chịu chôn, ý muốn làm nhục Giải. Giải sai người dò biết nơi hung thủ ở. Hung thủ thế bí đành quay về trình bày tất cả sự thực với Giải. Giải nói: -Ông giết nó là đúng lắm, cháu của tôi làm bậy.

Bèn tha hung thủ, bắt tội người cháu, khâm liệm nó rồi chôn. Mọi người nghe vậy đều khen Quách Giải là người nghĩa khí, lại càng theo Giải.

Khi Giải đi ra, ai cũng tránh. Riêng có một người cứ ngồi xôm mà nhìn. Giải sai người hỏi họ tên anh ta. Những người khách muốn giết anh ta. Giải nói: -Ta ở trong làng xóm đến nỗi không được người ta kính trọng, đó là vì ta không trau dồi đức hạnh, anh ta có tội gì đâu?

Bèn bảo ngầm với viên quan coi việc công dịch trong huyện: -Người ấy là người chí thân của tôi, khi nào đến lượt anh ta phải phục dịch thì miễn cho anh ta.

Vì vậy mấy lần đều được miễn, quan không đòi đến. Anh kia ấy làm lạ, hỏi tại sao, mới biết Giải bảo miễn cho mình. Anh ta bèn cời trần đến tạ tội. Những người trẻ tuổi nghe vậy lại càng hâm mộ việc làm của Giải.

Ở Lạc Dương có người thù hằn nhau, những người tài giỏi ở trong làng xóm đến dàn xếp có hàng chục, nhưng vẫn không xong. Người khách bèn

đến nói với Quách Giải, Giải đang đêm đến nhà người có thù hằn, người kia miễn cưỡng nghe theo lời Giải. Giải bèn nói với người này: -Tôi nghe nói các vị ở Lạc Dương đã hòa giải việc này, nhưng ông không chịu nghe. Nay may sao ông nghe theo lời Giải, vậy có lẽ nào Giải lại ở huyện khác đến tranh giành mất cái công của các vị hiền đại phu trong xóm này!

Bèn đang đêm ra đi, không để cho ai biết, nói: -Hãy khoan theo cách hòa giải của tôi. Đợi tôi đi rồi sau để cho những người tai mắt ở Lạc Dương làm việc giải hòa và sẽ nghe theo họ.

Giải giữ mình cung kính không dám lên xe đi vào sân công đường huyện. Khi đi các quận ở lân cận cầu xin việc cho người khác, gặp việc có thể giúp được thì giúp, không giúp được thì cũng làm cho người ta vừa lòng. Sau đó mới dám ăn cơm rượu người ta. Mọi người vì vậy hết sức kính trọng Giải, tranh nhau giúp đỡ Giải. Thanh niên trong làng xóm và những người tài giỏi, tai mắt trong các huyện lân cận nửa đêm qua cửa nhà Giải thường hơn một chục cỗ xe, xin đưa những người khác Giải giấu giếm đem về nuôi [*Vì Giải giấu giếm những người phạm pháp nên họ không sợ mang tội xin đem những người khách này về nhà nuôi. Trở lên kể những hành động đạo đức của Giải khi lớn lên.*].

Đến khi nhà vua sai dời những người giàu đi Mậu Lăng [*Năm 127 trước Công nguyên vua Vũ Đế sai dời những nhà giàu từ ba trăm vạn trở lên đến đất Mậu Lăng.*]. Giải nhà nghèo không thuộc vào hạng đủ tư cách. Quan lại sợ nên bắt Giải dời nhà [*Vì Giải có tiếng hào phóng nên quan lại sợ mang tiếng che chở.*]. Vệ tướng quân tâu lên nói "Quách Giải nhà nghèo không thuộc vào hạng dời nhà".

Nhà vua nói: -Một người áo vải mà có quyền thế khiến cho tướng quân phải nói giúp, điều đó chứng tỏ nhà hần không nghèo.

Kết quả Giải phải dời nhà. Các vị tiền Giải đưa ra hơn ngàn vạn quan tiền. Con Dương Quý Chủ người đất Chỉ làm thư lại trong huyện, báo tên Giải lên, khiến cho Giải phải dời nhà. Người con của anh Giải chặt đầu Dương. Vì vậy họ Dương có thù hằn với họ Giải.

Giải vào Quan Trung. Những người hào kiệt ở Quan Trung quen biết hoặc chưa quen biết Giải, nghe tiếng Giải đều tranh nhau đến vui chơi bạn bè với Giải. Giải người thấp bé, không uống rượu, lúc ra đi không bao giờ đi ngựa. Sau khi Dương Quý Chủ bị giết, người nhà Dương Quý Chủ dâng thư lên, nhưng lại bị người ta giết ở dưới cửa cung đình. Nhà vua nghe tin bèn giao quan lại bắt Giải. Giải bỏ trốn, để mẹ đến ở Lạc Dương, còn mình thì trốn sang Lâm Tấn. Tịch Thiếu Công ở Lâm Tấn vốn không biết Giải. Giải giả mạo tên, nhân đây xin ra khỏi cửa quan. Tịch Thiếu Công bèn cho Giải đi ra. Giải trốn đến Thái Nguyên, đến nhà ai, Giải đều nói trước [*Để tỏ hành*

động của mình quang minh và cho người ta khỏi liên lụy.]. Quan đuổi bắt, dò tung tích đến Tịch Thiều Công, Tịch Thiều Công tự sát, tung tích mất đứt. Mãi về sau mới bắt được Giải.

Quan lại xét những điều Giải đã phạm và những người Giải đã giết thì sự việc đều xảy ra trước khi có ân xá. Ở huyện Chi có người nho sinh giúp quan trên trong việc xét Giải. Có người khách khen Giải, người nho sinh nói: - Quách Giải chỉ chuyên làm việc gian, phạm pháp công, tại sao lại gọi là người hiền?

Người khách nghe thế giết người nho sinh, cắt lưỡi y. Quan vì việc đó bắt tội Giải. Thực ra, Giải không biết kẻ giết người. Người giết kia cũng mất tích chẳng ai biết anh ta là ai. Quan tâu Quách Giải vô tội. Công Tôn Hoảng làm ngự sử đại phu phê: "Giải là người áo vải làm trò nghĩa hiệp, tác uy tác phúc. Việc kẻ hung hăng giết người, Giải tuy không biết nhưng tội này nặng hơn tội chính Giải giết [*Rõ ràng lối dùng văn chương làm rối pháp luật.*], đáng khép vào tội đại nghịch vô đạo.

Bèn giết cả họ Quách Giải ông Bá.

Từ đó về sau, rất nhiều người làm du hiệp nhưng đều kiêu ngạo không đáng kể, ở Quan Trung, Trường An có Phàn Trọng Tử, ở Hòe Lý có Triệu Vương Tôn, ở Trường Lăng có Cao Công Tử, ở Tây Hà có Quách Công Trọng, ở Thái Nguyên có Lỗ Công Nhụ, ở Lâm Hoài có Nhị Trường Khanh, ở Đông Dương có Điền Quân Nhụ tuy làm du hiệp nhưng đều có cái thái độ nhã nhặn khiêm nhường của người quân tử. Đến như họ Diêu ở phương Bắc, bọn Đỗ ở phương Tây. Cừ Cảnh ở phương Nam, Triệu Tha Vũ công tử ở phương Đông, Triệu Điện ở Nam Dương thì đó đều là bọn trộm cướp ở trong dân gian thôi, đáng kể làm gì! Bọn họ làm xấu hổ cho Chu Gia vậy.

5.

Thái sử công nói: Tôi xem Quách Giải tướng mạo không bằng người bình thường, nói năng không có gì đáng chú ý, thế mà tất cả những người hay kẻ dở trong thiên hạ, biết hay không đều hâm mộ danh tiếng của ông ta. Khi nói đến những người nghĩa hiệp, ai cũng nhắc đến tên. Tục ngữ có câu: "người ta lấy danh thơm làm dung mạo, há có khi nào hết". Ô hô, tiếc thay!

[44]
HOẠT KÊ liệt truyện

Đoạn: [1](#), [2](#), [3](#), [4](#), [5](#), [6](#), [7](#), [8](#), [9](#), [10](#)

1.

Khổng Tử nói: -Sáu kinh đối với việc trị dân đều thống nhất làm một [*(1) Văn lục kinh tuy khác nhau nhưng đều thống nhất ở chỗ có tác dụng chính trị.*]. Kinh Lễ dùng để giữ gìn người ta, Kinh Nhạc dùng để gây vui, Kinh Thư dùng để kể việc, Kinh Thi để bày tỏ tình ý, Kinh Dịch để nêu sự thay đổi, Kinh Xuân Thu để dạy chính nghĩa.

Thái Sử Công nói: - Đạo trời lồng lộng, to biết bao nhiêu. Lời nói bông đùa nếu hơi hợp chính đạo cũng đủ giải được những điều rắc rối [*Tác giả cho những lời bông đùa cũng xếp vào loại Lục Kinh. Đó là một ý kiến táo bạo.*].

2.

Thuần Vu Khôn là người gửi rêu ở nước Tề. Minh cao không đầy bảy thước, giỏi bông lơn, có tài biện luận, mấy lần sang sứ chư hầu, chưa hề chịu thua, chịu nhục. Thời vua Tề Uy Vương, thích nói bóng gió, thích thứ nhạc dân dật, suốt đêm say sưa li bì, không lo chính sự mà giao tất cả cho bọn khanh, đại phu. Trăm quan biếng nhác rối loạn, chư hầu kéo nhau đến xâm lấn. Thế nước nguy vong chỉ trong sớm tối. Các quan không ai dám can.

Thuần Vu Khôn dùng cách nói bóng gió để thuyết phục nhà vua.

- Trong nước có con chim lớn đậu ở giữa sân nhà vua. Ba năm nay nó không bay cũng không kêu. Nhà vua có biết con chim ấy là chim gì không?

Nhà vua nói: - Con chim ấy không bay thì thôi, chứ đã bay thì tận trời. Không kêu thì thôi, chứ đã kêu thì làm cho người ta khiếp oai!

Nói thế rồi đòi các quan cầm đầu các huyện vào châu tất cả có 72 người. Thương một người, giết một người... Cát quân ra đánh. Chư hầu hoảng sợ đều trả lại các đất đã lấy của Tề. Oai vua lừng lẫy ba mươi sáu năm. Việc này chép trong Điền, Hoàn thế gia [*Một thiên trong Sử ký, tức là thiên Điền Kinh, Trọng Hoàn thế gia (không dịch).*]. Năm thứ tám thời Uy Vương (371 trước Công nguyên) nước Sở đem đại quân đánh Tề. Vua Tề sai Thuần Vu Khôn sang Triệu xin quân cứu viện, vua sai đem đi một trăm cân vàng, mười cỗ xe bốn ngựa. Khôn ngửa mặt lên trời cả cười đứt cả dải mũ. Vua hỏi: - Tiên sinh chê ít sao?

Khôn nói: - Đâu dám thế!

Vua nói: - Thế cười là muốn nói gì?

- Sáng nay thần từ phương Đông lại đây. Thấy bên đường có kẻ cầu thần ruộng, đem bày một chén rượu, một chân giò mà khấn: "Ruộng cao đầy thúng, ruộng thấp đầy xe! Ngũ cốc được lớn, đầy nhà ê hề!". Thần thấy nó đưa lễ thì ít mà lòng mong thì quá nhiều cho nên cười.

Tề Uy Vương liền cho đem thêm một nghìn cân vàng, mười đôi ngọc bích trắng, trăm cỗ xe bốn ngựa. Khôn từ biệt ra đi. Sang Triệu, vua Triệu cho sang một nghìn cỗ xe bọc da, mười vạn quân tinh nhuệ. Vua Sở nghe tin đang đem rút quân về. Uy Vương cả mừng, đặt tiệc ở hậu cung, mời Khôn, cho uống rượu, hỏi: - Tiên sinh uống được bao nhiêu rượu thì say?

Khôn đáp: - Thần uống một đấu cũng say, một hộc [*Một hộc bằng mười đấu.*] cũng say.

Uy vương nói: - Tiên sinh uống một đấu đã say thì uống thế nào được một hộc? Tiên sinh có thể cho biết tại sao lại nói như vậy không?

Khôn nói: - Nếu cho rượu uống trước mặt đại vương, có quan chấp pháp đứng bên cạnh, quan ngự sử [*Chấp pháp và ngự sử đều là những quan coi về nghi lễ.*] nấp sau lưng thì Khôn sợ hãi cúi đầu mà uống, chỉ mới một đấu đã

say. Nếu cha mẹ có khách quý, Khôn vén áo khom lưng hầu rượu ở trước mặt, thỉnh thoảng ban cho mấy giọt rượu thừa, lại phải bung chén chúc thọ, phải đứng lên hầu rượu luôn, như thế chỉ mới hai đầu đã say. Còn nếu bạn bè chơi bời lâu ngày không gặp nhau, bỗng nhiên gặp gỡ, mừng rỡ kể chuyện cũ, đem chuyện riêng ra nói cùng nhau, như thế có thể uống được năm sáu đầu là say. Nhưng đến như ngày hội ở nhà quê, trai gái ngồi lẫn lộn, mời rượu dằng dai, đánh bạc, ném hồ, kéo nhau tùm năm tùm ba, nắm tay cũng không ai phạt, mắt nhìn nhau cũng không ai cấm. Đằng trước có cái hoa tai đánh rơi, đằng sau có cái trâm bị bỏ sót, Khôn trộm lấy thế làm vui, có thể uống tám đầu cũng chỉ say hai phần. Khi trời chiều tiệc vẫn, dọn chén ngồi kê, gái trai cùng chiếu, giày dép lẫn lộn, chén bàn bừa bãi, trên thềm tắt đuốc, chủ nhân giữ Khôn ở lại mà tiễn khách ra, áo là cởi bỏ, thoáng thấy mùi hương phung phức. Trong lúc bấy giờ lòng Khôn rất vui, có thể uống được một hộc. Vì vậy nói rượu quá hóa loạn, vui quá hóa buồn, muôn việc đều thế. Mọi việc đều không thể quá. Hễ quá thì hỏng, nên dùng lời nói bóng mà can ngăn.

Vua Tề nói: - Hay.

Bèn bãi bỏ việc uống rượu suốt đêm, cho Khôn coi việc tiếp khách chầu hầu. Khi các tôn thất đặt tiệc rượu, Khôn thường ngồi một bên.

3.

Sau đó, hơn một trăm năm, ở nước Sở có Ưu Mạnh. Ưu Mạnh là người nhạc công ở nước Sở. Minh cao tám thước, giỏi biện bác, thường dùng lời nói bông đùa để tỏ ý can ngăn. Thời Sở Trang Vương có con ngựa yêu, cho mặc áo gấm, đặt dưới mái nhà có chạm trổ, đứng trên cái giường không có màn, cho ăn táo khô. Con ngựa mắc bệnh béo mà chết. Nhà vua sai quân thần để tang, muốn dùng quan khách khâm liệm chôn theo lễ đại phu. Những người xung quanh can ngăn là không nên. Nhà vua ra lệnh: - Ai dám can ngăn về việc ngựa thì chịu tội chết.

Ưu Mạnh nghe vậy, vào cửa điện ngẩng đầu lên trời, khóc rống. Nhà vua kinh ngạc hỏi vì sao.

Ưu Mạnh nói: - Con ngựa là vật nhà vua yêu. Một nước đường đường như nước Sở làm cái gì chẳng được mà lại phải chôn theo lễ đại phu, như thế thì quá bạc. Xin chôn theo lễ nhà vua.

Nhà vua nói: - Chôn như thế nào?

Ưu Mạnh nói: - Thần xin đeo ngọc để làm áo quan, lấy gỗ tử có vân để làm quách, lấy gỗ biền, gỗ phong, gỗ dự chương để ở ngoài áo quan, sai quân sĩ mang áo giáp đào huyết ở ngoài, những người già yếu mang đất, nước Tề, nước Triệu đứng tề ở trước, nước Hàn, nước Ngụy hộ vệ mặt sau, lập miếu thờ, dùng cỗ thái lao để tế, phong ấp vạn nhà [*Dùng lối phản ngữ làm cho việc chôn ngựa thành ra lộ bích.*]. Chư hầu nghe vậy đều biết nhà vua coi rẻ người mà quý ngựa [*Then chốt là ở câu này.*].

Nhà vua nói: - Quả nhân sai lầm đến thế à? Bây giờ nên làm thế nao?

Mạnh nói: - Xin đại vương chôn như chôn súc vật. Lấy bếp để làm quách, lấy vạc đồng để làm quan tài, thêm vào gừng để làm gia vị, đặt trên mâm cỗ mộc lan, lấy gạo nếp để tế, cho mặc áo lụa để chôn vào trong bụng người ta.

Nhà vua bèn sai người giao ngựa cho viên quan lại coi việc bếp núc, không khiến thiên hạ nói đến việc chôn ngựa nữa.

Tướng quốc nước Sở là Tôn Thúc Ngao biết Ưu Mạnh là người hiền nên chơi thân với Mạnh. Đến khi mắc bệnh sắp chết, Ngao trời lại với con rằng: - Ta chết, may thế nào cũng nghèo khổ. May đến gặp Ưu Mạnh nói rằng may là con ông Tôn Thúc Ngao.

Được mấy năm, người con nghèo khổ đi gánh củi, gặp Ưu Mạnh bèn nói: - Tôi là con ông Tôn Thúc Ngao. Khi cha tôi sắp chết có trời lại rằng nếu tôi nghèo khổ thì sẽ tìm đến ông.

Ưu Mạnh nói: - Ông chớ có đi đâu xa.

Bèn làm áo mũ của Tôn Thúc Ngao bắt chước cử chỉ lời nói. Được hơn một năm ròng thì y như Tôn Thúc Ngao. Vua Sở và người xung quanh

không ai phân biện được. Sở Trang Vương đặt tiệc rượu, Ưu Mạnh tiến ra chúc thọ, Trang Vương kính hãi, cho là Thúc Ngao sống lại, muốn cho làm tướng quốc. Ưu Mạnh nói: - Xin cho thần về bàn với vợ, ba hôm nữa sẽ làm tướng quốc.

Trang Vương bằng lòng. Ba bốn hôm sau Ưu Mạnh lại đến. Nhà vua nói: - Vợ nhà người nói thế nào?

Ưu Mạnh đáp: - Vợ thần bảo chớ có làm, không nên làm tể tướng nước Sở. Đây Tôn Thúc Ngao làm tể tướng nước Sở, cai trị nước Sở hết sức trung thành và liêm khiết, nhờ vậy vua nước Sở được làm bá. Nhưng nay chết rồi, người con không có đất cấy dùi, nghèo khổ, gánh củi để kiếm ăn. Nếu làm như Tôn Thúc Ngao thì không bằng tự sát cho rồi.

Nhân đó hát rằng: - Ở trong núi cày ruộng khổ, kiếm ăn khó, ra làm quan, thấy bọn tham lam bỉ ổi có nhiều của, không nghĩ đến sĩ nhục, khi chết nhà giàu có. Nhưng lại sợ lấy của hối lộ, phạm pháp, làm niệc gian, mắc tội nặng thân bị giết, nhà cũng bị diệt vong. Làm tham quan làm gì! Làm quan thanh liêm giữ phép tắc, giữ chức vụ đến chết không dám làm điều trái. Làm quan thanh liêm làm gì? Tể tướng nước Sở là Tôn Thúc Ngao, giữ gìn thanh liêm cho đến chết, nhưng nay vợ con nghèo khổ gánh củi để kiếm ăn, không nên làm!

Trang Vương bên cảm tạ Ưu Mạnh và gọi con của Tôn Thúc Ngao ra phong cho đất Tầm Khâu có bốn trăm hộ để lo việc tế tự. Đến mười đời sau, đất phong cũng không mất. Trí khôn ấy có thể nói việc thời ghi vậy [*Việc hợp thời nên làm.*].

4.

Hơn hai trăm năm sau, nước Tần có Ưu Chiên, Ưu Chiên là con hát Tần, người lùn, giỏi cách nói bông đùa, nhưng lại hợp đạo lớn. Thời Tần Thủy Hoàng đặt tiệc rượu, bỗng gặp trời mưa to. Những người đứng hầu ngoài thềm đều bị ướt và lạnh. Ưu Chiên thấy thế thương họ, bảo họ rằng: - Các anh có muốn nghỉ hay không?

Những người đứng hầu ngoài thềm đều nói: - Được thế thì may lắm.

Ưu Chiên nói: - Khi nào ta gọi các người thì các người phải "dạ" ngay.

Được một lát, ở trên diện chúc thọ hô "vạn tuế". Ưu Chiên đến lan can hô lớn: - Các quan đang ở dưới thềm!

Các quan lang nói: - Dạ!

Ưu Chiên nói: - Các người cao lớn có ích gì, lại đứng ngoài trời bị mắc mưa. Ta đây tuy lùn thấp nhưng được ở trong nhà nghỉ ngơi.

Tần Thủy Hoàng bèn cho những người hầu ở thềm được chia đôi thay phiên nhau châu chực.

Thủy Hoàng thường bàn mở rộng vườn của nhà vua phía Đông đến cửa ải Hàm Cốc, phía Tây đến đất Ung, đất Trần Thương.

Ưu Chiên nói: - Hay lắm, cứ thả nhiều cảm thú vào đấy. Nếu kẻ cướp từ phương Đông đến thì chỉ sai hươu nai húc chúng cũng đủ.

Tần Thủy Hoàng vì vậy thôi không làm nữa. Đến khi Tần Nhị Thế lên ngôi lại muốn sơn thành. Ưu Chiên nói: - Hay lắm! Chúa thượng tuy không nói, nhưng thần cũng đã muốn xin điều đó. Sơn thành tuy làm trăm họ khổ sở và tốn kém, nhưng đẹp làm sao! Thành xây láng bóng, giặc đến không sao trèo lên được. Nếu như muốn trèo lên thì dễ bị sơn lấm vào người. Chỉ khổ một điều bị sơn lấm vào người, không làm được nhà che.

Tần Nhị Thế cười. Vì vậy bỏ việc đó. Chẳng bao lâu Nhị Thế bị giết chết. Ưu Chiên về nhà Hán được mấy năm thì mất.

Thái sử công nói: -Thuần Vu Khôn ngẩng mặt lên trời cả cười, Tề Uy Vương đắc chí? Ưu Mạnh lắc đầu mà ca, người gánh củi được đất phong. Ưu Chiên đến lan can hô lớn, những người ở dưới thềm lần lượt được thay thế nhau một nửa chẳng phải là việc lớn đáng khen hay sao?

Chữ tiên sinh [Chữ Thiệu Tôn người đời Hán, làm bác sĩ thời Thành đế, Nguyên đế có bổ sung vào Sử ký của Tư Mã Thiên. Từ đoạn nay trở đi là của Chữ Thiệu tôn.] nói: -Tôi may mắn nhờ được nho thuật mà làm quan lang lại thích đọc những lời lưu truyền của các sách ngoài, xin mạo muội chép thêm tất cả những chuyện bông đùa gồm sáu chương vào đây. Như thế có thể mở rộng kiến văn để người sau ai tò mò xem cũng sướng lòng hả dạ, đừng giúp thêm vào ba chương của Thái sử công.

5.

Trong thời Vũ Đế, có người con hát nhà vua yêu tên là Quách Xá Nhân. Khi nói năng trình bày tuy không hợp đạo lớn, nhưng khiến nhà vua vui lòng. Khi Vũ Đế còn nhỏ, mẹ của Đông Vũ Hầu thường nuôi nấng nhà vua. Đến khi lớn lên, nhà vua gọi bà ta là "vú nuôi lớn", cứ một tháng cho vào châu hai lần. Khi vào châu có chiếu chỉ sai người tôi yêu là Mã Du Khanh cho nhũ mẫu năm mươi tám lụa, lại cho cơm khô, rượu để nuôi nhũ mẫu. Nhũ mẫu làm đơn dâng lên, nói: "Xin nhà vua cho tôi sử dụng những công điền ở ...". Nhà vua nói: "Nhũ mẫu muốn được công điền à? Thôi thì cho nhũ mẫu". Những điều mà nhũ mẫu muốn đều được nhà vua ưng thuận. Có chiếu chỉ cho nhũ mẫu được ngồi xe đi vào giữa công đường của nhà vua. Lúc bấy giờ các công khanh và đại thần đều kính trọng nhũ mẫu. Con cháu tôi tớ của nhũ mẫu hoành hành ngang dọc đất Trường An. Giữa đường chặn đón xe ngựa người ta, cướp giật áo quần người ta. Trong cung biết chuyện ấy nhưng không nỡ bắt trị tội. Quan coi việc pháp luật xin nhà vua dời nhà của nhũ mẫu ra ngoài biên giới. Lời tâu được chuẩn y. Trước khi vào từ biệt nhà vua nhũ mẫu đến gặp Quách Xá Nhân khóc lóc về việc đó. Xá Nhân nói: - Khi vào từ biệt nhà vua rồi trở ra cứ đi nhanh, nhưng quay lại nhìn mấy lần.

Nhũ mẫu cứ làm theo lời nói, từ biệt ra đi, quay lại nhìn mấy lần, Quách Xá Nhân lớn tiếng mắng: - Ô kìa! Cái mụ già này! Sao không đi nhanh cho rồi. Bộ hạ lớn rồi có cần bú mớm mày nữa đâu, quay lại nhìn làm cái gì?

Nhà vua thương hại bà ta, bèn ra lệnh đình chỉ không dời nhà nhũ mẫu ra biên giới nữa, phạt đày người gièm pha.

6.

Thời Vũ Đế có người nước Tề, họ Đông Phương tên là Sóc thích đọc sách truyện xưa, yêu đạo Nho, xem nhiều sách các nhà. Lúc đầu Sóc vào Trường An. Đến công xa dâng thư, vào khoảng ba nghìn thẻ tre [*Bấy giờ chưa có giấy, ghi chép dùng dao khắc vào gỗ, tre.*]. Công xa [*Chức quan coi việc giấy tờ các nơi đưa đến nhà vua hoặc nhà vua đi các nơi.*] sai hai người ôm thẻ tre đưa lên mới nổi. Nhà vua ở trong cung đọc ngừng lại chỗ nào thì dành dấu chỗ đó, đọc hai tháng mới hết. Chiếu cho Sóc làm quan lang, thường hầu ở bên cạnh nhà vua, nhà vua mấy lần gọi đến trước mặt để nói chuyện, không lần nào nhà vua không vui lòng, có khi cho thức ăn trước mặt vua. Sóc ăn xong còn bao nhiêu thịt thì mang đi làm bản hết cả áo. Mấy lần nhà vua thưởng lụa là, Sóc vác lên vai mà đi. Dùng tất cả lụa tiền vua cho để lấy những người con gái đẹp và trẻ ở Trường An. Cứ lấy được một năm lại bỏ, lấy người vợ khác. Nhà vua cho được bao nhiêu tiền của đều tiêu hết vào việc lấy vợ. Các quan lang xung quanh nhà vua, phân nửa gọi Sóc là anh cuồng.

Nhà vua nghe vậy nói: - Nếu Sóc làm quan mà không có điều này thì các người làm sao kịp nó được.

Sóc cử con làm quan lang, lại làm người yết giả để châu chực, thường cầm cờ tiết đi sứ. Sóc đi trong điện có quan lang bảo: - Người ta đều bảo tiên sinh là người cuồng.

Sóc nói: - Như bọn Sóc đây có thể gọi là trốn đời ở giữa triều đình vậy. Người đời xưa thì mới trốn đời ở trong núi sâu.

Sóc thường ngồi trên chiếu uống rượu, say bò trên đất mà hát: - "Luân lạc cùng với bọn thế tục, ở ẩn cửa Kim mã. Trong cung điện, có thể trốn đời, bảo toàn thân mình, cần gì phải vào nơi núi sâu ngồi dưới lều cỏ".

Cửa Kim mã là cửa quan. Hai bên có hai con ngựa lồng nên gọi là "cửa Kim mã". Sóc trường cùng với các bác sĩ họp nhau ở trong cung bàn luận. Những người kia hỏi vặn Sóc [*Từ "Những người kia ... " đến "không biết lấy gì đáp lại" là bài "Giải trào" của Đông Phương Sóc, Sóc cũng sinh một thời với Tư Mã Thiên, cái nhìn của Sóc về thời đại của mình rất là tiêu biểu.*]: - Tô Tần, Trương Nghi một khi gặp các vị vua có vạn cỗ xe đều lên địa vị khanh tướng, ơn đức lưu lại đến đời sau. Nay ông trau dồi đạo tiên vương, hâm mộ cái nghĩa của thánh nhân, đọc thuộc ngâm nga lời của Kinh Thi, Kinh Thư, bách gia, kể không thể hết. Viết ở trên tre lụa, cho rằng trong thiên hạ không ai bằng mình. Như thế có thể gọi là kẻ biết nhiều, có tài biện luận vậy. Nhưng ông đem hết sức hết lòng để thờ thánh đế, đến nay, ngày qua tháng lại đã được mấy chục năm ròng mà chức quan chẳng qua chỉ thị lang [*Chức thị lang đời Hán chỉ có nhiệm vụ cầm kích canh phòng trong*

cung khác chức thị lang triều Nguyễn là một chức quan to.], địa vị thực ra chỉ cầm kích để hầu, như thế có phải còn điều gì thiếu sót chăng? Thế là tại làm sao?

Đông Phương Sóc nói: - Đó không phải là điều các ông biết được. Thời xưa khác, thời hay khác, có phải giống nhau đâu? Thời Trương Nghi, Tô Tần ngày xưa là lúc nhà Chu tan rã, chư hầu không vào châu. Về chính trị thì dùng vũ lực tranh nhau quyền thế, đem binh giữ nhau, thôn tính nhau còn lại mười hai nước [*Thời Tô Tần, Trương Nghi.*] không ai hơn ai. Nước nào được kẻ sĩ thì mạnh, nước nào mất kẻ sĩ thì mất nước. Vì thế cho nên kẻ sĩ nói được nghe, đi được lọt, thân mình ở địa vị tôn quý, ơn đức để lại đời sau, con cháu mãi mãi vinh hiển. Ngày nay không phải thế nữa, Thánh đế ở trên, ơn đức tưới khắp thiên hạ, chư hầu theo phục, uy thế vang đến tứ di, cả ngoài bốn biển cũng đều liền như chiếu thế yên ổn như cái chậu úp sấp, tất cả thiên hạ đều cân bằng, thu vào một nhà, có việc gì muốn làm thì dễ như trở bàn tay. Bây giờ người hiền người dở có khác gì nữa đâu! Trong lúc này thiên hạ to lớn, kẻ sĩ và dân chúng đông đúc những người đem hết tâm lực, học thuyết, kéo nhau tụ tập không thể kể hết. Những kẻ hết sức theo nghĩa, ăn mặc còn thiếu thốn, có kẻ mất cả thể diện, gia thế. Giả sử Trương Nghi, Tô Tần cùng tôi đều sinh ra đời này thì họ sẽ không được chức quan chương cổ, chứ làm gì mong đến chức thường thị thị lang. Truyện có câu: "Trong thiên hạ nếu không có điều nguy hại, tai họa, thì tuy thành nhân cũng không có chỗ để thi thố tài năng. Trên dưới hòa hợp thì tuy người hiền cũng không có cách gì lập công". Cho nên nói rằng thời đổi khác thì việc đổi khác. Tuy nhiên điều đó đâu phải là để ta không lo tu thân? Kinh Thi nói: "Chuông đánh ở cung tiếng vang ra ngoài. Hạc kêu nơi ao đầm xa xôi, tiếng nghe trên trời". Nếu mình tu thân thì lo gì không được hiển vinh! Xưa Thái công lo làm việc nhân đức, năm bảy mươi hai tuổi gặp Văn Vương được thực hành cái thuyết của mình, được phong đất ở Tề bảy trăm năm mà không dứt. Chính vì vậy cho nên kẻ sĩ ngày đêm lo lắng, trau dồi việc học, thực hành đạo nghĩa, không dám thôi. Nay những người xử sĩ [*Kẻ sĩ ở nhà chưa ra làm quan.*], trên đời tuy chưa được gặp thời, vẫn đứng nghiêm nhiên ở một nơi, một mình sừng sững trên xem Hứa Do dưới nhìn Tiếp Dư [*Hứa Do là ẩn sĩ. Nghiêu nhường ngôi cho Hứa Do. Hứa Do không nhận. Tiếp Dư là ẩn sĩ ở nước Sở cùng thời với Khổng Tử.*], theo sách lược của Phạm Lãi, trung thành hợp với Tử Tư thiên hạ hòa bình tu thân để giữ gìn mình. Nếu mình cô độc ít có bạn bè thì đó là lẽ thường. Các ông sao lại nghi ngờ ta?

Các vị bác sĩ đều im lặng không biết lấy gì đáp lại.

Ở lan can nhà gác sau cung Kiến Chương, có con vật xuất hiện, hình nó giống như con nai. Người ta tâu lên, Vũ Đế đến xem, hỏi các quan chung

quanh và những người am hiểu đạo nho, nhưng không ai biết là con gì. Sai Đông Phương Sóc đến xem. Sóc nói: - Thần biết. Xin nhà vua cho rượu ngon com ngọt đãi thần một bữa tiệc sang thì thần mới nói.

Chiếu nói: - Được.

Sóc lại nói: - Ở nơi nọ có mấy sở công điền, ao cá, mấy khoảnh đất lau lách, bệ hạ cho thần thì thần Sóc này mới nói.

Bấy giờ Sóc mới chịu nói: - Con ấy là con Sô nha. Nơi xa xôi sắp theo về thần phục cho nên con Sô nha xuất hiện trước. Răng cửa răng hàm nó như nhau, bằng nhau như không có răng vậy, cho nên gọi nó là Sô nha.

Sau đó một năm, quả nhiên vua Hồn Gia của Hung Nô đem mười vạn người đến đầu hàng Hán. Nhà vua bèn thưởng cho Sóc rất nhiều tiền bạc. Sóc sắp mất, can nhà vua: - Kinh Thi có câu: "Nhặng xanh hung nhúc, đậu ở rào giậu. Người quân tử chớ nghe lời gièm pha. Lời gièm pha vô cùng làm rối loạn các nước bốn phương". Xin bệ hạ đuổi xa bọn xu nịnh, gạt bỏ lời gièm pha.

Nhà vua nói: - Ngày nay Đông Phương Sóc cũng nói những lời hay thế sao?

Và lấy làm lạ. Được ít lâu, quả nhiên Sóc mắc bệnh chết. Truyện có câu: "Con chim sắp chết thì tiếng kêu thảm thương, con người sắp chết thì lời nói hay [*Luận ngữ, thiên "Thái bá".*] là ý nghĩa như vậy.

7.

Trong thời Vũ Đế, đại tướng quân Vệ Thanh là anh của Vệ Hậu được phong làm Trường Bình Hầu. Vệ Thanh đem quân đi đánh Hung Nô, đến Du Ngô Thủy [*Hiện nay là biên giới phía Bắc nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ.*] chém thủ cấp bắt giặc, có công trở về, vua ban chiếu thưởng một ngàn cân vàng. Khi tướng quân ra khỏi cửa cung, có người nước Tề là Đông Quách tiên sinh về làm phương sĩ cho nên chầu chực ở nha môn công xa, giữa đường ngăn xe của Vệ tướng quân lại mà nói: - Xin cho trình bày sự việc.

Tướng quân dừng xe lại cho Đông Quách tiên sinh đến trước mặt. Đông Quách đến bên xe nói: -Vương phu nhân mới được nhà vua yêu, nhà phu nhân nghèo. Nay tướng quân mới được ngàn cân vàng, nếu đem một nửa cho người bà con của Vương phu nhân, nhà vua biết thế nào cũng vui lòng. Điều đó có thể gọi là kế lạ và nhanh vậy:

Vệ tướng quân cảm tạ và nói: - Tiên sinh bày cho tôi cái kế hay, tôi xin vâng lời.

Đoạn Vệ tướng quân đem năm trăm cân vàng làm lễ chúc thọ thân nhân của Vương phu nhân. Vương phu nhân đem việc ấy nói với Vũ Đế. Vũ Đế nói: - Đại tướng quân không biết điều đó đâu?

Hỏi Vệ Thanh: - Ông nghe theo kế của ai?

Vệ Thanh đáp: - Nghe theo lời người chờ chiếu là Đông Quách tiên sinh.

Nhà vua gọi Đông Quách tiên sinh vào và cho làm đô úy ở quận. Đông Quách tiên sinh đã lâu ngồi chờ chiếu ở công xa, nghèo khổ, đói rét, quần áo rách rưới, giày không còn nguyên. Khi đi giữa tuyết, giày chỉ còn mu ở trên mà không còn đế, chân giẫm đất. Người trên đường cười chế nhạo. Đông Quách tiên sinh trả lời ngay: - Ai có thể đi trên tuyết mà khiến cho người ta thấy ở trên là giày, ở dưới vẫn là chân được đâu?

Đến khi được bổ làm quan hai nghìn hộ lương, Đông Quách tiên sinh mang dải ấn xanh ra khỏi cửa cung [*Đô úy mang dải ấn màu xanh.*] đến tạ người chủ trọ. Thì ra người này trước đây cũng là người chờ chiếu làm quan như mình, đứng tiền mình ở ngoài đô thành. Đông Quách tiên sinh lên đường vinh hoa lập danh trong đời. Có thể nói là người mặc áo ngắn mà mang đồ quý vậy. Khi ông ta nghèo khốn, không ai nhìn ngó, đến khi giàu có, người ta lại tranh nhau xu phụ. Ngạn ngữ có câu: "Xem ngựa thấy nó gầy nên không biết là ngựa hay, xem kẻ sĩ thấy họ nghèo nên không biết họ giỏi", phải chăng là ý nghĩa như vậy?

Vương phu nhân ôm nặng, nhà vua thân hành đến hỏi: - Con nàng sẽ làm vương. Nàng muốn con nàng làm vương ở đâu.

Vương phu nhân đáp: - Muốn làm vương ở Lạc Dương.

Nhà vua nói: - Không được, Lạc Dương có kho vũ khí, kho lúa, giữ cửa quan, là yết hầu của thiên hạ. Từ tiên đế đến nay, không hề đặt vương ở đây. Nhưng các nước ở quan đông không có nước nào lớn bằng nước Tề, có thể cho làm Tề vương.

Vương phu nhân lấy tay đập vào đầu kê: - Thế thì may lắm.

Vương phu nhân chết, hiệu là "Tề vương thái hậu chết" [*Điều đó chứng tỏ con sẽ làm Tề Vương.*].

8.

Ngày xưa Tề Vương sai Thuần Vu Khôn dâng chim học cho nước Sở. Đi khỏi cửa ập, giữa đường chim bay mất, chỉ còn lại cái lồng không. Thuần Vu Khôn đặt lời nói dối, đến gặp Sở Vương: - Tề Vương sai thần đem chim hoàng học đến biếu. Khi đi qua trên mặt nước, thần khôngỡ để cho chim khát nên đem ra cho uống. Chim bỏ thần bay mất. Thần muốn đâm bụng thắt cổ mà chết. Nhưng sợ người ta nói rằng nhà vua vì việc chim muông mà bắt kẻ sĩ phải tự sát. Học là một thử chim có nhiều con giống, thần muốn mua chim khác thay vào nhưng sợ làm thế là không tin và lừa dối nhà vua. Thần muốn chạy trốn sang nước khác, nhưng đau lòng về việc sứ thần qua lại giữa hai vị vua bị đoạn tuyệt, cho nên thần đến đây dập đầu xin chịu tội với đại vương.

Vua Sở nói: - Tốt lắm! Tề Vương có kẻ sĩ trung tín như thế sao? Bèn thưởng rất hậu, tiền bạc gấp đôi so với việc hiến chim học.

9.

Trong thời Vũ Đế nhà vua mời thái thú Bắc Hải đến nơi nhà vua ở. Người lo việc giấy tờ là ông Vương xin được cùng đi với thái thú, nói: - Tôi sẽ giúp ích được cho ông.

Thái thú bằng lòng. Các viên thư lại trong phủ đều nói: - Ông Vương là người thích rượu, lắm lời nhưng trống rỗng, sợ không thể cùng đi.

Thái thú nói: - Ý ông ta muốn đi, ta không thể trái.

Bèn cùng ông ta đi. Đến chờ chiếu nhà vua ở cửa cung. Ông Vương chỉ mang tiền mua rượu cùng viên quan coi vệ binh uống say cả ngày không gặp thái thú. Thái thú vào quỳ bái kiến. Ông Vương nói với viên quan coi cửa: - Nhờ ông ngoảnh vào cửa quan, gọi vọng ông chủ tôi giúp.

Quan coi cửa cung gọi thái thú. Thái thú đến thấy ông Vương ở đằng xa. Ông Vương nói: - Nếu thiên tử hỏi ngài cai trị đất Bắc Hải như thế nào mà không có trộm cướp thì ngài trả lời như thế nào?

Thái thú đáp: - Chọn và cất nhắc đúng người tài, ai cũng dùng đúng năng lực của họ, thưởng những người giỏi, phạt những người kém.

Ông Vương nói: - Đáp như thế là tự đề cao, tự khoe công. Không nên. Ngài cứ đáp: "Đó không phải là sức của thần. Đó là nhờ thần linh uy vũ của bệ hạ đã cảm hoá được lòng dân".

- Được! Phải đấy.

Khi thái thú được triệu vào, đến dưới điện có chiếu hỏi: - Nhà ngươi cai trị đất Bắc Hải như thế nào mà trộm cướp không nổi lên?

Thái thú dập đầu đáp: - Đó không phải công của thần. Đó là nhờ thần linh uy vũ của bệ hạ cảm hóa được lòng dân.

Vũ Đế cả cười nói: - Ủa, ông làm sao có được lời nói của bậc trưởng giả mà trình bày như vậy? Ai bày cho ông đấy?

Thái thú đáp: - Tôi học của người coi việc văn thư.

Nhà vua hỏi: - Ông ta nay ở đâu?

- Ở ngoài cửa cung.

Nhà vua cho chiếu gọi vào, cho ông Vương làm thủy hành thừa [*Người giúp việc cho thủy hành đô úy.*], cho thái thú Bắc Hải làm thủy hành đô úy [*Coi vườn Thượng Lâm của nhà vua.*]. Truyện có câu: "Lời nói đẹp có thể đem ra mà múc được, phẩm hạnh cao quý có thể làm cho cao hơn người được. Người quân tử lấy lời nói để tiến nhau, kẻ tiểu nhân lấy tiền của để tiến nhau".

10.

Thời Ngụy Văn Hầu, Tây Môn Báo làm huyện lệnh ở ấp Nghiệp. Báo đến ấp Nghiệp gặp các trưởng lão hỏi dân tình khổ sở vì điều gì? Các vị trưởng lão nói: - Khổ vì chuyện Hà Bá lấy vợ nên dân nghèo.

Báo hỏi tại sao, họ đáp: - Quan tam lão [*Chức quan ngày xưa coi việc giáo huấn trong làng.*] và những người thuộc lại mỗi năm thu thuế trăm hộ được mấy trăm vạn, lấy ra hai ba mươi vạn để cưới vợ cho Hà Bá. Còn bao nhiêu thì giao cho ông đồng bà cốt chia nhau mang về. Đến lúc ấy, bọn bà cốt đi thấy nhà nào có con gái đẹp thì nói nên gả cho Hà Bá và đem đồ sính lễ đến cưới. Họ tắm rửa cho cô ta xong, lấy the lụa mặc cho cô ta, cho ở một mình, ăn chay, dựng nhà trai cung ở trên bờ sông Hoàng Hà, bày cờ đỏ màn the, cho người con gái sống ở trong cung. Cô ta có đủ thịt bò, rượu, cơm. Làm như thế hơn mười ngày. Sau đó lại đánh phấn tô điểm cho cô ta, chuẩn bị giường chiếu như cô dâu thật, để cô gái trên giường cho trôi ở trên sông Hoàng Hà. Lúc đầu còn trôi ở trên mặt nước, đi đến mấy dặm rồi mới chìm. Nhà nào có con gái đẹp cũng rất sợ ông đồng bà cốt bắt gả cho Hà Bá. Cho nên nhiều người mang con gái trốn đi nơi xa. Vì thế trong thành vắng tanh không người, lại càng đói kém. Tục này đã có từ lâu. Dân gian có câu tục ngữ tương truyền: "Nếu không lấy vợ cho Hà Bá thì nước dâng lên chết hết dân".

Tây Môn Báo nói: - Khi nào Hà Bá lấy vợ, xin cụ tam lão, các ông đồng bà cốt, các phụ lão tiễn người con gái trên sông Hoàng Hà đến nói với tôi, tôi cũng muốn tiễn cô ta.

Họ đều nói: - Dạ.

Đến hôm ấy, Tây Môn Báo đến họp trên sông Hoàng Hà. Cụ tam lão, các thuộc lại, những người tai mắt, các bô lão trong làng nhân dân đến xem hai ba nghìn người. Bà cốt là một bà già, tuổi đã bảy mươi. Bọn con gái làm đệ tử theo bà đến mười người. Tất cả đều mặc áo the mỏng đứng đằng sau bà cốt chính. Tây Môn Báo nói: - Gọi người vợ Hà Bá đến đây xem xấu đẹp thế nào?

Người ta dẫn người con gái ở trong màn ra trước mặt Báo. Báo nhìn người ấy, đoạn quay lại bảo tam lão, ông đồng bà cốt: - Người con gái này không đẹp. Phiền bà cốt xuống sông báo với Hà Bá khi nào tìm được người đẹp để thay sẽ đưa dâu.

Liền sai thuộc hạ và quân lính ôm bà cốt già ném xuống sông Hoàng Hà. Một lát sau, Báo lại nói: - Bà cốt già sao đi lâu thế? Các đệ tử phải giục bà ấy đi!

Lại sai ném một người đệ tử xuống sông. Một lúc sau, Báo lại nói: - Đệ tử sao lâu về thế? Phải sai một người nữa đi giục họ về.

Lại ném một đê tử xuống sông nữa. Tây Môn Báo lại nói: - Bà cốt già và đê tử đều là đàn bà con gái không thể trình bày công việc được. Xin phiền vị tam lão xuống trình bày đầu đuôi.

Lại sai ném tam lão xuống sông Hoàng Hà. Tây Môn Báo cầm bút lên đầu làm ra vẻ cung kính quay về phía sông một hồi lâu. Các vị trưởng lão và thuộc lại đứng bên cạnh đều sợ hãi. Tây Môn Báo quay lại nói: - Bà cốt già, tam lão không về, bây giờ làm thế nào?

Muốn sai một người thuộc lại và một người trưởng lão xuống giục.

Hai người này đập đầu van xin, đầu muốn vỡ, máu chảy lênh láng trên đất, sắc mặt xám như tro nguội. Tây Môn Báo nói: - Được ta hãy đợi một chút.

Một lát sau, Tây Môn Báo bảo: - Ông lại đứng đây, Hà Bá giữ khách như thế lâu rồi. Cho tất cả về nhà.

Thuộc lại và dân chúng ấp Nghiệp đều hoảng sợ. Từ đó về sau không ai dám nói đến việc Hà Bá lấy vợ nữa. Tây Môn Báo sai dân đào mười hai con ngòi để đem nước sông Hà vào tưới ruộng của dân, ruộng đều đầy nước. Lúc bấy giờ dân chúng đào ngòi rất khổ cực, không muốn làm, Báo nói: - Dân chúng có thể vui thích khi việc đã thành, nhưng không thể cùng họ lo toan khi bắt đầu làm. Nay các cụ và con em tuy lo lắng, khổ sở vì ta, nhưng một trăm năm sau thế nào con cháu của các cụ cũng sẽ nhớ đến lời ta.

Đến nay, nhờ được thủy lợi, nhân dân đều được no đủ, giàu có. Mười hai con ngòi chạy thẳng, cắt mất đường của xe. Đến khi nhà Hán lên, quan lại cho rằng cầu của mười hai cái ngòi chẵn mất đường đi, các ngòi lại gần nhau không tiện, muốn hợp các ngòi lại, ở trên đường cái, gộp ba ngòi làm một cầu. Nhân dân và các phụ lão đất Nghiệp không chịu nghe quan lại, cho rằng đó là điều Tây Môn Báo đã làm. Phép tắc của người hiền không thể thay đổi được. Rút cục quan lại phải nghe theo, gác việc ấy lại. Tây Môn Báo làm huyện lệnh đất Nghiệp nổi tiếng trong thiên hạ, ơn đức lưu lại đời sau không khi nào hết. Chẳng phải là một vị đại hiền sao?

Truyện nói: "Tử Sản cai trị đất Trịnh, dân không thể dối. Tử Tiện cai trị đất Đan Phụ, dân không nở dối. Tây Môn Báo cai trị đất Nghiệp, dân không dám dối". Tài năng của ba người này ai giỏi hơn? Người nào biết phân tích đạo trị người thì mới biết điều đó [*Ý nói: Tử Sản thông minh không ai dối được, Tử Tiện được dân yêu không ai nở dối, dân sợ Tây Môn Báo không ai dám dối.*].

HÓA THỰC liệt truyện

Phan Quốc Sơn Dịch và Chú Giải

Lời người dịch: Khám phá lại Tư Mã Thiên

Thuật kinh bang tế thế của Việt Câu Tiễn

Có thực mới vực được đạo

Bẩm tính ham lợi của con người

Kể trăm năm không gì bằng trông "Nhân"

Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh

Lời người dịch:

Khám phá lại Tư Mã Thiên

Nhân loại đang ở đầu thế kỷ 21, biên cương mọi quốc gia đang mở rộng theo trào lưu toàn cầu hóa của kinh tế thị trường mà còn nói về thư, truyện, kinh, sử của chư hiền giả đời xưa e rằng quá ư lạc hậu? Nhưng không. Cái gọi là "xu hướng thời đại không thể quay ngược" này chẳng mới lạ gì, vì Tư Mã Thiên đã cổ vũ nó một cách đích xác như thế cách đây đã hai mươi một thế kỷ.

Đứa con Đông Phương ấy nói: "Con người sở dĩ chịu làm lụng cực khổ chỉ vì cái lợi của y", đây cũng là câu của Adam Smith thế kỷ 18, và: "Của giàu có không phải là một món vật có thể được chia bình đẳng, hoặc bị tước mất khỏi tay thiên hạ" như phản bác quan niệm của Marx thế kỷ 19, trước cha đẻ của hai học thuyết Tư Bản và Cộng Sản này ở Tây Phương ngót hai ngàn năm.

Marx chứng kiến sự bóc lột vài triệu công nhân Âu Châu thời tư bản chủ nghĩa ở dạng rừng rú chập giạt ban đầu. Làm sao bằng Tư Mã Thiên qua con mắt sử gia, nhìn thấy sự bóc lột đến hàng trăm triệu đồng bào mình bởi lũ quan lại nắm độc quyền quốc doanh kiếm lợi cho triều đình Hán, sự khốn khổ tù đầy, tịch thu gia sản hàng chục vạn thương nhân, khi nhà nước Hán đánh tư sản mại bản, đày hàng triệu gia đình nghèo đi vùng kinh tế mới, chiếm được của Bách Việt và Hung Nô, lừa hàng triệu người nông dân vào các đoàn phu khuân vác hàng thuyền buôn sông cho quan chức Hán quốc doanh (Độc thiên 30, Sử Ký: Bình Chuẩn Thư) và xem thêm phần chú thích nhà Hán đày người giàu có đến cướp ruộng đất, bắt nông nô Việt ta cày gặt thóc lúa cung ứng cho bọn lính thú Hán tại đồng bằng sông Mã, sông Hồng, rồi quay về kinh đô Hán nhận tiền, theo lời tiết lộ của Tư Mã Thiên).

Sống trong thời đại dưới sức ép của thứ Nho giáo được uốn nắn cho phù hợp với chế độ Hán, ông là một kẻ sĩ không theo Hán nho để được xếp vào thứ bậc "sĩ, nông, công, thương" mà khẳng khái vực giai cấp thương ở đáy chót lên hàng đầu. Ông ca tụng sự giàu có, xếp giới tư bản lên ngang hàng hay cao hơn cả vương hầu phong kiến. Vì họ mới là người tạo ra của cải.

Nên chẳng lạ gì song song với kinh tế tư nhân, ông suy tôn chế độ chính trị tự do dân chủ giống Quản Trọng đề ra trước thời ông, cha đẻ thuật trị nước "thuận theo ý dân" áp dụng ở nước Tề từ thế kỷ thứ bảy trước Công nguyên, trước cả ý niệm Hy Lạp của văn minh Tây Phương. Ông tôn lý tưởng dân chủ này cao hơn cả "vương đạo" lấy Đức trị dân, lấy Lợi dắt dân của Khổng, Lão. Và như một lời lên án chính cái chế độ ông đang làm tôi, trị nước kiểu "giành môi lợi của trăm họ" của nhà Hán ông đặt xuống hạng chót, tệ hơn chế độ độc tài hình pháp nhà Tần ông từng cực lực tố cáo.

Người đời sau thường hoài tiếc cho văn minh Trung Quốc, phát minh thuốc pháo, nhưng không chế thành thuốc súng, rồi bị chinh phục bằng súng đạn Tây phương. Khám phá lại tư tưởng Tư Mã Thiên, di sản trí tuệ vô thừa nhận của một trong những đứa con văn minh Trung Quốc, là tiếc nuối đáng ngậm ngùi hơn chuyện thuốc súng bao lần. Bụt trong nhà không thiêng.

Họ có phải là thánh nhân chẳng mà viễn kiến tiên tri vươn đến tận thời đại chúng ta? Có lẽ là không phải. Họ có thể chỉ là những hiền nhân biết ưu tư để giải quyết những nan đề riêng trong thời đại mình. Nhưng dù tiến hay lùi, lịch sử cũng có khi là vòng chu kỳ quay trở lại trong quỹ đạo miên viễn ngàn năm, nên chuyện đời xưa của họ trùng lặp với đời sau. Không có vòng chu kỳ, người sau không học được gì từ bài học lịch sử ấy. Không sử gia, quá khứ là bóng tối.

[Nhan đề, tiểu đề là của người dịch.]

Dù là hạng thường dân không chức tước gì ở triều đình, nhưng họ là kẻ biết dựa thời cơ làm giàu cho mình mà không can dự vào triều chính, hay cản trở sinh hoạt nhân gian. Người khôn cần phải học nơi họ. Vậy tôi chép sau đây Hóa Thực Liệt Truyện *[Thiên này không thấy có trong bản dịch Sử Ký Tư Mã Thiên của Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê (nxb Lá Bối, Sài Gòn, 1970), và của Nhữ Thành (nxb Văn Học, Hà Nội, 1988). Nguyên văn nhan đề "Hóa Thực Liệt Truyện" (thiên 129) : "Truyện về những kẻ làm giàu. " Hóa Thực là chữ của Khổng Tử nói về đệ tử ngài là Tử Cống, một tấm gương đem của làm giàu ra làm việc nhân nghĩa: "Tử Cống không cam chịu phần số, nên trở thành người giàu có (hóa thực). " Luận Ngữ, XI, 17. Trong số 130 thiên của Sử Ký, thiên này có nhiều từ chuyên môn nhất khi tả chi tiết và nền kinh tế nhà Hán. Các nhà chú giải như Bùi Ân (đời Lưu Tống, Lục Triều), Tư Mã Trinh, Trương Thủ Tiết (đời Đường) ... xem đây là thiên khó đọc nhất của Sử Ký, giữa họ với nhau không đồng nhất một số lời chú giải.]*

Lão Tử nói: "Phép trị nước hay là làm sao, cho dù nước này ở kề bên nước kia, hai bên gần có thể nghe được tiếng gà gáy chó sủa của nhau, nhưng dân nước nào cứ thích ăn thức ăn của nước đó, cứ thích mặc kiêu áo của mình, chuộng theo phong tục dân mình, ưa làm lụng nghề nghiệp mình, từ lúc sinh ra đến khi già chết mà không cần đi ra khỏi nước." *[Lão Tử. Đạo Đức Kinh, 80. Ngay ở phần nhập đề, Tư Mã Thiên đã bài bác quan niệm trị nước của Lão Tử, là dẫn chứng cụ thể cho thấy sự nhận xét các nhà chú giải cho rằng tư tưởng trị quốc của ông thiên về Vô Vi của Lão Trang là không chính xác. Lời Lão Tử ở đây tiêu biểu cho chính sách tự cô lập, bế quan tỏa cảng, để đi theo tập tục truyền thống mỗi nước. Như thế xu hướng mở cửa để "toàn cầu hóa" hiện nay có thể truy ngược về Tư Mã Thiên trong thời đại ông.]*

Nhưng thời nay ta muốn bắt chước kiểu trị nước này, cố khur khur đẩy đời này quay về thời thái cổ ấy, và để che mắt bịt tai trăm họ, thì sự thành công quả đáng lấy làm ngờ vậy!

Thái Sử Công [*Thái Sử Công là chức vị viết sử, xem lịch và thiên văn của Tư Mã Thiên trong triều đình Hán Vũ Đế.*] nói: "Tôi không biết gì về thời Thần Nông và từ đó trở về trước. Nhưng xét qua Thu, Truyện chép từ đời vua Thuấn và đời Hạ đến nay, tai mắt của thiên hạ bao giờ cũng ham nghe thanh hay, thấy hình đẹp. Lưỡi thềm nếm thịt thú nuôi cỏ tốt, hạt ngon. Xác thân chuộng thoải mái, tiện nghi. Trong lòng hãnh diện vì danh vọng quyền lực. Chừng nào thói quen ấy còn ngấm sâu trong thiên hạ, giá có kẻ nào đi gõ cửa từng nhà, rao giảng biện bạch chỗ thâm viển của Lão giáo, e rằng cũng không sao thay đổi được ý dân." [*Câu này lập lại lời Trang Tử, trong Nam Hoa Kinh, nguyên văn: "Phàm tâm tình con người ta, mắt muốn trông thấy sắc thật đẹp, tai muốn nghe tiếng thật hay, miệng muốn ăn vị thật ngon, mũi muốn ngửi mùi thật thơm, lòng muốn thật nhàn rỗi. Năm điều sướng thích ấy, nhân tình ai cũng muốn có. "Nuôi dưỡng năm điều sướng thích ấy, thì phải có tài năng. Không tài năng thì không đạt được năm điều sướng thích ấy. Cho nên bậc vua hiền, thứ nhất phải yên trị nước mình, rồi sau trăm điều vui thú sẽ được cả".*]

Thế cho nên, phép trị nước cao nhất của Đế vương là thuận theo ý muốn của trăm họ. Mức hạng nhì là dẫn trăm họ về đường lợi ích. Hạng ba là dùng Đức mà giáo hóa họ. Hạng tư kể đến là lấy hình pháp mà ràng buộc họ. Thấp tẻ hơn hết là nhà nước đứng ra tranh giành mỗi lợi của dân [*Sự xếp hạng của tác giả đánh giá các chế độ chính trị theo thứ tự từ hay xuống dở:*

* *Thuận theo ý muốn của trăm họ. Nguyên là chủ trương của Quản Trọng, nhà chính trị lỗi lạc được Tư Mã Thiên ngưỡng mộ, người áp dụng đầu tiên ý niệm "dân chủ" vào việc trị nước Tề, đời Xuân Thu, thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên. Xem thêm Sử Ký, thiên 22: "Quản Trọng, Án Tử liệt truyện, " tác giả phác họa thuật trị nước của Quản Trọng: "Dân chúng yêu ghét cái gì thì (Quản Trọng) cũng yêu ghét cái đó ... Mệnh lệnh ban xuống như nước xuôi dòng, thuận lòng dân - cho nên lời bàn luận không viển vông mà dễ thi hành. Dân chúng muốn cái gì thì cấp cho cái đó, không muốn cái gì thì trừ cho cái đó".*

* *Dẫn trăm họ về đường lợi ích. Có lẽ ám chỉ chữ "lợi" của Lão Tử trong Đạo Đức Kinh: "Tuyệt thánh khí dân lợi bách bội" (Dứt sáng suốt, bỏ tài khôn thì dân lợi gấp trăm lần).*

* *Dùng "đức" mà giáo hóa dân. Chủ trương của Khổng, Mạnh theo "vương đạo." Trái ngược với hình pháp của Pháp Gia.*

* *Dùng hình pháp mà ràng buộc dân. Chủ trương của Pháp Gia dưới thời*

Tàn. Tiêu biểu là Thương Ưởng, Hàn Phi Tử, Lý Tư ... Chế độ hà khắc Pháp Gia không chấm dứt với sự sụp đổ của nhà Tần mà vẫn tiếp diễn dưới dạng thức khác dưới thời Hán Vũ Đế.

** Tranh mỗi lợi của dân. Đây là chính sách của Hán Vũ Đế, trong thời của tác giả. Xếp hạng chế độ mình đang làm quan vào hàng tệ nhất là một thái độ can đảm, một lời tố cáo của chứng nhân lịch sử. Muốn biết chi tiết nhà Hán đánh tư sản mại bán, tranh mỗi lợi của tư nhân trên thương trường như thế nào, ta cần lược qua thiên Bình Chuẩn Thư, Sử Ký, 30: Đâu đòi Hán Cao Tổ đã ra biện pháp kỳ thị giới thương nhân: Không cho mặc đồ tơ, đi xe tứ mã, đánh thuế thật nặng để làm họ khốn khổ. Đòi Hiếu Huệ và Lữ Hậu tiếp đó, nói tay với những nhà đi buôn, nhưng con cháu họ bị cấm làm quan.].*

Đất miền Lĩnh tây dồi dào gỗ, trúc, vỏ cây dâu, cây đay, đuôi bò làm đuôi neo cờ phướng, ngọc và đá quý. Vùng Lĩnh đông sản sinh nhiều tôm cá, muối, cây sơn, lụa tằm, phùng con hát và gái đẹp. Miền Giang nam sản xuất nhiều gỗ trầm, cây kiềng, gừng, quế, vàng, quặng thiết, chì, châu sa, sừng tê, mai rùa, trân châu đủ kiểu dạng, ngà voi và da thú. Ở bắc Long Môn và Giới Thủy thì sinh nhiều bò, ngựa, cừu, lông, da thú, gân thú và gạc nai. Núi có quặng đồng, sắt thì rải rác hơn một ngàn lí trên đất của quốc triều, như con cờ trên bàn cờ. Nói tóm lại, ấy là sản vật của quốc triều. Tất cả các tài hóa ấy con dân Trung Quốc thấy đều ưa chuộng, tùy tập tục từng miền dùng chúng để làm giường nằm, y trang, thức ăn, thức uống, làm ra vật dụng cho người sống cũng như chôn cất người chết.

Xét trong nhân quần, trước hết phải có hạng nhà nông sinh ra thì mới có miếng ăn. Phải có phường tiểu phu, ngư phủ, phu mỏ trước rồi mới có phẩm vật lấy ở núi sông. Phải có phường nghệ nhân mới có đồ đạc để dùng. Rồi phải có giới đi buôn thì hóa vật mới phân phối đến các nơi. Vậy khi đã có những hạng người ấy rồi, hà có chi cần đến nhà nước nhúng tay vào chi phối nữa, vì sao bắt dân sung công đi lao tác, dịch lệ định kỳ, là tại làm sao? Chỉ cần để yên tự mỗi người dùng lấy sức mình, tận dụng sức làm lụng để đạt đến ước muốn kiếm lợi cho chính y.

Thế nên, khi giá hàng hóa hạ xuống quá thấp, tự nó sẽ lên, hễ khi vật giá lên cao, rồi tự nó sẽ hạ. Khi mỗi con dân theo đuổi nghề nghiệp mình, và ham mê kiếm lợi ở thương trường, thì chẳng khác nào dòng nước chảy xuôi, hóa vật từ đó tuôn ra ngày đêm không dứt. Chẳng cần đến ai đứng ra hiệu triệu, dân chúng tự chế ra sản phẩm không cần ai ép buộc. Há điều này không thuận lẽ phải ư? Đó chẳng phải do kết quả tự nhiên mà đạt được sao? [*Sự tăng giảm giá cả trong thị trường cũng được bàn đến trong sách Quản Tử, thiên "Khinh, Trọng, " từ thế kỷ thứ 7 trước công nguyên. Đọc thêm*

"Quản Trọng và Ân Tử, "Sử Ký, thiên 22: "Tề Hoàn Công dùng thuật của Quản Trọng nghĩ ra cách thu mua hóa vật khi giá rẻ nhất và bán ra khi giá lên cao". Adam Smith cũng có từ trừu danh the invisible hand (bàn tay vô hình) điều động sự lên xuống thị trường. Thuật đầu tư "mua thấp bán cao" (Buy low sell high) trong chợ chứng khoán ngày nay là điển hình.]

Chu Thư chép: "Nhà nông không trồng trọt, thì dân thiếu ăn. Nghệ nhân không chế vật dụng, hàng hóa sẽ thiếu. Lái buôn bỏ nghề, thì ba loại quý phẩm không phân phối đến được người tiêu dùng. Nếu ngư phủ, tiểu phu, thợ mỏ ngưng làm việc thì sinh ra đói kém, không sung túc, tất cả sản vật ở núi sông không được khai thác" [*Câu này không thấy chép trong Thương Thư, tương truyền khi Khổng Tử soạn ra sách này đã loại ra. Sách Dật Chu Thư do Khổng Triệu đời Tấn tự lục cũng không có câu này.*]

Dù làm quan nhưng thân phận cũng nghèo như Karl Marx, không vì thế mà Tư Mã Thiên đưa ra tuyên ngôn: "Giàu hay nghèo không phải là một món vật được chia bình đẳng, hoặc bị tước đoạt khỏi tay thiên hạ" bằng kinh nghiệm quan sát triều đại Hán mà ông làm sử quan: Dân thì nghèo, triều đình giàu. Xin so sánh định nghĩa "giàu nghèo" này với câu nói của Winston Churchill: "Tư bản là có giàu nghèo chênh lệch, Cộng Sản là đều nghèo ... bình đẳng".]. Bốn hạng người ấy là gốc sinh ra áo cơm thiên hạ. Khi gốc lớn làm mọi người khá giả, khi gốc nhỏ gây sự thiếu thốn. Nghèo hay giàu không phải là món đồ vật có thể chia bình đẳng, hoặc tước mất khỏi tay thiên hạ. Người giỏi thì có dư, người dở thì không khi nào đủ.

Hồi đầu đời nhà Chu, khi Vương Khanh được phong đất Ứng Khâu ở nước Tề, đất ẩm, lẫn muối mặn, vắng người ở, ông đốc thúc thợ đàn bà, lập ra nghề thủ công chế những vật hạng tinh xảo nhất, và mở thương trường buôn cá và muối. Nhờ thế dân cư và hóa vật cuộn cuộn tụ về trong xứ tựa sợi chỉ quấn vào guồng sợi, thầy đều châu vào như nan bánh xe qui cả về trục. Sau đó nước Tề là nguồn cung cấp mũ, đai y trang, giày dép cho dân toàn quốc. Chư hầu ở giữa, từ miền duyên hải đến núi Thái Sơn, thầy đều sửa mũ áo lũ lượt kéo vào châu triều đình Tề để tôn phò.

Về sau, uy quyền Tề suy, nhưng nhờ Thầy Quản Trọng phục hồi sự giàu mạnh của nước Tề bằng cách lập chín chức quan kiểm soát luân lưu tiền tệ. Nhờ đó Hoàn Tề Công (685-643 BC) mới trở thành bá chủ. Chín lần ông triệu chư hầu vào triều họp bàn để sửa lại việc trị quốc. Lại nữa, bản thân Quản Trọng chỉ là một quan đại phu mà làm chủ một cung điện tên "Tam Qui" [*Cung điện Tam Qui: cao ba tầng, tượng trưng cho ba hạng người qui phục mình "dân, liệt hầu, và man di". Nhưng có nhà chú giải cho rằng cung điện này Quản Trọng dành cho ba bà phi của ông. Khổng Tử chê Quản Trọng Là "nhỏ, " không biết đến "Nghĩa", xây Tam Qui, tự coi ngang hàng*

với bậc đế vương. Còn Tư Mã Thiên bênh Quán Trọng "theo ý dân", theo ông: dù Quán Trọng ngự trong cung điện ấy, dân không xem ông là xa xỉ. (Sử Ký, thiên 62).], gia sản của ông hơn hẳn một đại vương hầu. Do đó nước Tề vẫn còn giàu mạnh tận đến đời Vệ Vương và Tuyên Vương (378-323 BC).

Vậy có câu: "Khi kho lẫm đầy thì người ta mới biết lễ tiết. Người có đủ cơm áo rồi mới biết tới vinh nhục." Phú quý sinh lễ nghĩa, lúc bần cùng thì lễ phải mất. Người quân tử khi giàu thì vui mừng thực hành cái đức của mình, kẻ tiểu nhân khi giàu thì thi hành cái uy của mình. Như vực có sâu thì mới sinh ra cá, núi có cao thì dã thú mới tụ bầy, nhân với nghĩa đều tụ về người phú quý. Chừng nào người giàu còn có thực quyền, chừng ấy họ càng tôn quý thêm. Khi hết thực quyền, đám tân khách và lũ tôi hầu cùng quay mặt bỏ rơi, còn hãnh diện gì mà lân la gần gũi [*Câu này nguyên là của Quán Trọng, mở đầu thiên "Khinh, Trọng" sách Quán Tử, đại ý bàn về tài sản trong nước, quý của cải, cách làm cho nước được giàu. Tư Mã Thiên lặp lại câu này ở truyện Quán Trọng, Sử Ký, 62: "Kho lẫm đầy mới biết lễ tiết, y thực đủ rồi mới biết vinh nhục. Người trên có pháp độ thì sáu người thân (cha mẹ, anh em, vợ con) mới được yên ổn, bốn mối (lễ nghĩa liêm sỉ) không rõ ràng thì nước bị diệt vong".].*

Tục ngữ có câu "Đứa con nghìn vàng không chết ở chợ" [*"Con nhà nghìn vàng không chết nơi chợ búa" (Thiên kim chi tử bất tử ư thị.) Có người chú giải rằng con nhà giàu, giáo dục tốt nên tránh phạm luật để bị xử tội chỗ công. Nhưng trong nội dung Sử Ký: Con nhà giàu nhờ có tiền đứt lót, nên tội lỗi thoát được lưới pháp luật. Thời Hán Vũ Đế của tác giả, cho phép người có tội được dùng tiền chuộc. Một lối hối lộ hợp pháp. Ngoài ra, chuyện Phạm Lãi sai con cả mang nghìn nén vàng đi đứt lót để cứu tội giết người của con thứ, có nhắc lại tục ngữ này. (Việt Vương Câu Tiễn Thế Gia, Sử Ký, Thiên 41).]* Lời ấy quả không ngoa vậy. Lại còn có câu:

"Hãm hờ chen lấn nhau: Cả thiên hạ đều chạy theo lợi,

Lãng xãng giành giật nhau: Lợi là cái thiên hạ đuổi theo".

Kìa đến bậc làm vua một nước có một ngàn xe ngựa, bậc hầu có thực áp một vạn hộ, người tôn trưởng có một trăm nóc gia còn lo sợ cái nghèo, hưởng hồ kẻ thất phu tầm thường tên ghi trong sổ thuế đinh thì còn sợ đến mức nào [*Bản thân Tư Mã Thiên là người có thẩm quyền để nói về "cái lợi, cái nghèo": đời ông nghèo, vì không tiền chuộc nên phải bị pháp luật thiên, vì cái tội dám làm nghĩa cử bênh vực cho Lý Lăng việc hàng Hung Nô.]]?*

Thuật kinh bang tế thể của Việt Câu Tiễn

Ngày xưa khi Câu Tiễn vua nước Việt (496-465 BC) bị quân Ngô vây hãm trên núi Côi Kê rất nguy khốn, ông phải vấn kế với bầy tôi là Phạm Lãi và Văn Chủng. Chúng nói: "Nếu bệ hạ biết sẽ có chiến tranh, tất việc binh nhung phải lo chuẩn bị từ trước. Còn các thứ đồ dùng, ngài phải biết mỗi vật có công dụng gì cho từng mùa. Khi bệ hạ biết rõ hai điều tối cần này, ngài mới biết đồ dùng phải phân phối ra sao. Khi sao Mộc Tinh (sao Tuế) mọc về hướng tây của trời, tức là vượng kim, điềm sẽ trúng mùa, khi mọc ở hướng bắc, vượng thủy, tất sẽ bị lũ lụt, khi mọc ở trời đông, vượng mộc, sẽ bị nạn đói, sao mọc ở hướng nam, vượng hỏa, tất sẽ hạn hán. Đang bị hạn hán, phải lo trữ sẵn thuyền bè, đang lũ lụt, phải lo trước xe cộ. Đây là phép dụng vật.

"Cứ sáu năm một lần, sẽ trúng mùa lớn, sáu năm một lần sẽ có hạn hán. Mỗi mười hai năm một lần sẽ có nạn đói to. Nếu giá lúa hạ 20 bạc một thạch, thì nhà nông sẽ khôn đôn. Nếu giá lúa tăng đến 90 bạc một thạch, thì người làm nghề hạng nhì gặp khổ sở. Nếu thương nhân và người làm nghề hạng nhì gặp khó, tất sản phẩm sẽ khan hiếm, nếu nhà nông gặp nguy thì họ thôi cày bừa ruộng nương. Nhưng nếu giá lúa không mắc quá 80 bạc, và không rẻ dưới 30 bạc một thạch, thì nhà nông lẫn người nghề hạng nhì sẽ cùng hưởng lợi. Nếu giá lúa giữ được quân bình và hàng hóa thông thương điều hòa, sẽ không bị thiếu rỗng trong kho thuê nhà nước và ở chỗ chợ búa. Cách trị nước cũng thế.

"Thuật tích trữ là tìm các vật hạng nào giữ được lâu mà không hư hao, giảm giá trị, và dễ trao đổi với các loại vật khác. Chớ cất giữ loại hàng nào dễ hư hỏng, thối nát, không nên dự trữ loại hàng đắt tiền. Nếu bệ hạ biết được món vật gì thiếu và thừa ở chợ, ngài sẽ biết giá trị một món hàng. Khi giá một thứ hàng lên quá cao, chắc chắn sẽ rớt giá, khi giá hàng hạ quá thấp, tất sẽ lại lên. Bán tổng đi hàng giá đang mắc mớ tựa hồ thừa mứa như đất bụi, thu mua các món hàng giá rẻ như thể quý tựa châu ngọc. Cửa cải và tiền tệ phải để tự chúng luân lưu như dòng nước chảy".

Vua Câu Tiễn làm theo kế sách ấy và trong vòng mười năm nước Việt trở thành giàu có, nhờ thế nhà vua mới có của dư ban cho sĩ tốt dồi dào quý vật. Bởi đó mà quân lính dưới trướng mới dám xả thân vào chỗ làn tên hòn đạn đối phương giống như người sắp chết khát gặp nước lao vào. Về sau vua Câu Tiễn báo thù được quân Ngô, khoa trương uy vũ với các chư hầu ở Trung Quốc và được người đời tôn là một trong Ngũ Bá [*Nước Việt và nước Ngô có mối thù truyền kiếp. Ban đầu Việt Câu Tiễn đem quân đánh Ngô bị bại trận. Sau biết nhịn nhục tu thân, nằm gai nếm mật, lo dân giàu nước mạnh, để quyết chí phục thù là nhờ kế của hai bầy tôi giỏi là Văn Chủng và Phạm Lãi. Sau trả được thù, diệt nước Ngô, giết thái tử Ngô, vua Ngô Phù*

Sai tự tử.].

Phạm Lãi có công trong việc giúp nước Việt rửa được mối nhục bị vây đánh ở núi Cối Kê, than rằng: "Trong bảy thuật của Văn Chung, nước Việt mới dùng có năm mà đã đạt thành ước nguyện. Năm thuật ấy đã dùng vào việc trị nước, nay ta muốn dùng riêng lấy cho gia đình vợ con ta".

Nói xong bèn leo lên một chiếc thuyền con, xuôi dòng sông Dương Tử mà bỏ đi, dạo khắp chốn sông hồ. Ông thay tên đổi họ, sang đến nước Tề, tại đây ông tự gọi là Chi Di Tử Bì. Sau đó ông đi về nước Đào, lấy tên là Chu Công. Ông thấy vị trí nước Đào nằm giữa liệt quốc, các vương hầu từ đây xuôi ngược đi khắp hướng, là nơi đô hội lớn trao đổi hàng hóa. Nơi đây ông mở việc doanh thương, tích trữ hàng hóa, chờ lúc có lời mang bán ra, và không đòi hỏi gì nơi người khác (VẬY người giỏi buôn bán phải biết cách chọn người và biết lợi dụng thời cơ tốt). Suốt mười chín năm, Phạm Lãi tức nay mang tên Chu Công, ba lần kiếm lợi cả 1000 dật vàng, hai lần mang cho hết các bạn nghèo và bà con xa. Thế có nghĩa là người giàu thích thực hành điều nhân nghĩa. Về sau lúc già yếu ông giao cơ nghiệp cho con cháu cai quản, nối nghiệp và phát triển doanh thương đến khi cả nhà kiếm được 100 triệu bạc. Thế nên khi người đời nói đến kẻ giàu, đều nêu tên Đào Chu Công, tức Chu Công của nước Đào vậy.

Có thực mới vực được đạo

Tử Công, sau khi làm học trò của Khổng Tử, bỏ về giữ một chức quan ở nước Vệ. Bằng cách thu mua, tích trữ, và bán đủ thứ hàng hóa khắp nước Tào và Lỗ, ông trở thành người giàu nhất trong số bảy mươi hai môn đệ của Khổng Tử. Trong khi Nguyên Hiến một đệ tử khác của Thầy Khổng kiếm không đủ trâu và cám cho đầy vào bụng, sống vô tính danh ở hẻm làng. Còn Tử Công thì xênh xang ngồi xe tứ mã có người hầu cỡi ngựa hộ giá, chở theo hàng xe tơ lụa tới lui biếu tặng các vương hầu. Khi vào nước nào, vương nước ấy thân chinh dõng gót xuống sân châu, trọng tiếp ông như ngang hàng ngôi thứ. Chính nhờ công danh của Tử Công mà tiếng tăm Khổng Tử mới rạn rở nơi nơi. Chẳng phải đã bảo người có quyền vinh càng cao danh càng lớn đó ư [*Đem hai đệ tử của Khổng Tử là Tử Công và Nguyên Hiến ra so sánh ở đây để sáng tỏ nhận định tác giả về "Nghĩa và Lợi": Khổng Tử nhờ đệ tử có tiền là Tử Công mà hưởng lây rạn rở danh tiếng chứ không phải nhờ Nguyên Hiến, kẻ ăn cám, giấu mình xó hẻm để hành "đạo". Tác giả cổ vũ cho nguyên tắc "có thực mới vực được đạo" và "Phú quý mới sinh lễ nghĩa".]*]

Bá Khuê người nước Chu. Dưới thời Văn Công nhà Ngụy (408-387 BC) trong khi Lý Khắc dạy dân khai khẩn tận lực nguồn lợi của đất đai, còn Bá Khuê thích chờ thời khi thế cuộc xoay vần sự thăng trầm, gặp đúng thời cơ mới ra tay.

Cái người ta vất, ta nhặt lấy

Cái người ta nhặt, ta vất đi.

Ông nói: "Gặp năm tốt được mùa. Tôi mua trữ lúa và bán ra lụa và sơn. Khi kén tầm bán đầy chợ, tôi mua vào tơ sống và bán ra thóc lúa, khi quý đạo sao Mộc tinh đi ngược về cung Mão, ấy là điềm được mùa, nhưng năm kế đó, mùa thóc sẽ kém. Khi sao Mộc về đến cung Ngọ, thì trời sẽ hạn hán, nhưng năm kế trời sẽ tốt. Khi sao Mộc đến cung Dậu, thóc sẽ trúng mùa, nhưng năm kế đó sẽ tệ khi đến cung Tỵ, sẽ bị trận hạn hán lớn, năm kế thời tiết sẽ tốt và năm kế nữa sẽ lụt lội. Vận tuần hoàn sẽ giáp vòng trở lại cung Mão".

Nhờ theo dõi luật tuần hoàn của tạo hóa, số kho dự trữ thóc của ông mỗi năm tăng gấp đôi. Khi muốn tăng tiền vốn, ông thu mua loại thóc rẻ. Khi muốn tăng nguồn hàng, ông chuyên thu mua vào loại thóc hạng nhất. Ngày hai bữa ông ăn uống đạm bạc, nhịn hết món ngon vật lạ, phục sức như hạng bần cùng, hòa mình làm lụng vất vả cùng lũ tôi tớ nô bộc của mình. Nhưng khi gặp đúng thời cơ, ông lao vào chụp bắt tựa như chim đớp mồi. Ông nói: "Thuật buôn bán của tôi cũng giống thuật trị nước của các nhà chính trị Y Doãn và Lữ Thượng đặt ra, giống như cách bày binh bố trận của Tôn Tử và

Ngô Tử, như nhà tư tưởng Pháp gia Thương Ưởng thực thi pháp luật. Bởi thế cho nên kẻ nào kém trí sáng không theo kịp với thời, thiếu quyết tâm hành động, không đủ đức độ để biết nhận và cho, không đủ sức đứng vững trên đôi chân, dầu kẻ ấy muốn học các thuật của tôi, tôi quyết không dạy cho." [*Y Doãn: Làm nghề cày ruộng ở Hữu Sần. Từng chịu nhục vác nồi mang thớt đến nấu nướng cho vua Thang để cầu cạnh. Lữ Thương: tức Khương Tử Nha, bảy mươi tuổi còn bán quán ở Cức Tân. Từng ngồi câu ở sông Vị để chờ thời. Vua Văn Vương nhà Chu đi săn gặp, sau giúp Chu Văn Vương mở nước. Tôn Tử: người nước Tề, tên Vũ. Tác giả Tôn Ngô Binh Pháp, 13 thiên, nổi tiếng lý thuyết quân sự, dâng sách cho vua Ngô Hạp Lư, được phong tướng. Ngô Khởi: người nước Vệ, nổi tiếng tài cầm quân. Làm tướng cho Ngụy, cho Sở đánh nhà Tần, có sách Binh Pháp. Thương Ưởng: họ là Công Tôn, theo Pháp Gia, giúp Tần Hiếu Công dùng hình pháp nghiêm ngặt để thực hành Bá Đạo. Về sau, đời Tần Huệ Công, mưu phản nên bị xử phanh thây.]*

Cho nên khi thiên hạ nói về thuật buôn bán, người ta phải tôn Bá Khuê làm ông tổ của thương trường. Bá Khuê biết ứng dụng phép tắc của mình vào thực hành, kết quả đưa đến thành công. Ông biết rõ điều mình muốn nói.

Ý Đôn lừng danh nhờ thuật làm muối từ hồ ao, còn Cảo Tổng, người xứ Hàm Đan nổi tiếng bằng nghề luyện sắt, sự giàu có của họ ngang hàng vua một nước.

Ngô Tử La sống nghề chăn nuôi, khi đàn gia súc sinh đẻ đông thêm, ông bán bớt để dùng tiền mua lụa quý và các hóa vật rồi ngậm mang biểu cho vua của rợ Nhung [*Rợ Tây Nhung: Các nước ở tây bắc giáp Trung Quốc, nay là miền Trung Á. Đời Tư Mã Thiên những nước thuộc rợ Tây Nhung có tên như Khương Cư, Đại Nhục Chi, Đại Uyển, Ô Tôn, Yên Thái, An Tức ... là những giống dân buôn bán với Trung Quốc theo con đường tơ lụa, ngã Đôn Hoàng.*]. Vua Nhung bèn gửi của biểu trả ông nhiều gấp mười lần tiền ông bỏ ra, và tặng ông thêm gia súc đến khi ông làm chủ được vô số ngựa và bò, nhiều đếm không xuể, chỉ biết chung chung là đầy mấy thung lũng. Vua Tần Nhất Thế (tức Tần Thủy Hoàng) nghe tiếng bèn phong cho Ngô Tử La tước hầu và được phép ngồi ngang với hàng đại phu khi có châu triều.

Có người góa phụ tên Thanh Thị ở xứ Ba Thục, tổ tiên có để của lại mấy mỏ châu sa mỗi lợi thu gấp bao đời thành kẻ giàu to. Thanh Thị là góa phụ mà đủ tài đảm đương khuếch trương doanh nghiệp, và dùng tiền của mua được sự bảo vệ an toàn bản thân khiến kẻ khác không xử tệ hay hà hiếp được. Vua Tần Nhất Thế gia phong cho bà là hàng Tiết Phụ, tiếp đãi trọng hậu, lại còn cho xây điện Nữ Hoa Thanh tán dương công lao của bà.

Ngô Tử La chỉ là người nhà quê tầm thường chăm lo đàn gia súc, Thanh

Thị chỉ là hạng góa phụ sống xa nơi kinh kỳ nhưng cả hai được trọng vọng như bậc vương hầu có cả 10.000 xa mã, tiếng tăm lừng lẫy thiên hạ. Há chẳng do nơi sự giàu có của họ đấy ư?

Bẩm tính ham lợi của con người

Xét qua chuyện đã nói, khi giới trí giả lập bày kế sách trong triều, bàn bạc giữa sân châu, họ giữ liêm sỉ hay sẵn sàng chết vì trung nghĩa, cho đến hàng cao nhân lui ẩn nơi thâm sơn, tu đạo thanh tịnh, mục đích của họ là gì? Chẳng gì ngoài cái lợi. Vậy các quan lại suốt nghiệp giữ thanh liêm nơi quan trường cuối cùng đạt được phú quý, hạng con buôn mua ngay bán thẳng để sau rốt thành giàu có.

Lòng ham muốn tài lợi, không cần phải được ai dạy cho vì nó là một phần nòng cốt trong bẩm tính con người.

Vậy, khi bọn lính trẻ trong quân ngũ đánh lấy thành, trèo tường, đánh tan hàng ngũ địch, chém tướng đoạt cờ lệnh, xông pha dưới làn tên hòn đạn, không chùn bước trước dầu sôi lửa bỏng, đó chẳng qua vì ham được trọng thưởng. Cũng thế, khi bọn trai tráng, cướp giết người qua đường, hủy giầu xác thân họ, làm hại người vô tội bằng hành vi độc ác, đào mộ trộm của, đúc tiền giả, lập bè đảng cướp bóc, hè nhau làm loạn, ức chế kẻ khác, đuổi dân ra khỏi làng, coi thường phép nước kỷ cương, mau đưa đầu tới chỗ pháp trường, chính do sự cám dỗ của tiền tài. Cũng thế, lũ đàn bà nước Triệu, bày con gái xứ Trịnh tô mày vẽ mặt, khấy đàn tấu nhạc, ve vẩy tay áo rộng, lác lư đôi hài thuê, liếc mắt đưa tình, tát tả đi xa ngàn dặm để tìm khách đàn ông, chẳng nề già trẻ, vì chúng chỉ tham tiền. Công tử con nhà thế gia nhàn hạ, sửa mũ tô đóc gươm cho đẹp, rong chơi thiên hạ với lũ hầu cận, chỉ để khoe sự giàu sang. Người ra rừng bắn chim bằng cung tên, ra sông biển câu cá, không kể đêm ngày, chẳng nề sương tuyết, rong ruổi lưng ngựa dò nơi hầm bẫy thú vật, khe rãnh vực sâu mà chẳng e ác thú làm hại, chỉ vì mê thú vui đi săn. Lý do có người tụ tập chỗ cờ bạc sát phạt, đua ngựa, đá gà, đua chó, mặt mày đỏ gay, la hét om sòm, đủ trăm lời gấu ó tranh cãi nhau phần được thua, chỉ vì lấy chuyện thua tiền làm trọng. Y sĩ, thầy bói, hạng có tài nghề chuyên môn cũng chỉ bo bo nhắm đến món lệ phí thu vào. Quan lại nhà nước bề cong từng chữ, vắn vẹo từng câu trong tờ chiếu nhà nước, đúc ấn giả, ngụy tạo văn chỉ nhà nước, không hãi sợ mũi kiếm nhọn xẻo thây nếu bị phát giác, bởi vì họ chìm ngập trong cửa biểu xén đứt lốt. Và khi bọn nhà nông, nghệ nhân, lái buôn hè nhau đầu cơ tích trữ, giầu giém hàng hóa để làm giá cao, ta biết chắc rằng họ ham làm giàu, mong kiếm lời to. Thế nên thiên hạ ai ai cũng tận dụng mọi sở đắc khôn ngoan, dốc hết mảnh lời khéo léo để tận thu mỗi giàu có tài lợi. Họ chẳng còn hơi sức thừa đâu nghĩ tới việc ban cho kẻ khác [*Qua lời mô tả các hành vi tiêu cực của người ham lợi, đồng lúc tác giả cung cấp cho ta bộ mặt phong phú về mặt phong tục địa lý, xã hội sinh hoạt trên đất Trung Quốc vào thời đại bấy giờ. Đây là phương pháp mô tả độc đáo của sử gia, ta thấy lặp lại các đoạn khác về các sản*

phẩm theo vùng địa lý kinh tế.].

Kê trăm năm không gì bằng trồng "Nhân"

Tục ngữ có câu: "Không ai đi xa cả trăm dặm để nhặt củi. Không ai đi tới cả nghìn dặm để đong gạo. Sóng chỗ nào một năm, không kể nào hay bằng trồng lúa. Sóng chỗ nào mười năm, không kể nào hay bằng trồng cây. Sóng ở đâu được trăm năm, không kể nào hay bằng trồng nhân". Chữ Nhân này là làm điều tốt cho người khác [*Nhất niên chi kế mạc như thụ cốc, thập niên chi kế mạc như thụ mộc, bách niên chi kế mạc như thụ nhân ... - dòng chữ Hán ...*

Chữ Nhân (...) này là đức cao nhất trong câu "Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín". Thường đi với: nhân ái, nhân đạo, nhân đức, nhân từ, nhân nghĩa ... Mạnh Tử dùng chữ "Nhân chính". Chữ Nhân (...) này tự dạng và nghĩa khác với chữ Nhân (...) "người", không như ta thường gọi là "trồng người." Chữ "Nhân" này gồm có bộ nhân (người) chữ nhị (số hai). Tức hai người, người với người. Người với người thì phải thương nhau, giúp nhau chứ không phải người ghét người, người hại người. Đó chính là định nghĩa của Tư Mã Thiên về chữ Nhân.].

Có loại người không được nhận chức tước do triều đình ban, thế mà họ hưởng phú quý không kém gì những kẻ được ban cho những thứ ấy, họ đáng được tiếng khen là "bậc quyền quý không chức tước". Một công hầu được ăn thực ấp từ thuế mỗi nhà đóng hằng năm hai trăm bạc, nếu số thực ấp nghìn hộ, tất thu vào hai mươi vạn bạc. Nhưng số thu này hằng năm phải chi ra hai kỳ tuế cống cho triều đình nào là quà cáp biểu phẩm. Hạng thứ dân như nhà nông, nghệ nhân, người đi buôn xa, thương nhân nói chung thu lãi được cỡ hai nghìn bạc trên số vốn một vạn. Vậy nếu mỗi gia đình bỏ vốn ra làm ăn trăm vạn bạc, lãi thu được hai mươi vạn bạc. Tiền lãi này trừ ra tiền thuế sưu dịch, thuế của cải và thuế đi lại, nhưng số lời thuần còn lại, họ dư đã sắm sửa chi tiêu các món ngon vật lạ họ thích. [*Bằng các con số thu chi cụ thể, để so sánh vai trò hai tầng lớp thương nhân và vương hầu, để tôn vinh thương nhân: giới thực sự tạo ra của cải, và ngầm đả phá chế độ phong kiến với giới vương hầu: ngồi nhà mát ăn bát vàng, và dân phải chịu thuế hai lần cho họ và nhà vua.].*

Thế nên người chủ mảnh đất để chăn nuôi, hằng năm sinh thêm được 50 ngựa, hay 100 bò, 500 cừu, 500 lợn con, người làm chủ ao nuôi 1000 cá, chủ rừng trồng 1000 cây lấy gỗ, người trồng 1000 cây táo tại An Ấp, hay 1000 cây dẻ tại Yên hoặc Tần, 1000 cây chanh tại đất Thục, Hàn hoặc Kiến Lăng, hay 1000 cây hoa kiểng ở miền bắc sông Hoài, hay phía nam Trường Sơn miền sông Hoàng Hà và Tế Thủy, người làm chủ 1000 cây sơn mộc ở miền Ảnh và Hạ, 1000 cây dâu mộc và gai tại xứ Tề và Lỗ, hay 1000 khóm trúc mọc dọc sông Vị, và người làm chủ ruộng ở ngoài kinh đô hay thị trấn lớn,

sản lượng hằng năm mỗi mẫu là một chung thóc, hoặc ai làm chủ 1000 cây sơn hay cây củ nâu làm thuốc nhuộm, hay 1000 giò gừng hoặc tỏi, hết thảy các người chủ ấy đều hưởng đời phú quý chẳng kém gì một chủ hầu hưởng thực ấp 1000 hộ. Những sản vật ấy mang lại cho họ nguồn lợi lộc lớn. Những người làm chủ sản vật ấy không cần khổ công mang ra chợ bán hoặc vất vả chở hàng đi xa, chỉ cần ngồi nhà tiền đến ngay trước cửa. Đến lúc lui về hưu dưỡng trong sung túc mà tiền vẫn vô.

Ngược lại với hạng người ấy, là hạng người nghèo khó có cha mẹ già, vợ con nheo nhóc không đủ sống, hạng không có của dư để cúng tế tổ tiên hằng năm, phải nhờ vả chòm xóm, và kẻ không tự nuôi được lấy mình, phường tệ hại đến thế mà không hổ thẹn, quả chẳng đáng làm người. Thế nên khi người ta không có sẵn của, thì phải dùng bấp thịt để kiếm sống, khi nghèo thì ráng xoay xở bằng đầu óc tinh khôn. Rồi đến khi tiền bạc dồi dào, thì họ càng mưu tìm mỗi lợi lộc hơn thêm. Chuyện đời đại khái như thế cả.

Khi kiếm sống, người khôn thì tìm thứ nghề sinh lợi nào vốn không hại đến bản thân sinh mạng. Nên hay nhất là phải dựa vào nghề nông. Còn các ngành nghề khác thuộc mỗi lợi đứng hạng nhì. Cái lợi xấu xa nhất là tạo của bất lương. Nếu một người sinh ra không thuộc hạng xuất chúng, thế mà muốn lui đi ở ẩn, kịp đến lúc gần tuổi già chìm trong nghèo khó cô quạnh, cứ bo bo bám víu vào lý hão "nhân nghĩa chính trực", tất kẻ ấy phải tự lấy làm hổ thẹn với mình vậy.

Còn hạng thứ dân phải nộp thuế thân, nếu gặp kẻ nhiều tiền hơn họ gấp 10 lần, họ tỏ ra luồn cúi. Gặp kẻ nhiều tiền hơn họ gấp 100 lần, họ tỏ ra rụt rè kính sợ. Gặp kẻ giàu hơn họ 1000 lần, họ sẵn sàng chịu làm thuê cho người ấy. Gặp kẻ giàu hơn họ 10.000 lần, họ sẵn sàng chịu đi theo làm tôi tớ cho người ấy. Sự đời thường như thế.

Tục ngữ nói: "Muốn siêng năng làm lụng để từ nghèo thành giàu, thì làm nông không bì được với nghề thủ công, thủ công không sánh bằng nghề buôn bán. Ngồi nhà khéo léo thua thua không bằng bên ba nơi công chợ". Nghĩa là các nghề thuộc hạng hai là cách làm giàu hay nhất cho hạng thứ dân.

Nay tôi cần kể sơ qua cách thức các đại gia thời nay, làm việc trong vòng một ngàn lý trở nên giàu để đời sau biết cách họ làm giàu, mà chọn lựa cách đem lại cái lợi nhất cho mình.

Tổ tiên nhà họ Trác ở đất Thục, gốc người nước Triệu, làm giàu bằng nghề nấu sắt. Khi nhà Tần chinh phục Triệu, gia đình Trác phải đi đày đến miền khác trong nước. Của cải và tôi tớ bị tước mất, chỉ còn hai vợ chồng, chất hành trang đầy một cỗ xe dẫu nhau mà đi. Đám bị tội phát lưu nào còn giấu được chút của, tranh nhau đút lót quan sở tại để được đày đến miền

gần, nên họ tái định cư ở Giáp Mộng. Nhưng họ Trác nói: "Đất ấy chật và cằn cỗi. Tôi nghe đồn ở chân núi Mân, đất phì nhiêu sanh lắm củ quả, suốt đời không lo đói". Nên ông xin phát lưu về miền xa, được cắt về Lâm Khung. Ông cả mừng, kịp đến nơi ông tìm được quặng sắt trong núi, bèn bắt tay vào nấu quặng và tính toán việc doanh lợi, chẳng mấy chốc đứng đầu nghề buôn trong đám dân Điền và Thục. Ông giàu đến cỡ làm chủ một ngàn tiểu nô, ông phong lưu hưởng thú đồng nội ao hồ trên đất mình làm chủ, săn chim bẫy thú không kém gì hàng đại vương.

Có người tên Trình Trịnh, cũng giống họ Trác, bị tội đi đày từ miền lĩnh đông sang tận miền viễn tây. Ông cũng vào nghề luyện kim và mở việc buôn bán với rợ búi tóc [*Rợ búi tóc: Là dân các nước miền tây nam Trung Quốc gồm dân Điền, Dạ Lang, Mi Mạc, Bộc, Cùg, Tác, Nhiễm, Mang, trong đó có cả dân ta. Người Hán phân biệt họ bằng tiếng gọi chung tục búi tóc. Xin đọc thêm Sử Ký, Tây Nam Di Liệt Truyện.*]. Gia sản đồ sộ của ông ngang ngửa với họ Trác, cả hai đều dựng nên cơ nghiệp ở Lâm Khung.

Tổ tiên nhà họ Khổng của Uyển quận, vốn gốc người nước Lương, nghiệp nhà máy đời trong nghề nấu sắt. Khi Tần diệt Lương, nhà họ Khổng đi đày Nam Dương, ở đây họ dựng lại lò nấu sắt rất qui mô, đào ao phát cỏ trồng trọt. Chẳng mấy chốc họ ngồi xe có mã phu cầm cương ung dung ra vào công các chư hầu, nhờ môi giao tế ấy mà họ làm giàu to. Tiếng tăm họ đồn xa ở lối rộng tay biếu quà cáp quý giá như hàng trọc phú coi tiền như rơm rác. Lạ lòng thay, cũng nhờ việc ấy mà món lợi nhuận họ thu trở vào càng quá sức lớn, vượt xa biết bao lần số lời thu được của bọn lái buôn làm ăn kỹ lưỡng, keo kiệt bủn xỉn. Và của nhà họ chẳng mấy chốc lên đến mấy ngàn dật vàng. Do đó giới con buôn ở Nam Dương đều cố học đời theo lối làm ăn vua chúa, vung tiền không tiếc của họ Khổng.

Người nước Lỗ tánh chi li và tần tiện. Nhưng nhà họ Bân ở Cảo quận thì lại ở tầm quá cỡ. Họ vào nghề nấu sắt đến lúc trở thành giàu có gia sản đến cỡ 100 triệu bạc. Người trong dòng, từ đời cha cho đến anh, xuống đến hàng con cháu, đều dần bụng một câu châm ngôn rằng:

Ra đường cúi xuống phải quyết nhặt được cái lợi

Ngẩng đầu lên phải quyết với được cái lợi.

Họ lê gót khắp quận ấp và liệt quốc, bán rong hàng chịu, cho vay và đòi chác. Thanh thế họ lừng lẫy đến độ cả dân nước Tào nước Lỗ đua nhau xếp bút nghiên, theo nghiệp thương trường.

Dân nước Tề hầu như khinh rẻ hạng nô tì, duy chỉ có người tên Điều Hàm coi trọng, đánh giá cao hạng ấy. Phạm thiên hạ ít mấy ai ưa thứ nô tì lẻo mép tinh ranh, nhưng Điều Hàm đi lòng kiếm gom hết loại ấy về dưới tay mình, để nhờ chúng mà trục lợi, sai chúng đi buôn muối và cá, gom lợi

nhuận về ăn chia với chủ. Dù ông ngự trên xe tứ mã, lui tới thân mật với hàng thái thú và thừa tướng ở vương hầu, nhưng phải tựa vào đám tôi tớ, kiếm lợi từ sức lao tác của chúng, để rồi gom góp được gia sản đến hai, ba vạn bạc. Nên miệng đời có câu: "Nhận quan tước làm tôi cho nhà nước, hay làm nô cho Đieu Hàm, bên nào lợi hơn". Nghĩa là ông tạo cơ hội cho đũa nô tì giỏi kiếm chác khá, đồng lúc ông cũng trực lợi nó mức tối đa.

Dân nước Chu đời trước, tính kín đáo trong chuyện tiền bạc. Nhưng Thúc Thị quả là người quái lạ. Với một vài trăm cỗ xe, ông lê bánh khắp quận ấp bán rong hàng chạp phô, không bỏ sót một ngách hẻm nào không mò tới. Đô thị Lạc Dương nằm ngay giữa ranh giới các nước cũ Tề, Tấn, Chu, Triệu, nên đám con nhà nghèo chỉ biết tập việc làm tôi tớ trong các nhà quyền quý. Mỗi khi gặp nhau, chúng khoác lác khoe khoang rằng mình đã vào nghề đã thâm niên hãnh diện rằng quá bận bịu đến nỗi mấy lần đi qua nhà cũ không chút giờ ghé vào thăm. Biết cách lợi dụng hàng tôi đòi ấy, Thúc Thị rút cuộc tom góp không dưới 70 triệu bạc.

Tổ tiên họ Nhâm ở Tuyền Khúc, ngày trước làm quan giữ kho lương ở Độc Đạo. Sau khi nhà Tần đổ, các sứ quân thắng trận cùng tranh nhau lũng sục vàng bạc châu báu mà đoạt. Riêng Nhâm lén lút đào hầm chôn giấu hết kho lương dưới quyền. Về sau, quân Hạng Vũ cầm cự với quân Lưu Bang ở Hành Dương, dân không cấy trồng gì được, giá thóc vọt lên tới một vạn bạc một thạch, thế là chẳng mấy chốc đồng châu báu các tướng soái từ từ mò về hết trong tay Nhâm. Nhà họ Nhâm từ đó phát lên giàu. Đang lúc các nhà hào phú khác lo ganh đua chung diện sắm sửa xa hoa, thì nhà họ Nhâm sống đạm bạc, chăm lo cày cấy, nuôi gia súc. Khi thiên hạ đổ xô tìm giá đất rẻ nhất mà tranh mua, thì nhà họ Nhâm chỉ chọn đất nào tốt, giá trị nhất. Nhờ thế mà dòng họ cứ giàu mãi nhiều đời. Ông Nhâm bắt cả dòng thè suốt đời không ai được ăn thịt, mặc áo ngoài loại gia súc, dệt vải bông do đất nhà sinh ra. Không ai được chèn rượu thịt khi chưa mãn hạn công vụ. Nhờ phép tắc gia đình như thế, họ trở thành người trưởng lại nơi thôn ấp, vừa giàu có vừa được lòng nhà vua.

Đến khi biên cương nước nhà mở rộng thêm, biên ấp mới mọc lên thêm, chỉ có người tên Tiểu Đào biết bắt lấy cơ hội, tậu nguồn lợi cả ngàn con ngựa, gấp đôi số gia súc, một vạn con cừu, một vạn thạch thóc.

Khi Ngô, Chu và bảy chư hầu đồng loạt nổi loạn dưới đời Tĩnh Vương, thì đám chư hầu ở Trường An hè nhau hưởng ứng triều đình bình định cuộc biến, và tìm xoay sở vay nguồn kinh phí việc binh giúp tiêu trừ loạn. Bọn họ cho vay, nói rằng chư hầu và đất phong của họ nằm xa tận miền đông lĩnh và sự mất còn thật đáng lo, nên ai cũng từ chối cho vay. Chỉ có người là ông Ngô Yển thuận cho vay 1000 dật vàng tính mức lãi gấp mười lần hơn. Mới

sang cuối tháng ba, loạn Ngô và Chu được dẹp yên, và trong vòng một năm Ngô Yên nhận lại được số tiền gấp mười lần vốn. Nhờ thế ông trở thành một trong những kẻ giàu nhất xứ.

Đa số những lái buôn và thương nhân giàu nhất nước hầu như thuộc dòng họ Thiên, chẳng hạn như Thiên Tắc và Thiên Lan. Còn có dòng họ Lý ở Vị Giáp và dòng họ Đỗ ở An Lĩnh, và Đỗ cũng có một tài sản lên đến 100 triệu bạc.

Vậy trên đây là những nhà đại phú thương điển hình, không một ai lãnh được chức tước, đất cắt phong từ triều đình, họ cũng chẳng sai luật, phạm pháp trong sự nghiệp làm giàu. Họ chỉ là hạng giỏi đón gió, đoán đúng được thời cơ sẽ đến rồi cứ y theo đó làm theo, mắt nhắm mắt mở chờ dịp ngàn năm một thuở, nên vớ được món lãi to. Họ làm giàu nhờ nghề hạng nhì (thương mại) rồi giàu thêm nữa nhờ bỏ vốn khai thác canh nông. Họ gắng làm chủ trong thời loạn, rồi thời bình vẫn làm chủ, thế nên chuyện làm giàu của họ đáng được chép để lại cho đời. Còn có những người cần cù làm lụng trong ngành trồng tía, chăn nuôi, thủ công, lâm nghiệp, bán buôn, mậu dịch và biết khai thác thời cơ để tạo sản nghiệp. Người giàu hơn hết thì nắm quyền một quận, kẻ giàu kế đó thì giữ một ấp, kẻ giàu kém nhất cũng giữ được một thôn, con số những người này quá đông bút mực không chép hết được.

Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh

Tiền tặn và cần cù làm lụng quả là cách hay nhất để mưu sinh, thế nhưng có những kẻ đã làm giàu còn tìm tòi xoay sở những phương cách lạ thường khác để lên đến hàng đại phú. Cày ruộng là nghề vất vả để kiếm ăn nhưng Tần Dương chỉ làm ruộng mà trở thành người giàu nhất huyện. Đào mỏ trộm của tất có tội với pháp nước, thế mà Tiễn Thúc chuyên nghề đó để tạo của. Cờ bạc là thú vui độc hại, ấy thế Hoàn Phá nhờ thế mà được phú quý. Người trẻ nào cũng chê nghề bán rong dầu làng cuối xóm, nhưng nhờ đó mà Vĩnh La Thanh thu được lắm tiền. Ai cũng xem nghề bán mỡ là nghề hèn, Vọng Ba kiếm được nghìn dật vàng cũng nhờ đó. Đi bán chè ngọt là nghề mọn, nhưng chuyên sống nhờ đó mà gia đình họ Trương thu được vạn bạc. Nghề mài dao không cần tài ba, thế mà nhà họ Chí cần cù làm nên dạ dày được ăn uống phủ phê. Nghề buôn lòng dê khô chẳng lấy gì làm sang, ấy nhờ thế mà gia đình họ Trác ra đường có kẻ hầu người hạ đi theo. Làm thầy lang chữa bệnh cho ngựa, tưởng là nghề hèn, nhờ thế mà Trương Lý tậu được một dinh thự đồ sộ, phải đánh chuông mới gọi được đầy tớ.

Do thế ta mới biết muốn làm giàu có trăm phương nghìn cách. Tiền bạc không có người chủ vĩnh viễn. Nó đến với người giỏi như nan bánh xe đều qui tâm về trục bánh xe, nó tuột rơi vỡ nát khỏi tay người đỡ tựa như gạch ngói. Một gia đình có nghìn dật vàng có thể coi ngang hàng với quan trưởng lại một thị trấn, người có trăm triệu bạc hưởng phú quý như một ông vua. Như thế há người giàu chẳng xứng được coi là "đại quan không chức tước" ư?

Đến đời Hán Vũ Đế, vì cần chiến phí để xâm lăng bành trướng đế quốc Hán ra các nước Triều Tiên, các nước Việt, Hung Nô, và các nước tây nam nên việc đánh tư sản mại bản, giành sự buôn bán của dân vào tay nhà nước càng trở thành quyết liệt: lập bộ đại nông để quản lý tài chính, tổ chức nền kinh tế quốc doanh. Trước hết giành kỹ nghệ khai thác, buôn bán muối và sắt, vốn thuộc về tư nhân dưới chính thể nhà Tần. Cắt đặt chức "quan phủ" đi khắp trong xứ để bán muối và sắt.

Những người đi buôn nhỏ cũng bị đánh thuế nặng gấp đôi trên vốn ngành nghề thủ công. Đánh các thuế xe, thuyền buôn theo kích thước. Cấm thương nhân không được đứng tên mua ruộng đất. Vì tiền bạc mất giá luôn luôn, nên thương nhân chỉ tích trữ hóa vật. Nhà vua ra lệnh tố cáo những thương nhân nào cất giấu của cải, ra lệnh kê khai tài sản những người buôn trung bình trở lên, che giấu thì bị tội. Vào tù ít được ra. Tài sản tịch thu của thương nhân thì đem về chứa kho tàng Thượng Lâm của vua. Số tiền tịch thu được thì chia bớt cho các quan. Tài sản tịch thu của thương nhân lên đến hàng ức bạc, bắt nô và tỳ của họ hàng vạn, cho đem về lao dịch trong dinh

thụ các quan. Đặt chức "nông quan" đến các ruộng tịch thu được cày cấy.

Dân chúng tuyệt vọng lo ăn ngon mặc đẹp qua ngày, không còn thiết nghĩ đến việc dành dụm, gây dựng gia sản nữa. Cũng trong thời buổi ấy, Tiền Hán Thư của Ban Cố chép ngành nấu rượu và uống rượu bắt đầu lan tràn khắp Trung Quốc. Nhà nước cũng dành độc quyền việc cất rượu và giao các quan mở hàng rượu quốc doanh.

Hậu quả kinh tế tạo ra khắp chư hầu và các quận, cho thấy việc lọc muối, nấu sắt của quốc doanh quản lý quá tệ: đồ sắt xấu, giá quá đắt, dân phải mua vì bị ép buộc. Còn thuyền buôn thì thuế cao, ít người đi buôn, vật giá đắt đỏ. Nhà nước lập chức quan "quân thân" để các quan đi buôn. Các quan địa phương tự ý lũng đoạn thị trường nên vật giá càng tăng vọt, mà thuế má thu của thiên hạ không đủ bù vào phí tổn chuyên chở. Ở kinh đô, lập chức quan "bình chuẩn" để thu mua vào hàng hóa rẻ ở nơi này, chở đi nơi khác bán lấy lời. Trên danh nghĩa là để điều hòa giá cả, lưu thông hàng hóa (bình chuẩn) nhưng ý đồ chính là tước đoạt mỗi lợi của việc buôn bán tư nhân. Còn đại đa số dân chúng, tham dự vào chiến tranh, hoặc bị đẩy xuống gốc làm nghề nông (gọi là nghề hạng nhất), để nhà nước nắm cái ngọn thương mại: gốc của tiền bạc (gọi là nghề hạng nhì). Mô thức này đặt thành kiểu mẫu cho các triều đại quân chủ chuyên chế Trung Quốc đi theo sau đó, cũng như những nước phiên hầu chung quanh. Đồng một lúc với Nho giáo theo kiểu Hán, để yểm trợ mặt tinh thần, coi thương mại là nghề thấp kém, tán dương cái "nghĩa, " thanh bạch không vương hơi đồng.

Tư Mã Thiên cũng tiết lộ một chi tiết, vô cùng quan trọng đối với tổ tiên ta: "Vua nhận thấy dù lấy tất cả tô thuế ở đất Ba và Thục cũng không đủ tổn phí, nên mộ những người giàu đến lo việc cày ở đất cực nam di. Họ giao số thóc thu gặt được cho quân (Hán) đóng ở địa phương, rồi nhận tiền trả ở kinh đô Hán từ ban đại nông. " Thế mà bọn sử quan Hán đời sau ngụy tạo lịch sử cho rằng hai tên thái thú Nhâm Diên và Tích Quang phái sang để "dạy" dân ta cày cấy hòng che giấu việc bắt nông nô Việt cày nuôi bọn lính thú Hán. Đến nỗi ngay trong chính sử ta về sau cũng ca tụng: "Dân ta biết cày cấy, lễ nghĩa là kẻ từ đời hai quan thái thú đó vậy". Sử liệu ấy của Tư Mã Thiên được củng cố với bằng chứng khảo cổ học các mộ Hán tập trung ở đồng bằng sông Hồng (Giao Chỉ) sông Mã (Cửu Chân), tổng táng tượng đất nung gà, lợn, kho lẫm của bọn phú nông Hán giàu có, niên đại khảo cổ từ thời Tây Hán (trước công nguyên) sang thời Đông Hán (sau Công Nguyên.)

(6) Tác giả bàn đến các thành phần thuộc đơn vị sản xuất và phân phối trong nền kinh tế đương thời ở Trung Quốc, cũng là định nghĩa căn bản về yếu tính của nền kinh tế hàng hóa, nay ta gọi là "kinh tế thị trường, " được điều động bởi tìm kiếm cái lợi lãi, nhu cầu phổ quát mọi thời đại của xã hội

nhân loại:

"Con người sở dĩ chịu khó làm lụng chỉ vì cái tư lợi của y". Adam Smith đã viết như thế y như lời Tư Mã Thiên, trong tác phẩm trứ danh của ông The Wealth of Nations (Sự giàu có của các quốc gia), quanh chêm ngôn này ông đã xây cơ sở kinh tế học làm nền tảng cho chủ nghĩa kinh tế tư bản hiện đại. Một vấn đề: năm 1776, khi sách này ra mắt, ông chưa hề biết Tư Mã Thiên là ai!

Tư tưởng về kinh tế của Adam Smith (1723-90) rất gần gũi với Quản Trọng, Văn Chung, Tư Mã Thiên cô đọng trong thiên "Hóa Thực" này. Ông vốn là một giáo sư triết, ông có nhiều sáng tác về đạo đức học thiên về trường phái David Hume, nhưng tác phẩm ông về kinh tế mới xuất sắc, cuốn The Wealth of Nations, là nỗ lực đầu tiên khảo cứu về các động lực khác nhau tác dụng ra sao trong guồng máy kinh tế của một quốc gia. Một trong những điều Smith lưu ý là sự phân công lao động, và là người đầu tiên nghĩ ra cách chia việc ra từng khâu chuyên môn, để gia tăng sản lượng lao động, trước thời phương pháp dây chuyền của Taylor.

Table of Contents

LỜI GIỚI THIỆU

I. CON NGƯỜI

II. TÁC PHẨM

III. TƯ TƯỞNG

IV. NGHỆ THUẬT

[01] THÁI SỬ CÔNG tư đề tựa

[02] Thư trả lời NHÂM AN

[03] TÀN THỦY HOÀNG bản kỷ

[04] HANG VŨ bản kỷ

[05] CAO TỔ bản kỷ

[06] LỮ HẬU bản kỷ

[07] BÌNH CHUẨN THU'

[08] KHÔNG TỬ thế gia

[09] VIỆT VƯƠNG CẦU TIỄN thế gia

[10] TRẦN THIỆP thế gia

[11] LƯU HẬU thế gia

[12] TRẦN THỪA TƯỚNG thế gia

[13] TÔN TỬ, NGÔ KHÔI liệt truyện

[14] Truyện LÃO TỬ

[15] Truyện TRANG TỬ

[16] THÂN BÁT HAI, HÀN PHI liệt truyện

[17] TỬ MÃ NHƯỠNG THU' liệt truyện

[18] NGŨ TỬ TỬ liệt truyện

[19] THƯƠNG QUÂN liệt truyện

[20] Truyện TÔ TÀN

[21] Truyện TRƯỞNG NGHI

[22] MANH TỬ, TUÂN KHANH liệt truyện

[23] BÌNH NGUYỄN QUÂN, NGU KHANH liệt truyện

[24] NGUY CÔNG TỬ liệt truyện

[25] PHẠM THU', THÁI TRẠCH liệt truyện

[26] NHẠC NGHI liệt truyện

[27] LIÊM PHA, LAN TƯỚNG NHƯ' liệt truyện

[28] ĐIỀN ĐAN liệt truyện

[29] KHUẤT NGUYỄN liệt truyện

[30] Truyện LÃ BÁT VI

[31] THÍCH KHÁCH liệt truyện

[32] LÝ TỬ liệt truyện

[33] TRƯỞNG NHỈ, TRẦN DƯ' liệt truyện

[34] KINH BỐ liệt truyện

[35] HOÀI ÂM HẬU liệt truyện

[36] LỊCH SINH, LUC GIẢ liệt truyện

[37] QUÝ BỐ, LOAN BỐ liệt truyện

[38] TRƯỞNG THÍCH CHI, PHÙNG ĐƯỜNG liệt truyện

[39] NGUY KỶ, VŨ AN HẬU liệt truyện

[40] LÝ TƯỚNG QUÂN liệt truyện

[41] NAM VIỆT ÚY ĐÀ liệt truyện

[\[42\] CẤP ẨM liệt truyền](#)
[\[43\] DU HIỆP liệt truyền](#)
[\[44\] HOẠT KÊ liệt truyền](#)
[HÓA THỰC liệt truyền](#)